BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148194/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 290438

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00299 ngày 22/12/2022 của Fresenius Medical Care Deutschland GmbH, địa chỉ: Else-Kröner-Strasse 1, 61352 Bad Homburg; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 290438, cấp ngày 03/11/2017 cho KUSUM HEALTHCARE PRIVATE LIMITED (IN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 22/12/2022, Fresenius Medical Care Deutschland GmbH (qua Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP) nộp đơn ĐN1-2022-00299 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 299438 với lý do nhãn hiệu "MULTIMIC" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 20/12/2022 (Căn cứ theo công văn số 73/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 05/12/2022 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 24/02/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 2017w/SHTT-TTKN thông báo cho KUSUM HEALTHCARE PRIVATE LIMITED (qua Công ty Luật TNHH ALIAT) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Fresenius Medical Care Deutschland GmbH. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của KUSUM HEALTHCARE PRIVATE LIMITED.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "MULTIMIC" theo GCNĐKNH số 290438 tại Việt Nam trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 20/12/2022 và chủ GCNĐKNH số 290438 không có ý kiến trả lời công văn số 2017w/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 290438.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 290438 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 290438, cấp ngày 03/11/2017 theo yêu cầu của Fresenius Medical Care Deutschland GmbH.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 290438, cấp ngày 03/11/2017 cho KUSUM HEALTHCARE PRIVATE LIMITED (IN) theo yêu cầu của Fresenius Medical Care Deutschland GmbH.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. KUSUM HEALTHCARE PRIVATE LIMITED (IN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và KUSUM HEALTHCARE PRIVATE LIMITED (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Fresenius Medical Care Deutschland GmbH; địa chỉ: Else-Krõner-Strasse 1, 61352 Bad Homburg (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148195/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 285779

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2023-00141 ngày 10/7/2023 của Ông/Bà Phùng Thị Hương, địa chỉ: Số nhà 21 ngõ 604/35/4, đường Ngọc Thụy, tổ 22, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 285779, cấp ngày 04/08/2017 cho Công ty cổ phần thực phẩm CUORE ITALIA (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 10/7/2023, Ông/Bà Phùng Thị Hương (qua Công ty TNHH Đại Tín và

Liên danh) nộp đơn ĐN1-2023-00141 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 285779 với lý do nhãn hiệu "VILLANI" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 04/8/2017 đến ngày 04/7/2023 (Căn cứ theo công văn số 313/TT-TTKTQT ngày 10/7/2023 của Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 24/10/2023 và ngày 07/8/2024, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 80337/SHTT-TTKN.ip và số 77490/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty cổ phần thực phẩm COURE ITALIA về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Ông/Bà Phùng Thị Hương. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần thực phẩm COURE ITALIA.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "VILLANI" theo GCNĐKNH số 285779 tại Việt Nam từ ngày 04/8/2017 đến ngày 04/7/2023 và chủ GCNĐKNH số 285779 không có ý kiến trả lời công văn số 80337/SHTT-TTKN.ip và số 77490/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 285779.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 285779 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 285779, cấp ngày 04/08/2017 theo yêu cầu của Ông/Bà Phùng Thị Hương.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 285779, cấp ngày 04/08/2017 cho Công ty cổ phần thực phẩm CUORE ITALIA (VN) theo yêu cầu của Ông/Bà Phùng Thị Hương.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần thực phẩm CUORE ITALIA (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần thực phẩm CUORE ITALIA (15A, Đại Lộ Hữu Nghị, KCN VSIP, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Ông/Bà Phùng Thị Hương; địa chỉ: Số nhà 21 ngõ 604/35/4, đường Ngọc Thụy, tổ 22, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148197/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 254283

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2023-00015 ngày 13/01/2023 của MAROU INTERNATIONAL HOLDING LIMITED, địa chỉ: Room 1804 Beverly House, 93-107 Lockhart Road, Wanchai, HongKong, China; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 254283, cấp ngày 12/11/2015 cho Công ty TNHH Tùng Lâm (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 23/01/2023, MAROU INTERNATIONAL HOLDING LIMITED (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) nộp đơn ĐN1-2023-00015 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 254283 với lý do nhãn hiệu "M modern tea, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 12/01/2023 (Căn cứ theo công văn số 03/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 12/01/2023 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 13/4/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 8958w/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty TNHH Tùng Lâm về đề nghị chấm dứt hiệu lực của MAROU INTERNATIONAL HOLDING LIMITED. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH Tùng Lâm.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "M modern tea, hình" theo GCNĐKNH số 254283 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2018 đến ngày 12/01/2023 và chủ GCNĐKNH số 254283 không có ý kiến trả lời công văn số 8958w/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 254283.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 254283 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để hủy bỏ (chấm dứt) hiệu lực GCNĐKNH số 254283, cấp ngày 12/11/2015 theo yêu cầu của MAROU INTERNATIONAL HOLDING LIMITED.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 254283, cấp ngày 12/11/2015 cho Công ty TNHH Tùng Lâm (VN) theo yêu cầu của MAROU INTERNATIONAL HOLDING LIMITED.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH Tùng Lâm (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Tùng Lâm (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- MAROU INTERNATIONAL HOLDING LIMITED ; địa chỉ: Room 1804 Beverly House, 93-107 Lockhart Road, Wanchai, HongKong, China (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148199/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 270159

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00294 ngày 15/12/2022 của TNSG HEALTH CO., LTD, địa chỉ: FLAT 107 25 INDESCON SQUARE LONDON UNITED KINGDOM; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 270159, cấp ngày 14/10/2016 cho Công ty cổ phần dược phẩm ECO (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 15/12/2022, TNSG HEALTH CO., LTD (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) nộp đơn ĐN1-2022-00294 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 270159 với lý do nhãn hiệu "INE" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/11/2016 đến ngày 30/11/2022 (Căn cứ theo công văn số 71/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 30/11/2022 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 24/02/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 2018w/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần dược phẩm ECO về đề nghị chấm dứt hiệu lực của TNSG HEALTH CO., LTD. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần dược phẩm ECO.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "INE" theo GCNĐKNH số 270159 tại Việt Nam từ ngày 01/11/2016 đến ngày 30/11/2022 và chủ GCNĐKNH số 270159 không có ý kiến trả lời công văn số 2018w/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 270159.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 270159 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 270159, cấp ngày 14/10/2016 theo yêu cầu của TNSG HEALTH CO., LTD.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 270159, cấp ngày 14/10/2016 cho Công ty cổ phần dược phẩm ECO (VN) theo yêu cầu của TNSG HEALTH CO., LTD.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần dược phẩm ECO (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần dược phẩm ECO (Căn hộ F2, chung cư số 130, phố Đốc Ngữ, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- TNSG HEALTH CO., LTD; địa chỉ: FLAT 107 25 INDESCON SQUARE LONDON UNITED KINGDOM (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148200/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 261282

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00272 ngày 17/11/2022 của Zagtoon, Société à responsabilité limitée, địa chỉ: 24-28, rue Sedaine, 75011 Paris, France; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 261282, cấp ngày 21/04/2016 cho Công ty TNHH xây dựng sản xuất thương mại dịch vụ MINH HOUSE (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 17/11/2022, ZAGTOON, Société à responsabilité limitée (qua Công ty TNHH Trường Xuân) nộp đơn ĐN1-2022-00272 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 261282 với lý do nhãn hiệu "Miraculous, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 18/6/2016 đến ngày 11/11/2022 (Căn cứ theo công văn số 474/TT-TTKTQT ngày 11/11/2022 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 24/02/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 2020w/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty TNHH xây dựng sản xuất thương mại dịch vụ MINH HOUSE về đề nghị chấm dứt hiệu lực của ZAGTOON, Société à responsabilité limitée. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH xây dựng sản xuất thương mại dịch vụ MINH HOUSE.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "Miraculous, hình" theo GCNĐKNH số 261282 tại Việt Nam từ ngày 18/6/2016 đến ngày 11/11/2022 và chủ GCNĐKNH số 261282 không có ý kiến trả lời công văn số 2020w/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 261282.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 261282 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 261282, cấp ngày 21/04/2016 theo yêu cầu của ZAGTOON, Société à responsabilité limitée.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 261282, cấp ngày 21/04/2016 cho Công ty TNHH xây dựng sản xuất thương mại dịch vụ MINH HOUSE (VN) theo yêu cầu của Zagtoon, Société à responsabilité limitée.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH xây dựng sản xuất thương mại dịch vụ MINH HOUSE (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH xây dựng sản xuất thương mại dịch vụ MINH HOUSE (440/13/358 Thống Nhất, tổ 35, Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Zagtoon, Société à responsabilité limitée; địa chỉ: 24-28, rue Sedaine, 75011 Paris, France (qua Công ty TNHH Trường Xuân) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148201/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 103481

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

CVH140

Xét đơn số ĐN1-2022-00098 ngày 16/5/2022 của Orange Co., Ltd, địa chỉ: (Yeouido-dong, Jeongwoo Bldg) 805/806-ho, 29, Eunhaeng-ro, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 103481, cấp ngày 20/06/2008 cho MANDARIN ORIENTAL SERVICES B.V. (NL);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 16/5/2022, Orange Co., Ltd (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên

danh) nộp đơn ĐN1-2022-00098 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 103481 với lý do nhãn hiệu "EXCELSIOR" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 21/6/2008 đến ngày 09/5/2022 (Căn cứ theo công văn số 210/TT-TTKTQT ngày 13/5/2022 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 12/8/2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 7285/SHTT-TTKN thông báo cho Mandarin Oriental Services B.V (qua Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Orange Co., Ltd. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Mandarin Oriental Services B.V.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "EXCELSION" theo GCNĐKNH số 103481 tại Việt Nam từ ngày 21/6/2008 đến ngày 09/5/2022 và chủ GCNĐKNH số 103481 không có ý kiến trả lời công văn số 7285/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 103481.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 103481 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 103481, cấp ngày 20/06/2008 theo yêu cầu của Orange Co., Ltd.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 103481, cấp ngày 20/06/2008 cho MANDARIN ORIENTAL SERVICES B.V. (NL) theo yêu cầu của Orange Co., Ltd.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. MANDARIN ORIENTAL SERVICES B.V. (NL) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MANDARIN ORIENTAL SERVICES B.V. (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Orange Co., Ltd; địa chỉ: (Yeouido-dong, Jeongwoo Bldg) 805/806-ho, 29, Eunhaeng-ro, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148202/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 123536

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00074 ngày 06/4/2022 của World Triathlon Corporation, địa chỉ: 3407 W. Dr. Martin Luther King Jr. Blvd., Suite 100, Tampa, Florida 33607, United States of America; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 123536, cấp ngày 22/04/2009 cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang Việt (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 06/4/2022, World Triathlon Corporation (qua Văn phòng luật sự Ân Nam) nộp đơn ĐN1-2022-00074 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 123536 với lý do nhãn hiệu "IRON MAN" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/01/2022 (Căn cứ theo công văn số 110/TT-TTKTQT ngày 22/3/2022 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 12/8/2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 7821/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang Việt về đề nghị chấm dứt hiệu lực của World Triathlon Corporation. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang Việt.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 123536 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/01/2022 và chủ GCNĐKNH số 123536 không có ý kiến trả lời công văn số 7281/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 123536.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 123536 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 123536, cấp ngày 22/04/2009 theo yêu cầu của World Triathlon Corporation.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 123536, cấp ngày 22/04/2009 cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang Việt (VN) theo yêu cầu của World Triathlon Corporation.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang Việt (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang Việt (189A Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- World Triathlon Corporation; địa chỉ: 3407 W. Dr. Martin Luther King Jr. Blvd., Suite 100, Tampa, Florida 33607, United States of America (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148204/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 140618

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00033 ngày 21/02/2022 của HONDA MOTOR CO., LTD., địa chỉ: 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, Japan; yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 140618, cấp ngày 14/01/2010 cho WING Holdings Pte Limited (SG);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 21/2/2022, HONDA MOTOR CO., LTD (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) nộp đơn ĐN1-2022-00033 đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 140618 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 với lý do nhãn hiệu "WING" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/12/2014 đến ngày 22/11/2021 (Căn cứ theo công văn số 583/TT-TTKTQT ngày 22/11/2021 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 17/5/2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 3723/SHTT-TTKN thông báo cho Wing Holdings Pte Limited (qua Công ty cổ phần Tư vấn Trung Thực) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của HONDA MOTOR CO., LTD. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Wing Holdings Pte Limited.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "WING" theo GCNĐKNH số 140618 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 tại Việt Nam từ ngày 01/12/2014 đến ngày 22/11/2021 và chủ GCNĐKNH số 140618 không có ý kiến trả lời công văn số 3723/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 140618.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 140618 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 140618, cấp ngày 14/01/2010 theo yêu cầu của HONDA MOTOR CO., LTD.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 140618, cấp ngày 14/01/2010 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 của WING Holdings Pte Limited (SG) theo yêu cầu của HONDA MOTOR CO., LTD.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. WING Holdings Pte Limited (SG) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và WING Holdings Pte Limited (qua Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- HONDA MOTOR CO., LTD.; địa chỉ: 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, Japan (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148205/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 144586

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2019-00123 ngày 09/5/2019 của Ông/Bà Phùng Thị Hương, địa chỉ: Số nhà 21 ngõ 604/35/4, đường Ngọc Thụy, tổ 22, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 144586, cấp ngày 08/04/2010 cho SANYANG MOTOR COMPANY LIMITED (TW);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 09/5/2019, Ông/Bà Phùng Thị Hương (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh) nộp đơn ĐN1-2019-00123 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 144586 với lý do nhãn hiệu "ATTILA ISABELLA" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 26/5/2010 đến ngày 02/5/2019 (Căn cứ theo công văn số 214/TT-TTKTQT ngày 08/5/2019 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 04/7/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 12448/SHTT-TTKN thông báo cho Sayang Motor Company Limited (qua Công ty TNHH Vipatco) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Ông/Bà Phùng Thị Hương. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Sayang Motor Company Limited.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "ATTILA ISABELLA" theo GCNĐKNH số 144586 tại Việt Nam từ ngày 26/5/2010 đến ngày 02/5/2019 và chủ GCNĐKNH số 144586 không có ý kiến trả lời công văn số 12448/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 144586.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 144586 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để hủy bỏ (chấm dứt) hiệu lực GCNĐKNH số 144586, cấp ngày 08/04/2010 theo yêu cầu của Ông/Bà Phùng Thị Hương.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 144586, cấp ngày 08/04/2010 cho SANYANG MOTOR COMPANY LIMITED (TW) theo yêu cầu của Ông/Bà Phùng Thị Hương.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. SANYANG MOTOR COMPANY LIMITED (TW) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SANYANG MOTOR COMPANY LIMITED (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ VIPATCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Ông/Bà Phùng Thị Hương; địa chỉ: Số nhà 21 ngõ 604/35/4, đường Ngọc Thụy, tổ 22, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148207/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 239053

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00305 ngày 29/12/2022 của Công ty cổ phần MKT GROUP, địa chỉ: Lầu 9, 14 Phan Tôn, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 239053, cấp ngày 20/01/2015 cho Công ty TNHH kỹ thuật ME KONG (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 29/12/2022, Công ty cổ phần MKT GROUP (qua Công ty TNHH Quản trị tài sản trí tuệ Vihabrand) nộp đơn ĐN1-2022-00305 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 239053 với lý do Công ty TNHH kỹ thuật ME KONG, địa chỉ: Lầu 1, 170-170Bis Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh – là chủ sở hữu GCNĐKNH số 239053 đã giải thể/chấm dứt tồn tại theo Thông báo doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại ngày 08/01/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu GCNĐKNH số 239053 - Công ty TNHH kỹ thuật ME KONG, địa chỉ: 321S Đào Duy Anh, phường 09, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã sửa đổi địa chỉ thành: Lầu 1, 170-170Bis Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 ngày 10/7/2017).

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Chủ văn bằng không còn tồn tại hoặc chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu không còn hoạt động kinh doanh mà không có người kế thừa hợp pháp".

2. Nhận định, đánh giá:

Ngày 08/01/2018, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo về việc Công ty TNHH kỹ thuật ME KONG, địa chỉ Lầu 1, 170-170Bis Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải thể/chấm dứt tồn tại.

Công ty TNHH kỹ thuật ME KONG, địa chỉ: 321S Đào Duy Anh, phường 09, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh – là chủ sở hữu GCNĐKNH số 239053 đã sửa đổi địa chỉ thành: Lầu 1, 170-170Bis Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 ngày 10/7/2017).

Ngày 13/4/2023, Cục Sở hữu trí tuệ có công văn số 8955w/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty TNHH kỹ thuật ME KONG về đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty cổ phần MKT GROUP. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 239053 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 239053, cấp ngày 20/01/2015 theo yêu cầu của Công ty cổ phần MKT GROUP.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 239053, cấp ngày 20/01/2015 cho Công ty TNHH kỹ thuật ME KONG (VN) theo yêu cầu của Công ty cổ phần MKT GROUP.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH kỹ thuật ME KONG (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH kỹ thuật ME KONG (321S Đào Duy Anh, phường 09, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh – địa chỉ mới: Lầu 1, 170-170Bis Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty cổ phần MKT GROUP; địa chỉ: Lầu 9, 14 Phan Tôn, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (qua Công ty TNHH Quản trị tài sản trí tuệ VIHABRAND) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148208/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 195309

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đầy gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00062 ngày 18/3/2022 của Công ty TNHH Favi, địa chỉ: Số 23 ngõ 2 Lê Văn Hưu, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 195309, cấp ngày 08/11/2012 cho Công ty cổ phần Vinh Gia Lương (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 18/3/2022, Công ty TNHH FAVI nộp đơn ĐN1-2022-00062 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 195309 với lý do nhãn hiệu "natura, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/6/2016 đến ngày 14/01/2022 (Căn cứ theo công văn số 04-01/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 14/01/2022 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 12/8/2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 7282/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần Vinh Gia Lương (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH FAVI.

Ngày 12/10/2022, Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh đại diện cho Công ty cổ phần Vinh Gia Lương có công văn gia hạn trả lời thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ đến ngày 12/12/2022.

Ngày 12/12/2022, Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh có công văn trả lời thông báo số 7282/SHTT-TTKN với nội dung: Hiện chúng tôi đang đàm phán với bên đề nghị chấm dứt hiệu lực về khả năng cùng tồn tại của các nhãn hiệu liên quan và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ tạm dừng xem xét đơn ĐN1-2022-00062. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời cuối cùng của Công ty cổ phần Vinh Gia Lương.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "natura, hình" theo GCNĐKNH số 195309 tại Việt Nam trong thời gian từ ngày 01/6/2016 đến ngày 14/01/2022 và chủ GCNĐKNH số 195309 không cung cấp được kết quả cuối cùng về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 195309.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 195309 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 195309, cấp ngày 08/11/2012 theo yêu cầu của Công ty TNHH FAVI.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 195309, cấp ngày 08/11/2012 cho Công ty cổ phần Vinh Gia Lương (VN) theo yêu cầu của Công ty TNHH Favi.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần Vinh Gia Lương (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Vinh Gia Lương (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty TNHH Favi; địa chỉ: Số 23 ngõ 2 Lê Văn Hưu, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (qua Công ty TNHH FAVI) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148209/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 234959

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2021-00266 ngày 08/11/2021 của Luyan International (Hong Kong) Limited, địa chỉ: 20F, Central Tower, 28 Queens Road, Central Hong Kong, China yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 234959, cấp ngày 07/11/2014 cho Ông/Bà Bùi Kim Xuân (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 08/11/2021, LUYUAN INTERNATIONAL (HONGKONG)

LIMITED (qua Công ty TNHH IPVC) nộp đơn ĐN1-2021-00266 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 234959 với lý do nhãn hiệu "Luyuan" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 07/11/2014 đến ngày 04/10/2021 (Căn cứ theo Công văn số 69/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 04/10/2021 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 01/3/2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 1348/SHTT-TTKN thông báo cho Ông/Bà Bùi Kim Xuân về đề nghị chấm dứt hiệu lực của LUYUAN INTERNATIONAL (HONGKONG) LIMITED. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Ông/Bà Bùi Kim Xuân.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "Luyuan" theo GCNĐKNH số 234959 tại Việt Nam từ ngày 07/11/2014 đến ngày 04/10/2021 và chủ GCNĐKNH số 234959 không có ý kiến trả lời Công văn số 1348/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 234959.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 234959 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 234959, cấp ngày 07/11/2014 theo yêu cầu của LUYUAN INTERNATIONAL (HONGKONG) LIMITED.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 234959, cấp ngày 07/11/2014 cho Ông/Bà Bùi Kim Xuân (VN) theo yêu cầu của Luyan International (Hong Kong) Limited.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Ông/Bà Bùi Kim Xuân (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Bùi Kim Xuân (Số 7 tổ 24D phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Luyan International (Hong Kong) Limited; địa chỉ: 20F, Central Tower, 28 Queens Road, Central Hong Kong, China (qua Công ty TNHH IPVC) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148210/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 126086

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00186 ngày 20/6/2024 của MELROSE CO., LTD., địa chỉ: 18-1, Aobadai 2-chome, Meguro-ku, Tokyo, Japan; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 126086, cấp ngày 29/05/2009 cho Công ty TNHH một thành viên Trí Hội (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 20/6/2024, MELSORE CO., LTD nộp đơn ĐN1-2024-00186 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 126086 với lý do nhãn hiệu "TIARA" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 05/6/2024 (Căn cứ theo Công văn số 42/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 05/6/2024 của Viện Kinh tế tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 03/3/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 18527/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty TNHH một thành viên Trí Hội (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ Việt Mỹ) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của MELSORE CO., LTD. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH một thành viên Trí Hội.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "TIARA" theo GCNĐKNH số 126086 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2019 đến ngày 05/6/2024 và chủ GCNĐKNH số 126086 không có ý kiến trả lời Công văn số 18527/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 126086.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 126086 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 126086, cấp ngày 29/05/2009 theo yêu cầu của MELSORE CO., LTD.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 126086, cấp ngày 29/05/2009 cho Công ty TNHH một thành viên Trí Hội (VN) theo yêu cầu của MELROSE CO., LTD..

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH một thành viên Trí Hội (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH một thành viên Trí Hội (qua Công ty Cổ phần Sở hữu trí tuệ Việt Mỹ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- MELROSE CO., LTD.; địa chỉ: 18-1, Aobadai 2-chome, Meguro-ku, Tokyo, Japan (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148214/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 206076

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2021-00246 ngày 13/10/2021 của Công ty TNHH VPP giấy Hưng Thành, địa chỉ: 107A Hồ Thị Kỷ, Phường 01, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 206076, cấp ngày 21/05/2013 cho Công ty TNHH Hưng Thành (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 13/10/2021, Công ty TNHH VPP giấy Hưng Thành nộp đơn ĐN1-2021-00246 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 206076 với lý do chủ sở hữu giấy chứng nhận đã giải thể, không còn tồn tại vào ngày 20/10/2018 (Căn cứ theo Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/10/2018).

Ngày 19/01/2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 401/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty TNHH Hưng Thành (qua Công ty TNHH SHTT Ngôi sao chuyên nghiệp và liên danh) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH VPP giấy Hưng Thành. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH Hưng Thành.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Chủ văn bằng không còn tồn tại hoặc chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu không còn hoạt động kinh doanh mà không có người thừa kế hợp pháp".

2. Nhận định, đánh giá:

Ngày 20/10/2018, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo về việc Công ty TNHH Hưng Thành, 74B Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (mã số: 0303458180) đã giải thể, ngừng hoạt động và chủ GCNĐKNH số 206076 không có ý kiến trả lời Công văn số 401/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 206076.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 206076 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 206076, cấp ngày 21/05/2013 theo yêu cầu của Công ty TNHH VPP giấy Hưng Thành.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 206076, cấp ngày 21/05/2013 cho Công ty TNHH Hưng Thành (VN) theo yêu cầu của Công ty TNHH VPP giấy Hưng Thành.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH Hưng Thành (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Hưng Thành (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Ngôi Sao chuyên nghiệp và liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty TNHH VPP giấy Hưng Thành; địa chỉ: 107A Hồ Thị Kỷ, Phường 01, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148215/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 195022

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2021-00196 ngày 23/7/2021 của Công ty Luật TNHH MY WAY, địa chỉ: Tổ 4, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 195022, cấp ngày 02/11/2012 cho Công ty cổ phần My Way Việt Nam (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 23/7/2021, Công ty Luật THNH My Way nộp đơn ĐN1-2021-00196

đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 195022, cụ thể là chấm dứt hiệu lực nhóm 45 với lý do nhãn hiệu "my way" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 02/11/2012 đến ngày 16/7/2021 (Căn cứ theo Công văn số 359/TT-TTKTQT ngày 16/7/2021 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 19/11/2021, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 10888/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần My Way Việt Nam về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực của Công ty Luật TNHH My Way. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần My Way Việt Nam.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "my way" theo GCNĐKNH số 195022 cho các dịch vụ nhóm 45 tại Việt Nam từ ngày 02/11/2012 đến ngày 16/7/2021 và chủ GCNĐKNH số 195022 không có ý kiến trả lời Công văn số 10888/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 195022.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 195022 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 195022, cấp ngày 02/11/2012 theo yêu cầu của Công ty Luật THNH My Way.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 195022, cấp ngày 02/11/2012 cho Công ty cổ phần My Way Việt Nam (VN) đối với các dịch vụ thuộc nhóm 45 theo yêu cầu của Công ty Luật TNHH MY WAY.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần My Way Việt Nam (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần My Way Việt Nam (Số 2, ngõ 86, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty Luật TNHH MY WAY; địa chỉ: Tổ 4, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148216/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 245637

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2021-00195 ngày 23/7/2021 của Xi'an NovaStar Tech Co., Ltd, địa chỉ: 101 Block D-F Square, Xi'an Software Park, No.72, 2nd Keji Road, Xi'an, Shaanxi yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 245637, cấp ngày 25/05/2015 cho Công ty cổ phần giáo dục Novastars (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 23/7/2021, Xi'an NovaStar Tech Co.,Ltd (qua Công ty TNHH Sở hữu

trí tuệ M.I.T) nộp đơn ĐN1-2021-00195 đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 153358, cụ thể là chấm dứt hiệu lực hàng hóa nhóm 09 với lý do nhãn hiệu "Novastars, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 20/6/2016 đến ngày 29/6/2021 (Căn cứ theo Công văn số 301/TT-TTKTQT ngày 29/6/2021 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 13/12/2021, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 11641/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần giáo dục Novastars (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực của Xi'an NovaStar Tech Co., Ltd. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần giáo dục Novastars.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "Novastars, hình" theo GCNĐKNH số 245637 cho hàng hóa nhóm 09 tại Việt Nam từ ngày 20/6/2016 đến ngày 29/6/2021 và chủ GCNĐKNH số 245637 không có ý kiến trả lời Công văn số 11641/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 245637.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 245637 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 245637, cấp ngày 25/05/2015 theo yêu cầu của Xi'an NovaStar Tech Co., Ltd.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 245637, cấp ngày 25/05/2015 cho Công ty cổ phần giáo dục Novastars (VN) đối với các hàng hóa thuộc nhóm 09 theo yêu cầu của Xi'an NovaStar Tech Co., Ltd.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần giáo dục Novastars (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần giáo dục Novastars (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Xi'an NovaStar Tech Co., Ltd; địa chỉ: 101 Block D-F Square, Xi'an Software Park, No.72, 2nd Keji Road, Xi'an, Shaanxi (qua Công ty TNHH sở hữu trí tuệ M.I.T) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148217/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 153358

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2021-00169 ngày 25/6/2021 của Công ty TNHH MAXIM Á Châu, địa chỉ: Trong khuôn viên HTX Thành Công 1, cụm công nghiệp vật liệu xây dựng Hố Nai 3, xã Hố Nai, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 153358, cấp ngày 22/10/2010 cho Công ty cổ phần nội thất Việt (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 25/6/2021, Công ty TNHH Maxim Á Châu (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Trần & Trần) nộp đơn ĐN1-2021-00169 đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 153358, cụ thể là dịch vụ "*mua bán, quảng cáo, xuất nhập khẩu: vật liệu xây dựng, hóa chất*" trong nhóm 35 với lý do nhãn hiệu "UNIHOME" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 16/6/2016 đến ngày 16/6/2021 (Căn cứ theo Công văn số 288/TT-TTKTQT ngày 21/6/2021 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 10/9/2021, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 8193/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần nội thất Việt (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO) về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực của Công ty TNHH Maxim Á Châu. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần nội thất Việt.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "UNIHOME" theo GCNĐKNH số 153358 cho các dịch vụ "mua bán, quảng cáo, xuất nhập khẩu: vật liệu xây dựng, hóa chất" trong nhóm 35 tại Việt Nam từ ngày 16/6/2016 đến ngày 16/6/2021 và chủ GCNĐKNH số 153358 không có ý kiến trả lời Công văn số 8193/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 153358.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 153358 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 153358, cấp ngày 22/10/2010 theo yêu cầu của Công ty TNHH Maxim Á Châu.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 153358, cấp ngày 22/10/2010 cho Công ty cổ phần nội thất Việt (VN) đối với các dịch vụ "mua bán, quảng cáo, xuất nhập khẩu: vật liệu xây dựng, hóa chất" trong nhóm 35 theo yêu cầu của Công ty TNHH MAXIM Á Châu.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần nội thất Việt (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần nội thất Việt (qua Công ty Luật TNHH WINCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty TNHH MAXIM Á Châu; địa chỉ: Trong khuôn viên HTX Thành Công 1, cụm công nghiệp vật liệu xây dựng Hố Nai 3, xã Hố Nai, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Trần & Trần) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148218/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 150958

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2018-00106 ngày 01/6/2018 của LG Chem, Ltd., địa chỉ: 128, Yeoui-daero, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 150958, cấp ngày 10/08/2010 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Đồng Tâm (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 01/6/2018, LG Chem, Ltd. (qua Công ty Luật TNHH T&G) nộp đơn

ĐN1-2018-00106 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 150958 với lý do nhãn hiệu "Eudenta" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 10/8/2012 đến ngày 12/4/2018 (Căn cứ theo Công văn số 159/TT-TTKTQT ngày 22/02/2021 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 29/6/2018 và ngày 11/8/2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 6625/SHTT-TTKN và số 10376/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty TNHH dược phẩm Đồng Tâm (qua Công ty TNHH VIPCO) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của LG Chem, Ltd. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH dược phẩm Đồng Tâm.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "Eudenta" theo GCNĐKNH số 150958 tại Việt Nam từ ngày 10/8/2012 đến ngày 12/4/2018 và chủ GCNĐKNH số 150958 không có ý kiến trả lời Công văn số 6625/SHTT-TTKN và số 10376/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 150958.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 150958 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 150958, cấp ngày 10/08/2010 theo yêu cầu của LG Chem, Ltd.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 150958, cấp ngày 10/08/2010 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Đồng Tâm (VN) theo yêu cầu của LG Chem, Ltd.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Đồng Tâm (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Đồng Tâm (qua Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- LG CHEM, LTD.; địa chỉ: 128, Yeoui-daero, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea (qua Công ty Luật TNHH T&G) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148219/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 74449

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2018-00096 ngày 04/5/2018 của RAINBOW S.R.L., địa chỉ: Via Brecce snc, I-60025 LORENTO (AN), Italy; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 74449, cấp ngày 17/08/2006 cho Cadbury Enterprises Ptd Ltd. (nay là: Mondelez International AMEA Pte. Ltd. (SG);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 04/5/2018, RAINBOW S.R.L. (qua Công ty Luật TNHH Đại Tín và Liên danh) nộp đơn ĐN1-2018-00096 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74449 với lý do nhãn hiệu "Regal CLUB, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 18/8/2006 đến ngày 04/5/2018 (Căn cứ theo Công văn số 41/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 04/5/2018 của Viện Kinh tế tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 23/5/2018 và ngày 11/8/2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 4746/SHTT-TTKN và số 10370/SHTT-TTKN thông báo cho Cadbury Enterprises Pte Ltd. (qua Công ty TNHH Havip) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của RAINBOW S.R.L. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Cadbury Enterprises Pte Ltd.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "Regal CLUB, hình" theo GCNĐKNH số 74449 tại Việt Nam từ ngày 18/8/2006 đến ngày 04/5/2018 và chủ GCNĐKNH số 74449 không có ý kiến trả lời Công văn số 4746/SHTT-TTKN và số 10370/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 74449.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74449 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74449, cấp ngày 17/08/2006 theo yêu cầu của RAINBOW S.R.L.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 74449, cấp ngày 17/08/2006 cho Mondelez International AMEA Pte. Ltd. (SG) theo yêu cầu của RAINBOW S.R.L.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Mondelez International AMEA Pte. Ltd. (SG) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Mondelez International AMEA Pte. Ltd. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- RAINBOW S.R.L.; địa chỉ: Via Brecce snc, I-60025 LORENTO (AN), Italy (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148220/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 148789

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2017-00187 ngày 09/8/2017 của BIGO TECHNOLOGY PTE. LTD., địa chỉ: 8 TEMASEK BOULEVARD, #14-03A, SUNTEC TOWER THREE, SINGAPORE (038988) yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 148789, cấp ngày 05/07/2010 cho Cơ sở Giang Tấn Trung (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 09/8/2017, BIGO TECHNOLOGY PTE. LTD. (qua Công ty TNHH Trường Xuân) nộp đơn ĐN1-2017-00187 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 148789 với lý do nhãn hiệu "bigo" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 14/6/2012 đến ngày 07/8/2017 (Căn cứ theo Công văn số 77/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 07/8/2017 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 18/10/2017, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 8858/SHTT-TTKN thông báo cho Cơ sở Giang Tấn Trung (qua Công ty TNHH dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của BIGO TECHNOLOGY PTE.LTD. Đến ngày 31/10/2017, Công ty TNHH dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc có văn bản phúc đáp Công văn số 8858/SHTT-TTKN về việc không liên lạc được với chủ sở hữu GCNĐKNH số 148789 và xin gửi lại bản gốc công văn số 8858/SHTT-TTKN.

Ngày 03/4/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 6455/SHTT-TTKN.ip thông báo trực tiếp cho Cơ sở Giang Tấn Trung về đề nghị chấm dứt hiệu lực của BIGO TECHNOLOGY PTE.LTD. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Cơ sở Giang Tấn Trung.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "bigo" theo GCNĐKNH số 148789 tại Việt Nam từ ngày 14/6/2012 đến ngày 07/8/2017 và chủ GCNĐKNH số 148789 không có ý kiến trả lời Công văn số 6455/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 148789.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 148789 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 148789, cấp ngày 05/07/2010 theo yêu cầu của BIGO TECHNOLOGY PTE. LTD.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 148789, cấp ngày 05/07/2010 cho Cơ sở Giang Tấn Trung (VN) theo yêu cầu của BIGO TECHNOLOGY PTE. LTD..

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Cơ sở Giang Tấn Trung (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cơ sở Giang Tấn Trung (197/96i Nguyễn Kim, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- BIGO TECHNOLOGY PTE. LTD.; địa chỉ: 8 TEMASEK BOULEVARD, #14-03A, SUNTEC TOWER THREE, SINGAPORE (038988) (qua Công ty TNHH Trường Xuân) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148221/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ABDIJ AFFLIGEM vereniging zonder winstoogmerk
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2015-01223 ngày 25/12/2015 của ABDIJ AFFLIGEM vereniging zonder winstoogmerk; địa chỉ: 6, Abdijstraat B-1790 AFFLIGEM, Belgium; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1174336 theo Thông báo số 2014/34 TDH09 ngày 31/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4178/BC-

TTKN ngày 01/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ABDIJ AFFLIGEM vereniging zonder winstoogmerk với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "AFFLIGEM" theo ĐKQT số 1174336 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do là dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa.

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển

ABDIJ AFFLIGEM vereniging zonder winstoogmerk được thành lập bởi 06 hiệp sĩ vào năm 1074 – cách đây hơn 900 năm. Việc ủ các sản phẩm bia mang nhãn hiệu "AFFLIGEM" luôn được thực hiện bởi chính chủ ĐKQT liên tục từ ngày thành lập đến nay.

HEINEKEN Group Companies (HEINEKEN) là một công ty bia rượu của Hà Lan, được thành lập vào năm 1864 tại Amsterdam. Từ một nhà máy bia duy nhất ở Amsterdam 150 năm về trước đến nay đã phát triển trở thành một trong những nhà máy bia lớn nhất thế giới. Kể từ năm 2015, Heineken sở hữu hơn 160 cơ sở sản xuất rượu bia tại 70 quốc gia và 73.000 lao động.

HEINEKEN là công ty được cấp giấy phép sử dụng nhãn hiệu AFLIGEM của chủ ĐKQT số 1174336.

b) Nhãn hiệu xin đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi

- Nhãn hiệu xin đăng ký đang được bảo hộ tại nước sở tại của chủ đơn

Nhãn hiệu "AFFLIGEM" đã được chấp nhận bảo hộ tại nước sở tại Benelux (bao gồm: Belgium, Netherlands và Luxembourg) từ năm 1980.

Do đó, chúng tôi trân trọng đề nghị Quý Cục xem xét áp dụng khoản A-(1) Điều 6 quinquies của Công ước Pari về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp để bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1174336 tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu xin đăng ký đã được chấp thuận bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới

Nhãn hiệu "AFFLIGEM" đã được chấp thuận bảo hộ tại 48 quốc gia/vùng lãnh thổ trên khắp các châu lục, cụ thể là: Úc, Benelux, Liên minh Châu Âu (bao gồm 28 quốc gia), Canada, Trung Quốc, Colombia, Hong Kong, Israel, Li-băng, Mông-cổ, Mexico, Malaysia, Nauy, New Zealand, Nga, Singapore, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ và Mỹ.

Trong đó nhãn hiệu đã được chấp thuận bảo hộ tại hơn 30 quốc gia châu Âu mà không hề gặp phải trở ngại nào từ cơ quan nhãn hiệu này.

Ngoài ra, nhãn hiệu "AFFLIGEM" còn được bảo hộ tại các quốc gia/vùng lãnh thổ lân cận, có sự đồng điệu về văn hóa, phong tục tập quán với Việt Nam như: China, Hong Kong, Malaysia, Singapore.

c) Nhãn hiệu "AFFLIGEM" theo ĐKQT số 1174336 đã và đang được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại rất nhiều quốc gia trên thế giới

Nhãn hiệu "AFFLIGEM" và các biến thể của nó đã được sử dụng và quảng bá rộng rãi bởi Heineken Group – một trong những tập đoàn sản xuất bia lớn nhất thế giới và trải qua quá trình sử dụng lâu dài, chủ đơn và Heineken Group đã tạo dựng được uy tín và danh tiếng cho nhãn hiệu "AFFLIGEM", cụ thể đã đạt được giải thưởng tại Belgium, the Netherland và trên thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

"AFFLIGEM" là một đô thị thuộc tỉnh Vlaams-Brahant, Vương quốc Bỉ. "AFFLIGEM" là nơi có vị trí quan trọng trong lịch sử bia của Vương quốc Bỉ, gắn liền với lịch sử tu viện và phong cách bia tu viện.

Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký "AFFLIGEM" là dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa.

Trong hồ sơ đơn khiếu nại không có tài liệu nào chứng minh được dấu hiệu "AFFLIGEM" đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam trước thời điểm nộp đơn đăng ký.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối nhãn hiệu theo ĐKQT số 1174336 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/34 TDH09 ngày 31/8/2015 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1174336.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ABDIJ AFFLIGEM vereniging zonder winstoogmerk có quyền

khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ABDIJ AFFLIGEM vereniging zonder winstoogmerk (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148222/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Oxford Nanopore Technologies PLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2016-00689 ngày 02/8/2016 của Oxford Nanopore Technologies Limited, địa chỉ: Edmund Cartwright House, 4 Robert Robinson Avenue, Oxoford Science Park, Oxford OX4 4GA, United Kingdom (nay là: Oxford Nanopore Technologies PLC; địa chỉ: Gosling Building, Edmund Halley Road, Oxford Science Park Oxford OX4 4DQ); đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1164802 theo Thông báo số 2015/13 VTB19 ngày 25/3/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4126/BC-

TTKN ngày 30/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Oxford Nanopore Technologies PLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MinION" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1164802 ngày 03/3/2015 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "MINIONS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 25773 (nhãn hiệu đối chứng).

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Chủ nhãn hiệu đối chứng đã ký kết thỏa thuận đồng tồn tại, có hiệu lực từ ngày 11/11/2015. Theo đó, các bên đồng ý việc sử dụng và/hoặc đăng ký nhãn hiệu bao gồm hoặc có chứa MINION bởi bên còn lại theo các điều khoản và điều kiện được quy định trong Thỏa thuận cùng tồn tại. Cụ thể, tại Việt Nam, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý và cho phép chủ ĐKQT số 1164802 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "MinION" cho các sản phẩm thuộc nhóm 09.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Về nhãn hiệu:

Nhãn hiệu đăng ký "MinION" và nhãn hiệu đối chứng "MINIONS" đều là nhãn hiệu chữ, trong đó có 06 ký tự đầu giống nhau /M-i-n-I-O-N/ - /M-I-N-I-O-N/, gồm 03 âm tiết /mi-ni-on/.

- Về danh mục hàng hóa:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều đăng ký hàng hóa nhóm 09 với các sản phẩm trùng/tương tự nhau.

Vì vậy, hai nhãn hiệu không có sự khác biệt, người tiêu dùng dễ nhầm tưởng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có chung một nguồn gốc.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối ĐKQT số 1164802 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/13 VTB19 ngày 25/3/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1164802.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Oxford Nanopore Technologies PLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Oxford Nanopore Technologies PLC (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148223/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của AOFRIO LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2015-00391 ngày 27/4/2015 của WELLINGTON DRIVE TECHNOLOGIES LIMITED, địa chỉ: 16-22 Omega Street, Albany, Auckland 0632, New Zealand (nay là: AOFRIO LIMITED; địa chỉ: 78 Apollo Drive, Rosedale Aukland 0632); đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1194286 theo Thông báo số 2014/08 DNA10 ngày 25/02/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4177/BC-

TTKN ngày 01/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của AOFRIO LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Wellington, hình" theo ĐKQT số 1194286 bị từ chối tạm thời theo quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do là dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa.

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1194286 không gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa mang nhãn hiệu cũng như đáp ứng điều kiện bảo hộ theo Điều 72 Luật Sở hữu trí tuệ

Theo chúng tôi, nhãn hiệu đăng ký là tên địa danh hoặc chứa tên địa danh không có khả năng đăng ký làm nhãn hiệu thông thường khi: (i) khu vực địa lý đó chuyên sản xuất hoặc cung cấp các hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu; (ii) khu vực địa lý đó đã có danh tiếng đối với các hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu. Theo một cách hiểu khác, nếu các hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu có nguồn gốc từ một khu vực địa lý sẽ không được bảo hộ trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận một cách rộng rãi là nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận.

Nhãn hiệu ĐKQT số 1194286 là một kết hợp gồm phần hình là một dải uốn mầu xám, phần chữ là từ "Wellington" màu xanh. Theo chúng tôi, phần đông người tiêu dùng Việt Nam nếu không tìm hiểu về địa danh "Wellington" thì hoàn toàn không biết được đây là tên một thành phố thuộc New Zealand. Bên cạnh đó, cũng không có bất cứ thông tin/tài liệu nào chỉ ra rằng thành phố Wellington (New Zealand) có danh tiếng với các hàng hóa thuộc nhóm 07 và 09 theo ĐKQT số 1194286.

Ngoài ra, các hàng hóa thuộc nhóm 07 và 09 theo ĐKQT số 1194286 cũng không được sản xuất hay có nguồn gốc xuất xứ từ Wellington (New Zealand), khi tiếp xúc với hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký, người tiêu dùng Việt Nam nhìn nhận "Wellington, hình" là nhãn hiệu chứ không phải là yếu tố chỉ nguồn gốc xuất xứ hàng hóa. Do vậy, việc sử dụng nhãn hiệu đăng ký không gây nhầm lẫn hoặc liên tưởng cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của các hàng hóa đăng ký nhãn hiệu.

Một điều cần chú ý là theo ghi nhận ĐKQT số 1194286, ngay tại New Zealand (quốc gia có địa danh "Wellington"), nhãn hiệu đăng ký cũng đã được bảo hộ theo đăng ký nhãn hiệu số 663686 ngày 10/3/2005.

Căn cứ các giải trình nêu trên, chúng tôi cho rằng nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1194286 đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo Điều 72 Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Nhãn hiệu "Wellington, hình" của WELLINGTON DRIVE TECHNOLOGIES LIMITED đã được công nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới

Thông qua hệ thống đăng ký Madrid, bên cạnh Việt Nam, nhãn hiệu đăng ký cũng đã được chỉ định đăng ký tại nhiều vùng quốc gia/lãnh thổ trên thế giới và được bảo hộ tại Colombia, Liên minh Châu Âu, Ấn Độ, Philipin, Singapo, Hoa Kỳ, Thổ Nhĩ Kỳ, …

c) Thực tiễn bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam

Qua công tác tra cứu, chúng tôi nhận thấy Quý Cục đã chấp thuận bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu là tên địa danh hoặc chứa tên địa danh Việt Nam cũng như trên thế giới. Ví dụ, nhãn hiệu "MEDENA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 182052, nhãn hiệu "BEVERLY INVESTMENT" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 182058, nhãn hiệu "VENEZIA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 102425, nhãn hiệu "CAFFE VERONA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 105240, nhãn hiệu "Alaska, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 192373, …

Với thực tế bảo hộ mà Quý Cục đã chấp thuận, chúng tôi cho rằng đã có thêm cơ sở để Quý Cục xem xét, chấp thuận bảo hộ nhãn hiệu "Wellington, hình" theo ĐKQT số 1104286 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn hoặc đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy đinh tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Wellington" – là thủ đô của nước New Zealand; còn phần hình là một dải uốn cong không tạo ra sự khác biệt để tạo ra khả năng phân biệt.

"Wellington" là thủ đô của nước New Zeland, trong khi chủ đơn có địa chỉ của chủ đơn tại Auckland. Vì vậy, làm cho người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa.

Các ví dụ nêu trong đơn khiếu nại chỉ mang tính tham khảo không thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại của đơn này.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối nhãn hiệu theo ĐKQT số 1194286 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/08 DNA10 ngày 25/02/2015 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1194286.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, AOFRIO LIMITED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và AOFRIO LIMITED (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148225/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BRUNS Marco
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2015-00368 ngày 22/4/2015 của BRUNS Marco; địa chỉ: Via Solari, 19 I-20144 Milano Italy; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 952422 theo Thông báo số 2014/09 DNA28 ngày 07/3/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4138/BC-

TTKN ngày 30/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BRUNS Marco với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "A A-STYLE, hình" theo ĐKQT số 952422 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-19073 ngày 21/8/2013 (nhãn hiệu đối chứng).

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Người khiếu nại đã nộp đơn yêu cầu phản đối số PĐ4-2014-00178 phản đối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho nhãn hiệu đối chứng số 4-2013-19073 với lý do (i) Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2013-19073 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã chỉ định tại Việt Nam và được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới theo ĐKQT số 952422 của Mr. Marco Bruns; (ii) Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2013-19073 đã được đăng ký, sử dụng rộng rãi và thừa nhận không chỉ tại Ý mà trên khắp thế giới, trong đó có Việt Nam trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu; (iii) Mr. Marco Bruns đã thành công trong nhiều vụ phản đối do đơn bị phản đối tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được thừa nhận rộng rãi; (iv) Chủ nhãn hiệu đối chứng có động cơ không trung thực trong việc xác lập quyền đối với nhãn hiệu đối chứng theo đơn đăng ký số 4-2013-19073.

Do vậy, đề nghị Quý Cục xem xét lại việc bảo hộ cho nhãn hiệu theo ĐKQT số 952422 cho chủ đơn trên tại Việt Nam sau khi việc giải quyết phản đối nhãn hiệu đối chứng đã hoàn thành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tương tự với nhau về dấu hiệu đăng ký là kết hợp phần chữ "A" cách điệu, "A-STYLE", và phần hình với hai dấu chấm nằm ở phía bên trái chữ "A". Tất cả nằm trong hình chữ nhật với bố cục chữ "A" ở phía trên và chữ "A-STYLE" ở phía dưới.

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có danh mục sản phẩm trùng/tương tự nhau đều là các hàng hóa trong nhóm 25.

Đơn đăng ký nhãn hiệu đối chứng số 4-2013-19073 đã được Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 305138 ngày 28/8/2018. Vì vậy, phản đối đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-19073 (theo đơn PĐ4-2014-00178) đã không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối ĐKQT số 952422 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/09 DNA28 ngày 07/3/2015 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 952422.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, BRUNS Marco có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BRUNS Marco (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148227/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Guhring KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2015-00227 ngày 09/3/2015 của Guhring KG; địa chỉ: Herderstrasse 50-54, 72458 Albstadt, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1191172 theo Thông báo số 2014/04 NTK06 ngày 30/01/2015;

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4202/BC-

TTKN ngày 02/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Guhring KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "powertap, hình" theo ĐKQT số 1191172 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do là dấu hiệu hình và hình hình học đơn giản và mang tính mô tả hàng hóa.

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1191172 có khả năng phân biệt và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c Điều Luật Sở hữu trí tuệ

Nhãn hiệu đăng ký là một kết hợp gồm: Từ tiếng Anh "power" (viết theo phông chữ đơn mảnh) và "tap" (viết theo phông chữ béo đậm) màu trắng và được viết liền nhau theo kiểu nét ngang chữ "r" (của từ "power") nối liền sang nét ngang chữ "t" (của từ "tap"). Hai từ "power" và "tap" được trình bày trong một hình bình hành có phần bên trái màu đen và phần bên phải màu xanh (từ "power" nằm hoàn toàn trên phần hình màu đen, từ "tap" nằm hoàn toàn trên phần hình màu xanh).

Với cách thức kết hợp độc đáo các yếu tố cấu thành như nêu trên, nên đăng ký đã tạo ra một ấn tượng riêng biệt, dễ nhận biết đối với người tiêu dùng. Bên cạnh đó, người nộp đơn cũng không yêu cầu bảo hộ riêng cho từng chữ tiếng Anh "power" và "tap", người nộp đơn chỉ đề nghị Cục xem xét bảo hộ nhãn hiệu dưới dạng tổng thể.

b) Nhãn hiệu đăng ký "powertap, hình" của Guhring KG đã được công nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới

Theo ghi nhận tại ĐKQT nhãn hiệu số 1191172, nhãn hiệu "powertap, hình" đã được bảo hộ tại Liên minh Châu Âu theo Đăng ký nhãn hiệu cộng đồng 011602182, Úc , Belarus, Thụy Sỹ, Trung Quốc, Comlombia, Ai Cập, Croatia, Ấn Độ, Iran, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Na Uy, New Zealand, Serbia, Nga, Singapore, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraine.

Như vậy, có ít nhất hơn 20 (hai mươi) quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới công nhận bảo hộ đối với nhãn hiệu "powertap, hình". Với việc nhãn hiệu đăng ký đã được công nhận bảo hộ ngay tại cả những quốc gia/vùng lãnh thổ mà tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức như Liên minh Châu Âu, Ấn Độ, New Zealand và Singapore.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "powertap, hình" là sự kết hợp giữa phần chữ tiếng Anh "power" (viết theo phông chữ đơn mảnh) có nghĩa tiếng Việt là "công suất/năng suất/năng lượng" nằm trên phần hình màu đen và "tap" (viết theo phông chữ béo đậm) có nghĩa tiếng Việt là "bàn ren/ta rô" nằm trên phần hình màu xanh. "powertap" là dụng cụ taro tạo ren trong lĩnh vực gia công ren cho kim loại.

Như vậy, nhãn hiệu "powertap" đăng ký cho các hàng hóa kim loại và các sản phẩm kim loại như dụng cụ khoan, dụng cụ phay, mũi doa và dụng cụ mài nhẵn … (nhóm 06) và máy công cụ cắt; dụng cụ cơ khí cho máy công cụ phục vụ trong cơ khí (nhóm 07) nên nhãn hiệu mang tính mô tả hàng hóa.

Phần chữ "powertap" kết hợp với phần hình là một hình bình hành có phần bên trái màu đen, bên phải màu xanh là hình đơn giản nên không tạo ra sự độc đáo, và khả năng phân biệt.

Các tài liệu nêu trong đơn khiếu nại không chứng minh được: (i) nhãn hiệu đăng ký được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu; (ii) dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu.

Do đó, đề nghị của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối nhãn hiệu theo ĐKQT số 1191172 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/04 NTK06 ngày 30/01/2015 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế số 1191172.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Guhring KG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Guhring KG (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148229/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HYGIENE MEDICAL INDUSTRY Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2015-00934 ngày 16/10/2015 của HYGIENE MEDICAL INDUSTRY Co., Ltd.; địa chỉ: Nikola Gabrovski st. 81A, P.O. Box 369, BG-5000 Veliko Turnovo, Bulgaria; đại diện bởi: Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1207469 theo Thông báo số 2014/25 TDH17 ngày 26/6/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4131/BC-TTKN

ngày 30/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HYGIENE MEDICAL INDUSTRY Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HMI, hình" theo ĐKQT số 1207469 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SETTINIC-Hmi" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 69816 (nhãn hiệu đối chứng 1) và "nhãn hiệu "MIPHAR HOÀNG MINH ĐẠI TRÀNG HOÀN-T/H HMI, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 101293 (nhãn hiệu đối chứng 2).

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Xem xét hai nhãn hiệu đối chứng số 69816 và số 1901293 của Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Hoàng Minh, chúng tôi thấy rằng hiệu lực của các đăng ký nhãn hiệu này đã hết hạn hiệu lực lần lượt vào ngày 03/8/2014 và 28/01/2015.

Theo đó, trên cơ sở xem xét danh mục sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng, chủ đơn ĐKQT số 1207469 đã tiến hành loại bỏ các sản phẩm được coi là tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng ra khỏi danh mục sản phẩm yêu cầu bảo hộ theo ĐKQT số 1207469. Cụ thể, sau khi loại bỏ, sản phẩm còn lại thuộc nhóm 05 theo ĐKQT "Chất tẩy uế; chế phẩm diệt trừ sâu bọ gây hại; chất diệt nấm; thuốc diệt cỏ".

Xem xét lại danh mục sản phẩm sau khi đã được loại bỏ, dễ dàng nhận thấy các sản phẩm "Chất tẩy uế; chế phẩm diệt trừ sâu bọ gây hại; chất diệt nấm; thuốc diệt cỏ" mang nhãn hiệu "HMI, hình" theo ĐKQT có bản chất, chức năng, công dụng hoàn toàn khác biệt với sản phẩm "Dược phẩm" mang các nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể, các sản phẩm "Chất tẩy uế; chế phẩm diệt trừ sâu bọ gây hại; chất diệt nấm; thuốc diệt cỏ" là các chế phẩm dùng để tẩy uế hoặc diệt trừ các đối tượng gây hại cho cây trồng, trong khi đó, "dược phẩm" là các chế phẩm dùng để chữa trị bệnh cho con người. Do đó, các sản phẩm nêu trên hướng đến đối tượng tiêu dùng hoàn toàn khác nhau và không thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Mặt khác, xét về mặt nhãn hiệu, nhãn hiệu xin đăng ký "HMI, hình" có sự khác biệt về cách trình bày nhãn hiệu và không hoàn toàn trùng lặp với hai nhãn hiệu đối chứng.

Với các phân tích và lập luận nêu trên, chúng tôi cho rằng nhãn hiệu "HMI, hình" sau khi đã loại bỏ các sản phẩm liên quan đến "dược phẩm" là hoàn toàn có khả năng phân biệt so với các nhãn hiệu đối chứng đã bị hết hạn hiệu lực của Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Hoàng Minh.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đối chứng 1 theo GCNĐKNH số 69816 đã hết hạn hiệu lực kể từ ngày 03/8/2014 do chủ sở hữu không gia hạn hiệu lực.

Nhãn hiệu đối chứng 2 theo GCNĐKNH số 101293 đã hết hạn hiệu lực kể từ ngày 28/01/2015 do chủ sở hữu không gia hạn hiệu lực.

Vì vậy, GCNĐKNH số 69816 và GCNĐKNH số 101293 đã bị chấm dứt hiệu lực quá 03 năm nên không còn là đối chứng để từ chối ĐKQT số 1207469.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1207469, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/25 TDH17 ngày 26/6/2015 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1207469.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1207469.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HYGIENE MEDICAL INDUSTRY Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148230/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của YAMABIKO CORPORATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2016-00978 ngày 28/11/2016 của YAMABIKO CORPORATION; địa chỉ: 7-2, Suehiro-cho 1-chome, Ohme-shi Tokyo 198-8760 Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1195642 theo Thông báo số 2015/26 NDT15 ngày 30/06/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5246/BC-TTKN

ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của YAMABIKO CORPORATION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Shindaiwa" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1195642 cho các sản phẩm thuộc nhóm 07, 09 và 11 bị tạm thời từ chối bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 7 và 9 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SHINDAIWA" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 166513 cho các sản phẩm thuộc nhóm 07 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "Shindaiwa" theo ĐQT số 1195642 với lý do:

Người nộp đơn đã tiến hành thủ tục hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng trên theo đơn ĐN1-2012-00027 ngày 05/03/2012 vì lý do chủ sở hữu nhãn hiệu "SHINDAIWAIN" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 166513 có động cơ không trung thực khi nộp đơn tại Việt Nam.

Ngày 19/03/2020, người nộp đơn đã tiến hành thủ tục chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng trên theo đơn ĐN1-2020-00089 vì lý do nhãn hiệu "SHINDAIWAIN" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 166513 không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục.

Người nộp đơn đã bổ sung bản sao Quyết định số 2971/QĐ-SHTT ngày 30/06/2022. Theo Quyết định này, GCNĐKNH số 166513 bảo hộ nhãn hiệu "SHINDAIWAIN" đã bị chấm dứt hiệu lực với lý do chủ sở hữu nhãn hiệu đã không sử dụng nhãn hiệu cho sản phẩm thuộc nhóm 07 trong 5 năm liên tiếp. Như vậy, nhãn hiệu "SHINDAIWAIN" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 166513 không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu "Shindaiwa" theo ĐQT số 1195642 cho các sản phẩm thuộc nhóm 7 và 9 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SHINDAIWA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 166513. Tuy nhiên, nhãn hiệu đối chứng "SHINDAIWAIN" theo GCNĐKNH số 166513 đã bị chấm dứt hiệu lực theo Quyết định số 2971/QĐ-SHTT ngày 30/06/2022 vì lý do nhãn hiệu không được chủ sở hữu sử dụng trong thời gian năm năm liên tục tại Việt Nam. Do đó, nhãn hiệu "SHINDAIWAIN" theo GCNĐKNH số 166513 không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký. Do đó, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu "Shindaiwa" theo ĐQT số 1195642, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/26 NDT15 ngày 30/06/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1195642.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1195642.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và YAMABIKO CORPORATION (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148231/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của KIKKOMAN CORPORATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 06/2001/NĐ-CP ngày 01/02/2001 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2012-00470 ngày 23/5/2012 của KIKKOMAN CORPORATlON; địa chỉ: 250 Noda, Noda City, Chiba, Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2004-10539 ngày 04/10/2004 theo Quyết định số 15868/QĐ-SHTT ngày 30/03/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5244/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của KIKKOMAN CORPORATlON với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ALL PURPOSE SEASONING KIKKOMAN, hình" theo đơn số 4-2004-10539 ngày 04/10/2004 cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến

mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "T TRUNG THANH GA TRONG VANG, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 34541 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 và 30, nhãn hiệu "hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 68668 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 29, 30 và 35 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "ALL PURPOSE SEASONING KIKKOMAN, hình" theo đơn số 4-2004-10539 ngày 04/10/2004 với lý do:

Người nộp đơn đã tiến hành nộp đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực các GCNĐKNH số 34541 và 68668 với số đơn là ĐN1-2011-00052 và ĐN1-2011-00055 với lý do các nhãn hiệu đối chứng "T TRUNG THANH GA TRONG VANG, hình" và "hình" đã được cấp do sự không trung thực của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng.

Người nộp đơn sẽ bổ sung quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ về việc hủy bỏ hiệu lực các GCNĐKNH số 34541 và 68668 sau khi nhận được từ Cục Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/CP quy định dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hóa được công nhận là có khả năng phân biệt theo Điều 785 Bộ luật Dân sự nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: "không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hóa của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam (kể cả các nhãn hiệu hàng hóa đang được bảo hộ theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Trong quá trình thẩm định nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2004-10539 ngày 04/10/2004, người nộp đơn đã nộp yêu cầu hủy bỏ hiệu lực các GCNĐKNH số 34541 và 68668, với lý do đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ và văn bằng bảo hộ được cấp do sự không trung thực của người nộp đơn. Yêu cầu hủy bỏ hiệu lực này vẫn đang trong quá trình xem xét và chưa có kết quả giải quyết. Kết quả giải quyết của yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng có thể làm thay đổi kết quả giải quyết của đơn khiếu nại, do đó sau khi xem xét, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận hủy bỏ Quyết định số 15868/QĐ-SHTT ngày 30/03/2012 và khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2004-10539 ngày 04/10/2004 sau khi có kết quả giải quyết yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 34541 theo đơn số ĐN1-2011-00052 ngày 06/04/2011 và GCNĐKNH số 68668 theo đơn số ĐN1-2011-00055 ngày 06/04/2011.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2004-10539 ngày 04/10/2004.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 15868/QĐ-SHTT ngày 30/03/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2004-10539 ngày 04/10/2004.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2004-10539 ngày 04/10/2004 sau khi có kết quả giải quyết yêu cầu hủy bỏ hiệu lực theo đơn số ĐN1-2011-00052 và ĐN1-2011-00055 ngày 06/04/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và KIKKOMAN CORPORATION (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148232/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công văn số M34675.16/AP/VN/nh ngày 24/7/2025 của Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh, đại diện cho MILLER PRODUCTS COMPANY đề nghị rút đơn số KN4-2016-00953 ngày 16/11/2016.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

PTT366

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2016-00953 ngày 16/11/2016 của MILLER PRODUCTS COMPANY; địa chỉ: 3939 West Highland Boulevard, Milwaukee, Wisconsin 53201, USA.

Lý do đình chỉ: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh, đại diện cho

MILLER PRODUCTS COMPANY có Công văn số M34675.16/AP/VN/nh ngày 24/7/2025 đề nghị rút đơn số KN4-2016-00953 ngày 16/11/2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MILLER PRODUCTS COMPANY (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- SCVB (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148258/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1107399 của CHlNALUX SA, nay là: ICE IP S.A. (LU) đã bị chấm dứt hiệu vì không được chủ sở hữu gia hạn tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

PTT366

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2013-00691 ngày 07/6/2013 của CHlNALUX SA; địa chỉ: 26 rue des Gaulois L-1618 Luxembourg Luxembourg; nay là: ICE IP S.A.; địa chỉ: rue des Bains 19-21 Boite 1.2 L-1212 Luxembourg (LU); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh.

Lý do đình chỉ: đơn quốc tế số 1107399 bị hết hiệu lực từ ngày 15/12/2021 do không được chủ sở hữu gia hạn tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ICE IP S.A. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148259/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của NIPPON RESIBON CORPORATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2016-01049 ngày 29/12/2016 của NIPPON RESIBON CORPORATION; địa chỉ: 22--10, Kitahorie 1-chome, Nishi-ku, Osaka-shi Osaka 550-0014 Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1044933 theo Thông báo số 2015/40 NDT15 ngày 06/10/2016;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5180/BC-

TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của NIPPON RESIBON CORPORATION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn ĐQT số 1044933 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 71227 theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT 1044933 vì nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn hiệu lực từ năm 2014, đồng thời cũng không được sử dụng tại Việt Nam trong vòng 5 năm gần đây. Do đó, nhãn hiệu đăng ký sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm mang nhãn hiệu và không gây ra xung đột lợi ích giữa các chủ sở hữu nhãn hiệu liên quan.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 71227 đã hết hạn ngày 25/10/2014 và không được chủ sở hữu tiếp tục gia hạn hiệu lực. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu nêu trên làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1044933. Do đó, đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1044933, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/40 NDT15 ngày 06/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1044933.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1044933.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và NIPPON RESIBON CORPORATION (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148260/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Las Vegas Sands Corp.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-01235 ngày 27/11/2017 của Las Vegas Sands Corp.; địa chỉ: 3355 Las Vegas Boulevard South, Las Vegas, Nevada 89109, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-07712 theo Quyết định số 60099/QĐ-SHTT ngày 30/8/2017;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5105/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Las Vegas Sands Corp. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "THE PARISIAN MACAO" theo đơn số 4-2013-07712 ngày 22/4/2013 bị từ chối bảo hộ đối với tất cả sản phẩm/dịch vụ vì phần chữ "MACAO" trong nhãn hiệu yêu cầu đăng ký là tên khu hành chính đặc biệt của Trung Quốc nên người tiêu dùng rất dễ nhầm lẫn rằng nguồn gốc của các sản phẩm/dịch vụ yêu cầu đăng ký là ở Trung Quốc theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký đối với các sản phẩm/dịch vụ bị từ chối trên cơ sở những lý do dưới đây:

- Nhãn hiệu "THE PARISIAN MACAO" không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

Nhãn hiệu đăng ký "THE PARISIAN MACAO" là tên gọi của một khu du lịch nghỉ dưỡng mang phong cách Paris được xây dựng tại Macao, Trung Quốc. Việc sử dụng tính từ "Parisian" giúp công chúng liên tưởng tới một phong cách đặc trưng cụ thể về lĩnh vực văn hóa và thời trang. Tính từ này có thể được sử dụng khi các sản phẩm hoặc dịch vụ đó ảnh hưởng bởi phong cách nổi tiếng của Paris, nhưng không nhất thiết là phải xuất phát từ Paris. Phong cách thời trang và kiến trúc này đã được sử dụng rộng khắp trên toàn thế giới, ở các quốc gia ví dụ như Việt Nam, Cam-pu-chia, Trung Quốc, và Mô-na-cô. Người nộp đơn đã lựa chọn sử dụng phong cách, kiến trúc của Paris như là một chủ đề cho dự án của một khu du lịch nghỉ dưỡng phức hợp được xây dựng ở Macao, Trung Quốc và tên của dự án này là "THE PARISIAN MACAO".

Do đó, "THE PARISIAN MACAO" trong ngữ cảnh này sẽ không còn đơn thuần có nghĩa là "người Paris" và tên của khu hành chính đặc biệt của Trung Quốc. Nhãn hiệu "THE PARISIAN MACAO" có nghĩa là dịch vụ mang phong cách của người Paris tại Macao, điều này hoàn toàn phù hợp với tính chất của các dịch vụ do "THE PARISIAN MACAO" cung cấp. Vì vậy, "THE PARISIAN MACAO" không lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của dịch vụ và nhãn hiệu đăng ký không phải là dấu hiệu thuộc quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Nhãn hiệu "THE PARISIAN MACAO" đã được bảo hộ tại nhiều nước trên thế giới do không làm hiểu sai, gây nhầm lẫn hoặc lừa dối công chúng về nguồn gốc xuất xứ của dịch vụ mang nhãn hiệu.

Do không làm người tiêu dùng/công chúng bị hiểu sai về nguồn gốc xuất xứ của các dịch vụ nhóm 35, 41, 43 nên nhãn hiệu đăng ký "THE PARISIAN MACAO" và "THE PARISIAN MACAO, hình" đã được chấp thuận bảo hộ tại nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới như: Đăng ký số 5618650 cho nhóm 41 và 43, 5702429 cho nhóm 41 và 43 tại Nhật Bản; các Đăng ký số N/74807 cho nhóm 35, N/74808 cho nhóm 43, N/86402 cho nhóm 41, N/86406 cho nhóm 43, N/86401 cho nhóm 41, N/86405 cho nhóm 43 tại Macao; các Đăng ký số T1306079F cho nhóm 35 và T1306076A cho nhóm 41, 43 tại Singapore; Đăng ký số 1623726 cho nhóm 35, 41 và 43, 1700840 cho nhóm 41 và 43 tại Đài Loan; Đăng ký số 302879155 cho nhóm 41, 43 tại Hồng Kông.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "THE PARISIAN MACAO" thuộc trường hợp trong nhãn hiệu chứa yếu tố địa danh "MACAO", là tên của Đặc khu hành chính thuộc nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tuy nhiên, do chủ đơn có địa chỉ tại "United States of America", không thuộc địa danh trong nhãn hiệu, sẽ làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc của dịch vụ mà chủ thể cung cấp. Do vậy, đề nghị của người khiếu nại không phù hợp.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-07712 ngày 22/04/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 60099/QĐ-SHTT ngày 30/8/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-07712 ngày 22/04/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Las Vegas Sands Corp. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Las Vegas Sands Corp. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148261/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1060528 của Cactus Corporation (JP) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2012-00327 ngày 17/4/2012 của Cactus Corporation; địa chỉ: 37-1 Nonoue 3-chome, Habikino-City OSAKA 583-0871, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Trà và cộng sự.

Lý do đình chỉ: Căn cứ đơn quốc tế số 1060528 của Cactus Corporation đã

PHY365

hết hạn ngày 14/04/2020 và không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cactus Corporation (qua Công ty TNHH Trà và cộng sự) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148262/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Seiko Kakoki Kabushiki Kaisha doing business as Seikow Chemical Engineering & Machinery, Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2022-00501 ngày 27/4/2022 của Seiko Kakoki Kabushiki Kaisha doing business as Seikow Chemical Engineering & Machinery, Ltd.; địa chỉ: 15-3 Minami Futami, Futami-cho, Akashi-shi, Hyogo 674-0093, Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-39925 theo Quyết định số 8198/QĐ-SHTT ngày 28/01/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5103/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Seiko Kakoki Kabushiki Kaisha doing business as Seikow Chemical Engineering & Machinery, Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-39925 ngày 28/02/2018 (đơn tách từ đơn số 4-2018-05816) bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 1238935 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 của Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Thứ nhất, thực tiễn thẩm định của Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) cho thấy nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng do Cục SHTT đã không lấy nhãn hiệu TEXEL theo đơn số 4-2013-15927 (của Seiko Kakoki Kabushiki Kaisha doing business as Seikow Chemical Engineering & Machinery, Ltd. – cũng chính là nhãn hiệu đăng ký được nộp lại theo đơn số 4-2020-39925) để ngăn cản việc đăng ký nhãn hiệu đối chứng "TEXET" theo ĐQT số 1238935, và nhãn hiệu "TEXET" đã được chấp nhận bảo hộ mà không bị từ chối bảo hộ.

Chủ đơn cho rằng việc chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng "TEXET" cho các Nhóm 09, 11, 14, 16, 18 và 28 tại Việt Nam mà không có bất kỳ từ chối nào đồng nghĩa với việc Cục SHTT đã cho rằng nhãn hiệu đối chứng "TEXET" cho các nhóm 09, 11, 14, 16, 18 và 28 hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu TEXEL theo đơn số 4-2013-15927 nộp ngày 19/7/2013 – cũng chính là nhãn hiệu đăng ký được nộp lại theo đơn số 4-2020-39925.

- Thứ hai, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cả cấu trúc, hình thức thể hiện, ấn tượng thị giác, cách phát âm, và danh mục sản phẩm mang nhãn hiệu, cụ thể là: cả nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là các nhãn hiệu ngắn (chỉ bao gồm 5 ký tự), do đó, sự khác biệt chỉ ở một ký tự cũng có thể tạo nên sự khác biệt về mặt tổng thể cho các nhãn hiệu này; cả hai nhãn hiệu đều là các nhãn hiệu ngắn, chỉ bao gồm 2 âm tiết, trong đó âm tiết thứ hai /xeo/ hoặc /xen/ - /xét/ lại có cách phát âm hoàn toàn khác nhau; các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký chủ yếu là cho mục đích công nghiệp như "thiết bị xử lý khí thải (dùng cho mục đích công nghiệp); bể xử lý nước thải (dùng cho mục đích công nghiệp); bể chứa tự hoại (dùng cho mục đích công nghiệp)", do đó,

đối tượng sử dụng các sản phẩm này thường sẽ là các doanh nghiệp sản xuất quy mô lớn. Trong khi đó, các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng không chuyên dùng cho mục đích công nghiệp, theo đó, đối tượng sử dụng các sản phẩm này thường sẽ chỉ là cá nhân, hộ gia đình nhỏ lẻ v.v…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "TEXEL" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "TEXET" vì trùng 4/5 ký tự ở cùng vị trí. Khi hai nhãn hiệu này sử dụng cho cùng loại sản phẩm thuộc nhóm 11 (cụ thể như: "thiết bị lọc khí", "máy và thiết bị làm sạch không khí; thiết bị khử mùi không khí; hệ thống, máy và thiết bị làm lạnh; thiết bị làm lạnh không khí" mang nhãn hiệu đăng ký và "thiết bị làm lạnh, thông gió (apparatus for refrigerating, ventilating)", "thiết bị khử mùi, không dùng cho mục đích cá nhân (deodorizing apparatus, not for personal use)" mang nhãn hiệu đối chứng); sẽ làm cho người tiêu dùng lầm tưởng chúng thuộc một chủ thể sản xuất. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

Trường hợp dẫn chiếu tới nhãn hiệu "TEXEL" theo đơn số 4-2013-15927 của cùng chủ đơn, nhãn hiệu này đã bị từ chối cấp GCNĐKNH do không đáp ứng điều kiện bảo hộ. Ngoài ra, quá trình thẩm định của đơn số 4-2013-15927 không thuộc phạm vi xem xét trong vụ việc này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-39925 ngày 28/02/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 8198/QĐ-SHTT ngày 28/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-39925 ngày 28/02/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Seiko Kakoki Kabushiki Kaisha doing business as Seikow Chemical Engineering & Machinery, Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Seiko Kakoki Kabushiki Kaisha doing business as Seikow Chemical Engineering & Machinery, Ltd. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148263/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HydraFacial LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2022-01029 ngày 22/8/2022 của HydraFacial LLC; địa chỉ: 2165 E. Spring Street, Long Beach, California 90806, USA; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-40303 theo Quyết định số 45683/QĐ-SHTT ngày 01/06/2022;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5100/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HydraFacial LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-40303 ngày 16/11/2018 bị từ chối bảo hộ do mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì các lý do sau:

Người khiếu nại đã thay đổi tên và địa chỉ. Theo đó, tên và địa chỉ mới là HydraFacial LLC, tại 2165 E. Spring Street, Long Beach, California 90806, USA. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành, việc sửa đổi đơn sẽ không được chấp thuận sau khi có Quyết định từ chối cấp GCNĐKNH, do đó người khiếu nại sẽ tiến hành việc ghi nhận việc sửa đổi về tên và địa chỉ này sau khi Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2018-40303.

Hydrafacial không phải là công nghệ làm đẹp da bằng thủy lực như nhận định của Cục Sở hữu trí tuệ. Nhãn hiệu Hydrafacial có khả năng phân biệt tự thân ngay cả khi được trình bày bằng phông chữ thông thường. Khi xem xét nhãn hiệu trên cơ sở "tổng thể", không tách các thành phần của nhãn hiệu ra để xem xét, không có bất kỳ căn cứ nào để cho rằng nhãn hiệu này mang tính mô tả sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu do "HydraFacial" viết liền là một từ tự tạo, không có bất kỳ ý nghĩa nào trong cả tiếng Anh và tiếng Việt. Ngay cả trong một số trường hợp hiếm hoi khi người tiêu dùng hiểu rằng nhãn hiệu đăng ký được tạo ra bởi hai từ riêng biệt "Hydra" và "Facial", nghĩa của từ "HydraFacial", nếu có, cũng không chỉ ra hoặc mô tả trực tiếp thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, phương pháp áp dụng, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác của các sản phẩm và/hoặc dịch vụ của Người khiếu nại. Nhãn hiệu "HydraFacial" khi xem xét trong mối tương quan với các sản phẩm/dịch vụ xin đăng ký nhiều nhất chỉ mang tính gợi dẫn, đòi hỏi người tiêu dùng phải trải qua nhiều bước suy luận, nên không thể bị coi là mô tả hoặc liên quan đến các sản phẩm/dịch vụ xin đăng ký.

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-40303 đã được chấp nhận bảo hộ ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ vì nhãn hiệu không mang tính mô tả sản phẩm và dịch vụ thuộc các nhóm 3, 10 và 44.

Do đó, không có cơ sở để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo theo đơn số 4-2018-40303 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

"HydraFacial" là một liệu pháp chăm sóc da mặt không xâm lấn, sử dụng công nghệ xoáy nước để làm sạch sâu, tẩy tế bào chết, hút mụn và cấp ẩm cho da. Liệu trình chăm sóc da "HydraFacial" được thực hiện bằng thiết bị chuyên dụng nhằm mục đích làm sạch, đưa dưỡng chất vào sâu trong da. Vì vậy nhãn hiệu đăng ký "HydraFacial" mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt khi sử dụng cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 03, 10, 44 theo đơn số 4-2018-40303. Do đó, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-40303 ngày 16/11/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 45683/QĐ-SHTT ngày 01/06/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-40303 ngày 16/11/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, HydraFacial LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HydraFacial LLC (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148271/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 290296

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00067 ngày 29/02/2024 của Bliss Pharma Distribution and Consultancy Corp., địa chỉ: A2 236 San Jose Street, Brgy. 2 Carmona, Cavite 4116, Philippines; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 290296, cấp ngày 01/11/2017 cho BDR Pharmaceuticals Int'l Pvt Ltd (IN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 29/2/2024, Bliss Pharma Distribution and Consultancy Corp. (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) nộp đơn ĐN1-2024-00067 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 290296 với lý do nhãn hiệu "EVERBLISS" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/02/2019 đến ngày 27/02/2024 (Căn cứ theo công văn số 17/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 27/02/2024 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 10/10/2024, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 100157/SHTT-TTKN.ip thông báo cho BDR Pharmaceuticals Int'l Pvt Ltd (qua Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Bliss Pharma Distribution and Consultancy Corp. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của BDR Pharmaceuticals Int'l Pvt Ltd.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "EVERBLISS" theo GCNĐKNH số 290296 tại Việt Nam từ ngày 01/02/2019 đến ngày 27/02/2024 và chủ GCNĐKNH số 290296 không có ý kiến trả lời công văn số 100157/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 290296.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 290296 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 290296, cấp ngày 01/11/2017 theo yêu cầu của Bliss Pharma Distribution and Consultancy Corp.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 290296, cấp ngày 01/11/2017 cho BDR Pharmaceuticals Int'l Pvt Ltd (IN) theo yêu cầu của Bliss Pharma Distribution and Consultancy Corp.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. BDR Pharmaceuticals Int'l Pvt Ltd (IN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BDR Pharmaceuticals Int'l Pvt Ltd (qua Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Bliss Pharma Distribution and Consultancy Corp.; địa chỉ: A2 236 San Jose Street, Brgy. 2 Carmona, Cavite 4116, Philippines (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148278/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 267246

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00089 ngày 21/3/2024 của NUTRAMARKS, INC, địa chỉ: 550 West 2nd Street, Ogden, Utah 84404 U.S.A; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 267246, cấp ngày 22/08/2016 cho Mega Lifesciences Public Company Limited (TH);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 21/3/2024, NUTRAMARKS, INC (qua Công ty TNHH một thành viên sở hữu trí tuệ VCCI) nộp đơn ĐN1-2024-00089 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 267246 với lý do nhãn hiệu "KAL D CHEWZ" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/3/2019 đến ngày 08/3/2024 (Căn cứ theo công văn số 116/TT-TTKTQT ngày 08/3/2024 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 15/11/2024, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 111843/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Mega Lifesciences Public Company Limited (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của NUTRAMARKS, INC. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Mega Lifesciences Public Company Limited.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "KAL D CHEWZ" theo GCNĐKNH số 267246 tại Việt Nam từ ngày 01/3/2019 đến ngày 08/3/2024 và chủ GCNĐKNH số 267246 không có ý kiến trả lời công văn số 111843/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 267246.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 267246 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 267246, cấp ngày 22/08/2016 theo yêu cầu của NUTRAMARKS, INC.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 267246, cấp ngày 22/08/2016 cho Mega Lifesciences Public Company Limited (TH) theo yêu cầu của NUTRAMARKS, INC.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Mega Lifesciences Public Company Limited (TH) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Mega Lifesciences Public Company Limited (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- NUTRAMARKS, INC; địa chỉ: 550 West 2nd Street, Ogden, Utah 84404 U.S.A (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148280/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 289022

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00110 ngày 12/4/2024 của Ông/Bà Trần Hữu Hòa, địa chỉ: Thôn Hạ Xá, xã Tân Khánh, huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định; yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 289022, cấp ngày 05/10/2017 cho Công ty TNHH yến sào Ngọc Oanh (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 12/4/2024, Ông/Bà Trần Hữu Hòa (qua Công ty TNHH Khang Luật) nộp đơn ĐN1-2024-00110 đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 289022 đối với các hàng hóa thuộc nhóm 32 với lý do nhãn hiệu "NGỌC OANH TỔ YẾN SÀO CAO CẤP, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 03/4/2019 đến ngày 10/4/2024 (Căn cứ theo công văn số 25-01/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 10/4/2024 của Viện Kinh tế tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 18/11/2024, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 111902/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty TNHH yến sào Ngọc Oanh (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ Việt Mỹ) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Ông/Bà Trần Hữu Hòa. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH yến sào Ngọc Oanh.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "NGỌC OANH TỔ YẾN SÀO CAO CẤP, hình" theo GCNĐKNH số 289022 đối với các hàng hóa thuộc nhóm 32 tại Việt Nam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 10/4/2024 và chủ GCNĐKNH số 289022 không có ý kiến trả lời Công văn số 111902/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 289022.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 289022 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 289022, cấp ngày 05/10/2017 theo yêu cầu của Ông/Bà Trần Hữu Hòa.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 289022, cấp ngày 05/10/2017 đối với các hàng hóa thuộc nhóm 32 của Công ty TNHH yến sào Ngọc Oanh (VN) theo yêu cầu của Ông/Bà Trần Hữu Hòa.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH yến sào Ngọc Oanh (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH yến sào Ngọc Oanh (qua Công ty Cổ phần Sở hữu trí tuệ Việt Mỹ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Ông/Bà Trần Hữu Hòa; địa chỉ: Thôn Hạ Xá, xã Tân Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (qua CÔNG TY TNHH KHANG LUẬT) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148283/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 170398

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00103 ngày 04/4/2024 của Ông/Bà Mai Hà Phương, địa chỉ: 521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 170398, cấp ngày 25/08/2011 cho Tổng công ty cổ phần Phong Phú (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 04/4/2020, Ông/Bà Mai Hà Phương nộp đơn ĐN1-2024-00103 đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 170398 đối với các hàng hóa thuộc nhóm 05, 10 với lý do nhãn hiệu "open, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 03/4/2024 (Căn cứ theo công văn số 173/TT-TTKTQT ngày 03/4/2024 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 11/11/2024, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 110843/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Tổng công ty cổ phần Phong Phú (qua Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Ông/Bà Mai Hà Phương. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Tổng công ty cổ phần Phong Phú.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "open, hình" theo GCNĐKNH số 170398 đối với các hàng hóa thuộc nhóm 05, 10 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2019 đến ngày 03/4/2024 và chủ GCNĐKNH số 170398 không có ý kiến trả lời Công văn số 110834/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 170398.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 170398 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 170398, cấp ngày 25/08/2011 theo yêu cầu của Ông/Bà Mai Hà Phương.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 170398, cấp ngày 25/08/2011 đối với các hàng hóa thuộc nhóm 05, 10 của Tổng công ty cổ phần Phong Phú (VN) theo yêu cầu của Ông/Bà Mai Hà Phương.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Tổng công ty cổ phần Phong Phú (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Tổng công ty cổ phần Phong Phú (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Ông/Bà Mai Hà Phương; địa chỉ: 521 Kim Mã. phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148284/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 182117

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2023-00293 ngày 12/12/2023 của Triumph Designs Limited, địa chỉ: Normandy Way Hinckley, Leicestershire LE10 3BZ; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 182117, cấp ngày 30/03/2012 cho Công ty TNHH cao su CAMEL Việt Nam (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 12/12/2023, Triumph Designs Limited (qua Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP) nộp đơn ĐN1-2023-00293 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 182117 với lý do nhãn hiệu "Roket, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian 07 năm gần đây đến ngày 12/12/2023 (Căn cứ theo công văn số 78/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 12/12/2023 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 16/7/2024, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 70431/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty TNHH cao su CAMEL Việt Nam (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Triumph Designs Limited. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH cao su CAMEL Việt Nam.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "Roket, hình" theo GCNĐKNH số 182117 tại Việt Nam trong thời gian 07 năm gần đây đến ngày 12/12/2023 và chủ GCNĐKNH số 182117 không có ý kiến trả lời công văn số 70431/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 182117.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 182117 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 182117, cấp ngày 30/03/2012 theo yêu cầu của Triumph Designs Limited.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 182117, cấp ngày 30/03/2012 cho Công ty TNHH cao su CAMEL Việt Nam (VN) theo yêu cầu của Triumph Designs Limited.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH cao su CAMEL Việt Nam (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH cao su CAMEL Việt Nam (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Triumph Designs Limited; địa chỉ: Normandy Way Hinckley, Leicestershire LE10 3BZ (qua Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148289/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của NIKKO CHEMICALS CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2015-00339 ngày 17/4/2015 của NIKKO CHEMICALS CO., LTD.; địa chỉ: 1-4-8, Nihonbashi-Bakurocho, Chuo-ku, Tokyo 103-0002 Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế số 1187417 theo Thông báo số 2013/51 VTB10 ngày 26/12/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4207/BC-TTKN ngày 02/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của NIKKO CHEMICALS CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NIKKOL" theo ĐKQT số 1187417 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Nikon" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 225401 (nhãn hiệu đối chứng 1), nhãn hiệu "Nikko, hình" (nhãn hiệu đối chứng 2), nhãn hiệu "Nikko" (nhãn hiệu đối chứng 3).

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

1. Nhãn hiệu xin đăng ký "NIKKOL" có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng 1 "Nikon"

a) Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, phát âm và ý nghĩa

Xét về cấu trúc, nhãn hiệu xin đăng ký "NIKKOL" gồm 06 chữ cái, nhãn hiệu đối chứng 1 chỉ gồm 05 chữ cái. Hai nhãn hiệu có khả năng phân biệt với nhau ở phần hậu tố "KOL" và "KON";

Phần hậu tố "KOL" và "KON" là hai dấu hiệu được sử dụng rất phổ thông trong kết cấu nhãn hiệu, hai hậu tố này cũng được coi là khác biệt và cùng được đăng ký và sử dụng trong thương mại.

b) Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cùng được đăng ký và sử dụng ở nhiều quốc gia

Với những khác biệt như phân tích ở trên, nhãn hiệu xin đăng ký nhãn hiệu đối chứng đã cùng được đăng ký và sử dụng tại 33 quốc gia, bao gồm 28 quốc gia thành viên của Cộng đồng Châu Âu, Nhật Bản (nước gốc của hai nhãn hiệu), Trung Quốc, Malaixia và Hồng Kông mà không bị coi là gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

2. Nhãn hiệu đăng ký "NIKKOL" có khả năng phân biệt với nhãn đối chứng 2 "Nikko" và nhãn hiệu đối chứng 3 "Nikko, hình"

a) Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng 2 và 3 về cấu trúc, phát âm và ý nghĩa

- Nhãn hiệu đăng ký "NIKKOL" gồm 06 chữ cái, và là từ tự đặt không có nghĩa.

- Nhãn hiệu đối chứng 2 NIKKO" chỉ bao gồm 05 chữ cái, và là tên một thành phố thuộc tỉnh Tochigi, Nhật Bản, Với ý nghĩa như vậy thì "NIKKO" đã có một đặc tính phân biệt riêng và nhờ đó không bị nhầm lẫn với NIKKOL hay bất kỳ dấu hiệu tương tự khác.

b) Các sản phẩm mang nhãn hiệu "NIKKOL" đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam mà không xảy ra bất kỳ nhầm lẫn nào với các sản phẩm nhãn hiệu đối chứng 2 và 3

Kể từ khi ra mắt lần đầu tại Nhật Bản, nhãn hiệu NIKKOL được sử dụng như nhãn hiệu chủ cũng như tên thương mại gắn liền với các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

Trên thực tế, các sản phẩm mang nhãn hiệu "NIKKO" của người nộp đơn đã được nhập khẩu và bán ở thị trường Việt Nam từ năm 2010 song song với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng 2 và 3. Trong nhiều năm qua người nộp đơn chưa gặp phải bất kỳ sự nhầm lẫn của người tiêu dùng.

Công ty Nikko Chemicals Co., Ltd. có mạng lưới tiếp thị và phân phối hiệu quả nhằm phân phối các sản phẩm và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng trên toàn thế giới. Mạng lưới phân phối của Công ty đã có mặt tại Châu Âu, Châu Á, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Châu Đại Dương, trong đó có cả Việt Nam.

Do đó, nhãn hiệu "NIKKOL" đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình đăng ký, sử dụng và thừa nhận rộng rãi.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "NIKKOL" và các nhãn hiệu đối chứng "Nikon", "Nikko, hình", "Nikko" tương tự gây nhầm lẫn, cụ thể:

- Về nhãn hiệu:

+ Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký "NIKKOL" và nhãn hiệu đối chứng 1 "Nikon", nhãn hiệu đối chứng 3 "Nikko" là nhãn hiệu chữ, trong đó nhãn hiệu đăng ký là phông chữ thường in hoa; nhãn hiệu đối chứng 1 và 3 viết phông chữ thường.

Nhãn hiệu đối chứng 2 "Nikko, hình" bao gồm phần chữ "Nikko" và phần hình elip, trong đó phần chữ "Nikko" có "N" cách điệu, chữ "i" phía trên là hình ngôi sao. Toàn bộ phần chữ màu trắng nằm trong hình elip màu xanh.

Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của 06 ký tự /N-I-K-K-O-L/, còn các nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của 05 ký tự /N-i-k-o-n/ (nhãn hiệu đối chứng 1), /N-i-k-k-o/ (đối chứng 2), /N-i-k-k-o/ (nhãn hiệu đối chứng 3). Sự kết hợp

này có 03 ký tự đầu giống nhau /NIK/ hoặc /Nik/, chỉ có sự khác nhau ở các ký tự sau /on/ (đối chứng 1), /ko/ (đối chứng 2), /ko/ (nhãn hiệu đối chứng 3). Vì vậy, dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về ấn tượng thị giác.

+ Về âm tiết: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được phát âm thành 02 âm tiết, trong đó nhãn hiệu đăng ký phát âm /Ni-kon/, nhãn hiệu đối chứng 1 phát âm /Ni-kon/, nhãn hiệu đối chứng 2 /Nik-ko/, nhãn hiệu đối chứng 3 /Nik-ko/.

- Về danh mục hàng hóa:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 1 đều đăng ký hàng hóa nhóm 01 với các sản phẩm trùng/tương tự nhau như hóa chất, các loại khoáng sản.

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 2 đều đăng ký hàng hóa nhóm 04 với các sản phẩm trùng/tương tự như dầu nhớt và dầu nhờn để bôi trơn động cơ và bôi trơn công nghiệp; các các sản phẩm dầu mỡ, dầu thắng.

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 3 đăng ký hàng hóa nhóm 03 với các sản phẩm trùng/tương tự như sữa tắm, dầu gội đầu, kem dưỡng da, xà phòng (bột giặt), mỹ phẩm, keo xịt tóc.

Các thông tin khác nêu trong đơn khiếu nại chỉ mang tính tham khảo và không thuộc trường hợp giải quyết của đơn khiếu nại này.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối nhãn hiệu theo ĐKQT số 1187417 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/51 VTB10 ngày 26/12/2014 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1187417.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, NIKKO CHEMICALS CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và NIKKO CHEMICALS CO., LTD. (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148290/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của RIVOLTA CARMIGNANI S.p.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2018-00087 ngày 01/02/2018 của RIVOLTA CARMIGNANI S.p.A.; địa chỉ: Via Visconti di Modrone, 15 I-20846 MACHERIO (MB), Italy; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1323274 theo Thông báo số 2016/49 VTB10 ngày 06/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4853/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của RIVOLTA CARMIGNANI S.p.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RC THOR, hình" theo đơn quốc tế số 1323274 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "THOR" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 176582 của Marvel Characters, Inc.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1323274 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đối chứng là các chữ cái in hoa, được trình bày theo phông chữ tiêu chuẩn.

Trong khi nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu kết hợp gồm phần chữ và phần hình, trong đó phần chữ "RC THOR" được thể hiện theo các khổ chữ khác nhau, cụ thể là, chữ "RC" được trình bày theo phông chữ in nghiêng, các chữ lồng bằng cách quấn vào nhau; từ "THOR" được trình bày cách điệu với kiểu chữ tròn, béo và đậm, trong đó chữ "H" được tạo thành từ tập hợp các ký hiệu khác và tập hợp các hình bong bóng, khối bọt với các kích thước khác nhau tạo nên một ấn tượng riêng về thị giác.

Chủ nhãn hiệu đối chứng (Marvel Characters, Inc.) đã đồng ý việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "RC THOR, hình" cho các hàng hóa thuộc Nhóm 24 dưới tên RIVOLTA CARMIGNANI S.P.A. tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu kết hợp giữa phần chữ "RC THOR" và yếu tố hình ảnh cách điệu. Trong đó, phần chữ "RC" được trình bày với kích thước nhỏ hơn, đóng vai trò yếu tố dẫn xuất hoặc định danh doanh nghiệp, trong khi phần "THOR" được thể hiện với kiểu chữ nghệ thuật, đường nét tạo hình độc đáo, kèm theo nền họa tiết tạo khối thị giác đặc biệt, mang lại tổng thể thiết kế mang tính thẩm mỹ riêng biệt. Ngược lại, nhãn hiệu đối chứng "THOR" theo GCNĐKNH số 176582 chỉ gồm một từ duy nhất "THOR" được viết in hoa,

phông chữ tiêu chuẩn, không có yếu tố hình ảnh hay cách điệu đặc biệt nào đi kèm.

Ngoài ra, người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của Marvel Characters, Inc., chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng về việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "RC THOR, hình" tại Việt Nam.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1323274, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/49 VTB10 ngày 06/11/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1323274.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1323274, không bảo hộ riêng "RC".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và RIVOLTA CARMIGNANI S.p.A. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148291/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Daniel Matthew Thorn, James Gary Conway
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-01264 ngày 07/12/2017 của Daniel Matthew Thorn, James Gary Conway (trước là Daniel Thorn; địa chỉ: 83 Sefton Lane, Maghull, Liverpool L31 8BU, United Kingdom) đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 995489 theo Thông báo số 2016/41 TDH37 ngày 28/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4855/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Daniel Matthew Thorn, James Gary Conway với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "REYKJAVIK EYES" theo đơn quốc tế số 995489 bị tạm thời từ chối bảo hộ do làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 995489 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "REYKJAVIK EYES" trong đó từ "EYES" đóng vai trò chính, từ "REYKJAVIK" đóng vai trò bổ sung ý nghĩa. Mặc dù REYKJAVIK là tên thủ đô của Iceland nhưng nhãn hiệu đăng ký với ý nghĩa "ĐÔI MẮT REYKJAVIK" hoàn toàn không tạo ra sự liên tưởng rằng hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký có nguồn gốc xuất xứ từ Reykjavík, Iceland.

Bên cạnh đó, Thủ đô Reykjavík của Iceland là một thành phố ở cực Bắc và chủ yếu nổi tiếng về một môi trường sống chất lượng và không có bất cứ thông tin/tài liệu nào chỉ ra rằng Thủ đô Reykjavík có danh tiếng đối với các hàng hóa thuộc Nhóm 09 theo đơn quốc tế số 995489.

Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới như Úc, Trung Quốc, … đặc biệt gồm Iceland.

Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu là tên địa danh hoặc chứa tên địa danh Việt Nam cũng như trên thế giới có tính chất tương tự với nhãn hiệu đăng ký (cụ thể là các nhãn hiệu này cũng được tạo lập từ tên của các địa danh tại Việt Nam và/hoặc các nước trên thế giới), đặc biệt là nhãn hiệu "PANAMA JACK" cho Nhóm 03, 20, 21, 24, 35 và 43 theo Đăng ký nhãn hiệu số 175110, số 259803, số 259804 và số 259805 dưới tên Panama Jack International, Inc. (một công ty mang quốc tịch Hoa Kỳ).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký chứa thành phần "Reykjavik", là tên thủ đô của Iceland thuộc trường hợp dấu hiệu chỉ dẫn địa lý theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Việc kết hợp dấu hiệu này với từ "EYES" – vốn gợi liên tưởng đến thiết bị quang học, hình ảnh – có thể khiến người tiêu dùng Việt Nam hiểu rằng hàng hóa mang nhãn hiệu có xuất xứ từ thành phố Reykjavik, Iceland. Mặc dù người nộp đơn lập luận rằng Reykjavik không nổi tiếng với các sản phẩm thuộc Nhóm 09 và chỉ đóng vai trò bổ trợ trong cấu trúc nhãn hiệu, tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường Việt Nam, sự kết hợp giữa một địa danh nước ngoài và từ ngữ mang tính mô tả ngành hàng có thể gây hiểu sai lệch về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm.

Việc dẫn chiếu một số quốc gia đã bảo hộ nhãn hiệu này không có giá trị ràng buộc trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bởi quyền đánh giá và bảo hộ nhãn hiệu tại mỗi quốc gia phụ thuộc vào điều kiện thị trường và khả năng nhận biết của người tiêu dùng sở tại.

Việc người nộp đơn viện dẫn các nhãn hiệu như "PANAMA JACK", "CAFFE VERONA", "LONG ISLAND", "SAGA",.. đã được bảo hộ tại Việt Nam nhằm chứng minh khả năng chấp nhận bảo hộ đối với nhãn hiệu "REYKJAVIK EYES" là không có giá trị quyết định. Việc cấp văn bằng bảo hộ đối với mỗi nhãn hiệu phải được xem xét độc lập, dựa trên tổng thể dấu hiệu cụ thể, nhóm hàng hóa – dịch vụ đăng ký, bối cảnh sử dụng, cũng như khả năng gây nhầm lẫn trong nhận thức của người tiêu dùng Việt Nam tại thời điểm xét nghiệm.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ đơn quốc tế số 995489 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/41 TDH37 ngày 28/8/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 995489.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí

tuệ, Daniel Matthew Thorn, James Gary Conwaycó quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Daniel Matthew Thorn, James Gary Conway (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148312/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DOUCAL'S S.R.L.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2016-00507 ngày 02/6/2016 của DOUCAL'S S.R.L.; địa chỉ: Via Lombardia, 19/19A, I-63812 MONTEGRANARO (FM), Italy; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 836423 theo Thông báo số 2015/11 NTH27 ngày 15/3/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4847/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DOUCAL'S S.R.L. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DOUCAL'S" theo đơn quốc tế số 836423 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Ducal, hình" bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 483194.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 836423 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký là gồm 07 ký tự (theo thứ tự từ trái qua phải là "D-O-U-C-A-L-S), trong khi đó nhãn hiệu đối chứng gồm 05 ký tự (theo thứ tự từ trái qua phải là "D-u-c-a-l"). Do vậy, nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và cách đọc.

Nhãn hiệu đăng ký chỉ gồm phần chữ được viết in hoa trong khi đó nhãn hiệu đối chứng bao gồm phần hình và phần chữ. Do vậy, nhãn hiệu đăng ký cũng khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về hình thức trình bày.

Ngoài ra nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 483194 cũng đã hết hiệu lực bảo hộ tại Việt Nam từ ngày 06 tháng 2 năm 2014.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 06/02/2014 và đến thời điểm hiện tại đã hết hạn quá 03 năm. Do đó, nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đơn quốc tế số 836423.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 836423, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/11 NTH27 ngày 15/3/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 836423.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 836423.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và DOUCAL'S S.R.L. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148313/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH vàng bạc đá quý Sen Hồng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2020-01132 ngày 17/11/2020 của Công ty TNHH vàng bạc đá quý Sen Hồng; địa chỉ: 230 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-25798 theo Quyết định số 77969/QĐ-SHTT ngày 23/9/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5219/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH vàng bạc đá quý Sen Hồng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SHJ, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-25798 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 77969/QĐ-SHTT ngày 23/9/2020, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 132996 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực từ 29/10/2017 do không được gia hạn. Nhãn hiệu đối chứng cũng không được sử dụng liên tục trong 5 năm (từ 15/8/2012 đến 15/8/2017) cho các sản phẩm/dịch vụ thuộc Nhóm 14 và 35. Bằng chứng kèm theo gồm (i) Trang in từ thư viện số của Cục Sở hữu trí tuệ; và (ii) Công văn của Tạp chí Bản tin Thị trường (Viện Kinh tế Tài chính – Bộ Tài chính) xác nhận việc không sử dụng. Ngày nộp đơn của nhãn hiệu đăng ký là 16/8/2017, sau thời hạn 5 năm không sử dụng của nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các lập luận của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn nhiệu: Nhãn hiệu đăng ký "SHJ, hình" bao gồm phần chữ "SHJ" tương tự gây nhầm lẫn với thành phần chữ của nhãn hiệu đối chứng "SHJ JEWELRY & DESIGN, hình", đăng ký cho các sản phẩm trùng hoặc tương tự với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

2.2. Về lập luận của người khiếu nại: Người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đối chứng đã chấm dứt hiệu lực từ ngày 29/10/2017 do không được gia hạn và không sử dụng liên tục trong 5 năm tính từ ngày 15/8/2012. Tuy nhiên, tính đến thời điểm Quyết định số 77969/QĐ-SHTT được ban hành ngày 23/9/2020, nhãn hiệu đối chứng đã chấm dứt hiệu lực nhưng chưa quá 5 năm và không có

bất kỳ yêu cầu chấm dứt hiệu lực nào đối với nhãn hiệu này được nộp và/hoặc được Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận chính thức thông qua Quyết định chấm dứt hiệu lực. Do đó, tại thời điểm ban hành, Quyết định nêu trên là phù hợp.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-25798 ngày 16/8/2017 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 77969/QĐ-SHTT ngày 23/9/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-25798 ngày 16/8/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH vàng bạc đá quý Sen Hồng có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH vàng bạc đá quý Sen Hồng (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148314/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Hồ Văn Tiền Giang
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2020-00153 ngày 28/02/2020 của Ông/Bà Hồ Văn Tiền Giang; địa chỉ: Khóm Mỹ Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-27330 theo Quyết định số 4631/QĐ-SHTT ngày 14/01/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5239/BC-

TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Hồ Văn Tiền Giang với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NEWDAYS" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-27330 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 4631/QĐ-SHTT ngày 14/01/2020, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 136824 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực từ 18/7/2018 do không được gia hạn. Nhãn hiệu đối chứng cũng không được sử dụng liên tục trong 5 năm từ ngày 01/12/2012. Bằng chứng kèm theo gồm (i) Trang in từ thư viện số của Cục Sở hữu trí tuệ; và (ii) Công văn của Tạp chí Bản tin Thị trường (Viện Kinh tế Tài chính - Bộ Tài chính) xác nhận việc không sử dụng. Người nộp đơn còn cung cấp thông tin Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã giải thể doanh nghiệp ngày 14/01/2010, không còn hoạt động kinh doanh mà không có người kế thừa hợp pháp.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này*".

2. Nhận định, đánh giá:

Người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đối chứng đã chấm dứt hiệu lực từ ngày 18/7/2018 do không được gia hạn, không sử dụng liên tục trong 5 năm tính từ ngày 01/12/2012 và Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã giải thể doanh nghiệp ngày 14/01/2010, không còn hoạt động kinh doanh mà không có người kế thừa hợp pháp. Tuy nhiên, tính đến thời điểm Quyết định số 4631/QĐ-SHTT được ban hành ngày 14/01/2020, nhãn hiệu đối chứng đã chấm dứt hiệu lực nhưng chưa quá 5 năm và không có bất kỳ yêu cầu chấm dứt hiệu lực nào đối với nhãn hiệu này được nộp và/hoặc được Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận chính thức thông qua Quyết định chấm dứt hiệu lực. Do đó, tại thời điểm ban hành, Quyết định nêu trên là phù hợp.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-27330 ngày 29/8/2017 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 4631/QĐ-SHTT ngày 14/01/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-27330 ngày 29/8/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Hồ Văn Tiền Giang có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Hồ Văn Tiền Giang (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148327/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NYT
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-00124 ngày 01/02/2021 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NYT; địa chỉ: Số 19 đường Lê Lai, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn - Dịch thuật - Sở hữu trí tuệ á Đông; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-09395 theo Quyết định số 98740/QĐ-SHTT ngày 24/11/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5173/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NYT với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Thóc Café, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-09395 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 98740/QĐ-SHTT ngày 24/11/2020, căn cứ điểm b, c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do là dấu hiệu không có khả năng phân biệt, mô tả và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 330809 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký mang tính phân biệt rõ ràng, đáp ứng yêu cầu bảo hộ theo quy định pháp luật. Cụ thể, khi so với nhãn hiệu đối chứng:

- Về tổng thể thiết kế: Nhãn hiệu đăng ký bao gồm hình tròn, chữ "Thóc" lớn ở giữa, có nét uốn lượn và hai bông lúa. Nhãn hiệu đối chứng "nhà thóc" bao gồm hai chữ viết thường, trình bày hai dòng, màu đỏ và xanh lá, có hình hạt thóc vàng xuyên qua chữ "o".

- Về phần chữ "Thóc": Nhãn hiệu đăng ký có từ "Thóc" nổi bật, ấn tượng mạnh. Nhãn hiệu đối chứng "nhà thóc" có thiết kế riêng, màu sắc khác biệt, cũng gây ấn tượng riêng.

- Về phát âm: "Thóc" một âm, một từ. "Nhà thóc" hai âm, hai từ. Người Việt hoàn toàn phân biệt được hai cách phát âm này.

- Về khả năng phân biệt: Nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt rõ với nhãn hiệu đối chứng theo Điều 74.2e Luật SHTT, không gây nhầm lẫn về nguồn gốc sản phẩm.

- Dấu hiệu mô tả quy định tại điều 74.2b và 74.2c: Hình bông lúa và chữ café, kết hợp với chữ "Thóc" tạo thành tổng thể độc đáo. Khi "Thóc" được bảo hộ, các yếu tố còn lại cũng nên được bảo hộ tổng thể để giữ bố cục nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến*".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch*

vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký 

"Thóc Café, hình" bao gồm phần chữ "Thóc" được trình bày nổi bật ở trung tâm, có nét uốn lượn, là thành phần chủ yếu có khả năng phân biệt. Phần chữ này tương tự với phần chữ "thóc", cũng là yếu tố chính, của nhãn hiệu đối chứng "nhà thóc". Danh mục dịch vụ thuộc nhóm 35 liên quan đến hoạt động mua bán thực phẩm, đồ uống và nhóm 43 liên quan đến việc cung cấp dịch vụ ăn uống nhà hàng, quán của nhãn hiệu đăng ký trùng hoặc tương tự với các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, đồng thời đăng ký cho dịch vụ trùng hoặc tương tự nhau, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

2.2. Nhãn hiệu đăng ký còn bao gồm phần hình là biểu tượng bông lúa quen thuộc, và phần chữ "café" mô tả trực tiếp sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 30, 35 và 43 theo đơn đăng ký.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b, c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-09395 ngày 29/3/2018 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 98740/QĐ-SHTT ngày 24/11/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-09395 ngày 29/3/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NYT có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NYT (qua Công ty TNHH Tư vấn - Dịch thuật - Sở hữu trí tuệ á Đông) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148328/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Phạm Văn Khiếu
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2020-00068 ngày 30/01/2020 của Ông/Bà Phạm Văn Khiếu; địa chỉ: Số 1/88 đại lộ Bình Dương, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-04056 ngày 28/02/2017 theo Quyết định số 112181/QĐ-SHTT ngày 11/12/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5249/BC-TTKN

ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Phạm Văn Khiếu với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "VSIP oil" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-04056 có Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 31122/SHTT-NH ngày 04/6/2019 vì lý do phần chữ tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng số 31626 và 309742, phần hình tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng số 68922.

Trong Công văn trả lời Thông báo nêu trên, người nộp đơn phân tích sự khác biệt của nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng số 31626 và 309742 về sản phẩm, dịch vụ. Đối với đối chứng số 68922, người nộp đơn xin loại bỏ phần hình trong nhãn hiệu đăng ký và cho rằng sau khi loại bỏ phần hình, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

Trong Quyết định số 112181/QĐ-SHTT ngày 11/12/2019 về việc từ chối cấp GCNĐKNH, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

"Chủ đơn nhãn hiệu yêu cầu đăng ký có địa chỉ tại Bình Dương, nơi dự án Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) I - được phát triển từ năm 1996. Khu công nghiệp VSIP là một liên doanh đầu tư được hình thành dựa trên sự hợp tác kinh tế dưới sự hỗ trợ của hai Chính phủ Việt Nam và Singapore, đến nay VSIP đã và đang phát triển tổng cộng 09 dự án trên khắp cả nước với tổng quỹ đất hơn 8,600 ha (trong đó có 03 dự án tại Bình Dương).

Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "VSIP oil" có thành phần phân biệt chính là "VSIP" (do "oil" là tên gọi thông thường của hàng hóa, không có khả năng phân biệt), thành phần này tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách phát âm và sự cách điệu trong cách trình bày chữ "V", do vậy tuy không trùng hay tương tự về sản phẩm/dịch vụ nhưng nhãn hiệu yêu cầu đăng ký vẫn gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm, tổn hại đến uy tín của chủ nhãn hiệu đối chứng".

Trong đơn khiếu nại, người nộp đơn cho rằng sản phẩm theo đơn đăng ký của người nộp đơn là "Dầu nhớt dùng cho động cơ xe máy, xe ô tô, phương tiện đường thủy; dầu nhớt dùng trong công nghiệp", trong khi dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng là dịch vụ liên quan đến xây dựng, cung cấp, quản lý bất động sản cho khu công nghiệp. Do đó, không cùng đối tượng người tiêu dùng, khác biệt kênh tiêu thụ/sử dụng sản phẩm/dịch vụ. Bên cạnh đó, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng tuy có chung thành phần "VSIP" nhưng các nhãn hiệu khác nhau về tổng thể. Không có quy định nào ngăn cấm việc hai chủ sở hữu nhãn hiệu ở cùng khu vực hành chính đăng ký nhãn hiệu giống nhau cho các sản

phẩm, dịch vụ khác nhau. Hơn nữa, nhãn hiệu đối chứng số 31626, 309742 không phải là nhãn hiệu nổi tiếng, hay được mọi người dân trong xã hội biết đến mà chỉ được số ít những công ty, doanh nghiệp liên quan đến việc sử dụng đất đai, nhà xưởng hoặc khu công nghiệp biết đến. Do đó, phạm vi bảo hộ chỉ được giới hạn như trong danh mục của GCNĐKNH và không được cản trở quyền của các tổ chức hay cá nhân khác đăng ký. Đối với đối chứng số 68922, người nộp đơn xin loại bỏ phần hình trong nhãn hiệu đăng ký và cho rằng sau khi loại bỏ phần hình, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Trong nhãn hiệu đăng ký, "oil" là từ tiếng Anh có nghĩa là "dầu" - mang tính mô tả khi sử dụng cho các sản phẩm dầu nhớt thuộc nhóm 04 nên không có khả năng phân biệt, phần chữ "VSIP" trùng về các ký tự, cách phát âm và tương tự về hình thức thể hiện với phần chữ trong các nhãn hiệu đối chứng số 31626 và 309742.

- Về sản phẩm, dịch vụ: Nhãn hiệu "VSIP oil" theo đơn số 4-2017-04056 đăng ký cho các sản phẩm liên quan đến dầu nhớt thuộc nhóm 04, trong khi các nhãn hiệu đối chứng số 31626, 309742 được sử dụng cho các dịch vụ thuộc nhóm 36, 37, 39 và 42 không liên quan với nhau về bản chất, chức năng và phương thức thực hiện. Do đó, sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được coi là không tương tự.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký trùng về các ký tự, cách phát âm và tương tự về hình thức thể hiện với phần chữ trong các nhãn hiệu đối chứng số 31626 và 309742, tuy nhiên, do sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nên nhãn hiệu đăng ký có thể được coi là có khả năng

phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng số 31626.

Chủ nhãn hiệu đăng ký có địa chỉ tại "Số 1/88 đại lộ Bình Dương, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương", còn chủ nhãn hiệu đối chứng số 31626, 309742 có địa chỉ tại "Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương". Như vậy, chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ nhãn hiệu đối chứng có địa chỉ khác nhau. Việc chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ nhãn hiệu đối chứng cùng có địa chỉ tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương không phải là yếu tố tác động đến khả năng tương tự đến mức gây nhầm lẫn của các nhãn hiệu nêu trên.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-04056 ngày 28/02/2017, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 112181/QĐ-SHTT ngày 11/12/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-04056 ngày 28/02/2017.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2017-04056 ngày 28/02/2017, không bảo hộ riêng "oil".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Phạm Văn Khiếu có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148339/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2019-00629 ngày 22/10/2019 của Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà; địa chỉ: 25-27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INNETCO-Hoàng Phúc; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-05400 theo Quyết định số 89908/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5248/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "KAMI" đăng ký theo đơn số 4-2016-05400 cho nhóm 30 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng là đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 188318. Người khiếu nại nêu lý do đã có nhiều doanh nghiệp được cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu sau khi có điều tra thị trường của Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại thuộc Bộ Công thương về việc nhãn hiệu không được sử dụng tại thị trường Việt Nam. Do đó, người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan, qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "KAMI" và nhãn hiệu đối chứng "KALMI" đều được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa, có 4/5 ký tự trùng nhau và được phát âm là /ka/mi/, /kal/mi/. Sự khác nhau ở ký tư "L" trong nhãn hiệu đối chứng không đủ để tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện. Hơn nữa, hai nhãn hiệu nêu trên đều được sử dụng cho sản phẩm tương tự thuộc nhóm 30. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Mặc dù người nộp đơn đã nộp Văn bản số 107/TT-TTKTQT ngày 13/3/2019 của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại thuộc Bộ Công thương, theo đó, nhãn hiệu đối chứng nêu trên không được chủ sở hữu sử dụng liên tục trong vòng 05 năm từ ngày 02/01/2014 đến nay tại thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, Văn bản số 107/TT-TTKTQT ngày 13/3/2019 nêu trên không đủ cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đối chứng đã bị chấm dứt hiệu lực.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-05400 ngày 07/03/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 89908/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-05400 ngày 07/03/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INNETCO-Hoàng Phúc) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148340/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Coca-Cola Company
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2021-00865 ngày 20/9/2021 của The Coca-Cola Company; địa chỉ: One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A.; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-29768 theo Quyết định số 63669/QĐ-SHTT ngày 28/7/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4894/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The Coca-Cola Company với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn ĐKNH số 4-2018-29768 (Nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 63669/QĐ-SHTT ngày 28/7/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ do không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 74 Luật SHTT. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

(i) Nhãn hiệu đăng ký không phải là dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm xin đăng ký và sẽ không làm người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của hàng hóa, và đáp ứng điều kiện bảo hộ theo điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật SHTT, cụ thể là:

- Phần chữ "GEORGIA" không mang ý nghĩa mô tả nguồn gốc địa lý vì nó không đáp ứng hai yếu tố theo luật quy định: (i) sản phẩm có gắn liền với chất lượng đặc trưng tại địa danh đó hay không; và (ii) địa danh đó có được người tiêu dùng nhận biết là nơi xuất xứ của sản phẩm đó không. Trong trường hợp này, các sản phẩm như cà phê, trà, ca cao, ngũ cốc… không phải là đặc sản của bang Georgia (Hoa Kỳ), và nguyên liệu sản xuất ra sản phẩm xin đăng ký cũng không cần có xuất xứ từ khu vực này để tạo thêm bất kỳ danh tiếng về chất lượng hay đặc tính vượt trội nào khác cho các sản phẩm này bởi lẽ Georgia không có những điều kiện địa lý thuận lợi hay ưu đãi hơn cho việc sản xuất các sản phẩm này. Vì vậy, tên gọi "GEORGIA" không mang tính mô tả về đặc tính hay chất lượng sản phẩm.

- "GEORGIA" không thuộc các trường hợp loại trừ bảo hộ theo Điểm 37.8(c) Thông tư 01/2007/BKHCN, tức là không phải địa danh được sử dụng phổ biến để mô tả nơi sản xuất sản phẩm. Người khiếu nại là bên duy nhất sử dụng dấu hiệu "GEORGIA" liên tục, nhất quán và độc quyền trong hoạt động thương mại của mình, nhằm chỉ nguồn gốc thương mại.

- Thành phần "GEORGIA" cũng như tổng thể nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân. Cụ thể là, từ "GEORGIA" được cách điệu với chữ "O" uốn lượn, không khép kín, kết hợp cùng các yếu tố như "MAX COFFEE", dải sóng vàng – nâu đối xứng, bố trí trong khung chữ nhật đứng nền vàng, tạo nên tổng thể độc đáo và dễ nhận biết.

- Nhãn hiệu đăng ký, nhãn hiệu chữ "GEORGIA" và các nhãn hiệu có chứa thành phần chữ "GEORGIA" của Chủ đơn đã được chấp thuận bảo hộ tại hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

- Cục SHTT từng chấp nhận bảo hộ nhiều nhãn hiệu chứa địa danh "London", "Seoul", "Dallas" các sản phẩm khác nhau. Việc từ chối nhãn hiệu đăng ký sẽ thiếu nhất quán với thực tiễn cấp văn bằng trước đây và không phù hợp với nguyên tắc đánh giá dấu hiệu tùy hứng.

(ii) Nhãn hiệu đăng ký khác biệt hoặc có thể phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng về mặt cấu trúc, hình thức thể hiện, ý nghĩa truyền tải, số lượng âm tiết, cách phát âm, và ấn tượng tổng thể. Cụ thể là:

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu kết hợp gồm, trong đó, thành phần chính của nhãn hiệu bao gồm "GEORGIA", "MAX" và phần hình. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 63221 là dấu hiệu chữ gồm một từ "MACCOFFEE", đồng thời là thành phần chính của nhãn hiệu; và nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 306542 là dấu hiệu kết hợp với thành phần chính là "Mac" do "Coffee" và "Café" bị loại trừ.

- Về hình thức trình bày: nhãn hiệu đăng ký có bố cục dọc độc đáo, phối màu vàng, nâu, đen nổi bật, với chữ "GEORGIA", "MAX COFFEE" và các dải sóng đối xứng trong khung chữ nhật đứng nền vàng. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 63221 chỉ gồm chữ "MACCOFFEE" với phông chữ tiêu chuẩn, màu đen, không cách điệu; nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 306542 có chữ "MacCoffee" in đậm, màu trắng trong nền đỏ bo góc, kèm từ "Café" cỡ lớn bên dưới, tất cả đặt trong hình vuông nền đen.

- Về ý nghĩa: từng thành phần trong nhãn hiệu đăng ký có nghĩa nhưng tổng thể nhãn hiệu lại không có bất kỳ ý nghĩa cụ thể nào. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 63221 có thể hiểu là một từ tự tạo không có nghĩa cụ thể, hoặc cũng có thể hiểu là "cà phê MAC", giống ý nghĩa của nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 306542.

- Về âm tiết & cách phát âm: Nhãn hiệu đăng ký có 6 âm tiết, khác biệt với 3 âm tiết của nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 63221 và 5 âm tiết của nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 306542.

- Về ấn tượng tổng thể: Nhãn hiệu đăng ký gây ấn tượng với phần hình chữ nhật đứng, chữ "GEORGIA" cách điệu và dải sóng đặc trưng. Trong khi các nhãn hiệu đối chứng gây ấn tượng với chữ "MACCOFFEE" hoặc "MacCoffee" trên nền hình chữ nhật đen đơn giản.

(iii) Thành phần "MAX COFFEE" trong nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt với các thành phần "MACCOFFEE/MacCoffee" của các nhãn hiệu đối chứng ngay cả khi các thành phần này được tách ra khỏi các nhãn hiệu, cụ thể là:

- Dù "MAX COFFEE" và "MACCOFFEE/MacCoffee" đều chứa yếu tố "Coffee", đây là từ mang tính mô tả và đã bị loại trừ khỏi phạm vi bảo hộ của các nhãn hiệu đối chứng. Do đó, sự kết hợp "MAX" và "MAC" với "Coffee" vẫn đủ tạo nên dấu hiệu phân biệt.

- Thực tế, Cục SHTT từng cho phép đồng tồn tại giữa các nhãn hiệu chứa "MAC" và "MAX" dù đăng ký cho sản phẩm trùng/tương tự, như trường hợp "IMAC PRO" và "iMac Pro" so với "iMAX"/"imax" trong Nhóm 9. Điều này ủng hộ cho lập luận rằng các nhãn hiệu có chứa thành phần "MAC" và "MAX" có thể phân biệt được với nhau khi đăng ký cho cá sản phẩm/dịch vụ trùng/tương tự.

- Không có khả năng gây nhầm lẫn trên thực tế, bởi lẽ các nhãn hiệu đối chứng đã được sử dụng tại Việt Nam từ năm 2013 cho sản phẩm cà phê hòa tan, và tiền tố "Mac" đã được người tiêu dùng nhận diện.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Phần chữ "GEORGIA" trong nhãn hiệu đăng ký không có ý nghĩa chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm xin đăng ký thuộc nhóm 30 (Cà phê, trà, ca cao, đường, gạo, bột sắn hột, bột cọ sagu, cà phê nhân tạo; v.v.), do đó nhãn hiệu đăng ký đáp ứng điều kiện bảo hộ theo điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật SHTT căn cứ vào lý do Georgia (Hoa Kỳ) không phải là nơi xuất xứ nổi tiếng hay có điều kiện địa lý đặc biệt ưu đãi cho việc sản xuất các sản phẩm này.

- Về nhãn hiệu: phần chữ "MAX COFFEE" là thành phần phân biệt chính của nhãn hiệu đăng ký, có cách phát âm trùng với phần chữ "MACCOFFEE" trong các nhãn hiệu đối chứng (cả hai đều được phát âm là /mắc-cô-phi/); tương tự về cấu tạo, khi chỉ khác biệt ở chữ "X" và "C". Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự về cấu tạo và cách phát âm.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Các sản phẩm thuộc nhóm 30 mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các sản phẩm thuộc nhóm 29, 30, và 35 mang nhãn hiệu đối chứng.

- Trường hợp các nhãn hiệu "IMAX" và "IMAC PRO" mà Quý Công ty viện dẫn trong đơn không nằm trong phạm vi giải quyết khiếu nại này.

- Các bằng chứng sử dụng của nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được Quý Công ty viện dẫn chỉ mang tính tham khảo.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc và phát âm, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy phần chữ "GEORGIA" trong nhãn hiệu đăng ký không có ý nghĩa chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm xin đăng ký thuộc nhóm 30, do đó đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn liên quan đến phần chữ "GEORGIA" là có cơ sở.

Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối chấp nhận bảo hộ đối với đơn ĐKNH số 4-2018-29768 do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 63221 ngày 31/05/2005 và số 306542 ngày 11/10/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn liên quan đến căn cứ pháp lý này là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 63669/QĐ-SHTT ngày 28/7/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-29768 ngày 30/08/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở

hữu trí tuệ, The Coca-Cola Company có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Coca-Cola Company (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148341/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH INTRIXAPPLE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2018-00647 ngày 10/10/2018 của Công ty TNHH INTRIXAPPLE; địa chỉ: 15A đường 42, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh , điện thoại 028.62819110; khiếu nại về việc giải quyết đề nghị hủy bỏ hiệu lực của Công ty JURA Elektroapparate AG tại đơn số ĐN1-2014-00091 ngày 25/4/2014 theo Quyết định số 2734/QĐ-SHTT ngày 14/8/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5223/BC-

TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH INTRIXAPPLE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Người khiếu nại đề nghị hủy bỏ Quyết định số 2734/QĐ-SHTT ngày 14/8/2018 về việc giải quyết đề nghị hủy bỏ hiệu lực của Công ty Jura Elektroapparate AG theo đơn số ĐN1-2014-00091 của người khiếu nại đối với VBBH số 221974 cho nhãn hiệu "JURA" với các lý do sau:

- Không có cơ sở nhận định nhãn hiệu "JURA" đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho hàng hóa từ trước ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên trước nhãn hiệu bị đề nghị hủy.

- Nhận định Công ty Jura Elektroapparate AG đã cung cấp giấy chứng nhận độc quyền nhập khẩu và phân phối cho Công ty TNHH Hình khối Vina tại Việt Nam từ 01/02/2013 trước ngày nộp đơn của Công ty TNHH Intrixapple là không chính xác vì nhãn hiệu bị đề nghị hủy đăng ký ngày 17/01/2013.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 1 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ quy định Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực trong các trường hợp sau đây: "Đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ".

Khoản 3 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này với điều kiện phải nộp phí và lệ phí.

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Công ty JURA Elektroapparate AG được thành lập từ năm 1931 và đăng ký nhãn hiệu "JURA" lần đầu ở Thụy sỹ từ năm 2002 và sử dụng tại Việt Nam từ năm 2009. Các thiết bị dùng cho cà phê mang nhãn hiệu "JURA" được nhiều doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ năm 2009 trước ngày nộp đơn của Công ty TNHH Intrixapple và đến năm 2012 được phân phối tại Việt Nam thông qua Công ty TNHH hình khối Vina cho đến nay. Ngoài ra, Công ty JURA Elektroapparate AG đã cung cấp giấy chứng nhận độc quyền nhập khẩu và phân phối cho Công ty TNHH hình khối Vina tại Việt Nam từ 01/02/2013.

Do đó, việc Công ty TNHH Intrixapple nộp đơn ngày 17/01/2013 đăng ký bảo hộ nhãn hiệu "JURA" cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 và được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221974 có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "JURA" đã được biết đến từ trước và tên thương mại của công ty JURA Elektroapparate AG đã được sử dụng tại Việt Nam từ năm 2009. Đồng thời, công ty TNHH

Intrixapple không cung cấp được thêm tài liệu chứng minh quyền nộp đơn đối với nhãn hiệu "JURA" và được hưởng quyền ưu tiên sớm hơn.

Như vậy, nhãn hiệu bị đề nghị hủy không đáp ứng điều kiện bảo hộ tại thời điểm đăng ký, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc chấp nhận đề nghị của Công ty JURA Elektroapparate AG tại đơn số ĐN1-2014-00091 ngày 25/4/2014 về việc hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 221974 đã cấp cho Công ty TNHH INTRIXAPPLE theo Quyết định số 2734/QĐ-SHTT ngày 14/8/2018 của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp, đề nghị của Công ty TNHH INTRIXAPPLE là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 2734/QĐ-SHTT ngày 14/8/2018 về việc về việc giải quyết đề nghị hủy bỏ hiệu lực của Công ty JURA Elektroapparate AG tại đơn số ĐN1-2014-00091 ngày 25/4/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH INTRIXAPPLE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH INTRIXAPPLE có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148344/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ABUS August Bremicker Söhne KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2015-00770 ngày 21/8/2015 của ABUS AUGUST BREMICKER SOHNE KOMMANDITGESELLSCHAFT (nay là: ABUS August Bremicker Söhne KG); địa chỉ: 25, Altenhofer Weg, 58300 WETTER - VOLMARSTEIN, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1082390 theo Thông báo số 2014/23 LMT27 ngày 15/6/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5279/BC-TTKN

ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ABUS August Bremicker Söhne KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TITALIUM" theo ĐKQT số 1082390 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "

" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-017320 ngày 07/8/2012 (nhãn hiệu đối chứng).

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Theo ghi nhận thông tin về đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-17320 thì nhãn hiệu đối chứng đã bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ theo Quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ. Vì vậy, đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên không còn làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1082390.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Ngày 03/08/2016, Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Quyết định số 47930/QĐ-SHTT từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký số 4-2012-017320. Đến thời điểm hiện tại, người nộp đơn không tiến hành thủ tục khiếu nại theo quy định. Vì vậy, đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-017320 không còn là căn cứ để từ chối ĐKQT số 1082390.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1082390, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/23 LMT27 ngày 15/6/2015 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1082390.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1082390.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ABUS August Bremicker Söhne KG (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148345/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Edmon Eisenberg
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2014-00225 ngày 11/3/2014 của José EISENBERG (nay là: Edmon Eisenberg); địa chỉ: 24, avenue Princesse Grace MC-98000 Monaco; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1142453 theo Thông báo số 2012/51 MDQ31 ngày 26/12/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4145/BC-TTKN ngày 30/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Edmond Eisenberg với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "EISENBERG PARIS" theo đơn Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1142453 ngày 20/9/2012 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ do nhãn hiệu có dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa.

Người khiếu nại đề nghị xem xét cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên vì lý do sau:

1. Nhãn hiệu có khả năng phân biệt cho các sản phẩm nhóm 3 và nhóm 25, không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm và theo đó đáp ứng điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ

a) Xét về nhãn hiệu:

Nhãn hiệu bao gồm 2 từ "EISENBERG" và "PARIS" viết thành hai hàng trong đó từ "EISENBERG" là tên chủ đơn đặt bên trên được thiết kế to đậm nổi bật trên nhãn hiệu, còn chữ PARIS đặt bên dưới được thiết kế nhỏ hơn hẳn với nét mảnh hơn. Trong nhãn hiệu, phần chữ "EISENBERG" là thành phần chính có khả năng phân biệt cao trong nhãn hiệu chính là tên chủ đơn và đã được chủ đơn đăng ký rộng rãi tại hơn 50 quốc gia khác nhau trên thế giới theo các đăng ký quốc tế số 951256 từ năm 2007 và 1142449 năm 2012.

b) Xét về sản phẩm:

Trên thực tế, tất cả các sản phẩm nhóm 3, nhóm 25 mang nhãn hiệu được sản xuất tại PARIS – Pháp, mặc dù trụ sở chính của công ty và địa chỉ của chủ sở hữu tại Monaco. Tất cả các sản phẩm được sản xuất tại Pháp, có dòng chữ "Sản xuất tại Pháp" trên bao bì, và mang nguồn gốc từ Pháp, một quốc gia được toàn thế giới công nhận về chất lượng các sản phẩm trong lĩnh vực nước hoa và mỹ phẩm.

Chủ đơn tuyên bố rằng các sản phẩm mang nhãn hiệu có nguồn gốc và liên quan mật thiết với Pháp bởi chúng có sự chứng thực của Pháp trong toàn bộ vòng đời của sản phẩm; chúng được sản xuất khắp các vùng địa lý khác nhau thuộc Pháp, cụ thể tại Paris sau đó được đóng gói tại Pháp và giao hàng từ Pháp.

Tất cả các sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của chủ đơn đặt tại Paris và ngay cạnh Paris. Các nhà cung cấp chính của chủ đơn nằm tại Paris.

Các sản phẩm mang nhãn hiệu được sản xuất, đóng gói, giao hàng từ Paris, và khâu đóng gói và kiểm tra cuối cùng trước khi giao tới khách hàng được thực hiện tại miền Nam nước Pháp với các phương tiện loogictic và kiểm tra, để tuân theo các yêu cầu về chất lượng và kiểm tra ISO 9001. Kho hàng của công ty chủ đơn được đặt gần trụ sở chính, tại phòng Alpes-Maritimes, trong khu Công nghiệp của Carros.

Tất cả các sản phẩm mang nhãn hiệu có mối liên hệ chặt chẽ với Pari, địa danh ghi trên nhãn hiệu, vì các sản phẩm này không thể được giao tới bất cứ đâu trên thế giới mà không có sự cấp phép chính thức của các cơ quan có thẩm quyền tại Pari. Trên thực tế, bất cứ việc giao hàng nào cũng cần có sự đồng ý chính thức của FEBEA (Liên đoàn công nghiệp sắc đẹp Pháp), đặt tại Pari. FEBEA kiểm soát những gì ghi trên bao bì hàng hóa (bao gồm cả việc gán nhãn "sản xuất tại Pháp", và trao một Giấy chứng nhận lưu hành tự do cho từng đơn hàng, theo các quy tắc của quốc gia nhận hàng.

Hạn chế các sản phẩm mang nhãn hiệu được sản xuất tại Pari – Pháp nên chủ đơn đã tiến hành nộp yêu cầu hạn chế danh mục sản phẩm nhóm 3, 25 của đơn nói trên tại Việt Nam tới WIPO.

Như vậy, sau khi hạn chế, tất cả các sản phẩm mang nhãn hiệu theo đăng ký số 1142448 được ghi rõ là "tất cả các sản phẩm được sản xuất tại Pháp, cụ thể tại Pari". Rõ ràng nhãn hiệu được sử dụng cho sản phẩm nhóm 3, nhóm 25 được sản xuất tại Pari, Pháp nên không thể cho rằng nhãn hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa mang nhãn hiệu.

c) Xét người nộp đơn:

Công ty chủ đơn JOSE EISSENBERG S.A. là một phần của Liên đoàn công nghiệp sắc đẹp Pháp "FRBRA", đặt tại Pari, và được coi là một thành viên của Pháp; công ty chủ đơn không thuộc thành phần nào của liên đoàn mỹ phẩm và nước hoa tại Monaco. Theo báo cáo thường niên 2012 của chủ đơn và thông báo tham dự hội chợ 2013 (Eissenberg-FEBEA convocc actifs AG 2 juillet 2013), rõ ràng công ty chủ đơn là một thành viên đang hoạt động của Liên đoàn công nghiệp sắc đẹp Pháp "FEBEA", đặt tại Pari, cũng giống như các công ty mỹ phẩm, thời trang Pháp khác như L'Oreal Luxe International, Pari Laboratoirs, v.v…

Công ty của chủ đơn chịu sự điều chỉnh của Liên minh Châu Âu đối với tất cả các hoạt động sản xuất, đóng gói, bán và giao các sản phẩm của mình trong và từ Pháp. Theo pháp luật Hải quan Liên minh Châu Âu, điều này cho phép gán nhãn "sản xuất tại Pháp" trên từng bao bì sản phẩm. Các sản phẩm

mang nhãn hiệu của chủ đơn được bán theo quy tắc của Liên minh Châu Âu mang mã số thuế VAT Liên minh Châu Âu FR17000057264.

Mã số thuế VAT FR17000057264 của Cộng đồng Châu Âu được cấp vào ngày sáng lập công ty của chủ đơn bởi Trưởng văn phòng tài chính công thuộc Bộ kinh tế và tài chính Pháp, đặt tại Paris, Pháp.

Với các lý do và tài liệu đi kèm nêu trên, rõ ràng Nhãn hiệu sử dụng cho sản phẩm nhóm 3 và nhóm 25 được sản xuất, đóng gói, và giao hàng từ Pari, Pháp nên không thể cho rằng nhãn hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa mang nhãn hiệu.

2. Nhãn hiệu sử dụng cho các sản phẩm nhóm 3 và nhóm 25 đã được đăng ký dưới tên chủ đơn tại nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới

a) Đăng ký lần đầu: Chủ đơn đã được Liên đoàn công nghiệp sắc đẹp Pháp cho phép đăng ký nhãn hiệu đầu tiên của mình năm 2000 trong đó có từ "Paris", với danh mục sản phẩm bao gồm cụm từ "tất cả sản phẩm có nguồn gốc từ Paris". Nhãn hiệu đăng ký lần đầu số 003024748 ngày 17/11/2000.

b) Đăng ký trên thế giới: Nhãn hiệu đã được bảo hộ tại 40 quốc gia khác nhau trên thế giới (Úc, Bỉ, Luých xăm bua, 28 quốc gia liên minh châu Âu, …). Bởi vậy, nhãn hiệu đã thực sự đạt được khả năng phân biệt cao cho các sản phẩm mang nhãn, trở nên quen thuộc với người tiêu dùng và thực sự đáp ứng yêu chuẩn là một nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "EISENBERG PARIS" gồm hai từ "EISENBERG" và "PARIS", trong đó "PARIS" là địa danh tên thủ đô của nước Pháp; nhãn hiệu có ý nghĩa chỉ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Trong khi đó, chủ đơn đăng ký có địa chỉ trụ sở tại Monaco. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký có thể làm cho người tiêu dùng hiểu nhầm về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa.

Các tài liệu nộp theo đơn là các bản sao, chỉ mang tính tham khảo, không có giá trị pháp lý.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối ĐKQT số 1142453 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2012/51 MDQ31 ngày 26/12/2013 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1142453.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Edmond Eisenberg có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Edmond Eisenberg (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148346/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Pat McGrath Cosmetics LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-01022 ngày 19/9/2017 của Pat McGrath Cosmetics LLC; địa chỉ: 126 Fifth Avenue New York NY 10011; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1302039 theo Thông báo số 2016/27 VTB01 ngày 29/5/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5185/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Pat McGrath Cosmetics LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "GOLD 001" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1302039 bị từ chối vì dấu hiệu "GOLD 001" thuộc dấu hiệu loại trừ theo quy định tại Điều 74.2.(a,c) Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "GOLD 001" theo ĐQT số 1302039 với các lý do sau:

1. Nhãn hiệu không mang tính mô tả cho sản phẩm mang nhãn

Trong tiếng Việt, từ "GOLD" có nghĩa là "vàng, tiền vàng, màu vàng". Rõ ràng với ý nghĩa này, người tiêu dùng không thể nào liên tưởng đến các sản phẩm "mỹ phẩm và đồ trang điểm (mỹ phẩm)" thuộc nhóm 03.

Nói cách khác, theo tư duy của người tiêu dùng thông thường, từ "GOLD" không trực tiếp mô tả đến bất kỳ đặc tính nào của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn và do đó không nên bị coi là lý do để từ chối bảo hộ nhãn hiệu.

2. Nhiều nhãn hiệu có chứa thành phần "GOLD" đã được chấp nhận bảo hộ tại Việt nam mà không bị coi là mang tính mô tả cho sản phẩm nhóm 03 xin đăng ký

Thực tế xét nghiệm đơn đăng ký nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ cho thấy rất nhiều nhãn hiệu có chứa thành phần "GOLD" đã được chấp nhận bảo hộ mà không bị từ chối vì lý do nhãn hiệu mang tính mô tả cho các sản phẩm "mỹ phẩm và các sản phẩm liên quan đến mỹ phẩm" thuộc nhóm 03 xin đăng ký. Cụ thể:

+ Nhãn hiệu "GOLD RADIANCE" theo GCNĐKNH số 143555;
+ Nhãn hiệu "THE POWER OF GOLD" theo GCNĐKNH số 154719;
+ Nhãn hiệu "PINEOIL GOLD" theo GCNĐKNH số 191554;
+ Nhãn hiệu "PINE POWER OF GOLD" theo GCNĐKNH số 205361;
+ Nhãn hiệu GOLD TEMPTATION" theo GCNĐKNH số 233403;
+ Nhãn hiệu "FIRE AND GOLD" theo GCNĐKNH số 277604;

Từ danh sách trên có thể thấy, các nhãn hiệu chứa thành phần "GOLD" đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho các sản phẩm "mỹ phẩm và các sản phẩm liên quan đến mỹ phẩm" thuộc nhóm 03 mà không bị từ chối bảo hộ vì bất cứ lý do gì và bản thân chữ "GOLD" trong các nhãn hiệu này cũng được bảo hộ mà không bị coi là mô tả.

Đặc biệt, nhãn hiệu "GOLD TEMPTATION" theo đăng ký số 233403 được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "TEMPTATION".

Những tiền lệ nêu trên trong thực tế xét nghiệm đơn nhãn hiệu của Cục Sở hữu trí tuệ đã củng cố mạnh mẽ cho luận điểm nhãn hiệu "GOLD 001" của chủ

đơn về tổng thể có khả năng phân biệt có các sản phẩm mang nhãn và bởi vậy nhãn hiệu không phải là trường hợp ngoại lệ và nên được bảo hộ tại Việt nam.

3. Nhãn hiệu đã được đăng ký rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới

Cho đến nay, nhãn hiệu "GOLD 001" cho các sản phẩm nhóm 3 đã được đăng ký rộng rãi tại 37 quốc gia trên toàn thế giới, bao gồm Cộng đồng chung châu Âu (27 quốc gia), Hàn Quốc, Mê-xi-cô, Ô man, Xin-ga-po, Mỹ, Ma Rốc, Gioóc-đan, Li-ban, Y-ê-men, Các tiêu vương quốc Ả rập thống nhất.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "GOLD 001" được kết hợp bởi từ "GOLD" có nghĩa là "vàng, màu vàng" và số "001" nên cả cụm từ được hiểu "vàng/màu vàng 001" có tính mô tả cho sản phẩm mà nhãn hiệu đăng ký áp dụng thuộc nhóm 03 là "Mỹ phẩm và đồ trang điểm".

- Các tài liệu để chứng minh nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi là các tài liệu nhãn hiệu đăng ký tại một số quốc gia như Hàn Quốc, Singapore, Cộng đồng chung Châu Âu,… mà chưa chứng minh nhãn hiệu đã sử dụng rộng rãi tại Việt Nam nên các tài liệu đó chưa đầy đủ và thiếu sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1302039 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/27 VTB01 ngày 29/5/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1302039.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Pat McGrath Cosmetics LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Pat McGrath Cosmetics LLC (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148350/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Iberica Olive Line, S.L.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-01178 ngày 03/11/2017 của Iberica Olive Line, S.L. (trước là OLIVE LINE INTERNATIONAL, S.L).; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 938133 theo Thông báo số 2016/39 NTH21 ngày 08/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4410/BC-

TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Iberica Olive Line, S.L. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Maestro de Oliva, hình" theo đơn quốc tế số 938133 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "MAESTRO" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 38166 của P.T. Sari Incofood Corporation.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 938133 với lý do như sau:

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã có Thư chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu cho các nhóm 29 và 30 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký gồm phần chữ "Maestro de Oliva" nằm trong hình ruy băng màu đỏ và phần hình ở dưới là 02 quả ô liu mà tím đen nên có khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng chỉ có duy nhất phần chữ "MAESTRO".

Ngoài ra, người nộp đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cấp Thư chấp thuận cho việc đăng ký và sử dụng các nhóm 29 và 30 tại Việt Nam.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn đơn quốc tế số 938133, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/39 NTH21 ngày 08/8/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 938133.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 938133.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Iberica Olive Line, S.L. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148351/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Donaldson Filtration Deutschland GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2018-00115 ngày 08/02/2018 của Donaldson Filtration Deutschland GmbH; địa chỉ: Bussingstrasse 1, 42781 Haan, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1326951 theo Thông báo số 2016/52 HBN01 ngày 07/12/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5079/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Donaldson Filtration Deutschland GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Donaldson LifeTec" theo đơn quốc tế số 1326951 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng như sau:

- Nhãn hiệu "DONALDSON" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 10039 của Donaldson Company, Inc.

- Nhãn hiệu "LifeTech, hình" bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 870294, 864734 của Guangdong Zhenhua Electrical Appliance Co., Ltd.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1326951 với lý do như sau:

- Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 10039 đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu đăng ký gồm cụm từ "Donaldson LifeTec" được trình bày theo phông chữ tiêu chuẩn, 05 âm tiết khác biệt so với các nhãn hiệu đối chứng gồm cụm từ "LifeTech" được thể hiện theo lối viết đặc biệt và các ký tự Trung Quốc, 02 âm tiết.

Hàng hóa/dịch vụ yêu cầu bảo hộ thuộc Nhóm 07, 11, 37 khác biệt rõ về bản chất, công dụng, đối tượng tiêu dùng và kênh lưu thông so với hàng hóa của các nhãn hiệu đối chứng;

Nhãn hiệu đăng ký đã được cấp văn bằng đồng thời với các nhãn hiệu đối chứng tại nhiều quốc gia như EU, Thụy Sỹ, Belarus, Na Uy...

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Dấu hiệu "Donaldson LifeTec" là tổ hợp gồm hai thành phần "Donaldson" và "LifeTec", trong đó "Donaldson" là yếu tố đã được chủ sở hữu Donaldson Company, Inc, chủ sở hữu Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 10039 chính thức cấp Thư đồng ý cho phép sử dụng và đăng ký tại Việt Nam dưới tên Donaldson Filtration Deutschland GmbH. Đối với thành phần "LifeTec", mặc dù có thể tạo liên tưởng ngữ nghĩa và có mức độ tương đồng nhất định về ngữ âm với yếu tố "LifeTech" trong các nhãn hiệu đối chứng theo đăng ký quốc tế số 864734 và 870294, tuy nhiên cần đặt trong bối cảnh cụ thể của dấu hiệu tổ hợp. Nhãn hiệu "Donaldson LifeTec" là một dấu hiệu phức hợp, trong đó sự kết hợp giữa hai thành phần đã tạo ra một tổng thể có khả năng nhận diện riêng biệt. Mặc dù trong tiếng Việt, người tiêu dùng có thể phát âm "LifeTec" và "LifeTech" gần giống nhau, nhưng sự hiện diện nổi bật của yếu tố "Donaldson", một dấu hiệu đã có nhận biết riêng giúp tao khả năng phân biệt cho tổng thể nhãn hiệu đăng ký.

Ngoài ra, hàng hóa và dịch vụ mang nhãn hiệu "Donaldson LifeTec" được đăng ký bảo hộ cho các nhóm 07, 11 và 37, bao gồm chủ yếu là các thiết bị lọc không khí, lọc hơi, lọc chất lỏng và khí gas, cùng với các bộ phận và vật liệu lọc chuyên dụng phục vụ cho ngành công nghiệp hóa chất, dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và đồ uống; các thiết bị và hệ thống lọc khí công nghiệp; và dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các thiết bị lọc nêu trên. Đây là các sản phẩm kỹ thuật cao, có tính chuyên biệt rõ rệt, được thiết kế phục vụ cho các hệ thống công nghiệp hoặc dây chuyền sản xuất có yêu cầu về độ tinh khiết, an toàn và hiệu suất trong xử lý môi trường sản xuất. Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng như theo ĐKQT số 864734 và 870294 lại được bảo hộ cho các hàng hóa phổ thông hơn, chẳng hạn như bơm nước, bơm khí (dùng trong hồ cá, sinh hoạt), thiết bị chiếu sáng, thiết bị lọc nước dân dụng, đèn khử trùng và các sản phẩm sử dụng trong môi trường gia đình hoặc tiểu thủ công nghiệp. Như vậy, có sự khác biệt căn bản giữa hai nhóm sản phẩm về bản chất kỹ thuật, mục đích sử dụng (công nghiệp nặng so với dân dụng), đối tượng khách hàng (doanh nghiệp kỹ thuật chuyên môn cao so với người tiêu dùng phổ thông) và kênh lưu thông (phân phối thiết bị công nghiệp chuyên dụng qua các đại lý kỹ thuật hoặc dự án đầu tư so với bán lẻ thông thường).

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1326951, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/52 HBN01 ngày 07/12/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1326951.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1326951.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Donaldson Filtration Deutschland GmbH (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148352/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Osterberg Ice Cream A/S
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-00728 ngày 12/7/2017 của Osterberg Ice Cream A/S; địa chỉ: Rynkebyvej 243, DK-5350 Rynkeby, Denmark; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1259919 theo Thông báo số 2015/31 VTB33 ngày 04/08/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5080/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Osterberg Ice Cream A/S với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "østerberg ice cream, hình" theo đơn quốc tế số 1259919 do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "osterberg, hình" theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 112299, 88526, 257986 của Osterberg Service & Trading A/S.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1259919 với lý do như sau:

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã có Thư chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu cho các nhóm 29, 30, 35 và 43 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Mặc dù, người nộp đơn đã có Thư đồng ý do Osterberg Service & Trading A/S – chủ sở hữu hợp pháp của các nhãn hiệu đối chứng cấp, trong đó xác nhận rõ ràng sự đồng thuận về việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "østerberg ice cream" tại Việt Nam cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan trong các nhóm 29, 30, 35 và 43. Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký "østerberg ice cream" có thành phần phân biệt chính là từ "osterberg" trùng với yếu tố nhận diện chính của các nhãn hiệu đối chứng. Thành phần "ice cream" chỉ mang tính mô tả sản phẩm, không tạo nên sự khác biệt đáng kể về mặt thị giác, âm tiết hoặc ý nghĩa. Ngoài ra, hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là sản phẩm "kem", có kênh tiêu thụ và đối tượng người tiêu dùng tương đồng nên vẫn gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ cho đơn quốc tế số 1259919 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/31 VTB33 ngày 04/08/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1259919.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Osterberg Ice Cream A/S có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Osterberg Ice Cream A/S (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148354/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Trippe Manufacturing Company
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2016-00747 ngày 29/8/2016 của Trippe Manufacturing Company; địa chỉ: 1111 W. 35th Street, Chicago IL 60609, United States; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1246691 theo Thông báo số 2015/18 HBN26 ngày 05/5/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5131/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Trippe Manufacturing Company với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TRIPP LITE SMARTRACK" theo đơn quốc tế số 1246691 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng như sau:

- Nhãn hiệu "SMARTRAC" bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 861259 của Avery Dennison Retail Information Services LLC;

- Nhãn hiệu "SMARTTRAK" bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 740708 của BASF Coatings GmbH.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1246691 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký có sự phân biệt nhất định với nhãn hiệu đối chứng "SMARTRAC" theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 861259. Bên cạnh đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "SMARTRAC" theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 861259 là Smartrac IP B.V. và chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký là Trippe Manufacturing Company lại có một Thỏa thuận về sự cùng tồn tại nhãn hiệu trên phạm vi toàn thế giới.

Nhãn hiệu đăng ký theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1246691 phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "SMARTTRAK" theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 740708 do có các đặc điểm sau:

Nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm một từ duy nhất "SMARTTRAK" trong khi đó nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "TRIPP LITE SMARTRACK". Do vậy, nhãn hiệu đăng ký theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1246691 là phân biệt với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 740708 về cấu trúc, cách đọc và hình thức thể hiện.

Hàng hoá đăng ký theo nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm dùng để lưu giữ, tạo khung và bảo vệ phần cứng máy tính và các thiết bị điện tử trong khi đó hàng hoá đăng ký theo nhãn hiệu đối chứng lại là các thiết bị phần cứng, phần mềm và thiết bị ngoại vi dùng để xử lý mầu sắc của sơn và các chất phủ.

Căn cứ thông tin ghi nhận tại Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 740708 và số 1246691 thì nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng "SMARTTRAK" đang

được bảo hộ đồng thời tại Thụy Sỹ, Na Uy và rất nhiều quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.

Trước nhãn hiệu đăng ký "TRIPP LITE SMARTRACK", Chủ đơn cũng đã đăng ký nhãn hiệu "TRIPP LITE" cho các hàng hoá/dịch vụ thuộc Nhóm 09 và 37 tại Việt Nam và nhãn hiệu này đã được chấp thuận bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu tổ hợp gồm ba yếu tố "TRIPP", "LITE" và "SMARTRACK", trong đó hai thành tố đầu "TRIPP LITE" đóng vai trò nhận diện thương mại riêng biệt đã được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 1065829 tại Việt Nam, còn thành tố "SMARTRACK" tuy có một phần trùng âm tiết với các nhãn hiệu đối chứng như "SMARTTRAK" và "SMARTRAC", nhưng khác biệt đáng kể về cấu trúc, ngữ nghĩa và tổng thể dấu hiệu. Các nhãn hiệu đối chứng đều có cấu trúc đơn lập, thiếu các yếu tố nhận diện bổ sung, trong khi nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu ba phần, thể hiện theo hình thức tiêu chuẩn, dễ phân biệt trong nhận thức thông thường của người tiêu dùng. Về nhóm hàng hóa, mặc dù cùng thuộc nhóm 09, nhưng sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký (khung, tủ bảo vệ thiết bị phần cứng) có chức năng vật lý, cơ học, khác biệt bản chất với các sản phẩm điện tử truyền tín hiệu (RFID hoặc cảm biến kỹ thuật số) mang nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1246691, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/18 HBN26 ngày 05/5/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1246691.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1246691.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Trippe Manufacturing Company (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148355/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Schwarzwaldmilch GmbH Freiburg
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2016-00180 ngày 03/3/2016 của Schwarzwaldmilch GmbH Freiburg; địa chỉ: Haslacher Str.12 79115 Freiburg Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1226621 theo Thông báo số 2014/48 NNL09 ngày 08/12/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5040/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Schwarzwaldmilch GmbH Freiburg với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Black Forest milk, hình" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1226621 cho sản phẩm thuộc nhóm 29 và 30 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "BLACK FOREST, Arabica Coffee, café, Hương vị của thành công, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 109592 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "Black Forest milk, hình" theo ĐQT số 1226621 với các lý do sau:

Để hỗ trợ cho việc khiếu nại Thông báo từ chối nêu trên, ngày 02/03/2016, thừa ủy quyền của chủ ĐKQT, người nộp đơn đã nộp đơn đề nghị số ĐN1-2016-00095 yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng trên cơ sở không được sử dụng trong 5 năm liên tục, dựa trên kết quả điều tra sử dụng nhãn hiệu số 18/TCTTGC-CV ngày 22/02/2016 của Tạp chí Thị trường giá cả – Bộ Tài Chính.

Ngày 29/03/2016, Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Thông báo chuyển tải ý kiến của người nộp đơn cho chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã không có bất kỳ ý kiến gì.

Theo điều 21.3 Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007, trong trường hợp chủ văn bằng bảo hộ không có ý kiến gì, thời hạn để Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định chấm dứt hoặc Thông báo từ chối chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ là 6 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu chấm dứt hiệu lực. Theo đó, hồ sơ yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên đã cần phải được giải quyết trước ngày 02/09/2016.

Tuy nhiên trên thực tế, việc xem xét giải quyết nêu trên đã bị trì hoãn gần 3 năm, cho tới khi nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực và hết cả 6 tháng ân hạn. Ngày 24/5/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Thông báo số 9403/SHTT-TTKN với nội dung không tiếp tục xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ của nhãn hiệu đối chứng vì đã hết hiệu lực và không được gia hạn.

Việc trì hoãn quá lâu việc giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực và không giải quyết khi đối tượng của yêu cầu chấm dứt đã không còn là hoàn toàn không đúng với quy định của pháp luật và ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bên đề nghị chấm dứt.

Nhãn hiệu đối chứng đã hiết hiệu lực vào ngày 30/10/2016 và không được gia hạn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Do nhãn hiệu đối chứng "BLACK FOREST, Arabica Coffee, café, Hương vị của thành công, hình" theo GCNĐKNH số 109592 đã hết hiệu lực từ ngày 30/10/2016 và không được chủ sở hữu gia hạn lại hiệu lực, nên không lấy nhãn hiệu trên làm đối chứng đối với ĐQT số 1226621.

- Chấp nhận bảo hộ tổng thể "Black Forest milk, hình", không bảo hộ riêng "milk" theo ĐQT số 1226621.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1226621, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/48 NNL09 ngày 08/12/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1226621.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "Black Forest milk, hình", không bảo hộ riêng "milk" theo ĐQT số 1226621 theo đơn quốc tế số 1226621.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Schwarzwaldmilch GmbH Freiburg (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148356/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Glashutter Uhrenbetrieb GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2013-01000 ngày 23/9/2013 của Glashutter Uhrenbetrieb GmbH; địa chỉ: Altenberger Strasse 1, D-01768 Glashutte /Sa., GERMANY; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-24750 ngày 24/11/2010 theo Quyết định số 35654/QĐ-SHTT ngày 29/6/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5095/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Glashutter Uhrenbetrieb GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Glashütte ORIGINAL" ("Glashutte ORIGINAL, hình") theo đơn số 4-2010-24750 đăng ký cho nhóm 35 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với toàn bộ nhãn hiệu theo Quyết định số 35654/QĐ-SHTT đề ngày 29/06/2013 vì (i) phần chữ "Glashutte" là tên của một thành phố ở huyện Sachsische Schweiz-Osterzgebirge, bang tự do Sachsen, Đức; (ii) phần chữ "Original" mang tính mô tả sản phẩm, không có khả năng phân biệt theo quy định tại Điều 74.2.c, đ Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên dựa trên các lý do sau:

1. Nhãn hiệu "Glashutte ORIGINAL, hình" có khả năng phân biệt tổng thể

Thứ nhất, qua tra cứu, tìm kiếm trên công cụ tìm kiếm mạnh nhất hiện nay – Google đối với từ "Glasshutte Original", chúng tôi thấy rằng kết quả đầu tiên và hầu hết các kết quả đều chỉ về nhãn hiệu đăng ký của người nộp đơn.

Theo quy định tại Điều 74.2.đ Luật Sở hữu trí tuệ, một dấu hiệu không được bảo hộ là nhãn hiệu nếu đó là yếu tố chỉ nguồn gốc địa lý. Theo hướng dẫn được cụ thể hóa tại Điểm 6.2.5.4 Quy chế thẩm định nhãn hiệu cũng như thực tiễn thẩm định hiện nay, tên địa lý hành chính ở đây được hiểu là từ cấp huyện trở lên, có thể là cấp thấp hơn (ví dụ: xã, làng, bản…) nếu các tên địa lý này có danh tiếng cho sản phẩm, dịch vụ tương ứng.

Theo quy định tại các Điều 2, 5 6, 7 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính của Việt Nam, một trong số các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp huyện là cần phải có quy mô dân số tối thiểu là 80 nghìn người (đối với huyện miền núi) hoặc 120-150 nghìn người (đối với huyện đồng bằng hoặc khu vực đô thị).

Trong trường hợp này, theo thông tin tại từ điển Wikipedia, "Glashutte" là một thành phố thuộc huyện Sächsische Schweiz-Osterzgebirge, bang tự do Sachsen, Đức, với diện tích chỉ 95,57 km2 và dân số khoảng 6.500 người. Như vậy, mặc dù được gọi là "thành phố" (city) nhưng địa danh này là đơn vị hành chính trực thuộc huyện và có quy mô nhỏ nhất (tương đương với thị trấn, phường, xã), hoàn toàn khác biệt với định nghĩa "thành phố" ở Việt Nam (thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Từ kết quả này có thể thấy rằng địa danh "Glashutte" chỉ là một địa danh rất nhỏ, tương đương với "thị trấn, phường, xã", và không có danh tiếng gắn liền

với bất kỳ sản phẩm/dịch vụ nào, vì vậy việc một người tiêu dùng Việt Nam bất kỳ có thể biết đến tên địa danh này là không có.

Thứ hai, nhãn hiệu đăng ký được thể hiện rất độc đáo, riêng biệt và tạo được khả năng phân biệt một cách tổng thể cho nhãn hiệu, cụ thể là:

- phần chữ "Glashütte" được trình bày cách điệu với chữ cái "G" được viết gần giống như sự kết hợp của chữ cái "C" và "f" trong đó chữ "C" được trình bày in nghiêng với phông chữ to, nổi bật; chữ cái "h" với phần đuôi được hất về phía bên trái; chữ cái "u" được trình bày cách điệu giống hình mặt cười.

- Phần chữ "ORIGINAL" được viết theo phông chữ tiêu chuẩn không chân, không cách điệu, phông chữ nhỏ phía dưới phần chữ "Glashutte".

Như vậy, tổng thể nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt.

2. Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ, sử dụng và thừa nhận rộng rãi từ trước ngày nộp đơn

1. Sơ lược lịch sử hình thành của người nộp đơn và loại đồng hồ mang nhãn hiệu "Glashütte Original"

Lịch sử về chiếc đồng hồ Glashütte có từ năm 1845 khi nhà máy sản xuất đồng hồ Glashütte đầu tiên được sáng lập bởi F.A.Lange. Vào năm 1951, các nhà máy địa phương được sáp nhập và thành lập nên một công ty là VEB Glashütte Uhrenbetrieb và sau đó được đổi tên thành Glashütter Uhrenbetrieb GmbH vào năm 1994 – chính là người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên. Người nộp đơn thực sự là một nhà máy cao cấp sản xuất tất cả các loại đồng hồ mang nhãn hiệu Glashütte Original. Người nộp đơn thiết kế và sản xuất hàng nghìn thiết bị chính xác về chuyển động cơ học theo tiêu chuẩn chất lượng cao nhất đồng thời sở hữu nhiều sáng chế về chuyển động. Glashütte Uhrenbetrieb đã đạt được danh tiếng vì sự hoàn hảo trong lĩnh vực sản xuất đồng hồ cao cấp. Ngày nay, người nộp đơn định hướng sản xuất các loại đồng hồ chất lượng cao, hiện đại, tinh xảo và đúng xuất xứ mà thực sự như một biểu hiện tự nhiên về sự xuất sắc trong lĩnh vực kỹ thuật và sản xuất của Cộng hòa Liên bang Đức.

2. Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại nước sở tại và nhiều quốc gia trên thế giới

2. 1. Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại nước sở tại – Đức

Nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL" đang được bảo hộ tại Đức - nước sở tại của người nộp đơn từ năm 2006.

Theo khoản A-(1) Điều 6 quinquies của Công ước Paris về Bảo hộ sở hữu công nghiệp mà Việt Nam và Đức đều là thành viên, cho thấy nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nước xuất xứ - Đức nên Nhãn hiệu đăng ký cần được bảo hộ tại Việt Nam.

2. 2. Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới

Trong quá trình phát triển, người nộp đơn đã mở rộng việc đăng ký Nhãn hiệu đăng ký tại rất nhiều quốc gia trên khắp các châu lục và đã được chấp nhận bảo hộ tại 100 quốc gia, bao gồm: Albania, Andorra, Antiqua and Barbuda, Argentina, Armenia, Aruba, Azerbaijan, Bahrain, Belarus, BES Islands (Bonaire. Sint Eustatius and Saba), Bhutan, Bosnia and Herzegovina, Botswana, Brazil, Cayman Islands, Chile, Croatia, Cuba, Curacao, Egypt, European Union (including 28 countries: Austria, Belgium, Bulgaria, Croatia, Czech Republic, Cyprus, Denmark, Estonia, Finland, France, Germany, Greece, Hungary, Ireland, Italy, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Netherlands, Poland, Portugal, Romania, Slovakia, Slovenia, Spain, Sweden, United Kingdom), Georgia, Ghana, Guatemala, Iceland, India, Indonesia, Israel, Jamaica, Japan, Jordan, Kazakhstan, Kenya, Kuwait, Kyrgyzstan Republic, Lebanon, Lesotho, Liberia, Liechtenstein, Macao, Macedonia, Madagascar, Malaysia, Moldova, Monaco, Mongolia, Republic of Montenegro, Morocco, Mozambique, Namibia, New Zealand, North Korea, Norway, Oman, Panama, Qatar, Russian Federation, Rwanda, Saint Martin (NL part), San Marino, Sao Tome and Principe, Serbia, Sierra Leone, Singapore, Sudan, Swaziland, Syria, Tajikistan, Turkey, Turkmenistan, Ukraine, Uzbekistan, Zambia.

2. 3. Nhãn hiệu đăng ký đã và đang được sử dụng và thừa nhận một cách rộng rãi dưới tên của người nộp đơn tại rất nhiều quốc gia trên thế giới.

"Glashütte ORIGINAL" có thể được xem như là một nhãn hiệu lịch sử. Nhãn hiệu này đã được sử dụng lần đầu tiên tại Đức vào năm 1921 với cách viết "ORIGINAL GLASHÜTTE" và với cách viết "GLASHÜTTE ORIGINAL" vào năm 1927.

Bằng những nỗ lực hết mình, người nộp đơn đã tạo dựng được uy tín và danh tiếng cho nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL".

(i) Người nộp đơn đã đầu tư chi phí rất lớn cho việc quảng bá liên tục sản phẩm mang nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL".

(iii) Hàng hóa mang nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL" của người nộp đơn đã có mặt và được tiêu thụ tại nhiều quốc gia trên khắp thế giới

Không chỉ quan tâm đến việc đăng ký, người nộp đơn còn mở rộng thị trường, mang sản phẩm tới người tiêu dùng tại rất nhiều quốc gia. Các sản phẩm của người nộp đơn mang nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL" đã được bán tại các cửa hàng chính hãng Glashütte ORIGINAL hoặc thông qua các đại lý bán lẻ được ủy quyền tại nước sở tại - Đức và 45 quốc gia khác trên thế giới, bao gồm: Liên minh châu Âu (bao gồm 28 quốc gia), Switzerland, Arab United Emirates, Qatar, Trung Quốc, Hong Kong, Ma cao, Singapore, Nhật Bản, Argentina, Aruba, Armenia, Saint Martin (NL part), Norway, Kuwait, Russia, Jordan, Turkey, Pakistan.

2. 4. Thị trấn Glashütte đã thừa nhận "Glashütte ORIGINAL" dưới danh nghĩa là một nhãn hiệu đồng thời đồng ý và cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL".

Glashütte là một thị trấn nhỏ ở Sächsische Schweiz-Osterzgebirge, Free State of Saxony, Germany. Bản thân người nộp đơn là một doanh nghiệp được thành lập và đang hoạt động tại Glashütte. "Glashütte ORIGINAL" là nhãn hiệu hợp pháp với lịch sử hơn 165 năm nổi tiếng trong chế tạo đồng hồ tại Glashütte. Chính thị trấn Glashütte đã thừa nhận "Glashütte ORIGINAL" dưới danh nghĩa là một nhãn hiệu đồng thời đồng ý và cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL" cho các sản phẩm thuộc nhóm 14 và sử dụng nhãn hiệu này trên trên toàn thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL" trong đó phần chữ "Glashütte" được trình bày cách điệu với chữ cái "G" được viết gần giống như sự kết hợp của chữ cái "C" và "f" trong đó chữ "C" được trình bày in nghiêng với phông chữ to, nổi bật; chữ cái "h" với phần đuôi được hất về phía bên trái; chữ cái "u" được trình bày cách điệu giống hình mặt cười, nên nhãn hiệu tạo được khả năng phân biệt tự thân.

- Theo Bản tuyên bố do người nộp đơn cung cấp cho thấy nhãn hiệu đăng ký "Glashütte ORIGINAL" đã được sử dụng từ lâu đời, đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu nên nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt tự thân.

- Về nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL" trong đó "Glashütte" chỉ là một thị trấn nhỏ thuộc huyện Sachsische Shcweiz-Osterzgebirge (Đức), đồng thời người nộp đơn có địa chỉ tại chính địa danh trên. Do vậy, nhãn hiệu này không làm người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của hàng hóa đó.

- Chính Thị trấn "Glashütte" đã đồng ý cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL" theo đơn số 4-2010-24750. Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

- Chấp nhận bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL", không bảo hộ riêng "ORIGINAL" theo đơn số 4-2010-24750.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-24750 ngày 24/11/2010, không áp dụng quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 35654/QĐ-SHTT ngày 29/6/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2010-24750 ngày 24/11/2010.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu với việc bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "Glashütte ORIGINAL", không bảo hộ riêng "ORIGINAL" theo đơn số 4-2010-24750 ngày 24/11/2010.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Glashutter Uhrenbetrieb GmbH (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148358/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Corkjoint (Malaysia) Sdn Bhd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2019-00056 ngày 18/02/2019 của Corkjoint (Malaysia) Sdn Bhd; địa chỉ: 51, Jalan BRP 8/2, Bukit Rahman Putra Industrial Park, 47000 Sungai Buloh, Selangor Darul Ehsan, Malaysia; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-04725 ngày 04/03/2015 theo Quyết định số 92615/QĐ-SHTT ngày 20/12/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5084/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Corkjoint (Malaysia) Sdn Bhd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "J-SEAL" theo đơn số 4-2015-04725 vì tổ hợp của ký tự được trình bày với phông chữ thông thường và thành phần mang tính mô tả, không tạo khả năng phân biệt theo Điều 74.2.(a,c) Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "J-SEAL" theo đơn số 4-2015-04725 với các lý do sau:

1. Nhãn hiệu có ý nghĩa không mô tả cho sản phẩm mang nhãn

Nhãn hiệu đăng ký là "J-SEAL". Đối với người tiêu dùng Việt Nam với đặc thù tiếng Anh không phải là ngôn ngữ phổ biến thì đại đa số không biết ý nghĩa của từ "SEAL. Với đại bộ phận người tiêu dùng không biết tiếng Anh và không biết nghĩa của Nhãn Hiệu thì Nhãn Hiệu thực sự là một từ tự tạo có khả năng phân biệt cho các sản phẩm mang nhãn.

Theo các từ điển Anh-Việt phổ biến tại Việt Nam như wiktionary tiếng Việt, (https://vi.wiktionary.org/), (http://tratu.coviet.vn/), "SEAL" luôn có nghĩa chính là "hải cẩu, săn hải cẩu, dấu niêm phong, con dấu, cái ấn, cái triện; đóng dấu". Người nộp đơn tin rằng với những người tiêu dùng Việt nam biết tiếng Anh thì cũng rất ít người tiêu dùng Việt Nam biết đến nghĩa thứ yếu khác của từ "SEAL". Bởi vậy, với đại đa số người tiêu dùng Việt Nam rõ ràng những ý nghĩa này không hề có liên quan hay khiến người tiêu dùng Việt Nam liên tưởng tới các sản phẩm nhóm 17 mang nhãn hiệu

Thậm chí đối với người tiêu dùng Việt Nam thông thạo tiếng Anh thì nhãn hiệu cũng chỉ mô tả cho sản phẩm "bịt kín" mang nhãn hiệu chứ không mô tả hay gợi ý tới các sản phẩm khác. Như vậy, nhãn hiệu có khả năng phân biệt với đại bộ phận người tiêu dùng Việt Nam.

Hơn nữa, cần lưu ý rằng nhãn hiệu là một từ tự tạo "J-SEAL" chứ không phải gồm 2 từ "J" và "SEAL". Xét về mặt ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh, từ "J-SEAL" là một từ không có nghĩa, vì vậy, nó không thể mô tả cho bất cứ sản phẩm hay dịch vụ nào. Nói cách khác, nhãn hiệu không hề mang tính mô tả cho các sản phẩm mang nhãn.

Các nhãn hiệu trên đây đều có chung đặc điểm về cấu trúc bao gồm chữ "J" + gạch nối "-" + "một từ có nghĩa" mà theo người nộp đơn thấy, những từ này, theo một cách nào đó, đều "gợi ý" đến thành phần hay chất lượng của các sản phẩm mang nhãn.

Theo thực tiễn đăng ký này, các nhãn hiệu có cấu tạo như nhãn hiệu xét về tổng thể là có khả năng phân biệt cho người tiêu dùng Việt nam. Bởi vậy người nộp đơn tin rằng nhãn hiệu cũng cần được xem xét bảo hộ theo quan điểm tương tự.

+ Nhãn hiệu "J-omega" theo GCNĐKNH 224347 cho sản phẩm nhóm 05;

+ Nhãn hiệu "J-Smile" theo GCNĐKNH số 196507 cho sản phẩm nhóm 25;

+ Nhãn hiệu "J-MAX" theo GCNĐKNH số 193930 cho sản phẩm nhóm 11 và 21;

2. Nhãn hiệu đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho các sản phẩm nhóm 17 tại nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới và tại Việt Nam, đạt được khả năng phân biệt cho các sản phẩm mang nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký là "J-SEAL" được tạo bởi chữ cái "J" và từ "SEAL", hai từ này nối với nhau bởi dấu gạch ngang "-" nên tạo thành một từ không có nghĩa, có khả năng phân biệt tự thân, với cách hiểu của các nghĩa của từ trên thì nhãn hiệu không bị coi là mô tả trực tiếp cho các hàng hóa là "Vật liệu để bao gói, bịt kín, gắn và cách ly (bằng cao su hoặc chất dẻo); vật liệu để bịt kín và bao gói dùng trong việc đổ bê tông...(bằng cao su hoặc chất dẻo); tấm đệm giảm rung và giảm xóc bằng cao su; vật liệu đệm lót giảm rung và giảm xóc bằng cao su; vật liệu cách ly để giảm rung và giảm xóc bằng cao su; chất dẻo dưới dạng tấm, khối, thanh, ống, đường ống và các dạng định hình khác". Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-04725 ngày 04/03/2015, không áp dụng quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 74] Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 92615/QĐ-SHTT ngày 20/12/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-04725 ngày 04/03/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-04725 ngày 04/03/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Corkjoint (Malaysia) Sdn Bhd (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148359/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CINKCIARZ.PL sp.z o.o.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2016-00818 ngày 22/9/2016 của CINKCIARZ.PL sp.z o.o.; địa chỉ: Sienkiewicza 9 PL-65-001 Zielona Góra Poland; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1250209 theo Thông báo số 2015/21 NDT28 ngày 26/5/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5054/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CINKCIARZ.PL sp.z o.o. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "conotoxia" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1250209 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "CONOXIA" bảo hộ theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 875015 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "conotoxia" theo ĐQT số 1250209 với các lý do sau:

a. Sự khác biệt về hình thức:

Nhãn hiệu "conotoxia" bao gồm 9 chữ cái trong khi đó nhãn hiệu đối chứng "CONOXIA" có 7 chữ cái. Rõ ràng độ dài hai nhãn hiệu khác nhau và do đó ấn tượng ban đầu khi nhìn vào 2 nhãn hiệu sẽ khác nhau.

b. Sự khác biệt về phát âm:

Nhãn hiệu được phát âm là /con-nô-tô-xia/ trong khi nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /con-nô-xia/. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký có 4 âm tiết trong khi nhãn hiệu đối chứng có 3 âm tiết. Sự khác nhau về số lượng âm tiết giữa hai nhãn sẽ giúp người tiêu dùng phân biệt được hai nhãn hiệu này bởi nhãn hiệu thường được gọi tên trong sử dụng.

c. Các dịch vụ nhóm 41 mang hai nhãn hiệu là khác nhau không tương tự gây nhầm lẫn cho người sử dụng dịch vụ:

- Nhãn đối chứng đăng ký cho dịch vụ "đào tạo trong lĩnh vực y tế, công nghệ được phẩm và y tế."

- Nhãn hiệu đăng ký cho dịch vụ "Xuất bản tài liệu (không bao gồm xuất bản tài liệu quảng cáo); xuất bản trực tuyến các tài liệu điện tử, không thể tải về; xuất bản các tài liệu có thể được truy cập từ cơ sở dữ liệu hoặc từ Internet; dịch vụ trò chơi điện tử và các cuộc thi được cung cấp bởi các phương tiện Internet; cung cấp thông tin liên quan đến giáo dục, cung cấp trực tuyến từ một cơ sở dữ liệu máy tính hoặc Internet; dịch vụ giáo dục; thông tin giáo dục; dịch vụ trường quay; nhiếp ảnh; phóng viên ảnh; cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí trong nhà; cung cấp trò chơi trực tuyến; dịch vụ đánh bạc; dịch vụ câu lạc bộ (giải trí và giáo dục); dịch vụ chế bản tài liệu cho việc xuất bản điện tử; đào tạo thực hành; sắp xếp và tiến hành các hội thảo và đào tạo; sắp xếp và tiến hành các buổi biểu diễn; sắp xếp và tiến hành các hội nghị; sắp xếp và tiến hành đại hội; sắp xếp và tiến hành các hội thảo; sắp xếp và tiến hành các hội nghị chuyên đề; sắp xếp và tiến hành các hội thảo chuyên đề; tổ chức các cuộc thi của giáo dục hoặc giải trí; xuất bản sách điện tử và tạp chí trực tuyến; cung cấp trực tuyến các ấn phẩm điện tử, không thể tải về; xuất bản sách; xuất bản văn bản (trừ tài liệu quảng cáo)".

- Rõ ràng các dịch vụ nhóm 41 mang hai nhãn hiệu là khác nhau, không tương tự nhau.

+ Nhãn đối chứng cung cấp dịch vụ đào tạo trong một lĩnh vực cụ thể chuyên sâu là y tế và dược phẩm.

+ Trái lại, nhãn hiệu đăng ký cung cấp chủ yếu các dịch vụ xuất bản điện tử, giải trí và giáo dục.

+ Các dịch vụ mang hai nhãn hiệu này có bản chất khác nhau, mục đích khác nhau và đối tượng sử dụng khác nhau. Bởi vậy, các dịch vụ mang hai nhãn hiệu này không tương tự với nhau.

d. Kết luận về khả năng gây nhầm lẫn

Như đã phân tích trên đây, nhãn hiệu đăng ký và nhãn đối chứng khác nhau về hình thức, cách phát âm và các dịch vụ nhóm 41 mang hai nhãn hiệu cũng hoàn toàn khác nhau, cho nên khó có thể tồn tại khả năng gây nhầm lẫn cho khách hàng Việt Nam giữa hai nhãn hiệu này.

3.2 Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đã đang song song tồn tại ở rất nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng

- Nhãn hiệu theo đăng ký quốc tế số 1250209 và nhãn hiệu đối chứng theo đăng ký quốc tế số 875015 đã cùng được chấp thuận bảo hộ tại 12 quốc gia sau trên thế giới: Singapore, Albania, Bosnia, Thụy Điển, Hàn Quốc, Liechtenstein, Monaco, Cộng hòa Macedonia, Na Uy, Liên Xô, Ukraina, Thổ Nhĩ Kỳ.

- Theo dữ liệu trực tuyến của WIPO, tại 12 quốc gia này nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ mà không hề bị Cơ quan nhãn hiệu hàng hóa các quốc gia này từ chối bởi lý do tương tự đối với nhãn hiệu đối chứng. Thực tế này cho thấy, các cơ quan nhãn hiệu hàng hóa tại 12 quốc gia trên đều không đánh giá nhãn hiệu đăng ký là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng cho các dịch vụ liên quan nhóm 41.

- Trên thực tế nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đang cùng song song tồn tại ở 12 quốc gia nêu trên mà không hề gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

- Tới thời điểm hiện tại, nhãn hiệu đăng ký mang các dịch vụ nhóm 41 theo đăng ký quốc tế nêu trên đã được bảo hộ tại hơn 50 quốc gia khác nhau trên thế giới.

- Thực tế nhãn hiệu dăng ký và nhãn hiệu đối chứng đang cùng song song tồn tại ở 12 quốc gia khác nhau trên thế giới mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dũng cũng như không bị Cơ quan nhãn hiệu các quốc gia này đánh giá là tương tự gây nhầm lẫn đã chứng minh nhãn hiệu không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "conotoxia" và nhãn hiệu đối chứng "CONOXIA" tương tự nhau về cấu tạo từ và phát âm, đồng thời dịch vụ mà các nhãn hiệu áp dụng cùng nhóm 41, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "….; dịch vụ giáo dục; thông tin giáo dục;...", còn dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho dịch vụ đào tạo nhưng mang tính chuyên biệt: "Đào tạo, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, dược phẩm và lĩnh vực kỹ thuật y tế". Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn cung ứng dịch vụ.

- Nhãn hiệu đối chứng "CONOXIA" theo ĐKQT số 875015 đã hết hiệu lực từ ngày 15/4/2025 nhưng tính đến thời điểm hiện nay nhãn hiệu đối chứng này chưa quá 3 năm hết hiệu lực nên nhãn hiệu này phải được đưa ra làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1250209 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/21 NDT28 ngày 26/5/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế tế số 1250209.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CINKCIARZ.PL sp.z o.o. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CINKCIARZ.PL sp.z o.o. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148360/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CGTN C.V.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2016-00543 ngày 16/6/2016 của CGTN C.V.; địa chỉ: Abraham de Veerstraat 2 Willemstad, Curacao; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1237473 theo Thông báo số 2015/08 VTB06 ngày 18/02/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5129/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CGTN C.V. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "SAL-14" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1237473 bị từ chối vì trong nhãn hiệu có chứa chữ số không tạo khả năng phân biệt; phần chữ "SAL" mang tính mô tả sản phẩm nên thuộc đối tượng loại trừ theo quy định tại Điều 74.2.(a,c) Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "SAL-14" theo ĐQT số 1237473 với các lý do sau:

1. Liên quan đến Điều 74.2.a Luật Sở hữu trí tuệ

Người nộp đơn xin được bảo hộ nhãn hiệu tổng thể, không bảo hộ riêng số 14. Như vậy nhãn hiệu đáp ứng Điều 74.2.a Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Liên quan đến Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ

2.1. Nhãn hiệu là sự sáng tạo của người nộp đơn và không mang tính mô tả cho sản phẩm mang nhãn

Theo người nộp đơn, trong ngôn ngữ tiếng Anh, không hề có từ "SAL-14". Nói cách khác, tổng thể nhãn hiệu không có nghĩa trong tiếng Anh. Do đó, nhãn hiệu là sự sáng tạo của riêng người nộp đơn, hoàn toàn có khả năng phân biệt cho các sản phẩm mang nhãn.

Xét riêng từ "SAL" trong nhãn hiệu, từ này có nhiều nghĩa khác nhau và nghĩa tiếng Việt là "muối" hoặc "cây chai" là nghĩa không phổ biến và cũng không hề khiến người tiêu dùng liên tưởng tới các sản phẩm "Thành phần của chế phẩm chăm sóc da để cải thiện độ bóng, độ sáng, đàn hồi và độ chắc, các đường nét mềm mại và nếp nhăn của da, cung cấp độ ẩm, và làm sáng các đốm trên da" thuộc nhóm 03. Người nộp đơn xin đính kèm theo đây bản in về nghĩa tiếng Việt của từ "sal" trích từ từ điển trực tuyến http://tratu.soha.vn/)

Qua đó, chúng ta có thể thấy rằng chính ý tưởng sáng tạo, độc đáo của người nộp đơn trong việc xây dựng nhãn hiệu đã tạo nên nét đặc trưng của riêng nhãn hiệu, khiến nhãn hiệu hoàn toàn có khả năng phân biệt cho các sản phẩm mang nhãn.

2.2. Nhãn hiệu đã được đăng ký tại 42 quốc gia khác nhau trên thế giới

Cho đến nay, nhãn hiệu "SAL-14" đã được đăng ký rộng rãi tại 42 quốc gia khác nhau trên toàn thế giới, bao gồm Ác-hen-ti-na, Úc, Trung Quốc, Cô-lôm-bi-a, Cốt-xta-rica, Cộng đồng Châu Âu (27 quốc gia), Cộng Hòa Đô-mi-ni-ca, Nhật Bản, Hàn Quốc, Niu-di-lân, Na-uy, Pê-ru, Nga, Thụy Sĩ, U-crai-na, Hoa Kỳ.

Như vậy, nhãn hiệu đã được chấp thuận đăng ký tại nhiều quốc gia trên toàn thế giới mà không bị từ chối vì mang tính mô tả cho sản phẩm mang nhãn. Đặc biệt, nhãn hiệu đã được chấp thuận đăng ký tại các quốc gia nói tiếng Anh như Hoa Kỳ, Úc, Niu-di-lân, các quốc gia châu Âu. Điều đó cho thấy nhãn hiệu hoàn toàn được coi là có khả năng phân biệt cho các sản phẩm mang nhãn thuộc nhóm 03 tại những quốc gia, nơi mà ngôn ngữ tiếng Anh được hiểu đúng và chính xác nhất.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký có dấu hiệu "SAL-14" trong đó từ "SAL" trong tiếng Latinh có thể được hiểu là "muối", tuy nhiên, khi áp dụng cho hàng hóa thuộc nhóm 03 liên quan đến các chế phẩm chăm sóc da không bị coi là mô tả trực tiếp cho sản phẩm.

- Chấp nhận với đề nghị của người nộp đơn về việc bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1237473.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1237473, không áp dụng quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/08 VTB06 ngày 18/02/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1237473.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1237473.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CGTN C.V. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148362/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 260795

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00153 ngày 20/5/2024 của Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN (BMVN International LLC), địa chỉ: Phòng 1002, tầng 10, Indochina Plaza Hanoi, 241 phố Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 260795, cấp ngày 05/04/2016 cho Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 20/5/2024, Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN nộp đơn ĐN1-2024-00153 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 260795 với lý do nhãn hiệu "GREENSURE" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/02/2019 đến ngày 13/5/2024 (Căn cứ theo Công văn số 245/TT-TTKTQT ngày 13/5/2024 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 03/3/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 18526/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "GREENSURE" theo GCNĐKNH số 260795 tại Việt Nam từ ngày 01/02/2019 đến ngày 13/5/2024 và chủ GCNĐKNH số 260795 không có ý kiến trả lời Công văn số 18526/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 260795.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 260795 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để hủy bỏ (chấm dứt) hiệu lực GCNĐKNH số 260795, cấp ngày 05/04/2016 theo yêu cầu của Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 260795, cấp ngày 05/04/2016 cho Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh (VN) theo yêu cầu của Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN (BMVN International LLC).

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN (BMVN International LLC); địa chỉ: Phòng 1002, tầng 10, Indochina Plaza Hanoi, 241 phố Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148363/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 319559

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00140 ngày 13/5/2024 của Công ty cổ phần dược Trung Đông, địa chỉ: Số 40, lô A, khu đô thị mới Đại Kim, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 319559, cấp ngày 06/05/2019 cho Ông/Bà Trần Kim Châu (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 13/5/2024, Công ty cổ phần dược Trung Đông nộp đơn ĐN1-2024-00140 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 319559 với lý do nhãn hiệu "EASECOLCARE" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 06/5/2019 đến ngày 06/5/2024 (Căn cứ theo Công văn số 243/TT-TTKTQT ngày 13/5/2024 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 11/7/2024 và ngày 22/5/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 69153/SHTT-TTKN.ip và số 62781/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Ông/Bà Trần Kim Châu (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INVENTIO) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty cổ phần dược Trung Đông. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Ông/Bà Trần Kim Châu.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "EASECOLCARE" theo GCNĐKNH số 319559 tại Việt Nam từ ngày 06/5/2019 đến ngày 06/5/2024 và chủ GCNĐKNH số 319559 không có ý kiến trả lời Công văn số 69153/SHTT-TTKN.ip và số 62781/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 319559.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 319559 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 319559, cấp ngày 06/05/2019 theo yêu cầu của Công ty cổ phần dược Trung Đông.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 319559, cấp ngày 06/05/2019 cho Ông/Bà Trần Kim Châu (VN) theo yêu cầu của Công ty cổ phần dược Trung Đông.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Ông/Bà Trần Kim Châu (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Trần Kim Châu (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INVENTIO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty cổ phần dược Trung Đông; địa chỉ: Số 40, lô A, khu đô thị mới Đại Kim, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148364/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DSM IP Assets B.V.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2016-00108 ngày 04/02/2016 của DSM IP Assets B.V.; địa chỉ: Wilhelminasingel 39, NL-6221 BE Maastricht, the Netherlands; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1203013 theo Thông báo số 2014/50 NTH41 ngày 19/12/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5208/BC-

TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DSM IP Assets B.V. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "life's, hình" theo ĐQT số 1203013 bị tạm thời từ chối bảo hộ nhóm 32 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "BIDIPHAR THE life, hình" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 25975 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký nêu trên với các lý lẽ sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn khác biệt nhau về hình thức và ý nghĩa.

- Về hình thức: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được thiết kế theo hai kiểu hoàn toàn khác nhau, cụ thể nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần chữ "life's" có nghĩa là "của cuộc sống" trong dó dấu ['] được thiết kế thành hình chiếc lá, tất cả được đặt trong một hình vuông cách điệu bo tròn 2 góc đối xứng nhau; nhãn hiệu đối chứng bao gồm các từ "BIDIPHAR" không có nghĩa là tên viết tắt của chủ nhãn hiệu đối chứng đặt trong một hình chữ nhật với hình một cánh chim cách điệu thành hình chữ V năm bên trên; và chữ "THE life, hình" đặt bên cạnh bên phải.

- Về ý nghĩa: nhãn hiệu đăng ký có nghĩa là "của cuộc sống" khác với ý nghĩa của nhãn hiệu đối chứng "BIDIPHAR một cuộc sống".

Thứ hai, chủ đơn là chủ sở hữu của nhãn hiệu "life's DHA, hình" nhóm 32 theo GCNĐKNH số 173102 tại Việt Nam. Nhãn hiệu này của chủ đơn và nhãn hiệu đối chứng sử dụng cho các sảm phẩm nhóm 32 đã, đang song song tồn tại ở Việt Nam từ năm 2011 tới nay.

Đặc biệt, nhãn hiệu "life's DHA, hình" nhóm 32 theo đăng ký số 173102 của chủ đơn được bảo hộ tổng thể không bảo hộ riêng DHA. Đặc biệt, phần chữ "life's, hình" của hai nhãn hiệu của chủ đơn được thiết kế hoàn toàn trùng khớp và sản phẩm nhóm 32 mang hai nhãn hiệu này cũng trùng nhau. Do đó, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có thể được chấp thuận bảo hộ và song song tồn tại cũng nhãn hiệu đối chứng mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Với các lý lẽ và chứng cứ nêu trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, không sử dụng các nhãn đối chứng để từ chối bảo hộ và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1203013.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "life's, hình" trong đó từ "life's" được trình bày dạng sở hữu cách khi dấu "'" được tạo như hình chiếc lá bên trên và giữa chữ cái "e" và "s" trong hình hình vuông cách điệu bo tròn 2 góc đối xứng nhau và nhãn hiệu đối chứng "BIDIPHAR THE life, hình" trong đó có phần chữ "life" được trình bày nổi bật hơn các thành phần khác, nên về tổng thể các nhãn hiệu tương tự nhau vì từ "life" có nghĩa là "cuộc sống", đồng thời các nhãn hiệu cùng áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 32, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "Đồ uống (không chứa cồn);…." và nhãn hiệu đối chứng: "Nước khoáng", do vậy việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1203013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/50 NTH41 ngày 19/12/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1203013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, DSM IP Assets B.V. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và DSM IP Assets B.V. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148365/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ACT, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2018-00511 ngày 02/8/2018 của ACT, Inc.; địa chỉ: 500 ACT Drive, P.O. Box 168, Iowa City, Iowa 52243-0168, U.S.A; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-07232 theo Quyết định số 27707/QĐ-SHTT ngày 26/4/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5050/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ACT, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "ACT" theo đơn số 4-2015-07332 vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "ACT, POWERING PEOPLE, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 68478 và nhãn hiệu đối chứng "ACT, POWERING PEOPLE, hình" theo đơn số 4-2015-03767 (đã được cấp GCNĐKNH số 299506) theo Điều 74.2.h và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "ACT" theo đơn số 4-2015-07332 với các lý do sau:

1. Nhãn hiệu đã được chủ sở hữu, Công ty ACT, Inc. đăng ký và sử dụng rộng rãi cho các dịch vụ liên quan thuộc nhóm 41 trên thế giới

1.1. Lịch sử công ty của người nộp đơn và nhãn hiệu:

Công ty người nộp đơn, ACT, Inc. là một tổ chức độc lập, phi lợi nhuận hoạt động trong nhiều lĩnh vực như đánh giá, nghiên cứu, cung cấp thông tin và các dịch vụ quản lý chương trình thuộc lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, ACT, Inc. cung cấp dịch vụ đến hàng triệu người ở trường các trường trung học, đại học, các tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp và cơ quan chính phủ ở 50 bang của nước Mỹ và hơn 130 quốc gia trên thế giới. Các sản phẩm và dịch vụ cung cấp bởi ACT, Inc. gắn liền với nhãn hiệu "ACT" Nhãn hiệu này là cách viết tắt các chữ cái đầu của thuật ngữ "American College Testing" - một kiểu kỳ thi chuẩn hóa nhằm giúp ban tuyển sinh của các trường đại học ở Hoa Kỳ đánh giá và so sánh các đơn xét tuyển. Kỳ thi này được công nhận như một tiêu chuẩn vàng về đánh giá năng lực của học viên muốn theo học đại học tại Hoa Kỳ. Sau này, kết quả của bài thi đã được nhiều trường đại học trên khắp thế giới chấp nhận và sử dụng.

Khi phạm vi hoạt động của công ty của người nộp đơn không chỉ dừng lại ở việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến kỳ thi chuẩn hóa nêu trên mà mở rộng ra nhiều chương trình đào tạo khác, chủ đơn đã quyết định sử dụng nhãn hiệu "ACT" với ý nghĩa là "hành động" như một chỉ dẫn chung đến tất cả các dịch vụ mà mình cung cấp bên cạnh dịch vụ ban đầu.

1.2. Đăng ký rộng rãi:

"ACT" được coi là một nhãn hiệu hàng đầu và là tài sản quan trọng của ACT, Inc. Vì vậy, ACT, Inc. rất quan tâm đến việc tìm kiếm sự bảo hộ pháp lý cho nhãn hiệu của mình.

- Đăng ký đầu tiên: Nhãn đối chứng "ACT" lần đầu tiên được đăng ký bảo hộ tại Hoa Kỳ theo Đăng ký số 2888069 ngày 28/09/2004.

- Đăng ký rộng rãi: Hiện nay nhãn hiệu "ACT" đã được ACT, Inc. đăng ký và bảo hộ cho các dịch vụ liên quan nhóm 41 và đa dạng các sản phẩm và dịch vụ thuộc các nhóm khác tại hơn 50 quốc gia trên thế giới, bao gồm Úc,

Bahrain, Canada, Trung Quốc, Liên minh châu Âu (28 quốc gia), Hồng Kông, In-đô-nê-xi-a, Nhật Bản, Cô-oét, Ma-lai-xi-a, Mê-xi-cô, Niu Di-lân, Phi-líp-pin, Qua-ta, Ả-rập Xê-út, Xin-ga-po, Nam Phi, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất và Hoa Kỳ.

1.3. Sử dụng lâu dài và rộng rãi trên thế giới:

- Sử dụng đầu tiên: Nhãn hiệu đối chứng "ACT" đã được sử dụng từ năm 1960 kể từ khi công ty của chủ nhãn đối chứng được thành lập. Chủ nhãn hiệu đối chứng cũng duy trì một trang web dưới tên miền act.org có thể truy cập từ mọi nơi trên thế giới.

- Sử dụng rộng rãi và liên tục: Hàng năm, các dịch vụ mang nhãn hiệu "ACT" cung cấp bởi ACT, Inc. được phục vụ tới hàng triệu người ở tất cả 50 bang của nước Mỹ và hơn 130 quốc gia trên toàn thế giới, bao gồm Việt nam. Theo ước tính, mỗi năm có khoảng 1,8 triệu sinh viên tham gia vào các kỳ kiểm tra ACT do ACT, Inc. tổ chức. Điều này đã khiến công ty của người nộp đơn trở thành đơn vị hàng đầu nước Mỹ trong việc kiểm tra chất lượng đầu vào các trường đại học.

- Doanh thu: doanh thu hàng năm trên toàn cầu của chủ nhãn hiệu đối chứng liên quan đến các sản phẩm mang nhãn hiệu "ACT" trong vòng 3 năm (từ 2012-2015) đạt mức 1.246.742.087 đô-la Mỹ.

- Doanh số bán hàng thường niên liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng "ACT" bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ trong vòng 5 năm (từ 2011-2016) đạt mức 1.037.454 đô-la Mỹ.

Những con số này minh chứng cho sự công nhận của cộng đồng người tiêu dùng trên thế giới đối với chất lượng và danh tiếng của các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng "ACT" cũng như mức độ phủ sóng của nhãn hiệu này.

2. Sử dụng rộng rãi cho các dịch vụ liên quan thuộc nhóm 41 tại Việt Nam

- Sử dụng đầu tiên: Theo người nộp đơn, nhãn "ACT" đã được họ sử dụng ở Việt Nam từ năm 1963, trước ngày nộp đơn của các nhãn đối chứng rất lâu.

- Sử dụng lâu dài, liên tục: Trong những năm tiếp theo, cụ thể là năm 1972, đại diện của ACT đã đến Việt Nam với vai trò cố vấn cho Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ cho việc nghiên cứu và hướng dẫn trong kỳ thi Tú Tài Việt Nam. Tất cả những nghiên cứu, đánh giá và kết luận này được ghi chép lại trong cuốn "The Baccalaureate Exam in Republic of Vietnam" được viết cùng năm 1972 với các bình luận, ảnh tư liệu được đại diện của ACT chụp lại.

- Phạm vi sử dụng: Hiện nay, các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký được phân phối và cung cấp tại các thành phố lớn, là trung tâm kinh tế - chính trị và giáo dục của Việt Nam như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hải Phòng. Các kỳ thi ACT được tổ chức thường niên ở 6 địa điểm sau:

a. Trường quốc tế Singapore (Singapore International School (SIS)) tại Gamuda Gardens (Hà Nội);

b. Trường St. Paul American School Hanoi (Hà Nội);

c. APU International School (thành phố Hồ Chí Minh);

d. Trường quốc tế Singapore (Singapore International School SIS) Nam Sài Gòn (thành phố Hồ Chí Minh);

e. Trường Quốc tế (QSI International School) Hải Phòng;

f. Trường quốc tế Singapore (Singapore International School) Đà Nẵng.

- Theo số liệu thống kê của Trung tâm đào tạo và luyện thi SAT, ACT và TOEFL Elite Prep, số lượng học sinh Việt Nam đăng ký thi ACT bắt đầu tăng cao từ năm 2013, thậm chí vượt cao hơn số lượng học sinh thi SAT vốn là một kỳ thi chuẩn hóa phổ biến trên thế giới cho việc đăng ký theo học các trường đại học tại Hoa Kỳ. Đính kèm theo công văn tại Phụ lục 5 là bảng thống kê so sánh số lượng đăng ký thi ACT và SAT tại Việt Nam trong vòng 4 năm, từ 2011 đến 2015 cho thấy sự gia tăng vượt trội về sự quan tâm của học sinh, sinh viên Việt Nam tới kỳ thi ACT do công ty chủ đơn tổ chức và phần đầu cuốn sách trắc nghiệm và ứng dụng có nội dung giới thiệu chi tiết về công ty chủ đơn ACT.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký "ACT" đã được sử dụng lâu dài, phổ biến và liên tục tại Việt Nam, đạt được khả năng phân biệt và trở thành chỉ dẫn thương mại cho các dịch vụ giáo dục do Công ty ACT, Inc. cung cấp.

Qua các lập luận và các tài liệu trên đây, người nộp đơn tin rằng, nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt và chiếm vị trí quan trọng đối với người sử dụng các dịch vụ liên quan trên thế giới nói chung và đối với người tiêu dùng dịch vụ Việt Nam nói riêng. Hay nói cách khác, nhãn hiệu – dựa trên lịch sử lâu dài được sử dụng tại Việt Nam, hoàn toàn đủ khả năng phân biệt đối với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "ACT, POWERING PEOPLE, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 68478

- Nhãn hiệu đăng ký "ACT" tương tự với các nhãn hiệu đối chứng "ACT, POWERING PEOPLE, hình" vì đều có chung phần chữ "ACT" là thành phần chính, chủ yếu mang tính phân biệt của các nhãn hiệu. Đồng thời, các nhãn hiệu đều áp dụng cho các dịch vụ thuộc nhóm 41 liên quan đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo, nên việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn cung ứng dịch vụ.

- Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 68478 hết hiệu lực từ ngày 30/6/2014 và tính đến thời điểm ban hành Quyết định từ chối là 26/4/2018 thì nhãn hiệu đối chứng chưa hết hiệu lực quá 5 năm.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "ACT, POWERING PEOPLE, hình" theo đơn số 4-2015-03767 (đã được cấp GCNĐKNH số 68478)

Nhãn hiệu đăng ký "ACT" tương tự với các nhãn hiệu đối chứng "ACT, POWERING PEOPLE, hình" vì đều có chung phần chữ "ACT" là thành phần chính, chủ yếu mang tính phân biệt của các nhãn hiệu. Đồng thời, các nhãn hiệu đều áp dụng cho các dịch vụ thuộc nhóm 41 liên quan đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo, nên việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn cung ứng dịch vụ.

- Tài liệu người nộp đơn bổ sung về việc sử dụng rộng rãi của nhãn hiệu là chưa đầy đủ và thiếu tính thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-07232 ngày 31/03/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 27707/QĐ-SHTT ngày 26/4/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-07232 ngày 31/03/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ACT, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ACT, Inc. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148366/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (also trading as TOYOTA MOTOR CORPORATION)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2019-00873 ngày 27/12/2019 của TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (also trading as TOYOTA MOTOR CORPORATION); địa chỉ: 1, Toyota-cho, Toyota-shi, Aichi-ken, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-30333 theo Quyết định số 85249/QĐ-SHTT ngày 30/9/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5091/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (also trading as TOYOTA MOTOR CORPORATION) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "EXPERIENCE AMAZING" theo đơn số 4-2016-30333 bị từ chối bảo hộ vì mang tính mô tả theo Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "EXPERIENCE AMAZING" theo đơn số 4-2016-30333 với các lý do sau:

1. Dấu hiệu xin đăng ký "EXPERIENCE AMAZING" có khả năng phân biệt tự thân, không mô tả các sản phẩm thuộc nhóm 12.

Dấu hiệu EXPERIENCE AMAZING theo Đơn ĐKNH số 4-2016-30333 là sự kết hợp giữa hai từ tiếng Anh "Experience" (có nghĩa tiếng Việt là "Kinh nghiệm, sự từng trải") và "AMAZING" (có nghĩa tiếng Việt là "Làm kinh ngạc, làm sửng sốt"). Tổng thể "EXPERIENCE AMAZING" có nghĩa là "Trải nghiệm làm kinh ngạc" hoặc "Trải nghiệm tuyệt vời".

Vì vậy, khi được đăng ký là nhãn hiệu cho các sản phẩm thuộc nhóm 12, dấu hiệu EXPERIENCE AMAZING không mang ý nghĩa mô tả hay truyền đạt một ý niệm mô tả trực tiếp, ngay lập tức, theo một cách thông thường, rõ ràng và cụ thể về đặc tính của các sản phẩm "xe ô tô; xe tải nhỏ (chuyên chở hành lý hoặc người); xe ô tô thể thao..." thuộc nhóm 12. Nếu có, dấu hiệu chỉ mang tính gợi ý gián tiếp, đòi hỏi người nghe, người tiêu dùng phải có sự tưởng tượng, suy luận nhất định để đi đến kết luận về đặc tính của sản phẩm "xe ô tô; xe tải nhỏ (chuyên chở hành lý hoặc người); xe ô tô thể thao..." thuộc nhóm 12.

Lập luận này phù hợp với quy định tại Điểm 39.3.g – Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14.02.2007, một nhãn hiệu chữ chỉ mang tính mô tả khi nhãn hiệu đó trực tiếp mô tả hoặc chuyển tải thông tin liên quan đến "phương pháp sản xuất, chủng loại số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị của hàng hóa, dịch vụ". Tuy nhiên như phân tích trên đây, xét về ý nghĩa của nhãn hiệu EXPERIENCE AMAZING, nó không mang ý nghĩa trực tiếp hay gián tiếp mô tả tính năng, công dụng, giá trị, chất lượng của các sản phẩm xin đăng ký là "Xe ô tô; xe tải nhỏ (chuyên chở hành lý hoặc người); xe ô tô thể thao; ô tô tải; ô tô buýt; xe buýt đường dài; xe ô tô chạy điện cùng các bộ phận cấu trúc của xe ô tô chạy điện và của xe có động cơ cụ thể là: động cơ, đầu máy, thân xe, phanh xe, cửa xe, bánh xe, tay lái, bộ truyền động" thuộc nhóm 12 theo Đơn ĐKNH số 4-2016-30333.

Mặt khác, "EXPERIENCE AMAZING" là một cụm từ tự tạo của người nộp đơn, không phải là dấu hiệu thông thường được sử dụng chung cho xe ô tô. Theo quy tắc ghép từ thông dụng của tiếng Anh, thì cụm từ "EXPERIENCE

AMAZING" phải được ghép theo thứ tự thành "AMAZING EXPERIENCE" (tính từ đứng trước danh từ). Tuy nhiên, ở đây, Công ty TOYOTA đã đảo ngược trình tự từ thông thường để tạo ấn tượng với mục đích nhấn mạnh dụng ý sử dụng nhãn hiệu. Trước khi Công ty TOYOTA sáng tạo ra cụm từ "EXPERIENCE AMAZING" thì chưa từng có cá nhân, công ty nào sử dụng cụm từ này cho các sản phẩm thuộc nhóm 12.

Khi người nộp đơn tra cứu trên Google với từ khóa "EXPERIENCE AMAZING", có 2,410,000,000 kết quả, đa số các kết quả đầu tiên đều liên quan đến nội dung, hình ảnh của các mẫu xe ô tô LEXUS do công ty Toyota sản xuất. Bởi vậy, nhãn hiệu "EXPERIENCE AMAZING" có khả năng phân biệt tự thân và cũng chính vì khả năng phân biệt tự thân như vậy, nhãn hiệu EXPERIENCE AMAZING đã được đăng ký tại 50 quốc gia trên thế giới bao gồm 28 nước Cộng đồng châu Âu, Hoa Kỳ, Canada, Úc, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nam Phi, Indonesia, Jordan, Cô-oét, Lebanon, Oman, Qatar, Ả Rập Saudi, Phillippines, Brazil, Puerto Rico, Oman, Ukraine, Nga.

2. Thực tế bảo hộ các nhãn hiệu slogan cho các sản phẩm thuộc nhóm 12 tại Việt Nam.

Nhãn hiệu slogan (khẩu hiệu thương mại) thường là một câu nói ngắn gọn dễ nhớ chứa đựng thông điệp của sản phẩm hoặc dịch vụ do một thương hiệu cung cấp.

Trên thực tế xét nghiệm, chúng tôi đã thấy rằng rất nhiều trường hợp các nhãn hiệu slogan của các chủ thể khác nhau có ý nghĩa mô tả xa hay mang tính chất gợi ý đối với các sản phẩm thuộc nhóm 12 tương tự với trường hợp EXPERIENCE AMAZING, đã được Cục Sở hữu Trí tuệ chấp nhận bảo hộ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu bởi chúng có tính phân biệt tự thân. Xin liệt kê một số nhãn hiệu có ý nghĩa tương tự đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu để Cục Sở hữu trí tuệ xem xét:

Nhãn hiệu: EARTH DREAMS TECHNOLOGY
Số đăng ký: 305690
Nhóm: 12
Chủ sở hữu: HONDA MOTOR CO, LTD.
Nhãn hiệu: Inspired Performance
Số đăng ký: 204307
Nhóm: 12, 37
Chủ sở hữu: NISSAN JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA
Nhãn hiệu: Way of Life
Số đăng ký: 233666
Nhóm: 12
Chủ sở hữu: SUZUKI MOTOR CORPORATION

3. Nhãn hiệu "EXPERIENCE AMAZING" của Công ty TOYOTA đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới bao gồm Việt Nam.

"EXPERIENCE AMAZING" được sử dụng như một slogan (khẩu hiệu thương mại) mới của Công ty TOYOTA cho dòng xe ô tô sang trọng LEXUS. Trên thực tế ngành công nghiệp ô tô, mỗi nhà sản xuất đều xây dựng riêng một slogan cho sản phẩm của mình, ví dụ như hãng xe Audi với Slogan "Never Follow", hãng xe hơi Volvo "For life – Vì cuộc sống của bạn ", dòng xe Volkswagen Beetle "Think small - Nghĩ nhỏ", hãng xe ô tô Aston Martin "Power, beauty and soul – Sức mạnh, vẻ đẹp và linh hồn", hãng xe BMW "The ultimate driving machine - Cỗ máy tối thượng"…

Đối với TOYOTA, với slogan "EXPERIENCE AMAZING", Công ty muốn truyền tải thông điệp LEXUS đem đến cho khách hàng những trải nghiệm đa dạng, phong cách sống đẳng cấp. Thông điệp truyền tải của TOYOTA khác biệt hoàn toàn với các hãng xe ô tô khác và chỉ cần nghe "EXPERIENCE AMAZING", khách hàng có thể liên tưởng ngay đến dòng xe LEXUS sang trọng do TOYOTA sản xuất. Nói cách khác, EXPERIENCE AMAZING thực sự đã thực hiện chức năng phân biệt của một nhãn hiệu, nó biểu thị cũng như gợi ý và dẫn dắt người tiêu dùng tìm đến một dòng sản phẩm dòng xe LEXUS sang trọng do Công ty TOYOTA sản xuất, giúp người tiêu dùng phân biệt dòng xe LEXUS của Công ty TOYOTA với các dòng xe ô tô cạnh tranh khác. Mặc dù không gắn trực tiếp lên sản phẩm, nhưng dấu hiệu EXPERIENCE AMAZING đã thực hiện chức năng phân biệt của một nhãn hiệu rõ ràng không kém một nhãn hiệu được gắn trên sản phẩm thể hiện ở khả năng khơi gợi liên tưởng về sản phẩm trong nhận thức và tâm trí người tiêu dùng.

EXPERIENCE AMAZING được Công ty TOYOTA sử dụng trên trang web chính thức của công ty, các tài liệu kinh doanh, quảng cáo, phim giới thiệu sản phẩm, trong các chiến dịch quảng cáo, sự kiện... của Công ty trên phạm vi toàn cầu.

Tại Việt Nam, slogan "EXPERIENCE AMAZING" cũng được nhắc đến rộng rãi trên các phương tiện truyền thông và được Công ty TOYOTA sử dụng trong tài liệu kinh doanh của Công ty và tại các sự kiện Công ty tổ chức và tham gia. Công ty TOYOTA đã thành công trong việc truyền cảm hứng và đam mê cho khách hàng thông qua những trải nghiệm đỉnh cao từ chiếc xe sang LEXUS đầy đủ các tính năng đến dịch vụ khép kín đẳng cấp, hình trình trải nghiệm thượng lưu…tất cả nhằm truyền tải slogan EXEPERIENCE AMAZING, cụ thể như sau:

Năm 2016, Công ty TOYOTA đã tổ chức hành trình Lexus Experience Amazing 2016 diễn ra từ ngày 13-17/12, xuất phát từ thành phố Hồ Chí Minh và kết thúc tại Nha Trang với sự góp mặt của các phóng viên báo chí trên toàn

quốc. Tại sự kiện này, những người tham gia sẽ được trải nghiệm nhiều tính năng ưu việt của khối động cơ turbo 2.0L hoàn toàn mới của Lexus. Sự kiện Lexus Experience Amazing đã được đưa tin rộng rãi trên nhiều phương tiện truyền thông. Cùng năm này, Công ty TOYOTA cũng tổ chức Đêm nhạc Lexus 2016, một bữa tiệc âm nhạc sang trọng bậc nhất tôn vinh tài năng của nghệ sĩ hàng đầu thế giới và Việt Nam được dành cho những khách hàng có gu thẩm mỹ hoàn hảo.

Năm 2017, Công ty TOYOTA tổ chức dạ tiệc Lexus Amazing Night 2017 nhằm tri ân khách hàng tại khu vực phía Nam. Thông qua sự kiện này, Công ty TOYOTA mong muốn truyền tải thông điệp mới "EXPERIENCE AMAZING" trên toàn cầu, lần đầu tiên trong suốt lịch sử thương hiệu, Lexus chính thức bước chân vào lãnh địa của những thương hiệu phong cách sống đẳng cấp, không phải chỉ bằng những câu chuyện về các thông số kỹ thuật ô tô, mà còn bằng cách tạo ra cảm xúc trải nghiệm với những sản phẩm mang đậm tính thời thượng. Nhãn hiệu EXPERIENCE AMAZING được in trên thiệp cảm ơn, túi quà, gửi khách hàng tham gia sự kiện.

Năm 2018, tại gian trưng bày Lexus tại Vietnam Motor Show 2018 (Triển lãm ô tô Việt Nam 2018) cũng được thiết kế tinh tế, lấy cảm hứng từ vườn Nhật Bản và mỹ học truyền thống đặc trưng của người Nhật, được hòa quyện cùng công nghệ sáng tạo và tinh thần hiếu khách Omotenashi, nhằm khẳng định thông điệp "Experience Amazing - Trải nghiệm tuyệt vời". Cũng trong năm 2018, Công ty TOYOTA tổ chức vòng chung kết giải đấu LEXUS GOLF CUP 2018 tại sân KN Golf Links Cam Ranh, Nha Trang. Sự kiện là chuỗi trải nghiệm tuyệt vời với khoảng thời gian gặp gỡ, giao lưu với golfer chuyên nghiệp Simon Mees, các trận thi đấu thử thách với phần thưởng là 2 chiếc xe LEXUS đời mới nhất NX 300 và Lexus ES 250 và đêm trao giải diễn ra trong không gian đêm tiệc nhẹ nhàng cùng điệu nhạc điêu luyện của nghệ sĩ jazz saxophone Trần Mạnh Tuấn. Sự kiện GOLF LEXUS CUP 2018 một lần nữa nhấn mạnh thông điệp của Công ty TOYOTA thông qua slogan EXPERIENCE AMAZING là đem đến những trải nghiệm tuyệt vời, ấn tượng cho khách hàng của LEXUS.

Năm 2019, Công ty TOYOTA tổ chức sự kiện "Ẩm thực phân tử Lexus 2019" (Lexus Molecular Gastronomy). "Ẩm thực phân tử Lexus 2019" là một bữa tiệc giàu cảm xúc, là trường phái kết hợp giữa khoa học tân tiến và ẩm thực, mà trong đó, mỗi nguyên liệu được khai thác hết sự tinh túy, bằng sự pha chế cầu kỳ và công phu để khơi gợi cảm nhận đặc biệt, kết hợp với thiết kế hình thức độc đáo. Công phu này là tác phẩm do bếp trưởng Rene Oskam của khách sạn JW Marriott trình diễn, kết hợp trong một không gian dàn dựng ấn tượng, với nghệ thuật hình ảnh, ánh sáng và âm nhạc hoà trộn. Qua sự kiện lần này, Lexus không chỉ muốn đồng hành cùng khách hàng trên mọi hành trình trải nghiệm mà còn muốn đánh thức mọi giác quan của khách hàng trên hành trình đó.

Vì vậy, TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (also trading as TOYOTA MOTOR CORPORATION) đệ trình rằng dấu hiệu EXPERIENCE AMAZING theo đơn nhãn hiệu số 4-2016-30333 có tính phân biệt tự thân và đã thực hiện chức năng nhãn hiệu trong quá trình sử dụng thực tế như trình bầy ở trên. Trên cơ sở đó, dấu hiệu EXPERIENCE AMAZING theo đơn nhãn hiệu số 4-2016-30333 không thuộc trường hợp tại Điều 74.2(c) Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "EXPERIENCE AMAZING" có nghĩa là "sự trải nghiệm tuyệt vời" mang tính mô tả cho chất lượng và tính chất của sản phẩm thuộc nhóm 12: "Xe ô tô; xe tải nhỏ (chuyên chở hành lý hoặc người); xe ô tô thể thao; ô tô tải; ô tô buýt; xe buýt đường dài; xe ô tô chạy điện cùng các bộ phận cấu trúc của xe ô tô chạy điện và của xe có động cơ cụ thể là: động cơ, đầu máy, thân xe, phanh xe, cửa xe, bánh xe, tay lái, bộ truyền động".

- Các tài liệu để chứng minh nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi không cụ thể và không đủ sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-30333 ngày 29/09/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 85249/QĐ-SHTT ngày 30/9/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-30333 ngày 29/09/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (also trading as TOYOTA MOTOR CORPORATION) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (also trading as TOYOTA MOTOR CORPORATION) (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148367/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cooper Industries, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2019-00577 ngày 11/10/2019 của Cooper Industries, LLC; địa chỉ: 600 Travis, Suite 5800, Houston, Texas 77002, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-07148 ngày 15/04/2013 theo Quyết định số 77051/QĐ-SHTT ngày 10/9/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5106/BC-TTKN

ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cooper Industries, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "COOPER LIGHTING" theo đơn số 4-2013-07148 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "COOPER" theo GCNDKNH số 126734 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "COOPER LIGHTING" theo đơn số 4-2013-07148 với các lý do sau:

Để hỗ trợ cho việc trả lời Thông báo từ chối số 8355/SHTT-NH2 ngày 05/03/2015 của Cục Sở hữu trí tuệ, thừa ủy quyền của người nộp đơn, người nộp đơn đã tiến hành và theo đuổi thủ tục yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo hồ sơ số ĐN1-2015-00038 ngày 10/4/2015, cụ thể như sau:

- Ngày 10/04/2015, người nộp đơn đã nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng trên cơ sở không được sử dụng trong 5 năm liên tục và đã được Cục Sở hữu trí tuệ chuyển tải tới chủ nhãn hiệu đối chứng ngày 12/05/2015;

- Ngày 14/07/2015 và 06/10/2016, Cục Sở hữu trí tuệ được chủ nhãn hiệu đối chứng cung cấp một số tài liệu làm bằng chứng sử dụng và chuyển tải cho người nộp đơn lần lượt vào các ngày 23/02/2016 (7 tháng kể từ ngày nhận được Công văn của chủ nhãn hiệu đối chứng), và 03/04/2019 (30 tháng kể từ ngày nhận được Công văn của chủ nhãn hiệu đối chứng);

- Dù việc chuyển tải nêu trên là chậm so với quy định của Pháp luật, người nộp đơn vẫn có công văn trả lời đúng thời hạn lần lượt vào các ngày 30/03/2016 và 10/05/2019, chứng minh các tài liệu cung cấp bởi chủ nhãn hiệu đối chứng là bằng chứng ngụy tạo, không thể hiện việc sử dụng nhãn hiệu thực sự trên thị trường. Qua đó khẳng định chủ nhãn hiệu đối chứng, dù đã có nhiều thời gian và cơ hội trình bày ý kiến, vẫn không thể chứng minh được việc nhãn hiệu đối chứng được sử dụng tại Việt Nam.

Mặc dù vậy, tới nay đã 4 năm rưỡi kể từ ngày nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên, người nộp đơn vẫn chưa nhận được kết quả giải quyết hồ sơ yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu từ Cục Sở hữu trí tuệ.

Với mục tiêu và quyết tâm đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam, Cooper Industries, LLC – người nộp đơn đăng ký nhãn hiêu nêu trên đã đầu tư rất nhiều thời gian và chi phí theo đuổi cùng lúc hai thủ tục (i) Trả lời Thông báo từ chối bảo hộ nhãn hiệu và (ii) Chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ của nhãn hiệu đối chứng.

Người nộp đơn xin nhấn mạnh rằng thời gian chờ đợi xem xét giải quyết 2 thủ tục nêu trên cũng chính là thời gian họ đã bị lỡ rất nhiều cơ hội đầu tư, kinh doanh cũng như không thể chính thức giới thiệu thương hiệu, quảng bá

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nội dung trong đơn khiếu nại của người nộp đơn cũng thể hiện rằng người nộp đơn đã chủ động đề nghị nộp đơn chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo (đơn số ĐN1-2015-00138 nộp ngày 10/4/2015) do nhãn hiệu đối chứng đã không được sử dụng liên tục trong thời hạn 5 năm tính đến thời điểm yêu cầu. Việc này ảnh hưởng trực tiếp đến căn cứ từ chối đơn đăng ký.

Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại và khôi phục thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-07148.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2013-07148 ngày 15/04/2013.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 77051/QĐ-SHTT ngày 10/9/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-07148 ngày 15/04/2013.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-07148 ngày 15/04/2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cooper Industries, LLC (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148368/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của GNT Beheer B.V.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2013-00789 ngày 09/7/2013 của GNT Beheer B.V.; địa chỉ: Industrieweg 26 NL-5731 HR Mierlo Netherlands; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1109709 theo Thông báo số 2012/11 NNL09 ngày 21/3/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5138/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của GNT Beheer B.V. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "NutriFood" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1109709 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì mang tính mô tả sản phẩm theo Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "NutriFood" theo ĐQT số 1109709 với các lý do sau:

1. Người nột đơn - GNT Beheer B.V. là nhà sản xuất thực phẩm bổ sung hàng đầu và có uy tín trên thế giới

GNT Beheer B.V. được thành lập năm 1978 tại thành phố công nghệ Aachen, Đức là nhà sản xuất hàng đầu thế giới về thực phẩm dinh dưỡng bổ sung được làm từ trái cây, rau xanh, cây cối và thảo mộc. Thành công của Công ty dựa trên việc cung cấp các sản phẩm sáng tạo, áp dụng những bí quyết sản xuất và dịch vụ khách hàng hoàn hảo.

GNT Beheer B.V. hiện đang sở hữu hai nhãn hiệu EXBERRY Colouring Foods và NutriFood. EXBERRY dùng cho các sản phẩm nước cô đặc từ trái cây và rau xanh với nhiều màu sắc đa dạng có thể dùng cho nhiều mục đích khác nhau. "Nutrifood" là các sản phẩm nước cô đặc từ trái cây và rau xanh tự nhiên chứa các dưỡng chất có nguồn gốc thực vật nhằm tăng cường cân bằng dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu thị giác và vị giác.

GNT Beheer B.V. đang tập trung vào việc sản xuất các loại dung dịch nhuộm màu tự nhiên cho các loại thực phẩm và đồ uống. Với thành quả trong công việc, Công ty được cấp nhiều chứng nhận quốc tế về chất lượng trong lĩnh vực thực phẩm.

GNT Beheer B.V. có phạm vi hoạt động trên toàn thế giới với các chi nhánh tại Châu Âu, Châu Á và Châu Mỹ. Tính đến cuối năm 2012, GNT Beheer B.V. có doanh thu xấp xỉ 87 triệu Euro.

2. Nhãn hiệu NutriFood" đã được sử dụng rộng rãi và đã đạt được khả năng phân biệt của một nhãn hiệu thông qua quá trình sử dụng thực tế

"NutriFood" là nhãn hiệu được Công ty sử dụng cho các sản phẩm nước cô đặc từ trái cây và rau xanh tự nhiên chứa các chất bổ dưỡng từ thực vật nhằm tăng cường cân bằng dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu thị giác và vị giác.

Trái cây và rau xanh chứa nguồn sắc tố thực vật dồi dào, đặc biệt bao gồm các anthocyanin và caroten tương tự như vitamin. Loại dưỡng chất màu này – có trong các trái cây và rau quả màu cam, vàng, đỏ,... có thể tăng cường sức khỏe và giảm nguy cơ bệnh tật. Các sản phẩm "NutriFood" được sản xuất chứa các dưỡng chất có nguồn gốc thực vật ở mức cao hơn nhiều so với các loại nước hoa

quả cô đặc thông thường giúp cơ thể con người chống lại các tác nhân oxy hóa từ bên ngoài. Đây cũng chính là lý do các sản phẩm nước cô đặc từ trái cây và rau xanh "NutriFood" nhanh chóng được người tiêu dùng trên thế giới ưa chuộng.

"NutriFood" được sử dụng lần đầu vào năm 1999 tại Đức và Thụy Sỹ, sau đó việc sử dụng được mở rộng tới 22 quốc gia khác tại Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Á. "NutriFood" là sản phẩm có chất lượng cao làm từ trái cây và rau xanh và việc sử dụng sản phẩm "NutriFood" được coi như trào lưu mới nhất trong cuộc sống hiện đại.

Các sản phẩm "NutriFood" được thường xuyên tham gia các hội chợ và triển lãm quốc tế nhằm giới thiệu các công nghệ sản xuất thực phẩm và thành phần đồ uống chỉ làm từ trái cây, rau xanh và thực vật có thể ăn được như: 2011 FIA Bangkok, 2012 FIA Bangkok, 2012 FIA Jakarta, ... Đặc biệt, trong năm 2013, Công ty đã tham gia nhiều hội chợ lớn trong ngành công nghệ thực phẩm như Food Ingredients Europe tại Franfurt, Đức từ 19 đến 21 tháng 11 năm 2013; CFIA từ 19 đến 21 tháng 11 năm 2013 tại Lyon, Pháp; diễn đàn cho các nhà sản xuất, đầu tư, phân phối trong lĩnh vực đồ uống BevNET live Winter 2013 ngày 09 tháng 12 năm 2013 tại Santa Monica, Mỹ... Trong năm 2014, Công ty đã có kế hoạch tham dự các hội chợ triển lãm nhằm giới thiệu sản phẩm và quảng bá hình ảnh của mình với người tiêu dùng thế giới bao gồm cả Việt Nam như: NYC Kids Food Festival, NLS Food Marketing Summit, Food Ingredients Vietnam, Health Ingredients, ...

Nhãn hiệu "NutriFood" đã được sử dụng trên sản phẩm và đã được thừa nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Doanh số bán sản phẩm "NutriFood" ngày càng tăng: năm 2008 là 2,6 triệu Euro (tương đương với 75.124.400 tỷ đồng), trong khi đó, con số này năm 2012 tăng gần gấp đôi ở mức 3,8 triệu Euro (109.797.200 tỷ đồng). Xin tham chiếu bảng kê chi tiết doanh số bán từng năm (2008-2012) của sản phẩm "NutriFood" trên toàn thế giới trong Bản Tuyên bố, các số liệu về doanh số đã chứng tỏ rằng "NutriFood" đã thực hiện chức năng nhãn hiệu hàng hóa trong một thời gian dài, liên tục và đã được người tiêu dùng nhận biết và thừa nhận trên toàn thế giới.

3. Nhãn hiệu "NutriFood" có khả năng phân biệt tự thân và vì vậy đã được đăng ký rộng rãi tại nhiều quốc gia

NutriFood là một từ tự tạo, kết hợp giữa "nutri" (là từ không có trong từ điển) và "food" (là thực phẩm). Chúng ta không thể coi "nutri" là "nutrition" (có nghĩa là dinh dưỡng) mà nên xem xét nó là một dấu hiệu có tính sáng tạo bằng cách kết hợp giữa từ "nutri" (một phần của từ nutrition) và "food". Sự kết hợp

này đã tạo nên một dấu hiệu vừa có tính phân biệt riêng, vừa gần gũi, dễ nhận biết cho người tiêu dùng.

Trên thực tế, khi tra cứu các nhãn hiệu có thành phần "nutri" đã được đăng ký ở Việt Nam trên http://iplib.noip.gov.vn, người nộp đơn thấy có 400 kết quả liên quan đến nhãn hiệu có thành phần "nutri". Trong số các nhãn hiệu này, có rất nhiều nhãn hiệu được kết hợp giữa "nutri" và một thành phần khác (có mang tính mô tả hoặc không), tuy nhiên, ở các trường hợp này chúng tôi thấy rằng các xét nghiệm viên đã không xét nghĩa của từng thành phần mà xem xét sự kết hợp đó như một cụm từ có tính sáng tạo và có khả năng phân biệt riêng và vì thế đã được đăng ký như nhãn hiệu. Việc đánh giá như vậy là hợp lý bởi khi người tiêu dùng tiếp cận với nhãn hiệu, họ sẽ nhìn nhận và nhận thức nó ở tổng thể nhãn hiệu chứ không phải từng thành phần cấu thành nó. Chẳng hạn như nhãn hiệu "NUTRI-C Nutrifood" cho nhóm 32 theo GCN số 26972; nhãn hiệu "NutriKid" cho nhóm 5, 29, 30 theo GCN số 43370; nhãn hiệu NUTRINEST cho nhóm 29, 43 theo GCN số 208070; nhãn hiệu NUTRIHAIR cho nhóm 3 theo GCN số 161264; nhãn hiệu NUTRIMOM cho nhóm 5 theo GCN số 172728; nhãn hiệu NUTRIMILK cho nhóm 5, 32 theo GCN số 130568. Tương tự như vậy, chúng tôi xin đề nghị xem xét nhãn hiệu "NutriFood" như một cụm từ kết hợp có tính sáng tạo và có khả năng phân biệt tổng thể.

Ở các quốc gia khác có hệ xét nghiệm bản chất nhãn hiệu tương đồng với Việt Nam, nhãn hiệu NutriFood cũng đã được đánh giá là có khả năng phân biệt tự thân và có khả năng thực hiện được chức năng nhãn hiệu khi gắn lên các sản phẩm của người nộp đơn, vì thế, nhãn hiệu "NutriFood" đã được đăng ký từ năm 1997 tại 27 quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu và sau đó được tiếp tục đăng ký và bảo hộ tại 10 quốc gia khác như Mỹ, Úc, New Zealand, Nhật Bản, Ukraine, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Singapore, Isreal và Thái Lan.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu "NutriFood" cũng đang được xem xét đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 5 tại Brazil, Canada, Ấn Độ, Indonesia và Hàn Quốc.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "NutriFood" được kết hợp bởi hai từ "Nutri" là cách viết tắt của từ "Nutrition" có nghĩa là "dinh dưỡng", từ "food" là "thực phẩm" như vậy cả cụm từ có thể được hiểu là "dinh dưỡng của thực phẩm" hay "thực phẩm dinh dưỡng" mang ý nghĩa mô tả cho chất lượng, giá trị của sản phẩm nhóm 05 mà nhãn hiệu áp dụng: "Thực phẩm bổ sung có chức năng dinh dưỡng và chế độ ăn kiêng; thực phẩm bổ sung có chức năng cảm quan, được làm từ trái cây, rau củ, thực vật và thảo mộc".

- Các tài liệu để chứng minh nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi không cụ thể và không đủ sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1109709 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2012/11 NNL09 ngày 21/3/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1109709.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, GNT Beheer B.V. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và GNT Beheer B.V. (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148369/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Food For Life Baking Co., Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2015-00074 ngày 29/01/2015 của Food For Life Baking Co., Inc.; địa chỉ: 2991 East Doherty Corona CA 92879, U.S.A.; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1175172 theo Quyết định số 2013/37 NTK39 ngày 18/9/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5178/BC-

TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Food For Life Baking Co., Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "FOOD FOR LIFE" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1175172 bị từ chối bảo hộ vì mang tính mô tả sản phẩm theo Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" theo ĐQT số 1155172 với các lý do sau:

1. Người nộp đơn - Food For Life Baking Co., Inc. là nhà sản xuất thực phẩm hàng đầu tại Mỹ với các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên nổi tiếng trên toàn thế giới

Được thành lập vào năm 1964 tại California, Mỹ, Food For Life Baking Co., Inc. (dưới đây được gọi là "Công ty") là nhà sản xuất thực phẩm sạch có nguồn gốc tự nhiên danh tiếng.

Công ty sản xuất các loại thực phẩm tươi và đông lạnh như bánh mỳ từ gạo nguyên hạt, bánh bao nhân nho, bánh nướng xốp kiểu Anh, bánh mỳ dạng túi, ngũ cốc, bánh mỳ dẹt làm từ bột ngô, và mỳ ống.

"FOOD FOR LIFE" được sử dụng là tên thương mại của Công ty từ năm 1964. Tính đến năm 2014, Công ty có 315 nhân viên làm việc tại 4 chi nhánh ở 18 quốc gia.

"FOOD FOR LIFE" được sử dụng là nhãn hiệu chính cho các sản phẩm thực phẩm của Công ty từ năm 1964. Với chất lượng tuyệt vời của các loại thực phẩm mang nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE", Công ty đã giành được nhiều giải thưởng có giá trị. Tiêu biểu là sản phẩm EZEKIEL 4:9 mang nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" đã được vinh danh trong "100 loại thực phẩm đóng gói sạch nhất 2014" (Prevention's 100 Cleanest Packaged Foods 2014).

2. Nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" có khả năng phân biệt tự thân, và đồng thời cũng đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi trong thương mại

Nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" được công ty sử dụng dưới hai dạng, dạng cách điệu như được gắn trên bao bì sản phẩm. Nhưng điều đặc biệt là, nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" dạng chữ thường cũng được sử dụng rộng rãi gắn lên sản phẩm, để xưng danh trong quá trình thương mại sảm phẩm, xuất hiện trên các phương tiên thông tin, ấn phẩm, tạp chí, internet v.v… và đã trở thành một nhãn hiệu có khả năng phân biệt cao trong quá trình sử dụng rộng rãi và có uy tín trong ngành thực phẩm sạch trên toàn thế giới.

Nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" có đặc trưng riêng chính bởi chất lượng của sản phẩm mang nhãn hiệu, đó là các sản phẩm thực phẩm sạch được sản xuất trên cơ sở nguồn nguyên liệu tự sạch, tự nhiên.

Để làm ra những loại thực phẩm tốt đáp ứng nhu cầu và sức khỏe cho khách hàng, Công ty đặc biệt chú trọng đến khâu trồng các loại ngũ cốc là thành

phần trong hầu hết các sản phẩm. Điểm đặc biệt trong các loại thực phẩm mang nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" đó là không chứa chất gluten, không chứa chất lên men – những tác nhân gây hại cho sức khỏe của người sử dụng. Công ty còn có các loại thực phẩm chay và thực phẩm dành riêng cho người tiểu đường. Nhờ vậy, thực phẩm "FOOD FOR LIFE" không chỉ đem lại nguồn dinh dưỡng tốt mà còn tạo sự vui vẻ và an tâm cho khách hàng.

Sự hiện diện của nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" (dạng chữ thường) trên sản phẩm và các tài liệu giới thiệu, quảng bá sản phẩm như một dấu hiệu làm tăng giá trị cho các loại thực phẩm "FOOD FOR LIFE" so với các sản phẩm cùng loại. Chính nhờ sự hiện diện của "FOOD FOR LIFE" như nêu trên đã làm cho nó trở thành một dấu hiệu có khả năng phân biệt và đang thực hiện chức năng phân biệt cho sản phẩm.

Thực tế cho thấy, "FOOD FOR LIFE" được Công ty sử dụng như một dấu hiệu nhận diện trong thương mại cho các loại thực phẩm mà Công ty sản xuất và được sử dụng trên các tài liệu quảng cáo, giao dịch của Công ty. Với lần ra mắt đầu tiên năm 1964 tại Mỹ - Thị trường thực phẩm lớn và khó tính hàng đầu thế giới, các thực phẩm mang nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" của Công ty được phân phối rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới thông qua các chi nhánh của Công ty tại 18 quốc gia trên giới giới và việc bán hàng trực tuyến.

Nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" đã được sử dụng trên sản phẩm và đã được thừa nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Doanh số bán sản phẩm "FOOD FOR LIFE" tại thị trường thế giới (ngoài Mỹ) ngày càng tăng: năm 2011 là xấp xỉ 10.9 triệu đô la Mỹ (tương đương với 236 tỷ đồng), trong khi đó, con số này năm 2014 tăng lên mức 15 triệu đô la Mỹ (tương đương 325 tỷ đồng). Về chi phí quảng cáo, con số này năm 2011 là xấp xỉ 326.000 đô la Mỹ (tương đương 7 tỷ đồng), năm 2014 đã lên tới 450.000 đô la Mỹ (tương đương 10 tỷ đồng).

Các số liệu về doanh số đã chứng tỏ rằng "FOOD FOR LIFE" đã thực hiện chức năng nhãn hiệu hàng hóa trong một thời gian dài, liên tục và đã được người tiêu dùng nhận biết và thừa nhận trên toàn thế giới.

3. Nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" có khả năng phân biệt tự thân và vì vậy đã được đăng ký tại nhiều quốc gia

Khi nộp đơn đăng đăng ký tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh, như Mỹ, Anh, Úc, Singapore, nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" đã được đánh giá là có khả năng phân biệt tự thân và không bị từ chối vì mang tính mô tả. Sau khi nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" được nộp và đăng ký lần đầu tiên năm 1979 tại Mỹ theo Đăng ký số 1.117.386, hiện nay nhãn hiệu đã được đăng ký tại 48 quốc gia khác trên thế giới bao gồm 28 quốc gia thành viên của Cộng đồng Châu Âu, Singapore, Mô-na-cô, Mông Cổ, San Marino, Iceland, Armenia, Ma-rốc, Ucraina, Thụy Sĩ, Na Uy, Liechtenstein, Philippines,...

Do vậy, trên cơ sở các lập luận cùng các tài liệu chứng minh, Food For Life Baking, Co., Inc. đệ trình rằng nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" theo ĐQT số 1175172 có khả năng phân biệt tự thân, đã được chấp nhận đăng ký tại nhiều quốc gia, đồng thời nhãn hiệu này đã thực hiện được chức năng nhãn hiệu qua quá trình sử dụng thực tế trên toàn thế giới. Vì thế, tổng thể nhãn hiệu "FOOD FOR LIFE" theo ĐQT số 1175172 đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và không thuộc trường hợp theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "FOOD FOR LIFE" có nghĩa là "thực phẩm cho cuộc sống" mang tính mô tả cho tính chất hoặc giá trị của hàng hóa mang nhãn hiệu nên thuộc đối tượng loại trừ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Các tài liệu để chứng minh nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi không cụ thể và không đủ sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1175172 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/37 NTK39 ngày 18/9/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1175172.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Food For Life Baking Co., Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Food For Life Baking Co., Inc. (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148370/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của UBMMG Holdings Sdn. Bhd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2019-00157 ngày 16/5/2019 của UBMMG Holdings Sdn. Bhd.; địa chỉ: A-8-1, Level 8, Hampshire Place Office 157 Hampshire, 1 Jalan Mayang Sari, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-32162 theo Quyết định số 24630/QĐ-SHTT ngày 05/4/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5045/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của UBMMG Holdings Sdn. Bhd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "vietbeauty Vietnam's Premier International Beauty Show" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-32162 bị từ chối bảo hộ đối với các dịch vụ nhóm 35 vì việc sử dụng, đăng ký và lưu hành dấu hiệu "Vietnam's Premier International Beauty Show" có chứa thành phần "Vietnam" (chữ viết không dấu của "Việt Nam") của nhãn hiệu đăng ký sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, lầm tưởng về nguồn gốc xuất xứ của dịch vụ được cung cấp bởi chủ đơn; và dấu hiệu "vietbeauty" nhãn hiệu đăng ký mang tính mô tả tính chất riêng của dịch vụ đăng ký mang nét đẹp, vẻ đẹp Việt (theo các Điều 73.5 và 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ). Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý lẽ sau:

Thứ nhất, theo người nộp đơn, thành phần "Vietnam" trong nhãn hiệu đăng ký không hề gây nhầm lẫn hay có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của các dịch vụ cung cấp bởi chủ đơn bởi các dịch vụ nhóm 35 này được cung cấp bởi công ty con của chủ đơn tại Việt Nam, có xuất xứ ở Việt nam.

Chủ đơn, công ty UBMMG Holdings Sdn. Bhd. là một đơn vị tổ chức triển lãm hàng đầu ở khu vực châu Á thuộc sở hữu của tập đoàn UBM. UBM hoạt động trong 19 lĩnh vực thị trường, có trụ sở tại Hong Kong và các công ty con trên khắp châu Á. Trong khu vực ASEAN, UBM hoạt động trong 13 lĩnh vực khác nhau cùng với các công ty con và công ty liên doanh tại các thành phố lớn trong khu vực ASEAN, bao gồm Bangkok, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Gia-các-ta, Kua-la Lum-pur, Manila và Xinh-ga-po.

Công ty UMB Việt Nam - thuộc sở hữu của tập đoàn UBM có địa chỉ tại Tòa nhà Hà Phan, 17 Tôn Thất Tùng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập năm 2011, là công ty cung cấp cho ngành công nghiệp Việt Nam các nền tảng thương mại mang đến cho người mua và người bán trên khắp thế giới thông qua các cuộc triển lãm lớn như: ProPak Vietnam, Aquaculture Vietnam, Food & Hotel Vietnam, Fi- Việt Nam, Nhựa & Cao su Việt Nam, MTA Việt Nam, Điện & Năng lượng Việt Nam, RE & EE Việt Nam, Vietwater, Vietstock và Vietbeauty.

Các dịch vụ liên quan thuộc nhóm 35 tại Việt Nam đều thông qua công ty con – Công ty UBM Vietnam thuộc sở hữu của công ty chủ đơn tổ chức và cung cấp, hay nói cách khác, Việt Nam là nơi xuất xứ của những dịch vụ mà người nộp đơn cung cấp vì thế, nhãn hiệu đăng ký không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, lầm tưởng về nguồn gốc xuất xứ của dịch vụ được cung cấp bởi công ty người nộp đơn.

Thứ hai, nhãn hiệu đăng ký đã được chủ đơn sử dụng rộng rãi tại Việt Nam cho các dịch vụ liên quan nhóm 35 trong một thời gian dài, đạt được khả năng phân biệt cho các dịch vụ liên quan thuộc nhóm 35

a) Người nộp đơn được thành lập năm 1918 bởi thủ tướng Anh thời đó - David Lloyd George, cho tới nay, tập đoàn UBM đã và đang hoạt động tại hơn 20 quốc gia trên thế giới, giúp cho UBM trở thành một trong những công ty tổ chức triển lãm hàng đầu trên thế giới. UBM đã được trao giải thưởng "Nhà tổ chức triển lãm thương mại đáng tin cậy nhất châu Á" tại Giải thưởng công ty có giá trị nhất của Hồng Kông (Hong Kong's Most Valuable Companies Awards) 2016.

Công ty UBMMG Holdings Sdn. Bhd. thuộc tập đoàn UBM là công ty con phụ trách thị trường Châu Á và cũng là nhà tổ chức triển lãm thương mại lớn nhất Châu Á với hơn 290 sự kiện thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau được tổ chức.

b) Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng tại Việt Nam trong thời gian dài, do đó, đạt được khả năng phân biệt cho các dịch vụ liên quan.

Nhãn hiệu đăng ký "vietbeauty Vietnam's Premier International Beauty Show" được biết đến là "triển lãm quốc tế chuyên về làm đẹp được tổ chức tại Việt Nam" bởi công ty UBM Việt Nam. Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng tại rất nhiều các cuộc triển lãm quốc tế chuyên về làm đẹp ở Việt Nam, cụ thể năm 2015: Họp báo ra mắt vietbeauty - Triển lãm quốc tế thương mại chuyên về ngành làm đẹp tại Việt Nam, có sự tham gia từ các hiệp hội trong ngành làm đẹp như Hội Hóa Mỹ Phẩm TP Hồ Chí Minh, Hiệp hội Tinh Dầu Hương Liệu Mỹ Phẩm Việt Nam và Hội Phẫu Thuật Thẩm Mỹ TP. HCM, với hơn 150 thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực làm đẹp từ mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc da, chăm sóc tóc, móng tay đến các thiết bị và giải pháp dành cho ngành thẩm mỹ đến từ 15 quốc gia đặc biệt là từ khu vực châu Á; Năm 2016: Triển lãm "vietbeauty Vietnam's Premier International Beauty Show" được tổ chức vào ngày 18-20 tháng 8 năm 2016 tại Trung tâm Triển Lãm và Hội Chợ Sài Gòn (SECC), 799 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh, thu hút hơn 150 doanh nghiệp hàng đầu đến từ trên 15 quốc gia: Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc, Indonesia, Philippines, Malaysia, Ấn Độ, Singapore,.. cùng với nhiều thương hiệu hàng đầu đến từ Mỹ và các nước châu Âu; Năm 2017: triển lãm "vietbeauty Vietnam's Premier International Beauty Show" được tổ chức từ ngày 23/08 đến 25/08/2017 tại Trung tâm Hội chợ Triển lãm Sài Gòn (SECC) -799 Nguyễn Văn Linh, Q.7, TP.HCM, thu hút hàng trăm doanh nghiệp trong nước và quốc tế đến từ Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hong Kong, Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, Singapore, Ấn Độ, Australia, Ba Lan, Thụy Sĩ, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Canada, Nga và Pháp, đem đến hơn 200 thương hiệu trưng bày. Đồng hành cùng Triển lãm là sự hỗ trợ từ các Hiệp hội trong ngành như Hội Phẫu thuật Thẩm mỹ TP.HCM, Hiệp Hội Tinh dầu và Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam, Hội Hóa Mỹ phẩm TP.HCM; Năm 2018: từ ngày 19 đến 21 tháng 7 năm 2018, "vietbeauty Vietnam's Premier International Beauty Show 2018" đã được tổ chức với sự chủ trì bởi Hội Phẫu

thuật Thẩm Mỹ TP. HCM với chủ đề "Tổng quan về xu hướng thẩm mỹ mới 2018" do các Giáo sư, Tiến Sĩ, Bác sĩ nổi tiếng trong ngành trình bày với sự tham dự của hơn 150 thương hiệu làm đẹp hàng đầu đến từ cả Châu Á và Châu Âu bao gồm: Việt Nam, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, Philippines, Singapore, Ấn Độ, Úc, UAE, Ba Lan, Thụy Sĩ, Bulgaria, Canada , Brazil và Pháp.

Tại Việt Nam, công ty chủ đơn có mạng lưới hơn 30 nhà phân phối (như liệt kê trong công ăn khiếu nại) phân bố tại các thành phố lớn của Việt Nam như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà nẵng, Hải Phòng, Lâm Đồng…

Người nộp đơn là chủ sở hữu các nhãn hiệu có cấu trúc tương tự như nhãn hiệu đăng ký, chứa thành phần "Viet" của chủ đơn đã được chấp thuận bảo hộ cho các dịch vụ liên quan thuộc nhóm 35 tại Việt Nam như VIET WATER, VIETBREW, VIETDRINK. Nhãn hiệu đăng ký có cấu trúc "Viet + beauty" – được thiết kế theo cấu trúc đặc trưng của công ty chủ đơn - sẽ dễ dàng được nhận biết bởi người tiêu dùng Việt Nam không chỉ qua quá trình gắn liền với các cuộc triển lãm quy mô mà còn qua quá trình tồn tại lâu dài của các nhãn hiệu cùng cấu trúc nêu trên.

Với các lý lẽ và chứng cứ nêu trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 4-2014-32162

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "vietbeauty, Vietnam's Premier International Beauty Show" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-32162 chứa dấu hiệu "Vietnam" (chữ viết không dấu của "Việt Nam") gây nhầm lẫn cho người sử dụng dịch vụ rằng nguồn gốc của dịch vụ có xuất xứ từ Việt Nam, trong khi người nộp đơn là Malaysia.

- Do vậy, dấu hiệu đăng ký không được bảo hộ với danh nghĩa là một nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Phần chữ "Vietbeauty" mang tính mô tả cho tính chất, giá trị của dịch vụ mà nhãn hiệu đăng ký.

- Tài liệu mà người nộp đơn chứng minh nhãn hiệu đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam là năm 2016 sau thời điểm nộp đơn đăng ký, do vậy các tài liệu nêu trên không đầy đủ và thiếu tính thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 và khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-32162 ngày 24/12/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 24630/QĐ-SHTT ngày 05/4/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-32162 ngày 24/12/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, UBMMG Holdings Sdn. Bhd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và UBMMG Holdings Sdn. Bhd. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148372/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của World Triathlon Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2019-00286 ngày 08/7/2019 của World Triathlon Corporation; địa chỉ: 2701 N. Rocky Point Drive, Suite 1250, Tampa, FL 33607, United States of America; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-22362 theo Quyết định số 50684/QĐ-SHTT ngày 24/6/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5049/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của World Triathlon Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "IRONMAN 70.3, hình" theo đơn số 4-2015-22362 tương tự với các nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 123536, nhãn hiệu "IRON MAN" bảo hộ theo GCNĐKNH số 178969 và nhãn hiệu "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 135642 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "IRONMAN 70.3, hình" theo đơn số 4-2015-22362 với các lý do sau:

- Liên quan đến các nhãn đối chứng "IRON MAN" theo đăng ký số 123536 và 178969

Hiện tại, chủ đơn đang tiến hành xóa nhóm 25 khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ xin đăng ký. Theo đó, danh mục sản phẩm, dịch vụ theo đơn đăng ký nhãn hiệu như sau:

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí, cụ thể là tổ chức và giới thiệu các sự kiện thể thao bao gồm các cuộc thi điền kinh, bơi lội và đua xe đạp.

Như vậy, sau khi xóa nhóm 25, danh mục dịch vụ mang nhãn hiệu đã hoàn toàn khác danh mục các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 18, 25, 35, 40 và 42 mang các nhãn đối chứng theo đăng ký số 123536 và 178969 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang Việt về bản chất, kênh thương mại, đối tượng sử dụng….

Vì vậy, việc gây nhầm lẫn về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ cho người tiêu dùng do nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn đối chứng của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang Việt là hoàn toàn không thể xảy ra. Hay nói cách khác, sau khi xóa nhóm 25, nhãn hiệu đăng ký đã không còn thuộc điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn sẽ thông tin đến Cục Sở hữu trí tuệ ngay sau khi việc xóa nhóm 25 khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu được ghi nhận.

- Liên quan đến nhãn đối chứng "IRON MAN" theo đăng ký số 135642

Xét thấy, nhãn hiệu đăng ký không trùng với nhãn đối chứng và dịch vụ mang hai nhãn hiệu là khác nhau và do đó việc sử dụng hai nhãn hiệu này cho các dịch vụ liên quan sẽ không có khả năng gây nhầm lẫn cho người sử dụng, Công ty chủ nhãn đối chứng Marvel Characters, Inc. đã cấp Thư đồng ý chấp thuận cho công ty chủ đơn – World Triathlon Corporation đăng ký và sử dụng nhãn hiệu cho các nhóm 25 và 41 tại Việt Nam.

Người nộp đơn xin đính kèm theo đây bản sao Thư đồng ý của công ty chủ nhãn đối chứng có xác nhận công chứng để Cục Sở hữu trí tuệ tiện tham khảo (bản gốc đã được nộp theo công văn số 249/NH ngày 28/03/2018).

Đồng thời trong Quyết định từ chối số 50684/QĐ-SHTT ngày 24/06/2019, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã chấp thuận không dùng nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 135642 làm đối chứng để từ chối dịch vụ thuộc nhóm 41 của đơn mang nhãn hiệu. Do đó, nhãn hiệu hoàn toàn đủ điều kiện đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 41 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 123536

Nhãn hiệu đăng ký "IRONMAN 70.3, hình" trong đó từ "IRONMAN" viết liền và nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" được viết rời tuy nhiên các nhãn hiệu đều có nghĩa là "người đàn ông sắt/người sắt" nên các nhãn hiệu tương tự nhau về ý nghĩa, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho hàng hóa thuộc nhóm 25, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "Quần áo cho đàn ông, phụ nữ và thanh niên; áo nỉ bằng lông cừu, quần dài thể thao bằng lông cừu, quần soóc thể thao bằng lông cừu và áo khoác (jacket) bằng lông cừu; áo thể thao, quần soóc thể thao, áo phông ngắn tay, mũ, mũ lưỡi trai, bộ đồ bơi, quần soóc dùng trong điền kinh, quần dài dùng trong điền kinh và áo dùng trong điền kinh, quần soóc dùng khi đi xe đạp, quần dài dùng khi đi xe đạp, áo dùng khi đi xe đạp và áo khoác (jacket) dùng khi đi xe đạp, áo choàng và áo khoác (jacket) mặc ngoài, tất ngắn cổ, găng tay, đồ đi chân và bộ đồ lặn được bán gắn liền với các cuộc thi liên quan đến điền kinh, bơi lội và đua xe đạp" và nhãn hiệu đối chứng: "Quần; áo; mũ (nón); tất (vớ); dây thắt lưng (dây nịt). Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

Theo công văn bổ sung của người nộp đơn đã nộp đơn ĐN1-2022-00074 ngày 06/4/2022 đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 123536, tuy nhiên cho tới nay, nhãn hiệu này vẫn chưa bị chấm dứt hiệu lực và có thời hạn hiệu lực đến ngày 30/10/2027. Do đó, nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 123536 vẫn có hiệu lực làm đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2015-22361.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 178969

Nhãn hiệu đăng ký "IRONMAN 70.3, hình" có từ "IRONMAN" viết liền và nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" viết rời, tuy nhiên các nhãn hiệu đều có nghĩa là "người đàn ông sắt/người sắt" nên các nhãn hiệu tương tự nhau về ý

nghĩa, đồng thời hàng hóa của nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 25 trong khi đó nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho dịch vụ nhóm 35: "Mua bán hàng may mặc; mua bán vải sợi; mua bán giày dép; mua bán mũ (nón); mua bán hàng dệt may; mua bán hàng thời tran" nên hàng hóa/dịch vụ của các nhãn hiệu có mối liên quan với nhau.

c. Đối với nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 135642

Nhãn hiệu đăng ký "IRONMAN 70.3, hình" và nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" đều áp dụng cho dịch vụ nhóm 41, nên việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho cùng dịch vụ sẽ gây nhầm lẫn về nguồn cung ứng dịch vụ. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "IRONMAN", hình" tại Việt Nam. Tuy nhiên, Thư chấp thuận của chủ sở hữu của nhãn hiệu đối chứng - Marvel Characters, Inc. cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "IRONMAN, hình" cho sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 25 và 41 tại Việt Nam chỉ là một nguồn tài liệu để tham khảo vì chưa đủ để tạo ra khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký.

e. Người nộp đơn đang tiến hành loại bỏ nhóm 25 ra khỏi danh mục sản phẩm. Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-22362 ngày 19/08/là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 50684/QĐ-SHTT ngày 24/6/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-22362 ngày 19/08/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, World Triathlon Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và World Triathlon Corporation (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148381/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH bệnh viện Quốc tế GREEN
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2020-00279 ngày 17/4/2020 của Công ty TNHH bệnh viện Quốc tế GREEN; địa chỉ: Số 738 đường Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-10366 theo Quyết định số 118868/QĐ-SHTT ngày 31/12/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5060/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH bệnh viện Quốc tế GREEN với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "HOSPITAL Green, hình" theo đơn số 4-2016-10366 tương tự với các nhãn hiệu đối chứng "green spa, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 187113, nhãn hiệu "Green PHARMA, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 237367, nhãn hiệu "GREENCLINIC" theo GCNĐKNH số 314717 và nhãn hiệu "GREEN LAB, hình" theo GCNĐKNH số 254772 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "HOSPITAL Green, hình" theo đơn số 4-2016-10366 với các lý do sau:

1. Phạm vi bảo hộ của các nhãn hiệu đối chứng

1.1. Phần chữ "GREEN" là thành phần phổ thông trong các nhãn hiệu đối chứng

Sau khi xem xét, người nộp nhận thấy cả bốn nhãn hiệu đối chứng đều chứa phần chữ "Green" và được cấp ở các thời điểm khác nhau. Cụ thể là:

- Đối chứng 1 chứa từ "green", được bảo hộ cho các "dịch vụ chăm sóc sắc đẹp", cấp bằng ngày 27/6/2012; Đối chứng 2 và 3 cũng chứa từ "green" và cũng đăng ký cho các dịch vụ liên quan tới chăm sóc sắc đẹp, được cấp GCNĐKNH ngày 15/12/2014 và 25/2/2019, tức là vào thời điểm nhãn hiệu đối chứng thứ nhất đang có hiệu lực pháp luật.

- Đối chứng 2 chứa từ "GREEN" được bảo hộ cho các "dịch vụ buôn bán dược phẩm, vật tư y tế, cấp bằng ngày 15/12/2014; Đối chứng 4 và 3 cũng chứa từ "GREEN" và đăng ký cho các dịch vụ "chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, y tế…" đều lần lượt được cấp bằng ngày 20/11/2015 và 25/02/2019, tức là thời điểm nhãn hiệu đối chứng 4 đang có hiệu lực pháp luật.

Mặc dù "Green" không phải là yếu tố loại trừ trong các đối chứng. Tuy nhiên, từ việc Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng cho cả 4 đối chứng nêu trên từ năm 2012 đến 2019, có thể thấy rằng theo quan điểm của Cục Sở hữu trí tuệ thì "Green" đã được coi là thành phần phổ thông, không được bảo hộ riêng cho bất kì chủ thể nào khi đăng ký cho các sản phẩm/dịch vụ liên quan đến "chăm sóc sắc đẹp, sức khỏe, y tế". Bất kì nhãn hiệu nào có thành phần "Green" mà các thành phần khác và/hoặc tổng thể sự kết hợp với các yếu tố khác đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ thì đương nhiên không bị từ chối với những nhãn hiệu của các chủ thể khác có phần chữ "green" đang được bảo hộ hoặc có ngày nộp đơn/ngày ưu tiên trước đó.

1.2. Các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ tổng thể:

Vì "Green" là thành phần phổ thông nên không tạo ra khả năng phân biệt cho các nhãn hiệu đối chứng. Vậy, yếu tố tạo nên khả năng phân biệt cho các nhãn hiệu chứa từ "Green" là nằm ở thành phần khác và/hoặc tổng thể sự kết hợp với các thành phần khác. Trong đó:

- Đối chứng 1 kết hợp với phần chữ khác là "Spa", "Tận hưởng cuộc sống" (phần chữ này cũng không được bảo hộ riêng) và hình;

- Đối chứng 2 kết hợp với phần chữ khác là "PHARMA" (phần chữ này cũng không được bảo hộ riêng) và hình;

- Đối chứng 3 kết hợp với phần chữ khác là "CLINIC" (phần chữ này cũng không được bảo hộ riêng);

- Đối chứng 4 kết hợp với phần chữ khác là "LAB" (phần chữ này cũng không được bảo hộ riêng) và hình.

Như vậy, phần chữ khác trong cả 4 nhãn hiệu đối chứng đều là yếu tố loại trừ, không được bảo hộ riêng. Do đó, có thể hiểu rằng 4 nhãn hiệu đối chứng đều được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng từ "GREEN".

2. Nhãn hiệu xin đăng ký cần được xem xét bảo hộ tổng thể bởi sự cách điệu độc đáo, sáng tạo của người nộp đơn

Trong một nhãn hiệu kết hợp thì cách kết hợp độc đáo các yếu tố trong nhãn hiệu đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo ấn tượng thị giác cho người tiêu dùng. Một nhãn hiệu tạo được ấn tượng thị giác riêng biệt chính là một nhãn hiệu có khả năng phân biệt.

Nhãn hiệu xin đăng ký 

là một sự kết hợp tổng thể của nhiều yếu tố như sau:

- Từ tiếng Anh "HOSPITAL" có nghĩa tiếng Việt là "bệnh viện";

- Từ "Green" đã được cách điệu độc đáo, sáng tạo với chữ "G" được phóng lớn nổi bật hình người mẹ đang ôm con; Chữ "n" được cách điệu thêm hình dấu thập ở giữa – là biểu tượng riêng của ngành y tế. Hình ảnh người mẹ đang ôm con gửi gắm thông điệp và tôn chỉ hoạt động của người nộp đơn đó là "lương y như từ mẫu – bác sĩ như mẹ hiền", với tôn chỉ luôn đặt bệnh nhân lên hàng đầu, dành cho bệnh nhân tình yêu thương như người thân trong gia đình, như người mẹ luôn yêu thương, bao bọc và che chở cho con. người nộp đơn đã có sự sáng tạo độc đáo, ý nghĩa khi kết hợp phần hình lồng vào phần chữ gây ấn tượng mạnh;

- Màu sắc: xanh lá cây

Với sự cách điệu độc đáo như trên, nhãn hiệu xin đăng ký không chỉ đơn thuần là chữ "GREEN HOPITAL" mà là một tổng thể kết hợp độc đáo, ấn tượng, có khả năng bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "green spa, hình" bảo hộ theo (GCNĐKNH số 187113

Nhãn hiệu đăng ký "HOSPITAL Green, hình" và nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Green"/"green" vì đây là thành phần chính, mang tính phân biệt của nhãn hiệu, đồng thời cùng áp dụng cho dịch vụ thuộc nhóm 44 là dịch vụ chăm sóc sắc đẹp; thẩm mỹ viện, nên việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của dịch vụ.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "Green PHARMA, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 237367

Nhãn hiệu đăng ký "HOSPITAL Green, hình" và nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Green"/"Green" tương tự nhau vì đây là thành phần chính, mang tính phân biệt của nhãn hiệu, đồng thời nhãn hiệu đăng ký áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 10: "Thiết bị và dụng cụ y tế; thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; thiết bị hồi sức; thiết bị xoa bóp; thiết bị đo huyết áp" và nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho dịch vụ: "Buôn bán dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, thực phẩm chức năng, trang thiết bị và dụng cụ y tế,…". Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm/dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm/dịch vụ.

c. Đối với nhãn hiệu đối chứng "GREENCLINIC" theo GCNĐKNH số 314717

Nhãn hiệu đăng ký "HOSPITAL Green, hình" và nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Green"/"GREEN" tương tự nhau vì đây là thành phần chính, mang tính phân biệt của nhãn hiệu, đồng thời nhãn hiệu đăng ký áp dụng cho dịch vụ nhóm 44: "Bệnh viện; dịch vụ y tế tại bệnh viện; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; trung tâm chăm sóc sức khỏe; thẩm mỹ viện; dịch vụ tư vấn sức khỏe" và nhãn hiệu đối chứng: "Dịch vụ y tế; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; dịch vụ chăm sóc vệ sinh và sắc đẹp; tư vấn sức khỏe; dịch vụ trợ giúp y tế; tư vấn về chăm sóc y tế;…". Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của dịch vụ.

d. Đối với nhãn hiệu đối chứng "GREEN LAB, hình" theo GCNĐKNH số 254772

Nhãn hiệu đăng ký "HOSPITAL Green, hình" và nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Green"/"GREEN" tương tự nhau vì đây là thành phần chính, mang tính phân biệt của nhãn hiệu, đồng thời nhãn hiệu đăng ký áp dụng cho dịch vụ nhóm 44: "Bệnh viện; dịch vụ y tế tại bệnh viện; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; trung tâm chăm sóc sức khỏe; thẩm mỹ viện; dịch vụ tư vấn sức khỏe" và nhãn hiệu đối chứng áp dụng: "Dịch vụ khám chữa bệnh cho người, dịch vụ xét nghiệm y tế, chụp X-quang, dịch vụ chăm sóc sức khỏe". Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của dịch vụ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-10366 ngày 14/04/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 118868/QĐ-SHTT ngày 31/12/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-10366 ngày 14/04/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH bệnh viện Quốc tế GREEN có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH bệnh viện Quốc tế GREEN (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148405/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 135244

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2023-00180 ngày 16/8/2023 của Ông/Bà Phùng Thị Hương, địa chỉ: Số nhà 21 ngõ 604/35/4, đường Ngọc Thụy, tổ 22, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 135244, cấp ngày 19/10/2009 cho GOURDO'S INC (PH);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 16/8/2023, Ông/Bà Phùng Thị Hương (qua Công ty TNHH Đại Tín và

Liên danh) nộp đơn ĐN1-2023-00180 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 135244 với lý do nhãn hiệu "avea, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 19/10/2009 đến ngày 07/8/2023 (Căn cứ theo công văn số 368/TT-TTKTQT ngày 11/8/2023 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 16/10/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 76857/SHTT-TTKN.ip thông báo cho GOURDO'S INC (qua Công ty TNHH KEDA IP) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Ông/Bà Phùng Thị Hương.

Ngày 14/12/2023, Công ty TNHH KEDA IP đại diện cho GOURDO'S INC đề nghị gia hạn trả lời công văn số 76857/SHTT-TTKN.ip đến ngày 16/02/2024. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của GOURDO'S INC.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "avea, hình" theo GCNĐKNH số 135244 tại Việt Nam từ ngày 19/10/2009 đến ngày 07/8/2023 và chủ GCNĐKNH số 135244 không có ý kiến trả lời công văn số 76857/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 135244.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 135244 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 135244, cấp ngày 19/10/2009 theo yêu cầu của Ông/Bà Phùng Thị Hương.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 135244, cấp ngày 19/10/2009 cho GOURDO'S INC (PH) theo yêu cầu của Ông/Bà Phùng Thị Hương.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. GOURDO'S INC (PH) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và GOURDO'S INC (qua Công ty TNHH KEDA IP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Ông/Bà Phùng Thị Hương; địa chỉ: Số nhà 21 ngõ 604/35/4, đường Ngọc Thụy, tổ 22, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148406/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 70912

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2023-00240 ngày 17/10/2023 của Công ty TNHH Bud & Prairie, địa chỉ: Số 2, Ngõ 60, phố Lương Ngọc Quyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 70912, cấp ngày 23/03/2006 cho Hộ kinh doanh dệt chiếu Tân Châu Long (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 17/10/2023, Công ty TNHH BUD & PRAIRIE nộp đơn ĐN1-2023-00240 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 70912 với lý do nhãn hiệu "TCL TÂN CHÂU LONG, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 15/9/2018 đến ngày 20/9/2023 (Căn cứ theo công văn số 53/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 20/9/2023 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 09/9/2024 và ngày 20/01/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 87594/SHTT-TTKN.ip và 2281/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Hộ kinh doanh dệt chiếu Tân Châu Long về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH BUD & PRAIRIE. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Hộ kinh doanh dệt chiếu Tân Châu Long.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "TCL TÂN CHÂU LONG, hình" theo GCNĐKNH số 70912 tại Việt Nam từ ngày 15/9/2018 đến ngày 20/9/2023 và chủ GCNĐKNH số 70912 không có ý kiến trả lời công văn số 87594/SHTT-TTKN.ip và số 2281/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 70912.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 70912 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 70912, cấp ngày 23/03/2006 theo yêu cầu của Công ty TNHH BUD & PRAIRIE.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 70912, cấp ngày 23/03/2006 cho Hộ kinh doanh dệt chiếu Tân Châu Long (VN) theo yêu cầu của Công ty TNHH Bud & Prairie.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Hộ kinh doanh dệt chiếu Tân Châu Long (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Hộ kinh doanh dệt chiếu Tân Châu Long (112 tổ 2, khóm Long Thạnh, phường Long Châu, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty TNHH Bud & Prairie; địa chỉ: Số 2, Ngõ 60, phố Lương Ngọc Quyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149388/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TIANJIN DAWEI STATIONERY & SPORTING GOODS CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây

trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

TTN105

Xét đơn số KN4-2023-00458 ngày 24/8/2023 của TIANJIN DAWEI STATIONERY & SPORTING GOODS CO., LTD.; địa chỉ: Building 14, Wuzhuangzi Industrial Park, No.5 Maotiao Road, Jingwu Town, Xiqing District, Tianjin, China; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-04311 theo Quyết định số 37214/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 31/5/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5176/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TIANJIN DAWEI STATIONERY & SPORTING GOODS CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "YASAKA" theo đơn số 4-2021-04311 tương tự với nhãn hiệu đối chứng "YATAKA" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 339394 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "YASAKA" theo đơn số 4-2021-04311 với các lý do sau:

Để Cục Sở hữu trí tuệ tiện bề xem xét, chúng tôi đưa một số hình ảnh về sản phẩm của nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng để so sánh như sau:

Sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký:

Nhóm 28: Vợt; dây căng vợt; bàn để đánh bóng bàn; quả bóng hơi để chơi; lưới cho thể thao; bóng cho trò chơi.

- Bản chất: Dụng cụ thể thao
- Mục đích sử dụng: Thi đấu, giải trí
- Đặc điểm:

+ Dùng để tập, rèn luyện, thi đấu cùng với người khác, có tính đối kháng

+ Sử dụng trong các cuộc thi đấu có tính chất quy tắc, với những thể lệ nhất định, trong những không gian và môi trường nhất định

+ Có yêu cầu về thành tích, có tính chặt chẽ trong khâu tổ chức

- Kênh phân phối: Cửa hàng dụng cụ thể thao chuyên biệt

Sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng:

Nhóm 28: Dụng cụ tập thể dục, máy tập thể dục.

- Bản chất: Dụng cụ thể dục
- Mục đích sử dụng: Rèn luyện và tăng cường sức khỏe
- Đặc điểm:

+ Tự mỗi người có thể tập luyện

+ Sử dụng để tập luyện ở nhiều môi trường, nhiều điều kiện, theo nhu cầu, thể trạng, sở thích của cá nhân

+ Có tính tự phát, tùy nghi theo điều kiện cụ thể của từng người

- Kênh phân phối: Cửa hàng thiết bị thể dục chuyên dụng

Từ phân tích ở bảng trên, đặc biệt với các hình ảnh rõ ràng, có thể khẳng định rằng các sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký khác biệt so với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng về bản chất, mục đích sử dụng và các đặc điểm liên quan khác.

Hơn thế nữa, có thể thấy rằng các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng là các sản phẩm có giá trị cao (từ hàng chục đến hàng trăm triệu đồng), do đó thường hướng đến đối tượng khách hàng là nhóm người có thu nhập cao hoặc các chủ sở hữu các câu lạc bộ/phòng tập gym. Trong khi đó, các sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký là các sản phẩm thông dụng hơn với giá thấp hơn (vài chục hoặc vài trăm nghìn đồng, cá biệt vài triệu đồng), do đó, đối tượng khách hàng là người tiêu dùng phổ thông, có thu nhập thấp hoặc trung bình.

Theo ý kiến tại Quyết định số 37214/QĐ-SHTT.ip nêu trên, Quý Cục cho rằng hai nhãn hiệu đăng ký cho cùng loại sản phẩm liên quan đến lĩnh vực thể dục thể thao. Tuy nhiên, như phân tích ở trên, có thể thấy rõ ràng rằng các sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng không phải là sản phẩm cùng loại. Đặc biệt, các sản phẩm này hướng đến đối tượng khách hàng hoàn toàn khác biệt, do đó sẽ không thể khiến người tiêu dùng lầm tưởng hai nhãn hiệu là biến thể của nhau và/hoặc có cùng nhà sản xuất.

2. Về nhãn hiệu

Nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cách phát âm và ý nghĩa, cụ thể như sau:

- Về cách phát âm: Nhờ sự khác biệt giữa phụ âm "S" & "T", âm tiết thứ hai trong nhãn hiệu xin đăng ký có cách phát âm là "sa", khác biệt với cách đọc của âm tiết tương ứng /ta/ trong nhãn hiệu đối chứng.

- Về ý nghĩa: Nhãn hiệu xin đăng ký là phần tên họ trong tên người Nhật Bản, có nghĩa là "lộng lẫy". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là từ tự tạo, không có nghĩa.

Theo hướng dẫn tại Quy chế thẩm định nhãn hiệu:

- Điểm 20.2.3.b "Trường hợp hai dấu hiệu có nhiều ký tự trùng nhau, nhưng nếu chúng có hai nghĩa rõ ràng, có thể phân biệt được với nhau, thì hai dấu hiệu đó vẫn có khả năng phân biệt".

Trong trường hợp này, nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng khác biệt nhau về ý nghĩa như phân tích ở trên.

Hơn thế nữa, cùng với sự khác biệt hoàn toàn về mặt sản phẩm, có thể khẳng định rằng nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

3. Thực tiễn bảo hộ

Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu khác có cấu trúc tương tự cho các sản phẩm thuộc nhóm 28 đã đồng thời được chấp nhận bảo hộ, chẳng hạn như:

- Nhãn hiệu "YAMAHA" theo GCNĐKNH số 9514;
- Nhãn hiệu "YAMAMOTO" theo GCNĐKNH số 132623;
- Nhãn hiệu "YAMAGA Blank" theo ĐKQT số 1251281;

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "YATAKA" theo GCNĐKNH số 339394

Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "YASAKA" và nhãn hiệu đối chứng "YATAKA" có cấu trúc từ và phát âm tương tự nhau chỉ khác cặp phụ âm đối xứng "S"/"T" nên sự khác biệt không đáng kể này không tạo khả năng phân biệt cho các nhãn hiệu.

Về sản phẩm áp dụng: Nhãn hiệu đăng ký áp dụng cho sản phẩm: "Vợt; dây căng vợt; bàn để đánh bóng bàn; quả bóng hơi để chơi; lưới cho thể thao; bóng cho trò chơi" trong khi nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho sản phẩm: "Dụng cụ tập thể dục, máy tập thể dục".

Tổng hợp nhận định và đánh giá trên thấy rằng việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

b. Các trường hợp như người nộp đơn viện dẫn không giống và không liên quan đến nội dung khiếu nại.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-04311 ngày 01/02/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 37214/QĐ-SHTT.IP ngày 31/5/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-04311 ngày 01/02/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, TIANJIN DAWEI STATIONERY & SPORTING GOODS CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TIANJIN DAWEI STATIONERY & SPORTING GOODS CO., LTD. (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149389/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HOTEL LOTTE CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2018-00304 ngày 26/4/2018 của HOTEL LOTTE CO., LTD.; địa chỉ: 30, Eulji-ro, Jung-gu, Seoul, Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-11141 theo Quyết định số 10036/QĐ-SHTT ngày 13/02/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5174/BC-

TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HOTEL LOTTE CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "RED RIVER, CHINESE RESTAURANT, Ký tự Hàn Quốc" theo đơn số 4-2014-11141 bị từ chối vì tương tự với nhãn hiệu đối chứng "KHÁCH SẠN SÔNG HỒNG, HOTEL, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 109634 và nhãn hiệu "Song Hong, Nhà hàng Cá Lăng Sông Hồng, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 196461 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "RED RIVER, CHINESE RESTAURANT, Ký tự Hàn Quốc" theo đơn số 4-2014-11141 với các lý do sau:

1. Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng thứ nhất

Nhãn hiệu đăng ký:

Hình thức thể hiện:

- Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu đen trắng;
- Các ký tự Hàn Quốc được thể hiện cách điệu độc đáo, tạo ấn tượng là hình đèn lồng, dải lụa;
- Nhãn hiệu gồm 3 thành phần được thể hiện tạo ấn tượng tổng thể là khung hình vuông;
- 2 chữ "R" đầu tiên trong phần chữ "REDRIVER" được thể hiện cách điệu nổi bật, tạo điểm nhấn cho tổng thể nhãn hiệu;

Ý nghĩa:

Thông điệp chủ đạo của nhãn hiệu là "dòng sông đỏ", việc sử dụng tiếng Anh giúp nhãn hiệu đăng ký mang phong cách mới mẻ, hiện đại

Cách đọc, cách phát âm:

- Nhãn hiệu đăng ký được phát âm là /rɛd//'rɪvə/ /tʃʌɪ'niːz/ /'rɛst(ə)rɒnt/

Nhãn hiệu đối chứng thứ nhất:

Hình thức thể hiện:

- Nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của nhiều màu sắc (xanh, da cam, nâu);
- Với phần hình nổi bật, nhãn hiệu đối chứng tạo ấn tượng là hình chim hạc;
- Nhãn hiệu gồm phần hình và phần chữ thể hiện tạo ấn tượng tổng thể là khung hình tròn;
- Toàn bộ phần chữ được thể hiện theo phông chữ tiêu chuẩn;

Ý nghĩa:

Thông điệp chủ đạo của nhãn hiệu là "Sông Hồng" kết hợp với hình chim hạc truyền thống, mang phong cách dân tộc thuần Việt cho tổng thể nhãn hiệu

Cách đọc, cách phát âm:

- Nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /khách/ /sạn/ sông/ /hồng/ /həʊˈtɛl/

Ấn tượng thị giác

Với sự khác biệt về màu sắc, hình thức thể hiện cũng như cách đọc, cách phát âm như trên, nhãn hiệu đăng ký có ấn tượng thị giác hoàn toàn khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng thứ nhất.

2. Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng thứ hai

Nhãn hiệu đăng ký: REDRIVER CHINESE RESTAURANT

Hình thức thể hiện:

- Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu đen trắng;
- Các thành phần trong nhãn hiệu được thể hiện trên nền màu trắng thuần túy;
- Các ký tự Hàn Quốc được thể hiện cách điệu độc đáo, tạo ấn tượng là hình đèn lồng, dải lụa;
- 2 chữ "R" đầu tiên trong phần chữ "REDRIVER" được thể hiện nổi bật bằng cách cách điệu với kích cỡ lớn hơn, tạo điểm nhấn cho tổng thể nhãn hiệu.

Ý nghĩa:

- Thông điệp chủ đạo của nhãn hiệu là "dòng sông đỏ", việc sử dụng tiếng Anh giúp nhãn hiệu đăng ký mang phong cách mới mẻ, hiện đại

Cách đọc, cách phát âm:

- Nhãn hiệu đăng ký được phát âm là /rɛd/ /ˈrɪvə/ /tʃɪˈniːz/ /ˈrɛst(ə)rɒnt/

Nhãn hiệu đối chứng thứ hai:

Hình thức thể hiện:

- Nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của nhiều màu sắc (vàng, da cam, đen, nâu);
- Các thành phần trong nhãn hiệu được thể hiện trên nền họa tiết trang trí màu vàng, trắng;
- Phần chữ "Song Hong" được cách điệu với các đường cong, tạo ấn tượng là hình người đang múa;
- Phần chữ "Sông Hồng" được thể hiện kiểu uốn lượn, tạo cảm giác mềm mại, nhẹ nhàng.

Ý nghĩa:

Thông điệp chủ đạo của nhãn hiệu là "Sông Hồng" được thể hiện bằng các nét uốn lượn, mang phong cách nhẹ nhàng, bay bổng

Cách đọc, cách phát âm:

- Nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /nhà/ /hàng/ /cá/ /lăng/ /sông/ /hồng/

Ấn tượng thị giác

Với sự khác biệt về màu sắc, hình thức thể hiện cũng như cách đọc, cách phát âm như trên, nhãn hiệu đăng ký có ấn tượng thị giác hoàn toàn khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng thứ hai.

Qua những phân tích trên cho thấy nhãn hiệu xin đăng ký khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng về hình thức thể hiện, cách đọc, cách phát âm, ý nghĩa cũng như ấn tượng thị giác. Điều này cũng phù hợp với các nhận định của Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận trong Quyết định số 10036/QĐ-SHTT nêu trên, cụ thể là, nhãn hiệu xin đăng ký "khác biệt với nhãn hiệu số 109634 ngày 23/09/2008, 196461 ngày 29/11/2012 về màu sắc, cách trình bày, phát âm" (Câu thứ 3 gạch đầu dòng thứ nhất phần lý do tại Điều 1 của Quyết định số 10036/QĐ-SHTT nêu trên).

3. Nhãn hiệu xin đăng ký không có khả năng gây nhầm lẫn và không thể bị coi là biến thể của các nhãn hiệu đối chứng

Căn cứ vào các quy định tại Điểm 39.8 (c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007, một dấu hiệu bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nếu:

(i) Dấu hiệu đó gần giống với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc hoặc/và nội dung hoặc/và cách phát âm hoặc/và ý nghĩa hoặc/và hình thức thể hiện đến mức làm cho người tiêu dùng tưởng lầm rằng hai đối tượng đó là một hoặc đối tượng này là biến thể của đối tượng kia hoặc hai đối tượng đó có cùng một nguồn gốc;

(ii) Dấu hiệu chỉ là bản phiên âm hoặc dịch nghĩa từ nhãn hiệu đối chứng nếu nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu nổi tiếng.

Trong trường hợp này, xét về tổng thể, nhãn hiệu xin đăng ký khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng bởi lẽ:

(i) Nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng về hình thức thể hiện, cách đọc và ấn tượng thị giác (như phân tích ở trên);

(i) Các nhãn hiệu đối chứng chưa được ghi nhận là nhãn hiệu nổi tiếng tại Việt Nam.

Từ những phân tích trên cho thấy tổng thể nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng. Do vậy, việc chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu xin đăng ký sẽ không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của nhãn hiệu hay nhãn hiệu xin đăng ký là không phải là biến thể của nhãn hiệu đối chứng.

4. Thực tiễn bảo hộ tại Việt Nam

- Nhãn hiệu "SUN" theo GCNĐKNH số 5317 và "THÁI DƯƠNG, hình" theo GCNĐKNH số 23950 cho sản phẩm nhóm 12;

- Nhãn hiệu "VIỄN ĐÔNG, hình" theo GCNĐKNH số 65371 và "FAR EAST CABLE, hình" theo GCNĐKNH số 905459 (nhóm 09);

- Nhãn hiệu "UNION, hình" theo GCNĐKNH số 1361 và "THỐNG NHẤT" theo GCNĐKNH số 227099;

- Nhãn hiệu "UNION, hình" theo GCNĐKNH số 77890 và "THỐNG NHẤT, hình" theo GCNĐKNH số 128105 (nhóm 12);…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "KHÁCH SẠN SÔNG HỒNG, HOTEL, hình" theo GCNĐKNH số 109634

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "RED RIVER, CHINESE RESTAURANT, Ký tự Hàn Quốc" có phần chữ "CHINESE RESTAURANT" có nghĩa là "Nhà hàng Trung Hoa" mang tính mô tả cho dịch vụ; phần tiếng "Hàn" (theo mô tả của người nộp đơn) thuộc ngôn ngữ không thông dụng; phần chữ còn lại "RED RIVER" có nghĩa là "sông Hồng" và nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "SÔNG HỒNG" đây là thành phần chính, mang tính phân biệt của các nhãn hiệu nên các nhãn hiệu tương tự nhau về ý nghĩa.

Về dịch vụ mang nhãn hiệu: Các nhãn hiệu đều áp dụng cho dịch vụ nhóm 43, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "Căng tin; nhà hàng ăn uống phục vụ khách du lịch; quán rượu có sân khấu biểu diễn; nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống tự chọn, quán rượu nhỏ; dịch vụ chuỗi nhà hàng ăn uống; dịch vụ cung cấp thức ăn, đồ uống do nhà hàng thực hiện; dịch vụ quán cà phê; dịch

vụ quầy cốc-tai" và nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho dịch vụ: "Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống".

Tổng hợp các nhận định và đánh giá trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều tương tự nhau về ý nghĩa và đều áp dụng cho dịch vụ hàng ăn uống, khách sạn nên dễ gây lầm tưởng có cùng nguồn gốc cung ứng dịch vụ.

b. Nhãn hiệu "Song Hong, Nhà hàng Cá Lăng Sông Hồng, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 196461

Nhãn hiệu đăng ký "RED RIVER, CHINESE RESTAURANT, Ký tự Hàn Quốc" có phần chữ "CHINESE RESTAURANT" có nghĩa là "Nhà hàng Trung Hoa" mang tính mô tả cho dịch vụ; phần tiếng "Hàn" (theo mô tả của người nộp đơn) thuộc ngôn ngữ không thông dụng; phần chữ còn lại "RED RIVER" có nghĩa là "sông Hồng" và nhãn hiệu đối chứng cũng có phần chữ "Sông Hồng" nên các nhãn hiệu tương tự nhau về ý nghĩa vì đây là thành phần chính, mang tính phân biệt của các nhãn hiệu.

Về dịch vụ mang nhãn hiệu: Các nhãn hiệu đều áp dụng cho dịch vụ nhóm 43, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "Căng tin; nhà hàng ăn uống phục vụ khách du lịch; quán rượu có sân khấu biểu diễn; nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống tự chọn, quán rượu nhỏ; dịch vụ chuỗi nhà hàng ăn uống; dịch vụ cung cấp thức ăn, đồ uống do nhà hàng thực hiện; dịch vụ quán cà phê; dịch vụ quầy cốc-tai" và nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho dịch vụ: "Dịch vụ cung cấp đồ ăn uống (do nhà hàng thực hiện), nhà hàng ăn uống, khách sạn".

Tổng hợp các nhận định và đánh giá trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều tương tự nhau về ý nghĩa và đều áp dụng cho dịch vụ hàng ăn uống, khách sạn nên dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng có cùng nguồn gốc cung ứng dịch vụ.

c. Các trường hợp như người nộp đơn viện dẫn không giống và không liên quan đến nội dung khiếu nại.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-11141 ngày 21/05/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 10036/QĐ-SHTT ngày 13/02/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-11141 ngày 21/05/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, HOTEL LOTTE CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HOTEL LOTTE CO., LTD. (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149454/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của RITZ ENTERPRISE SA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00693 ngày 30/6/2017 của THE RITZ HOTEL LIMITED; địa chỉ: 14 South Street London W1K 1DF, United Kingdom; nay là: RITZ ENTERPRISE SA; địa chỉ: 42 rue du Rhône CH-1204 Genève, Switzerland; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 293774 theo Thông báo số 2015/48 VTB32 ngày 30/11/2016;

PTT366

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5236/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của RITZ ENTERPRISE SA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RITZ" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 293774 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "MANUEL RITZ" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1214853 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, 09, 14, 18 và 25 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu "RITZ" theo ĐQT số 293774 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về cách đọc và ấn tượng thị giác, cụ thể: về cách đọc, nhãn hiệu đăng ký được đọc là /rɪts/, trong khi đó nhãn hiệu đối chứng được đọc là /ma-nu-el rits/. Nhãn hiệu đăng ký bao gồm 01 âm tiết trong khi đó nhãn hiệu đối chứng gồm 04 âm tiết nên sự khác biệt về cách đọc là rõ ràng. Về ấn tượng thị giác, nhãn hiệu đăng ký là một từ có 04 chữ cái, trong khi đó nhãn hiệu đối chứng gồm hai từ có 10 chữ cái.

Trên cơ sở xem xét rằng nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt với nhãn hiệu đối chứng đủ để không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc các sản phẩm mang các nhãn hiệu nên chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐQT số 293774 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "RITZ" theo ĐQT số 293774 là một từ tiếng Anh gồm 4 ký tự và được phát âm thành một âm tiết /rɪts/, trong khi nhãn hiệu đối chứng "MANUEL RITZ" gồm hai 2 từ tiếng Anh có 10 ký tự và được phát âm thành 4 âm tiết /ma-nu-el rits/. Do đó, nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo từ và phát âm. Người nộp đơn đã được chủ sở hữu nhãn

hiệu đối chứng cấp thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 293774 tại Việt Nam. Do đó, có cơ sở chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu "RITZ" theo ĐQT số 293774, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/48 VTB32 ngày 30/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 293774.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 293774.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và RITZ ENTERPRISE SA (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149455/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH giống cây trồng Thuận Thành
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00941 ngày 19/12/2024 của Công ty TNHH giống cây trồng Thuận Thành; địa chỉ: 1081 ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; đại diện bởi: Công ty TNHH Khang Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn

số 4-2021-08574 theo Quyết định số 137945/QĐ-SHTT.IP ngày 26/11/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5277/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH giống cây trồng Thuận Thành với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-08574 ngày 12/03/2021 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 137945/QĐ-SHTT.IP ngày 26/11/2024 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c và 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký mang tính sáng tạo, đáp ứng điều kiện bảo hộ, có khả năng tự phân biệt và có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "ĐƯỢC MÙA" theo GCĐKNH số 914797 về cấu trúc, cách phát âm, nội dung và ý nghĩa.

Người nộp đơn trình bày một số nhãn hiệu được cấp: "Cơm niêu Sài Gòn", "Bá Phát, "Sài Gòn Bá Phát",...và cho rằng những trường hợp trên tương tự với trường hơn đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-08574 ngày 12/03/2021.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "ĐƯỢC MÙA BỘI THU" chứa phần chữ "ĐƯỢC MÙA" trùng với nhãn hiệu đã được bảo hộ theo GCNĐKNH số 91497 cấp

ngày 08/11/2007. Trong khi, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 17. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Bên cạnh đó, sự kết hợp phần chữ "ĐƯỢC MÙA" với phần chữ "BỘI THU" của nhãn hiệu đăng ký tạo thành một tổ hợp thông dụng mô tả mùa vụ đạt năng suất cao, chất lượng vượt trội hoặc sản lượng vượt mong đợi, mô tả tình trạng sản xuất nông nghiệp tích cực. Do đó, nhãn hiệu đăng ký mô tả trực tiếp cho dịch vụ đăng ký thuộc nhóm 35.

Ngoài ra, các trường hợp khác được người khiếu nại nêu trong đơn không tương tự và không nằm trong phạm vi xem xét của khiếu nại này.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tạiĐiều 74.2.c và 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-08574 ngày 12/3/2021 là phù hợp, khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 137945/QĐ-SHTT.IP ngày 26/11/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-08574 ngày 12/3/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH giống cây trồng Thuận Thành có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH giống cây trồng Thuận Thành (qua Công ty TNHH Khang Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149456/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2016-00850 ngày 03/10/2016 của Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An, địa chỉ: số 30-32 Đường 25A, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 93309 của Công ty TNHH Tâm An (nay là: Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An) theo đơn số ĐN1-2015-00030H ngày 04/9/2015 theo Quyết định số 3644/QĐ-SHTT ngày 06/9/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5231/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Người khiếu nại đề nghị hủy bỏ Quyết định số 3644/QĐ-SHTT ngày 06/9/2016 về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 93309 của Công ty TNHH Tâm An (nay là: Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An) theo đơn số ĐN1-2015-00030H ngày 04/9/2015 với các lý do sau:

- Người nộp đơn không nhận được các Thông báo số 8895/SHTT-TTKN ngày 25/9/2015 và 3397/SHTT-TTKN ngày 06/5/2016 của Cục Sở hữu trí tuệ;

- Người nộp đơn đã tiến hành nộp hồ sơ Công bố tiêu chuẩn cho các sản phẩm mang nhãn hiệu "UNICARE" từ năm 2012;

- Hiện nay trên thị trường vẫn đang lưu hành các loại sản phẩm mang nhãn hiệu UNICARE do Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An chịu trách nhiệm nhập khẩu, đóng gói và phân phối tại thị trường Việt Nam;

- Bên cạnh đó, người nộp đơn cũng đã thực hiện thủ tục gia hạn cho GCNĐKNH số 93309 tại Cục Sở hữu trí tuệ theo đơn số GH4-2016-02669 ngày 20/6/2016;

- Người nộp đơn đã phân phối sản phẩm mang nhãn hiệu UNICARE cho rất nhiều đối tác trong nước (hiện chưa bổ sung xác nhận về thông tin này);

- Thông tin của Tạp chí thị trường giá cả chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là cơ sở chấm dứt hiệu lực VBBH nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực."

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người nộp đơn cung cấp thông tin sản phẩm mang nhãn hiệu "UNICARE" được lưu hành trên thị trường và được phân phối cho các đối tác trong nước. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, người nộp đơn không có bổ sung tài liệu chứng cứ về việc nhãn hiệu "UNICARE" theo GCNĐKNH số

93309 được Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An hoặc người được Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2015-00030H ngày 04/9/2015 hoặc ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên.

Ngoài ra, các tài liệu, chứng cứ của Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An cung cấp về xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm, việc thực hiện thủ tục gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ không phải là các chứng cứ chứng minh việc sử dụng nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 124 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 93309 của Công ty TNHH Tâm An (nay là: Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An) theo đơn số ĐN1-2015-00030H ngày 04/9/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 3644/QĐ-SHTT ngày 06/9/2016 về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 93309 theo đơn số ĐN1-2015-00030H ngày 04/9/2015 .

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại dược phẩm Tâm An có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149457/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần khách sạn và dịch vụ Đại Dương
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2014-00424 ngày 12/5/2014 của Công ty cổ phần khách sạn và dịch vụ Đại Dương; địa chỉ: Số 4, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-07937 theo Quyết định số 11697/QĐ-SHTT ngày 26/02/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5083/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần khách sạn và dịch vụ Đại Dương với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-07937 ngày 16/4/2010 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 11697/QĐ-SHTT ngày 26/02/2014 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c, 74.2.e và 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Chủ đơn đăng ký có thư đồng ý của chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2007-20647 và 4-2007-20648, do đó, đề nghị không sử sử dụng đơn đăng ký trên làm đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký.

Đối với đối chứng theo GCNĐKNH số 22053 và 81417, người khiếu nại có ý kiến như sau: Mặc dù, trùng phần chữ "Ocean" nhưng nhãn hiệu đăng ký vẫn có khả năng phân biệt với hai nhãn hiệu đối chứng trên về cấu trúc, hình thức trình bày, cách đọc và ý nghĩa.

Ngoài ra, người nộp đơn có cung cấp kết luận giám định của Viện khoa học Sở hữu trí tuệ về việc không đủ cơ sở để kết luận nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 81417.

Các trường hợp nhãn hiệu "OCEANGOLF, hình", "OCEANMEDIA, hình" đều được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cấp đồng thời với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 22053 và 81417.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc

tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Đối với hai đối chứng 4-2007-20647 và 4-2007-20648, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với hai nhãn đối chứng, mặc dù có thư đồng ý của chủ hai nhãn hiệu đối chứng nêu trên nhưng việc đồng tồn tại các nhãn hiệu trên vẫn khiến người tiêu dùng lầm tưởng về nguồn gốc của các nhãn hiệu. Ngoài ra, tại thời điểm ban hành Quyết định số 11697/QĐ-SHTT ngày 26/02/2014, hai nhãn hiệu đối chứng trên vẫn có cơ sở pháp lý để trở thành nhãn hiệu đối chứng có ngày ưu tiên sớm hơn so với nhãn hiệu yêu cầu bảo hộ.

Đối với hai đối chứng theo GCNĐKNH số 22053 và 81417: Khi so sánh với nhãn hiệu đăng ký có thể thấy với phần chữ "OCEAN" là thành phần phân biệt chính trùng với phần chữ "OCEAN" về cấu tạo, phát âm và ý nghĩa, khi kết hợp với thành phần "HOSPITALITY" có tính mô tả đối với dịch vụ đăng ký. Do đó, sự kết hợp của phần chữ và phần hình không tạo nên khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng, vì vậy khả năng tương tự gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng có thể xảy ra. Trong khi dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự.

Đối với những trường hợp trường hợp khác đã được bảo hộ trước đây được nêu trong đơn khiếu nại không nằm trong phạm vi giải quyết khiếu nại này.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng, phần chữ "HOSPITALITY" có tính mô tả tại thời điểm ban hành Quyết định số 11697/QĐ-SHTT ngày 26/02/2014, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp và đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2010-07937 ngày 16/4/2010 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 11697/QĐ-SHTT ngày 26/02/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-07937 ngày 16/4/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần khách sạn và dịch vụ Đại Dương có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần khách sạn và dịch vụ Đại Dương (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149458/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-00696 ngày 11/8/2020 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.; địa chỉ: Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District, Shenzhen, P. R. China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-40605 theo Quyết định số 31927/QĐ-SHTT ngày 14/5/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5256/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-40605 ngày 06/12/2017 được cấp GCNĐKNH số 350398 theo Quyết định số 31927/QĐ-SHTT ngày 14/5/2020 về cấp văn bằng bảo hộ, nhãn hiệu nêu trên được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng thành phần "MediaPad". Người nộp đơn không đồng ý với Quyết định nêu trên, đề nghị loại bỏ khỏi VBBH "không bảo hộ riêng thành phần "MediaPad"", với lý do:

Dấu hiệu "MediaPad" không phải tên gọi thông thường của các sản phẩm xin đăng ký

Dấu hiệu "MediaPad" không phải dấu hiệu mô tả sản phẩm xin đăng ký thuộc nhóm 09;

Dấu hiệu "MediaPad" đáp ứng khả năng phân biệt của một nhãn hiệu khi được sử dụng cho các sản phẩm xin đăng ký;

Dấu hiệu "MediaPad" đã được bảo hộ ở nhiều quốc gia trên thế giới, như Lào, Cambodia, Hoa kỳ, Hồng Kông, Úc, Singapore. Kuwait,…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điều 118 Luật Sở hữu trí tuệ về việc cấp văn bằng bảo hộ, đăng bạ quy định: "Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp không thuộc các trường hợp từ chối cấp văn bằng bảo hộ quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này và người nộp đơn nộp lệ phí thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp quyết định cấp văn bằng bảo hộ và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Cụm từ "MediaPad" là từ ngữ mang tính mô tả, kết hợp giữa yếu tố "Media" (đa phương tiện) và "Pad" (thiết bị dạng bảng hoặc màn hình cảm ứng). Dấu hiệu được viết liền, nhưng có sự tách biệt nhất định khi viết hoa "M" và "P", khi được dùng riêng lẻ hoặc kết hợp, có khả năng khiến người tiêu dùng thông thường tại Việt Nam hiểu đây là tên gọi thông thường của một dòng thiết bị điện tử có chức năng trình chiếu hoặc truy cập nội dung đa phương tiện – tức là mô tả trực tiếp chủng loại sản phẩm mà đơn đăng ký đang hướng đến. Do đó, các dấu hiệu này không có khả năng phân biệt và không được bảo hộ riêng với

danh nghĩa nhãn hiệu nên không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.b và c Luật Sơ hữu trí tuệ.

Ngoài ra, người khiếu nại không cung cấp được căn cứ pháp lý hoặc chứng cứ chứng minh rằng dấu hiệu "MediaPad" đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng thực tế trên thị trường, tại Việt Nam. Các thông tin "MediaPad" được cấp văn bằng bảo hộ tại một số quốc gia chỉ mang tính chất tham khảo.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở, và Cục Sở hữu trí tuệ giữ nguyên phạm vi bảo hộ "không bảo hộ riêng "Mediapad"" đối với GCNĐKNH số 350398.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-40605 ngày 06/12/2017 với phạm vi bảo hộ như nêu trong văn bằng bảo hộ số 350398 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 31927/QĐ-SHTT ngày 14/5/2020 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-40605 ngày 06/12/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149459/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Vivi Music Vietnam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;


HTM620

Xét đơn số KN4-2025-00125 ngày 31/3/2025 của Công ty TNHH Vivi Music Vietnam; địa chỉ: Tầng 18, tòa nhà 678, số 67 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại legal@vivimusic.vn; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-06801 ngày 01/03/2021 theo Quyết định số 50082/QĐ-SHTT.IP ngày 29/6/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5263/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Vivi Music Vietnam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-06801 ngày 01/3/2021 của Công ty TNHH Vivi Music Vietnam bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên do không nhận được Thông báo số 41369/SHTT-NH ngày 20/9/2022 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 50082/QĐ-SHTT.IP ngày 29/6/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-06801 ngày 01/3/2021. Đến ngày, 21/3/2025 đến Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ để tra cứu thông tin mới biết được thông tin của Thông báo và Quyết định nêu trên. Do đó, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để thực hiện nghĩa vụ tài chính và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Ngoài ra, người nộp đơn cam kết nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN:"Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 41369/SHTT-NH ngày 20/9/2022 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 50082/QĐ-SHTT.IP ngày 29/6/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-06801 ngày

01/3/2021 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết đến ngày 21/3/2025, khi đến Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ để tra cứu thông tin mới biết được thông tin của Thông báo và Quyết định nêu trên. Vì lý do này, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để có thể thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-06801.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-06801 ngày 01/3/2021.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 50082/QĐ-SHTT.IP ngày 29/6/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-06801 ngày 01/03/2021.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-06801 ngày 01/3/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Vivi Music Vietnam có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 41369/SHTT-NH ngày 20/9/2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 41369/SHTT-NH ngày 20/9/2022.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149478/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Bacardi & Company Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-00273 ngày 13/3/2017 của Bacardi & Company Limited; địa chỉ: Aeulestrasse 5 FL-9490 Vaduz; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1136771 theo Thông báo số 2015/48 HBN55 ngày 01/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5255/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Bacardi & Company Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "THE ORIGINAL BOMBAY DRY GIN Distilled LONDON DRY GIN" đăng ký theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1136771 bị tạm thời từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp Investip đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu theo ĐQT số 1136771 với lý do:

Nhãn hiệu xin đăng ký đã được sử dụng rộng rãi từ trước thời điểm nộp đơn tại Việt Nam. Cụ thể, nhãn hiệu đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm: Andorra, Albania, Áo, Bahamas, Benelux, Canada, Đan Mạch, Vương quốc Anh, Guernsey, Jersey, Nhật Bản, Kenya, Quần đảo Cayman, Saint Lucia, Myanmar, New Zealand, Philippines, Saint Helena, Sierra Leone, Cộng hòa Ả Rập Syria, Uganda, Vanuatu, Antigua và Barbuda, Anguilla, Bahrain, Dominica, Haiti, Iceland, Malawi, Tanganyika, Saint Vincent và Grenadines, Ireland, Nigeria, Thụy Sĩ, Mexico, Bermuda, Tây Ban Nha, Namibia, Seychelles, Tonga và Liên minh châu Âu (EU). Việc được bảo hộ tại nhiều quốc gia cho thấy dấu hiệu đã đạt được mức độ phổ biến và công nhận rộng rãi trong thực tiễn thương mại quốc tế.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu xin đăng ký đã ra đời từ lâu, được sử dụng thường xuyên và liên tục trong hoạt động thương mại, thể hiện qua việc xuất hiện trên nhiều sản phẩm, tài liệu quảng cáo, ấn phẩm truyền thông, trang thông tin điện tử, v.v... Điều này chứng tỏ dấu hiệu đã được gắn liền với hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu và đã tạo dựng được dấu ấn nhất định trong nhận thức của người tiêu dùng.

Ngoài ra, chủ đơn đã chủ động thực hiện nhiều hoạt động quảng bá đối với sản phẩm mang nhãn hiệu thông qua các kênh truyền thông khác nhau. Các chiến dịch truyền thông, tiếp thị và đầu tư xây dựng hình ảnh thương hiệu đã góp phần làm gia tăng mức độ phổ biến và danh tiếng của nhãn hiệu, giúp người tiêu dùng nhận biết và ghi nhớ nhãn hiệu một cách rõ ràng, ổn định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra, xác minh thông tin trong đơn khiếu nại và các tài liệu liên quan, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1136771 đã được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam, trước thời điểm nộp đơn bị khiếu nại. Nhãn hiệu đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, thể hiện mức độ phổ biến và danh tiếng trên thị trường quốc tế.

Việc sử dụng thường xuyên, liên tục cùng với các hoạt động quảng bá rộng rãi đã khiến người tiêu dùng nhận biết các dấu hiệu của nhãn hiệu đăng ký tương tự tên địa danh như "Bombay", "London" với một nguồn gốc thương mại cụ thể, mất ý nghĩa chỉ nguồn gốc địa lý.

Từ các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nhãn hiệu theo ĐKQT số 1136771 đáp ứng điều kiện bảo hộ; nội dung khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1136771, không áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/48 HBN55 ngày 01/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1136771.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1136771, không bảo hộ riêng "THE ORIGINAL", "BOMBAY", "DRY GIN", "Distilled", "LONDON".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Bacardi & Company Limited (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149479/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2021-00919 ngày 12/10/2021 của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam; địa chỉ: 26 VSIP, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-04235 ngày 05/02/2018 theo Quyết định số 75405/QĐ-SHTT ngày 27/9/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5242/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "COSY Bánh quy Sữa Marie DHA CANXI, hình" theo đơn đăng ký số 4-2018-04235 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 30 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Marie Cookies JACK'nJill Ngon và tốt cho sức khỏe của bạn, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 247146. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "COSY Bánh quy Sữa Marie DHA CANXI, hình" với các lý do sau:

"Marie" là danh từ chung chỉ một chủng loại bánh quy, không có khả năng phân biệt. Marie chính là tên gọi thông thường của hàng hóa hoặc chủng loại hàng hóa. Vì vậy mọi cá nhân, tổ chức có hoạt động sản xuất và thương mại hợp pháp có quyền sử dụng dấu hiệu "marie" để mô tả/gọi tên sản phẩm bánh marie do mình sản xuất. Không một cá nhân, tổ chức nào có quyền độc quyền sử dụng từ này và người tiêu dùng, tất nhiên không thể có bất kỳ sự nhầm lẫn nào về nguồn gốc thương mại khi đứng trước các loại bánh marie mang các thương hiệu khác nhau.

Cục sở hữu trí tuệ cũng đã chấp nhận bảo hộ nhiều đơn ĐKNH chứa thành phần "marie" cho sản phẩm nhóm 30.

Nhãn hiệu xin đăng ký mô phỏng bao bì một gói bánh có hình chữ nhật, nằm ngang, có nền đỏ, nổi bật phần chữ "COSY" cách điệu màu trắng viền xanh nước biển, đặt dưới logo KINH DO trong vương miện màu đỏ. Tên chủng loại bánh "bánh quy sữa marie" nhỏ hơn ở bên dưới và hình những chiếc bánh quy marie màu vàng đậm nhúng vào dòng sữa màu trắng ở bên phải và các thành phần mô tả khác. Trong khi đó, Nhãn đối chứng bao gồm chữ "JACKnJILL" trình bày trên nền màu đỏ, đặt trên phần chữ "Marie" và "Cookies" cách điệu màu vàng, "ngon và tốt cho sức khỏe của bạn" trên nền dải lụa màu xanh viền vàng. Thành phần chữ marie như phân tích tại mục 2.1 trên đây là tên chủng loại hàng hóa, hoàn toàn không có khả năng phân biệt, hơn nữa lại chiếm vị trí không nổi bật trong nhãn hiệu. Vì vậy, nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn khác biệt và phân biệt được với nhau.

Nhãn hiệu xin đăng ký mang tính thẩm mỹ cao gây ấn tượng mạnh về mặt thị giác và tạo ra một ấn tượng riêng biệt, dễ ghi nhớ và thực hiện tốt khả năng phân biệt của một nhãn hiệu. Bản thân nhãn hiệu này được sáng tạo ra bằng sự kết hợp độc đáo với sự sắp xếp, bố trí hợp lý, sáng tạo có chủ đích, mang lại ấn tượng mạnh về thị giác, dễ ghi nhớ, do đó không bị coi là một dấu hiệu không có khả năng tự phân biệt.

Chủ đơn – Công ty cổ phần Mondelez Kinh đô Việt Nam thành lập năm 1993 – đã trải qua một quá trình hình thành và phát triển kéo dài 28 năm với nhiều dấu mốc quan trọng, khẳng định vị thế trên thị trường bánh kẹo tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dấu hiệu "MARIE" là một thuật ngữ phổ biến, được sử dụng từ lâu trên thị trường dùng để chỉ loại bánh quy tròn, giòn, ngọt và được người tiêu dùng nhận biết là tên chủng loại hàng hóa. Do đó, thành phần "MARIE" không có khả năng phân biệt, không mang tính độc quyền cho bất kỳ một chủ thể nào, và việc sử dụng dấu hiệu này trong nhãn hiệu không làm phát sinh khả năng gây nhầm lẫn, miễn là nhãn hiệu tổng thể có các yếu tố tạo điểm khác biệt.

Vì thế, việc dấu hiệu "MARIE" có trong nhãn hiệu đối chứng "Marie Cookies JACK'nJill Ngon và tốt cho sức khỏe của bạn, hình" theo GCN ĐKNH số 247146 không là căn cứ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu "COSY Bánh quy Sữa Marie DHA CANXI, hình" cũng có dấu hiệu "MARIE".

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký COSY Bánh quy Sữa Marie DHA CANXI, hình" theo đơn đăng ký số 4-2018-04235 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-04235 ngày 05/02/2018, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 75405/QĐ-SHTT ngày 27/9/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-04235 ngày 05/02/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-04235 ngày 05/02/2018, bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "Bánh quy Sữa", "Marie", "DHA", "CANXI".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149480/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2022-00834 ngày 01/7/2022 của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam; địa chỉ: 26 VSIP, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-32037 ngày 21/08/2019 theo Quyết định số 36257/QĐ-SHTT ngày 29/4/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5240/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MARIE, hình" theo đơn đăng ký số 4-2019-32037 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 30 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Marie Cookies JACK'nJill Ngon và tốt cho sức khỏe của bạn, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 247146. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "MARIE, hình" với các lý do sau:

"Marie" là danh từ chung chỉ một chủng loại bánh quy, không có khả năng phân biệt. Marie chính là tên gọi thông thường của hàng hóa hoặc chủng loại hàng hóa. Vì vậy mọi cá nhân, tổ chức có hoạt động sản xuất và thương mại hợp pháp có quyền sử dụng dấu hiệu "marie" để mô tả/gọi tên sản phẩm bánh marie do mình sản xuất. Không một cá nhân, tổ chức nào có quyền độc quyền sử dụng từ này và người tiêu dùng, tất nhiên không thể có bất kỳ sự nhầm lẫn nào về nguồn gốc thương mại khi đứng trước các loại bánh marie mang các thương hiệu khác nhau.

Cục sở hữu trí tuệ cũng đã chấp nhận bảo hộ nhiều đơn ĐKNH chứa thành phần "marie" cho sản phẩm nhóm 30.

Nhãn hiệu mô phỏng hình bánh quy "Marie" màu vàng với chữ "MARIE" bên trong, bên dưới là hình ảnh bàn tay, trong đó hình ngón cái và ngón đan chéo với nhau. Trong khi đó, nhãn đối chứng bao gồm chữ "JACKnJILL" trình bày trên nền màu đỏ, đặt trên phần chữ "Marie" và "Cookies" cách điệu màu vàng, "ngon và tốt cho sức khỏe của bạn" trên nền dải lụa màu xanh viền vàng. Thành phần chữ marie như phân tích là tên chủng loại hàng hóa, hoàn toàn không có khả năng phân biệt, hơn nữa lại chiếm vị trí không nổi bật trong nhãn hiệu. Vì vậy, nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn đối chứng hoàn toàn khác biệt và phân biệt được với nhau.

Nhãn hiệu xin đăng ký mang tính đơn giản, dễ ghi nhớ và thực hiện tốt khả năng phân biệt của một nhãn hiệu khi so sánh với nhãn hiệu đối chứng. Và như vậy, không bị coi là một dấu hiệu không có khả năng tự phân biệt. Như vậy, nhãn hiệu xin đăng ký được tạo ra nhờ kết quả của quá trình tư duy sáng tạo của chủ sở hữu nên cần được bảo hộ về Sở hữu trí tuệ.

Chủ đơn – Công ty cổ phần Mondelez Kinh đô Việt Nam thành lập năm 1993 – đã trải qua một quá trình hình thành và phát triển kéo dài 28 năm với nhiều dấu mốc quan trọng, khẳng định vị thế trên thị trường bánh kẹo tại Việt Nam.

Ngày 31/03/2022, người nộp đơn đã nhận được thông báo số 10665/SHTT-Nh về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ đối với đơn số 4-2012-15774. Nhãn hiệu trong quá trình thẩm định nội dung đã bị từ chối do trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng có số bằng là 247146 (tương tự với nhãn hiệu xin đăng ký), sau quá trình thẩm định và xử lý đơn khiếu nại, đơn đã được cấp văn bằng bảo hộ. Cùng với đó, chủ đơn số 4-2012-15774 và nhãn hiệu xin đăng ký 4-2019-32037 đó đều là Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dấu hiệu "MARIE" là một thuật ngữ phổ biến, được sử dụng từ lâu trên thị trường dùng để chỉ loại bánh quy tròn, giòn, ngọt và được người tiêu dùng nhận biết là tên chủng loại hàng hóa. Do đó, thành phần "MARIE" không có khả năng phân biệt, không mang tính độc quyền cho bất kỳ một chủ thể nào, và việc sử dụng dấu hiệu này trong nhãn hiệu không làm phát sinh khả năng gây nhầm lẫn, miễn là nhãn hiệu tổng thể có các yếu tố tạo điểm khác biệt.

Nhãn hiệu xin đăng ký "MARIE, hình" theo đơn đăng ký số 4-2019-32037 được thiết kế theo hình ảnh mô phỏng chiếc bánh quy với chữ "MARIE" bên trong, kèm theo hình bàn tay cách điệu, tạo ra một tổng thể đơn giản nhưng rõ ràng, dễ ghi nhớ. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "Marie Cookies JACK'nJill Ngon và tốt cho sức khỏe của bạn, hình" theo GCN ĐKNH số 247146 là một nhãn hiệu phức tạp, có yếu tố phân biệt.

Hai nhãn hiệu xét tổng thể có bố cục, màu sắc, hình ảnh hoàn toàn khác biệt, không gây nhầm lẫn về nguồn gốc cho người tiêu dùng.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "MARIE, hình" theo đơn đăng ký số 4-2019-32037 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-32037 ngày 21/8/2019, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 36257/QĐ-SHTT ngày 29/4/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-32037 ngày 21/08/2019.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-32037 ngày 21/08/2019, bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "MARIE".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Số: 149481/QĐ-SHTT.IP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Qingdao Haier Investment & Development Co., Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00851 ngày 08/8/2017 của Qingdao Haier Investment & Development Co., Ltd; địa chỉ: Haier Industrial Park, Qingdao Hi-tech Industrial Park, 266101 Shandong Province, China; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1258748 theo Thông báo số

NMD368

2015/29 NDT21 ngày 21/7/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5275/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Qingdao Haier Investment & Development Co., Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Hình" đăng ký theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1258748 bị tạm thời từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "Hình" lần lượt theo Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 28788, 24259, 37602 và 21694 theo quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1258748 và các nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 28788, 24259, 37602 và 21694 có sự khác biệt nhất định.

Bên cạnh đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 28788, 24259, 37602 và 21694 đã cấp thư chấp thuận cho phép chủ đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐKQT số 1258748 tại Việt Nam mà không có bất kì một sự phản đối nào.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Xét về mặt cấu trúc, phát âm: Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1258748 chứa phần hình tương tự với các nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 28788, 24259, 37602 và 21694. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt, do tương tự nhau về cấu trúc và ấn tượng thị giác.

Xét về danh mục sản phẩm: Các sản phẩm, dịch vụ đăng ký bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký tương tự với các sản phẩm, dịch vụ đã được bảo hộ của các nhãn hiệu đối chứng. Việc sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại sẽ không tránh khỏi nhầm lẫn hoặc liên tưởng cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm đó.

Mặc dù người nộp đơn có nộp kèm thư chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng, tuy nhiên, theo quy định hiện hành, nội dung của thư chấp thuận không đủ cơ sở pháp lý để loại trừ khả năng gây nhầm lẫn trong trường hợp các nhãn hiệu được xác định là tương tự nhau và cùng đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ có liên quan.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của người nộp đơn về việc chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1258748 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/29 NDT21 ngày 21/7/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1258748.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Qingdao Haier Investment & Development Co., Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Qingdao Haier Investment & Development Co., Ltd (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149482/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sunflex Aluminiumsysteme GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-00436 ngày 10/4/2017 của Sunflex Aluminiumsysteme GmbH; địa chỉ: Im Ruttenberge 12, 57482 Wenden, Germany; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1079646 theo Thông báo số 2015/51 VTB10 ngày 22/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5261/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sunflex Aluminiumsysteme GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SUNFLEX" đăng ký theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1079646 bị từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SUNFLEX" được bảo hộ theo ĐKQT số 622714A theo điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu theo ĐKQT số 1079646 với lý do:

Nhãn hiệu theo ĐKQT số 1079646 được đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 06 và 19, trong khi nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 06, 20 và 24. Đáng chú ý, chủ đơn đã chủ động loại bỏ sản phẩm "tấm che cửa sổ và cửa ra vào bằng kim loại" ra khỏi danh mục đăng ký ở cả nhóm 06 và 19. Sau khi giới hạn, danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký không còn trùng hoặc tương tự, liên quan với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, do đó không tạo ra nguy cơ gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại.

Bên cạnh đó, người nộp đơn cung cấp Thư chấp thuận từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 622714A, trong đó xác nhận cho phép Công ty Sunflex Aluminiumsysteme GmbH – là chủ đơn – được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "SUNFLEX" tại Việt Nam cho các sản phẩm theo danh mục đã được giới hạn. Việc có sự đồng thuận này cho thấy không có xung đột quyền lợi giữa các bên liên quan trong thực tiễn thương mại.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra, xác minh thông tin trong hồ sơ và trên cơ sở kết quả tra cứu, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Xét về mặt cấu trúc, cách trình bày và phát âm, nhãn hiệu "SUNFLEX" theo Đăng ký quốc tế số 1079646 hoàn toàn trùng lặp với nhãn hiệu đối chứng "SUNFLEX" đã được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế số 622714A. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không đủ để tạo ra khả năng phân biệt cần thiết với nhãn hiệu đối chứng.

Xét về danh mục sản phẩm, mặc dù chủ đơn đã tiến hành giới hạn phạm vi bảo hộ, tuy nhiên cả hai nhãn hiệu vẫn cùng đăng ký cho các sản phẩm liên quan đến cửa sổ, cửa ra vào và các phụ kiện của chúng – là những sản phẩm có cùng mục đích sử dụng, chức năng và kênh phân phối. Việc sử dụng các nhãn

hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ dễ gây nhầm lẫn hoặc liên tưởng sai lệch cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm.

Mặc dù chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư chấp thuận cho phép Công ty Sunflex Aluminiumsysteme GmbH đăng ký và sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam, tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, sự đồng ý của chủ thể quyền trước không loại trừ khả năng gây nhầm lẫn trong nhận thức của người tiêu dùng.

Từ các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của đại diện người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1079646 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/51 VTB10 ngày 22/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1079646.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Sunflex Aluminiumsysteme GmbH có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sunflex Aluminiumsysteme GmbH (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149483/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ORIENTAL YEAST CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-00513 ngày 27/4/2017 của ORIENTAL YEAST CO., LTD.; địa chỉ: 3-6-10 Azusawa, Itabashi-ku Tokyo 174-8505; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1287507 theo Thông báo số 2016/05 NDT44 ngày 23/01/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5258/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ORIENTAL YEAST CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu"ORIENTAL YEAST CO.,LTD., hình" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1287507 bị từ chối bảo hộ từng phần nhãn hiệu đối với các sản phẩm thuộc nhóm 30 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu"ORIENTAL, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-12542 và nhãn hiệu "ORIENTAL" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 71840 theo điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu theo ĐKQT số 1287507 với lý do:

Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2013-12542 không còn là căn cứ xem xét khả năng bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1287507. Cụ thể, nhãn hiệu theo đơn số 4-2013-12542 đã bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối bảo hộ theo Thông báo ngày 19/08/2015. Sau khi nhận được thông báo, chủ đơn không có phản hồi hoặc sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn quy định. Vì vậy, khi Cục Sở hữu trí tuệ ban hành quyết định chính thức từ chối bảo hộ, nhãn hiệu này sẽ không còn là nhãn hiệu đối chứng hợp lệ và cần được loại khỏi quá trình thẩm định ĐKQT số 1287507.

Đối với nhãn hiệu đối chứng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 71840, người nộp đơn lập luận rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có nhiều điểm khác biệt rõ rệt. Về yếu tố cấu trúc và cách trình bày, nhãn hiệu đăng ký có phần hình logo kết hợp với phần chữ, tạo nên tổng thể khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng. Ngoài ra, danh mục sản phẩm/dịch vụ giữa hai nhãn hiệu cũng không trùng lặp: nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ cho các sản phẩm bánh kẹo thuộc nhóm 30, trong khi nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 35, 43 như quảng cáo, tiếp thị, nhà hàng, khách sạn...

Đáng chú ý, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 71840 đã đồng ý cấp Thư chấp thuận cho phép Công ty ORIENTAL YEAST CO., LTD. – chủ đơn của ĐKQT số 1287507 – được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam. Việc có được sự đồng thuận từ chủ sở hữu quyền trước là yếu tố quan trọng, thể hiện không có xung đột quyền lợi giữa hai bên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra, xác minh thông tin trong đơn khiếu nại và các tài liệu liên quan, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu xin đăng ký theo ĐKQT số 1287507 có yếu tố chữ tương tự với nhãn hiệu đối chứng đã được cấp GCN ĐKNH số 291259 (theo đơn số 4-2013-12542). Về tổng thể, mặc dù nhãn hiệu đăng ký có bổ sung yếu tố hình và bố cục khác, phần chữ vẫn tương tự với nhãn hiệu đối chứng, dễ gây nhầm lẫn về thị giác và phát âm. Đồng thời, cả hai nhãn hiệu đều đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 30, là nhóm trùng hoặc tương tự về bản chất và mục đích sử dụng. Điều này làm tăng nguy cơ người tiêu dùng hiểu nhầm về nguồn gốc thương mại.

Đối với nhãn hiệu theo GCN ĐKNH số 71840, dù có sự khác biệt về hình thức và sản phẩm/dịch vụ, dấu hiệu chữ vẫn tương tự với nhãn hiệu đăng ký. Việc có Thư chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng không phải là căn cứ loại trừ khả năng gây nhầm lẫn theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1287507 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/05 NDT44 ngày 23/01/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1287507.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ORIENTAL YEAST CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng

Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ORIENTAL YEAST CO., LTD. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149484/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của O. Mustad & Son IP AS
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2016-00825 ngày 23/9/2016 của O. Mustad & Son IP AS; địa chỉ: Raufossvegen 40N-2821 Gjovik (Norway); đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1249807 theo Thông báo số 2015/21 NNL15 ngày 26/5/2016;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4990/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của O. Mustad & Son IP AS với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Mustad" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1249807 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 08, 28 do tương tự gây nhầm lẫn với hai nhãn hiệu đối chứng "Mustad" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 30930 và nhãn hiệu "hình" theo GCN ĐKNH số 24709. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "Mustad" với các lý do sau:

Chủ đơn và chủ nhãn hiệu đối chứng có mối liên hệ mật thiết và chủ nhãn hiệu đối chứng đã cấp thư chấp thuận cho chủ đơn để đăng ký và sử dụng nhãn hiệu nói trên.

Trên thực tế, công ty O.MUSTAD & SON A/S có rất nhiều công ty con, trong đó có O.Mustad & Son IP AS. Điều này dễ dàng nhận thấy qua tên gọi của hai công ty này. Chính vì vậy, để thuận tiện cho quá trình đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "Mustad" theo ĐKQT số 1249807, chủ nhãn hiệu đối chứng đã cấp thư chấp thuận cho chủ đơn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt

hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "O.MUSTAD & SON, hình" theo GCN ĐKNH số 24709 đã hết hạn hiệu lực từ ngày 17/10/2015 và không được chủ sở hữu gia hạn. Do đó, nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 24709 không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1249807.

Nhãn hiệu "Mustad" theo ĐKQT số 1249807 và nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 30930 bị trùng về cách thể hiện, nội dung và cách phát âm. Việc này dẫn đến khả năng gây hiểu lầm cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang nhãn hiệu. Do cả hai nhãn hiệu đều thể hiện dưới dạng chữ "Mustad" không kèm theo yếu tố phân biệt rõ ràng nào khác, người tiêu dùng thông thường có thể lầm tưởng rằng các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này có cùng một chủ thể hoặc có mối liên hệ về thương mại.

Mặc dù trong hồ sơ có kèm theo thư chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng, tuy nhiên việc hai nhãn hiệu trùng nhau hoàn toàn về yếu tố cấu thành mà không có dấu hiệu bổ sung để tạo khả năng phân biệt vẫn dẫn đến việc nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1249807 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/21 NNL15 ngày 26/5/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1249807.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, O. Mustad & Son IP AS có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và O. Mustad & Son IP AS (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149485/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PETRON CORPORATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-00295 ngày 15/3/2017 của PETRON CORPORATION; địa chỉ: Podium B, SMC Head Office Complex. No. 40 San Miguel Avenue Mandaluyong City; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1260807 theo Thông báo số 2015/31 HBN37 ngày 04/8/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5257/BC-

TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PETRON CORPORATION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "Petron" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1260807 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "PETRONAS" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 45715. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do dưới đây:

Nhãn hiệu đăng ký chỉ bao gồm phần chữ "Petron" được trình bày dưới dạng chữ thường, không kèm theo yếu tố hình ảnh. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu kết hợp, gồm cả phần hình là một hình chữ nhật bao ngoài và phần chữ "Petronas" có thêm hậu tố "-as", tạo thành một chuỗi ký tự dài và khác biệt hơn về mặt cấu trúc so với "Petron". Ngoài ra, hai nhãn hiệu cũng có thể được phát âm khác nhau: "Petron" có thể đọc là "Pê-trôn", trong khi "Petronas" có thể đọc là "Pê-trô-nát-x". Người nộp đơn cho rằng các yếu tố khác biệt nêu trên là đủ để loại trừ khả năng gây nhầm lẫn trong nhận thức của người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, người nộp đơn lập luận rằng sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký cũng có sự khác biệt đáng kể so với sản phẩm/dịch vụ được bảo hộ dưới nhãn hiệu đối chứng. Điều này làm giảm khả năng người tiêu dùng quy các sản phẩm mang hai nhãn hiệu về cùng một nguồn gốc thương mại.

Từ các phân tích nêu trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu "Petron" theo ĐKQT số 1260807.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét đơn khiếu nại và toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Xét về mặt cấu trúc, nhãn hiệu "Petron" theo ĐKQT số 1260807 không đủ tạo ra sự khác biệt cần thiết so với nhãn hiệu "Petronas" theo GCN ĐKNH số

45715. Hai nhãn hiệu có sự tương đồng đáng kể về phần chữ, hình thức trình bày và cách phát âm, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Xét về phạm vi đăng ký, cả hai nhãn hiệu đều đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 35, 39 và 40. Việc sử dụng các nhãn hiệu tương tự cho các dịch vụ cùng loại làm tăng nguy cơ nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1260807 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/31 HBN37 ngày 04/8/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1260807.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, PETRON CORPORATION có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PETRON CORPORATION (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149486/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của THE POLO/LAUREN COMPANY L.P.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-00980 ngày 13/9/2017 của THE POLO/LAUREN COMPANY L.P.; địa chỉ: 650 Madison Avenue New York NY 10022, United States of America; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1299738 theo Thông báo số 2016/24 NTH19 ngày 10/5/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5281/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của THE POLO/LAUREN COMPANY L.P. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "C, hình" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1299738 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Hình" đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 48354, nhãn hiệu đối chứng "Hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 48331, nhãn hiệu đối chứng "Hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 926290 và nhãn hiệu đối chứng "C CIMINO, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-06847. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do dưới đây:

Nhãn hiệu đối chứng theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-06847 đã có quyết định từ chối bảo hộ nên không còn là căn cứ để đánh giá khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đăng ký. Đồng thời, nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt đáng kể với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 48354, 48331 và 926290 về cả mẫu thiết kế lẫn danh mục sản phẩm đăng ký. Nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần chữ "C" viết hoa, in đậm, cách điệu, được trình bày trong khung hình chữ nhật và đặt chính giữa phần hình là hai cành lá giao nhau. Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng chủ yếu chỉ bao gồm phần hình là hai cành lá giao nhau với cách trình bày và bố cục khác biệt, từ đó tạo nên ấn tượng thị giác không đồng nhất và giúp tăng khả năng phân biệt giữa các nhãn hiệu trong nhận thức của người tiêu dùng.

Ngoài ra, người nộp đơn cũng cho biết nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đã được bảo hộ đồng thời tại 34 quốc gia khác nhau, bao gồm cả các thị trường lớn như Liên minh châu Âu, Úc, Chi-lê,… Điều này cho thấy các nhãn hiệu có thể đồng tồn tại trong thực tiễn thương mại quốc tế mà không gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa. Bên cạnh đó, thực tiễn xét nghiệm nhãn hiệu tại Việt Nam cho thấy Cục Sở hữu trí tuệ đã từng chấp thuận bảo hộ nhiều nhãn hiệu có mức độ tương tự nhất định với nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 18 hoặc nhóm 25, như các nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 9642, 11226, 23773, 48327 và 926290,…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự

đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1299738 bao gồm phần chữ "C" được trình bày cách điệu, in đậm, đặt trong khung hình chữ nhật và nằm giữa phần hình là hai cành lá giao nhau. Đây là tổ hợp giữa phần chữ và phần hình tạo nên tổng thể nhãn hiệu mang tính sáng tạo nhất định.

Nhãn hiệu đối chứng theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-06847 đã có quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ vào ngày 28/08/2017. Do đó, nhãn hiệu này không còn được coi là căn cứ đối chứng hợp lệ để so sánh và đánh giá khả năng phân biệt đối với nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1299738.

Đối với các nhãn hiệu đối chứng đang được bảo hộ theo ĐKQT số 48354, số 48331 và số 926290, nhãn hiệu theo đơn có sự khác biệt rõ rệt về cả thành phần cấu tạo và cách thể hiện. Trong khi các nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm phần hình là hai cành lá giao nhau với bố cục và đường nét đơn giản, thì nhãn hiệu đăng ký lại có sự kết hợp giữa phần hình và phần chữ với bố cục phức tạp hơn, từ đó tạo nên ấn tượng thị giác khác biệt.

Từ những phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của đại diện người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1299738, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/24 NTH19 ngày 10/5/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1299738.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1299738, không bảo hộ riêng "C".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và THE POLO/LAUREN COMPANY L.P. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149487/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Qingdao Haier Investment & Development Co., Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00863 ngày 09/8/2017 của Qingdao Haier Investment & Development Co., Ltd; địa chỉ: Haier Industrial Park, Qingdao Hi-tech Industrial Park, 266101 Shandong Province, China; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1259958 theo Thông báo số

NMD368

2015/31 VTB13 ngày 04/8/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5278/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Qingdao Haier Investment & Development Co., Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Haier" đăng ký theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1259958 bị tạm thời từ chối bảo hộ từng phần đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 05, 07, 09, 11, 20, 35 và 37 vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "Haier" lần lượt theo Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 21691, 21693, 24257, 28792, 37580 và 42171 theo quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1259958 vừa được gắn trực tiếp lên các sản phẩm thuộc nhiều nhóm khác nhau, bao gồm nhóm 05, 07, 09, 10, 11 và 20, vừa được sử dụng trên các phương tiện dịch vụ; trong khi đó, nhãn hiệu "Haier" đối chứng theo GCN ĐKNH số 21691 và 21693 chỉ được gắn trực tiếp lên sản phẩm thuộc riêng nhóm 10; nhãn hiệu đối chứng "Haier" theo GCN ĐKNH số 24257 chỉ được gắn trực tiếp lên sản phẩm thuộc riêng nhóm 07; nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 28792 chỉ được gắn trực tiếp lên sản phẩm thuộc riêng nhóm 05; nhãn hiệu đối chứng "Haier" theo GCN ĐKNH số 37580 chỉ được gắn trực tiếp lên sản phẩm thuộc riêng nhóm 09; và nhãn hiệu đối chứng "Haier" theo GCN ĐKNH số 42171 chỉ được gắn/sử dụng trên sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 20 và 37.

Bên cạnh đó, chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 21691, 21693, 24257, 28792, 37580 và 42171 đã cấp thư chấp thuận cho phép chủ đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐKQT số 1259958 tại Việt Nam mà không có bất kỳ sự phản đối nào.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được

hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Xét về mặt cấu trúc, phát âm: Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1259958 chứa phần chữ "Haier" trùng lặp hoàn toàn với các nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 21691, 21693, 24257, 28792, 37580 và 42171. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không đủ để tạo ra khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên. Các nhãn hiệu này tương tự nhau về cấu trúc, cách phát âm và ấn tượng thị giác tổng thể.

Xét về danh mục sản phẩm/dịch vụ: Các sản phẩm, dịch vụ đăng ký bảo hộ của nhãn hiệu theo ĐKQT số 1259958 thuộc các nhóm 05, 07, 09, 11, 20, 35 và 37, có tính chất tương tự hoặc trùng lặp với các sản phẩm, dịch vụ đã được bảo hộ theo các nhãn hiệu đối chứng. Việc sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại sẽ không tránh khỏi gây nhầm lẫn hoặc liên tưởng cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại hoặc xuất xứ của sản phẩm.

Mặc dù trong hồ sơ có tài liệu thể hiện chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã có thư chấp thuận cho phép người nộp đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐKQT số 1259958 tại Việt Nam, tuy nhiên, việc có thư chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng không làm thay đổi bản chất không có khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký. Do đó, thư chấp thuận nói trên không đủ căn cứ để chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1259958.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của đại diện người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn

hiệu theo ĐQT số 1259958 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/31 VTB13 ngày 04/8/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1259958.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Qingdao Haier Investment & Development Co., Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Qingdao Haier Investment & Development Co., Ltd (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149488/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của C&D Technologies, Inc. (US)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2022-00293 ngày 18/3/2022 của C&D Technologies, Inc. (US); địa chỉ: 1400 Union Meeting Road, Blue Bell, Pennsylvania 19422-8581, United States of America; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-17215 theo Quyết định số 97649/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5302/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của C&D Technologies, Inc. (US) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "C&D TECHNOLOGIES" theo đơn đăng ký số 4-2017-17215 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 09 vì là tập hợp của hai phụ âm được trình bày theo phông chữ thông thường, và thành phần mang tính mô tả, tổng thể không có khả năng phân biệt. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "C&D TECHNOLOGIES" với các lý do sau:

Công ty C&D Technologies, Inc. có một lịch sử hình thành lâu đời, tên của công ty C&D được tạo ra dựa trên sự kết hợp những chữ cái đầu tiên trong họ của hai nhà đồng sáng lập. Với 100 năm phát triển, C&D Technologies, Inc. trở thành một công ty công nghệ cao chuyên sản xuất và tiếp thị các hệ thống để chuyển đổi và lưu trữ năng lượng điện. C&D Technologies, Inc. có hơn 2000 nhân viên trên toàn thế giới, 400 nhà phân phối, 6 cơ sở sản xuất toàn cầu, 2 trung tâm R&D, 4 trung tâm hậu cần ở châu Âu và Trung Đông.

C&D Technologies, Inc. đã được bảo hộ tại gần 40 quốc gia trên khắp thế giới như: Brazil, Canada, Chile, Trung Quốc, Liên minh châu Âu (28 quốc gia), Ấn Độ, Mỹ, Nhật Bản, Mexico, Indonesia.

C&D Technologies, Inc. đã bổ sung thêm tài liệu bao gồm bản sao các văn bằng bảo hộ (cụ thể là gần 40 quốc gia trên thế giới).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch

vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "C&D TECHNOLOGIES" theo đơn đăng ký số 4-2017-17215 gồm phần chữ "C&D" là tập hợp hai chữ cái thông dụng, được trình bày bằng phông chữ đơn giản, không có yếu tố đồ họa đặc biệt hay sự sáng tạo về cấu trúc, bố cục. Thành phần "TECHNOLOGIES" là từ tiếng Anh mang nghĩa "công nghệ" mang tính mô tả trực tiếp lĩnh vực, đặc điểm hoặc chức năng của sản phẩm đăng ký, do đó không có khả năng phân biệt.

Tổng thể, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký bao gồm các yếu tố chữ cái thông dụng và từ ngữ mang tính mô tả hoặc không có khả năng phân biệt đối với người tiêu dùng. Người nộp đơn cũng chưa cung cấp được bằng chứng chứng minh dấu hiệu này đã được sử dụng rộng rãi và được công nhận như một nhãn hiệu tại Việt Nam.

Việc nhãn hiệu đã được bảo hộ tại một số quốc gia khác chỉ có giá trị tham khảo và không đủ căn cứ để xác lập khả năng phân biệt của nhãn hiệu tại Việt Nam.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "C&D" theo đơn đăng ký số 4-2017-17205 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-17215 ngày 12/6/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 97649/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-17215 ngày 12/06/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, C&D Technologies, Inc. (US) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và C&D Technologies, Inc. (US) (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149489/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của STRIPE INC.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

NMD368

Xét đơn số KN4-2024-00837 ngày 20/9/2024 của STRIPE INC.; địa chỉ: 185 Berry Street. Suite 550, San Francisco, California 94107, United States of America; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-00953 theo Quyết định số 67907/QĐ-SHTT.IP ngày 06/6/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5305/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của STRIPE INC. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "STRIPE" theo đơn đăng ký số 4-2017-00953 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 09, 35, 41, 42 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "STRIPE Club" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1293678. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "STRIPE" với các lý do sau:

Đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 và 45, Cục Sở hữu trí tuệ không từ chối bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-00953 theo Thông báo số 42098/SHTT-NH ngày 02/8/2019. Các dịch vụ này cũng không trùng hoặc tương tự với các sản phẩm, dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đáp ứng điều kiện bảo hộ đối với nhóm 36 và 45.

Đối với các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35, 41 và 42, mặc dù cùng được đăng ký trong các nhóm này, nhưng giữa nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt rõ rệt về bản chất và mục đích sử dụng. Cụ thể, sản phẩm nhóm 09 của nhãn hiệu yêu cầu đăng ký là các phần mềm chuyên dụng phục vụ trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính, mang tính vô hình, kỹ thuật số. Trong khi đó, sản phẩm nhóm 09 của nhãn hiệu đối chứng là các thiết bị hữu hình như kính mắt, máy ảnh, hộp đựng điện thoại, nút tai... dùng cho các mục đích tiêu dùng cá nhân, phổ thông. Do vậy, không có sự tương đồng về đặc điểm, công dụng và cách thức sử dụng.

Tương tự, dịch vụ "thông tin và cố vấn kinh doanh" (nhóm 35), "xuất bản điện tử" (nhóm 41), "cung cấp phần mềm và quyền sử dụng phần mềm" (nhóm 42) trong nhãn hiệu đăng ký mang tính chuyên môn, phục vụ tổ chức, doanh nghiệp. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng đăng ký các dịch vụ bán lẻ mỹ phẩm, xà phòng, cho thuê thiết bị trò chơi, tổ chức hội thảo, triển lãm động thực vật… là các dịch vụ phổ thông phục vụ người tiêu dùng cuối. Các dịch vụ này khác biệt về bản chất, mục tiêu phục vụ và đối tượng sử dụng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được

hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dấu hiệu "Club" trong nhãn hiệu đối chứng "STRIPE Club" theo ĐKQT số 1293678 được hiểu là "câu lạc bộ" một thuật ngữ mang tính cộng đồng, tổ chức hoặc hội nhóm, chỉ đóng vai trò là yếu tố bổ trợ, có tính mô tả và không tạo ra sự phân biệt rõ rệt. Do đó, thành phần mang tính phân biệt chính trong nhãn hiệu đối chứng là dấu hiệu "STRIPE", trùng với nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "STRIPE" theo đơn số 4-2017-00953.

Đối với nhóm 09: nhãn hiệu đối chứng cũng bao gồm "máy tính và thiết bị ngoại vi" và "ấn phẩm điện tử có thể tải xuống", là những sản phẩm có liên quan chặt chẽ với "phần mềm máy tính", đặc biệt trong bối cảnh công nghệ ngày càng tích hợp. Phần mềm và thiết bị phần cứng thường được phân phối, cùng phục vụ các mục đích thương mại hoặc tiêu dùng, khiến người tiêu dùng có thể hiểu rằng chúng đến từ cùng một đơn vị.

Đối với nhóm 35: Các dịch vụ "thông tin và cố vấn kinh doanh" có liên quan đến dịch vụ "bán lẻ, bán buôn, bán lẻ trực tuyến" trong nhãn hiệu đối chứng, vì cả hai đều nhằm mục tiêu hỗ trợ hoạt động kinh doanh, tiếp cận thị trường và người tiêu dùng.

Đối với nhóm 41 và 42: Dịch vụ "xuất bản điện tử" hay "cung cấp phần mềm máy tính" hoàn toàn có thể được hiểu là các dịch vụ phụ trợ hoặc gắn liền với những sản phẩm kỹ thuật số của nhãn hiệu đối chứng (trò chơi điện tử, thiết bị điện tử, ấn phẩm điện tử...), tạo ra sự nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại.

Sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng không phải là cơ sở để chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu xin đăng ký.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "STRIPE" theo đơn số 4-2017-00953 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-00953 ngày 16/01/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 67907/QĐ-SHTT.IP ngày 06/6/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-00953 ngày 16/01/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, STRIPE INC. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và STRIPE INC. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149490/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của C&D Technologies, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2022-01412 ngày 13/12/2022 của C&D Technologies, Inc.; địa chỉ: 1400 Union Meeting Road, Blue Bell, Pennsylvania 19422-8581, United States of America; đại diện bởi: Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-17205 theo Quyết định số 79744/QĐ-SHTT ngày 14/9/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5303/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của C&D Technologies, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "C&D" theo đơn đăng ký số 4-2017-17205 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 09 vì là tập hợp của hai phụ âm được trình bày theo phông chữ thông thường, không có khả năng phân biệt. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "C&D" với các lý do sau:

Công ty C&D Technologies, Inc. có một lịch sử hình thành lâu đời, tên của công ty C&D được tạo ra dựa trên sự kết hợp những chữ cái đầu tiên trong họ của hai nhà đồng sáng lập. Với 100 năm phát triển, C&D Technologies, Inc. trở thành một công ty công nghệ cao chuyên sản xuất và tiếp thị các hệ thống để chuyển đổi và lưu trữ năng lượng điện. C&D Technologies, Inc. có hơn 2000 nhân viên trên toàn thế giới, 400 nhà phân phối, 6 cơ sở sản xuất toàn cầu, 2 trung tâm R&D, 4 trung tâm hậu cần ở châu Âu và Trung Đông.

C&D Technologies, Inc. đã được bảo hộ tại gần 40 quốc gia trên khắp thế giới như: Brazil, Canada, Chile, Trung Quốc, Liên minh châu Âu (28 quốc gia), Ấn Độ, Mỹ, Nhật Bản, Mexico, Indonesia.

C&D Technologies, Inc. đang chuẩn bị thêm các chứng cứ tài liệu khác chứng minh việc sử dụng và được thừa nhận rộng rãi nhãn hiệu "C&D" trên phạm vi toàn cầu cũng như tại Việt Nam trước thời điểm nộp đơn đăng ký tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "C&D" theo đơn đăng ký số 4-2017-17205 chỉ là tập hợp của hai chữ cái viết tắt (C và D), được thể hiện dưới phông chữ thông thường, không có yếu tố đồ họa đặc biệt hoặc sự sáng tạo về cấu trúc, bố cục. Do đó nhãn hiệu yêu cầu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ, người nộp đơn chưa chứng minh được việc sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam với tư cách một nhãn hiệu.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "C&D" theo đơn đăng ký số 4-2017-17205 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-17205 ngày 12/6/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 79744/QĐ-SHTT ngày 14/9/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-17205 ngày 12/06/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, C&D Technologies, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và C&D Technologies, Inc. (qua Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Số: 149491/QĐ-SHTT.IP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của GOLFERA IN LAVEZZOLA S.p.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-01311 ngày 26/12/2017 của GOLFERA IN LAVEZZOLA S.p.A.; địa chỉ: Via dell'Industria, 6/8, Frazione Lavezzola I-48017 CONSELICE (Ravenna) (IT); đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1030175 theo Thông báo số 2016/41 TDH33 ngày

NMD368

28/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5297/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của GOLFERA IN LAVEZZOLA S.p.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "GOLFERA, hình" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1030175 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đơn số 4-2016-07406, theo quy định tại Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn ĐQT số 1030175 với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-07406. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký là một tổng thể có tính phân biệt cao, bao gồm các yếu tố thiết kế và trình bày khác biệt rõ rệt so với nhãn hiệu đối chứng.

Bên cạnh đó, bản thân nhãn hiệu đối chứng cũng không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định pháp luật, do trùng với tên thương mại của doanh nghiệp GOLFERA IN LAVEZZOLA S.p.A – là một chủ thể đã và đang sử dụng tên gọi này trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

Về danh mục sản phẩm, hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký bao gồm các sản phẩm liên quan tới thịt gia súc, gia cầm, trong khi đó, hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng là các sản phẩm thuộc nhóm sữa và chế phẩm từ sữa. Hai nhóm hàng hóa này không trùng hoặc tương tự nhau về bản chất, mục đích sử dụng và kênh tiêu thụ, do đó không có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại.

Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng còn có dấu hiệu được nộp đơn không trung thực. Theo thông tin thu thập được, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng có hành vi nộp hàng loạt đơn đăng ký các nhãn hiệu tương tự với nhãn hiệu của các chủ thể khác đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sữa, có dấu hiệu nhằm mục đích chiếm đoạt quyền sở hữu trí tuệ hoặc đầu cơ nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự

đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký có thành phần chữ "GOLFERA" trùng với nhãn hiệu "GOLFERA" theo đơn số 4-2016-07406, đã được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 333327. Sự trùng lặp này tạo ra sự tương tự về cấu trúc, âm đọc và ấn tượng tổng thể, dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Về sản phẩm, mặc dù nhãn hiệu đăng ký dùng cho các sản phẩm thịt và sản phẩm từ thịt, còn nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ cho các sản phẩm từ sữa, nhưng cả hai đều là hàng hóa tiêu dùng thường xuyên, cùng xuất hiện tại các điểm bán và hướng đến người tiêu dùng phổ thông.

Từ các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nhãn hiệu theo ĐKQT số 1030175 không đáp ứng điều kiện bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được bảo hộ tại Việt Nam. Vì vậy, đề nghị trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1030175 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/41 TDH33 ngày 28/8/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1030175.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, GOLFERA IN LAVEZZOLA S.p.A. có quyền khiếu nại đến Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và GOLFERA IN LAVEZZOLA S.p.A. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149492/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Koninklijke Philips N.V.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-01105 ngày 11/10/2017 của Koninklijke Philips N.V.; địa chỉ: High Tech Campus 5 NL-5656 AE Eindhoven, Netherland; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1304862 theo Thông báo số 2016/31 NTH09 ngày 20/6/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5294/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Koninklijke Philips N.V. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RADIOLA" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1304862 bị tạm thời từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "RADIOLA" theo ĐKQT số 182480 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp Investip khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1304862 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là cùng một chủ. Chủ đơn nhãn hiệu đăng ký đã tiến hành và đã được ghi nhận việc sửa đổi tên/địa chỉ để thống nhất với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; đồng thời xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1304862 và nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 182480 đã được ghi nhận là thuộc cùng một chủ sở hữu. Do đó, nhãn hiệu theo ĐKQT số 182480 không còn là căn cứ để từ chối bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1304862.

Từ các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1304862 có khả năng phân biệt và đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định pháp luật hiện hành. Đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở để xem xét chấp nhận.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1304862, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/31 NTH09 ngày 20/6/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1304862.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1304862.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Koninklijke Philips N.V. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149493/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HJ5 (Licensing) Pty Ltd (ACN 605 140 190)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00981 ngày 13/9/2017 của HJ5 (Licensing) Pty Ltd (ACN 605 140 190); địa chỉ: 1A Moody Street Balwyn North VIC 3104, Australia; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1298825 theo Thông báo số 2016/21 NDT13 ngày 26/4/2017;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5293/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HJ5 (Licensing) Pty Ltd (ACN 605 140 190) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "KUUKUU HARAJUKU" theo đơn ĐQT số 1298825 bị từ chối bảo hộ một phần đối với các sản phẩm thuộc nhóm 16 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 131841 và nhãn hiệu được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 131842. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do dưới đây:

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu theo đơn ĐQT số 1298825 đồng ý với ý kiểm thẩm định của Cục Sở hữu trí tuệ và đã loại bỏ các sản phẩm thuộc nhóm 16 ra khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ xin đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra, xác thực thông tin và xem xét hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Chủ đơn ĐKQT số 1298825 đã loại bỏ toàn bộ sản phẩm thuộc nhóm 16 khỏi danh mục đăng ký, việc này đã được WIPO ghi nhận và công bố tại Công báo quốc tế số 2017/46. Danh mục sản phẩm, dịch vụ còn lại không trùng hoặc tương tự với các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ cho các nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 131841 và 131842.

Từ nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị nêu trong đơn của đại diện người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1298825, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/21 NDT13 ngày 26/4/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1298825.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1298825.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HJ5 (Licensing) Pty Ltd (ACN 605 140 190) (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149494/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SATO HOLDINGS KABUSHIKI KAISHA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2014-00417 ngày 09/5/2014 của SATO HOLDINGS KABUSHIKI KAISHA; địa chỉ: 7-1, Simomeguro 1-chome, Meguro-ku Tokyo 153-0064 Japan; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1151362 theo Thông báo số 2013/09 NHT24 ngày 06/3/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5286/BC-TTKN

ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SATO HOLDINGS KABUSHIKI KAISHA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SmaPri" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1151362 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 09, 42 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SMA, hình" theo ĐKQT số 1136676 và nhãn hiệu "SMA" theo ĐKQT số 1139431. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "SmaPri" với các lý do sau:

Nhãn hiệu xin đăng ký là chữ SmaPri. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là chữ SMA. Phần hậu tố Pri ở nhãn hiệu xin đăng ký đã tạo ra sự khác biệt nhất định giữa các nhãn hiệu.

Nhãn hiệu xin đăng ký bao gồm nhóm 09 và 42, với các sản phẩm chủ yếu liên quan tới chương trình máy tính dùng trong thiết kế. Nhãn hiệu đối chứng lại bao gồm rất nhiều nhóm: 06, 09, 16, 19, 35, 37, 38, 41, 42 với phạm vi sản phẩm/ dịch vụ đa dạng hơn. Như vậy, xét về mặt sản phẩm, dịch vụ, giữa các nhãn hiệu đã có sự khác biệt.

Nhãn hiệu xin đăng ký SmaPri theo ĐKQT số 1151362 đã có sự khác biệt nhất định với các nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số1136676 và ĐKQT số 1139431.

Trên cơ sở sự khác biệt nêu trên, chủ sở hữu của ĐKQT số 1136676 và ĐKQT số 1139431 là công ty SMA Solar Techonology AG đã có thư chấp thuận, trong đó nêu rõ: SMA Solar Techonology AG đồng ý với việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu SmaPri theo ĐKQT số 1151362 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Với việc chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "SMA, hình" theo ĐKQT số 1136676 và "SMA" theo ĐKQT số 1139431 cấp thư chấp thuận cho phép người nộp đơn được sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam, đồng thời nhãn hiệu "SmaPri" theo ĐKQT số 1151362 mang dấu hiệu cấu thành từ ngữ đặc biệt, nhãn hiệu xin đăng ký được xác định là có khả năng phân biệt, đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo quy định.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng "SmaPri" theo ĐKQT số 1151362 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1151362, không áp dụng quy định tại điểm khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/09 NHT24 ngày 06/3/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1151362.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1151362.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SATO HOLDINGS KABUSHIKI KAISHA (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149495/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Benefit Cosmetics LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2012-00296 ngày 05/4/2012 của Benefit Cosmetics LLC; địa chỉ: 225 Bush Street, San Francisco CA 94104, United State of America; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1059185 theo Thông báo số 2010/49 NNL16 ngày 08/12/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5288/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Benefit Cosmetics LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "THEY'RE REAL" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1059185 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 03 do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật sở hữu trí tuệ. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "THEY'RE REAL" với các lý do sau:

Nhãn hiệu xin đăng ký "THEY'RE REAL" không mang tính mô tả các sản phẩm "mỹ phẩm, mascara" thuộc nhóm 03. Các sản phẩm "mỹ phẩm, mascara" đăng ký theo nhãn hiệu trên thực tế phần lớn là các sản phẩm tổng hợp, nhân tạo để phục vụ cho nhu cầu làm đẹp của con người. Vì vậy, đối với người tiêu dùng, nhãn hiệu "THEY'RE REAL" dễ dàng được nhận biết là một nhãn hiệu có khả năng phân biệt hơn là miêu tả các sản phẩm "mỹ phẩm, mascara" đăng ký theo đơn nhãn hiệu.

Trên thực tế, nhãn hiệu "THEY'RE REAL" đã được Chủ đơn sử dụng cho sản phẩm mascara từ tháng 4 năm 2011. Sản phẩm này đã được bán trên trang web của chủ đơn. Sản phẩm mascara mang nhãn hiệu "THEY'RE REAL" đã được người tiêu dùng đón nhận và trở thành sản phẩm bán chạy nhất trong số các sản phẩm của chủ đơn.

Chính vì là một trong những sản phẩm được tiêu thụ nhiều nhất của chủ đơn nên doanh thu bán hàng từ các sản phẩm mang nhãn hiệu "THEY'RE REAL" trong năm 2011 đã đạt hơn 24 triệu USD và chỉ tính riêng trong tháng đầu năm 2012 đã đạt hơn 3 triệu USD.

Trước khi nộp đơn ĐKQT số 1059185, nhãn hiệu "THEY'RE REAL" đã được chấp nhận bảo hộ tại Mỹ và Canada cho các sản phẩm thuộc nhóm 03. Nhãn hiệu "THEY'RE REAL" theo Đăng ký quốc tế số 1059185 được chỉ định vào các quốc gia: Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Singapore và Việt Nam và đã được chấp nhận bảo hộ tại một số quốc gia như Australia, Nga, Nhật Bản và Hàn Quốc. Điều đáng lưu ý là tại các quốc gia như Mỹ, Canada, Australia, nơi tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức hoặc rất thông dụng, nhãn hiệu "THEY'RE REAL" hoàn toàn không bị coi là mang tính mô tả các sản phẩm thuộc nhóm 03.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "THEY'RE REAL" được dịch sang tiếng Việt là "chúng là thật", khi được sử dụng cho sản phẩm mascara hoặc mỹ phẩm làm đẹp, có thể được hiểu là lời khẳng định rằng hiệu ứng thẩm mỹ tạo ra từ sản phẩm này là tự nhiên hoặc như thật, mô tả cảm nhận của người dùng về hiệu quả của sản phẩm.

Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký chỉ là một cụm từ tiếng Anh đơn giản, mang nghĩa thông dụng, không có yếu tố tạo hình, không phải từ ngữ sáng tạo, không có yếu tố đồ họa, hình ảnh đặc biệt kèm theo để tạo thành tổng thể đặc biệt dễ nhận biết, dễ ghi nhớ. Mang tính khẩu hiệu quảng cáo, không tạo dựng được ấn tượng rõ ràng về nguồn gốc thương mại.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng "THEY'RE REAL" theo ĐKQT số 1059185 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1059185 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2010/49 NNL16 ngày 08/12/2011 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1059185.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Benefit Cosmetics LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Benefit Cosmetics LLC (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149496/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kenzo S.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2011-00220 ngày 09/3/2011 của Kenzo S.A.; địa chỉ: 18 rue Vivienne, F-75002 PARIS; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1016724 theo Thông báo số 2009/43 27VTB ngày 28/10/2010;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4966/BC-TTKN

ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kenzo S.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu xin đăng ký "KENZO ESTATE" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1016724 bị từ chối bảo hộ cho nhóm 29, 30, 31, 35, 41, 43 tại Việt Nam vì tương tự gây nhầm lẫn với hai nhãn hiệu đối chứng là: "KENZO" theo ĐKQT số 472708 và "KENZO" theo ĐKQT số 735835, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ 2005. Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh đã nộp đơn khiếu nại yêu cầu bảo hộ cho nhãn hiệu xin đăng ký với lý do:

Nhãn hiệu đối chứng "KENZO" theo ĐKQT số 472708 đã bị chấm dứt hiệu lực đối với các nhóm 11 và 21. Sau khi bị giới hạn hiệu lực, nhãn hiệu đối chứng này chỉ còn được bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 3, 8, 9, 16, 20, 24, 25, 27 và 28. Trong khi đó, nhãn hiệu xin đăng ký được nộp đơn cho các nhóm 29, 30, 31, 35, 41 và 43. Đây là các nhóm hoàn toàn khác biệt về bản chất, công dụng, mục đích sử dụng cũng như kênh phân phối so với các nhóm sản phẩm còn hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng nêu trên. Do đó, nhãn hiệu xin đăng ký không có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "KENZO" theo ĐKQT số 472708.

Tương tự, nhãn hiệu đối chứng "KENZO" theo ĐKQT số 735835 đã bị chấm dứt hiệu lực một phần đối với các dịch vụ thuộc nhóm 35 và nhóm 42. Nhãn hiệu đối chứng này hiện chỉ còn hiệu lực bảo hộ đối với dịch vụ trong nhóm 38, trong khi nhãn hiệu xin đăng ký không nộp đơn cho nhóm 38 mà chỉ đăng ký cho các nhóm sản phẩm, dịch vụ khác biệt hoàn toàn, bao gồm nhóm 29, 30, 31, 35, 41 và 43. Như vậy, giữa nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 735835 không tồn tại sự trùng lặp hoặc tương tự về danh mục sản phẩm, dịch vụ.

Từ các phân tích nêu trên, có thể thấy rằng nhãn hiệu xin đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được viện dẫn không có sự giao thoa về phạm vi bảo hộ đối với hàng hóa, dịch vụ. Vì vậy, không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã

được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu xin đăng ký "KENZO ESTATE" theo ĐKQT số 1016724 được nộp đơn cho các nhóm 29, 30, 31, 35, 41 và 43. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "KENZO" theo ĐKQT số 472708 chỉ còn hiệu lực bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc các nhóm 3, 8, 9, 16, 20, 24, 25, 27 và 28. Các sản phẩm, dịch vụ đăng ký của nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn khác biệt với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng về đặc tính, mục đích sử dụng, đối tượng hướng đến và kênh phân phối.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu đối chứng "KENZO" theo ĐKQT số 735835 đã bị chấm dứt hiệu lực một phần và hiện chỉ còn hiệu lực đối với dịch vụ thuộc nhóm 38. Trong khi đó, nhãn hiệu xin đăng ký không nộp đơn cho nhóm này mà đăng ký cho các nhóm hàng hóa, dịch vụ hoàn toàn khác biệt, không có sự trùng lặp hoặc tương tự về tính chất hoặc chức năng sử dụng.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu xin đăng ký "KENZO ESTATE" theo ĐKQT số 1016724 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1016724, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2009/43 27VTB ngày 28/10/2010 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1016724.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1016724.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kenzo S.A. (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149497/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của
San Miguel Pure Foods Company, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2021-01121 ngày 30/12/2021 của San Miguel Pure Foods Company, Inc.; địa chỉ: The JMT Corporate Condominium, ADB Avenue, Ortigas Center, Pasig City 1605, Metro Manila, Philippines; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-03849 theo Quyết định số 76373/QĐ-SHTT ngày 04/10/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5243/BC-

TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của San Miguel Pure Foods Company, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Tender Juicy hotdog PUREFOODS, hình" theo đơn đăng ký số 4-2016-03849 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 29 do nhãn hiệu xin đăng ký là tổ hợp của phần hình học đơn giản với phần chữ mang tính mô tả, do đó không có khả năng phân biệt. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "Tender Juicy hotdog PUREFOODS, hình" với các lý do sau:

Việc xem xét đánh giá khả năng phân biệt của nhãn hiệu kết hợp gồm phần hình và phần chữ cần được đặt trong mối quan hệ gắn bó của từng thành phần trong một chỉnh thể, không phải là việc chia cắt, hoặc tách rời từng bộ phận để xem xét một cách riêng rẽ.

Trong trường hợp này, nếu nhãn hiệu chỉ bao gồm cụm từ "Hot dog" thuần túy (từ tiếng Anh mang nghĩa tiếng Việt là "bánh kẹp xúc xích") hoặc chỉ bao phần chữ "TENDER" (từ tiếng Anh mang nghĩa tiếng Việt là "mềm") hoặc từ "JUICY" (Từ tiếng Anh mang nghĩa tiếng Việt là mọng nước) – những từ có thể coi là mang tính mô tả thì nhãn hiệu như vậy có thể được coi là không có khả năng tự phân biệt.

Tuy nhiên, nhãn hiệu xin đăng ký xét về cấu trúc là tổng thể gồm: Phần chữ "TENDER JUICY" màu xanh dương đậm viền trắng sử dụng theo phông chữ đặc biệt đặt song song với nhau theo hướng chéo trên nền hình oval viền đỏ nền vàng nổi bật. Chữ "hot dog" màu đỏ nhỏ hơn sử dụng phông chữ viết tay cũng được đặt bên dưới trong khung hình oval này. Trên cùng bên trái của hình oval là phần kết hợp "PUREFOODS" với chữ "PURE" màu đỏ và chữ "FOODS" màu xanh đặt cạnh nhau theo phông chữ in cứng cáp tạo ấn tượng thị giác mạnh mẽ cho người nhìn. Bên cạnh đó, phần chữ còn được sử dụng chung với phần hình bao gồm viền bên dưới và bên trên được cách điệu đối xứng nhau về mầu sắc. Phần chữ PUREFOODS chính là tên công ty của người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu.

Có thể thấy, nhãn hiệu xin đăng ký với cách thức kết hợp độc đáo tính thẩm mỹ cao của các dấu hiệu nêu trên đã tạo ra một ấn tượng riêng biệt và tổng thể kết hợp đó vẫn hoàn toàn có thể được coi là có khả năng phân biệt. Bản thân nhãn hiệu này không phải là cụm từ mang tính chất mô tả thuần túy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, mà nó được tạo ra bằng sự kết hợp độc đáo với sự sắp xếp, bố trí hợp lý, tư duy sáng tạo có chủ đích, mang lại ấn tượng mạnh về thị giác, dễ ghi nhớ và như vậy, không bị coi là một dấu

hiệu không có khả năng tự phân biệt. Do đó, chúng tôi cho rằng nhãn hiệu nên được xem xét một cách tổng thể như đã phân tích ở trên đây.

Qua tra cứu cơ sở dữ liệu của Cục Sở hữu trí tuệ, đại diện người nộp đơn cũng nhận thấy nhiều nhãn hiệu với kết cấu tương tự đã cũng đã được quý Cục coi là có khả năng tự phân biệt và được cấp văn bằng bảo hộ và đang được bảo hộ tại Việt Nam.

Nhãn hiệu "Tender Juicy Hotdog PUREFOODS" thuộc công ty SAN MIGUEL (Phi-líp-pin), đã được sử dụng liên tục từ năm 1987 và bảo hộ tại nhiều quốc gia. Nhãn hiệu nổi tiếng tại Phi-líp-pin và được phân phối rộng rãi, trong đó có Việt Nam từ năm 2016. Sản phẩm mang nhãn hiệu này ngày càng phổ biến và được người tiêu dùng ưa chuộng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Cụm "Tender Juicy hotdog PUREFOODS" có thể được dịch sang tiếng Việt như sau: "Tender Juicy hotdog" có nghĩa là "Xúc xích mềm mọng nước hoặc xúc xích thơm mềm, mọng nước" . "PURE" nghĩa là tinh khiết, nguyên chất, sạch; "FOODS" nghĩa là thực phẩm. Vì vậy, "PUREFOODS" có thể hiểu là "thực phẩm tinh khiết" hoặc "thực phẩm sạch. Do đó cụm "Tender Juicy hotdog PUREFOODS" mô tả trực tiếp tính chất, đặc điểm của sản phẩm, mang tính chất quảng cáo nhằm thu hút người tiêu dùng, không có khả năng phân biệt.

Mặc dù nhãn hiệu có yếu tố hình, nhưng hình dạng logo chỉ là các khối hình học cơ bản: một elip viền đỏ, phông chữ đơn giản, màu sắc phổ thông. Tổng thể hình ảnh không có yếu tố đồ họa đặc biệt hoặc tạo hình độc đáo, mà

chỉ là sự kết hợp đơn giản, phổ biến của các hình học cơ bản và màu sắc rực rỡ thông thường nhằm thu hút thị giác, không đủ làm cho nhãn hiệu trở nên đặc biệt và dễ phân biệt trong thị trường.

Tài liệu, chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp không đủ để chứng minh nhãn hiệu yêu cầu đăng ký được sử dụng rộng rãi và đạt khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng tại Việt Nam.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu "Tender Juicy hotdog PUREFOODS, hình" theo đơn đăng ký số 4-2016-03849 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-03849 ngày 18/02/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 76373/QĐ-SHTT ngày 04/10/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-03849 ngày 18/02/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, San Miguel Pure Foods Company, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và San Miguel Pure Foods Company, Inc. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149454/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của RITZ ENTERPRISE SA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00693 ngày 30/6/2017 của THE RITZ HOTEL LIMITED; địa chỉ: 14 South Street London W1K 1DF, United Kingdom; nay là: RITZ ENTERPRISE SA; địa chỉ: 42 rue du Rhône CH-1204 Genève, Switzerland; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 293774 theo Thông báo số 2015/48 VTB32 ngày 30/11/2016;

PTT366

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5236/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của RITZ ENTERPRISE SA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RITZ" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 293774 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "MANUEL RITZ" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1214853 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, 09, 14, 18 và 25 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu "RITZ" theo ĐQT số 293774 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về cách đọc và ấn tượng thị giác, cụ thể: về cách đọc, nhãn hiệu đăng ký được đọc là /rɪts/, trong khi đó nhãn hiệu đối chứng được đọc là /ma-nu-el rits/. Nhãn hiệu đăng ký bao gồm 01 âm tiết trong khi đó nhãn hiệu đối chứng gồm 04 âm tiết nên sự khác biệt về cách đọc là rõ ràng. Về ấn tượng thị giác, nhãn hiệu đăng ký là một từ có 04 chữ cái, trong khi đó nhãn hiệu đối chứng gồm hai từ có 10 chữ cái.

Trên cơ sở xem xét rằng nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt với nhãn hiệu đối chứng đủ để không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc các sản phẩm mang các nhãn hiệu nên chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐQT số 293774 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "RITZ" theo ĐQT số 293774 là một từ tiếng Anh gồm 4 ký tự và được phát âm thành một âm tiết /rɪts/, trong khi nhãn hiệu đối chứng "MANUEL RITZ" gồm hai 2 từ tiếng Anh có 10 ký tự và được phát âm thành 4 âm tiết /ma-nu-el rits/. Do đó, nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo từ và phát âm. Người nộp đơn đã được chủ sở hữu nhãn

hiệu đối chứng cấp thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 293774 tại Việt Nam. Do đó, có cơ sở chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu "RITZ" theo ĐQT số 293774, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/48 VTB32 ngày 30/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 293774.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 293774.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và RITZ ENTERPRISE SA (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150089/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Frigoríficos Costa Brava, S.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2016-01026 ngày 20/12/2016 của Frigoríficos Costa Brava, S.A.; địa chỉ: Ctra. Riudellots a Cassà Km. 3, E-17457 Riudellots de la Selva (Girona), Spain; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1083477 theo Thông báo số 2015/41 HBN26 ngày 14/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5198/BC-

TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Frigoríficos Costa Brava, S.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CB COSTA BRAVA FRIGORIFICOS, hình" theo đơn quốc tế số 1083477 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "costa, hình" theo đơn quốc tế số 1146048 của Costa Concentrados Levantinos, S.L., "costa seafood, hình" theo đơn số 4-2014-10566 của Công ty cổ phần The Aqua Group.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1083477 với lý do như sau:

Người nộp đơn đã tiến hành thủ tục giới hạn tại Văn phòng quốc tế WIPO, danh mục sản phẩm còn lại sau khi giới hạn như sau:

Class 29: Meat, poultry and game; meat extracts; preserved, dried and cooked fruits and vegetables.

Class 35: Import and export services, commercial representation services, wholesale, retail services and through global information networks of food products except fish, jellies, jams, eggs, milk and dairy products, oils and edible fats.

Dịch tiếng Việt là:

Nhóm 29: Thịt, gia cầm và thú săn; chất chiết ra từ thịt; rau và quả được bảo quản, phơi khô và nấu chín.

Nhóm 35: Dịch vụ nhập khẩu và xuất khẩu, dịch vụ đại diện thương mại, dịch vụ bán buôn, bán lẻ và thông qua các mạng thông tin toàn cầu liên quan tới các sản phẩm thực phẩm ngoại trừ cá, thạch, mứt, sữa và các sản phẩm làm từ sữa, dầu ăn và mỡ ăn.

Nhãn hiệu đối chứng theo đơn quốc tế số 1146048 là một kết hợp gồm phần chữ "COSTA" và phần hình trong khi đó nhãn hiệu đăng ký lại là cụm từ "CB COSTA BRAVA FRIGORIFICOS" được trình bày cách điệu.

Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2014-10566 là một kết hợp gồm phần chữ "costa seafood" và phần hình dải uốn trong khi đó nhãn hiệu đăng ký lại là cụm từ "CB COSTA BRAVA FRIGORIFICOS" được trình bày cách điệu. Đồng thời, đã bị từ chối từ ngày 15/3/2017.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến

mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "CB COSTA BRAVA FRIGORIFICOS" là một tổ hợp gồm nhiều thành phần có tính phân biệt cao: "CB", "COSTA", "BRAVA" và "FRIGORIFICOS", trong đó có thành phần "COSTA" tương tự với các nhãn hiệu đối chứng.

Tuy nhiên, người nộp đơn đã thực hiện giới hạn danh mục hàng hóa/dịch vụ nhằm loại trừ các sản phẩm dễ gây xung đột như cá, thủy sản, sữa, mứt, dầu ăn là các sản phẩm chính của nhãn hiệu đối chứng "COSTA, hình" theo đơn quốc tế số 1146048 và "costa seafood, hình" theo đơn số 4-2014-10566. Trong nhóm 29, hàng hóa còn lại gồm thịt, gia cầm, rau quả bảo quản hoặc nấu chín, khác biệt bản chất và mục đích sử dụng so với mứt, sữa, xúp của đối chứng. Trong nhóm 35, phạm vi dịch vụ thương mại thực phẩm đã được giới hạn, không bao gồm thủy sản hay các mặt hàng trùng lặp, do đó không gây nhầm lẫn về chức năng và kênh tiêu thụ.

Ngoài ra, nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-10566 đã bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 90111/QĐ-SHTT ngày 15/3/2017 và không có đơn khiếu nại, do đó không còn giá trị làm căn cứ đối chứng trong quá trình thẩm định.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1083477, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/41 HBN26 ngày 14/10/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1083477.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1083477.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và

Frigoríficos Costa Brava, S.A. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150090/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PURATOS
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2016-00981 ngày 28/11/2016 của PURATOS (trước là PURATOS N.V.; địa chỉ: Industrialaan 25, B-1702 Groot-Bijgaarden, Belgium); đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1271147 theo Thông báo số 2015/42 NDT04 ngày 20/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5195/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PURATOS với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CACAO-TRACE, hình" theo đơn quốc tế số 1271147 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "COCO-TRACE ©, hình" bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 169691, 169692 và "COCOA-TRACE©, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 244929 của Công ty TNHH Puratos Grand-Place Việt Nam.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1271147 với lý do như sau:

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "CACAO-TRACE, hình" theo đơn quốc tế số 1271147 cho các nhóm 30, 41 và 42 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "CACAO-TRACE, hình" là dấu hiệu tổ hợp gồm phần chữ và hình ảnh cách điệu, khác biệt rõ rệt với các nhãn hiệu đối chứng thuần chữ "COCOA-TRACE" hoặc "COCO-TRACE". Yếu tố "CACAO" có phát âm và hình thức khác so với "COCOA"/"COCO", tạo nên nhận thức ngữ âm riêng biệt.

Chủ sở hữu hợp pháp của các nhãn hiệu đối chứng là Công ty TNHH Puratos Grand-Place Việt Nam đã lập Thư đồng ý cho phép chủ đơn PURATOS

N.V. sử dụng và đăng ký nhãn hiệu "CACAO-TRACE & Hình" cho các hàng hóa/dịch vụ thuộc Nhóm 30, 41 và 42 tại Việt Nam.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271147, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/42 NDT04 ngày 20/10/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271147.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271147.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PURATOS (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150091/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Nguyễn Hồng Hải
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN4-2015-00854 ngày 23/9/2015 của Công ty TNHH Nguyễn Hồng Hải; địa chỉ: Số 33 Phùng Chí Kiên, Hòa Vượng, thành phố Nam Định; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-12648 theo Quyết định số 49951/QĐ-SHTT ngày 19/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5272/BC-

TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Nguyễn Hồng Hải với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SENTO HONG HAI, hình" theo Đơn số 4-2013-12648 bị từ chối cấp Giấy chứng đăng ký nhãn hiệu cho các sản phẩm *"gạch ốp tường, gạch lát nền, gạch men (các loại gạch trên là vật liệu phi kim loại dùng trong xây dựng)"* nhóm 19 theo Quyết định số 49951/QĐ-SHTT ngày 19/8/2015 do bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "Sento" cho các sản phẩm *"các sản phẩm sứ vệ sinh: xí bệt, két nước, chậu rửa, bồn tiểu treo"* thuộc nhóm 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 207642 của Hộ kinh doanh Kiến Long.

Công ty TNHH Nguyễn Hồng Hải đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo Đơn 4-2013-12648 với lý do như sau:

Tách phần chữ "HONG HAI, hình" sang đơn đăng ký nhãn hiệu mới;

Sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là các loại gạch ốp, gạch lát, gạch men được bán ở các cửa hàng bán vật liệu xây dựng không tương tự với các thiết bị dùng cho mục đích vệ sinh cá nhân của nhãn hiệu đối chứng thường được bán ở các cửa hàng bán thiết bị vệ sinh.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây:

b) Tách đơn;".

2. Nhận định, đánh giá:

Người nộp đơn đề nghị tách phần chữ "HONG HAI, hình" sang đơn đăng ký nhãn hiệu mới. Tuy nhiên, việc tách đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm b khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số4-2013-12648 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 49951/QĐ-SHTT ngày 19/8/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-12648 ngày 17/06/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Nguyễn Hồng Hải có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Nguyễn Hồng Hải có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150092/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CONSORZIO PER LA TUTELA DELL'ASTI
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-01060 ngày 29/9/2017 của CONSORZIO PER LA TUTELA DELL'ASTI; địa chỉ: Piazza Roma, 10, I-14100 ASTI, Italy; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 956805 theo Thông báo số 2016/30 TDH010 ngày 15/6/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5329/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CONSORZIO PER LA TUTELA DELL'ASTI với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CONSORZIO DELL'ASTI D.O.C.G., hình" theo đơn quốc tế số 956805 bị tạm thời từ chối bảo hộ do không nêu rõ loại nhãn hiệu được chỉ định tại Việt Nam và xuất trình quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận và danh sách những người được phép sử dụng nhãn hiệu.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 956805 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn quốc tế số 956805 là một nhãn hiệu tập thể và người nộp đơn xin được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Tuyên thệ (*Sworn Declaration*) bằng tiếng Ý và tiếng Anh cùng bản dịch tiếng Việt;

- Biên bản cuộc họp thông qua Quy chế (*Minutes of Meetings approving the BY LAWS*) bằng tiếng Ý và tiếng Anh;

- Quy chế của CONSORZIO PER LA TUTELA DELL 'ASTI, Cuộc họp hội đồng bất thường ngày 02 tháng 5 năm 2016 (*BYLAWS of the CONSORZIO PER LA TUTELA DELL 'ASTI Extraordinary General Assembly of Members 2nd May 2016*) bằng tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt;

- Bộ quy tắc sản xuất để kiểm soát và đảm bảo chỉ dẫn về nguồn gốc xuất xứ của rượu vang "ASTI" (*Production Rulebook for Controlled and Guaranteed Designation of Origin "Asti" Wines")* bằng tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt;

- Báo cáo đăng ký hiệp hội được phát hành bởi Phòng thương mại, công nghiệp, thủ công mỹ nghệ và nông nghiệp của ASTI (*Chamber of Commerce, Industry, Handicrafts and Agriculture of ASTI, Italian Business Register - Company Registration Office*) bằng tiếng Anh.

Ngoài ra, nhãn hiệu tập thể "CONSORZIO DELL'ASTI D.O.C.G., hình" đã được chấp thuận bảo hộ tại Italy (nước xuất xứ), Albania, Armenia, Bosnia and Herzegovina, Algeria, Ai Cập, Croatia, Liechtenstein, Morroco, Monaco, Moldova, Montenegro, Serbia and Ukraine.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 1 Điều 105 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: Tài liệu, mẫu vật, thông tin xác định nhãn hiệu cần bảo hộ trong đơn đăng ký nhãn hiệu bao gồm:

a) Mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu;

b) Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

2. Nhận định, đánh giá:

Người nộp đơn xác nhận nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu tập thể và đã nộp kèm đầy đủ các tài liệu chứng minh tư cách tổ chức, nội dung quy chế sử dụng nhãn hiệu, cũng như minh chứng về tính hợp pháp trong cơ chế giám sát và quyền sử dụng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu tập thể theo đơn quốc tế số 956805, không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 105 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/30 TDH010 ngày 15/6/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu tập thể theo đơn quốc tế số 956805.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu tập thể theo đơn quốc tế số 956805.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CONSORZIO PER LA TUTELA DELL'ASTI (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150093/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1212165 của Thanyapura World Pte. Limited (SG) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực từ ngày 31/3/2024.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

BTT367

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2015-01058 ngày 18/11/2015 của Thanyapura World Pte. Limited; địa chỉ: 10-02, 63 Market Street, The Bank of Singapore Centre Singapore 048942; đại diện bởi: Công ty cổ phần Tư vấn S&B.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế số 1212165 đã hết hiệu lực từ ngày 31/3/2024 do chủ sở hữu không tiếp tục gia hạn..

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Thanyapura World Pte. Limited (qua Công ty cổ phần Tư vấn S&B) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150094/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Mouser Electronics, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-00214 ngày 01/3/2017 của Mouser Electronics, Inc.; địa chỉ: 1000 N. Main Street, Mansfield TX 76063, United States; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1284758 theo Thông báo số 2016/03 NNL44 ngày 13/01/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5199/BC-

TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Mouser Electronics, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "YOU DESIGN. WE DELIVER." theo đơn quốc tế số 1284758 bị tạm thời từ chối bảo hộ do mang tính mô tả sản phẩm, dịch vụ đăng ký.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1284758 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký được tạo lập từ bốn từ tiếng Anh "YOU", "DESIGN", "WE" và "DELIVER" và được viết thành hai (02) dòng, sau mỗi từ "DESIGN" và "DELIVER" đều có một dấu chấm (hai dấu chấm ở hai dòng khác nhau nhưng thẳng hàng nhau theo phương thẳng đứng), có nghĩa tiếng Việt là "BẠN THIẾT KẾ. CHÚNG TÔI GIAO." và hoàn toàn không mô tả trực tiếp các hàng hóa/dịch vụ thuộc Nhóm 09 và 35

Các từ ngữ mô tả hàng hoá thông thường trong ngành là "bền bỉ", "chất lượng", "xuất sắc"… thay vì các cụm từ như "YOU DESIGN. WE DELIVER.";

Nhãn hiệu đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới, cho thấy dấu hiệu có khả năng phân biệt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "YOU DESIGN. WE DELIVER." là cụm từ tiếng Anh thông dụng, mang ý nghĩa trực tiếp là "BẠN THIẾT KẾ. CHÚNG TÔI GIAO." thể hiện rõ phương thức cung cấp hàng hóa/dịch vụ. Trong bối cảnh nhãn hiệu được đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09 và 35, gồm linh kiện điện tử, dịch vụ thương mại điện tử và phân phối thì cụm từ này có nội hàm mô tả trực tiếp chức năng, quy trình và phương thức vận hành kinh doanh. Cụ thể, người tiêu dùng có thể hiểu rằng: khách hàng tự thiết kế sản phẩm và công ty sẽ giao hàng, tức mô tả mô hình phân phối đặt hàng theo thiết kế, vốn là đặc tính

kinh doanh cơ bản của dịch vụ được đăng ký. Việc trình bày dấu hiệu thành hai dòng với dấu chấm ngăn cách không tạo nên khác biệt đáng kể về mặt nhận thức thị giác hoặc dấu hiệu nhận diện so với một khẩu hiệu mô tả thông thường.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1284758 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/03 NNL44 ngày 13/01/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1284758.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Mouser Electronics, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Mouser Electronics, Inc. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150098/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Mega Lifesciences Public Company Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2022-01358 ngày 23/11/2022 của Mega Lifesciences Public Company Limited; địa chỉ: ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-18522 theo Quyết định số 76579/QĐ-SHTT ngày 30/08/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5321/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Mega Lifesciences Public Company Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MEGA We care NUTRIVITA, hình" theo đơn đăng ký số 4-2020-18522 (nhãn hiệu đăng ký) của Mega Lifesciences Public Company Limited bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 76579/QĐ-SHTT ngày 30/08/2022 vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 48476, 252477 281141.

Mặc dù sau khi nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 13548/SHTT-NH ngày 19/4/2022, người nộp đơn đã phản hồi và đề nghị loại bỏ phần chữ "NUTRIVITA" ra khỏi mẫu nhãn hiệu yêu cầu bảo hộ nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do việc loại bỏ phần chữ "NUTRIVITA" làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu so với nhãn hiệu ban đầu.

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 76579/QĐ-SHTT ngày 30/08/2022 và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

Người nộp đơn cho rằng phần chữ "NUTRIVITA" có diện tích rất nhỏ so với tổng thể cả mẫu nhãn nên việc loại bỏ phần chữ "NUTRIVITA" không làm thay đổi bản chất của mẫu nhãn yêu cầu bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu kết hợp giữa phần chữ và phần hình, trong đó chữ "NUTRIVITA" được trình bày với cỡ chữ lớn, nổi bật, là thành phần thu hút và gây ấn tượng của nhãn hiệu đối với người tiêu dùng. Do đó, việc loại bỏ phần chữ "NUTRIVITA" đồng nghĩa với việc loại bỏ thành phần đặc trưng, khiến nhãn hiệu mất đi dấu hiệu nhận diện quan trọng do đó làm thay đổi bản chất so với mẫu nhãn hiệu đã đăng ký.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-18522 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 76579/QĐ-SHTT ngày 30/08/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-18522 ngày 26/05/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Mega Lifesciences Public Company Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Mega Lifesciences Public Company Limited (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150099/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần rượu Phú Lễ
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại, Tố cáo năm 1998;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 06/2001/NĐ-CP ngày 01/02/2001 (sau đây gọi là Nghị định số 63/CP);

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HNT162

Xét đơn số KN4-2013-00549 ngày 25/4/2013 của Công ty cổ phần rượu Phú Lễ; địa chỉ: 81C Phan Đình Phùng, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2004-07998 theo Quyết định số 6766/QĐ-SHTT ngày 31/01/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5332/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần rượu Phú Lễ với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PHÚ LỄ BA TRI, hình" theo đơn số 4-2004-07998 ngày 09/08/2004 bị từ chối cấp GCNĐKNH với lý do: Rượu "Phú Lễ" là một loại rượu nổi tiếng của tỉnh Bến Tre và nhãn hiệu "Phú Lễ" đã được Hội sản xuất rượu Phú Lễ có địa chỉ tại xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đăng ký là một nhãn hiệu tập thể. Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ không bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vì mang nguồn gốc địa lý đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cho phép sửa mẫu nhãn hiệu và nộp kèm theo mẫu nhãn mới để tiếp tục theo đuổi việc đăng ký nhãn hiệu trong đơn số 4-2019-27747.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/CP quy định:

"Dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hoá được công nhận là có khả năng phân biệt theo Điều 785 Bộ luật dân sự nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

b) Không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam (kể cả các nhãn hiệu hàng hoá đang được bảo hộ theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)."

Điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP quy định:

"Dấu hiệu sau đây không được Nhà nước bảo hộ với danh nghĩa là nhãn hiệu hàng hoá:

c) Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ và xuất xứ của hàng hoá, dịch vụ;"

2. Nhận định, đánh giá:

Đơn khiếu nại không chỉ ra quy định pháp luật bị vi phạm mà chỉ đề nghị sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu, cụ thể là yêu cầu sửa mẫu nhãn hiệu. Việc sửa đổi mẫu nhãn hiệu không thuộc phạm vi giải quyết khiếu nại.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2004-07998 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 6766/QĐ-SHTT ngày 31/01/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2004-07998 ngày 09/08/2004.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần rượu Phú Lễ có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần rượu Phú Lễ (qua Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150100/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MOSSLEIN GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-00661 ngày 22/6/2017 của MOSSLEIN GmbH; địa chỉ: Dr. Birkner StraBe 7 97816 Lohr am Main Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1291311 theo Thông báo số 2016/09 NTH28 ngày 03/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5270/BC-

TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MOSSLEIN GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Mösslein Wassertechnik" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1291311 bị từ chối đối với các nhóm 01 và 09 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "MOSSLEIN" theo đơn số 4-2015-12906 (đã được cấp GCNĐKNH số 302991) theo Điều 90.2 Luật sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "Mösslein Wassertechnik" theo ĐQT số 1291311 với các lý do sau:

Người nộp đơn đã nộp đơn PĐ4-2017-00569 ngày 21/6/2017 phản đối việc cấp GCNĐKNH đối với nhãn hiệu "MOSSLEIN" theo đơn số 4-2015-12906 với lý do sau:

a. Về nhãn hiệu

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-12906 có phần chữ "MOSSLEIN" trùng lặp với thành phần phân biệt của nhãn hiệu "Mösslein Wassertechnik", thành phần "Wassertechnik" trong tiếng Đức là "công nghệ nước" mang tính mô tả.

b. Về sản phẩm

Sản phẩm theo GCNĐKNH số 302991 là "Bộ lọc nước uống; thiết bị lọc nước uống" nhóm 01 và sản phẩm theo ĐQT số 1291311: "Sản phẩm hóa học cụ thể là chất làm mềm nước và chất làm sạch nước, chất khử nước cho mục đích công nghiệp, nguyên liệu lọc,…" (nhóm 01) và: Thiết bị chỉ báo nhiệt độ và thiết bị chỉ báo mức nước, thiết bị và dụng cụ để chỉ mức hóa hóa học trong thành phần nước đã qua xử lý, nước uống,…" (nhóm 09).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Do đơn đối chứng 4-2015-12906 đã được cấp GCNĐKNH số 302991 và có hiệu lực đến ngày 25/5/2025 nên vẫn được lấy ra làm đối chứng đối với ĐQT số 1291311.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1291311 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/09 NTH28 ngày 03/3/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291311.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, MOSSLEIN GmbH có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MOSSLEIN GmbH (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150101/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của VMI Holland B.V.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

BTT367

Xét đơn số KN5-2025-00022 ngày 13/01/2025 của VMI Holland B.V.; địa chỉ: Gelriaweg 16, NL-8161 RK EPE, the Netherlands; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh; khiếu nại về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại số KN4-2018-00154 nộp ngày 22/02/2018 theo Thông báo số 114872/TB-SHTT.IP ngày 25/11/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4297/BC-TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của VMI Holland B.V. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn số KN5-2018-00154 nộp ngày 22/02/2018 khiếu nại thông báo số 2015/10 NDT15 ngày 08/3/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1192239 không thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu theo Thông báo số 114872/TB-SHTT.ip ngày 25/11/2024 do đã quá thời hiệu khiếu nại.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh đề nghị hủy bỏ Thông báo số 114872/TB-SHTT.ip ngày 25/11/2024 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu với lý do như sau:

Thời điểm tính thời hiệu khiếu nại phải được xác định kể từ ngày nhận được thông báo từ Văn phòng quốc tế WIPO (ngày 09/02/2018), chứ không phải ngày ban hành Thông báo từ chối (08/03/2016).

Đơn khiếu nại số KN5-2018-0154 đã được nộp ngày 22/02/2018, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ Văn phòng quốc tế WIPO (tức trong hạn đến ngày 09/05/2018), nên hoàn toàn đúng thời hiệu theo Điều 9 Luật Khiếu nại.

Đơn đã từng được thụ lý theo Thông báo số 2222/SHTT-TTKN ngày 27/03/2018, không bị từ chối về thời hiệu tại thời điểm đó.

Việc ban hành Thông báo không thụ lý vào năm 2024 (sau gần 7 năm) là mâu thuẫn với hành vi trước đây của Cục và không phù hợp quy định pháp luật.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điều 9 Luật khiếu nại quy định: Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

2. Nhận định, đánh giá:

Theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại, thời hiệu khiếu nại được tính từ ngày người khiếu nại nhận được hoặc biết được quyết định hành chính bị khiếu nại. Trong vụ việc này, mặc dù Thông báo tạm thời từ chối bảo hộ của Cục được ban hành ngày 08/3/2016, nhưng phải đến ngày 09/02/2018, VMI mới nhận

được nội dung từ chối qua Văn phòng quốc tế WIPO. Do đó, đơn khiếu nại được nộp ngày 22/02/2018 vẫn nằm trong thời hạn 90 ngày theo quy định pháp luật.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình xem xét đơn khiếu nại số KN5-2018-00154 nộp ngày 22/02/2018.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 114872/TB-SHTT.IP ngày 25/11/2024 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại số KN5-2018-00154 nộp ngày 22/02/2018.

Điều 2. Khôi phục quá trình quá trình xem xét đơn khiếu nại số KN5-2018-00154 nộp ngày 22/02/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và VMI Holland B.V. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150102/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BIOFIRE DIAGNOSTICS, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-01174 ngày 02/11/2017 của BIOFIRE DIAGNOSTICS, LLC; địa chỉ: 515 Colorow Drive, Salt Lake City UT 84108, the United States; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1255443 theo Thông báo số 2016/35 NDT14 ngày 11/7/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5085/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BIOFIRE DIAGNOSTICS, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BIOFIRE" theo đơn quốc tế số 1255443 bị tạm thời từ chối bảo hộ nhóm 05 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FIRE" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 252704 của Công ty TNHH MEDICO Việt Nam.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1255443 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký là một từ tự đặt gồm bảy (07) chữ cái "B-I-O-F-I-R-E", có bốn (04) âm tiết được đọc là "bi-o-'faiə" và không có nghĩa. Nhãn hiệu đối chứng là một từ tiếng Anh gồm bốn (04) chữ cái "F-I-R-E", là một từ tiếng Anh có hai (02) âm tiết được đọc là "'faiə" có nghĩa tiếng Việt là "lửa, ánh lửa,…".

Các hàng hóa yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu thuộc Nhóm 05 theo đơn quốc tế số 1255443 tuy thuộc cùng một nhóm với các hàng hóa bảo hộ theo Đăng bạ quốc gia số 252704 nhưng chúng không tương tự với nhau do các các đặc điểm khác biệt như sau:

- Về mục đích sử dụng:

Hàng hóa thuộc Nhóm 05 theo đơn quốc tế số 1255443 là thuốc thử, chất đệm, chất chẩn đoán và dùng cho mục đích thử, chẩn đoán trong y tế và thú y.

Hàng hóa theo Đăng bạ quốc gia số 252704 là dược phẩm và dùng cho mục đích chữa bệnh.

- Đối tượng khách hàng:

Đối tượng khách hàng của các hàng hóa thuộc Nhóm 05 theo đơn quốc tế số 1255443 là cơ sở y tế/ cơ sở thú y và người trực tiếp sử dụng là các dược sỹ, bác sỹ là những người được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực dược học trong khi đối tượng khách hàng của các hàng hóa theo Đăng bạ quốc gia số 252704 là các bệnh nhân.

- Phương thức lưu thông trên thị trường:

Các hàng hóa thuộc Nhóm 05 theo đơn quốc tế số 1255443 thường được lưu hành nội bộ trong các cơ sở y tế/ cơ sở thú y và người bệnh hầu như không có cơ hội tiếp xúc trực tiếp.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Mặc dù giữa nhãn hiệu đăng ký "BIOFIRE" và nhãn hiệu đối chứng "FIRE" có sự trùng lặp ở thành phần từ "FIRE", nhưng tổng thể hai dấu hiệu vẫn khác biệt về cấu trúc (dấu hiệu tổ hợp so với dấu hiệu đơn), phát âm (hai âm tiết so với một âm tiết), ý nghĩa (liên tưởng đến công nghệ sinh học so với ý nghĩa đơn giản là "lửa").

Hơn nữa, nhóm hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký bao gồm các sản phẩm, thiết bị và phần mềm chuyên biệt trong lĩnh vực sinh học phân tử, xét nghiệm y tế và an ninh sinh học, khác biệt về bản chất, mục đích sử dụng và kênh lưu thông so với nhóm dược phẩm thông thường mang nhãn hiệu "FIRE". Đối tượng người tiêu dùng chủ yếu là chuyên gia, tổ chức y tế có khả năng nhận thức cao, nên nguy cơ gây nhầm lẫn là không đáng kể.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1255443, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/35 NDT14 ngày 11/7/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1255443.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1255443.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BIOFIRE DIAGNOSTICS, LLC (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150103/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1275326 của KROHNE Messtechnik GmbH (DE) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực từ ngày 19/5/2025.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

BTT367

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2017-00155 ngày 17/02/2017 của KROHNE Messtechnik GmbH; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh.

Lý do đình chỉ: Nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1275326 hết hiệu lực từ

ngày 19/5/2025 và chủ sở hữu không tiếp tục gia hạn tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và KROHNE Messtechnik GmbH (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150128/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Mega Lifesciences Public Company Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2022-01448 ngày 28/12/2022 của Mega Lifesciences Public Company Limited; địa chỉ: 384, Village No.4, 6 Alley, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Praeksa Subdistrict, Mueang Samut Prakarn District, Samut Prakarn Province, Thailand.
; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn

HNT162

số 4-2020-22625 ngày 17/06/2020 theo Quyết định số 85639/QĐ-SHTT ngày 29/09/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5063/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Mega Lifesciences Public Company Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Wellness We care, hình" theo đơn đăng ký số 4-2020-22625 (nhãn hiệu đăng ký) của Mega Lifesciences Public Company Limited bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 85639/QĐ-SHTT ngày 29/09/2022 vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 85639/QĐ-SHTT ngày 29/09/2022 với lý lẽ sau:

Nhãn hiệu yêu cầu bảo hộ tổng thể cả mẫu nhãn hình và chữ trong lĩnh vực nhóm 35: "Quản lý kinh doanh, quản trị kinh doanh, dịch vụ hoạt động văn phòng" nên mẫu nhãn này hoàn toàn có khả năng phân biệt và không mang tính mô tả. Lý do từ chối không phù hợp vì từ "Wellness", "We care" có ý nghĩa là "sức khỏe", "chăm sóc sức khỏe" hoàn toàn không liên quan đến dịch vụ "quản lý kinh doanh; quản trị kinh doanh, dịch vụ hoạt động văn phòng".

Người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký hoàn toán đáp ứng các điều kiện bảo hộ nhãn hiệu và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp Văn bằng cho nhãn hiệu nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu kết hợp gồm phần hình và phần chữ. Phần hình là một hình lục giác màu đen, bên trong nổi bật hai dòng chữ màu trắng, dòng trên là chữ "Wellness" với kích cỡ lớn, dòng dưới là chữ "We care" kích cỡ nhỏ hơn.

Về ý nghĩa: "WELLNESS" theo Từ điển Oxford được định nghĩa là *"the state of being in good health"* (trạng thái khỏe mạnh) và theo Từ điển Cambridge là *"the state of being healthy"* (trạng thái khỏe mạnh). Thuật ngữ này được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, spa, làm đẹp hoặc các dịch vụ liên quan đến nâng cao sức khỏe và tinh thần. Đối với các dịch vụ "quản lý kinh doanh; quản trị kinh doanh; dịch vụ hoạt động văn phòng", từ "wellness" không mô tả trực tiếp loại hình, chức năng hoặc đặc tính của dịch vụ.

Về khả năng phân biệt: Mặc dù "wellness" là một từ thông dụng nhưng trong mối liên hệ với nhóm dịch vụ đi kèm trong đơn đăng ký, "WELLNESS" chỉ mang tính gợi ý xa về một ý nghĩa tích cực chung chứ không phải dấu hiệu mô tả, không liên quan trực tiếp đến bản chất dịch vụ kinh doanh, văn phòng, nên từ này vẫn có thể tạo ra ấn tượng nhất định và giúp người tiêu dùng nhận biết nguồn gốc thương mại của dịch vụ. Phần chữ "We care" không có khả năng phân biệt do là cụm từ tiếng Anh dịch nghĩa là "Chúng tôi quan tâm, chăm sóc" – vốn là lời nhắn chung, thể hiện trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ đối với khách hàng.

Đánh giá tổng thể, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt cho các dịch vụ "quản lý kinh doanh; quản trị kinh doanh; dịch vụ hoạt động văn phòng".

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-22625, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 85639/QĐ-SHTT ngày 29/09/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-22625 ngày 17/06/2020.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-22625 ngày 17/06/2020. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "We care".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Mega Lifesciences Public Company Limited (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150129/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của LABORATOIRES BAILLEUL INTERNATIONAL SA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2018-00587 ngày 12/9/2018 của LABORATOIRES BAILLEUL INTERNATIONAL SA; địa chỉ: rue de Lyon 109, CH 1203 GENEVE, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-12517 ngày 11/06/2012 theo Quyết định số 43430/QĐ-SHTT ngày 22/6/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5285/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của LABORATOIRES BAILLEUL INTERNATIONAL SA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "ERYCINE" theo đơn số 4-2012-12517 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "Erycinum" bảo hộ theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 188982 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "ERYCINE" theo đơn số 4-2012-12517 với các lý do sau:

- Người nộp đơn đã tiến hành thủ tục yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng "Erycinum" theo ĐKQT số 188982 theo đơn đề nghị số ĐN1-2013-00179 ngày 30/9/2013 trên cơ sở nhãn hiệu không được sử dụng trong 5 năm liên tục;

- Ngày 13/3/2014 Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Thông báo số 1726/SHTT-TTKN để chuyển tải yêu cầu tới chủ nhãn hiệu đối chứng và ngày 24/7/2014, Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo số 5761/SHTT-TTKN với nội dung không nhận được phản hồi của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng nên sẽ xem xét lại hiệu lực nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nội dung trong đơn khiếu nại của người nộp đơn cũng thể hiện rằng người nộp đơn đã chủ động đề nghị nộp đơn chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo (đơn số ĐN1-2013-00179 ngày ngày 30/9/2013) với lý do nhãn hiệu đối chứng không được sử dụng trong thời hạn 5 năm tính đến thời điểm yêu cầu. Việc này ảnh hưởng trực tiếp đến căn cứ từ chối đơn đăng ký.

Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại và khôi phục thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-12517.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2012-12517 ngày 11/06/2012.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 43430/QĐ-SHTT ngày 22/6/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-12517 ngày 11/06/2012.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-12517 ngày 11/06/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và LABORATOIRES BAILLEUL INTERNATIONAL SA (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150130/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DAROS CO., LTD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2016-01044 ngày 28/12/2016 của DAROS CO., LTD; địa chỉ: 581-3 Wonsan ri, Haseongmyeon, Kimposi, Kyeonggido, Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-29019 ngày 06/12/2013 theo Quyết định số 62440/QĐ-SHTT ngày 03/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5276/BC-TTKN

ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DAROS CO., LTD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "DAROS" theo đơn số 4-2013-29019 tương tự với nhãn hiệu đối chứng "DAROS, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 218881 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "DAROS" theo đơn số 4-2013-29019 với các lý do sau:

Người nộp đơn đã tiến hành và theo đuổi thủ tục yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo hồ sơ số ĐN1-2015-00063 ngày ngày 05/5/2015 trên cơ sở chủ sở hữu nhãn hiệu "DAROS" theo GCNĐKNH số 218881 không có quyền nộp đơn và GCNĐKNH nêu trên được cấp do sự không trung thực của người nộp đơn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nội dung trong đơn khiếu nại của người nộp đơn cũng thể hiện rằng người nộp đơn đã chủ động đề nghị nộp đơn hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo (đơn số ĐN1-2015-00063 ngày ngày 05/5/2015) với lý do nhãn hiệu đối chứng được cấp do sự không trung thực của người nộp đơn. Việc này ảnh hưởng trực tiếp đến căn cứ từ chối đơn đăng ký.

Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại và khôi phục thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-29019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2013-29019 ngày 06/12/2013.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 62440/QĐ-SHTT ngày 03/10/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-29019 ngày 06/12/2013.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-29019 ngày 06/12/2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và DAROS CO., LTD (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150131/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CINKCIARZ.PL
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-00109 ngày 07/02/2017 của CINKCIARZ.PL; địa chỉ: Sienkiewicza 9 PL-65-001 Zielona Góra Poland; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1275264 theo Thông báo số 2015/46 TDH04 ngày 17/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5346/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CINKCIARZ.PL với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "conotoxia, hình" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1275264 bị từ chối bảo hộ cho dịch vụ nhóm 41 vì tương tự với nhãn hiệu đối chứng "CONOXIA" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 875015 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "conotoxia, hình" với các lý do sau:

a. Sự khác biệt về hình thức:

Nhãn hiệu "conotoxia, hình" là nhãn hiệu kết hợp bao gồm phần chữ "conotoxia" có 9 chữ cái đặt sau hai hình tròn giao nhau, trong đó hình tròn trắng có chứa ký tự "$" và hình tròn đen chứa ký tự "€" trong khi đó nhãn hiệu đối chứng "CONOXIA" có 7 chữ cái. Rõ ràng độ dài hai nhãn hiệu khác nhau và do đó ấn tượng ban đầu khi nhìn vào 2 nhãn hiệu sẽ khác nhau. Hơn nữa, nhãn hiệu đăng ký còn có thêm phần hình độc đáo đứng trước khiến về tổng thể khác biệt với nhãn hiệu đối chứng.

b. Sự khác biệt về phát âm:

Nhãn hiệu được phát âm là /con-nô-tô-xia/ trong khi nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /con-nô-xia/. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký có 4 âm tiết trong khi nhãn hiệu đối chứng có 3 âm tiết. Sự khác nhau về số lượng âm tiết giữa hai nhãn sẽ giúp người tiêu dùng phân biệt được hai nhãn hiệu này bởi nhãn hiệu thường được gọi tên trong sử dụng.

c. Các dịch vụ nhóm 41 mang hai nhãn hiệu là khác nhau không tương tự gây nhầm lẫn cho người sử dụng dịch vụ:

- Nhãn đối chứng đăng ký cho dịch vụ "đào tạo trong lĩnh vực y tế, công nghệ được phẩm và y tế."

- Nhãn hiệu đăng ký cho dịch vụ "Xuất bản tài liệu (không bao gồm xuất bản tài liệu quảng cáo); xuất bản trực tuyến các tài liệu điện tử, không thể tải về; xuất bản các tài liệu có thể được truy cập từ cơ sở dữ liệu hoặc từ Internet; dịch vụ trò chơi điện tử và các cuộc thi được cung cấp bởi các phương tiện Internet; cung cấp thông tin liên quan đến giáo dục, cung cấp trực tuyến từ một cơ sở dữ liệu máy tính hoặc Internet; dịch vụ giáo dục; thông tin giáo dục; dịch vụ trường quay; nhiếp ảnh; phóng viên ảnh; cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí trong nhà; cung cấp trò chơi trực tuyến; dịch vụ đánh bạc; dịch vụ câu lạc bộ (giải trí và giáo dục); dịch vụ chế bản tài liệu cho việc xuất bản điện tử; đào tạo thực hành; sắp xếp và tiến hành các hội thảo và đào tạo; sắp xếp và tiến hành các buổi biểu diễn; sắp xếp và tiến hành các hội nghị; sắp xếp và tiến hành đại hội; sắp xếp và tiến hành các hội thảo; sắp xếp và tiến hành các hội nghị chuyên đề; sắp xếp và tiến hành các hội thảo chuyên đề; tổ chức các cuộc thi của giáo dục hoặc giải trí; xuất bản sách điện tử và tạp chí trực tuyến; cung cấp trực

tuyến các ấn phẩm điện tử, không thể tải về; xuất bản sách; xuất bản văn bản (trừ tài liệu quảng cáo)".

- Rõ ràng các dịch vụ nhóm 41 mang hai nhãn hiệu là khác nhau, không tương tự nhau.

+ Nhãn đối chứng cung cấp dịch vụ đào tạo trong một lĩnh vực cụ thể chuyên sâu là y tế và dược phẩm.

+ Trái lại, nhãn hiệu đăng ký cung cấp chủ yếu các dịch vụ xuất bản điện tử, giải trí và giáo dục.

+ Các dịch vụ mang hai nhãn hiệu này có bản chất khác nhau, mục đích khác nhau và đối tượng sử dụng khác nhau. Bởi vậy, các dịch vụ mang hai nhãn hiệu này không tương tự với nhau.

d. Kết luận về khả năng gây nhầm lẫn

Như đã phân tích trên đây, nhãn hiệu đăng ký và nhãn đối chứng khác nhau về hình thức, cách phát âm và các dịch vụ nhóm 41 mang hai nhãn hiệu cũng hoàn toàn khác nhau, cho nên khó có thể tồn tại khả năng gây nhầm lẫn cho khách hàng Việt Nam giữa hai nhãn hiệu này.

3.2 Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đã đang song song tồn tại ở rất nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng

- Nhãn hiệu theo đăng ký quốc tế số 1275264 và nhãn hiệu đối chứng theo đăng ký quốc tế số 875015 đã cùng được chấp thuận bảo hộ tại 12 quốc gia sau trên thế giới: Singapore, Albania, Bosnia, Thụy Điển, Hàn Quốc, Liechtenstein, Monaco, Cộng hòa Macedonia, Na Uy, Liên Xô, Ukraina, Thổ Nhĩ Kỳ.

- Theo dữ liệu trực tuyến của WIPO, tại 12 quốc gia này nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ mà không hề bị Cơ quan nhãn hiệu hàng hóa các quốc gia này từ chối bởi lý do tương tự đối với nhãn hiệu đối chứng. Thực tế này cho thấy, các cơ quan nhãn hiệu hàng hóa tại 12 quốc gia trên đều không đánh giá nhãn hiệu đăng ký là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng cho các dịch vụ liên quan nhóm 41.

- Trên thực tế nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đang cùng song song tồn tại ở 12 quốc gia nêu trên mà không hề gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

- Thực tế nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đang cùng song song tồn tại ở 12 quốc gia khác nhau trên thế giới mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dũng cũng như không bị Cơ quan nhãn hiệu các quốc gia này đánh giá là tương tự gây nhầm lẫn đã chứng minh nhãn hiệu không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "conotoxia, hình" mặc dù có thêm 2 dấu hiệu hình là ký tự "$" và "€", tuy nhiên các ký tự này là ký hiệu mệnh giá tiền của Hoa Kỳ và Châu Âu đã trở nên phổ biến nên không thể gọi là độc đáo, do vậy thành phần chính của nhãn hiệu là phần chữ "conotoxia" tương tự nhau với nhãn hiệu đối chứng "CONOXIA" về cấu tạo từ và phát âm, đồng thời dịch vụ mà các nhãn hiệu áp dụng cùng nhóm 41, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "….; dịch vụ giáo dục; thông tin giáo dục;...", còn dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho dịch vụ đào tạo nhưng mang tính chuyên biệt: "Đào tạo, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, dược phẩm và lĩnh vực kỹ thuật y tế". Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn cung ứng dịch vụ.

- Nhãn hiệu đối chứng "CONOXIA" theo ĐKQT số 875015 đã hết hiệu lực từ ngày 15/4/2025 nhưng tính đến thời điểm hiện nay nhãn hiệu đối chứng này chưa quá 3 năm hết hiệu lực nên nhãn hiệu này phải được đưa ra làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1275264 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/46 TDH04 ngày 17/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1275264.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CINKCIARZ.PL có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CINKCIARZ.PL (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150132/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SHANGHAI SILK GROUP CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2010-00183 ngày 19/3/2010 của SHANGHAI SILK GROUP CO., LTD.; địa chỉ: No. 1500, Shijidadao, Pudong New Area, Shanghai, China; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2006-05355 theo Quyết định số 76689/QĐ-SHTT ngày 22/12/2009;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5335/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SHANGHAI SILK GROUP CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "LILY" theo đơn số 4-2006-05355 bị từ chối bảo hộ vì tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "LILY OF FRANCE" theo Điều 6.1.b Nghị định số 63/CP của Chính phủ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "LILY" theo đơn số 4-2006-05355 với các lý do sau:

Người nộp đơn đã nộp đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng "LILY OF FRANCE" theo GCNĐKNH số 92704 theo đơn số ĐN1-2010-00040 ngày 23/3/2010. Do đó, người nộp đơn đề nghị xem xét trên cơ sở đơn hủy bỏ nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/CP của Chính phủ quy định dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hóa được công nhận là có khả năng phân biệt theo Điều 785 Bộ Luật dân sự nếu không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hóa của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam (kể cả các nhãn hiệu hàng hóa đang được bảo hộ theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia).

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "LILY" bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng "LILY OF FRANCE" theo GCNĐKNH số 92704, đồng thời người nộp đơn tiến hành thủ tục hủy bỏ nhãn hiệu đối chứng theo đơn số ĐN1-2010-00040 ngày 23/3/2010. Tuy nhiên, cho tới nay, nhãn hiệu này vẫn chưa bị hủy bỏ hiệu lực và có thời hạn hiệu lực đến ngày 28/7/2035. Do đó, nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 92704 vẫn có hiệu lực làm đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2006-05355.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/CP, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2006-05355 ngày 10/04/2006 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 76689/QĐ-SHTT ngày 22/12/2009 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-05355 ngày 10/04/2006.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SHANGHAI SILK GROUP CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SHANGHAI SILK GROUP CO., LTD. (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150133/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh Kido
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011 (sau đây gọi là Luật Khiếu nại);

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN);

PTT366

Xét đơn số KN4-2024-00959 ngày 31/12/2024 của Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh Kido; địa chỉ: lô A2-7, đường số N4, KCN Tây Bắc Củ Chi, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc ghi nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với đơn số CB4-2022-00998 ngày 23/8/2022 theo Quyết định số 126465/QĐ-SHTT.IP ngày 28/12/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5424/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh Kido với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

1. Ý kiến của người khiếu nại

Người khiếu nại - Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh Kido (KDF) khiếu nại Quyết định số 126465/QĐ-SHTT.IP ngày 28/12/2023 (Quyết định số 126465) của Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) về việc ghi nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với 34 nhãn hiệu theo đơn số CB4-2022-00998 ngày 23/8/2022 với các nội dung chính như sau:

1.1. Bối cảnh vụ việc:

- Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh Kido (KDF CP) là công ty kế thừa của Công ty TNHH thực phẩm đông lạnh Kido (KDF TNHH) có địa chỉ tại lô A2-7, đường số N4, KCN Tây Bắc Củ Chi, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. KDF CP được hình thành trên cơ sở Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐQT ngày 28/06/2022 (Nghị quyết số 09) của Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (KDC) về việc cổ phần hóa KDF TNHH.

- Ngày 30/06/2022, KDC và KDF TNHH ký Hợp Đồng Chuyển Nhượng số 02/2022/KDF-KIDO chuyển nhượng miễn phí cho KDC toàn bộ quyền sở hữu đối với 34 nhãn hiệu mà KDF TNHH đứng tên chủ sở hữu.

- Ngày 01/07/2022, KDF CP được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật thông tin chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH sang công ty cổ phần.

- Ngày 26/07/2022, Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood (NTF), thông qua công ty con là Công ty TNHH Đầu tư Nuti (Nuti Invest), ký kết Hợp đồng nguyên tắc với KDC liên quan đến việc NTF (thông qua công ty con là Nuti Invest) nhận chuyển nhượng 51% cổ phần trong KDF CP từ KDC. Tại thời điểm này, KDF TNHH vẫn được ghi nhận là chủ sở hữu hợp pháp của 34 nhãn hiệu là đối tượng chuyển nhượng nêu trên.

- Ngày 23/08/2022, KDC nộp đơn đề nghị ghi nhận Hợp đồng chuyển nhượng tại Cục SHTT với số đơn CB4-2022-00998.

- Ngày 28/12/2023, Cục SHTT ban hành Quyết định số 126465 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo đơn số CB4-2022-00998 ngày 23/8/2022.

1.2. Thời hiệu khiếu nại

- Theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại 2011, thời hiệu nộp khiếu nại là "90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính".

- Quyết định số 126465 được Cục SHTT ban hành ngày 28/12/2023 và được công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp ngày 25/01/2024.

- Tuy nhiên, đến ngày 05/12/2024, KDF CP mới biết về Quyết định số 126465 vì các lý do:

(i) Ngày 02/12/2024, KDC gửi Thông báo số 02.12/2024/TB-KDC tới Công ty cổ phần Datviet VAC M&E (Công ty Đất Việt), đối tác truyền thông của KDF CP tuyên bố KDC là chủ sở hữu nhãn hiệu "Celano" và yêu cầu Công ty Đất Việt ngừng sử dụng nhãn hiệu "Celano" khi chưa được KDC chấp thuận bằng văn bản;

(ii) Ngày 05/12/2024, Công ty Đất Việt gửi văn bản số 0512/2024/CV-DVM yêu cầu KDF CP giải trình về quyền sở hữu và quyền sử dụng nhãn hiệu "Celano";

(iii) Từ thời điểm đó, KDF CP đã tìm hiểu và biết đến Quyết định số 126465 đã được đăng trên Công báo Sở hữu công nghiệp tháng 01/2024; KDF CP chưa nhận được thông tin liên quan đến tiến trình chuyển nhượng do đơn yêu cầu ghi nhận chuyển nhượng được đứng tên KDC, mọi thông báo, quyết định của Cục SHTT liên quan tới đơn yêu cầu này đều được gửi tới KDC, việc trả lời đối với các thông báo này đều do KDC thực hiện.

(iv) KDF CP đề nghị Cục SHTT xác định thời hiệu khiếu nại là 90 ngày kể từ ngày 05/12/2024 là ngày KDF CP biết được Quyết định số 126465 và chấp nhận thụ lý đơn khiếu nại.

1.3. Lý do khiếu nại

1.3.1. Hợp đồng chuyển nhượng vi phạm quy định của pháp luật

- Hợp đồng chuyển nhượng được ký kết dưới tư cách KDF TNHH trong khi về mặt ý chí chủ thể, KDF đã được chuyển thành Công ty cổ phần.

Nghị quyết số 09 của KDC chuyển KDF TNHH thành KDF CP có hiệu lực từ ngày 28/6/2022. Cả KDC và KDF TNHH đều biết rõ điều này. Như vậy, xét về mặt ý chí chủ thể, tại thời điểm ký Hợp đồng chuyển nhượng (ngày 30/6/2022), KDF TNHH đã được chuyển thành KDF CP, và do đó, trong một

giao dịch kinh doanh ngay tình, không thể đứng tên trên Hợp đồng chuyển nhượng với tư cách KDF TNHH ở thời điểm này.

- Hợp đồng chuyển nhượng được ký kết khi không có văn bản chấp thuận của các chủ thể có thẩm quyền của KDF TNHH, vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 86 Luật Doanh nghiệp.

Hợp đồng chuyển nhượng được ký giữa KDC và KDF TNHH là công ty TNHH một thành viên do KDC làm chủ sở hữu nắm 100% vốn điều lệ. Do đó, Hợp đồng chuyển nhượng được coi là hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan. Tuy nhiên, Hợp đồng chuyển nhượng đã được ký kết mà không có bất kỳ sự phê duyệt hợp lệ nào từ các chủ thể có thẩm quyền, bao gồm Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên của KDF TNHH theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 86 và Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

- Giá chuyển nhượng được sử dụng trong Hợp đồng chuyển nhượng không phải là "giá thị trường", vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều 86 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 86 Luật Doanh nghiệp, giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch giữa các bên liên quan phải là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện. Trong trường hợp này, 34 nhãn hiệu đều là những tài sản trí tuệ có giá trị lớn, đã được sử dụng rộng rãi trên thị trường và tạo dựng danh tiếng lâu năm, chẳng hạn, nhãn hiệu "M" được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 65985 ngày 19/08/2005, nhãn hiệu "MERINO X, hình" được cấp GCNĐKNH số 74113 ngày 03/08/2006 hay nhãn hiệu "Celano" được cấp GCNĐKNH số 98453 ngày 27/03/2008. Theo định giá độc lập từ bên thứ ba, giá trị của 34 nhãn hiệu lên tới vài nghìn tỷ đồng. Do đó, việc chuyển nhượng mà không nhận bất kỳ khoản giá trị nào là hành động hoàn toàn phi lý, không chỉ gây tổn thất nghiêm trọng cho KDF TNHH mà còn vi phạm rõ ràng nguyên tắc giá thị trường tại điểm b khoản 4 Điều 86 Luật Doanh nghiệp của Luật Doanh nghiệp. Về vấn đề này, khoản 5 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp quy định rõ: "Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó". Trong trường hợp này, không chỉ Hợp đồng chuyển nhượng vi phạm về giá thị trường, mà việc tiến hành giao dịch một cách khuất tất, không minh bạch còn cho thấy dấu hiệu lạm dụng quyền hạn và quản trị không đúng đắn từ phía KDC.

- Các vi phạm pháp luật khác: KDC đã vi phạm nghiêm trọng quy định của Bộ luật Dân sự ("BLDS") năm 2015 liên quan tới nghĩa vụ cung cấp thông tin trong giao kết hợp đồng, cụ thể là Điều 387 BLDS năm 2015 quy định về việc cung cấp thông tin trong giao kết hợp đồng. Việc KDC cố tình không cung

cấp bất kỳ một thông tin nào liên quan tới giao dịch chuyển nhượng cho NTF là vi phạm quy định tại Điều 387 BLDS năm 2015 trên đây.

1.3.2. Các thiếu sót trong việc ghi nhận chuyển nhượng theo Quyết định số 126465, gồm:

- KDC đứng tên chủ đơn trong Tờ khai của đơn số CB4-2022-00998 là không phù hợp và vi phạm các quy định của Hợp đồng chuyển nhượng cũng như pháp luật hiện hành. Cụ thể, khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng quy định KDF TNHH là bên có nghĩa vụ thực hiện các các thủ tục cần thiết để thực hiện việc chuyển nhượng nhãn hiệu cho KDC. Trong khi đó, khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng chuyển nhượng chỉ quy định trách nhiệm của KDC với vai trò hỗ trợ (có thể hiểu như ký giấy tờ, chi trả chi phí liên quan, cung cấp hồ sơ, v.v.) để KDF TNHH thực hiện thủ tục chuyển nhượng với Cục SHTT. Không có bất kỳ quy định nào trong hợp đồng trao quyền cho KDC trực tiếp nộp yêu cầu chuyển nhượng với Cục SHTT. Do đó, KDF TNHH mới là chủ thể hợp pháp đứng tên chủ đơn trong Tờ khai yêu cầu chuyển nhượng. Việc KDC tự ý đứng tên chủ đơn trong Tờ khai của đơn số CB4-2022-00998 vi phạm khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng chuyển nhượng và yêu cầu chuyển nhượng phải bị từ chối ghi nhận để bảo đảm tuân thủ pháp luật và thỏa thuận giữa các bên.

- KDF TNHH chưa thực hiện thủ tục sửa đổi tên thành KDF CP trước khi Cục SHTT ghi nhận chuyển nhượng. Việc KDF TNHH không thực hiện thủ tục sửa đổi tên trước khi được Cục SHTT ghi nhận chuyển nhượng là một thiếu sót nghiêm trọng, vi phạm các nguyên tắc pháp lý cơ bản về tính chính danh của chủ thể. Việc chuyển từ KDF TNHH sang KDF CP không phải là việc thay đổi tên công ty mà là việc thay đổi loại hình công ty, dẫn tới hình thành pháp nhân mới. KDF TNHH và KDF CP là hai pháp nhân khác nhau trước pháp luật. Hơn nữa, ở thời điểm nộp Tờ khai của đơn số CB4-2022-00998 (ngày 23/8/2022), KDF TNHH đã hoàn tất chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và không còn tồn tại. Do đó, việc ghi nhận thay đổi chủ sở hữu đối với 34 đăng ký nhãn hiệu là bắt buộc để đảm bảo tính chính danh của chủ thể quyền.

- Các nhãn hiệu tương tự vẫn còn tồn tại dưới tên của KDF TNHH. Cụ thể, đối với hai nhãn hiệu "WEL YO" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 313343 và 350286, KDF CP đã nộp đơn số ĐC4-2023-00021 ngày 21/7/2023 yêu cầu tự chấm dứt hiệu lực các nhãn hiệu này. Tại Tuyên bố từ bỏ quyền, KDF CP tuyên bố: (i) KDF CP là chủ sở hữu của hai nhãn hiệu này, trong khi trên đăng ký nhãn hiệu (trước pháp luật), hai nhãn hiệu vẫn được ghi nhận dưới tên KDF TNHH và KDF CP không thực hiện bất kỳ thủ tục nào để ghi nhận mình là chủ sở hữu của hai văn bằng bảo hộ này, (ii) KDF CP tuyên bố "không có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu nên từ bỏ nhãn hiệu"; đây là tuyên bố không chính xác: hai nhãn hiệu vẫn đang được sử dụng trên thực tế. Việc Cục SHTT không yêu cầu sửa đổi thông tin chủ sở hữu trước khi ban hành Quyết định số 102918/QĐ-SHTT.IP ngày 22/11/2023 về việc chấm dứt hiệu lực hai GCNĐKNH số 313343 và 350286 là

không phù hợp, bởi Quyết định này được ban hành trên cơ sở một yêu cầu từ một pháp nhân không được ghi nhận là chủ sở hữu hợp pháp của GCNĐKNH. Ngoài ra, Giấy ủy quyền của KDF CP (có dấu nhận của Cục SHTT ngày 21/7/2023) không ghi ngày tháng, không có chức danh người ký. Đây là lỗi về hình thức tài liệu chưa được khắc phục.

- Đối với các nhãn hiệu "Celano, hình" (đang trong quá trình thẩm định): Yêu cầu rút đơn ngày 21/7/2023 được nộp dưới tên KDF TNHH mà không phải là KDF CP, dù nộp cùng thời điểm tháng 7/2023. Giấy ủy quyền của KDF TNHH được xác lập ngày 01/7/2022, là ngày công ty này được chính thức ghi nhận chuyển đổi thành công ty cổ phần. Như vậy, Giấy ủy quyền dưới tên KDF TNHH không có hiệu lực. Tại thời điểm tháng 7/2023, KDF TNHH không còn tồn tại, điều này khẳng định Giấy ủy quyền của KDF TNHH mất hiệu lực. Do đó, không thể dùng Giấy ủy quyền này để thực hiện bất kỳ một thủ tục nào trước Cục SHTT. Yêu cầu rút đơn nhãn hiệu đã được rút lại, đơn đăng ký hai nhãn hiệu này hiện vẫn đang tồn tại. Các thủ tục tại Cục SHTT đối với các đơn này vẫn chưa hoàn thành. Do đó, không thể thực hiện việc ghi nhận cho chuyển nhượng cho 34 nhãn hiệu này.

Với các lập luận trên, KDF CP đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định số 126465 về việc ghi nhận chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với 34 nhãn hiệu nêu trên.

2. Ý kiến của bên liên quan (KDC)

2.1. Về thời hiệu khiếu nại

- Có nhiều tài liệu khách quan chứng minh thời hiệu khiếu nại của KDF CP đã quá 90 ngày theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại. Cụ thể, nếu tính thời hiệu khiếu nại kể từ ngày 31/01/2024 - ngày cuối cùng của tháng 1/2024 là tháng mà Quyết định số 126465 được đăng tải trên Công báo Sở hữu công nghiệp số 430 tập B - Quyển 3 (tháng 01/2024) thì đã quá 334 ngày. Công báo Sở hữu công nghiệp là phương tiện công khai thông tin liên quan đến các đối tượng sở hữu công nghiệp nhằm đảm bảo tính minh bạch và cung cấp cơ sở pháp lý để các bên liên quan có thể khiếu nại hoặc phản đối các nội dung và quyết định liên quan. Kết hợp với việc KDF CP/TNHH đã có một số văn bản xin rút/hủy bỏ một số đơn và văn bằng bảo hộ nhãn hiệu gửi Cục Sở hữu trí tuệ trong quá trình xem xét hồ sơ và làm căn cứ để Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận việc ghi nhận Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu, KDC cho rằng KDF CP tuyên bố rằng đến ngày 05/12/2024 mới biết đến Quyết định số 126465 là hoàn toàn vô lý và không thể chấp nhận được.

- Nếu tính thời hiệu kể từ ngày 23/9/2024, là ngày mà Nuti Invest công bố với báo chí đã trở thành công ty mẹ của KDF CP và được toàn quyền (và cũng là nghĩa vụ) kiểm soát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của KDF CP, kể cả nghĩa vụ phải biết được sự tồn tại của Quyết định số 126465 được đăng tải trên Công báo sở hữu công nghiệp, thì đã quá 98 ngày.

2.2. Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu hoàn toàn tuân thủ và đáp ứng các quy định của Luật Doanh nghiệp

Về một số vấn đề có tính chất thủ tục nội bộ theo quy định của Luật Doanh nghiệp được KDF CP nêu ra trong đơn khiếu nại, thì về nguyên tắc, các vấn đề này không liên quan. Khi xem xét và thẩm định tính pháp lý của hồ sơ chuyển nhượng nhãn hiệu nói chung, Cục SHTT không có nghĩa vụ nên không cần phải xem xét và yêu cầu các bên liên quan phải cung cấp các tài liệu và chứng minh về các vấn đề nằm ngoài phạm vi yêu cầu theo quy định của Luật SHTT. Cho dù vậy, để Cục SHTT tiện xem xét, KDC xin trả lời toàn bộ vấn đề nêu trong đơn khiếu nại:

2.2.1. Về giá chuyển nhượng "miễn phí":

- Giá trong Hợp đồng chuyển nhượng đáp ứng các quy định pháp luật, đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu. Trong trường hợp này, giao dịch không phải là giao dịch mua bán thương mại với một loại hàng hóa thông thường, mà là chiến lược tái cấu trúc quản lý tài sản trí tuệ trong Tập đoàn KDC. Việc chuyển nhượng "miễn phí" hoàn toàn tuân thủ quy định của pháp luật liên quan cũng như thể hiện đúng ý chí của các bên. Luật SHTT chỉ quy định Hợp đồng chuyển nhượng (Chương X), không quy định hợp đồng tặng cho. Điều 16.3(i) Quy chế Thẩm định hồ sơ chuyển nhượng được ban hành kèm theo Quyết định số 5197/QĐ-SHTT ngày 31/12/2020 của Cục SHTT cũng có hướng dẫn về trường hợp "chuyển nhượng miễn phí|". KDF CP không cung cấp các thông tin và bằng chứng để chứng minh các lập luận và tuyên bố của mình về việc 34 nhãn hiệu chuyển nhượng là tài sản trí tuệ có giá trị lớn, sử dụng rộng rãi trên thị trường.

- Ngày 24/4/2023, KDC đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 17.821.600 cổ phần, tương ứng 24,03% vốn điều lệ của KDF CP cho Nuti Invest với giá chuyển nhượng là 1.069.296.000.000 đồng. Theo đó, KDC khẳng định và xác nhận rằng Hợp đồng mua bán cổ phần giữa KDC và Nuti Invest là giao dịch mua bán cổ phần thông thường, đã được công bố thông tin rộng rãi, kê khai và nộp thuế phát sinh đầy đủ và không có bất kỳ thoả thuận nào liên quan đến việc chuyển giao quyền SHTT.

2.2.2. Về việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp về giao dịch của công ty với những người liên quan:

- Tại Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu, Ông Trần Kim Thành - với tư cách là Chủ tịch Công ty, kiêm Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của KDF TNHH đã thể hiện sự chấp thuận bằng chính hành động ký kết Hợp đồng thay mặt cho KDF TNHH. Như vậy, nếu KDF CP cho rằng giao dịch giữa KDC và KDF TNHH là giao dịch giữa các bên liên quan thuộc trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 86 Luật Doanh nghiệp thì KDC cũng không thấy có bất cứ vi phạm nào do các bên đã có đầy đủ chấp thuận cần thiết.

2.2.3. Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu được ký kết đúng về tư cách chủ thể.

- Ngày 30/6/2022, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 20, KDF TNHH vẫn là pháp nhân có loại hình doanh nghiệp là công ty TNHH một thành viên do KDC là chủ sở hữu 100%. Do đó, KDF TNHH đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu theo pháp nhân là công ty TNHH vào ngày này và như vậy, về mặt chủ thể ký hợp đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần có hiệu lực kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới với loại hình công ty cổ phần. Việc chuyển đổi chỉ có hiệu lực pháp luật khi Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới cho công ty cổ phần. Các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cũng thay đổi từ thời điểm này.

2.2.4. Các tuyên bố của KDF CP về việc KDC vi phạm quy định của BLDS năm 2015 liên quan đến nghĩa vụ cung cấp thông tin trong giao kết hợp đồng là vô căn cứ. KDC nhấn mạnh rằng Hợp đồng mua bán cổ phần giữa KDC và Nuti Invest là giao dịch mua bán cổ phần đơn thuần nên không có bất cứ điều khoản nào liên quan đến nhãn hiệu.

2.3. Việc đăng ký và được Cục SHTT chấp thuận ghi nhận chuyển nhượng nhãn hiệu là hoàn toàn đúng các quy định của pháp luật

2.3.1. Về tư cách chủ đơn trong Tờ khai đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu

KDC cho rằng việc KDC đứng tên trên Tờ khai là phù hợp với thoả thuận của các bên và quy định của pháp luật. Cụ thể, khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu không quy định một cách rõ ràng về việc cấm bất kỳ bên nào làm thủ tục đăng ký chuyển nhượng. Việc KDF CP diễn giải quy định tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu là hoàn toàn sai, khi đồng nhất quyền, đồng thời là nghĩa vụ, của bên chuyển nhượng trong việc "ký kết giấy tờ" với việc làm chủ đơn trong Tờ khai.

2.3.2. Về việc sửa đổi tên KDF TNHH thành KDF CP

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu, KDF TNHH đang tồn tại hợp pháp dưới loại hình là công ty TNHH, được ghi nhận theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực. Vì vậy, Cục SHTT ghi nhận bên chuyển nhượng nhãn hiệu là KDF TNHH là phù hợp với quy định của hồ sơ và ý chí của các bên tham gia trong hợp đồng. Về mặt pháp lý, việc giữ nguyên tên còn xuất phát từ ý chí và mong muốn chủ quan, chính đáng và hợp pháp của các bên tham gia giao dịch, trong đó có bên chuyển nhượng khi họ muốn tự quyết định về việc chuyển nhượng nhãn hiệu do mình là chủ sở hữu tại thời điểm ký kết hợp đồng, thay vì chờ đến khi sửa đổi tên do thay đổi loại hình doanh nghiệp.

2.3.3. Về khả năng gây ra sự nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá mang nhãn hiệu

- Đối với nhãn hiệu "Celano, hình" theo các đơn số 4-2017-39552 và 4-2017-39553: trong quá trình xem xét hồ sơ chuyển nhượng, trên cơ sở nhận thức rõ về sự tồn tại của Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu, KDF TNHH đã có đơn xin rút các đơn đăng ký nhãn hiệu này. Do đó, xét về mặt ý chí, KDF TNHH đã thể hiện mong muốn rút đơn để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nhãn hiệu theo quy định tại Điều 139 Luật SHTT và về mặt thủ tục, KDF TNHH đã thực hiện và hoàn thành thủ tục rút đơn. Do vậy, việc KDF CP tuyên bố gần đây kiểm tra dữ liệu của Cục SHTT thì thấy rằng các đơn này vẫn đang trong quá trình xem xét giải quyết và từ đó lại nộp văn bản đề nghị rút các yêu cầu rút đơn đã nộp trước đây là không hợp lý và chính đáng khi mà các đơn yêu cầu rút đơn trước đó đã thể hiện cam kết của KDF CP và là một trong những cơ sở để Cục SHTT chấp nhận việc chuyển nhượng các nhãn hiệu theo Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu và do vậy việc rút đơn đã được thực hiện và đã hoàn thành.

- Đối với các nhãn hiệu chứa yếu tố "Wel Yo" được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 313343 và 350286: một lần nữa, việc KDF CP có văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 313343 và 350286 vẫn đang thuộc quyền sở hữu của KDF TNHH thể hiện ý chí của người nộp đơn về việc đã biết tới việc chuyển nhượng các nhãn hiệu theo Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu. Do thời điểm đó, KDF TNHH đã chuyển thành KDF CP nên việc nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực đương nhiên phải được nộp dưới tên KDF CP. Về mặt pháp lý, tính theo thời gian thực tế, việc thực hiện thủ tục này là hợp pháp khi KDF TNHH đã chuyển đổi thành KDF CP. Việc Cục SHTT chấp nhận chấm dứt hiệu lực các GCNĐKNH này làm cơ sở để chấp nhận việc chuyển nhượng các nhãn hiệu theo Hợp đồng chuyển nhượng 34 nhãn hiệu là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điều 9 Luật Khiếu nại: "Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính".

Điều 138 Luật Sở hữu trí tuệ quy định:

"1. Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp là việc chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp)."

Khoản 4 Điều 139 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Việc chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu không được gây ra sự nhầm lẫn về đặc tính, nguồn gốc của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét toàn bộ vụ việc, Cục SHTT có ý kiến như sau:

2.1. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại

Mặc dù tại buổi đối thoại ngày 13/5/2025, Cục SHTT đã phổ biến cho các bên về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, trong đó đề cập đến việc sẽ ban hành Thông báo kết luận giải quyết về nội dung khiếu nại và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người khiếu nại và bên liên quan có ý kiến theo quy định tại điểm 22.10b Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN. Tuy nhiên, trên cơ sở rà soát các quy định pháp luật hiện hành về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 38 Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN, Cục SHTT thấy rằng thủ tục này đã bị bãi bỏ. Do đó, Cục SHTT sẽ không thực hiện việc gửi Thông báo kết luận giải quyết về nội dung khiếu nại cho các bên trước khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ngày 04/7/2025, Cục SHTT nhận được Công văn số 09/2025/CV-SIPCO của Công ty Luật TNHH SIPCO, đại diện cho KDC, thông báo rằng ngày 04/7/2025, KDC đã nộp đơn khởi kiện hành chính đối với Thông báo số 2786/TB-SHTT.$_{IP}$ ngày 20/01/2025 của Cục SHTT về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại số KN4-2024-00959 ngày 31/12/2024 của KDF CP tại Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại, Cục SHTT chưa nhận được bất kỳ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hay yêu cầu tạm đình chỉ việc giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại nêu trên từ Tòa án. Vì vậy, Cục SHTT tiếp tục xử lý đơn khiếu nại trên cơ sở các tài liệu hiện có.

2.2. Nội dung giải quyết khiếu nại

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ý kiến của các bên bao gồm nhiều nội dung khác nhau. Tuy nhiên, Cục SHTT chỉ xem xét các nội dung liên quan đến việc đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu là vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục SHTT (được quy định trong pháp luật về SHTT). Cụ thể như sau:

2.2.1. Các nội dung không thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Cục SHTT:

- Tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng: Cục SHTT không có thẩm quyền xem xét để tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng chuyển nhượng mà chỉ xem xét Hợp đồng chuyển nhượng có quy định không phù hợp với quy định của pháp luật hay không, và theo đó, có thể được ghi nhận và phát sinh hiệu lực hay không.

- Về thủ tục phê duyệt Hợp đồng của người có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 86 Luật Doanh nghiệp: KDF TNHH là công ty có 100% vốn điều lệ thuộc KDC, do đó, Hợp đồng chuyển nhượng được coi là hợp đồng, giao dịch của KDF TNHH với người có liên quan. Tuy nhiên, Hợp đồng chuyển nhượng đã được ký kết mà không có văn bản chấp thuận từ người có thẩm quyền, bao gồm Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên của KDF TNHH theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 86 và Điều 4 Luật Doanh nghiệp, mặc dù Ông Trần Kim Thành vừa là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc của cả KDF TNHH (bên chuyển nhượng) và KDC (bên nhận chuyển nhượng) nên đã biết về Hợp đồng chuyển nhượng này. Tuy nhiên, KDF TNHH và KDC là hai pháp nhân khác nhau, do đó vẫn phải tuân thủ quy định về việc có văn bản chấp thuận của người có thẩm quyền của KDF TNHH. Mặc dù đây là thiếu sót của KDC song thủ tục này là thủ tục mang tính nội bộ trong hoạt động giữa hai doanh nghiệp có liên quan với nhau được quy định tại Luật Doanh nghiệp, không liên quan đến quy định về chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp nên không thuộc thẩm quyền xem xét khi thẩm định yêu cầu đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp của Cục SHTT.

- Giá chuyển nhượng trong Hợp đồng

Theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, Cục SHTT không có thẩm quyền và nhiệm vụ thẩm định giá chuyển nhượng của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp mà chỉ xem xét Hợp đồng đã có đầy đủ các nội dung bắt buộc (bao gồm thông tin về giá chuyển nhượng) theo quy định của Điều 140 Luật SHTT hay không. Do đó, khiếu nại về vấn đề giá chuyển nhượng trong Hợp đồng là "miễn phí" không thuộc phạm vi của giải quyết khiếu nại của Cục SHTT.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin

Về ý kiến của người khiếu nại cho rằng việc KDC cố tình không cung cấp bất kỳ một thông tin nào liên quan tới giao dịch chuyển nhượng cho NTF là vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin trong giao kết hợp đồng đối với Điều 387 BLDS năm 2015. Tuy nhiên, nghĩa vụ cung cấp thông tin trong giao dịch hợp đồng dân sự không thuộc thẩm quyền xem xét của Cục SHTT.

2.2.2. Các nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Cục SHTT

- Về thời hiệu khiếu nại

KDF CP đã cung cấp thông tin về việc không biết được Quyết định số 126465 cho đến ngày 05/12/2024 khi Công ty Đất Việt nhận được thông báo từ KDC yêu cầu ngừng sử dụng 02 nhãn hiệu "Merino" và "Celano". Ngoài mốc thời gian này, bên khiếu nại và bên liên quan không đưa ra bất kỳ mốc thời gian nào khác để chứng minh việc KDF CP nhận được hoặc biết được thông tin này sớm hơn. Việc KDC cho rằng KDF CP đã có công văn đề nghị rút đơn đăng ký nhãn hiệu chưa chứng minh được KDF CP biết được Quyết định ghi nhận chuyển nhượng các nhãn hiệu đã bảo hộ vì Quyết định ghi nhận hợp đồng

chuyển nhượng nêu trên chỉ được gửi cho bên đứng tên trên Tờ khai yêu cầu ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng (trong trường hợp này là KDC) mà không gửi cho bên liên quan.

Vì vậy, việc tính thời hiệu khiếu nại là 90 ngày kể từ ngày KDF CP nhận được thông báo từ Công ty Đất Việt và biết được Quyết định số 126465 của Cục SHTT là có cơ sở để xem xét.

Ngoài ra, pháp luật về sở hữu công nghiệp có quy định về việc công bố thông tin về việc ghi nhận các hợp đồng chuyển nhượng trên Công báo Sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, đây chỉ là một kênh thông tin cho phép công chúng tiếp cận nhưng không mang tính bắt buộc. Bên cạnh đó, việc KDF CP vẫn sử dụng các nhãn hiệu đã được ghi nhận chuyển nhượng cho KDC theo Quyết định số 126465 trong thời gian từ ngày ban hành Quyết định này (ngày 28/12/2023) cho đến khi nhận được thông báo từ Công ty Đất Việt yêu cầu giải trình về quyền sở hữu và quyền sử dụng nhãn hiệu "Celano" cũng là căn cứ cho thấy trong suốt thời gian này, KDF CP đã không biết đến Quyết định số 126465.

Với các phân tích trên đây, theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại, thời hiệu để KDF CP khiếu nại Quyết định số 126465 là 90 ngày tính từ ngày 05/12/2024 là ngày KDF CP biết được Quyết định số 126465. Do đó, việc KDF CP khiếu nại Quyết định số 126465 vào ngày 31/12/2024 là phù hợp. Do khiếu nại của KDF CP được nộp trong thời hiệu theo quy định của Luật Khiếu nại nên đơn khiếu nại số KN4-2024-00959 của KDF CP đủ điều kiện để thụ lý.

- Về hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng (từ góc độ quy định của pháp luật SHTT)

Điều 7 của Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2022/KDF-KIDO/HĐCN ngày 30/6/2022 giữa KDF TNHH và KDC về hiệu lực của hợp đồng có quy định "Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký". Tuy nhiên, theo quy định của khoản 1 Điều 148 của Luật SHTT năm 2022, "*đối với các loại quyền sở hữu công nghiệp được xác lập trên cơ sở đăng ký theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Luật này, hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp chỉ có hiệu lực khi đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp*". Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu này chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba sau khi đã được Cục SHTT ghi nhận. Trong trường hợp Cục SHTT từ chối ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu thì hợp động nêu trên sẽ không có hiệu lực pháp lý đối với hai bên của hợp đồng cũng như bên thứ ba.

- Về chủ thể đứng tên yêu cầu ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng tại Cục SHTT:

Người khiếu nại cho rằng KDC đứng tên chủ đơn trong tờ khai số CB4-2022-00998 yêu cầu đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp là trái với nội dung quy định của Hợp đồng chuyển nhượng vì khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng quy định: "Bên A (tức KDF TNHH) ký kết giấy

tờ và thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện việc chuyển nhượng các văn bằng nhãn hiệu cho Bên B theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng và theo quy định của pháp luật" và khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng chuyển nhượng quy định: "Bên B (tức KDC) có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ mọi chi phí cần thiết có liên quan phát sinh trong quá trình thực hiện chuyển nhượng các văn bằng nhãn hiệu theo đúng quy định của pháp luật". Theo các quy định nêu trên trong Hợp đồng chuyển nhượng, KDF TNHH là bên có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc chuyển nhượng nhãn hiệu cho KDC, KDC có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với mọi chi phí cần thiết có liên quan phát sinh. Việc KDC thực hiện thủ tục yêu cầu đăng ký ghi nhận chuyển nhượng tại Cục SHTT là trái với quy định tại Điều 2.1 và 3.2 của Hợp đồng chuyển nhượng.

Về vấn đề này, Cục SHTT cho rằng việc KDC đứng tên yêu cầu ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng là trái với quy định tại khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng khi hai bên của Hợp đồng không có thỏa thuận bổ sung hoặc tuyên bố của bên chuyển nhượng về việc từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng.

- Chủ sở hữu thay đổi do sự kiện pháp lý:

Hợp đồng chuyển nhượng được ký kết ngày 30/6/2022 dưới tư cách KDF TNHH. Kể từ ngày 01/7/2022, KDF TNHH đã được chuyển thành KDF CP. Trong khi đó, trong Tờ khai đăng ký ghi nhận Hợp đồng chuyển nhượng ngày 23/8/2022 nộp tại Cục SHTT, bên chuyển nhượng vẫn được ghi nhận là KDF TNHH. Đây là thông tin phản ánh không chính xác tư cách pháp nhân của bên chuyển nhượng tại thời điểm nộp Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển nhượng. Để có thể thực hiện thủ tục này, KDF CP cần tiến hành thủ tục ghi nhận sửa đổi tên của chủ sở hữu các nhãn hiệu được chuyển nhượng thành KDF CP và ký bổ sung phụ lục cho Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Tiếp đó, ngày 21/7/2023, KDF CP nộp đơn số ĐC4-2023-00021 thực hiện thủ tục tự chấm dứt hiệu lực hai GCNĐKNH số 350286 và 313343 trong khi chủ sở hữu 02 nhãn hiệu này đang thuộc về KDF TNHH. Như vậy, tại thời điểm nêu trên, KDF CP đã không thực hiện các thủ tục cần thiết để ghi nhận sửa đổi tên của chủ sở hữu các văn bằng bảo hộ nhãn hiệu trong các hồ sơ liên quan để phản ánh đúng thực tế pháp lý của KDF TNHH và KDF CP mặc dù đã được Cục SHTT nêu trong Thông báo số 11454/SHTT-SCVB ngày 26/4/2023 về kết quả thẩm định đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

- Việc chưa giải quyết dứt điểm các đơn đăng ký nhãn hiệu tương tự vẫn còn tồn tại dưới tên chủ đơn là KDF TNHH:

Đối với hai đơn đăng ký nhãn hiệu "Celano, hình" có yêu cầu rút đơn của KDF TNHH là không phù hợp do tại thời điểm rút đơn (ngày 21/7/2023), người rút đơn (KDF TNHH) đã chuyển thành KDF CP và không còn tồn tại. Bên cạnh đó, việc Giấy ủy quyền của KDF TNHH cho Công ty TNHH tư vấn đầu tư AI IP được ký ngày 01/7/2022, là ngày công ty này được chính thức ghi nhận chuyển

đổi thành công ty cổ phần cũng là không phù hợp. Vì vậy, cho đến nay, hai đơn đăng ký nhãn hiệu "Celano, hình" vẫn chưa có văn bản chấp nhận hay không chấp nhận rút đơn của Cục SHTT. Do đó, Quyết định chấp nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng là không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 16 Quy chế Thẩm định hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp của Cục SHTT do vẫn tồn tại hai đơn đăng ký nhãn hiệu "Celano, hình" tương tự gây nhầm lẫn dưới tên bên chuyển nhượng là KDF TNHH.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết, chứng cứ và lập luận nêu trên, Cục SHTT nhận định đã có một số vấn đề như sau trong quá trình ban hành Quyết định số 126465:

- Việc Cục SHTT chấp thuận cho bên nhận chuyển nhượng (KDC) đứng tên trên tờ khai yêu cầu ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng là trái với quy định tại khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng, không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Quy chế Thẩm định hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp của Cục SHTT;

- Việc bên chuyển nhượng (KDF TNHH) chưa tiến hành các thủ tục thay đổi tên của chủ sở hữu trên các GCNĐKNH trong hợp đồng chuyển nhượng trước khi làm thủ tục ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng là chưa phù hợp với tình trạng pháp lý của KDF CP tại thời điểm nộp yêu cầu ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu;

- Việc KDF CP tiến hành thủ tục tự chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 350286 và 313343 đang thuộc sở hữu của KDF TNHH khi chưa tiến hành thủ tục ghi nhận thay đổi tên của chủ sở hữu là chưa phù hợp với quy định tại Điều 34 Quy chế thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp lại, sửa đổi, gia hạn, duy trì và chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ của Cục SHTT;

- Việc KDF TNHH đứng tên trên yêu cầu rút đơn đăng ký nhãn hiệu khi không còn tồn tại là không phù hợp và việc Cục SHTT ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng trước khi Cục SHTT có thông báo về việc chấp nhận hay không chấp nhận việc rút đơn cũng là một thiếu sót theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Quy chế Thẩm định hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp của Cục SHTT.

Các vấn đề nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định đơn yêu cầu ghi nhận Hợp đồng chuyển nhượng cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan trong vụ việc.

Vì các lý do nêu trên, Cục SHTT thấy rằng đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của KDF CP là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại, Điều 138 và khoản 4 Điều 139 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận

thấy có cơ sở hủy bỏ Quyết định số 126465/QĐ-SHTT.IP ngày 28/12/2023 để khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số CB4-2022-00998 ngày 23/8/2022.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 126465/QĐ-SHTT.IP ngày 28/12/2023 về việc ghi nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo đơn số CB4-2022-00998 ngày 23/8/2022.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số CB4-2022-00998 ngày 23/8/2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp, Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh Kido (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) và Công ty cổ phần tập đoàn Kido (qua Công ty Luật TNHH SIPCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH, CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150134/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Rebel8, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2015-00927 ngày 14/10/2015 của Rebel8, Inc.; địa chỉ: 1661 Tennessee Street, #2L, San Francisco, CA 94107, United States of America; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-10136 ngày 18/05/2012 theo Quyết định số 55107/QĐ-SHTT ngày 09/9/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5315/BC-TTKN

ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Rebel8, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "REBEL8" theo đơn số 4-2012-10136 tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "JOJO, REBEL FASHION, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 85225 và nhãn hiệu "Rebel" theo đơn số 4-2011-25288 theo Điều 74.2.(a,e), Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "REBEL8" theo đơn số 4-2012-10136 với các lý do sau:

1. Nhãn hiệu đăng ký "REBEL8" hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "JOJO REBEL FASHION, hình"

a. Sự khác biệt về hình thức thể hiện:

- Nhãn hiệu đăng ký đơn thuần là nhãn chữ "REBEL8", trong đó từ REBEL được viết in hoa đặt ngay cạnh số 8, thể hiện sự sáng tạo của chủ đơn. Ấn tượng cho người tiêu dùng khi nhìn vào nhãn hiệu là tổng thể từ "REBEL8" thiết kế đơn giản nhưng không kém phần độc đáo.

- Nhãn đối chứng là nhãn kết hợp giữa phần chữ là "JOJO REBEL FASHION" và phần hình, trong đó từ "JOJO" màu nâu nhạt được thiết kế cách điệu to nổi bật nằm bên trên các từ "REBEL FASHION" rất nhỏ, màu đen, nằm trong một hình chữ nhật nằm bên dưới, tất cả được đặt trong một hình chữ nhật màu đen.

b. Sự khác biệt về cấu trúc:

- Nhãn đối chứng là nhãn hiệu kết hợp được thiết kế với chữ "JOJO" kích cỡ lớn và nổi bật hơn hẳn so với các thành phần khác. Sự khác biệt này khiến ấn tượng của người tiêu dùng khi nhìn vào nhãn hiệu đối chứng chính là từ "JOJO" được thiết kế nổi bật, trong khi đó từ "REBEL" với kích thước nhỏ, màu sắc trầm tối nên không gây ấn tượng mạnh mẽ về cảm quan cho người nhìn. Phần chữ "JOJO" vì vậy là phần chủ yếu của nhãn hiệu đối chứng, gây ấn tượng và có ảnh hưởng lớn nhất đến khả năng cảm nhận của người tiêu dùng khi tiếp xúc với hàng hóa.

- Nhãn hiệu là nhãn chữ chân phương, hoàn toàn không gây tương tự với phần chủ yếu của Nhãn đối chứng.

c. Sự khác biệt về ý nghĩa:

- Nhãn đối chứng bao gồm các từ "JOJO REBEL FASHION", trong đó từ "JOJO" không có nghĩa, đứng độc lập và cũng là thành phần có khả năng phân biệt chính của Nhãn đối chứng. Các từ "REBEL" và "FASHION" được đặt cùng một dòng với phong cách thể hiện giống nhau nên có thể hiểu ý nghĩa của nhãn hiệu đối chứng là "JOJO – thời trang cho người nổi loạn" hoặc "JOJO" – thời trang nổi loạn", vì vậy trong chừng mực nào đó cụm từ "REBEL FASHION" được sử dụng mang tính mô tả cho các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

d. Sự khác biệt về cách gọi nhãn hiêu:

- Cách gọi của nhãn hiệu đối chứng:

+ Từ góc độ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng: Cách gọi tên các nhãn hiệu đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình định hình thương hiệu trong tâm trí người tiêu dùng. Vì vậy, các doanh nghiệp thường lựa chọn cho hàng hóa/dịch vụ của mình những tên gọi ngắn gọn, gây ấn tượng và dễ nhớ. Phù hợp với mục đích thương mại đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cũng dành trọng tâm định hướng và phát triển thương hiệu thời trang mang tên "JOJO" trong trí nhớ người tiêu dùng. Kết quả tra cứu sơ bộ trên internet cho thấy Công ty này và các đối tác của họ chỉ gọi tên các sản phẩm của mình là các sản phẩm "JOJO" trên các website quảng cáo, giới thiệu và bày bán sản phẩm.

Ngược lại, khi tìm kiếm từ khóa "JOJO REBEL FASHION", người nộp đơn chỉ tìm thấy duy nhất 4 kết quả. Điều này cho thấy từ phía chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng, Công ty này đã không sử dụng từ "REBEL" để chỉ ra nguồn gốc cho các sản phẩm của mình hoặc để phân biệt chúng với hàng hóa của các doanh nghiệp khác. Vì vậy, người tiêu dùng khi tiếp xúc với các hàng hóa khác mang nhãn hiệu "REBEL" không thể nhầm lẫn về nguồn gốc liên quan tới chủ sở hữu nhãn đối chứng.

+ Từ góc độ người tiêu dùng: Theo thói quen tiếp cận với nhãn hiệu hàng hóa, đặc biệt là các nhãn hiệu có chữ nước ngoài, người tiêu dùng thường chỉ đọc tên và ghi nhớ thành phần nổi bật nhất đủ để giúp họ phân biệt với các sản phẩm từ các nhà sản xuất khác. Vì vậy, trong trường hợp nhãn hiệu đối chứng, người tiêu dùng sẽ gọi là các sản phẩm "JOJO". Bên cạnh đó, cách gọi tên nhãn hiệu của người tiêu dùng cũng chịu tác động rất lớn từ công cụ marketing của doanh nghiệp và quá trình nhãn hiệu hàng hóa được truyền khẩu. Nếu chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng gọi tên các sản phẩm của mình là "JOJO" như chỉ ra phía trên thì tâm trí của người tiêu dùng cũng sẽ được định hình tương tự. Việc

truyền khẩu diễn ra dẫn đến việc gọi tên các sản phẩm chỉ là "JOJO" càng được lan rộng.

- Cách gọi của nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là nhãn chữ chân phương "REBEL8". Vì vậy, người tiêu dùng sẽ gọi tên đúng các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là "REBEL8".

e. Sự khác biệt về ấn tượng thương mại:

Từ những phân tích trên, có thể kết luận ấn tượng của người tiêu dùng trong quá trình tiếp xúc với sản phẩm qua quảng cáo, truyền khẩu hay mua bán lẻ trực tiếp đối với nhãn hiệu đối chứng sẽ đơn thuần là "JOJO" và đối với nhãn hiệu đăng ký là "REBEL8".

f. Kết luận về khả năng gây nhầm lẫn:

Như đã phân tích trên đây, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng khác nhau về hình thức thể hiện, cấu trúc, ý nghĩa, cách gọi và ấn tượng thương mại, cho nên hai nhãn hiệu này không thể tương tự gây nhầm lẫn với nhau.

Mặc dù cả hai nhãn hiệu đều có chung từ "REBEL" nhưng chúng không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng; bởi vì, theo nguyên tắc chung của pháp luật về nhãn hiệu, việc đánh giá khả năng phân biệt của nhãn hiệu cần được đánh giá trên tổng thể. Sự kết hợp sáng tạo giữa các yếu tố có khả năng phân biệt yếu cũng có thể tạo ra cho nhãn hiệu khả năng phân biệt. Tương tự, khả năng phân biệt của nhãn hiệu "REBEL8" cũng cần được đánh giá một cách tổng thể. Số 8 được viết liền vào chữ "REBEL" tạo thành một từ mới độc đáo. Bên cạnh đó, trong quá trình đánh giá khả năng phân biệt giữa các nhãn hiệu, không nên tập trung vào những điểm mà người tiêu dùng bình thường không để ý, cụ thể, từ "REBEL" trong nhãn đối chứng là thành phần phân biệt yếu, hoàn toàn không gây ấn tượng với người tiêu dùng trong quá trình thương mại của các hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng. Vì vậy sự tồn tại của nhãn hiệu "REBEL8" và nhãn đối chứng hoàn toàn không thể gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng về nguồn gốc của các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này.

2. Thực tiễn bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam

Trên thực tế, nhãn hiệu "REBEL QUEEN, hình" theo đăng ký số quốc tế số 1186532 có chứa từ "REBEL" trùng với nhãn hiệu đối chứng đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 25. Điều này có nghĩa là nhãn hiệu này và nhãn đối chứng đã được xem là có khả năng phân biệt với nhau và việc cùng tồn tại của chúng ở Việt Nam tất nhiên không gây nhầm

lẫn cho người tiêu dùng. Bởi vậy, nhãn hiệu "REBEL8" cũng không phải là một ngoại lệ, hoàn toàn có thể song song tồn tại cùng nhãn hiệu đối chứng "JOJO REBEL FASHION, hình" mà không gây cho người tiêu dùng bất kỳ sự nhầm lẫn nào liên quan đến nguồn gốc của hàng hóa/dịch vụ.

3. Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới như: Mỹ, Nhật, Úc, Canada, Braxin, Đài Loan, Singapore, Malaysia, Hồng Kong,…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "JOJO, REBEL FASHION, hình" theo GCNĐKNH số 85225

Nhãn hiệu đăng ký "REBEL8" có phần chữ "REBEL" được trình bày theo kiểu chữ in hoa chân phương có nghĩa là "kẻ nổi loạn, người nổi loạn" kết hợp với số "8" nên nhãn hiệu tạo được khả năng phân biệt tự thân và nhãn hiệu đối chứng "JOJO, REBEL FASHION, hình" có phần chữ "JOJO" là thành phần chính, mang tính phân biệt của nhãn hiệu, nên về tổng thể các nhãn hiệu có khả năng phân biệt được với nhau về ý nghĩa và cách trình bày. Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu như vậy không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "Rebel" theo đơn số 4-2011-25288

Do nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2011-25288 đã bị từ chối theo Quyết định số 12175/QĐ-SHTT ngày 27/02/2014 nên không lấy nhãn hiệu này làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2012-10136 ngày 18/05/2012, không áp dụng quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 55107/QĐ-SHTT ngày 09/9/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-10136 ngày 18/05/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2012-10136 ngày 18/05/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Rebel8, Inc. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150135/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Rebel8, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2015-00928 ngày 14/10/2015 của Rebel8, Inc.; địa chỉ: 1661 Tennessee Street, #2L, San Francisco, CA 94107, United States of America; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-10137 ngày 18/05/2012 theo Quyết định số 55108/QĐ-SHTT ngày 09/9/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5319/BC-TTKN

ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Rebel8, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "REBEL EIGHT" theo đơn số 4-2012-10137 tương tự với các nhãn hiệu đối chứng "JOJO, REBEL FASHION, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 85225 và nhãn hiệu "Rebel" theo đơn số 4-2011-25288 theo Điều 74.2.e, Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "REBEL EIGHT" theo đơn số 4-2012-10136 với các lý do sau:

a) Sự khác biệt về cấu trúc nhãn hiêu:

- Nhãn hiệu bao gồm hai từ "REBEL" và "EIGHT" được thiết kế thành một hàng, đều được viết in hoa và không có sự khác biệt về kích thước của các từ này. Nói cách khác, nhãn hiệu được thiết kế không với dụng ý nhằm vào việc làm nổi bật riêng bất kỳ từ nào.

- Nhãn đối chứng bao gồm các từ "JOJO REBEL FASHION", trong đó từ "JOJO" đứng độc lập, được thiết kế với kích thước các chữ lớn, các từ "REBEL FASHION" với kích thước các chữ nhỏ hơn rất nhiều và được sắp xếp thành một hàng đặt dưới từ "JOJO". Sự chênh lệch lớn về tỉ lệ cỡ chữ và cách sắp xếp này khiến ấn tượng khi nhìn vào Nhãn đối chứng là từ "JOJO" được thiết kế nổi bật ở vị trí trung tâm, còn từ "REBEL" với kích thước nhỏ và đặt dưới từ JOJO nên không gây ấn tượng mạnh mẽ. Như vậy, có thể khẳng định rằng dụng ý của chủ Nhãn đối chứng khi thiết kế nhãn hiệu là nhằm làm nổi bật từ "JOJO" để từ này trở thành thành phần chính tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu, các từ "REBEL" và "FASHION" đóng vai trò là thành phần phụ trong nhãn hiệu.

b) Sự khác biệt về hình thức thể hiện:

- Nhãn hiệu đơn thuần là nhãn chữ "REBEL EIGHT" được viết in hoa ở phông chữ bình thường, đây là một cách thể hiện khác của tên công ty của người nộp đơn, thể hiện sự sáng tạo của người nộp đơn trong việc thiết kế nhãn hiệu. Ấn tượng của người tiêu dùng khi nhìn vào nhãn hiệu là tổng thể từ "REBEL EIGHT" với thiết kế đơn giản song không kém phần độc đáo.

- Nhãn đối chứng là sự kết hợp giữa phần chữ và phần hình, trong đó phần chữ "JOJO REBEL FASHION" đặt trong một hình chữ nhật màu đen với chữ "JOJO" màu nâu sáng, được thiết kế to và nổi bật trên nền đen có 2 chữ O cách diệu; các chữ "REBEL FASHION" màu đen được thiết kế nhỏ hơn và được đặt trong hình chữ nhật màu nâu nhạt đặt bên dưới chữ "JOJO". Sự khác biệt về màu sắc này khiến ấn tượng khi nhìn vào nhãn hiệu đối chứng là chữ "JOJO" được thiết kế nổi bật với tông màu sáng, trong khi đó từ REBEL với kích thước nhỏ, màu sắc trầm tối nên không gây ấn tượng mạnh mẽ về cảm quan cho người nhìn.

c) Sự khác biệt về ý nghĩa:

- Cụm từ "REBEL EIGHT" trong nhãn hiệu đăng ký được hiểu là "người nổi loạn số tám". Bên cạnh đó, như đã đề cập ở trên, bản thân cụm từ này cũng chính là sự thể hiện một cách mới mẻ và sáng tạo của tên công ty của người nộp đơn. Do vậy, nhãn hiệu "REBEL EIGHT" mang một ý nghĩa hoàn toàn riêng biệt và độc đáo. Điều đáng nói là sự riêng biệt và độc đáo này là do sự kết hợp một cách sáng tạo giữa hai từ "REBEL" và "EIGHT", việc thiếu đi bất kỳ một từ nào cũng sẽ khiến nhãn hiệu không còn mang tính độc đáo như đã phân tích.

- Nhãn đối chứng là các tử "JOJO REBEL FASHION", trong đó từ "JOJO" không có nghĩa là thành phần phân biệt chính của nhãn hiệu, cụm từ "REBEL FASHION" được dịch là "thời trang cho người nổi loạn" hoặc "thời trang nổi loạn". Ở một mức độ nhất định, cụm từ này còn mang tính mô tả cho các sản phẩm mang nhãn.

d) Sự khác biệt về cách gọi nhãn hiệu:

- Cách gọi của nhãn đối chứng:

+ Từ góc độ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng: Cách gọi tên các nhãn hiệu đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình định hình thương hiệu trong tâm trí người tiêu dùng. Vì vậy, các doanh nghiệp thường lựa chọn cho hàng hóa/ dịch vụ của mình những tên gọi ngắn gọn, gây ấn tượng và dễ nhớ. Phù hợp với mục đích thương mại đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cũng dành trọng tâm định hướng và phát triển thương hiệu thời trang mang tên "JOJO" trong trí nhớ người tiêu dùng. Kết quả tra cứu sơ bộ trên internet cho thấy Công ty này và các đối tác của họ chỉ gọi tên các sản phẩm của mình là các sản phẩm "JOJO" trên các website quảng cáo, giới thiệu và bày bán sản phẩm.

Ngược lại, khi tìm kiếm từ khóa "JOJO REBEL FASHION", người nộp đơn chỉ tìm thấy duy nhất 4 kết quả. Điều này cho thấy từ phía chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng, Công ty này đã không sử dụng từ "REBEL" để chỉ ra nguồn gốc cho các sản phẩm của mình hoặc để phân biệt chúng với hàng hóa của các doanh nghiệp khác. Vì vậy, người tiêu dùng khi tiếp xúc với các hàng hóa khác mang nhãn hiệu "REBEL EIGHT" không thể nhầm lẫn về nguồn gốc liên quan tới chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng.

+ Từ góc độ người tiêu dùng: Theo thói quen tiếp cận với nhãn hiệu hàng hóa, đặc biệt là các nhãn hiệu có chữ nước ngoài, người tiêu dùng thường chỉ đọc tên và ghi nhớ thành phần nổi bật nhất đủ để giúp họ phân biệt với các sản phẩm từ các nhà sản xuất khác. Vì vậy, trong trường hợp nhãn hiệu đối chứng, người tiêu dùng sẽ gọi là các sản phẩm "JOJO". Bên cạnh đó, cách gọi tên nhãn hiệu của người tiêu dùng cũng chịu tác động rất lớn từ công cụ marketing của doanh nghiệp và quá trình nhãn hiệu hàng hóa được truyền khẩu. Nếu chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng gọi tên các sản phẩm của mình là "JOJO" như chỉ ra phía trên thì tâm trí của người tiêu dùng cũng sẽ được định hình tương tự. Việc

truyền khẩu diễn ra dẫn đến việc gọi tên các sản phẩm chỉ là "JOJO" càng được lan rộng.

- Cách gọi của nhãn hiệu: Nhãn hiệu là nhãn chữ chân phương "REBEL BIGHT". Vì vậy, người tiêu dùng sẽ gọi tên đúng các sản phẩm mang nhãn hiệu là "REBEL EIGHT". Khi sử dụng từ khóa "thời trang REBEL BIGHT" khi tìm kiếm trên Google sẽ thu được gần 3000 kết quả trả về có liên quan tới các sản phẩm mang nhãn hiệu. Điều đáng nói là tất cả các sản phẩm nảy đều được gọi tên là "REBEL EIGHT" mà không phải là các tên gọi tắt như các sản phẩm mang Nhãn đối chứng.

e) Sự khác biệt về ấn tượng thương mại:

Những khác biệt trên giữa hai nhãn hiệu sẽ dẫn tới sự khác biệt về ấn tượng thương mại trong tâm trí người tiêu dùng đối với các sản phẩm mang nhãn. Khi nhắc tới các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng, người tiêu dùng sẽ lập tức nghĩ tới các "sản phẩm JOJO". Trong khi đó, các sản phẩm mang nhãn hiệu lại được nhắc tới là "sản phẩm REBEL EIGHT".

f) Đánh giá về khả năng gây nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu:

- Với những phân tích và lập luận ở trên, chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định rằng nhãn hiệu "REBEL EIGHT" có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "JOJO REBEL FASHION" dựa vào sự khác biệt về cấu trúc, hình thức thể hiện, ý nghĩa, cách gọi và ấn tượng thương mại.

- Mặc dù 2 nhãn hiệu này đều có thành phần "REBEL" nhưng chúng không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Bởi theo nguyên tắc chung của pháp luật về nhãn hiệu, việc đánh giá khả năng phân biệt của nhãn hiệu cần được đánh giá trên tổng thể vì sự kết hợp một cách sáng tạo giữa các yếu tố có khả năng phân biệt yếu cũng có thể tạo ra cho nhãn hiệu khả năng phân biệt. Tương tự, khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký "REBEL EIGHT" cũng cần được đánh giá một cách tổng thể. Như đã phân tích ở trên, sự kết hợp giữa hai từ "REBEL" và "EIGHT" không chỉ thế hiện ý nghĩa riêng biệt mà còn thể hiện sự sáng tạo của người nộp đơn, vậy nên không thể tách riêng từng từ khi đánh giá khả năng phân biệt của nhãn hiệu. Bên cạnh đó, trong quá trình đánh giá khả năng phân biệt giữa các nhãn hiệu, không nên tập trung vào những điểm mà người tiêu dùng bình thường không để ý, cụ thể, từ "REBEL" trong nhãn hiệu đối chứng là thành phần phân biệt yếu, không gây ấn tượng với người tiêu dùng. Do đó sự tồn tại của nhãn hiệu "REBEL EIGHT" và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn không thể gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng về nguồn gốc của các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này.

Dựa trên tất cả những chứng cứ và phân tích trên đây, có thể kết luận rằng nhãn hiệu và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn không tương tự gây nhầm lẫn với nhau. Nhãn hiệu đăng ký vì vậy có khả năng phân biệt và đủ điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ.

2. Thực tiễn bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam

- Trên thực tế, nhãn hiệu "REBEL QUEEN, hình" theo đăng ký số quốc tế số 1186532 có chứa từ "REBEL" trùng với thành phần REBEL của nhãn hiệu đối chứng đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 25. Điều này có nghĩa là nhãn hiệu này và nhãn hiệu đối chứng đã được xem là có khả năng phân biệt với nhau và sự cùng tồn tại của chúng ở Việt Nam tất nhiên không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Rõ ràng, đây là trường hợp tương tự với nhãn hiệu đăng ký nhưng vẫn được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ. Do đó, nhãn hiệu "REBEL EIGHT" cũng không thể coi là trường hợp ngoại lệ mà hoàn toàn có thể song song tồn tại cùng với nhãn hiệu đối chứng "JOJO REBEL FASHION, hình" mà không gây ra bất kỳ sự nhầm lẫn nào liên quan đến nguồn gốc của hàng hóa/dịch vụ.

3. Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại đã được đăng ký tại gần 50 quốc gia trên thế giới như: Mỹ, Nhật, Úc, Canada, Braxin, Đài Loan, Singapore, Malaysia, Hồng Kong,…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "JOJO, REBEL FASHION, hình" theo GCNĐKNH số 85225

Nhãn hiệu đăng ký "REBEL EIGHT" có phần chữ "REBEL EIGHT" được trình bày theo kiểu chữ in hoa chân phương có nghĩa là "kẻ nổi loạn, người nổi loạn" kết hợp với từ "EIGHT" nên nhãn hiệu tạo được khả năng phân biệt tự thân và nhãn hiệu đối chứng "JOJO, REBEL FASHION, hình" có phần chữ "JOJO" là thành phần chính, mang tính phân biệt của nhãn hiệu, nên về tổng thể

các nhãn hiệu có khả năng phân biệt được với nhau về ý nghĩa và cách trình bày. Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu như vậy không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "Rebel" theo đơn số 4-2011-25288

Do nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2011-25288 đã bị từ chối theo Quyết định số 12175/QĐ-SHTT ngày 27/02/2014 nên không lấy nhãn hiệu này làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2012-10137 ngày 18/05/2012, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 55108/QĐ-SHTT ngày 09/9/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-10137 ngày 18/05/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2012-10137 ngày 18/05/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Rebel8, Inc. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150136/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của China Chemical Pharmaceuticals Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2012-00291 ngày 04/4/2012 của China Chemical Pharmaceuticals Co., Ltd.; địa chỉ: No. 23, Hsiang Yang Road Taipei Taiwan; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2009-22876 theo Quyết định số 55915/QĐ-SHTT ngày 30/12/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5265/BC-

TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của China Chemical Pharmaceuticals Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "CUINE" theo đơn số 4-2009-22876 trùng với nhãn hiệu đối chứng "CUINE" theo GCNĐKNH số 85619 cho các sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 05 theo Điều 74.2.(e,i) Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "CUINE" theo đơn số 4-2009-22876 với các lý do sau:

Người nộp đơn đã nộp đơn ĐN1-2009-00160 ngày 30/11/2009 đề nghị hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng "CUINE" theo GCNĐKNH số 85619.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "CUINE" theo đơn số 4-2009-22876 bị coi là trùng với nhãn hiệu đối chứng "CUINE" theo GCNĐKNH số 85619 cho cùng sản phẩm thuộc nhóm 05.

- Người nộp đơn đã nộp đơn ĐN1-2009-00160 ngày 30/11/2009 đề nghị hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng "CUINE" theo GCNĐKNH số 85619 với lý do chủ sở hữu nhãn hiệu "CUINE" theo GCNĐKNH số 85619 là Công ty cổ phần PYMEPHARCO đã nộp đơn không trung thực và nhãn hiệu "CUINE" của người nộp đơn là China Chemical Pharmaceuticals Co., Ltd. đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi từ trước. Tuy nhiên, việc hủy bỏ GCNĐKNH số 85619 đối với nhãn hiệu "CUINE" đã bị từ chối hủy bỏ hiệu lực theo Thông báo số 36205/TB-SHTT.ip ngày 14/4/2025. Do vậy, nhãn hiệu "CUINE" theo GCNĐKNH số 85619 có hiệu lực đến ngày 14/9/2025 vẫn được lấy ra làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký "CUINE" theo số 4-2009-22876.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2009-22876 ngày 23/10/2009 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 55915/QĐ-SHTT ngày 30/12/2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-22876 ngày 23/10/2009.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, China Chemical Pharmaceuticals Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và China Chemical Pharmaceuticals Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150137/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CGTN CV
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2016-00210 ngày 17/3/2016 của CGTN CV; địa chỉ: Abraham de Veerstraat 2, Willemstad, Curacao; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1225883 theo Thông báo số 2014/47 NDT21 ngày 27/11/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5292/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CGTN CV với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "OPTIMERA" theo Đơn quốc tế (ĐQT) số 1225883 bị từ chối vì mang tính mô tả cho sản phẩm thuộc nhóm 03 theo Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "OPTIMERA" theo ĐQT số 1225883 với các lý do sau:

Nhãn hiệu hoàn toàn có khả năng tự phân biệt cho các sản phẩm nhóm 03

- "OPTIMERA" là một từ tiếng Thụy Điển – một loại ngôn ngữ không phổ biến tại Việt Nam. Bằng chứng là ở các trường đại học và trung tâm đào tạo ngoại ngữ lớn trên cả nước như Đại học Hà Nội hay Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội đều không có khoa đào tạo tiếng Thụy Điển. Vì vậy đối với khách hàng Việt Nam, "OPTIMERA" đơn thuần chỉ là một từ tự tạo từ ký tự Latin và không có nghĩa, do đó nhãn hiệu này không thể dẫn chiếu đến bất kỳ một đặc tính nào của các sản phẩm đối với người mua hàng.

- Hơn nữa, dù nỗ lực sử dụng từ điển để tìm nghĩa tiếng Việt tương ứng cho nhãn hiệu, một bước mà hầu như không có khách hàng nào thực hiện khi quyết định mua một sản phẩm, thì nghĩa "tối ưu" của từ "OPTIMERA" cũng không trực tiếp mô tả bất kỳ thông tin liên quan nào tới các sản phẩm mỹ phẩm mang nhãn hiệu, mà là một thuật ngữ được dùng chủ yếu và quen thuộc trong khối khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin.

Vì vậy, nhãn hiệu hoàn toàn có khả năng tự phân biệt cho các sản phẩm mang Nhãn hiệu thuộc nhóm 03.

2. Nhãn hiệu đã được người nộp đơn đăng ký và sử dụng rộng rãi trên thế giới

2.1. Nhãn hiệu đã được sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới

- Các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký được bán thông qua hệ thống phân phối và các đại lý bán lẻ được đặt tại nhiều nơi trên thế giới. Người tiêu dùng từ các quốc gia khác nhau có thể tìm mua các sản phẩm mỹ phẩm mang nhãn hiệu "OPTIMERA" một cách dễ dàng.

- Bên cạnh đó, nắm bắt ưu thế của thương mại điện tử với sự phát triển mạnh mẽ của internet, người nộp đơn đã giới thiệu và chào bán các sản phẩm của mình bao gồm dòng sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký "OPTIMERA" một cách rộng rãi trên internet, trong đó phải kể đến các website bán hàng có lượng truy cập khổng lồ như Amazon (www.amazon.com) và eBay (www.ebay.com).

Các khách hàng tiềm năng trên toàn thế giới và Việt Nam đều có thể truy cập và mua các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký tại các website này.

- Đặc biệt, tại các website dành riêng cho khách hàng Việt Nam, điển hình là http://www.ebay.vn/, các sản phẩm mỹ phẩm mang nhãn hiệu "OPTIMERA" từ lâu cũng đã được tìm kiếm và chào bán rất nhiều.

2.2. Nhãn hiệu được đăng ký bảo hộ tại nhiều quốc gia trên toàn thế giới

- Đăng ký lần đầu: Nhãn hiệu lần đầu tiên được nộp đơn đăng ký cho các sản phẩm có liên quan thuộc nhóm 03 tại Hoa Kỳ vào ngày 01/11/2013 và đã được chấp nhận bảo hộ ngày 19/01/2016 theo Đăng ký số 4890621.

- Đăng ký rộng rãi toàn cầu: Cho đến nay, nhãn hiệu đã được đăng ký cho các sản phẩm liên quan nhóm 03 tại 46 quốc gia trên thế giới bao gồm thị trường Mỹ và các các thị trường lớn khác như Cộng đồng Châu Âu, Trung Quốc, Liên bang Nga, và các quốc gia chấu Á, cụ thể là: Cộng hòa Pháp, Vương quốc Bỉ, Áo, Đức, Ý, Bỉ, Thụy Điển, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Thụy Sĩ, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Singapore, Hồng Kông,….

- Điều đáng lưu ý là nhãn hiệu đã được chấp nhận đăng ký tại chính quốc gia sử dụng ngôn ngữ Thụy Điển là Thụy Điển và Phần Lan mà không bị coi là không có khả năng phân biệt.

- Đăng ký tại các quốc gia nói tiếng Anh: Hơn thế, nhãn hiệu cũng đã được đăng ký tại hầu hết các quốc gia khác sử dụng tiếng Anh, nơi tiếng Anh được sử dụng và hiểu chuẩn xác nhất, như Hoa kỳ, Anh quốc, Canada, Hồng Kông, New Zealand, Singapo mà không bị coi là không có khả phân biệt. Hay nói cách khác, cơ quan nhãn hiệu các quốc gia trên đều công nhận rằng nhãn hiệu có khả năng tự phân biệt cho các sản phẩm nhóm 03.

3. Kết luận về khả năng phân biệt của nhãn hiệu

Như đã trình bày trên đây, nhãn hiệu đối với người tiêu dùng Việt Nam đơn thuần là một từ tự tạo, không chuyển tải bất kỳ ý nghĩa nào vì vậy hoàn toàn có khả năng tự phân biệt cho các sản phẩm nhóm 03 yêu cầu đăng ký.

Ngay tại những quốc gia sử dụng tiếng Thụy điển và tiếng Anh làm ngôn ngữ chính, nhãn hiệu cũng đã được chấp nhận bảo hộ cho sản phẩm nhóm 03. Điều này chứng tỏ, dù trong trường hợp được chuyển nghĩa, ý nghĩa "tối ưu" của nhãn hiệu cũng không mô tả bất kỳ đặc tính nào có liên quan đến các sản phẩm mang nhãn hiệu.

Hiện nay, nhãn hiệu đã được đăng ký và sử dụng rộng rãi bởi người nộp đơn trên toàn thế giới và đến tay các khách hàng Việt Nam. Điều này góp phần củng cố khả năng phân biệt vốn có của nhãn hiệu, ghi đậm dấu ấn thương hiệu

"OPTIMERA" trong tâm trí người tiêu dùng là các sản phẩm đến từ công ty CGTN CV.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "OPTIMERA" mặc dù được thể hiện là ngôn ngữ Thụy Điển có nghĩa là "ưu việt", nhưng trong phần mô tả của nhãn hiệu tại mục (566) của ĐQT số 1225883 có dịch nghĩa sang tiếng Anh là "OPTIMIZING" cùng gốc từ với từ "OPTIMERA" có nghĩa là "tối ưu hóa, ưu việt hóa" mang tính mô tả cho tính chất, công dụng của sản phẩm thuộc nhóm 03 mà nhãn hiệu áp dụng: "Mỹ phẩm, cụ thể là các chế phẩm chăm sóc da không chứa thuốc, cụ thể là các sản phẩm tẩy tế bào chết cho mặt, các chế phẩm làm sạch da, tay và toàn thân, kem dưỡng da, kem dưỡng da mặt, kem tẩy trang, kem dưỡng đêm, kem chống lão hóa, kem chống nhăn, kem dưỡng da tay;…".

- Các tài liệu chứng minh nhãn hiệu đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi chưa đầy đủ và thiếu sức thuyết phục.

- Người nộp đơn chưa bổ sung được tài liệu về việc nhãn hiệu đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1225883 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/47 NDT21 ngày 27/11/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1225883.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CGTN CV có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CGTN CV (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150138/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BERKO ILAC VE KIMYA SANAYI A.S.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2018-00193 ngày 12/3/2018 của BERKO ILAC VE KIMYA SANAYI A.S.; địa chỉ: Yenisehir Mah. Ozgur Sok. No:16-18 Atasehir Istanbul, Turkey; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1325811 theo Thông báo số 2016/51 HBN29 ngày 29/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5251/BC-

TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BERKO ILAC VE KIMYA SANAYI A.S. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Hamazinc" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1325811 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "HAMA" bảo hộ theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1043683 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "Hamazinc" theo ĐQT 1325811 với các lý do sau:

Nhìn vào bảng so sánh trên đây, chúng ta có thể dễ dàng thấy sự khác biệt về cấu trúc của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, cụ thể là nhãn hiệu bao gồm 8 chữ cái trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm 4 chữ cái. Chính sự khác biệt về độ dài của hai nhãn hiệu này khiến ấn tượng thị giác của người tiêu dùng khi nhìn vào hai nhãn hiệu này hoàn toàn khác nhau.

1.2. Nhãn hiệu khác nhãn đối chứng về hình thức

- Nhãn hiệu đăng ký là từ "Hamazinc" với chữ cái đầu tiên viết in hoa, còn các chữ cái còn lại viết in thường.

- Nhãn hiệu đối chứng là từ "HAMA" với tất cả các chữ cái được viết in hoa.

- Như vậy, nhãn hiệu và nhãn hiệu đối chứng không chỉ khác nhau ở tiền tố "zinc" trong nhãn hiệu mà còn được thiết kế khác nhau. Do đó, người tiêu dùng khó có thể nhầm lẫn hai nhãn hiệu này với nhau.

1.3. Ý nghĩa của nhãn hiệu và nhãn hiệu đối chứng khác nhau

- Nhãn hiệu là từ "Hamazinc" không có nghĩa.

- Nhãn đối chứng là từ "HAMA", chính là tên công ty chủ nhãn đối chứng (Hama GmbH & Co. KG). Do đó, nhãn đối chứng luôn gắn liền với các hoạt động của chủ nhãn đối chứng. Nhắc đến nhãn hiệu đối chứng là người tiêu dùng nghĩ ngay đến chủ nhãn hiệu đối chứng và ngược lại.

- Rõ ràng, ý nghĩa của hai nhãn hiệu này hoàn toàn khác nhau. Do đó, nhãn hiệu hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn đối chứng.

Qua các phân tích nêu trên, người nộp đơn xin khẳng định nhãn hiệu đăngký và nhãn hiệu đối chứng có cấu trúc, hình thức và ý nghĩa khác biệt nhau. Do đó, nhãn hiệu không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

2. Thực tế cho thấy Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận sự tồn tại song song của một số nhãn hiệu có chứa yếu tố "HAMA" cho các sản phẩm nhóm 05 của các chủ sở hữu khác nhau

- Theo kết quả tra cứu dữ liệu trực tuyến của Cục Sở hữu trí tuệ, người nộp đơn tìm thấy một số nhãn hiệu khác có chứa yếu tố "HAMA" bảo hộ cho sản phẩm "dược phẩm" thuộc nhóm 05 của các chủ sở hữu khác nhau như "HAMA" theo đăng ký số 1043683, "HAMANI" theo đăng ký số 240008,

"HAMASTER" theo đăng ký số 256313 đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đăng ký và song song tồn tại.

- Điều đáng lưu ý là 2 nhãn hiệu "HAMANI" va "HAMASTER" nói trên đều có ngày nộp đơn sau ngày đăng ký của nhãn hiệu đối chứng (05/02/2010). Rõ ràng, các nhãn hiệu có chứa yếu tố "HAMA" này đã, đang song song tồn tại từ sau ngày đăng ký của nhãn đối chứng mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

- Do vậy, nhãn hiệu đăng ký "Hamazinc" cũng không phải là trường hợp ngoại lệ và hoàn toàn có thể song song tồn tại cùng các nhãn đối chứng mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

3. Nhãn hiệu và nhãn hiệu đối chứng đã được chấp nhận song song tồn tại ở Georgia

- Theo cơ sở dữ liệu trực tuyến của WIPO, nhãn hiệu đối chứng "HAMA" theo đăng ký quốc tế số 1043683 đã được chấp thuận bảo hộ tại Georgia từ năm 2011 và nhãn hiệu "Hamazinc" theo đăng ký quốc tế số 1325811 đã được chấp thuận bảo hộ tại Georgia năm 2018. Như vậy, cơ quan đăng ký nhãn hiệu tại Georgia đã không coi hai nhãn hiệu này là tương tự gây nhầm lẫn với nhau.

- Mặc dù thực tiễn đăng ký trên chỉ mang tính chất tham khảo nhưng qua đó chúng ta cũng có thể thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn có thể tồn tại song song trên thị trường mà không gây bất kỳ sự nhầm lẫn nào cho người tiêu dùng về xuất xứ của các sản phẩm mang nhãn hiệu và cũng không có xung đột quyền lợi giữa chủ nhãn hiệu và chủ nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "Hamazinc" và nhãn hiệu đối chứng "HAMA" trùng nhau ở phần tiến tố "hama"/"HAMA" là thành phần chính, mang tính phân biệt của các nhãn hiệu, phần chữ "zinc" có nghĩa là "kẽm" là thành phần mô tả có khả năng phân biệt không cao, do vậy các nhãn hiệu tương tự nhau về cấu tạo từ.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "Hamazinc" áp dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 05: "Các chế phẩm dược phẩm và thú y dùng cho

mục đích y tế; các chế phẩm hóa học dùng cho mục đích y tế" và nhãn hiệu đối chứng áp dụng: "Các chế phẩm dược phẩm và thú y; chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế; chất dinh dưỡng dùng trong y tế,…".

Tổng hợp nhận định và đánh giá trên cho thấy các nhãn hiệu tương tự nhau về cấu tạo từ, đồng thời áp dụng cho các hàng hóa giống nhau thuộc nhóm 05, do vậy dễ gây lầm tưởng cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1325811 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/51 HBN29 ngày 29/11/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1325811.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, BERKO ILAC VE KIMYA SANAYI A.S. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BERKO ILAC VE KIMYA SANAYI A.S. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150139/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PAL & C CO., LTD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2012-01233 ngày 17/12/2012 của PAL & C CO., LTD; địa chỉ: 281, Hwi Kyung-dong, Dongdaemun-gu, Seoul 130-190; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1031993 theo Thông báo số 2011/35 VTB13 ngày 06/9/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5327/BC-TTKN

ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PAL & C CO., LTD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu đăng ký "NEP^ & Hình" theo ĐQT số 1031993 cho sản phẩm thuộc nhóm 18 và 25 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "ClothGear & Hình" theo Đơn số 4-2011-09409 cho sản phẩm thuộc nhóm 05, 25 và dịch vụ thuộc nhóm 35. Người nộp đơn khiếu nại việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu "NEP^ & Hình" theo ĐQT số 1031993 nêu trên với các lý do và lập luận như sau:

- Dấu hiệu yêu cầu đăng ký đồng thời là tác phẩm mỹ thuật ứng dụng (MTUD) "NEP^ & Hình" đang được bảo hộ ở Việt Nam theo quy định về bảo hộ quyền tác giả:

Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng do Ông Kyung-Seop KIM – quốc tịch Hàn Quốc sáng tạo và hoàn thành ngày 11/5/2005 theo nhiệm vụ được giao của Công ty PAL & C CO., LTD ("PAL&C"). Tác phẩm này được công bố lần đầu tiên ở Hàn Quốc vào ngày 11/8/2006. Việt Nam và Hàn Quốc đều là thành viên Công ước Bern về bảo hộ quyền tác giả. Công ước Bern chính thức có hiệu lực ở Việt Nam từ ngày 28/10/2004. Theo quy định của Công ước Bern, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng "NEP^ & Hình" cũng được bảo hộ tại Việt Nam. Theo quy định về bảo hộ quyền tác giả, chủ sở hữu tác phẩm có quyền ngăn chặn mọi hành vi sao chép, làm tác phẩm phái sinh mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu (Điều 28.(6), (7) Luật Sở hữu trí tuệ.

- Dấu hiệu đối chứng "ClothGear & Hình" được tạo ra trên cơ sở sao chép và cải biên từ tác phẩm mỹ thuật ứng dụng "NEP^ & Hình":

+ Theo quy định tại Điều 4.4 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011) hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan ("Nghị định số 100"): "Bản sao tác phẩm là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm".

+ Dấu hiệu đối chứng "ClothGear & Hình" có bố cục sắp xếp của phần hình và chữ giống với bố cục tác phẩm mỹ thuật ứng dụng "NEP^ & Hình"; phần hình của dấu hiệu đối chứng được tạo ra trên cơ sở sao chép một phần tác phẩm mỹ thuật ứng dụng "NEP^ & Hình", cụ thể là sao chép phần hình của nhãn hiệu đối chứng và cải biên thành dấu hiệu "hình" của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc

tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "NEP^ & Hình" theo ĐQT số 1031993 và nhãn hiệu đối chứng "ClothGear & Hình" theo Đơn số 4-2011-09409 mặc dù có phần hình tương tự nhau, nhưng có phần chữ khác nhau "NEP^"/"ClothGear" nên về tổng thể các nhãn hiệu có khả năng phân biệt được với nhau về cấu trúc và phát âm. Đồng thời, đơn đối chứng số 4-2011-09409 đăng ký nhãn hiệu "ClothGear, Hình" đã được Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 129/QĐ-SHTT ngày 11/01/2019 và Quyết định này không bị khiếu nại. Do vậy, nhãn hiệu theo Đơn số 4-2011-09409 không còn là đối chứng đối với đơn đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1031993, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2011/35 VTB13 ngày 06/9/2012 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1031993.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1031993.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PAL & C CO., LTD (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150140/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Asahi Europe & International Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-00858 ngày 08/8/2017 của Asahi Europe & International Ltd; địa chỉ: Asahi House, 88-100 Chertsey Road Woking GU21 5BJ (GB); đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1294499 theo Thông báo số 2016/12 TDH15 ngày 24/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5356/BC-TTKN

ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Asahi Europe & International Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "PERONI NASTRO AZZURRO và Hình" theo Đơn quốc tế (ĐQT) số 1294499 bị từ chối bảo hộ vì bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "PERONI NASTRO AZZURRO và Hình" theo Đăng quốc tế (ĐKQT) số 867528 và "PERONI NASTRO AZZURRO và Hình" theo ĐKQT số 867528B cho các sản phẩm thuộc nhóm 32. Công ty VISION & ASSOCIATES khiếu nại việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu "PERONI NASTRO AZZURRO và Hình" theo ĐQT số 1294499 với lý do:

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 867528 vì nhãn hiệu này không chỉ định bảo hộ tại Việt Nam:

Căn cứ vào dữ liệu của WIPO về ĐKQT số 867528, chủ đơn thấy rằng nhãn hiệu đối chứng không còn chỉ định bảo hộ tại Việt Nam vì phần bảo hộ tại Việt Nam đã được chuyển nhượng sang cho Công ty PERONI NASTRO AZZURRO Ltd theo ĐKQT số 867528B. Do vậy, nhãn hiệu theo ĐKQT số 867528 không còn là căn cứ để từ chối bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký.

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 867528B vì chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã đồng ý chuyển nhượng các nhãn hiệu "PERONI" bao gồm nhãn hiệu theo ĐKQT số 867528B cho ASAHI EUROPE Ltd, cụ thể:

Công ty HAVIP cung cấp Bản tuyên bố của Công ty SABMiller International Brands Limited tuyên bố xác nhận về việc nhãn hiệu theo ĐKQT số 867528B đã được chuyển nhượng sang cho Công ty ASAHI EUROPE Ltd với nội dung cụ thể như sau:

(i) SABMiller xác nhận chủ sở hữu nhãn hiệu là PERONI NASTRO AZZURRO Ltd đồng ý chuyển nhượng nhãn hiệu theo ĐKQT số 867528B cho SABMiller căn cứ theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/8/2015.

(ii) SABMiller sau đó đồng ý chuyển nhượng các nhãn hiệu "PERONI NASTRO AZZURRO và Hình" bao gồm cả ĐKQT số 867528B cho ASAHI EUROPE Ltd. Tuy nhiên, tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng, nhãn hiệu ĐKQT số 867528B đã hết hiệu lực nên các bên không thể làm thủ tục ghi nhận chính thức chủ sở hữu mới cho ĐKQT nêu trên.

(iii) SABMiller xác nhận sẽ không có bất kỳ sự phản đối nào với việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "PERONI NASTRO AZZURRO & Hình" theo ĐQT số 1294499 của ASAHI EUROPE Ltd tại Việt Nam.

- Địa chỉ của bên chuyển nhượng là PERONI NASTRO AZZURRO Ltd trong Hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/8/2015 khác với địa chỉ ghi nhận trong ĐKQT số 867528B. Do vậy, chủ đơn gửi kèm theo Bản sao đăng ký công ty số

114071C và 012155V được cấp bởi Isle of Man cấp cho PERONI NASTRO AZZURRO Ltd chứng minh PERONI NASTRO AZZURRO Ltd đã thay đổi địa chỉ thành: "2nd Floor, St Mary's Court, 20 Hill Street, Douglas, Isle of Man" từ ngày 01/7/2015.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Do các nhãn hiệu đối chứng 

(PERONI, NASTRO AZZURRO, BIRRA SUPERIORE, hình" theo các ĐKQT số 867528 và 867528B đã hết hiệu lực từ ngày 28/02/2015 và không được chủ sở hữu các nhãn hiệu trên gia hạn lại hiệu lực nên không lấy các nhãn hiệu trên làm đối chứng dối với đơn đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1294499, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/12 TDH15 ngày 24/3/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1294499.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1294499.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Asahi Europe & International Ltd (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150141/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đơn quốc tế số 1239729 của Gigtrigger AS (NO) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2018-00092 ngày 02/02/2018 của Gigtrigger AS; địa chỉ: Storgjerdasen 29 N-8023 Bodo, Norway; đại diện bởi: Công ty TNHH Luật ALIAT.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế hết hiệu lực từ ngày 01/7/2024 vì không được

chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Gigtrigger AS (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150142/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đơn số RĐ4-2025-00538 ngày 24/7/2025 về việc xin rút đơn khiếu nại số KN4-2020-00556 ngày 15/7/2020.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2020-00556 ngày 15/7/2020 của Himalaya Global Holdings Ltd.; địa chỉ: 106 Elizabethan Square, PO Box 1162, Grand Cayman KY1 - 1102, Cayman lslands; đại diện bởi: Công ty TNHH Luật ALIAT.

Lý do đình chỉ: Người khiếu nại có đơn số RĐ4-2025-00538 ngày 24/7/2025

về việc xin rút đơn khiếu nại số KN4-2020-00556 ngày 15/7/2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Himalaya Global Holdings Ltd. (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150143/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đơn số RĐ4-2025-00537 ngày 24/7/2025 về việc xin rút đơn khiếu nại số KN4-2018-00709 ngày 12/11/2018.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2018-00709 ngày 12/11/2018 của Công ty TNHH CITYCLINIC Việt Nam; địa chỉ: 107 Tân Hải, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Luật ALIAT.

Lý do đình chỉ: Người khiếu nại có đơn số RĐ4-2025-00537 ngày 24/7/2025

về việc xin rút đơn khiếu nại số KN4-2018-00709 ngày 12/11/2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH CITYCLINIC Việt Nam (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150144/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH HEDONE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00898 ngày 15/11/2024 của Công ty TNHH HEDONE; địa chỉ: L18-11-13, tầng 18, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Innetco - Hoàng Phúc; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2022-

42119 theo Quyết định số 125183/QĐ-SHTT.IP ngày 29/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5389/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH HEDONE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-42119 ngày 07/10/2022 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 125183/QĐ-SHTT.IP ngày 29/10/2024 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo và cách phát âm. Việc thay đổi một chữ cái nhưng đã làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu theo đó làm thay đổi thị giác, thính giác, các phát âm, do đó, người tiêu dùng có thể phân biệt được khi lựa chọn sản phẩm.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "HEDONE" và nhãn hiệu đối chứng "HEEONE", đều là từ tự đặt, không có nghĩa, có 5/6 ký tự trùng nhau theo cùng một trật tự sắp xếp, cùng được thể hiện bằng kiểu chữ in hoa, sự khác biệt là hai chữ cái "D" và "E" ở giữa không tạo nên sự khác biệt về ấn tượng thị giác. Do đó nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo và hình thức thể hiện. Trong khi, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 03.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2022-42119 ngày 07/10/2022 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 125183/QĐ-SHTT.IP ngày 29/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-42119 ngày 07/10/2022.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH HEDONE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH HEDONE (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Innetco - Hoàng Phúc) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150145/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1244344 của Kerry Luxembourg S.à.r.l (nay là: Kerry Group plc (IE)) đã bị hết hiệu lực vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2016-00735 ngày 24/8/2016 của Kerry Luxembourg S.à.r.l; địa chỉ: 17 rue Antonie Jans, L-1820 Luxembourg (nay là: KERRY GROUP PLC; địa chỉ: Prince's Street, Tralee, County Kerry, Ireland); đại diện bởi: Công ty TNHH Luật ALIAT.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế hết hiệu lực từ ngày 19/11/2024 vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định..

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kerry Luxembourg S.à.r.l (nay là: KERRY GROUP PLC) (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150146/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH cơ khí Bảo Trâm
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00084 ngày 21/02/2025 của Công ty TNHH cơ khí Bảo Trâm; địa chỉ: 30/33/14 Nguyễn Văn Dung, phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2022-46313 theo Quyết định số 136946/QĐ-SHTT.IP ngày 25/11/024;

HTM620

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5387/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH cơ khí Bảo Trâm với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-46313 ngày 03/11/2022 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 136946/QĐ-SHTT.IP ngày 25/11/2024 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký là một tổng thể có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, màu sắc, hình thức thể hiện, nội dung. Trong khi, các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký không tương tự với các sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi phần hình và phần chữ, trong đó, phần chữ "TBT" là thành phần phân biệt chính, được thể hiện phông chữ đậm, kích thước lớn, tương tự với nhãn hiệu số 447472, thành phần phân biệt "TBT" trong nhãn hiệu số 342732 về cấu tạo và cách phát âm. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các nhãn hiệu đối chứng.

Về sản phẩm/dịch vụ: nhãn hiệu đăng ký dùng cho dịch vụ cùng loại với dịch vụ mang nhãn hiệu số 342732 và tương tự với sản phẩm mang hai nhãn hiệu đối chứng (dịch vụ và hàng hóa mang các nhãn hiệu có mối liên quan về chức năng), do đó, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm, dịch vụ mang hai nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2022-46313 ngày 03/11/2022 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 136946/QĐ-SHTT.IP ngày 25/11/024 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-46313 ngày 03/11/2022.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH cơ khí Bảo Trâm có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH cơ khí Bảo Trâm có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150147/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Dr Noora Cosmétique
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2020-00366 ngày 15/5/2020 của Dr Noora Cosmétique; địa chỉ: Bat.A , Appt. 110, 51, Avenue jean jaurès F-78440 Gargenville; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1360460 theo Quyết định số 764/QĐ-SHTT ngày 02/3/2020;

HTM620

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5373/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Dr Noora Cosmétique với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Dr.Noora, hình" theo ĐQT số 1360460 bị tạm thời từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc nhóm 03 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "NORA", "Nora Shampoo, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 27552, 243150 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 và nhãn hiệu "SAN NORA" theo đơn đăng ký số 4-2016-07659 ngày 25/3/2016 cho các sản phẩm nhóm 03.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Nhãn hiệu đăng ký là tổng thể không thể tách rời giữa phần chữ và phần hình, có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo, cách phát âm và ý nghĩa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Dr.Noora, hình" theo ĐQT số 1360460, có phần chữ "Noora" là thành phần phân biệt chính, tương tự với thành phần chính "Nora" trong các nhãn hiện đối chứng về cấu tạo và cách phát âm. Sự kết hợp với phần chữ "Dr.", phần hình và nhân đôi chữ "O" ở giữa chưa đủ tạo khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng. Trong khi sản phẩm mang nhãn hiệu

đăng ký thuộc nhóm 03 tương tự với với các sản phẩm thuộc nhóm 03 mang các nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, tại thời điểm ban hành Quyết định số 764/QĐ-SHTT ngày 02/3/2020, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1360460 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 764/QĐ-SHTT ngày 02/3/2020 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1360460.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Dr Noora Cosmétique có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Dr Noora Cosmétique (qua Công ty TNHH nghiên cứu và tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150148/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Belal Mohammad AL-Hamwi
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-00768 ngày 31/7/2017 của Belal Mohammad AL-Hamwi; địa chỉ: Real Estate No 5668, Al Hai Alshamali, 40th Street, Madamiat Al-Sham, Reef Damascus, Syria; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư A Hoà; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-08851 theo Quyết định số 28079/QĐ-SHTT ngày 04/5/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5368/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Belal Mohammad AL-Hamwi với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-08851 ngày 23/4/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 28079/QĐ-SHTT ngày 04/5/2017 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c và 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần hình và phần chữ, trong đó "CITY CAFE" không phải là thành phần phân biệt chính, phần hình của nhãn hiệu có cách thức sắp xếp, kết hợp độc đáo, do đó nhãn hiệu đăng ký có hình thức thể hiện hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

Ngoài ra, người nộp đơn trình bày một số trường hợp tương tự đã cấp văn bằng bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần chữ "City Cafe", "INSTANT COFFEE", "ORIGINAL" và phần hình là hình hạt cà phê, cốc cà phê, hình chiếc lá. Trong đó, phần "INSTANT COFFEE", "ORIGINAL" và phần hình là hình hạt cà phê, cốc cà phê, hình chiếc lá là thành phần mang tính mô tả cho các sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 30 không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ tại Điều 74.2.c . Thành phần chính "City Cafe" hoàn toàn trùng với thành

phần "CITY CAFE" của các nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo và các phát âm. Ngoài ra, sự kết hợp các thành phần phụ mang tính mô tả nêu trên và hình thức thể hiện khác biệt của"City Cafe" thành hai dòng chưa đủ để mang lại khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các nhãn hiệu đối chứng.

Về sản phẩm: sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký cũng trùng hoặc tương tự với các sản phẩm mang các nhãn hiệu đối chứng.

Ngoài ra, các trường hợp khác nêu trong đơn khiếu nại không nằm trong phạm vi giải quyết khiếu nại này.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng, dẫn đến việc người tiêu dùng có khả năng nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của các sản phẩm mang các nhãn hiệu trên.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c và 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-08851 ngày 23/4/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 28079/QĐ-SHTT ngày 04/5/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-08851 ngày 23/04/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Belal Mohammad AL-Hamwi có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Belal Mohammad AL-Hamwi (qua Văn phòng Luật sư A Hoà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150468/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Kinh doanh Dược phẩm Hậu Giang Pharma
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-00450 ngày 06/5/2021 của Công ty TNHH Kinh doanh Dược phẩm Hậu Giang Pharma; địa chỉ: Liền kề U08-33 khu D, Khu đô thị mới Dương Nội, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INNETCO-Hoàng Phúc; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-29269 theo Quyết định số 30615/QĐ-SHTT ngày 19/4/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5181/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Kinh doanh Dược phẩm Hậu Giang Pharma với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HGPHARM" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-29269 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 30615/QĐ-SHTT ngày 19/4/2021, căn cứ điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 25778, 47636 và 53799 (các nhãn hiệu đối chứng.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt so với các nhãn hiệu đối chứng.

- Về hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký "HGPHARM" được viết liền nhau. Còn các nhãn hiệu đối chứng "HG PHARM", "HG PHARM" và "HG. PHARM" có phần chữ "HG" và phần chữ "PHARM" viết cách nhau tạo nên những từ độc lập với nhau.

- Xét về cách phát âm và ý nghĩa: Nhãn hiệu đăng ký "HGPHARM" là chuỗi gồm 7 chữ cái ghép lại với nhau H/G/P/H/A/R/M, cách phát âm theo từng chữ cái. Đối với nhãn hiệu đối chứng "HG PHARM", "HG PHARM" và "HG. PHARM", trong đó phần chữ "HG" phát âm là "h-g", không có nghĩa, là dấu hiệu không có khả năng phân biệt theo quy định của Điều 74.2.a Luật Sở hữu trí tuệ và Điểm 39.3.b Thông tư 01/2007/TT-BKHCN; còn chữ "PHARM" phát âm là "f:am" là từ viết tắt của các từ "PHARMACIST" tiếng Anh có nghĩa "dược sỹ", "PHARMACY" tiếng Anh có nghĩa "dược khoa", v.v. Ngoài ra, chữ "PHARM" được sử dụng như một từ có nghĩa là "dược phẩm", trở thành tên gọi thông thường của sản phẩm đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến, điều đó được thể hiện rất rõ trong các Đăng bạ quốc gia số 47637, 53799 ở phần "YẾU TỐ LOẠI TRỪ: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "GMP", "HG", "PHARM". Do vậy, dấu hiệu "PHARM" bị coi là dấu hiệu mô tả theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ. Hơn nữa, chữ "HG" và "PHARM" không được bảo hộ riêng, đồng nghĩa với việc không ai được độc quyền sử dụng, vì vậy không thể cho rằng nhãn hiệu đăng ký "HGPHARM" tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký*

được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này*".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "HGPHARM" là cụm từ viết liền, trong khi phần chữ "HG PHARM", "HG. PHARM" trong các nhãn hiệu đối chứng có dấu cách, dấu chấm giữa hai thành tố ("HG" và "PHARM"). Tuy nhiên, việc sử dụng cùng một chuỗi ký tự giống nhau (gồm các chữ cái H/G/P/H/A/R/M) theo cùng thứ tự khiến cho "HGPHARM" tương tự với "HG PHARM" và "HG. PHARM" về cấu trúc, tổng thể gây ấn tượng thị giác, và dễ bị coi là một biến thể của các nhãn hiệu đối chứng, đặc biệt khi các nhãn hiệu cùng dùng cho dược phẩm hoặc sản phẩm tương tự.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-29269 ngày 02/8/2019 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 30615/QĐ-SHTT ngày 19/4/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-29269 ngày 02/8/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Kinh doanh Dược phẩm Hậu Giang Pharma có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Kinh doanh Dược phẩm Hậu Giang Pharma (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INNETCO-Hoàng Phúc) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150469/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2018-00726 ngày 27/11/2018 của Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy; địa chỉ: Khu công nghiệp Công nghệ cao 1, khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29, đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-25044 theo Quyết định số 60816/QĐ-SHTT ngày 27/8/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5217/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CITIMEDLAC 1000mg/4ml" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-25044 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 60816/QĐ-SHTT ngày 27/8/2018, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 219598 (nhãn hiệu đối chứng 1) và 247886 (nhãn hiệu đối chứng 2).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể:

(i) So với nhãn hiệu đối chứng 1:

- Về cách phát âm: CITIMEDLAC gồm 04 âm tiết: /XI/ /TI/ /MÉT/ /LẮC/, trong khi đó CETIMED gồm 03 âm tiết: /XE/ hoặc /XÊ/ /TI/ /MÉT/.

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu CITIMEDLAC 1000mg/4ml gồm phần chữ "CITIMEDLAC" là phần chữ có khả năng phân biệt gồm 10 chữ cái khác biệt so với "CITIMED" chỉ gồm 07 chữ cái.

- Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký chứa yếu tố "MEDLAC" đã được đăng ký bảo hộ bởi Chủ đơn: Công ty TNHH Sản xuất Dược phẩm Medlac Pharma Italy với nhiều nhãn hiệu khác nhau. Do đó yếu tố "MEDLAC" có khả năng phân biệt rất cao và gắn liền với tên thương mại của chủ sở hữu, và nhãn hiệu "CITIMEDLAC" là kết hợp hai yếu tố "CITI" và một phần tên thương mại "MEDLAC".

- Người nộp đơn còn dẫn chứng một số trường hợp bảo hộ của nhãn hiệu chứa yếu tố "MEDLAC".

(ii) So với nhãn hiệu đối chứng 2:

- Về phát âm: "CITIMEDLAC" phát âm /XI/ /TI/ /MÉT/ /LẮC/, trong khi "CITIMELIN" phát âm: /XI/ /TI/ /ME/ /LIN/. Phát âm 2 từ này có sự khác biệt rõ ràng, không gây nhầm lẫn cho người sử dụng.

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký "CITIMEDLAC 1000mg/4ml" gồm 10 ký tự so với "CITIMELIN" gồm 09 ký tự. Cả hai đều chứa yếu tố "CITI", tuy nhiên khả năng phân biệt phụ thuộc vào thành phần còn lại trong nhãn hiệu. Người nộp đơn cũng dẫn chứng một số trường hợp và cho rằng yếu tố "CITI" có khả năng phân biệt thấp, người tiêu dùng phân biệt chủ yếu dựa vào phần còn lại của nhãn hiệu.

- Về yếu tố "MEDLAC": Yếu tố "MEDLAC" chỉ xuất hiện trong các nhãn hiệu đang được bảo hộ độc quyền liên quan và gắn liền với tên thương mại

của chủ đơn, do đó có khả năng phân biệt rất cao. Người nộp đơn còn viện dẫn sự đồng tồn tại của hai nhãn hiệu khác, theo đó cho rằng yếu tố "CITIMEDLAC" hoàn toàn có khả năng phân biệt với "CITIMELIN".

(iii) Thuốc là một loại hàng hóa đặc biệt, việc lựa chọn và sử dụng thuốc không do người tiêu dùng quyết định mà phải tuân theo sự chỉ định nghiêm ngặt của bác sĩ chuyên khoa. Các bác sĩ – những người kê đơn – luôn có kiến thức chuyên môn và khả năng phân biệt rõ ràng giữa các loại thuốc khác nhau, kể cả khi chúng có nhãn hiệu có phần tương đồng. Đồng thời, người sử dụng thuốc khi mua theo đơn cũng luôn thận trọng để đảm bảo mua đúng loại thuốc đã được kê. Vì vậy, trong thực tế, khả năng xảy ra nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu thuốc, đặc biệt khi đã có sự khác biệt rõ ràng về cách viết, cách đọc như đã phân tích, là rất thấp.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhãn hiệu đăng ký "CITIMEDLAC 1000mg/4ml" bao gồm phần chữ "CITIMEDLAC" được thể hiện dưới dạng chữ in hoa, in đậm và nổi bật, là thành phần chính tạo khả năng phân biệt.

- So với nhãn hiệu đối chứng 1: Thành tố đầu "CITIMED" của phần chữ đã nêu trùng 6/7 ký tự (C/-/T/I/M/E/D) với nhãn hiệu đối chứng "CETIMED" theo đúng trật tự bắt đầu bằng "C" và kết thúc bằng "MED". Khác biệt về nguyên âm "I" và "E" ở vị trí thứ hai không làm giảm sự tương tự về tổng thể cấu trúc. Ngoài ra, phần chữ còn lại "LAC" là hậu tố ngắn, không đủ khả năng phân biệt rõ ràng khi phần lớn ký tự và trật tự trong phần chữ là tương tự với nhãn hiệu đối chứng.

- So với nhãn hiệu đối chứng 2: Thành tố đầu "CITIME" của phần chữ đã nêu trùng hoàn toàn 6 ký tự đầu theo đúng trật tự (C/I/T/I/M/E) với nhãn hiệu đối chứng "CITIMELIN". Việc sử dụng cùng một thành tố đầu dài, vốn là yếu tố nổi bật, dễ nhận biết nhất trong nhãn hiệu, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng trong việc nhận diện, phân biệt các nhãn hiệu.

Ngoài ra, các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 05 trùng hoặc tương tự với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, đồng thời đăng ký cho hàng hóa trùng hoặc tương tự nhau, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

2.2. Các dẫn chứng của người khiếu nại trong đơn mang tính tham khảo, không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-25044 ngày 11/9/2015 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 60816/QĐ-SHTT ngày 27/8/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-25044 ngày 11/9/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy (qua Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150470/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Văn phòng luật sư Trường Luật
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2019-00042 ngày 30/01/2019 của Văn phòng luật sư Trường Luật; địa chỉ: Số 2A (Lầu 5) Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-31706 theo Quyết định số 5892/QĐ-SHTT ngày 21/01/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5228/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Văn phòng luật sư Trường Luật với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BESTLAW" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-25798 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 5892/QĐ-SHTT ngày 21/01/2019, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

- Về thành phần "LAW": "LAW" không có nghĩa là "hãng luật" như đã nêu. Để mang nghĩa đó, cần có cụm "LAW OFFICE" (văn phòng luật sư) hoặc "LAW FIRM" (công ty luật). Khi đứng độc lập, "LAW" chỉ mang nghĩa "luật" – là danh từ thông dụng, không phải tổ chức hành nghề luật sư. Người nộp đơn còn dẫn chiếu quy định pháp luật và tài liệu minh chứng để chứng minh quan điểm.

- Về cấu trúc nhãn hiệu "BESTLAW": Được viết liền, in hoa, đồng nhất về kiểu chữ và màu sắc, tạo thành một từ tự tạo, mang tính sáng tạo riêng, không mô tả trực tiếp. Không tạo ra ý nghĩa cụ thể đối với người tiêu dùng, do đó có khả năng phân biệt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "BESTLAW" tuy được viết liền nhưng vẫn dễ dàng được nhận diện là sự kết hợp của hai từ tiếng Anh thông dụng "BEST" ("tốt nhất") và "LAW" ("luật/pháp luật") theo nguyên tắc ngôn ngữ học, thị giác và nhận thức thông thường, đặc biệt đối tượng người sử dụng dịch vụ pháp lý, và hiểu dấu hiệu này với nghĩa "luật/pháp luật tốt nhất", theo đó mang tính mô tả (chất lượng) các dịch vụ (tư vấn pháp luật, dịch vụ pháp lý, v.v.) thuộc nhóm 45 trong đơn đăng ký.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-31706 ngày 11/11/2015 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 5892/QĐ-SHTT ngày 21/01/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-31706 ngày 11/11/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Văn phòng luật sư Trường Luật có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Văn phòng luật sư Trường Luật (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150471/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Amimexco
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2023-00362 ngày 01/8/2023 của Công ty cổ phần Amimexco; địa chỉ: 156 Chế Lan Viên, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-36401 ngày 08/9/2020 theo Quyết định số 44032/QĐ-SHTT.IP ngày 20/6/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5237/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Amimexco với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SKYLIGHT V V V, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-36401 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 44032/QĐ-SHTT.IP ngày 20/6/2023, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 305944 ngày 27/9/2018 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do đã tiến hành thủ tục chuyển giao quyền để nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký thuộc cùng một chủ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 305944. Tuy nhiên, chủ nhãn hiệu đăng ký đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu đối chứng, theo đó đã được ghi nhận theo Quyết định số 3209/QĐ-SHTT.IP ngày 12/01/2024 cho đơn số CB4-2022-01197 ngày 07/10/2022. Như vậy, nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký thuộc cùng chủ sở hữu. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không sử dụng nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 305944 làm căn cứ đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-36401 ngày 08/9/2020, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 44032/QĐ-SHTT.IP ngày 20/6/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-36401 ngày 08/9/2020.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-36401, không bảo hộ riêng "V".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Amimexco (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150472/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH ECO
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2020-01332 ngày 30/12/2020 của Công ty TNHH ECO; địa chỉ: 24 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; đại diện bởi: Công ty TNHH Khang Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-25696 theo Quyết định số 89615/QĐ-SHTT ngày 28/10/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5034/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH ECO với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SAILING CLUB" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-25696 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 89615/QĐ-SHTT ngày 28/10/2020, căn cứ khoản 5 Điều 73 và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do nhãn hiệu đăng ký "SAILING CLUB" có nghĩa tiếng Việt là "câu lạc bộ bơi thuyền" là thành phần mô tả cho các dịch vụ thuộc các nhóm 39, 41 và 43, với các nhóm dịch vụ còn lại gây nhầm lẫn cho về tính năng, công dụng do không liên quan đến bơi thuyền.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "SAILING CLUB" gồm hai từ tiếng Anh: "SAILING" (thuyền buồm) và "CLUB" (câu lạc bộ), không được hiểu là "câu lạc bộ bơi thuyền" vì trong tiếng Anh "bơi thuyền" là "rowing". Từ "SAILING" có ý nghĩa tích cực và tượng trưng cho sự thuận lợi, thành công, trong khi "CLUB" là yếu tố loại trừ, không có khả năng phân biệt. Do đó, "SAILING CLUB" là nhãn hiệu có khả năng phân biệt, không mang tính mô tả cho các dịch vụ thuộc nhóm 39 (du lịch, vận chuyển), nhóm 41 (giải trí, thể thao, hồ bơi), và nhóm 43 (nhà hàng, khách sạn). Ngoài ra, tương tự như nhãn hiệu "CINEMA CLUB" đã được bảo hộ cho sản phẩm thời trang trong nhóm 25 mà không bị coi là gây nhầm lẫn, "SAILING CLUB" cũng không gây nhầm lẫn về tính năng, công dụng đối với các dịch vụ thuộc nhóm 44 (chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp) và nhóm 45 (dịch vụ xã hội, hôn lễ, trông giữ trẻ).

- Nhãn hiệu đăng ký "SAILING CLUB" đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng liên tục và rộng rãi trước thời điểm nộp đơn ngày 19/08/2016. Tên doanh nghiệp của chủ đơn chứa cụm từ "SAILING CLUB" đã được sử dụng nhất quán trong hoạt động kinh doanh gần 13 năm, tạo dấu ấn và khả năng nhận diện vững chắc đối với người tiêu dùng. Ngoài ra, chủ đơn đã được cấp văn bằng bảo hộ cho hai nhãn hiệu chứa cụm từ "SAILING CLUB": (i) "SC SAILING CLUB, hình" theo GCNĐKNH số 4-0120716 (cấp ngày 05/03/2009) cho các dịch vụ nhóm 43 và 44; và (ii) "SAILING CLUB SINCE 1994 SC, hình" theo GCNĐKNH số 4-0330433 (cấp ngày 18/09/2019) cho các dịch vụ thuộc nhóm 39, 41, 43, 44 và 45. Việc sử dụng lâu dài và đã được bảo hộ trước đây là bằng chứng cho thấy nhãn hiệu "SAILING CLUB" có khả năng phân biệt và được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên thị trường.

- Phần chữ "SAILING CLUB" đã được Chủ đơn sử dụng như một chỉ dẫn thương mại trong hoạt động kinh doanh thực tiễn và được biết đến rộng rãi bởi người tiêu dùng. Cụ thể, nhãn hiệu này đã hiện diện trong các dự án đầu tư lớn như: Khu du lịch nghỉ mát tại tỉnh Bình Thuận (theo Giấy chứng nhận đầu tư số 481043000128 ngày 07/01/2008), với khoảng 18.000 lượt khách hàng mỗi năm; và Dự án cải tạo, nâng cấp, khai thác không gian ngầm (SAILING CLUB)

tại tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy chứng nhận đầu tư số 371022000025 đăng ký lần đầu ngày 30/09/2003), với khoảng 225.000 lượt khách hàng mỗi năm. Ngoài ra, nhãn hiệu "SAILING CLUB" cũng được sử dụng thường xuyên trên các kênh truyền thông trực tuyến như mạng xã hội Facebook. Cụ thể, trang Facebook Sailing Club Mũi Né có 7.306 người thích trang, 7.677 người theo dõi, và 13.748 lượt check-in (truy cập ngày 24/12/2020); trang Facebook Sailing Club Nha Trang có 39.452 người thích trang, 40.274 người theo dõi, và 142.497 lượt check-in (truy cập ngày 24/12/2020). Những số liệu nêu trên cho thấy nhãn hiệu "SAILING CLUB" đã được sử dụng một cách liên tục, công khai và rộng rãi, đủ để người tiêu dùng nhận diện, ghi nhớ và phân biệt nguồn gốc thương mại của dịch vụ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "*Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ*".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

Điểm 39.5.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "SAILING CLUB" là từ ghép tiếng Anh bao gồm "SAILING" (có nghĩa trong tiếng Việt là "chèo thuyền buồm/đi thuyền buồm") và "CLUB" (có nghĩa tiếng Việt là "câu lạc bộ"). Cụm từ này mang nghĩa mô tả dịch vụ đăng ký liên quan đến hoạt động chèo thuyền buồm thuộc các nhóm 39, 41 và gây nhầm

lẫn về tính năng, công dụng với các nhóm dịch vụ còn lại không liên quan đến hoạt động này.

2.2. Mặc dù người nộp đơn đã cung cấp một số tài liệu (các phụ lục 1-10) nhằm chứng minh dấu hiệu đã tạo được khả năng phân biệt qua quá trình sử dụng thực tế, các tài liệu này chủ yếu cung cấp thông tin chung, bằng chứng, dữ liệu cụ thể chưa đủ hỗ trợ, xác lập việc sử dụng rộng rãi của dấu hiệu theo quy định tại Điểm 39.5.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, bao gồm thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi và mức độ sử dụng hiện nay trong hoạt động kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị; và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với dịch vụ liên quan.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73, điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 39.5.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-25696 ngày 19/8/2016 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 89615/QĐ-SHTT ngày 28/10/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-25696 ngày 19/8/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH ECO có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH ECO (qua Công ty TNHH Khang Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150473/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần FHB Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00583 ngày 24/6/2024 của Công ty cổ phần FHB Việt Nam; địa chỉ: Căn số B-00.02, tầng trệt, chung cư lô C1, số 6 đường D9, phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-41026 theo Quyết định số 37678/QĐ-SHTT.IP ngày 01/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5104/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần FHB Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "M MONTON, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-41026 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 37678/QĐ-SHTT.IP ngày 01/4/2024, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 157402 (nhãn hiệu đối chứng 1) và 134520 (nhãn hiệu đối chứng 2).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do người nộp đơn đã thu hẹp phạm vi SPDV đối với đơn số 4-2021-41026, chỉ còn lại hai sản phẩm thuộc nhóm 25 là trang phục dệt kim và khăn quàng cổ. Nhãn hiệu đăng ký sau khi được thu hẹp phạm vi bảo hộ không bị tương tự gây nhầm lẫn đối với các nhãn hiệu đối chứng

- So sánh với nhãn hiệu đối chứng số 1 (cũng thuộc nhóm 25), có thể thấy sự khác biệt rõ rệt: về bản chất, nhãn hiệu đăng ký liên quan đến trang phục mặc trên người (vải, sợi dệt...), trong khi nhãn hiệu đối chứng là giày dép – sản phẩm mang dưới chân, cấu tạo khác và có chức năng riêng biệt. Về chức năng, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký dùng để mặc, bảo vệ cơ thể và thể hiện thời trang, còn giày dép dùng để bảo vệ bàn chân và hỗ trợ di chuyển. Về kênh thương mại, hai nhóm sản phẩm được phân phối qua hệ thống cửa hàng và đối tượng khách hàng khác nhau. Theo quy định tại Điều 26.9.b Thông tư 23/2023/TT-BKHCN, do hai bên khác nhau về bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và kênh thương mại nên không bị coi là tương tự, từ đó không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

- So với nhãn hiệu đối chứng 2: Nhãn hiệu đăng ký có dấu hiệu hình là chữ M cách điệu đặt trong vòng tròn, với màu sắc vàng - đen nổi bật, trong đó nét giữa chữ M được thể hiện đứt nét, các nét viền nối liền với viền hình tròn tạo điểm nhấn thị giác. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng cũng là chữ M cách điệu, nhưng được thiết kế theo hình tam giác ở giữa, hai bên có hai đường kẻ màu đỏ, tạo bố cục hoàn toàn khác biệt. Theo quy định tại Điều 26.4 Thông tư 23/2023/TT-BKHCN, bản thân chữ M là dấu hiệu phổ biến và không có khả năng phân biệt nếu chỉ xét riêng, mà yếu tố phân biệt nằm ở cách thể hiện tổng thể như bố cục, màu sắc, hình học kết hợp. Vì vậy, hai dấu hiệu hình tuy cùng sử dụng chữ M cách điệu nhưng khác biệt rõ ràng về cấu trúc và màu sắc chủ đạo. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký còn có phần chữ "MONTON" (gồm 6 ký tự, phát âm hai âm tiết: Mon-ton), khác biệt hoàn toàn với phần chữ "mattana" trong nhãn hiệu đối chứng (7 ký tự, 3 âm tiết: mat-ta-na), tạo sự phân biệt rõ về cấu tạo, cách phát âm và ý nghĩa. Theo Điều 26.6(b) Thông tư 23/2023/TT-BKHCN, việc kết hợp cả dấu hiệu hình và dấu hiệu chữ làm tăng khả năng phân biệt giữa hai nhãn hiệu, đặc biệt quá trình tra cứu cho thấy các nhãn hiệu của Tổng công

ty May Nhà Bè - CTCP (Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng) luôn được đăng ký dưới dạng kết hợp chữ "mattana" và dấu hiệu hình chữ M cách điệu, cho thấy dấu hiệu hình không được sử dụng độc lập. Do đó, việc đánh giá khả năng gây nhầm lẫn cần thực hiện trên cơ sở tổng thể dấu hiệu (hình + chữ) chứ không chỉ dựa trên phần hình học chữ M. vốn là yếu tố phổ biến theo khoản a, Điều 26.4 Thông tư 23/2023/TT-BKHCN.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều bao gồm phần chữ và phần hình được trình bày tách biệt. Phần chữ "MONTON" của nhãn hiệu đối chứng trùng 5/6 ký tự (M/O/-/T/O/N) tại đúng vị trí và trật tự tương ứng với phần chữ "MORTON" của nhãn hiệu đối chứng 1, chỉ khác duy nhất ở ký tự thứ ba ("N" và "R") trong chuỗi, cho thấy sự tương tự về mặt cấu trúc, trình tự sắp xếp ký tự và độ dài. Phần hình  của nhãn hiệu đối chứng tương tự với phần hình  của nhãn hiệu đối chứng 2 về cách tạo hình, trong đó cả hai phần hình đều sử dụng các đường nét tạo hình chữ cái cách điệu (chữ "M") với các đường xiên, góc nhọn tạo ấn tượng thị giác tương tự.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Sản phẩm ("trang phục dệt kim và khăn quàng cổ") thuộc nhóm 25 của nhãn hiệu đăng ký tương tự với sản phẩm ("quần, áo, cà vạt, mũ") thuộc nhóm tương ứng của nhãn hiệu đối chứng về tính chất và mục đích sử dụng vì đều là hàng may mặc, được sử dụng để mặc hoặc mang trên người.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, đồng thời đăng ký cho hàng hóa tương tự nhau, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp

GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-41026 ngày 27/10/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 37678/QĐ-SHTT.IP ngày 01/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-41026 ngày 27/10/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần FHB Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần FHB Việt Nam (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150474/QĐ-SHTT.JP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần BMC Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2023-00359 ngày 01/8/2023 của Công ty cổ phần BMC Việt Nam; địa chỉ: Lô MB1-2, KCN Đức Hòa 1 - Hạnh Phúc, ấp 5, Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-17723 theo Quyết định số 43779w/QĐ-SHTT ngày 19/6/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5152/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần BMC Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "cyperin max 250EC" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-17723 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 43779w/QĐ-SHTT ngày 19/6/2023, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "CYPER" theo Đăng bạ quốc gia số 11753 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do hai nhãn hiệu không tương tự đến mức gây nhầm lẫn nên việc áp dụng Điều 74.2.e Luật SHTT để từ chối đơn là chưa phù hợp.

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu "cyperin max 250EC" gồm 3 cụm từ, 15 ký tự, trong khi "Cyper" chỉ là 1 từ đơn gồm 5 ký tự.

- Về nội dung-ý nghĩa: "Cyper" có thể gợi liên tưởng đến các lĩnh vực như máy tính, công nghệ, còn "cyperin max 250EC" không mang nghĩa tiếng Việt rõ ràng.

- Về cách phát âm: "Cyper" gồm 2 âm tiết ("Sai – pờ"), trong khi "cyperin max 250EC" gồm 5 âm tiết ("Sai – pờ – rin – mắc – 250EC"), khác biệt rõ rệt.

- Tiền lệ thực tiễn: Trong cùng nhóm hàng hóa (nhóm 5), nhiều nhãn hiệu có tiền tố tương tự vẫn được cấp Giấy chứng nhận.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

- Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "cyperin max 250EC" bao gồm các phần chữ "cyperin", "max" và "250EC" được trình bày tách biệt, trong đó phần chữ "cyperin" là thành tố đầu tiên, đóng vai trò chính tạo khả năng phân biệt. Thành tố này chứa toàn bộ các ký tự cấu thành nhãn hiệu đối chứng "CYPER"

theo đúng trật tự và vị trí sắp xếp, chỉ khác ở hậu tố "-in", có thể khiến người tiêu dùng lầm tưởng hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Các sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 05 của nhãn hiệu đăng ký trùng hoặc tương tự với sản phẩm (thuốc trừ sâu) của nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, đồng thời đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự nhau, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-17723 ngày 21/5/2020 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 43779w/QĐ-SHTT ngày 19/6/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-17723 ngày 21/5/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần BMC Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần BMC Việt Nam (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150475/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Linh Khôi
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2019-00516 ngày 25/9/2019 của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Linh Khôi; địa chỉ: 144/18 Võ Duy Ninh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-09937 theo Quyết định số 76691/QĐ-SHTT ngày 09/9/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5107/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Linh Khôi với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Mànvietcurtain" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-09937 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 76691/QĐ-SHTT ngày 09/9/2019, căn cứ điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do dấu hiệu không có khả năng phân biệt, và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-01139.

Người nộp đơn đề nghị xem lại Quyết định số 76691/QĐSHTT ngày 09/09/201 và chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đối chứng đã bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ và đã hết thời hạn khiếu nại trước ngày 09/09/2019. Do đó, đơn số 4-2015-01139 không còn đủ điều kiện trở thành nhãn hiệu đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-01139 đã bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 9542/QĐ-SHTT ngày 31/01/2019 và đã hết thời hạn khiếu nại theo quy định. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý với ý kiến của người khiếu nại, không sử dụng nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-01139 làm căn cứ đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

2.2. Nhãn hiệu đăng ký "Mànvietcurtain" là một từ ghép không có dấu phân cách, nhưng được cấu thành từ các yếu tố có thể nhận diện được ranh giới từ theo nguyên tắc ngôn ngữ học, thị giác thương mại và nhận thức thông thường của người tiêu dùng, bao gồm "màn" là từ tiếng Việt (còn gọi là "rèm"), "viet" yếu tố thường dùng để chỉ nguồn gốc Việt (hoặc Việt Nam), và "curtain" từ tiếng Anh có nghĩa là "rèm cửa". Kết hợp cụm "Mànvietcurtain" gợi tưởng đến "màn Việt" hay "rèm cửa Việt Nam", mô tả trực tiếp sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 24 và dịch vụ đăng ký thuộc nhóm 35 nêu trong đơn đăng ký.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc không sử dụng nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-01139 làm căn cứ đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc xem xét lại Quyết định số 76691/QĐSHTT ngày 09/09/201, căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-09937 ngày 23/4/2015 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 76691/QĐ-SHTT ngày 09/9/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-09937 ngày 23/4/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Linh Khôi có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Linh Khôi (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150476/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Chang Jie Food Co., Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2014-01146 ngày 14/11/2014 của Chang Jie Food Co., Ltd; địa chỉ: No.14, Minquan St., Tucheng Dist., New Taipei City 236, Taiwan; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và Trần; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-11207 theo Quyết định số 47949/QĐ-SHTT ngày 14/8/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5132/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Chang Jie Food Co., Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Good Luck [HAO YUN DUO DUO: may mắn hội tụ], hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-11207 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 47949/QĐ-SHTT ngày 14/8/2014, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 81233 và 190461 (nhãn hiệu đối chứng) như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 17167/SHTT-NH2 ngày 26/5/2014, và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Người nộp đơn không phản hồi Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 17167/SHTT-NH2 do mất liên lạc với đại diện tại Đài Loan, dẫn đến việc không nhận được thông báo kịp thời và cũng không nộp yêu cầu gia hạn thời hạn trả lời. Người nộp đơn vẫn đang cố gắng liên lạc với đại diện nhưng chưa nhận được phản hồi, đồng thời không có thông tin để liên hệ trực tiếp với đại diện tại Việt Nam.

- Do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 17167/SHTT-NH2 vì mất liên lạc với đại diện tại Đài Loan, người nộp đơn hiện nay nộp đơn khiếu nại để bảo vệ quyền lợi đối với nhãn hiệu và đồng thời xin thay đổi đại diện. Trong Thông báo nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ đã từ chối bảo hộ phần chữ "Good Luck" cho nhóm 30 và 32 do gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên, nhóm 29 không bị từ chối, do đó người nộp đơn đề nghị tách nhóm 29 sang một đơn đăng ký mới (đã nộp kèm công văn trình bày việc tách đơn). Để khắc phục lý do bị từ chối, người nộp đơn đồng thời xin loại bỏ phần chữ "Good Luck" khỏi nhãn hiệu và nộp kèm 10 mẫu nhãn hiệu sửa đổi mới cho đơn đăng ký 4-2012-11207.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "*Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn*

bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Người nộp đơn đề nghị xem xét việc cấp văn bằng bảo hộ cho nhóm 29 của nhãn hiệu đăng ký sau khi đã loại bỏ nhóm 30, 32 và phần chữ "Good Luck". Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn sau khi Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-11207 ngày 28/5/2012 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 47949/QĐ-SHTT ngày 14/8/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-11207 ngày 28/5/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Chang Jie Food Co., Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Chang Jie Food Co., Ltd (qua Công ty TNHH Dương và Trần) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150477/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Kasen
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-01313 ngày 27/12/2017 của Công ty TNHH Kasen; địa chỉ: 25, đường số 1, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư BRANDLINK; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-25233 theo Quyết định số 68002/QĐ-SHTT ngày 29/9/2017;

DAD778

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5139/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Kasen với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "umi" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-25233 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 68002/QĐ-SHTT ngày 29/9/2017, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 260216 và 253552 (nhãn hiệu đối chứng) như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 21980/SHTT-NH2 ngày 22/6/2017, và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do đồng ý với kết luận của Cục Sở hữu trí tuệ, tự nguyện loại bỏ dịch vụ "mua bán mỹ phẩm" khỏi đơn số 4-2015-25233. Danh mục hàng hóa, dịch vụ còn lại gồm:

Nhóm 25: Quần áo, mũ nón, giày dép;

Nhóm 35: Mua bán quần áo, mũ nón, giày dép, túi xách, thắt lưng.

Người nộp đơn đề nghị tiếp tục xem xét bảo hộ nhãn hiệu "UMI" cho các dịch vụ còn lại theo đơn nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "*Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn*".

2. Nhận định, đánh giá:

Người nộp đơn đề nghị xem xét việc cấp văn bằng bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ nhóm 25, 35 của nhãn hiệu đăng ký sau khi tự nguyện loại bỏ dịch vụ "mua bán mỹ phẩm". Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn sau khi Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-25233 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 68002/QĐ-SHTT ngày 29/9/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-25233 ngày 15/9/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Kasen có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Kasen (qua Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư BRANDLINK) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150478/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Pagani Pens SA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ quy định chi tiết về Sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2007-00409 ngày 11/12/2007 của Premec SA; địa chỉ: Via Industria CH-6814 cadempino, Switzerland (nay là Pagani Pens SA; địa chỉ: Via Ponteggia 19 CH-6814 Cadempino, Switzerland); đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 891188 theo Thông báo số 4861 L/2007 ngày 16/8/2007;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5423/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Pagani Pens SA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FLOATING INKS" theo đơn quốc tế số 891188 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 4861 L/2007 ngày 16/8/2007, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP với lý do là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Nhãn hiệu hoàn toàn không mô tả các sản phẩm đăng ký trong nhóm 16. Theo người nộp đơn, trong mỹ thuật có một kỹ thuật làm cho mực (ink) được nổi (floating) trên mặt nước phẳng tạo thành các vân giống vân đá cẩm thạch rồi trang trí lên các giấy (marbled paper). Phương pháp này hoàn toàn không có mối liên kết nào với các sản phẩm đăng ký. Với nghĩa thông thường, "FLOATING INKS" nghĩa là "mực nổi" chưa từng có ý nghĩa mô tả hay được xem là tính chất của sản phẩm mực hay các sản phẩm văn phòng phẩm thuộc nhóm 16.

- Người nộp đơn còn cung cấp thông tin nhãn hiệu đã được chấp nhận bảo hộ tại Thụy Sĩ và Hồng Kông.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP quy định dấu hiệu sau đây không được Nhà nước bảo hộ với danh nghĩa là nhãn hiệu hàng hoá: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ và xuất xứ của hàng hoá, dịch vụ*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "FLOATING INKS" có nghĩa tiếng Việt thông thường là "mực nổi", mang nghĩa mô tả đặc tính, trạng thái của mực, là một trong các sản phẩm được liệt kê trong danh mục đăng ký thuộc nhóm 16.

- Dẫn chứng về việc nhãn hiệu đã được chấp nhận bảo hộ tại Thụy Sĩ và Hồng Kông có tính tham khảo, không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 891188 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 4861 L/2007 ngày 16/8/2007 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 891188.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Pagani Pens SA có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Pagani Pens SA (qua Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150479/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Amann & Sohne GmbH & Co. KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2016-00217 ngày 18/3/2016 của Amann & Sohne GmbH & Co. KG; địa chỉ: Hauptstrasse 1, 74357 Bonnigheim, Germany; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1225701 theo Thông báo số 2014/47 HBN16 ngày 27/11/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5351/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Amann & Sohne GmbH & Co. KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CROWN" theo đơn quốc tế số 1225701 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2014/47 HBN16 ngày 27/11/2015, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 173407 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Về mặt ngữ nghĩa: Nhãn hiệu đăng ký có thành phần chữ "CROWN" mang nghĩa rõ ràng trong tiếng Việt là "vương miện", dễ tạo liên tưởng và ghi nhớ. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "JETCROWN" chỉ là một tên gọi tự đặt, không có nghĩa cụ thể, nên ấn tượng để lại chủ yếu ở hình thức từ ngữ chứ không tạo liên tưởng rõ ràng như "CROWN và hình".

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu kết hợp giữa chữ cách điệu và hình ảnh, nổi bật với hình vương miện đặt trên chữ "O", phông chữ in hoa, nền xám viền trắng, tạo hiệu ứng thị giác mạnh và dễ ghi nhớ. Ngược lại, nhãn hiệu đối chứng "JETCROWN" chỉ gồm chữ in hoa đơn giản, không có hình ảnh đặc trưng. Theo điểm 39.6.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, nhãn hiệu có yếu tố hình và chữ tạo thành tổng thể có khả năng phân biệt khi có thành phần mạnh gây ấn tượng. Trong trường hợp này, hình vương miện cách điệu và kiểu trình bày của "CROWN" là yếu tố nổi bật tạo nên sự khác biệt rõ rệt.

- Về phát âm: Nhãn hiệu đăng ký thường được người tiêu dùng Việt Nam phát âm với 2 âm tiết: Cờ-Rao. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "JETCROWN" có 3 âm tiết: Dét-Cờ-Rao. Sự khác biệt về tiền tố "JET" tạo nên sự tách biệt rõ ràng về âm thanh và trực giác nhận diện. Do đó, khi in trên bao bì, người tiêu dùng dễ dàng phân biệt hai nhãn hiệu này bằng mắt thường ngay cả khi chỉ nhìn lướt qua.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký CROWN bao gồm phần chữ "CROWN" và phần hình vương miện nhỏ, đặt trên chữ "O". Trong tổng thể bố cục, phần chữ này được trình bày bằng chữ in hoa đậm, kích thước lớn, nổi bật, chiếm phần lớn trong bố cục nhãn hiệu, là thành phần chủ yếu tạo khả năng phân biệt. Phần chữ này tương tự với "CROWN", thành phần chữ có độ dài lớn hơn trong nhãn hiệu đối chứng "JETCROWN".

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Sản phẩm "threads and yarns" ("các loại chỉ và sợi") mang nhãn hiệu đăng ký trùng hoặc tương tự với sản phẩm "các loại chỉ và sợi dùng để dệt" mang nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tương tự về mặt cấu trúc, đồng thời đăng ký cho các sản phẩm trùng hoặc tương tự nhau, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1225701 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/47 HBN16 ngày 27/11/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1225701.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Amann & Sohne GmbH & Co. KG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Amann & Sohne GmbH & Co. KG (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150480/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của iPrice Group Sdn Bhd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2020-01157 ngày 24/11/2020 của iPrice Group Sdn Bhd; địa chỉ: Unit A-22-1, 22nd Floor, Northpoint Offees Suite, Mid Valley City, No. 1, Medan Syed Putra, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn IPNG (nay là Công ty TNHH ADASTRA IP (VIỆT NAM)); khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-39203 theo Quyết định số 68480/QĐ-SHTT ngày 26/8/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5377/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của iPrice Group Sdn Bhd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "iprice, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-39203 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 68480/QĐ-SHTT ngày 26/8/2020, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 117289 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký tương tự với nhãn hiệu đối chứng theo Văn nhưng không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng Việt Nam. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký có yếu tố tương tự với nhãn hiệu đối chứng do cùng chứa thành phần chính "iprice". Tuy nhiên, lập luận rằng chỉ yếu tố giống nhau này là chưa đủ căn cứ để từ chối bảo hộ theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

(ii) Nhãn hiệu đăng ký không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng:

- Về khả năng phân biệt thực tế của nhãn hiệu đăng ký: Nhãn hiệu "IPRICE, HÌNH" đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam và được người tiêu dùng nhận biết là của iPrice Group Sdn Bhd. Việc sử dụng lâu dài giúp nhãn hiệu đạt được khả năng phân biệt và không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu khác, kể cả nhãn hiệu đối chứng.

- Về tình trạng sử dụng của nhãn hiệu đối chứng:

+ Nhãn hiệu này không được sử dụng trong quá khứ. Nhãn hiệu chưa từng được sử dụng cho dịch vụ Nhóm 35 kể từ ngày nộp đơn. Các kết quả tra cứu "iprice.com.vn" trên Google từ 2007-2020 đều dẫn đến iPrice Group Malaysia, không liên quan đến Công ty CP công nghệ Giấc Mơ Việt.

+ Không được sử dụng tại thời điểm hiện tại: Không tìm thấy thông tin doanh nghiệp của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng trên cổng đăng ký quốc gia. Không có bằng chứng hoạt động kinh doanh gắn với nhãn hiệu. Tên miền <iprice.com.vn> do một công ty khác nắm giữ, không sử dụng, và đã hết hạn từ 2020.

+ Không có khả năng sử dụng trong tương lai: Văn bằng bảo hộ số 117289 đã hết hiệu lực từ 30/7/2017 và không được gia hạn. Điều này cho thấy chủ sở hữu không có ý định sử dụng nhãn hiệu trong tương lai.

Do đó, nhãn hiệu "IPRICE, HÌNH" đã có khả năng phân biệt thực tế, trong khi nhãn hiệu đối chứng không được sử dụng hoặc có hiệu lực, nên không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Với các lập luận và chứng cứ nêu trên, người nộp đơn cho rằng mặc dù nhãn hiệu "IPRICE, HÌNH" có yếu tố

tương tự với nhãn hiệu đối chứng, nhưng người tiêu dùng Việt Nam không thể bị nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu này. Lý do là vì nhãn hiệu "IPRICE, HÌNH" đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng thực tế, trong khi nhãn hiệu đối chứng chưa từng được sử dụng tại thị trường Việt Nam. Do đó, không đủ căn cứ áp dụng Điều 74.2.e Luật SHTT, và nhãn hiệu "IPRICE, HÌNH" hoàn toàn đáp ứng điều kiện được bảo hộ.

(iii) Người nộp đơn còn cung cấp Biên bản điều tra sử dụng nhãn hiệu đối chứng tại Việt Nam được cung cấp bởi Bản in Thị trường giá cả - Viện Kinh tế Tài chính.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 22.1.c)(ii) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định những nội dung sau đây trong đơn khiếu nại không thuộc phạm vi giải quyết khiếu nại, do đó không được chấp nhận trong quá trình giải quyết khiếu nại: "*Tình tiết mới chưa được người nộp đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp là đối tượng của quyết định, thông báo bị khiếu nại đưa ra trong quá trình thẩm định đơn, mà có thể làm thay đổi quyết định, thông báo bị khiếu nại*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhãn hiệu đăng ký 

bao gồm phần chữ và phần hình được trình bày tách biệt, trong đó phần chữ "iprice" được đặt ở vị trí đầu, chiếm phần lớn trong tổng thể bố cục nhãn hiệu, là thành phần chủ yếu có khả năng phân biệt. Phần chữ này tương tự với phần chữ "iPrice", cũng là yếu tố chính của nhãn hiệu đối chứng 

. Hai nhãn hiệu này đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 trùng hoặc tương tự với nhau. Do đó, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mang các nhãn hiệu này.

2.2. Người khiếu nại còn nêu ra các luận điểm bao gồm:

- Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam, có khả năng phân biệt thực tế và được người tiêu dùng nhận biết là của iPrice Group Sdn Bhd;

- Nhãn hiệu đối chứng không sử dụng trên thực tế, đã hết hiệu lực từ 30/7/2017 và không được gia hạn. Đồng thời, người nộp đơn cũng cung cấp Biên bản điều tra việc không sử dụng nhãn hiệu đối chứng tại Việt Nam do Bản tin Thị trường giá cả - Viện Kinh tế Tài chính thực hiện.

Tuy nhiên, các luận điểm này không được chấp thuận do đây là tình tiết mới, chưa được người nộp đơn đưa ra trong quá trình thẩm định đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 22.1.c)(ii) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-39203 ngày 08/12/2016 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 68480/QĐ-SHTT ngày 26/8/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-39203 ngày 08/12/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, iPrice Group Sdn Bhd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và iPrice Group Sdn Bhd (qua Công ty TNHH ADASTRA IP (VIỆT NAM)) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH, Công ty TNHH Tư vấn IPNG (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150481/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Bao bì United
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2020-00461 ngày 16/6/2020 của Công ty TNHH Bao bì United; địa chỉ: Lô A5-1, Khu A5, đường D4, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Việt An; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-13192 ngày 27/5/2015 theo Quyết định số 29157/QĐ-SHTT ngày 29/4/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5337/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Bao bì United với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "UP J, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-13192 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 29157/QĐ-SHTT ngày 29/4/2020, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 138714 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Nhãn hiệu "UP J, hình" đăng ký tổng thể phần chữ "UP" và phần hình "JJ hình cách điệu". Xét tổng thể nhãn hiệu đăng ký không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

- Nhãn hiệu đối chứng đã bị chấm dứt hiệu lực ngày 30/9/2019. Người nộp đơn đã nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực bảo hộ nhãn hiệu này vào ngày 25/12/2018. Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 4753/QĐ-SHTT ngày 30/9/2019 chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu của Disney Enterprises, Inc.

- Có cơ sở để cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký sau khi đã hoàn tất thủ tục chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng.

- Việc cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký không xung đột với quyền của nhãn hiệu đối chứng. Nhãn hiệu đối chứng bị chấm dứt vào ngày 30/9/2019. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký nếu được cấp sẽ có hiệu lực từ sau thời điểm nhãn hiệu đối chứng đã mất hiệu lực. Ngoài ra, trong quá trình chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ đã gửi nhiều thông báo yêu cầu giải trình, nhưng chủ đơn Disney không phản hồi và không có hành động bảo vệ quyền lợi của mình. Việc tra cứu cũng cho thấy nhãn hiệu không được sử dụng tại Việt Nam trong thời gian dài, thể hiện sự từ bỏ quyền sở hữu. Như vậy, đến nay, nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực và không còn là căn cứ để so sánh hoặc gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc*

tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 hoặc bị hủy bỏ hiệu lực theo quy định tại Điều 96 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đối chứng đã bị chấm dứt hiệu lực theo Quyết định số 4753/QĐ-SHTT ngày 30/9/2019, căn cứ việc xem xét đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực bảo hộ nhãn hiệu số ĐN1-2018-00304 ngày 25/12/2018, và thời hạn theo quy định để khiếu nại, khiếu kiện đối với Quyết định này đã hết. Theo đó nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 138714 không còn là căn cứ đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-13192 ngày 27/5/2015, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 29157/QĐ-SHTT ngày 29/4/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-13192 ngày 27/5/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-13192 ngày 27/5/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Bao bì United (qua Công ty Luật TNHH Việt An) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150482/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Liên Minh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2008-00304 ngày 19/6/2008 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Liên Minh; địa chỉ: 1367 Trịnh Đình Trọng, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2006-13806 theo Quyết định số 13676/QĐ-SHTT ngày 18/3/2008;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5162/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Liên Minh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MIAMISHOES" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-13806 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 13676/QĐ-SHTT ngày 18/3/2008, căn cứ khoản 5 Điều 73 và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ, và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 37203 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Nhãn hiệu "MIAMISHOES" là một cụm từ liền nhau, không ngắt quãng, không phải là sự kết hợp đơn giản giữa "MIAMI" và "SHOES". Không mang ý nghĩa mô tả nguồn gốc địa lý hoặc chất lượng hàng hóa. Việc sử dụng từ "MIAMI" không nhất thiết dẫn đến sự liên tưởng tới nguồn gốc xuất xứ hoặc gây nhầm lẫn. Người nộp đơn dẫn chứng hai nhãn hiệu có yếu tố này.

- So với nhãn hiệu đối chứng: Xét về yếu tố thị giác, cấu trúc, phát âm, "MIAMISHOES" là một cụm liền mạch gồm 10 ký tự, trong khi đó nhãn hiệu đối chứng "MIAMI SOL, hình" là 2 thành tố riêng biệt, kèm hình ảnh. Nhãn hiệu đang xét khác biệt rõ ràng về cấu trúc, phát âm (3 âm tiết so với 5 âm tiết). Xét về ý nghĩa, "MIAMISHOES" không mang nghĩa rõ ràng, trong khi đó "MIAMI SOL" có thể gợi liên tưởng đến "Mặt trời Miami", mang tính biểu tượng. Hai nhãn hiệu không có sự trùng lặp về ý tưởng hoặc ẩn ý.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "*Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ*".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Nhãn hiệu đăng ký "MIAMISHOES" là một chuỗi ký tự không có dấu phân cách, nhưng được cấu thành từ các yếu tố có thể nhận diện được ranh giới từ theo nguyên tắc ngôn ngữ học, thị giác thương mại và nhận thức thông thường của người tiêu dùng, bao gồm các từ tiếng Anh "MIAMI" là thành phố thuộc bang Florida của nước Mỹ và "SHOES" (mang nghĩa là "giày dép"), có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc, xuất xứ chủng loại hàng hóa, trong khi Chủ đơn là doanh nghiệp ở Việt Nam.

2.2. Nhãn hiệu đối chứng "MIAMI SOL & hình" bao gồm các phần chữ "MIAMI" và "SOL" được trình bày tách biệt, trong đó phần chữ "MIAMI" tương tự gây nhầm lẫn với thành tố đầu có khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký "MIAMISHOES" xét về cấu trúc từ ngữ. Sản phẩm (quần áo; giày; dép; mũ nón) mang nhãn hiệu đăng ký trùng hoặc tương tự với các sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 25 của nhãn hiệu đối chứng. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tương tự về mặt cấu trúc, đồng thời đăng ký cho các sản phẩm trùng hoặc tương tự, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2006-13806 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 13676/QĐ-SHTT ngày 18/3/2008 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-13806 ngày 22/8/2006.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Liên Minh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhất Liên Minh (qua Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150483/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của National Agricultural Cooperative Federation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2019-00845 ngày 20/12/2019 của National Agricultural Cooperative Federation; địa chỉ: 16, Saemunan-ro, Jung-gu, Seoul, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-28185 theo Quyết định số 82872/QĐ-SHTT ngày 24/9/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5191/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của National Agricultural Cooperative Federation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "[nong hyup in sam han sam in: Hợp tác xã nông nghiệp nhân sâm Hàn Quốc - Nhân sâm đặc biệt], hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-29269 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 82872/QĐ-SHTT ngày 24/9/2019, căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do dấu hiệu không có khả năng phân biệt, cụ thể là sự kết hợp của phần hình và phần chữ, trong đó phần hình đa giác được trình bày đơn giản với màu ghi xám không tạo ấn tượng đặc biệt, hình củ sâm mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, bên trong hình đa giác là phần chữ Hàn không có khả năng phân biệt vì là ngôn ngữ không thông dụng.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký gồm phần chữ Hàn Quốc, hình củ sâm, chữ "Ep" và hai hình lục lăng lồng nhau có màu sắc đặc trưng, là logo nhận diện thương hiệu của chủ đơn – National Agricultural Cooperative Federation (Hàn Quốc). Nhãn hiệu đã được sử dụng lâu năm, được người tiêu dùng biết đến và đã được cấp giấy chứng nhận tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và Trung Quốc. Để đảm bảo tính hợp pháp khi lưu hành tại Việt Nam, chủ đơn đã nộp đơn đăng ký bảo hộ và đề nghị được bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ Hàn Quốc và hình củ sâm. Chủ đơn còn cung cấp thông tin nhãn hiệu đã được cấp tại các quốc gia và dẫn chứng một số nhãn hiệu tương tự đã được bảo hộ tổng thể.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn*".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Nhãn hiệu đăng ký 

bao gồm phần hình bát giác có viền khung, bên trong là phần chữ Hàn thuộc ngôn ngữ không thông dụng, không có khả năng phân biệt, cùng với hình củ sâm mang tính mô tả trực tiếp danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm 5, 29, 30 và 40 theo đơn đăng ký. Tổng thể dấu hiệu sử dụng màu sắc đơn giản, không tạo ấn tượng thị giác đặc biệt.

2.2. Thông tin về việc được cấp giấy chứng nhận tại các quốc gia và các dẫn chứng của người khiếu nại trong đơn có tính tham khảo, không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-28185 ngày 12/9/2016 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 82872/QĐ-SHTT ngày 24/9/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-28185 ngày 12/9/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, National Agricultural Cooperative Federation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và National Agricultural Cooperative Federation (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150484/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BIOPLAX LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-00086 ngày 22/01/2021 của BIOPLAX LIMITED; địa chỉ: Endeavour House, 78 Stafford Road, Wallington, Suney SM6 9AY, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn - Dịch thuật - Sở hữu trí tuệ Á Đông; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-15557 ngày 17/5/2018 theo Quyết định số 89632/QĐ-SHTT ngày 28/10/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5260/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BIOPLAX LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "AFTAMED" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-15557 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 89632/QĐ-SHTT ngày 28/10/2020, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 97179 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đối chứng đã chấm dứt hiệu lực vào ngày 08/9/2015 và sau ngày 08/9/2020 là đã quá 5 năm nên nhãn hiệu này không còn là nhãn hiệu đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này*".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 97179 ngày 08/9/2005, chấm dứt hiệu lực vào ngày 08/9/2015, và sau ngày 08/9/2020 là đã quá 5 năm, theo đó không còn là căn cứ đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-15557 ngày 17/5/2018, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 89632/QĐ-SHTT ngày 28/10/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-15557 ngày 17/5/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-15557 ngày 17/5/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BIOPLAX LIMITED (qua Công ty TNHH Tư vấn - Dịch thuật - Sở hữu trí tuệ Á Đông) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150485/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Việt Thái
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2017-01248 ngày 01/12/2017 của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Việt Thái; địa chỉ: 49/11D Hoài Thanh, phường 14, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-03779 ngày 17/02/2016 theo Quyết định số 80412/QĐ-SHTT ngày 16/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5254/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Việt Thái với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ONEMY, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-03779 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 80412/QĐ-SHTT ngày 16/11/2017, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 và khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 113806 (nhãn hiệu đối chứng), và về nguyên tắc nộp đơn đầu tiên so với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-03778 có cùng ngày nộp đơn.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đối chứng có khả năng bị chấm dứt hiệu lực vì không được sử dụng liên tục trong 5 năm kể từ ngày 01/9/2012 (kèm theo công văn 109A/VKTTC-BTTT-CVNH chứng minh việc không sử dụng). Người nộp đơn đã nộp đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng số ĐN1-2017-00259 ngày 20/10/2017. Theo đó đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại Quyết định số 80412/QĐ-SHTT ngày 16/11/2017 và chỉ đưa ra kết luận về đơn đăng ký sau khi có kết quả chính thức về yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này*".

Khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "*Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cùng đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ và cùng có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho đối tượng của một đơn duy nhất trong số các đơn đó theo thoả thuận của tất cả những người nộp đơn; nếu không thoả thuận được thì các đối tượng tương ứng của các đơn đó bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ*".

2. Nhận định, đánh giá:

Xem xét tiến trình thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-03779 và các ý kiến của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Trong quá trình thẩm định đơn số 4-2016-03779, người nộp đơn đã không cung cấp thông tin về việc chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo đơn số ĐN1-2017-00259 ngày 20/10/2017. Tuy nhiên, nhằm tránh bất lợi cho người nộp đơn, Cục Sở hữu chấp thuận không sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 113806 làm căn cứ đối chứng từ ngày 20/10/2017 cho đến khi có kết quả chính thức về yêu cầu chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2017-00259.

2.2. Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-03778 của cùng người nộp đơn (Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Việt Thái), có cùng ngày nộp đơn (17/02/2016) với đơn số 4-2016-03779, đăng ký các nhãn hiệu tương tự với nhau. Theo đó, việc áp dụng căn cứ từ chối theo Khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ là chưa chính xác.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2016-03779 ngày 17/02/2016.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 80412/QĐ-SHTT ngày 16/11/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-03779 ngày 17/02/2016.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-03779 ngày 17/02/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Việt Thái (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Nhãn hiệu (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150486/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Trần Thị Huyền
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-00164 ngày 21/02/2022 của Ông/Bà Trần Thị Huyền; địa chỉ: Số nhà 6, ngách 15 ngõ 10 phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-04717 theo Quyết định số 4265/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022 ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5307/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Trần Thị Huyền với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Jinro" đăng ký theo đơn số 4-2020-04717 bị từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng 

được bảo hộ theo GCNĐKNH số 312065, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký "Jinro" được trình bày theo phông chữ thông thường, trong khi đó nhãn hiệu đối chứng là từ "Rinro" cách điệu được trình bày trên hình vuông. Tổng thể hai nhãn hiệu khác biệt về hình thức thể hiện. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký có ký tự đầu tiên "J-" khác với "R-" tại nhãn hiệu đối chứng, dẫn đến sự khác biệt hiển nhiên về mặt cấu trúc. Đồng thời nhãn hiệu đăng ký có phát âm là "chin-rô" phân biệt với phát âm "rin-rô" tại nhãn hiệu đối chứng.s

- Theo kết quả tra cứu về thông tin người nộp thuế được trích xuất từ Trang thông tin điện tử chính thức của Tổng Cục Thuế Việt Nam, cũng như thông tin công khai tại Cổng thông tin quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp ghi nhận Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng – Công ty TNHH thương mại sản xuất Tiên Nguyễn đã tuyên bố giải thể doanh nghiệp vào ngày 23 tháng 10 năm 2018 và đã đóng mã số thuế ngày 17 tháng 11 năm 2018. Do đó, nhãn hiệu đối chứng đáp ứng điều kiện bị chấm dứt hiệu lực bảo hộ căn cứ theo điểm c, khoản 1, Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ. Khả năng gây nhầm lẫn cho khách hàng về nguồn gốc hàng hóa với nhãn hiệu đối chứng là không thể xảy ra trên thực tế.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "Jinro" đăng ký theo đơn số 4-2020-04717 có 3/4 ký tự trùng nhau (trùng phần cuối "-inro") với nhãn hiệu đối chứng. Mặc dù, có hai ký tự đầu "J", "R" đi kèm với "-in" tạo nên hai thành phần "Jin" – "Rin" có phát âm tương tự nhau. Trong khi, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đăng ký.

Tại thời điểm ban hành Quyết định 4265/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022, công ty sở hữu nhãn hiệu đối chứng giải thể chưa được 5 năm và Quyết định giải thể doanh nghiệp không thay thế được thủ tục chấm dứt hiệu lực theo quy định của Cục Sở hữu trí tuệ, do đó các nhãn hiệu đối chứng vẫn được coi là căn cứ từ chối nhãn hiệu đăng ký theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sỡ hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-04717 ngày 18/02/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 4265/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-04717 ngày 18/02/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Trần Thị Huyền có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Trần Thị Huyền (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150487/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Nail Tech Supply, Inc
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-00625 ngày 02/6/2017 của Nail Tech Supply, Inc; địa chỉ: 6840 North Oak, Gladstone, MO 64118, United States; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-31374 theo Quyết định số 16367/QĐ-SHTT ngày 20/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5324/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Nail Tech Supply, Inc với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu Artistic NAIL DESIGN đăng ký theo đơn số 4-2014-31374 bị từ chối chấp nhận bảo hộ theo quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì bị xem là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu ARTISTRY theo GCNĐKNH số 8176, nhãn hiệu ARTISTRY theo GCNĐKNH số 54069 và nhãn hiệu ARTISTRY theo ĐKQT số 1124350. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 8176, 54069 và ĐKQT số 1124350 về cấu trúc, hình thức thể hiện, cách đọc và ý nghĩa, đặc biệt là sự khác biệt ở phần hậu tố và thiết kế tổng thể của nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu  đăng ký theo đơn số 4-2014-31374 được cấu tạo bởi phần chữ "NAIL DESIGN" mang tính mô tả sản phẩm, không được bảo hộ: phần chữ "Artistic" là thành phần phân biệt chính có 6/8 ký tự trùng với thành phần "Artistry" của các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 8176, 54069 và ĐKQT số 1124350, có cùng ý nghĩa tiếng Việt là "nghệ thuật" và tương tự về cách phát âm. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách phát âm, ý nghĩa. Trong khi, sản phẩm đăng ký bị coi là tương tự với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Quyết định số 16367/QĐ-SHTT ngày 20/3/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-31374 ngày 17/12/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 16367/QĐ-SHTT ngày 20/3/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-31374 ngày 17/12/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Nail Tech Supply, Inc có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Nail Tech Supply, Inc (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150488/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00365 ngày 24/3/2017 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.; địa chỉ: Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District Shenzhen, P.R.China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ bảo hộ đơn quốc tế (ĐQT) số 1276147 theo Thông báo số 2015/47 NTH33 ngày 24/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5145/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FusionCloud" theo ĐQT số 1276147 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/47 NTH33 ngày 24/11/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FUSION" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 45974 (nhãn hiệu đối chứng), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn không đồng ý với nội dung Thông báo nêu trên và đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1276147 với các lý lẽ sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng khi so sánh tổng thể cũng như từng khía cạnh dưới đây:

- Về cấu trúc tổng thể và cấu trúc từ ngữ, nhãn hiệu đăng ký là một sự kết hợp độc đáo bởi 02 từ tiếng Anh viết liền tạo thành một tổng thể không thể tách rời "FusionCloud". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm một từ duy nhất "FUSION".

- Về ý nghĩa & nội dung, nhãn hiệu đăng ký "FusionCloud" có nghĩa là "đám mây nóng chảy/hợp nhất" trong khi nhãn hiệu đối chứng "FUSION" có nghĩa là "sự nóng chảy/hợp nhất".

- Về âm tiết, nhãn hiệu đăng ký "FusionCloud" luôn được đọc và phát âm thành ba âm tiết là /ˈfjuːʒən-klaʊd/, trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuːʒən/.

- Về cảm nhận thị giác, do sự khác biệt về cấu trúc tổng thể, cấu trúc từ ngữ, nội dung ý nghĩa và âm tiết như đã trình bày ở trên, cảm nhận thị giác của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là khác biệt.

Thứ hai, trên thực tế, một số nhãn hiệu có cùng cấu trúc từ ngữ như nhãn hiệu đăng ký, cụ thể là cùng chứa thành phần "FUSION", đã được Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng và chấp nhận bảo hộ dù danh mục sản phẩm thuộc nhóm 09 của các nhãn hiệu đó đều bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Thứ ba, trên thế giới, nhãn hiệu đăng ký "FusionCloud" cũng được thừa nhận là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUSION" khi cả hai cùng đăng ký cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 09 ở một số quốc gia, bao gồm nhưng không giới hạn ở 28 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Singapore, Philippines, Hồng Kông, Trung Quốc.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký gồm 11 chữ cái tạo thành bởi hai từ tiếng Anh "Fusion" và "Cloud", trong đó chữ cái đầu tiên của mỗi từ được viết hoa, tạo ấn tượng như hai từ đứng tách biệt nhau; nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" gồm 6 chữ cái. Do các chữ cái của nhãn hiệu đăng ký được sắp xếp liền nhau nhưng chữ cái F và C được viết hoa, nổi bật so với các chữ cái còn lại khiến cho dấu hiệu này tạo ấn tượng với người tiêu dùng thành hai từ "Fusion" và "Cloud" với nghĩa tiếng Việt tương ứng là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất' và "đám mây", trong khi nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" có nghĩa là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất". Trong trường hợp này, "Fusion" là thành phần trùng và chiếm ưu thế trong cả hai nhãn hiệu, trong khi "Cloud" chỉ mang tính mô tả sản phẩm đăng ký thuộc Nhóm 09. Do đó, toàn bộ dấu hiệu "FusionCloud" chỉ tạo ra cảm nhận chung là sự hợp nhất đám mây – không đủ tạo ấn tượng phân biệt với nhãn hiệu "FUSION". Việc yếu tố phân biệt chính là "Fusion" trùng nhau, kết hợp với phần chữ "Cloud" không có khả năng phân biệt mạnh sẽ làm gia tăng nguy cơ người tiêu dùng hiểu nhầm rằng các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này có cùng nguồn gốc thương mại, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn. Về cách phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể được phát âm thành bốn âm tiết /ˈfjuːˌʒən-klaʊd/, còn nhãn hiệu đối chứng được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuːˌʒən/.

Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Danh mục sản phẩm đăng ký theo dấu hiệu "FusionCloud" tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định về cấu tạo và cách phát âm, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do thành phần "Fusion" trùng nhau và chiếm ưu thế, trong khi thành phần "Cloud" mang tính mô tả, không đủ tạo sự khác biệt tổng thể khi kết hợp với nhau. Trong khi, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho sản phẩm

tương tự. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và không được coi là có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ

Từ các phân tích ở trên cho thấy lập luận của người nộp đơn (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) về việc nhãn hiệu đăng ký "FusionCLoud" theo ĐQT số 1276147 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1276147 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/47 NTH33 ngày 24/11/2016 về về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1276147.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150489/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00359 ngày 23/3/2017 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.; địa chỉ: Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District Shenzhen, P.R.China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1278869 theo Thông báo số 2015/49 NNL32 ngày 09/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5149/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FusionManager" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1278869 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/49 NNL32 ngày 09/12/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FUSION" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 45974 (nhãn hiệu đối chứng), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn không đồng ý với nội dung Thông báo nêu trên và đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1278869 với các lý lẽ sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng khi so sánh tổng thể cũng như từng khía cạnh dưới đây:

- Về cấu trúc tổng thể và cấu trúc từ ngữ, nhãn hiệu đăng ký là một sự kết hợp độc đáo bởi 02 từ tiếng Anh viết liền tạo thành một tổng thể không thể tách rời "FusionManager". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm một từ duy nhất "FUSION".

- Về ý nghĩa & nội dung, nhãn hiệu đăng ký "FusionManager" có nghĩa là "sự quản lý nóng chảy/hợp nhất" trong khi nhãn hiệu đối chứng "FUSION" có nghĩa là "sự nóng chảy/hợp nhất".

- Về âm tiết, nhãn hiệu đăng ký "FusionManager" luôn được đọc và phát âm thành năm âm tiết là /ˈfjuːʒən-ˈmæ-nɪd-ʒər/, trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuːʒən/.

- Về cảm nhận thị giác, do sự khác biệt về cấu trúc tổng thể, cấu trúc từ ngữ, nội dung ý nghĩa và âm tiết như đã trình bày ở trên, cảm nhận thị giác của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là khác biệt.

Thứ hai, trên thực tế, một số nhãn hiệu có cùng cấu trúc từ ngữ như nhãn hiệu đăng ký, cụ thể là cùng chứa thành phần "FUSION", đã được Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng và chấp nhận bảo hộ dù danh mục sản phẩm thuộc nhóm 09 của các nhãn hiệu đó đều bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Thứ ba, trên thế giới, nhãn hiệu đăng ký "FusionManager" cũng được thừa nhận là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUSION" khi cả hai cùng đăng ký cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 09 ở một số quốc gia, bao gồm nhưng không giới hạn ở 28 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Singapore, Philippines, Hồng Kông, Trung Quốc.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký gồm 13 chữ cái tạo thành bởi hai từ tiếng Anh "Fusion" và "Manager", trong đó chữ cái đầu tiên của mỗi từ được viết hoa, tạo ấn tượng như hai từ đứng tách biệt nhau; nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" gồm 6 chữ cái. Do các chữ cái của nhãn hiệu đăng ký được sắp xếp liền nhau nhưng chữ cái F và M được viết hoa, nổi bật so với các chữ cái còn lại khiến cho dấu hiệu này tạo ấn tượng với người tiêu dùng thành hai từ "Fusion" và "Manager" với nghĩa tiếng Việt tương ứng là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất' và "sự quản lý", trong khi nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" có nghĩa là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất". Trong trường hợp này, "Fusion" là thành phần trùng và chiếm ưu thế trong cả hai nhãn hiệu, trong khi "Manager" chỉ mang tính mô tả sản phẩm đăng ký thuộc Nhóm 09. Do đó, toàn bộ dấu hiệu "FusionManager" chỉ tạo ra cảm nhận chung là một sự quản lý hợp nhất – không đủ tạo ấn tượng phân biệt với nhãn hiệu "FUSION". Việc yếu tố phân biệt chính là "Fusion" trùng nhau, kết hợp với phần chữ "Manager" không có khả năng phân biệt mạnh sẽ làm gia tăng nguy cơ người tiêu dùng hiểu nhầm rằng các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này có cùng nguồn gốc thương mại, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn. Về cách phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể được phát âm thành năm âm tiết /ˈfjuː-ʒən-ˈmæ-nɪd-ʒər/, còn nhãn hiệu đối chứng được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuː-ʒən/.

Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Danh mục sản phẩm đăng ký theo dấu hiệu "FusionManager" tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định về cấu tạo và cách phát âm, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do thành phần "Fusion" trùng nhau và chiếm ưu thế, trong khi thành phần "Manager" mang tính mô tả, không đủ tạo sự khác biệt tổng thể khi kết hợp với

nhau. Trong khi, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho sản phẩm tương tự. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và không được coi là có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ

Từ các phân tích ở trên cho thấy lập luận của người nộp đơn (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) về việc nhãn hiệu đăng ký "FusionManager" theo ĐQT số 1278869 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1278869 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/49 NNL32 ngày 09/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1278869.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150490/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Leeden National Oxygen Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2021-00439 ngày 29/4/2021 của Leeden National Oxygen Ltd.; địa chỉ: 1 Shipyard Road Singapore 628128; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với đơn số CB4-2019-00469 ngày 20/5/2019 theo Quyết định số 105/QĐ-SHTT ngày 29/01/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5306/BC-

TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Leeden National Oxygen Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn số CB4-2019-00469 ngày 20/5/2019 của Leeden National Oxygen Ltd. bị từ chối đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với GCNĐKNH số 197649 và 204718 với lý do người nộp đơn đã sửa chữa trong thời hạn quy định nhưng không đạt yêu cầu theo Thông báo 6118/SHTT-SCVB ngày 28/4/2020 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu nêu trên với lý do:

- Người nộp đơn khẳng định chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng là của Ông Steven Tham Weng Cheon – Người đại diện bên chuyển nhượng trong Hợp đồng, là chữ ký viết tay bằng bút mực xanh do đích thân Ông Steven Tham Weng Cheon ký.

- Người nộp đơn bổ sung "Báo cáo bởi Thanh lý viên liên quan tới cuộc họp cuối cùng" theo Mục 459 (3), (4) Luật Công ty Malaysia là tài liệu chứng minh việc bên chuyển nhượng – Herculus Machinery Gases SDN BHD đã giải thể và không còn tồn tại sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Theo quy định tại Thông tư 01/2007/TT-BKHCN: "48.2 Trong trường hợp hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp có thiếu sót theo quy định tại điểm 48.3 của Thông tư này, Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Ra thông báo dự định từ chối đăng ký hợp đồng, trong đó nêu rõ các thiếu sót của hồ sơ, ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối đăng ký hợp đồng;

b) Ra quyết định từ chối đăng ký hợp đồng nếu người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc có sửa chữa thiếu sót nhưng không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng về dự định từ chối đăng ký hợp đồng trong thời hạn đã được ấn định.

48.3 Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp bị coi là có thiếu sót nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tờ khai không hợp lệ;

b) Thiếu một trong các tài liệu trong danh mục tài liệu phải có;

c) Giấy ủy quyền không hợp lệ;

d) Bản sao hợp đồng không được xác nhận hợp lệ;

e) Tên, địa chỉ của bên chuyển giao trong hợp đồng không phù hợp với các thông tin tương ứng trong văn bằng bảo hộ hoặc trong hợp đồng là căn cứ phát sinh quyền chuyển giao, giấy ủy quyền, tờ khai; tên, địa chỉ của bên được chuyển giao trong hợp đồng không phù hợp với tên, địa chỉ ghi trong giấy ủy quyền, tờ khai;

g) Hợp đồng không có đủ chữ ký (và con dấu, nếu có) của bên chuyển giao và bên được chuyển giao;

h) Bên chuyển nhượng không phải là chủ văn bằng bảo hộ;

i) Đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan không còn trong thời hạn hiệu lực bảo hộ hoặc đang có tranh chấp;

k) Hợp đồng chuyển giao thiếu các nội dung phải có theo quy định tương ứng tại Điều 140 hoặc khoản 1 Điều 144 của Luật Sở hữu trí tuệ;

l) Hợp đồng có nội dung không phù hợp với quy định về các điều kiện hạn chế việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp tại Điều 139 của Luật Sở hữu trí tuệ hoặc có các điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền của bên được chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 144 của Luật Sở hữu trí tuệ;

m) Có căn cứ để khẳng định rằng việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của bên thứ ba."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã bổ sung "Báo cáo bởi Thanh lý viên liên quan tới cuộc họp cuối cùng" theo Mục 459 (3), (4) Luật Công ty Malaysia là tài liệu chứng minh việc bên chuyển nhượng – Herculus Machinery Gases SDN BHD đã giải thể và không còn tồn tại sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng. Do đó, không còn cơ sở cho rằng việc chuyển nhượng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa vì chưa yếu tố "HERCULES" trùng với tên thương mại của Bên chuyển nhượng.

Liên quan đến lý do, chữ ký của Ông Steven Tham Weng Cheon – Người đại diện theo pháp luật của Bên chuyển nhượng trong Hợp đồng – là bản sao chụp (photo), không phải bản gốc chữ ký viết tay. Việc người nộp đơn đưa ra xác nhận về chữ ký như nêu trong đơn khiếu nại là không đủ cơ sở để chứng minh đây là chữ ký viết tay của Ông Steven Tham Weng Cheon. Do đó, thiếu sót này hiện vẫn chưa được khắc phục theo đúng quy định.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, những thiếu sót trong Thông báo 6118/SHTT-SCVB ngày 28/4/2020 của Cục Sở hữu trí tuệ chưa được khắc phục. Do đó, tại thời điểm ban hành Quyết định số 105/QĐ-SHTT ngày 29/01/2021, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp, khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo đơn số CB4-2019-00469 ngày 20/5/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 105/QĐ-SHTT ngày 29/01/2021 về việc từ chối đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo đơn số CB4-2019-00469 ngày 20/5/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Leeden National Oxygen Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Leeden National Oxygen Ltd. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150491/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2016-00923 ngày 03/11/2016 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.; địa chỉ: Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District Shenzhen, P.R.China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1247878 theo Thông báo số 2015/28 MDQ20 ngày 14/07/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5154/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FusionData" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1247878 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/28 MDQ20 ngày 14/07/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FUSION" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 45974 (nhãn hiệu đối chứng), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn không đồng ý với nội dung Thông báo nêu trên và đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1247878 với các lý lẽ sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng khi so sánh tổng thể cũng như từng khía cạnh dưới đây:

- Về cấu trúc tổng thể và cấu trúc từ ngữ, nhãn hiệu đăng ký là một sự kết hợp độc đáo bởi 02 từ tiếng Anh viết liền tạo thành một tổng thể không thể tách rời "FusionData". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm một từ duy nhất "FUSION".

- Về ý nghĩa & nội dung, nhãn hiệu đăng ký "FusionData" có nghĩa là "dữ liệu nóng chảy/hợp nhất" trong khi nhãn hiệu đối chứng "FUSION" có nghĩa là "sự nóng chảy/hợp nhất".

- Về âm tiết, nhãn hiệu đăng ký "FusionData" luôn được đọc và phát âm thành bốn âm tiết là /ˈfjuː-ʒən-ˈdeɪ-tə/, trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuː-ʒən/.

- Về cảm nhận thị giác, do sự khác biệt về cấu trúc tổng thể, cấu trúc từ ngữ, nội dung ý nghĩa và âm tiết như đã trình bày ở trên, cảm nhận thị giác của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là khác biệt.

Thứ hai, trên thực tế, một số nhãn hiệu có cùng cấu trúc từ ngữ như nhãn hiệu đăng ký, cụ thể là cùng chứa thành phần "FUSION", đã được Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng và chấp nhận bảo hộ dù danh mục sản phẩm thuộc nhóm 09 của các nhãn hiệu đó đều bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Thứ ba, trên thế giới, nhãn hiệu đăng ký "FusionData" cũng được thừa nhận là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUSION" khi cả hai cùng đăng ký cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 09 ở một số quốc gia, bao gồm nhưng

không giới hạn ở 28 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Singapore, Philippines, Hồng Kông, Trung Quốc.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký gồm 10 chữ cái tạo thành bởi hai từ tiếng Anh "Fusion" và "Data", trong đó chữ cái đầu tiên của mỗi từ được viết hoa, tạo ấn tượng như hai từ đứng tách biệt nhau; nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" gồm 6 chữ cái. Do các chữ cái của nhãn hiệu đăng ký được sắp xếp liền nhau nhưng chữ cái F và D được viết hoa, nổi bật so với các chữ cái còn lại khiến cho dấu hiệu này tạo ấn tượng với người tiêu dùng thành hai từ "Fusion" và "Data" với nghĩa tiếng Việt tương ứng là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất' và "dữ liệu", trong khi nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" có nghĩa là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất". Trong trường hợp này, "Fusion" là thành phần trùng và chiếm ưu thế trong cả hai nhãn hiệu, trong khi "Data" chỉ mang tính mô tả sản phẩm đăng ký thuộc Nhóm 09. Do đó, toàn bộ dấu hiệu "FusionData" chỉ tạo ra cảm nhận chung là một dữ liệu hợp nhất – không đủ tạo ấn tượng phân biệt với nhãn hiệu "FUSION". Việc yếu tố phân biệt chính là "Fusion" trùng nhau, kết hợp với phần chữ "Data" không có khả năng phân biệt mạnh sẽ làm gia tăng nguy cơ người tiêu dùng hiểu nhầm rằng các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này có cùng nguồn gốc thương mại, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn. Về cách phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể được phát âm thành bốn âm tiết /ˈfjuː-ʒən-ˈdeɪ-tə/, còn nhãn hiệu đối chứng được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuː-ʒən/.

Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Danh mục sản phẩm đăng ký theo dấu hiệu "FusionData" tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định về cấu tạo và cách phát âm, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do

thành phần "Fusion" trùng nhau và chiếm ưu thế, trong khi thành phần "Data" mang tính mô tả, không đủ tạo sự khác biệt tổng thể khi kết hợp với nhau. Trong khi, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho sản phẩm tương tự. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và không được coi là có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ

Từ các phân tích ở trên cho thấy lập luận của người nộp đơn (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) về việc nhãn hiệu đăng ký "FusionData" theo ĐQT số 1247878 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1247878 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/28 MDQ20 ngày 14/7/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1247878.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150492/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00353 ngày 21/3/2017 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.; địa chỉ: Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District Shenzhen, P.R.China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1278829 theo Thông báo số 2015/49 TDH27 ngày 09/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5151/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FusionNetwork" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1278829 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/49 TDH27 ngày 09/12/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FUSION" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 45974 (nhãn hiệu đối chứng), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn không đồng ý với nội dung Thông báo nêu trên và đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1278829 với các lý lẽ sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng khi so sánh tổng thể cũng như từng khía cạnh dưới đây:

- Về cấu trúc tổng thể và cấu trúc từ ngữ, nhãn hiệu đăng ký là một sự kết hợp độc đáo bởi 02 từ tiếng Anh viết liền tạo thành một tổng thể không thể tách rời "FusionNetwork". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm một từ duy nhất "FUSION".

- Về ý nghĩa & nội dung, nhãn hiệu đăng ký "FusionNetwork" có nghĩa là "mạng lưới nóng chảy/hợp nhất" trong khi nhãn hiệu đối chứng "FUSION" có nghĩa là "sự nóng chảy/hợp nhất".

- Về âm tiết, nhãn hiệu đăng ký "FusionNetwork" luôn được đọc và phát âm thành bốn âm tiết là /ˈfjuː-ʒən-ˈnet-wɜːk/, trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuː-ʒən/.

- Về cảm nhận thị giác, do sự khác biệt về cấu trúc tổng thể, cấu trúc từ ngữ, nội dung ý nghĩa và âm tiết như đã trình bày ở trên, cảm nhận thị giác của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là khác biệt.

Thứ hai, trên thực tế, một số nhãn hiệu có cùng cấu trúc từ ngữ như nhãn hiệu đăng ký, cụ thể là cùng chứa thành phần "FUSION", đã được Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng và chấp nhận bảo hộ dù danh mục sản phẩm thuộc nhóm 09 của các nhãn hiệu đó đều bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Thứ ba, trên thế giới, nhãn hiệu đăng ký "FusionNetwork" cũng được thừa nhận là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUSION" khi cả hai cùng đăng ký cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 09 ở một số quốc gia, bao gồm nhưng không giới hạn ở 28 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Singapore, Philippines, Hồng Kông.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký gồm 13 chữ cái tạo thành bởi hai từ tiếng Anh "Fusion" và "Network", trong đó chữ cái đầu tiên của mỗi từ được viết hoa, tạo ấn tượng như hai từ đứng tách biệt nhau; nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" gồm 6 chữ cái. Do các chữ cái của nhãn hiệu đăng ký được sắp xếp liền nhau nhưng chữ cái F và N được viết hoa, nổi bật so với các chữ cái còn lại khiến cho dấu hiệu này tạo ấn tượng với người tiêu dùng thành hai từ "Fusion" và "Network" với nghĩa tiếng Việt tương ứng là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất' và "Mạng lưới", trong khi nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" có nghĩa là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất". Trong trường hợp này, "Fusion" là thành phần trùng và chiếm ưu thế trong cả hai nhãn hiệu, trong khi "Network" chỉ mang tính mô tả sản phẩm đăng ký thuộc Nhóm 09. Do đó, toàn bộ dấu hiệu "FusionNetwork" chỉ tạo ra cảm nhận chung là một mạng lưới hợp nhất – không đủ tạo ấn tượng phân biệt với nhãn hiệu "FUSION". Việc yếu tố phân biệt chính là "Fusion" trùng nhau, kết hợp với phần chữ "Network" không có khả năng phân biệt mạnh sẽ làm gia tăng nguy cơ người tiêu dùng hiểu nhầm rằng các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này có cùng nguồn gốc thương mại, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn. Về cách phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể được phát âm thành bốn âm tiết /ˈfjuː-ʒən-ˈnet-wɜːk/, còn nhãn hiệu đối chứng được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuː-ʒən/.

Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Danh mục sản phẩm đăng ký theo dấu hiệu "FusionNetwork" tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định về cấu tạo và cách phát âm, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do thành phần "Fusion" trùng nhau và chiếm ưu thế, trong khi thành phần "Network" mang tính mô tả, không đủ tạo sự khác biệt tổng thể khi kết hợp với nhau. Trong khi, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho sản phẩm tương tự. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và không được coi là có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ

Từ các phân tích ở trên cho thấy lập luận của người nộp đơn (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) về việc nhãn hiệu đăng ký "FusionNetwork" theo ĐQT số 1278829 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1278829 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/49 TDH27 ngày 09/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1278829.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150493/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00288 ngày 14/3/2017 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.; địa chỉ: Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District Shenzhen, P.R.China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1277320 theo Thông báo số 2015/48 TDH08 ngày 30/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5147/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FusionCompute" theo ĐQT số 1277320 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/48 TDH08 ngày 30/11/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FUSION" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 45974 (nhãn hiệu đối chứng), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn không đồng ý với nội dung Thông báo nêu trên và đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1277320 với các lý lẽ sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng khi so sánh tổng thể cũng như từng khía cạnh dưới đây:

- Về cấu trúc tổng thể và cấu trúc từ ngữ, nhãn hiệu đăng ký là một sự kết hợp độc đáo bởi 02 từ tiếng Anh viết liền tạo thành một tổng thể không thể tách rời "FusionCompute". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm một từ duy nhất "FUSION".

- Về ý nghĩa & nội dung, nhãn hiệu đăng ký "FusionCompute" có nghĩa là "tính toán nóng chảy/hợp nhất" trong khi nhãn hiệu đối chứng "FUSION" có nghĩa là "sự nóng chảy/hợp nhất".

- Về âm tiết, nhãn hiệu đăng ký "FusionCompute" luôn được đọc và phát âm thành bốn âm tiết là /ˈfjuː-ʒən-kəm-ˈpjuːt/, trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuː-ʒən/.

- Về cảm nhận thị giác, do sự khác biệt về cấu trúc tổng thể, cấu trúc từ ngữ, nội dung ý nghĩa và âm tiết như đã trình bày ở trên, cảm nhận thị giác của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là khác biệt.

Thứ hai, trên thực tế, một số nhãn hiệu có cùng cấu trúc từ ngữ như nhãn hiệu đăng ký, cụ thể là cùng chứa thành phần "FUSION", đã được Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng và chấp nhận bảo hộ dù danh mục sản phẩm thuộc nhóm 09 của các nhãn hiệu đó đều bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Thứ ba, trên thế giới, nhãn hiệu đăng ký "FusionCompute" cũng được thừa nhận là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUSION" khi cả hai cùng đăng ký cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 09 ở một số quốc gia, bao gồm nhưng không giới hạn ở 28 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Singapore, Philippines, Hồng Kông, Trung Quốc.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký gồm 13 chữ cái tạo thành bởi hai từ tiếng Anh "Fusion" và "Compute", trong đó chữ cái đầu tiên của mỗi từ được viết hoa, tạo ấn tượng như hai từ đứng tách biệt nhau; nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" gồm 6 chữ cái. Do các chữ cái của nhãn hiệu đăng ký được sắp xếp liền nhau nhưng chữ cái F và C được viết hoa, nổi bật so với các chữ cái còn lại khiến cho dấu hiệu này tạo ấn tượng với người tiêu dùng thành hai từ "Fusion" và "Compute" với nghĩa tiếng Việt tương ứng là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất' và "tính toán", trong khi nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" có nghĩa là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất". Trong trường hợp này, "Fusion" là thành phần trùng và chiếm ưu thế trong cả hai nhãn hiệu, trong khi "Compute" chỉ mang tính mô tả sản phẩm đăng ký thuộc Nhóm 09. Do đó, toàn bộ dấu hiệu "FusionCompute" chỉ tạo ra cảm nhận chung là sự hợp nhất tính toán – không đủ tạo ấn tượng phân biệt với nhãn hiệu "FUSION". Việc yếu tố phân biệt chính là "Fusion" trùng nhau, kết hợp với phần chữ "Compute" không có khả năng phân biệt mạnh sẽ làm gia tăng nguy cơ người tiêu dùng hiểu nhầm rằng các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này có cùng nguồn gốc thương mại, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn. Về cách phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể được phát âm thành bốn âm tiết /'fju:-ʒən-kəm-'pju:t/, còn nhãn hiệu đối chứng được phát âm bằng hai âm tiết /'fju:-ʒən/.

Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Danh mục sản phẩm đăng ký theo dấu hiệu "FusionCompute" tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định về cấu tạo và cách phát âm, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do thành phần "Fusion" trùng nhau và chiếm ưu thế, trong khi thành phần "Compute" mang tính mô tả, không đủ tạo sự khác biệt tổng thể khi kết hợp với

nhau. Trong khi, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho sản phẩm tương tự. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và không được coi là có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ

Từ các phân tích ở trên cho thấy lập luận của người nộp đơn (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) về việc nhãn hiệu đăng ký "FusionCompute" theo ĐQT số 1277320 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1277320 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/48 TDH08 ngày 30/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1277320.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150494/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Chu Thị Huyền Trâm
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2025-00082 ngày 17/02/2025 của Ông/Bà Chu Thị Huyền Trâm; địa chỉ: 142E/19 Cô Giang, Phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0938272328; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-45389 ngày 19/11/2021 theo Quyết định số 56599/QĐ-SHTT.IP ngày 15/5/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5274/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Chu Thị Huyền Trâm với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-45389 ngày 19/11/2021 của Ông/Bà Chu Thị Huyền Trâm bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên do không nhận được Thông báo số 94187/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 28/11/2023 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 56599/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 15/5/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-45389 ngày 19/11/2021. Người nộp đơn cam kết chỉ biết được thông tin của Thông báo và Quyết định nêu trên khi đến Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ tại Thành phố Hồ Chí Minh để tra cứu thông tin. Do đó, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để thực hiện nghĩa vụ tài chính và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Ngoài ra, người nộp đơn cam kết nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN:"Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 94187/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 28/11/2023 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 56599/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 15/5/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-45389 ngày 19/11/2021 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết chỉ biết được thông tin của Thông báo và Quyết định nêu trên khi đến Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ tại Thành phố Hồ Chí Minh để tra cứu thông tin. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Vì lý do nêu trên, người nộp đơn không có thông tin cần thiết

để có thể thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-45389.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-45389 ngày 19/11/2021.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 56599/QĐ-SHTT.IP ngày 15/5/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-45389 ngày 19/11/2021.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-45389 ngày 19/11/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Chu Thị Huyền Trâm có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 94187/SHTT-NH.IP ngày 28/11/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 94187/SHTT-NH.IP ngày 28/11/2023.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150495/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần cà phê MILANO Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-00810 ngày 07/9/2020 của Công ty cổ phần cà phê MILANO Việt Nam; địa chỉ: 53/26 đường số 1, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0916182169; khiếu nại về việc bị từ chối đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp tại đơn số CB4-2018-00686 ngày 27/7/2018 theo Quyết định số 2921/QĐ-SHTT ngày 27/7/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5209/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần cà phê MILANO Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn số CB4-2018-00686 ngày 27/7/2018 của Công ty cổ phần cà phê MILANO Việt Nam bị từ chối đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với GCNĐKNH số 247524 với lý do người nộp đơn đã sửa chữa trong thời hạn quy định nhưng không đạt yêu cầu theo Thông báo 6703/QHTT-SCVB ngày 08/4/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu nêu trên với lý do:

- Việc chuyển nhượng nhãn hiệu "LÊ PHAN" từ Công ty TNHH Cà phê Lê Phan cho Công ty cổ phần cà phê MILANO Việt Nam hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật;

- Về thiếu sót do địa chỉ trên GCNĐKNH số 247524, tờ khai và hợp đồng, biên bản, đã được người nộp đơn khắc phục các thiếu sót theo giải trình và bổ sung tài liệu chứng minh tại Công văn số 01/CV-SHTT/Milano ngày 05/6/2019.

- Ngày 12/8/2020, Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chính thức có thông báo về việc giải thể Công ty TNHH Cà phê Lê Phan, kể từ thời điểm cập nhật dữ liệu, Công ty TNHH Cà phê Lê Phan chính thức không còn tồn tại và hoạt động.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại Thông tư 01/2007/TT-BKHCN: "48.2 Trong trường hợp hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp có thiếu sót theo quy định tại điểm 48.3 của Thông tư này, Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Ra thông báo dự định từ chối đăng ký hợp đồng, trong đó nêu rõ các thiếu sót của hồ sơ, ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối đăng ký hợp đồng;

b) Ra quyết định từ chối đăng ký hợp đồng nếu người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc có sửa chữa thiếu sót nhưng không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng về dự định từ chối đăng ký hợp đồng trong thời hạn đã được ấn định.

48.3 Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp bị coi là có thiếu sót nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tờ khai không hợp lệ;

b) Thiếu một trong các tài liệu trong danh mục tài liệu phải có;

c) Giấy ủy quyền không hợp lệ;

d) Bản sao hợp đồng không được xác nhận hợp lệ;

e) Tên, địa chỉ của bên chuyển giao trong hợp đồng không phù hợp với các thông tin tương ứng trong văn bằng bảo hộ hoặc trong hợp đồng là căn cứ phát sinh quyền chuyển giao, giấy ủy quyền, tờ khai; tên, địa chỉ của bên được chuyển giao trong hợp đồng không phù hợp với tên, địa chỉ ghi trong giấy ủy quyền, tờ khai;

g) Hợp đồng không có đủ chữ ký (và con dấu, nếu có) của bên chuyển giao và bên được chuyển giao;

h) Bên chuyển nhượng không phải là chủ văn bằng bảo hộ;

i) Đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan không còn trong thời hạn hiệu lực bảo hộ hoặc đang có tranh chấp;

k) Hợp đồng chuyển giao thiếu các nội dung phải có theo quy định tương ứng tại Điều 140 hoặc khoản 1 Điều 144 của Luật Sở hữu trí tuệ;

l) Hợp đồng có nội dung không phù hợp với quy định về các điều kiện hạn chế việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp tại Điều 139 của Luật Sở hữu trí tuệ hoặc có các điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền của bên được chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 144 của Luật Sở hữu trí tuệ;

m) Có căn cứ để khẳng định rằng việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của bên thứ ba."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Đối với thiếu sót về việc chuyển nhượng nhãn hiệu "LÊ PHAN" từ Công ty TNHH Cà phê Lê Phan cho Công ty cổ phần cà phê MILANO Việt Nam có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ vì chứa yếu tố "LÊ PHAN" trùng với Tên thương mại của bên chuyển nhượng. Ngày 12/8/2020, Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chính thức có thông báo về việc giải thể Công ty TNHH Cà phê Lê Phan, kể từ thời điểm cập nhật dữ liệu, Công ty TNHH Cà phê Lê Phan chính thức không còn tồn tại và hoạt động. Do đó, Tên thương mại "LÊ PHAN" không còn khả năng làm căn cứ từ chối việc chuyển nhượng nhãn hiệu "LÊ PHAN" GCNĐKNH số 247524 cấp ngày

02/7/2015 từ Công ty TNHH Cà phê Lê Phan cho Công ty cổ phần cà phê MILANO Việt Nam.

Như vậy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhập lý do của người khiếu nại.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở ghi nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo đơn số CB4-2018-00686 ngày 27/7/2018 của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 2921/QĐ-SHTT ngày 27/7/2020 về việc từ chối đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp tại đơn số CB4-2018-00686 ngày 27/7/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục ghi nhận chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp tại đơn số CB4-2018-00686 ngày 27/7/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Sau Cấp Văn Bằng, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần cà phê MILANO Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150496/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1221416 của Philipp Plein (CH) đã bị hết hiệu lực tại Việt Nam vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2016-00116 ngày 15/02/2016 của Philipp Plein; địa chỉ: Santisstrasse 5, CH-8580 Amriswil, Switzerland (hiện nay là: Via Dufour 20 CH-6900 Lugano (CH)); đại diện bởi: Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế số 1221416 hết hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 03/6/2024 vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Philipp Plein (qua Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150497/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Snapology IP, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-01210 ngày 21/10/2022 của Snapology IP, LLC; địa chỉ: 1350 Old Pond Road, Bridgeville, PA 15017, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH ASLAW; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-42875 theo Quyết định số 64755/QĐ-SHTT ngày 27/7/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5458/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Snapology IP, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-42875 ngày 28/10/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 64755/QĐ-SHTT ngày 27/7/2022 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

1. Về ý nghĩa của nhãn hiệu: nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng hoàn hoàn toàn phân biệt về ý nghĩa.

a. Ý nghĩa của nhãn hiệu đăng ký "Snapology".

Yếu tố "ology" là hậu tố thường thấy trong các môn học tiếng anh, yếu tố chính trong nhãn hiệu là "Snap". Từ "Snap" theo từ điển Oxford có nghĩa là "sự cắn, sự đớp". Phần ý nghĩa này đã được chủ đơn thể hiện rõ qua phần hình trong đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp cùng ngày.

b. Ý nghĩa của nhãn hiệu đối chứng có đăng bạ quốc gia số 397380 và nhãn hiệu đối chứng có đăng ký quốc tế số 1230212

Phần chữ nhãn hiệu đối chứng, đặc biệt là nhãn hiệu đối chứng có đăng bạ quốc gia số 397380 đã tạo ấn tượng mạnh cho người tiêu dùng rằng nhãn hiệu gồm 02 phần riêng biệt là "SYNAPS" và "OLOGY". Trong đó, phần chữ "SYNAPS" là thuật ngữ đã được đề xướng bởi ông Charles Scott Sherrington vào năm 1987, đây là nơi tiếp xúc giữa hai nơ ron mà thông qua đó cho phép các nơron truyền đi thông tin qua lại lẫn nhau, người nộp đơn có nộp kèm theo phân tích nghĩa của từ Wikipedia. Còn phần chữ "ology" có cùng hàm nghĩa như nhãn hiệu đã đăng ký.

2. Về cấu tạo: khác biệt rõ ràng về cấu tạo từ, cụ thể

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo từ 9 chữ cái với 4 âm tiết gồm "S-N-A-P-O-L-O-G-Y". Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng được cấu tạo từ 11 chữ cái với 5 âm tiết gồm: "S-Y-N-A-P-S-O-L-O-G-Y".

3. Về phát âm

Phần trùng nhau duy nhất trong nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng là hậu tố đuôi "ology". Phần tiền tố phát âm hoàn toàn khác biệt. Đồng thời khi viết liền lại thì do sự kết hợp giữa phụ âm và nguyên âm nên tổng thể phát âm có sự khác nhau rõ ràng giữa hai nhãn hiệu.

4. Về hình thức thể hiện

Nhãn hiệu đăng ký viết chữ thông thường. Nhãn hiệu đối chứng viết thông thường hoặc thiết kế cách điệu hình bộ não và hình tia chớp bên trái. Phần chữ "ology" có phần "olo" cách điệu hình khuôn mặt.

5. Về danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu

Tất cả các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký đều hướng tới đối tượng sử dụng là trẻ em. Trong khi đó nhãn hiệu đối chứng lại hướng tới đối tượng là người cao tuổi. Trẻ em và người cao tuổi là hai đối tượng đặc biệt, với phương pháp tiếp cận và giáo dục, đào tạo riêng biệt, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm về thể chất, tâm lý. Do đó, kênh phân phối, sử dụng dịch vụ mang các nhãn hiệu hoàn toàn có khả năng phân biệt.

6. Người nộp đơn cũng trình bày các trường hợp nhãn hiệu đã được bảo hộ ở Hoa kỳ tương tự trường hợp của nhãn hiệu đăng ký để làm dẫn chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nhãn hiệu đăng ký, lý do khiếu nại và các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi phần hình và phần chữ, trong đó phần chữ "Snapology" là thành phần phân biệt của nhãn hiệu đăng ký so sánh với phần chữ trong nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 397380 và ĐKQT số 1230212 với phần chữ của nhãn hiệu đăng ký chỉ khác có hai ký tự ở 2 vị trí trong nhãn hiệu đối chứng là "Y" (ở giữa "S" và "NAP") và "S" (ở giữa "NAP" và "OLOGY"), không đủ để tạo ra sự khác biệt đáng kể cho các nhãn hiệu về cấu trúc. Khi phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể được người tiêu dùng phát âm là /sờ - náp - po - lo - gy", gần như khó phân biệt với cách phát âm của nhãn hiệu đối chứng số 397380 là /sỳ - náp - so – lo - gy/ do có các vần điệu tương tự nhau.

Phần chữ của nhãn hiệu đăng ký chỉ khác biệt với nhãn hiệu đối chứng ở hai ký tự, cụ thể là ký tự "Y" (nằm giữa "S" và "NAP") và ký tự "S" (nằm giữa "NAP" và "OLOGY"). Những khác biệt này là không đáng kể và không đủ để tạo ra sự khác biệt rõ ràng về mặt cấu trúc giữa hai nhãn hiệu. Ngoài ra, khi phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể được đọc là /sờ - náp - po - lô - gi/, gần giống với cách phát âm của nhãn hiệu đối chứng số 397380 là /sỳ - náp - xô - lô - gi/, do có các âm tiết và vần điệu tương đồng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và cách phát âm.

Ngoài ra, phần chữ trong nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều sử dụng các ký tự La-tinh, nhưng không cấu thành một từ có nghĩa trong tiếng Việt để người tiêu dùng có thể dễ dàng hiểu được ý nghĩa. Do vậy, mặc dù được kết hợp với phần hình và phần chữ còn lại của nhãn hiệu nhưng chưa mang lại khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu đối chứng.

- Về sản phẩm/ dịch vụ:

Danh mục sản phẩm được đăng ký nhãn hiệu "Snapology" theo đơn số 4-2019-42875 bị coi là tương tự với các dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 397380 và ĐKQT số 1230212.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-42875 ngày 28/10/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-42875 ngày 28/10/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 64755/QĐ-SHTT ngày 27/7/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-42875 ngày 28/10/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Snapology IP, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Snapology IP, LLC (qua Công ty TNHH ASLAW) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150498/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần BIDGROUP
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2019-00618 ngày 21/10/2019 của Công ty cổ phần BIDGROUP; địa chỉ: D2, lô C, D11, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn A & S; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-33328 ngày 26/11/2015 theo Quyết định số 59483/QĐ-SHTT ngày 22/7/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5453/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần BIDGROUP với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BID GROUP New Value - New Stature, hình" theo đơn số 4-2015-33328 ngày 26/11/2015 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 59483/QĐ-SHTT ngày 22/7/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do: Người nộp đơn đã nộp đơn số ĐN1-2018-00277 và ĐN1-2018-00278 ngày 28/11/2018 yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng theo (Đăng ký quốc tế) ĐKQT số 1051045 và 1058810.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2018-00277 và ĐN1-2018-00278 ngày 28/11/2018 yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1051045 và 1058810 trước ngày ban hành Quyết định số 59483/QĐ-SHTT ngày 22/7/2019 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-33328 ngày 26/11/2015. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2015-33328 ngày 26/11/2015.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2015-33328 ngày 26/11/2015.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 59483/QĐ-SHTT ngày 22/7/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-33328 ngày 26/11/2015.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-33328 ngày 26/11/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần BIDGROUP (qua Công ty TNHH Tư vấn A & S) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150499/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Skinlax
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2022-01381 ngày 02/12/2022 của Công ty TNHH Skinlax; địa chỉ: 285 Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0938373373; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đông Dương; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-44838 theo Quyết định số 74632/QĐ-SHTT

ngày 25/8/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5345/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Skinlax với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Skinlax" đăng ký theo đơn số 4-2019-44838 ngày 08/11/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "LAX, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 56951, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng:

+ Về mặt cấu tạo: nhãn hiệu đăng ký "Skinlax" gồm 7 ký tự, trong khi "LAX" chỉ có 3 ký tự;

+ Về phát âm: "Skinlax" có thể phát âm là "xi-kin-lát", còn "LAX" phát âm là "lát" hoặc "eo-ay-x";

+ Về mặt ngữ nghĩa: "LAX" là một từ tiếng Anh có nghĩa là "lỏng lẻo, không chặt chẽ", trong khi "Skinlax" không có nghĩa trong tiếng Anh hoặc tiếng Việt, không gợi lên ý nghĩa tương tự nào.

+ Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ cho nhiều trường hợp tương tự như: "JOYCOOK" và "JOY"; "FUJI" và. "FUJIMART"; "NA" vs. "skinna"; "NANO" và "nanocare".

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký có cấu trúc, nội dung, ý nghĩa, cách phát âm và cả hình thức thể hiện khác biệt với nhãn hiệu đối chứng, sự đồng nhất về một số ký tự trên hai nhãn hiệu là "L-A-X" không đủ cơ sở để chứng minh hai nhãn hiệu trên có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

- Nhãn hiệu "Skinlax" đã được chủ đơn tích cực quảng bá qua nhiều kênh phương tiện truyền thông và có mặt trên thị trường nhiều năm qua đủ để người tiêu dùng có thể nhận diện được nhãn hiệu "Skinlax" thuộc sở hữu của Công ty TNHH Skinlax mà không có sự nhầm lẫn với một cá nhân hay tổ chức nào khác.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-44838 ngày 08/11/2019.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký "Skinlax" là sự kết hợp của phần chữ "Skin" có nghĩa "da/làn da", mang tính mô tả đối với hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký, không có khả năng phân biệt và phần chữ "lax" là thành phần tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký trùng với phần chữ "LAX" cũng chính là thành phần mạnh trong nhãn hiệu đối chứng. Thành phần có khả năng phân biệt hay thành phần mạnh của nhãn hiệu chính là yếu tố tác động mạnh vào cảm giác người tiêu dùng, gây chú ý và ấn tượng về nhãn hiệu khi quan sát. Do đó, người tiêu dùng dễ dàng nhầm lẫn nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng. Cùng với đó, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều đăng ký cho các hàng hóa, dịch vụ trùng/tương tự nhau liên quan đến lĩnh vực mỹ phẩm, thẩm mỹ càng khiến cho người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-44838 ngày 08/11/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 74632/QĐ-SHTT ngày 25/8/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-44838 ngày 08/11/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Skinlax có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Skinlax (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đông Dương) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150500/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Square
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2022-00866 ngày 13/7/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Square; địa chỉ: 8/9 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-14989 theo Quyết định số 33054/QĐ-SHTT ngày 22/4/2022;

NAT779

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5370/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Square với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký 

(R 2 SQUARE, hình) theo đơn số 4-2019-14989 ngày 04/5/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng số 1 

(the SQUARE, hình) được bảo hộ theo GCNĐKNH số 119312, nhãn hiệu đối chứng số 2 

(the SQUARE Food Outside the Box, hình) được bảo hộ theo GCNĐKNH số 155769 và nhãn hiệu đối chứng số 3 "FoodSquare" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 217443, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Tổng thể nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng, cụ thể:

+ Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần hình và phần chữ, trong đó chữ "R" viết in hoa với cỡ chữ rất lớn, được thể hiện cách điệu, đặt ở trung tâm nhãn hiệu và được bo trong hai đường viền góc vuông, số 2 với cỡ chữ nhỏ hơn được đặt phía trên bên phải chữ R, bên dưới chữ "R" là từ "SQUARE" viết nhỏ;

+ Nhãn hiệu đối chứng số 1 là sự kết hợp của phần hình và phần chữ gồm cụm "the SQUARE" được bao phía trong hai nét cong màu đen và xám;

+ Nhãn hiệu đối chứng số 2 là sự kết hợp của phần hình và phần chữ gồm phần chữ là cụm "the SQUARE Food Outside the Box", bên phải là phần hình là một hình vuông màu đen chứa một hình tròn màu trắng và các nét đoạn thẳng màu trắng;

+ Nhãn hiệu đối chứng số 3 là cụm "FoodSquare" viết liền, không có nghĩa trong tiếng Việt.

Như vậy, tổng thể nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp độc đáo của các dấu hiệu, khác biệt về cấu trúc hay cách thức thể hiện, vì vậy dễ dàng phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng.

- Điểm liên quan duy nhất giữa các nhãn hiệu là phần chữ "SQUARE", tuy nhiên, dấu hiệu này do không còn khả năng phân biệt thể hiện qua việc có rất nhiều nhãn hiệu chứa dấu hiệu này thuộc sở hữu của các chủ thể khác nhau đã được chấp nhận bảo hộ cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 và 43.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-14989 ngày 04/5/2019.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của phần hình đường gấp khúc với phần chữ cái "R", chữ số "2" và phần chữ "SQUARE", trong đó phần chữ "SQUARE" có nghĩa là "quảng trường, hình vuông", được trình bày rõ ràng tách biệt với phần còn lại ở trên, là thành phần tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký tương tự về ý nghĩa, cấu trúc và cách phát âm với nhãn hiệu đối chứng vì đều chứa phần chữ "SQUARE" là thành phần mạnh trong các nhãn hiệu đối chứng, các thành phần còn lại mang tính mô tả, không có hoặc ít có khả năng phân biệt.

- Về dịch vụ: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều đăng ký cho các dịch vụ trùng/tương tự nhau thuộc nhóm 35 và 43 liên quan đến dịch vụ cung ứng thực phẩm và nhà hàng ăn uống, khách sạn.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về ý nghĩa, cấu trúc và cách phát âm, trong khi lại đăng ký cho các dịch vụ trùng/tương tự nhau có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-14989 ngày 04/5/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 33054/QĐ-SHTT ngày 22/4/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-14989 ngày 04/05/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty trách nhiệm hữu hạn Square có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn Square (qua Công ty TNHH Dương và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150501/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Protos Trading Pte Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00968 ngày 27/10/2021 của Protos Trading Pte Ltd; địa chỉ: 221 Henderson Road #02-01/02 Henderson Building Singapore 159557; đại diện bởi: CÔNG TY LUẬT TNHH T2H; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-

28465 theo Quyết định số 34961/QĐ-SHTT ngày 29/4/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5333/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Protos Trading Pte Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-28465 ngày 07/9/2017 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 34961/QĐ-SHTT ngày 29/4/2021 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 854/SHTT-NH ngày 13/01/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 313094. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Có sự khác biệt giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, cụ thể: nhãn hiệu đăng ký là chữ "Greenlife" viết thường, liền nhau với dấu chấm trên chữ "I" được cách điệu thành hình hai chiếc lá màu xanh lá mạ, màu xanh lục. Trong khi đó nhãn hiệu đối chứng gồm các chữ "PRO GREEN LIFE" in hoa, tách rời, với chữ "PRO" nằm trên chữ "GREEN LIFE", dấu chấm chữ "I" được cách điệu là một chiếc lá nhỏ, phần hình tựa hình chiếc nơ cách điệu màu xanh rêu có lá bên trong, và đặt bên trái phần chữ. Nhãn hiệu đăng ký với chữ "Greenlife" được viết liền không có nghĩa còn nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Green Life" được viết rời và có nghĩa là cuộc sống xanh;

- Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký là các loại dùng cho mục đích y tế với tinh chất, loại sản phẩm và mục đích sử dụng rõ ràng, chỉ rõ thực phẩm bổ sung là thực phẩm chức năng. Trong khi hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng chỉ là các loại chế phẩm dược chung chung. Như vậy, hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là có sự khác biệt;

- Từ năm 2016, nhãn hiệu GreenLife đã được chủ đơn Protos Trading Pte Ltd đăng ký tại Cơ quan Sở hữu trí tuệ Singapore cho các nhóm 03 và 05 và đều đã được cấp văn bằng bảo hộ.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-28465 này 07/9/2017.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký GreenLife trong đó phần chữ "GreenLife" là thành phần tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu tương tự về cấu trúc và cách phát âm với phần chữ "GREEN LIFE" cũng chính là thành phần mạnh trong nhãn hiệu đối chứng PRO GREEN LIFE (phần chữ "GREEN LIFE" được trình bày độc lập, nổi bật, có khả năng gây chú ý và ấn tượng về nhãn hiệu khi quan sát).

- Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng trùng/tương tự nhau vì có cùng bản chất hoặc cùng chức năng, mục đích sử dụng trong lĩnh vực dược phẩm, là các chế phẩm dược hay các chất bổ sung dùng cho mục đích y tế và chúng được cung cấp theo cùng một kênh phân phối.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc và cách phát âm, lại được đăng ký cho các hàng hóa trùng/tương tự có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-28465 này 07/9/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 34961/QĐ-SHTT ngày 29/4/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-28465 ngày 07/09/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Protos Trading Pte Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Protos Trading Pte Ltd (qua CÔNG TY LUẬT TNHH T2H) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150502/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Kim Vĩnh Phát
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2020-00070 ngày 31/01/2020 của Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Kim Vĩnh Phát; địa chỉ: 518 (số cũ 46) Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-

2016-23095 ngày 29/7/2016 theo Quyết định số 96367/QĐ-SHTT ngày 31/10/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5284/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Kim Vĩnh Phát với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MY TONE GRACE" đăng ký theo đơn số 4-2016-23095 ngày 29/7/2016 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "GRACE" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 59298, theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Về quy định thời hạn 5 năm của điểm h khoản 2 Điều 74: Điều này quy định một khi nhãn hiệu đã hết hiệu lực thì trong vòng năm năm tiếp sau đó, nhãn hiệu này hoặc cả các nhãn hiệu tương tự với nó cũng sẽ không được chấp thuận bảo hộ cho người thứ ba. Khoảng thời gian 5 năm này là đủ để người tiêu dùng quên đi việc nhãn hiệu đã từng thuộc một chủ sở hữu nào đó và sẽ không nhầm lẫn về nguồn gốc của hàng hóa/dịch vụ. Nói cách khác, quy định này nhằm mục đích bảo vệ người tiêu dùng và không phải để bảo vệ lợi ích của chủ nhãn hiệu, vốn đã không còn quyền đối với nhãn hiệu từ ngày nó hết hiệu lực. Trong nội dung của Điều 74.2.h, không có bất kỳ câu chữ nào đề cập đến việc thời hạn 5 năm này được tính kể từ ngày nộp đơn hay tính từ thời điểm kết thúc của việc thẩm định đơn.

- Đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-23095 ngày 29/7/2016 bị từ chối với nhãn hiệu đối chứng "GRACE" theo GCNĐKNH số 59298 vốn đã hết hiệu lực vào ngày 22/9/2013. Tức là, tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 44309/SHTT-NH ngày 23/8/2019 thì nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực quá 5 năm và sẽ phải loại bỏ ra khỏi phạm vi tìm kiếm tra cứu phục vụ thẩm định. Đồng thời, việc kiểm tra trên trang web của Cục Sở hữu trí tuệ cho thấy chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng không nộp lại đơn tính đến thời điểm kết thúc hiệu lực 5 năm sau. Do đó, việc Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký sẽ không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng.

Đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại việc áp dụng điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và chấp nhận cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký

theo đơn số 4-2016-23095, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của Người khiếu nại.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu "MY TONE GRACE" đăng ký theo đơn số 4-2016-23095 ngày 29/7/2016 có Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 44309/SHTT-NH ngày 23/8/2019 và Quyết định từ chối cấp GCNĐKNH số 96367/QĐ-SHTT ngày 31/10/2019. Tại thời điểm ban hành Thông báo và Quyết định nêu trên thì nhãn hiệu đối chứng "GRACE" theo GCNĐKNH số 59298 đã hết hiệu lực quá 05 năm tính từ ngày kết thúc thời hạn hiệu lực 22/9/2013. Do đó, nhãn hiệu đối chứng "GRACE" theo GCNĐKNH số 59298 không còn là đối chứng để từ chối đối với nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-23095 ngày 29/7/2016.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2016-23095 ngày 29/7/2016, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 96367/QĐ-SHTT ngày 31/10/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-23095 ngày 29/7/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2016-23095 ngày 29/7/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Kim Vĩnh Phát (qua Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150503/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Yến Nhi
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00091 ngày 22/01/2021 của Ông/Bà Nguyễn Yến Nhi; địa chỉ: 94-96 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0938373373; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đông Dương; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-03865 theo Quyết định số 88880/QĐ-SHTT ngày 26/10/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5298/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Yến Nhi với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-03865 này 01/02/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 88880/QĐ-SHTT ngày 26/10/2020 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 28647/SHTT-NH ngày 29/6/2020 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa/dịch vụ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 231646, 178780 và Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-18543 có ngày ưu tiên 31/8/2009. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Thông báo kết quả thẩm nội dung số 28647/SHTT -NH đã gửi về địa chỉ 94-96 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên do thường xuyên đi công tác nên chủ đơn đã không biết được thông tin nhãn hiệu bị từ chối dẫn đến việc không có phản hồi đúng theo thời hạn quy định;

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 178780 là sự kết hợp của cụm "20XI" theo hàng ngang, có một dấu chấm nhỏ trong số 0, thiết kế in nghiêng, không đặc biệt, có thể đọc là "Hai mươi xi" hoặc "Hai mươi mười một". Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký gồm chữ "SY" cách điệu nằm phía trên chữ "STORE" trong một hình vuông, tạo thành một tổng thể hài hòa và dễ ghi nhớ, có thể được phát âm là "SY" hoặc "SY STORE". Nhãn hiệu đăng ký mang ý nghĩa cá nhân, là viết tắt của "SONG YẾN" – tên chủ đơn. Do đó, đánh giá tổng thể hai nhãn hiệu không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau. Bên cạnh đó, qua các công cụ tra cứu tìm kiếm thông tin gần nhất được tìm thấy của nhãn hiệu đối chứng đã từ 26/11/2015;

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 231646 và đơn đăng ký số 4-2009-18543 có ngày 31/8/2009 chỉ gồm phần chữ "SI" hoặc "SI" kết hợp phần chữ "STYLE INNERVE" ở dưới, thiết kế đơn giản, không mang ý nghĩa đặc biệt. Do vậy, hoàn toàn khác biệt với nhãn hiệu đăng ký có ý nghĩa cá nhân, gắn với tên chủ đơn và có thiết kế cách điệu độc đáo;

- Nhãn hiệu đăng ký đã được chủ đơn đầu tư nghiêm túc về tài chính và công sức trong việc quảng bá và xây dựng thương hiệu bằng nhiều hình thức.

Các thông tin quảng bá thường xuyên được cập nhật trên các phương tiện truyền thông cho thấy sự đầu tư bài bản cả về hình ảnh và nội dung, thể hiện tâm huyết của chủ đơn trong việc quảng bá nhãn hiệu và xây dựng sự nhận diện vững chắc đối với người tiêu dùng trên toàn quốc.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số số 4-2018-03865 này 01/02/2018.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 28647/SHTT-NH ngày 29/6/2020 đã được chuyển phát thành công. Mặc dù người nộp đơn đã nhận được Thông báo nêu trên nhưng do thường xuyên đi công tác nên đã không nắm được thông tin để có ý kiến trả lời đúng thời hạn quy định. Đây là thiếu sót mang tính chủ quan của người nộp đơn nên Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận ý kiến là trở ngại khách quan mà người nộp đơn đưa ra.

Đối với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 231646, 178780 và đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-18543 ngày 31/8/2009: có chứa các phần chữ "SI" và "XI" là các thành phần tạo khả năng phân biệt cho các nhãn hiệu đối chứng tương tự về cách phát âm, cấu trúc với phần chữ "SY" cũng chính là thành phần mạnh của nhãn hiệu đăng ký. Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều được đăng ký cho các hàng hóa/dịch vụ trùng/tương tự nhau liên quan đến lĩnh vực thời trang, may mặc có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ và Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-03865 này 01/02/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 88880/QĐ-SHTT ngày 26/10/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-03865 ngày 01/02/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Nguyễn Yến Nhi có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ

Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Nguyễn Yến Nhi (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đông Dương) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150504/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Septodont GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

NAT779

Xét đơn số KN4-2023-00700 ngày 09/11/2023 của Septodont GmbH; địa chỉ: Felix-Wankel-Str.9, Niederkassel, Deutschland 53859, Germany; đại diện bởi: Chi nhánh Công ty Luật TNHH DENTONS LUẬT VIỆT tại Hà Nội; khiếu nại về việc giải quyết đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn

hiệu (GCNĐKNH) số 37999 tại đơn số ĐN1-2005-00022 ngày 28/02/2005 theo Thông báo số 42784/TB-SHTT.IP ngày 31/7/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5316/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Septodont GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Người khiếu nại không đồng ý với kết luận của Cục Sở hữu trí tuệ tại Thông báo số 42784/SHTT-TTKN.IP ngày 31/7/2023 về việc từ chối yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 37999 và thực hiện quyền khiếu nại đối với Thông báo này. Người khiếu nại đề nghị xem xét lại Thông báo nêu trên và hủy bỏ toàn bộ hiệu lực của GCNĐKNH số 37999 với các lý do sau:

- Nhãn hiệu "DOROGYNE" theo GCNĐKNH số 37999 không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP. Theo đó, nhãn hiệu "DOROGYNE" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "RODOGYL" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số (ĐQT) 365420 có ngày nộp đơn sớm hơn.

- Hai nhãn hiệu này tương tự kết cấu từ và do đó cách phát âm là tương tự nhau. Ngoài ra, hai nhãn hiệu này đều đăng ký cho sản phẩm dược phẩm thuộc nhóm 5. Vì vậy, hai nhãn hiệu này cùng tồn tại có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm b khoản 2 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực nếu toàn bộ hoặc một phần văn bằng bảo hộ đó không đáp ứng quy định của Luật này về quyền đăng ký, điều kiện

bảo hộ, sửa đổi, bổ sung đơn, bộc lộ sáng chế, nguyên tắc nộp đơn đầu tiên trong các trường hợp sau đây:

b) Đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ quy định tại Điều 8 và Chương VII của Luật này."

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký, nhãn hiệu đối chứng và các tài liệu chứng cứ mà người khiếu nại cung cấp, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu "DOROGYNE" theo GCNĐKNH số 37999 là từ tự đặt không có nghĩa trong tiếng Việt, gồm 08 ký tự và được phát âm là /đô-rô-gin/ hoặc /đô-rô-gy-ne/. Trong khi đó, nhãn hiệu "RODOGYL" theo ĐQT số 365420 cũng là từ tự đặt không có nghĩa trong tiếng Việt, chỉ gồm 07 ký tự và có cách phát âm là /rô-đô-giu/. Mặc dù đều được đăng ký cho các hàng hóa liên quan đến dược phẩm nhưng có thể thấy rằng hai nhãn hiệu nêu trên đều là từ tự đặt, không có nghĩa trong tiếng Việt, có cấu trúc và cách phát âm khác biệt nhau, do đó, hai nhãn hiệu này được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau, không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm b khoản 2 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 37999 theo Thông báo số 42784/SHTT-TTKN.$_{IP}$ ngày 31/7/2023 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 42784/TB-SHTT.$_{IP}$ ngày 31/7/2023 về việc giải quyết đề nghị hủy bỏ hiệu lực của Septodont GmbH tại đơn số ĐN1-2005-00022 ngày 28/02/2005.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Septodont GmbH có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Septodont GmbH (qua Chi nhánh Công ty Luật TNHH DENTONS LUẬT VIỆT tại Hà Nội) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150505/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thời trang Green Star Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2023-00084 ngày 20/3/2023 của Công ty TNHH thời trang Green Star Việt Nam; địa chỉ: Số 09 Hàng Gà, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, điện thoại 0372648437; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-20421 ngày 04/06/2020 theo Quyết định số 50836/QĐ-SHTT ngày

16/6/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5317/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thời trang Green Star Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-20421 ngày 04/06/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 50836/QĐ-SHTT ngày 16/6/2022 vì Chủ đơn không nộp đủ lệ phí cấp GCNĐKNH, phí công bố Quyết định cấp GCNĐKNH và phí đăng bạ theo quy định tại điểm 15.7.a.(iii) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Người khiếu nại nêu lý do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên đã phải chuyển địa điểm hoạt động Công ty sang nơi khác từ ngày 22/7/2020 dẫn đến việc không nhận được bất kỳ thông báo nào về việc yêu cầu nộp phí, lệ phí cho đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên. Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hủy bỏ Quyết định số 50836/QĐ-SHTT ngày 16/6/2022 và cho phép người khiếu nại đóng các khoản phí và lệ phí để được cấp GCNĐKNH theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN: "Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí số 4270/SHTT-NH ngày 21/02/2022 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người khiếu nại cam kết không nhận được Thông báo nêu trên nên không có thông tin cần thiết để có thể thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu. Người khiếu nại phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại và đồng ý cho người khiếu nại nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo nêu trên.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-20421 ngày 04/06/2020.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 50836/QĐ-SHTT ngày 16/6/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-20421 ngày 04/06/2020.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-20421 ngày 04/06/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thời trang Green Star Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 4270/SHTT-NH ngày 21/02/2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí số 4270/SHTT-NH ngày 21/02/2022.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150506/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SECRET RECIPE CAKES & CAFE SDN BHD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00074 ngày 10/02/2025 của SECRET RECIPE CAKES & CAFE SDN BHD; địa chỉ: No. 42, 1st Floor, Jalan SS 25/28, Taman Mayang, 47301 Petaling Jaya Selangor, Malaysia; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-28389 theo Quyết định số

128905/QĐ-SHTT.JP ngày 11/11/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5382/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SECRET RECIPE CAKES & CAFE SDN BHD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu Secret Recipe theo đơn số 28389 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 28389 với các lý lẽ sau:

a) Thứ nhất, nhận định "nhãn hiệu yêu cầu đăng ký là phần chữ "Secret Recipe" là từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "bí quyết công thức làm món ăn" mang tính mô tả về phương pháp sản xuất của hàng hóa, không có khả năng phân biệt" là không xác đáng.

- Về cơ sở pháp lý, một dấu hiệu mang tính mô tả hàng hóa/dịch vụ bị coi là không có khả năng phân biệt khi và chỉ khi dấu hiệu đó chỉ (i) trực tiếp, (ii) cụ thể các đặc tính mô tả và cho (iii) chính sản phẩm/dịch vụ mang dấu hiệu đó. Cụ thể hơn, dấu hiệu đó phải chuyển tải một nghĩa trực tiếp, cụ thể và (iv) ngay tức thì về các đặc tính cho chính sản phẩm/dịch vụ đăng ký. Nếu một trong các đặc tính/dấu hiệu mô tả phải trả qua một quá trình "tư duy trừu tượng" để nhận thức xem dấu hiệu đó có tính mô tả hay không thì sẽ không bị xem là dấu hiệu mô tả.

- Về cơ sở lý luận, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký luôn được đọc và ghi nhận là sự kết hợp của hai từ tiếng Anh "Secret" và "Recipe" được thể hiện cách điệu, màu đỏ, với hai chữ cái "S" và "R" được viết in hoa. Khi kết hợp hai từ trên thành cụm từ "Secret Recipe", từ "Recipe" là danh từ chính và từ "Secret" đóng vai trò là tính từ bổ nghĩa cho danh từ chính và cụm từ "Secret Recipe" được hiểu là "công thức làm món ăn bí mật; công thức bí mật; công thức thầm kín; phương pháp thực hiện bí mật; phương pháp thực hiện thầm kín; cách làm bí mật; cách làm thầm kín". Rõ ràng, với các nghĩa đã đề cập, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký không mô tả trực tiếp, cụ thể và ngay lập tức về bất kỳ phương thức, phương pháp sản xuất cũng như giá trị, chất lượng hay các đặc tính cụ thể nào cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 mang nhãn hiệu yêu cầu đăng ký. Hơn nữa, cụm từ "Secret Recipet" cũng được thể hiện theo một phong cách chữ viết khác biệt

và độc đáo "Secret Recipe" màu đỏ, càng gây ấn tượng và tăng khả năng nhận biết là dấu hiệu phân biệt của chủ đơn, giúp chỉ dẫn rõ ràng nguồn gốc thương mại cho các dịch vụ thuộc nhóm 43.

- Về cơ sở thực tiễn, theo kết qua tra cứu trên Google cho từ khóa "Secret Recipe", tất cả các kết quả tra cứu đều chỉ đến các sản phẩm bánh ngọt và chuỗi nhà hàng cà phê mang thương hiệu "Secret Recipe" của chủ đơn. Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký được sáng tạo độc lập và sử dụng độc quyền bởi chủ đơn và chủ đơn là thực thể duy nhất sử dụng nhãn hiệu yêu cầu đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 43. Do đó, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký đáp ứng khả năng phân biệt như một nhãn hiệu trên thực tế sử dụng, thỏa mãn chức năng phân biệt sản phẩm của chủ đơn so với sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất khác.

- Bên cạnh đó, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "Secret Recipe" đã được bảo hộ là nhãn hiệu tại ít nhất 17 quốc gia trên thế giới, trong đó có các quốc gia sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ thứ hai và đều có cơ chế thẩm định trên cơ sở từ chối tuyệt đối tương đồng với Việt Nam, đều đã bảo hộ trực tiếp cho dấu hiệu yêu cầu đăng ký mà không đưa ra bất kỳ từ chối nào.

b) Thứ hai, nhận định "các tài liệu mà người nộp đơn cung cấp không đủ chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng cũng như được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam trước thời điểm nộp đơn" là không xác đáng

- Bằng chứng sử dụng được chủ đơn đệ trình theo Công văn số 347/ACTIP-2022 ngày 17/5/2022 không nhằm mục đích chứng minh rằng nhãn hiệu yêu cầu đăng ký đạt khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi tại Việt Nam trước ngày nộp đơn, vì như nhãn hiệu yêu cầu đăng ký tự nó đã có khả năng phân biệt của nhãn hiệu. Thay vào đó, bằng chứng sử dụng như đã đệ trình chỉ nhằm mục đích khẳng định chức năng phân biệt tự thân của nhãn hiệu yêu cầu đăng ký đã và đang được thể hiện ở mức độ cao trong thương mại thông qua quá trình sử dụng rộng rãi, bền bỉ và liên tục trong gần 30 năm qua tại Malaysia - nước sở tại và nhiều nước khác trên thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa

điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký  là cụm từ tiếng Anh, trong đó, "Secret" có nghĩa là "thầm kín, bí mật, bí quyết, sự huyền bí"; "Recipe" có nghĩa là "công thức làm món ăn, phương pháp thực hiện, cách làm". Có thể hiểu cụm từ "Secret Recipe" có nghĩa là "công thức, bí quyết làm món ăn; công thức làm món ăn bí mật". Khi đăng ký cho các dịch vụ "Quán cà phê; quán ăn tự phục vụ; nhà hàng ăn uống; nhà hàng ăn uống tự phục vụ; nhà hàng nhỏ cung cấp đồ ăn nhẹ, có thể kèm nước uống; ki-ốt cung cấp thức ăn và đồ uống do nhà hàng thực hiện" thuộc nhóm 43, nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả phương pháp sản xuất các món ăn của dịch vụ đăng ký. Mặc dù phần chữ "Secret Recipe" có sự cách điệu nhất định và được thể hiện bởi màu sắc (đỏ) nhưng không đủ để tạo nên khả năng tự phân biệt của nhãn hiệu đăng ký. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-28389 ngày 29/07/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 128905/QĐ-SHTT.IP ngày 11/11/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-28389 ngày 29/07/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SECRET RECIPE CAKES & CAFE SDN BHD có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SECRET RECIPE CAKES & CAFE SDN BHD (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150507/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Ái Long
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2022-00487 ngày 25/4/2022 của Ông/Bà Nguyễn Ái Long; địa chỉ: ấp 2, xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ hiện tại: 248/7 Nguyễn Văn Khối, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh); điện thoại: 0931999391; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2020-54210 ngày 24/12/2020 theo Quyết định số 16113/QĐ-SHTT ngày 04/3/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5390/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn ái Long với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-54210 bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ vì có các thiếu sót nêu tại điểm 13.3 ảnh hưởng đến tính hợp lệ của đơn và chủ đơn không sửa chữa các thiếu sót này trong thời hạn quy định mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu trong Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 9448/SHTT-NH ngày 08/3/2021.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, chấp nhận hợp lệ cho đơn do không nhận được Thông báo nêu trên nên người nộp đơn không có thông tin cần thiết để khắc phục các thiếu sót theo yêu cầu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 9448/SHTT-NH ngày 08/3/2021 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên không có thông tin cần thiết để khắc phục các thiếu sót theo yêu cầu. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và tiếp tục thẩm định đơn số 4-2020-54210.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục thẩm định đối với đơn số 4-2020-54210 ngày 24/12/2020.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 16113/QĐ-SHTT ngày 04/3/2022 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2020-54210 ngày 24/12/2020.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-54210 ngày 24/12/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Nguyễn ái Long có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 9448/SHTT-NH ngày 08/3/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 9448/SHTT-NH ngày 08/3/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150508/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Nilos GmbH & Co. KG.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2015-01085 ngày 25/11/2015 của Nilos GmbH & Co. KG.; địa chỉ: Reisholzstrafle 15, 40721 Hilden, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1216922 theo Thông báo số 2014/37 NNL13 ngày 17/9/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5394/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Nilos GmbH & Co. KG. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NILOS NILOS, hình" theo ĐQT số 1216922 có Thông báo tạm thời từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 175840 và 385549. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Chủ đơn và chủ các nhãn hiệu đối chứng đều thuộc cùng một Tập đoàn và chủ nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho chủ đơn đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký được thể hiện bởi hình chữ nhật, trong đó, phía trên có phần chữ "NILOS" được thể hiện với kích thước lớn và phía dưới có hình con ngựa kéo quả địa cầu, trên quả địa cầu có phần chữ "NILOS" được thể hiện với kích thước nhỏ hơn. Có thể thấy, trong nhãn hiệu đăng ký, phần chữ "NILOS" phía trên trùng về ký tự và cách phát âm với nhãn hiệu đối chứng số 385549; phần hình con ngựa kéo quả địa cầu kết hợp với phần chữ "NILOS" tương tự về cấu trúc và hình thức thể hiện với nhãn hiệu đối chứng số 175840.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Các sản phẩm thuộc nhóm 07, 17 và 37 mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

Mặc dù chủ nhãn hiệu đối chứng đã có văn bản cho phép chủ nhãn hiệu đăng ký đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "NILOS NILOS, hình" theo ĐQT số 1216922 tại Việt Nam, tuy nhiên, vì nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn nên Thư đồng ý của chủ nhãn hiệu đối

chứng chưa đáp ứng đủ điều kiện để được xem là chứng cứ vượt qua lý do từ chối đối với ĐQT số 1216922.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1216922 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/37 NNL13 ngày 17/9/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1216922.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Nilos GmbH & Co. KG. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Nilos GmbH & Co. KG. (qua Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150509/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của RICHARD NORMAN TANKERSLEY
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2019-00452 ngày 03/9/2019 của RICHARD NORMAN TANKERSLEY; địa chỉ: Unit BT-37-1, The Binjai On The Park, 16 Persiaran KLCC, Kuala Lumpur City Centre 50088, Malaysia; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ZC (Việt Nam); khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-06357 theo Quyết định số 43927/QĐ-SHTT ngày 04/6/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5399/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của RICHARD NORMAN TANKERSLEY với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NEW ZEALAND UNLIMITED" theo đơn đăng ký số 4-2016-06357 ngày 15/3/2016 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 43927/QĐ-SHTT ngày 04/6/2019 vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "NEW ZEALAND UNLIMITED" với các lý do sau:

- Chủ đơn của dấu hiệu xin đăng ký "NEW ZEALAND UNLIMITED" là ông Richard Norman Tankersley, công dân quốc tịch New Zealand, hiện đang cư trú tại Malaysia. Việc ông có địa chỉ liên hệ tại Malaysia chỉ phục vụ mục đích giao dịch thương mại, không ảnh hưởng đến quốc tịch hay nguồn gốc thực sự của chủ đơn. Ông Tankersley có địa chỉ rõ ràng tại New Zealand và trực tiếp điều hành công ty New Zealand Unlimited (NZ) Ltd – một doanh nghiệp có trụ sở tại Auckland, chuyên cung cấp thực phẩm, đồ uống và dịch vụ ăn uống xuất xứ từ New Zealand ra thị trường quốc tế. Điều này cho thấy dấu hiệu xin đăng ký có liên hệ trực tiếp với quốc gia New Zealand, không gây hiểu lầm về nguồn gốc dịch vụ.

- Chủ đơn đã xây dựng chuỗi nhà hàng "NEW ZEALAND UNLIMITED" tại Malaysia, chuyên phục vụ ẩm thực mang đặc trưng New Zealand với nguyên liệu nhập khẩu trực tiếp từ quốc gia này, bao gồm rượu vang, thịt bò, hải sản và nước khoáng. Hoạt động kinh doanh còn được mở rộng thông qua hệ thống phân phối thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng từ New Zealand, với quy trình kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ khâu xuất xứ đến tay người tiêu dùng.

Từ các căn cứ nêu trên, có thể thấy rằng dấu hiệu "NEW ZEALAND UNLIMITED" phản ánh đúng bản chất thương mại, nguồn gốc địa lý của dịch vụ được cung cấp. Dấu hiệu này không gây hiểu lầm về xuất xứ, không mang tính mô tả thông thường và có khả năng phân biệt rõ ràng trên thị trường, do đó hoàn toàn đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định pháp luật hiện hành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Dấu hiệu "NEW ZEALAND UNLIMITED" có thể được hiểu theo nghĩa thông thường trong tiếng Anh như sau: "NEW ZEALAND" là tên gọi của quốc gia New Zealand; "UNLIMITED" mang ý nghĩa "không giới hạn", "vô hạn" hoặc "không bị ràng buộc". Do đó, cụm từ "NEW ZEALAND UNLIMITED" có thể được diễn giải là "New Zealand không giới hạn" hoặc "New Zealand vô tận", hàm ý quảng bá hình ảnh, dịch vụ, sản phẩm đến từ New Zealand với đặc tính phong phú, đa dạng, không giới hạn về quy mô, trải nghiệm hoặc chất lượng. Trong ngữ cảnh thương mại, đây là một nội dung mang tính gợi hình và quảng cáo, nhằm tạo cảm nhận tích cực về dịch vụ liên quan đến New Zealand.

Tuy nhiên, người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu cư trú tại Malaysia, không phải tại New Zealand. Do đó, nhãn hiệu nêu trên không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

Việc nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại một số quốc gia khác trên thế giới chỉ mang tính tham khảo và không phải là căn cứ bắt buộc để xem xét bảo hộ tại Việt Nam.

Từ những phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nhãn hiệu "NEW ZEALAND UNLIMITED" theo đơn đăng ký số 4-2016-06357 ngày 15/3/2016 không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật hiện

hành. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không đồng ý với nội dung khiếu nại đối với Quyết định số 43927/QĐ-SHTT ngày 04/6/2019.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-06357 ngày 15/3/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 43927/QĐ-SHTT ngày 04/6/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-06357 ngày 15/03/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, RICHARD NORMAN TANKERSLEY có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và RICHARD NORMAN TANKERSLEY (qua Công ty Luật TNHH ZC (Việt Nam)) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150510/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cosmetex Roland Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2019-00317 ngày 16/7/2019 của Cosmetex Roland Co., Ltd.; địa chỉ: 12-32, Akasaka 1-chome, Minato-ku, Tokyo, 107-0052 Japan; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-30142 theo Quyết định số 32326/QĐ-SHTT ngày 26/4/2019;

NAT779

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5362/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cosmetex Roland Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu Loshi ("Loshi, hình") đăng ký theo đơn số 4-2015-30142 ngày 29/10/2015 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng số 1 "LOSSY" và số 2 "Joshi" được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 37062, 110125, theo quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng, cụ thể:

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 1 "LOSSY": được trình bày theo kiểu chữ cơ bản, phát âm là /lót-xi/, là từ tiếng Anh có nghĩa "tổn hao, mất mát". Trong khi đó nhãn hiệu đăng ký được thiết kế cách điệu, là từ tự đặt không có nghĩa, có phát âm là /lô-shi/. Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký là các loại mỹ phẩm đặc thù liên quan tới sức khỏe, vẻ bề ngoài,… còn hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng gồm "Kem giặt, keo xịt tóc, nước rửa chén, dầu gội đầu" là các sản phẩm đặc thù mang nội hàm hẹp không tương tự với nhau;

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 2 "Joshi": có phát âm là /giô-shi/, khác với cách phát âm /lô-shi/ của nhãn hiệu đăng ký. Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký thiên về làm đẹp, chăm sóc vóc dáng của khuôn mặt. Trong khi đó, hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng thiên về chăm sóc, cải thiện tình trạng da bị khuyết tật. Nhiều nhãn hiệu chứa thành phần "oshi" của các chủ thể khác nhau đã được chấp nhận bảo hộ cho hàng hóa thuộc nhóm 03 càng khẳng định nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-30142 ngày 29/10/2015.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn

hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "Loshi" gồm có 5 ký tự, sắp xếp lần lượt là "L", "o", "s", "h", "i" và được phát âm là /lô-si/ tương tự về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện với các nhãn hiệu đối chứng, cụ thể là:

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 1 "LOSSY": có thể phát âm là /lô-si/ hoặc /lốt-si/, gồm 5 ký tự sắp xếp theo thứ tự tương tự với nhãn hiệu đăng ký và sự khác nhau ở hai cặp ký tự cuối "h" – "s" và "i" – "y" không đủ để tạo sự khác biệt về cách phát âm giữa các nhãn hiệu;

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 2 "Joshi": cũng gồm 5 ký tự với cùng trật tự sắp xếp như nhãn hiệu đăng ký. Mặc dù có sự khác biệt ở ký tự đầu tiên "L" và "J" nhưng hình thể hiện cách điệu của các phần chữ này lại có sự tương tự, không tạo ra được sự khác biệt giữa các nhãn hiệu.

- Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng tương tự nhau vì đều là các loại liên quan đến mỹ phẩm, có cùng chức năng, mục đích sử dụng làm đẹp, chăm sóc cơ thể và vệ sinh và được đưa ra thị trường theo cùng kênh phân phối.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện, lại được đăng ký cho các hàng hóa tương tự có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e, điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-30142 ngày 29/10/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 32326/QĐ-SHTT ngày 26/4/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-30142 ngày 29/10/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cosmetex Roland Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cosmetex Roland Co., Ltd. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150511/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân chế biến thức ăn gia súc Phú Lợi
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2013-01168 ngày 19/11/2013 của Doanh nghiệp tư nhân chế biến thức ăn gia súc Phú Lợi; địa chỉ: 375 tổ 43, đường Phú Lợi, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn - Dịch thuật - Sở hữu trí tuệ Á Đông; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-23318 ngày 03/11/2011 theo Quyết định số 61944/QĐ-SHTT ngày 06/11/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5312/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân chế biến thức ăn gia súc Phú Lợi với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-23318 của Doanh nghiệp tư nhân chế biến thức ăn gia súc Phú Lợi bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên do không nhận được Thông báo số 8544/SHTT-TRM ngày 25/3/2013 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí nên người nộp đơn không có thông tin cần thiết để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu. Ngoài ra, người nộp đơn cam kết nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN: "Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 8544/SHTT-TRM ngày 25/3/2013 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về cam kết này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn nộp các khoản phí, lệ phí nêu trên để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2011-23318.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2011-23318.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 61944/QĐ-SHTT ngày 06/11/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-23318 ngày 03/11/2011.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2011-23318 ngày 03/11/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Doanh nghiệp tư nhân chế biến thức ăn gia súc Phú Lợi (qua Công ty TNHH Tư vấn - Dịch thuật - Sở hữu trí tuệ Á Đông) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 01 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 8544/SHTT-TRM ngày 25/3/2013./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 8544/SHTT-TRM ngày 25/3/2013.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150512/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của LG Electronics, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2015-01060 ngày 19/11/2015 của LG Electronics, Inc.; địa chỉ: 20 Yeouido-dong Yeongdeungpo-gu, Seoul 150-721, Korea; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và Cộng sự Quốc tế; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-22060 theo Quyết định số 53326/QĐ-SHTT ngày 31/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5410/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của LG Electronics, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Vacuum Fresh" đăng ký theo đơn số 4-2011-22060 cho nhóm 11 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ tại Điều 74.2c và Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn có ý kiến như sau:

a) Về ý nghĩa của nhãn hiệu:

- Nhãn hiệu "Vacuum Fresh" là nhãn hiệu từ ngữ, gồm hai từ tiếng Anh có nghĩa "vacuum" và "fresh". Quyết định từ chối đưa ra lý do từ chối bảo hộ dựa trên nghĩa/cách hiểu của hai từ tiếng Anh này. Nghĩa hay cách hiểu các từ cần phải căn cứ vào từ điển để có căn cứ thống nhất cho tất cả các bên. Quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ khi giải nghĩa nhãn hiệu không chỉ ra nguồn từ điển nào. Trường hợp này, chủ đơn là công ty nước ngoài, nên việc thống nhất trên cơ sở nghĩa từ điển lại càng cần thiết.

- Quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ đưa ra nghĩa/cách hiểu nhãn hiệu "Vacuum Fresh" là "làm sạch khoảng không, làm sạch chân không". Tuy nhiên, không có từ điển nào cho thấy từ "fresh" là động từ và có nghĩa " làm sạch". Động từ có nghĩa "làm sạch" là "clean", "purify". Ở dạng động từ có từ "refresh", có cùng gốc từ với tính từ "fresh". Động từ "refresh" có các nghĩa như sau "làm cho (người) tỉnh lại, làm cho khỏe khoắn, khoan khoái; làm cho nhớ lại, nhắc nhớ lại; khêu (ngọn lửa), nạp (điện) lai; làm mát mẻ" (Từ điển Anh Việt, NXB Khoa học xã hội, trang 1390). Động từ "refresh" không có nghĩa "làm sạch". "Fresh" là một tính từ và có nhiều nghĩa, như "tươi mát, trong lành, trong sạch (trích từ điển Anh-Việt, NXB Khoa học xã hội 1975, trang 663) và bổ nghĩa cho danh từ đi cùng "vacuum". "Vacuum" là danh từ, có nghĩa là "chân không" (a space that has had all the air and any other gases removed from it - khoảng không đã rút hết không khí và các khí bất kì khác). "Vacuum" là động từ, có nghĩa là "hút bụi" hay "làm sạch bằng máy hút bụi - clean with a vacuum cleaner".

- Tra cứu tất cả các nghĩa của hai từ vacuum và fresh, người nộp đơn không thấy có căn cứ nào để đưa tới nghĩa/cách hiểu cụm từ làm nhãn hiệu là "làm sạch chân không".

b) Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Danh mục sản phẩm đã được giới hạn lại chỉ còn "tủ lạnh chạy điện". Theo từ điển Tiếng Việt thông dụng, chủ biên Nguyễn như Ý, NXB Giáo dục, trang 1201- 1202, "tủ lạnh - fridge" (danh từ) chỉ "đồ đựng có thiết bị lạnh, làm cho thức ăn, thức uống để trong khỏi bị hỏng", không có công dụng "làm sạch" của tủ lạnh. Chức năng của tủ lạnh là giữ lạnh

cho những thứ chứa bên trong nó, nhờ thế hạn chế vi khuẩn sinh sôi, nhiễm khuẩn, do đó giữ được chất lượng như ban đầu. Dù nhãn hiệu "vacuum fresh" có mang nghĩa là chân không/khoảng không với đặc điểm nào đi nữa theo nghĩa của từ "fresh" (chẳng hạn như "chân không trong lành", "chân không sạch", "chân không tươi mát" v.v., nhãn hiệu đăng ký không mang tính mô tả sản phẩm tủ lạnh, không chỉ ra công dụng nào của tủ lạnh, do đó nhãn hiệu không thuộc Điều 73.5, Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Theo Từ điển Cambridge, "vacuum" có nghĩa là chân không, máy hút bụi, trạng thái trống rỗng, "fresh" có nghĩa là tươi, mới mẻ, sạch sẽ, mát mẻ, dễ chịu. Do đó, nhãn hiệu đăng ký "Vacuum Fresh" có thể được hiểu là "chân không sạch sẽ, chân không tươi mát…". Khi sử dụng cho sản phẩm tủ lạnh thuộc nhóm 11, dấu hiệu "Vacuum Fresh" có thể mô tả một đặc tính của sản phẩm tủ lạnh là giúp hút bớt không khí (đặc biệt là oxy) để làm chậm quá trình oxy hóa, từ đó giữ cho thực phẩm được tươi lâu hơn. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là không có khả năng phân biệt theo Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, vì người nộp đơn đã giới hạn danh mục sản phẩm đăng ký còn sản phẩm "Tủ lạnh chạy điện" thuộc nhóm 11 nên nhãn hiệu đăng ký không bị từ chối theo Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đăng ký đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc nhãn hiệu đăng ký không mang tính mô tả, căn

cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-22060 ngày 18/10/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 53326/QĐ-SHTT ngày 31/8/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-22060 ngày 18/10/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, LG Electronics, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và LG Electronics, Inc. (qua Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và Cộng sự Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150513/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của AirAsia Berhad.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2014-00777 ngày 08/8/2014 của AirAsia Berhad.; địa chỉ: Lot N1, Level 4, Main Terminal Building, KL International Airport, 64000 KLIA, Sepang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-23767 theo Quyết định số 26355/QĐ-SHTT ngày 12/5/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5460/BC-TTKN ngày 27/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của AirAsia Berhad. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Air Asia X PREMIUM, hình" đăng ký theo đơn số 4-2010-23767 cho nhóm 39 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì phần chữ "PREMIUM" tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 177957, 63801, 66260, 66623, 83063 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Về ý nghĩa: thành phần "Premium" của nhãn hiệu đối chứng mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Kết quả tra cứu trên các từ điển trực tuyến trên trang www.onelook.com cho thấy "Premium" có nghĩa là: "chất lượng cao hơn bình thường/higher quality than other similar things".

Thuật ngữ "Premium" được sử dụng trong thực tế, cụ thể là dịch vụ vận chuyển hàng không, để mô tả tiêu chí chất lượng cho các dịch vụ đặc biệt hơn loại thông thường, hoặc thuộc loại cao cấp, hạng sang như khoang buồng riêng, chất lượng phục vụ tối ưu. Đây cũng là loại hình dịch vụ mà AirAsia Berhad hướng đến khi đăng ký nhãn hiệu "Air Asia X PREMIUM, hình".

- Về dịch vụ: Nhãn hiệu "Air Asia X PREMIUM, hình" áp dụng cho dịch vụ Premium Seats - Ghế cao cấp trong lĩnh vực hàng không.

Ngoài ra, "Premium" là một từ được dùng phổ biến trong dịch vụ hàng không với nghĩa là "đặc biệt, cao cấp".

Những dẫn chứng trên cho thấy thuật ngữ "Premium" đã được sử dụng phổ biến và rộng rãi trong lĩnh vực vận tải, đặc biệt là dịch vụ vận tải hàng không để mô tả chất lượng dịch vụ "đặc biệt, cao cấp".

Người nộp đơn có dẫn chứng các kết quả thẩm định đăng ký quốc tế nhãn hiệu "Premium INGREDIENTS" số 918340 tại Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Nga. Theo đó, thành phần "Premium" không được bảo hộ riêng và/hoặc bị từ chối bảo hộ vì lý do mô tả sản phẩm/dịch vụ trong nhóm 39. Thêm nữa, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đồng tồn tại ở Trung Quốc, Singapore, Úc và Nhật Bản.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là

nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Trong nhãn hiệu đăng ký, phần chữ "Air Asia" cách điệu, đặt trong chữ "X" được thể hiện với kích thước lớn, nổi bật, được coi là thành phần có khả năng phân biệt chính; phần chữ "PREMIUM" là từ tiếng Anh có nhiều nghĩa khác nhau như "phần thưởng, giải thưởng, tiền thưởng, tiền đóng bảo hiểm, chất lượng cao cấp" - là dấu hiệu mang tính mô tả chất lượng của dịch vụ khi đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 39 nên không có khả năng phân biệt. Xét tổng thể, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và đáp ứng điều kiện bảo hộ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-23767 ngày 10/11/2010, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 26355/QĐ-SHTT ngày 12/5/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2010-23767 ngày 10/11/2010.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2010-23767 ngày 10/11/2010, không bảo hộ riêng "PREMIUM".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và AirAsia Berhad. (qua Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150514/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Philipp Plein
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-01224 ngày 23/11/2017 của Philipp Plein; địa chỉ: Via Dufour 20 CH-6900 Lugano Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1310798 theo Thông báo số 2016/38 VTB37 ngày 03/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5405/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Philipp Plein với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PP, hình" theo ĐQT số 1310798 có Thông báo tạm thời từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 131295 và 189530. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng vì: nhãn hiệu đăng ký gồm 2 chữ cái PP màu đen quay lưng lại với nhau, đặt trong 1 hình lục giác. Đây là nhãn hiệu đơn giản, ấn tượng thị giác của người tiêu dùng là 2 chữ "PP" và hình lục giác với đường nét, kích cỡ của chữ "PP" và các cạnh lục giác bằng nhau. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng số 189530 mặc dù cũng có 2 chữ PP quay lưng lại với nhau nhưng tổng thể cách trình bày không tương tự với nhãn hiệu đăng ký. Hơn nữa, nhãn hiệu đối chứng nêu trên còn có phần chữ "QUÝ PHÁT" là thành phần mạnh. Nhãn hiệu đối chứng số 2 không chỉ khác ở chữ "PP" mà còn khác ở cách trình bày và phần chữ "QP-FASHION".

- Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng tại Việt Nam và trong quá trình sử dụng từ năm 2014 đến nay, chưa có bất kỳ người tiêu dùng nào nhầm lẫn về các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

- Trên thực tế, có một số nhãn hiệu tương tự với trường hợp đang xem xét đã được chấp nhận bảo hộ như nhãn hiệu "PP, hình" (ĐKQT số 904570), nhãn hiệu "PP, hình" (ĐKQT số 987109).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký  và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều có thành phần chính là hai chữ cái "PP" đặt quay lưng lại với nhau, cũng có thể nhận biết phần chữ nêu trên là "qp". Do đó, các nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự về hình thức thể hiện.

- Về sản phẩm, dịch vụ: Dịch vụ mua bán đồ trang sức, đồ kim hoàn, đá quý, nhẫn [đồ kim hoàn và đồ trang sức] thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với dịch vụ "Mua bán vàng bạc" thuộc nhóm 35 và "Gia công, chế tác vàng bạc" thuộc nhóm 40 mang nhãn hiệu đối chứng số 189530. Dịch vụ mua bán "quần áo, phụ kiện quần áo" thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với sản phẩm quần áo thuộc nhóm 25 mang nhãn hiệu đối chứng số 131295.

Đến thời điểm hiện tại, GCNĐKNH số 131295 đã hết hiệu lực (ngày 18/01/2018), do đó nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 131295 không còn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 1310798.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng số 189530 bị coi là tương tự về hình thức thể hiện, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1310798 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/38 VTB37 ngày 03/8/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1310798.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Philipp Plein có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Philipp Plein (qua Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150515/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Natural Balance Pet Foods, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00632 ngày 08/6/2017 của Natural Balance Pet Foods, Inc.; địa chỉ: 100 N. 1st Street, Suite 200, Burbank CA 91502, the United States; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1289456 theo Thông báo số 2016/07 NNL03 ngày 15/02/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5328/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Natural Balance Pet Foods, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Small Breed Bites, hình" đăng ký theo ĐQT số 1289456 bị từ chối chấp nhận bảo hộ theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký là một kết hợp gồm phần chữ "Small Breed Bites"; phần hình là hình một chú chó bên trong một vòng tròn; tất cả được trình bày trong một dải ruy băng. Thành phần mạnh của nhãn hiệu đăng ký là hình chú chó bên trong vòng tròn, dải ruy băng và các thành phần này tự thân đã có khả năng phân biệt. Bên cạnh đó, nhãn hiệu đăng ký theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1289456 còn là sự kết hợp độc đáo của các yếu tố cấu thành và đã tạo ra một tổng thể với ấn tượng riêng biệt, dễ nhận biết đối với người tiêu dùng. Do vậy, căn cứ quy định tại Điểm 39.6.b và 39.6.c Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, chúng tôi cho rằng nhãn hiệu đăng ký theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1289456 là có khả năng phân biệt.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới.

- Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã chấp thuận bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu tương tự với nhãn hiệu đăng ký (nhãn hiệu kết hợp chữ và hình). Cụ thể, các nhãn hiệu này cũng được tạo lập từ các yếu tố không và/hoặc ít có khả năng phân biệt, nhưng tổng thể vẫn tạo ra ấn tượng riêng và đáp ứng điều kiện bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Trường hợp khác: Nội dung khiếu nại không có cơ sở, đề nghị giữ Thông báo số 2016/07 NNL03 ngày 15/2/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1289456..

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "Small Breed Bites, hình" đăng ký theo ĐQT số 1289456 được cấu tạo bởi phần hình và phần chữ: trong đó, phần hình là hình chú chó bên trong vòng tròn, dải ruy băng là các hình đơn giản có tính chất khái quát cao, không có khả năng phân biệt theo quy định tại Điều 74.2.a Luật Sở hữu trí tuệ. Trong khi đó, phần chữ "Small Breed Bites" có nghĩa là "miếng ăn dành cho chó giống nhỏ" – trực tiếp mô tả chủng loại, công dụng và đối tượng sử dụng của sản phẩm (thức ăn cho thú cưng) là các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 31, không đáp ứng điều kiện bảo hộ tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngoài ra, các trường hợp khác nêu trong đơn khiếu nại không nằm trong phạm vi giải quyết khiếu nại này.

Tổng thể nhãn hiệu là sự kết hợp giữa dấu hiệu hình học đơn giản và từ ngữ mô tả, không có khả năng phân biệt nếu không có bằng chứng về việc đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi như một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74] Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1289456 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/07 NNL03 ngày 15/02/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1289456.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Natural Balance Pet Foods, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Natural Balance Pet Foods, Inc. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150516/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Guhring KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00114 ngày 08/02/2017 của Guhring KG; địa chỉ: Herderstrasse 50-54, 72458 Albstadt, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1283505 theo Thông báo số 2016/01 NNL18 ngày 05/01/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5330/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Guhring KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1283505 chưa được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ căn cứ theo Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ theo Thông báo số 2016/01 NNL18 ngày 05/01/2017. Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký là một kết hợp gồm: Phần hình là hình chiếc máy bay (với các mầu đỏ, đen và trắng) đâm vào phía sau của từ "AVIATION"; phần chữ là cụm từ "AVIATION Tools Services" (mầu đỏ và đen), được viết thành hai (02) dòng đã tạo ra một ấn tượng riêng biệt, dễ nhận biết đối với người tiêu dùng. Bên cạnh đó, Người nộp đơn đề nghị Quý Cục xem xét bảo hộ nhãn hiệu tổng thể;

Nhãn hiệu đăng ký của Gühring KG đã được công nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới;

Người nộp đơn cho rằng Cục đã chấp thuận bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu có tính chất tương tự như nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT nhãn hiệu số 1283505.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "AVIATION Tools Services, hình" là sự kết hợp giữa phần chữ tiếng Anh "AVIATION" và "Tools Services" mang nghĩa "Dụng cụ và dịch vụ cho ngành hàng không", cùng với sự kết hợp hình ảnh cách điệu của một chiếc máy bay càng làm rõ tính chất mô tả về công dụng, đối tượng và chức năng của dịch vụ hoặc sản phẩm cung cấp. Do đó, tổng thể nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của các yếu tố thể hiện trực tiếp lĩnh vực hoạt động và loại hàng hóa/dịch vụ mà nhãn hiệu đăng ký, là các dịch vụ hoặc sản phẩm liên quan đến ngành hàng không.

Ngoài ra, việc nhãn hiệu đăng ký được chấp thuận bảo hộ tại nhiều quốc gia chỉ mang tính chất tham khảo, các trường hợp khác nêu trong đơn không nằm trong phạm vi giải quyết khiếu nại này.

Như vậy, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "AVIATION Tools Services, hình" bị coi là mang tính mô tả và không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1283505 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/01 NNL18 ngày 05/01/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1283505.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Guhring KG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Guhring KG (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150517/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH dược phẩm An Thiên
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-00624 ngày 02/6/2017 của Công ty TNHH dược phẩm An Thiên; địa chỉ: 314 Bông Sao, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-19024 theo Quyết định số 15605/QĐ-SHTT ngày 15/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5322/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH dược phẩm An Thiên với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ATINILA" đăng ký theo Đơn số 4-2014-19024 bị từ chối chấp nhận bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì bị xem là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "ATTILA" theo ĐKQT số 1172584. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký gồm bốn (04) âm tiết và được đọc là "A-ti-ni-la" trong khi nhãn hiệu theo đối chứng chỉ gồm ba (03) âm tiết được đọc là "At-ti-la". Âm tiết đầu (hay tiền tố "ATI-" và "AT-") của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng lại hoàn toàn phân biệt với nhau nên nhãn hiệu đăng ký là hoàn toàn khác nhãn hiệu đối chứng về cách đọc.

- Nhãn hiệu đăng ký gồm bảy (07) ký tự (A-T-I-N-I-L-A) trong khi nhãn hiệu đối chứng gồm sáu (06) ký tự (A-T-T-I-L-A). Thứ tự các ký tự của nhãn hiệu đăng ký cũng hoàn toàn khác với thứ tự các ký tự của nhãn hiệu đối chứng. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký là hoàn toàn khác nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc.

- Cả hai nhãn hiệu đăng ký cho hàng hóa đặc thù thuộc Nhóm 05, các sản phẩm mang nhãn hiệu khi lưu hành phải được đăng ký tại Cục Quản lý dược/Cục An toàn vệ sinh thực phẩm, và trải qua quá trình xét nghiệm nghiêm ngặt; các sản phẩm thuộc Nhóm 05 thường được mua, bán theo tư vấn của bác sỹ, dược sỹ, hoặc những người có chuyên môn sâu trong lĩnh vực y tế; đồng thời, các hàng hóa mang nhãn hiệu phải tuân thủ Quy chế ghi nhãn hàng hóa. Vì vậy, sẽ ít có khả năng người tiêu dùng bắt gặp và nhầm lẫn sản phẩm của công ty mang quốc tịch Việt Nam với sản phẩm của một công ty dược mang quốc tịch Italy.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "ATINILA" đăng ký theo đơn số 4-2014-19024 chứa tất cả các ký tự tạo nên nhãn hiệu số 1172584 ngày 11/06/2013 và hai nhãn hiệu trùng

nhau 02 ký tự đầu – "AT", 03 ký tự cuối – "ILA", tạo nên sự tương tự về ấn tượng thị giác và trong cách phát âm. Về phát âm, hai nhãn hiệu cùng có âm cuối [LA] trùng nhau và hai âm đầu [A-TI] và [AT-TI] tương tự nhau. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo, ấn tượng thị giác và cách phát âm. Trong khi, sản phẩm mang hai nhãn hiệu bị coi là tương tự.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Tại thời điểm ban hành Quyết định số 15605/QĐ-SHTT ngày 15/3/2017, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-19024 ngày 15/8/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 15605/QĐ-SHTT ngày 15/3/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-19024 ngày 15/8/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH dược phẩm An Thiên có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH dược phẩm An Thiên (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150518/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của GRUPPO ZANELLATO S.R.L.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00528 ngày 04/5/2017 của GRUPPO ZANELLATO S.R.L.; địa chỉ: Viale dell'Industria, 55, I-36100 Vincenza (VI), Italy; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1288699 theo Thông báo số 2016/06 MDQ37 ngày 08/02/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5318/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của GRUPPO ZANELLATO S.R.L. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ZANELLATO" đăng ký theo ĐQT số 1288699 bị từ chối chấp nhận bảo hộ cho Nhóm 25 và một phần dịch vụ thuộc Nhóm 35 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì bị xem là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu  theo GCNĐKNH số 251961. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, hình thức thể hiện, cách đọc, cụ thể, nhãn hiệu đăng ký có hậu tố "-LATO" hoặc "-TO" phân biệt với hậu tố "LA" tại nhãn hiệu đối chứng, ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng có hình chữ "Z" cách điệu, khác biệt với tổng thể nhãn hiệu đăng ký.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp thuận bảo hộ cho hàng hóa thuộc Nhóm 18, 25 tại Liên minh Châu Âu, Indonesia (*quốc gia mà chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng mang quốc tịch*) mà không gặp phải sự phản đối hoặc hủy hiệu lực nào. Vì vậy, sẽ là hợp lý nếu hai nhãn hiệu được bảo hộ đồng thời tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng

Nhãn hiệu "ZANELLATO" đăng ký theo ĐQT số 1288699 có phần chữ tương tự với thành phần phân biệt chính của nhãn hiệu đối chứng theo theo GCNĐKNH số 251961, có 7/9 ký tự trùng và có cùng thứ tự sắp xếp các ký tự, do đó có cách phát âm tương tự. Sự khác biệt về âm tiết cuối "-To" và sự thiếu

phần hình ở nhãn hiệu đăng ký không tạo khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo và cách phát âm. Trong khi sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 25 và 35 bị coi là tương tự với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 35.

Ngoài ra, việc, nhãn hiệu đăng ký đã được chấp thuận bảo hộ cho hàng hóa thuộc Nhóm 18, 25 tại Liên minh Châu Âu, Indonesia chỉ mang tính chất tham khảo.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1288699 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/06 MDQ37 ngày 08/02/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1288699.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, GRUPPO ZANELLATO S.R.L. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và GRUPPO ZANELLATO S.R.L. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150519/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của dormakaba Deutschland GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00951 ngày 01/9/2017 của dormakaba Deutschland GmbH; địa chỉ: Dorma Platz 1, 58256 Ennepetal (DE); đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1304705 theo Thông báo số 2016/31 VTB02 ngày 20/6/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5336/BC-TTKN

ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của dormakaba Deutschland GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BTS 60TT" đăng ký theo ĐKQT số 1304705 bị từ chối chấp nhận Nhãn hiệu "BTS 60TT" đăng ký theo ĐQT số 1304705 bị từ chối chấp nhận bảo hộ cho hàng hóa thuộc Nhóm 06 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ vì bị xem là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 66971 và đơn số 4-2016-00541. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Người khiếu nại thực hiện việc loại bỏ sản phẩm "ironmongery, small items of metal hardware" (vật dụng nhỏ làm bằng sắt, các mặt hàng nhỏ của phần cứng kim loại)" và "sliding rails (of metal)" (thanh trượt bằng kim loại)" ra khỏi Danh mục hàng hoá thuộc Nhóm 06.

- Nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "BTS 60TT" phân biệt với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 66971, gồm cụm chữ "BTS" và hình e-líp cách điệu, về cấu trúc, hình thức thể hiện. Sau khi tiến hành giới hạn hàng hóa đăng ký, hàng hóa thuộc Nhóm 06 mang nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác biệt với hàng hóa thuộc Nhóm 06, 09, 35, 37, 38, 39, 42 mang nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 66971 về bản chất, mục đích sử dụng, kênh bán hàng.

- Nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "BTS 60TT" phân biệt với nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2016-00541, gồm cụm chữ "BTS" cách điệu về cấu trúc, hình thức thể hiện. Sau khi tiến hành giới hạn hàng hóa đăng ký, hàng hóa thuộc Nhóm 06 mang nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác biệt với dịch vụ thuộc Nhóm 35 mang nhãn hiệu đối chứng theo Đơn số 4-2016-00541 về bản chất, mục đích sử dụng, kênh bán hàng.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp thuận bảo hộ cho hàng hóa thuộc Nhóm 07, 19, có đặc điểm chung và liên quan đến các hàng hóa thuộc Nhóm 06. Vì vậy, sẽ là hợp lý nếu nhãn hiệu đăng ký cũng được chấp thuận bảo hộ cho Nhóm 06.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu "BTS 60TT" đăng ký theo ĐQT số 1304705 có phần chữ "BTS" tương tự với thành phần phân biệt chính của các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 66971 và đơn số 4-2016-00541 về cấu tạo, cách phát âm.

Về sản phẩm/dịch vụ: sau khi người nộp đơn thực hiện thủ tục giới hạn danh mục nhóm 06 và được Văn phòng quốc tế WIPO ghi nhận trên ĐQT số 1304705. Theo đó, sau khi giới hạn danh mục sản phẩm thì sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký không bị coi là tương tự với các sản phẩm/dịch vụ mang các nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp hợp các nhận định trên cho thấy, mặc dù nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự về cấu tạo và cách phát âm nhưng được sử dụng cho sản phẩm, dịch vụ không tương tự với các sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1304705, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/31 VTB02 ngày 20/6/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1304705.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1304705.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và dormakaba Deutschland GmbH (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150520/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Hộ kinh doanh Tường Phát
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2023-00321 ngày 26/7/2023 của Hộ kinh doanh Tường Phát; địa chỉ: 63B Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư A Hoà; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-16153 theo Quyết định số 25399w/QĐ-SHTT ngày 28/4/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5364/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Hộ kinh doanh Tường Phát với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Tường Phát" đăng ký theo đơn số 4-2019-16153 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo quyết định số 25399w/QĐ-SHTT ngày 28/4/2023 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu có đăng bạ quốc gia số 90029.

Người khiếu nại đề nghị Cục sở hữu trí tuệ yêu cầu hủy bỏ quyết định từ chối số 25399w/QĐ-SHTT ngày 28/4/2023 và xem xét giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên với lý do như sau:

Người khiếu nại khẳng định danh mục dịch vụ theo đơn đăng ký không tương tự với danh mục của nhãn hiệu đối chứng vì dịch vụ "Mua bán hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng" không đủ rõ ràng và cụ thể đến tiến hành so sánh/đánh giá mức độ tương tự với danh mục của đơn đăng ký. Nhãn hiệu đối chứng được cấp từ năm 2008 khi quy định chưa chặt chẽ và chủ sở hữu được bảo hộ cho thuật ngữ quá rộng và quá mơ hồ. Các nhãn hiệu đăng ký cho các thuật ngữ quá rộng (không xác định được chủ sở hữu kinh doanh sản phẩm gì) như vậy sẽ gián tiếp cản trở sự kinh doanh hợp pháp của người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu.

Trước khi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-16153, Người khiếu nại đã được bảo hộ cho nhãn hiệu chứa dấu hiệu "TƯỜNG PHÁT" và đã được cấp GCNĐKNH số 229427 ngày 06/8/2014 và đồng tồn tại với nhãn hiệu đối chứng cho đến nay.

Người khiếu nại đã sản xuất và kinh doanh sản phẩm "bóng đèn và thiết bị chiếu sáng" từ năm 2001 đến nay, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cùng đồng tồn tại và không hề xảy ra bất cứ tranh chấp hoặc nhầm lẫn nào từ phía người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua quá trình xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "Tường Phát" trùng hoàn toàn với nhãn hiệu đối chứng "Tường Phát" đã được bảo hộ theo GCNĐKNH số 99029, cấp ngày 07/4/2008 về cấu trúc, hình thức thể hiện và cách phát âm.

Về sản phẩm: Nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho dịch vụ "Mua bán hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng,..." thuộc nhóm 35 đã bao trùm toàn bộ danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký. Do đó, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng.

Ngoài ra, trường hợp được người khiếu nại nêu trong đơn khiếu nại không nằm trong phạm vi giải quyết khiếu nại này.

Do đó nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-16153 ngày 13/5/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 25399w/QĐ-SHTT ngày 28/4/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-16153 ngày 13/5/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Hộ kinh doanh Tường Phát có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Hộ kinh doanh Tường Phát (qua Văn phòng Luật sư A Hoà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150521/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của iFREE GROUP CORPORATION LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00109 ngày 15/02/2024 của iFREE GROUP CORPORATION LIMITED; địa chỉ: Suite 2113A, 21/F, Mira Place Tower A, 132 Nathan Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong, China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng

HTM620

nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-23199 theo Quyết định số 99248/QĐ-SHTT.IP ngày 16/11/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5280/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của iFREE GROUP CORPORATION LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-23199 ngày 19/06/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 99248/QĐ-SHTT.IP ngày 16/11/2023 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký có sự tương tự nhất định về cấu trúc từ ngữ nhưng không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng về cách phát âm, hình thức thể hiện. Ngoài ra, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký được người tiêu dùng chủ động tìm hiểu kỹ càng nên có thể loại trừ khả năng nhầm lẫn trong nhận thức người tiêu dùng về mặt dấu hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: nhãn hiệu đăng ký "MOGOLAB", được trình bày tách biệt thành hai phần chữ bởi phông chữ đậm nhạt khác nhau, trong đó phần chữ "MOGO" được trình bày bằng phông chữ đậm là thành phần chính tạo khả năng phân biệt trong nhãn hiệu, phần chữ "LAB" được trình bày với phông chữ khác và nét mảnh hơn, có nghĩa là "phòng thí nghiệm, phòng pha chế" mang tính mô tả trong các sản phẩm, dịch vụ yêu cầu đăng ký của nhãn hiệu này. Phần chữ "MOGO" bị coi là tương tự với phần chữ "MOOGOO" của nhãn hiệu đối chứng, do có 4/6 ký tự trùng nhau, sự khác nhỏ là 2 thêm ký tự "O" sau mỗi chữ "O". Về phát âm, nhãn hiệu đăng ký phát âm /mo-go/, nhãn hiệu đối chứng phát âm /moo-goo/ đều cùng 2 âm tiết và đọc tương tự như nhau. Do đó, nhãn hiệu

đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, tương tự về cách phát âm

Về sản phẩm/dịch vụ: dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 35.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-23199 ngày 19/06/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 99248/QĐ-SHTT.IP ngày 16/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-23199 ngày 19/06/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, iFREE GROUP CORPORATION LIMITED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và iFREE GROUP CORPORATION LIMITED (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150522/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đơn số RĐ4-2025-00536 ngày 24/7/2025 của Canopus Inter - Trade Pte. Ltd. về việc rút đơn khiếu nại số KN4-2019-00630 ngày 22/10/2019.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2019-00630 ngày 22/10/2019 của Canopus Inter - Trade Pte. Ltd.; địa chỉ: No.1, North Bridge Road, # 07-10 High Street Centre, Singapore-179094; đại diện bởi: Công ty TNHH Luật ALIAT.

Lý do đình chỉ: Người khiếu nại có đơn số RĐ4-2025-00536 ngày 24/7/2025

về việc xin rút đơn khiếu nại số KN4-2019-0630 ngày 22/10/2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Canopus Inter - Trade Pte. Ltd. (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150523/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của FAVOREX PTE. LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00944 ngày 19/12/2024 của FAVOREX PTE. LTD.; địa chỉ: 47 Jalan Buroh #09-01 Singapore 619491 Singapore; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-43062 theo Quyết định số 119810/QĐ-SHTT.IP ngày 14/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5384/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của FAVOREX PTE. LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-43062 ngày 05/11/2021 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 119810/QĐ-SHTT.IP ngày 14/10/2024 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- "Gyno" là một tiền tố phổ biến trong lĩnh vực y học, dùng để chỉ phụ nữ hay cơ quan sinh dục nữ, do đó "Gyno" là yếu tố có khả năng phân biệt yếu cho các sản phẩm thuộc nhóm 05. Thực tế có nhiều nhãn hiệu có cùng cấu trúc đã được cấp GCNĐKNH.

- Nhãn hiệu đăng ký là một tổng thể gồm hai phần không tác riêng, có cấu trúc và các phát âm khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng.

- Các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký khác biệt nhau về chức năng, mực đích sử dụng và kênh phân phối.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là phần chữ "Gynofem Gel", trong đó: "Gel" là thành phần mang tính mô tả đặc tính của sản phẩm, không có khả năng phân biệt và không được bảo hộ, phần chữ "Gynofem" là thành phần phân biệt chính của nhãn hiệu tương tự với nhãn hiệu "GYNOFEN" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 457783 cấp ngày 02/8/2023 về cấu trúc (trùng 6/7 ký tự theo cùng một trật tự sắp xếp của từ từ trái qua phải) và cách phát âm, được phát âm lần lượt là /gi/no/phem/ và /gi/no/phen/. Sự khác biệt không đáng kể của thành phần phân biệt chính của nhãn hiệu đăng ký kết hợp với một thành phần mô tả

tạo thành một tổng thể không có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng.

Về sản phẩm: sản phẩm "tá dược dùng để phòng ngừa và điều trị bệnh teo âm đạo" mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm trong nhãn hiệu đối chứng ("các chế phẩm ngành dược") vì chúng có cùng chức năng, mục đích (để phòng ngừa và chữa bệnh) và được đưa ra thị trường theo cùng kênh phân phối (được cung cấp bởi các hiệu thuốc).

Ngoài ra, các trường hợp khác nêu trong đơn khiếu nại không nằm trong phạm vi giải quyết khiếu nại này.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, hai nhãn hiệu có thành phần phân biệt tương tự nhau sử dụng cho sản phẩm tương tự nên chúng tương tự đến mức gây nhầm lẫn. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-43062 ngày 05/11/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 119810/QĐ-SHTT.IP ngày 14/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-43062 ngày 05/11/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, FAVOREX PTE. LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và FAVOREX PTE. LTD. (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150524/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Rhodia Operations
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00673 ngày 23/6/2017 của Rhodia Operations; địa chỉ: 25 rue de Clichy F-75009 (hiện nay là Specialty Operations France, địa chỉ: Immeuble Silex 2 Solvay 9 rue des Cuirassiers F-69003 Lyon); đại diện bởi: Công ty cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1259436 theo Thông báo số 2015/30 NNL02 ngày 28/07/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5360/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Rhodia Operations hiện nay là Specialty Operations France) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "N Protect" theo ĐQT số 1259436 đăng ký bảo hộ cho nhóm 01 bị từ chối chấp nhận bảo hộ theo Điều 74.2.a và 74.2.c của Luật Sở hữu trí tuệ 2005.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký nêu trên với lý do:

Tổng thể nhãn hiệu "N Protect" không phải là từ mô tả trực tiếp đặc tính hay chất lượng của hàng hóa mang nhãn hiệu. Sản phẩm "phân bón; chất phụ gia cho phân bón" thuộc nhóm 1 không có chức năng chính là cung cấp chất đạm dinh dưỡng cho cây trồng, mà có chức năng "bảo vệ, bảo hộ, che chở, giữ gìn, phòng ngừa". Vì vậy, "N Protect" không mô tả chức năng dinh dưỡng này.

Đối với cơ sở từ chối dựa trên Điều 74.2.a, người khiếu nại trình bày rằng nhãn hiệu "N Protect" không phải là một thuật ngữ thông dụng, không đơn giản. và nhấn mạnh việc xem xét nhãn hiệu cần được thực hiện trên tổng thể, không chỉ xét riêng chữ cái "N".

Người khiếu nại đã cung cấp bằng chứng về việc nhãn hiệu "N Protect" đã được bảo hộ ở ít nhất 21 quốc gia châu Âu (thông qua đơn đăng ký số 012557914 do OHIM cấp ngày 23/05/2014) và tại Trung Quốc.

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét kinh nghiệm bảo hộ quốc tế này, cũng như đối với đơn đăng ký số 1259436 đã được cấp tại Việt Nam và một nhãn hiệu khác đã được cấp tại Monaco, khi đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu 'N Protect' tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "N Protect" theo ĐQT số 1259436 được cấu tạo bởi hai phần, phần "N" là chữ cái đơn giản không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, phần chữ "protect" có nghĩa là "bảo vệ", mang tính mô tả công dụng bảo vệ cây trồng, đất hoặc dinh dưỡng, như: Bảo vệ cây trồng khỏi sâu bệnh, bảo vệ dinh dưỡng trong đất, bảo vệ vi sinh vật có lợi của các sản phẩn phân bón và phụ gia phân bón thuộc nhóm 01, do đó, không đáp ứng điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Như vậy, sự kết hợp của các yếu tố nêu trên tạo thành tổng thể không mang tính phân biệt và không đáp ứng điều kiện bảo hộ quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngoài ra, việc nhãn hiệu "N Protect" được bảo hộ tại nhiều quốc gia khác như 21 nước châu Âu và Trung Quốc, cũng như một số trường hợp được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam chỉ mang tính chất tham khảo và không nằm trong phạm vi giải quyết khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1259436 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/30 NNL02 ngày 28/07/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1259436.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Rhodia Operations (hiện nay là Specialty Operations France) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Rhodia Operations (hiện nay là Specialty Operations France) (qua Công ty cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150525/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Muang Thai Life Assurance Public Company Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-00290 ngày 22/4/2020 của Muang Thai Life Assurance Public Company Limited; địa chỉ: 250 Rachadaphisek Road, Huaykwang Subdistrict, Huaykwang District, Bangkok Metropolis thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH Lê & Lê; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-19365 theo Quyết định số 7799/QĐ-SHTT ngày 22/01/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5448/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Muang Thai Life Assurance Public Company Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MUANG THAI LIFE ASSURANCE [Muang Thai: Thái Lan, prakan chiwit: Bảo đảm cuộc sống]"  theo đơn số 4-2016-19365 ngày 28/6/2016 bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 7799/QĐ-SHTT ngày 22/01/2020 do không có khả năng phân biệt theo quy định tại Điều 74.2.a,c và đ Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn đăng ký số 4-2016-19365 ngày 28/06/2016 với lý do. Cụ thể:

- Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của các thành phần này cùng tạo nên một ấn tượng thương mại riêng biệt và có khả năng phân biệt. Sự kết hợp của các thành phần có trong nhãn hiệu được đăng ký đã tạo nên một tổng thể hoàn toàn có tính phân biệt, cho phép người tiêu dùng phân biệt dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu Muang Thai Life Assurance Public Company Limited với dịch vụ của chủ thể khác, do đó, thỏa mãn điều kiện được bảo hộ là một nhãn hiệu;

- Thái Lan không có "danh tiếng" cho dịch vụ bảo hiểm, nên việc sử dụng MUANG THAI cũng không ảnh hưởng đến quyền/lợi ích của chủ thể khác;

- Cơ quan nhãn hiệu tại các quốc gia và khu vực có tiêu chuẩn bảo hộ và hệ thống xét nghiệm tương tự với Việt Nam như Trung Quốc, Hồng Kông, Singapore, Đài Loan và đặc biệt là Thái Lan đều cho rằng nhãn hiệu được đăng ký là một tổng thể có tính phân biệt và chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch

vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nhãn hiệu đăng ký, lý do khiếu nại và các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu được đăng ký là sự kết hợp giữa các phần chữ và hình, cụ thể:

Về phần hình: là khối hình học chữ vuông phổ được sử dụng làm nền cho dòng chữ tiếng thái, không góp phần tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký.

Về phần chữ: Các phần chữ được thể hiện trong nhãn hiệu được đăng ký gồm phần "MUANG THAI", "LIFE ASSURANCE", và phần ký tự không có nguồn gốc la-tinh (tiếng thái). Trong đó, phần chữ tiếng anh "LIFE ASSURANCE" có nghĩa là "bảo hiểm nhân thọ", mang tính mô tả dịch vụ được đăng ký cho nhãn hiệu; phần chữ "MUANG THAI" nghĩa chỉ đất nước Thái Lan mang tính mô tả một khu vực địa lý; phần chữ tiếng Thái được đặt trên phần hình khối chữ nhật là tiếng Thái, là ngôn ngữ mà người tiêu dùng Việt Nam có hiểu biết thông thường không thể nhận biết và ghi nhớ được. Do vậy, toàn bộ phần chữ có trong nhãn hiệu đều không góp phần tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu.

Như vậy, sự kết hợp tổng thể giữa phần hình và phần chữ có trong nhãn hiệu đăng ký không mang tính độc đáo và không tạo nên một tổng thể mang tính phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký.

Ngoài ra, việc nhãn hiệu yêu cầu đăng ký được bảo hộ tại nhiều quốc gia chỉ mang tính tham khảo, không đồng nghĩa với việc sẽ được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-19365 ngày 28/06/2016 không có khả năng phân biệt theo quy định tại Điều 74.2.a,c và đ Luật Sở hữu trí tuệ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c và đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-19365 ngày 28/6/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 7799/QĐ-SHTT ngày 22/01/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-19365 ngày 28/06/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Muang Thai Life Assurance Public Company Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Muang Thai Life Assurance Public Company Limited (qua Công ty TNHH Lê & Lê) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150526/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Malaysian Mosaics Sdn Bhd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-00492 ngày 26/6/2020 của Malaysian Mosaics Sdn Bhd; địa chỉ: 21st Floor, Menara Hap Seng, 1&3 Jalan P. Ramlee, 50250 Kuala Lumpur, Malaysia; đại diện bởi: Công ty TNHH Lê & Lê; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-32774 ngày 19/10/2016 theo Quyết định số 26490/QĐ-SHTT ngày 20/4/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5363/BC-TTKN

ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Malaysian Mosaics Sdn Bhd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MML, hình" đăng ký theo đơn số 4-2016-32774 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 26490/QĐ-SHTT ngày 20/4/2020 vì tương tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng có đăng bạ quốc gia số 307864.

Người khiếu nại đề nghị Cục sở hữu trí tuệ tạm dừng giải quyết đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-32774 cho đến khi có quyết định cuối cùng về việc hủy bỏ hiệu lực của văn bằng bảo hộ số 307864.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 Luật Sở hữu trí tuệ, Cục Sở hữu trí tuệ chỉ được ra thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ nếu "người nộp đơn không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng" đối với Thông báo dự định từ chối. Trong vụ việc này, để phản hồi Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 44198/SHTT-NH ngày 23/08/2019 (về việc từ chối tạm thời), người khiếu nại đã thực hiện thủ tục yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu đối chứng số 307864 theo đơn số ĐN1-2020-00062 ngày 24/02/2020, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua quá trình xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người khiếu nại đã thực hiện thủ tục yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu đối chứng số 307864 theo đơn số ĐN1-2020-00062 ngày 24/02/2020 trước ngày Quyết định số 26490/QĐ-SHTT ngày 20/4/2020 được ban hành. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2016-32774 ngày 19/10/2016.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2016-32774 ngày 19/10/2016.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 26490/QĐ-SHTT ngày 20/4/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-32774 ngày 19/10/2016.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-32774 ngày 19/10/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Malaysian Mosaics Sdn Bhd (qua Công ty TNHH Lê & Lê) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150527/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của FORMULA ONE LICENSING B.V
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2021-01028 ngày 22/11/2021 của FORMULA ONE LICENSING B.V; địa chỉ: Beursplein 3 7, 3011 AA Rotterdam, The Netherlands; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ S&O; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1436310 theo Quyết định số 3471/QĐ-SHTT ngày 09/8/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5344/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của FORMULA ONE LICENSlNG B.V với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1436310 ngày 09/08/2018 của Formula One Licensing B.V bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu ĐKQT tại Việt Nam theo Quyết định số 3471/QĐ-SHTT ngày 09/08/2021 vì lý do: nhãn hiệu nêu trong đơn không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.a Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị chấp thuận bảo hộ ĐQT nêu trên dựa trên cơ sở điều kiện loại trừ theo Điều 74.2(a), đó là: "trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu", cụ thể như sau:

- Nhãn hiệu chữ tiêu chuẩn F1 đã đạt được khả năng phân biệt thông qua việc sử dụng rộng rãi không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn cầu, và được nhận biết rộng rãi như một nhãn hiệu nổi tiếng.

+ FIA thành lập năm 1904, là một liên đoàn quốc tế phi lợi nhuận đại diện cho quyền lợi của các tổ chức xe mô-tô trên thế giới tại 144 quốc gia. FIA công bố Giải Vô Địch đua xe mô-tô quốc tế FIA FORMULA ONE WORLD CHAMPIONSHIP vào năm 1950. Giải Vô Địch được tổ chức 21 giải vào các năm 2016, 2018, 2019 trên toàn thế giới, với lễ khai mạc giải đua F1 dự kiến tại Việt Nam vào tháng 4/2020 nhưng tạm hoãn do COVID-19. Cho đến nay, đã có hơn 1000 giải đua F1 được tổ chức tại hơn 30 quốc gia.

+ Nhãn hiệu F1 (phiên bản tiêu chuẩn) đã được nộp đơn và đăng ký tại hơn 122 quốc gia trên thế giới, với tổng số hơn 4.600 đơn/văn bằng bảo hộ tại 135 quốc gia vào năm 2020.

+ Nhãn hiệu F1 (phiên bản tiêu chuẩn) đã được công nhận là nhãn hiệu nổi tiếng tại 27 quốc gia và Châu Âu thông qua nhiều vụ việc bởi các cơ quan nhãn hiệu như Phòng đăng ký nhãn hiệu Canada, WIPO Panel, Văn phòng Quốc gia về Phát minh và Nhãn hiệu Romania,Tòa án Ý, Tòa án thương mại sơ thẩm Ankara Thổ Nhĩ Kỳ, Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Tây Ban Nha, Tòa án Alicante Mercantile, Văn phòng Quốc gia về Sở hữu Công nghiệp Brazil, Văn phòng Nhãn hiệu Philippines và Văn phòng Nhãn hiệu Ba Lan.

- Việc sử dụng nhãn hiệu F1 kèm các yếu tố khác như "giải đua", "đường đua",v.v. là phù hợp với thông lệ quốc tế

+ Việc sử dụng các yếu tố đi kèm như "giải đua", "đường đua", "forrmula" v.v. để hướng tới việc sử dụng chính xác nhãn hiệu nổi tiếng này và không mất đi chức năng chính của nhãn hiệu khi không còn có thể chỉ dẫn nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đó. Theo Điều 5.6(2) Hiệp định EVFTA, nhãn hiệu có thể bị chấm dứt hiệu lực nếu trở thành tên gọi thông thường trong thương mại do việc làm hoặc không làm bởi chủ sở hữu. Do đó, việc FOL sử dụng nhãn hiệu F1 kèm theo các yếu tố trên là hợp lý để tránh hậu

quả này, đồng thời thể hiện chức năng nhãn hiệu của chữ F1, đó là giúp người tiêu dùng nhận biết được nguồn gốc thương mại của các giải đua, đường đua đó.

- Việc sử dụng và nhận biết rộng rãi nhãn hiệu F1 (phiên bản chữ tiêu chuẩn) tại Việt Nam:

+ Nhãn hiệu F1 được sử dụng rộng khắp và liên tục tại Việt Nam bởi Người nộp đơn và các đối tác là Nhà tài trợ, Nhà Quảng Bá, Nhà hỗ trợ Sự kiện, đại lý bán vé cho giải đua FORMULA 1 VINFAST VIETNAM GRAND PRIX 2020.

+ Thông tin về Người nộp đơn và giải đua xuất hiện dày đặc trên các kênh thông tin đại chúng chính thống như Đài VTV, trang báo của Chính Phủ, các trang báo uy tín hàng đầu Việt Nam với lượng độc giả lớn. Sự kiện này còn được các quan chức Chính phủ đặc biệt quan tâm.

+ Tuyên bố từ các bên thứ ba (Liên đoàn Ô-tô Quốc tế và Hiệp Hội Thể Thao Xe Động Cơ Việt Nam) đệ trình tới Cục Sở hữu trí tuệ ủng hộ việc cần thiết bảo hộ nhãn hiệu chữ F1 cho FOL.

- Việc bảo hộ phiên bản chữ tiêu chuẩn của nhãn hiệu F1 là cần thiết để bảo vệ lợi ích chính đáng của người nộp đơn, để tránh các rủi ro tổn hại danh tiếng và các nhãn hiệu đã được bảo hộ trong việc các bên thứ ba có thể sử dụng nhãn chữ tiêu chuẩn với dụng ý xấu nhm lợi dụng danh tiếng của Formula One Licensing B.V.

+ Tất cả các phiên bản cách điệu của nhãn hiệu F1 đều xuất phát từ nhãn hiệu F1 chữ tiêu chuẩn và có cùng thành phần chính, cách phát âm và khía cạnh ý tưởng thể hiện, tạo ấn tượng về nhãn hiệu thống nhất đối với người tiêu dùng trên toàn cầu, vì vậy việc các phiên bản chữ cách điệu của nhãn hiệu F1 đã được bảo hộ và nhận biết rộng rãi như một nhãn hiệu không chỉ tại Việt Nam mà còn trên toàn cầu thì hoàn toàn có căn cứ để bảo hộ các nhãn hiệu F1 ở phiên bản chữ tiêu chuẩn được bảo hộ tại Việt Nam.

+ Ngoài ra, các nhãn hiệu xâm phạm có yếu tố "F1" sau khi người nộp đơn gửi thư đề nghị chấm dứt sử dụng các nhãn hiệu F1 dưới mọi hình thức đã thừa nhận mục đích sử dụng yếu tố F1 để lợi dụng uy tín của nhãn hiệu nổi tiếng F1 của FOL, đồng ý và cam kết xóa bỏ và chấm dứt toàn bộ việc sử dụng yếu tố F1 khi chưa được sự cho phép từ FOL, và rút toàn bộ các đơn đăng ký nhãn hiệu có chứa yếu tố F1 (nếu có). Điều đó đã phản ánh được sự nổi tiếng của nhãn hiệu F1.

Vì những lý do trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét và chấp thuận bảo hộ cho ĐQT số 1436310.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn

giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Mặc dù người nộp đơn đã cung cấp các tài liệu chứng minh danh tiếng tại Việt Nam của nhãn hiệu "F1" phiên bản chữ tiêu chuẩn, tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ đó chưa đủ cơ sở để chứng minh rằng nhãn hiệu "F1" phiên bản chữ tiêu chuẩn đã đạt được mức độ nhận biết rộng rãi tại Việt Nam như một nhãn hiệu nổi tiếng như người nộp đơn trình bày.

Các tài liệu nộp kèm theo đơn khiếu nại thể hiện việc sử dụng nhãn hiệu "F1" dưới phiên bản cách điệu và dưới dạng kết hợp với các yếu tố khác như "giải đua F1", "đường đua F1", "chặn đua F1",... Do vậy, thành phần "F1" đứng riêng lẻ như trong ĐQT số 1436310 là hoàn toàn khác với nội dung của cụm từ gồm "F1" phiên bản chữ tiêu chuẩn đi kèm với một trong số các thành phần khác trong các tài liệu nêu trên.

Thành phần "F1" phiên bản chữ tiêu chuẩn, là tổ hợp của chữ cái "F" và số "1", nên thuộc trường hợp không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu theo quy định tại Điều 74.2.a Luật Sở hữu trí tuệ. Nhãn hiệu "F1" theo ĐQT số 1436310 không được hưởng ngoại lệ "trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu" do tài liệu kèm theo công văn phúc đáp trong giai đoạn thẩm định đã không chứng minh được nội dung này. Ngược lại, thành phần "F1" phiên bản cách điệu được bảo hộ bởi chính cách thức thể hiện độc đáo, do vậy, yêu cầu của Người nộp đơn: "việc các phiên bản chữ cách điệu của nhãn hiệu F1 đã được bảo hộ và nhận biết rộng rãi như một nhãn hiệu không chỉ tại Việt Nam mà còn trên toàn cầu thì hoàn toàn có căn cứ để bảo hộ các nhãn hiệu F1 ở phiên bản chữ tiêu chuẩn với hình thức thể hiện khác nhau được bảo hộ tại Việt Nam" là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu theo ĐQT số 1436310 ngày 09/08/2018 không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đơn ĐQT nêu trên là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1436310 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 3471/QĐ-SHTT ngày 09/8/2021 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1436310.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, FORMULA ONE LICENSING B.V có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và FORMULA ONE LICENSING B.V (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ S&O) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150528/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Natural Waters of Viti Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2019-00545 ngày 02/10/2019 của Natural Waters of Viti Limited; địa chỉ: 3 Naikabula Road, Lautoka, Fiji; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ELITE; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-29193 ngày 21/10/2015 theo Quyết định số 54854/QĐ-SHTT ngày 05/7/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5310/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Natural Waters of Viti Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu  "FIJI, hình" đăng ký theo đơn số 4-2015-29193 ngày 21/10/2015 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 54854/QĐ-SHTT ngày 05/7/2019 vì chứa phần chữ "FIJI" là tên một đảo quốc tại Châu Đại Dương gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu tri tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau đây:

- Chủ đơn có trụ sở đặt tại Cộng hòa FIJI, sản xuất các hàng hóa mang nhãn hiệu "FIJI, hình" tại chính lãnh thổ Cộng hòa FIJI, do đó không thể bị coi là gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa mang nhãn hiệu;

- Nhãn hiệu "FIJI" đã được quảng bá và sử dụng rộng rãi tại Việt Nam và do đó, nhãn hiệu "FIJI" đã đạt được khả năng phân biệt thông qua việc sử dụng đối với hàng hóa gắn nhãn hiệu này theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-29193 ngày 21/10/2015 là "Natural Waters of Viti Limited", có địa chỉ tại: "3 Naikabula Road, Lautoka, Fiji". Trong đó, "FIJI" là tên chính thức là Cộng hòa Fiji, một đảo quốc tại châu Đại Dương, thuộc phía nam Thái Bình Dương. Vì vậy, việc chủ đơn đăng ký dấu hiệu "FIJI" không bị coi là gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Trong trường hợp này, dấu hiệu "Fiji" mang tính chỉ dẫn về nguồn gốc địa lý của hàng hóa là các loại đồ uống, nước khoáng được đóng chai trực tiếp từ quốc đảo Fiji và vì vậy, dấu hiệu "Fiji" có thể bị coi là không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không áp dụng khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-29193 ngày 21/10/2015 và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn nêu trên.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2015-29193 ngày 21/10/2015.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 54854/QĐ-SHTT ngày 05/7/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-29193 ngày 21/10/2015.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số số 4-2015-29193 ngày 21/10/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Natural Waters of Viti Limited (qua Công ty Luật TNHH ELITE) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 16740/SHTT-TRM ngày 15/5/2017./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150529/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Brauerei Gebr. Maisel KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-01228 ngày 23/11/2017 của Brauerei Gebr. Maisel KG; địa chỉ: Hindenburgstrasse 9 95445 Bayreuth, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 444892 theo Thông báo số 2016/38 VTB25 ngày 31/7/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5426/BC-TTKN

ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Brauerei Gebr. Maisel KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Maisel" cho các sản phẩm/ dịch vụ thuộc nhóm 32 theo (ĐQT số 444892 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu có trước theo đơn số 4-2015-36942 theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

Chủ ĐQT số 444892 sẽ bổ sung đơn phản đối cấp giấy chứng nhận cho đơn số 4-2015-36942.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Ngày 13/11/2019, nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2015-36942 đã có Quyết định từ chối do không nộp phí cấp văn bằng bảo hộ. Do đó, nhãn hiệu theo đơn nêu trên không còn là đối chứng để từ chối đối với nhãn hiệu đăng ký. Với lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 444892, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/38 VTB25 ngày 31/7/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 444892.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 444892.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Brauerei Gebr. Maisel KG (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150530/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Rockport Company, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-01017 ngày 19/9/2017 của The Rockport Company, LLC; địa chỉ: 1895 J. W. Foster Boulevard Canton MA 02021 United States; đại diện bởi: Công ty TNHH Lê & Lê; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1302414 theo Thông báo số 2016/27 TDH25 ngày 29/5/2017;

DTX488

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5314/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The Rockport Company, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký quốc tế (ĐQT) số 1302414 ngày 23/05/2016 đăng ký nhãn hiệu "MADE FOR MOVERS" cho nhóm 25 của The Rockport Company, LLC bị dự định từ chối chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam theo Thông báo số 2016/27 TDH25 ngày 19/5/2017 vì lý do: nhãn hiệu nêu trong đơn không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ do không có khả năng phân biệt. Người nộp đơn đề nghị chấp thuận bảo hộ ĐQT nêu trên với các lý do sau:

Từ tiếng Anh "MOVER" không phải là từ mô tả trực tiếp các sản phẩm đăng ký trong nhóm 25. Ngoài ra, ý nghĩa cơ bản của nhãn hiệu "MADE FOR MOVERS" muốn truyền đạt là các sản phẩm của người nộp đơn dành cho những người tiêu dùng năng động - cả theo nghĩa vật lý và tâm lý, ví dụ như những người thúc đẩy (move) một dự án xã hội, kinh doanh hay gia đình tới lúc hoàn thành nhờ năng lượng và sự nhiệt tình của họ. Người nộp đơn cho rằng đối tượng khách hàng của The Rockport Company, LLC sẽ hiểu và có thể nhận thức "MADE FOR MOVERS" như là một nhãn hiệu để phân biệt hàng hóa của người cung cấp.

Nhãn hiệu "MADE FOR MOVERS" đã được nhiều quốc gia có hệ thống và tiêu chuẩn xét nghiệm tương đồng với Việt Nam chấp nhận bảo hộ, bao gồm Hoa Kỳ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nam Phi, Nga, UAE, Lebanon, Ả Rập Xê-út, Na Uy.

Vì những lý do trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét và chấp thuận bảo hộ cho ĐQT số 1302414.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 109 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bị coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau đây: "Người nộp đơn không có quyền đăng ký, kể cả trường hợp quyền đăng ký cùng thuộc nhiều tổ chức, cá nhân nhưng một hoặc một số người trong số đó không đồng ý thực hiện việc nộp đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký là cụm từ tiếng Anh "MADE FOR MOVERS" được hiểu theo một số nghĩa như "dành cho người vận động, dành cho người di

chuyển, làm ra cho người chuyển đồ, dành cho người chuyển đồ" thường được dùng khi nói về quần áo, giày dép, dụng cụ phù hợp với công việc di chuyển nặng nhọc. Do đó, nhãn hiệu "MADE FOR MOVERS" theo ĐQT số 1302414 được sử dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 sẽ có ý nghĩa mô tả trực tiếp về mục đích sử dụng hoặc đối tượng sử dụng của sản phẩm đăng ký và không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1302414 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/27 TDH25 ngày 29/5/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1302414.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, The Rockport Company, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Rockport Company, LLC (qua Công ty TNHH Lê & Lê) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150531/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Club Car, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2021-01051 ngày 30/11/2021 của Club Car, LLC; địa chỉ: 4125 Washington Road, Evans, Georgia 30809, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Lê & Lê; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-36015 theo Quyết định số 58928/QĐ-SHTT ngày 16/7/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5323/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Club Car, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CLUB CAR" đăng ký theo đơn số 4-2017-36015 cho nhóm 12 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "club SEAT, hình" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 967473 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn đăng ký "CLUB CAR" đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi từ trước ngày nộp đơn 02/11/2017, do đó, thuộc trường hợp ngoại lệ của Điều 74.2(c) Luật Sở hữu trí tuệ. Do vậy, nhãn đăng ký "CLUB CAR" của Club Car, LLC đã được đăng ký (mà không bị bất kỳ từ chối yêu cầu bổ sung nào về nội dung) tại rất nhiều các quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới như Mỹ, Canada, Úc, Canada, Singapore, Liên minh Châu Âu (EU), Hàn Quốc, New Zealand, Trung Quốc, Philppines...

- Về hình thức thể hiện: Nhãn đăng ký "CLUB CAR" được thiết kế theo font chữ thường, trong khi đó, nhãn đối chứng "club SEAT, hình" được được thiết kế theo font chữ đặc biệt màu trắng, viết thành 02 hàng và được đặt trên một nền màu đỏ trong một hình vuông màu đen.

- Về phát âm: hai nhãn hiệu hoàn toàn phân biệt được do sự khác nhau của thành phần "CAR" của nhãn đăng ký và thành phần chữ "SEAT" của nhãn đối chứng.

- Về ý nghĩa: nhãn hiệu "CLUB CAR" đã gắn liền với danh tiếng của Công ty Club Car, LLC, trong khi đó "club SEAT" có nghĩa là "câu lạc bộ SEAT" gắn liền với công ty nổi tiếng SEAT, S.A, một công ty sản xuất xe hơi của Tây Ban Nha, (thuộc tập đoàn Volkswagen).

- Nhãn hiệu đăng ký không còn bị cản trở bởi nhãn hiệu đối chứng vì nhãn đối chứng đã không được sử dụng trong thời gian 5 năm liên tục tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "CLUB CAR" là cụm từ tiếng Anh có nghĩa là "Câu lạc bộ xe ô tô" hoặc cũng có thể được hiểu là "toa xe đặc biệt trên tàu hỏa". Khi được sử dụng cho các sản phẩm "Ô tô nhỏ có động cơ dùng để di chuyển khi chơi gôn và xe việt dã đa dụng; ô tô dùng để di chuyển khi chơi gôn và các bộ phận cấu tạo của nó (thân xe, tấm chắn bảo vệ xe khi va đập, hộp đựng dụng cụ, thùng chứa hàng, ghế ngồi, vỏ bọc cho ghế, đồ trang trí nội thất, lốp xe, bánh lái, khay đựng đồ, khay chứa đồ, vỏ bọc bánh lái, và kính chắn gió); xe đa dụng và các bộ phận cấu tạo của nó" thuộc nhóm 12, dấu hiệu "CLUB CAR" bị coi là mang tính mô tả chủng loại hoặc đặc tính của sản phẩm, không có khả năng phân biệt. Bên cạnh đó, các chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp chưa đủ để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ.

- Phần chữ "CLUB" trong nhãn hiệu đăng ký tương tự về cấu trúc, cách phát âm và trùng về ý nghĩa với thành phần có khả năng phân biệt chính "club" trong nhãn hiệu đối chứng số 967473.

- Đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ chưa nhận được kết quả điều tra thị trường và yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên, kể cả trong trường hợp người nộp đơn bổ sung kết quả điều tra thị trường thì cũng không phải là cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đối chứng đã bị chấm dứt hiệu lực. Đồng thời, trong trường hợp người nộp đơn bổ sung được Quyết định chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng thì Quyết định này cũng bị coi là tình tiết mới nên không được chấp nhận trong quá trình giải quyết khiếu nại.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-36015 ngày 02/11/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 58928/QĐ-SHTT ngày 16/7/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-36015 ngày 02/11/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Club Car, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Club Car, LLC (qua Công ty TNHH Lê & Lê) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150532/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của USHIO INDUSTRIES, LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2012-00891 ngày 18/9/2012 của USHIO INDUSTRIES, LTD.; địa chỉ: 1-18, Sentan-Dori 3-Chome, Nada-Ku, Kobe City, Hyogo Prefecture, 567-0056, JAPAN; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1077752 theo Thông báo số 2011/22 NTH05 ngày 07/6/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5338/BC-TTKN

ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của USHIO INDUSTRIES, LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "UNISOL" đăng ký theo ĐQT số 1077752 cho nhóm 07, 12 bị từ chối vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "UNISON" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 70545 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Về ý nghĩa: Nhãn hiệu đăng ký "UNISOL" là từ không có nghĩa trong các ngôn ngữ, trong khi nhãn hiệu đối chứng "UNISON" lại là một từ có nghĩa. Từ "Unison" xuất phát từ từ gốc Latin "uni" có nghĩa là "một" và "sonous" có nghĩa là "âm thanh". Vì vậy, "Unison" có nghĩa là một âm thanh và trong âm nhạc, nó có nghĩa là trạng thái đồng âm. Ngoài ra, theo từ điển Oxford trực tuyến, từ "Unison" còn có nghĩa là trạng thái nhất trí, hoà hợp. Do nhãn hiệu "UNISOL" và "UNISON" đều là các dấu hiệu chỉ bao gồm các yếu tố chữ nên sự khác nhau về nghĩa của nhãn hiệu đóng vai trò quan trọng đối với việc phân biệt các nhãn hiệu này. Khi tiếp nhận nhãn hiệu đối chứng "UNISON", trong tâm trí người tiêu dùng hình thành một khái niệm rõ ràng về nhãn hiệu do "UNISON" là một từ có nghĩa. Ngược lại, khi tiếp nhận nhãn hiệu đăng ký "UNISOL", trong tâm trí người tiêu dùng sẽ không hình thành một khái niệm cụ thể nào do đây là một từ không có nghĩa.

- Nhãn hiệu đăng ký "UNISOL" và nhãn hiệu "UNISON" đã cùng được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Liên minh Châu Âu.

- Về sản phẩm/dịch vụ: Nhãn hiệu đối chứng "UNISON" dùng cho dịch vụ thuộc nhóm 35 "Bán phụ tùng xe gắn máy" sẽ không thể có liên tưởng đến các sản phẩm "Khớp truyền động không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ, cụ thể là khớp truyền động cho máy móc; đai truyền tải điện không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ" mang nhãn hiệu đăng ký "UNISOL" vì hoàn toàn không có mối liên hệ về ngữ nghĩa giữa hai từ này. Người tiêu dùng sẽ không thể nghĩ rằng các dịch vụ "bán phụ tùng xe gắn máy" mang nhãn hiệu "UNISON" là nơi cung cấp, bán các sản phẩm "Khớp truyền động không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ, cụ thể là khớp truyền động cho máy móc; đai truyền tải điện không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ, mang nhãn hiệu "UNISOL".

- Nhãn hiệu đăng ký cũng đã được bảo hộ tại nhiều nước khác trên thế giới như Venezuela, Philippines, các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Malaysia. Chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký cũng đang tiến hành mở rộng phạm vi bảo hộ bằng các thủ tục cần thiết để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại các quốc gia như Thái Lan, Bolivia, Chilê, Panama, Cộng hoà Trinidad và Tobago.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "UNISOL" và nhãn hiệu đối chứng "UNISON" đều được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa và có 5/6 ký tự trùng nhau; sự khác nhau ở ký tự cuối "L" (trong nhãn hiệu đăng ký), "N" (trong nhãn hiệu đối chứng) và về ý nghĩa (nhãn hiệu đăng ký không có nghĩa, nhãn hiệu đối chứng có nghĩa là "đồng thanh") không tạo nên khả năng phân biệt cho hai nhãn hiệu về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện.

- Về sản phẩm: Các sản phẩm thuộc nhóm 07 và 12 mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là có liên quan với dịch vụ thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 70545 đã hết hiệu lực (ngày 27/9/2014) nên không còn là đối chứng để từ chối đối với nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1077752.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1077752, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2011/22 NTH05 ngày 07/6/2012 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1077752.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1077752.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và USHIO INDUSTRIES, LTD. (qua Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150533/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Discovery, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00071 ngày 07/02/2025 của Discovery, Inc.; địa chỉ: 230 Park Avenue South, New York, NY 10003, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Trà và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-46747 theo Quyết định số 124468/QĐ-SHTT.IP ngày 28/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5342/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Discovery, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "THE STUFF THAT DREAMS ARE MADE OF" theo đơn số 4-2021-46747 bị từ chối vì mang tính mô tả theo Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký vì lý do:

- Theo Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN sửa đổi hướng dẫn đánh giá khả năng phân biệt của dấu hiệu chữ viết như sau: "Một từ hoặc một tập hợp từ mang nội dung mô tả chính hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu như dấu hiệu chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, nguồn gốc địa lý (trừ trường hợp nhãn hiệu được đăng ký là nhãn hiệu chứng nhận nguồn gốc địa lý của hàng hoá hoặc nhãn hiệu tập thể), phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất (trừ trường hợp nhãn hiệu được đăng ký là nhãn hiệu chứng nhận chất lượng của hàng hoá, dịch vụ), thành phần, công dụng, giá trị của hàng hoá, dịch vụ (Điểm 39.3g)" thì dấu hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt khi nhãn hiệu "chỉ" ra/mô tả "chính" (đồng nghĩa với "đề cập trực tiếp" đến) sản phẩm/dịch vụ đăng ký.

- Trong trường hợp này, nhãn hiệu "THE STUFF THAT DREAMS ARE MADE OF" của chủ đơn không phải là dấu hiệu chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, nguồn gốc địa lý, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị của hàng hóa. Do đó, nhãn hiệu không mang tính mô tả và có khả năng phân biệt.

- Theo từ điển Anh - Việt do Viện ngôn ngữ học – Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia xuất bản năm 2005 thì các từ cấu thành nhãn hiệu có ý nghĩa như sau: "THE": đứng sau nó nói đến một người, vật, sự kiện hoặc nhóm riêng biệt, rõ ràng, "STUFF": chất liệu để làm ra cái gì; "THAT": tới mức đó, như thế, đến thế; "DREAMS": giấc mơ; giấc mộng; "ARE": chỉ tính chất hoặc tình trạng; "MADE": làm hoặc tạo ra; "OF": thuộc về (ai/cái gì).

- Chủ đơn là Công ty truyền thông được thành lập vào năm 1985 với hơn 7000 nhân viên vào năm 2017, doanh thu đạt 6.497 tỷ USD vào năm 2016 và 10.67 tỷ USD vào năm 2020.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới và các quốc gia này có áp dụng nguyên tắc thẩm định nội dung. Điều này cho thấy nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và có đầy đủ chức năng của một nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "THE STUFF THAT DREAMS ARE MADE OF" là cụm từ tiếng Anh có thể được hiểu là "Chất liệu làm nên những giấc mơ, nơi giấc mơ bắt đầu…", thường được dùng để mô tả điều gì đó có tính lý tưởng, hấp dẫn, hoàn hảo, tuyệt vời đến mức gần như không có thật. Khi sử dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 và các dịch vụ thuộc nhóm 38 và 41, cụm từ nêu trên có thể được hiểu là những sản phẩm có tính đổi mới, vượt qua giới hạn thông thường hoặc là dịch vụ truyền thông truyền tải những câu chuyện, nội dung truyền cảm hứng, chạm đến tâm trí, nuôi dưỡng ước mơ; hoặc những chương trình giáo dục, giải trí tạo ra cơ hội cho người tiếp cận vươn tới những ước mơ lớn. Như vậy, có thể thấy, nhãn hiệu đăng ký mang tính mô tả giá trị, chất lượng mà sản phẩm, dịch vụ đăng ký mang lại. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-46747 ngày 26/11/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 124468/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 28/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-46747 ngày 26/11/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Discovery, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Discovery, Inc. (qua Công ty TNHH Trà và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150534/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của F45 Training Asia Private Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00068 ngày 04/02/2025 của F45 Training Asia Private Ltd.; địa chỉ: 77 Robinson Road, #13-00 Robinson 7, Singapore 067789 (SG); đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-17405 theo Quyết định số 123978/QĐ-SHTT.IP ngày 25/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5357/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của F45 Training Asia Private Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "F45 TRAINING" đăng ký theo đơn số 4-2017-17405 cho nhóm 41 bị từ chối vì là tổ hợp của chữ cái, chữ số được trình bày theo phông chữ thông thường và mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Người nộp đơn nêu lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân, cụ thể là thành phần "F45" là từ tự đặt, được xem là 03 ký tự, không thuộc quy định tại Điều 74.2a Luật Sở hữu trí tuệ. Phần chữ "TRAINING" tuy có nghĩa nhưng được kết hợp với thành phần khác tạo thành một tổng thể độc đáo

- Thực tế đã có nhiều nhãn hiệu tương tự được cấp GCNĐKNH như "O PHONE", "D-PHONE", "X-BIKE"…

- Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "F45 TRAINING" đăng ký theo đơn số 4-2017-17405 cho nhóm 41 là sự kết hợp của chữ cái "F", chữ số "45" và phần chữ "TRAINING" được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa thông thường, không cách điệu, trong đó, chữ cái "F" và chữ số "45" không đáp ứng điều kiện bảo hộ tại Điều 74.2a Luật Sở hữu trí tuệ, phần chữ "TRAINING" là từ tiếng Anh có nghĩa là "đào tạo" nên mang tính mô tả đối với

"Dịch vụ câu lạc bộ sức khỏe mang bản chất là các dịch vụ huấn luyện thể dục thể hình và sức khỏe" thuộc nhóm 41. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt, không đáp ứng các điều kiện bảo hộ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-17405 ngày 13/06/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 123978/QĐ-SHTT.IP ngày 25/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-17405 ngày 13/06/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, F45 Training Asia Private Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và F45 Training Asia Private Ltd. (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150535/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Guangzhou Yu ai Cosmetics Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00069 ngày 04/02/2025 của Guangzhou Yu ai Cosmetics Co., Ltd.; địa chỉ: No.8 Group 6, Chayuangang Changhong village, Jiahe Street, Baiyun District, Guangzhou, China; đại diện bởi: Công ty TNHH Trà và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2023-11192 theo Quyết định số 123186/QĐ-

SHTT.IP ngày 23/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5365/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Guangzhou Yu ai Cosmetics Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "LIFB [LI: đứng; FU: bề ngoài; BAI: tàu nhanh]" theo đơn số 4-2023-11192 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 404732. Người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đăng ký khác nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, hình thức thể hiện, cách phát âm và ý nghĩa:

- Về cấu trúc và hình thức thể hiện: Nhãn hiệu xin đăng ký gồm các chữ "LIFB", các ký tự Trung Quốc cách điệu và hình được thể hiện bằng màu đen trắng. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng gồm các chữ "Lip", "B" được thể hiện cách điệu và hình đôi môi được thể hiện bằng màu đỏ. Về ấn tượng thị giác, rõ ràng nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

- Về cách phát âm: Nhãn hiệu đăng ký có thể được phát âm là [lif-li-fu-bai] trong khi đó nhãn hiệu đối chứng có thể được phát âm là [lip]. Do đó, nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được phát âm khác nhau.

- Về ý nghĩa: Nhãn hiệu xin đăng ký là từ tự đặt, không có nghĩa trong tiếng Việt và tiếng Anh. Trong khi đó, nhãn hiệu xin đối chứng chứa từ "Lip" có thể dịch sang tiếng Việt là "môi". Do đó, các nhãn hiệu này không có bất kỳ sự tương tự hay liên quan nào về ý nghĩa.

- Có nhiều nhãn hiệu phức hợp chứa thành phần chữ "Lip" đăng ký cho các sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 03 trước thời điểm nộp đơn của nhãn hiệu xin đăng ký và đã được chấp nhận bảo hộ.

- Chủ đơn - Guangzhou Yu ai Cosmetics Co., Ltd được thành lập từ năm 2006, công ty có trụ sở tại Guangdong đã trở thành công ty dẫn đầu trong ngành mỹ phẩm. Thị trường chính của Chủ đơn bao gồm khu vực Bắc Mỹ chiếm 30%, thị trường nội địa chiếm 30%, khu vực Đông Nam Á chiếm 20%. Chủ đơn đã đạt được nhiều Chứng nhận tiêu chuẩn

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn

hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký được tạo bởi chữ "LIFB" và phần chữ Hán cách điệu, trong đó phần chữ "LIFB" và nhãn hiệu đối chứng "LipB" có 3/4 ký tự trùng nhau, và được phát âm tương tự nhau /lib/, chỉ khác nhau ở ký tự "F" (trong nhãn hiệu đăng ký) và ký tự "p" (trong nhãn hiệu đối chứng) cũng như khác nhau ở kiểu chữ và phần hình đôi môi (trong nhãn hiệu đối chứng) nhưng sự khác biệt nêu trên không đủ để tạo ra khả năng phân biệt cho hai nhãn hiệu về cấu trúc và cách phát âm. Mặt khác, hai nhãn hiệu được sử dụng cho sản phẩm trùng/tương tự thuộc nhóm 03 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu thuộc cùng một chủ sở hữu.

Các tài liệu, chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp chưa đủ cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2023-11192 ngày 28/03/2023 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 123186/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 23/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2023-11192 ngày 28/03/2023.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Guangzhou Yu ai Cosmetics Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Guangzhou Yu ai Cosmetics Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Trà và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150536/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần may Việt Thịnh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2020-01039 ngày 26/10/2020 của Công ty cổ phần may Việt Thịnh; địa chỉ: 58 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-19922 ngày 03/07/2017 theo Quyết định số 80230/QĐ-SHTT ngày 30/9/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5425/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần may Việt Thịnh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu " vietthinh " theo đơn số 4-2017-19922 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 20196, 25692 và 25693. Công ty cổ phần may Việt Thịnh khiếu nại Quyết định từ chối bảo hộ nhãn hiệu " vietthinh " theo đơn số 4-2017-19922 với các lập luận như sau:

- Dấu hiệu xin đăng ký không hoàn toàn trùng lặp với các nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 20196, 25692 và 25693 của Tổng công ty cổ phần may Việt Tiến. Dấu hiệu xin đăng ký là "VTC, vietthinh" và các nhãn hiệu đối chứng là "VTEC viettien", "VTEC VIET TIEN" và "VTEC".

- Chủ các nhãn hiệu đối chứng (Tổng công ty cổ phần may Việt Tiến) đã chấp thuận cho công ty cổ phần may Việt Thịnh được đăng ký và sử dụng dấu hiệu theo đơn 4-2017-19922 nộp ngày 03/7/2017 và cam kết không khiếu kiện. Bản gốc Thỏa thuận cho phép sử dụng nhãn hiệu ngày 12/03/2020 đã nộp kèm theo công văn trả lời kết quả thẩm định nội dung ngày 20/03/2020.

Do đó, việc đăng ký và sử dụng dấu hiệu theo đơn 4-2017-19922 ngày 03/07/2017 sẽ không ảnh hưởng đến lợi ích người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc

tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký bao gồm các thành phần "VTC", "vietthinh" và hình, trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng số 20196 bao gồm phần chữ "Viettien", "VTEC" và hình; nhãn hiệu đối chứng số 25692 bao gồm phần chữ "VIET TIEN", "VTEC" và phần hình; nhãn hiệu đối chứng số 25693 bao gồm phần chữ "VTEC" và phần hình. Như vậy, mặc dù phần hình trong nhãn hiệu đăng ký tương tự với phần hình trong các nhãn hiệu đối chứng, nhưng trên cơ sở xem xét tổng thể, nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt nhất định về cấu trúc và hình thức thể hiện với các nhãn hiệu đối chứng.

- Bên cạnh đó, chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp cho thấy người nộp đơn - Công ty cổ phần may Việt Thịnh là thành viên của Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến - chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 20196, 25692 và 25693. Đồng thời, chủ nhãn hiệu đối chứng đã có Thư đồng ý cho phép chủ nhãn hiệu đăng ký đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-19922 tại Việt Nam, qua đó loại trừ khả năng xung đột quyền giữa chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-19922 ngày 03/07/2017, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 80230/QĐ-SHTT ngày 30/9/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-19922 ngày 03/07/2017.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-19922 ngày 03/07/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần may

Việt Thịnh (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150537/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PTT Public Company Limited.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2015-00096 ngày 30/01/2015 của PTT Public Company Limited.; địa chỉ: 555 Vibhavadi-Rangsit Road, Khwaeng Ladyao, Khet Chatuchak, Bangkok 10900 THAILAND; đại diện bởi: Công ty TNHH INVESTPRO và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2009-25056 theo Quyết định số 66137/QĐ-SHTT ngày 31/10/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5352/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PTT Public Company Limited. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Café Amazon COFFEE ADVENTURE, hình" theo đơn số 4-2009-25056 ngày 18/11/2009 bị từ chối phần chữ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 751641, 756850 và đăng bạ quốc gia số 36806. Người nộp đơn không đồng ý với quyết định này và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên, với lý do nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt, cụ thể như sau:

- Khả năng phân biệt của nhãn hiệu: Nhãn hiệu là sự kết hợp của hình nền rừng xanh, chữ "Café Amazon, Coffee Adventure" cách điệu và hình con vẹt. Đây là một sáng tạo độc đáo, không sao chép và cần được xem xét về mặt tổng thể.

- Không tương tự với nhãn hiệu đối chứng:

+ Về chữ viết và thiết kế: Nhãn hiệu đăng ký theo đơn 4-2009-25056 có thiết kế đặc biệt, màu sắc và hình con vẹt, khác biệt rõ rệt với các nhãn hiệu đối chứng chỉ là chữ đơn thuần.

+ Về phát âm: Nhãn hiệu đăng ký có phát âm dài hơn (04 chữ) so với các nhãn hiệu đối chứng (01-02 chữ).

Tổng thể nhãn hiệu là sự kết hợp của "Café Amazon, Coffee Adventure" và hình con vẹt tạo nên sự khác biệt rõ rệt. Do đó, người tiêu dùng có thể phân biệt nhãn hiệu "Café Amazon, Coffee Adventure & Hình" với các nhãn hiệu đối chứng "AMAZON", "AMAZON.COM".

- Nhãn hiệu đã được đăng ký và sử dụng tại nhiều quốc gia (Thái Lan, Campuchia, Myanmar, Lào, Singapore, Indonesia), cùng tồn tại với các nhãn hiệu đối chứng mà không gây nhầm lẫn.

- Khác biệt danh mục sản phẩm/dịch vụ: Dù có thể trùng một số nhóm, nhưng danh mục sản phẩm/dịch vụ cụ thể giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng là khác nhau, không gây nhầm lẫn.

- Không mang tính mô tả & trung thực: "Amazon" (tên con sông) và "Adventure" không mô tả trực tiếp sản phẩm/dịch vụ, người nộp đơn với sự trung thực, không có ý định sao chép.

Với các lý do nêu trên, người nộp đơn khẳng định nhãn hiệu có khả năng phân biệt cao và phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Nội dung khiếu nại không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 66137/QĐ-SHTT ngày 31/10/2014.

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Trong nhãn hiệu đăng ký, phần chữ được thể hiện với kích thước lớn và chiếm vị trí chủ đạo, được tạo thành bởi chữ "Café", "Amazon", "COFFEE ADVENTURE". Trong các thành phần nêu trên, "Café" và "COFFEE ADVENTURE" mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt; thành phần còn lại "Amazon" được xem là thành phần có khả năng phân biệt chính của nhãn hiệu đăng ký, thành phần này tương tự về cấu trúc và cách phát âm với các nhãn hiệu đối chứng "Amazon", "amazon", "AMAZON.COM". Hơn nữa, cả nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều đăng ký cho những sản phẩm tương tự nhau liên quan đến cà phê thuộc các nhóm 21, 30, 43. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cách phát âm và cấu trúc, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó,

nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2009-25056 ngày 18/11/2009 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 66137/QĐ-SHTT ngày 31/10/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-25056 ngày 18/11/2009.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, PTT Public Company Limited. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PTT Public Company Limited. (qua Công ty TNHH INVESTPRO và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150538/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của INTERNATIONAL CHARITY PUBLIC FUND "DIALOGUE OF CULTURES - UNITED WORLD"
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00656 ngày 21/6/2017 của INTERNATIONAL CHARITY PUBLIC FUND "DIALOGUE OF CULTURES - UNITED WORLD"; địa chỉ: Yartsevskaya str., 25A RU-121552 Moscow Russian Federation; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư A Hoà; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1291171 theo Thông báo số 2016/09

VTB04 ngày 01/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5358/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của INTERNATIONAL CHARITY PUBLIC FUND "DIALOGUE OF CULTURES - UNITED WORLD" với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ETNOMIR, hình" theo ĐQT số 1291171 cho nhóm 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44 bị từ chối cấp cho một phần danh mục sản phẩm với lý do là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "MiR Market it Right, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 0124491.

Văn phòng Luật sư A Hòa đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291171 với lý do như sau:

Văn phòng Luật sư A Hòa loại bỏ một số danh mục sản phẩm dịch vụ của nhóm 35 và 41 bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được cấp GCNĐKNH số 0124491.

Văn phòng Luật sư A Hòa so sánh sự khác biệt giữa danh mục sản phẩm dịch vụ thuộc nhóm 35 và 41 của nhãn hiệu theo đơn Quốc tế số 1291171 với nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu đã được cấp GCNĐKNH số 0124491.

Văn phòng Luật sư A Hòa đưa ra lập luận để phân biệt giữa nhãn hiệu theo đơn Quốc tế số 1291171 với nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu đã được cấp GCNĐKNH số 0124491, cụ thể:

Văn phòng Luật sư A Hòa cho rằng dấu hiệu bị so sánh " MIR" chỉ là thành phần thứ yếu trong nhãn hiệu "ETNOMIR, hình", hoàn toàn có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu "MiR Market it Right, hình" do dấu hiệu "MIR" trong nhãn hiệu theo đơn Quốc tế số 1291171 gồm 3 chữ cái viết hoa, đồng màu trong khi đó dấu hiệu "MIR" trong nhãn hiệu đã được cấp GCNĐKNH số 0124491 bao gồm chữ "M" và "R" được viết hoa, màu xanh, xen kẽ ở giữa là chữ "i" màu đỏ được thu nhỏ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, sau khi kiểm tra đánh giá thông tin nêu trong đơn khiếu nại, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng "MiR Market it Right, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 0124491 cấp ngày 08/5/2009 cho Công ty TNHH tư vấn thị trường M.I.R đã bị hết hạn hiệu lực từ ngày 17/9/2017 và không được chủ sở hữu thực hiện thủ tục gia hạn hiệu lực nên không còn được coi là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo ĐTQ số 1291171 đối với nhóm 35 và 41. Do đó, không có cơ sở để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo ĐTQ số 1291171 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1291171, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/09 VTB04 ngày 01/3/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291171.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291171.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và INTERNATIONAL CHARITY PUBLIC FUND "DIALOGUE OF CULTURES - UNITED WORLD" (qua Văn phòng Luật sư A Hoà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150539/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần dịch vụ bất động sản Ngôi Sao Toàn Cầu
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2020-00896 ngày 22/9/2020 của Công ty cổ phần dịch vụ bất động sản Ngôi Sao Toàn Cầu; địa chỉ: Số 16 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn A & S; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-21052 theo Quyết định số 44734/QĐ-SHTT ngày 23/6/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5282/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần dịch vụ bất động sản Ngôi Sao Toàn Cầu với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "nghemoigioi.vn, hình" theo đơn số 4-2017-21052 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 44734/QĐ-SHTT ngày 23/06/2020 do nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn đối với nhãn hiệu đối chứng số 249020 theo Điều 74.2.e) Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký với những lý do sau:

- Thứ nhất, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng hiện sở hữu 51% đối với chủ đơn của nhãn hiệu đăng ký. Đồng thời, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cung cấp Thư chấp thuận sử dụng nhãn hiệu đối với chủ nhãn hiệu đăng ký, cụ thể, phần hình của nhãn hiệu đăng ký được yêu cầu sử dụng nhằm thể hiện sự thống nhất giữa các đơn vị trong tập đoàn CENGROUP.

- Thứ hai, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã chấp thuận cho nhiều chủ đơn khác được cấp GCNĐKNH khi sử dụng thư chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng. Do đó, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH đối nhãn hiệu đăng ký bởi vì việc các công ty con/đơn vị khác sử dụng thống nhất phần hình của tập đoàn đều nhằm mục đích tăng giá trị thương hiệu cho tập đoàn.

- Thứ ba, việc Cục Sở hữu trí tuệ không đồng ý cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký là đang giới hạn quyền cho phép người khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo khoản 1 Điều 123 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Thứ tư, người khiếu nại cho rằng chủ đơn của nhãn hiệu đăng ký đã mất đi cơ hội giữ lại phần nhóm dịch vụ có khả năng phân biết bởi vì thông báo từ chối nội dung số 10789/SHTT-NH chỉ nêu nhãn hiệu đăng ký bị từ chối một phần cho nhóm 36, do đó, các nhóm còn lại đều có khả năng phân biệt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được

hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Phần hình trong nhãn hiệu đăng ký có hình thức thể hiện trùng với phần hình của nhãn hiệu đối chứng số 249020, sự khác nhau chỉ ở màu sắc nên không đủ để tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký. Mặc dù chủ nhãn hiệu đối chứng đã có văn bản cho phép Công ty cổ phần dịch vụ bất động sản Ngôi Sao Toàn Cầu đăng ký và sử dụng phần hình trong nhãn hiệu đối chứng để đăng ký nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-21052, tuy nhiên, vì phần hình trong nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn nên văn bản chấp thuận nêu trên của chủ nhãn hiệu đối chứng chưa đáp ứng đủ điều kiện để được xem là chứng cứ vượt qua lý do từ chối đối với đơn số 4-2017-21052. Mặt khác, các tài liệu, chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp chưa đủ cơ sở pháp lý để chứng minh chủ nhãn hiệu đăng ký là công ty con của chủ nhãn hiệu đối chứng.

- Trong đơn khiếu nại, người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đăng ký chỉ bị từ chối đối với nhóm 36, các nhóm còn lại có khả năng phân biệt nhưng Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Quyết định từ chối và người khiếu nại không có cơ hội để giữ lại phần nhóm dịch vụ phân biệt được với đối chứng. Lý lẽ nêu trên của người khiếu nại là không xác đáng vì trong Thông báo số 10789/SHTT-NH ngày 13/3/2020 của Cục Sở hữu trí tuệ về kết quả thẩm định nội dung đã nêu rõ "Riêng trong trường hợp một phần của nhãn hiệu không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ, phần còn lại sẽ được xem xét sau khi Cục Sở hữu trí tuệ nhận được công văn chấp thuận thông báo này và 06 mẫu nhãn hiệu đã loại bỏ phần không đáp ứng nêu trên". Tuy nhiên, trong Công văn số 234/2020/DKNH/DTH ngày 23/4/2020 của người nộp đơn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung không có nội dung thể hiện việc chấp thuận thông báo nêu trên, đồng thời người nộp đơn cũng không cung cấp 06 mẫu nhãn hiệu đã loại bỏ phần không đáp ứng điều kiện bảo hộ. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-21052 ngày 11/07/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 44734/QĐ-SHTT ngày 23/6/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-21052 ngày 11/07/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần dịch vụ bất động sản Ngôi Sao Toàn Cầu có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần dịch vụ bất động sản Ngôi Sao Toàn Cầu (qua Công ty TNHH Tư vấn A & S) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150540/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH GRANDCARE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2021-01113 ngày 27/12/2021 của Công ty TNHH GRANDCARE; địa chỉ: Số 2, liền kề 2, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư BRANDLINK; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-44026 theo Quyết định số 75434/QĐ-SHTT ngày 27/9/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5296/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH GRANDCARE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "GC Grandcare For community health, hình" theo đơn số 4-2018-44026 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 75434/QĐ-SHTT ngày 27/09/2021 do nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo đăng bạ quốc gia số 203823 và 319800. Chủ nhãn hiệu đối chứng đã cung cấp Thư chấp thuận đồng ý cho người khiếu nại đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký. Người khiếu nại yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ xem xét và chấp nhận cấp GCNĐKNH đối với nhãn hiệu đăng ký với lý do sau đây:

- Chủ đơn của nhãn hiệu đăng ký là Công ty TNHH Grandcare, là công ty thành viên trực thuộc Công ty cổ phần Dinh dưỡng Nutricare - là chủ sở hữu của các nhãn hiệu đối chứng.

- Đồng thời, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cũng đã cấp Thư chấp thuận cho chủ nhãn hiệu đăng ký nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "GC Grandcare For community health, hình".

Từ những lý do trên, người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đăng ký không còn khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm/dịch vụ vì đều cùng từ một nguồn sản xuất sản phẩm/cung cấp dịch vụ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký bao gồm hai thành phần "Grandcare" và phần hình, trong đó, phần chữ "Grandcare" có các ký tự trùng với các nhãn hiệu đối chứng "GRANDCARE", sự khác nhau chỉ thể hiện ở màu sắc và kiểu chữ (chữ in thường ở nhãn hiệu đăng ký và chữ in hoa ở nhãn hiệu

đối chứng) nhưng không đủ để tạo nên sự khác biệt của nhãn hiệu đăng ký so với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và cách phát âm.

- Về sản phẩm, dịch vụ: Các dịch vụ thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 05 và 35 mang nhãn hiệu đối chứng.

- Bên cạnh đó, chủ nhãn hiệu đối chứng đã có văn bản cho phép chủ nhãn hiệu "GC Grandcare For community health, hình" đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều có phần chữ "Grandcare", có sự tương tự về cấu trúc, cách phát âm và được sử dụng cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau thuộc nhóm 05 và 35. Do đó, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

Mặc dù chủ nhãn hiệu đối chứng đã có văn bản cho phép chủ nhãn hiệu "GC Grandcare For community health, hình" đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam, tuy nhiên, vì nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn nên văn bản cho phép của chủ nhãn hiệu đối chứng chưa đáp ứng đủ điều kiện để được xem là chứng cứ vượt qua lý do từ chối đối với đơn số 4-2018-44026. Ngoài ra, người nộp đơn chưa cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh người nộp đơn là thành viên trực thuộc chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-44026 ngày 13/12/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 75434/QĐ-SHTT ngày 27/9/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-44026 ngày 13/12/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH GRANDCARE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH GRANDCARE (qua Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư BRANDLINK) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150541/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SECRET RECIPE CAKES & CAFE SDN BHD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00075 ngày 10/02/2025 của SECRET RECIPE CAKES & CAFE SDN BHD; địa chỉ: No. 42, 1st Floor, Jalan SS 25/28, Taman Mayang, 47301 Petaling Jaya Selangor, Malaysia; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-28384 theo Quyết định số 128896/QĐ-SHTT.IP ngày 11/11/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5374/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SECRET RECIPE CAKES & CAFE SDN BHD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu Secret Recipe theo đơn số 28384 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 28384 với các lý lẽ sau:

a) Thứ nhất, nhận định "nhãn hiệu yêu cầu đăng ký là phần chữ "Secret Recipe" là từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "bí quyết công thức làm món ăn" mang tính mô tả về phương pháp sản xuất của hàng hóa, không có khả năng phân biệt" là không xác đáng.

- Về cơ sở pháp lý, một dấu hiệu mang tính mô tả hàng hóa/dịch vụ bị coi là không có khả năng phân biệt khi và chỉ khi dấu hiệu đó chỉ (i) trực tiếp, (ii) cụ thể các đặc tính mô tả và cho (iii) chính sản phẩm/dịch vụ mang dấu hiệu đó. Cụ thể hơn, dấu hiệu đó phải chuyển tải một nghĩa trực tiếp, cụ thể và (iv) ngay tức thì về các đặc tính cho chính sản phẩm/dịch vụ đăng ký. Nếu một trong các đặc tính/dấu hiệu mô tả phải trả qua một quá trình "tư duy trừu tượng" để nhận thức xem dấu hiệu đó có tính mô tả hay không thì sẽ không bị xem là dấu hiệu mô tả.

- Về cơ sở lý luận, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký luôn được đọc và ghi nhận là sự kết hợp của hai từ tiếng Anh "Secret" và "Recipe" được thể hiện cách điệu, màu đỏ, với hai chữ cái "S" và "R" được viết in hoa. Khi kết hợp hai từ trên thành cụm từ "Secret Recipe", từ "Recipe" là danh từ chính và từ "Secret" đóng vai trò là tính từ bổ nghĩa cho danh từ chính và cụm từ "Secret Recipe" được hiểu là "công thức làm món ăn bí mật; công thức bí mật; công thức thầm kín; phương pháp thực hiện bí mật; phương pháp thực hiện thầm kín; cách làm bí mật; cách làm thầm kín". Rõ ràng, với các nghĩa đã đề cập, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký không mô tả trực tiếp, cụ thể và ngay lập tức về bất kỳ phương thức, phương pháp sản xuất cũng như giá trị, chất lượng hay các đặc tính cụ thể nào cho chính sản phẩm thuộc nhóm 30 mang nhãn hiệu yêu cầu đăng ký. Hơn nữa, cụm từ "Secret Recipet" cũng được thể hiện theo một phong cách chữ viết khác biệt và độc đáo "Secret Recipe" màu đỏ, càng gây ấn tượng và tăng khả năng

nhận biết là dấu hiệu phân biệt của chủ đơn, giúp chỉ dẫn rõ ràng nguồn gốc thương mại cho các sản phẩm yêu cầu đăng ký thuộc nhóm 30.

- Về cơ sở thực tiễn, theo kết qua tra cứu trên Google cho từ khóa "Secret Recipe", tất cả các kết quả tra cứu đều chỉ đến các sản phẩm bánh ngọt và chuỗi nhà hàng cà phê mang thương hiệu "Secret Recipe" của chủ đơn. Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký được sáng tạo độc lập và sử dụng độc quyền bởi chủ đơn và chủ đơn là thực thể duy nhất sử dụng nhãn hiệu yêu cầu đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 30. Do đó, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký đáp ứng khả năng phân biệt như một nhãn hiệu trên thực tế sử dụng, thỏa mãn chức năng phân biệt sản phẩm của chủ đơn so với sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất khác.

- Bên cạnh đó, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "Secret Recipe" đã được bảo hộ là nhãn hiệu tại ít nhất 17 quốc gia trên thế giới, trong đó có các quốc gia sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ thứ hai và đều có cơ chế thẩm định trên cơ sở từ chối tuyệt đối tương đồng với Việt Nam, đều đã bảo hộ trực tiếp cho dấu hiệu yêu cầu đăng ký mà không đưa ra bất kỳ từ chối nào.

b) Thứ hai, nhận định "các tài liệu mà người nộp đơn cung cấp không đủ chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng cũng như được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam trước thời điểm nộp đơn" là không xác đáng

- Bằng chứng sử dụng được chủ đơn đệ trình theo Công văn số 347/ACTIP-2022 ngày 17/5/2022 không nhằm mục đích chứng minh rằng nhãn hiệu yêu cầu đăng ký đạt khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi tại Việt Nam trước ngày nộp đơn, vì như nhãn hiệu yêu cầu đăng ký tự nó đã có khả năng phân biệt của nhãn hiệu. Thay vào đó, bằng chứng sử dụng như đã đệ trình chỉ nhằm mục đích khẳng định chức năng phân biệt tự thân của nhãn hiệu yêu cầu đăng ký đã và đang được thể hiện ở mức độ cao trong thương mại thông qua quá trình sử dụng rộng rãi, bền bỉ và liên tục trong gần 30 năm qua tại Malaysia - nước sở tại và nhiều nước khác trên thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch

vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký 

là cụm từ tiếng Anh, trong đó, "Secret" có nghĩa là "thầm kín, bí mật, bí quyết, sự huyền bí"; "Recipe" có nghĩa là "công thức làm món ăn, phương pháp thực hiện, cách làm". Có thể hiểu cụm từ "Secret Recipe" có nghĩa là "công thức, bí quyết làm món ăn; công thức làm món ăn bí mật". Khi đăng ký cho các sản phẩm "Bánh ngọt; bánh kẹo; bánh kẹo chứa đường; bánh tráng miệng dạng xốp mềm [bánh kẹo]; bánh bột nhồi; bánh nướng có nhân; thực phẩm ăn nhanh trên cơ sở gạo; bánh tạc; bánh mỳ" thuộc nhóm 30, nhãn hiệu đăng ký bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả phương pháp sản xuất sản phẩm đăng ký. Mặc dù phần chữ "Secret Recipe" có sự cách điệu nhất định và được thể hiện bởi màu sắc (đỏ) nhưng không đủ để tạo nên khả năng tự phân biệt của nhãn hiệu đăng ký. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-28384 ngày 29/07/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 128896/QĐ-SHTT.IP ngày 11/11/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-28384 ngày 29/07/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SECRET RECIPE CAKES & CAFE SDN BHD có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và SECRET RECIPE CAKES & CAFE SDN BHD (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150542/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1260153B của A. NATTERMANN & Cie GMBH (DE) đã bị chấm dứt hiệu vì không được chủ sở hữu gia hạn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

PTT366

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2017-00887 ngày 14/8/2017 của Boehringer Ingelheim International GmbH; địa chỉ: 55218 Ingelheim, Germany; nay là: A. NATTERMANN & Cie GMBH (DE); địa chỉ: Brüningstrasse 50 65929 Frankfurt am Main (DE); đại diện bởi: Công ty TNHH Sở

hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến.

Lý do đình chỉ: đơn quốc tế số 1260153B bị hết hiệu lực từ ngày 19/6/2025 do không được chủ sở hữu gia hạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và A. NATTERMANN & Cie GMBH (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150543/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1260754B của A. NATTERMANN & Cie GMBH (DE) đã bị chấm dứt hiệu vì không được chủ sở hữu gia hạn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

PTT366

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2017-00300 ngày 15/3/2017 của BOEHRINGER INGELHEIM INTERNATIONAL GMBH; địa chỉ: 55218 Ingelheim, Germany; nay là: A. NATTERMANN & Cie GMBH (DE); địa

chỉ: Brüningstrasse 50 65929 Frankfurt am Main (DE); đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế.

Lý do đình chỉ: đơn quốc tế số 1260754B bị hết hiệu lực từ ngày 19/6/2025 do không được chủ sở hữu gia hạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và A. NATTERMANN & Cie GMBH (DE) (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150544/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của S.C. Johnson & Son, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00126 ngày 01/4/2025 của S.C. Johnson & Son, Inc.; địa chỉ: 1525 Howe Street Racine, Wisconsin 53403-2236 USA; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy

PTT366 *chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-15253 theo Quyết định số 10667/QĐ-SHTT.IP ngày 24/01/2025;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5380/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của S.C. Johnson & Son, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FAMILYGUARD" theo đơn số 4-2020-15253 ngày 07/05/2020 cho các sản phẩm thuộc nhóm 3 và 5 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "FAMILYGUARD" theo đơn số 4-2020-15253 ngày 07/05/2020 với lý do:

- Nhãn hiệu đăng ký do người nộp đơn tạo ra và không phải là cách diễn đạt thông thường hay quen thuộc để mô tả các đặc tính hay chức năng của các sản phẩm trong đơn xin đăng ký.

Nhãn hiệu đăng ký là một từ ngữ do chính người nộp đơn tự tạo ra, không phải là cách diễn đạt phổ biến hoặc thông dụng nhằm mô tả đặc điểm, công dụng hay chức năng của các sản phẩm mang nhãn hiệu. Kết quả tra cứu trên Internet cho thấy không có tổ chức hoặc cá nhân nào khác đang sử dụng cụm từ "FAMILYGUARD" cho các sản phẩm cùng loại hoặc tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký. Điều này cho thấy "FAMILYGUARD" là dấu hiệu đặc biệt, không phải là thuật ngữ phổ biến mà các chủ thể khác có nhu cầu sử dụng trong hoạt động kinh doanh đối với các sản phẩm trùng hoặc tương tự.

Về mặt ngữ nghĩa, "FAMILYGUARD" là một từ tiếng Anh không có nghĩa rõ ràng hoặc trực tiếp mô tả sản phẩm, đặc biệt là trong cách kết hợp giữa "FAMILY" và "GUARD". Ngay cả với nhóm người tiêu dùng thông thạo tiếng Anh, cách kết hợp này được cho là không bình thường về mặt cú pháp, do đó không thể coi là diễn đạt thông dụng trong ngôn ngữ hàng ngày dùng để chỉ chức năng hay đặc điểm của sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký. Sự kết hợp từ ngữ nêu trên thể hiện sự sáng tạo và là yếu tố tạo nên khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại hơn 20 quốc gia trên thế giới, bao gồm các nước sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ chính hoặc phổ

biến như Australia, New Zealand, Singapore, Hong Kong…và nhiều nước phát triển khác. Tại tất cả các quốc gia nêu trên, nhãn hiệu đăng ký không bị từ chối bảo hộ với lý do không có khả năng phân biệt tự thân. Điều này cho thấy trong thực tiễn quốc tế, nhãn hiệu đăng ký "FAMILYGUARD" được nhìn nhận là nhãn hiệu có khả năng phân biệt đối với sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam. Cụ thể, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký đã được đưa ra thị trường từ đầu năm 2022, được phân phối thông qua các hệ thống bán lẻ như Lazada, Shopee, Winmart, cũng như được quảng bá trên các trang web chính thức của người nộp đơn và các nền tảng thương mại điện tử quốc tế như Amazon, Lazada, Shopee và YouTube. Kết quả tìm kiếm trên Internet đối với từ khóa "FAMILYGUARD" có hơn một triệu kết quả, phần lớn đều liên quan đến sản phẩm và hoạt động thương mại của người nộp đơn. Điều này cho thấy nhãn hiệu đăng ký đã đạt được mức độ phổ biến đáng kể và được người tiêu dùng nhận biết như một nhãn hiệu trong thương mại.

Tại Việt Nam, nhãn hiệu "FAMILYGUARD" đã được sử dụng gắn với các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký, được quảng bá công khai trên các phương tiện điện tử và nền tảng mua sắm trực tuyến. Người tiêu dùng tại Việt Nam có thể dễ dàng tiếp cận và đặt mua sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký, qua đó cho thấy nhãn hiệu đăng ký đã thực hiện chức năng phân biệt hàng hóa trên thị trường.

Việc sử dụng rộng rãi và liên tục của nhãn hiệu đăng ký trên thị trường thế giới bao gồm cả Việt Nam là yếu tố quan trọng chứng minh khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký là từ ghép của hai từ tiếng Anh thông dụng, trong đó "FAMILY" có nghĩa là "gia đình", "GUARD" có nghĩa là "bảo vệ", "canh giữ" hoặc "vệ sinh phòng hộ", do đó "FAMILY GUARD" có nghĩa là "bảo vệ gia đình" - một thông điệp dễ hiểu đối với người tiêu dùng thông thường có trình độ tiếng Anh cơ bản trong bối cảnh hiện nay. Đặc biệt khi sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm làm sạch, sát khuẩn, khử mùi, vệ sinh - những sản phẩm có tác dụng để bảo vệ sức khỏe cho các thành viên trong gia đình.

- Những bằng chứng người nộp đơn cung cấp chủ yếu thể hiện việc quảng bá và kinh doanh sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký tại nước ngoài, không chứng minh được nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng rộng rãi và được người tiêu dùng tại Việt Nam nhận biết là chỉ dẫn nguồn gốc thương mại của sản phẩm. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không thể coi là có khả năng phân biệt và đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

- Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận bảo hộ ở một số quốc gia không phải là cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu ở Việt nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "FAMILYGUARD" theo đơn số 4-2020-15253 ngày 07/05/2020 vì nhãn hiệu không có khả năng phân biệt là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 10667/QĐ-SHTT.IP ngày 24/01/2025 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-15253 ngày 07/05/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, S.C. Johnson & Son, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và S.C. Johnson & Son, Inc. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150545/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SUPER MARKET DISTRIBUTION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00013 ngày 10/01/2025 của SUPER MARKET DISTRIBUTION; địa chỉ: Avenue Raymond Paillet, BP 2484 Pointe-Noire, République du Congo; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh;

PTT366 *khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-36173 theo Quyết định số 119831/QĐ-SHTT.IP ngày 14/10/2024;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5379/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SUPER MARKET DISTRIBUTION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DIMA" theo đơn số 4-2019-36173 ngày 18/09/2019 cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "DILMAH" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 36219 cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "DIMA" theo đơn số 4-2019-36173 ngày 18/09/2019 với lý do:

Khi so sánh một nhãn hiệu chữ, cần phải xem xét nhãn hiệu đó về tổng thể và không cắt ra từng phần để so sánh với các dấu hiệu khác. Trong mọi trường hợp, một từ được phân tích theo kết cấu, âm tiết, ý nghĩa và đó là cách người ta đọc và ghi nhớ từ. Đây là thực tế xuất phát từ quá trình cảm nhận, ghi nhớ và tái tạo lại dấu hiệu chữ của con người. Các dấu hiệu chữ được mắt nhìn, tai nghe, miệng đọc thành các tín hiệu đi vào bộ não và được bộ não xử lý và lưu giữ dưới dạng con người tiếp nhận được, nghĩa là theo kết cấu và âm tiết, không chỉ đơn giản bằng cách sắp xếp cũng như thứ tự của các chữ cái trong một tổ hợp.

Nhãn hiệu đăng ký "DIMA" và nhãn hiệu đối chứng "DILMAH" đều là nhãn hiệu ngắn, nên người tiêu dùng dễ đọc, dễ nhớ và dễ dàng nhận biết. Do vậy, bất cứ sự khác biệt nào giữa hai nhãn hiệu đang xem xét cũng sẽ làm ảnh hưởng nhất định đến mức độ phân biệt của tổng thể nhãn hiệu.

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng khác biệt nhau về thị giác, thính giác và ấn tượng tổng thể và do vậy các nhãn hiệu không thể bị coi là có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, cụ thể là: nhãn hiệu đăng ký gồm 4 chữ cái /D/I/M/A/ được đọc là /di-ma/, trong khi nhãn hiệu đối chứng gồm 6 chữ cái /D/I/L/M/A/H/ được đọc là /dil-mat/. Sự khác biệt giữa các nhãn hiệu đang xem xét theo các khía cạnh thị giác, thính giác như trình bày ở trên tạo ấn tượng khác nhau về các nhãn hiệu. Việc các nhãn hiệu có ấn tượng tổng thể khác nhau khiến

người tiêu dùng có những cảm nhận khác nhau về các nhãn hiệu và từ đó đủ để tạo ra một tư duy lô-gíc để người tiêu dùng nhận biết sự khác biệt giữa nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng.

Các sản phẩm mang hai nhãn hiệu đang xem xét đều là các sản phẩm thực phẩm dùng để ăn uống hàng ngày, nên chúng được được lựa chọn cẩn thận và xem xét rất kỹ bởi người tiêu dùng, nên một sự khác biệt thậm chí là khác biệt nhỏ cũng đủ để loại trừ sự nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu, do vậy sự khác biệt giữa hai nhãn hiệu về ấn tượng thị giác và thính giác đủ để cho người tiêu dùng n có thể phân biệt được hai nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "DIMA" tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "DILMAH" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 36219 do nhãn hiệu đăng ký trùng 4/6 ký tự với nhãn hiệu đối chứng, sự tương tự nằm ở phần đầu "DI" và phần cuối "MA"/"MAH", tạo nên ấn tượng tổng thể gần giống về phát âm và nhận thức thị giác; sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký trùng và tương tự với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "DIMA" theo đơn số 4-2019-36173 ngày

18/09/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 119831/QĐ-SHTT.IP ngày 14/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-36173 ngày 18/09/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SUPER MARKET DISTRIBUTION có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SUPER MARKET DISTRIBUTION (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150546/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00948 ngày 20/12/2024 của YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA; địa chỉ: 2500 Shingai, Iwata-shi,

PTT366 *Shizuoka-ken, Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-36754 theo Quyết định số 115940/QĐ-SHTT.JP ngày 02/10/2024;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5378/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "XRS" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-36754 ngày 08/11/2017 cho các sản phẩm thuộc nhóm 12 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "XSR" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 328441 cho các sản phẩm thuộc nhóm 12 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "XRS" theo đơn số 4-2017-36754 ngày 08/11/2017 với lý do:

Như đề cập trong Công văn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9381/SHTT-NH ngày 01/09/2024, người nộp đơn cho rằng việc chủ nhãn hiệu đối chứng đăng ký nhãn hiệu "XSR" cho các sản phẩm "Xe ô tô; xe máy; xe đạp; xe đạp điện; linh kiện phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp điện, xe máy điện, động cơ ô tô, xe máy, xe đạp điện, xe máy điện thuộc nhóm này" là không trung thực, do vậy người nộp đơn đang thu thập bằng chứng để tiến hành hủy nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

Tuy nhiên, qua tra cứu trên các kênh thông tin thương mại tại Việt nam, người nộp đơn nhận thấy rằng không có bất kỳ thông tin nào về các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng "XSR" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 328441 được bán ngoài thị trường Việt Nam. Do vậy, ngày 22/11/2024 người nộp đơn đã nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 328441 theo đơn số ĐN4-2024-00388 với lý do chủ nhãn hiệu đối chứng đã không sử dụng nhãn hiệu "XSR" cho các sản phẩm "Xe ô tô; xe máy; xe đạp; xe đạp điện; linh kiện phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp điện, xe máy điện, động cơ ô tô, xe máy, xe đạp điện, xe máy điện thuộc nhóm này" thuộc nhóm 12 từ tháng 9 năm 2019 đến nay.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "XRS" theo đơn số 4-2017-36754 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "XSR" được bảo hộ theo GCNĐNH số 328441 và các sản phẩm thuộc nhóm 12 của nhãn hiệu đăng ký trùng, tương tự với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

- Việc người nộp đơn nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng là tình tiết mới, chưa được người nộp đơn đưa ra và chưa được xem xét trong quá trình thẩm định đơn đăng ký nên không thuộc phạm vi xem xét, giải quyết của đơn khiếu nại. Do đó, đề nghị nêu trên trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "XRS theo đơn số 4-2017-36754 ngày 08/11/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 115940/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 02/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-36754 ngày 08/11/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA có quyền khiếu

nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150547/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HGC Global Communications Investments Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00930 ngày 10/12/2024 của HGC Global Communications Investments Limited; địa chỉ: Vistra Corporate Services

PTT366 *Centre, Wickhams Cay II, Road Town, Tortola, VG1110, British Virgin Islands; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-41333 ngày 12/12/2017 theo Quyết định số 115117/QĐ-SHTT.IP ngày 30/09/2024;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5375/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HGC Global Communications Investments Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" theo đơn số 4-2017-41333 ngày 12/12/2017 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35, 37, 38 và 42 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "HGC ibizCloud, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 287911 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35, 37, 38 và 42 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" theo đơn số 4-2017-41333 ngày 12/12/2017 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" có sự khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "HGC ibizCloud, hình" về thị giác và thính giác. Nhãn hiệu đăng ký được người tiêu dùng nhận biết và ghi nhớ là "Truyền thông toàn cầu HGC" trong khi nhãn hiệu đối chứng được nhận biết và ghi nhớ là "đám mây ibiz HGC".

Người nộp đơn là cổ đông góp vốn của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

Việc đồng ý này đồng nghĩa với việc sẽ không có xung đột hay tranh chấp về quyền lợi hay lợi ích giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn liên quan đến việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký cũng như việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc các sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu đang xem xét. Việc này được lý giải vì khi và chỉ khi nhận thức được rằng người tiêu dùng không thể nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu do các sản phẩm mang các nhãn hiệu được sản xuất, thực hiện bởi các công ty góp vốn cùng thuộc một tập đoàn và do

đó quyền lợi hay lợi ích của mình không bị xâm phạm, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng mới đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký.

Do vậy, việc chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã đồng ý với việc người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam là hợp lý.

Bên cạnh đó, vì người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng có mối quan hệ như đề cập ở trên nên đối với người tiêu dùng nhãn hiệu đăng ký được dùng để định danh và phân biệt hàng hoá được sản xuất, dịch vụ được thực hiện bởi các công ty thuộc cùng tập đoàn CK Hutchison với các sản phẩm, dịch vụ tương tự và cùng loại do các nhà sản xuất khác sản xuất, cung cấp, thực hiện, chứ không phải để phân biệt các sản phẩm, dịch vụ do người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu có trước (các công ty con của cùng tập đoàn) sản xuất, thực hiện.

Đồng thời các công ty con đều cùng tên kinh doanh nên việc các chủ thể đó cùng sử dụng các nhãn hiệu tương tự cũng là lý do chính đáng. Các nhãn hiệu đang xem xét đều có chung yếu tố "HGC" để định danh hàng hóa, dịch vụ của tập đoàn, nhưng không hoàn toàn trùng lặp, đều có thêm các yếu khác và được trình bày khác nhau để phân biệt các dòng sản phẩm, dịch vụ khác nhau của tập đoàn, nên trong phạm vi người tiêu dùng có liên quan, có thể dễ dàng nhận biết được sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu đó thuộc cùng tập đoàn CK Hutchison.

Hơn nữa, công ty mẹ kiểm soát việc điều hành và các hoạt động của công ty con, nên với sự kiểm soát của công ty mẹ, các mối lo ngại về việc tự động chuyển giao, chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu đăng ký sau khi người nộp đơn được xác lập quyền đối với nhãn hiệu này sẽ không xảy ra khi mà mọi việc chuyển giao/chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu cho các công ty khác đều phải có sự đồng ý của công ty mẹ.

Chính vì lý do này nên việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký không làm cho người tiêu dùng bị nhầm lẫn, không ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có

ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" gồm "HGC" được trình bày nổi bật, viết lớn và đậm, đi kèm dòng chữ nhỏ hơn "GLOBAL COMMUNICATIONS" bố trí thành hai dòng ở phía dưới khác biệt với nhãn hiệu đối chứng gồm hai thành phần phân biệt là từ "HGC" được bao quanh bởi biểu tượng đám mây, bên phải có từ "ibizCloud", về thị giác và thính giác. Các thành phần kết hợp của hai nhãn hiệu khác nhau: "GLOBAL COMMUNICATIONS" và "ibizCloud" nên nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có ý nghĩa khác nhau "truyền thông toàn cầu HGC" và "đám mây ibiz HGC". Trong đó, phần chữ "ibizCloud" là thành phần phân biệt và hình đám mây trên nhãn hiệu đối chứng tạo sự khác biệt với nhãn hiệu đăng ký. Trong quá trình thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu, người nộp đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cấp thư chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam. Do đó, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" theo đơn số 4-2017-41333 ngày 12/12/2017, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "GLOBAL COMMUNICATIONS", không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 115117/QĐ-SHTT.IP ngày 30/09/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-41333 ngày 12/12/2017.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-41333 ngày 12/12/2017, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "GLOBAL COMMUNICATIONS".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HGC Global Communications Investments Limited (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150548/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HGC Global Communications Investments Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00932 ngày 10/12/2024 của HGC Global Communications Investments Limited; địa chỉ: Vistra Corporate Services


PTT366

Centre, Wickhams Cay II, Road Town, Tortola, VG1110, British Virgin Islands; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-41335 ngày 12/12/2017 theo Quyết định số 115125/QĐ-SHTT.IP ngày 30/09/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5376/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HGC Global Communications Investments Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" theo đơn số 4-2017-41335 ngày 12/12/2017 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35, 37, 38 và 42 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "HGC ibizCloud, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 287911 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35, 37, 38 và 42 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" theo đơn số 4-2017-41335 ngày 12/12/2017 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" có sự khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "HGC ibizCloud, hình" về thị giác và thính giác. Nhãn hiệu đăng ký được người tiêu dùng nhận biết và ghi nhớ là "Truyền thông toàn cầu HGC" trong khi nhãn hiệu đối chứng được nhận biết và ghi nhớ là "đám mây ibiz HGC".

Người nộp đơn là cổ đông góp vốn của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

Việc đồng ý này đồng nghĩa với việc sẽ không có xung đột hay tranh chấp về quyền lợi hay lợi ích giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn liên quan đến việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký cũng như việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc các sản phẩm/dịch vụ mang các nhãn hiệu đang xem xét. Việc này được lý giải vì khi và chỉ khi nhận thức được rằng người tiêu dùng không thể nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu do các sản phẩm mang các nhãn hiệu được sản xuất, thực hiện bởi các công ty góp vốn cùng thuộc một tập đoàn và do

đó quyền lợi hay lợi ích của mình không bị xâm phạm, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng mới đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký.

Do vậy, việc chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã đồng ý với việc người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam là hợp lý.

Bên cạnh đó, vì người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng có mối quan hệ như đề cập ở trên nên đối với người tiêu dùng nhãn hiệu đăng ký được dùng để định danh và phân biệt hàng hoá được sản xuất, dịch vụ được thực hiện bởi các công ty thuộc cùng tập đoàn CK Hutchison với các sản phẩm, dịch vụ tương tự và cùng loại do các nhà sản xuất khác sản xuất/cung cấp, thực hiện, chứ không phải để phân biệt các sản phẩm, dịch vụ do người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu có trước (các công ty con của cùng tập đoàn) sản xuất, thực hiện.

Đồng thời các công ty con đều cùng tên kinh doanh nên việc các chủ thể đó cùng sử dụng các nhãn hiệu tương tự cũng là lý do chính đáng. Các nhãn hiệu đang xem xét đều có chung yếu tố "HGC" để định danh hàng hóa, dịch vụ của tập đoàn, nhưng không trùng lặp, đều có thêm các yếu khác và được trình bày khác nhau để phân biệt các dòng sản phẩm, dịch vụ khác nhau của tập đoàn, nên trong phạm vi người tiêu dùng có liên quan, có thể dễ dàng nhận biết được sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu đó thuộc cùng tập đoàn CK Hutchison.

Hơn nữa, công ty mẹ kiểm soát việc điều hành và các hoạt động của công ty con, nên với sự kiểm soát của công ty mẹ, các mối lo ngại về việc tự động chuyển giao/chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu đăng ký sau khi người nộp đơn được xác lập quyền đối với nhãn hiệu này sẽ không xảy ra khi mà mọi việc chuyển giao/chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu cho các công ty khác đều phải có sự đồng ý của công ty mẹ.

Chính vì lý do này nên việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký không làm cho người tiêu dùng bị nhầm lẫn, không ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được

hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" gồm "HGC" được trình bày nổi bật, viết lớn và đậm có màu đỏ, đi kèm dòng chữ nhỏ hơn "GLOBAL COMMUNICATIONS" bố trí ở bên phải khác biệt với nhãn hiệu đối chứng gồm hai thành phần phân biệt là từ "HGC" được bao quanh bởi biểu tượng đám mây, bên phải có từ "ibizCloud", về thị giác và thính giác. Các thành phần kết hợp của hai nhãn hiệu khác nhau: "GLOBAL COMMUNICATIONS" và "ibizCloud" nên nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có ý nghĩa khác nhau "truyền thông toàn cầu HGC" và "đám mây ibiz HGC". Trong đó, phần chữ "ibizCloud" là thành phần phân biệt và hình đám mây trên nhãn hiệu đối chứng tạo sự khác biệt với nhãn hiệu đăng ký. Trong quá trình thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu, người nộp đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cấp thư chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam. Do đó, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-41335 ngày 12/12/2017, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "GLOBAL COMMUNICATIONS", không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 115125/QĐ-SHTT.IP ngày 30/09/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-41335 ngày 12/12/2017.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-41335 ngày 12/12/2017, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "GLOBAL COMMUNICATIONS".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HGC Global Communications Investments Limited (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150549/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HGC Global Communications Investments Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00929 ngày 10/12/2024 của HGC Global Communications Investments Limited; địa chỉ: Vistra Corporate Services



PTT366

Centre, Wickhams Cay II, Road Town, Tortola, VG1110, British Virgin Islands; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-41332 ngày 12/12/2017 theo Quyết định số 115120/QĐ-SHTT.IP ngày 30/09/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5372/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HGC Global Communications Investments Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" theo đơn số 4-2017-41332 ngày 12/12/2017 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35, 37, 38 và 42 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "HGC ibizCloud, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 287911 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35, 37, 38 và 42 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" theo đơn số 4-2017-41332 ngày 12/12/2017 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" có sự khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "HGC ibizCloud, hình" về thị giác và thính giác. Nhãn hiệu đăng ký được người tiêu dùng nhận biết và ghi nhớ là "Truyền thông toàn cầu HGC" trong khi nhãn hiệu đối chứng được nhận biết và ghi nhớ là "đám mây ibiz HGC".

Người nộp đơn là cổ đông góp vốn của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

Việc đồng ý này đồng nghĩa với việc sẽ không có xung đột hay tranh chấp về quyền lợi hay lợi ích giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn liên quan đến việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký cũng như việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc các sản phẩm/dịch vụ mang các nhãn hiệu đang xem xét. Việc này được lý giải vì khi và chỉ khi nhận thức được rằng người tiêu dùng không thể nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu do các sản phẩm mang các nhãn hiệu được sản xuất, thực hiện bởi các công ty góp vốn cùng thuộc một tập đoàn và do

đó quyền lợi hay lợi ích của mình không bị xâm phạm, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng mới đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký.

Do vậy, việc chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã đồng ý với việc người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam là hoàn toàn hợp lý.

Bên cạnh đó, vì người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng có mối quan hệ như đề cập ở trên nên đối với người tiêu dùng nhãn hiệu đăng ký được dùng để định danh và phân biệt hàng hoá được sản xuất, dịch vụ được thực hiện bởi các công ty thuộc cùng tập đoàn CK Hutchison với các sản phẩm, dịch vụ tương tự và cùng loại do các nhà sản xuất khác sản xuất, cung cấp, thực hiện, chứ không phải để phân biệt các sản phẩm, dịch vụ do người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu có trước (các công ty con của cùng tập đoàn) sản xuất, thực hiện.

Đồng thời các công ty con đều cùng tên kinh doanh nên việc các chủ thể đó cùng sử dụng các nhãn hiệu tương tự cũng là lý do chính đáng. Các nhãn hiệu đang xem xét đều có chung yếu tố "HGC" để định danh hàng hóa, dịch vụ của tập đoàn, nhưng không hoàn toàn trùng lặp, đều có thêm các yếu khác và được trình bày khác nhau để phân biệt các dòng sản phẩm, dịch vụ khác nhau của tập đoàn, nên trong phạm vi người tiêu dùng có liên quan, có thể dễ dàng nhận biết được sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu đó thuộc cùng tập đoàn CK Hutchison.

Hơn nữa, công ty mẹ kiểm soát việc điều hành và các hoạt động của công ty con, nên với sự kiểm soát của công ty mẹ, các mối lo ngại về việc tự động chuyển giao, chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu đăng ký sau khi người nộp đơn được xác lập quyền đối với nhãn hiệu này sẽ không xảy ra khi mà mọi việc chuyển giao/chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu cho các công ty khác đều phải có sự đồng ý của công ty mẹ.

Chính vì lý do này nên việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký không làm cho người tiêu dùng bị nhầm lẫn, không ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã

được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" gồm "HGC" được trình bày nổi bật, viết lớn và đậm, đi kèm dòng chữ nhỏ hơn "GLOBAL COMMUNICATIONS" bố trí ở bên phải khác biệt với nhãn hiệu đối chứng gồm hai thành phần phân biệt là từ "HGC" được bao quanh bởi biểu tượng đám mây, bên phải có từ "ibizCloud", về thị giác và thính giác. Các thành phần kết hợp của hai nhãn hiệu khác nhau: "GLOBAL COMMUNICATIONS" và "ibizCloud" nên nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có ý nghĩa khác nhau "truyền thông toàn cầu HGC" và "đám mây ibiz HGC". Trong đó, phần chữ "ibizCloud" là thành phần phân biệt và hình đám mây trên nhãn hiệu đối chứng tạo sự khác biệt với nhãn hiệu đăng ký. Trong quá trình thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu, người nộp đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cấp thư chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam. Do đó, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "HGC GLOBAL COMMUNICATIONS" theo đơn số 4-2017-41332 ngày 12/12/2017, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "GLOBAL COMMUNICATIONS", không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 115120/QĐ-SHTT.IP ngày 30/09/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-41332 ngày 12/12/2017.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-41332 ngày 12/12/2017, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "GLOBAL COMMUNICATIONS".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HGC Global Communications Investments Limited (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150550/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Senju Co., ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2021-01079 ngày 10/12/2021 của Senju Co., ltd.; địa chỉ: 4-9-2 Sotokanda Chiyoda-ku Tokyo, Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-02231 theo Quyết định số 80696/QĐ-SHTT ngày 25/10/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5371/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Senju Co., ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TEKNOS" theo đơn số 4-2019-02231 ngày 18/01/2019 cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "TEKNOS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 162248 cho các sản phẩm thuộc nhóm 07 và 11 và nhãn hiệu "TEKNOS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 192993 cho các sản phẩm thuộc nhóm 07, 09, 11 và 16 theo quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "TEKNOS" theo đơn số 4-2019-02231 ngày 18/01/2019 với lý do:

Nhãn hiệu đối chứng "TEKNOS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 162248 đã hết hạn hiệu lực từ năm 2018 do không được chủ sở hữu gia hạn. Điều này chứng tỏ rằng chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã không còn quan tâm tới nhãn hiệu này. Và thời gian từ lúc hết hạn hiệu lực, ngày 28/08/2018 đến khi người nộp đơn khiếu nại Quyết định từ chối cấp GCNĐKNH đã hơn 03 năm đủ để các sản phẩm mang nhãn hiệu này còn sót lại trên thị trường (nếu có) không còn đọng lại trong tâm trí người tiêu dùng. Từ đó, khả năng nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng "TEKNOS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 162248 là không thể xảy ra.

Người nộp đơn bổ sung kết quả điều tra số 53-02/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 13/07/2021 của Bản tin giá cả thuộc Viện kinh tế tài chính, Bộ Tài chính xác nhận rằng không có bất cứ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "TEKNOS" của chủ nhãn hiệu đối chứng cho các sản phẩm đã đăng ký kể từ tháng 1 năm 2013 đến tháng 7 năm 2021. Bằng chứng này chứng tỏ rằng nhận định về việc chủ sở hữu nhãn hiệu "TEKNOS" đã không quan tâm đến nhãn hiệu này và thực tế đã không sử dụng nhãn hiệu này trong vòng 05 năm từ trước khi hết hạn hiệu lực.

Nhãn hiệu đối chứng "TEKNOS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 192993 cũng cùng chủ với nhãn hiệu đối chứng "TEKNOS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 162248 và đã hết hạn hiệu lực từ ngày 04/04/2021 do không được gia hạn. Thời hạn ân hạn theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ là 06 tháng, tức là ngày 04/10/2021 là thời hạn cuối cùng chủ sở hữu được phép nộp muộn

yêu cầu gia hạn. Tuy nhiên, theo Thông báo số 8181/TB-SHTT ngày 09/09/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ, mọi thủ tục liên quan đến xác lập quyền sở hữu công nghiệp bao gồm phản hồi các quyết định, thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ đến hạn trong khoảng thời gian từ ngày 30/06/2021 đến hết ngày 31/10/2021 được tự động gia hạn tới ngày 30/11/2021. Người nộp đơn được biết tới hết ngày 30/11/2021, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng vẫn không nộp đơn xin gia hạn cho GCNĐKNH số 192993.

Việc không nộp đơn xin gia hạn có thể được lý giải vì chủ sở hữu đã không còn quan tâm, không sử dụng nhãn hiệu này nữa và họ không muốn tiếp tục gia hạn hiệu lực GCNĐKNH số 19299. Người nộp đơn bổ sung kết quả điều tra số 53-01/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 13/07/2021 của Bản tin giá cả thuộc Viện kinh tế tài chính, Bộ Tài chính xác nhận rằng không có bất cứ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "TEKNOS" của chủ nhãn hiệu đối chứng cho các sản phẩm đăng ký kể từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 7 năm 2021.

Việc các GCNĐKNH đối chứng đã hết hạn hiệu lực và các nhãn hiệu đối chứng đã không được sử dụng trong vòng 05 năm trước ngày hết hạn hiệu lực chứng tỏ các nhãn hiệu đối chứng không còn lại trong tâm trí người tiêu dùng và do vậy, khả năng gây nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng không thể xảy ra.

Đối với điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, người nộp đơn có ý kiến như sau:

Bảo hộ nhãn hiệu về bản chất là bảo hộ chủ sở hữu nhãn hiệu đối với việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu và bảo hộ người tiêu dùng để tránh việc sử dụng nhãn hiệu có thể gây nhầm lẫn cho họ.

Theo quy định tại Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, văn bằng bảo hộ nhãn hiệu có thể bị chấm dứt hiệu lực vì các lý do: 1. không gia hạn hiệu lực, 2. chủ văn bằng bảo hộ tuyên bố từ bỏ quyền, 3. chủ văn bằng bảo hộ nhãn hiệu không còn hoạt động kinh doanh mà không có người kế thừa hợp pháp, và 4. nhãn hiệu không được sử dụng trong thời hạn 05 năm liên tục.

Theo người nộp đơn, các nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn hiệu lực và các nhãn hiệu này đã không được sử dụng trong vòng 05 năm trước ngày hết hạn hiệu lực nên người tiêu dùng đã hoàn toàn quên hẳn các nhãn hiệu đối chứng, và do vậy, khả năng gây nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng là không thể xảy ra.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "TEKNOS" trùng với các nhãn hiệu đối chứng và sản phẩm mang các nhãn hiệu đều là những sản phẩm điện gia dụng tương tự và có liên quan nhau. Mặc dù, nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 162248 đã hết hiệu lực từ ngày 28/08/2018 và nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 192993 đã hết hiệu lực từ ngày 04/04/2021 nhưng tại thời điểm ban hành Quyết định số 80696/QĐ-SHTT ngày 25/10/2021, thời gian hết hiệu lực chưa quá năm năm nên nhãn hiệu đăng ký vẫn tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Do đó, đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu "TEKNOS" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-02231 ngày 18/01/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 80696/QĐ-SHTT ngày 25/10/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-02231 ngày 18/01/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Senju Co., ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Senju Co., ltd. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150551/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại LHT
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2018-00383 ngày 11/6/2018 của Công ty TNHH sản xuất thương mại LHT; địa chỉ: 62 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-12889 ngày 22/05/2015 theo Quyết định số 16824/QĐ-SHTT ngày 14/03/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5367/BC-TTKN

ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại LHT với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "LÂM HÒA THỊNH CHẤT LƯỢNG AAA" theo đơn số 4-2015-12889 ngày 22/05/2015 cho các sản phẩm thuộc nhóm 28 không được bảo hộ phần chữ "AAA" vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "A A A Hiệp Thanh NHÃN HIỆU CON MÈO, hình" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 30745 cho các sản phẩm thuộc nhóm 28 và nhãn hiệu "HIỆP THÀNH AAA, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 14528 cho các sản phẩm thuộc nhóm 28 theo quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "LÂM HÒA THỊNH CHẤT LƯỢNG AAA" theo đơn số 4-2015-12889 ngày 22/05/2015 với lý do:

- Người nộp đơn đồng ý rằng theo quy định tại Điều 39.3b đánh giá khả năng phân biệt của dấu hiệu dạng chữ viết, chữ số theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN thì nhãn hiệu "có từ 03 chữ cái trở lên có khả năng phân biệt làm nhãn hiệu" nhưng điều này không có nghĩa rằng tất cả mọi tổ hợp dấu hiệu chữ từ 03 chữ cái trở lên đều mang tính phân biệt. Đặc biệt trong trường hợp đang xem xét phần chữ "AAA" là tập hợp của 03 chữ "A" được lặp lại, không phải là 03 chữ cái khác nhau nên không thể cho rằng dấu hiệu "AAA" thuộc trường hợp quy định tại Điều 39.3b của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Trên thực tế, ngay khi Luật Sở hữu trí tuệ có hiệu lực thi hành, Cục Sở hữu trí tuệ đã ghi nhận dấu hiệu "AAA" không được bảo hộ riêng tại các GCNĐKNH số 106429 cấp ngày 04/08/2008, GCNĐKNH số 101531 cấp ngày 21/05/2008 và GCNĐKNH số 267049 cấp ngày 18/08/2016.

Đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 30745 ngày 24/04/1999 và GCNĐKNH số 14528 ngày 07/12/1994, dấu hiệu chữ "AAA" được thể hiện chân phương, đồng thời chỉ là một yếu tố được kết hợp, sắp đặt với các yếu tố hình ảnh, biểu tượng và yếu tố chữ khác để tạo nên tổng thể có khả năng phân biệt.

Phần chữ "AAA" trong nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt về đường nét và font chữ, kết hợp với các thành phần khác mang tính phân biệt chủ đạo là dấu hiệu "LÂM HÒA THỊNH" đã tạo nên một tổng thể khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

Người nộp đơn cho rằng phần chữ "AAA" trong nhãn hiệu đăng ký cũng là yếu tố loại trừ, không có khả năng phân biệt nên không thể tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "AAA" trong các nhãn hiệu đối chứng.

- Nhãn hiệu đối chứng "A A A Hiệp Thanh NHÃN HIỆU CON MÈO, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 30745 đã hết hiệu lực ngày 03/01/2018 và nhãn hiệu "HIỆP THÀNH AAA, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 14528 đã hết hiệu lực ngày 20/01/2014 do chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng không gia hạn.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "LÂM HÒA THỊNH CHẤT LƯỢNG AAA" theo đơn số 4-2015-12889 chỉ là nhãn hiệu chữ được trình bày ở màu sắc xanh lá cây và đỏ, trong đó "CHẤT LƯỢNG AAA" gợi ý cho người tiêu dùng về chất lượng của sản phẩm, trong khi các nhãn hiệu đối chứng "A A A Hiệp Thanh NHÃN HIỆU CON MÈO, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 30745 và "HIỆP THÀNH AAA, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 14528 gồm hình tròn được chia thành ba phần, phần trên cùng là hình một con mèo được trình bày cách điệu, phần giữa là các ký tự "AAA" và bên dưới là phần chữ "NHÃN

HIỆU CON MÈO" (GCNĐKNH số 30745) và "HIỆP THÀNH" (GCNĐKNH số 14528). Do đó, nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt về cấu trúc, ấn tượng tổng thể nên có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng. Vì vậy, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-12889, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ "CHẤT LƯỢNG", không áp dụng quy định tại điểm e và h khoản 2 điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 16824/QĐ-SHTT ngày 14/03/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-12889 ngày 22/05/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-12889 ngày 22/05/2015, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ "CHẤT LƯỢNG".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại LHT (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150552/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Forever 21, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2017-00349 ngày 21/3/2017 của Forever 21, Inc.; địa chỉ: 2001S.Alameda St., Los Angeles, CA 90058, U.S.A.; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-11222 theo Quyết định số 7087/QĐ-SHTT ngày 03/02/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5234/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Forever 21, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FOREVER 21 CONTEMPORARY" theo đơn số 4-2013-11222 ngày 31/05/2013 cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Forever 18" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 74061 cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "FOREVER 21 CONTEMPORARY" theo đơn số 4-2013-11222 ngày 31/05/2013 với lý do:

Ngày 30/10/2012, đối tác của người nộp đơn đã nộp yêu cầu đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061 theo đơn số ĐN1-2012-00029H với lý do nhãn hiệu không được sử dụng cho các sản phẩm đăng ký tại Việt Nam từ tháng 01/2006 đến tháng 10/2012.

Ngày 15/08/2014, Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định số 2743/QĐ-SHTT về việc giải quyết đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061 nêu trên, theo đó Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận đề nghị của người yêu cầu về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061.

Do không đồng ý với Quyết định nêu trên, ngày 17/11/2014, đại diện của người yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061 đã nộp khiếu nại số KN4-2014-1149 khiếu nại Quyết định số 2743/QĐ-SHTT về việc giải quyết đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061.

Ngày 22/03/2016, Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định số 1207/QĐ-SHTT về việc giải quyết khiếu nại quyết định giải quyết đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061 nêu trên, theo đó Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận đơn khiếu nại KN4-2014-1149 và giữ nguyên hiệu lực GCNĐKNH số 74061.

Ngày 07/04/2016, đại diện của người yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061 đã nộp yêu cầu khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) số 1207/QĐ-SHTT nêu trên với Bộ khoa học và công nghệ. Yêu cầu khiếu nại này vẫn đang được thẩm định tại Bộ Khoa học Công nghệ và người nộp đơn sẽ bổ sung các tài liệu liên quan sau khi thủ tục này hoàn tất.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21 CONTEMPORARY" có phần chữ "FOREVER" trùng với nhãn hiệu đối chứng, phần chữ số "21" và phần chữ "CONTEMPORARY" (có nghĩa là "đương thời, cùng thời") của nhãn hiệu đăng ký và phần chữ số "18" của nhãn hiệu đối chứng là các thành phần không có khả năng phân biệt, đồng thời, sản phẩm thuộc nhóm 25 mang hai nhãn hiệu trùng và tương tự với nhau. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Đến thời điểm hiện tại, nhãn hiệu đối chứng "Forever 18" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 74061 vẫn còn hiệu lực. Do đó, đề nghị của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "FOREVER 21 CONTEMPORARY" theo đơn số 4-2013-11222 ngày 31/05/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 7087/QĐ-SHTT ngày 03/02/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-11222 ngày 31/05/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở

hữu trí tuệ, Forever 21, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Forever 21, Inc. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150553/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Forever 21, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2020-00021 ngày 10/01/2020 của Forever 21, Inc.; địa chỉ: 3880 North Mission Road, Los Angeles, Califorma 90031, U.S.A.; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-26334 theo Quyết định số 89871/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5230/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Forever 21, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FOREVER 21" theo đơn số 4-2012-26334 ngày 22/11/2012 cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 25 và 35 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Forever 18" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 74061 cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 theo quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "FOREVER 21" theo đơn số 4-2012-26334 ngày 22/11/2012 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" của người nộp đơn đã được công nhận trên toàn thế giới thông qua việc đăng ký và sử dụng rộng rãi, cụ thể là: nhãn hiệu "FOREVER 21" đã được đăng ký tại nhiều nước trên thế giới cho các sản phẩm thuộc các nhóm 09, 14, 18 và 25 và đã được chấp nhận bảo hộ tại 50 quốc gia trên thế giới bao gồm các quốc gia phát triển như Ý, Pháp, Mỹ, Canada, Đức, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Singapore.

Nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" đã được người nộp đơn sử dụng rộng rãi tại nhiều nước trên thế giới, cụ thể là:

Người nộp đơn được thành lập ở Los Angeles, California, Mỹ vào năm 1984 bởi một người Hàn Quốc là Dong - Won Chang và vợ ông là Jin Sook.

Forever 21 còn gọi tắt là "F21" là một nhãn hiệu thời trang tổng hợp với một chuỗi các nhà bán lẻ của Mỹ trên khắp nước Mỹ, Canada, Singapore, Indonesia, Malaysia, UAE, Jordan, Oman, Kuwait, Saudi Arabia, Bahrain, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Puerto Rico, Philippines, Anh, Ireland. Không chỉ quần áo, F21 còn bán các loại phụ kiện thời trang cho nam giới, nữ giới và trẻ em.

Cửa hàng đầu tiên khai trương ngày 21/4/1984 và đặt tại số 5.637 N. Figueroa St ở Highland Park của Los Angeles với diện tích 84m2. Ban đầu, "F21" với mục đích bán các thiết kế thời trang Hàn Quốc và mục tiêu là cộng đồng người Hàn Quốc tại Mỹ. Người dân từ các nước khác nhau đã ưa chuộng sản phẩm từ F21 và dần dần F21 trở nên phổ biến. Đến cuối năm đầu tiên, doanh số tăng từ 35.000 đô la Mỹ lên tới 700.000 đô la Mỹ. Thời trang của "F21" được mở rộng cùng với tốc độ phát triển của nhãn hiệu này. Năm 1989, Forever 21 đã mở cửa hàng thứ 11. Forever 21 tăng mở rộng kích thước trung bình đến 5.000 feet vuông (460 m2) cho mỗi cửa hàng.

Từ đó, Forever 21 đã có mặt tại các địa điểm trung tâm mua sắm lớn trên toàn nước Mỹ. Năm 1995, công ty mở rộng cửa hàng của họ ở Miami Mall của châu Mỹ, vị trí này là cửa hàng đầu tiên bên ngoài California.

Forever 21 đã đạt tổng cộng 40 cửa hàng của năm 1997. Các cửa hàng châu Âu đầu tiên mở tại Dublin, Ireland, tại trung tâm Mua sắm Jervis ngày 15/11/ 2010. Cửa hàng tại Anh đang mở cuối năm 2010 tại Bullring Birmingham và cửa hàng thứ hai tại London của thành phố Westfield Stratford.

F21 có nhiều mặt hàng, nhiều mức giá phục vụ các đối tượng khác nhau và F21 là một nhãn hiệu thời trang cạnh tranh với các hãng thời trang thông dụng khác là Wet Seal, H & M, New Look và Charlotte Russe. Đến năm 2020, Forever 21, Inc. đã có 390 cửa hàng mang nhãn hiệu "FOREVER 21" tại 18 quốc gia khác nhau trên thế giới bao gồm cả Singapore, Malaysia, Philippines, Indonesia, Hàn Quốc và Nhật Bản. Doanh thu và lợi nhuận của người nộp đơn liên tục tăng nhờ chất lượng ổn định và mẫu mã phong phú của các sản phẩm mang nhãn hiệu "FOREVER 21". Doanh số bán các sản phẩm mang nhãn hiệu FOREVER 21 trong năm 2011 là 3,2 tỷ đô la Mỹ.

Việc sử dụng nhãn hiệu đăng ký trên Internet: "FOREVER 21" là nhãn hiệu chủ đạo, được người nộp đơn trình bày nổi bật ngay tại trang web chính thức của hãng. Chỉ cần truy cập vào địa chỉ https://www.forever21.com/us/shop, người tiêu dùng có thể đặt hàng các sản phẩm mang "FOREVER 21" vào bất kỳ thời gian nào và từ bất kỳ nơi nào trên thế giới bao gồm Việt Nam. Từ sự tiện lợi trong cách thức bán hàng đã mang các sản phẩm mang dấu hiệu "FOREVER 21" đến tận tay người tiêu dùng khắp nơi và qua đó đã trở nên được nhận biết rộng rãi.

Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận đăng ký và sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới cho các sản phẩm đăng ký "Kính râm, đồ nữ trang, cụ thể là nhẫn, hoa tai, đồng hồ, chuỗi hạt, vòng đeo tay, túi xách tay, ví, túi xách dành cho phụ nữ, túi đeo vải, túi rộng để đựng đồ không có nắp, túi mua hàng" thuộc các nhóm 09, 14, 18 và 25 là minh chứng về sự nổi tiếng của nhãn hiệu "FOREVER 21" của người nộp đơn.

Tại Việt Nam, các sản phẩm của FOREVER 21 thường được cung cấp qua đường hàng xách tay từ các cửa hàng của FOREVER 21 châu Âu, châu Á, Mỹ và nhận đặt hàng trực tuyến trên website của F21.

Đầu năm 2011, Forever 21, Inc. đã lập Văn phòng đại diện của mình tại tầng 5, số 9 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh. Từ năm 2009, các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký đã được lưu thông trên thị trường tại các thành phố lớn của Việt Nam là Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng. Việc các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký được lưu thông trên thị trường Việt Nam là một bằng chứng cho thấy người tiêu dùng có thể phân biệt được các sản phẩm mang dấu hiệu đăng ký "FOREVER 21" với các sản phẩm mang nhãn hiệu có trước "Forever 18".

Do nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" đã được sử dụng và công nhận rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới và do có sự khác biệt với nhãn hiệu có trước "Forever 18" về ấn tượng thị giác, cách đọc và ý nghĩa nên nhãn hiệu đăng ký có thể song song tồn tại với nhãn hiệu có trước này. Thực thế cho thấy, các

sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam từ năm 2009 mà không hề gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu có trước về thị giác, cách đọc và ý nghĩa, cụ thể là: về thị giác, nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" màu đen được thể hiện ở dạng chữ in hoa, trong khi nhãn hiệu có trước "Forever 18" được thể hiện cách điệu về cả phông chữ và màu sắc; về cách đọc, nhãn hiệu đăng ký được đọc là /fo-e-vơ 21/ còn nhãn hiệu có trước được đọc là /fo-e-vơ 18/; về ý nghĩa, nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" tạm dịch là "mãi mãi tuổi 21" và nhãn hiệu có trước "Forever 18" tạm dịch là "mãi mãi tuổi 18".

Qua tra cứu, người nộp đơn thấy rằng ngoài nhãn hiệu có trước "Forever 18" theo GCNĐKNH số 74061 còn có nhãn hiệu "Forever Young DUGARCO, hình" (tạm dịch là "mãi mãi trẻ") theo GCNĐKNH số 109086 cũng chứa phần chữ "FOREVER" được chấp nhận đăng ký cho sản phẩm "quần áo" thuộc nhóm 25.

Việc song song tồn tại của các nhãn hiệu có chứa phần chữ "FOREVER" cho các sản phẩm cùng loại được chấp nhận đăng ký như trên chứng tỏ rằng người tiêu dùng không hề nhầm lẫn các nhãn hiệu này với nhau, việc có thêm nhãn hiệu đăng ký khác với nhãn hiệu có trước về ấn tượng thị giác, cách đọc và ý nghĩa sẽ không thể làm cho người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của các sản phẩm mang các nhãn hiệu và do vậy nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" có thể song song tồn tại cùng với các nhãn hiệu có trước "Forever Young DUGARCO, hình" và "Forever 18".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" và nhãn hiệu đối chứng đều có phần chữ "FOREVER", yếu tố "21" của nhãn hiệu đăng ký và "18" của nhãn hiệu đối chứng là chữ số không có khả năng phân biệt, đồng thời sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 25 và 35 của nhãn hiệu đăng ký cùng loại, tương tự với sản phẩm thuộc nhóm 25 của nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

- Người nộp đơn viện dẫn đến nhãn hiệu "Forever Young DUGARCO, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 109086 là không thích hợp vì ngoài phần chữ "FOREVER", nhãn hiệu này còn kết hợp với thành phần có tính phân biệt "DUGARCO" tạo ra ấn tượng tổng thể khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "Forever 18" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 74061.

Do đó, đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "FOREVER 21" theo đơn số 4-2012-26334 ngày 22/11/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 89871/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-26334 ngày 22/11/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Forever 21, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Forever 21, Inc. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150554/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Forever 21, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2017-00015 ngày 11/01/2017 của Forever 21, Inc.; địa chỉ: 2001 S.Alameda St., Los Angeles CA 90058, U.S.A; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-17485 ngày 18/08/2010 theo Quyết định số 83233/QĐ-SHTT ngày 20/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5226/BC-TTKN

ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Forever 21, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FOREVER 21" theo đơn số 4-2010-17485 ngày 18/08/2010 cho các sản phẩm thuộc nhóm 09, 14 và 18 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Forever 18" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 74061 cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "FOREVER 21" theo đơn số 4-2010-17485 ngày 18/08/2010 với lý do:

Ngày 30/10/2012, đối tác của người nộp đơn đã nộp yêu cầu đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061 có số đơn ĐN1-2012-00029H với lý do nhãn hiệu không được sử dụng cho các sản phẩm đăng ký tại Việt Nam từ tháng 01/2006 đến tháng 10/2012.

Ngày 15/08/2014, Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định số 2743/QĐ-SHTT về việc giải quyết đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061 nêu trên, theo đó Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận đề nghị của người yêu cầu về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061.

Do không đồng ý với Quyết định nêu trên, ngày 17/11/2014, đại diện của người yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061 đã nộp đơn số KN4-2014-1149 khiếu nại Quyết định số 2743/QĐ-SHTT về việc giải quyết đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061.

Ngày 22/03/2016, Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định số 1207/QĐ-SHTT về việc giải quyết khiếu nại quyết định giải quyết đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061 nêu trên, theo đó Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận đơn khiếu nại KN4-2014-1149 và giữ nguyên hiệu lực GCNĐKNH số 74061.

Ngày 07/04/2016, đại diện của người yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 74061 đã nộp yêu cầu khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) số 1207/QĐ-SHTT nêu trên với Bộ khoa học và công nghệ.

Người nộp đơn đã có hơn 150 đăng ký, đơn cho nhãn hiệu "FOREVER 21" tại hơn 50 nước và khu vực trên thế giới cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc các nhóm 09, 14, 18, 25 và 35. Người nộp đơn bổ sung bảng kê chi tiết của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) về các đăng ký và đơn cho nhãn hiệu "FOREVER 21" của người nộp đơn tại hơn 50 nước và khu vực trên thế giới bao gồm các quốc gia phát triển như Mỹ, Canada, Cộng đồng Châu Âu, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, các nước thuộc khu vực Đông Nam Á và các nước khác trên thế giới.

Nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" của người nộp đơn đã được sử dụng và biết rộng rãi trên toàn thế giới và ở Việt Nam, cụ thể là người nộp đơn

được thành lập ở Los Angeles, California, Mỹ vào năm 1984 bởi một người Hàn Quốc là Dong - Won Chang và vợ ông là Jin Sook.

Forever 21 còn gọi tắt là "F21" là một nhãn hiệu thời trang tổng hợp với một chuỗi các nhà bán lẻ của Mỹ trên khắp nước Mỹ, Canada, Singapore, Indonesia, Malaysia, UAE, Jordan, Oman, Kuwait, Saudi Arabia, Bahrain, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Puerto Rico, Philippines, Anh, Ireland. Không chỉ quần áo, F21 còn bán các loại phụ kiện thời trang cho nam giới, nữ giới và trẻ em.

Cửa hàng đầu tiên khai trương ngày 21/4/1984 và đặt tại số 5.637 N. Figueroa St ở Highland Park của Los Angeles với diện tích 84m2. Ban đầu, "F21" với mục đích bán các thiết kế thời trang Hàn Quốc và mục tiêu là cộng đồng người Hàn Quốc tại Mỹ. Người dân từ các nước khác nhau đã ưa chuộng sản phẩm từ F21 và dần dần F21 trở nên phổ biến. Đến cuối năm đầu tiên, doanh số tăng từ 35.000 đô la Mỹ lên tới 700.000 đô la Mỹ. Thời trang của "F21" được mở rộng cùng với tốc độ phát triển của nhãn hiệu này. Năm 1989, Forever 21 đã mở cửa hàng thứ 11. Forever 21 tăng mở rộng kích thước trung bình đến 5.000 feet vuông (460 m2) cho mỗi cửa hàng.

Từ đó, Forever 21 đã có mặt tại các địa điểm trung tâm mua sắm lớn trên toàn nước Mỹ. Năm 1995, công ty mở rộng cửa hàng của họ ở Miami Mall của châu Mỹ, vị trí này là cửa hàng đầu tiên bên ngoài California.

Forever 21 đã đạt tổng cộng 40 cửa hàng của năm 1997. Các cửa hàng châu Âu đầu tiên mở tại Dublin, Ireland, tại trung tâm Mua sắm Jervis ngày 15/11/ 2010. Cửa hàng tại Anh đang mở cuối năm 2010 tại Bullring Birmingham và cửa hàng thứ hai tại London của thành phố Westfield Stratford.

F21 có nhiều mặt hàng, nhiều mức giá phục vụ các đối tượng khác nhau và F21 là một nhãn hiệu thời trang cạnh tranh với các hãng thời trang thông dụng khác là Wet Seal, H & M, New Look và Charlotte Russe. Forever 21, Inc. đã vận hành với hơn 800 cửa hàng "FOREVER 21" tại Mỹ, Châu Âu, Châu Á và Châu Mỹ Latinh.

Việc sử dụng nhãn hiệu đăng ký trên Internet: "FOREVER 21" là nhãn hiệu chủ đạo, được người nộp đơn trình bày nổi bật ngay tại trang web chính thức của hãng. Chỉ cần truy cập vào địa chỉ https://www.forever21.com/us/shop, người tiêu dùng có thể đặt hàng các sản phẩm mang "FOREVER 21" vào bất kỳ thời gian nào và từ bất kỳ nơi nào trên thế giới bao gồm Việt Nam. Từ sự tiện lợi trong cách thức bán hàng đã mang các sản phẩm mang dấu hiệu "FOREVER 21" đến tận tay người tiêu dùng khắp nơi và qua đó đã trở nên được nhận biết rộng rãi.

Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận đăng ký và sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới cho các sản phẩm đăng ký "Kính râm, đồ nữ trang, cụ thể là nhẫn, hoa tai, đồng hồ, chuỗi hạt, vòng đeo tay, túi xách tay, ví, túi

xách dành cho phụ nữ, túi đeo vải, túi rộng để đựng đồ không có nắp, túi mua hàng" thuộc các nhóm 09, 14, 18 và 25 là minh chứng về sự nổi tiếng của nhãn hiệu "FOREVER 21" của người nộp đơn.

Tại Việt Nam, các sản phẩm của FOREVER 21 thường được cung cấp qua đường hàng xách tay từ các cửa hàng của FOREVER 21 châu Âu, châu Á, Mỹ và nhận đặt hàng trực tuyến trên website của F21. Ngoài ra, đông đảo số lượng người Việt Nam đã biết đến "FOREVER 21" thông qua việc đi du lịch mua sắm tại Hàn Quốc, Hồng Công, Singapore, Nhật Bản, Thái Lan nơi có sự hiện diện của "FOREVER 21" tại các trung tâm mua bán lớn của các nước đó.

Đầu năm 2011, Forever 21, Inc. đã thành lập Văn phòng đại diện của mình tại tầng 5, số 9 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thông qua hàng loạt các báo mạng chính thống của Việt Nam như vnexpress, vietnamnet, dantri, thanhnien, laodong v.v, các tin tức về lịch sử, hoạt động, thành công của FOREVER 21 cũng như việc người nộp đơn đang cải tổ lại hệ thống kinh doanh bằng việc nộp đơn xin phá sản đều được truyền tải tới người đọc, người theo dõi tin cũng như các tín đồ sùng bái hàng hiệu trong đó có FOREVER 21. Người nộp đơn bổ sung các trích đoạn từ các trang của các báo mạng chính thống của Việt Nam thể hiện các thông tin này.

Do nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" đã được sử dụng và công nhận rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới và do có sự khác biệt với nhãn hiệu có trước "Forever 18" về ấn tượng thị giác, cách đọc và ý nghĩa nên việc đăng ký và sử dụng dấu hiệu "FOREVER 21" sẽ không thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu có trước về thị giác, cách đọc và ý nghĩa, cụ thể là:

Về ý nghĩa, rõ ràng "tuổi 21" khác biệt với "tuổi 18" theo mọi khía cạnh. Về mặt luật pháp Việt Nam, vị thành niên là dưới 18 tuổi và như vậy "tuổi 18" là năm đầu tiên của tuổi thành niên. Người đủ 18 tuổi có thể có tên trong danh sách cử tri và bỏ phiếu, có thể kết hôn, có thể có được giấy phép lái xe, có thể bị xét xử và bị kết án như một người lớn v.v. Tuổi 21 được xem như tuổi đủ trưởng thành theo các khía cạnh, và theo luật pháp Việt Nam, công dân đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Mặc dù các chữ số 18 hay 21 không có khả năng phân biệt theo Luật Sở hữu trí tuệ, nhưng khi đi kèm với "FOREVER" chúng có vai trò vô cùng quan trọng tạo thành các nghĩa tương ứng "mãi mãi tuổi 21" và "mãi mãi tuổi 18". Như trình bày trên đây, rõ ràng "mãi mãi tuổi 21" khác biệt với "mãi mãi tuổi 18" về ý nghĩa.

Về thị giác và cách đọc: do 21 và 18 khác nhau về ấn tượng thị giác và cách đọc nên "FOREVER 21" khác biệt với "FOREVER 18" về ấn tượng thị giác và cách đọc (/fo-e-vơ 21/ và /fo-e-vơ 18/).

Qua tra cứu, người nộp đơn thấy rằng ngoài nhãn hiệu có trước "Forever 18" theo GCNĐKNH số 74061 còn có các nhãn hiệu khác chứa "FOREVER" đã được chấp nhận đăng ký cho các sản phẩm may mặc nhóm 25, cụ thể là nhãn hiệu "Forever Young DUGARCO, hình" (tạm dịch là "mãi mãi trẻ") theo GCNĐKNH số 109086, "(FOREVER SENPRODIMEX" theo GCNĐKNH số 237686, "Forever Friends, hình" theo GCNĐKNH số 199189.

Việc song song tồn tại của các nhãn hiệu có chứa phần chữ "FOREVER" cho các sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 25 như nêu trên mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng cho thấy "FOREVER" không đóng vai trò quan trọng trong việc phân biệt giữa các nhãn hiệu và thành phần thứ hai đứng sau "FOREVER" mới đóng vai trò quan trọng trong việc phân biệt giữa các nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Các sản phẩm thuộc nhóm 09, 14 và 18 của nhãn hiệu đăng ký "FOREVER 21" khác biệt với các sản phẩm thuộc nhóm 25 của nhãn hiệu đối chứng "Forever 18" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 74061 về bản chất, nhà sản xuất và kênh tiêu thụ, cụ thể là:

Về bản chất, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là sản phẩm phụ kiện, mang tính trang trí, phong cách cá nhân hoặc tiện ích phụ trợ và các sản phẩm này không có chức năng chính là thay thế quần áo. Sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng - quần áo là sản phẩm thiết yếu, phục vụ mục đích che chắn và bảo vệ cơ thể.

Về nhà sản xuất, các nhà sản xuất kính râm, đồng hồ hoặc nữ trang thường hoạt động trong lĩnh vực gia công kim loại, thủy tinh, da thuộc, phụ kiện, ...; còn các nhà sản xuất quần áo thường chuyên sâu trong ngành dệt may hoặc thời trang may mặc.

Về kênh tiêu thụ, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký thường được bán tại cửa hàng phụ kiện, trang sức, đại lý chuyên biệt hoặc khu vực khác trong trung tâm thương mại còn sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng được bán tại các cửa hàng quần áo, trung tâm mua sắm chuyên về trang phục.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng, nên đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "FOREVER 21" theo đơn số 4-2010-17485 ngày 18/08/2010, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 83233/QĐ-SHTT ngày 20/12/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2010-17485 ngày 18/08/2010.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2010-17485 ngày 18/08/2010.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Forever 21, Inc. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150555/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của FxPro Financial Services Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2018-00037 ngày 11/01/2018 của FxPro Financial Services Ltd; địa chỉ: Karyatidon 1, Ypsonas 4180, Cyprus; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1321043 theo Thông báo số 2016/47 NTH19 ngày 24/10/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và

báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5167/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của FxPro Financial Services Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "FXPRO TRADE LIKE A PRO" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1321043 cho các dịch vụ thuộc nhóm 36 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì mang tính mô tả theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "FXPRO TRADE LIKE A PRO" theo ĐQT số 1321043 với lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "FXPRO TRADE LIKE A PRO" có khả năng phân biệt cho dịch vụ đăng ký do thành phần chữ chính "FXPRO" trong nhãn hiệu đăng ký là một từ tự đặt, không có nghĩa theo các từ điển Anh-Anh cũng như Anh-Việt. Yếu tố này qua khảo sát trên tất cả các trang mạng nó không phải là thuật ngữ hay cách diễn đạt quen thuộc và thông thường trong ngôn ngữ tiếng Anh dùng để chỉ hay mô tả các dịch vụ xin đăng ký và các đặc tính của chúng. Do vậy "FXPRO" không thể coi là dấu hiệu chỉ chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký. Theo đó, nhãn hiệu đăng ký "FXPRO TRADE LIKE A PRO" với thành phần phân biệt "FXPRO" không thể bị coi là mô tả dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký và vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều nước trên thế giới bao gồm cả các quốc gia nơi tiếng Anh là quốc ngữ, cụ thể Anh, New Zealand, Cộng đồng chung Châu Âu, Australia, Cyprus, Nigeria và Mỹ.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "FXPRO TRADE LIKE A PRO" theo ĐQT số 1321043 gồm phần chữ "FX" là viết tắt của "Foreign Exchange", "PRO" là

viết tắt của "Professional", "TRADE LIKE A PRO" nghĩa tạm dịch là "Thương mại giống như chuyên nghiệp". Do đó, "FXPRO TRADE LIKE A PRO" mang tính mô tả trực tiếp các dịch vụ đăng ký thuộc nhóm 36 nên không có khả năng phân biệt.

- Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận bảo hộ ở một số quốc gia không phải là cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu ở Việt nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký "FXPRO TRADE LIKE A PRO" theo ĐQT số 1321043 vì không có khả năng phân biệt là phù hợp, khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/47 NTH19 ngày 24/10/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1321043.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, FxPro Financial Services Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và FxPro Financial Services Ltd (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150556/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của FxPro Financial Services Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2018-00036 ngày 11/01/2018 của FxPro Financial Services Ltd; địa chỉ: Karyatidon 1, Ypsonas 4180, Cyprus; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1317284 theo Thông báo số 2016/43 NDT21 ngày 20/09/2017;

PTT366

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5166/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của FxPro Financial Services Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "FxPro Trade Like a Pro, hình" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1317284 cho các dịch vụ thuộc nhóm 36 bị từ chối bảo hộ vì mang tính mô tả theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "FxPro Trade Like a Pro, hình, hình" theo ĐQT số 1317284 với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký "FxPro Trade Like a Pro, hình" có khả năng phân biệt đối với dịch vụ đăng ký do thành phần chữ chính "FxPro" trong nhãn hiệu đăng ký là một từ tự đặt, không có nghĩa theo các từ điển Anh-Anh cũng như Anh-Việt. Yếu tố này qua khảo sát trên tất cả các trang mạng "FxPro" không phải là thuật ngữ hay cách diễn đạt quen thuộc và thông thường trong ngôn ngữ tiếng Anh dùng để chỉ hay mô tả các dịch vụ đăng ký và các đặc tính của chúng. Do vậy "FxPro" không thể coi là dấu hiệu chỉ chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả dịch vụ đăng ký.

Hơn nữa nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu kết hợp độc đáo của yếu tố chữ, yếu tố hình với màu sắc nổi bật. Cụ thể, yếu tố chữ "FxPro Trade Like a Pro" với từ "FxPro" màu trắng được viết hoa hai chữ cái "F" và "P" với cỡ chữ to nổi bật được bố trí ở vị trí trung tâm dấu hiệu, bên dưới là cụm từ "Trade Like a Pro" với cỡ chữ nhỏ hơn. Yếu tố chữ được đặt trong khung hình vuông có nền màu đỏ. "FxPro" là một từ tự đặt, không có nghĩa theo từ điển. "Trade Like a Pro" tạm dịch nghĩa là "Thương mại giống như chuyên nghiệp".

Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều nước trên thế giới bao gồm cả các quốc gia nơi tiếng Anh là quốc ngữ, cụ thể Anh, New Zealand, Australia, Cyprus, Nigeria và Mỹ.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương

pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "FxPro Trade Like a Pro, hình" theo ĐQT số 1317284 gồm phần chữ "FxPro Trade Like a Pro" đặt trong khung hình vuông có nền màu đỏ. Phần chữ "Fx" là viết tắt của "Foreign Exchange", "Pro" là viết tắt của "Professional", "Trade Like a Pro" nghĩa tạm dịch là "Thương mại giống như chuyên nghiệp". Do đó, phần chữ "FxPro Trade Like a Pro" mang tính mô tả các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt nên đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

- Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận bảo hộ ở một số quốc gia không phải là cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu ở Việt nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký "FxPro Trade Like a Pro, hình" theo ĐQT số 1317284 vì không có khả năng phân biệt là phù hợp, khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/43 NDT21 ngày 20/09/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1317284.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, FxPro Financial Services Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và FxPro Financial Services Ltd (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150557/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Outin futures Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2022-00073 ngày 19/01/2022 của Outin futures Co., Ltd.; địa chỉ: Apple Tree Tower 1 4th Floor, 443, Teheran-ro, Gangam-gu, Seoul, Korea.; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-39469 ngày 12/12/2016 theo Quyết định số 86593/QĐ-SHTT ngày 12/11/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5163/BC-TTKN

ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Outin futures Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NEOGEN DERMALOGY" theo đơn số 4-2016-39469 ngày 12/12/2016 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "NEOGENIC" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1131805 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, nhãn hiệu "Neogence" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 329416 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, phần chữ "DERMALOGY" mang tính mô tả theo quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "NEOGEN DERMALOGY" theo đơn số 4-2016-39469 ngày 12/12/2016 với lý do:

Phần chữ "DERMALOGY" trong nhãn hiệu đăng ký "NEOGEN DERMALOGY", không xuất hiện trong bất cứ từ điển chính thức nào và do người nộp đơn sáng tạo ra, đồng thời, như thể hiện trong Quyết định số 86593/QĐ-SHTT ngày 12/11/2021, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã thừa nhận rằng "thành phần thứ hai "DERMALOGY" không xuất hiện trong bất cứ từ điển nào", và do vậy, phần chữ "DERMALOGY" cần phải coi là một từ tự đặt, không có nghĩa trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh. Do phần chữ "DERMALOGY" không có nghĩa xác định nên không thể coi là mô tả bất cứ đặc tính, tính chất và công dụng của các sản phẩm đăng ký. Do vậy, phần chữ này cần phải được coi là thành phần có tính phân biệt trong dấu hiệu đăng ký.

Do phần chữ "DERMALOGY" là một từ tự đặt và không có nghĩa trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh, nên việc Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng "DERMALOGY" được xuất phát từ một từ tiếng Anh có trong từ điển "DERMATOLOGY" bằng cách bỏ thành phần "-TO-" và rằng "DERMATOLOGY" có ý nghĩa "khoa nghiên cứu y học về da về các bệnh về da, khoa da liễu", do đó, phần chữ "DERMALOGY" là thành phần yếu mang tính mô tả các sản phẩm "mỹ phẩm dưỡng da và chăm sóc da, chế phẩm mỹ phẩm chăm sóc da, mỹ phẩm cho da đầu, mỹ phẩm chống nắng, mỹ phẩm tẩy tế bào chết…" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ là không phù hợp.

Do phần chữ "DERMALOGY" là yếu tố có khả năng phân biệt, nên khi kết hợp với từ tự tạo "NEOGEN" tạo nên một tổng thể "NEOGEN DERMALOGY" có khả năng phân biệt và khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng "NEOGENIC" và "Neogence" về cấu trúc, cách phát âm và ấn tượng thị giác.

- Trên thực tế, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ cho hai nhãn hiệu đối chứng có trước "NEOGENIC" theo ĐKQT số 1131805 và "NEOGENCE" theo GCNĐKNH số 329416 cùng có 06/08 chữ cái trùng lặp được sắp xếp ở cùng vị trí và thứ tự cho các sản phẩm trùng và tương tự thuộc nhóm 03 dưới tên của các chủ sở hữu khác nhau. Việc chấp nhận bảo hộ như vậy cho thấy hai nhãn hiệu đối chứng không tương tự gây ngầm lẫn với nhau và người tiêu dùng có thể phân biệt được hai nhãn hiệu đó bất chấp việc các nhãn hiệu đó cùng có chung phần chữ "NEOGEN".

Nhãn hiệu đăng ký "NEOGEN DERMALOGY" khác với các nhãn hiệu đối chứng "NEOGENIC" và "NEOGENCE" về ấn tượng thị giác, cách phát âm và ấn tượng tổng thể, nên có thể được phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Phần chữ "DERMALOGY" trên nhãn hiệu đăng ký "NEOGEN DERMALOGY" không phải là từ có nghĩa trong tiếng Anh nên phần chữ này không mang tính mô tả. Khi kết hợp với từ tự tạo "NEOGEN" tạo nên một tổng thể "NEOGEN DERMALOGY" gồm 2 từ có 15 ký tự được đọc thành 6 âm là /ni:ə-dʒin-də-mə-lə-dʒi/ khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng "NEOGENIC" và "Neogence" là nhãn hiệu chỉ có một từ gồm 8 ký tự được đọc thành 3 âm tiết

/ni:ə-dʒin-nik/ và /ni:ə-dʒin-sờ/. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng, nên đề nghị của người nộp đơn có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "NEOGEN DERMALOGY" theo đơn số 4-2016-39469 ngày 12/12/2016, không áp dụng quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 86593/QĐ-SHTT ngày 12/11/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-39469 ngày 12/12/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2016-39469 ngày 12/12/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Outin futures Co., Ltd. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150558/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BENQ MATERIALS CORP.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2020-00472 ngày 18/6/2020 của BENQ MATERIALS CORP.; địa chỉ: 29, Jianguo E. Road, Guishan Dist., Taoyuan City 333, Taiwan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-10381 theo Quyết định số 24073/QĐ-SHTT ngày 31/03/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5161/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BENQ MATERIALS CORP. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "derma Angel" theo đơn số 4-2015-10381 ngày 27/04/2015 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, 05 và 10 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "ANGEL" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 583694 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "derma Angel" theo đơn số 4-2015-10381 ngày 27/04/2015 với lý do:

Trên thực tế, tại Việt Nam đã và đang tồn tại nhiều nhãn hiệu chứa từ "Angel" kết hợp với các từ mô tả khác, tương tự như trường hợp của dấu hiệu đăng ký đã được chấp thuận bảo hộ cho các sản phẩm mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc da, tóc, sản phẩm làm đẹp, ... thuộc nhóm 03 của các chủ sở hữu khác nhau, cụ thể: "WATER ANGEL (thiên thần nước)" theo GCNĐKNH số 161946 và "GREEN ANGEL (thiên thần xanh)" theo GCNĐKNH số 168006 của Charter Crown Investment Limited; "SUGAR ANGEL (thiên thần ngọt ngào)" theo GCNĐKNH số 90133 của Kose Corporation, "LOVELY ANGEL (thiên thần đáng yêu)" theo GCNĐKNH số 212341 của Công ty TNHH nước hoa Thiên Thanh, "BABY ANGEL (thiên thần bé bỏng)" theo ĐKQT số 960041 của OVS S.P.A. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký "derma Angel" (thiên thần da)" cũng tương tự như trường hợp các nhãn hiệu chứa yếu tố "Angel" khác được viện dẫn ở trên, nhãn hiệu đăng ký khác biệt cả về cấu trúc (gồm hai từ "derma angel"), phát âm /đề-ma en-giồ/, tạm dịch là "thiên thần da" với nhãn hiệu đối chứng "Angel" theo ĐKQT số 583694 gồm một từ phát âm là /en-giồ/ và có nghĩa là "thiên thần" .

Sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là các sản phẩm mỹ phẩm được sử dụng trực tiếp trên cơ thể con người và ảnh hưởng đến sức khỏe, nên thông thường người mua thường tìm hiểu kỹ về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm họ định mua và sẽ có sự lựa chọn cẩn thận trước khi mua. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng cho các sản phẩm thuộc nhóm 03.

Các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký thuộc các nhóm 05 và 10 khác biệt và không tương tự/liên quan với các sản phẩm thuộc nhóm 03 của nhãn hiệu đối chứng về bản chất, kênh phân phối và đối tượng sử dụng, do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 và 10.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "derma Angel" có phần chữ "Angel" là thành phần phân biệt trùng với nhãn hiệu đối chứng "Angel", các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký cùng loại, tương tự và có liên quan với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp.

- Việc viện dẫn các nhãn hiệu có yếu tố "Angel" kết hợp với yếu tố khác đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho các sản phẩm mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc da, tóc, sản phẩm làm đẹp... thuộc nhóm 03 của các chủ sở hữu khác nhau là không phù hợp. Các yếu tố kết hợp trong các nhãn hiệu được người nộp đơn viện dẫn "WATER", "GREEN", "SUGAR", "LOVELY", "BABY", mặc dù tính phân biệt không cao nhưng khi kết hợp với "Angel" tạo thành những nhãn hiệu có ý nghĩa và có khả năng phân biệt với nhau. Trong khi đó yếu tố kết hợp trong nhãn hiệu đăng ký là từ không có tính phân biệt "derma", thường được dùng để chỉ lớp da hoặc liên quan đến da và còn xuất hiện trong tên các sản phẩm chăm sóc da nên khi kết hợp với "Angel" sẽ làm người tiêu dùng nhầm lẫn và liên tưởng sản phẩm mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp.

Do vậy, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "derma Angel" theo đơn số 4-2015-10381 ngày 27/04/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 24073/QĐ-SHTT ngày 31/03/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-10381 ngày 27/04/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, BENQ MATERIALS CORP. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BENQ MATERIALS CORP. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150559/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Restoration Hardware, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00527 ngày 27/9/2019 của Restoration Hardware, Inc.; địa chỉ: 15 Koch Road, Suite J, Corte Madera, California 94925, USA; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-32020 ngày 16/11/2015 theo Quyết định số 54803/QĐ-SHTT ngày 05/07/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5160/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Restoration Hardware, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RESTORATION HARDWARE" theo đơn số 4-2015-32020 ngày 16/11/2015 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì lý do nhãn hiệu mang tính mô tả các sản phẩm được đăng ký bởi dịch vụ thuộc nhóm 35 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "RESTORATION HARDWARE" theo đơn số 4-2015-32020 ngày 16/11/2015 với lý do:

Do "Restoration Hardware" là các từ tiếng Anh, nên việc xem xét nhãn hiệu "Restoration Hardware" có mang tính mô tả hay không phải căn cứ theo ngôn ngữ tiếng Anh, từ điển Tiếng Anh.

Cụ thể, trong Quyết định số 54803/QĐ-SHTT, Cục Sở hữu trí tuệ đã có nhận định rằng "Ngoài ra, trong tiếng Việt "Restoration Hardware" có nghĩa là "dụng cụ và đồ dùng trong nhà, đồ ngũ kim được phục hồi" là thành phần mô tả cho các sản phẩm được đăng ký bởi dịch vụ thuộc nhóm 35, nên không có khả năng phân biệt". Nhận định này, xuất phát từ việc ghép nghĩa thông thường của hai từ "Restoration" (sự hoàn lại, sự trả lại, sự phục hồi, việc trùng tu, sự phục chế…) và "Hardware" (dụng cụ và đồ dùng trong nhà, đồ ngũ kim) để rồi cho rằng "Restoration Hardware" có nghĩa là "dụng cụ và đồ dùng trong nhà, đồ ngũ kim được phục hồi".

Việc gắn ghép nghĩa như nêu trên, là không chính xác xuất phát từ việc từ "Restoration" có các nghĩa (sự hoàn lại, sự trả lại, sự phục hồi, việc trùng tu, sự phục chế…), cần phải hiểu rằng "Restoration" đề cập đến công việc hay việc hoàn lại, trả lại, phục hồi, trùng tu, phục chế chứ không phải việc hay sự "được hoàn lại, được trả lại, được phục hồi, được trùng tu, được phục chế" được thể hiện rõ trong các ví dụ minh họa được nêu trong từ điển Anh-Việt như: the restoration of health (sự phục hồi sức khỏe); the restoration of peace (sự lập lại hòa bình); the restoration of old customs (việc phục hồi các tập quán cũ); major restoration work will begin in May (công việc đại tu sẽ bắt đầu vào tháng 5).

Trong thực tế, theo ngôn ngữ tiếng Anh, nếu muốn diễn tả "dụng cụ và đồ dùng trong nhà, đồ ngũ kim được phục hồi" người ta dùng các cụm từ như "Restored Hardware" hoặc "Hardware is/was restored" chứ không dùng cụm từ "Restoration Hardware".

Như vậy, không thể coi "RESTORATION HARDWARE" có nghĩa "dụng cụ và đồ dùng trong nhà, đồ ngũ kim được phục hồi". Nhãn hiệu đăng ký "RESTORATION HARDWARE" cần phải được coi là cách kết hợp từ bất bình thường và mới lạ và trên thực tế, cụm danh từ "RESTORATION

HARDWARE" tự tạo này cũng không phải là cách diễn đạt thông thường trong tiếng Anh dùng để mô tả đặc tính, tính chất của các sản phẩm được đăng ký bởi dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký, nên do vậy "RESTORATION HARDWARE" có thể sử dụng như một nhãn hiệu.

Thực tế về việc đăng ký nhãn hiệu cho thấy "RESTORATION HARDWARE" đã được chấp thuận bảo hộ rộng rãi tại các quốc gia nơi tiếng Anh là ngôn ngữ chính thống hoặc là ngôn ngữ thông dụng như Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, 27 quốc gia thuộc cộng đồng chung Châu Âu, Thụy Điển, Hồng Kong, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Singapore ... cần được xem là chứng cứ xác thực trong việc "RESTORATION HARDWARE" không phải là dấu hiệu mang tính mô tả các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 35.

Xét rằng nhãn hiệu đăng ký "RESTORATION HARDWARE" về tổng thể không mô tả dịch vụ đăng ký, nên người nộp đơn xin bảo hộ nhãn hiệu ở dạng tổng thể, không xin bảo hộ riêng "HARDWARE".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "RESTORATION HARDWARE" theo đơn số 4-2015-32020 là cách kết hợp từ không bình thường và sáng tạo. Tên thực tế, cụm danh từ "RESTORATION HARDWARE" (trong đó "Restoration" có các nghĩa "sự hoàn lại, sự trả lại, sự phục hồi, việc trùng tu, sự phục chế…", "Hardware" có các nghĩa "đồ ngũ kim, phần cứng") không phải là cách diễn đạt thông thường trong tiếng Anh dùng để mô tả đặc tính, tính chất của các dịch vụ đăng ký, nên do vậy "RESTORATION HARDWARE" có thể sử dụng như một nhãn hiệu. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không phải là dấu hiệu mô tả trực tiếp các dịch vụ đăng ký , nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "RESTORATION HARDWARE" theo đơn số 4-2015-32020 ngày 16/11/2015, không bảo hộ riêng "HARDWARE", không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 54803/QĐ-SHTT ngày 05/07/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-32020 ngày 16/11/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-32020 ngày 16/11/2015, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "HARDWARE".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Restoration Hardware, Inc. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150560/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Derrick Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2019-00321 ngày 17/7/2019 của Derrick Corporation; địa chỉ: 590 Duke Road, Buffalo, New York 14225, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-02560 ngày 13/02/2014 theo Quyết định số 29210/QĐ-SHTT ngày 18/04/2019;

PTT366

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5159/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Derrick Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DERRICK STACK SIZER, hình" theo đơn đăng ký số 4-2014-02560 ngày 13/02/2014 cho các sản phẩm thuộc nhóm 7 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì nhãn hiệu không được bảo hộ phần chữ "STACK SIZER" do là yếu tố mô tả được trình bày chiếm vị trí chủ đạo trong mẫu nhãn hiệu theo định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "DERRICK STACK SIZER, hình" theo đơn số 4-2014-02560 ngày 13/02/2014 với lý do:

Sản phẩm "máy sàng công nghiệp kiểu rung để tách các nguyên liệu ướt và nguyên liệu khô và các bộ phận của máy" của nhãn hiệu đăng ký là máy móc kỹ thuật, do vậy việc xem xét phần chữ tiếng Anh "STACK SIZER" có mang tính mô tả sản phẩm hay không phải căn cứ theo ngôn ngữ tiếng Anh, từ điển kỹ thuật chuyên ngành, tài liệu kỹ thuật chứ không căn cứ theo gán ghép nghĩa như nêu trong Quyết định từ chối.

Cụ thể theo ngôn ngữ tiếng Anh, các từ điển kỹ thuật chuyên ngành và tài liệu kỹ thuật liên quan đến máy sàng công nghiệp kiểu rung, không có và không tồn tại khái niệm "STACK SIZER" để chỉ "một số lượng lớn máy tuyển quặng" như nêu trong phần nhận định của Quyết định từ chối. Trong thực tế nếu muốn nói một số lượng lớn của một cái gì đó, người Anh hay Mỹ sẽ dùng các cụm từ "a large number of/ a huge number of/ a lot of" đi kèm sau là một danh từ chứ không dùng từ "STACK" để chỉ về một số lượng lớn cái gì đó.

Nhãn hiệu đăng ký "DERRICK STACK SIZER, hình" và các nhãn hiệu "STACK SIZER" và "STACK SIZER, hình" của người nộp đơn đã được chấp nhận bảo hộ rộng rãi tại hơn 30 quốc gia trên thế giới, trong đó có các nước nơi tiếng Anh là tiếng bản địa hoặc là ngôn ngữ thông dụng như: Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Thụy Điển, Tây Ban Nha, Ý ... các nước trong Cộng đồng Châu Âu mà không có yêu cầu "không bảo hộ riêng STACK SIZER", nên cần được xem là chứng cứ xác thực trong việc "STACK SIZER" không phải là dấu hiệu mang tính mô tả sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Phần chữ "STACK SIZER" trong nhãn hiệu đăng ký "DERRICK STACK SIZER, hình" theo đơn đăng ký số 4-2014-02560 ngày 13/02/2014 là cách kết hợp từ không bình thường và sáng tạo. Trên thực tế, cụm từ "STACK SIZER" (trong đó "STACK" có nghĩa là "đống cỏ khô, rơm rạ, cụm, chồng, đống, giá có ngăn để, số lượng lớn..." và "SIZER" có nhiều nghĩa tùy thuộc vào ngữ cảnh, bao gồm nghĩa là "máy tuyển chọn, máy phân loại, máy bào sửa") không phải là cách diễn đạt thông thường trong tiếng Anh dùng để mô tả đặc tính, tính chất của các sản phẩm "Máy sàng công nghiệp kiểu rung để tách các nguyên liệu ướt và nguyên liệu khô và các bộ phận của máy" thuộc nhóm 7, nên "STACK SIZER" có thể sử dụng như một nhãn hiệu. Do đó, phần chữ "STACK SIZER" trong nhãn hiệu đăng ký không phải là dấu hiệu mô tả trực tiếp các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "DERRICK STACK SIZER, hình" theo đơn số 4-2014-02560 ngày 13/02/2014, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 29210/QĐ-SHTT ngày 18/04/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-02560 ngày 13/02/2014.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2014-02560 ngày 13/02/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Derrick Corporation (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150561/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Hùng Vương
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00966 ngày 08/9/2017 của Công ty cổ phần Hùng Vương; địa chỉ: C4-1, khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2007-14500 ngày 27/07/2007 theo Quyết định số 49242/QĐ-SHTT ngày

PTT366

24/07/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5253/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Hùng Vương với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HYDROMEC SONTUNG SINCE 1982 dụng cụ cơ khí cầm tay www.sontung.com.vn, hình" theo đơn số 4-2007-14500 ngày 27/07/2007 cho các sản phẩm thuộc nhóm 08 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SƠN TÙNG" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 63753 đã hết hiệu lực ngày 10/03/2014 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "HYDROMEC SONTUNG SINCE 1982 dụng cụ cơ khí cầm tay www.sontung.com.vn, hình" theo đơn số 4-2007-14500 ngày 27/07/2007 với lý do:

Trước ngày nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "HYDROMEC SONTUNG SINCE 1982 dụng cụ cơ khí cầm tay www.sontung.com.vn, hình", ngày 20/07/2007, người nộp đơn đã nộp yêu cầu ĐN1-2007-00067 đề nghị hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng "SƠN TÙNG" theo GCNĐKNH số 63753 và yêu cầu này vẫn đang được thẩm định.

Nhãn hiệu đối chứng "SƠN TÙNG" theo GCNĐKNH số 63753 đã không được gia hạn nên bị chấm dứt hiệu lực ngày 10/03/2014.

Người nộp đơn đã bổ sung công văn số 85A/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 22/08/2017 của Viện kinh tế tài chính - Bộ tài chính xác nhận về việc nhãn hiệu đối chứng "SƠN TÙNG" theo GCNĐKNH số 63753 đã không được chủ sở hữu sử dụng từ tháng 01/2009 đến hết tháng 08 năm 2017 cho các dịch vụ "Buôn bán hàng dụng cụ cơ khí cầm tay: búa, dũa" tại Việt Nam.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi

là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "HYDROMEC SONTUNG SINCE 1982 dụng cụ cơ khí cầm tay www.sontung.com.vn, hình" theo đơn số 4-2007-14500 là nhãn hiệu kết hợp giữa phần hình và phần chữ, trong đó phần hình của nhãn hiệu đăng ký gồm một hình elip màu xanh dương và trắng được trình bày cách điệu, hai bên hình elip là các hình ngôi sao đặt cạnh nhau, phần chữ của nhãn hiệu đăng ký được trình bày từ trên xuống dưới gồm "www.sontung.com.vn", "HYDROMEC SONTUNG SINCE 1982" và "DỤNG CỤ CƠ KHÍ CẦM TAY", trong đó phần chữ "SONTUNG" gồm các chữ cái viết liền, không dấu đặt trong một tổng thể gồm các phần chữ và phần hình kết hợp tạo ra ấn tượng riêng, trong khi nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 63753 chỉ gồm chữ "SƠN TÙNG" có dấu. Do đó, nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, phát âm, ấn tượng tổng thể nên nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng. Vì vậy, đề nghị của người nộp đơn có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2007-14500, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "T52", không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 49242/QĐ-SHTT ngày 24/07/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2007-14500 ngày 27/07/2007.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2007-14500 ngày 27/07/2007, nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "T52".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Hùng Vương (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150562/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sheraton International IP, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2015-01090 ngày 26/11/2015 của Sheraton International IP, LLC; địa chỉ: One StarPoint, Stamford, Connecticut 06902, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-03767 theo Quyết định số 51336/QĐ-SHTT ngày 24/08/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5252/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sheraton International IP, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "S, hình" theo đơn số 4-2013-03767 cho các dịch vụ thuộc nhóm 39, 41, 44 và 45 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 249681 với giới hạn phạm vi bảo hộ: "Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "S"" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị bảo hộ riêng đối với phần chữ "S" vì lý do sau:

Biểu tượng chữ "S" trong hình vòng lá với cách trình bày độc đáo cần phải được coi là có khả năng phân biệt và là dấu hiệu dành riêng cho công ty người nộp đơn thông qua việc nhãn hiệu đăng ký "S, hình" đã được công ty người nộp đơn sử dụng rộng rãi và lâu dài cho các dịch vụ liên quan ở hơn 70 quốc gia trên thế giới kể từ khi thành lập vào năm 1937 đến nay.

Ở các nước thuộc khu vực Châu Á Thái Bình Dương, nhãn hiệu đăng ký "S, hình" đã được sử dụng liên tục từ năm 1995 cho đến nay, bao gồm các quốc gia như Trung Quốc, Thái Lan, In-đô-nê-xia, Ma-lai-xia và Ấn Độ, đặc biệt ở Việt Nam dưới hệ thống chuỗi khách sạn và nhà hàng Sheraton Nha Trang Hotel & Spa, Sheraton Saigon Hotel & Towers and Sheraton Hanoi Hotel. Chữ "S" do vậy đã trở thành dấu hiệu để phân biệt các dịch vụ liên quan đến khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng, ... của người nộp đơn với các dịch vụ như vậy của các chủ thể khác.

Chính vì được coi là có khả năng phân biệt nên dấu hiệu "S, hình" đã được chấp nhận bảo hộ ở hơn 70 quốc gia đăng ký bao gồm các nước phát triển như Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Úc, Ca-na-đa, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Đan mạch, Hà Lan, I-ta-lia, Liên bang Nga, Nhật Bản, Xing-ga-po, Hàn quốc ... mà không bị yêu cầu không bảo hộ riêng "S". Người nộp đơn nộp đã bổ sung bản chứng thư và danh sách các đăng ký nhãn hiệu.

Từ danh sách hơn 70 quốc gia mà nhãn hiệu đăng ký "S, hình" được chấp nhận bảo hộ, có thể thấy rằng chữ "S" trong hình vòng lá có tính phân biệt và có thể sử dụng làm nhãn hiệu hàng hóa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Chữ "S" trên nhãn hiệu đăng ký được trình bày ở dạng chữ in hoa thông thường và không cách điệu. Người nộp đơn không cung cấp được bằng chứng chứng minh nhãn hiệu đăng ký "S, hình" đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam trước ngày nộp đơn tại Việt Nam. Do đó, phần chữ "S" là phần chữ đơn giản, không có khả năng phân biệt.

- Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận bảo hộ ở một số quốc gia mà không bị yêu cầu không bảo hộ riêng "S" không phải là cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu ở Việt nam.

Do đó, đề nghị bảo hộ riêng phần chữ "S" trên nhãn hiệu đăng ký của người nộp đơn không có có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 249681, không bảo hộ riêng phần chữ "S" là phù hợp, khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 51336/QĐ-SHTT ngày 24/08/2015 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-03767 ngày 01/03/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Sheraton International IP, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ

Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sheraton International IP, LLC (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150563/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2016-00498 ngày 27/5/2016 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng; địa chỉ: Số 25, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng

PTT366

ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-13671 theo Quyết định số 11230/QĐ-SHTT ngày 29/02/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5150/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CANDLE HOTEL, hình" theo đơn đăng ký số 4-2014-13671 ngày 18/06/2014 cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "CANDEO HOTEL, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 201809 cho các dịch vụ thuộc nhóm 43, nhãn hiệu "CANDEO HOTEL, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 201810 cho các dịch vụ thuộc nhóm 43, nhãn hiệu "Candle Hotel" được bảo hộ theo GCNĐKNH 247903 cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "CANDLE HOTEL, hình" theo đơn đăng ký số 4-2014-13671 ngày 18/06/2014 với lý do sau:

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng "CANDEO HOTEL, hình" là đối tác của người nộp đơn trong việc cung cấp dịch vụ khách sạn và sẽ cấp thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng dấu hiệu đăng ký tại Việt Nam. Ngoài ra, phần hình trong dấu hiệu đăng ký cũng có khác biệt với nhãn hiệu đối chứng nên việc sử dụng sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Người nộp đơn sẽ bổ sung tài liệu này ngay khi nhận được từ chủ nhãn hiệu đối chứng.

Người nộp đơn đã tiến hành thủ tục hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH 247903 cho nhãn hiệu đối chứng "Candle Hotel" theo đơn số ĐN1-2016-00147 ngày 18/05/2016 vì lý do chủ sở hữu không có quyền nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "Candle Hotel" vì không có hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú tạm thời tại thời điểm nộp đơn, ngày 17/01/2014 và có động cơ không trung thực khi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "Candle Hotel". Người nộp đơn sẽ bổ sung Quyết định hủy bỏ hiệu lực sau khi thủ tục này hoàn tất.

Người nộp đơn đã nộp công văn ngày 13/04/2021 đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ tạm thời dừng việc xem xét đơn khiếu nại số KN4-2016-0498 để người nộp đơn có thêm thời gian thương lượng với chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng "CANDEO HOTEL, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 201809 và theo GCNĐKNH số 201810.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "CANDLE HOTEL, hình" tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "CANDEO HOTEL, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 201809 và "CANDEO HOTEL, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 201810 cho các dịch vụ cùng loại thuộc nhóm 43 bởi: phần hình của nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với phần hình của các nhãn hiệu đối chứng, đồng thời, phần chữ "CANDEO HOTEL" của nhãn hiệu đăng ký và phần chữ "CANDEO HOTEL" của nhãn hiệu đối chứng chỉ khác nhau 1 chữ cái ("L" và "O"), còn lại giống về số lượng ký tự và chữ cái đầu, có sự tương tự về, thị giác và cách đọc "Can-đồ" và "Can-đeo", dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Do đó, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở. Nhãn hiệu đăng ký "CANDLE HOTEL, hình" gần như trùng phần chữ "CANDLE HOTEL" với nhãn hiệu đối chứng "Candle Hotel" được bảo hộ theo GCNĐKNH 247903. Mặc dù, người nộp đơn đang đề nghị hủy bỏ hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng này và cho đến nay chưa có kết quả giải quyết. Tuy nhiên, việc nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "CANDEO HOTEL, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 201809 và 201810 đã cho thấy nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ nên đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp

GCNĐKNH cho nhãn hiệu "CANDLE HOTEL, hình" theo đơn đăng ký số 4-2014-13671 ngày 18/06/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 11230/QĐ-SHTT ngày 29/02/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13671 ngày 18/06/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150564/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Mazda Motor Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2022-00137 ngày 15/02/2022 của Mazda Motor Corporation; địa chỉ: 3-1, Shinchi, Fuchu-cho, Aki-gun, Hiroshima, Japan.; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-08071 theo Quyết định số 90986/QĐ-SHTT ngày 25/11/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và

báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5143/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Mazda Motor Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "mazda" theo đơn đăng ký số 4-2018-08071 ngày 20/03/2018 cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "MAZDA" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 147181A cho các sản phẩm thuộc nhóm 06, 07, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 28 và 34, "MAZDA 7" được bảo hộ theo ĐKQT số 242474A cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 và 11 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "mazda" theo đơn số 4-2018-08071 ngày 20/03/2018 với các lý do sau:

- Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng theo các ĐKQT số 147181A và 242474A đã thực hiện việc giới hạn các sản phẩm thuộc nhóm 09 lần lượt như sau: "dụng cụ, thiết bị và phụ kiện của các ngành khác nhau của ngành điện (không thuộc các nhóm khác); đèn phát, thu, thăm dò, chỉnh lưu và khuếch đại dòng điện; không bao gồm tất cả các loại thiết bị và hệ thống đèn, thiết bị chiếu sáng (không bao gồm trong các nhóm khác); không có hàng hóa nào đã nói ở trên được sử dụng cùng với hoặc trong ô tô" đối với ĐKQT số 147181A và "thiết bị và dụng cụ điện (kể cả không dây), để đo lường, phát tín hiệu, kiểm tra (giám sát); tất cả các thiết bị điện; không có hàng hóa nào đã nêu ở trên được sử dụng cùng với hoặc trong ô tô" đối với ĐKQT sô 242474A và việc giới hạn sản phẩm này đã được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) ghi nhận vào các ngày 12/05/2021 đối với ĐKQT số 147181A và ngày 01/10/2021 đối với ĐKQT số 242474A, trước ngày 25/11/2021 Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định số 90986/QD-SHTT từ chối cấp GCNHĐKNH "mazda" theo Đơn số 4-2018-08071

- Do (i) các sản phẩm thuộc nhóm 09 của nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các sản phẩm thuộc nhóm 09 sau khi giới hạn của các nhãn hiệu đối chứng theo các ĐKQT số 147181A và 242474A về bản chất, mục đích sử dụng và người tiêu dùng cuối; (ii) nhãn hiệu đăng ký "mazda" được thể hiện cách điệu trong khi các nhãn hiệu đối chứng "MAZDA 7" và "MAZDA" được thể hiện theo phông chữ in hoa thông thường; (iii) chủ các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý với việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu "mazda" của người nộp đơn tại Việt nam; (iv) người nộp đơn và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cũng đã thống nhất các quy định trong việc sử dụng các nhãn hiệu "MAZDA" trong bản Thỏa thuận song song đồng tồn tại nhằm đảm bảo các quyền và lợi ích cũng như để loại trừ tất cả các khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc của các sản phẩm mang các nhãn hiệu cho người tiêu dùng; và (v) nhãn hiệu đăng ký "mazda" của người nộp đơn là nhãn hiệu nổi tiếng trong lĩnh vực sản xuất ô tô, do đó, khả năng gây nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu là không thể xảy ra.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về mặt nhãn hiệu: nhãn hiệu đăng ký "mazda" trùng với nhãn hiệu đối chứng "MAZDA" được bảo hộ theo ĐKQT số 147181A và trùng với thành phần phân biệt chính của nhãn hiệu đối chứng "MAZDA 7" được bảo hộ theo ĐKQT số 242474A.

- Về phạm vi sản phẩm: mặc dù các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký chỉ bao gồm "các hàng hóa dùng cho lĩnh vực ô tô" và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã tự giới hạn các sản phẩm thuộc nhóm 09 là "không có hàng hóa nào đã nêu ở trên được sử dụng cùng với hoặc trong ô tô", tuy nhiên, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký và của các nhãn hiệu đối chứng vẫn có cùng bản chất, tính chất vật lý, công nghệ cũng như chức năng, mục đích và các sản phẩm này vẫn được sản xuất bởi cùng một nhà sản xuất và được phân phối tới người tiêu dùng qua cùng kênh thương mại tương tự, cụ thể là các cửa hàng, chuỗi phân phối thường bán cả hai loại sản phẩm (ví dụ: trung tâm điện máy, nhà phân phối linh kiện điện tử), khiến người tiêu dùng dễ hiểu lầm nguồn gốc các sản phẩm. Do đó, hai tập hợp sản phẩm vẫn có thể bị xem là tương tự, mặc dù được các mô tả là "không dùng cho ô tô" và "dùng cho lĩnh vực ô tô" như đã được giới hạn trong danh mục sản phẩm của các nhãn hiệu đang xem xét.

- Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng do người nộp đơn cung cấp do việc bảo hộ nhãn hiệu đăng ký trùng với các nhãn hiệu đối chứng cho các sản phẩm tương tự có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng là từ một nhà cung cấp.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ

sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "mazda" theo đơn số 4-2018-08071 ngày 20/03/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 90986/QĐ-SHTT ngày 25/11/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-08071 ngày 20/03/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Mazda Motor Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Mazda Motor Corporation (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150565/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Johnson & Johnson Santé Beauté France SAS
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00765 ngày 09/8/2024 của Johnson & Johnson Santé Beauté France SAS; địa chỉ: 1 Rue Camille Desmoulins 92130, Issy Les


PTT366

Moulineaux, France; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-53396 theo Quyết định số 57244/QĐ-SHTT ngày 15/05/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5144/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Johnson & Johnson Santé Beauté France SAS với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "LE PETIT MARSEILLAIS, hình" theo đơn đăng ký số 4-2020-53396 ngày 21/12/2020 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 309328 cho các sản phẩm thuộc nhóm 3 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "LE PETIT MARSEILLAIS, hình" theo đơn đăng ký số 4-2020-53396 ngày 21/12/2020 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký "LE PETIT MARSEILLAIS, hình" không trùng với nhãn hiệu đối chứng "hình" theo GCNĐKNH số 309328. Người nộp đơn và chủ nhãn hiệu đối chứng là các công ty thuộc cùng một tập đoàn JOHNSON & JOHNSON. Như vậy, tập đoàn sẽ quản lý và chi phối các hoạt động kể cả việc giám sát chất lượng sản phẩm được đưa ra bởi các công ty thành viên trong tập đoàn để đảm bảo sự tồn tại của tập đoàn. Và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

Việc đồng ý này đồng nghĩa với việc sẽ không có xung đột hay tranh chấp về quyền lợi hay lợi ích giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn liên quan đến việc đăng ký và sử dụng dấu hiệu đăng ký cũng như việc đăng ký và sử dụng dấu hiệu "LE PETIT MARSEILLAIS, hình" theo đơn số 4-2020-53393 sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc các sản phẩm mang các nhãn hiệu đang xem xét. Việc này được lý giải vì khi và chỉ khi nhận thức được rằng người tiêu dùng không thể nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu do các sản phẩm mang các nhãn hiệu được sản xuất bởi các công ty con cùng thuộc một tập đoàn và do đó quyền lợi hay lợi ích của mình không bị xâm phạm, chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng mới đồng ý cho chủ đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký.

Bên cạnh đó, vì người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cùng thuộc một tập đoàn, nên nhãn hiệu xin đăng ký được dùng để định danh và phân biệt hàng hoá được sản xuất tại Việt Nam bởi tập đoàn bao gồm cả người nộp đơn với chủ nhãn hiệu đối chứng với các sản phẩm tương tự và cùng loại do các nhà sản xuất khác sản xuất/cung cấp, chứ không phải để phân biệt sản phẩm do người nộp đơn sản xuất với các sản phẩm được các công ty thành viên khác (chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng) sản xuất.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "LE PETIT MARSEILLAIS, hình" có phần hình trùng với nhãn hiệu đối chứng và các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký trùng và tương tự với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp. Do vậy, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "LE PETIT MARSEILLAIS, hình" theo đơn số 4-2020-53396 ngày 21/12/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 57244/QĐ-SHTT ngày 15/05/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-53396 ngày 21/12/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Johnson & Johnson Santé Beauté France SAS có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Johnson & Johnson Santé Beauté France SAS (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150566/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của NOBLESS
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00036 ngày 20/01/2025 của NOBLESS; địa chỉ: 116 Rue de Turenne, 75003 PARIS, FRANCE; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm Và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký

PTT366 *nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-36174 theo Quyết định số 123173/QĐ-SHTT.IP ngày 23/10/2024;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5146/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của NOBLESS với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SUPER TIGRE" theo đơn số 4-2019-36174 ngày 18/09/2019 cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "TIGER" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 79979 và nhãn hiệu "TIGER, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 183298 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "SUPER TIGRE" theo đơn số 4-2019-36174 ngày 18/09/2019 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng về thị giác, thính giác, ý nghĩa và ấn tượng tổng thể và do vậy các nhãn hiệu xem xét không thể bị coi là có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Về thị giác: nhãn hiệu đăng ký gồm hai từ "SUPER TIGRE", trong khi đó nhãn hiệu có trước theo GCNĐKNH số 79979 là từ "TIGER" và nhãn hiệu có trước theo GCNĐKNH số 183298 gồm hình con hổ và chữ "TIGER" được trình bày cách điệu.

Về thính giác: các nhãn hiệu có trước "TIGER" là nhãn hiệu ngắn có 1 âm tiết dễ đọc, cụ thể được đọc theo tiếng Việt là "Tai-gơ", trong khi đó nhãn hiệu đăng ký gồm 2 từ "SUPER TIGRE" có cách đọc khác với nhãn hiệu có trước, cụ thể đọc theo tiếng Việt là "Su-pơ Tai-re". Do cách phát âm của hai dấu hiệu khác nhau nên hai nhãn hiệu tạo ra ấn tượng thính giác khác nhau.

Về ý nghĩa: nhãn hiệu có trước "TIGER" là từ có rất nhiều nghĩa như: con hổ; con cọp; người tàn bạo, hung ác; đối thủ đáng gờm trong cuộc chơi. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký "SUPER TIGRE" là cụm từ bao gồm từ "SUPER" là từ tiếng Anh có nghĩa là cao cấp, tuyệt vời, và "TIGRE" là từ không phổ biến trong tiếng Việt và không có nghĩa cụ thể đối với phần lớn người tiêu dùng tại Việt Nam. Sự kết hợp một từ có nghĩa và không có nghĩa đã tạo ra một cụm từ không có nghĩa xác định, điều này đã tạo nên sự khác biệt dễ được nhận thấy bởi người tiêu dùng.

Về ấn tượng tổng thể: sự khác biệt giữa các nhãn hiệu đang xem xét xét dưới các khía cạnh thính giác, thị giác và ý nghĩa có thể tạo ra ấn tượng tổng thể khác nhau. Những khác biệt này dẫn đến khả năng người tiêu dùng hình thành nhận thức riêng biệt về từng nhãn hiệu. Do đó, có thể cho rằng người tiêu dùng, trên cơ sở suy luận hợp lý, có thể phân biệt được giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng.

Các sản phẩm mang các nhãn hiệu đang xem xét đều là các sản phẩm thực phẩm dùng để ăn uống hàng ngày, nên chúng được lựa chọn cẩn thận và xem xét rất kỹ bởi người tiêu dùng, nên một sự khác biệt thậm chí là khác biệt nhỏ cũng đủ để loại trừ sự nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu, do vậy sự khác biệt giữa các nhãn hiệu về ấn tượng thị giác và thính giác đủ để cho người tiêu dùng hoàn toàn có thể phân biệt được.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký bao gồm hai từ "SUPER" và "TIGRE", trong đó, "SUPER" mang tính tán dương, không có khả năng phân biệt, "TIGRE" (tiếng Pháp nghĩa là "con hổ") là thành phần đóng vai trò phân biệt chính trong nhãn hiệu đăng ký và tương tự với nhãn hiệu đối chứng "TIGER" và phần chữ "TIGER" của nhãn hiệu đối chứng "TIGER, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 183298. Sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký và của nhãn hiệu đối chứng đều là các loại bánh, kẹo, cà phê, đồ uống..., do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp. Do đó, nhãn hiệu đăng ký "SUPER TIGRE" cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 tương tự đến mức gây nhầm

lẫn với nhãn hiệu "TIGER" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 79979 và nhãn hiệu "TIGER, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 183298 cho các sản phẩm thuộc nhóm 30. Vì vậy, đề nghị của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "SUPER TIGRE" theo đơn số 4-2019-36174 ngày 18/09/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 123173/QĐ-SHTT.IP ngày 23/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-36174 ngày 18/09/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, NOBLESS có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và NOBLESS (qua Công ty Luật TNHH Phạm Và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150567/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Plan International, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2018-00044 ngày 12/01/2018 của Plan International, Inc.; địa chỉ: PO Box 7670, 155 Plan Way Warwick Rhode Island 02886 (US); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1318167 theo Thông báo số 2016/44 HBN02 ngày 26/09/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5148/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Plan International, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PLAN INTERNATIONAL" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1318167 cho các dịch vụ thuộc nhóm 36 và 41 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì lý do nhãn hiệu đăng ký mang tính mô tả theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "PLAN INTERNATIONAL" theo ĐQT số 1318167 với lý do:

Một dấu hiệu không có khả năng phân biệt khi và chỉ khi dấu hiệu đó chỉ thuần túy mô tả các sản phẩm, dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký, cụ thể điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, đó là các "dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, tính chất... hoặc các đặc tính khác mô tả hàng hóa, dịch vụ". Hay nói cách khác, đó là các dấu hiệu mà người tiêu dùng khi nhìn thấy sẽ ngay lập tức biết được các đặc tính, tính chất, mục đích sử dụng của điểm c khoản 2 Điều 74 như "keep baby dry" mô tả mục đích sử dụng của sản phẩm "bỉm" dùng cho trẻ em, "any car for you" mô tả dịch vụ mua bán xe ô tô.

Nhãn hiệu đăng ký "PLAN INTERNATIONAL" với nghĩa "Kế hoạch quốc tế" được viết theo lối riêng, không đúng với chuẩn mực ngữ pháp của tiếng Anh là "tính từ phải đi trước danh từ".

Hơn nữa, dấu hiệu "PLAN" có khả năng phân biệt. Trong thực tế, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "PLAN, hình" theo GCNĐKNH số 74764 ngày 28/8/2006 cho các dịch vụ tương tự thuộc nhóm 36, 41, 43, 44. Người nộp đơn xin bảo hộ nhãn hiệu ở dạng tổng thể, không bảo hộ riêng chữ "INTERNATIONAL".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "PLAN INTERNATIONAL" theo ĐQT số 1318167 là sự kết hợp của hai từ thông dụng "PLAN" và "INTERNATIONAL". "PLAN" có nghĩa là "kế hoạch" là từ chỉ hoạt động định hướng, tổ chức, trong các lĩnh vực như giáo dục, từ thiện, tài chính, đào tạo… từ "kế hoạch" thường xuyên được dùng để mô tả chương trình, dự án, hoạt động cụ thể và "INTERNATIONAL" có nghĩa là "quốc tế" chỉ ra rằng chương trình, dịch vụ có yếu tố nước ngoài hoặc mang tầm quốc tế. Nhãn hiệu đăng ký với nghĩa là "kế hoạch quốc tế", người tiêu dùng sẽ hiểu đây là một chương trình hay dự án có yếu tố nước ngoài, chứ không nghĩ đây là một nhãn hiệu cụ thể, do đó, không giúp người tiêu dùng phân biệt nguồn gốc thương mại của dịch vụ.

- Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận bảo hộ ở một số quốc gia không phải là cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu ở Việt nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký "PLAN INTERNATIONAL" theo ĐQT số 1318167 vì nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt là phù hợp, khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/44 HBN02 ngày 26/09/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1318167.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Plan International, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Plan International, Inc. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh)

có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150568/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SINGATE INTERNATIONAL PTE. LTD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2018-00485 ngày 19/7/2018 của SINGATE INTERNATIONAL PTE. LTD; địa chỉ: 419 Bedok North street 1, #09- 168, Singapore (460419); đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

PTT366

(GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-06230 ngày 14/03/2016 theo Quyết định số 26882/QĐ-SHTT ngày 23/4/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5190/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SINGATE INTERNATIONAL PTE. LTD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "PETRO-CAP, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 1, 3, 4, 20, 21, 35, 37 theo đơn số 4-2016-06230 ngày 14/03/2016 của SINGATE INTERNATIONAL PTE. LTD bị từ chối cấp GCNĐKNH cho các sản phẩm thuộc nhóm 01, 04, 20, dịch vụ "Cửa hàng bán dầu bôi trơn" thuộc nhóm 35, dịch vụ "dịch vụ nạp nhiên liệu dầu ở các trạm phục vụ xe cộ" thuộc nhóm 37 do không có khả năng phân biệt vì là dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hoá, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "CAP LUBE, hình" theo đơn số 4-2015-36362 ngày 14/3/2016 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "PETRO-CAP, hình" chứa phần chữ "PETRO" là từ mô tả sản phẩm và dịch vụ yêu cầu bảo hộ, tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký được cấu thành bởi nhiều dấu hiệu chữ và hình khác nên nhãn hiệu đăng ký vẫn có khả năng bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "PETRO".

- Nhãn hiệu đăng ký "PETRO-CAP, hình" không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "CAP LUBE, hình" về thị giác, thính giác và ấn tượng tổng thể. Nhãn hiệu đối chứng "CAP LUBE, hình" đã bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 58103/QĐ-SHTT ngày 18/07/2019 do chủ đơn không nộp phí cấp văn bằng bảo hộ nên nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

- Trên thực tiễn thẩm định đã áp dụng nguyên tắc đánh giá tổng thể đối với các nhãn hiệu chứa các dấu hiệu mô tả, cụ thể như: "PETROMAX 79" và "MAX-LUBE", "VIETLUBE" và "VIETPETRO",…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng "CAP LUBE, hình" theo đơn số 4-2015-36362 ngày 14/3/2016 đã bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 58103/QĐ-SHTT ngày 18/07/2019 do chủ đơn không nộp phí cấp văn bằng bảo hộ nên nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký "PETRO-CAP, hình". Do đó, đề nghị cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-36362 ngày 14/3/2016 của người nộp đơn là cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2016-06230 ngày 14/03/2016, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 26882/QĐ-SHTT ngày 23/4/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-06230 ngày 14/03/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2016-06230 ngày 14/03/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SINGATE INTERNATIONAL PTE. LTD (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150569/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Eternal Materials Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2020-00633 ngày 28/7/2020 của Eternal Materials Co., Ltd.; địa chỉ: No. 578, Chien-Kung Road, Kaohsiung, Taiwan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-34660 theo Quyết định số 29117/QĐ-SHTT ngày 29/04/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5125/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Eternal Materials Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ETERCURE" theo đơn đăng ký số 4-2015-34660 ngày 09/12/2015 cho các sản phẩm thuộc nhóm 02 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "INTERCURE" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 820479 cho các sản phẩm thuộc nhóm 02 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "ETERCURE" theo đơn đăng ký số 4-2015-34660 ngày 09/12/2015 với lý do:

Từ "CURE" là một từ có nghĩa trong từ điển, cụ thể nó có nghĩa là "quá trình lưu hóa cao su, nhựa, hoặc các vật liệu khác; sự lưu hóa" và các nghĩa khác theo đó, từ này xét về góc độ nào đó là mang tính mô tả và có liên quan tới quá trình và phương pháp sản xuất các sản phẩm thuộc nhóm 02. Chính vì vậy, trong thực tế đã có một số nhãn hiệu khác chứa từ "CURE" được cấp văn bằng bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 02 của các chủ sở hữu khác nhau, cụ thể nhãn hiệu "CELCURE" theo GCNĐKNH số 1050; "POLYCURE" theo GCNĐKNH số 26748 và "DATCURE" theo GCNĐKNH số 64722.

Do nhãn hiệu đăng ký "ETERCURE" được nhận biết là "ETER CURE" và nhãn hiệu đối chứng "INTERCURE" được nhận biết là "INTER CURE", như đã trình bày ở trên "CURE" không phải là yếu tố có khả năng phân biệt, "ETER" trong nhãn hiệu đăng ký gồm 4 chữ cái "E-T-E-R" được phát âm là /e-tơ/ và là từ không có nghĩa khác biệt với "INTER" trong nhãn hiệu đối chứng mà gồm 5 chữ cái "I-N-T-E-R" được phát âm là /in-tơ/ và có nghĩa là "giữa, trong số, lẫn nhau", do vậy nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu có trước.

Người nộp đơn là chủ sở một loạt các nhãn hiệu được hình thành theo công thức kết hợp từ "ETER-" với các từ khác đã được cấp GCNĐKNH, cụ thể là "Eternal" theo GCNĐKNH số 142177, "ETERTEC" theo GCNĐKNH số 142176, "ETERMER" theo GCNĐKNH số 314254, "ETERSOL" theo GCNĐKNH số 105838, "ETERANE" theo GCNĐKNH số 108098, "ETERAC" theo GCNĐKNH số 105836, "ETERWAT" theo GCNĐKNH số 108099 và "ETERSET" theo GCNĐKNH số 108060. Các nhãn hiệu nêu trên đã được sử

dụng lâu dài và liên tục tại Việt Nam, do đó, việc xuất hiện thêm nhãn hiệu đăng ký "ETERCURE" của người nộp đơn sẽ giúp cho người tiêu dùng dễ dàng phân biệt nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu của các nhà sản xuất khác.

Do nhãn hiệu đăng ký "ETECURE" có thể phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "INTERCURE" về cấu trúc, phát âm và ý nghĩa nên chủ nhãn hiệu đối chứng tin tưởng rằng hai nhãn hiệu không tương tự gây nhầm lẫn với nhau, và do vậy, việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký bởi người nộp đơn sẽ không ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của mình cũng như của người tiêu dùng, nên chủ nhãn hiệu đối chứng đã cấp cho người nộp đơn Thư đồng ý với việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 2 tại Việt Nam.

Cần phải coi bằng chứng về việc song song tồn tại của nhãn hiệu đăng ký "ETERCURE" và nhãn hiệu đối chứng "INTERCURE" tại hàng loạt các quốc gia khác như Singapore, Mỹ, Trung Quốc, Cộng đồng chung Châu Âu bao gồm cả Hà Lan, nước xuất xứ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là minh chứng cho khả năng phân biệt và không tương tự gây nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng. Việc song song cùng tồn tại của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tại các quốc gia nêu trên chính là nguồn tài liệu tham khảo tin cậy trong việc đánh giá khả năng phân biệt của các nhãn hiệu và không có lý do thuyết phục nào cho việc đi ngược lại với các kết luận đã được đưa ra cho cùng một sự việc bởi nhiều Cơ quan đăng ký nhãn hiệu khác nhau trên thế giới.

Nhãn hiệu đăng ký "ETERCURE" của người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đăng ký cho các sản phẩm "Nhựa acrylic, dạng thô; chất dính dùng cho mục đích công nghiệp; hóa chất cảm quang sử dụng trong sản xuất các loại nhựa UV" thuộc nhóm 1 mà các sản phẩm này chính là các nguyên liệu chính để sản xuất các sản phẩm "Sơn phủ; mực in; véc ni; sơn" thuộc nhóm 2 của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc

tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "ETERCURE" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "INTERCURE" theo ĐKQT số 820479 do "ETERCURE" gồm 8 ký tự được đọc là /i:-tơ-kiu/ hoặc /ê-tơ-kiu/ tương tự với INTERCURE gồm 9 ký tự được đọc là /in-tơ-kiu/. Cả hai nhãn hiệu đều có phần "CURE" phát âm "tơ-kiu" tương đồng nên người tiêu dùng dễ bị nhầm lẫn. Khác biệt duy nhất nằm ở tiền tố "ETER" và "INTER" không đủ để tạo sự khác biệt rõ ràng về thị giác, ngữ âm và ấn tượng tổng thể, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký trùng và tương tự với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp.

Do vậy, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "ETERCURE" theo đơn đăng ký số 4-2015-34660 ngày 09/12/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 29117/QĐ-SHTT ngày 29/04/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-34660 ngày 09/12/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Eternal Materials Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Eternal Materials Co., Ltd. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150570/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Geneva Laboratories Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2021-00164 ngày 22/02/2021 của Geneva Laboratories Limited; địa chỉ: Palm Grove House, Box 438, Road Town Tortola, British Virgin Islands; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-36027 theo Quyết định số 105411/QĐ-SHTT ngày 15/12/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5124/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Geneva Laboratories Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BIO-OIL" theo đơn số 4-2016-36027 ngày 14/11/2016 cho các sản phẩm thuộc nhóm 3 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "BIO-OIL" theo đơn số 4-2016-36027 ngày 14/11/2016 với lý do:

- Từ "BIO" không hiển nhiên được hiểu là viết tắt của "Biology". Theo trang abbreviations.com, "BIO" là viết tắt của nhiều cụm từ khác nhau và "Biology" thường được viết tắt là "bio" (chữ thường), không phải "BIO" (chữ hoa) như trong nhãn hiệu đăng ký.

Dù giả định "BIO" là viết tắt của "Biology", thì cụm từ "BIO-OIL" không mô tả cụ thể thành phần hay đặc tính của các sản phẩm "xà phòng; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm". Theo định nghĩa từ Wikipedia, "Biology" là ngành khoa học nghiên cứu sinh vật, không có nội hàm mô tả dầu dưỡng da hoặc mỹ phẩm. Người nộp đơn lập luận rằng cụm "BIO-OIL" cần được đánh giá tổng thể, không thể tách riêng "BIO" và "OIL", và trong ngữ cảnh đang xem xét, cụm này không mang tính mô tả.

Thực tế cho thấy nhãn hiệu "Coca-Cola" đã được cấp GCNĐKNH cho sản phẩm "đồ uống không cồn" mặc dù được cấu thành từ các từ có yếu tố mô tả, nhằm minh họa cách tiếp cận tương tự. Ngoài ra, cụm "BIO-OIL" còn được biết đến trong lĩnh vực công nghiệp là một loại nhiên liệu sinh học, không liên quan đến mỹ phẩm, càng cho thấy nhãn hiệu không mô tả các sản phẩm trong lĩnh vực đăng ký.

- Nhãn hiệu đăng ký "BIO-OIL" đã được người nộp đơn sử dụng như một nhãn hiệu chủ đạo và đã được chấp thuận bảo hộ tại hơn 90 quốc gia, bao gồm cả các quốc gia nói tiếng Anh - nơi việc đánh giá tính mô tả được xem xét chặt chẽ. Đây là bằng chứng thực tiễn cho thấy nhãn hiệu có khả năng phân biệt và không bị coi là mô tả trong lĩnh vực sản phẩm đăng ký.

Tại Việt Nam, nhãn hiệu "BIO-OIL, hình" đã được cấp GCNĐKNH theo số 116549 ngày 19/12/2008 với phạm vi bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "BIO", "OIL" và hình giọt nước cho thấy phần chữ "BIO-OIL" đã được công nhận có khả năng phân biệt.

- Người nộp đơn đã cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng rộng rãi

và liên tục của nhãn hiệu tại hơn 135 quốc gia. Doanh số bán toàn cầu từ năm 2000 đến tháng 5/2019 đạt hàng trăm triệu USD; tại Việt Nam, từ năm 2016 đến tháng 5/2019 đạt hơn 12 triệu USD. Sản phẩm đã được phân phối rộng khắp thông qua hệ thống bán lẻ, nhà phân phối chính thức, được quảng bá mạnh và hiện đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng. Nhãn hiệu đã giành được vị trí nhất định trên thị trường và hoàn thành chức năng của một nhãn hiệu.

Với các tài liệu và bằng chứng đã nộp, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt, không vi phạm điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Mặc dù "BIO" có thể là viết tắt của nhiều cụm từ trong tiếng Anh, trong thực tiễn thương mại, đặc biệt trong lĩnh vực mỹ phẩm, chăm sóc cơ thể, "BIO" là yếu tố phổ biến thường được sử dụng để chỉ sản phẩm có thành phần hữu cơ, sinh học hoặc nguồn gốc tự nhiên. Vì vậy, trong cảm nhận thông thường của người tiêu dùng, "BIO" dễ gợi liên tưởng đến đặc tính, thành phần của sản phẩm. Việc viết hoa "BIO" không làm thay đổi bản chất mô tả của từ này trong ngữ cảnh hàng hóa đăng ký.

- Nhãn hiệu đăng ký "BIO-OIL" được cấu tạo từ hai từ có ý nghĩa mô tả: "BIO" (hữu cơ/sinh học) và "OIL" (dầu), là cách diễn đạt thông dụng trong ngành mỹ phẩm để mô tả loại sản phẩm dầu có nguồn gốc sinh học hoặc chiết xuất tự nhiên. Dù có gạch nối, cụm từ vẫn giữ nguyên tính mô tả. Do đó, "BIO-OIL" không tạo được ấn tượng phân biệt mà chỉ được hiểu là mô tả loại dầu có thành phần sinh học hoặc tự nhiên.

- Các số liệu sử dụng và doanh thu tại Việt Nam mà người nộp đơn

cung cấp chưa đủ để chứng minh rằng "BIO-OIL" đã được người tiêu dùng tại Việt Nam nhận biết là chỉ dẫn nguồn gốc thương mại của sản phẩm.

- Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận bảo hộ ở một số quốc gia không phải là cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu ở Việt nam

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "BIO-OIL" theo đơn số 4-2016-36027 ngày 14/11/2016 vì nhãn hiệu không có khả năng phân biệt là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 105411/QĐ-SHTT ngày 15/12/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-36027 ngày 14/11/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Geneva Laboratories Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Geneva Laboratories Limited (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150571/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HONDA MOTOR CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2022-00336 ngày 25/3/2022 của HONDA MOTOR CO., LTD.; địa chỉ: 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-24062 ngày 01/07/2019 theo Quyết định số 8157/QĐ-SHTT ngày 28/01/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5241/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HONDA MOTOR CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Honda eSAF" theo đơn số 4-2019-24062 ngày 01/07/2019 cho các sản phẩm thuộc nhóm 12 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SAF" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 233541 cho các sản phẩm thuộc nhóm 12 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "Honda eSAF" theo đơn số 4-2019-24062 ngày 1/07/2019 với lý do:

Sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký sau khi giới hạn đã khác biệt với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng về bản chất, mục đích sử dụng và kênh phân phối, do đó, khả năng gây nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu là không thể xảy ra. Cụ thể là các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là "xe máy, các bộ phận và phụ tùng của xe máy", trong khi đó các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng là "bộ phận của ô tô, máy bay, kinh khí cầu, khí cầu, tàu bay, tàu, thuyền, phụ tùng và bộ phận thay thế của chúng".

Về lý thuyết cũng như trên thực tế, bất kỳ người tiêu dùng với hiểu biết thông thường cũng có thể nhận biết xe máy là một loại phương tiện để di chuyển và nó hoàn toàn khác biệt với ô tô, máy bay, tàu và thuyền, và không có bộ phận, phụ kiện nào của chúng có thể hoán đổi cho nhau. Các sản phẩm này có mục đích sử dụng khác nhau và được bán theo các kênh thương mại khác nhau. Thực tế, các cửa hàng bán xe máy sẽ không bao giờ bán ô tô, tàu, thuyền, máy bay và ngược lại. Hơn nữa, do xe máy, ô tô, máy bay, tàu, thuyền và phụ tùng và bộ phận thay thế của chúng thường có trị giá cao hoặc rất cao nên người tiêu dùng chỉ lựa chọn và đưa ra quyết định mua sản phẩm với sự cẩn trọng sau khi họ đã nắm được đầy đủ thông tin về các đặc tính của sản phẩm cũng như về nhà sản xuất.

Ngoài ra, do (i) nhãn hiệu đăng ký được tạo thành từ sự kết hợp giữa nhãn hiệu chủ đạo "Honda" và từ "eSAF", và (ii) người nộp đơn là nhà sản xuất danh tiếng về xe máy trên thế giới và Việt Nam, do vậy, không người tiêu dùng nào có thể nhầm lẫn giữa dấu hiệu đăng ký "Honda eSAF" và nhãn hiệu đối chứng "SAF".

Thực tế, người nộp đơn đã sử dụng nhãn hiệu "Honda eSAF" cho nhiều loại xe máy tại thị trường Indonesia và Việt Nam từ năm 2019, và "eSAF" là tên gọi tắt của cụm từ "Enhanced Smart Architecture Frame" có nghĩa "khung Dập hàn laser thế hệ mới". Thông qua việc quảng bá, giới thiệu cũng như sử dụng các mẫu xe máy sử dụng loại khung dập hàn mới này, người tiêu dùng đã nhận biết được rằng dấu hiệu "Honda eSAF" thuộc về người nộp đơn mà không phải

bất kỳ một nhà sản xuất nào khác.

Nhãn hiệu "eSAF" (không bao gồm HONDA) của người nộp đơn đã được chấp nhận bảo hộ và cùng song song tồn tại với nhãn hiệu đối chứng "SAF" tại 27 quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu. Điều đó có nghĩa rằng đã không có yêu cầu phản đối nào được nộp bởi chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "SAF" cũng như người tiêu dùng liên quan có thể phân biệt được các sản phẩm của nhãn hiệu "eSAF" với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng "SAF". Do vậy, nhãn hiệu đăng ký "Honda eSAF" cũng có thể cùng tồn tại với nhãn hiệu đối chứng "SAF" tại Việt Nam mà không gây ra bất kỳ sự nhầm lẫn nào cho người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Phần chữ "eSAF" trong nhãn hiệu đăng ký "Honda eSAF" với sự hiện diện của tiền tố "e" tạo ra sự khác biệt rõ rệt về thị giác và phát âm với nhãn hiệu đối chứng "SAF". Trong lĩnh vực kỹ thuật, tiền tố "e" thường được hiểu là viết tắt của "electronic", "enhanced" hoặc "engineering", tạo nên ý nghĩa riêng biệt cho "eSAF". "eSAF" là một thuật ngữ kỹ thuật đặc thù, dùng trong lĩnh vực sản xuất xe máy, viết tắt của "enhanced Smart Architecture Frame" - một loại khung xe công nghệ cao do người nộp đơn phát triển, trong khi nhãn hiệu đối chứng "SAF" không mang nghĩa cụ thể và nếu được sử dụng riêng rẽ, không đủ để gây liên tưởng đến công nghệ cụ thể nào. Phần chữ "eSAF" kết hợp với phần chữ "Honda" - là một thương hiệu nổi tiếng, được người tiêu dùng biết đến rộng rãi, nên nhãn hiệu đăng ký "Honda eSAF" có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "SAF". Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "Honda eSAF" theo đơn số 4-2019-24062 ngày 01/07/2019, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 8157/QĐ-SHTT ngày 28/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-24062 ngày 01/07/2019.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-24062 ngày 01/07/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HONDA MOTOR CO., LTD. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150572/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Panasonic Holdings Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00577 ngày 21/6/2024 của Panasonic Holdings Corporation; địa chỉ: 1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501 Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-

PTT366

2018-40381 theo Quyết định số 32819/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 25/03/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5369/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Panasonic Holdings Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "INVERTER, hình" theo đơn số 4-2018-40381 ngày 16/11/2018 cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì không có khả năng phân biệt theo điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "INVERTER, hình" theo đơn số 4-2018-40381 ngày 16/11/2018 với lý do:

Tổng thể nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt. Người nộp đơn yêu cầu bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký, không bảo hộ riêng phần chữ "INVERTER", cụ thể:

Nhãn hiệu đăng ký không chỉ bao gồm phần chữ "INVERTER" mà là một dấu hiệu kết hợp gồm phần chữ "INVERTER" và phần hình. Chúng tôi đồng ý rằng ý nghĩa của "INVERTER" không được bảo hộ độc quyền vì mang tính mô tả và được nhiều hãng sản xuất khác sử dụng cho sản phẩm tương tự. Tuy nhiên, cách thể hiện của nhãn hiệu đăng ký bao gồm cách thể hiện chữ "INVERTER" ở dạng phông chữ cách điệu hơi nghiêng sang phải, đậm nét, kết hợp với phần hình độc đáo khác biệt là hình lưỡi liềm màu đen đậm trên đó có chấm tròn đen thẳng chữ cái "I" lên, toàn bộ phần hình ôm lấy ba phần tư chữ "INVERTER" (như mẫu nhãn hiệu). Cách thiết kế của nhãn hiệu đăng ký tạo cho nhãn hiệu đăng ký một ấn tượng thanh lịch, sang trọng, độc đáo và dễ nhận biết. Nhãn hiệu đăng ký chính là sự sáng tạo của người nộp đơn và phong cách thể hiện nhãn hiệu đăng ký cần được bảo hộ.

Thêm vào đó, người nộp đơn nhấn mạnh do phần hình trong nhãn hiệu đăng ký không bị xem là hình và hình học đơn giản nên Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp GCNĐKNH số 197826 ngày 20/12/2012 cho người nộp đơn cho nhãn hiệu "ECO DRIVE INVERTER, hình" có phần hình trùng với nhãn hiệu đăng ký, cho cùng sản phẩm máy giặt thuộc nhóm 07 với nội dung nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "DRIVE", "INVERTER". Theo Quyết định số 174/QD-SHTT ngày 25/01/2018, Bộ Khoa học công nghệ đã quyết định Cục Sở hữu trí tuệ nên xem xét lại việc nên bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "INVERTER, hình" cho các sản phẩm "Máy giặt dùng cho gia đình, các bộ phận và các linh kiện của máy" nhóm 07 cho người nộp đơn.

Ngoài ra, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã cấp nhiều GCNĐKNH cho các nhãn hiệu có phần hình tương tự như nhãn hiệu đăng ký, cụ thể: nhãn hiệu "TM TƯỜNG MINH, hình" theo GCNĐKNH số 28646, nhãn hiệu "555, hình" theo GCNĐKNH số 31612, nhãn hiệu "ECOSAVE TURBODRUM, hình" theo

GCNĐKNH số 45021, nhãn hiệu "M, hình" theo GCNĐKNH số 80730, nhãn hiệu "H.T., hình" theo GCNĐKNH số 106043, nhãn hiệu "AH, hình" theo GCNĐKNH số 208124. Do vậy, nhãn hiệu đăng ký có thể được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng chữ "INVERTER". Việc bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký bao gồm bảo hộ phong cách thiết kế, bố cục, cấu trúc và cách kết hợp tinh tế phần chữ với phần hình của nhãn hiệu đăng ký, song vẫn bảo đảm không ngăn cản các nhà sản xuất chân chính khác sử dụng chữ "INVERTER" với cách thức thể hiện khác biệt với nhãn hiệu đăng ký trên sản phẩm tương tự của họ.

Nhãn hiệu đăng ký "INVERTER, hình" có thể thực hiện chức năng nhãn hiệu. Cụ thể là nhãn hiệu đăng ký đã được người nộp đơn sử dụng liên tục và rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới bao gồm cả Việt Nam và đã đạt được khả năng phân biệt thông qua việc sử dụng.

Sử dụng nhãn hiệu trên phạm vi toàn thế giới, người nộp đơn là nhà sản xuất điện tử lớn nhất Nhật Bản. Ngoài các thiết bị điện tử dân dụng, điện tử doanh nghiệp, và điện tử công nghiệp, người nộp đơn cung cấp các sản phẩm điện và dịch vụ như dịch vụ cải tạo nhà. Người nộp đơn được xếp hạng 89 công ty lớn nhất trên thế giới trong năm 2009 bởi tạp chí Forbes Global 2000 và là một trong 20 nhà cung cấp chất bán dẫn lớn nhất thế giới. Các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký đã được bán rộng rãi trên toàn thế giới từ năm 1996.

Sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam, người nộp đơn hiện diện tại Việt Nam từ những năm 1950, sau đó đặt dấu mốc chính thức có mặt tại Việt Nam vào năm 1971 với nhà máy sản xuất đầu tiên nhằm mục tiêu đóng góp cho xã hội Việt Nam thông qua các hoạt động từ nghiên cứu và phát triển, sản xuất, phân phối và bán hàng cũng như các hoạt động trách nhiệm xã hội Tập đoàn.

Năm 2005, tại Việt Nam người nộp đơn đã thành lập công ty 100% vốn nước ngoài đầu tiên giữ vai trò công ty chủ quản tại Việt Nam. Theo thời gian, người nộp đơn đã nhanh chóng mở rộng hoạt động kinh doanh khắp các tỉnh thành của Việt Nam. Tập đoàn có tổng số nhân lực khoảng 7,000 người. Tại Việt Nam, công ty con của người nộp đơn là một trong những doanh nghiệp đặc biệt chú trọng tới các hoạt động xã hội giáo dục và môi trường.

Từ giữa năm 1998, người tiêu dùng Việt Nam đã biết đến sản phẩm máy điều hòa không khí mang nhãn hiệu đăng ký của người nộp đơn, năm 2006-2007, sản phẩm "tủ lạnh và lò vi sóng" mang nhãn hiệu đăng ký đã có mặt trên thị trường Việt Nam. Số lượng sản phẩm "máy điều hòa không khí, lò vi sóng, tủ lạnh" đã được nhập khẩu, bán tại Việt Nam và doanh số bán các sản phẩm đó qua các năm ngày một tăng mạnh, đặc biệt là sản phẩm "máy điều hòa và tủ lạnh", cụ thể trong các năm gần đây là: sản phẩm điều hòa: năm 2018, doanh thu bán hàng đạt 132.583.689 Đô la Mỹ, năm 2019, doanh thu bán hàng đạt 204.634.432 Đô la Mỹ, năm 2020, doanh thu bán hàng đạt 213.755.056 Đô la Mỹ. Sản phẩm tủ lạnh: năm 2017, đạt 495,634 chiếc, năm 2018, đạt 420,839 chiếc, năm 2019, đạt 363,659 chiếc. Riêng chi phí quảng cho sản phẩm "máy điều hòa" mang nhãn hiệu đăng ký là khoảng 2% doanh thu bán hàng, cụ thể là:

năm 2018 là 2.651.673 Đô la Mỹ, năm 2019 là 4.092.688 Đô la Mỹ, năm 2020 là 4.275.101 Đô la Mỹ.

Với gần 500 đại lý chính thức và nhà phân phối trực tiếp các sản phẩm "máy điều hòa không khí, lò vi sóng, tủ lạnh" tại Việt Nam bao gồm các trung tâm điện máy lớn như MEDIA MART, Thế Giới di động, AEON, Nguyễn Kim, Vinpro Mart, PICO, Điện máy xanh… các sản phẩm của người nộp đơn luôn được đánh giá là dòng sản phẩm dẫn đầu về doanh số bán hàng. Với sản phẩm máy điều hòa, sản phẩm của người nộp đơn ước tính chiếm khoảng 25%-30% thị phần máy điều hòa tại Việt Nam.

Với việc quảng cáo và giới thiệu sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký rộng rãi, đã giúp cho người tiêu dùng coi sự xuất hiện của nhãn hiệu "INVERTER, hình" trên các sản phẩm là dấu hiệu nhận biết nguồn gốc của các sản phẩm của người nộp đơn. Bằng việc sử dụng và quảng bá rộng rãi trong một thời gian dài cho thấy nhãn hiệu đăng ký của người nộp đơn đã thực sự giành được uy tín, vị trí của mình trên thế giới và đặc biệt tại Việt Nam. Việc giành được uy tín, vị trí của mình trên thị trường cũng chính là sự khẳng định rằng người tiêu dùng hoàn toàn có thể phân biệt được các sản phẩm của người nộp đơn với các sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất khác. Hay nói cách khác nhãn hiệu đăng ký đã hoàn thành chức năng của nhãn hiệu.

Do không bị coi là mô tả nên nhãn hiệu đăng ký "INVERTER, hình" đã được đăng ký tại hơn 50 quốc gia trên thế giới bao gồm cả các nước sử dụng Tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ hoặc sử dụng phổ biến và các nước phát triển như Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italy, Canada, Úc, New Zealand…

Với các bằng chứng nêu trên cho thấy nhãn hiệu đăng ký đã được người nộp đơn sử dụng lâu dài và rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới trong đó bao gồm cả Việt Nam và đã được công nhận rộng rãi như một nhãn hiệu, do vậy nhãn hiệu đăng ký "INVERTER, hình" cần phải coi là đáp ứng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu công nghiệp.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Phần chữ "INVERTER" trong nhãn hiệu đăng ký "INVERTER, hình" là từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "biến tần". Công nghệ này mang lợi ích như tiết kiệm điện năng, nhiệt độ ổn định ... đã được nhiều hãng sản xuất đưa vào sử dụng trong các sản phẩm tương tự. Vì vậy, phần chữ này mang tính mô tả đến tính năng, phương thức hoạt động của sản phẩm, nên nhãn hiệu là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Trong trường hợp, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký không có tính năng, phương thức hoạt động của "INVERTER" (biến tần) nhưng lại mang nhãn hiệu này thì sẽ làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về tính năng, công dụng hoặc các đặc tính khác của sản phẩm.

- Phần hình của nhãn hiệu là hình lưỡi liềm phía trên phần chữ "INVERTER" là hình đơn giản ít có khả năng phân biệt. Do dấu hiệu đăng ký bao gồm phần chữ "INVERTER" chiếm vị trí chủ đạo nhưng không có khả năng phân biệt và phần "hình" ít có khả năng phân biệt với cách thể hiện như trong nhãn hiệu đăng ký chưa được coi là cách thức kết hợp độc đáo tạo ra một ấn tượng riêng biệt, nên tổng thể nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt.

- Các bằng chứng sử dụng của nhãn hiệu đăng ký mà người nộp đơn cung cấp luôn xuất hiện cùng với nhãn hiệu "Panasonic", do đó không thể coi nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng rộng rãi như một nhãn hiệu. Vì vậy đề nghị bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "INVERTER" của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "INVERTER, hình" theo đơn số 4-2018-40381 ngày 16/11/2018 vì nhãn hiệu không có khả năng phân biệt là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 32819/QĐ-SHTT.IP ngày 25/03/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-40381 ngày 16/11/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Panasonic Holdings Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Panasonic Holdings Corporation (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150573/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Costa Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2022-01056 ngày 29/8/2022 của Costa Limited; địa chỉ: Whitbread Court, Houghton Hall Business Park, Porz Avenue, Dunstable, Bedfordshire, LU5 5XE, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-31852 theo Quyết định số 44605/QĐ-SHTT ngày 30/05/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5141/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Costa Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "COSTA" theo đơn số 4-2018-31852 ngày 17/09/2018 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 và 32 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "COSTA, hình" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1146048 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "COSTA" theo đơn số 4-2018-31852 ngày 17/09/2018 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký khác với nhãn hiệu đối chứng về thị giác, thính giác và ấn tượng tổng thể. Nhãn hiệu đăng ký đơn thuần là nhãn hiệu chữ gồm từ "COSTA", trong khi đó nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu hình chữ kết hợp bao gồm phần hình tứ giác màu đen được bo tròn bốn góc, bên trong có chữ "COSTA" màu trắng được đặt trên đường lượn sóng màu trắng.

Chính vì tồn tại sự khác biệt giữa hai nhãn hiệu đang xem xét nên chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn đã đi đến một thỏa thuận song song cùng tồn tại không chỉ tại thị trường Việt Nam mà còn tại rất nhiều các quốc gia khác trên toàn thế giới như Cộng hòa Séc, Đức, Ai Cập, Ireland, Iceland, Singapore, Sirya, Thụy Điển, Thổ Nhĩ Kỳ, Cộng Hòa Liên Bang Nga, Ma-rốc, Mê-hi-cô, Nauy, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, …. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cũng đã đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký "COSTA" tại thị trường Việt Nam.

Người nộp đơn đã cam kết thực hiện những biện pháp cần thiết nhằm tránh tuyệt đối việc gây ra sự nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu cho người tiêu dùng Việt nam. Cụ thể, trên tất cả bao gói mang nhãn hiệu đăng ký sẽ cùng xuất hiện với tên người nộp đơn, công ty "Costa Limited" và do vậy người tiêu dùng sẽ không nhầm lẫn về nguồn gốc của các sản phẩm mang các nhãn hiệu.

Người nộp đơn đã và đang sở hữu các nhãn hiệu "COSTA" theo GCNĐKNH số 287083, "COSTA COFFEE SINCE 1971, hình" theo GCNĐKNH số 274318, "COSTA" theo GCNĐKNH số 125576 cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự thuộc các nhóm 30 và 43 tại Việt Nam. Điều này chứng tỏ việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2018-33196 bởi người nộp đơn không xâm phạm đến quyền và lợi ích của chủ nhãn hiệu đối chứng, do đó, việc lầm tưởng rằng nhãn hiệu đăng ký là biến thể của nhãn hiệu đối chứng hoặc hai nhãn hiệu đó có cùng một nguồn gốc là không thể xảy ra.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký trùng với phần chữ "COSTA" là thành phần tạo khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối chứng "COSTA, hình", đồng thời, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là các loại đồ uống có nguồn gốc từ sữa, ngũ cốc, trái cây hoặc là đồ uống không cồn, do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, nên đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "COSTA" theo đơn số 4-2018-31852 ngày 17/9/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 44605/QĐ-SHTT ngày 30/05/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-31852 ngày 17/09/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Costa Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Costa Limited (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách

nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150574/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Johnson & Johnson
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00644 ngày 25/10/2019 của Johnson & Johnson; địa chỉ: One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, 08933 U.S.A.; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-09887 theo Quyết định số 85651/QĐ-SHTT ngày 30/09/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và

báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5137/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Johnson & Johnson với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SYNSIRNA" theo đơn đăng ký số 4-2015-09887 ngày 23/04/2015 cho các sản phẩm nhóm 05 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SYNTINA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 78495 cho các sản phẩm thuộc nhóm 5 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "SYNSIRNA" theo đơn đăng ký số 4-2015-09887 ngày 23/04/2015 với lý do:

Nhãn hiệu đối chứng "SYNTINA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 78495 và nhãn hiệu có trước "SYNFENA" theo GCNĐKNH số 128432 cùng có chung phần đầu "SYN" và cuối "NA" và khác biệt phần giữa (TI><FE) cùng được đăng ký cho các sản phẩm "dược phẩm" bởi các chủ sở hữu khác nhau, điều này có nghĩa là "SYNTINA" và "SYNFENA" không bị coi là tương tự gây nhầm lẫn.

Nhãn hiệu đăng ký "SYNSIRNA" và nhãn hiệu đối chứng "SYNTINA" cũng cùng có chung phần đầu "SYN" và cuối "NA" và khác biệt ở phần giữa (SIR><TI) về cấu trúc, cách phát âm và ấn tượng thị giác nên nhãn hiệu đăng ký "SYNSIRNA" và nhãn hiệu đối chứng "SYNTINA" không thể coi là tương tự nhau. Nhãn hiệu đăng ký do vậy có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "SYNSIRNA" tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "SYNTINA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 78495 do đều có 3 yếu tố trùng nhau: tiền tố "SYN", hậu tố "NA" và độ dài tương đương. Khác biệt duy nhất nằm ở âm tiết giữa ("SIR" và "TI"), không đủ để tạo sự khác biệt rõ ràng về thị giác, ngữ âm và ấn tượng tổng thể. Đồng thời, các sản phẩm

của nhãn hiệu đăng ký cùng loại và tương tự với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp.

Do vậy, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "SYNSIRNA" theo đơn đăng ký số 4-2015-09887 ngày 23/04/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 85651/QĐ-SHTT ngày 30/09/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-09887 ngày 23/04/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Johnson & Johnson có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Johnson & Johnson (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150575/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SUNTORY HOLDINGS LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2021-00836 ngày 08/9/2021 của SUNTORY HOLDINGS LIMITED; địa chỉ: 1-40, Dojimahama 2-Chome, Kita-Ku, Osaka-shi, Osaka 530-8203, Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-38690 theo Quyết định số 47350/QĐ-SHTT ngày 11/06/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5135/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SUNTORY HOLDINGS LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PRODIA" theo đơn số 4-2018-38690 ngày 6/11/2018 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "PRODIVA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 200193 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05, nhãn hiệu "DIA.PRO Dia.Pro Diagnostic BioProbes Srl, hình" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 953492 cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 5 và 42 theo quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "PRODIA " theo đơn số 4-2018-38690 ngày 6/11/2018 với lý do:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "PRODIVA" được bảo hộ theo theo GCNĐKNH số 200193, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng về bản chất, mục đích sử dụng, đối tượng người sử dụng và kênh phân phối. Cụ thể, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là "chất bổ sung ăn kiêng không dùng cho mục đích y tế" dùng để bổ sung vitamin, khoáng chất và vi chất cần thiết cho người đang thực hiện các chế độ ăn kiêng, đối tượng sử dụng các sản phẩm này là người tiêu dùng thông thường, người không có bệnh lý, hoặc những người đang theo các chế độ ăn kiêng để giảm cân, hoặc thanh lọc cơ thể cần các sản phẩm để bổ sung dinh dưỡng vào chế độ ăn kiêng của mình; sản phẩm được bán rộng rãi tại các siêu thị, chuỗi cửa hàng thực phẩm chức năng hoặc bán trực tuyến trên các kênh truyền thông đa phương tiện. Trong khi đó, sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng là "dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế" dùng để chẩn đoán, chữa bệnh, điều trị, hỗ trợ điều trị bệnh và phòng ngừa các bệnh và thông thường các sản phẩm này được các bác sĩ kê đơn cho các bệnh nhân; đối tượng sử dụng các sản phẩm này là những người có bệnh và các sản phẩm này được bán và phân phối thông qua các nhà thuốc bán lẻ được cấp phép, các nhà thuốc trong bệnh viện, và tại bệnh viện.

Do các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng là các sản phẩm đặc thù và được xem xét lựa chọn cẩn thận trước khi đưa ra quyết mua trong khi các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm thông thường và nhãn hiệu đăng

ký "PRODIA" khác nhãn hiệu đối chứng "PRODIVA" về ấn tượng thị giác và cách phát âm, nên khả năng nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu không thể xảy ra.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "DIA.PRO Dia.Pro Diagnostic BioProbes Srl, hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 953492, nhãn hiệu đăng ký là một từ tự đặt "PRODIA", khác biệt hoàn toàn với nhãn hiệu đối chứng là một nhãn hiệu hình chữ kết hợp bao gồm phần hình là hình dấu thập cách điệu, một bên có dòng chữ DIA. PRO được trình bày thành hai dòng tiếp đến là đường kẻ dọc, bên cạnh là tập hợp các từ Dia. Pro Diagnostic BioProbes srl được trình bày thành 3 dòng

Nhãn hiệu đối chứng "DIA.PRO Dia.Pro Diagnostic BioProbes Srl, hình" theo ĐKQT số 953492 đã hết hiệu lực ngày 27/12/2017 do không được gia hạn được hiểu là chủ sở hữu nhãn hiệu đã không còn quan tâm tới việc bảo hộ cũng như việc sử dụng nhãn hiệu này cho các sản phẩm đã đăng ký. Qua tra cứu trên các kênh thông tin khác nhau, kết quả cho thấy "không có bất cứ thông tin nào liên quan đến việc các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng đã được bày bán và sử dụng tại Việt nam bởi chủ sở hữu từ trước đến nay". Rõ ràng nếu nhãn hiệu ở trạng thái không sử dụng thì trước và sau khi bị chấm dứt hiệu lực, người tiêu dùng không biết gì về nhãn hiệu này và do vậy việc sử dụng bất kỳ nhãn hiệu nào mà trùng lặp hoặc tương tự với nhãn hiệu đó đều không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng vì đơn giản họ trước đây không biết gì về nhãn hiệu đó. Thêm nữa, nhãn hiệu đăng ký "PRODIA" không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "DIA.PRO Dia.Pro Diagnostic BioProbes Srl, hình" được bảo hộ theo theo ĐKQT số 953492, nên khả năng nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu không thể xẩy ra.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương

tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp hiệu lực bị chấm dứt vì lý do nhãn hiệu không được sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "PRODIA" theo đơn số 4-2018-38690 ngày 6/11/2018 tương tự đến mức gây nhầm lẫn do phần chữ "PRODIA" tương tự về cấu trúc từ và phát âm với phần chữ "DIA.PRO" của nhãn hiệu đối chứng "DIA.PRO Dia.Pro Diagnostic BioProbes Srl, hình" và nhãn hiệu đối chứng "PRODIVA". Đồng thời, các sản phẩm thuộc nhóm 05 của nhãn hiệu đăng ký tương tự với các sản phẩm thuộc nhóm 05 của các nhãn hiệu đối chứng. Do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang các nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "PRODIA" theo đơn số 4-2018-38690 ngày 6/11/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 47350/QĐ-SHTT ngày 11/06/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-38690 ngày 06/11/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SUNTORY HOLDINGS LIMITED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và SUNTORY HOLDINGS LIMITED (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150576/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cancarb Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00233 ngày 21/6/2019 của Cancarb Limited; địa chỉ: 1702 Brier Park Crescent NW, Medicine Hat, AB TIC IT9, Canada; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-02041 theo Quyết định số 21830/QĐ-SHTT ngày 25/03/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5117/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cancarb Limited với các

nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "THERMAX" theo đơn số 4-2013-02041 ngày 28/01/2013 cho các sản phẩm thuộc nhóm 01 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "THERMAX, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 131384 cho các sản phẩm thuộc nhóm 01, 02, 06, 07, 11, 17, 37, 39, 40 và 42 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "THERMAX" theo đơn số 4-2013-02041 ngày 28/01/2013 với lý do:

Người nộp đơn đang trong quá trình đàm phán để xin thư chấp thuận từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và sẽ bổ sung thư chấp thuận từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng. Ngày 19/9/2019, người nộp đơn đã bổ sung Thỏa thuận đồng tồn tại, trong đó chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "THERMAX" theo đơn số 4-2013-02041. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cam kết không phản đối hay gây bất kỳ trở ngại nào đối với việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "THERMAX" cho sản phẩm "Muội than dùng trong công nghiệp" thuộc nhóm 01 của người nộp đơn tại bất kỳ quốc gia nào trên thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "THERMAX" tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "THERMAX, hình" theo GCNĐKNH số 131384 do nhãn hiệu đăng ký trùng với phần chữ của nhãn hiệu đối chứng, đồng thời sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký "muội than dùng trong công nghiệp" tương tự và có liên quan với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm

mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp.

Thư chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là tình tiết mới do chưa được người nộp đơn đưa ra và xem xét trong quá trình thẩm định nhãn hiệu, do đó không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại nên không được chấp nhận. Vì vậy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "THERMAX" theo đơn số 4-2013-02041 ngày 28/01/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 21830/QĐ-SHTT ngày 25/03/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-02041 ngày 28/01/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cancarb Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cancarb Limited (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150577/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Universal Protein Supplements Corporation d/b/a Universal Nutrition
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2019-00064 ngày 22/02/2019 của Universal Protein Supplements Corporation d/b/a Universal Nutrition; địa chỉ: 3 Terminal Road, New Brunswick, New Jersey 08901, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-04179 ngày 09/03/2012

PTT366

theo Quyết định số 95786/QĐ-SHTT ngày 27/12/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5114/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Universal Protein Supplements Corporation d/b/a Universal Nutrition với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "A Animal, hình" theo đơn đăng ký số 4-2012-04179 ngày 9/3/2012 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 312343 với nội dung giới hạn phạm vi bảo hộ: "Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "A", "Animal". Người nộp đơn đề nghị bảo hộ riêng phần chữ "Animal" vì lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "A Animal, hình" đã được người nộp đơn sử dụng liên tục và rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam và đã đạt được khả năng phân biệt thông qua việc sử dụng

Người nộp đơn được thành lập vào năm 1977 có trụ sở tại New Brunswick, New Jersey, là công ty phát triển, sản xuất, phân phối và bán các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng thể thao. Người nộp đơn chuyên cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng và các sản phẩm thể hình cho các vận động viên, cũng như cung cấp các bài tập luyện cơ bắp đồng hóa hoạt hoá đại chúng. Người nộp đơn bán sản phẩm của mình thông qua các cửa hàng thực phẩm sức khỏe, phòng tập thể dục, các đại lý, cửa hàng và bổ sung các môn thể thao tại Hoa Kỳ và trên toàn thế giới, bao gồm cả Việt Nam. Người nộp đơn đã trở thành một nhà sản xuất hàng đầu thế giới các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng cho thể thao.

Từ đầu năm 2010, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký "A Animal, hình" đã chính thức có mặt tại Việt Nam và đang khẳng định thương hiệu chất bổ sung dinh dưỡng cho cơ bắp hàng đầu tại Việt Nam.

Các nhà phân phối sản phẩm của người nộp đơn tại Việt Nam là Công ty TNHH thực phẩm dinh dưỡng Toàn Mỹ, địa chỉ tại 30/28 Thích Quảng Đức, Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Dinh dưỡng thể thao V.A Sports Nutrition, địa chỉ tại 215 Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, thành phố Hải Phòng.

Cho đến thời điểm hiện nay, Sportshop.va Company Limited, địa chỉ tại 122/36 Bùi Đình Túy, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Website: www.vasport.vn, tự hào là đại diện độc quyền duy nhất phân

phối các dòng sản phẩm của người nộp đơn tại Việt Nam.

Người tiêu dùng Việt Nam có thể mua các sản phẩm của người nộp đơn được bán tại chuỗi cửa hàng Gymstore cung cấp thực phẩm bổ sung, dinh dưỡng thể thao, uy tín, lâu năm số 1 Việt Nam, bao gồm: Gymstore Hà Nội: 398 Xã Đàn, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Gymstore Hồ Chí Minh: 286 Trần Phú, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Giá trị ước tính mà các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký "A Animal, hình" và nhãn hiệu "ANIMAL PAK" được bán trên trên toàn thế giới bao gồm cả Việt Nam được coi như là bí mật thương mại của người nộp đơn; tuy nhiên, doanh thu trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010, mỗi năm khoảng 50 triệu đô la Mỹ, có giá trị và chứng thực cho danh tiếng của người nộp đơn và các nhãn hiệu của mình trên thế giới.

Bên cạnh việc sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới, người nộp đơn đã quảng cáo khuếch trương sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký rộng rãi dưới các hình thức quảng cáo khác nhau như các tờ rơi thể hiện dưới dạng catalog hoặc những cuốn sách mỏng có trình bày nổi bật nhãn hiệu "A Animal, hình", và trên trang web với địa chỉ htp//www.universalnutrition.com để quảng cáo và cung cấp các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký qua mạng Internet. Trang web này giúp cho người tiêu dùng có thể truy cập và đặt hàng vào bất kỳ thời gian nào, từ bất cứ nơi nào trên thế giới kể cả Việt Nam.

Chi phí xấp xỉ mỗi năm mà người nộp đơn dành cho việc quảng cáo được coi như là bí mật thương mại của công ty, tuy nhiên, chi phí quảng cáo và giới thiệu các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký "A Animal, hình" và "ANIMAL PAK" trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010 mỗi năm là hơn 1 triệu đô la Mỹ.

- Do "ANIMAL" là từ tiếng Anh, nên việc xem xét liệu phần chữ này có mang tính mô tả hay không cần thiết phải đặt trong phạm vi đối với những người tiêu dùng quen thuộc với tiếng Anh. Còn đối với những người tiêu dùng không quen thuộc với tiếng Anh thì phần chữ "ANIMAL" đương nhiên sẽ được họ nhận biết như nó vốn có là "ANIMAL" và không bị coi là mô tả các sản phẩm "Chất bổ sung dinh dưỡng; hỗn hợp đồ uống bổ sung dinh dưỡng dạng bột".

Theo chú giải trong từ điển Anh - Việt của Viện Ngôn Ngữ, "ANIMAL" có các trường nghĩa sau: "ANIMAL" với vai trò là danh từ có các trường nghĩa là "Sinh vật có cảm xúc và có thể tự ý di chuyển được; động vật";

hoặc "bất cứ sinh vật nào như thế ngoài con người"; hoặc "sinh vật có bốn chân khác biệt với chim, cá hoặc côn trùng; thú vật" và "người hung tợn hoặc cục súc". "ANIMAL" với vai trò là tính từ có trường nghĩa là "đặc trưng cho động vật".

Với các trường nghĩa nêu trên, người tiêu dùng khi mua sản phẩm "Chất bổ sung cho mục đích ăn kiêng, cụ thể là chất bổ sung cho thực phẩm ăn kiêng, chất bổ sung chế độ ăn kiêng, chất bổ sung cho thực phẩm, chất bổ sung thảo dược, chất thay thế bữa ăn và hỗn hợp đồ uống bổ sung chế độ ăn kiêng, chất bổ sung dinh dưỡng khoáng, chất bổ sung khoáng, chất bổ sung dinh dưỡng, hỗn hợp đồ uống bổ sung dinh dưỡng, chất bổ sung vitamin và khoáng, chất bổ sung vitamin, chất thay thế bữa ăn dạng thanh" mang nhãn hiệu "A Animal, hình" không có sự liên tưởng đến công dụng cũng như thành phần của các sản phẩm mà nhận biết đó là nhãn hiệu "A Animal, hình" để phân biệt với sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất khác.

- Nhãn hiệu đăng ký "A Animal, hình" đã được chấp nhận bảo hộ ở Mỹ mà không có yêu cầu không bảo hộ riêng "ANIMAL" và được chấp nhận bảo hộ tại hơn 80 quốc gia trên thế giới bao gồm cả các quốc gia trong Cộng đồng Châu Âu

Trong thực tế đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam, một số nhãn hiệu chứa phần chữ "ANIMAL" đã được chấp nhận đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ khác mà không có bất kỳ yêu cầu không bảo hộ riêng nào như: nhãn hiệu "ANIMAL PLANET" theo GCNĐKNH số 197027 cho các dịch vụ thuộc nhóm 38 và 41, nhãn hiệu "ANIMAL STYLE" theo GCNĐKNH số 233383 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 và 30, nhãn hiệu "ANIMAL PLANET" theo GCNĐKNH 253346 cho các sản phẩm thuộc nhóm 9, nhãn hiệu "ANIMAL PLANET" theo GCNĐKNH số 232392 cho các sản phẩm thuộc nhóm 28 ...

Các bằng chứng nêu trên là minh chứng cho thấy yếu tố "ANIMAL" trong nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không là dấu hiệu loại trừ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần,

công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Phần chữ "ANIMAL" trong nhãn hiệu đăng ký là từ tiếng Anh có nghĩa là "động vật". Các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký "Chất bổ sung cho mục đích ăn kiêng, cụ thể là chất bổ sung cho thực phẩm ăn kiêng, chất bổ sung chế độ ăn kiêng, chất bổ sung cho thực phẩm, chất bổ sung thảo dược, chất thay thế bữa ăn và hỗn hợp đồ uống bổ sung chế độ ăn kiêng, chất bổ sung dinh dưỡng khoáng, chất bổ sung khoáng, chất bổ sung dinh dưỡng, hỗn hợp đồ uống bổ sung dinh dưỡng, chất bổ sung vitamin và khoáng, chất bổ sung vitamin, chất thay thế bữa ăn dạng thanh" là những sản phẩm dùng cho con người, do đó từ "ANIMAL" không mô tả trực tiếp loại hàng hóa, thành phần, công dụng hay đối tượng sử dụng. Nhãn hiệu "A Animal, hình" không có sự liên tưởng đến công dụng cũng như thành phần của các sản phẩm mà nhận biết đó là nhãn hiệu "A Animal, hình" để phân biệt với sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất khác.

Những bằng chứng người nộp đơn cung cấp thể hiện việc sử dụng rộng rãi của nhãn hiệu "A Animal, hình" đủ để chứng minh nhãn hiệu chữ "A Animal, hình" đã được sử dụng rộng rãi và đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng tại Việt Nam.

Do đó, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của "ANIMAL" là có có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để bảo hộ riêng phần chữ "ANIMAL", không bảo hộ riêng phần chữ "A" trên nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 312343 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 95786/QĐ-SHTT ngày 27/12/2018 về

việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-04179 ngày 09/03/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2012-04179 ngày 09/03/2012, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ "A".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Universal Protein Supplements Corporation d/b/a Universal Nutrition (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150578/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của NS Tool Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00591 ngày 16/10/2019 của NS Tool Co., Ltd.; địa chỉ: 4-5-9, Minamioi, Shinagawa-ku, Tokyo 140-0013 Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-19612 ngày 30/06/2016 theo Quyết định số 60595/QĐ-SHTT ngày 24/07/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5118/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của NS Tool Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NS TOOL, hình" theo đơn số 4-2016-19612 ngày 30/06/2016 cho các sản phẩm thuộc nhóm 7 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì không có khả năng phân biệt và mô tả sản phẩm đăng ký theo quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "NS TOOL, hình" theo đơn số 4-2016-19612 ngày 30/06/2016 với lý do:

- Nhãn hiệu đăng ký "NS TOOL, hình" đã được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam và các nước trên thế giới". Các sản phẩm "máy công cụ; máy cắt; máy phay; mâm kẹp; vít ép; dao cắt dùng cho máy cắt; dao cắt bằng hợp kim gốm; dụng cụ cắt kim loại có đầu mũi kim cương; dụng cụ cắt bằng hợp kim gốm; dao cắt kim cương; …" của nhãn hiệu đăng ký là máy móc công cụ, nên "đối tượng người tiêu dùng" cần thiết phải xem xét chỉ trong phạm vi "những người có liên quan tới máy móc công cụ", chứ không phải "người tiêu dùng đại trà hay người tiêu dùng phổ thông".

- Các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký đã được bán tại Việt nam từ năm 2004 tới nay là quá đủ để cho thấy nhãn hiệu đã được sử dụng liên tục và lâu dài ở Việt Nam. Doanh số bán hàng hàng chục triệu Yên mỗi năm là đủ để cho thấy nhãn hiệu đã được sử dụng rộng rãi ở Việt nam.

- Các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký liên tục có mặt tại các cuộc triển lãm năm 2008, 2015, 2016, 2017 và 2018 về máy công cụ và cơ khí nơi tập trung và cuốn hút bộ phận người tiêu dùng có liên quan tới máy móc công cụ cho thấy nhãn hiệu đăng ký đã được biết đến rộng rãi ở Việt Nam bởi "bộ phận người tiêu dùng có liên quan tới máy móc công cụ".

- Với việc có mặt trên thị trường thế giới từ năm 1954 đến nay và doanh số bán hàng hóa mang nhãn hiệu hàng nghìn tỷ Yên mỗi năm cũng như chi phí cho quảng cáo hàng chục triệu Yên mỗi năm là đủ để cho thấy nhãn hiệu đã được sử dụng rộng rãi trên thế giới đối với "bộ phận người tiêu dùng có liên quan tới máy móc công cụ".

- Nhãn hiệu "NS TOOL, hình" là một tổ hợp không thể tách rời giữa

hai chữ cái "NS" được thể hiện trong hình chữ nhật màu da cam và từ "Tool", chứ không đơn thuần là từng yếu tố riêng lẻ "NS" hay "Tool". Mặc dù "NS" chỉ là tổ hợp hai phụ âm không có khả năng phân biệt và "Tool" mang tính mô tả, điều này không đồng nghĩa với việc tổng thể nhãn hiệu "NS TOOL, hình" không có khả năng phân biệt hoặc chỉ mang tính mô tả. Chính sự kết hợp cụ thể giữa các yếu tố về mặt hình thức và bố cục đã tạo nên một tổng thể nhãn hiệu có khả năng phân biệt.

- Thực tế thẩm định nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ cho thấy "sự kết hợp giữa hai chữ cái (phụ âm) và thành phần mô tả" là có khả năng phân biệt. Cụ thể các nhãn hiệu sau tương tự như nhãn hiệu đăng ký tương đương đã được chấp nhận bảo hộ: nhãn hiệu "H&S SILKY BLACK" theo GCNĐKNH số 55335 (Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "H", "S" và "SILKY BLACK") cho các sản phẩm thuộc nhóm 3, nhãn hiệu "Sg-Beauty" theo GCNĐKNH số 63642 (Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "Sg" và "Beauty") cho các sản phẩm thuộc nhóm 3, nhãn hiệu "GP.Bank" theo GCNĐKNH số 106231 (Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "GP" và "Bank") cho các dịch vụ thuộc nhóm 36, nhãn hiệu "MT HOTEL" theo GCNĐKNH số 156339 (Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "MT" và "HOTEL") cho các dịch vụ thuộc nhóm 43, nhãn hiệu "D&F LẠP XƯỞNG CHUA" theo GCNĐKNH số 188522 (Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "D&F" và "LẠP XƯỞNG CHUA") cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 29 và 35.

Nhãn hiệu đăng ký xét về tổng thể, cần được coi là có khả năng phân biệt. Người nộp đơn xin bảo hộ tổng thể nhãn hiệu và không yêu cầu bảo hộ riêng cho các thành phần "NS" và "Tool".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ

trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "NS TOOL, hình" là sự kết hợp giữa thành phần chữ "NS TOOL" và yếu tố hình học thể hiện màu sắc, tạo nên một tổng thể có bố cục rõ ràng và hình thức thể hiện dễ nhận biết, dễ ghi nhớ.

- Nhãn hiệu đăng ký "NS TOOL, hình" là sự kết hợp giữa phần chữ "NS" màu trắng nằm trong một ô chữ nhật màu cam với từ "TOOL" được coi là một sự sáng tạo của người nộp đơn tạo nên ấn tượng riêng có khả năng phân biệt, mặc dù phần chữ "NS" là hai phụ âm không đọc được thành một từ và từ "TOOL" mang tính mô tả. Đồng thời, nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng lâu dài tại Việt Nam từ năm 2004 đến nay với doanh số bán hàng ổn định, do đó nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt đối với đối tượng người tiêu dùng chuyên ngành cho các sản phẩm thuộc nhóm 07 - những người có khả năng nhận biết và phân biệt dấu hiệu thương mại rõ ràng hơn người tiêu dùng phổ thông. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-19612 ngày 30/06/2016, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "NS", "TOOL", không áp dụng quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 60595/QĐ-SHTT ngày 24/07/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-19612 ngày 30/06/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2016-19612 ngày 30/06/2016, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "NS", "TOOL".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và NS Tool Co., Ltd. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150579/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Mitsubishi Tanabe Pharma Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00612 ngày 21/10/2019 của Mitsubishi Tanabe Pharma Corporation; địa chỉ: 3-2-10, Dosho-machi, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-8505 Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-30100 theo Quyết định số 59313/QĐ-SHTT ngày 22/07/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5120/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Mitsubishi Tanabe Pharma Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MT PHARMA" theo đơn đăng ký số 4-2016-30100 ngày 28/09/2016 cho các sản phẩm thuộc nhóm 5 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì lý do phần chữ "MT" là chữ cái đơn giản và phần chữ "PHARMA" có nghĩa "dược phẩm" mang tính mô tả cho sản phẩm "Chế phẩm dược; thuốc dùng cho người" thuộc nhóm 05. Sự kết hợp của 2 yếu tố "MT" và "PHARMA" như trên không đủ tạo thành nhãn hiệu có khả năng phân biệt tự thân theo quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "MT PHARMA" theo đơn số 4-2016-30100 ngày 28/09/2016 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa "MT" và "PHARMA" nên phải được xem xét trong tổng thể "MT PHARMA" và không được tách bạch ra làm 2 thành phần riêng biệt "MT" và "PHARMA" vì việc tách bạch như vậy đi ngược với nguyên tắc cơ bản trong việc xem xét đánh giá nhãn hiệu: "Nhãn hiệu phải được xem xét trong tổng thể, và không được phân tách thành các thành phần riêng rẽ"

Việc tách nhãn hiệu đăng ký "MT PHARMA" ra thành hai thành phần "MT" và "PHARMA" cũng như việc tách "Công ty dược phẩm MT" thành "Công ty dược phẩm" và "MT" không những đi ngược với nguyên tắc cơ bản trong việc xem xét đánh giá nhãn hiệu mà còn phá vỡ cấu trúc cũng như ý nghĩa của nhãn hiệu.

Thực tế thẩm định nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ cho thấy "sự kết hợp giữa hai chữ cái (phụ âm) và thành phần mô tả" là có khả năng phân biệt. Cụ thể các nhãn hiệu sau tương tự như nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ: "DC. PHARMA, hình" theo GCNĐKNH số 110179 (Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "DC" và "PHARMA") cho các sản phẩm thuộc nhóm 5, "SK PHARMA, hình" theo GCNĐKNH số 63642 (Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "SK" và "PHARMA") cho các sản phẩm thuộc nhóm 5, "MT HOTEL" theo GCNĐKNH số 156339 (Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "MT" và "HOTEL") cho các dịch vụ thuộc nhóm 43. Việc ghi nhận bảo hộ như trên đây được hiểu là sự kết hợp "DC. PHARMA" được bảo hộ và không bảo hộ riêng "DC" và "PHARMA". Tương

tự "SK PHARMA" và "MT Hotel" được bảo hộ, không bảo hộ riêng "SK" và "PHARMA", và "MT" và "HOTEL".

Việc chấp thuận bảo hộ như trên là hợp lý vì nhãn hiệu cần phải được xem xét ở dạng tổng thể và không tách bạch các bộ phận cấu thành khi thẩm định cũng như đánh giá nhãn hiệu. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký tương tự như các nhãn hiệu có trước nêu trên và cần phải coi là có khả năng phân biệt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "MT PHARMA", trong đó "MT" hai chữ cái không đọc được thành một từ được trình bày theo phông chữ thông thường, không được bảo hộ, phần chữ "PHARMA" là viết tắt phổ biến của "pharmaceutical" mang tính mô tả sản phẩm đăng ký, do đó, nhãn hiệu là dấu hiệu không có khả năng phân biệt, không đáp ứng điều kiện bảo hộ.

Lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "MT PHARMA" theo đơn số 4-2016-30100 ngày 28/09/2016 vì nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt là phù hợp, khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 59313/QĐ-SHTT ngày 22/07/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-30100 ngày 28/09/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Mitsubishi Tanabe Pharma Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Mitsubishi Tanabe Pharma Corporation (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150580/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Kim Thanh HEALTH & BEAUTY DEUTSCHLAND
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2021-00824 ngày 31/8/2021 của Công ty TNHH Kim Thanh HEALTH & BEAUTY DEUTSCHLAND; địa chỉ: Số 169 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-44383 theo Quyết định số 52190/QĐ-SHTT ngày 24/06/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5122/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Kim Thanh HEALTH & BEAUTY DEUTSCHLAND với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BEETOME" theo đơn số 4-2018-44383 ngày 17/12/2018 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "BITOM" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 145190 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "BEETOME" theo đơn số 4-2018-44383 ngày 17/12/2018 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký khác với nhãn hiệu đối chứng về cách phát âm và thị giác.

+ Về cách phát âm: Người nộp đơn là doanh nghiệp Việt Nam, do đó khi xây dựng thương hiệu, họ lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt làm nền tảng. Tiếng Việt là ngôn ngữ có lịch sử lâu đời, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam. Theo các tài liệu nghiên cứu, tiếng Việt từng được ghi bằng chữ Hán và chữ Nôm, sau này được thay thế bằng chữ Quốc ngữ - hệ thống chữ viết Latinh do các giáo sĩ châu Âu, đặc biệt là hai tu sĩ người Bồ Đào Nha Gaspar do Amaral và Antonio Barbosa, sáng tạo ra nhằm phiên âm tiếng Việt. Chữ Quốc ngữ được chính quyền Pháp thuộc khuyến khích sử dụng để đồng bộ hóa với tiếng Pháp và dần trở nên phổ biến trong xã hội Việt Nam.

Chữ Quốc ngữ là loại chữ ghi âm, về cơ bản tuân theo nguyên tắc ngữ âm học: viết sao đọc vậy. Do đó, cách phát âm của các nhãn hiệu tại Việt Nam thường dựa trên chính tả.

Trong trường hợp này, nhãn hiệu đăng ký "BEETOME" và nhãn hiệu đối chứng "BITOM" đều thuộc hai doanh nghiệp Việt Nam. Khi đánh giá dưới góc độ người tiêu dùng Việt Nam, hai nhãn hiệu này được phát âm theo quy tắc của tiếng Việt, tức là đọc đúng theo cách viết. Vì vậy, có thể khẳng định rằng hai nhãn hiệu hoàn toàn khác nhau về cách phát âm.

+ Về thị giác: Nhãn hiệu đăng ký "BEETOME" bao gồm 7 chữ cái, trong khi nhãn hiệu đối chứng "BITOM" chỉ gồm 5 chữ cái. Sự khác biệt về độ dài tạo ra sự khác biệt rõ ràng về tổng thể cấu trúc và bố cục của hai nhãn hiệu. Trong thực tiễn, ấn tượng thị giác đầu tiên của người tiêu dùng đối với nhãn hiệu

thường tập trung vào phần tiền tố - tức những ký tự đầu tiên của nhãn hiệu. Đây là yếu tố quan trọng giúp người tiêu dùng ghi nhớ và phân biệt giữa các nhãn hiệu. Trong trường hợp này, phần tiền tố của nhãn hiệu đăng ký là "BEE", hoàn toàn khác biệt với tiền tố "BI" của nhãn hiệu đối chứng. Sự khác biệt này không chỉ về số lượng ký tự mà còn về hình thức thể hiện và cách nhìn nhận trực quan. Do đó, người nộp đơn cho rằng, xét trên phương diện thị giác, người tiêu dùng hoàn toàn có khả năng phân biệt giữa nhãn hiệu đăng ký "BEETOME" và nhãn hiệu đối chứng "BITOM".

Về mức độ cẩn trọng của người tiêu dùng đối với các sản phẩm mang nhãn hiệu đang xem xét:

Các sản phẩm mang hai nhãn hiệu đang xem xét đều liên quan trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, tuy nhiên tính chất và cơ chế phân phối của chúng có sự khác biệt rõ ràng. Cụ thể, sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng là dược phẩm - thuộc nhóm sản phẩm chịu sự kiểm soát chặt chẽ của Bộ Y tế, chỉ được sử dụng theo chỉ định của bác sĩ hoặc chuyên gia y tế. Trong khi đó, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là thực phẩm chức năng - không phải là thuốc, không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh và có thể được người tiêu dùng tự do mua và sử dụng mà không cần đơn hoặc hướng dẫn chuyên môn. Chính vì vậy, người tiêu dùng khi lựa chọn và sử dụng hai loại sản phẩm này thường có mức độ cẩn trọng nhất định, đặc biệt là đối với dược phẩm. Sự khác biệt về cách phát âm và thị giác giữa nhãn hiệu đăng ký "BEETOME" và nhãn hiệu đối chứng "BITOM" càng góp phần giúp người tiêu dùng nhận biết và phân biệt rõ ràng giữa hai sản phẩm.

Ngoài ra, hai nhóm sản phẩm này còn khác biệt về bản chất, mục đích sử dụng, cách thức sử dụng, quy trình sản xuất và đối tượng sử dụng. Từ đó, có thể khẳng định rằng người tiêu dùng khó có thể nhầm lẫn hoặc cho rằng các sản phẩm mang hai nhãn hiệu nêu trên có cùng nguồn gốc thương mại. Do đó, sự khác biệt về phát âm, thị giác và ấn tượng tổng thể giữa hai nhãn hiệu là đủ để loại trừ khả năng gây nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có

ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "BEETOME" và nhãn hiệu đối chứng "BITOM" đều là nhãn hiệu chữ, có cấu trúc gần giống nhau, đều bắt đầu bằng "B", chứa các âm tiết tương tự như "BI/BEE" và "TOM/TOME", dễ gây nhầm lẫn khi phát âm nhanh hoặc trong điều kiện tiếp xúc thông thường. Sự khác biệt nhỏ về số lượng ký tự không đủ để tạo nên được sự khác biệt rõ ràng về thính giác. Các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký tương tự với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp.

Do đó, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu "BEETOME" theo đơn số 4-2018-44383 ngày 17/12/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 52190/QĐ-SHTT ngày 24/06/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-44383 ngày 17/12/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Kim Thanh HEALTH & BEAUTY DEUTSCHLAND có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết

khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Kim Thanh HEALTH & BEAUTY DEUTSCHLAND (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150581/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại Phụng Thiên
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00892 ngày 16/8/2017 của Công ty TNHH thương mại Phụng Thiên; địa chỉ: Số 77, phố Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-12409 theo Quyết định số 31176/QĐ-SHTT ngày

PTT366

16/05/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5123/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại Phụng Thiên với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Original Watch, hình" theo đơn số 4-2015-12409 ngày 20/5/2015 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì không có khả năng phân biệt và mô tả sản phẩm đăng ký theo điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "Original Watch, hình" theo đơn số 4-2015-12409 ngày 20/5/2015 với lý do:

Người nộp đơn xin bảo hộ nhãn hiệu đăng ký dưới dạng tổng thể, không bảo hộ riêng "Original Watch".

Phần hình chiếc đồng hồ cách điệu được thể hiện đơn giản nhưng không phải là hình vẽ thông thường của chiếc đồng hồ. Hình vẽ của một chiếc đồng hồ thông thường sẽ là một hình tròn khép kín, có chứa các hình họa thể hiện chữ số và ba kim đồng hồ ở các vị trí đa dạng để chỉ giờ. Phần hình đồng hồ trong nhãn hiệu đăng ký được tạo bởi hai cung tròn màu đen đậm và nhạt, đặt so le và có kích thước, độ cong khác nhau trong đó cung tròn đen đậm nhỏ ở phía trên bên trái và cung tròn đen nhạt ở phía dưới bên phải làm giá đỡ. Như vậy, phần hình chiếc đồng hồ cách điệu trong nhãn hiệu đăng ký không phải hình vẽ thông thường của chiếc đồng hồ.

Phần hình chiếc đồng hồ cách điệu trong nhãn hiệu đăng ký khác biệt đáng kể với hình vẽ thông thường của chiếc đồng hồ. Cụ thể, với hai cung tròn đậm nhạt đã tạo chiều sâu nhưng đồng thời tạo độ thoáng mở cho hình tròn cách điệu để làm nền cho tâm hình tròn được tạo bởi góc 120 độ hướng lên của hai nửa đường thẳng thu hút sự chú ý, do vậy gây được ấn tượng thị giác mạnh mẽ đối với người tiêu dùng vì bố cục chặt chẽ đã chia ra phần chính, phần phụ, trung tâm và nền.

Phần hình của nhãn hiệu đăng ký tuy đơn giản nhưng không phải là hình vẽ của hình đồng hồ thông thường, khác biệt đáng kể với hình vẽ của đồng hồ thông thường do vậy có khả năng phân biệt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký bao gồm hình cách điệu đơn giản của một chiếc đồng hồ với mặt đồng hồ được tạo bởi hai cung tròn. Tuy nhiên, cách thể hiện này không khác biệt đáng kể so với hình ảnh đồng hồ thông thường, vốn phổ biến và dễ nhận biết trong lĩnh vực kinh doanh đồng hồ. Phần chữ "Original Watch" có nghĩa là "đồng hồ nguyên bản" hoặc "đồng hồ chính hãng", mang tính mô tả trực tiếp đặc điểm, chất lượng sản phẩm được cung cấp bởi dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký.

Như vậy, toàn bộ nhãn hiệu chỉ gồm các dấu hiệu mang tính mô tả dịch vụ đăng ký. Người tiêu dùng khi tiếp cận nhãn hiệu có khả năng hiểu đây là chỉ dẫn mô tả thay vì nhận diện nguồn gốc thương mại của dịch vụ. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt và không đáp ứng điều kiện bảo hộ đối với các dịch vụ yêu cầu đăng ký.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "Original Watch, hình" theo đơn số 4-2015-12409 ngày 20/5/2015 vì nhãn hiệu không có khả năng phân biệt là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 31176/QĐ-SHTT ngày 16/05/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-12409 ngày 20/05/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH thương mại Phụng Thiên có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại Phụng Thiên (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150582/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DASSAULT AVIATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00921 ngày 25/8/2017 của DASSAULT AVIATION; địa chỉ: 9, Rond-Point des Champs Elysées, Marcel Dassault, F-75008 PARIS, France; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1262234A theo Thông báo số 2015/33 NTH25 ngày 18/08/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5158/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DASSAULT AVIATION

với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FALCON AIRBORNE SUPPORT" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1262234A cho các dịch vụ thuộc nhóm 39 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì chứa phần chữ "AIRBORNE SUPPORT" mô tả dịch vụ đăng ký và phần chữ "FALCON" tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FALCON SHIPPING, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 106139 cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 07, 35, 36, 37, 39 và 43, nhãn hiệu "FALCON F L S LOGISTIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153410 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35, 36, 37, 39 và 43, nhãn hiệu "FALCON T&T F, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228 cho dịch vụ thuộc nhóm 35, 36, 37 và 39 theo quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu "FALCON AIRBORNE SUPPORT" theo ĐQT số 1262234A với lý do:

Do phần chữ "AIRBORNE" với dịch nghĩa tiếng Việt là "được chuyên chở bằng máy bay" hoặc "ở trên không, đã cất cánh, đã bay lên" có thể bị coi là mô tả trực tiếp tới dịch vụ đăng ký, theo đó, người nộp đơn xin bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "AIRBORNE".

Nhãn hiệu đăng ký khác với các nhãn hiệu đối chứng về tổng thể, ấn tượng thị giác và ý nghĩa, cụ thể:

Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu chữ trình bày in hoa thông thường, trong khi đó cả 3 nhãn hiệu đối chứng đều là nhãn hiệu kết hợp giữa yếu tố chữ và hình. Đặc biệt, trong cả 3 nhãn hiệu đối chứng, yếu tố hình lại là yếu tố chính, nổi bật tạo ra ấn tượng thị giác mạnh đối với người tiếp xúc hơn là yếu tố chữ của mỗi nhãn hiệu.

Về ý nghĩa: Nhãn hiệu đăng ký "FALCON AIRBORNE SUPPORT" với ý nghĩa là "Hỗ trợ chuyên chở bằng máy bay chim ưng", trong khi đó các nhãn hiệu đối chứng "FALCON SHIPPING, F & Hình" có nghĩa là "Hãng tàu chim ưng", "FALCON LOGISTIC, F L S & hình" có nghĩa là "Dịch vụ logistic chim ưng" và "FALCON T&T, F & hình" có nghĩa là "Chim ưng T&T". Do vậy, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác với các nhãn hiệu đối chứng về nghĩa.

- Người nộp đơn đã tiến hành loại bỏ "dịch vụ vận chuyển bằng đường bộ" ra khỏi dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), theo đó dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký chỉ còn là "Dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không" khác với các dịch vụ ủa các nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể:

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng "FALCON SHIPPING, F & hình" được

bảo hộ theo GCNĐKNH số 106139, dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng gồm "Dịch vụ vận tải đường biển và dếp dỡ hàng hoá siêu trường, siêu trọng; đại lý tàu biển, cho thuê tàu và môi giới hàng hải; lai dắt các phương tiện thủy và hỗ trợ tàu ra vào cảng phục vụ khai thác dầu khí,…" khác với dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký về bản chất, và phương thức thực hiện.

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng "FALCON F L S LOGISTICS & hình" theo GCNĐK số 153410: dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng là "Vận tải biển; đại lý tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ lô-gi-stic (kiểm đếm hàng hóa, bốc dỡ hàng hóa, đóng gói bao bì hàng hóa, giao nhận hàng hóa),…". hoàn toàn khác với dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký về bản chất, và phương thức thực hiện.

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng "FALCON T&T F & hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228: các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng là "Dịch vụ cứu hộ, lai dắt tàu biển và các phương tiện thuỷ, hỗ trợ tàu ra vào cảng và phục vụ khai thác dầu khí cụ thể là: dịch vụ cho thuê tàu và sà lan để phục vụ khai thác dầu khí, dịch vụ vận tải đường bộ, đường thuỷ, vận tải đa phương thức, dịch vụ vận tải; xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng; đại lý vận tải và môi giới hàng hải…" khác với dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký về bản chất, và phương thức thực hiện.

Mặc dù trong danh mục dịch vụ đăng ký nhãn hiệu đối chứng có liệt kê tới "dịch vụ vận tải đường bộ, đường thuỷ, vận tải đa phương thức". Tuy nhiên, đây là dịch vụ có nội hàm, nhằm làm rõ chúng nằm trong một loạt các dịch vụ chuyên biệt trong lĩnh vực vận tải bằng đường thuỷ, điều này được thể hiện thông qua cách ghi cụ thể trong danh mục dịch vụ như sau: "Dịch vụ cứu hộ, lai dắt tàu biển và các phương tiện thuỷ, hỗ trợ tàu ra vào cảng và phục vụ khai thác dầu khí, cụ thể là:…, dịch vụ vận tải đường bộ, đường thủy, vận tải đa phương thức,...". Do đó, các dịch vụ này không thể được coi là tương tự với dịch vụ "dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không" của nhãn hiệu đăng ký.

Theo người nộp đơn, dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác với dịch vụ của các nhãn hiệu đối chứng về bản chất, phương tiện thực hiện. Thực tế cho thấy không có một doanh nghiệp nào cùng thực hiện dịch vụ vận tải bằng đường thuỷ, đường biển và đồng thời bằng đường hàng không.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi

là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu";

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106139 đã hết hiệu lực ngày 23/10/2016. Do đó, nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với các nhãn hiệu đối chứng "FALCON F L S LOGISTIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153410 và "FALCON T&T F, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228, nhãn hiệu đăng ký có chứa thành phần "FALCON" trùng với thành phần phân biệt chủ đạo của các nhãn hiệu đối chứng, các thành phần kết hợp khác như "AIRBORNE SUPPORT", "F L S LOGISTIC" hay "T&T F" đều mang tính mô tả hoặc chỉ đóng vai trò thứ yếu, không đủ làm giảm khả năng gây nhầm lẫn do "FALCON" giữ vai trò chủ đạo và xuất hiện ở vị trí đầu của nhãn hiệu.

Dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều thuộc lĩnh vực vận tải và logistic. Dù khác biệt về phương tiện vận chuyển, các dịch vụ này có bản chất tương tự hoặc liên quan trong chuỗi cung ứng. Trong thực tiễn, nhiều doanh nghiệp logistics cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của các dịch vụ của các nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ

nhãn hiệu "FALCON AIRBORNE SUPPORT" theo ĐQT số 1262234A là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/33 NTH25 ngày 18/08/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1262234A.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, DASSAULT AVIATION có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và DASSAULT AVIATION (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150583/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DASSAULT AVIATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00293 ngày 15/3/2017 của DASSAULT AVIATION; địa chỉ: 9, Rond-Point des Champs Elysées, Marcel Dassault F-75008 PARIS; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1263630A theo Thông báo số 2015/35 LMT09 ngày 31/08/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5157/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DASSAULT AVIATION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FALCON SPARES" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1263630A cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 7, 12 và 39 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "FALCON SHIPPING, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 106139 cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 07, 35, 36, 37, 39 và 43; "FALCON F L S LOGISTIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153410 cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 35, 36, 37, 39 và 43; "FALCON T&T F, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228 cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 35, 36, 37 và 39 theo quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu "FALCON SPARES" theo ĐQT số 1263630A với lý do nhãn hiệu đăng ký khác với nhãn hiệu đối chứng và các sản phẩm/dịch vụ mang các nhãn hiệu khác nhau về bản chất và kênh thương mại.

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "FALCON SPARES" có nghĩa tiếng Việt là "Các dịch vụ sửa chữa Chim Ưng", trong khi các nhãn hiệu đối chứng là các nhãn hiệu kết hợp.

Về dịch vụ: đối với nhãn hiệu đối chứng "FALCON SHIPPING, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106139:

Nhóm 07: Các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký gồm: "Động cơ máy bay và động cơ của thiết bị dùng để vận bằng đường hàng không; động cơ điện bánh răng cho máy bay; truyền cho máy bay; khớp nối truyền tải điện cho máy bay; xích dùng trong điều khiển máy bay; đai truyền dùng trong điều khiển máy bay; vòng bi tự bôi trơn dùng cho động cơ máy bay; động cơ tên lửa nhiên liệu đẩy dùng cho máy bay; các thiết bị máy điều khiển các bộ phận của máy bay", khác biệt với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 07 là "cần cẩu và các thiết bị nâng".

Nhóm 12: Các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký gồm: "máy bay và các bộ phận cấu trúc của nó; phụ tùng máy bay, cụ thể là, đĩa phanh, má phanh và các bộ phận máy móc; lốp cho bánh xe càng hạ cánh cho máy bay" không tương tự với bất kỳ các sản phẩm và dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng.

Nhóm 39: Các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký gồm: "Dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không và đường bộ", trong khi đó, ngoài những nhóm dịch vụ khác không liên quan, các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 39 là "Dịch vụ vận tải đường biển và dếp dỡ hàng hoá siêu trường, siêu trọng; đại lý tàu biển; cho thuê tàu và môi giới hàng hải, lai dắt các phương tiện thủy và hỗ trợ tàu ra vào cảng phục vụ khai thác dầu khí; đại lý bán vé máy bay, cho

thuê kho bãi", các dịch vụ này có đối tượng khách hàng khác nhau do đó, chúng không cùng kênh thương mại.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "FALCON F L S LOGISTIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153410:

Nhóm 7 và 12: Các sản phẩm thuộc nhóm 7 và 12 của nhãn hiệu đăng ký không tương tự với bất kỳ dịch vụ nào của nhãn hiệu đối chứng.

Nhóm 39: Các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký gồm: "Dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không và đường bộ", trong khi đó, ngoài những nhóm khác không liên quan, các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 39 là "Dịch vụ cứu hộ, lai dắt tàu biển và các phương tiện thuỷ, hỗ trợ tàu ra vào cảng và phục vụ khai thác dầu khí cụ thể là: dịch vụ cho thuê tàu và sà lan để phục vụ khai thác dầu khí, dịch vụ vận tải đường bộ, đường thuỷ, vận tải đa phương thức, dịch vụ vận tải; xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng; đại lý vận tải và môi giới hàng hải…", các dịch vụ này có các đối tượng khách hàng khác nhau do đó, chúng không cùng kênh thương mại.

Mặc dù trong nhãn hiệu đối chứng có liệt kê tới "…dịch vụ vận tải đường bộ, đường thuỷ, vận tải đa phương thức". Tuy nhiên, đây là dịch vụ có nội hàm, nhằm làm rõ chúng nằm trong một loạt các dịch vụ chuyên biệt trong lĩnh vực thuỷ của nhãn hiệu đối chứng "Dịch vụ cứu hộ, lai dắt tàu biển và các phương tiện đường thuỷ, hỗ trợ tàu ra vào cảng và phục vụ khai thác dầu khí. Điều này thể hiện ngay trong danh mục dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng có ghi dòng chữ "cụ thể là", do đó, chúng không thể được coi là tương tự với dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "FALCON T&T F, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228:

Nhóm 7 và 12: Các sản phẩm thuộc nhóm 7 và 12 mang nhãn hiệu đăng ký không tương tự với bất kỳ dịch vụ nào của nhãn hiệu đối chứng.

Nhóm 39: Các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký gồm: "Dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không và đường bộ". Trong khi đó, ngoài những nhóm khác không liên quan, các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 39 là "Vận tải biển; đại lý tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ lô-gi-stic…". Cũng giống như đối với hai đối chứng nêu trên, về bản chất, các dịch vụ trong nhóm 39 của nhãn hiệu đăng ký thuộc lĩnh vực hàng không khác với dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng là trong lĩnh vực hàng hải/đường thuỷ. Hai lĩnh vực này có các đối tượng khách hàng khác nhau do đó, chúng không cùng kênh thương mại.

Khách hàng sử dụng dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là các chuyên gia trong các lĩnh vực hàng không và hàng hải/đường thủy. Họ là người đều có kiến thức chuyên môn và luôn kì vọng sự hoàn hảo tuyệt đối từ những dịch vụ được cung cấp. Do đó, trước khi sử dụng các dịch vụ

này, họ đều có sự nghiên cứu cẩn trọng, kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng dịch vụ. Do đó khả năng gây nhầm lẫn là không thể xảy ra.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "FALCON SPARES" bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "FALCON SHIPPING, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106139, "FALCON F L S LOGISTIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153410 và "FALCON T&T F, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228.

- Nhãn hiệu đối chứng "FALCON SHIPPING, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106139 đã hết hiệu lực từ ngày 23/10/2016. Do đó, nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với các nhãn hiệu đối chứng "FALCON F L S LOGISTIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153410 và "FALCON T&T F, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228, nhãn hiệu đăng ký có chứa thành phần "FALCON" trùng với thành phần phân biệt chủ đạo của các nhãn hiệu đối chứng, các thành phần kết hợp khác như "SPARES", "F L S LOGISTIC" hay "T&T F" đều mang tính mô tả hoặc chỉ đóng vai trò thứ yếu, không đủ tạo nên sự khác biệt đáng kể về tổng thể giữa các nhãn hiệu.

- Về phạm vi sản phẩm và dịch vụ, các sản phẩm và dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký đều thuộc lĩnh vực kỹ thuật cao và giao thông vận tải, bao gồm động cơ, bộ phận máy bay và dịch vụ vận tải hàng không, đường bộ. Trong khi

đó, các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ cho các dịch vụ như vận tải đa phương thức, logistics, xếp dỡ hàng hóa, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ kho bãi và đại lý bán vé máy bay. Xét về bản chất, các sản phẩm và dịch vụ nêu trên đều thuộc chuỗi hoạt động liên quan đến vận tải, hậu cần và khai thác phương tiện kỹ thuật. Việc cùng hướng đến nhóm khách hàng là các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực giao thông, vận tải và kỹ thuật chuyên dụng làm phát sinh khả năng người tiêu dùng hiểu rằng các sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu cùng chứa yếu tố "FALCON" có chung nguồn gốc thương mại.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu "FALCON SPARES" theo ĐQT số 1263630A là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/35 LMT09 ngày 31/08/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1263630A.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, DASSAULT AVIATION có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và DASSAULT AVIATION (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150584/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DASSAULT AVIATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00291 ngày 15/3/2017 của DASSAULT AVIATION; địa chỉ: 9, Rond-Point des Champs Elysées, Marcel Dassault F-75008 PARIS; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1262229A theo Thông báo số 2015/33 NTH23 ngày 18/08/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5156/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DASSAULT AVIATION

với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FALCON COMMAND CENTER" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1262229A cho các dịch vụ thuộc nhóm 37 và 39 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FALCON SHIPPING, hình" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 106139 cho các dịch vụ thuộc nhóm 07, 35, 36, 37, 39 và 43, nhãn hiệu "FALCON F L S LOGISTIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153410 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35, 36, 37, 39 và 43, nhãn hiệu "FALCON T&T F, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35, 36, 37 và 39 theo quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu "FALCON COMMAND CENTER" theo ĐQT số 1262229A với lý do nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng và dịch vụ mang các nhãn hiệu khác nhau về bản chất và kênh thương mại.

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là dòng chữ "FALCON COMMAND CENTER" có nghĩa tiếng Việt là "Trung tâm chỉ huy Chim Ưng", trong khi các nhãn hiệu đối chứng là các nhãn hiệu kết hợp.

Về dịch vụ: Đối với nhãn hiệu đối chứng "FALCON SHIPPING, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106139:

Nhóm 37: Các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký gồm: "Cung cấp các trang bị, dịch vụ và đại tu tàu bay; dịch vụ bảo trì và sửa chữa tàu bay; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, cụ thể là, cung cấp tư vấn kỹ thuật trong sửa chữa và đại tu động cơ máy bay; thông tin liên quan tới xây dựng, sửa chữa và bảo trì máy bay". Trong khi đó, ngoài những nhóm khác không liên quan, các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 37 là "sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận tải biển, vận tải đường sông và thiết bị phục vụ vận tải và khai thác dầu khí; dịch vụ vệ sinh tàu dầu và xử lý bùn, cặn dầu; dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và cầu đường".

Nhóm 39: Các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký gồm: "Dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không và đường bộ". Trong khi đó, ngoài những nhóm khác không liên quan, các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 39 là "Dịch vụ vận tải đường biển và dếp dỡ hàng hoá siêu trường, siêu trọng; đại lý tàu biển…".

Về bản chất, các dịch vụ trong nhóm 37 và 39 của nhãn hiệu đăng ký thuộc lĩnh vực hàng không khác với dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng là trong lĩnh vực đường thuỷ. Hai lĩnh vực này có các đối tượng khách hàng khác nhau do đó, chúng không cùng kênh thương mại.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "FALCON F L S LOGISTIC, hình"

được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153410:

Nhóm 37: Các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký gồm: "Cung cấp các trang bị, dịch vụ và đại tu tàu bay; dịch vụ bảo trì và sửa chữa tàu bay; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, cụ thể là, cung cấp tư vấn kỹ thuật trong sửa chữa và đại tu động cơ máy bay; thông tin liên quan tới xây dựng, sửa chữa và bảo trì máy bay". Trong khi đó, ngoài những nhóm khác không liên quan, các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 37 là "Xây dựng cảng biển".

Nhóm 39: Các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký gồm: "Dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không và đường bộ". Trong khi đó, ngoài những nhóm khác không liên quan, các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 39 là "Vận tải biển; đại lý tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ lô-gi-stic…".

Về bản chất, các dịch vụ trong nhóm 37 và 39 của nhãn hiệu đăng ký thuộc lĩnh vực hàng không khác với dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng là trong lĩnh vực đường thuỷ. Hai lĩnh vực này có các đối tượng khách hàng khác nhau do đó, chúng không cùng kênh thương mại.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "FALCON T&T F, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228:

Nhóm 37: Các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký gồm: "Cung cấp các trang bị, dịch vụ và đại tu tàu bay; dịch vụ bảo trì và sửa chữa tàu bay; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, cụ thể là, cung cấp tư vấn kỹ thuật trong sửa chữa và đại tu động cơ máy bay; thông tin liên quan tới xây dựng, sửa chữa và bảo trì máy bay". Trong khi đó, ngoài những nhóm khác không liên quan, các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 37 là "Dịch vụ xây dựng, lắp đặt và hoàn thiện công trình xây dựng".

Nhóm 39: Các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký gồm: "Dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không và đường bộ". Trong khi đó, ngoài những nhóm khác không liên quan, các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 39 là "Dịch vụ cứu hộ, lai dắt tàu biển và các phương tiện thuỷ, hỗ trợ tàu ra vào cảng và phục vụ khai thác dầu khí cụ thể là: dịch vụ cho thuê tàu và sà lan để phục vụ khai thác dầu khí, dịch vụ vận tải đường bộ, đường thuỷ, vận tải đa phương thức, dịch vụ vận tải; xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng; đại lý vận tải và môi giới hàng hải…"

Cũng giống như với hai nhãn hiệu đối chứng nêu trên, về bản chất, các dịch vụ trong nhóm 37 và 39 của nhãn hiệu đăng ký thuộc lĩnh vực hàng không khác với dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng là trong lĩnh vực đường thuỷ. Hai lĩnh vực này có các đối tượng khách hàng khác nhau do đó, chúng không cùng kênh thương mại.

Khách hàng sử dụng dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là các chuyên gia trong các lĩnh vực hàng không và hàng hải, đường

thuỷ. Họ là người đều có kiến thức chuyên môn và luôn kì vọng sự hoàn hảo tuyệt đối từ những dịch vụ được cung cấp. Do đó, trước khi sử dụng các dịch vụ này, họ đều có sự nghiên cứu cẩn trọng, kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng dịch vụ. Do đó khả năng gây nhầm lẫn là không thể xảy ra.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "FALCON COMMAND CENTER" bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FALCON SHIPPING, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106139, nhãn hiệu "FALCON F L S LOGISTIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153410, nhãn hiệu "FALCON T&T F, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228.

- Nhãn hiệu đối chứng "FALCON SHIPPING, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106139 đã đã hết hiệu lực ngày 23/10/2016. Do đó, nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với các nhãn hiệu đối chứng "FALCON F L S LOGISTIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153410 và "FALCON T&T F, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 221228, nhãn hiệu đăng ký có chứa thành phần "FALCON" trùng với thành phần phân biệt chủ đạo của các nhãn hiệu đối chứng, các thành phần kết hợp khác như "COMMAND CENTER", "F L S LOGISTIC" hay "T&T F" đều mang tính mô tả hoặc chỉ đóng vai trò thứ yếu, không đủ tạo nên sự khác biệt đáng kể về tổng thể giữa các nhãn hiệu.

Về phạm vi dịch vụ: các dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký và của các nhãn

hiệu đối chứng đều thuộc các lĩnh vực có liên quan như vận tải, logistics, kỹ thuật, bảo trì và sửa chữa. Các dịch vụ này có thể phục vụ chung nhóm khách hàng, đặc biệt trong các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng hàng không (như nhà ga, nhà chứa máy bay). Xét về bản chất kỹ thuật và đặc điểm sử dụng, các dịch vụ nêu trên có mối liên hệ nhất định hoặc nằm trong chuỗi cung ứng chung. Trong thực tiễn thương mại, nhiều doanh nghiệp logistics cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức và đi kèm các hoạt động kỹ thuật liên quan. Do đó, việc nhiều nhãn hiệu sử dụng yếu tố "FALCON" cho các dịch vụ này có thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của sản phẩm, dịch vụ.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu "FALCON COMMAND CENTER" theo ĐQT số 1262229A là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/33 NTH23 ngày 18/08/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1262229A.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, DASSAULT AVIATION có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và DASSAULT AVIATION (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Số: 150585/QĐ-SHTT.IP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Zott SE & Co. KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00485 ngày 19/4/2017 của Zott SE & Co. KG; địa chỉ: Georg-Zott-Straße 1 86690 Mertingen, Germany; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1283637 theo Thông báo số 2016/01 NDT20 ngày

PTT366

05/01/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5155/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Zott SE & Co. KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Milk Tiger" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1283637 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 và 30 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "TIGER, hình" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 737123, nhãn hiệu "TIGER, hình" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 130290, nhãn hiệu "TIGER" được bảo hộ theo GCNĐKNH 79979 và nhãn hiệu "TIGER, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 183298 theo quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu "Milk Tiger" theo ĐQT số 1283637 với lý do:

Người nộp đơn đồng ý rằng phần chữ "MILK" trong nhãn hiệu đăng ký mô tả các sản phẩm nên xin không bảo hộ riêng phần chữ này trong nhãn hiệu.

Nhãn hiệu đăng ký khác với các nhãn hiệu đối chứng về thị giác, thính giác và ấn tượng tổng thể. Nhãn hiệu đăng ký là cụm từ gồm những từ có nghĩa, "MILK" (nghĩa là sữa) và "TIGER" (nghĩa là hổ). Các từ này khá thông dụng và phổ biến, người tiêu dùng trung bình tại Việt Nam đều có thể đọc và biết về nghĩa của các từ này và do đó có thể phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng, chỉ là từ "TIGER" và/hoặc thêm yếu tố hình con hổ. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

Do nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng nên chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ

trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Milk Tiger" gồm hai từ "Milk Tiger". "Milk" có nghĩa là "sữa" và "Tiger" có nghĩa là "hổ", trong đó, "Tiger" là thành phần tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu, còn "Milk" mang tính mô tả đối với các sản phẩm thuộc nhóm 29 và 30. Trong các nhãn hiệu đối chứng "TIGER" hoặc "TIGER, hình", từ "TIGER" là thành phần duy nhất hoặc thành phần mạnh tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu, thường đi kèm hình ảnh minh họa liên quan đến con hổ, làm tăng khả năng gợi nhớ và nhận diện. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn ở phần chữ "Tiger" với các nhãn hiệu đối chứng cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 29 và 30 do các sản phẩm mang các nhãn hiệu đều thuộc lĩnh vực thực phẩm tiêu dùng nhanh, chế biến sẵn, thường được bày bán chung trong siêu thị, cửa hàng tiện lợi. Đặc biệt, các mặt hàng như sữa chua, kem, bánh, sữa pha, sữa lắc… đều có khả năng bổ trợ hoặc thay thế nhau về mục đích sử dụng, kênh phân phối và nhóm người tiêu dùng. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu "Milk Tiger" theo ĐQT số 1283637 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/01 NDT20 ngày 05/01/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1283637.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Zott SE & Co. KG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Zott SE & Co. KG (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150586/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Fujitsu Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00188 ngày 03/6/2019 của Fujitsu Limited; địa chỉ: 1-1, Kamikodanaka 4-chome, Nakahara-ku, Kawasaki-shi, Kanagawa 21 1-8588 Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-36069 theo Quyết định số 24450/QĐ-SHTT ngày 05/04/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5153/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Fujitsu Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "LifeMark" theo đơn số 4-2015-36069 ngày 22/12/2015 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09 và 42 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "LIFE" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 12525 cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 và 16, nhãn hiệu "Jmarklife, Professional - All for you" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 284262 cho các dịch vụ thuộc nhóm 42 và 45 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "LifeMark" theo đơn số 4-2015-36069 ngày 22/12/2015 với lý do:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "LIFE" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 12525, nhãn hiệu phải được xem xét trong tổng thể và không được phân tách thành các thành phần riêng rẽ để đánh giá tính tương tự.

Dễ dàng nhận biết nhãn hiệu đăng ký "LifeMark" mang ẩn ý "dấu hiệu của sự sống" hay "dấu hiệu của cuộc sống" rõ ràng khác biệt hoàn toàn với "LIFE - sự sống hay cuộc sống". Bên cạnh đó, việc tách dấu hiệu đăng ký "LifeMark" ra thành hai thành phần "Life" và "Mark" cũng như việc tách "dấu hiệu của sự sống" thành "dấu hiệu" và "sự sống" không những đi ngược với nguyên tắc cơ bản trong việc xem xét đáng giá nhãn hiệu mà còn phá vỡ cấu trúc cũng như ý nghĩa của nhãn hiệu. Rõ ràng "LifeMark" có hàm ý rõ ràng chỉ trạng thái sống còn, cụ thể là "dấu hiệu của sự sống, và do vậy không thể chia tách ra thành hai thành phần riêng biệt "dấu hiệu" và "sự sống" rồi quy kết, "Mark" (dấu hiệu) là yếu tố loại trừ nên "Life" (sự sống) là thành phần chính và như vậy "dấu hiệu của sự sống" (LifeMark) không khác biệt với "sự sống" (Life)!

Trong thực tế, ngoài nhãn hiệu đối chứng "LIFE" còn các nhãn hiệu có trước khác có phần chữ "Life" đã được đăng ký cho các sản phẩm tương tự và cùng loại thuộc nhóm 9. Việc này cùng với việc "LifeMark" (dấu hiệu của sự sống) khác biệt hoàn toàn với "Life" (sự sống) nên không thể xảy ra nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu "LifeMark" và "Life".

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "Jmarklife Professional - All for you" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 284262, thành phần "Jmarklilfe" là tổng thể thống nhất và có hàm ý xác định "Cuộc sống của dấu hiệu J" nên không thể tách nó thành 2 thành phần riêng biệt "J" và "marklife" để kết luận "cuộc sống của dấu hiệu" tương tự với "dấu hiệu của sự sống".

"Life" là một từ tiếng Anh mang nhiều nghĩa như "cuộc sống", "sự sống", "đời sống", "tiểu sử, thân thế"..., và rõ ràng phụ thuộc vào từ đi cùng hay ngữ cảnh, "Life" có thể được hiểu và được dịch nghĩa khác nhau. Rõ ràng, "Jmarklife" hay "Lịch sử của dấu hiệu J", và từ đây không ai có thể nhầm lẫn nó với "dấu hiệu của sự sống" (LifeMark).

- Các sản phẩm và dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký chỉ liên quan tới ngành công nghiệp dược phẩm, y tế và chăm sóc sức khỏe, thực tế những nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký ngoài trình độ chuyên môn hiểu biết về phần mềm, máy tính còn phải có hiểu biết về lĩnh vực dược phẩm, y tế; trên thực tế số lượng các nhà cung cấp phần mềm máy tính và dịch vụ thiết kế phần mềm nói chung và phần mềm sử dụng trong ngành công nghiệp dược phẩm, y tế, chăm sóc sức khỏe không nhiều, do vậy khả năng nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu có trước không thể xảy ra.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "LifeMark" là sự kết hợp của hai từ tiếng Anh "Life" và "Mark" có nghĩa tạm dịch "dấu hiệu của sự sống" hay "dấu hiệu của cuộc sống" khác với nhãn hiệu đối chứng "LIFE" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 12525 có nghĩa là "sự sống hay cuộc sống". Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng

- Tuy nhiên, đối với nhãn hiệu đối chứng "Jmarklife, Professional - All for you" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 284262, thành phần phân biệt "Jmarklife" với cách thể hiện cách điệu được nhận biết là "marklife và hình", và nhãn hiệu đăng ký "LifeMark" là sự đảo trật tự từ của thành phần phân biệt "marklife" của nhãn hiệu đối chứng, các sản phẩm và dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký tương tự và có liên quan với các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng, do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về

nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm và dịch vụ mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp.

Do vậy, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng "Jmarklife, Professional - All for you" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 284262 là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "LifeMark" theo đơn số 4-2015-36069 ngày 22/12/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 24450/QĐ-SHTT ngày 05/04/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-36069 ngày 22/12/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Fujitsu Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Fujitsu Limited (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150587/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Costa Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2022-01117 ngày 19/9/2022 của Costa Limited; địa chỉ: Whitbread Court, Houghton Hall Business Park, Porz Avenue, Dunstable, Bedfordshire, LU5 5XE, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-33196 theo Quyết định số 65187/QĐ-SHTT ngày 28/07/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5142/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Costa Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "COSTA COFFEE" theo đơn số 4-2018-33196 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 và 32 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì (i) nhãn hiệu chứa dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ; và (ii) tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "COSTA, hình" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1146048, theo quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "COSTA COFFEE" theo đơn số 4-2018-33196 với lý do:

- "Costa Coffee" là chuỗi cửa hàng bán cà phê của Anh được thành lập từ năm 1971, việc các sản phẩm cà phê và sản phẩm đồ uống không chứa cà phê mang nhãn hiệu "Costa Coffee" có mặt trên thị trường trong suốt 50 năm qua chứng tỏ rằng người tiêu dùng không thể nhầm lẫn các sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký có nguồn gốc từ cà phê, do vậy nhãn hiệu đăng ký "COSTA COFFEE, hình" không làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm. Do "COFFEE" mang tính mô tả sản phẩm mang nhãn hiệu nên người nộp đơn xin giới hạn phạm vi bảo hộ, không bảo hộ riêng đối với phần "COFFEE".

- Nhãn hiệu đăng ký khác với nhãn hiệu đối chứng về thị giác, thính giác và ấn tượng tổng thể. Nhãn hiệu đăng ký đơn thuần là nhãn hiệu chữ gồm hai thành phần "COSTA" và "COFFEE " được trình bày cách điệu, trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu hình chữ kết hợp bao gồm phần hình tứ giác màu đen được bo tròn bốn góc, bên trong có chữ "COSTA" màu trắng được đặt trên đường lượn sóng màu trắng.

Chính vì tồn tại sự khác biệt giữa hai nhãn hiệu đang xem xét nên chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn đã đi đến một thỏa thuận song song cùng tồn tại hai nhãn hiệu không chỉ tại thị trường Việt Nam mà còn tại rất nhiều các quốc gia khác trên toàn thế giới. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cũng đã đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký "COSTA COFFEE, hình" tại thị trường Việt Nam.

Người nộp đơn đã cam kết thực hiện những biện pháp cần thiết nhằm tránh tuyệt đối việc gây ra sự nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu cho người tiêu dùng Việt nam. Cụ thể, trên tất cả bao gói mang nhãn hiệu đăng ký sẽ cùng xuất hiện với tên người nộp đơn, công ty "Costa Limited", và do vậy người tiêu dùng sẽ không nhầm lẫn về nguồn gốc của các sản phẩm mang các nhãn hiệu.

Người nộp đơn đã và đang sở hữu các nhãn hiệu "COSTA" theo GCNĐKNH số 287083, "COSTA COFFEE SINCE 1971, hình" theo GCNĐKNH số 274318, "COSTA" theo GCNĐKNH số 125576 cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự thuộc các nhóm 30 và 43 tại Việt Nam. Điều này chứng tỏ việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2018-33196 bởi người nộp đơn không xâm phạm đến quyền và lợi ích của chủ nhãn hiệu đối chứng, do đó, việc lầm tưởng rằng nhãn hiệu xin đăng ký là biến thể của nhãn hiệu đối chứng hoặc hai nhãn hiệu đó có cùng một nguồn gốc là không thể xảy ra.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ."

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "COSTA COFFEE" có phần chữ "COSTA" là thành phần phân biệt trùng với phần chữ "COSTA" của nhãn hiệu đối chứng "COSTA, hình". Đồng thời, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là các loại đồ uống có nguồn gốc từ sữa, ngũ cốc, trái cây hoặc là đồ uống không cồn, do đó, khi được lưu hành trên thị trường dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang hai nhãn hiệu là từ một nhà cung cấp. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, nên đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "COSTA COFFEE" theo đơn số 4-2018-33196 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 65187/QĐ-SHTT ngày 28/07/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-33196 ngày 26/09/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Costa Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Costa Limited (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Số: 150588/QĐ-SHTT.IP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Đặng Ngọc Huyền
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-00656 ngày 30/6/2021 của Ông/Bà Đặng Ngọc Huyền; địa chỉ: Số 20B phố Hàng Ngang, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-42925 theo Quyết định số 31914/QĐ-SHTT ngày 22/4/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5273/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Đặng Ngọc Huyền với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

nhãn hiệu số 4-2017-42925 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 31914/QĐ-SHTT ngày 22/4/2021, căn cứ khoản 5 Điều 73 và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do là dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ, và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 155173 ngày 25/11/2010 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Theo Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu bị từ chối nếu chứa dấu hiệu gây hiểu sai lệch hoặc lừa dối về nguồn gốc, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị, v.v., của hàng hóa/dịch vụ. Người nộp đơn đã khắc phục bằng cách loại bỏ các yếu tố gây nhầm lẫn và đã phản hồi theo Công văn phúc đáp Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 49045/SHTT-NH ngày 19/10/2020 cho đơn số 4-2017-42925 (Bản sao công văn và mẫu nhãn hiệu sau chỉnh sửa đã được nộp kèm theo).

(ii) Theo Điều 74.2(e) Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu bị từ chối nếu trùng/tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã đăng ký sớm hơn. Nhãn hiệu đăng ký được cho là trùng/tương tự với nhãn hiệu đối chứng "LAVIS ONE VS, hình".

- Tuy nhiên, văn bằng này đã chấm dứt hiệu lực vì chủ sở hữu (Công ty TNHH Lavis One Việt Nam) không còn tồn tại. Cơ sở pháp lý: Điểm c Khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ. Cơ sở thực tiễn: Công ty đã giải thể (có thông báo từ Sở KHĐT Long An ngày 30/11/2020), đóng mã số thuế từ 13/04/2017 (tra cứu từ Tổng cục Thuế). Do đó, văn bằng số 155173 không còn hiệu lực, không đủ điều kiện làm nhãn hiệu đối chứng.

- Văn bằng bảo hộ số 155173 đã mất hiệu lực do không được sử dụng liên tục trong 5 năm mà không có lý do chính đáng, theo điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ. Cơ sở thực tiễn: Công văn số 79-05/VKTTC-BTTT-CVNH của Viện Kinh tế Tài chính xác nhận không có thông tin nào về việc sử dụng nhãn hiệu "LAVIS ONE VS, hình" cho các sản phẩm thuộc Nhóm 35 từ 01/12/2012 đến 19/11/2020. Nhãn hiệu đã không được sử dụng gần 8 năm liên tục, nên đủ căn cứ chấm dứt hiệu lực, không còn là nhãn hiệu đối chứng hợp lệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "*Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ*".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 của Luật này*".

Khoản 4 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định việc chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ: "*Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với trường hợp quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều này với điều kiện phải nộp phí, lệ phí*".

Điểm 17.1.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Việc sửa đổi, bổ sung đơn không được mở rộng phạm vi (khối lượng) bảo hộ đã bộc lộ trong bản mô tả đối với đơn đăng ký sáng chế, trong bản mô tả và bộ ảnh chụp/bản vẽ đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, trong mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hoá, dịch vụ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu và không được làm thay đổi bản chất của đối tượng nêu trong đơn. Nếu việc sửa đổi làm mở rộng phạm vi (khối lượng) bảo hộ hoặc làm thay đổi bản chất đối tượng thì không được chấp nhận, người nộp đơn phải nộp đơn mới và mọi thủ tục được tiến hành lại từ đầu*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

LAVISH H BABYKOREA COSMETIC

2.1. Nhãn hiệu đăng ký bao gồm thành phần chữ "H BABYKOREA COSMETIC" chứa yếu tố "BABYKOREA" viết liền, không mang nghĩa rõ ràng, hoặc khẳng định về xuất xứ.

2.2. Người nộp đơn đã đề nghị loại bỏ thành phần chữ này ra khỏi mẫu nhãn hiệu đăng ký. Nhãn hiệu đăng ký "LAVISH H BABYKOREA COSMETIC" được trình bày thành dòng tương ứng với hai thành phần chữ, trong đó "H BABYKOREA COSMETIC" là thành phần phụ thể hiện bằng cỡ chữ nhỏ, được đặt hàng dưới so với phần chữ "LAVISH", tạo nên tổng thể cấu trúc dấu hiệu. Việc loại bỏ thành phần chữ này ra khỏi mẫu nhãn hiệu đăng ký làm thay đổi bố cục trình bày, cảm nhận thị giác, do đó làm thay đổi bản chất

của nhãn hiệu so với ban đầu, không đáp ứng quy định tại điểm 17.1.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

2.3. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng (Công ty TNHH Lavis One Việt Nam) đã giải thể, đóng mã số thuế và không còn tồn tại về mặt pháp lý, đồng thời cũng không được sử dụng liên tục trong suốt gần 8 năm. Tuy nhiên, việc giải thể, không còn hoạt động kinh doanh không thay thế thủ tục chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, tại thời điểm ban hành, Quyết định số 31914/QĐ-SHTT là phù hợp.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại về dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc sửa đổi mẫu nhãn hiệu đăng ký và việc chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng, căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74, khoản 4 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 17.1.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-42925 ngày 22/12/2017 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 31914/QĐ-SHTT ngày 22/4/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-42925 ngày 22/12/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Đặng Ngọc Huyền có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Đặng Ngọc Huyền (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150589/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Dr. August Wolff GmbH & Co. KG Arzneimittel
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2020-01262 ngày 16/12/2020 của Dr. August Wolff GmbH & Co. KG Arzneimittel; địa chỉ: Sudbrackstrasse 56, D-33611 Bielefeld, Germany; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech (nay là Công ty TNHH Đại Tín và Liên Doanh); khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-21386 ngày 11/8/2015 theo Quyết định số 77991/QĐ-SHTT ngày 23/9/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5304/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Dr. August Wolff GmbH & Co. KG Arzneimittel với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Vagisan" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-21386 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 77991/QĐ-SHTT ngày 23/9/2020, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 133855 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do ngày 04/8/2015 đã nộp Đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng với số ghi nhận ĐN1-2015-00177. Theo đó, người nộp đơn cho rằng, trong trường hợp này việc thẩm định Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-21386 phải được tạm dừng cho đến khi có kết quả của Đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2015-00177. Vì vậy, việc Quý Cục ban hành Quyết định số 77991/QĐ-SHTT đề ngày 23/9/2020 từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký khi chưa có kết quả của thủ tục chấm dứt hiệu lực nêu trên, là không phù hợp và không có cơ sở.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.*

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Kết quả xử lý đơn số ĐN1-2015-00177 ngày 04/8/2015 yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng được nộp trước ngày Quyết định từ chối số 77991/QĐ-SHTT ngày 23/9/2020 và có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định của đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-21386. Vì thế, Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận khôi phục thẩm định.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2015-21386 ngày 11/8/2015.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 77991/QĐ-SHTT ngày 23/9/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-21386 ngày 11/8/2015.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-21386 ngày 11/8/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định nhãn hiệu, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Dr. August Wolff GmbH & Co. KG Arzneimittel (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Doanh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150590/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CURADEN AG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2017-00605 ngày 29/5/2017 của CURADEN AG; địa chỉ: Amlehnstrasse 22 6010 Kriens, Switzerland; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế 1288571 theo Thông báo số 2016/06 LMT18 ngày 07/02/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5393/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CURADEN AG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BLACK IS WHITE" theo đơn quốc tế số 1288571 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2016/06 LMT18 ngày 07/02/2017, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 79481, 190446 và 224085.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu "BLACK IS WHITE" có khả năng phân biệt rõ ràng, khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng:

- Khác biệt về tổng thể và ngữ nghĩa: Các nhãn hiệu đối chứng chỉ được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng các từ "BLACK", "&", "WHITE" hay cụm "BLACK & WHITE". "BLACK & WHITE" có nghĩa thông thường là "Đen và Trắng". "BLACK IS WHITE" có cấu trúc ngữ nghĩa bất thường ("Đen là Trắng") nên tạo ra sự khác biệt rõ ràng, dễ nhận biết.

- Khả năng phân biệt thông qua sử dụng: Nhãn hiệu "BLACK IS WHITE" đã được chấp nhận bảo hộ và sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia (EU, Na Uy, Thụy Sỹ, Trung Quốc, Úc, v.v.).

- Sự khác biệt về danh mục sản phẩm: Các nhãn hiệu đối chứng chỉ đăng ký cho "mỹ phẩm". Nhãn hiệu "BLACK IS WHITE" được đăng ký cho danh mục sản phẩm đa dạng hơn trong nhóm 03.

(ii) Minh chứng nhãn hiệu "BLACK IS WHITE" đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng, cụ thể:

- Hóa đơn và hình ảnh quảng cáo sản phẩm trên các website nổi tiếng như The K Faktor (thekfaktor.de), Love and Urban (loveandurban.com), Beauty Blogger Cafe (annabelle.ch).

- Hình ảnh sản phẩm xuất hiện trên nhiều tạp chí lớn như Dental Tribune, Men's Health, Women's Health và các ấn phẩm về sức khỏe - làm đẹp.

- Bản sao hóa đơn bán hàng với số lượng và giá trị lớn, chứng minh hoạt động thương mại thực tế của nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký*

được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này*".

Điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN quy định dấu hiệu đã và đang được sử dụng với chức năng nhãn hiệu và được người tiêu dùng biết đến một cách rộng rãi và nhờ đó nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

GCNĐKNH số 224085 đã chấm dứt hiệu lực ngày 20/11/2018 và không được gia hạn. Do đó không còn là căn cứ đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký.

Đối với hai nhãn hiệu đối chứng còn lại:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều chứa các thành phần chữ tương tự về mặt cấu trúc. Cụ thể, các nhãn hiệu đều có thành phần chữ "BLACK ... WHITE" có dạng 3 thành phần, cùng thứ tự trình bày bắt đầu bằng "BLACK" kết thúc là "WHITE", trong đó các từ "BLACK" và "WHITE" mang ý nghĩa màu sắc đối lập "trắng" và "đen", được thể hiện bằng cỡ chữ lớn, gây ấn tượng mạnh và là thành phần có khả năng phân biệt về mặt thị giác và ngữ nghĩa.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Mỹ phẩm mang các nhãn hiệu đối chứng trùng hoặc tương tự với các sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 03 mang nhãn hiệu đăng ký.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối tương tương tự về cấu trúc, đồng thời đăng ký cho hàng hóa trùng hoặc tương tự nhau, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

Việc nhãn hiệu "BLACK IS WHITE" đã được bảo hộ và sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia như Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sỹ, Trung Quốc, Úc, v.v., và sản phẩm đã xuất hiện trên các website uy tín như The K Faktor, Love and Urban, Beauty Blogger Cafe, cũng như nhiều tạp chí lớn như Dental Tribune, Men's Health, Women's Health, v.v., và các hóa đơn bán hàng với số lượng và giá trị lớn chỉ là các hoạt động ở nước ngoài, chưa đưa ra được tài liệu cụ thể chứng minh việc sử dụng một cách rộng rãi, liên tục và theo đúng dạng nhãn hiệu đăng ký, bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị được thực hiện tại thị trường Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1288571 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/06 LMT18 ngày 07/02/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1288571.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CURADEN AG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CURADEN AG (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 158715/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 618725

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (sau đây gọi là Nghị định số 65/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN5-2024-00436 ngày 23/12/2024 của Công ty TNHH Shinsung Việt Nam, địa chỉ: Ấp Đức Hạnh II, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam; yêu cầu chấm dứt hiệu lực đăng ký quốc tế số 618725 cấp ngày 19/7/2012 cho BUDO LAND Sportartikel Vertriebs-GmbH;

BTT367

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực ĐKQT

Ngày 23/12/2024, Công ty TNHH Shinsung Việt Nam yêu cầu chấm dứt hiệu lực Đăng ký quốc tế số 618725 bảo hộ nhãn hiệu "TOPTEN, hình" cấp ngày 19/7/2012 cho BUDO LAND Sportartikel Vertriebs-GmbH với lý do nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng. Căn cứ kèm theo là Công văn số 102/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 20/12/2024 của Viện Kinh tế Tài chính, Học viện Tài chính, Bộ Tài chính.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực ĐKQT

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực;

2. Nhận định, đánh giá:

Căn cứ Công văn số 102/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 20/12/2024 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính, Bộ Tài chính xác nhận không có thông tin về việc sử dụng nhãn hiệu "TOPTEN, hình" theo Đăng ký quốc tế số 618725 tại Việt Nam trong khoảng thời gian từ ngày 01/12/2019 đến ngày 20/12/2024, tức là khoảng thời gian năm năm liên tục trước ngày nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực.

Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 13164/SHTT-TTKN.ip ngày 30/12/2024 gửi đến chủ sở hữu văn bằng để yêu cầu cung cấp ý kiến và tài liệu chứng minh việc sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam. Tuy nhiên, đại diện của chủ sở hữu – Công ty Luật TNHH T&G – chỉ có các văn bản số 1339/2025/-TGVN ngày 31/3/2025 đề nghị gia hạn trả lời và văn bản số 1835/2025-TGVN ngày 23/4/2025 đề nghị đình chỉ việc xem xét đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực, viện dẫn lý do đã có đơn rút yêu cầu chấm dứt do Công ty TNHH SHTT Thảo Thọ Quyến nộp ngày 28/3/2025 (số đơn RĐ5-2025-00166).

Tuy nhiên, căn cứ theo đơn số 793/CL-HUY-RD ngày 02/4/2025 của Công ty TNHH SHTT Thảo Thọ Quyến, đơn rút nói trên đã được rút lại và yêu cầu tiếp tục xem xét đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực vẫn còn giá trị. Cục Sở hữu trí tuệ đã thông báo nội dung này cho Công ty Luật TNHH T&G tại Công văn số

94909/SHTT-TTKN.ip ngày 07/7/2025, tuy nhiên, phía đại diện không có phản hồi bổ sung hoặc cung cấp bất kỳ tài liệu nào chứng minh việc sử dụng nhãn hiệu trong thời gian nêu trên.

Từ các nhận định và đánh giá trên đây, yêu cầu của Công ty TNHH Shinsung Việt Nam về việc chấm dứt hiệu lực Đăng ký quốc tế số 618725, cấp ngày 19/7/2012 cho BUDO LAND Sportartikel Vertriebs-GmbH là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực ĐKQT số 618725, cấp ngày 19/7/2012 của BUDO LAND Sportartikel Vertriebs-GmbH theo yêu cầu của Công ty TNHH Shinsung Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực Đăng ký quốc tế số 618725, cấp ngày 19/7/2012 cho BUDO LAND Sportartikel Vertriebs-GmbH theo yêu cầu của Công ty TNHH Shinsung Việt Nam.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Gửi Quyết định này cho Văn phòng quốc tế của Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) để chuyển tiếp cho BUDO LAND Sportartikel Vertriebs-GmbH có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BUDO LAND Sportartikel Vertriebs-GmbH (gửi qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty TNHH Shinsung Việt Nam (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) (để biết);
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 158822/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Meet Group, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2021-01050 ngày 30/11/2021 của The Meet Group, Inc.; địa chỉ: 100 Union Square Drive, New Hope, Pennsylvania 18938, United States of America; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-16580 ngày 07/06/2017 theo Quyết định số 61786/QĐ-SHTT ngày 23/7/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5525/BC-TTKN

ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The Meet Group, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "MEETME" theo đơn số 4-2017-16580 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "MEETME" theo GCNĐKNH số 221570 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "MEETME" theo đơn số 4-2017-16580 với các lý do sau:

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "MEETME" theo GCNĐKNH số 221570 đã chuyển nhượng sang cho người nộp đơn: Thực tế, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 221570 là Michael Johnson (được biết đến là "Mike Johnson") có địa chỉ tại: c/o SNR Denton US LLP, P.O. Box 061080. Wacker Drive Station, Willis Tower, Chicago, Illinois 60606-1080, United States) đã chuyển nhượng nhãn hiệu đối chứng sang cho chủ đơn là The Meet Group, Inc. (trước đây là MEETME, Inc.) có địa chỉ tại: 100 Union Square Drive, New Hope, Pennsylvania 18938, United States of America.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Do chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "MEETME" theo GCNĐKNH số 221570 đã chuyển nhượng nhãn hiệu sang cho người nộp đơn, theo đó tên và địa chỉ của người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng thống nhất như sau: The Meet Group, Inc.; địa chỉ: 100 Union Square Drive, New Hope, Pennsylvania 18938, United States of America theo Quyết định ghi nhận số 6715/QĐ ngày 30/12/2022. Do vậy, nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 221570 không còn là đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-16580 ngày 07/06/2017, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 61786/QĐ-SHTT ngày 23/7/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-16580 ngày 07/06/2017.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-16580 ngày 07/06/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Meet Group, Inc. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 158824/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Detmold Packaging Pty Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-00166 ngày 21/02/2017 của Detmold Packaging Pty Ltd; địa chỉ: 45 Chief Street, BROMPTON SA 5007, Australia; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1261539 theo Thông báo số 2015/32 NNL09 ngày 10/8/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5200/BC-

TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Detmold Packaging Pty Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "I AM ECO" theo đơn quốc tế số 1261539 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "eco ++, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 234161 của Công ty cổ phần giấy Sài Gòn, "eco, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 244097 của Công ty cổ phần giấy Phùng Vĩnh.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1261539 với lý do như sau:

"ECO" là viết tắt của từ tiếng Anh "ecologic" (có nghĩa tiếng Việt là "sinh thái học"). Hiện nay "ECO" là một thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong cuộc sống nhằm chỉ các sản phẩm/dịch vụ thân thiện với môi trường.
Nhãn hiệu đăng ký là cụm từ tiếng Anh "I AM ECO" viết hoa theo phông chữ tiêu chuẩn. Được đọc là "i am eco" và có nghĩa tiếng Việt là "tôi là một sản phẩm sinh thái học".

Nhãn hiệu đối chứng theo Đăng bạ quốc gia nhãn hiệu số 234161 là từ "eco" viết thường và hình hai dấu cộng được trình bày trong một hình chữ nhật cách điệu. Được đọc là "eco" và có nghĩa tiếng Việt là "sinh thái học"

Nhãn hiệu đối chứng theo Đăng bạ quốc gia nhãn hiệu số 244097 là từ "ECO" viết cách điệu được trình bày trong một hình chữ nhật cách điệu. Được đọc là "eco" và có nghĩa tiếng Việt là "sinh thái học".

Tại Việt Nam, có nhiều các nhân/tổ chức đã sử dụng từ "ECO" trong việc đăng ký nhãn hiệu và Cục cũng đã bảo hộ nhãn hiệu có chứa chữ "ECO" cho các hàng hóa thuộc Nhóm 16 dưới tên các chủ sở hữu khác nhau.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "I AM ECO" được trình bày bằng chữ viết hoa, không có dấu hiệu trùng lặp hình ảnh hay bố cục thị giác với nhãn hiệu đối chứng. Về ý nghĩa, dấu hiệu đăng ký truyền tải thông điệp riêng biệt, không đồng nhất với các nhãn hiệu đối chứng mang ý nghĩa mô tả đơn thuần như "ECO". Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1261539, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/32 NNL09 ngày 10/8/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1261539.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1261539.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Detmold Packaging Pty Ltd (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 158825/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của "International Masis Tabak" LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2020-01027 ngày 22/10/2020 của "International Masis Tabak" LLC; địa chỉ: 10, Hrant Vardanyan street, 0802 Masis, Ararat Region, Armenia; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1361254 theo Quyết định số 676/QĐ-SHTT ngày 28/02/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5502/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của "International Masis Tabak" LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MASIS" theo đơn quốc tế số 1361254 bị từ chối bảo hộ nhóm 34 do là dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1361254 với lý do như sau:

Do đại dịch Covid đã cản trở và gián đoạn hệ thống thông tin liên lạc nên người nộp đơn chỉ biết đến Thông báo và Quyết định số 676/QĐ-SHTT ngày 28/02/2020 ngày 23/9/2020.

Masis là tên của một thị trấn ở Armenia nhưng thị trấn Masis chỉ có danh tiếng về danh lam thắng cảnh và thể thao. Trong khi đó hàng hóa thuộc Nhóm 34 theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1361254 là sản phẩm thuốc lá và khi nhắc tới thuốc lá người tiêu dùng sẽ thường liên tưởng đến các địa danh như Cu Ba hay Sumatra (Indonesia). Chúng tôi khẳng định không có bất cứ thông tin hay tài liệu nào chỉ ra rằng thị trấn Masis (Armenia) có danh tiếng đối với sản phẩm thuốc lá.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu đăng ký đứng độc lập và không đi kèm với những từ chỉ nguồn gốc xuất xứ như "*được sản xuất tại...*" hoặc "*áp dụng công nghệ từ ...*" hoặc "*có nguồn gốc từ ...*" nên người tiêu dùng khó có khả năng liên tưởng khi thị trấn Masis là tên địa danh còn mới mẻ và chưa nổi tiếng với người tiêu dùng Việt Nam.

Nhãn hiệu đăng ký lần đầu tiên được sử dụng từ nửa đầu thế kỷ trước, vào năm 1924, dưới thời Liên bang Xô Viết cũ, là thương hiệu được đơn vị sản xuất thuốc lá và xì gà duy nhất thời bấy giờ - "Armtabak" sử dụng. Sau khi Liên Xô sụp đổ, "Armtabak" được tách thành hai công ty thuốc lá nổi tiếng "International Masis Tabak" LLC and "Grand Tobacco" LLC, thương hiệu MASIS theo đó đi cùng "International Masis Tabak" LLC đến vùng núi Ararat, và khi người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng vùng đất trên trong chiến tranh, họ đã lấy tên từ thương hiệu thuốc lá Masis đặt luôn cho một trong hai đỉnh của dãy Ararat. Kể từ thời điểm này, thương hiệu thuốc lá nổi tiếng đã có thêm một nhiệm vụ là trở thành tên địa danh nơi chính cơ sở sản xuất thuốc lá đặt trụ sở. Qua thời gian, "Ararat" và

"Masis" song song thay thế nhau vừa chỉ địa điểm, vừa là tên gọi sản phẩm thuốc lá truyền thống lâu đời từ thời Liên Xô.

Nhãn hiệu đăng ký đang được bảo hộ tại chính Armenia và đã được công nhận là nhãn hiệu nổi tiếng tại chính quốc gia này từ năm 2009. Do đó, hoàn toàn không có xung đột lợi ích nào giữa Chủ đơn và cộng đồng dân cư/ cộng đồng kinh doanh tại thị trấn Masis (Armenia) liên quan đến việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu MASIS cho sản phẩm thuốc lá.

Hiện nay, hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký được phân phối bởi hệ thống ổn định và thống nhất gồm hơn 10515 cửa hàng tại Armenia và các quốc gia trên thế giới.

Lượng tiêu thụ hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký trên toàn cầu từ năm 2008 (48 500 hộp) đã tăng gấp 506 lần và đạt 24 519 144 hộp trong chín (09) tháng đầu năm 2017.

Hơn nữa, nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại hơn 50 quốc gia bao gồm Jordan, Iran, Iraq, Kurdistan, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ, Georgia, Nga, Belarus,…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Căn cứ vào tình hình thực tế xảy ra trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Cục Sở hữu trí tuệ xét thấy việc người nộp đơn không nhận được Thông báo số 2017/32 NMH43 ngày 22/8/2018 về việc tạm thời từ chối bảo hộ, dẫn đến không thể phúc đáp trong thời hạn quy định, là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ quyết định khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn quốc tế số 1361254.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn quốc tế số 1361254.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 676/QĐ-SHTT ngày 28/02/2020 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1361254.

Điều 2. Thực hiện thủ tục khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn quốc tế số 1361254.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và "International Masis Tabak" LLC (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 3 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 2017/32 NMH43 ngày 22/8/2018./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159544/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2013-00074 ngày 16/01/2013 của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel); địa chỉ: Số 1 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Tân Hà; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-15677 ngày 23/7/2010 theo Quyết định số 58617/QĐ-SHTT ngày 18/10/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5519/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Pixshare Cùng bạn chia sẻ hình ảnh và video" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-15677 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 58617/QĐ-SHTT ngày 18/10/2012, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không mang tính mô tả. "Pixshare" là một từ tự tạo, không có ý nghĩa cụ thể trong từ điển. Phần chữ này là sự kết hợp giữa hai thành tố "Pix" (màu xanh lá cây), là từ tiếng Anh mang nghĩa "bức tranh", tuy nhiên đây là cách viết hiếm gặp và không phổ biến so với từ thông dụng "picture" và "Share" (màu xanh đen), mang nghĩa "chia sẻ". Việc kết hợp một từ phổ biến như "Share" với một từ hiếm như "Pix" tạo nên một dấu hiệu độc đáo, khác biệt. Trong tiếng Việt, người dùng thường chỉ quen thuộc với từ "picture" khi nói đến tranh ảnh, do đó "Pix" tạo cảm giác mới lạ và khó gây nhầm lẫn. Theo tra cứu trên Wikipedia, chỉ có khoảng 15 mục có liên quan đến từ "Pix" hoặc "PIX", phần lớn mang nghĩa khác như Cisco PIX (tường lửa), Microsoft PIX (công cụ phân tích), hoặc tên hãng phim, chương trình phần mềm. Tính đến ngày 23/11/2011, kết quả tìm kiếm từ "Pixshare" trên Google cũng chỉ cho ra 433 kết quả, cho thấy đây là từ không phổ biến và ít được sử dụng. Trên thực tế, "chia sẻ hình ảnh" thường được dùng là "photo sharing" hoặc "sharing picture" thay vì "Pixshare". Vì vậy, "Pixshare" có tính phân biệt cao và không dễ gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu khác.

- Nhãn hiệu đăng ký không đơn thuần là tập hợp các chữ cái thông thường mà được thể hiện dưới dạng tổng thể với màu sắc ấn tượng và bố cục rõ ràng. Cụ thể, chữ "Pix" được hiển thị bằng màu xanh lá cây tươi sáng, mang lại cảm giác trẻ trung, sáng tạo; trong khi đó chữ "share" có màu xanh đen, tạo sự cân bằng và chuyên nghiệp. Phía dưới dòng chữ "Pixshare" là khẩu hiệu "cùng bạn chia sẻ hình ảnh và video", được sắp xếp thẳng hàng và hỗ trợ ý nghĩa cho nhãn hiệu. Theo hướng dẫn của Hiệp hội Nhãn hiệu Quốc tế (INTA) và thực tiễn xét nghiệm nhãn hiệu trên thế giới, việc thể hiện chữ cách điệu và sử dụng màu sắc không chỉ làm tăng tính nhận diện mà còn giúp nhãn hiệu trở nên độc đáo, khác biệt, qua đó giới hạn phạm vi bảo hộ cụ thể và tăng tính phân biệt với các nhãn hiệu khác. Điểm 39.6.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN cũng đã thể hiện nhận định này khi đánh giá tính phân biệt của dấu hiệu kết hợp giữa dấu hiệu

là dấu hiệu chữ hoặc dấu hiệu hình có khả năng phân biệt, mặc dù thành phần còn lại không có hoặc ít có khả năng phân biệt".

- Bhãn hiệu "Pixshare" là một từ do người nộp đơn tự đặt, không có nghĩa rõ ràng trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh. Dù có tách riêng hai yếu tố cấu thành là "Pix" (gợi ý đến từ "picture") và "share" (chia sẻ), thì sự kết hợp này cũng không mang tính mô tả đối với bất kỳ nhóm hàng hóa/dịch vụ nào trong các nhóm đăng ký là 09, 16, 35, 38 và 42. Ngoài ra, theo hướng dẫn của INTA, việc đánh giá tính mô tả cần dựa vào tổng thể nhãn hiệu, không được tách riêng từng yếu tố. Chỉ khi toàn bộ nhãn hiệu mang nghĩa mô tả trực tiếp về thành phần, đặc tính hoặc cách sử dụng hàng hóa/dịch vụ thì mới bị coi là mô tả. Thêm vào đó không được suy diễn hay tưởng tượng để gán ý nghĩa mô tả cho nhãn hiệu. Nếu người tiêu dùng phải suy nghĩ hoặc phân tích mới hiểu được ý nghĩa mô tả thì nhãn hiệu đó được coi là có khả năng phân biệt. Việc đánh giá phải dựa trên cảm nhận tức thì và hiểu biết chung của người tiêu dùng thông qua nguồn như từ điển, Internet, thuật ngữ chuyên ngành. "Pix" là cách viết hiếm gặp và ít thông dụng thay cho "picture", không phải là một từ phổ biến trong ngôn ngữ thông thường của người tiêu dùng Việt Nam.

- "Pixshare" là một từ tự tạo ra từ sự kết hợp giữa "pix" (một từ hiếm gặp) và "share", không mang nghĩa mô tả rõ ràng. Thực tế tìm kiếm cho thấy 99% kết quả liên quan đến "pixshare" đều dẫn về người nộp đơn, chứng tỏ người tiêu dùng chỉ biết đến nhãn hiệu này qua hoạt động quảng bá của người nộp đơn. Do đó, người tiêu dùng bình thường sẽ nhận diện "Pixshare" là một nhãn hiệu riêng biệt, không có tính mô tả hàng hóa hoặc dịch vụ.

- Mặc dù nhãn hiệu "Pixshare" mới được giới thiệu, nhưng các dịch vụ và chương trình do người nộp đơn triển khai đã đạt được sự nhận biết rộng rãi. Trong hơn 433.000 kết quả tìm kiếm Google, khoảng 99% đều dẫn đến dịch vụ của người nộp đơn, cho thấy mức độ gắn bó và nhận diện cao từ người tiêu dùng. Là một tập đoàn lớn như Viettel, mọi hoạt động đều được thực hiện theo kế hoạch bài bản. Việc buộc phải thay đổi nhãn hiệu khi dịch vụ đã ổn định sẽ gây xáo trộn nghiêm trọng đến hệ thống vận hành, ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng.

- Ngoài ra, người nộp đơn còn dẫn chứng nhãn hiệu tương tự đã được cấp văn bằng bảo hộ sau khi có ý kiến giải trình theo cách tương tự như nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

Điểm 39.5.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định các ngoại lệ sau đây được áp dụng khi đánh giá khả năng phân biệt của dấu hiệu chữ và dấu hiệu hình: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế*".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Nhãn hiệu đăng ký Pixshare Cùng bạn chia sẻ hình ảnh và video bao gồm phần chữ "Pixshare" có thể nhận biết thành hai yếu tố "Pix" là dạng viết tắt không chính thức của "pictures" có nghĩa tiếng Việt "hình ảnh" hoặc "ảnh chụp" và "share" có nghĩa là "chia sẻ". Phần chữ này có thể khiến người sử dụng liên tưởng đến ý nghĩa "chia sẻ hình ảnh" mô tả sản phẩm, dịch vụ đăng ký. Trong tổng thể bố cục, phần chữ "Pixshare" được trình bày với cỡ chữ lớn ở hàng trên, với "Pix" có màu xanh lá cây, "share" mang màu xanh đen đậm, tạo sự tương phản về mặt thị giác. Phía dưới là dòng chữ "Cùng bạn chia sẻ hình ảnh và video" được trình bày với cỡ chữ nhỏ, thẳng hàng. Tổng thể dấu hiệu bố cục hai tầng cân đối, màu sắc đặc trưng.

2.2. Người nộp đơn cũng đã cung cấp các tài liệu chứng minh nhãn hiệu đã được sử dụng và biết đến rộng rãi gắn với các dịch vụ của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel).

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-15677 ngày 23/7/2010, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 58617/QĐ-SHTT ngày 18/10/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2010-15677 ngày 23/7/2010.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng phần chữ "Pixshare", "Cùng bạn chia sẻ hình ảnh và video", nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-15677 ngày 23/7/2010.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) (qua Văn phòng Luật sư Tân Hà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159545/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Marico Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2018-00606 ngày 20/9/2018 của Marico Limited; địa chỉ: 7th Floor, Grande Palladium, 175 C.S.T. Road, Kalina, Santacruz (E), Mumbai - 400 098, India; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-11770 theo Quyết định số 43630/QĐ-SHTT ngày 22/6/2018;

NAT779

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5673/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Marico Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "silk-n shine" 

đăng ký theo đơn số 4-2014-11770 ngày 28/5/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 43630/QĐ-SHTT ngày 22/6/2018 đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa vì nhãn hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau đây:

Tổng thể nhãn hiệu là một dấu hiệu có khả năng phân biệt, cụ thể: Dấu hiệu silk-n shine được thể hiện với độ đậm nhạt khác nhau tạo nên được ấn tượng thẩm mỹ độc đáo, sáng tạo. Phần chữ "silk-n" được đặt ở dòng trên mảnh hơn phần chữ "shine" được đặt ở dòng dưới nhưng với màu sắc đậm hơn cùng với một dấu chấm đi kèm theo. Về ý nghĩa, theo từ điển Lạc Việt, "silk" là danh từ, có nghĩa là "tơ" và "lụa"; "shine" cũng là một danh từ có nghĩa là "ánh sáng". "Tơ", "lụa" và "ánh sáng" đều là các sự vật/hiện tượng tự nhiên không phải là dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hay đặc tính khác mang tính mô tả các sản phẩm thuộc nhóm 03 mang nhãn hiệu đăng ký. Do đó, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt, không mang tính mô tả.

Nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng thực tế và quảng bá rộng rãi trên các phương tiện truyền thông.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-11770 ngày 28/5/2014.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của các phần chữ, gồm "silk" có nghĩa là "lụa, tơ"; chữ cái "n" có cách phát âm trong tiếng Anh /en/ tương tự như từ "and" có nghĩa là "và" trong tiếng Việt, do đó thường được sử dụng như một cách viết tắt của từ này; "shine" có nghĩa là "sáng, rực rỡ". "Silk" hay "shine" là các dấu hiệu chữ được sử dụng phổ biến trong việc mô tả tính chất hay công dụng của các hàng hóa liên quan đến mỹ phẩm và làm đẹp, mang hàm ý mềm mượt như lụa, mịn màng như tơ hay sáng hồng rực rỡ, lụa là óng ả. Vì vậy, khi kết hợp lại cụm từ "silk-n shine" sẽ khiến người tiêu dùng liên tưởng đến ý nghĩa "mềm mại và óng ả" hay "sáng bóng và mượt mà" mang tính mô tả đối với hàng hóa là mỹ phẩm, mà cụ thể các chất hay chế phẩm chăm sóc tóc mang nhãn hiệu đăng ký. Mặc dù các phần chữ này có sự cách điệu nhất định nhưng không đủ độc đáo để tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký. Thông tin, tài liệu mà Người khiếu nại cung cấp không đủ căn cứ và cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu tại Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-11770 ngày 28/5/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 43630/QĐ-SHTT ngày 22/6/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-11770 ngày 28/5/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Marico Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Marico Limited (qua Công ty TNHH Dương và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159546/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Callaway Golf Company (US)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2019-00754 ngày 25/11/2019 của Callaway Golf Company (US); địa chỉ: 2180 Rutherford Road, Carlsbad, California 92008-7328, USA; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-10935 ngày 24/04/2017 theo Quyết định số 102090/QĐ-SHTT ngày 14/11/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5468/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Callaway Golf Company (US) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu  "V, hình" đăng ký theo đơn số 4-2017-10935 ngày 24/4/2017 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 102090/QĐ-SHTT ngày 14/11/2019 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 

"V Affection, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 187356, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng về tổng thể nhãn hiệu, danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký và kênh thương mại.

- Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu đã nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực đối với nhãn hiệu đối chứng nêu trên và được Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận theo hồ sơ số ĐN1-2019-00248 ngày 03/9/2019 dựa trên cơ sở nhãn hiệu không được chủ sở hữu sử dụng trong vòng 05 năm liên tục.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-10935 ngày 24/4/2017 sau khi yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng được hoàn tất.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đối chứng "V Affection, hình" đã có yêu cầu chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2019-00248 ngày 03/9/2019 trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 102090/QĐ-SHTT ngày 14/11/2019 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-10935. Xét thấy kết quả giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH đối chứng có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2017-10935 ngày 24/4/2017.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2017-10935 ngày 24/4/2017.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 102090/QĐ-SHTT ngày 14/11/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-10935 ngày 24/04/2017.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-10935 ngày 24/04/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Callaway Golf Company (US) (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159547/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ECOVACS ROBOTICS CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN5-2025-00060 ngày 24/01/2025 của ECOVACS ROBOTICS CO., LTD.; địa chỉ: NO. 518 SONGWEI ROAD, WUSONGJIANG INDUSTRY PARK, GUOXIANG STREET, WUZHONG DISTRICT, SUZHOU, JIANGSU, CHINA; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký quốc tế tại Việt Nam đối với đơn quốc

tế (ĐQT) số 1588675 theo Quyết định số 118281/QĐ-SHTT.IP ngày 10/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5676/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ECOVACS ROBOTICS CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu ECOVACS đăng ký theo ĐQT số 1588675 bị từ chối chấp nhận bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu theo Đăng ký số 409239, ECOVACS ROBOTICS theo ĐKQT số 1372838, nhãn hiệu ECOVACS theo Đơn số 4-2020-13857, và "ECOVAG" theo ĐKQT số 1115288. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Người khiếu nại cũng là chủ sở hữu các nhãn hiệu theo Đăng ký số 409239, ECOVACS ROBOTICS theo ĐKQT số 1372838. Hiện tại địa chỉ chủ sở hữu các nhãn hiệu này đã được ghi nhận thống nhất.

- Nhãn hiệu ECOVACS theo Đơn số 4-2020-13857 không đáp ứng điều kiện bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu ECOVACS ROBOTICS theo ĐKQT số 1372838 của Người khiếu nại. Đơn nhãn hiệu này có đã Thông báo dự định từ chối vào ngày 31 tháng 03 năm 2025.

- Nhãn hiệu đăng ký phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "ECOVAG" theo ĐKQT số 1115288 về cấu trúc, hình thức thể hiện, cách đọc, ấn tượng tổng thể. Hàng hóa thuộc Nhóm 05 mang nhãn hiệu đăng ký cũng phân biệt với hàng hóa thuộc Nhóm 03, 05 mang nhãn hiệu đối chứng về bản chất, mục đích sử dụng, lĩnh vực sử dụng, đối tượng khách hàng, kênh thương mại và lĩnh vực kinh doanh của chủ sở hữu. Ngoài ra, hai nhãn hiệu này đã được chấp thuận bảo hộ đồng thời tại nhiều quốc gia như Úc, Nga và Singapore.

- Với việc nhãn hiệu  theo Đăng ký số 409239,  theo ĐKQT số 1372838 của Người khiếu nại đã được bảo hộ đồng thời với nhãn hiệu "ECOVAG" theo ĐKQT số 1115288, nhãn hiệu đăng ký cũng nên được chấp thuận bảo hộ đồng thời tương tự.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 409239 và 1372838: Hiện tại, tên và địa chỉ của chủ sở hữu các nhãn hiệu nêu trên đã được ghi nhận thống nhất với tên và địa chỉ của chủ nhãn hiệu đăng ký. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên không còn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 1588675.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng đăng ký theo đơn số 4-2020-13857: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng nêu trên có tất cả các ký tự trùng nhau, chỉ khác nhau ở hình thức thể hiện và kiểu chữ nhưng không đủ để tạo nên khả năng phân biệt cho hai nhãn hiệu. Hơn nữa, các sản phẩm thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là có liên quan với các dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng nêu trên. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 1115288: Nhãn hiệu đăng ký có 5/7 ký tự trùng với nhãn hiệu đối chứng nêu trên, sự khác nhau ở kiểu chữ và 2 ký tự cuối "CS" trong nhãn hiệu đăng ký không đủ để tạo nên sự khác biệt cho hai nhãn hiệu về cấu trúc và cách phát âm. Hơn nữa, các sản phẩm thuộc nhóm 05 mang hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng, nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng là ĐKQT số 1115288 và đơn số 4-2020-13857.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1588675 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 118281/QĐ-SHTT.IP ngày 10/10/2024 về việc từ chối chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký quốc tế tại Việt Nam đối với đơn quốc tế số 1588675

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ECOVACS ROBOTICS CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ECOVACS ROBOTICS CO., LTD. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159548/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1102023 của Bray International, Inc. (US) đã bị chấm dứt hiệu vì không được chủ sở hữu gia hạn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

PTT366

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2016-00942 ngày 11/11/2016 của Bray International, Inc.; địa chỉ: 13333 Westland E. Boulevard, Houston, Texas 77041, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH

T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế.

Lý do đình chỉ: đơn quốc tế số 1102023 đã bị chấm dứt hiệu lực từ ngày 17/11/2021 vì không được chủ sở hữu gia hạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Bray International, Inc. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159549/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Catalysis, S.L
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00679 ngày 26/6/2017 của Catalysis, S.L; địa chỉ: Macarena, 14 E-28016 Madrid, Spain; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1144069 theo Thông báo số 2016/09 HBN23 ngày 02/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5430/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Catalysis, S.L với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RENALOF" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1144069 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "RENALUP" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 235127 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 235127 do có sự khác nhau về cấu trúc, cách phát âm và ý nghĩa.

- Về cấu trúc: tuy hai nhãn hiệu cùng chung thành tố "Renal", nhưng thành phần kết thúc "of" của nhãn hiệu nộp đơn không phổ biến, thành phần "up" của nhãn hiệu đối chứng lại quen thuộc, có nghĩa là hướng lên, tích cực.

- Về phát âm: nhãn hiệu đăng ký "RENALOF" được phát âm là /ri:.nə.af/, trong khi các nhãn hiệu đối chứng "RENALUP" được phát âm là /ri:.nə.ʌp/. Âm tiết cuối rõ ràng, không đồng âm thì người tiêu dùng có thể phân biệt được nhất là với sản phẩm liên quan đến sức khỏe thì người tiêu dùng càng thận trọng hơn khi lựa chọn.

- Về ý nghĩa: "renal" là yếu tố gốc mô tả chức năng liên quan đến thận. Do đó các nhãn hiệu sử dụng yếu tố này trong ngành dược phẩm hoặc thực phẩm chức năng là điều bình thường và được chấp nhận, miễn phần còn lại, cụ thể là "of" và "up" tạo nên sự khác biệt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được

hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "RENALOF" và nhãn hiệu đối chứng "RENALUP" đều có chung thành tố "Renal" -phần gốc chuyên nghành, dễ khiến người tiêu dùng nhận thức cả hai nhãn hiệu đều liên quan đến sản phẩm cho thận. Phần đuôi "of" và "up" đều ngắn gọn, dễ hoán vị hoặc nghe nhầm khi giao tiếp, không mang nghĩa rõ ràng để phân biệt. Do nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức nhầm lẫn và không có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1144069 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/09 HBN23 ngày 02/3/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1144069.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Catalysis, S.L có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Catalysis, S.L (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159550/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của THIELMANN AG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2018-00259 ngày 09/4/2018 của THIELMANN AG; địa chỉ: Gubelstrasse 24, CH-6300 Zug, Switzerland; nay là: THIELMANN PORTINOX SPAIN, S.A.; địa chỉ: Carretera de Pulianas km 6 E-18197 Granada , Spain; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; đã được thay thế bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1327805 theo Thông

báo số 2016/53 TDH12 ngày 19/12/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5433/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của THIELMANN AG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "T THIELMANN THE CONTAINER COMPANY, hình" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1327805 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo ĐQT số 1044330 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐQT số 1044330 đã sửa đổi tên và địa chỉ của chủ sở hữu để thống nhất với tên và địa chỉ của chủ ĐQT số 1327805, cụ thể là: THIELMANN PORTINOX SPAIN, S.A., địa chỉ: Carretera de Pulianas km 6, E-18197 Granada, Spain. Do đó, nhãn hiệu theo ĐQT số 1044330 không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "T THIELMANN THE CONTAINER COMPANY, hình" theo ĐQT số 1327805 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo ĐQT số 1044330. Tuy nhiên, chủ sở hữu của nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐQT số 1044330 đã sửa đổi tên và địa chỉ để thống nhất với tên và địa chỉ của chủ ĐQT số 1327805, cụ thể là: A THIELMANN PORTINOX SPAIN, S.A., địa chỉ: Carretera de Pulianas km 6, E-18197 Granada, Spain. Do đó, nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐQT số 1044330 không còn là đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo ĐQT số 1327805, không bảo hộ riêng phần chữ "THE CONTAINER COMPANY", "T", không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2

Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/53 TDH12 ngày 19/12/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1327805.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1327805, không bảo hộ riêng phần chữ "THE CONTAINER COMPANY", "T".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và THIELMANN PORTINOX SPAIN, S.A. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159551/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Or....
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00255 ngày 16/4/2024 của OR YOUNG JOO; địa chỉ: 106-2004, 60, Jamwon-ro, Seocho-gu, Seoul, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-

PTT366

22001 ngày 18/06/2019 theo Quyết định số 11114/QĐ-SHTT.IP ngày 30/01/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5472/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của OR YOUNG JOO với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "LIFESTYLE BRAND MONGDIES 8, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 và các dịch vụ thuộc nhóm 35 theo đơn số 4-2019-22001 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "petit [N] mom, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 381159. OR YOUNG JOO đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-22001 với các lập luận như sau:

- Phần hình của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là những dấu hiệu yếu, không có khả năng phân biệt. Phần hình của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng về bản chất là dấu và "&" được viết cách điệu ở những phông chữ khác nhau.

- Tồn tại các nhãn hiệu có dấu hiệu "&" cách điệu cho các sản phẩm thuộc nhóm 3 đã được bảo hộ.

Do phần hình của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là dấu hiệu yếu, không có khả năng phân biệt nên khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng là không thể xảy ra.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Do dấu hiệu "&" cách điệu đã được sử dụng rộng rãi bởi các chủ thể khác nhau nên khả năng phân biệt yếu. Ngoài dấu hiệu "&" cách điệu, nhãn hiệu đăng ký "LIFESTYLE BRAND MONGDIES 8, hình" còn có phần chữ LIFESTYLE BRAND MONGDIES" khác biệt kết hợp với dấu hiệu "&" cách điệu tạo thành tổng thể nhãn hiệu mang ấn tượng riêng so với nhãn hiệu đối chứng "petit [N] mom, hình" gồm dấu hiệu "&" cách điệu và phần chữ "petit

[N] mom. Do đó, cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký, không bảo hộ riêng dấu "&","LIFESTYLE BRAND".

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-22001 ngày 18/06/2019, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 11114/QĐ-SHTT.IP ngày 30/01/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-22001 ngày 18/06/2019.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-22001 ngày 18/06/2019, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng dấu "&", "LIFESTYLE BRAND".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và OR YOUNG JOO (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159552/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần nông dược Hai
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2021-00752 ngày 02/8/2021 của Công ty cổ phần nông dược Hai; địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-00521 theo Quyết định số 45584/QĐ-SHTT ngày 07/06/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và

báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5474/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần nông dược Hai với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FRESHLEMON" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 theo đơn số 4-2018-00521 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì nhãn hiệu là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do bản thân nhãn hiệu đăng ký có khả năng tự phân biệt:

- Khi xem xét đánh giá khả năng phân biệt tự thân của một dấu hiệu, cần phải xem xét dấu hiệu đó ở dạng tổng thể và không nên tách riêng các thành phần cấu tạo nên dấu hiệu.

- Dấu hiệu đăng ký "FRESHLEMON" được thể hiện ở dạng viết liền chân phương, cùng cỡ và phông chữ (không cách điệu, không màu sắc) để tạo thành một từ tự đặt không có nghĩa. Đây phải được coi là một kết hợp đặc biệt, không tuân theo bất kỳ quy tắc nào trong ngữ pháp tiếng Anh.

- Do đó, khi nhìn thấy dấu hiệu đăng ký, người tiêu dùng sẽ bị tác động thị giác với nguyên cụm từ "FRESHLEMON" như vốn dĩ nó đang thể hiện, chứ họ không có xu hướng cắt, tách các thành phần ra để suy luận về ý nghĩa liên quan. Vì vậy, dấu hiệu đăng ký không chỉ ra, mô tả chính hay đề cập trực tiếp đến sản phẩm mang dấu hiệu đăng ký.

Do đó, chủ đơn đề nghị bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-00521.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "FRESHLEMON" cho các các sản phẩm thuộc nhóm 03 theo đơn số 4-2018-00521 mặc dù được gồm các ký tự in hoa được viết liền nhưng vẫn dễ dàng nhận thấy, nhãn hiệu đăng ký được ghép từ hai từ tiếng Anh "FRESH" và "LEMON" có nghĩa là "chanh tươi", mô tả sản phẩm đăng ký. Do đó, nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu mô tả, không có khả năng phân biệt.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-00521 ngày 05/01/2018 vì nhãn hiệu là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 45584/QĐ-SHTT ngày 07/06/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-00521 ngày 05/01/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần nông dược Hai có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần nông dược Hai (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159553/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Universal Protein Supplements Corporation d/b/a Universal Nutrition
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2019-00065 ngày 22/02/2019 của Universal Protein Supplements Corporation d/b/a Universal Nutrition; địa chỉ: 3 Terminal Road, New Brunswick, New Jersey 08901, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận

PTT366

đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-04176 ngày 09/03/2012 theo Quyết định số 95785/QĐ-SHTT ngày 27/12/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5197/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Universal Protein Supplements Corporation d/b/a Universal Nutrition với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ANIMAL PAK" theo đơn đăng ký 4-2012-04176 ngày 9/3/2012 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 312342 với giới hạn phạm vi bảo hộ: "Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "ANIMAL". Người nộp đơn đề nghị bảo hộ riêng cho phần chữ "ANIMAL" vì lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "ANIMAL PAK" đã được người nộp đơn sử dụng liên tục và rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam và đã đạt được khả năng phân biệt thông qua việc sử dụng .

Người nộp đơn được thành lập vào năm 1977 có trụ sở tại New Brunswick, New Jersey, là công ty phát triển, sản xuất, phân phối và bán các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng thể thao. Người nộp đơn chuyên cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng và các sản phẩm thể hình cho các vận động viên, cũng như cung cấp các bài tập luyện cơ bắp đồng hóa hoạt hoá đại chúng. Người nộp đơn bán sản phẩm của mình thông qua các cửa hàng thực phẩm sức khỏe, phòng tập thể dục, các đại lý, cửa hàng và bổ sung các môn thể thao tại Hoa Kỳ và trên toàn thế giới, bao gồm cả Việt Nam. Người nộp đơn đã trở thành một nhà sản xuất hàng đầu thế giới các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng cho thể thao.

Từ đầu năm 2010, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký "A Animal, hình" đã chính thức có mặt tại Việt Nam và đang khẳng định thương hiệu chất bổ sung dinh dưỡng cho cơ bắp hàng đầu tại Việt Nam.

Các nhà phân phối sản phẩm của người nộp đơn tại Việt Nam là Công ty TNHH thực phẩm dinh dưỡng Toàn Mỹ, địa chỉ tại 30/28 Thích Quảng Đức, Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Dinh dưỡng thể thao V.A Sports Nutrition, địa chỉ tại 215 Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, thành phố Hải Phòng.

Cho đến thời điểm hiện nay, Sportshop.va Company Limited, địa chỉ tại 122/36 Bùi Đình Túy, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí

Minh, Website: www.vasport.vn, tự hào là đại diện độc quyền duy nhất phân phối các dòng sản phẩm của người nộp đơn tại Việt Nam.

Người tiêu dùng Việt Nam có thể mua các sản phẩm của người nộp đơn được bán tại chuỗi cửa hàng Gymstore cung cấp thực phẩm bổ sung, dinh dưỡng thể thao, uy tín, lâu năm số 1 Việt Nam, bao gồm: Gymstore Hà Nội: 398 Xã Đàn, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Gymstore Hồ Chí Minh: 286 Trần Phú, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Giá trị ước tính mà các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký "A Animal, hình" và nhãn hiệu "ANIMAL PAK" được bán trên trên toàn thế giới bao gồm cả Việt Nam được coi như là bí mật thương mại của người nộp đơn; tuy nhiên, doanh thu trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010, mỗi năm khoảng 50 triệu đô la Mỹ, có giá trị và chứng thực cho danh tiếng của người nộp đơn và các nhãn hiệu của mình trên thế giới.

Bên cạnh việc sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới, người nộp đơn đã quảng cáo khuếch trương sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký rộng rãi dưới các hình thức quảng cáo khác nhau như các tờ rơi thể hiện dưới dạng catalog hoặc những cuốn sách mỏng có trình bày nổi bật nhãn hiệu "A Animal, hình", và trên trang web với địa chỉ htp//www.universalnutrition.com để quảng cáo và cung cấp các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký qua mạng Internet. Trang web này giúp cho người tiêu dùng có thể truy cập và đặt hàng vào bất kỳ thời gian nào, từ bất cứ nơi nào trên thế giới kể cả Việt Nam.

Chi phí xấp xỉ mỗi năm mà người nộp đơn dành cho việc quảng cáo được coi như là bí mật thương mại của công ty, tuy nhiên, chi phí quảng cáo và giới thiệu các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký "A Animal, hình" và "ANIMAL PAK" trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010 mỗi năm là hơn 1 triệu đô la Mỹ.

- Do "ANIMAL" là từ tiếng Anh, nên việc xem xét liệu phần chữ này có mang tính mô tả hay không cần thiết phải đặt trong phạm vi đối với những người tiêu dùng quen thuộc với tiếng Anh. Còn đối với những người tiêu dùng không quen thuộc với tiếng Anh thì phần chữ "ANIMAL" đương nhiên sẽ được họ nhận biết như nó vốn có là "ANIMAL" và không bị coi là mô tả các sản phẩm "Chất bổ sung dinh dưỡng; hỗn hợp đồ uống bổ sung dinh dưỡng dạng bột".

Theo chú giải trong từ điển Anh - Việt của Viện Ngôn Ngữ, "ANIMAL" có các trường nghĩa sau: "ANIMAL" với vai trò là danh từ có các

trường nghĩa là *"Sinh vật có cảm xúc và có thể tự ý di chuyển được; động vật"*; hoặc "bất cứ sinh vật nào như thế ngoài con người"; hoặc "sinh vật có bốn chân khác biệt với chim, cá hoặc côn trùng; thú vật" và "người hung tợn hoặc cục súc*"*. "ANIMAL" với vai trò là tính từ có trường nghĩa là *"đặc trưng cho động vật"*.

Với các trường nghĩa nêu trên, người tiêu dùng khi mua sản phẩm "Chất bổ sung cho mục đích ăn kiêng, cụ thể là chất bổ sung cho thực phẩm ăn kiêng, chất bổ sung chế độ ăn kiêng, chất bổ sung cho thực phẩm, chất bổ sung thảo dược, chất thay thế bữa ăn và hỗn hợp đồ uống bổ sung chế độ ăn kiêng, chất bổ sung dinh dưỡng khoáng, chất bổ sung khoáng, chất bổ sung dinh dưỡng, hỗn hợp đồ uống bổ sung dinh dưỡng, chất bổ sung vitamin và khoáng, chất bổ sung vitamin, chất thay thế bữa ăn dạng thanh" mang nhãn hiệu "A Animal, hình" không có sự liên tưởng đến công dụng cũng như thành phần của các sản phẩm mà nhận biết đó là nhãn hiệu "A Animal, hình" để phân biệt với sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất khác.

- Nhãn hiệu đăng ký "A Animal, hình" đã được chấp nhận bảo hộ ở Mỹ mà không có yêu cầu không bảo hộ riêng "ANIMAL" và được chấp nhận bảo hộ tại hơn 80 quốc gia trên thế giới bao gồm cả các quốc gia trong Cộng đồng Châu Âu

Trong thực tế đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam, một số nhãn hiệu chứa phần chữ "ANIMAL" đã được chấp nhận đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ khác mà không có bất kỳ yêu cầu không bảo hộ riêng nào như: nhãn hiệu "ANIMAL PLANET" theo GCNĐKNH số 197027 cho các dịch vụ thuộc nhóm 38 và 41, nhãn hiệu "ANIMAL STYLE" theo GCNĐKNH số 233383 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 và 30, nhãn hiệu "ANIMAL PLANET" theo GCNĐKNH 253346 cho các sản phẩm thuộc nhóm 9, nhãn hiệu "ANIMAL PLANET" theo GCNĐKNH số 232392 cho các sản phẩm thuộc nhóm 28 ...

Các bằng chứng nêu trên là minh chứng cho thấy yếu tố "ANIMAL" trong nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không là dấu hiệu loại trừ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương

pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Phần chữ "ANIMAL" trong nhãn hiệu đăng ký là từ tiếng Anh có nghĩa là "động vật". Các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký "chất bổ sung cho thực phẩm ăn kiêng; chất bổ sung dinh dưỡng bao gồm nhưng không giới hạn vitamin các loại, khoáng chất và chất dinh dưỡng cho luyện tập" là những sản phẩm dùng cho con người, do đó từ "ANIMAL" không mô tả trực tiếp loại hàng hóa, thành phần, công dụng hay đối tượng sử dụng. Nhãn hiệu "ANIMAL PAK" không có sự liên tưởng đến công dụng cũng như thành phần của các sản phẩm mà nhận biết đó là nhãn hiệu "ANIMAL PAK" để phân biệt với sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất khác.

- Những bằng chứng người nộp đơn cung cấp thể hiện việc sử dụng rộng rãi của nhãn hiệu "ANIMAL PAK" đủ để chứng minh nhãn hiệu chữ "ANIMAL PAK" đã được sử dụng rộng rãi và đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng tại Việt Nam.

Do đó, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của "ANIMAL" là có có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấp nhận bảo hộ riêng "ANIMAL" trên nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 312342, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để loại trừ phần chữ "ANIMAL".

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 95785/QĐ-SHTT ngày 27/12/2018 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-04176 ngày 09/03/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho

đơn số 4-2012-04176 ngày 09/03/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Universal Protein Supplements Corporation d/b/a Universal Nutrition (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159554/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của John Swire & Sons Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00052 ngày 14/02/2019 của John Swire & Sons Limited; địa chỉ: Swire House, 59 Buckingham Gate, London SW1E 6AJ, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-03769 ngày 01/03/2013 theo Quyết định số 82011/QĐ-SHTT ngày 16/11/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5165/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của John Swire & Sons Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ESSE QUAM VIDERI THE CHINA NAVIGATION CO. LTD. N C., hình" theo đơn số 4-2013-03769 ngày 01/03/2013 cho các dịch vụ thuộc nhóm 39 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì nhãn hiệu không được bảo hộ phần chữ "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." do gây nhầm lẫn về nguồn gốc dịch vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "ESSE QUAM VIDERI THE CHINA NAVIGATION CO. LTD. N C., hình" theo đơn số 4-2013-03769 ngày 01/03/2013 với lý do:

(i) "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." là tên gọi của công ty thuộc sở hữu của người nộp đơn được thành lập tại Trung Quốc năm 1872. Đây là công ty chuyên vận tải biển sâu có lịch sử lâu đời và là duy nhất với tên gọi như vậy tại Trung Quốc cũng như trên thế giới, và đã được công nhận ngay chính tại Trung Quốc (có tên CHINA theo tiếng Anh) và ở các nước trong khu vực nơi người nộp đơn hoạt động kinh doanh dưới tên gọi "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." bằng việc tên gọi này đã được đăng ký là nhãn hiệu tại Trung Quốc và tại các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Đài Loan và Philipines.

(ii) Với bề dày lịch sử lâu đời gần 150 năm trong hoạt động vận tải biển tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và với sự hiện diện ở các nước thuộc khu vực này bao gồm cả Việt Nam, THE CHINA NAVIGATION CO. LTD. đã được nhận biết rộng rãi là nhà cung cấp dịch vụ vận tải biển duy nhất với tên gọi như vậy thuộc sở hữu của người nộp đơn.

John Swire & Sons Limited là công ty mẹ của Tập đoàn Swire có trụ sở chính tại United Kingdom được sáng lập bởi John Swire (1793-1847). Khởi đầu John Swire & Sons Limited là một công ty xuất nhập khẩu nhỏ ở Liverpool, bắt đầu hoạt động từ những năm đầu của thế kỷ 19. Trong Năm 1861, John Swire & Sons Limited đã bắt đầu kinh doanh với Trung Quốc thông qua các đại lý Augustine Heard & Co. Năm 1866, hợp tác với RS Butterfield, Butterfield & Swire đã được thành lập tại Thượng Hải. Bốn năm sau đó, Butterfield & Swire cũng đã mở một chi nhánh tại Hồng Kông. Năm 1974, Butterfield & Swire tại Hồng Kông đã được đổi tên thành John Swire & Sons (HK) Ltd.

Trong năm 1872, The China Navigation Co., Ltd. được thành lập và hoạt động bằng cách sử dụng tàu hơi nước chạy bằng guồng kiểu Mississippi trên sông Dương Tử của Trung Quốc - đó là điểm chính để đi vào nội địa Trung Quốc và là hành lang lớn cho việc xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của Trung Quốc trong thế kỷ 19. The China Navigation Co., Ltd. là một công ty

thành viên của Swire Group, trong đó John Swire và Sons Limited - người nộp đơn là công ty mẹ.

The China Navigation Co., Ltd. mở rộng sự hiện diện của mình vào bờ biển Trung Quốc cuối những năm 1870, bao gồm Thượng Hải, Ningho và Thiên Tân. Năm 1883, The China Navigation Co., Ltd. bắt đầu mở dịch vụ hai chuyến một tuần giữa Thượng Hải và Hán Khẩu. Khoảng năm 1894, The China Navigation Co., Ltd. có hai mươi chín tàu dọc theo sông Dương Tử để đi đến bờ biển Trung Quốc, cũng như các khu vực khác, trong đó có Việt Nam, Philippines, Đông Nam Á, Australia, Nhật Bản, Nga.

Trải qua hơn 140 năm, The China Navigation Co., Ltd. đã thiết lập thành công một mạng lưới rộng lớn trên toàn thế giới. The China Navigation Co., Ltd. sở hữu và quản lý một đội tàu biển ngoài khơi khá lớn, tàu vận chuyển công-te-nơ và hàng hóa lớn và có một mạng lưới rộng lớn tàu thủy, hậu cần và các doanh nghiệp vận chuyển xung quanh khu vực Thái Bình Dương. Hoạt động chủ yếu dưới thương hiệu Swire Shipping, chín dòng tàu biển của The China Navigation Co., Ltd. kinh doanh dịch vụ tại Úc, New Zealand, Papua New Guinea, Châu Á và Nam Thái Bình Dương, kéo dài đến Bắc Mỹ và châu Âu. Công ty liên kết của The China Navigation Co., Ltd., Swire Pacific Offshore, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ hàng hải toàn cầu cho ngành công nghiệp dầu mỏ và khí đốt ngoài khơi từ căn cứ ở Singapore, trong khi Công ty Steamships Trading Company có lợi ích vận tải ven biển rộng lớn và chuyên về cửa sông và sông ở Papua New Guinea. Nhiều công ty liên kết và các công ty con khác cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu, lai dắt, cứu hộ, ứng phó môi trường và các dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

Các thông tin chi tiết về lịch sử hình thành và pháp triển của The China Navigation Co., Ltd. được thể hiện chi tiết trong Bản tuyên thệ, bản sao trang web và sách phát hành nhân kỷ niệm 140 năm thành lập công ty được người nộp đơn nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ.

Với lịch sử lâu đời và là duy nhất, "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." đã được công nhận ngay chính tại Trung Quốc (có tên CHINA theo tiếng Anh) và ở các nước trong khu vực nơi người nộp đơn hoạt động kinh doanh dưới tên gọi "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD.", cụ thể là tên gọi này đã được đăng ký là nhãn hiệu tại Trung Quốc và tại các nước đó như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Đài Loan và Philipines.

Do vậy, phần chữ "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." trong nhãn hiệu đăng ký "ESSE QUAM VIDERI THE CHINA NAVIGATION CO. LTD. N C., hình" đã được nhận biết rộng rãi là nhà cung cấp dịch vụ vận tải biển duy nhất với tên gọi như vậy, do vậy không vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Phần chữ "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." trên nhãn hiệu đăng ký "ESSE QUAM VIDERI THE CHINA NAVIGATION CO. LTD. N C., hình" theo đơn số 4-2013-03769 ngày 01/03/2013 cho các dịch vụ thuộc nhóm 39 bị từ chối bảo hộ vì gây nhầm lẫn về nguồn gốc dịch vụ do người nộp đơn là công ty của Anh. "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." là tên gọi của công ty thuộc sở hữu của người nộp đơn được thành lập tại Trung Quốc từ năm 1872. Đây là công ty chuyên vận tải biển sâu có lịch sử lâu đời và là duy nhất với tên gọi "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." tại Trung Quốc cũng như trên thế giới đặc biệt trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, như là tên của công ty vận tải biển cũng như nhãn hiệu cho dịch vụ vận tải của Tập đoàn Swire Group - tập đoàn đa quốc gia của Anh, mà người tiêu dùng không bị nhầm lẫn. "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." đã được đăng ký là nhãn hiệu tại Trung Quốc và tại các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Đài Loan và Philipines.

Do đó, phần chữ "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." trong nhãn hiệu đăng ký "ESSE QUAM VIDERI THE CHINA NAVIGATION CO. LTD. N C., hình" đã được sử dụng và nhận biết rộng rãi, nên yếu tố "CHINA" mất khả năng chỉ dẫn nguồn gốc của dịch vụ, do đó "THE CHINA NAVIGATION CO. LTD." có khả năng phân biệt.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "ESSE QUAM VIDERI THE CHINA NAVIGATION CO. LTD. N C., hình" theo đơn số 4-2013-03769 ngày 01/03/2013, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "CHINA", "NAVIGATION", không áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 82011/QĐ-SHTT ngày 16/11/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-03769 ngày 01/03/2013.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2013-03769 ngày 01/03/2013, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "CHINA", "NAVIGATION".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và John Swire & Sons Limited (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159555/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Gulbahar Tobacco International FZE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2018-00543 ngày 21/8/2018 của Gulbahar Tobacco International FZE; địa chỉ: P.O. Box 61401, Jebel Ali Free Zone, Dubai, United Arab Emirates; đại diện bởi: Công ty cổ phần Tư vấn S&B; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2018-09357 theo Quyết định số 34396/QĐ-SHTT ngày 21/5/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5434/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Gulbahar Tobacco International FZE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MILANO" đăng ký theo đơn đăng ký số 4-2018-09357 ngày 29/3/2018 bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ theo Quyết định số 34396/QĐ-SHTT ngày 21/5/2018 vì "MILANO" là tên một thành phố của nước Ý gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại không đồng ý với Quyết định từ chối chấp nhận đơn hợp lệ của Cục sở hữu trí tuệ với các lý do sau:

"MILANO" được phát âm là "Mi-la-no" trong tiếng Ý, trong tiếng Anh từ này có nghĩa là "MILAN" – là một thành phố nổi tiếng của nước Ý. Theo thực tiễn, tiếng Ý không phải là ngôn ngữ phổ biến trên thế giới cũng như Việt Nam, do đó đại đa số người tiêu dùng ở mức hiểu biết trung bình sẽ không thể biết "MILANO" là thành phố của nước Ý mà chỉ biết đến "MILAN" và do đó người tiêu dùng cũng không thể nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của các hàng hóa "thuốc lá" mang thương hiệu trên đến từ nước Ý.

Gulbahar Tobacco International FZE – chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký - là một trong những nhà sản xuất thuốc lá hàng đầu thế giới. Công ty có các cơ sở sản xuất tại UAE, Đức và có mạng lưới phân phối toàn cầu. Công ty sở hữu nhiều thương hiệu khác nhau, trong đó nhãn hiệu đăng ký "MILANO" đã và đang được sử dụng rộng rãi, cũng như được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký "MILANO" đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng và không khiến người tiêu dùng có bất kỳ sự nhầm lẫn nào về nguồn gốc hàng hóa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-09357 ngày 29/3/2018 là "Gulbahar Tobacco International FZE", có địa chỉ tại: "P.O. Box 61401, Jebel Ali Free Zone, Dubai, United Arab Emirates". Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký "MILANO" được biết đến là tên của thành phố nằm ở miền bắc nước Ý, là một trong những đô thị phát triển nhất châu Âu, điều này gây nên sự lầm tưởng cho người tiêu dùng rằng hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký có nguồn gốc từ MILANO, Ý nhưng thực sự có nguồn gốc từ nơi khác. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

Thông tin, tài liệu mà người khiếu nại cung cấp không đủ căn cứ và cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu tại Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không đồng ý với nội dung khiếu nại đối với Quyết định số 34396/QĐ-SHTT ngày 21/5/2018.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2018-09357 ngày 29/3/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 34396/QĐ-SHTT ngày 21/5/2018 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-09357 ngày 29/03/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Gulbahar Tobacco International FZE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Gulbahar Tobacco International FZE (qua Công ty cổ phần Tư vấn S&B) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159556/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Hoàng Mai Minh Trâm
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00175 ngày 25/02/2021 của Công ty TNHH Hoàng Mai Minh Trâm; địa chỉ: Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 4, Tổ 1B, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; đại diện bởi: Công ty TNHH Lê & Lê; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-29906 theo Quyết định số 100375/QĐ-SHTT ngày 30/11/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5419/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Hoàng Mai Minh Trâm với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu  "ATLANTA RESIDENCES, hình" đăng ký theo đơn số 4-2017-29906 ngày 18/9/2017 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 100375/QĐ-SHTT ngày 30/11/2020 vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

Hiện nay chưa có quy định hoặc giải thích rõ ràng về các thuật ngữ "làm hiểu sai lệch", "gây nhầm lẫn", "có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ", do đó việc áp dụng quy định tại Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối nhãn hiệu đăng ký là chưa hợp lý. Thực tế có một số nhãn hiệu chứa địa danh, đăng ký cho sản phẩm/dịch vụ thực sự không có nguồn gốc từ địa phương mang địa danh đó – kể cả các nhãn có chứa chính địa danh ATLANTA của các chủ đơn Việt Nam – đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ.

Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu kết hợp nên cần được xem xét tổng thể theo cách người tiêu dùng cảm nhận, không được phân tách từng yếu tố riêng biệt để đánh giá. Khi nhìn tổng thể, nhãn hiệu đăng ký không truyền tải nguồn gốc địa lý mà chỉ gợi lên hình ảnh một môi trường sống xanh, thanh bình theo phong cách thành phố Atlanta – được biết đến như "thành phố trong rừng". Ngay cả nếu có nghi ngờ về việc nhãn hiệu gợi nhắc đến địa danh ATLANTA, cần tiếp tục đánh giá xem ATLANTA có danh tiếng đối với các dịch vụ đăng ký như cho thuê văn phòng, khách sạn, nhà hàng,.. hay không. Nếu không, không thể coi nhãn hiệu là gây hiểu nhầm hay có ý nghĩa về chỉ dẫn nguồn gốc địa lý cho các dịch vụ xin đăng ký.

Nhãn hiệu đăng ký không "làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ". Nhãn hiệu đăng ký không có ý nghĩa chỉ dẫn về nguồn gốc địa lý của các dịch vụ xin đăng ký, nên đương nhiên không "làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ" địa lý như quy định tại Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ. Nhãn hiệu đăng ký chỉ thông báo cho người tiêu dùng về một môi trường sống thanh bình, sạch, với nhiều cây xanh bao bọc theo kiểu Atlanta.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-29906 ngày 18/9/2017.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký gồm phần chữ "ATLANTA RESIDENCES" được thể hiện nổi bật và thành phần tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu. Trong đó, "ATLANTA" là tên của thành phố đông dân nhất tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ, nơi được mệnh danh là "thành phố trong rừng", sở hữu cảnh quan xanh mát hài hòa giữa khung cảnh hiện đại; "RESIDENCES" có nghĩa là "nhà, nhà ở" hoặc "tòa nhà"; kết hợp lại thành cụm từ "ATLANTA RESIDENCES" có thể diễn giải là "nhà ở ATLANTA" hoặc "tòa nhà ATLANTA". Dấu hiệu này được đăng ký cho các dịch vụ nhà hàng, khách sạn hay hoạt động quản lý, cho thuê bất động sản, trung tâm thương mại khơi gợi ý nghĩa về một không gian sống hoặc địa điểm hiện đại mà trong lành, nhiều cây xanh như "thành phố trong rừng" ATLANTA. Điều này gây nên sự lầm tưởng rằng dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký có nguồn gốc từ ATLANTA, trong khi chủ đơn đăng ký nhãn hiệu cung cấp dịch vụ là pháp nhân có địa chỉ tại Việt Nam. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không đồng ý với nội dung khiếu nại đối với Quyết định số 100375/QĐ-SHTT ngày 30/11/2020.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-29906 ngày 18/9/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 100375/QĐ-SHTT ngày 30/11/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-29906 ngày 18/09/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Hoàng Mai Minh Trâm có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Hoàng Mai Minh Trâm (qua Công ty TNHH Lê & Lê) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159557/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của LifeTonics Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00024 ngày 13/01/2025 của LifeTonics Limited; địa chỉ: 2303-7 Dominion Centre, 43-59 Queen's Road East, Hong Kong; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-45258 theo

NAT779

Quyết định số 119829/QĐ-SHTT.IP ngày 14/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5438/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của LifeTonics Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "UNITED SODAS OF AMERICA" đăng ký theo đơn số 4-2019-45258 ngày 11/11/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 119829/QĐ-SHTT.IP ngày 14/10/2024 vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-45258 tuy có địa chỉ tại Hong Kong nhưng sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký "United Sodas of America" có nguồn gốc từ Mỹ, và được phát triển bắt nguồn từ Mỹ. "United Sodas of America" là thương hiệu đồ uống được thành lập năm 2020, có trụ sở tại New York, Mỹ, chuyên cung cấp các loại soda cao cấp được làm ngọt bằng hỗn hợp đường mía hữu cơ, erythritol và stevia với 6g đường bổ sung. Trong những năm gần đây sản phẩm mang nhãn hiệu "United Sodas of America" có tốc độ phát triển rất nhanh và độ nhận diện thương hiệu tốt. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký "UNITED SODAS OF AMERICA" là cụm từ tiếng Anh, trong đó "UNITED" có nghĩa là "chung, thống nhất, liên kết", "SODAS" là một loại nước giải khát xô-đa và "AMERICA" là cách gọi thông thường của nước Mỹ hay Hoa Kỳ. Do đó, cụm từ "UNITED SODAS OF AMERICA" có thể diễn giải là "tập hợp các loại xô-đa của nước Mỹ" hoặc "tổng hợp các loại

xô-đa của Hoa Kỳ", mang hàm ý về các loại đồ uống được tập hợp, xuất xứ từ Hoa Kỳ, mang tiêu chuẩn hay hình ảnh liên quan đến Hoa Kỳ. Điều này gây nên sự lầm tưởng cho người tiêu dùng rằng hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký có nguồn gốc từ Hoa Kỳ, trong khi chủ đơn đăng ký nhãn hiệu là pháp nhân có địa chỉ tại Hong Kong. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không đồng ý với nội dung khiếu nại đối với Quyết định số 119829/QĐ-SHTT.IP ngày 14/10/2024.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-45258 ngày 11/11/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 119829/QĐ-SHTT.IP ngày 14/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-45258 ngày 11/11/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, LifeTonics Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và LifeTonics Limited (qua Công ty TNHH Dương và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159558/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Osotspa Public Company Limited (TH)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2023-00218 ngày 04/7/2023 của Osotspa Public Company Limited (TH); địa chỉ: 348 Ramkhamhaeng Road, Huamak, Bangkapi, Bangkok 10240, Thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-39488 theo Quyết định số 25405w/QĐ-SHTT ngày 28/4/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5456/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Osotspa Public Company Limited (TH) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Slimma" đăng ký theo đơn số 4-2019-39488 ngày 08/10/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 25405w/QĐ-SHTT ngày 28/4/2023 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "SLIMMAX" được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 136958 và 200510, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu đã nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực đối với hai nhãn hiệu đối chứng nêu trên và được Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận theo hồ sơ số ĐN1-2023-00175 và ĐN1-2023-00176 vào ngày 14/8/2023 dựa trên cơ sở hai nhãn hiệu đối chứng đã không được chủ sở hữu sử dụng trong vòng 05 năm liên tục tính đến nay.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-39488 ngày 08/10/2019.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký "Slimma" tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "SLIMMAX" được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 136958, 200510 và bị từ chối theo Quyết định số 25405w/QĐ-SHTT ngày 28/4/2023. Việc người nộp đơn cung cấp bằng chứng về việc yêu cầu chấm dứt

hiệu lực các nhãn hiệu đối chứng theo đơn số ĐN1-2023-00175 và ĐN1-2023-00176 vào ngày 14/8/2023 sau khi Quyết định từ chối nêu trên ban hành được xem là tình tiết mới, chưa được đưa ra trong quá trình thẩm định đơn, do đó không thuộc phạm vi giải quyết khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-39488 ngày 08/10/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 25405w/QĐ-SHTT ngày 28/4/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-39488 ngày 08/10/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Osotspa Public Company Limited (TH) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Osotspa Public Company Limited (TH) (qua Công ty TNHH Dương và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159559/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Hộ Kinh Doanh Dương Hồng Thắm
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

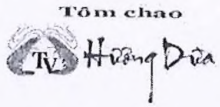
NAT779

Xét đơn số KN4-2022-01449 ngày 28/12/2022 của Hộ Kinh Doanh Dương Hồng Thắm; địa chỉ: KHóm 2, đường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-

2019-50737 theo Quyết định số 84982/QĐ-SHTT ngày 28/9/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5511/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Hộ Kinh Doanh Dương Hồng Thắm với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu 

đăng ký theo đơn số 4-2019-50737 ngày 12/12/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì là tổ hợp của các thành phần không có khả năng phân biệt, tổng thể nhãn hiệu không có khả năng phân biệt. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau đây:

- Dấu hiệu "Hương Dừa" được thiết kế cách điệu, màu xanh là tên tự đặt của chủ đơn. Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký không có thành phần nguyên liệu từ quả dừa, do đó không mang tính mô tả về thành phần của hàng hóa.

- Mẫu nhãn hiệu là tổng thể kết hợp các chi tiết hài hòa, mang ấn tượng riêng, tạo ra được sự khác biệt đủ để người tiêu dùng khi nhìn vào không bị nhầm lẫn. Cụ thể gồm phần hình hai con tôm đối diện nhau đặt bên trái phần chữ "Hương Dừa" được cách điệu phần râu đặc biệt bao quanh chữ "TV" màu xanh dương.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-50737 ngày 12/12/2019.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu";

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy

ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của hai chữ cái "TV", phần chữ "Tôm chao" – tên gọi thông thường của hàng hóa, phần chữ "Hương dừa" mang tính mô tả thành phần hoặc chủng loại hoặc tính chất của hàng hóa và phần hình hai con tôm là hình vẽ thông thường hoặc mang tính mô tả thành phần, chủng loại của hàng hóa. Các dấu hiệu này bị coi là không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, mặc dù có sự cách điệu nhất định theo mô tả của người khiếu nại nhưng chưa đủ độc đáo để tạo khả năng phân biệt, tổng thể nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-50737 ngày 12/12/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 84982/QĐ-SHTT ngày 28/9/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-50737 ngày 12/12/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở

hữu trí tuệ, Hộ Kinh Doanh Dương Hồng Thắm có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Hộ Kinh Doanh Dương Hồng Thắm (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159560/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Top Sun
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2016-00630 ngày 19/7/2016 của Công ty cổ phần Top Sun; địa chỉ: Nhà 18, ngõ 444, Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH NACILAW; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2015-34487 ngày 07/12/2015 theo Quyết định số 21138/QĐ-SHTT ngày 19/4/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5574/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Top Sun với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu FIREMEN Mạnh mẽ đầy lịch lãm, hình" theo đơn số 4-2015-34487 ngày 07/12/2015 bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ theo Quyết định số 21138/QĐ-SHTT ngày 19/4/2016 vì đơn có các thiếu sót nêu tại điểm 13.3 ảnh hưởng đến tính hợp lệ của đơn, mặc dù đã được yêu cầu sửa chữa tại thông báo số 152/SHTT-NH2 ngày 07/01/2016 và thông báo số 5093/SHTT-NH2 ngày 18/02/2016 nhưng không đạt yêu cầu. Cụ thể, Cục Sở hữu trí tuệ đề nghị làm rõ và phân nhóm lại đối với hàng hóa "khẩu trang (trang phục)", nhưng người khiếu nại không đồng ý và đề nghị ghi nhận "khẩu trang (trang phục)" ở nhóm 25 với các lý do sau:

- Sản phẩm "khẩu trang (trang phục)" của chủ đơn mang tính chất thẩm mỹ, thời trang và được sử dụng như một phụ kiện thời trang cùng với các sản phẩm trang phục khác (như khăn trùm, mạng che mặt), không nhằm mục đích bảo hộ;

- Cục Sở hữu trí tuệ đã đồng ý chấp nhận hợp lệ cho nhiều đơn đăng ký nhãn hiệu với sản phẩm "khẩu trang (trang phục)' thuộc nhóm 25.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét chấp nhận hợp lệ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-34487 ngày 07/12/2015.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Bảng phân loại quốc tế các hàng hóa, dịch vụ theo Thỏa ước Nice ghi nhận ở nhóm 25 mã hàng hóa số 250195: "1) Khăn che mặt [trang phục], không dùng cho mục đích y tế hoặc vệ sinh; 2) Khẩu trang [trang phục], không dùng cho mục đích y tế hoặc vệ sinh". Cùng với đó, chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-34487 ngày 07/12/2015 khẳng định hàng hóa "khẩu trang (trang phục)" được đăng ký là phụ kiện thời trang thông thường như khăn trùm, mạng che mặt, mang tính thẩm mỹ và không được sử dụng cho mục đích y tế hay bảo hộ. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý với ý kiến của người khiếu nại, ghi nhận hàng hóa "khẩu trang (trang phục)" thuộc nhóm 25 và chấp nhận hợp lệ với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-34487 ngày 07/12/2015.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở chấp nhận hợp lệ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-34487 ngày 07/12/2015.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 21138/QĐ-SHTT ngày 19/4/2016 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2015-34487 ngày 07/12/2015.

Điều 2. Chấp nhận hợp lệ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-34487 ngày 07/12/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Top Sun (qua Công ty TNHH NACILAW) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159561/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Ụt Ụt
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2023-00790 ngày 14/12/2023 của Công ty cổ phần Ụt Ụt; địa chỉ: Số 300-302-304 Trường Sa, phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH KEDA IP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-40262

NAT779

theo Quyết định số 89058/QĐ-SHTT.IP ngày 27/10/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5550/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Ụt Ụt với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "  " (BIACRAFT ARTISAN ALES, hình) theo đơn số 4-2020-40262 ngày 30/9/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa/dịch vụ vì nhãn hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau đây:

- "BIACRAFT" là 1 từ tự tạo, không có nghĩa và không phải là từ mang tính mô tả. Không có tìm thấy bất cứ ý nghĩa nào của từ ""BIACRAFT" khi tra cứu tại Từ điển tiếng Việt, từ điển Oxford hay công cụ phát hiện ngôn ngữ của Google. Ngoài phần chữ "BIACRAFT" nhãn hiệu đăng ký còn là sự kết hợp của phần hình ảnh hoa văn, có cách bố cục đặc biệt, thiết kế cách điệu. Tất cả các yếu tố tạo thành tổng thể ấn tượng, có tính phân biệt rất cao và dễ dàng được người tiêu dùng tại Việt Nam nhận biết.

- Chủ đơn đã đầu tư rất nhiều công sức, thời gian và tiền bạc để xây dựng và phát triển nhãn hiệu "BIACRAFT & hình" trong ngành nhà hàng ẩm thực từ năm 2018 đến nay, mà cụ thể là sử dụng liên tục và rộng rãi qua các chuỗi nhà hàng trải dài khắp các quận/huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ tổng thể cho nhiều nhãn hiệu và không bảo hộ riêng phần chữ "CRAFT BEER" tương tự như nhãn hiệu đăng ký, trong khi "BIACRAFT" là từ sáng tạo hơn và đáp ứng khả năng bảo hộ cao hơn.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-40262 ngày 30/9/2020.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành

phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của các thành phần mang tính mô tả hàng hóa/dịch vụ, cụ thể:

- Phần chữ "BIACRAFT" mặc dù về hình thức có thể nhận thấy đây là một từ viết liền, tuy nhiên vẫn có thể được phát âm thành hai âm tiết là "BIA" và "CRAFT", trong đó "BIA" mang tính mô tả hàng hóa/dịch vụ đăng ký liên quan đến bia, "CRAFT" là từ tiếng Anh có ý nghĩa là "nghề thủ công", tổng thể dấu hiệu "BIACRAFT" khiến cho người tiêu dùng liên tưởng đến sản phẩm "bia thủ công".

- Phần chữ tiếng Anh "ARTISAN ALES" có thể hiểu ý nghĩa là "nghệ nhân làm bia", hoặc "bia được sản xuất bởi thợ thủ công", mang tính mô tả phương thức sản xuất, chủng loại của hàng hóa, dịch vụ.

- Phần hình là một thiết kế cách điệu đơn giản và phổ biến của Hoa bia, hay Hublông, nguyên liệu chính được sử dụng để sản xuất các loại bia, mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của các dấu hiệu mang tính mô tả, cách thức kết hợp không đủ độc đáo để tạo ra được một ấn tượng riêng có khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký.

Thông tin, tài liệu mà Người khiếu nại cung cấp không đủ căn cứ và cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn. Do đó, nhãn hiệu nêu trên không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-40262 ngày 30/9/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 89058/QĐ-SHTT.IP ngày 27/10/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-40262 ngày 30/9/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Ụt Ụt có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Ụt Ụt (qua Công ty TNHH KEDA IP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159562/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần SALICORNIA Ngón Biển
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00010 ngày 08/01/2025 của Công ty cổ phần SALICORNIA Ngón Biển; địa chỉ: Ấp Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; đại diện bởi: Công ty TNHH KEDA IP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-

NAT779

2020-48751 theo Quyết định số 123300/QĐ-SHTT.IP ngày 24/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5539/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần SALICORNIA Ngón Biển với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Tôm Đạo Đức Từ Ao Nuôi Đến Bàn Ăn" đăng ký theo đơn số 4-2020-48751 ngày 20/11/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 123300/QĐ-SHTT.IP ngày 24/10/2024 đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa/dịch vụ vì nhãn hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau đây:

Nhãn hiệu "Tôm Đạo Đức Từ Ao Nuôi Đến Bàn Ăn" là nhãn hiệu sáng tạo của Chủ đơn và có khả năng phân biệt với các sản phẩm khác trên thị trường. Con tôm là động vật, nhưng lại Đạo Đức, và Đạo Đức từ ao nuôi đến bàn ăn. "Tôm Đạo Đức Từ Ao Nuôi Đến Bàn Ăn" chưa từng được bất kỳ ai trên thế giới, kể cả người Việt Nam sử dụng trước đây.

Nhãn hiệu "Tôm Đạo Đức Từ Ao Nuôi Đến Bàn Ăn" đã được Chủ đơn sử dụng rộng rãi và được nhiều người tiêu dùng biết đến từ nhiều năm qua. Mô hình "Tôm Đạo Đức Từ Ao Nuôi Đến Bàn Ăn" cung cấp những sản phẩm về tôm chất lượng, không dư lượng kháng sinh, không bị bệnh, an toàn từ quy trình canh tác, nuôi dưỡng, bảo quản đến tay người tiêu dùng. Mô hình này đã được Chủ đơn đầu tư rất nhiều công sức, thời gian và tiền bạc để xây dựng, phát triển và được người tiêu dùng biết đến, ứng dụng rộng rãi như hiện nay. Hiện tại, có rất nhiều doanh nghiệp khác đang hợp tác với Chủ đơn để tham gia vào chuỗi cung ứng, kinh doanh sản phẩm mang nhãn hiệu "Tôm Đạo Đức Từ Ao Nuôi Đến Bàn Ăn".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "Tôm Đạo Đức Từ Ao Nuôi Đến Bàn Ăn", đăng ký cho các hàng hóa, dịch vụ liên quan đến thủy hải sản giống, tươi sống hoặc đã qua chế biến và mua bán, phân phối, nuôi trồng thủy hải sản mà cụ thể là các loại tôm, cua, cá… thuộc các nhóm 29, 31, 35, 44. Dấu hiệu này mang tính mô tả chủng loại, tính chất cũng như chất lượng và quy trình sản xuất của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký, mang hàm ý cung cấp hàng hóa, dịch vụ chất lượng dựa trên quy trình canh tác có "đạo đức", đảm bảo sự phát triển bền vững của môi trường, hệ sinh thái và bảo vệ an toàn, sức khỏe người tiêu dùng. Thông tin, tài liệu mà Người khiếu nại cung cấp không đủ căn cứ và cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn. Do đó, nhãn hiệu nêu trên không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-48751 ngày 20/11/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 123300/QĐ-SHTT.IP ngày 24/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-48751 ngày 20/11/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần SALICORNIA Ngón Biển có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Công ty cổ phần SALICORNIA Ngón Biển (qua Công ty TNHH KEDA IP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159563/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại Đào Trung Hưng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00909 ngày 21/8/2017 của Công ty TNHH sản xuất thương mại Đào Trung Hưng; địa chỉ: 259 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư A Hoà; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-13313 ngày 13/06/2014 theo Quyết định số 33152/QĐ-SHTT

NAT779

ngày 23/5/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5601/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại Đào Trung Hưng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu 

("TRUNG HƯNG DTH, hình") đăng ký theo đơn số 4-2014-13313 ngày 13/6/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 33152/QĐ-SHTT ngày 23/5/2017 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 

("DTH DONG THANG HUNG") được bảo hộ theo GCNĐKNH số 83764 (Nhãn hiệu đối chứng số 1) và nhãn hiệu đối chứng 

("TRUNG HUNG PLASTIC SUPER PLASTIC WARES, hình") được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106009 (Nhãn hiệu đối chứng số 2), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

-Đối với nhãn hiệu đối chứng số 1: Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2015-00048H ngày 30/12/2015 yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 83764 trên cơ sở không được sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục. Ngày 28/8/2018, Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 2998/QĐ-SHTT về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 83764 theo đề nghị của người khiếu nại. Do đó, nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 83764 không còn là đối chứng để từ chối đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13313 ngày 13/06/2014.

-Đối với nhãn hiệu đối chứng số 2: Người khiếu nại đã thực hiện thủ tục tách đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên, loại bỏ các yếu tố bị từ chối bảo hộ. Theo đó, đơn cơ sở số 4-2014-13313 được tách thành:

+ Đơn thứ nhất: số 4-2014-13313 đăng ký nhãn hiệu "TRUNG HƯNG DTH, hình" cho các nhóm 06, 16, 20, 22;

+ Đơn thứ hai (đơn tách): số 4-2016-01176 đăng ký nhãn hiệu "DTH, hình" cho nhóm 21 được tách từ đơn cơ sở và loại bỏ phần chữ "TRUNG HƯNG" khỏi mẫu nhãn hiệu ban đầu.

Các đơn sau khi được tách không còn chứa yếu tố không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ, không tương tự tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-13313 ngày 13/6/2014.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đối chứng "DTH DONG THANG HUNG" đã có yêu cầu chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2015-00048H ngày 30/12/2015 trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 33152/QĐ-SHTT ngày 23/5/2017 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13313. Xét thấy kết quả giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH đối chứng có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-13313 ngày 13/6/2014.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-13313 ngày 13/6/2014.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 33152/QĐ-SHTT ngày 23/5/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-13313 ngày 13/06/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13313 ngày 13/06/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại Đào Trung Hưng (qua Văn phòng Luật sư A Hoà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159565/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Chamberlain Group, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2016-00995 ngày 01/12/2016 của The Chamberlain Group, Inc. (US); địa chỉ: 845 Larch Avenue Elmhurst, Ilinois 60126, United States of America; đại diện bởi: CÔNG TY TNHH DƯƠNG VÀ TRẦN; khiếu nại về việc từ chối đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 127831 đối với đơn số ĐN1-2012-00158 theo Quyết định số 3626/QĐ-SHTT ngày 01/9/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5420/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The Chamberlain Group, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đề nghị hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 127831 bảo hộ nhãn hiệu "CHAMBERLAIN LIFTMASTER PROFESSIONAL" theo đơn số ĐN1-2012-00158 ngày 16/11/2012 của người nộp đơn The Chamberlain Group, Inc. (qua Công ty TNHH Dương và Trần) bị từ chối theo Quyết định số 3626/QĐ-SHTT ngày 01/9/2016 do không có cơ sở với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu "CHAMBERLAIN LIFTMASTER PROFESSIONAL" được Công ty cổ phần Quảng cáo thương mại Ý Tưởng Mới (Công ty Ý Tưởng Mới) nộp và được cấp GCNĐKNH số 127831. Sau đó, Công ty TNHH xây dựng và thương mại Siêu Hà (Công ty Siêu Hà), nhà phân phối không độc quyền các sản phẩm của The Chamberlain Group, Inc. (Chamberlain) từ 2001 tại Việt Nam, đã nhận chuyển nhượng nhãn hiệu này thông qua Quyết định số 972/QĐ-SHTT ngày 20/5/2011. Người nộp đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 127831 với lý do Công ty Siêu Hà không trung thực trong việc nộp đơn là không phù hợp với nội dung vụ việc.

(ii) Đề nghị hủy GCNĐKNH số 127831 là không có cơ sở vì tài liệu cung cấp không chứng minh được mối quan hệ giữa Công ty Ý Tưởng Mới và Công ty Siêu Hà đối với nhãn hiệu "CHAMBERLAIN LIFTMASTER PROFESSIONAL" vào thời điểm nộp đơn. Hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty Ý Tưởng Mới và Công ty Siêu Hà vẫn còn hiệu lực và chưa bị hủy bỏ.

(iii) Người nộp đơn cho rằng "LIFTMASTER" và "CHAMBERLAIN" là nhãn hiệu nổi tiếng toàn cầu của Chamberlain, tuy nhiên tài liệu do người nộp đơn cung cấp (giấy chứng nhận, tài liệu quảng cáo, v.v.) không có xác thực pháp lý, thiếu chứng cứ chứng minh được mức độ phổ biến và sử dụng rộng rãi tại Việt Nam và thế giới.

Người nộp đơn đề nghị thu hồi Quyết định số 3626/QĐ-SHTT nêu trên và chấp thuận hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 127831 với các lý do sau:

- Chamberlain là một công ty con của Duchossois Group – tập đoàn đa quốc gia của Hoa Kỳ, có trụ sở tại Elmhurst, Illinois, Mỹ. Chamberlain được thành lập vào năm 1954, chuyên sản xuất và cung cấp các thiết bị điều khiển thông minh như mở cửa nhà xe, phụ kiện nhà xe, và các thiết bị điện tử liên quan. Nhãn hiệu "CHAMBERLAIN" và "LIFTMASTER" của công ty được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới và được đánh giá cao về chất lượng, sáng tạo và độ tin cậy.

- Sự hiện diện toàn cầu của Chamberlain: Chamberlain là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Mỹ trong lĩnh vực điều khiển thiết bị tự động và nhà thông minh. Sản phẩm của họ hiện được phân phối tại hơn 38 quốc gia trên

thế giới, bao gồm cả thị trường Bắc Mỹ, Châu Âu, Trung Đông, Nam Phi, Australia, New Zealand, và khu vực châu Á. Hệ thống hỗ trợ khách hàng của Chamberlain cung cấp dịch vụ bằng hơn 16 ngôn ngữ để phù hợp với nhu cầu đa dạng tại các thị trường bán lẻ và chuyên nghiệp toàn cầu.

- Thị trường Châu Âu, kênh phân phối và việc đăng ký tại các quốc gia khác: Tại Châu Âu, Chamberlain hoạt động thông qua công ty con Chamberlain GmbH đặt tại Saarwellingen, Đức. Văn phòng đại diện hiện diện tại nhiều quốc gia như Pháp, Anh, Na Uy, Ba Lan, Slovakia… Các sản phẩm của họ được bày bán trên nhiều nền tảng thương mại điện tử lớn như Amazon, CNET, HomeDepot, Lowes, Wink, v.v., dưới các nhãn hiệu "CHAMBERLAIN" và "LIFTMASTER". Hai nhãn hiệu này đã được đăng ký thành công tại khắp các vùng lãnh thổ trên thế giới.

- Hành vi không trung thực của Công ty Siêu Hà: Công ty Siêu Hà đã nhận là nhà phân phối của Chamberlain trên website của mình nhưng thực tế không có quyền phân phối độc quyền. Theo công văn số 01-12783/SH-SHTT ngày 9/9/2014, Siêu Hà thừa nhận rằng nhãn hiệu "CHAMBERLAIN" đã được Công ty Ý Tưởng Mới đăng ký và được cấp GCNĐKNH số 127831. Siêu Hà sau đó đã mua lại nhãn hiệu từ công ty này nhưng không thông báo cho Chamberlain, bất chấp việc biết rõ nhãn hiệu này thuộc về tập đoàn Chamberlain. Việc Siêu Hà tự ý mua lại nhãn hiệu "CHAMBERLAIN LIFTMASTER PROFESSIONAL" mà không có sự đồng thuận từ Chamberlain là hành vi bị xem là thiếu trung thực trong kinh doanh. Dù biết rõ chủ sở hữu thực sự là Chamberlain, Siêu Hà vẫn cố ý mua lại và tiếp tục sử dụng nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm g khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự từ trước ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên*".

Điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN quy định dấu hiệu đã và đang được sử dụng với chức năng nhãn hiệu và được người tiêu dùng biết đến một cách rộng rãi và nhờ đó nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế*".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Việc hai nhãn hiệu "CHAMBERLAIN" và "LIFTMASTER" được sử dụng rộng rãi, với mạng lưới phân phối toàn cầu và sản phẩm hiện diện tại hơn 38 quốc gia trên khắp Bắc Mỹ, Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Châu Úc và Châu Á, hỗ trợ khách hàng bằng hơn 16 ngôn ngữ; và được phân phối rộng rãi trên các nền tảng thương mại điện tử lớn như Amazon, CNET, HomeDepot, Lowes, Wink, chỉ là các hoạt động ở nước ngoài, chưa đưa ra được tài liệu cụ thể chứng minh việc sử dụng một cách rộng rãi, liên tục và theo đúng dạng nhãn hiệu đăng ký, bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị được thực hiện tại thị trường Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

2.2. Hành vi không trung thực nếu có chỉ áp dụng cho Công ty Ý Tưởng Mới, không phải bên nhận chuyển nhượng. Người khiếu nại không cung cấp được bằng chứng về hành vi không trung thực của Công ty Ý Tưởng Mới.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm g khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 127831 đối với đơn số ĐN1-2012-00158 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 3626/QĐ-SHTT ngày 01/9/2016 về việc từ chối cấp đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 127831 đối với đơn số ĐN1-2012-00158 ngày 16/11/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, The Chamberlain Group, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Chamberlain Group, Inc. (qua CÔNG TY TNHH DƯƠNG VÀ TRẦN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159566/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Maternity IP Holdings LP
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2014-00644 ngày 08/7/2014 của Cave Springs, Inc.; địa chỉ: 2751 Centerville Road Wilmington DE 19808, United States of America (nay là Maternity IP Holdings LP; địa chỉ: 330 West 34th Street, 15th Floor New York NY 10001, United States of America); đại diện bởi: Công ty TNHH Lê & Lê; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1153093 theo Thông báo số 2013/12 VTB09 ngày 25/3/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5126/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Maternity IP Holdings LP với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DESTINATION MATERNITY" theo đơn quốc tế số 1153093 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2013/12 VTB09 ngày 25/3/2014, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do dấu hiệu không có khả năng phân biệt.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu "DESTINATION MATERNITY" đã đạt được khả năng phân biệt qua việc được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu, do đó, thuộc trường hợp loại trừ của Điều 74.2 (c) Luật SHTT. Cụ thể:

- "DESTINATION MATERNITY" là nhãn hiệu chủ đạo của Destination Maternity Corporation – doanh nghiệp thiết kế và bán lẻ quần áo bầu lớn nhất thế giới. Công ty tiền thân là Mothers Work, Inc., thành lập năm 1982 và đổi tên vào năm 2008 trong quá trình tái cấu trúc thương hiệu. Doanh nghiệp hoạt động với các nhãn hiệu như Motherhood Maternity và Destination Maternity, với mạng lưới gồm 1.923 cửa hàng tại Mỹ và Canada, cùng 148 cửa hàng nhượng quyền quốc tế (Phụ lục 1).

- Nhãn hiệu "DESTINATION MATERNITY" đã được đăng ký và bảo hộ tại nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới như Mỹ, Canada, Trung Quốc, Hàn Quốc, Liên minh Châu Âu, Singapore, Úc, Mexico, UAE, và thông qua hệ thống quốc tế WIPO. Việc đăng ký rộng khắp này cho thấy nhãn hiệu đã được thừa nhận về quyền lợi hợp pháp và giá trị thương mại toàn cầu. Bảng tổng hợp đăng ký tại các quốc gia được đính kèm trong Phụ lục 2.

- Nhãn hiệu "DESTINATION MATERNITY" được sử dụng chính thức từ năm 2004, khi cửa hàng lớn đầu tiên mang tên này được mở, và đã được sử dụng liên tục, rộng rãi trên toàn cầu từ đó. Người nộp đơn triển khai sản phẩm ra thị trường quốc tế dưới thương hiệu MOTHERHOOD MATERNITY từ 2002, và DESTINATION MATERNITY từ 2013. Tính đến 31/12/2013, các sản phẩm mang nhãn hiệu này được phân phối qua 1.923 cửa hàng tại Mỹ và Canada cùng 148 cửa hàng nhượng quyền quốc tế. Ngoài hệ thống bán lẻ, nhãn hiệu còn được quảng bá mạnh mẽ trên các trang web chính thức như destinationmaternity.com, motherhood.com và trên các mạng xã hội phổ biến như Facebook, Twitter, Pinterest, Instagram, cũng như các nền tảng thương mại điện tử lớn như Amazon và eBay (Phụ lục 3).

- Nhãn hiệu "DESTINATION MATERNITY" đã trở nên nổi tiếng trên toàn thế giới nhờ sự phát triển mạnh mẽ cả về quy mô kinh doanh lẫn ảnh hưởng xã hội:

- Phạm vi kinh doanh toàn cầu: Từ xuất phát điểm là cung cấp trang phục công sở cho phụ nữ mang thai, Destination Maternity Corporation đã mở rộng sang các sản phẩm như quần áo mặc thường, đồ ngủ, đồ bơi, phụ kiện, mỹ phẩm, đồ em bé, v.v. (Phụ lục 4).
- Hiện diện quốc tế: Đến cuối năm 2013, công ty có 1.923 điểm bán lẻ tại Mỹ và Canada, 148 cửa hàng nhượng quyền toàn cầu. Nhãn hiệu còn xuất hiện tại hơn 620 cửa hàng Kmart/Sears, chuỗi Mom & Me (Ấn Độ), Macy's (Mỹ), Agabang & Company (Hàn Quốc), Multi Trend (Trung Đông) và El Puerto de Liverpool (Mexico) (Phụ lục 5).
- Thương hiệu uy tín: Được tạp chí Forbes xếp vào "100 công ty đáng tin cậy nhất" và tạp chí Apparel bình chọn trong "Top 50 thương hiệu thời trang" (Phụ lục 6).

Ngoài hoạt động thương mại, công ty còn thể hiện trách nhiệm xã hội mạnh mẽ, đã quyên góp hàng triệu đô la và hàng hóa cho các tổ chức như Dignity U Wear, March of Dimes, Philabundance, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, v.v. (Phụ lục 7).

- Bên cạnh sự phổ biến toàn cầu, "DESTINATION MATERNITY" cũng đã đạt được sự nhận biết rộng rãi tại Việt Nam, thể hiện qua:

- Hiện diện trực tuyến mạnh mẽ: Khách hàng tại Việt Nam dễ dàng bắt gặp nhãn hiệu này trên nhiều trang mua sắm trực tuyến nội địa và quốc tế như ebay.vn, lamchame.com, chomy.com.vn, unishipping.vn, 3025.us.all.biz (Phụ lục 8).
- Được báo chí Việt Nam đề cập đến: Nhãn hiệu còn được nhắc đến như một thương hiệu quần áo bầu nổi tiếng trên nhiều trang tin điện tử như Zing News, Yahoo News Vietnam, Eva.vn, Phụ nữ Online, Agabang & Company (Phụ lục 9) cung cấp trích dẫn từ các bài báo liên quan.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

Điều 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN quy định dấu hiệu đã và đang được sử dụng với chức năng nhãn hiệu và được người tiêu dùng biết đến một cách rộng rãi và nhờ đó nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn*

phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế".

2. Nhận định, đánh giá:

Việc nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng chính thức từ năm 2004, được quảng bá trên các website, mạng xã hội và các sàn thương mại điện tử toàn cầu, có hệ thống phân phối rộng khắp với 1.923 điểm bán lẻ tại Mỹ, Canada và 148 cửa hàng nhượng quyền quốc tế; và được đánh giá là nổi tiếng, uy tín trong ngành, từng lọt vào danh sách các công ty đáng tin cậy và thương hiệu hàng đầu do tạp chí quốc tế bình chọn; và được đề cập, xuất hiện qua các trang thương mại điện tử, diễn đàn, cũng như một số bài viết báo chí trong nước, chủ yếu là các hoạt động ở nước ngoài, chưa đưa ra được tài liệu cụ thể chứng minh việc sử dụng một cách rộng rãi, liên tục và theo đúng dạng nhãn hiệu đăng ký, bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị được thực hiện tại thị trường Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và Điều 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1153093 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/12 VTB09 ngày 25/3/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1153093.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Maternity IP Holdings LP có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Maternity IP Holdings LP (qua Công ty TNHH Lê & Lê) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159567/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của FMTM Distribution Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2015-00089 ngày 30/01/2015 của FMTM Distribution Ltd.; địa chỉ: 3A and 3B, Isle of Man Freeport, Ballasalla IM9 2AP, ISLE OF MAN, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-03074 theo Quyết định số 65932/QĐ-SHTT ngày 31/10/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5326/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của FMTM Distribution Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MASTER OF COMPLICATIONS" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-03074 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 65932/QĐ-SHTT ngày 31/10/2014, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do là dấu hiệu mô tả, không có khả năng phân biệt.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Franck Muller Group (Công ty mẹ của chủ đơn FMTM Distribution Ltd) được thành lập năm 1991 tại làng Genthod, gần Geneva, Thụy Sĩ, trong một biệt thự xây từ năm 1905. Đây là nơi sản xuất đồng hồ nổi tiếng và thu hút du lịch. Trong hơn 20 năm, tập đoàn đã trở thành thương hiệu đồng hồ danh tiếng toàn cầu nhờ phát triển mạnh mẽ, tài chính vững chắc và sản xuất hơn 40.000 chiếc đồng hồ mỗi năm. Hiện nay, Franck Muller có 6 nhà máy với hơn 500 nhân viên tại Thụy Sĩ, 48 cửa hàng độc quyền và 600 điểm bán hàng tại hơn 70 quốc gia, sản xuất đồng hồ giới hạn theo đơn đặt hàng riêng.

- "Master of Complications" là nhãn hiệu quan trọng của Franck Muller Group, được dùng ngay từ khi thành lập để giới thiệu các bộ sưu tập đồng hồ phức tạp bậc nhất. Nhãn hiệu này được sử dụng trong quảng bá, thương mại và website của hãng trên toàn cầu. Các thị trường chính có sử dụng nhãn hiệu này gồm: Châu Âu: Anh, Thụy Sĩ, Luxembourg, Ý, Bỉ, Bungari, Bồ Đào Nha, Nga, Ukraina; Trung Đông: UAE, Liban; Châu Phi: Ma-rốc, Nam Phi; Châu Á: Nhật, Trung Quốc, Hong Kong, Malaysia, Singapore, Thái Lan; Châu Mỹ: Mỹ, Mexico. Các Phụ lục (PL) minh họa gồm: PL2: Bộ sưu tập đồng hồ; PL6: Hình ảnh mặt sau đồng hồ có khắc "MASTER OF COMPLICATIONS"; PL8: Hình quảng cáo trên tạp chí quốc tế; PL9: Trích đoạn catalog bằng nhiều ngôn ngữ (Anh, Đức, Ý, Nhật).

- Doanh thu đồng hồ mang nhãn hiệu "MASTER OF COMPLICATIONS": Sản phẩm mang nhãn hiệu này được phân phối toàn cầu qua hơn 40 đại lý chính thức. Từ 2003 đến 2013, tổng số hơn 407.157 chiếc đồng hồ mang nhãn hiệu này đã được bán, doanh thu gần 3 tỷ EUR. Trung bình mỗi năm bán khoảng 37.000 chiếc, tương đương 272 triệu EUR/năm. Giá trung bình mỗi chiếc: khoảng 7.300 EUR, thuộc phân khúc cao cấp.

- Đăng ký nhãn hiệu "MASTER OF COMPLICATIONS" trên thế giới: Đã nộp đơn tại 65 quốc gia, trong đó 49 nước đã cấp văn bằng bảo hộ (ví dụ: Mỹ, Canada, Nhật, Anh, Hàn, Singapore, v.v.), 16 nước đang trong quá trình xét duyệt bao gồm Việt Nam.

- Ý nghĩa của nhãn hiệu "MASTER OF COMPLICATIONS": Không mang ý nghĩa mô tả hàng hóa hay đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm. "MASTER OF COMPLICATIONS" là tên nhãn hiệu thể hiện sự sáng tạo, uy tín, khác biệt của Franck Muller Group trong các bộ sưu tập đồng hồ và tồn tại các nhãn hiệu tương tự (MASTER BANKER, MASTER SQUARE, MASTER CITY, MASTER IMPERIAL, v.v.). Tra cứu trong từ điển chuyên ngành không thấy cụm từ này có nghĩa mô tả cụ thể; từ đó chứng minh rằng đây là tên gọi độc quyền, không mang nghĩa mô tả chung chung.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

Điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN quy định dấu hiệu đã và đang được sử dụng với chức năng nhãn hiệu và được người tiêu dùng biết đến một cách rộng rãi và nhờ đó nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "MASTER OF COMPLICATIONS" gồm 3 thành phần chữ "MASTER" có nghĩa là "bậc thầy, chuyên gia", "OF" giới từ chỉ sự sở hữu và "COMPLICATIONS" có ý nghĩa chỉ "các chức năng bổ sung" của đồng hồ ngoài hiển thị giờ, phút, giây trong lĩnh vực chế tác đồng hồ. Do đó, tổng thể nhãn hiệu có đặc tính mô tả đặc điểm, tính năng các sản phẩm thuộc nhóm 14 trong đơn đăng ký.

2.2. Việc nhãn hiệu đăng ký được sử dụng ngay từ khi thành lập Tập đoàn Franck Muller Group sở hữu 6 nhà máy tại Thụy Sĩ với hơn 500 nhân viên, sản xuất trên 40.000 đồng hồ/năm, phân phối qua 48 cửa hàng độc quyền và 600

điểm bán tại hơn 70 quốc gia; và được sử dụng rộng rãi trong hoạt động thương mại, quảng bá và website toàn cầu, với các thị trường chính bao gồm Châu Âu, Trung Đông, Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ; và doanh thu từ năm 2003-2013 với hơn 407.000 chiếc đồng hồ mang nhãn hiệu này đã được bán ra toàn cầu, đạt gần 3 tỷ EUR, chỉ là các hoạt động ở nước ngoài, chưa đưa ra được tài liệu cụ thể chứng minh việc sử dụng một cách rộng rãi, liên tục và theo đúng dạng nhãn hiệu đăng ký, bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị được thực hiện tại thị trường Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-03074 ngày 18/02/2013 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 65932/QĐ-SHTT ngày 31/10/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-03074 ngày 18/02/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, FMTM Distribution Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và FMTM Distribution Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159568/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Essilor International
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2014-00992 ngày 02/10/2014 của ESSILOR INTERNATIONAL (COMPAGNIE GENERALE D'OPTIQUE) (nay là Essilor International); địa chỉ: 147 rue de Paris F-94220 CHARENTON-LE-PONT, France; đại diện bởi: Công ty TNHH VINTELL Sáng chế và thương hiệu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1163124 theo Thông báo số 2013/23 NDT37 ngày 12/6/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5290/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Essilor International với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Approved by Wearers, hình" theo đơn quốc tế số 1163124 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2013/23 NDT37 ngày 12/6/2014, căn cứ điểm b và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do là dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ thông thường của hàng hóa, dịch vụ, và mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Dấu hiệu "Approved by Wearers, hình" do người nộp đơn ESSILOR INTERNATIONAL sáng tạo, gồm dòng chữ "Approved by Wearers" màu trắng và hình bóng hai người (chuyên gia đang đặt kính cho người đeo) màu trắng trên nền xanh lá cây, nằm trong khung chữ nhật góc bo tròn. Hình ảnh này mang tính sáng tạo, không phổ biến trong thực tế và không mang tính mô tả sản phẩm/dịch vụ.

- Dấu hiệu cần được nhìn nhận tổng thể. Dù cụm chữ có tính mô tả/tán dương, nhưng thành phần hình vẽ có tính phân biệt rõ rệt, làm cho dấu hiệu không thể bị coi là không có khả năng phân biệt.

- Dấu hiệu đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia có quy định tương tự Việt Nam, chứng minh khả năng phân biệt là đủ điều kiện bảo hộ. Người nộp đơn cung cấp thông tin nhãn hiệu đã được đăng ký ở 75 nước và vùng lãnh thổ.

- Dấu hiệu đã được sử dụng và quảng bá rộng rãi toàn cầu, bao gồm cả Việt Nam, qua mạng Internet, nên người tiêu dùng có thể nhận biết và phân biệt dấu hiệu. Cụ thể, dấu hiệu "Approved by Wearers, hình" đã được sử dụng và quảng bá rộng rãi trên toàn cầu, bao gồm cả Việt Nam, thông qua mạng Internet và các phương tiện truyền thông. Việc sử dụng dấu hiệu bắt đầu từ Singapore vào năm 2010, sau đó nhanh chóng được mở rộng sang nhiều quốc gia khác. Các bằng chứng sử dụng bao gồm bản sao sách mỏng, tờ rơi, tờ quảng cáo gửi tới các chi nhánh toàn cầu để giới thiệu sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng, bảng giá phát hành tại Singapore năm 2013, cùng các tài liệu quảng bá tại Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan. Ngoài ra, nhãn hiệu cũng được thể hiện trên nhiều trang web chính thức của chủ sở hữu tại các quốc gia như Úc, Hàn Quốc, Singapore và các nền tảng quốc tế khác, góp phần khẳng định phạm vi sử dụng rộng rãi và khả năng nhận biết cao của nhãn hiệu này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến*".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

Điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN quy định dấu hiệu đã và đang được sử dụng với chức năng nhãn hiệu và được người tiêu dùng biết đến một cách rộng rãi và nhờ đó nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Nhãn hiệu đăng ký 

"Approved by Wearers, hình" bao gồm phần chữ "Approved by Wearers" và phần hình hai bóng người đều có màu trắng, được trình bày trong khung chữ nhật nền xanh lá cây.

Phần chữ "Approved by Wearers" sử dụng kiểu chữ thường, không có yếu tố tạo hình đặc biệt, mang nghĩa "được người dùng chấp thuận", thể hiện sự xác nhận, hài lòng từ người tiêu dùng về sản phẩm, dịch vụ, do đó mang tính mô tả chất lượng, đặc tính tích cực của hàng hóa, dịch vụ cung cấp. Phần hình hai bóng người bao gồm một người đang giơ tay đặt (đeo) kính lên khuôn mặt của người còn lại nhận kính, trong đó đều được thể hiện bằng các đường nét cơ bản, mang tính mô tả hoạt động hoặc hành vi thông thường thử hoặc lắp kính liên quan đến sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu. Khung chữ nhật nền xanh lá cây bo góc là dạng hình học cơ bản, không có yếu tố sáng tạo đặc biệt.

2.2. Việc nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng bắt đầu vào năm 2010, sau đó được quảng bá rộng rãi toàn cầu bao gồm Việt Nam; và các bằng chứng sử dụng bao gồm bản sao sách mỏng, tờ rơi, tờ quảng cáo gửi tới các chi nhánh toàn cầu để giới thiệu sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng, bảng giá phát hành tại Singapore năm 2013, cùng các tài liệu quảng bá tại Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan; và được thể hiện trên nhiều trang web chính thức của chủ sở hữu tại các quốc gia như Úc, Hàn Quốc, Singapore và các nền tảng quốc tế khác, chủ yếu là các hoạt động ở nước ngoài, chưa đưa ra được tài liệu cụ thể chứng minh việc sử dụng một cách rộng rãi, liên tục và theo đúng dạng nhãn hiệu đăng ký, bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị được thực hiện tại thị trường Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1163124 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/23 NDT37 ngày 12/6/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1163124.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Essilor International có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Essilor International (qua Công ty TNHH VINTELL Sáng chế và thương hiệu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159569/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-01103 ngày 23/12/2021 của Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam; địa chỉ: Số 14, đường số 05, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Tân Hà; khiếu nại về việc từ chối đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 127831 đối với đơn số ĐN1-2012-00158 theo Quyết định số 3626/QĐ-SHTT ngày 01/9/2016.;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5404/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Teago" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-44917 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 75045/QĐ-SHTT ngày 24/9/2021, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 259318 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác biệt về cấu trúc, cách phát âm, ý nghĩa, hình thức thể hiện và danh mục hàng hóa, dịch vụ so với nhãn hiệu đối chứng.

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu đối chứng nếu là hình thì chỉ gồm các khối và đường chéo đơn giản; nếu hiểu là chữ "L U GO" thì các ký tự được sắp xếp chồng chéo. Trong khi đó, "Teago" là một khối chữ rõ ràng, gọn gàng với bố cục hợp lý ("go" nằm dưới "tea"), tạo cảm giác vuông vắn. Hậu tố "go" cũng là thành phần phổ biến trong nhiều nhãn hiệu nhóm 32, nên không đủ tạo sự tương đồng. Thành tố "Tea" và "L U" hoàn toàn khác nhau, cho thấy "Teago" được tạo dựng độc lập, không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

- Về cách phát âm: "Teago" được phát âm là /tēgō/, trong khi nhãn hiệu đối chứng là /Lu go/ hoặc /Lu gō/, thậm chí có thể bị đọc thành "GD", "GCD". Sự khác biệt hoàn toàn về âm thanh này giúp người tiêu dùng dễ dàng phân biệt hai nhãn hiệu, nhất là với nhãn hiệu ngắn chỉ cần một âm khác cũng đủ để tạo ấn tượng riêng.

- Về ý nghĩa: "Teago" là từ vô nghĩa trong mọi ngôn ngữ, nhưng lại là cách chơi chữ sáng tạo, gợi đến lời mời thân thuộc "Trà đi!" trong tiếng Việt. Điều này giúp nhãn hiệu vừa lạ vừa gần gũi với người tiêu dùng. Ngược lại, "LUGO" có thể chỉ là tên địa danh ở Tây Ban Nha, không truyền tải thông điệp rõ ràng hay tạo ấn tượng đặc biệt tại thị trường Việt Nam.

- Về hình thức thể hiện: "Teago" sử dụng phong cách thiết kế tối giản nhưng tinh tế, với hiệu ứng 3D và bố cục dọc giữa "Tea" và "Go", tạo nên tính thẩm mỹ và độ nhận diện cao. Nhãn hiệu đối chứng được thể hiện dưới dạng các khối xanh xám đổ bóng, khác biệt hoàn toàn về bố cục và màu sắc.

(ii) Khả năng phân biệt về hàng hóa/dịch vụ.

- Về mục đích sử dụng: Nhãn hiệu đăng ký dùng cho các sản phẩm giải khát thông thường như nước khoáng, nước ngọt, nước ép, si-rô, v.v., phục vụ nhu cầu tiêu dùng hàng ngày. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng giới hạn cho

"mục đích thể thao", nhằm bù nước, khoáng và năng lượng sau vận động. Hai nhóm sản phẩm có công dụng khác nhau nên khó gây nhầm lẫn.

- Về kênh thương mại: Sản phẩm "Teago" phổ biến tại siêu thị, cửa hàng tạp hóa và nền tảng thương mại điện tử. Ngược lại, sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng chủ yếu phân phối qua các kênh chuyên biệt như phòng tập, đội tuyển hoặc cửa hàng thể thao, giúp người tiêu dùng dễ dàng phân biệt.

- Về tệp khách hàng: Nhãn hiệu đăng ký hướng tới người tiêu dùng phổ thông ở mọi độ tuổi, đặc biệt là giới trẻ. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng phục vụ nhóm khách hàng chuyên biệt như vận động viên, người luyện tập thể thao cần bổ sung khoáng chất. Ngoài ra, các sản phẩm như nước có ga hay si-rô còn không phù hợp dùng sau vận động theo khuyến cáo y tế, càng khẳng định sự khác biệt về đối tượng sử dụng.

(iii) Nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt do được sử dụng ổn định, lâu dài và được biết đến rộng rãi trên thực tế.

- Về thực tiễn sử dụng: Nhãn hiệu "Teago" đã được sử dụng liên tục, ổn định trên thị trường từ năm 2017, kèm theo Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp số 28136. Sản phẩm mang nhãn hiệu này đã được chủ đơn đưa vào kinh doanh thực tế và phân phối rộng rãi tại Việt Nam.

- Về mức độ phổ biến: "Teago" hiện được bày bán trên nhiều kênh thương mại lớn như Lazada, Shopee, Sendo, Coopmart, v.v., đều là các nền tảng có lượng truy cập và mua bán lớn hàng đầu cả nước. Theo thống kê tại Coopmart, sản phẩm nước uống Teago dạng túi là mặt hàng được giới trẻ ưa chuộng và thường xuyên cháy hàng.

- Về hoạt động quảng bá: Chủ đơn đã đầu tư mạnh vào quảng cáo đa phương tiện, nổi bật là kênh Youtube. Video quảng cáo "OISHI TEAGO - SÂN CHƠI LÀ CẢ THẾ GIỚI" đạt hơn 5,6 triệu lượt xem; video hợp tác với KOL "Tôm Review" thu hút gần 2 triệu lượt xem và hàng nghìn bình luận tích cực, cho thấy mức độ nhận diện cao trong cộng đồng.

- Về kết quả tìm kiếm: Khi tra từ khóa "Teago" trên Google, hệ thống hiển thị khoảng 188.000 kết quả trong chưa đầy 1 giây, hầu hết liên quan trực tiếp đến sản phẩm của chủ đơn. Điều này cho thấy nhãn hiệu đã đạt được mức độ phổ biến và ghi nhớ đáng kể trong tâm trí người tiêu dùng Việt Nam.

- Về sự im lặng của bên đối chứng: Từ khi sản phẩm "Teago" xuất hiện trên thị trường đến nay, chủ đơn không nhận được bất kỳ phản đối nào từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng, cũng không ghi nhận trường hợp nhầm lẫn nào từ phía người tiêu dùng.

- Về việc sử dụng của nhãn hiệu đối chứng: Nhãn hiệu đối chứng không có dấu hiệu sử dụng thực tế tại Việt Nam. Việc tìm kiếm trên Google không trả về kết quả liên quan và website chính thức của chủ sở hữu (https://www.urc.com.ph) cũng không đề cập đến nhãn hiệu này. Chủ đơn đang

tiến hành điều tra thêm để chứng minh tình trạng không sử dụng của nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 22.1.c)(ii) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định những nội dung sau đây trong đơn khiếu nại không thuộc phạm vi giải quyết khiếu nại, do đó không được chấp nhận trong quá trình giải quyết khiếu nại: "*Tình tiết mới chưa được người nộp đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp là đối tượng của quyết định, thông báo bị khiếu nại đưa ra trong quá trình thẩm định đơn, mà có thể làm thay đổi quyết định, thông báo bị khiếu nại*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký  gồm hai thành phần chữ "Tea" và "go" được trình bày thành hai dòng, trong đó phần chữ "Tea" có nghĩa tiếng Việt là "trà", mang tính mô tả sản phẩm đăng ký và phần chữ "go" là thành phần chủ yếu có khả năng phân biệt. Nhãn hiệu đối chứng  dù được trình bày cách điệu, tổng thể nhận diện về thị giác là chữ "GO" bao gồm yếu tố đầu thể hiện cấu trúc chữ "G" và yếu tố sau là chữ "O". Do đó, phần chữ "go" của nhãn hiệu đăng ký bị xem là tương tự về cấu trúc từ và ý nghĩa với nhãn hiệu đối chứng.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 32 trùng hoặc tương tự với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tương tự về mặt cấu trúc, đồng thời đăng ký cho các sản phẩm trùng hoặc tương tự nhau, do đó có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

2.2. Lập luận cho rằng nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt do được sử dụng ổn định, lâu dài và được biết đến rộng rãi trên thực tế là

tình tiết mới chưa được người nộp đơn đưa ra trong quá trình thẩm định đơn nên không được chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 22.1.c)(ii) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-20354 ngày 06/7/2017 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 75045/QĐ-SHTT ngày 24/9/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-20354 ngày 06/7/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam (qua Văn phòng Luật sư Tân Hà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159570/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Intel Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00051 ngày 19/01/2017 của Intel Corporation; địa chỉ: 2200 Mission College Boulevard, Santa Clara, California, 95052-8119, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1273243 theo Thông báo số 2015/44 HBN16 ngày 03/11/2016;

DAD778

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5515/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Intel Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "OPTANE" theo đơn quốc tế số 1273243 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/44 HBN16 ngày 03/11/2016, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 45412 (nhãn hiệu đối chứng) cho hàng hóa mạch tích hợp (integrated circuits) thuộc nhóm 09.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký rõ ràng không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

- Về mặt cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký "OPTANE" là nhãn hiệu chữ, chỉ bao gồm duy nhất từ "OPTANE" được viết in hoa. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "OCTANE (hình)" là nhãn hiệu kết hợp, gồm phần hình ngọn lửa nằm giữa hai hình bình hành và phần chữ "OCTANE" được đặt phía dưới với kích thước nhỏ hơn nhiều.

- Về ý nghĩa, "OPTANE" là từ tự tạo, không có bất kỳ nghĩa cụ thể nào. Ngược lại, "OCTANE" là từ tiếng Anh, mang nghĩa "ốc-tan" – một hợp chất hóa học, và phần hình ảnh đi kèm gợi lên liên tưởng đến ngọn lửa, năng lượng.

- Về hình thức trình bày, "OPTANE" sử dụng kiểu chữ in hoa, màu đen, không cách điệu. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng có phần hình ảnh đóng vai trò chính, phần chữ nhỏ hơn và không chiếm ưu thế thị giác.

- Về cách phát âm, cả hai từ đều có hai âm tiết nhưng khác biệt: "OPTANE" có thể phát âm là /ˈɒp.teɪn/, còn "OCTANE" là /ˈɒk.teɪn/. Như vậy, xét toàn diện, hai nhãn hiệu hoàn toàn không tương tự nhau về cấu trúc, ý nghĩa, hình thức thể hiện và cách phát âm.

(ii) Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt với hàng hóa của Nhãn hiệu đối chứng.

- Về bản chất sản phẩm, hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký là mạch tích hợp (vi mạch), các linh kiện điện tử có chức năng xử lý tín hiệu hoặc điều khiển thiết bị, thường được tích hợp trong máy tính, điện thoại, xe hơi, máy giặt, v.v. Trong khi đó, hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng là dụng cụ điện dân dụng như công tắc, ổ cắm, dây điện, bộ ngắt mạch, v.v., hoàn toàn khác về tính chất vật lý và cấu tạo.

- Về chức năng, vi mạch có chức năng chuyên biệt trong việc xử lý dữ liệu hoặc điều khiển thiết bị điện tử ở cấp độ linh kiện công nghệ cao. Ngược lại, hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng chỉ có chức năng đơn giản như ổn định dòng điện hoặc kết nối nguồn điện, phục vụ trực tiếp cho sinh hoạt hàng ngày.

- Về kênh phân phối, mạch tích hợp chủ yếu được cung cấp cho các nhà sản xuất thiết bị điện tử, đối tượng sử dụng là các doanh nghiệp, kỹ sư hoặc người am hiểu công nghệ. Sản phẩm không được bày bán rộng rãi trên thị trường tiêu dùng thông thường. Ngược lại, hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng được phân phối phổ biến qua các kênh bán buôn, bán lẻ sản phẩm điện dân dụng, như siêu thị điện máy hoặc cửa hàng điện. Đối tượng tiếp cận là người tiêu dùng phổ thông.

- Công nghệ vi mạch hiện là ngành công nghiệp mũi nhọn toàn cầu, được ứng dụng rộng rãi trong điện tử, truyền thông, công nghiệp, đặc biệt trong thiết bị di động, máy tính, ô tô, v.v. Vi mạch là sản phẩm kỹ thuật cao, chủ yếu do các tập đoàn lớn như Intel, Samsung, Qualcomm sản xuất và được tiêu thụ bởi các nhà sản xuất thiết bị điện tử chuyên môn cao. Ngược lại, RACER ELECTRIC là doanh nghiệp Thái Lan chuyên sản xuất thiết bị điện dân dụng như đèn chiếu sáng, ổ điện, không hoạt động trong lĩnh vực vi mạch (phụ lục 4).

(iii) Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng rộng rãi, liên tục và được bảo hộ trên toàn cầu, bao gồm cả Việt Nam, nên người tiêu dùng chỉ liên kết nhãn hiệu này với Intel.

- Việc sử dụng rộng rãi và liên tục: Nhãn hiệu đăng ký (OPTANE) được Intel sáng tạo và sử dụng từ tháng 7/2015 cho một công nghệ lưu trữ dữ liệu đột phá dựa trên 3D Xpoint nhanh hơn, bền hơn và có mật độ cao hơn nhiều lần so với công nghệ truyền thống. Công nghệ này được ứng dụng trong các sản phẩm bộ nhớ và lưu trữ của Intel, tích hợp các tính năng tiên tiến như bảo vệ dữ liệu khi mất điện (phụ lục 5). Từ khi ra mắt đến nay, Intel đã sử dụng nhãn hiệu đăng ký rộng rãi toàn cầu và tại Việt Nam trên các sản phẩm phần cứng, trang web chính thức và các tài liệu tiếp thị. Tại Việt Nam, các phương tiện truyền thông lớn cũng đưa tin và đánh giá về công nghệ OPTANE, qua đó tạo nên sự nhận diện thương hiệu mạnh mẽ trong cộng đồng người tiêu dùng và chuyên gia công nghệ (phụ lục 6).

- Đăng ký và bảo hộ toàn cầu: Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp thuận bảo hộ tại nhiều quốc gia và khu vực như Liên minh Châu Âu (28 nước), Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Úc, New Zealand, Singapore, Philippines, Hàn Quốc, v.v., cho các sản phẩm cùng loại với hàng hóa thuộc nhóm 09 (phụ lục 7).

(iv) Người nộp đơn còn dẫn chứng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đã cùng tồn tại tại Singapore cho cùng loại hàng hóa thuộc Nhóm 09 (phụ lục 8).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký*

có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN quy định dấu hiệu đã và đang được sử dụng với chức năng nhãn hiệu và được người tiêu dùng biết đến một cách rộng rãi và nhờ đó nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế*".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu

Nhãn hiệu đăng ký "OPTANE" trùng 5/6 ký tự (O/-/T/A/N/E) với phần chữ "OCTANE" của nhãn hiệu đối chứng "OCTANE, hình" theo đúng trật tự bắt đầu bằng chữ cái "O" kết phúc bằng "TANE". Cả hai phần chữ đều là từ có hai âm tiết, cách phát âm tương tự (/ˈɑːp.teɪn/ và /ˈɑːk.teɪn/).

Các sản phẩm (dụng cụ ổn định dòng điện, bộ chuyển mạch tế bào (điện tử), bộ ngắt mạch điện, v.v.) mang nhãn hiệu đối chứng có thể chứa mạch tích hợp (integrated circuit - IC) để thực hiện các chức năng này.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tương tự về mặt cấu trúc và phát âm, đồng thời đăng ký cho các sản phẩm tương tự về mặt chức năng, do đó có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

2.2. Việc nhãn hiệu đăng ký đã được sáng tạo, sử dụng từ tháng 7/2015 trong các sản phẩm bộ nhớ và lưu trữ của Intel, tích hợp các tính năng tiên tiến, bảo vệ dữ liệu khi mất điện; và việc Intel đã sử dụng nhãn hiệu đăng ký rộng rãi toàn cầu, trên các sản phẩm phần cứng, trang web chính thức, các tài liệu tiếp thị, các phương tiện truyền thông đưa tin, đánh giá về công nghệ, chủ yếu là các hoạt động ở nước ngoài, chưa đưa ra được tài liệu cụ thể chứng minh việc sử dụng một cách rộng rãi, liên tục và theo đúng dạng nhãn hiệu đăng ký, bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị được thực hiện tại thị trường Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

Ngoài ra, dẫn chứng của người nộp đơn có tính tham khảo, không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1273243 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/44 HBN16 ngày 03/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1273243.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Intel Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Intel Corporation (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159571/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HERMES INTERNATIONAL
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2017-00621 ngày 01/6/2017 của HERMES INTERNATIONAL; địa chỉ: 24 rue du Faubourg Saint-Honoré F-75008 PARIS, France; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (nay là Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam); khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1289512 theo Thông báo số 2016/07 HBN30 ngày 16/02/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5501/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HERMES INTERNATIONAL với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "GALOP D'HERMES" theo đơn quốc tế số 1289512 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2016/07 HBN30 ngày 16/02/2017, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 50503 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký và nhãn nhãn hiệu đối chứng có nhiều điểm khác biệt với nhau xét về thành phần cấu tạo.

- Về ấn tượng thị giác: Nhãn hiệu đăng ký chỉ gồm chữ, trình bày in hoa theo phông tiêu chuẩn, không cách điệu hay kèm hình. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "GALLOP" được thiết kế cách điệu với màu trắng viền đen, các chữ cái sắp xếp đối xứng thành hình tam giác cân, chữ "G" dễ nhầm thành "C" tạo cảm giác như "CALLOP". Ngoài ra, nhãn hiệu này có hình con ngựa có cánh phi nước kiệu và chữ "V" cách điệu, tạo tổng thể hình ảnh sinh động và khác biệt rõ rệt.

- Về ý nghĩa: "GALOP D'HERMES" mang nghĩa "điệu múa tấu mã của Hermes", trong đó "HERMES" là tên thương mại đã được bảo hộ. Trong khi đó, "GALLOP" nghĩa là nước phi ngựa, thể hiện sự vận động nhanh. Nhãn hiệu đối chứng mang ý nghĩa mô tả, không liên quan đến thương hiệu "HERMES", tạo nên sự khác biệt về nội dung và thông điệp.

- Yếu tố "GALOP" cần được đánh giá trong tổng thể, trong đó "HERMES" là thành phần nổi bật, có tính phân biệt cao và là nhãn hiệu nổi tiếng toàn cầu của người nộp đơn. "GALOP" chỉ đóng vai trò bổ trợ, làm rõ thêm thương hiệu chính. Sự kết hợp giữa "GALOP", yếu tố sở hữu "D'" và tên thương hiệu nổi tiếng "HERMES" tạo nên một tổng thể có tính nhận diện riêng, thể hiện nguồn gốc từ Hermes. Nhãn hiệu đối chứng được trình bày cách điệu và có yếu tố hình minh họa rõ rệt, tạo nên ấn tượng thị giác hoàn toàn khác với nhãn hiệu đăng ký. Ngoài ra, ý nghĩa tổng thể giữa hai nhãn hiệu cũng khác nhau, càng củng cố khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký.

(ii) Sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký (nhóm 3) hoàn toàn khác biệt với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng (nhóm 34), cả về tính chất lẫn mục đích sử dụng. Dù cùng thuộc nhóm 3 trong phân loại Nice, nhưng sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là nước hoa dùng trên cơ thể (mục đích cá nhân), còn sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng là nước xịt phòng (mục đích gia dụng). Sự khác biệt này được phản ánh rõ qua mã HS trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng

hóa: nước hoa cá nhân có mã 3303.00.00, trong khi nước xịt phòng có mã 3307.49.10 - phân lớp khác nhau. Ngoài ra, người tiêu dùng nước hoa thường chú trọng đến thương hiệu, mùi hương và nhà sản xuất, trong khi nước xịt phòng là sản phẩm gia dụng thông thường. Hai loại này được bày bán tại các khu vực riêng biệt, do đó rất khó xảy ra nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại giữa chúng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "GALOP D'HERMES" bao gồm hai thành phần chữ "GALOP" và "D'HERMES" được trình bày tách biệt. Phần chữ "D'HERMES" bao gồm "D'", dạng rút gọn của giới từ "de" trong tiếng Pháp, có nghĩa là "của", toàn bộ phần chữ này mang nghĩa sở hữu "của HERMES". Do đó, "D'HERMES" là yếu tố chủ đạo tạo khả năng phân biệt, không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 

"GALLOP V, hình" .

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1289512, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/07 HBN30 ngày 16/02/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1289512.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1289512.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và

HERMES INTERNATIONAL (qua Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Công ty TNHH SHCN Sao Bắc Đẩu (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159572/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 219644

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2024-00101 ngày 03/4/2024 của Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hà, địa chỉ: Số 22, Ngách 366/36 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam; yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 219644, cấp ngày 14/02/2014 cho Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ Vạn Vượng (VN);

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 03/4/2024, Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hà, địa chỉ: Số 22, Ngách 366/36 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam; nộp đơn ĐN1-2024-00101 yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký

nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 219644, cấp ngày 14/02/2014 cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng (VN); với lý do: Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng cho hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm 12, 37 trong 05 năm gần đây tại thị trường Việt Nam theo văn bản tra cứu số 22-01/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 30/3/2024 của Bản tin Thị trường giá cả, Viện Kinh tế Tài chính, Học viện Tài chính, Bộ Tài chính;

Mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ thông báo theo công văn số 110844/SHTT-TTKN.IP ngày 11/11/2024 và công văn số 36207/SHTT-TTKN.IP ngày 14/4/2025 nhưng Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng không có ý kiến trả lời.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét các tài liệu hiện có, Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại thấy rằng:

Bản tin Thị trường giá cả, Viện Kinh tế Tài chính, Học viện Tài chính, Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "LYNK, hình" theo GCNĐKNH số 219644 đối với hàng hóa, dịch vụ nhóm 12, 37 tại Việt Nam từ ngày 01/03/2019 đến ngày 30/3/2024 và chủ GCNĐKNH số 219644 không có ý kiến trả lời Công văn số 110844/SHTT-TTKN.IP và số 36207/SHTT-TTKN.IP nêu trên về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 219644.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 219644 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 219644, cấp ngày 14/02/2014 của Công ty TNHH Đầu tư

Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng (VN) theo yêu cầu của Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 219644, cấp ngày 14/02/2014 cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng (VN) đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm 12, 37 theo yêu cầu của Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ Vạn Vượng (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ Vạn Vượng (Tầng 1, 52 Đông Du, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Nguyễn Thị Thu Hà; địa chỉ: Số 22, Ngách 366/36 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159573/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Intervet International B.V. (NL)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2019-00719 ngày 14/11/2019 của Intervet International B.V. (NL); địa chỉ: Wim de Korverstraat 35, NL-5831, AN Boxmeer, Netherlands; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-06448 ngày 16/3/2016 theo Quyết định số 96350/QĐ-SHTT ngày 31/10/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5608/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Intervet International B.V. (NL) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "EXZOLT" đăng ký theo đơn số 4-2016-06448 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "ESZOL" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 69549, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định. Cụ thể, về cách phát âm: nhãn hiệu đăng ký "EXZOLT" phát âm là /ếch-dot/, trong khi nhãn hiệu đối chứng "ESZOL" phát âm là /ét-doi/. Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký có bản chất là dược phẩm chuyên dụng cho mục đích thú y khác với dược phẩm dùng cho mục đích con người của nhãn hiệu đối chứng, điều này cũng dẫn đến kênh phân phối khác nhau. Do đó, người tiêu dùng sẽ không có sự nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu.

Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2019-00199 ngày 26/7/2019 yêu cầu chấm dứt hiệu lực đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 69549 trên cơ sở không được sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-06448 ngày 16/3/2016.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đối chứng "ESZOL" đã có yêu cầu chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2019-00199 ngày 26/7/2019 trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 96350/QĐ-SHTT ngày 31/10/2019 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-06448. Xét thấy kết quả giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH đối chứng có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2016-06448 ngày 16/3/2016.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2016-06448 ngày 16/3/2016.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 96350/QĐ-SHTT ngày 31/10/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-06448 ngày 16/3/2016.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-06448 ngày 16/3/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Intervet International B.V. (NL) (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159574/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của KIKO S.p.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2018-00334 ngày 17/5/2018 của KIKO S.p.A.; địa chỉ: Via Giorgio e Guido Paglia, 1/D - 24122 BERGAMO (BG) - ITALY; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-31252 ngày 16/12/2014 theo Quyết định số 24874/QĐ-SHTT ngày 17/4/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5611/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của KIKO S.p.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "KIKO" đăng ký theo đơn số 4-2014-31252 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "BABY KIKO" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 86951, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 86951 có yêu cầu chấm dứt hiệu lực cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 theo đơn số ĐN1-2016-00201 ngày 03/8/2016 với lý do nhãn hiệu không được sử dụng tại Việt Nam trong thời hạn năm năm liên tục. Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-31252 ngày 16/12/2014 sau khi việc chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng được hoàn thành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đối chứng "BABY KIKO" đã có yêu cầu chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2016-00201 ngày 03/8/2016 trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 24874/QĐ-SHTT ngày 17/4/2018 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-31252. Xét thấy kết quả giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH đối chứng có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên, Cục Sở hữu trí

tuệ đồng ý khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-31252 ngày 16/12/2014.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-31252 ngày 16/12/2014.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 24874/QĐ-SHTT ngày 17/4/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-31252 ngày 16/12/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-31252 ngày 16/12/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và KIKO S.p.A. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159575/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Kim Chính
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2019-00469 ngày 06/9/2019 của Công ty cổ phần Kim Chính; địa chỉ: Đường Hồng Quang kéo dài, khu 10, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH LEADCONSULT; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-21812 ngày 16/09/2014 theo Quyết định số 62119/QĐ-SHTT ngày 29/7/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5615/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Kim Chính với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FUSA, hình" đăng ký theo đơn số 4-2014-21812 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 127073, 61863, 109987, theo quy định tại điểm b, điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Cục Sở hữu trí tuệ đã đồng ý với đề nghị của người nộp đơn cho phép loại bỏ phần hình ra khỏi mẫu nhãn hiệu đăng ký để tránh gây nhầm lẫn với hai nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 61863, 109987.

Đối với nhãn hiệu đối chứng "ANTI-FUSA" theo GCNĐKNH số 127073 có yêu cầu chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2018-00181 ngày 20/8/2018 với lý do nhãn hiệu không được sử dụng tại Việt Nam trong thời hạn năm năm liên tục. Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-21812 ngày 16/9/2014 sau khi việc chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng được hoàn thành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đối chứng "ANTI-FUSA" đã có yêu cầu chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2018-00181 ngày 20/8/2018 trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 62119/QĐ-SHTT ngày 29/7/2019 về việc từ chối

cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-21812. Xét thấy kết quả giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH đối chứng có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-21812 ngày 16/9/2014.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-21812 ngày 16/9/2014.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 62119/QĐ-SHTT ngày 29/7/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-21812 ngày 16/09/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-21812 ngày 16/09/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Kim Chính (qua Công ty Luật TNHH LEADCONSULT) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159576/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Luật TNHH Liên Việt
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00033 ngày 16/01/2025 của Công ty Luật TNHH

NAT779 *Liên Việt; địa chỉ: Phòng 911, tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Tong, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Liên Việt; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-45821 theo Quyết định số 115123/QĐ-SHTT.IP ngày 30/9/2024;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5645/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Luật TNHH Liên Việt với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SAIGON ACADEMY, hình" đăng ký theo đơn số 4-2020-45821 ngày 04/11/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH đối với toàn bộ nhãn hiệu và dịch vụ vì chứa dấu hiệu "SAIGON" gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của dịch vụ và tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "Hệ Thống Trường Mầm Non SAIGON ACADEMY, hình" đang được bảo hộ theo GCNĐKNH số 270342, theo quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Cần đánh giá toàn diện phần chữ và nhóm sản phẩm/dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký so với nhãn hiệu đối chứng, cụ thể như sau: dấu hiệu phần chữ không bị coi là trùng với nhãn hiệu đối chứng do không đáp ứng đủ 2 điều kiện là giống hệt về cấu tạo và cách thức thể hiện theo Điểm b, Khoản 8, Điều 26, Thông tư 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Phần hình của nhãn hiệu đăng ký là hình vuông được thiết kế từ hai chữ L màu đỏ đặt đối diện nhau, bên trong là một hình vuông nhỏ màu xanh cách điệu. Trong khi đó, phần hình của nhãn hiệu đối chứng là hình cành nguyệt quế. Trường hợp này, phần hình của nhãn hiệu đăng ký là thành phần mạnh, kết hợp với phần chữ một cách độc đáo dẫn đến khả năng tác động mạnh vào người tiêu dùng, gây chú ý và ấn tượng về nhãn hiệu khi quan sát. Như vậy, mặc dù cấu tạo phần chữ có sự giống nhau nhưng khi kết hợp phần chữ và phần hình với nhau,

nhãn hiệu đăng ký vẫn được đánh giá là có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

- Dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký không trùng hoặc tương tự so với nhãn hiệu đối chứng bởi có sự khác biệt về bản chất, chức năng, mục đích và không có sự liên kết chặt chẽ với nhau về phương thức thực hiện. Cụ thể đây là các dịch vụ trong lĩnh vực thể thao, trong khi dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng là giáo dục mầm non, dạy ngoại ngữ. Vì vậy, người tiêu dùng không thể nào dễ dàng nhầm lẫn được dịch vụ của hai nhãn hiệu với nhau.

- Dấu hiệu "SAIGON" không gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ cho người tiêu dùng vì đây là tên riêng, không có ý nghĩa và người nộp đơn không yêu cầu đăng ký bảo hộ riêng phần chữ "SAIGON". Bên cạnh đó, thực tế Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu có chứa phần chữ "SAIGON" cho các chủ thể có địa chỉ tại Hà Nội như chủ đơn và bất kỳ chủ đơn nào khi nhãn hiệu đăng ký được cấp văn bằng bảo hộ, phạm vi hoạt động, xây dựng thương hiệu chắc chắn không thể nào chỉ bó hẹp tại khu vực đặt trụ sở chính.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-45821 ngày 04/11/2020.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

"SAIGON" hay "Sài Gòn" là tên gọi cũ của Thành phố Hồ Chí Minh, là dấu hiệu được sử dụng trong nhiều mẫu nhãn hiệu đăng ký cho các hàng hóa, dịch vụ khác nhau và đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho các chủ thể dù không có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý với ý kiến của người khiếu nại không áp dụng khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối nhãn hiệu đăng ký vì chứa phần chữ "SAIGON" gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của dịch vụ.

Tuy nhiên, đối với nhãn hiệu đối chứng "Hệ Thống Trường Mầm Non SAIGON ACADEMY, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 270342, xét thấy: nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều chứa phần chữ "SAIGON ACADEMY" là thành phần mạnh của nhãn hiệu, yếu tố tác động mạnh, gây chú ý và ấn tượng về nhãn hiệu cho người tiêu dùng khi quan sát. Dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tương tự nhau vì đều liên quan đến lĩnh vực học viện - giáo dục hay huấn luyện - đào tạo, có cùng chức năng hoạt động và người tiêu dùng liên quan quan tâm. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng chứa dấu hiệu có khả năng phân biệt trùng nhau, trong khi lại đăng ký cho các dịch vụ tương tự có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-45821 ngày 04/11/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 115123/QĐ-SHTT.IP ngày 30/9/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-45821 ngày 04/11/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty Luật TNHH Liên Việt có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Luật TNHH Liên Việt (qua Công ty Luật TNHH Liên Việt) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159577/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Anheuser-Busch, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

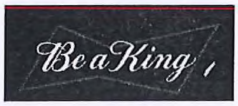
Xét đơn số KN4-2024-00320 ngày 02/5/2024 của Anheuser-Busch, LLC; địa chỉ: One Busch Place, st. Louis, Missouri 63118, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-28430

NAT779

ngày 22/8/2018 theo Quyết định số 10965/QĐ-SHTT.IP ngày 30/01/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5635/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Anheuser-Busch, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu ("Be a King, hình") 

đăng ký theo đơn số 4-2018-28430 ngày 22/8/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng ("aoking, hình") 

được bảo hộ theo ĐQT số 1354214, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhau dựa trên sự khác biệt về cách trình bày và phần hình. Cụ thể, nhãn hiệu đối chứng được thể hiện bởi hai màu đen và trắng với phần chữ được cách điệu đặc biệt khi chữ "o" thể hiện bộ phận bụng trên cơ thể con gấu và duy nhất chữ cái "i" được in nghiêng, tạo điểm nhấn thú vị cho nhãn hiệu. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký là một hình chữ nhật nằm ngang màu đen chứa phần chữ "Be a King" màu trắng, viết hoa, các nét thanh đậm và được in nghiêng, đặt bên trong một hình nơ thắt ở cổ áo có màu đen viền đỏ, tạo liên tưởng một tấm khiên bên ngoài thể hiện giá trị cốt lõi mà nhãn hiệu này hướng đến là "sản phẩm chất lượng, bảo vệ người tiêu dùng. Như vậy, có thể khẳng định, cách trình bày và phần hình của hai nhãn hiệu này là hoàn toàn khác biệt nên người tiêu dùng không thể nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu này với nhau.

- Phần chữ "king" trong nhãn hiệu đối chứng không mang lại khả năng phân biệt cao cho nhãn hiệu này, và vì thế, để phân biệt nó với nhãn hiệu đăng ký cần đánh giá tổng thể cách trình bày và phần hình nằm trong nhãn hiệu như trên.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng rộng rãi và được nhiều người tiêu dùng trên thế giới biết đến và tin tưởng sử dụng.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-28430 ngày 22/8/2018.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của phần chữ "Be a King" là cụm từ tiếng Anh, có thể hiểu ý nghĩa trong tiếng Việt là "trở thành một vị vua" và phần hình đường gấp khúc màu đỏ bao quanh tựa như hình chiếc nơ thắt ở cổ áo. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng gồm phần chữ "aoking" là từ tự đặt không có nghĩa trong tiếng Việt, có thể phát âm là /ao-king/, được thiết kế cách điệu với chữ cái "o" là hình một chú gấu, độc đáo, tạo ấn tượng riêng có khả năng phân biệt cho nhãn hiệu. Như vậy, xét về tổng thể nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt về ý nghĩa và hình thức thể hiện.

- Về dịch vụ: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều đăng ký cho các hàng hóa trùng/tương tự nhau thuộc nhóm 25 liên quan đến hàng may mặc, trang phục.

Từ các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho các hàng hóa trùng/tương tự nhau, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt, do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-28430 ngày 22/8/2018, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 10965/QĐ-SHTT.IP ngày 30/01/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-28430 ngày 22/08/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-28430 ngày 22/8/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Anheuser-Busch, LLC (qua Công ty TNHH Dương và đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159578/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Trung tâm trọng tài thương mại Đông Dương
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2019-00181 ngày 28/5/2019 của Trung tâm trọng tài thương mại Đông Dương; địa chỉ: Số 10 Chương Dương, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật Hợp

NAT779 *danh Phương Đông; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-35591 ngày 17/12/2015 theo Quyết định số 15835/QĐ-SHTT ngày 28/02/2019;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5627/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Trung tâm trọng tài thương mại Đông Dương với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ITAC INDOCHINA TRADE ARBITRATION CENTER Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Đông Dương, hình" đăng ký theo đơn số 4-2015-35591 ngày 17/12/2015 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 15835/QĐ-SHTT ngày 28/12/2019 do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 155503 ("ITACO Tập Đoàn Tân Tạo ITA GROUP, hình" – nhãn hiệu đối chứng số 1), số 101481 ("IC Indochine Counsel Business Law Practitioners, hình" - nhãn hiệu đối chứng số 2) và số 268952 ("Công ty luật TNHH Nguyễn Linh LAW FIRM, hình" - nhãn hiệu đối chứng số 3). Cục Sở hữu trí tuệ đã đồng ý với ý kiến của người nộp đơn tại công văn số 1212/2018/CV-LSPĐ ngày 12/12/2018 về trường hợp nhãn hiệu đối chứng "DONGDUONG" theo các đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-27217, 4-2015-27587 và loại bỏ các nhãn hiệu này ra khỏi danh sách đối chứng. Trên cơ sở đó, người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Thứ nhất, phần chữ "ITAC" trong nhãn hiệu được đăng ký là từ có thể phát âm được với 02 âm tiết "i-tac" hoặc "i-tạc". Trong khi đó, phần chữ

"ITACO" trong nhãn hiệu đối chứng số 1 được phát âm với 03 âm tiết là "i-ta-co" hoặc "i- ta-cô". Do vậy, hai nhãn hiệu có sự khác biệt.

- Thứ hai, phần chữ "INDOCHINA" trong nhãn hiệu được đăng ký có ý nghĩa là "Đông Dương thuộc Pháp" theo từ điển Bách khoa toàn thư Britananica; có 04 âm tiết gồm: in-do-tfai-nə; phát âm là [indo'tfainə]. Trong khi đó, phần chữ "Indochine" trong nhãn hiệu đối chứng số 2 là từ tiếng pháp, có ý nghĩa là "bán đảo Đông Dương"; gồm 03 âm tiết: ɛ̃-dɔ-ʃin; có phát âm là [ɛ̃.dɔ.ʃin]. Do vậy, phần chữ "INDOCHINA" và phần chữ "Indochine" là hoàn toàn khác biệt.

- Thứ ba, phần hình cái cân trong nhãn hiệu đối chứng cần được xem xét tổng thể cùng các yếu tố khác khi so sánh với nhãn hiệu đối chứng số 3. Và vì vậy, tổng thể hai nhãn hiệu không tương tự gây nhầm lẫn với nhau.

- Thứ tư, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng không tương tự vì có bản chất và chức năng khác nhau.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-35591 ngày 17/12/2015.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của phần chữ "ITAC" gồm 4 ký tự, có thể phát âm là /i-tác/ hoặc /ai-ti-ây-xi/, là từ tự đặt không có nghĩa trong tiếng Việt; phần chữ "INDOCHINA TRADE ARBITRATION

CENTER" tiếng Anh và phần chữ có nghĩa tương đương trong tiếng Việt "Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Đông Dương" và phần hình chiếc cân cách điệu nằm trong các đường tròn. Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của các thành phần có khả năng phân biệt khác nhau, cụ thể:

+ Nhãn hiệu đối chứng số 1: gồm phần chữ "ITACO", phát âm là /i-ta-co/, là từ tự đặt, không có nghĩa trong tiếng Việt, kết hợp cùng các phần chữ khác "Tập Đoàn Tân Tạo", "ITA GROUP" và phần hình bánh răng cách điệu tạo thành tổng thể có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đăng ký.

+ Nhãn hiệu đối chứng số 2: có chứa phần chữ "INDOCHINE" tương tự với phần chữ "INDOCHINA" nhưng xem xét tổng thể các phần chữ này kết hợp với các dấu hiệu chữ và hình khác nhau tạo thành ý nghĩa khác nhau và có khả năng phân biệt cho mỗi nhãn hiệu.

+ Nhãn hiệu đối chứng số 3: hình ảnh chiếc cân thường được sử dụng tượng trưng cho sự công bằng, công lý, hướng tới mô tả giá trị chất lượng dịch vụ mang nhãn hiệu và vì vậy, mặc dù đều sử dụng hình ảnh chiếc cân ở vị trí chính giữa, bao quanh là các đường tròn và phần chữ nhưng sự cách điệu ở phần cán cân cũng như xem xét tổng thể cùng các thành phần khác là đủ để tạo nên khả năng phân biệt giữa hai nhãn hiệu.

- Về dịch vụ: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều đăng ký cho các dịch vụ trùng/tương tự nhau thuộc nhóm 45 liên quan đến dịch vụ pháp lý.

Từ các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho các dịch vụ trùng/tương tự nhau, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt, do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-35591 ngày 17/12/2015, không áp dụng quy định tại điểm b, điểm c, điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 15835/QĐ-SHTT ngày 28/02/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-35591 ngày 17/12/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2015-35591 ngày 17/12/2015, không bảo hộ riêng "TRADE ARBITRATION CENTER", "Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại", hình cái cân, hình bông lúa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Trung tâm trọng tài thương mại Đông Dương (qua Công ty Luật Hợp danh Phương Đông) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159579/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của OUTFIT7 LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2014-01121 ngày 05/11/2014 của OUTFIT7 LIMITED; địa chỉ: 5th Floor, 52-54 Gracechurch Street, London, EC3V 0EH, United Kingdom (nay là 1st Floor Sackville House, 143-149 Fenchurch Street EC3M 6BN London , United Kingdom); đại diện bởi: Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1111360 theo Thông báo số 2013/29 TDH27 ngày 24/7/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5541/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của OUTFIT7 LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Talking Tom" theo đơn quốc tế số 1111360 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2013/29 TDH27 ngày 24/7/2014, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 520713 (nhãn hiệu đối chứng) cho toàn bộ hàng hóa thuộc Nhóm 11 và 21.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Loại bỏ các sản phẩm thuộc Nhóm 11 có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, cụ thể loại bỏ: "*Máy lọc không khí, vỉ nướng; thiết bị phân phối cho máy làm mát không khí; quạt điện; ấm điện; đèn điện; lò nướng bằng điện; tủ ướp lạnh*". Sản phẩm còn lại: "*Lồng ấm sưởi giường, đèn dùng cho xe đạp, chụp phản quang của xe đạp, đèn chùm; thiết bị phân phối chất tẩy uế trong buồng vệ sinh; chăn điện; đèn dùng cho cây thông Nô-en; thiết bị làm bỏng ngô; thiết bị làm khô bằng điện; đèn pin, chao đèn, máy sấy tóc; vỏ đèn; măng sông ở đèn; chụp phản quang của đèn; chụp đèn; đèn; giá đỡ chụp đèn; đèn lồng; thiết bị sưởi ấm bỏ túi không chạy điện, cụ thể là: các gói nhỏ được kích nhiệt cho các thiết bị làm ấm không dùng điện, cụ thể là, các túi được kích nhiệt để làm ấm bàn tay; vòi phun nước để trang trí; các sản phẩm đèn có thể xách đi ngoài trời, như đèn pha, đèn bút; đèn đọc sách; bệ xí vệ sinh; thiết bị lọc nước; thiết bị khử trùng nước*" thuộc Nhóm 11 không tương tự về bản chất, chức năng hay mục đích sử dụng với sản phẩm "*Thiết bị nấu nướng (vỉ nướng)*" của nhãn hiệu đối chứng.

(ii) Đối với sản phẩm "Đồ dùng nhỏ và thùng đựng lưu động cho hộ gia đình và nhà bếp" thuộc Nhóm 21 mang nhãn hiệu đối chứng, người đơn xin loại bỏ hầu hết các sản phẩm có khả năng gây nhầm lẫn và chỉ giữ lại một số sản phẩm gồm: "*bàn chải nhà tắm; sản phẩm nhà tắm như bọt biển dùng cho cơ thể; chai không đựng đồ bên trong; lọ đựng bánh qui; chỉ tơ nha khoa; thiết bị chải lông cho vật nuôi, cụ thể là lược và bàn chải; bàn chải đánh răng*". Các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký có đặc thù gắn liền với ứng dụng di động, đối tượng người tiêu dùng riêng biệt, kênh thương mại khác biệt và hoàn toàn không tương tự về bản chất, chức năng hoặc mục đích sử dụng so với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

(iii) Nhãn hiệu "Talking Tom" đã và đang được sử dụng rộng rãi trên toàn cầu từ trước thời điểm nộp đơn. "Talking Tom" là trò chơi giải trí nổi tiếng toàn cầu, phát triển bởi Outfit7, cho phép nhân vật mèo Tom bắt chước giọng người chơi với phong cách vui nhộn. Ứng dụng này đã được phổ biến rộng rãi

trên các thiết bị Android và iOS, trở thành một trong những trò chơi được yêu thích nhất trên điện thoại thông minh. Tại Việt Nam, theo thống kê từ Outfit7, từ tháng 3/2012 đến tháng 8/2014, đã có hơn 24 triệu lượt tải, tương đương khoảng 90% người dùng smartphone trong nước. Kết quả tìm kiếm trên Google với từ khóa "Talking Tom" cho ra hơn 77 triệu kết quả, cho thấy mức độ phổ biến và nhận biết cao của nhãn hiệu.

(iv) Nhãn hiệu "Talking Tom" đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới, cụ thể là đã được bảo hộ dưới hình thức Nhãn hiệu Cộng đồng tại toàn bộ 27 quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu, cũng như tại nhiều quốc gia khác. Ngoài ra, nhiều nhãn hiệu chứa yếu tố "TOM" đã được bảo hộ cho các chủ thể khác nhau tại Việt Nam, cùng tồn tại song song với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Hiện tại, cơ sở dữ liệu đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo hệ thống MADRID của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới thể hiện danh mục hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng đã được giới hạn chỉ bao gồm: "*Thiết bị nấu nướng (vỉ nướng)*" (Appareil de cuisson (barbecue)) thuộc Nhóm 11. Do đó, không còn là căn cứ từ chối danh mục các sản phẩm thuộc Nhóm 21 mang nhãn hiệu đăng ký. Cụ thể, các sản phẩm thuộc Nhóm 21 mang nhãn hiệu đăng ký được giới hạn bao gồm: "*bàn chải nhà tắm; sản phẩm nhà tắm như bọt biển dùng cho cơ thể; chai không đựng đồ bên trong; lọ đựng bánh qui; chỉ tơ nha khoa; thiết bị chải lông cho vật nuôi, cụ thể là lược và bàn chải; bàn chải đánh răng"* không trùng hoặc tương tự với "*Thiết bị nấu nướng (vỉ nướng)*" thuộc Nhóm 11 mang nhãn hiệu đối chứng.

2.2. Người nộp đơn cũng đã giới hạn bằng cách loại bỏ các hàng hóa thuộc Nhóm 11 mang nhãn hiệu đăng ký để không trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể, các sản phẩm thuộc Nhóm 11 sau khi loại bỏ còn lại bao gồm: "*Lồng ấm sưởi giường, đèn dùng cho xe đạp, chụp phản quang của xe đạp, đèn chùm; thiết bị phân phối chất tẩy uế trong buồng vệ sinh; chăn điện; đèn dùng cho cây thông Nô-en; thiết bị làm bỏng ngô; thiết bị làm khô bằng điện; đèn pin, chao đèn, máy sấy tóc; vỏ đèn; măng sông ở đèn; chụp phản quang của đèn; chụp đèn; đèn; giá đỡ chụp đèn; đèn lồng; thiết bị sưởi ấm bỏ túi không chạy điện, cụ thể là: các gói nhỏ được kích nhiệt cho các thiết bị làm ấm không dùng điện, cụ thể là, các túi được kích nhiệt để làm ấm bàn tay; vòi*

phun nước để trang trí; các sản phẩm đèn có thể xách đi ngoài trời, như đèn pha, đèn bút; đèn đọc sách; bệ xí vệ sinh; thiết bị lọc nước; thiết bị khử trùng nước" không tương tự với "*Thiết bị nấu nướng (vỉ nướng)*" mang nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1111360, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

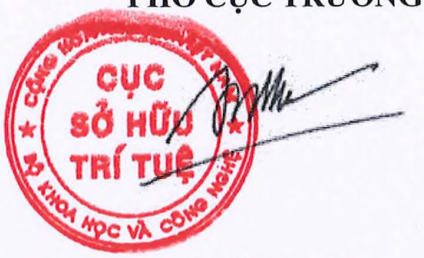
Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/29 TDH27 ngày 24/7/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1111360.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1111360 cho các Nhóm hàng hóa, dịch vụ đăng ký theo đơn, trong đó Nhóm 11 được giới hạn bao gồm: "*lồng ấm sưởi giường, đèn dùng cho xe đạp, chụp phản quang của xe đạp, đèn chùm; thiết bị phân phối chất tẩy uế trong buồng vệ sinh; chăn điện; đèn dùng cho cây thông Nô-en; thiết bị làm bỏng ngô; thiết bị làm khô bằng điện; đèn pin, chao đèn, máy sấy tóc; vỏ đèn; măng sông ở đèn; chụp phản quang của đèn; chụp đèn; đèn; giá đỡ chụp đèn; đèn lồng; thiết bị sưởi ấm bỏ túi không chạy điện, cụ thể là: các gói nhỏ được kích nhiệt cho các thiết bị làm ấm không dùng điện, cụ thể là, các túi được kích nhiệt để làm ấm bàn tay; vòi phun nước để trang trí; các sản phẩm đèn có thể xách đi ngoài trời, như đèn pha, đèn bút; đèn đọc sách; bệ xí vệ sinh; thiết bị lọc nước; thiết bị khử trùng nước*"; và Nhóm 21 được giới hạn bao gồm: "*bàn chải nhà tắm; sản phẩm nhà tắm như bọt biển dùng cho cơ thể; chai không đựng đồ bên trong; lọ đựng bánh qui; chỉ tơ nha khoa; thiết bị chải lông cho vật nuôi, cụ thể là lược và bàn chải; bàn chải đánh răng*".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và OUTFIT7 LIMITED (qua Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159580/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và xuất nhập khẩu Toàn Phát
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2020-00882 ngày 18/9/2020 của Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và xuất nhập khẩu Toàn Phát; địa chỉ: Tổ 3 cụm 1 ngõ 345 Khương Trung, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phượng Hoàng; khiếu nại về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 200515 theo Quyết định số 816/QĐ-SHTT ngày 01/3/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5580/BC-

TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và xuất nhập khẩu Toàn Phát với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 200515 bảo hộ nhãn hiệu "HELO sauna, hình" bị chấm dứt hiệu lực theo Quyết định số 816/QĐ-SHTT ngày 01/3/2019, căn cứ xem xét đơn số ĐN1-2018-00065 ngày 26/3/2018 với lý do Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và xuất nhập khẩu Toàn Phát đã không sử dụng nhãn hiệu cho sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 11 trong 5 năm liên tiếp, và mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ thông báo (công văn số 3884/SHTT-TTKN ngày 04/5/2018 và công văn số 12326/SHTT-TTKN ngày 02/11/2018) nhưng Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và xuất nhập khẩu Toàn Phát (Công ty Toàn Phát) không có ý kiến trả lời.

Người nộp đơn đề nghị xem xét, rút lại Quyết định số 816/QĐ-SHTT ngày 01/3/2019 và giữ nguyên hiệu lực của GCNĐKNH số 200515 với các lý do sau:

(i) Quyết định số 816/QĐ-SHTT ngày 01/3/2019 được gửi thông qua Công ty TNHH IPIC Group đã bị xóa tên tổ chức đại diện năm 2013, Chủ sở hữu GCNĐKNH số 200515 (Công ty Toàn Phát) không nhận được bất kỳ Quyết định, Thông báo nào, do đó không có cơ hội trả lời Quyết định nêu trên.

(ii) Chủ sở hữu GCNĐKNH số 200515 đã và đang tiếp tục sử dụng nhãn hiệu cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 trong suốt hơn 10 năm qua và đã đầu tư nhiều công sức, tiền của cho nhãn hiệu này, được xác nhận như trong thư điện tử của Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Bắc đầu (đại diện theo ủy quyền của Helo Yo - người nộp đơn của đơn số ĐN1-2018-00065) vào tháng 4/2018, Chủ sở hữu GCNĐKNH số 200515 (Công ty Toàn Phát) không có nhu cầu chuyển nhượng nhãn hiệu cho Helo Yo. Người nộp đơn còn dẫn chứng việc Công ty Toàn Phát đã và đang sử dụng nhãn hiệu theo các Phụ lục kèm theo.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "*Văn bằng bảo hộ bị chấm dứt hiệu lực trong trường hợp nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực, mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng nhãn hiệu được bắt đầu hoặc bắt đầu lại ít nhất 03 tháng trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực*".

Điểm 9.4 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Không tính vào thời hạn khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ của mình trong phạm vi thời hạn nếu tổ chức, cá nhân đó có yêu cầu và có chứng cứ xác đáng chứng minh tình trạng đó. Trường hợp yêu cầu được chấp nhận, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định, thông báo thu hồi quyết*

định, thông báo đã ban hành với lý do tổ chức, cá nhân không thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng thời hạn và khôi phục quá trình xử lý đơn trở về tình trạng như chưa kết thúc thời hạn".

Điểm 9.5 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được (ví dụ thiên tai, địch họa...) và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.*

Trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động (ví dụ: ốm đau, đi công tác, học tập ở nơi xa...) làm cho người có quyền, nghĩa vụ không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, hoặc không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ của mình".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Công ty TNHH IPIC Group (IPIC GROUP CO., LTD) đã bị xóa tên khỏi danh sách Tổ chức đại diện Sở hữu công nghiệp theo Quyết định số 2797/QĐ-SHTT ngày 28/10/2013 trước khi Công văn số 3884/SHTT-TTKN ngày 04/5/2015, Công văn số 12326/SHTT-TTKN ngày 02/11/2018, và Quyết định số 816/QĐ-SHTT ngày 01/3/2019 được gửi thông qua IPIC GROUP CO., LTD. Do đó, các Công văn, Quyết định này không đến được Chủ sở hữu GCNĐKNH số 200515 (Công ty Toàn Phát) để thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan trong thời hạn quy định.

2.2. Tài liệu (các phụ lục) chứng minh Công ty Toàn Phát đã và đang tiếp tục sử dụng nhãn hiệu cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 là bản photo chưa được chứng thực và chưa thể hiện được bằng chứng về việc sử dụng nhãn hiệu trước thời điểm yêu cầu chấm dứt hiệu lực, do đó không là căn cứ phù hợp theo quy định để xem xét.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc IPIC GROUP CO., LTD đã bị xóa tên khỏi danh sách Tổ chức đại diện Sở hữu công nghiệp, do đó người nộp đơn đã không nhận được các Công văn, Quyết định để thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan trong thời hạn quy định là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc sử dụng liên tục nhãn hiệu, căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 200515 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 816/QĐ-SHTT ngày 01/3/2019 về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 200515.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và xuất nhập khẩu Toàn Phát có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và xuất nhập khẩu Toàn Phát (qua Công ty Luật TNHH Phượng Hoàng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159581/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cisco Technology, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

PTT366

Xét đơn số KN4-2023-00477 ngày 31/8/2023 của Cisco Technology, Inc.; địa chỉ: 170 West Tasman Drive, San Jose, California 95134, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-14862 ngày 25/05/2017 theo Quyết định số 43809/QĐ-SHTT.IP ngày 19/06/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5164/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cisco Technology, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MERAKI" theo đơn số 4-2017-14862 ngày 25/05/2017 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09 và 42 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "MERAK" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 172350 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09 và 42 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "MERAKI" theo đơn số 4-2017-14862 ngày 25/05/2017 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký "MERAKI" có sự khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "MERAK" về thị giác và thính giác ([mə'ra ki] và [merak]), nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều có kết cấu ngắn gọn, dễ đọc, do vậy người tiêu dùng hoàn toàn có thể phân biệt được sự khác biệt giữa nhãn hiệu đăng ký "MERAKI" và nhãn hiệu đối chứng "MERAK" và không có bất kỳ khả năng nhầm lẫn nào giữa hai nhãn hiệu.

Các sản phẩm và dịch vụ mang hai nhãn hiệu đang xem xét là các sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật và liên quan đến công nghệ thông tin nên người sử dụng các sản phẩm và dịch vụ này không phải là những khách hàng thông thường mà là những khách hàng có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực. Tuy đều là các sản phẩm phần mềm và dịch vụ máy tính, nhưng có thể dễ dàng nhận thấy đối tượng khách hàng của các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký "Các sản phẩm "Phần mềm máy tính để quản trị, quản lý, giám sát, bảo vệ và tối ưu hóa mạng máy tính; phần mềm máy tính để quản lý mạng; phần mềm máy tính để phân tích lưu lượng dữ liệu trang web và Internet dựa trên vị trí; phần mềm máy tính trong lĩnh vực bảo mật mạng máy tính; phần cứng máy tính; thiết bị chuyển mạch mạng máy tính; thiết bị truy cập mạng LAN (mạng nội bộ) và mạng LAN không dây để kết nối người sử dụng máy tính trong mạng; phần cứng WAN (mạng diện rộng); bộ định tuyến WAN (mạng diện rộng); bộ định tuyến không dây; phần mềm điều hành WAN (mạng diện rộng); phần mềm máy tính để quản

lý cơ sở dữ liệu; bộ định tuyến cổng có bản chất là phần cứng điều khiển bằng máy tính" và "Dịch vụ máy tính, cụ thể là lưu trữ trên máy chủ các tiện ích trang web trực tuyến cho người khác để thiết lập và giám sát mạng không dây, quản lý người dùng, áp dụng các bản cập nhật phần mềm, thiết lập giới hạn băng thông và duy trì trang giới thiệu có chứa nhãn hiệu" không phải là những khách hàng thông thường như nhãn hiệu đối chứng mà chủ yếu là những doanh nghiệp, doanh nhân có những yêu cầu cụ thể về các tính năng của máy tính, phần mềm máy tính nhằm chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Những người sử dụng máy tính thông thường cho các nhu cầu cá nhân nói chung không cần đến những sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký "MERAKI" của người nộp đơn. Như vậy, sản phẩm và dịch vụ mang các nhãn hiệu đang xem xét dùng cho các phân khúc khách hàng khác nhau.

Do vậy với sự khác biệt về nhãn hiệu như đã trình bày ở trên cũng có thể giúp người tiêu dùng phân biệt được sản phẩm, dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký với các sản phẩm, dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng, nên chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam. Việc đồng ý này đồng nghĩa với việc sẽ không có xung đột hay tranh chấp về quyền lợi hay lợi ích giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn liên quan đến việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký, cũng như việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký "MERAKI" sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc các sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu đang xem xét.

Ngoài ra, nhãn hiệu "MERAKI GO" của người nộp đơn đã được cấp GCNĐKNH số 400105 cho các sản phẩm và dịch vụ trùng với các sản phẩm và dịch vụ trong đơn đăng ký số 4-2017-14862.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "MERAKI" và nhãn hiệu đối chứng "MERAK" đều có kết cấu ngắn gọn, dễ đọc, mặc dù chỉ khác nhau một chữ cái "I", nhưng sự khác biệt này đã tạo ra cách phát âm và cảm nhận khác biệt khi đọc hoặc nhìn. Do đó, người tiêu dùng có thể phân biệt được sự khác biệt giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng.

- Các sản phẩm và dịch vụ mang hai nhãn hiệu đang xem xét là các sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật và liên quan đến công nghệ thông tin nên người sử dụng các sản phẩm và dịch vụ này không phải là những khách hàng thông thường mà là những khách hàng có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực. Khách hàng của các sản phẩm và dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký không phải là những khách hàng thông thường như nhãn hiệu đối chứng mà chủ yếu là những doanh nghiệp, doanh nhân có những yêu cầu cụ thể về các tính năng của máy tính, phần mềm máy tính nhằm chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Những người sử dụng máy tính thông thường cho các nhu cầu cá nhân nói chung không cần đến những sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký "MERAKI" của người nộp đơn. Như vậy, sản phẩm và dịch vụ mang các nhãn hiệu đang xem xét dùng cho các phân khúc khách hàng khác nhau.

Trong quá trình thẩm định nhãn hiệu đăng ký, người nộp đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

Do vậy, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "MERAKI" theo đơn số 4-2017-14862 ngày 25/05/2017, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 43809/QĐ-SHTT.IP ngày 19/06/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-14862 ngày 25/05/2017.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-14862 ngày 25/05/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết

khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cisco Technology, Inc. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159582/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Gold Flag USA, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2015-01139 ngày 08/12/2015 của Gold Flag Ltd.; địa chỉ: 2-10, Choiji, Higashiosaka-shi Osaka 577-0055, Japan; nay là: Gold Flag USA, Inc.; địa chỉ: 115 W. 30th St. #1205, New York NY 10001, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1214108 theo Thông báo số 2014/33 LMT03 ngày 21/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5451/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Gold Flag USA, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "B BRADELIS New York, hình" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 25 và 35 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1214108 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì chứa phần chữ "New York" trong khi chủ đơn là công ty tại Nhật Bản nên gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Ban đầu nhãn hiệu "B BRADELIS New York, hình" nộp theo tên người nộp đơn là GOLD FLAG LTD. có địa chỉ tại 2-10, Choeiji, Higashiosaka 577-055, Japan trong khi mẫu nhãn hiệu có chứa từ "New York", tên một thành phố của Mỹ. Do vậy, nhãn hiệu gây nhầm lẫn về xuất xứ nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ đăng ký. Hiện nay, ĐQT nêu trên đã được chuyển nhượng về cho người nộp đơn mới là Gold Flag USA, Inc., một công ty của Mỹ có địa chỉ tại 115 W. 30th St. #1205, New York NY 10001, USA. và do vậy, phần chữ "New York" trong nhãn hiệu đăng ký không còn gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

Với lý do nêu trên, việc sử dụng nhãn hiệu "B BRADELIS New York, hình" trên thực tế không làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch, nhầm lẫn cũng như không lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, dịch vụ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "B BRADELIS New York, hình" chứa phần chữ "New York" chỉ nguồn gốc xuất xứ "Hoa Kỳ" của các sản phẩm, dịch vụ đăng ký trong khi chủ đơn là một công ty Nhật Bản. Tuy nhiên, nhãn hiệu đã được chuyển nhượng về cho người nộp đơn mới là Gold Flag USA, Inc., một công ty của Mỹ có địa chỉ tại 115 W. 30th St. #1205, New York NY 10001, USA. và do vậy, phần chữ "New York" trên nhãn hiệu đăng ký không còn gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ đăng ký. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của chủ đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký, không bảo hộ riêng "B", "New York", không áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/33 LMT03 ngày 21/8/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1214108.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1214108B, không bảo hộ riêng "B", "New York".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Gold Flag USA, Inc. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159583/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của AMO Uppsala AB
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 06/2001/NĐ-CP ngày 01/02/2001 (sau đây gọi là Nghị định số 63/CP);

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số

18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;



PTT366

Xét đơn số KN4-2008-00167 ngày 08/4/2008 của Advanced Medical Optics Uppsala AB; địa chỉ: S-751 82 Uppsala, Sweden; nay là: AMO Uppsala AB; địa chỉ: PO Box 6406 SE-751 36 Uppsala Sweden, Sweden; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; đã được thay thế bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2005-17575 ngày 23/12/2005 theo Quyết định số 1012/QĐ-SHTT ngày 08/01/2008;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5663/BC-TTKN ngày 31 tháng 7 năm về việc giải quyết khiếu nại của AMO Uppsala AB với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Healon GV" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đơn số 4-2005-17575 ngày 23/12/2005 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "HEALON" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 17051 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/1996/CP. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho đơn nêu trên với các lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký "Healon GV" theo đơn trên và nhãn hiệu đối chứng không tương tự gây nhầm lẫn với nhau vì hai nhãn hiệu đều thuộc sở hữu của người nộp đơn. Người nộp đơn tiến hành thủ tục ghi nhận thay đổi tên và địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 17051 cũng như tên và địa chỉ của người nộp đơn số 4-2005-17575 để tên và địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng thống nhất với tên và địa chỉ của người nộp đơn. Do vậy, hiện nay tên và địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn đã được ghi nhận trùng nhau, đều là AMO Uppsala AB, địa chỉ: PO Box 6406 SE-751 36 Uppsala Sweden. Người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là một công ty duy nhất nên không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/1996/CP quy định, dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hóa được công nhận là có khả năng phân biệt theo Điều 785 Bộ luật Dân sự nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: "không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hóa của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam (kể cả các nhãn hiệu hàng hóa đang được bảo hộ theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Healon GV" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đơn số 4-2005-17575 ngày 23/12/2005 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "HEALON" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 17051. Tuy nhiên, người nộp đơn đã thực hiện thủ tục sửa đổi tên và địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 17051 cũng như tên và địa chỉ của người nộp đơn số 4-2005-17575 để tên và địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng thống nhất với tên và địa chỉ của người nộp đơn. Đến nay, tên và địa chỉ của người nộp đơn đã thống nhất với tên và địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng nên nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là cùng chủ. Vì vậy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn số 4-2005-17575 ngày 23/12/2005, không bảo hộ riêng "GV", không áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/1996/CP để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 1012/QĐ-SHTT ngày 08/01/2008 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2005-17575 ngày 23/12/2005.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2005-17575 ngày 23/12/2005, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "GV".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và AMO Uppsala AB (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159584/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của JEX CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00587 ngày 15/10/2019 của JEX CO., LTD.; địa chỉ: 3-12, Tanimachi 2-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 5400012, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-30498 ngày 30/09/2016 theo Quyết định số 60772/QĐ-SHTT ngày 24/7/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5454/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của JEX CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "chữ Nhật Bản, hình" theo đơn số 4-2016-30498 ngày 30/9/2016 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với các sản phẩm thuộc nhóm 10 và 25 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "PUKU, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 10 và 25 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 79550 theo quy định tại điểm a và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về màu sắc, hình thức thể hiện, cách trình bày và tổng thể nhãn hiệu:

+ Phần hình của nhãn hiệu xin đăng ký là hình chim cánh cụt với phần thân và mặt màu trắng, có viền tô đậm màu đỏ ở phần đầu, thân và chân, ngực và má không có hoa văn. Có thể nói hình chim cánh cụt trong nhãn hiệu đăng ký là hình vẽ đơn giản, không chi tiết, tạo cảm giác trừu tượng, nhẹ nhàng, hướng về phong cách Nhật. Trong khi đó, phần hình chim cánh cụt trong nhãn hiệu đối chứng có mặt và thân màu trắng, tô đậm phần viền thân, chân và mỏ chim thể hiện ở dạng màu khác, có một số hoa văn phần ngực và má. Như vậy, hình chim cánh cụt trong nhãn hiệu đối chứng được tạo bởi nhiều yếu tố hơn, giống với hình chim cánh cụt ngoài thực tế hơn, có biểu cảm rõ ràng tạo ra hình ảnh dễ nhận biết và ghi nhớ.

+ Mắt của con chim cánh cụt trong nhãn hiệu đăng ký có hình ô van nhỏ, khoảng cách giữa hai mắt và từ mắt tới phần mỏ tương đối ngắn, hẹp, phần đỉnh đầu màu đỏ gần chạm đến trung tâm hai mắt. Gây ấn tượng là phần mặt vả chim cánh cụt chiếm tỷ lệ nhỏ so với phần đầu. Ngược lại, mắt của chim cánh cụt trong nhãn đối chứng hình tròn, khoảng cách hai mắt và từ mắt tói phần mỏ tương đối rộng, phần mỏ tương đối to gây ấn tượng là phần mặt chiếm tỷ lệ tương đối lớn so với phần đầu.

+ Hình con chim cánh cụt của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt về tổng thể, khách hàng có thể nhận diện nhãn hiệu đăng ký là hình chim cánh cụt cách điệu có màu đỏ, được tạo bởi một số yếu tố cơ bản khác biệt so với hình ảnh chim cánh cụt ngoài đời thật, kết hợp với dòng

chữ tiếng Nhật ở phía bên phải, khác biệt với hình chim cánh cụt màu đen trắng, được tạo bởi các yếu tố tạo nên hình ảnh giống chim cánh cụt ngoài đời thật của nhãn hiệu đối chứng kết hợp với phần chữ Latinh "PUKU" ở phía dưới.

- Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng "PUKU, hình" đã hết hiệu lực kể từ ngày 22/2/2015 do không được chủ sở hữu gia hạn, chứng tỏ chủ sở hữu nhãn hiệu thực sự không còn quan tâm đến nhãn hiệu này nữa. Đồng thời, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cũng không sử dụng nhãn hiệu này cho các sản phẩm thuộc các nhóm 10 và 25 tại Việt Nam từ ngày 01/1/2014 đến ngày 03/10/2019 theo kết quả tra cứu thông tin sử dụng nhãn hiệu tại Công văn số 519/TT-TTKTQT ngày 03/10/2019 của Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại, Bộ Công Thương.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "chữ Nhật Bản, hình" khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "PUKU, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 79550 về màu sắc, hình thức thể hiện, cách trình bày và tổng thể nhãn hiệu. Hình con chim cánh cụt của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt về tổng thể, người tiêu dùng có thể nhận diện nhãn hiệu đăng ký là hình chim cánh cụt cách điệu có màu đỏ, được tạo bởi một số yếu tố cơ bản kết hợp với dòng chữ tiếng Nhật Bản

ở phía bên phải khác biệt so với hình chim cánh cụt màu đen trắng, được tạo bởi các yếu tố tạo nên hình ảnh giống chim cánh cụt ngoài đời thật của nhãn hiệu đối chứng kết hợp với phần chữ Latinh "PUKU" ở phía dưới. Do đó, tổng thể nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng, nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn số 4-2016-30498 ngày 30/09/2016, không bảo hộ riêng các ký tự Nhật Bản, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 60772/QĐ-SHTT ngày 24/7/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-30498 ngày 30/09/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2016-30498 ngày 30/09/2016, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng các ký tự Nhật Bản.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và JEX CO., LTD. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159585/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Mitsubishi Electric Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây

trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;


PTT366

Xét đơn số KN4-2014-00321 ngày 17/4/2014 của Mitsubishi Electric Corporation; địa chỉ: 7-3 Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-28268 theo Quyết định số 17419/QĐ-SHTT ngày 28/03/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5648/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Mitsubishi Electric Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

- Nhãn hiệu "CC-Link Energy" theo đơn 4-2012-28268 cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 221945 với nội dung giới hạn phạm bảo hộ: "Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "CC", "Link Energy". Người nộp đơn đề nghị bảo hộ riêng đối với phần chữ "Link Energy" vì lý do sau:

Phần chữ "Link Energy" là các từ tiếng Anh nên việc xem xét liệu thành phần này có mang tính mô tả hay không cần thiết phải đặt trong phạm vi đối với những người tiêu dùng quen thuộc với tiếng Anh. Còn đối với những người tiêu dùng không quen thuộc với tiếng Anh thì dấu hiệu "Link Energy" đương nhiên sẽ được họ nhận biết như nó có và không bị coi là mô tả các sản phẩm đăng ký.

Phần chữ "Link Energy" về tổng thể được người tiêu dùng quen thuộc với tiếng Anh tiếp nhận như một cụm từ với ý nghĩa bất bình thường (tạm dịch là "năng lượng nối kết") không phải là cách diễn đạt thông thường trong tiếng Anh tức là không được dùng để mô tả đặc tính, chất lượng, tính chất hay công dụng,... của các sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 09 và "Link Energy" là sự sáng tạo của người nộp đơn và nó có khả năng phân biệt tự thân và có thể sử dụng như một nhãn hiệu.

- Nhãn hiệu đăng ký "CC-Link Energy" đã được chấp nhận bảo hộ ở hầu hết các nước xin đăng ký như Anh, Áo, Bỉ, Bun-ga-ri, Cyprus, Cộng hoà Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hung-ga-ri, Ai len, Ý, Latvia, Malta, Luxembourg, Lithuania, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Ru-ma-ni,

Slovenia, Slovakia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Xing-ga-po, Hồng Kông mà không bị yêu cầu không bảo hộ riêng "Link Energy".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Phần chữ "Link Energy" là tập hợp của từ "Link" (có nghĩa là mắt xích, liên kết, kết nối) thường dùng trong ngành công nghệ thông tin, tự động hóa, viễn thông, mạng máy tính và từ "Energy" (có nghĩa là năng lượng) liên quan trực tiếp đến chức năng, mục đích của các sản phẩm đăng ký. Phần chữ "Link Energy" có thể được hiểu là "kết nối năng lượng" hoặc "liên kết trong quản lý năng lượng" mô tả tính năng, công dụng của sản phẩm đăng ký.

- Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận bảo hộ ở một số quốc gia mà không bị loại trừ bảo hộ phần chữ "Link Energy" không phải là cơ sở để bảo hộ riêng phần chữ này ở Việt Nam.

Do đó, đề nghị của người nộp đơn về việc bảo hộ riêng đối với phần chữ "Link Energy" không có có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-28268 ngày 14/12/2012, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ "CC", "Link Energy" là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 17419/QĐ-SHTT ngày 28/03/2014 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-28268 ngày 14/12/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Mitsubishi Electric Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Mitsubishi Electric Corporation (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH, SCVB (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159586/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MORISHITA JINTAN CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2020-00327 ngày 06/5/2020 của MORISHITA JINTAN CO., LTD.; địa chỉ: 2-40, Tamatsukuri 1-chome, Chuo-ku, Osaka, Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-01124 ngày 14/01/2016 theo Quyết định số 13679/QĐ-SHTT ngày 17/02/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5418/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MORISHITA JINTAN CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Health Aid, hình" theo đơn số 4-2016-01124 ngày 14/01/2016 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05, 29, 30 và 32 bị từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì lý do dấu hiệu mô tả sản phẩm đăng ký theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "Health Aid, hình" theo đơn số 4-2016-01124 ngày 14/01/2016 với lý do:

Mặc dù, theo Từ điển Anh - Việt của Viện Ngôn Ngữ học, "Health" có nghĩa "sức khỏe, tình trạng khỏe mạnh không bị ốm đau" và "Aid" có nghĩa "sự giúp đỡ, vật hoặc người giúp đỡ, viện trợ, khuyến khích", tuy nhiên, trong thực tế sử dụng tiếng Anh, người sử dụng không bao giờ kết hợp cụm "Health Aid" để mô tả việc "hỗ trợ sức khỏe" mà thay vào đó là "Health Support" với nghĩa "Hỗ trợ sức khỏe", hoặc "Medical Aid" với nghĩa "Trợ giúp y tế"… và "Health Aid" được xem như là một sáng tạo ngôn ngữ của người nộp đơn.

Theo trích dẫn trong các từ điển Anh – Anh, "health" được sử dụng với các danh từ như: Health officer: Cán bộ y tế; Health resort: Khu nghỉ dưỡng;...

Trên tất cả các trang trên Google, "Health Aid" đều được sử dụng như một "nhãn hiệu" chứ không phải cụm từ mô tả sản phẩm hỗ trợ sức khỏe.

Chính vì lý do nêu trên, nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận đăng ký ở một loạt các nước trên thế giới: Nhật Bản, Hồng Kông, Đài Loan, Ma Cao và Philippines. Trong đó, Hồng Kông và Philippines là các quốc gia mà tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng chính thức.

Người nộp đơn là chủ sở hữu và đã sử dụng các nhãn hiệu "Health Aid" và "Health Aid, hình" tại Việt Nam đối với các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký từ năm 2015, và các nhãn hiệu này đã đạt được những danh tiếng rộng rãi và tích cực tại Việt Nam.

Doanh số ước tính của các sản phẩm mang các nhãn hiệu "Health Aid" và "Health Aid, hình" tại Việt Nam trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 10 năm 2015 đến nay, như sau đây đã khẳng định danh tiếng của người nộp đơn và các nhãn hiệu đăng ký của mình tại Việt Nam, cụ thể thông qua nhà phân phối Công ty TNHH Ecopath có địa tại số 35A, đường số 1, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký đã được bán tại Việt Nam từ năm 2016 với số lượng 90.000 sản phẩm và doanh thu đạt 2.745.000 đô la Mỹ, năm 2017 với số lượng 152.000 sản phẩm và doanh thu đạt 4.346.000 đô la Mỹ, năm 2018 với số lượng 189.000 sản

phẩm và doanh thu đạt 5.692.000 đô la Mỹ, năm 2019 với số lượng 201.648 sản phẩm và doanh thu đạt 7.500.000 đô la Mỹ.

Doanh số ước tính của các sản phẩm mang các nhãn hiệu đăng ký trên toàn thế giới trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến 2019 có giá trị đích thực và khẳng định cho danh tiếng của người nộp đơn và các nhãn hiệu của mình trên thế giới, cụ thể năm 2014 là 28.000.000 đô la Mỹ, năm 2015 là 29.000.000 đô la Mỹ, năm 2016 là 33.000.000 đô la Mỹ, năm 2017 là 34.000.000 đô la Mỹ và năm 2018 là 30.000.000 đô la Mỹ.

Người nộp đơn quảng cáo rộng rãi các sản phẩm mang các nhãn hiệu đăng ký thông qua các hoạt động quảng bá, giới thiệu với khách hàng và doanh nghiệp mới, qua báo chí, quyên góp từ thiện và tài trợ cho các sự kiện cộng đồng trên toàn thế giới.

Tại Việt Nam, các sản phẩm của các nhãn hiệu đăng ký được quảng cáo qua các bài báo trực tuyến được ưu tiên hiển thị bởi chức năng của Google Add (các bài báo này được hiển thị lên đầu khi khách hàng tìm kiếm với từ khóa liên quan đến sức khỏe hệ tiêu hóa) và cho phép người tiêu dùng có thể truy cập vào hệ thống cửa hàng trực tuyến bán các sản phẩm https://bifina.vn/.

Ngoài ra, các sản phẩm của các nhãn hiệu đăng ký cũng được quảng cáo qua các chương trình trên truyền hình https://youtu.be/0glaeakazPo và facebook https://www.facebook.com/pg/bifinanhatban/photos/. Các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký cũng được chào bán trên một loạt các trang thương mại điện tử Việt Nam, cụ thể như: https://www.hangngoainhap.com.vn/2311-men-vi-sinh-health-aid-bifina; https://www.japanstore.vn/sp/3-loai-men-vi-sinh-bifina-nhat-ban-tot-nhat; https://3tshophangnhat.com/men-vi-sinh-bifina-health-aid-s30-thuoc-dai-trang-nhat-ban;https://xachtayquocte.com/s/men-vi-sinh-dai-trang-bifina-r-health-aid/; https://cityplaza.vn/men-vi-sinh-men-tieu-hoa-health-aid-hop-20-goi-cua-nhat-ban.html; https://buonbansi.vn/men-vi-sinh-health-aid-bifina-r-20-goi-nhat-ban;https://www.shopnhatchaly.com/san-pham/men-vi-sinh-health-aid-bifina;https://myphamhang.com/men-vi-sinh-health-aid-bifina-r.html;https://hanachi.vn/products/men-vi-sinh-cao-cap-health-aid-bifina-s-nhat-ban-30-goi;https://trungtamgiasi.vn/san-pham/men-vi-sinh-health-aid-bifina-r-20-goi-nhat-ban/;https://www.theatre20.com/danh-gia/thuoc-health-aid-bifina-dang-vien-tot-khong-cong-dung-ra-sao/;https://www.lamdepeva.vn/thuoc-giam-dau/men-tieu-hoa-health-aid-bifina-r-hop-20-goi-chuan-nhat.html;...

Các khoản chi tiêu hàng năm ước tính của người nộp đơn trong việc quảng cáo và quảng bá cho các sản phẩm của các nhãn hiệu đăng ký trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến 2019 tại Việt Nam, như sau: năm 2016 là 730.000 đô la Mỹ, năm 2017 là 912.000 đô la Mỹ, năm 2018 là 950.000 đô la Mỹ và năm 2019 là 1.110.000 đô la Mỹ.

Với các lý do và bằng chứng được trình bày trên đây, cho thấy nhãn hiệu đăng ký "Health Aid, hình" đã đạt được khả năng phân biệt và được người tiêu dùng nhận biết như một nhãn hiệu tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phât biệt nếu là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chung loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Phần chữ "Health Aid" trong nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của hai từ tiếng Anh: "Health" nghĩa là "sức khỏe, tình trạng khỏe mạnh" và "Aid" nghĩa là "sự giúp đỡ, hỗ trợ, viện trợ". Phần hình của nhãn hiệu đăng ký là một vòng elip khuyết bao quanh phần chữ "Health Aid", với phần khuyết là các ký tự tiếng Nhật. Sự kết hợp giữa phần chữ và phần hình tạo nên một tổng thể nhãn hiệu có tính đặc trưng, giúp người tiêu dùng nhận biết nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu. Người nộp đơn đã cung cấp được các bằng chứng chứng minh nhãn hiệu đăng ký "Health Aid, hình" đã được sử dụng rộng rãi và đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng tại Việt Nam. Do đó, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký là có cơ sơ.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-01124 ngày 14/01/2016, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "Health Aid", "các ký tự tiếng Nhật Bản", không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 13679/QĐ-SHTT ngày 17/02/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-01124 ngày 14/01/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2016-01124 ngày 14/01/2016, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "Health Aid", "các ký tự tiếng Nhật Bản".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MORISHITA JINTAN CO., LTD. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159587/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PULMUONE HOLDINGS CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2019-00468 ngày 06/9/2019 của PULMUONE HOLDINGS CO., LTD.; địa chỉ: 730-27, Samyang-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (nay là Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu); khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-04360 ngày 11/3/2013 theo Quyết định số 59336/QĐ-SHTT ngày 22/7/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5494/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PULMUONE HOLDINGS CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Pulmuone, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-04360 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 59336/QĐ-SHTT ngày 22/7/2019, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 145135 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Đã yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng vào ngày 13/06/2013 và tiếp tục nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng do không sử dụng trong 5 năm liên tục, theo hồ sơ số ĐN1-2019-00098 ngày 10/04/2019.

- Toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã được chuyển nhượng cho chủ nhãn hiệu đăng ký (theo tên mới: Pulmuone Co., Ltd.) theo Quyết định số 3116/QĐ-SHTT ngày 06/8/2020. Theo đó, nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký thuộc cùng một chủ sở hữu.

- Đề nghị xem xét, chấp thuận khiếu nại để người nộp đơn tiếp tục tiến hành thủ tục sửa đổi tên và cấp VBBH.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đối chứng đã được chuyển nhượng cho chủ nhãn hiệu đăng ký (dưới tên mới: Pulmuone Co., Ltd.; địa chỉ: 730-27, Samyang-ro Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea) theo Quyết định số 3116/QĐ-SHTT ngày 06/8/2020. Nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký theo đó thuộc cùng một chủ sở hữu. Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận không sử dụng nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 145135 làm căn cứ đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2013-04360 ngày 11/3/2013, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 59336/QĐ-SHTT ngày 22/7/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-04360 ngày 11/3/2013.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2013-04360 ngày 11/3/2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PULMUONE HOLDINGS CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159588/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở chế biến thực phẩm Hồng Hưng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2019-00677 ngày 30/10/2019 của Cơ sở chế biến thực phẩm Hồng Hưng; địa chỉ: 29/4 ấp Tân Hòa, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư A Hoà; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-08117 theo Quyết định số 63042/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5613/BC-

TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở chế biến thực phẩm Hồng Hưng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HH HONG HUNG Nui Sấy Hương Bơ Miu Miu ăn là ghiền, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-08117 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 63042/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019, căn cứ điểm 39.4.g) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN với lý do phần hình con mèo trong nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với hình mèo Garfield được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu này hoàn toàn có khả năng phân biệt với hình ảnh con mèo Garfield, không gây nhầm lẫn và không xâm phạm quyền tác giả của Paws, Incorporated.

- Garfield là hình ảnh một con mèo được nhân cách hóa rõ nét cả về tính cách lẫn hình dáng: dáng đứng bằng hai chân, không có râu, ánh mắt cau có, hai tay khoanh trước thể hiện sự lạnh lùng, tự cao và cô lập. Ngược lại, hình đầu con mèo của người nộp đơn thể hiện thần thái vui vẻ, ánh mắt mở to hướng về phía trước, cổ đeo nơ giống mèo thần tài, giơ ngón tay cái như biểu thị sự đánh giá tích cực. Hơn nữa, nhãn hiệu của người nộp đơn là một tổng thể gồm nhiều yếu tố, trong đó phần chữ "Miu Miu" mang tính phân biệt chủ đạo, dễ đọc, dễ ghi nhớ hơn phần hình.

- Người nộp đơn cho rằng việc viện dẫn các đặc điểm như "đầu to, mí mắt to, tai vểnh, màu vàng" để cho rằng hình mèo trong nhãn hiệu đăng ký tương tự nhân vật Garfield là không thuyết phục. Những đặc điểm trên vốn phổ biến ở loài mèo và không mang tính cách điệu riêng biệt. Trong khi Garfield có vẻ mặt giận dữ, mắt sụp nhìn xuống, thì hình mèo của nhãn hiệu đăng ký thể hiện sự thân thiện với mắt mở to, nhìn thẳng, râu cong lên, cổ đeo nơ đỏ và tạo hình dựa trên hình tượng mèo thần tài mang ý nghĩa may mắn. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký còn là tổng thể của nhiều yếu tố, trong đó phần chữ đóng vai trò nổi bật. Do đó, không thể coi hình mèo của nhãn hiệu này tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhân vật Garfield để làm căn cứ từ chối bảo hộ.

- Hình ảnh đầu con mèo theo nhãn hiệu đăng ký đã được thiết kế dựa trên hình tượng mèo thần tài với mục đích mang lại may mắn và tài lộc, được sử dụng một cách trung thực, ngay tình từ năm 2002 và đăng ký lần đầu tại Cục Sở hữu trí tuệ vào ngày 14/04/2004 (đơn số 4-2004-03385) cho sản phẩm "mì cho trẻ em". Việc đăng ký đơn tiếp theo năm 2013 là để mở rộng danh mục sản phẩm. Trên thực tế, hình ảnh này đã được sử dụng từ năm 2002 bởi Công ty cổ phần mì ăn liền Vissan, sau đó chuyển giao cho Cơ sở Hồng Hưng vào năm 2003 và tiếp tục sử dụng bao bì cũ có in hình đầu con mèo đến hết tháng 6/2004. Ngoài ra, người nộp đơn còn dẫn chứng việc GCNĐKNH số 65808 đã được cấp

từ ngày 12/08/2005 và đề nghị hủy bỏ hiệu lực của bên thứ ba nộp vào năm 2013 là không hợp lệ vì đã quá thời hiệu 5 năm theo Điều 96.3 Luật Sở hữu trí tuệ. Theo đó cho rằng việc ban hành Quyết định số 399/QĐ-SHTT là không phù hợp pháp luật.

(ii) Hình ảnh mèo Garfield chưa đủ điều kiện để được xem là đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam trước thời điểm năm 2002 - là thời điểm người nộp đơn bắt đầu sử dụng hình đầu con mèo trên nhãn hiệu.

- Việc viện dẫn điểm 94.4(g) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN để từ chối đơn là chưa chính xác. Mặc dù đơn đăng ký đang xét được nộp năm 2013, song hình ảnh đầu con mèo đã được sử dụng từ năm 2002 và đăng ký lần đầu vào năm 2004 cho sản phẩm cùng nhóm. Vì vậy, cần đánh giá việc hình tượng Garfield có thực sự được biết đến rộng rãi tại Việt Nam trước năm 2002, chứ không thể căn cứ vào mức độ phổ biến sau này.

- Việc cho rằng hình tượng mèo Garfield đã được biết đến và sử dụng rộng rãi tại Việt Nam là không có cơ sở xác đáng.

+ Các tài liệu chủ yếu là đăng ký bản quyền tại các quốc gia khác, không thể hiện mức độ phổ biến của hình tượng Garfield tại Việt Nam. Việc đăng ký tại nhiều nước không đồng nghĩa với việc công chúng Việt Nam biết đến hình ảnh này.

+ Lập luận rằng người dân Việt Nam biết đến Garfield qua hai bộ phim chiếu rạp ("Chú mèo siêu quậy 1 & 2") là không có cơ sở vì không có chứng cứ cho thấy các phim này được công chiếu tại Việt Nam trước năm 2004 – trong khi hình đầu mèo của nhãn hiệu đã được sử dụng từ năm 2002 và đăng ký từ năm 2004. Ngay cả nếu phim được chiếu vào năm 2004, trong bối cảnh kinh tế – xã hội lúc đó, khả năng tiếp cận rộng rãi trong công chúng là rất hạn chế.

+ Việc biết đến Garfield qua truyện tranh cũng không đáng kể, vì thể loại này khi đó còn khá mới, chỉ phổ biến trong giới trẻ có điều kiện. Trong khi đó, người tiêu dùng sản phẩm mang nhãn hiệu là nhóm nội trợ không có xu hướng tiếp cận truyện tranh vào thời điểm đó.

+ Các dẫn chứng về báo chí (Vietnam News, báo tiếng Anh) và trang web nước ngoài cũng không có giá trị, vì đây là các kênh tiếp cận rất hạn chế trong xã hội Việt Nam năm 2004, khi công nghệ thông tin chưa phát triển và tiếng Anh chưa phổ biến.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm 39.4.g) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Dấu hiệu hình trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với hình ảnh của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân của Việt Nam hoặc của nước ngoài; trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với hình ảnh của các nhân vật, hình tượng trong các tác phẩm thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả của người khác đã được biết đến một cách rộng rãi, trừ trường hợp được phép của chủ sở hữu tác phẩm đó*".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Nhãn hiệu đăng ký 

bao gồm phần hình đầu con mèo được trình bày tách biệt với phần chữ, bố trí ở vị trí gần trung tâm và chiếm diện tích lớn trong tổng thể bố cục nhãn hiệu, là yếu tố mạnh có khả năng tạo ấn tượng thị giác và phân biệt. Phần hình đầu con mèo này có tạo hình to, gần tròn; với cặp tai vểnh đặt ở đỉnh đầu; đôi mắt lớn với mí mắt cụp, che phủ một phần tròng mắt; mũi nhỏ, ngắn; tương tự gây nhầm lẫn với phần đầu nhân vật Garfield  của Paws, Incorporated đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam và trên thế giới trước ngày nộp đơn đăng ký (25/4/2013).

2.2. Dẫn chứng của người khiếu nại trong đơn có tính tham khảo, không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 39.4.g) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-08117 ngày 25/4/2013 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 63042/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-08117 ngày 25/4/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cơ sở chế biến thực phẩm Hồng Hưng có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Cơ sở chế biến thực phẩm Hồng Hưng (qua Văn phòng Luật sư A Hoà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159589/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần VI NA MIT
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2021-00841 ngày 10/9/2021 của Công ty cổ phần VI NA MIT; địa chỉ: Số 81/3, khu phố 1, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-06043 theo Quyết định số 53348/QĐ-SHTT ngày 28/06/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5467/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần VI NA MIT với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Yo v" theo đơn số 4-2018-06043 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "YO" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 591201. Công ty cổ phần VI NA MIT đề nghị bảo hộ nhãn hiệu "Yo v" theo đơn số 4-2018-06043 với các lập luận như sau:

- Về cấu trúc và cách trình bày: dấu hiệu đăng ký "Yo v" gồm ba chữ cái, trong đó chữ cái "Yo" phía trên và chữ "v" đặt phía dưới. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm hai chữ cái viết hoa "YO".

- Về phát âm: dấu hiệu đăng ký có xu hướng phát âm thành [Dốp] hoặc [Diu], trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng được phát âm là [Dô].

- Dấu hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là từ tự đặt, là dấu hiệu rất ngắn, dễ nhớ, dễ phân biệt cho người tiêu dùng. Đối với những dấu hiệu rất ngắn như trong trường hợp đang xem xét, chỉ cần thêm một thành phần nhỏ cũng đã tạo ra một sự khác biệt đáng kể, làm cho khả năng gây nhầm lẫn không thể xảy ra.

- Cục SHTT đã bảo hộ nhãn hiệu tương tự "Yo' V" của người nộp đơn theo GCNĐKNH số 368206 ngày 29/10/2020 do nhãn hiệu đăng ký khác biệt về phát âm với nhãn hiệu đối chứng "YO" theo ĐKQT số 591201.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Yo v" và nhãn hiệu đối chứng "YO" đều có thành phần chính là "Yo". Việc nhãn hiệu đang xem xét có thêm phụ âm "v" ở cuối không tạo nên khả năng phân biệt, do đó gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi lựa chọn sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 29 của hai công ty khác nhau. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-06043 ngày 02/03/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 53348/QĐ-SHTT ngày 28/06/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-06043 ngày 02/03/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần VI NA MIT có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần VI NA MIT (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159590/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần VI NA MIT
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2021-00840 ngày 10/9/2021 của Công ty cổ phần VI NA MIT; địa chỉ: số 81/3, khu phố 1, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-06041 theo Quyết định số 53347/QĐ-SHTT ngày 28/06/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5466/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần VI NA MIT với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Yo v" cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 theo đơn số 4-2018-06041 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "YO" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 591201. Công ty cổ phần VI NA MIT khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "Yo v" theo đơn số 4-2018-06041 với các lập luận như sau:

Về cấu trúc, và cách trình bày: dấu hiệu đăng ký "Yo v" gồm ba chữ cái, trong đó chữ cái "Yo" và "v". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm hai chữ cái viết hoa "YO".

Về phát âm: dấu hiệu đăng ký có xu hướng phát âm thành [Dốp] hoặc [Diu]. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng được phát âm là [Dô].

- Dấu hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là từ tự đặt, là dấu hiệu rất ngắn, dễ nhớ, dễ phân biệt cho người tiêu dùng. Đối với những dấu hiệu rất ngắn như trong trường hợp đang xem xét, chỉ cần thêm một thành phần nhỏ cũng đã tạo ra một sự khác biệt đáng kể, làm cho khả năng gây nhầm lẫn không thể xảy ra.

- Cục SHTT đã bảo hộ nhãn hiệu tương tự "Yo' V" của người nộp đơn theo GCN ĐKNH số 368206 ngày 29/10/2020 do nhãn hiệu đăng ký khác biệt về phát âm với nhãn hiệu đối chứng "YO" theo ĐKQT số 591201.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Yo v" và nhãn hiệu đối chứng "YO" đều có thành phần chính là "Yo". Việc nhãn hiệu đang xem xét có thêm phụ âm "v" ở cuối không tạo nên khả năng phân biệt do đó gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi lựa chọn sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 29 của hai công ty khác nhau. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn 4-2018-06041 ngày 02/03/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 53347/QĐ-SHTT ngày 28/06/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-06041 ngày 02/03/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần VI NA MIT có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần VI NA MIT (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159591/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Đại Việt Hương
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2021-00720 ngày 16/7/2021 của Công ty cổ phần Đại Việt Hương; địa chỉ: 111 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-42348 theo Quyết định số 30545/QĐ-SHTT ngày 19/04/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5464/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Đại Việt Hương với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Lexi, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 theo đơn số 4-2017-42348 bị từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "Lexxiis" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 123419, "LEXXIE" cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 351164 và "PLEXI" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 được bảo hộ theo ĐKQT số 212820. Công ty cổ phần Đại Việt Hương đề nghị bảo hộ nhãn hiệu "LÉXI, hình" theo đơn số 4-2017-42348 với các lập luận như sau:

- Dấu hiệu đăng ký được thể hiện bằng bốn chữ với chữ cái đầu tiên "L" viết hoa, chữ cái tiếp theo "e" có hình dấu sắc và chữ cái "x", "i" - cả ba chữ đều viết thường, "Léxi" và được đọc là [Lé-Xi].

- Nhãn hiệu đối chứng 1: phần chữ được thể hiện bằng sáu chữ cái viết thường và được đọc là [E-Xi-Ít].

- Nhãn hiệu đối chứng 2: được thể hiện bằng sáu chữ cái viết hoa và được đọc là [Lếch-Xi-E].

- Nhãn hiệu đối chứng 3: được thể hiện bằng năm chữ cái viết hoa và được đọc là [Pờ-Le-Xì].

Các nhãn hiệu đang xem xét đều sử dụng hoặc liên quan tới mỹ phẩm và chất tẩy rửa, ít nhiều đều có ảnh hưởng tới sức khỏe của người dùng nên họ thường phải tìm hiểu, xem xét kỹ lưỡng các thông tin về sản phẩm, nhà sản xuất trước khi mua hoặc/và sử dụng, nên khả năng bị nhầm lẫn là không thể xảy ra.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Lexi, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "Lexxiis" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 123419, "LEXXIE"

cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 351164 và "PLEXI" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 được bảo hộ theo ĐKQT số 212820 về cấu trúc và âm tiết do toàn bộ các ký tự tạo nên nhãn hiệu "Lexi, hình" đều xuất hiện trong các nhãn hiệu đối chứng với cùng một trình tự. Các nhãn hiệu "Lexxiis", "LEXXIE", "PLEXI" được phát âm lần lượt là /lếch-xít(sờ)/, /lếch-xi/, /pờ-lếch-xi/ nên trùng, tương đồng với cách đọc /lếch-xi/ của nhãn hiệu đăng ký. Sản phẩm trong danh mục của các nhãn hiệu là trùng, cùng loại và có liên quan nên việc tồn tại đồng thời các nhãn hiệu này sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do đó, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-42348 ngày 19/12/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 30545/QĐ-SHTT ngày 19/04/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-42348 ngày 19/12/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Đại Việt Hương có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Đại Việt Hương (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159592/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Đại Việt Hương
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2021-00719 ngày 16/7/2021 của Công ty cổ phần Đại Việt Hương; địa chỉ: 111 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-42349 theo Quyết định số 30546/QĐ-SHTT ngày

PTT366

19/04/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5465/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Đại Việt Hương với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Lexxi" theo đơn số 4-2017-42349 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "Lexxiis" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 123419, "LEXXIE" cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 351164. Công ty cổ phần Đại Việt Hương đề nghị bảo hộ nhãn hiệu "Lexxi" theo đơn số 4-2017-42349 với các lập luận như sau:

- Dấu hiệu đăng ký được thể hiện bằng năm chữ với chữ cái đầu tiên "L" viết hoa, chữ cái tiếp theo "e", "x" "x", "i" - cả bốn chữ đều viết thường và được đọc là [Lếch-Xi], trong khi đó:

- Nhãn hiệu đối chứng 1: phần chữ được thể hiện bằng sáu chữ cái viết thường, và được đọc là [E-Xi-Ít].

- Nhãn hiệu đối chứng 2: được thể hiện bằng sáu chữ cái viết hoa và được đọc là [Lếch-Xi-E].

Dấu hiệu đăng ký là dấu hiệu ngắn, chỉ bao gồm 2 âm tiết nên rất dễ đọc và dễ nhớ, trong khi các nhãn hiệu đối chứng đều là các dấu hiệu ba âm tiết.

- Các nhãn hiệu đang xem xét đều sử dụng hoặc liên quan tới mỹ phẩm và chất tẩy rửa, ít nhiều đều có ảnh hưởng tới sức khỏe của người dùng nên họ thường phải tìm hiểu, xem xét kỹ lưỡng các thông tin về sản phẩm, nhà sản xuất trước khi mua hoặc/và sử dụng, nên khả năng bị nhầm lẫn là không thể xảy ra.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được

hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Lexxi" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "Lexxiis" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 123419, "LEXXIE" cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 351164 về cấu trúc và âm tiết do toàn bộ các ký tự tạo nên nhãn hiệu "Lexxi" đều xuất hiện trong các nhãn hiệu đối chứng với cùng một trình tự. Các nhãn hiệu "Lexxiis", "LEXXIE" được phát âm lần lượt là /lếch-xít(sờ)/, /lếch-xi/ nên trùng, tương đồng với cách đọc /lếch-xi/ của nhãn hiệu đăng ký. Sản phẩm trong danh mục của các nhãn hiệu là trùng, cùng loại và có liên quan nên việc tồn tại đồng thời các nhãn hiệu này sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nhà cung cấp sản phẩm, làm ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của chủ nhãn hiệu có trước. Do đó, đề nghị của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-42349 ngày 19/12/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 30546/QĐ-SHTT ngày 19/04/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-42349 ngày 19/12/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Đại Việt Hương có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Đại Việt Hương (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159593/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của L.Leroy S.A
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00853 ngày 08/8/2017 của L.Leroy S.A; địa chỉ: Bubenberg-Strasse 7 CH-2502 Bienne, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1259800 theo Thông báo số 2015/30 LMT13 ngày 28/7/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5455/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của L.Leroy S.A với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "LEROY, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 14 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1259800 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "LEROY MERLIN pour réussir, hình" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 618818 và nhãn hiệu "LEROY-MERLIN" được bảo hộ theo ĐKQT 601395 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1259800 chỉ là chữ "LEROY" viết in hoa với phông chữ thông thường, trong khi nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 618818 là cụm từ "LEROY MERLIN" và nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 601395 là dòng chữ "LEROY MERLIN pour résussir" viết cách điệu xung quanh một hình tam giác màu xanh nên các nhãn hiệu này có khả năng phân biệt được với nhau về cấu trúc từ ngữ và hình thức thể hiện.

- Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng là GROUPE ADEO, địa chỉ: 135 rue Sadi Carnot, 59790 Ronchin, France đã có Thư chấp thuận đồng ý cho chủ ĐQT số 1259800 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 14 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "LEROY, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 14 chỉ trùng ở phần chữ "LEROY" nhưng khác biệt ở phần "hình" với các nhãn hiệu đối chứng "LEROY MERLIN pour réussir, hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 618818 và "LEROY-MERLIN" được bảo hộ theo ĐKQT số 601395, đồng

thời, nhãn hiệu đối chứng "LEROY MERLIN pour réussir, hình" còn có thêm phần chữ "MERLIN pour réussir" và phần "hình" khác biệt, nhãn hiệu đối chứng "LEROY-MERLIN" còn có thêm phần chữ "MERLIN" khác biệt. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt về cấu trúc từ và hình thức thể hiện so với các nhãn hiệu đối chứng. Chủ ĐQT số 1259800 đã được chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cấp thư chấp thuận để chủ đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu cho các sản phẩm thuộc nhóm 14 tại Việ Nam theo đơn trên. Do đó, đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1259800, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/30 LMT13 ngày 28/7/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1259800.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1259800.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và L.Leroy S.A (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159594/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TIVOLI Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2020-00884 ngày 18/9/2020 của TIVOLI Co., Ltd.; địa chỉ: 15-4, Doi 1-chome, Yugawaramachi, Ashigarashimo-gun, Kanagawa, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-35088 ngày 11/12/2015 theo Quyết định số 26643/QĐ-SHTT ngày 20/4/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5452/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TIVOLI Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Tivoli Tivon, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 theo đơn số 4-2015-35088 ngày 11/12/2015 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "TIVOLI Wonderful COPENHAGEN, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 31324 theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng:

+ Về cấu trúc từ ngữ và ý nghĩa liên tưởng:

Nhãn hiệu đăng ký gồm hai thành tố "Tivoli" và "Tivon" trong đó "Tivon" là thành tố tưởng tượng, không phổ biến, không mang tính mô tả hay địa danh, tạo ra một ấn tượng riêng biệt về mặt ngữ âm, thị giác và tổng thể cấu trúc. Khi nhìn tổng thể nhãn hiệu đăng ký, người tiêu dùng sẽ không liên tưởng đến "TIVOLI" đơn lẻ mà cảm nhận đây là một chuỗi từ mới, có dấu hiệu nhận diện riêng.

+ Về ý nghĩa, cảm xúc và định vị thương hiệu

Nhãn hiệu đăng ký "TIVOLI TIVON" gắn với hình ảnh người phụ nữ Nhật Bản, chữ Nhật và câu khẩu hiệu mang thông điệp "sự dịu dàng của người mẹ và ân huệ của đất mẹ", thể hiện định hướng nhân văn, ấm áp, gần gũi trong ngành thực phẩm, bánh kẹo. Ngược lại, nhãn hiệu đối chứng "TIVOLI Wonderful COPENHAGEN" thể hiện hình ảnh công trình kiến trúc phương Tây hiện đại, pháo hoa, mang đậm dấu ấn du lịch, giải trí, văn hóa phương Tây. Do vậy, người tiêu dùng với nhận thức trung bình sẽ không liên tưởng hai nhãn hiệu có cùng nguồn gốc thương mại, vì ý nghĩa và ngành nghề gợi mở khác biệt rõ.

+ Về xuất xứ thương mại:

Nhãn hiệu đăng ký "TIVOLI TIVON" không chứa bất kỳ yếu tố nào khiến người tiêu dùng hiểu nhầm rằng sản phẩm có liên quan đến Đan Mạch, Copenhagen hay công viên Tivoli nổi tiếng. Trái lại, toàn bộ hình ảnh, ngôn ngữ, phong cách sử dụng đều mang định vị rõ ràng là sản phẩm của Nhật Bản hoặc mang phong cách Nhật Bản.

- Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng "TIVOLI Wonderful COPENHAGEN, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 31324 đã hết hiệu lực kể từ ngày 25/3/2018 do không được chủ sở hữu gia hạn, chứng tỏ chủ sở hữu nhãn hiệu thực sự không còn quan tâm đến nhãn hiệu này nữa. Đồng thời, chủ sở hữu nhãn

hiệu cũng không sử dụng nhãn hiệu này cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 tại Việt Nam từ ngày 01/1/2014 đến ngày 20/03/2019 theo kết quả tra cứu thông tin sử dụng nhãn hiệu tại công văn số 116/TT-TTKTQT ngày 20/03/2019 của Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại, Bộ Công Thương.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp hiệu lực bị chấm dứt vì lý do nhãn hiệu không được sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Phần chữ của nhãn hiệu đăng ký "Tivoli Tivon, hình" theo đơn số 4-2016-35088 là "Tivoli Tivon" chỉ tương tự ở phần chữ "Tivoli" với phần chữ "TIVOLI" trên nhãn hiệu đối chứng "TIVOLI Wonderful COPENHAGEN, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 31324. Tuy nhiên, cả nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là dấu hiệu tổng thể được kết hợp bởi các yếu tố chữ và hình khác nhau tạo nên cấu trúc, cách phát âm và ấn tượng tổng thể riêng biệt. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-35088 ngày 11/12/2015, không bảo hộ riêng các ký tự Nhật Bản, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 26643/QĐ-SHTT ngày 20/4/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-35088 ngày 11/12/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-35088 ngày 11/12/2015, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng các ký tự Nhật Bản.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TIVOLI Co., Ltd. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159595/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Budha to Budha B.V.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2015-00562 ngày 18/6/2015 của Budha to Budha B.V.; địa chỉ: Pilotenstraat 34 NL-1059 CJ Amsterdam, Benelux; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 944318 theo Thông báo số 2014/06 HNT24 ngày 11/02/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5449/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Budha to Budha B.V. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Buddha to Buddha" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 944318 bị tạm thời từ chối bảo hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Cụm từ "Buddha to Buddha" có thể được hiểu như một biểu đạt trừu tượng, mang tính nghệ thuật hoặc sáng tạo, không phải là tên của bất kỳ cơ quan, tổ chức nào của Việt Nam cũng như của quốc tế.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với biểu tượng, cờ, huy hiệu, tên viết tắt, tên đầy đủ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của Việt Nam và tổ chức quốc tế, nếu không được cơ quan, tổ chức đó cho phép".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "Buddha to Buddha" theo ĐQT số 944318 không phải là tên của bất kỳ cơ quan, tổ chức nào của Việt Nam và quốc tế. Việc ghép các phần chữ thành cụm từ "Buddha to Buddha" được coi là một cách sử dụng sáng tạo, mang ấn tượng riêng của người nộp đơn. Do đó, có cơ sở chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo ĐQT số 944318, không bảo hộ riêng "Buddha", không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/06 HNT24 ngày 11/02/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 944318.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 944318, không bảo hộ riêng "Buddha".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Budha to Budha B.V. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159596/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của WINNING CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00074 ngày 24/01/2017 của WINNING CO., LTD.; địa chỉ: 40-14, Sendagi 3-chome, Bunkyo-ku Tokyo 113-0022, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1210124 theo Thông báo số 2015/40 NTH35 ngày 06/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5447/BC-TTKN

ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của WINNING CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Since 1937 Winning FIGHTING SPORTS WORLD, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 và 28 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1210124 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "hình" cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 164437 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 164437 đã hết hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 30/07/2019 do không được gia hạn, tính đến nay đã hết hạn quá ba năm, chứng tỏ chủ sở hữu nhãn hiệu thực sự không còn quan tâm đến nhãn hiệu này nữa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "Since 1937 Winning FIGHTING SPORTS WORLD, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 và 28 theo ĐQT số 1210124 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "hình" cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 164437. Tuy nhiên, nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã hết hiệu lực kể từ ngày 30/07/2019 tại Việt Nam do không được chủ sở hữu gia hạn và tính đến nay, thời gian hết hiệu lực đã quá ba năm. Do đó, nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 164437 không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1210124 nên đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo ĐQT số 1210124, không bảo hộ riêng "Since 1937", "FIGHTING SPORTS WORLD", không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/40 NTH35 ngày 06/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1210124.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1210124, không bảo hộ riêng "Since 1937", "FIGHTING SPORTS WORLD".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và WINNING CO., LTD. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159597/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Dr. Wild & Co. AG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2016-00767 ngày 07/9/2016 của Dr. Wild & Co. AG; địa chỉ: Hofackerstrasse 8 CH-4132 Muttenz Switzerland; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1246492 theo Thông báo số 2015/18 NNL04 ngày 05/5/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5203/BC-TTKN

ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Dr. Wild & Co. AG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "DOLOPIC" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1246492 bị từ chối bảo hộ một phần sản phẩm thuộc nhóm 05 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "DOLORIC PLUS" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 106193. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do dưới đây:

Nhãn hiệu nộp đơn và các nhãn hiệu đối chứng có khả năng phân biệt được với nhau khi xem xét một cách tổng thể về cấu trúc, hình thức trình bày cũng như danh mục sản phẩm, dịch vụ đăng ký bảo hộ. Mặc dù cả hai nhãn hiệu đều có chứa thành phần tiền tố "DOLO", tuy nhiên phần hậu tố của chúng lại khác nhau, cụ thể là "PIC" trong nhãn hiệu nộp đơn và "RIC" trong nhãn hiệu đối chứng. Bên cạnh đó, nhãn hiệu đối chứng còn có thêm thành phần "PLUS" ở cuối, góp phần gia tăng độ khác biệt về mặt thị giác và âm thanh khi phát âm. Sự khác biệt này khiến người tiêu dùng thông thường, với nhận thức bình thường và trong điều kiện giao dịch thông thường, khó có thể nhầm lẫn hoặc liên tưởng rằng các nhãn hiệu nêu trên có cùng một nguồn gốc thương mại. Do vậy, có cơ sở để cho rằng nhãn hiệu nộp đơn có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 106193 đã hết hiệu lực kể từ ngày 25/05/2017 và không được chủ sở hữu tiến hành gia hạn theo quy định pháp luật. Do đó, nhãn hiệu nêu trên không còn là căn cứ hợp lệ để đánh giá khả

năng trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn đối với nhãn hiệu đăng ký tại thời điểm xem xét đơn.

Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nội dung đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1246492, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/18 NNL04 ngày 05/5/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1246492.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1246492.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Dr. Wild & Co. AG (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159598/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kabushiki Kaisha NTT Data (NTT Data Corporation)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2023-00288 ngày 21/7/2023 của Kabushiki Kaisha NTT Data (NTT Data Corporation); địa chỉ: 3-3, Toyosu 3-chome, Koto-ku Tokyo 135-6033; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-15937 ngày 11/05/2020 theo Quyết định số 25487w/QĐ-SHTT ngày 28/4/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4974/BC-TTKN

ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kabushiki Kaisha NTT Data (NTT Data Corporation) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "NTT DaTa Trusted Global Innovator" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-15937 bị từ chối bảo hộ từ chối bảo hộ đối cho các sản phẩm thuộc nhóm 09, 35, 37, 38, 42 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "NTT, hình" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 345434, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên Danh đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký "NTT DaTa Trusted Global Innovator" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-15937 với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng. Về tổng thể cấu trúc, cách trình bày và ấn tượng thị giác: Nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của phần hình và phần chữ, bao gồm từ "NTT" viết in hoa màu đen và hình một vòng tròn được uốn thành 2 đường tròn khép kín. Nhãn hiệu đăng ký gồm cụm từ "NTT DaTa" màu đen, cách điệu và phía dưới là cụm "Trusted Global Innovator" màu đen.Mặc dù hai nhãn hiệu có chung thành phần "NTT", tuy nhiên về tổng thể cấu trúc, hình thức thể hiện và ấn tượng thị giác, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt khi so sánh với nhãn hiệu đối chứng. do đó, khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm/dịch vụ mang các nhãn hiệu là không thể xảy ra.

Trên thực tế, nhiều công ty trong cùng hệ thống tập đoàn tại Nhật Bản như NTT Data, NTT DOCOMO, NTT Communications, NTT Comware và Nippon Telegraph and Telephone Corporation đều đã đăng ký và được bảo hộ nhiều nhãn hiệu có yếu tố "NTT" tại Việt Nam, cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự. Các nhãn hiệu này tồn tại song song trong nhiều năm mà không xảy ra tranh chấp hay gây nhầm lẫn trên thị trường. Điều này cho thấy yếu tố "NTT" khi kết hợp với các thành phần khác nhau vẫn có thể tạo ra các nhãn hiệu phân biệt rõ ràng.

Ngoài ra, cụm "NTT DaTa" trong nhãn hiệu đăng ký cũng chính là một phần trong tên thương mại của người nộp đơn và đã được cấp văn bằng bảo hộ tại Việt Nam (ví dụ như nhãn hiệu "NTT DaTa Global IT Innovator" theo văn bằng số 344905). Việc người nộp đơn bổ sung slogan "Trusted Global Innovator" chỉ nhằm tăng tính nhận diện và phù hợp với chiến lược thương hiệu, chứ không ảnh hưởng đến khả năng phân biệt của nhãn hiệu.

Đáng chú ý là chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn có mối quan hệ công ty mẹ - công ty con, và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp văn bản chấp thuận cho việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu đăng ký tại Việt

Nam. Do đó, việc lấy nhãn hiệu đối chứng làm căn cứ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký là không phù hợp. Nhãn hiệu đăng ký đủ khả năng phân biệt và có thể đồng tồn tại với nhãn hiệu đối chứng, giống như thực tế đã xảy ra đối với các nhãn hiệu khác cùng thuộc hệ thống NTT.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi tiến hành kiểm tra, xác minh các thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị có liên quan và xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều có chứa thành phần chữ "NTT", tuy nhiên về tổng thể cách trình bày và ấn tượng thị giác, hai nhãn hiệu vẫn có khả năng phân biệt với nhau. Cụ thể, nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu kết hợp giữa phần hình và phần chữ, bao gồm từ "NTT" viết in hoa, màu đen, cùng với hình một vòng tròn được tạo thành từ hai đường tròn khép kín. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu chữ, gồm cụm từ "NTT DaTa" màu đen được trình bày cách điệu trên một dòng, phía dưới là cụm từ "Trusted Global Innovator" màu đen. Thành phần "DaTa" trong cụm "NTT DaTa" là yếu tố bổ sung, mặc dù dấu hiệu "DaTa" mang tính mô tả nhưng giới hạn lại lĩnh vực hoạt động so với nhãn hiệu đối chứng, tránh gây nhầm lẫn giữa hai chủ thể.

Ngoài ra, theo tài liệu trong hồ sơ, công ty nộp đơn đăng ký nhãn hiệu là công ty con trong cùng hệ thống tập đoàn với chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng. Đáng lưu ý, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng (công ty mẹ) đã có văn bản chấp thuận cho phép công ty con sử dụng và đăng ký nhãn hiệu "NTT DaTa Trusted Global Innovator". Điều này thể hiện sự thống nhất về quyền sử dụng nhãn hiệu trong nội bộ tập đoàn, đồng thời loại trừ khả năng xảy ra tranh chấp hoặc nhầm lẫn về quyền sở hữu đối với nhãn hiệu đăng ký.

Từ các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "NTT DaTa Trusted Global Innovator" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-

2020-15937 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-15937 ngày 11/5/2020, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 25487w/QĐ-SHTT ngày 28/4/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-15937 ngày 11/05/2020.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-15937 ngày 11/05/2020, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "Trusted Global Innovator".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kabushiki Kaisha NTT Data (NTT Data Corporation) (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159599/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công ty TNHH SHTT Bình Minh, đại diện cho Dynaudio Holding A/S có Công văn số SR/IR15/PT ngày 29/3/2023 đề nghị rút đơn khiếu nại số KN5-2018-00198 ngày 13/3/2018.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

NMD368

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2018-00198 ngày 13/3/2018 của Dynaudio Holding A/S; địa chỉ: Sverigesvej 15 DK-8660 Skanderborg, Denmark; đại diện bởi: Công ty TNHH SHTT Bình Minh.

Lý do đình chỉ: Công ty TNHH SHTT Bình Minh, đại diện cho Dynaudio Holding A/S có Công văn số SR/IR15/PT ngày 29/3/2023 đề nghị rút đơn khiếu nại số KN4-2018-00198 ngày 13/3/2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Dynaudio Holding A/S (qua Công ty TNHH SHTT Bình Minh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159600/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 220871

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2024-00100 ngày 03/4/2024 của Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hà, địa chỉ: Số 22, Ngách 366/36 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam; yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 220871, cấp ngày 05/03/2014 cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng (VN);

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 03/4/2024, Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hà, địa chỉ: Số 22, Ngách 366/36 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam; nộp đơn ĐN1-2024-00100 yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký

nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 220871, cấp ngày 05/03/2014 cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng (VN); với lý do: Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng cho hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm 12, 37 trong 05 năm gần đây tại thị trường Việt Nam theo văn bản tra cứu số 22-02/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 30/3/2024 của Bản tin Thị trường giá cả, Viện Kinh tế Tài chính, Học viện Tài chính, Bộ Tài chính;

Mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ thông báo theo công văn số 112003/SHTT-TTKN.IP ngày 19/11/2024 và công văn số 36208/SHTT-TTKN.IP ngày 14/4/2025 nhưng Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng không có ý kiến trả lời.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét các tài liệu hiện có, Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại thấy rằng:

Bản tin Thị trường giá cả, Viện Kinh tế Tài chính, Học viện Tài chính, Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "LYNK, hình" theo GCNĐKNH số 220871 đối với hàng hóa, dịch vụ nhóm 12, 37 tại Việt Nam từ ngày 01/03/2019 đến ngày 30/3/2024 và chủ GCNĐKNH số 220871 không có ý kiến trả lời Công văn số 112003/SHTT-TTKN.IP và số 36208/SHTT-TTKN.IP nêu trên về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 220871.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 220871 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 220871, cấp ngày 05/03/2014 của Công ty TNHH

Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng (VN) theo yêu cầu của Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 220871, cấp ngày 05/03/2014 cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng (VN đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm 12, 37 theo yêu cầu của Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vạn Vượng (Tầng 1, 52 Đông Du, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Nguyễn Thị Thu Hà; địa chỉ: Số 22, Ngách 366/36 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159602/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MORISHITA JINTAN CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2020-00317 ngày 05/5/2020 của MORISHITA JINTAN CO., LTD.; địa chỉ: 2-40, Tamatsukuri 1-chome, Chuo-ku, Osaka, Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-01123 theo Quyết định số 11160/QĐ-SHTT ngày 10/02/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5506/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MORlSHITA JINTAN CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Health Aid" theo đơn số 4-2016-01123 ngày 14/01/2016 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05, 29, 30 và 32 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì nhãn hiệu là dấu hiệu mang tính mô tả theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "Health Aid" theo đơn số 4-2016-01123 ngày 14/01/2016 với lý do:

Mặc dù, theo Từ điển Anh - Việt của Viện Ngôn Ngữ học, "Health" có nghĩa "sức khỏe, tình trạng khỏe mạnh không bị ốm đau" và "Aid" có nghĩa "sự giúp đỡ, vật hoặc người giúp đỡ, viện trợ, khuyến khích", tuy nhiên, trong thực tế sử dụng tiếng Anh, người sử dụng không bao giờ kết hợp cụm "Health Aid" để mô tả việc "hỗ trợ sức khỏe" mà thay vào đó là "Health Support" với nghĩa "Hỗ trợ sức khỏe" hoặc "Medical Aid" với nghĩa "Trợ giúp y tế"… và "Health Aid" được xem như là một sáng tạo ngôn ngữ của người nộp đơn.

Theo trích dẫn trong các từ điển Anh - Anh, "health" được sử dụng với các danh từ như: Health officer: Cán bộ y tế; Health resort: Khu nghỉ dưỡng;...

Trên tất cả các trang trên Google, "Health Aid" đều được sử dụng như một "nhãn hiệu" chứ không phải cụm từ mô tả sản phẩm hỗ trợ sức khỏe.

Chính vì lý do nêu trên, nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận đăng ký ở một loạt các nước trên thế giới: Nhật Bản, Hồng Kông, Đài Loan, Ma Cao và Philippines. Trong đó, Hồng Kông và Philippines là các quốc gia mà tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng chính thức.

Người nộp đơn là chủ sở hữu và đã sử dụng các nhãn hiệu "Health Aid" và "Health Aid, hình" tại Việt Nam đối với các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký từ năm 2015 và các nhãn hiệu này đã đạt được những danh tiếng rộng rãi và tích cực tại Việt Nam.

Doanh số ước tính của các sản phẩm mang các nhãn hiệu "Health Aid" và "Health Aid, hình" tại Việt Nam trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 10 năm 2015 đến nay, như sau đây đã khẳng định danh tiếng của người nộp đơn và các nhãn hiệu đăng ký của mình tại Việt Nam, cụ thể thông qua nhà phân phối

Công ty TNHH Ecopath có địa tại số 35A, đường số 1, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký đã được bán tại Việt Nam từ năm 2016 với số lượng 90.000 sản phẩm và doanh thu đạt 2.745.000 đô la Mỹ, năm 2017 với số lượng 152.000 sản phẩm và doanh thu đạt 4.346.000 đô la Mỹ, năm 2018 với số lượng 189.000 sản phẩm và doanh thu đạt 5.692.000 đô la Mỹ, năm 2019 với số lượng 201.648 sản phẩm và doanh thu đạt 7.500.000 đô la Mỹ.

Doanh số ước tính của các sản phẩm mang các nhãn hiệu đăng ký trên toàn thế giới trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến 2019 có giá trị đích thực và khẳng định cho danh tiếng của người nộp đơn và các nhãn hiệu của mình trên thế giới, cụ thể năm 2014 là 28.000.000 đô la Mỹ, năm 2015 là 29.000.000 đô la Mỹ, năm 2016 là 33.000.000 đô la Mỹ, năm 2017 là 34.000.000 đô la Mỹ và năm 2018 là 30.000.000 đô la Mỹ.

Người nộp đơn quảng cáo rộng rãi các sản phẩm mang các nhãn hiệu đăng ký thông qua các hoạt động quảng bá, giới thiệu với khách hàng và doanh nghiệp mới, qua báo chí, quyên góp từ thiện và tài trợ cho các sự kiện cộng đồng trên toàn thế giới.

Tại Việt Nam, các sản phẩm của các nhãn hiệu đăng ký được quảng cáo qua các bài báo trực tuyến được ưu tiên hiển thị bởi chức năng của Google Add (các bài báo này được hiển thị lên đầu khi khách hàng tìm kiếm với từ khóa liên quan đến sức khỏe hệ tiêu hóa) và cho phép người tiêu dùng có thể truy cập vào hệ thống cửa hàng trực tuyến bán các sản phẩm https://bifina.vn/.

Ngoài ra, các sản phẩm của các nhãn hiệu đăng ký cũng được quảng cáo qua các chương trình trên truyền hình https://youtu.be/0glaeakazPo và facebook https://www.facebook.com/pg/bifinanhatban/photos/. Các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký cũng được chào bán trên một loạt các trang thương mại điện tử Việt Nam, cụ thể như: https://www.hangngoainhap.com.vn/2311-men-vi-sinh-health-aid-bifina; https://www.japanstore.vn/sp/3-loai-men-vi-sinh-bifina-nhat-ban-tot-nhat; https://3tshophangnhat.com/men-vi-sinh-bifina-health-aid-s30-thuoc-dai-trang-nhat-ban;https://dongoaichinhhang.com/men-vi-sinh-bifina-s-nhat-ban-bo-sung-5-ti-loi-khuan-60-goi.html; https://xachtayquocte.com/s/men-vi-sinh-dai-trang-bifina-r-health-aid/;https://cityplaza.vn/men-vi-sinh-men-tieu-hoa-health-aid-hop-20-goi-cua-nhat-ban.html; https://shopnhat.vn/products/men-vi-sinh-bifina-health-aid-hop-20-goi-nhat-ban;https://buonbansi.vn/men-vi-sinh-health-aid-bifina-r-20-goi-nhat-

ban;https://www.shopnhatchaly.com/san-pham/men-vi-sinh-health-aid-bifina-r-20-goi-nhat;https://myphamhang.com/men-vi-sinh-health-aid-bifina-r.html;https://hanachi.vn/products/men-vi-sinh-cao-cap-health-aid-bifina-s-nhat-ban-30-goi;https://trungtamgiasi.vn/san-pham/men-vi-sinh-health-aid-bifina-r-20-goi-nhat-ban/;https://www.theatre20.com/danh-gia/thuoc-health-aid-bifina-dang-vien-tot-khong-cong-dung-ra-sao/;https://www.lamdepeva.vn/thuoc-giam-dau/men-tieu-hoa-health-aid-bifina-r-hop-20-goi-chuan-nhat.html; ...

Các khoản chi tiêu hàng năm ước tính của người nộp đơn trong việc quảng cáo và quảng bá cho các sản phẩm của các nhãn hiệu đăng ký trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến 2019 tại Việt Nam, như sau: năm 2016 là 730.000 đô la Mỹ, năm 2017 là 912.000 đô la Mỹ, năm 2018 là 950.000 đô la Mỹ và năm 2019 là 1.110.000 đô la Mỹ.

Với các lý do và bằng chứng được trình bày trên đây, cho thấy nhãn hiệu đăng ký "Health Aid" đã đạt được khả năng phân biệt và được người tiêu dùng nhận biết như một nhãn hiệu tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "Health Aid" là sự kết hợp của hai từ tiếng Anh: "Health" có nghĩa "sức khỏe, tình trạng khỏe mạnh không bị ốm đau" và "Aid" có nghĩa "sự giúp đỡ, vật hoặc người giúp đỡ, viện trợ, khuyến khích", "Health Aid" có thể được hiểu là "hỗ trợ sức khỏe", đăng ký cho các sản phẩm dược phẩm thuộc nhóm 05 và đồ ăn, thức uống thuộc các nhóm 29, 30 và 32 nên mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Với ý nghĩa trên, "Health Aid" khiến người tiêu dùng liên tưởng rằng sử dụng sản phẩm mang nhãn hiệu sẽ làm sức khỏe của họ tốt hơn.

- Tài liệu về việc sử dụng nhãn hiệu do người nộp đơn cung cấp liên quan đến nhãn hiệu "Health Aid, hình" mà không phải là nhãn hiệu đăng ký "Health Aid", do đó không phải là bằng chứng về việc sử dụng rộng rãi nhãn hiệu đăng ký nên nhãn hiệu này chưa đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng.

Vì vậy, đề nghị của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-01123 ngày 14/01/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 11160/QĐ-SHTT ngày 10/02/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-01123 ngày 14/01/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, MORISHITA JINTAN CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MORISHITA JINTAN CO., LTD. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159603/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Foxconn Interconnect Technology Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778 *Xét đơn số KN4-2020-00028 ngày 13/01/2020 của Foxconn Interconnect Technology Limited; địa chỉ: Floor 4, Willow House, Cricket Square, P.O. Box 2804, Grand Cayman, CAYMAN ISLANDS KY1-1112; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-01505 theo Quyết định số 89874/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5531/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Foxconn Interconnect Technology Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FIT Foxconn Interconnect Technology, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-01505 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 89874/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019, căn cứ điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 37665 và 96365 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Người nộp đơn đã nộp kèm báo cáo công khai từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hồng Kông (HKEX), chứng minh rằng Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng (HON HAI PRECISION INDUSTRY CO., LTD.) là công ty mẹ và cổ đông chi phối của mình. Trên cơ sở đó, khẳng định sẽ không có sự nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu, do hai công ty nằm trong cùng một tập đoàn kinh tế và không hoạt động độc lập về thương mại, đồng thời đang tiến hành xin văn bản xác nhận và sự cho phép chính thức từ phía HON HAI PRECISION INDUSTRY CO., LTD., sẽ đệ trình trong thời gian sớm nhất.

(ii) Nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi tại Việt Nam và quốc tế. Các bằng chứng bao gồm: hình ảnh từ trang web của Liên đoàn Lao động Bắc Giang thể hiện hoạt động kinh doanh và sử dụng nhãn hiệu "FIT" tại Việt Nam với quy mô lớn; thông tin tuyển dụng từ các nền tảng việc làm và mạng xã hội; kết quả tìm kiếm trên Google cho thấy sự hiện diện rộng khắp của nhãn hiệu; và đặc biệt là các giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu "FIT" đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm cả các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức, nơi thành phần "FIT" không bị coi là mô tả.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN quy định dấu hiệu đã và đang được sử dụng với chức năng nhãn hiệu và được người tiêu dùng biết đến một cách rộng rãi và nhờ đó nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế*".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhãn hiệu đăng ký 

bao gồm phần hình elip là yếu tố hình học đơn giản không có khả năng phân biệt và các phần chữ "FIT", "Foxconn Interconnect Technology", trong đó phần chữ "FIT" có nghĩa tiếng Việt là "vừa, phù hợp, ăn khớp" và thành phần chữ "Interconnect Technology" có nghĩa là "công nghệ kết nối" mang tính mô tả đối với các sản phẩm đăng ký. Thành phần có khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký là "Foxconn" tương tự về cấu trúc và giống về phát âm với các nhãn hiệu đối chứng "Foxconn", trong khi đăng ký các sản phẩm thuộc Nhóm 9 trùng hoặc tương tự nhau, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

2.2. Người nộp đơn đề cập đến việc cung cấp bổ sung tài liệu xác nhận Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng (HON HAI PRECISION INDUSTRY CO., LTD.) là công ty mẹ và cổ đông chi phối của Chủ nhãn hiệu đối chứng và sự cho phép chính thức Chủ sở hữu này. Tuy nhiên, luận điểm này không được chấp thuận do đây là tình tiết mới, chưa được người nộp đơn đưa ra trong quá trình thẩm định đơn.

2.3. Việc xuất hiện trên trang web của Liên đoàn Lao động Bắc Giang, các nền tảng tuyển dụng và mạng xã hội, cũng như kết quả tìm kiếm trên Google chưa đủ để chứng minh việc sử dụng một cách rộng rãi, liên tục và theo đúng dạng nhãn hiệu đăng ký, bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị được thực hiện tại thị trường Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 39.5.b) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-01505 ngày 18/01/2016 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 89874/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-01505 ngày 18/01/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Foxconn Interconnect Technology Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Foxconn Interconnect Technology Limited (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159604/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của 2XU Pty Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00393 ngày 30/3/2017 của 2XU Pty Ltd; địa chỉ: 243 Burwood Road, Hawthorn VIC 3122, Australia (nay là: 53 Cremorne St Cremorne VIC 3121, Australia); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1165665 theo Thông báo số 2016/04 HBN19 ngày 17/01/2017;

DAD778

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5641/BC-

TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của 2XU Pty Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "2XU" theo đơn quốc tế số 1165665 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2016/04 HBN19 ngày 17/01/2017, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn và không đáp ứng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên so với nhãn hiệu theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 228698 đã hết hiệu lực ngày 13/12/2022 nhưng chưa quá 3 năm (nhãn hiệu đối chứng 1);

- Đơn số 4-2015-22793 đã được cấp GCNĐKNH số 297552 ngày 29/3/2018 (nhãn hiệu đối chứng 2);

- Đơn số 4-2015-32448 đã được cấp GCNĐKNH số 301471 ngày 11/6/2018 (nhãn hiệu đối chứng 3).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký không tương tự với nhãn hiệu đối chứng 1.

- Về cấu trúc và hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký là từ "2XU", trình bày bằng phông chữ tiêu chuẩn, không cách điệu, đơn giản và rõ ràng. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng 1 là nhãn hiệu phức hợp gồm chữ "Tài khoản Big Xu" với màu sắc vàng - nâu đan xen, trong đó chữ "Xu" được cách điệu nổi bật với hình dạng như quả bí đan vào nhau. Phần hình là đồng xu màu vàng có dòng chữ "Big Xu", trong đó chữ "Xu" cũng được cách điệu tương tự. Nhãn hiệu đối chứng có hình thức thể hiện sinh động, màu sắc nổi bật và mang tính mô tả dịch vụ khách hàng thân thiết. Ngược lại, nhãn hiệu đăng ký đơn giản, không gây nhầm lẫn.

- Về dịch vụ mang nhãn hiệu: Người nộp đơn đã giới hạn danh mục dịch vụ nhóm 35 trong đơn quốc tế số 1165665, cụ thể là loại bỏ các dịch vụ liên quan đến chương trình khách hàng thân thiết. Danh mục còn lại không liên quan đến các chương trình khách hàng thân thiết. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng 1 chỉ tập trung vào dịch vụ triển khai chương trình khách hàng thân thiết, đây là dịch vụ có bản chất khác biệt rõ ràng.

(ii) Nhãn hiệu đăng ký không tương tự với nhãn hiệu đối chứng 2.

- Về cấu trúc và hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đối chứng 2 là nhãn hiệu chữ màu hồng, trong đó chữ "Xu" được cách điệu bằng phông chữ in nghiêng, mảnh, bên dưới có đường kẻ ngang màu hồng, và dòng chữ "RESTAURANT LOUNGE" cũng màu hồng, viết in hoa bằng phông không chân, có ý nghĩa mô tả dịch vụ nhà hàng. Ngược lại, nhãn hiệu đăng ký chỉ là nhãn hiệu chữ đơn thuần "2XU", không màu sắc, không cách điệu. Nhãn hiệu đối chứng 2 gây ấn

tượng thị giác mạnh nhờ màu sắc đặc trưng và cụm từ mô tả dịch vụ, trong khi nhãn hiệu đăng ký có hình thức đơn giản.

- Về dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhóm 35 của nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt đáng kể so với dịch vụ trong nhóm 35 và 43 của nhãn hiệu đối chứng 2. Cụ thể, nhãn hiệu đối chứng 2 được đăng ký cho các dịch vụ mua bán đa dạng như vải, quần áo, giày dép, hàng da, sách báo, thực phẩm, đồ uống, rượu, bia, thuốc lá (thuộc nhóm 35), và các dịch vụ ăn uống, quầy bar, cà phê, nhà hàng, suất ăn công nghiệp, khách sạn (thuộc nhóm 43). Trong khi đó, dịch vụ nhóm 35 của nhãn hiệu đăng ký bao gồm tập hợp hàng hóa để khách hàng tiện mua sắm, dịch vụ bán lẻ trong lĩnh vực thời trang, thể thao, quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến bán hàng và đăng ký quà tặng, không liên quan đến dịch vụ ăn uống hay khách sạn. Do đó, mặc dù cùng thuộc nhóm 35, nhưng dịch vụ mang nhãn hiệu của hai bên khác biệt rõ rệt về nội dung và bản chất.

(iii) Nhãn hiệu đăng ký không tương tự với nhãn hiệu đối chứng 3.

- Về cấu trúc và hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đối chứng 3 là nhãn hiệu kết hợp, gồm phần hình ảnh và chữ. Phần hình gồm hai hình tròn màu đỏ đồng tâm, nối với nhau bằng 8 đường kẻ đỏ có độ đậm nhạt khác nhau, ở giữa là chữ XU in hoa. Khoảng trống giữa các đường kẻ có màu vàng. Bên dưới là chữ "onexu.com" viết thường. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký chỉ là chữ 2XU, đơn giản, không màu sắc, không hình ảnh hay cách điệu. Do nhãn hiệu đối chứng 3 có sự kết hợp nổi bật giữa màu sắc, hình ảnh và chữ, còn nhãn hiệu đăng ký thì đơn giản, nên người tiêu dùng hoàn toàn có thể phân biệt được.

- Nhãn hiệu đối chứng 3 được đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 35, 38 và 41, trong đó nhóm 35 bao gồm: quảng cáo, đại lý quảng cáo, quảng cáo trực tuyến, nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký sử dụng cho các dịch vụ bán lẻ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ bán lẻ như: quảng cáo qua thư, tiếp thị trực tuyến, xúc tiến bán hàng, v.v. Mặc dù cùng thuộc nhóm 35, nhưng bản chất dịch vụ của hai nhãn hiệu khác nhau rõ rệt: một bên tập trung vào quảng cáo và nghiên cứu thị trường, bên còn lại tập trung vào hoạt động bán lẻ và hỗ trợ bán hàng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

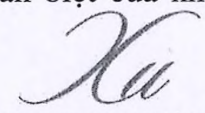
Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc*

tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "2XU" bao gồm phần chữ "XU" có khả năng ghi nhớ, tương tự về thành phần chữ và có cùng phát âm với phần chữ "XU", được trình bày bằng cỡ chữ lớn, nổi bật, là yếu tố chủ yếu có khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối chứng 1 

và nhãn hiệu đối chứng 2 

. Phần chữ này cũng tương tự với phần chữ "XU" trong cả phần chữ và phần hình của nhãn hiệu đối chứng 3 

.

2.2. Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu:

Danh mục dịch vụ *"Tập hợp nhiều hàng hóa khác nhau vì lợi ích của người khác (không bao gồm vận chuyển các hàng hóa đó) cho phép khách hàng có thể xem và mua hàng một cách thuận tiện"; "dịch vụ cửa hàng chuyên biệt và dịch vụ quảng cáo qua thư và và dịch vụ bán lẻ trực tuyến"; "dịch vụ quảng cáo và kinh doanh, dịch vụ bán lẻ và tiếp thị trực tuyến và dịch vụ xúc tiến bán hàng bao gồm xúc tiến bán hàng tại điểm bán hoặc điểm mua, xúc tiến bán hàng bằng cách bày hàng, giới thiệu và trưng bày"; "tiếp thị qua thư; dịch vụ đăng ký quà tặng"* nhóm 35 mang nhãn hiệu đăng ký trùng hoặc tương tự với các dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng 1 và 3 vì có cùng mục tiêu xúc tiến, thúc đẩy tiêu dùng.

- Danh mục dịch vụ "*Tập hợp nhiều hàng hóa khác nhau vì lợi ích của người khác (không bao gồm vận chuyển các hàng hóa đó) cho phép khách hàng có thể xem và mua hàng một cách thuận tiện"; "dịch vụ cửa hàng chuyên biệt và dịch vụ quảng cáo qua thư và dịch vụ bán lẻ trực tuyến"; "dịch vụ quảng cáo và kinh doanh, dịch vụ bán lẻ và tiếp thị trực tuyến và dịch vụ xúc tiến bán hàng bao gồm xúc tiến bán hàng tại điểm bán hoặc điểm mua, xúc tiến bán hàng bằng cách bày hàng, giới thiệu và trưng bày*" tương tự với dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng 2 vì hướng tới mục đích thương mại là cung cấp hàng hóa thông qua hình thức bán lẻ.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về thành phần chữ, cách phát âm, đồng thời đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng

hoặc tương tự nhau, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1165665 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/04 HBN19 ngày 17/01/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1165665.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, 2XU Pty Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và 2XU Pty Ltd (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159605/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DSLV, société coopérative à responsabilité illimitée
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2012-01013 ngày 19/10/2012 của DSLV, société coopérative à responsabilité illimitée; địa chỉ: Avenue du Dirigeable-Luchtschiplaan 8 B-1170 BRUXELLES, Belgium (tên và địa chỉ của chủ đơn hiện tại là: DS DEVELOPPEMENT; địa chỉ: 6 rue Duret 75116 Paris, FRANCE); đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên; khiếu nại về việc tạm từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1078132 theo

Thông báo số 2011/22 NHT17 ngày 07/6/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5415/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DSLV, société coopérative à responsabilité illimitée với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DS" theo ĐQT số 1078132 bị tạm thời từ chối vì là các chữ cái, không có khả năng phân biệt. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu, cụ thể là:

- Nhãn hiệu "DS" được đăng ký và sử dụng bởi DSLV, là một hãng luật thuộc Văn phòng Luật DS AVOCATS ở nhiều quốc gia trên thế giới. Hãng luật DSLV ngày nay có gần 200 luật sư hành nghề trên 16 văn phòng ở các quốc gia khác nhau trên thế giới.

- DS Avocats có văn phòng tại Pari, Lyon, Bordeaux, Reunion, Barcelona, Brussels, Milan, Dusseldorf và tại Châu Á ở Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Đông, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Singapore và Indian Desk. DS Avocats có 4 văn phòng tại Pháp, có hơn 80 luật sư có thể nói vài thứ tiếng khác nhau, chia làm 9 phòng chuyên biệt.

- Nhãn hiệu DS được sử dụng lần đầu tiên tại Pháp vào năm 1996 dưới tên DS PARIS và được đổi thành DS vào năm 1999. Tại Barcelona, DS Avocats được mở vào những năm 1950. Nhãn hiệu DS được sử dụng tại Trung Quốc như một nhãn hiệu dịch vụ trong các lĩnh vực được cung cấp bởi Văn phòng luật từ năm 1986.

- Phụ lục 1 là bản sao các các tài liệu quảng cáo dạng giấy, các bài báo giấy cho thấy nhãn hiệu DS được quảng cáo rộng rãi trên toàn cầu trong các lĩnh vực được cung cấp bởi Văn phòng luật DS.

- Nhãn hiệu "DS" đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới. Cụ thể, nhãn hiệu "DS" đã được đăng ký tại 38 quốc gia trên thế giới và được chấp thuận bảo hộ tại 32 nước như Áo, Benelux, Bulgaria, Trung Quốc, Cyprus, Đan Mạch, Pháp, Đức, Ý, Singapore,....

- Tại Việt Nam, nhãn hiệu DS được sử dụng rộng rãi và được thừa nhận như một nhãn hiệu dịch vụ có uy tín cho các dịch vụ được cung cấp bởi Văn phòng luật từ năm 1993. DSVL là một trong những hãng luật quốc tế đầu tiên được thành lập ở Việt Nam. Văn phòng đại diện tại Hà Nội được cấp phép hoạt động từ năm 1993 và trở thành chi nhánh năm 1997. Đồng thời năm 1997, hãng luật DSVL lập thêm một chi nhánh mới ở Thành phố Hồ Chí Minh. Với

lượng khách hàng đông đảo, chủ yếu là các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Do vậy, tổng doanh thu mà DS AVOCATS đã thu được ở Việt Nam là rất lớn, cụ thể mỗi năm trong ba năm gần đây là: 2011 (468 486 €); 2010 (418 404 €); 2009 (333 583 €).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "DS" bao gồm hai ký tự "D", "S" không phát âm được như một từ. Người nộp đơn đã cung cấp các chứng cứ nhằm chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu như: nhãn hiệu đăng ký được sử dụng lần đầu tiên tại Pháp vào năm 1996; hãng luật DSLV có gần 200 luật sư hành nghề trên 16 văn phòng ở các quốc gia khác nhau trên thế giới; nhãn hiệu đăng ký được quảng cáo rộng rãi trên toàn cầu trong các lĩnh vực được cung cấp bởi Văn phòng luật; nhãn hiệu "DS" đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới… Người nộp đơn cũng đã cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam. Tuy nhiên, các chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp chưa đủ cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1078132 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2011/22 NHT17 ngày 07/6/2012 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1078132.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, DSLV, société coopérative à responsabilité illimitée có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và DSLV, société coopérative à responsabilité illimitée (qua Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159606/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BIRKENSTOCK SALES GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2016-00733 ngày 24/8/2016 của BIRKENSTOCK SALES GmbH; địa chỉ: Rheinstrasse 10, 53560 Vettelschoss, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1244734 theo Thông báo số 2015/16 NDT11 ngày 15/4/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5432/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BIRKENSTOCK SALES GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BIRKENSTOCK" theo ĐQT số 1244734 bị tạm thời từ chối bảo hộ một phần các nhóm 18, 24, 25, 26, 35 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 109903 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu xin đăng ký cùng một chủ sở hữu là công ty Birkenstock Sales GmbH. Vì vậy, công ty Birkenstock Sales GmbH sửa đổi tên và địa chỉ, đồng thời yêu cầu ghi nhận sửa đổi tên và địa chỉ cho GCNĐKNH số 109903. Khi đó, nhãn hiệu đăng ký sẽ không còn vi phạm các quy định bảo hộ của Luật sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "BIRKENSTOCK" và nhãn hiệu đối chứng "BIRKENSTOCK" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 109903 bị coi là trùng nhau và được sử dụng cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 18, 24, 25, 26 và 35. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn. Đến thời điểm hiện tại, tên và địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng vẫn khác nhau nên nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 109903 vẫn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 1244734.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1244734 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/16 NDT11 ngày 15/4/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1244734.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, BIRKENSTOCK SALES GmbH có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BIRKENSTOCK SALES GmbH (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159607/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ulstein Group ASA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2016-00897 ngày 26/10/2016 của Ulstein Group ASA; địa chỉ: P.O. Box 158 N-6067 Ulsteinvik, Norway; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1254167 theo Thông báo số 2015/25 HBN23 ngày 23/6/2016;

DTX488

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5428/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ulstein Group ASA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "X-STERN" theo ĐQT số 1254167 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1091960 và không có khả năng phân biệt theo Điều 74.2a, c Luật Sở hữu trí tuệ. Ulstein Group ASA khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "X-STERN" theo ĐQT số 1254167 với các lập luận như sau:

- Phần chữ "STERN" có nhiều nghĩa khác nhau cụ thể như "nghiêm khắc", "lạnh lùng", "cứng rắn" (chỉ tính cách). Các sản phẩm/dịch vụ xin đăng ký khá rộng, gồm nhiều đối tượng không liên quan đến nghĩa mô tả nhãn hiệu như: dịch vụ thiết lập và sửa chữa hệ thống điện, thiết bị máy tính, đài, vi đê ô, thiết bị thông tin qua hệ thống điện thoại và rađiô, thiết bị khoa học hàng hải, hệ thống ra đa, thiết bị ngoại vi máy tính và mạng máy tính (Nhóm 37).

- Người nộp đơn đã bổ sung Bản tuyên thệ chứng minh nhãn hiệu xin đăng ký theo ĐQT số 1254167 được biết đến rộng rãi, được cấp đăng ký tại nhiều nước trên thế giới. Theo đó, nhãn hiệu xin đăng ký không vi phạm Điều 74.2a,c Luật sở hữu trí tuệ. Đồng thời, người nộp đơn nộp bổ sung Thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1091960 cho phép đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐQT số 1254167 tại Việt Nam, tránh vi phạm Điều 74.2e Luật sở hữu trí tuệ.

- Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có chung phần chữ "STERN" có nghĩa tiếng Việt là "đuôi tàu hoặc "phần sau tàu", là thành phần mô tả về sản phẩm dịch vụ. Vì vậy, phần chữ nêu trên không phải là thành phần chính để xác định khả năng phân biệt giữa các nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá

trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trong nhãn hiệu đăng ký "X-STERN", "STERN" là từ tiếng Anh có nghĩa là "nghiêm khắc, phần đuôi tàu" - mang tính mô tả khi sử dụng cho các sản phẩm tàu, thuyền thuộc nhóm 12; "X" là một chữ cái không có khả năng phân biệt. Khi kết hợp ký tự "X" và "STERN" bằng dấu "-", nhãn hiệu đăng ký trở thành một cụm từ tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và cách phát âm.

Mặc dù chủ nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1091960 đã có văn bản cho phép chủ nhãn hiệu đăng ký đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐQT số 1254167 tại Việt Nam, tuy nhiên vì hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn nên Thư đồng ý của chủ nhãn hiệu đối chứng chưa đủ cơ sở pháp lý để vượt qua lý do từ chối đối với đơn quốc tế số 1254167.

Các chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp chưa đủ cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1254167 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/25 HBN23 ngày 23/6/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1254167.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ulstein Group ASA có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ulstein Group ASA (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159608/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MK ILLumination Handels GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2015-00167 ngày 25/02/2015 của MK ILLumination Handels GmbH; địa chỉ: Trientlgasse 70 A-6020 Innsbruck Austria; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1176731 theo Thông báo số 2013/42 LMT21 ngày 24/10/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5441/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MK ILLumination Handels GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu 

(MK ILLUMINATION) theo ĐQT số 1176731 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 11410. MK Illumination Handels GmbH khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "MK ILLUMINATION" theo ĐQT số 1176731 với các lập luận như sau:

- Người nộp đơn đề nghị Quý Cục cho bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "mk" và "ILLUMINATION".

- Đối với nhãn hiệu đối chứng 

bảo hộ theo GCNĐKNH số 11410 gồm hai hình chữ nhật đồng tâm được bo tròn bốn góc, trong có chữ "MK" viết in hoa nằm trong hình oval. Nhãn hiệu xin đăng ký gồm chữ "mk" viết in thường nằm trong hình cung, dưới là chữ "ILLUMINATION". Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ tổng thể, Không bảo hộ riêng "MK". Do đó, xét về tổng thể, nhãn hiệu xin đăng ký có cách trình bày khác biệt với nhãn hiệu đối chứng nên chúng có khả năng phân biệt với nhau.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi

là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký gồm chữ "mk" viết in thường nằm trong hình cánh cung, phía dưới là chữ "ILLUMINATION", trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng gồm hai hình chữ nhật đồng tâm được bo tròn bốn góc, bên trong có chữ "MK" viết in hoa, nằm trong hình oval. Trong hai nhãn hiệu nêu trên, phần chữ "mk", "MK" là hai chữ cái không đọc được như một từ, không có khả năng phân biệt; "ILLUMINATION" là từ tiếng Anh có nghĩa là sự chiếu sáng nên bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt khi sử dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 11. Trên cơ sở xem xét tổng thể, có thể thấy hai nhãn hiệu có sự khác biệt về cấu trúc và hình thức thể hiện. Do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1176731, không áp dụng quy định tại điểm a, c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/42 LMT21 ngày 24/10/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1176731.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1176731, không bảo hộ riêng "mk", "ILLUMINATION".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MK ILLumination Handels GmbH (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159609/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1166512 của Hyundai Motor Company (KR) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực tại Việt Nam.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

DTX488

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2014-01085 ngày 29/10/2014 của Hyundai Motor Company; địa chỉ: 231, Yangjae-Dong, Seocho-Gu, Seoul, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến.

Lý do đình chỉ: Đăng ký quốc tế số 1166512 đã hết hiệu lực từ ngày

22/4/2023 và không được gia hạn tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Hyundai Motor Company (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159610/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CIVIDINI S.r.l.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2017-00222 ngày 02/3/2017 của CIVIDINI S.r.l.; địa chỉ: Via Mazzucotelli, 4-6/a, I-24020 Gorle (BG), Italy; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-13259 ngày 13/06/2014 theo Quyết định số 85634/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5469/BC-TTKN

ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CIVIDINI S.r.l. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CIVIDINI" đăng ký theo đơn số 4-2014-13259 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 228821. Trong Công văn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung, người nộp đơn đề nghị xem xét cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký trên cơ sở kết quả đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng. Tại Quyết định số 85634/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016 về việc từ chối cấp GCNĐKNH, Cục Sở hữu trí tuệ giữ nguyên quan điểm từ chối vì cho đến thời điểm ban hành Quyết định từ chối, đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng vẫn chưa có kết quả cuối cùng. Trong đơn khiếu nại, người nộp đơn đề nghị xem xét chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký sau khi có kết quả của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 228821. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 228821 có đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2014-00171 (nộp ngày 11/8/2014). Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2017-00222, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-13259.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-13259 ngày 13/06/2014.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 85634/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-13259 ngày 13/06/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13259 ngày 13/06/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CIVIDINI S.r.l. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159611/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Thị Hàm Uyên
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2019-00809 ngày 09/12/2019 của Ông/Bà Nguyễn Thị Hàm Uyên; địa chỉ: 43/8 Nguyễn Văn Tố, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư A Hoà; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-13164 ngày 26/05/2015 theo Quyết định số 77062/QĐ-SHTT ngày 10/9/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5478/BC-TTKN

ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Thị Hàm Uyên với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PROBEN" đăng ký theo đơn số 4-2015-13164 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "PROBAN" theo GCNĐKNH số 9698. Người khiếu nại đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vì nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt, hai nhãn hiệu có chung tiền tố "PRO" nhưng thành phần "PRO" đã được sử dụng thường xuyên nên khả năng phân biệt yếu, thành phần phân biệt chính là "BEN", "BAN" được phát âm và có ý nghĩa khác nhau. Trên thực tế có nhiều nhãn hiệu tương tự đã được cấp GCNĐKNH. Người nộp đơn đã nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực đối với nhãn hiệu đối chứng theo đơn số ĐN1-2017-00042 vào ngày 22/2/2017.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 9698. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 9698 có đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2017-00042 nộp ngày 22/02/2017 (trước thời điểm ban hành Quyết định số 77062/QĐ-SHTT ngày 10/9/2019 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn số 4-2015-13164. Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2019-00809, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2015-13164.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2015-13164 ngày 26/05/2015.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 77062/QĐ-SHTT ngày 10/9/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-13164 ngày 26/05/2015.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-13164 ngày 26/05/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Nguyễn Thị Hàm Uyên (qua Văn phòng Luật sư A Hoà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159612/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BDR Pharmaceuticals International Pvt Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2016-00976 ngày 25/11/2016 của BDR Pharmaceuticals International Pvt Ltd.; địa chỉ: 407/408 Sharda Chambers, 15 New Marine Lines, Mumbai - 400020, India; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH BIZCONSULT; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-14440 ngày 03/07/2012 theo Quyết định số 53120/QĐ-SHTT ngày 25/8/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5482/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BDR Pharmaceuticals International Pvt Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BDCLOPI" đăng ký theo đơn số 4-2012-14440 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 208350. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký và sớm giải quyết đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2014-00119.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 208350. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 208350 có đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2014-00119 (nộp ngày 11/6/2014). Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2016-00976, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2012-14440.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2012-14440 ngày 03/07/2012.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 53120/QĐ-SHTT ngày 25/8/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-14440 ngày 03/07/2012.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-14440 ngày 03/07/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BDR Pharmaceuticals International Pvt Ltd. (qua Công ty Luật TNHH BIZCONSULT) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159613/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PTT Public Company Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2016-01040 ngày 28/12/2016 của PTT Public Company Limited; địa chỉ: No. 555 Vibhavadi Rangsit Road, Chatuchak Sub-district, Chatuchak District, Bangkok 10900, Thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-28431 ngày 29/11/2013 theo Quyết định số 67517/QĐ-SHTT ngày 24/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5481/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PTT Public Company Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Hình" đăng ký theo đơn số 4-2013-28431 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 191326. Người nộp đơn đề nghị tạm dừng xem xét đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-28431 cho đến khi có kết quả của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng (Đơn số ĐN1-2015-222).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 191326. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 191326 có đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2015-00222 (nộp ngày 19/10/2015). Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2016-01040, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2013-28431.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2013-28431 ngày 29/11/2013.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 67517/QĐ-SHTT ngày 24/10/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-28431 ngày 29/11/2013.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-28431 ngày 29/11/2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PTT Public Company Limited (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159614/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của L'OREAL, Société Anonyme
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2016-00564 ngày 23/6/2016 của L'OREAL, Société Anonyme; địa chỉ: 14 Rue Royale, 75008 PARIS - France; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-02197 ngày 27/01/2014 theo Quyết định số 16531/QĐ-SHTT ngày 25/3/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5522/BC-

TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của L'OREAL, Société Anonyme với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "essie" theo đơn số 4-2014-02197 bị từ chối theo Điều 74.2e vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 122561. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do: Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu nổi tiếng, được sử dụng và thừa nhận rộng rãi trên toàn thế giới và tại Việt Nam trước thời điểm nộp đơn của nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đối chứng không đáp ứng điều kiện bảo hộ và người nộp đơn đang tiến hành thủ tục yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nhãn hiệu đối chứng. Bên cạnh đó, chủ nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho chủ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 122561. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 122561 có đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2014-00016 nộp ngày 27/01/2014 và đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2014-00075 nộp ngày 10/4/2014. Như vậy, cả hai đơn nêu trên đều được nộp trước thời điểm ban hành Quyết định số 16531/QĐ-SHTT ngày 25/3/2016 về việc từ chối cấp GCNĐKNH. Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực và đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 122561 đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực và đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2016-00564, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-02197.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-02197 ngày 27/01/2014.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 16531/QĐ-SHTT ngày 25/3/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-02197 ngày 27/01/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-02197 ngày 27/01/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và L'OREAL, Société Anonyme (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159615/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Andis Company
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2020-00646 ngày 29/7/2020 của Andis Company; địa chỉ: 1800 Renaissance Blvd., Sturtevant, WI 53177, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-35506 ngày 09/11/2016 theo Quyết định số 36895/QĐ-SHTT ngày 28/5/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5510/BC-TTKN

ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Andis Company với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "andis" đăng ký theo đơn số 4-2016-35506 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 293164. Người nộp đơn đề nghị sớm giải quyết đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2019-328 và xem xét bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký sau khi có Quyết định giải quyết yêu cầu hủy bỏ hiệu lực.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 293164. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 293164 có đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2019-328 nộp ngày 01/11/2019 - trước thời điểm ban hành Quyết định số 36895/QĐ-SHTT ngày 28/5/2020 về việc từ chối cấp GCNĐKNH. Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2020-00646, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2016-35506.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2016-35506 ngày 09/11/2016.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 36895/QĐ-SHTT ngày 28/5/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-35506 ngày 09/11/2016.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-35506 ngày 09/11/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Andis Company (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159616/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Dell Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00007 ngày 06/01/2017 của Dell Inc.; địa chỉ: One Dell Way, Round Rock, Texas 78682, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-04476 ngày 12/03/2013 theo Quyết định số 65450/QĐ-SHTT ngày 13/10/2016;

DTX488

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5517/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Dell Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DELL, hình" đăng ký theo đơn số 4-2013-04476 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 128980 và không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo Điều 74.2a. Người khiếu nại đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vì lý do: Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi, được coi là nổi tiếng trên thế giới và Việt Nam. Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân cao và đang bị xem xét chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2014-00145.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2a và Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ (vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 128980). Tuy nhiên, GCNĐKNH số 128980 có đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2014-00145 nộp ngày 18/7/2014 - trước thời điểm ban hành Quyết định số 65450/QĐ-SHTT ngày 13/10/2016 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn số 4-2013-04476. Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2017-00007, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2013-04476.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2013-04476 ngày 12/03/2013.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 65450/QĐ-SHTT ngày 13/10/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-04476 ngày 12/03/2013.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-04476 ngày 12/03/2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Dell Inc. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159617/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cotti Coffee International Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00104 ngày 07/3/2025 của Cotti Coffee International Limited; địa chỉ: Room 2609, China Resources Building, 26 Harbour Road, Wanchai, Hong Kong; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2023-18039 theo Quyết định số 10231/QĐ-

SHTT.JP ngày 24/01/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5656/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cotti Coffee International Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu @COTTI COFFEE đăng ký theo đơn số 4-2023-18039 bị từ chối chấp nhận bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì bị xem là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu 

theo GCNĐKNH số 493229. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đối chứng gồm 08 ký tự, kết hợp gồm phần chữ "Côti Café" được trình bày cách điệu và phần hình mặt trời nổi bật có màu cam, trong khi đó nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "@COTTI COFFEE" gồm 12 ký tự được trình bày in hoa toàn bộ theo phông chữ thông thường, trong đó phần chữ "@COTTI" tại nhãn hiệu đăng ký có thành phần tiền tố "@" và "COT" khác biệt với thành phần "Cô" tại nhãn hiệu đối chứng. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký có cách đọc, ý nghĩa và ấn tượng tổng thể phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

- Nhãn hiệu đăng ký đã đạt được mức độ nhận diện, trở nên phổ biến đối với người tiêu dùng liên quan, bao gồm thị trường Việt Nam nên khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn giữa các sản phẩm/dịch vụ của một thương hiệu đã được sử dụng rộng rãi trên thị trường với sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu của một chủ sở hữu Việt nam là không xảy ra trên thực tế.

- Nhãn hiệu đăng ký và một số nhãn hiệu biến thể tương tự đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới, có thể kể đến như: UAE, Mexico, Thái Lan, Đức, Thụy Sỹ, Vương quốc Anh, Australia, Indonesia, Ai Cập, New Zealand,…

- Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ đồng thời cho nhiều nhãn hiệu có tính chất tương tự trường hợp của nhãn hiệu đăng ký, cụ thể các nhãn hiệu chỉ khác biệt một ký tự và/hoặc các nhãn hiệu có thành phần giống nhau nhưng nằm trong một tổng thể kết hợp tạo sự khác biệt, dưới tên các chủ sở hữu khác nhau.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "@COTTI COFFEE" là sự kết hợp của hai thành phần "@COTTI" và "COFFEE", nhãn hiệu đối chứng cũng là sự kết hợp của hai thành phần "Côti" và "Café", trong đó, "@COTTI" và "Côti" có 4/5 ký tự trùng nhau, "COFFEE" và "Café" trùng về ý nghĩa. Sự khác nhau ở ký tự "T" giữa "CO" và "-TI" trong nhãn hiệu đăng ký không tạo nên sự khác biệt cho hai nhãn hiệu về cách phát âm.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Cả hai nhãn hiệu đều đăng ký cho các dịch vụ trùng/tương tự nhau thuộc nhóm 43.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc và cách phát âm, trong khi lại đăng ký cho dịch vụ trùng/tương tự nhau thuộc nhóm 43 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2023-18039 ngày 08/05/2023 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 10231/QĐ-SHTT.IP ngày 24/01/2025 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2023-18039 ngày 08/05/2023.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cotti Coffee International Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng

Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cotti Coffee International Limited (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159618/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của LEGACY DECOR
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00073 ngày 10/02/2025 của LEGACY DECOR; địa chỉ: 1201 E. Ball Rd, Ste X, Anaheim, CA 92805, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-08446 theo Quyết định số 128895/QĐ-SHTT.IP ngày 11/11/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5668/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của LEGACY DECOR với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu **LEGACY DECOR** đăng ký theo Đơn số 4-2021-08446 bị từ chối chấp nhận bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì bị xem là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu 

theo GCNĐKNH số 500123 và nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 367070. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đối chứng gồm 06 ký tự, được trình bày theo phông chữ cách điệu với hiệu ứng phản chiếu, trong khi đó nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "LEGACY DECOR" gồm 11 ký tự được trình bày in hoa theo phông chữ thông thường, trong đó "LEGACY" tại nhãn hiệu đăng ký có thành phần hậu tố "-CY" khác biệt với thành phần "-XI" tại nhãn hiệu đối chứng. Ngoài ra, thành phần "DECOR" đi kèm với "LEGACY" tại nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn làm giảm khả năng nhầm lẫn.

- Hàng hóa "đồ đạc" thuộc nhóm 20 tại nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có phạm vi rộng, tuy nhiên khi xem xét về bản chất, mục đích sử dụng, lĩnh vực sử dụng, đối tượng khách hàng, kênh phân phối và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của chủ sở hữu, các hàng hóa thực tế (giường, bàn ghế và tấm ngăn/chia phòng) thuộc nhóm 20 mang nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn phân biệt với các hàng hóa thực tế (băng dán đồ đạc, băng dán trang trí, đồ trang trí bằng chất dẻo, các tác phẩm nghệ thuật, giá để đồ) thuộc nhóm 20 mang nhãn hiệu đối chứng.

- Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ đồng thời cho nhiều nhãn hiệu có tính chất tương tự trường hợp của nhãn hiệu đăng ký, cụ thể đều có sự tương tự về một thành phần trong nhãn hiệu cho các nhóm hàng hóa đăng ký trùng, dưới tên các chủ sở hữu khác nhau.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký

có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "LEGACY DECOR" được tạo bởi hai thành phần "LEGACY" và "DECOR", trong đó, "DECOR" là từ tiếng Anh có nghĩa là "trang trí nội thất" nên bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả khi sử dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 20 trong danh mục sản phẩm đăng ký; phần chữ "LEGACY" là thành phần có khả năng phân biệt chính, trùng về cách phát âm /le/ga/xi/ với các nhãn hiệu đối chứng. Sự khác nhau ở ký tự "Y" và "I" không tạo nên sự khác biệt cho hai nhãn hiệu về cách phát âm.

- Về sản phẩm: Các sản phẩm thuộc nhóm 20 mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về chức năng, mục đích sử dụng và kênh thương mại.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, trùng về cách phát âm, trong khi lại đăng ký cho sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 20 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu nêu trên có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-08446 ngày 11/03/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 128895/QĐ-SHTT.IP ngày 11/11/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-08446 ngày 11/03/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, LEGACY DECOR có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và LEGACY DECOR (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159619/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Noumi Plant IP Pty Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN5-2024-00950 ngày 25/12/2024 của Noumi Plant IP Pty Ltd; địa chỉ: 80 Box Road Caringbah NSW 2229; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1584565 theo Quyết định số 133580/QĐ-SHTT.IP ngày 19/11/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5661/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Noumi Plant IP Pty Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MILKLAB" đăng ký theo ĐQT số 1584565 bị từ chối chấp nhận bảo hộ theo quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu tri tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký là một từ tự đặt viết liền, được viết theo kiểu chữ in hoa, không có nghĩa trong bất kỳ ngôn ngữ trên thế giới, theo đó không mang ý nghĩa mô tả hay chỉ dẫn gây nhầm lẫn hoặc hiểu sai lệch đối với người tiêu dùng. Ngoài ra, theo Từ điển Oxford, từ "milk" có nghĩa là "sữa" nhưng từ "lab" có nghĩa là "phòng thí nghiệm", hơn nữa, ý tưởng thiết kế nhãn hiệu của người nộp đơn "lab" được lấy từ "colLABorative" có nghĩa là "hợp tác". Hai cụm từ "phòng thí nghiệm sữa" hay "hợp tác sữa" đều không mang lại giá trị ý nghĩa hiển nhiên để mô tả đặc điểm tính chất của hàng hóa. Bên cạnh đó, Cục Sở hữu trí tuệ cũng chấp thuận bảo hộ các nhãn hiệu có chứa yếu tố "MILK" cho các hàng hóa thuộc nhóm 29 và 32 và yếu tố "LAB" trong tổng thể. Do đó, tổng thể nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 73.5 và Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

- Các hàng hóa thuộc nhóm 29 và 32 là đồ uống thường được mua sắm theo nhu cầu và sở thích, có ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng nên xu hướng chung khi lựa chọn sản phẩm sẽ quan tâm đến đơn vị sản xuất và quốc gia xuất xứ, thành phần, hàm lượng calo bên cạnh yếu tố nhãn hiệu. Trong khi đó, người nộp đơn luôn cam kết đưa các thông tin chính xác, trung thực tới người tiêu dùng và các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký đã và đang được sử dụng tại Việt Nam và đóng góp rất nhiều tác động tích cực đối với sức khỏe cộng đồng.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thới giới như Hoa Kỳ, Singapore, Samoa, Philippines, ...

- Mặc khác, Cục Sở hữu trí tuệ cũng chấp thuận bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu có sự tương tự với nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây

nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "MILKLAB" được kết hợp bởi hai từ "MILK" (có nghĩa là sữa) và "LAB" (là từ viết tắt của "Laboratory" có nghĩa là Phòng thí nghiệm). Cụm từ "MILKLAB" được hiểu là "Phòng thí nghiệm sữa" nên bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả đối với các sản phẩm liên quan đến sữa trong nhóm 29 và 32. Nhãn hiệu đăng ký cũng có thể khiến cho người tiêu dùng hiểu sai lệch, nhầm lẫn đối với các sản phẩm không liên quan đến sữa trong nhóm 29 và 32. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ tại Điều 73.5 và 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1584565 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 133580/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 19/11/2024 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1584565.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Noumi Plant IP Pty Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Noumi Plant IP Pty Ltd (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159620/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần công nghệ trực tuyến SKYSOFT
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2012-00890 ngày 18/9/2012 của Công ty cổ phần công nghệ trực tuyến SKYSOFT; địa chỉ: P.503- khối 1, nhà C6, khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-07282 ngày 21/04/2011 theo Quyết định số 49115/QĐ-SHTT ngày 31/8/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5524/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần công nghệ trực tuyến SKYSOFT với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NAVIBOX, hình" đăng ký theo đơn số 4-2011-07282 bị từ chối vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung và nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 185414 và 153696. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do đã nộp đơn số ĐN1-2012-00100 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực đối với GCNĐKNH số 185414.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 185414 và 153696.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153696: Nhãn hiệu đăng ký là dòng chữ "NAVIBOX" không có nghĩa, trong đó chữ "NAVI" màu xanh, dấu của chữ "I" được cách điệu với hình sóng vô tuyến phía trên, chữ "O" cách điệu bởi hình địa cầu và đặt dưới cùng là dòng chữ tiếng Anh có nghĩa là "hệ thống định vị toàn cầu". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng số 153696 là sự kết hợp giữa "V" và "NAVI" với hình tia chớp cách điệu ở giữa. Như vậy, hai nhãn hiệu nêu trên mặc dù đều có phần chữ "NAVI" nhưng có sự khác biệt về cấu trúc, hình thức thể hiện và cách phát âm. Do đó, mặc dù được sử dụng cho các sản phẩm, dịch vụ bị coi là tương tự nhưng hai nhãn hiệu nêu trên không tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 185414: GCNĐKNH nêu trên có đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2012-00100 nộp ngày 13/8/2012 - trước thời điểm ban hành Quyết định số 49115/QĐ-SHTT ngày 31/8/2012 về việc từ chối cấp GCNĐKNH. Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2012-00890, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2011-07282.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2011-07282 ngày 21/04/2011.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 49115/QĐ-SHTT ngày 31/8/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-07282 ngày 21/04/2011.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-07282 ngày 21/04/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần công nghệ trực tuyến SKYSOFT có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159621/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của F.O. Bags GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2018-00005 ngày 03/01/2018 của F.O. Bags GmbH; địa chỉ: Venloer Strabe 241-245 50823 Koln Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1317673 theo Thông báo số 2016/44 VTB37 ngày 28/9/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5563/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của F.O. Bags GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu “  ” đăng ký cho nhóm 16, 18, 25 theo ĐQT 1317673 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu không có khả năng phân biệt vì là hình học đơn giản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do bản thân nhãn hiệu đăng ký có khả năng tự phân biệt, cụ thể là:

- Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu hình có khả năng phân biệt, không phải là hình học đơn giản. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký gồm hai hình tròn màu xanh đen và đỏ nằm cạnh nhau; các màu đều tô đậm, không rỗng, không phải là hình tròn đơn giản thông thường.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp thuận đăng ký tại Nhật Bản, New Zealand, Australia, Cộng đồng châu âu, Na Uy, Iceland, Thuỵ sỹ...

- Có nhiều nhãn hiệu hình tương tự được chấp thuận đăng ký tại Việt Nam.

Do đó, chủ đơn đề nghị bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 1317673.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: “Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu”.

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu  đăng ký cho nhóm 16, 18 và 25 theo ĐQT số 1317673 chỉ bao gồm 2 hình tròn màu đen và màu đỏ không cách điệu, không có tính độc đáo nên bị coi là hình học đơn giản theo Điều 74.2a Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1317673 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/44 VTB37 ngày 28/9/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1317673.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, F.O. Bags GmbH có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và F.O. Bags GmbH (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159622/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Phan Văn Thanh Sơn
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00006 ngày 03/01/2025 của Ông/Bà Phan Văn

NAT779 *Thanh Sơn; địa chỉ: 121B ấp 4, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-00204 theo Quyết định số 125172/QĐ-SHTT.IP ngày 29/10/2024;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5665/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Phan Văn Thanh Sơn với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RHINO, hình" 

đăng ký theo đơn số 4-2019-00204 ngày 03/01/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "RHINO, hình" 

đang được bảo hộ theo GCNĐKNH số 114845 và "RHINO, hình" 

đang được bảo hộ theo đơn đăng ký quốc tế (ĐQT) số 554060, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng vì được đăng ký cho các hàng hóa khác nhau, không tương tự nhau. Cụ thể: Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký gồm: "Sơn nước, sơn tường, sơn epoxy" nhóm 02; "Khoá kim loại (không phải là khóa điện), đinh rút, vít tự khoan" nhóm 06 và "Khóa điện tử, khóa điện" nhóm 09 khác hoàn toàn với các hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng đang được bảo hộ theo GCNĐKNH số 114845 và ĐQT số 554060.

Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-00204 ngày 03/01/2019.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Hàng hóa "Sơn nước; sơn tường; sơn epoxy" nhóm 02 mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với các hàng hóa như "vữa dùng trong xây dựng; vôi" nhóm 19 mang nhãn hiệu đối chứng "RHINO, hình" theo GCNĐKNH số 114845 vì có cùng chức năng, mục đích sử dụng trong xây dựng và kênh phân phối. Trong khi đó, các hàng hóa "Khoá kim loại (không phải là khóa điện); đinh rút; vít tự khoan" nhóm 06 và "Khóa điện tử; khóa điện" nhóm 09 mang nhãn hiệu đăng ký và các hàng hóa như "đinh và ốc ít (clous et vis); khóa/nghề làm khóa (serrurerie)" và "thiết bị điện (Appareils électriques)" mang nhãn hiệu đối chứng theo ĐQT số 554060 tương tự nhau vì là các hàng hóa cùng loại có cùng bản chất và/hoặc chức năng, mục đích sử dụng và được phân phối theo cùng một phương thức.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng cùng sử dụng dấu hiệu có khả năng phân biệt "RHINO" trùng nhau đăng ký cho các hàng hóa tương tự nhau có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-00204 ngày 03/01/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 125172/QĐ-SHTT.IP ngày 29/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-00204 ngày 03/01/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Phan Văn Thanh Sơn có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Phan Văn Thanh Sơn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159623/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Blue Diamond Growers
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00051 ngày 22/01/2025 của Blue Diamond Growers; địa chỉ: 1802 c Street, Sacramento, California 95811, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T Invenmark SHTT Quốc tế; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-03010 ngày 19/02/2014 theo Quyết định số 123982/QĐ-SHTT.IP ngày

25/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5560/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Blue Diamond Growers với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BLUE DIAMOND, hình" đăng ký theo đơn số 4-2014-03010 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 153604. Người nộp đơn đề nghị xem xét bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký sau khi có Quyết định giải quyết yêu cầu hủy bỏ hiệu lực.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153604. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 153604 có đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2015-00189 nộp ngày 14/8/2015 - trước thời điểm ban hành Quyết định số 123982/QĐ-SHTT.IP ngày 25/10/2024 về việc từ chối cấp GCNĐKNH. Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2025-00051, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-03010.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-03010 ngày 19/02/2014.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 123982/QĐ-SHTT.IP ngày 25/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-03010 ngày 19/02/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-03010 ngày 19/02/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Blue Diamond Growers (qua Công ty TNHH T&T Invenmark SHTT Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159624/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kia Motors Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-00299 ngày 15/3/2017 của Kia Motors Corporation; địa chỉ: Yangjae-dong, 12, Heolleung-ro, Seocho-gu, Seoul 137-938, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1262410 theo Thông báo số 2015/33 HBN12 ngày 17/8/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5646/BC-

TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kia Motors Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FLC Family-like Care" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1262410 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì không có khả năng phân biệt theo Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 250122 theo quy định tại e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký gồm hai hàng chữ "FLC" màu đỏ nằm ở hàng trên và dòng chữ "Family-like care" màu đen nằm ngay phía dưới chữ FLC.

- Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về hình thức thể hiện, cấu trúc nhãn hiệu, cách phát âm và sản phẩm, dịch vụ đăng ký:

+ Về hình thức thể hiện và cấu trúc nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu màu sắc, gồm tập hợp hai chữ FLC và dòng chữ Family-like care đặt thành hai hàng ngang, phía trên góc phải của chữ C còn có dấu chữ thập nửa đỏ nửa trắng, trong khi nhãn đối chứng gồm 3 chữ cái FLC, mỗi chữ được đứng trong 1 hình chữ nhật.

+ Về ý nghĩa: Nhãn hiệu đăng ký có nghĩa là "FLC-chăm sóc như gia đình", trong khi nhãn hiệu đối chứng là "FLC-tập đoàn, vững niềm tin, bền ý chí".

+ Về danh mục sản phẩm, dịch vụ đăng ký: Công ty cổ phần tập đoàn FLC-chủ nhãn hiệu đối chứng là một tập đoàn nổi tiếng trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Trong khi KIA MOTORS CORPORATION - chủ nhãn hiệu đăng ký là một tập đoàn nổi tiếng về sản xuất các loại xe ô tô của Hàn Quốc mà hầu như người dân Việt Nam nào cũng biết đến vì các dòng xe của tập đoàn này được ưa chuộng và phổ biến ở Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là

nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của các thành phần "FLC", "Family-like Care" và hình chữ thập, trong đó, phần chữ "Family-like Care" có nghĩa là "Sự quan tâm, chăm sóc như gia đình" - mang tính mô tả và không có khả năng phân biệt; phần chữ "FLC" được thể hiện với kích thước lớn, chiếm vị trí chủ đạo trong dấu hiệu, tác động mạnh đến ấn tượng thị giác và khả năng nhận biết của người tiêu dùng, phần chữ nêu trên có các ký tự trùng với thành phần chính "FLC" trong nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 250122. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự về cấu trúc và cách phát âm.

- Về sản phẩm, dịch vụ: Các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 12 và 37 mang hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc và cách phát âm, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau thuộc nhóm 12 và 37 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1262410 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/33 HBN12 ngày 17/8/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1262410.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Kia Motors Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kia Motors Corporation (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159625/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Jurlique International Pty Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2008-00714 ngày 27/11/2008 của Jurlique International Pty Ltd; địa chỉ: 52-54 Oborn Road MOUNT BARKER SA 5251 AUSTRALIA; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 930145 theo Thông báo số 727ANH/2008 ngày 07/8/2008;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5642/BC-

TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Jurlique International Pty Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "JURLIQUE" đăng ký theo ĐQT số 930145 có Thông báo tạm thời từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 191436. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do:

-Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có khả năng phân biệt về cấu trúc, cách phát âm, cụ thể là: Hai nhãn hiệu không tương đồng về số lượng chữ cái và khác biệt ở phần đầu nhãn hiệu "JUR", "JA-". Nhãn hiệu đăng ký được phát âm là /ju/lic/, còn nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /ja/lic/. Hơn nữa, người tiêu dùng khi mua các sản phẩm mỹ phẩm thường xem xét rất kỹ lưỡng nên khó có thể nhầm lẫn hai nhãn hiệu nêu trên.

-Hậu tố "lique" được dùng khá phổ biến trong các nhãn hiệu được bảo hộ cho nhóm 03.

-Nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới và có danh tiếng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký "JURLIQUE" có 6/8 ký tự trùng với thành phần chính "JALIQUE" trong nhãn hiệu đối chứng và được phát âm tương tự nhau là /jur/leek/, /ja/leek/. Sự khác nhau ở hai ký tự "UR" (trong nhãn hiệu đăng ký) và "A" (trong nhãn hiệu đối chứng) cũng như thành phần "Parfums" (có nghĩa là nước hoa) trong nhãn hiệu đối chứng không đủ để tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện so với nhãn hiệu đối chứng. Mặt khác, hai nhãn hiệu được sử dụng cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 03 nên có thể khiến cho người tiêu dùng tưởng lầm hai

nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc.

Tuy nhiên, ĐKQT số 191436 đã chấm dứt hiệu lực từ ngày 14/3/2016 nên nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐKQT số 191436 không còn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 930145.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 930145, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 727ANH/2008 ngày 07/8/2008 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 930145.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 930145.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Jurlique lnternational Pty Ltd (qua Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159626/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PTT Public Company Limited.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2015-00095 ngày 30/01/2015 của PTT Public Company Limited.; địa chỉ: 555 Vibhavadi-Rangsit Road, Khwaeng Ladyao, Khet Chatuchak, Bangkok 10900 THAILAND; đại diện bởi: Công ty TNHH INVESTPRO và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2009-25055 theo Quyết định số 66136/QĐ-SHTT ngày 31/10/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5634/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PTT Public Company Limited. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Café Amazon [Amazon: người đàn bà có vóc dáng đàn ông, café], hình" theo đơn số 4-2009-25055 bị từ chối phần chữ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 751641, 756850 và đăng bạ quốc gia số 36806. Người nộp đơn không đồng ý với quyết định này và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên, với lý do nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt, cụ thể như sau:

- Khả năng phân biệt của nhãn hiệu: Nhãn hiệu là sự kết hợp của phần chữ "Café" màu trắng và "Amazon" màu vàng, ngoài ra có hình con vẹt. Đây là một sáng tạo độc đáo, không sao chép và cần được xem xét về mặt tổng thể. Phần chữ tiếng Thái là ngôn ngữ không thông dụng nhưng cần xem xét tổng thể nhãn hiệu.

- Không tương tự với nhãn hiệu đối chứng:

+ Về chữ viết và thiết kế: Nhãn hiệu đăng ký có thiết kế đặc biệt, màu sắc và hình con vẹt, khác biệt rõ rệt với các nhãn hiệu đối chứng chỉ là chữ đơn thuần.

+ Về phát âm: Nhãn hiệu đăng ký được phát âm là /ca/fe/a/ma/zon/, trong khi nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /a/ma/zon/, /a/ma/zon/đot/com/.

Tổng thể nhãn hiệu tạo nên sự khác biệt rõ rệt. Do đó, người tiêu dùng có thể phân biệt nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu đối chứng "AMAZON", "AMAZON.COM".

- Nhãn hiệu đã được đăng ký và sử dụng tại nhiều quốc gia (Thái Lan, Campuchia, Myanmar, Lào, Singapore, Indonesia), cùng tồn tại với các nhãn hiệu đối chứng mà không gây nhầm lẫn.

- Khác biệt danh mục sản phẩm/dịch vụ: Dù có thể trùng một số nhóm, nhưng danh mục sản phẩm/dịch vụ cụ thể giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng là khác nhau, không gây nhầm lẫn.

- Không mang tính mô tả & trung thực: "Amazon" (tên con sông), không mô tả trực tiếp sản phẩm/dịch vụ, người nộp đơn với sự trung thực, không có ý định sao chép.

Với các lý do nêu trên, người nộp đơn khẳng định nhãn hiệu có khả năng phân biệt cao và phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Trong nhãn hiệu đăng ký, phần chữ được thể hiện với kích thước lớn và chiếm vị trí chủ đạo, được tạo thành bởi chữ "Café", "Amazon" và phần chữ tiếng Thái. Trong các thành phần nêu trên, phần chữ "Café" mang tính mô tả và phần chữ tiếng Thái là ngôn ngữ không thông dụng, không có khả năng phân biệt; thành phần còn lại "Amazon" được xem là thành phần có khả năng phân biệt chính của nhãn hiệu đăng ký, thành phần này tương tự về cấu trúc và cách phát âm với các nhãn hiệu đối chứng "Amazon", "amazon", "AMAZON.COM". Hơn nữa, cả nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều đăng ký cho những sản phẩm tương tự nhau liên quan đến cà phê thuộc các nhóm 21, 30, 43. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cách phát âm và cấu trúc, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2009-25055 ngày 18/11/2009 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 66136/QĐ-SHTT ngày 31/10/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-25055 ngày 18/11/2009.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, PTT Public Company Limited. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PTT Public Company Limited. (qua Công ty TNHH INVESTPRO và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159627/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Masan
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2022-01138 ngày 26/9/2022 của Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Masan; địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-30455 ngày 09/08/2019 theo Quyết định số 54405/QĐ-SHTT ngày 28/6/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5629/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Masan với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "THANH XUÂN" đăng ký theo đơn số 4-2019-30455 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 277112. Người khiếu nại đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vì lý do: Nhãn hiệu đối chứng đang có yêu cầu chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2022-00066 và kết quả của đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực có thể làm thay đổi kết quả thẩm định đơn số 4-2019-30455. Ngoài ra người nộp đơn cho rằng sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng không tương tự.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 277112. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 277112 có đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2022-00066 nộp ngày 23/3/2022 - trước thời điểm ban hành Quyết định số 54405/QĐ-SHTT ngày 28/6/2022 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn số 4-2019-30455. Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2022-01138, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-30455.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-30455 ngày 09/08/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 54405/QĐ-SHTT ngày 28/6/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-30455 ngày 09/08/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-30455 ngày 09/08/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Masan (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159628/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của AbbVie Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2022-00065 ngày 17/01/2022 của AbbVie Inc.; địa chỉ: 1 N. Waukegan Road, North Chicago, IL 60064, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-10492 theo Quyết định số 80832/QĐ-SHTT ngày 25/10/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5534/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của AbbVie Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu SYNAGIS theo đơn số 4-2018-10492 (nhãn hiệu đăng ký) đã bị từ chối bảo hộ cho nhóm 05 theo Quyết định số 80832/QĐ-SHTT ngày 25/10/2021 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn nhãn hiệu SYNALIS theo GCNĐKNH số 99605 (nhãn hiệu đối chứng), căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn khiếu nại việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý do và lập luận như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về mặt dấu hiệu.

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng mặc dù có chung yếu tố "SYNA" nhưng yếu tố này đã được sử dụng thông dụng trong các nhãn hiệu đã đăng ký cho nhóm 5 tại Việt Nam dưới tên các chủ sở hữu khác nhau và sự trùng lặp ở thành phần này không đủ để gây ra sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng liên quan. Do đó, sự khác nhau ở phần hậu tố "LIS" và "GIS" đủ mạnh để giúp cho tổng thể hai nhãn hiệu là khác nhau.

- Ngoài ra, Cục SHTT đã chấp nhận đồng bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu có cấu trúc tương tự nhau cho các sản phẩm tương tự hoặc liên quan trong cùng nhóm 5, ví dụ như "SYNALGIN" (GCNĐKNH số 106818) với "SINNAGI" (GCNĐKNH số 324912), "SYNERGIS" (ĐKQT số 541147) với "SYNERGIA" (ĐKQT số 1301148).

Tương tự như vậy, yếu tố trùng lặp giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng không phải là yếu tố mạnh trong nhóm 5 và sự khác biệt ở yếu tố còn lại sẽ đủ giúp phân biệt hai nhãn hiệu với nhau. Để phù hợp và nhất quán với nguyên tắc cũng như thực tiễn xét nghiệm đã nêu của Cục SHTT, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký phải được coi là có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

- Người nộp đơn cho rằng không có sự nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng do sản phẩm mang nhãn hiệu

đăng ký là loại sản phẩm chuyên biệt, hoàn toàn khác với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng về bản chất, công dụng, thành phần, kênh phân phối và đối tượng tiêu dùng liên quan.

Trên thực tế, nhãn hiệu đối chứng chỉ được sử dụng cho các sản phẩm chứa Tadalafil – một loại dược phẩm dành riêng cho nam giới, chỉ định trong trường hợp bị rối loạn cương dương, được bán dưới dạng viên nén. Trong khi đó, các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là "kháng thể đơn dòng được nhân bản hóa để chống lại virus hợp bào hô hấp" chỉ được sử dụng bởi các bác sĩ hoặc những người có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực liên quan để tiêm cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ theo chỉ định và dưới giám sát chặt chẽ của bác sĩ, mà không phải là người tiêu dùng các sản phẩm "dược phẩm" thông thường. Do đó, khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng liên quan khó có thể xảy ra.

- Thêm vào đó, nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới. Vì vậy, người tiêu dùng không thể bị nhầm lẫn nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu khác, bao gồm các nhãn hiệu đối chứng.

Người nộp đơn đã đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2018-10492.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "SYNAGIS" và "SYNALIS" đều là từ tự tạo, không có nghĩa trong tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Hai dấu hiệu này có cấu trúc tương tự nhau khi đều bắt đầu bằng bốn ký tự "SYNA-" và kết thúc bằng âm tiết ngắn "-GIS"/"-LIS", trong đó có 6/7 ký tự trùng nhau và được sắp xếp theo thứ tự giống hệt. Sự khác biệt duy nhất nằm ở ký tự thứ năm ("G" và "L") không đủ để tạo ra ấn tượng thị giác hoặc thính giác khác biệt một cách rõ rệt. Trong điều kiện sử

dụng cho sản phẩm cùng loại là chế phẩm dược, sự tương đồng nêu trên có thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu. Do đó, nhãn hiệu "SYNAGIS" và "SYNALIS" bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-10492 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 80832/QĐ-SHTT ngày 25/10/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-10492 ngày 06/04/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, AbbVie Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và AbbVie Inc. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159633/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Boston Pharmaceutical, Inc
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2016-00496 ngày 26/5/2016 của Boston Pharmaceutical, Inc; địa chỉ: 12241 Sun Grove St, Garden Grove, CA 92840, United States of America; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-25319 ngày 21/10/2014 theo Quyết định số 29345/QĐ-SHTT ngày 23/5/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5186/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Boston Pharmaceutical, Inc với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2014-25319 ngày 21/10/2014 bị từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu và sản phẩm vì tương tự gây nhầm lẫn với Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 135134 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Chi nhánh Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-25319 với lý do như sau:

Chủ đơn đã nộp đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 135134 theo đơn số ĐN1-2013-00039H ngày 15/11/2013 với lý do nhãn hiệu này không được sử dụng tại thị trường Việt Nam trong ít nhất 05 năm liên tục kể từ thời điểm nộp đơn đề nghị chấm dứt.

Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 2047/QĐ-SHTT ngày 19/5/2016 chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu theo GCN ĐKNH số 135134.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 135134 đã bị chấm dứt hiệu lực do không được chủ sở hữu sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục tại Việt Nam, theo Quyết định số 2047/QĐ-SHTT ngày 19/5/2016 của Cục Sở hữu trí tuệ. Tại thời điểm người nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo đơn ĐN1-2013-00039H ngày 15/11/2013

là trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 29345/QĐ-SHTT ngày 23/5/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận phục hồi quá trình thẩm định nội dung cho đơn số 4-2014-25319 ngày 21/10/2014.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-25319 ngày 21/10/2014

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 29345/QĐ-SHTT ngày 23/5/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-25319 ngày 21/10/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-25319 ngày 21/10/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Boston Pharmaceutical, Inc (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159634/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của EVOQUA WATER TECHNOLOGIES LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2016-00399 ngày 05/5/2016 của EVOQUA WATER TECHNOLOGIES LLC; địa chỉ: 181 Thorn Hill Road Warrendale PA 15086 USA; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1235630 theo Thông báo số 2015/06 VTB34 ngày 01/02/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5187/BC-TTKN

ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của EVOQUA WATER TECHNOLOGIES LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1235630 bị tạm thời từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu vì mang tính mô tả, không đủ khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật sở hữu trí tuệ và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo ĐKQT số 1230140 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp Investip khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1235630 với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là cùng một chủ. Chủ đơn nhãn hiệu đăng ký đã tiến hành và đã được ghi nhận việc sửa đổi tên/địa chỉ để thống nhất với nhãn hiệu đối chứng;

Nhãn hiệu đối chứng có chứa phần chữ "EVOQUA" đã được bảo hộ theo ĐQT số 1230140 cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 01, 09, 11, 37, 40, 41, 42; đồng thời chủ đơn không yêu cầu bảo hộ riêng cụm từ "Water Technologies". Do đó, nhãn hiệu đăng ký vẫn đáp ứng yêu cầu bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1230140 đã được ghi nhận về cùng một chủ sở hữu. Do vậy, nhãn hiệu đối chứng theo

ĐKQT số 1230140 không còn là nhãn hiệu đối chứng để từ chối nhãn hiệu theo ĐKQT số 1235630.

Nhãn hiệu đăng ký có chứa phần chữ "EVOQUA", là thành phần chính tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu; dấu hiệu "WATER TECHNOLOGIES" có nghĩa là "Công nghệ nước" có tính mô tả các sản phẩm, dịch vụ được đăng ký theo ĐKQT số 1235630. Do đó, nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "WATER TECHNOLOGIES".

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1235630 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1235630, không áp dụng quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/06 VTB34 ngày 01/02/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1235630.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1235630, không bảo hộ riêng "WATER TECHNOLOGIES".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và EVOQUA WATER TECHNOLOGIES LLC (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159635/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TOYO INK SC HOLDINGS CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2016-00220 ngày 18/3/2016 của TOYO INK SC HOLDINGS CO., LTD.; địa chỉ: 3-13, Kyobashi 2-chome, Chuo-ku Tokyo 104-8377, Japan; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn

NMD368

số 1226910 theo Thông báo số 2014/48 NHTr16 ngày 04/12/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5182/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TOYO INK SC HOLDINGS CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "FLASH DRY" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1226910 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu đăng ký mô tả chức năng, công dụng của sản phẩm, không có khả năng phân biệt. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP đề nghị bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1226910 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu. Cụ thể:

Nhãn hiệu FLASH DRY đã được sử dụng từ năm 1971 (hơn 45 năm), chủ yếu cho các sản phẩm mực in. Nhãn hiệu này đã được đăng ký và chấp nhận bảo hộ tại gần 40 quốc gia như: Nhật Bản, Trung Quốc, Cộng đồng chung châu Âu,…

Các sản phẩm mang nhãn hiệu FLASH DRY hiện đang có mặt và được sử dụng tại nhiều quốc gia như Nhật Bản, Trung Quốc, Australia, Thái Lan, Brazil, Đức, Việt Nam,… Chủ đơn đã đầu tư kinh phí, nhân lực cho việc quảng bá nhãn hiệu, đồng thời đã đạt được doanh thu lớn từ hoạt động kinh doanh, sử dụng các sản phẩm mang nhãn hiệu này.

Nhãn hiệu FLASH DRY cũng đã được sử dụng tại Việt Nam từ năm 2003. Công ty TOYO INK SC HOLDINGS CO., LTD đã xây dựng nhà máy sản xuất, phân phối sản phẩm đặt tại tỉnh Đồng Nai. Doanh thu bình quân tại thị trường Việt Nam từ các sản phẩm mang nhãn hiệu FLASH DRY đạt khoảng 35.000.000 Yên/năm.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch

vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "FLASH DRY" là cụm từ tiếng Anh có thể được hiểu là "làm khô nhanh" hoặc "sấy khô tức thì", mang ý nghĩa mô tả đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, đặc biệt là đối với các loại mực in. Do đó, dấu hiệu "FLASH DRY" có tính mô tả trực tiếp đặc điểm, công dụng của dịch vụ đăng ký theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Mặc dù đại diện người nộp đơn có cung cấp một số tài liệu nhằm chứng minh quá trình sử dụng nhãn hiệu trước thời điểm nộp đơn và cho rằng nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt thông qua sử dụng, tuy nhiên, các tài liệu này chưa đủ để chứng minh việc sử dụng rộng rãi nhãn hiệu tại thị trường Việt Nam.

Từ những phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của đại diện người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1226910 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/48 NHTr16 ngày 04/12/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1226910.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, TOYO INK SC HOLDINGS CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TOYO INK SC HOLDINGS CO., LTD. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159636/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1228570 của Seiwa Denko Co., Ltd. (JP) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

NMD368

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2016-00237 ngày 22/3/2016 của Seiwa Denko Co., Ltd.; địa chỉ: 3-2, 1-chome, 1-jo, Kogyodanchi, Asahikawa Hokkaido 078-8271, Japan; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP.

Lý do đình chỉ: Căn cứ đơn quốc tế số 1228570 của Seiwa Denko Co., Ltd. đã bị hết hạn hiệu lực. .

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết

khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Seiwa Denko Co., Ltd. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159637/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Rex Kogyo Kabushiki Kaisha (Rex Industries Co., Ltd.)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-01127 ngày 20/10/2017 của Rex Kogyo Kabushiki Kaisha (Rex Industries Co., Ltd.); địa chỉ: 4-5, 1-chome, Nishishinsaibashi, Chuo-ku, Osaka, Japan; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-10365 ngày 27/05/2011 theo Quyết định số

NMD368

52350/QĐ-SHTT ngày 01/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5295/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Rex Kogyo Kabushiki Kaisha (Rex Industries Co., Ltd.) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "REX" đăng ký theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-10365 bị từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 73739 và nhãn hiệu theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 983463 theo điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-10365 với lý do:

Ngày 05/09/2013, Rex Kogyo Kabushiki Kaisha (Rex Industries Co., Ltd.) đã nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 73739 số đơn ĐN1-2013-000166 với lý do nhãn hiệu đối chứng không được sử dụng tại Việt Nam trong thời hạn 5 năm liên tục. Việc chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng vẫn trong quá trình xem xét tại Cục Sở hữu trí tuệ. Do vậy, chủ đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét việc thẩm định cho nhãn hiệu "REX" theo đơn số 4-2011-10365 của Rex Kogyo Kabushiki Kaisha (Rex Industries Co., Ltd.) sau khi việc chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng đã hoàn thành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Tại thời điểm người nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo đơn ĐN1-2013-000166 ngày 05/9/2013 là trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 52350/QĐ-SHTT ngày 01/8/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Trên cơ sở phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận phục hồi quá trình thẩm định nội dung cho đơn số 4-2011-10365 ngày 27/5/2011.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2011-10365 ngày 27/5/2011

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 52350/QĐ-SHTT ngày 01/8/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-10365 ngày 27/05/2011.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-10365 ngày 27/05/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Rex Kogyo Kabushiki Kaisha (Rex Industries Co., Ltd.) (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159638/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của
PPG Coatings Nederland B.V.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00878 ngày 11/8/2017 của PPG Coatings Nederland B.V.; địa chỉ: Amsterdamseweg 14, 1422 AD Uithoorn, Netherlands; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-27957

VMD368

ngày 26/11/2013 theo Quyết định số 49930/QĐ-SHTT ngày 26/7/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5581/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PPG Coatings Nederland B.V. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NOVAGUARD" đăng ký theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-27957 bị từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 73449, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp Investip đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "NOVAGUARD" đăng ký theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-27957 với lý do:

Chủ đơn đã nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo số đơn ĐN1-2015-00085 ngày 09/6/2015 với lý do nhãn hiệu đối chứng không được sử dụng tại Việt Nam trong thời hạn năm năm liên tục.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực GCN ĐKNH số 73449 theo đơn số ĐN1-2015-00085 ngày 09/6/2015, trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định từ chối cấp GCN ĐKNH số 49930/QĐ-SHTT ngày 26/7/2017.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định nội dung đối với đơn số 4-2013-27957 ngày 26/11/2013.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2013-27957 ngày 26/11/2013

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 49930/QĐ-SHTT ngày 26/7/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-27957 ngày 26/11/2013.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-27957 ngày 26/11/2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PPG Coatings Nederland B.V. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159639/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Zone FM
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2022-00008 ngày 05/01/2022 của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Zone FM; địa chỉ: 690-692 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-03253 theo Quyết định số 99429/QĐ-SHTT ngày 21/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5301/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Zone FM với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DUSTY TAILOR, hình" theo đơn đăng ký số 4-2019-03253 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 25 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "DUST & DENIM" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 382410. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "DUSTY TAILOR, hình" với các lý do sau:

Phần chữ của nhãn hiệu đăng ký "DUSTY TAILOR" là cụm danh từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "Người thợ may bụi bặm". Trong đó nhãn hiệu đối chứng "DUST & DENIM" được tạo nên bởi 02 (hai) danh từ tiếng Anh "DUST" và "DENIM "nối với nhau bởi dấu "&" trong đó chữ "DUST" có nghĩa tiếng Việt là "Bụi" và được bảo hộ riêng; chữ "DENIM" là loại chất liệu may từ vải cotton cứng với các sợi đan chéo, được biết đến như là loại vải may quần jeans nên không được bảo riêng. Như vậy, thành phần chính của nhãn hiệu đối chứng là danh từ "DUST".

Do đó, khi xem xét đánh giá nhãn hiệu đăng ký, không thể tách phần chữ của nhãn hiệu đăng ký thành hai phần, mà cần phải xét tổng thể cả cụm danh từ, bởi một nhãn là cụm danh từ có nghĩa là "Người thợ may bụi bặm" một nhãn là hai danh từ độc lập có nghĩa là "Bụi" và "Denim". Do đó, người tiêu dùng hoàn toàn có thể phân biệt được hai nhãn hiệu.

Nhãn hiệu đăng ký là cụm danh từ kết hợp bởi một tính từ và một danh từ được viết cách điệu, chữ "T" cách điệu thành hình ảnh – cây nấm có tai nấm xòe rộng đã tạo nên cho nhãn hiệu ấn tượng thị giác đặc biệt, hoàn toàn đủ tạo nên sự khác biệt để người tiêu dùng không bị nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng – là hai danh từ độc lập "DUST & DENIM" viết in hoa, không có sự cách điệu đặc biệt nào và nối với nhau bởi dấu "&".

Như vậy, ta có thể thấy cấu trúc và hình thức thể hiện của hai nhãn hiệu là khác nhau, do đó ảnh hưởng của hai nhãn hiệu đến thị giác của người tiêu dùng cũng là khác nhau từ đó dẫn đến kết quả người tiêu dùng cũng sẽ không nhầm lẫn hai nhãn hiệu với nhau.

Nhãn hiệu đăng ký "DUSTY TAILOR, hình" là cụm danh từ có nghĩa và được phát âm /'dʌsti 'teilə/. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "DUST &

DENIM" được phát âm thành "dʌst 'denim". Như vậy, phát âm của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng khác nhau và khó có thể gây ra nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm.

Trong quá trình rà soát nội dung, đại diện người nộp đơn cũng tìm thấy đối chứng, nhãn hiệu "DUSTOR KM" đăng ký theo đơn 4-2016-31230 nộp ngày 07/10/2016 cho sản phẩm "Quần áo" thuộc nhóm 25 có ngày nộp đơn trước ngày nộp đơn của nhãn hiệu đối chứng. Do đó, chúng tôi tin rằng cả ba nhãn hiệu đều có khả năng phân biệt và có thể cùng tồn tại mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Đối với nhãn hiệu đối chứng, thành phần "DUST" nghĩa là "bụi" (không phải từ mô tả phổ biến cho sản phẩm), "&" là ký tự liên kết thông thường, nghĩa là "và" và thành phần "DENIM" nghĩa là một loại vải, vải bò/jeans (mô tả trực tiếp hàng hóa sản phẩm quần áo, vải may mặc). Do đó, yếu tố chính có khả năng phân biệt của nhãn hiệu này là dấu hiệu "DUST".

Trong khi đó, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký gồm thành phần "DUSTY" là tính từ tiếng Anh, nghĩa là "đầy bụi", "bụi bặm" (không phải từ mô tả phổ biến cho sản phẩm cụ thể) và thành phần "TAILOR" nghĩa là "thợ may", hoặc mang nghĩa liên quan đến dịch vụ thiết kế, may đo quần áo (mô tả trực tiếp cho sản phẩm liên quan đến thiết kế, may đo quần áo). Do đó, thành phần chính có khả năng phân biệt của nhãn hiệu này là dấu hiệu "DUSTY".

Dấu hiệu mạnh có khả năng phân biệt của nhãn hiệu xin đăng ký trùng gần như hoàn toàn với dấu hiệu mạnh có khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối chứng (4/5 ký tự cả về thứ tự xuất hiện). Vì vậy nhãn hiệu "DUSTY TAILOR,

hình" theo đơn đăng ký số 4-2019-03253 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "DUST & DENIM" theo GCN ĐKNH số 382410.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "DUSTY TAILOR, hình" theo đơn đăng ký số 4-2019-03253 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-03253 ngày 25/01/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 99429/QĐ-SHTT ngày 21/12/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-03253 ngày 25/01/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Zone FM có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Zone FM (qua Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159640/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại mành nhựa SANKO
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-01056 ngày 29/9/2017 của Công ty TNHH sản xuất thương mại mành nhựa SANKO; địa chỉ: 34 đường 32A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-19650 theo Quyết định số 60191/QĐ-SHTT ngày 30/8/2017;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5339/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại mành nhựa SANKO với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SANKO" theo đơn số 4-2015-19650 ngày 24/7/2015 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 điều 74 và khoản 3 điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, vì bị đánh giá là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SANKO HOME"được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106531 và nhãn hiệu "SANKO RAIN COAT LUÔN LUÔN CHẤT LƯƠNG, hình" đăng ký theo đơn số 4-2015-19659 ngày 24/7/2015. Người nộp đơn đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

Người nộp đơn đã nhận được Thư đồng ý của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Thúy Hùng, là chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-19659, cho phép sử dụng nhãn hiệu "SANKO" để đăng ký bảo hộ.

Sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký khác biệt với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng số 106531. Cụ thể, nhãn hiệu "SANKO" được đăng ký cho sản phẩm "mành treo cửa hạt chuỗi bằng nhựa và bằng gỗ" là vật dụng dùng để che chắn không gian, giảm ánh sáng hoặc ngăn cách giữa các khu vực. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng 1 được bảo hộ cho các sản phẩm "đồ đạc bằng gỗ" như bàn, ghế, giường, tủ, kệ là các sản phẩm nội thất phục vụ nhu cầu sinh hoạt, nghỉ ngơi, lưu trữ.

Do đó, người nộp đơn cho rằng sản phẩm giữa hai nhãn hiệu hoàn toàn khác nhau về công dụng và mục đích sử dụng, không thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cùng đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ và cùng có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho đối tượng của một đơn duy nhất trong số các đơn đó theo thoả thuận của tất cả những người nộp đơn; nếu không thoả thuận được thì các đối tượng tương ứng của các đơn đó bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, các tài liệu kèm theo và kết quả tra cứu liên quan, nhận thấy:

Đối với nhãn hiệu "SANKO RAIN COAT – Luôn luôn chất lượng, hình" theo đơn số 4-2015-19659, mặc dù có chứa yếu tố chữ "SANKO" trùng với nhãn hiệu đăng ký, tuy nhiên chủ sở hữu nhãn hiệu này là Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Thúy Hùng đã có văn bản xác nhận đồng ý cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Mành nhựa SANKO sử dụng yếu tố "SANKO" trong nhãn hiệu đăng ký. Đồng thời, đơn đăng ký nhãn hiệu "SANKO RAIN COAT – Luôn luôn chất lượng, hình" đã bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 60192/QĐ-SHTT ngày 30/8/2017 và đến thời điểm hiện tại, người nộp đơn không thực hiện thủ tục khiếu nại theo quy định pháp luật. Do đó, nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-19659 không còn là căn cứ pháp lý để từ chối đơn đăng ký nhãn hiệu "SANKO".

Nhãn hiệu đăng ký "SANKO" được thể hiện dưới dạng chữ in hoa tiêu chuẩn. Trong khi đó, nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 106531 bao gồm phần chữ "SANKO" được cách điệu, trong đó chữ cái "S" đi kèm dấu chấm và từ "HOME" được đặt phía trên chữ "O". Do đó, xét về tổng thể cấu trúc và cách trình bày, hai nhãn hiệu có điểm tương tự ở phần chữ "SANKO".

Về phạm vi bảo hộ sản phẩm, cả hai nhãn hiệu đều được đăng ký trong nhóm 20, đồng thời hàng hóa cụ thể mang nhãn hiệu tương tự nhau. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký bảo hộ cho sản phẩm "mành treo cửa hạt chuỗi bằng nhựa và bằng gỗ", là vật dụng có chức năng che nắng, chắn gió hoặc phân chia không gian, thường được phân phối tại các cửa hàng chuyên doanh mành rèm. Trong khi đó, nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 106531 được bảo hộ cho các sản phẩm "đồ gỗ nội thất" như bàn, ghế, giường, tủ, kệ – là những mặt hàng có công năng phục vụ sinh hoạt và được tiêu thụ chủ yếu tại các cửa

hàng nội thất. Như vậy, giữa hai nhóm hàng hóa nêu trên có sự tương tự về bản chất, công dụng, mục đích sử dụng, đối tượng tiêu dùng cũng như kênh phân phối.

Từ các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy ý kiến của người nộp đơn trong đơn khiếu nại là có không cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-19650 ngày 24/7/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 60191/QĐ-SHTT ngày 30/8/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-19650 ngày 24/07/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH sản xuất thương mại mành nhựa SANKO có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại mành nhựa SANKO có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159641/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của LOTA AYAKKABI VE DERI SANAYI TICARET LIMITED SIRKETI
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2014-01038 ngày 15/10/2014 của LOTA AYAKKABI VE DERI SANAYI TICARET LIMITED SIRKETI; địa chỉ: Organize Sanayi Bölgesi, Bedrettin Dalan Bulvari, Aykosan Sanayi Sitesi, 2. Kisim No: 1 Kat 2 Ikitelli, TR-34490 BASAKSEHIR-ISTANBUL, Turkey; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1170706 theo Thông báo số 2013/31 TDH34 ngày 08/8/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4176/BC-TTKN ngày 01/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của LOTA AYAKKABI VE DERI SANAYI TICARET LIMITED SIRKETI với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "INOUVO" theo đơn Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1170706 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo quy định điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "manlio nouvo, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 210372 (nhãn hiệu đối chứng).

Người khiếu nại đề nghị cấp chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Thứ nhất, về ý nghĩa, nhãn hiệu đăng ký là một từ tự đặt và không có ý nghĩa trong khi đó phần chữ của nhãn hiệu đối chứng có nghĩa là "manlio mới".

Thứ hai, về cấu trúc, nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu chữ trong khi đó nhãn hiệu đối chứng gồm có phần hình và phần chữ "manlio nouvo".

Thứ ba, về cách đọc, nhãn hiệu đăng ký gồm sáu (06) ký tự trong khi nhãn hiệu đối chứng có tới mười một (11) ký tự, cũng chính vì vậy, cách đọc của hai nhãn hiệu này khác nhau do số lượng âm tiết của nhãn hiệu đối chứng nhiều hơn hẳn.

Với những lập luận trên, Người khiếu nại cho rằng hoàn toàn có cơ sở để khẳng định nhãn hiệu "INOUVO" theo ĐKQT số 1170706 không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 210372.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "INOUVO" là dấu hiệu chữ viết in hoa, không có nghĩa, là sự kết hợp chữ "I" và "NOUVO". Nhãn hiệu đối chứng gồm phần chữ "manilo nouvo" và phần hình ở phía trên phần chữ.

Chữ "INOUVO" trong nhãn hiệu đăng ký tương tự với "nouvo" trong nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên, "nouvo" trong tiếng Italia có nghĩa tiếng Việt

là "mới", là thành phần yếu trong nhãn hiệu đối chứng "manilo nouvo", trong khi "manilo" là từ tự đặt, yếu tố chính để tạo ra khả năng phân biệt.

Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký "INOUVO" có sự khác biệt và khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1170706, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/31 TDH34 ngày 08/8/2014 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1170706.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1170706.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và LOTA AYAKKABI VE DERI SANAYI TICARET LIMITED SIRKETI (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159642/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần OSEVEN
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN4-2011-00574 ngày 13/7/2011 của Công ty cổ phần OSEVEN; địa chỉ: Đường số 2, KCN Tân Đông Hiệp B, huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương; khiếu nại về việc thu hồi Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 164060 theo Quyết định số 1440/QĐ-SHTT ngày 04/7/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5497/BC-TTKN ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần OSEVEN với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "C7 Sơn Cho Gỗ" theo đơn 4-2010-08798 (đã được cấp GCNĐKNH số 164060) bị thu hồi Quyết định cấp GCNĐKNH do đơn sửa đổi cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-08798 chưa được công bố theo quy định.

Người khiếu nại đề nghị rút lại Quyết định thu hồi Quyết định cấp GCNĐKNH vì lý do sau:

Thứ nhất, Nhãn hiệu C7 (nhóm sơn gỗ) của Công ty Thành Hoàng Châu rất dễ gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu O7 (nhóm sơn gỗ) – nhãn hiệu nổi tiếng số một hiện nay tại Việt Nam trong lĩnh vực sơn gỗ. Và để tránh cố tình đánh lừa người tiêu dùng do nhận diện của nhãn hiệu C7 của Công ty Thành Hoàng Châu đăng ký quá giống nhãn hiệu O7 đang rất nổi tiếng của Công ty OSEVEN hoặc để tránh những cạnh tranh không lành mạnh sẽ diễn ra sau này. Do vậy, việc từ chối cấp văn bằng nhãn C7 đối với Công ty Thành Hoàng Châu là việc nên làm đối với Quý Lãnh đạo Cục Sở hữu trí tuệ.

Thứ hai, nhãn hiệu C7 (nhóm sơn gỗ) của Công ty OSEVEN đã đăng ký trước Công ty THC tới 4 tháng, chúng tôi đã làm đầy đủ các thủ tục đúng quy định pháp luật trước khi được cấp văn bằng cho nhãn hiệu C7 (số văn bằng 164060). Chúng tôi có làm công văn chỉnh sửa rất nhẹ cũng từ C7 sang C7 và đã được lãnh đạo Cục ký duyệt đồng ý trên công văn chỉnh sửa bởi vì lý do chỉnh sửa nằm trong phạm vi cho phép. Chúng tôi hoàn toàn không chỉnh sửa từ nhãn hiệu này sang nhãn hiệu khác.

Đề nghị Quý Cục sớm thu hồi Quyết định hoặc sớm cấp lại văn bằng C7 cho Công ty cổ phần OSEVEN để chúng tôi yên tâm triển khai kế hoạch phát triển thị trường.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Theo quy định tại điểm 17.1.g) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN: "Trường hợp người nộp đơn chủ động sửa đổi, bổ sung tài liệu đơn sau khi Cục Sở hữu trí tuệ đã có thông báo chấp nhận đơn hợp lệ thì việc sửa đổi, bổ sung nói trên phải được thực hiện theo quy định tại các điểm 13.2, 13.3, 13.6 của Thông tư này. Nội dung sửa đổi, bổ sung đơn được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm 14 của Thông tư này và người nộp đơn phải nộp lệ phí công bố đơn theo quy định".

2. Nhận định, đánh giá:

a) Liên quan đến đề nghị từ chối cấp GCNĐKNH đối với nhãn hiệu C7 của Công ty Thành Hoàng Châu

Để được xem xét giải quyết, Công ty OSEVEN cần tiến hành thủ tục phản đối cấp (đối với đơn đăng ký nhãn hiệu) hoặc đề nghị hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ (nếu đơn đăng ký đã được cấp GCNĐKNH).

b) Liên quan đến đề nghị rút lại Quyết định thu hồi Quyết định cấp GCNĐKNH số 164060

Người khiếu nại đề nghị rút lại Quyết định thu hồi Quyết định cấp GCNĐKNH số 1643060 với lý do: Công ty OSEVEN đã làm đầy đủ các thủ tục đúng quy định pháp luật trước khi được cấp văn bằng cho nhãn hiệu C7 (số văn bằng 164060). Chúng tôi có làm công văn chỉnh sửa rất nhẹ cũng từ C7 sang C7 và đã được lãnh đạo Cục ký duyệt đồng ý trên công văn chỉnh sửa bởi vì lý do chỉnh sửa nằm trong phạm vi cho phép. Chúng tôi hoàn toàn không chỉnh sửa từ nhãn hiệu này sang nhãn hiệu khác.

Theo tiến trình xử lý đơn của Cục Sở hữu trí tuệ thì:

- Ngày 28/4/2011, Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo số 2326/TB-SHTT ghi nhận sửa đổi đơn.

- Ngày 12/5/2011, Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo số 28365/SHTT-NH1 về dự định cấp văn bằng bảo hộ.

- Ngày 20/5/2011, Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định số 11205/QĐ-SHTT cấp GCNĐKNH số 164060.

Tuy nhiên, việc ban hành Quyết định số 11205/QĐ-SHTT ngày 20/5/2011 về việc cấp GCNĐKNH số 164060 ngày 20/5/2011 trước khi công bố Thông báo ghi nhận sửa đổi đơn trên Công báo Sở hữu công nghiệp (số tháng 5 năm 2011, phát hành ngày 25/5/2011) là không đúng với quy định tại điểm 17.1 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 1440/QĐ-SHTT ngày 04/7/2011 về việc thu hồi Quyết định cấp GCNĐKNH số 164060 là phù hợp.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 17.1 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc thu hồi Quyết định cấp GCNĐKNH là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 1440/QĐ-SHTT ngày 04/7/2011 về việc thu hồi Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 164060.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần OSEVEN có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần OSEVEN có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159643/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 152676

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00282 ngày 05/12/2022 của Ông/Bà Phùng Thị Hương, địa chỉ: Số nhà 21 ngõ 604/35/4, đường Ngọc Thụy, tổ 22, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 152676, cấp ngày 12/10/2010 cho Công ty cổ phần PYMEPHARCO (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 05/12/2022, Ông/Bà Phùng Thị Hương (qua Công ty TNHH Đại Tín

và Liên danh) nộp đơn ĐN1-2022-00282 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 152676 với lý do nhãn hiệu "BRIZO-EYE" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 12/10/2015 đến ngày 05/12/2022 (Căn cứ theo công văn số 73/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 05/12/2022 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 24/2/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 2048w/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần PYMEPHARCO (qua Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Ông/Bà Phùng Thị Hương. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần PYMEPHARCO.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "BRIZO-EYE" theo GCNĐKNH số 152676 tại Việt Nam từ ngày 12/10/2015 đến ngày 05/12/2022 và chủ GCNĐKNH số 152676 không có ý kiến trả lời công văn số 2048w/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 152676.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 152676 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 152676, cấp ngày 12/10/2010 theo yêu cầu của Ông/Bà Phùng Thị Hương.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 152676, cấp ngày 12/10/2010 cho Công ty cổ phần PYMEPHARCO (VN) theo yêu cầu của Ông/Bà Phùng Thị Hương.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần PYMEPHARCO (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần PYMEPHARCO (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Ông/Bà Phùng Thị Hương; địa chỉ: Số nhà 21 ngõ 604/35/4, đường Ngọc Thụy, tổ 22, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159644/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1292812

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (sau đây gọi là Nghị định số 65/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2023-00183 ngày 21/8/2023 của Công ty TNHH tư vấn Sở hữu trí tuệ Việt, địa chỉ: 39/32/7 đường số 19, phường 08, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu chấm dứt hiệu lực đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 1292812, cấp ngày 15/3/2017 cho Guangdong Pingguo Shiye Youxian Gongsi;

BTT367

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực ĐKQT

Ngày 21/8/2023, Công ty TNHH tư vấn Sở hữu trí tuệ Việt yêu cầu chấm dứt hiệu lực Đăng ký quốc tế số 1292812 bảo hộ nhãn hiệu "APPLE" cấp ngày 15/3/2017 cho Guangdong Pingguo Shiye Youxian Gongsi với lý do nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng. Căn cứ kèm theo là Công văn số 376/TT-TTKTQT ngày 15/8/2023 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và Thương mại, Bộ Công thương.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực ĐKQT

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực;

2. Nhận định, đánh giá:

Căn cứ Công văn số 376/TT-TTKTQT ngày 15/8/2023 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và Thương mại, Bộ Công thương xác nhận không có thông tin về việc sử dụng nhãn hiệu "APPLE" theo Đăng ký quốc tế số 1292812 tại Việt Nam trong khoảng thời gian từ ngày 09/11/2017 đến ngày 15/8/2023, tức là khoảng thời gian năm năm liên tục trước ngày nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực.

Ngoài ra, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 76775/SHTT-TTKN.ip ngày 05/8/2024 gửi đến chủ sở hữu văn bằng để yêu cầu cung cấp ý kiến và tài liệu chứng minh việc sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam. Tuy nhiên, đến hết thời hạn quy định, Cục không nhận được bất kỳ ý kiến phản hồi hoặc tài liệu chứng minh nào từ phía chủ văn bằng.

Từ các nhận định và đánh giá trên đây, yêu cầu của Công ty TNHH tư vấn Sở hữu trí tuệ Việt về việc chấm dứt hiệu lực Đăng ký quốc tế số 1292812, cấp ngày 15/3/2017 cho Guangdong Pingguo Shiye Youxian Gongsi là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực ĐKQT số 1292812, cấp ngày 15/3/2017 của Guangdong Pingguo Shiye Youxian Gongsi theo yêu cầu của Công ty TNHH tư vấn Sở hữu trí tuệ Việt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực ĐKQT số 1292812, cấp ngày 15/3/2017 cho Guangdong Pingguo Shiye Youxian Gongsi theo yêu cầu của Công ty TNHH tư vấn Sở hữu trí tuệ Việt.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Gửi Quyết định này cho Văn phòng quốc tế của Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) để chuyển tiếp cho Guangdong Pingguo Shiye Youxian Gongsi có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Guangdong Pingguo Shiye Youxian Gongsi (Hengling Kaifaqu, Shitanzhen, Zengchengshi 511330 Guangzhou, Guangdong) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty TNHH tư vấn Sở hữu trí tuệ Việt; địa chỉ: 39/32/7 đường số 19, phường 08, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh (để biết);
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159645/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MT COLLECTION CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-01197 ngày 08/11/2017 của MT COLLECTION CO., LTD.; địa chỉ: 106, Sunhwan-ro, Jungwon-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1308196 theo Thông báo số 2016/35 HBN06 ngày 11/7/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5400/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MT COLLECTION CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "M METROCITY, hình" theo đơn quốc tế số 1308196 bị từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng sau đây:

- Nhãn hiệu "METRO, hình" bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 1096843, 619451 của MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG;
- Nhãn hiệu "M, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 222963 của Under Control Commercial Brokerage L.L.C..

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1308196 với lý do như sau:

1. Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1096843 và số 619451:

- Nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1096843 gồm từ tiếng Anh "METRO" và hình chữ nhật, nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 619451 là từ tiếng Anh "METRO".

Phần chữ "METRO" của nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1096843 và số 619451 có nghĩa tiếng Việt là "tàu điện ngầm" trong khi đó đối với nhãn hiệu đăng ký phần chữ "METRO" khi đi với phần chữ "CITY" thì nghĩa của cụm từ "METROCITY" sẽ là "thành phố lớn" hay "thành phố thủ đô".

- Phần chữ của nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1096843 và số 619451 chỉ gồm từ tiếng Anh "METRO" trong khi phần chữ của nhãn hiệu đăng ký là có tới ba cụm từ "METROCITY".
- Nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1096843 gồm từ tiếng Anh "METRO" và hình chữ nhật, nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 619451 là từ tiếng Anh "METRO" trong khi đó nhãn hiệu đăng ký là một tập hợp gồm chữ "M" cách điệu, một đường tròn trên đó có hai chấm tròn và hai cụm từ "METROCITY" và một cụm từ "METROCITY" bên dưới.
- Nhãn hiệu "Metro Goldwyn Mayer ARS CRATIA ARTIS TRADE MARK, Hình" cho Nhóm 38 và 41 đã được chấp thuận bảo hộ dưới tên Metro-Goldwyn-Mayer Lion Corp. (Hoa Kỳ) (theo Đăng ký nhãn hiệu quốc gia số 111274) và nhãn hiệu "APM Asia Pacific Metro Pte Ltd, Hình" cho Nhóm 19 đã được chấp thuận bảo hộ dưới tên ASIA PACIFIC METRO PTE LTD (Singapore) (theo Đăng ký nhãn hiệu quốc gia số 109855).

2. Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 222963

- Nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 222963 gồm chữ cái "M" và tập hợp các đường tròn; trong khi đó nhãn hiệu đăng ký theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1308196 là một tập hợp gồm chữ "M" cách điệu, một đường tròn trên đó có hai chấm tròn và hai cụm từ "METROCITY" và một cụm từ "METROCITY" bên dưới.

Chữ "M" của nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác biệt với chữ cái "M" của nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 222963. Bên cạnh đó, trên đường tròn của

nhãn hiệu đăng ký còn có hai chấm tròn và hai cụm từ "METROCITY" nên nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn phân biệt với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 222963 về cấu trúc và hình thức trình bày.

- Phần chữ của nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 222963 là chữ cái "M" trong khi đó phần chữ của nhãn hiệu đăng ký gồm chữ cái "M" và ba cụm từ "METROCITY" (có nghĩa tiếng Việt là "thành phố lớn" hay "thành phố thủ đô").

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "METROCITY" là dấu hiệu thể hiện dưới dạng từ viết liền, không dấu cách, không phải từ phổ thông, có hình thức trình bày đặc trưng và khả năng phân biệt rõ ràng. Dấu hiệu này được thể hiện kết hợp cùng chữ "M" cách điệu, tạo nên tổng thể thị giác nhất quán, không đồng nhất với bất kỳ từ vựng quen thuộc nào trong tiếng Việt. Mặc dù có chứa chuỗi ký tự "METRO" ở phần đầu, tuy nhiên với việc viết liền toàn bộ cụm "METROCITY", dấu hiệu này đã tạo ra ấn tượng tổng thể mới trong nhận thức người tiêu dùng thông thường, không dẫn đến sự liên hệ mặc định với từ "METRO" hay "CITY" tách rời.

Khi đối chiếu với nhãn hiệu đối chứng "METRO" theo ĐKQT số 619451 và 1096843, nhận thấy nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt đáng kể về độ dài, cấu trúc, số âm tiết và thị giác. "METROCITY" là từ viết liền gồm ba âm tiết /me-trơ-xi-ti/, trong khi "METRO" là từ đơn hai âm tiết /me-trô/. Ngữ âm khác biệt, đặc biệt ở âm cuối "-CITY", tạo nên cảm giác hoàn toàn tách biệt trong nhận thức người tiêu dùng. Hơn nữa, về hình thức trình bày, "METROCITY" là dấu hiệu tổ hợp có tạo hình đặc trưng, khác biệt hoàn toàn với cách thể hiện chữ đơn "METRO".

Đối với nhãn hiệu đối chứng "M, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 222963, đây là dấu hiệu hình học được tạo thành từ một chữ cái đơn "M", không được bảo hộ riêng, được trình bày theo dạng cách điệu, sử dụng các mảng màu đen, xanh da trời và trắng. "Không bảo hộ riêng chữ M", nghĩa là phạm vi bảo hộ chỉ áp dụng cho toàn bộ dấu hiệu đồ họa đã đăng ký, không bao gồm khả năng yêu cầu loại trừ hoặc ngăn cản việc sử dụng độc lập chữ cái "M" trong các dấu hiệu khác. Nhãn hiệu này không bao gồm bất kỳ yếu tố từ ngữ nào, không có khả năng phát âm hoặc tạo thành dấu hiệu từ vựng, do đó hoàn toàn khác biệt về bản chất với nhãn hiệu "METROCITY" – là một từ viết liền có

khả năng đọc được, có ngữ âm rõ ràng và mang ý nghĩa nhận biết. Bên cạnh đó, phần chữ "M" trong nhãn hiệu đăng ký chỉ là một thành tố phụ trong cấu trúc tổng thể gồm cả từ "METROCITY", không tách biệt và không giữ vai trò chủ đạo trong việc tạo ra khả năng phân biệt của toàn bộ dấu hiệu.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1308196, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/35 HBN06 ngày 11/7/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1308196.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1308196, khong bảo hộ riêng "M".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MT COLLECTION CO., LTD. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159646/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của KYC Machine Industry Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-00460 ngày 13/4/2017 của KYC Machine Industry Co., Ltd.; địa chỉ: 2-3-12, Minami-honmachi, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-0054, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1282946 theo Thông báo số 2015/52 NDT10 ngày 29/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5495/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của KYC Machine Industry Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "KYC" theo đơn quốc tế số 1282946 bị tạm thời từ chối bảo hộ các nhóm 06 và 07 do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "KYC NS KYCONS, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 161379, 167049 của Công ty cổ phần Kycons.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1282946 với lý do như sau:

- Người nộp đơn tiến hành thủ tục giới hạn danh mục sản phẩm tại Văn phòng quốc tế WIPO với danh mục như sau:

Nhóm 06: Giàn giáo bằng kim loại.

Nhóm 07: Máy giặt áp lực cao dùng cho máy đổ bê tông; máy đổ bê tông; băng tải; thiết bị vận chuyển vận hành bằng khí nén; máy thổi cho băng tải vận hành bằng nén khí; thiết bị để làm sạch dùng làm sạch bộ lọc máy lọc không khí dùng cho mục đích công nghiệp và gia đình; thiết bị để làm sạch dùng làm sạch các bộ phận của máy lọc không khí dùng cho mục đích công nghiệp và gia đình.

• Về bản chất:

Kết cấu thép là kết cấu chịu lực của các công trình xây dựng được thiết kế và cấu tạo bởi thép, kể cả tòa nhà hoặc tháp làm bằng khung thép, cầu thép (cầu đường sắt hoặc cầu đường sắt), và các loại tương tự.

Trong khi đó, giàn giáo bằng kim loại là các loại thiết bị dùng để nâng đỡ con người cùng các trang bị công cụ cầm tay để thực thi các công việc làm trong không gian có độ cao lớn (vượt hơn tầm vóc con người) so với các mặt nền cơ sở thông thường (như là mặt đất, sàn các tầng nhà,...).

• Về mục đích sử dụng:

Kết cấu thép được sử dụng rộng rãi ở hầu hết mọi nơi trong ngành xây dựng: chung cư, cầu, đường, hầm, sân bay,… và nó gắn liền với công trình xây dựng.

Giàn giáo bằng kim loại dùng để chỉ sàn làm việc tạm thời hoặc lối đi lại được sử dụng trong các công trình xây dựng, loại bỏ sau khi hoàn thành công trình.

- Nhãn hiệu đăng ký là duy nhất cụm chữ "KYC", được viết theo phông chữ đậm, các chữ chồng lên nhau tạo cho nhãn hiệu đăng ký một ấn tượng riêng biệt về thị giác, được đọc lần lượt là /K-Y-C/. Các nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp gồm phần chữ và phần hình, trong đó chữ "O" được tạo thành từ phần hình

elíp mầu đỏ và hình một ngôi sao năm cánh mầu đỏ ở vị trí chính giữa của từ "KYCONS" và là điểm phân biệt chính của nhãn hiệu, được đọc lần lượt là /KY-CONS/.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký có thành phần chữ "KYC" là dấu hiệu chủ đạo, trùng hoàn toàn với phần chữ thể hiện trong hai nhãn hiệu đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 161379 và số 167049 cho Công ty cổ phần Kycons.

Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều được sử dụng cho các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực kỹ thuật xây dựng công nghiệp, với đối tượng người tiêu dùng có khả năng trùng lặp hoặc liên đới chặt chẽ về mục đích sử dụng và kênh phân phối, cụ thể hàng hóa thuộc nhóm 06 của nhãn hiệu đăng ký là "giàn giáo kim loại" có bản chất là sản phẩm cấu kiện lắp ghép, dùng để nâng đỡ và phục vụ thi công công trình xây dựng ở độ cao, tương tự về công năng, chất liệu và lĩnh vực sử dụng với "kết cấu thép" thuộc nhóm 06 của nhãn hiệu đối chứng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 161379, vốn cũng là vật liệu chịu lực được gia công chế tạo dùng trong kết cấu khung, sàn, mái, cột, dầm cho công trình dân dụng và công nghiệp. Đồng thời, các hàng hóa thuộc nhóm 07 như máy đổ bê tông, máy rửa áp lực cao, băng tải và thiết bị vận chuyển khí nén trong đơn đăng ký là các thiết bị chuyên dụng thường xuyên được sử dụng tại công trường xây dựng, tương ứng chức năng và đối tượng tiêu dùng với các loại "máy móc thiết bị phục vụ ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông" được nêu trong nhóm 35 của nhãn hiệu đối chứng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 167049. Ngoài ra, dịch vụ "thi công, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp" thuộc nhóm 37 của nhãn hiệu đối chứng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 161379 là hoạt động trực tiếp sử dụng các thiết bị nói trên, tạo ra sự liên hệ mật thiết về nguồn gốc thương mại trong nhận thức thông thường của người tiêu dùng, nhất là trong lĩnh vực xây dựng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ đơn quốc tế số 1282946 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/52 NDT10 ngày 29/12/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1282946.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, KYC Machine Industry Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và KYC Machine Industry Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159647/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Shutterstock, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN5-2015-00957 ngày 23/10/2015 của Shutterstock, Inc.; địa chỉ: 350 Fifth Avenue, 21 st Floor, New York NY 10118, U.S.A; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1210877 theo Thông báo số 2014/29 TDH26 ngày 24/07/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5490/BC-TTKN

ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Shutterstock, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "OFFSET" theo đơn quốc tế số 1210877 (nhãn hiệu đăng ký) cho các nhóm 35, 45 đã bị từ chối tạm thời theo Thông báo số 2014/29 TDH26 ngày 24/07/2015 đối với toàn bộ danh mục dịch vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT).

Người nộp đơn khiếu nại việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý do và lập luận như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân, không mang tính mô tả các dịch vụ xin đăng ký thuộc các Nhóm 35 và 45.

Nhãn hiệu đăng ký là từ tiếng Anh "OFFSET" có nhiều nghĩa khác nhau trong tiếng Việt như "chồi cây, mầm cây; sự in ốp-xét, bản in ốp-xét; rìa xiên; sự bù đắp; khuỷu ống". Những ý nghĩa này không mô tả trực tiếp đến các dịch vụ xin đăng ký bao gồm quản lý thương mại việc cấp phép sử dụng các dữ liệu kỹ thuật số hay cấp phép quyền sở hữu trí tuệ, cấp phép sử dụng các nội dung hình ảnh cho người khác.

Thậm chí nếu hiểu từ này theo nghĩa thông dụng và được biết đến phổ biến nhất bởi người tiêu dùng Việt Nam là một loại hình in ấn (in ốp-xét) thì nhãn hiệu đăng ký cũng hoàn toàn không mô tả bất kỳ đặc tính, chức năng, công dụng nào của dịch vụ quản lý thương mại việc cấp phép sử dụng dữ liệu kỹ thuật số cũng như dịch vụ cấp phép quyền sở hữu trí tuệ thuộc các nhóm 35 và 45. Từ "OFFSET" không phải là từ ngữ chuyên ngành phổ biến trong lĩnh vực quản lý hay cấp phép quyền sở hữu trí tuệ. Bởi vậy, "OFFSET" có thể được hiểu như một tên gọi sáng tạo hoặc biểu tượng thương mại tạo ấn tượng riêng biệt cho người tiêu dùng liên quan, không phải là từ mô tả về dịch vụ đăng ký.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt tự thân và có thể được bảo hộ cho các dịch vụ xin đăng ký thuộc Nhóm 35 và 45, không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 74.2(c) của Luật SHTT.

Nhãn hiệu đăng ký được người tiêu dùng nhận biết rộng rãi với ý nghĩa là một phương pháp in ấn. Theo đó, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn không mô tả bất kỳ đặc tính nào của dịch vụ quản lý thương mại việc cấp phép sử dụng cũng

như dịch vụ cấp phép sử dụng các hình ảnh và ảnh chụp thuộc các Nhóm 35 và 45. Do đó, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt cho các dịch vụ xin đăng ký trong các nhóm 35 và 45, không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại hơn 40 quốc gia trên thế giới bao gồm nhưng không giới hạn tại Úc, các nước EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Mexico, New Zealand, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Thụy Sỹ, Thổ Nhĩ Kỳ, v.v… cũng như đã được sử dụng và biết đến rộng rãi ở nhiều nước và Việt Nam.

Năm 2013, Shutterstock cho ra mắt dịch vụ mang nhãn hiệu OFFSET, thị trường kỹ thuật số dành riêng cho hình ảnh tinh tế với chất lượng cao. Với mức độ phổ cập và lan truyền nhanh chóng rộng khắp của Internet cùng với nhu cầu chia sẻ và sử dụng hình ảnh trên các phương tiện thông tin trực tuyến, Offset - với chức năng là cầu nối giữa tác giả và người sử dụng hình ảnh, là kênh cung cấp dịch vụ cấp phép sử dụng hình ảnh uy tín và chất lượng - ngày càng trở nên nổi tiếng và khẳng định được vị trí của mình trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Khi nói đến dịch vụ mang nhãn hiệu OFFSET liên quan đến dịch vụ cấp phép sử dụng các hình ảnh, dữ liệu kỹ thuật số, người tiêu dùng chắc chắn sẽ nhận biết ngay dịch vụ này được cung cấp bởi Shutterstock.

OFFSET cũng đã có mặt tại Việt Nam từ tháng 3 năm 2013. Những hình ảnh về cảnh quan, cuộc sống và con người Việt Nam được đăng tải rộng rãi trên trang web OFFSET. Shutterstock cũng đã thực hiện nhiều chiến dịch quảng cáo cho các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký rộng khắp thế giới và tại Việt Nam. Nhờ việc sử dụng, quảng bá và đăng ký rộng rãi, người tiêu dùng trong lĩnh vực liên quan đến các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký trên toàn cầu và tại Việt Nam đều biết đến nhãn hiệu đăng ký và luôn gắn kết nhãn hiệu này với các dịch vụ cấp phép sử dụng hình ảnh được cung cấp bởi Shutterstock. Do đó, nhãn hiệu đăng ký đã và đang thực hiện chức năng của một nhãn hiệu, là chỉ dẫn thương mại về nguồn gốc của các dịch vụ trong các Nhóm 35 và 45 do Shutterstock cung cấp.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa*

điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Dấu hiệu "OFFSET" trong nhãn hiệu đăng ký là một từ ngữ tiếng Anh có thể mang nhiều nghĩa khác nhau tùy theo ngữ cảnh sử dụng, trong đó có thể hiểu là "bù đắp", "làm giảm", hoặc là một thuật ngữ kỹ thuật liên quan đến ngành in. Tuy nhiên, đối với các dịch vụ đăng ký liên quan đến "quản lý thương mại việc cấp phép dữ liệu số, hình ảnh tĩnh", "cấp phép quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh, thiết kế đồ họa, video, minh họa… cho mục đích sử dụng trong xuất bản, quảng cáo, bao bì sản phẩm, đa phương tiện, trình diễn", dấu hiệu "OFFSET" không trực tiếp mô tả bản chất, chức năng hay đặc điểm của các dịch vụ nêu trên. Đây là các dịch vụ có tính chất pháp lý, liên quan đến hoạt động cấp phép và khai thác quyền SHTT, chứ không phải dịch vụ in ấn hay cung cấp công nghệ in offset. Do đó, việc người tiêu dùng chuyên môn có thể liên tưởng đến phương pháp in offset khi tiếp nhận nhãn hiệu không đồng nghĩa với việc dấu hiệu đó mang tính mô tả dịch vụ đăng ký. Bên cạnh đó, "OFFSET" là một từ đơn, ngắn gọn, không thông dụng trong lĩnh vực cấp phép quyền sở hữu trí tuệ và không được chứng minh là đã được sử dụng phổ biến như một thuật ngữ mô tả dịch vụ trong ngành.

Vì vậy, dấu hiệu "OFFSET" có khả năng phân biệt để gắn với một nguồn gốc thương mại cụ thể và đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 72 và không thuộc các trường hợp không được bảo hộ quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1210877, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/29 TDH26 ngày 24/07/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1210877.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1210877.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Shutterstock, Inc. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159648/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Marriott Worldwide Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

☒ HNT162 *Xét đơn số KN4-2018-00335 ngày 17/5/2018 của Marriott Worldwide Corporation; địa chỉ: 10400 Fernwood Road, Bethesda, Maryland 20817, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-31676 theo Quyết định số 27725/QĐ-SHTT ngày 26/04/2018;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5488/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Marriott Worldwide Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DELTA HOTELS AND RESORTS D và hình" theo đơn số 4-2014-31676 đã bị từ chối bảo hộ một phần đối với phần chữ "DELTA" theo Quyết định số 27725/QĐ-SHTT ngày 26/04/2018 (Quyết định số 27725) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn nhãn hiệu trong đơn số 4-2014-28935 có ngày nộp đơn sớm hơn theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn khiếu nại việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý do và lập luận như sau:

- Căn cứ từ chối theo khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ trong Quyết định nêu trên và Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 27109/SHTT-NH1 (Thông báo số 27109) là không chính xác do nhãn hiệu đối chứng theo đơn nhãn hiệu số 4-2014-28935 (nhãn hiệu đối chứng) đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 265921 từ trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo số 27109. Do đó, cơ sở pháp lý cho việc từ chối theo Quyết định số 27725 chỉ còn là điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Đối với các dịch vụ trong các Nhóm 41, 43 và 44: theo ý kiến của Cục Sở hữu trí tuệ trong Quyết định số 27725, nhãn hiệu đăng ký đã đáp ứng điều kiện bảo hộ cho các dịch vụ trong các nhóm này vì Cục Sở hữu trí tuệ đã đồng ý rằng nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 19085 đã được chuyển giao về cùng chủ sở hữu với nhãn hiệu đăng ký, và nhãn hiệu đối chứng "DELTA và hình" theo GCNĐKNH số 171031 đã bị chấm dứt hiệu lực, do đó, hai nhãn hiệu này không còn là đối chứng cho nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với danh mục dịch vụ trong nhóm 35:

Theo Quyết định số 27725, Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng chỉ dịch vụ "lập kế hoạch cho các sự kiện đặc biệt cho mục đích kinh doanh của các công ty" mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với các dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 265921. Như vậy, có thể thấy rằng Cục Sở hữu trí tuệ đã chỉ từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký cho dịch vụ "lập kế hoạch cho các sự kiện đặc biệt cho mục đích kinh doanh của các công ty" và đã chấp nhận bảo hộ cho các dịch vụ còn lại thuộc nhóm 35. Người nộp đơn đã xin loại bỏ dịch vụ "lập kế hoạch cho các sự kiện đặc biệt cho mục đích kinh doanh của các công ty" và đề

nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho các dịch vụ còn lại trong nhóm 35.

Trong Quyết định số 27725, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã kết luận rằng giữ nguyên một phần quan điểm theo Thông báo số 27109.

Người nộp đơn xin loại bỏ dịch vụ "Lập kế hoạch cho các sự kiện đặc biệt cho mục đích kinh doanh cho các công ty" thuộc Nhóm 35 và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ nhãn hiệu đăng ký cho các dịch vụ mà đã được chấp nhận theo Quyết định số 27725.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Việc từ chối nhãn hiệu đăng ký trên cơ sở khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ là không phù hợp. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý với ý kiến của người nộp đơn về cơ sở pháp lý cho việc từ chối nhãn hiệu đăng ký chỉ là điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Tuy nhiên, việc sửa đổi danh mục dịch vụ đi kèm nhãn hiệu đăng ký (loại bỏ các dịch vụ tương tự với dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng) sau khi có quyết định từ chối cấp GCNĐKNH không được chấp nhận do "Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp là đối tượng của quyết định, thông báo bị khiếu nại" không thuộc phạm vi giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điểm 22.1 c) (i) Thông tư số 01.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký vẫn tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 265921.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-31676 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 27725/QĐ-SHTT ngày 26/04/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-31676 ngày 19/12/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Marriott Worldwide Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Marriott Worldwide Corporation (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159649/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của COMPAGNIE GENERALE DES ETABLISSEMENTS MICHELIN
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN5-2017-00247 ngày 07/3/2017 của COMPAGNIE GENERALE DES ETABLISSEMENTS MICHELIN; địa chỉ: 12, cours Sablon F-63040 CLERMONT-FERRAND CEDEX 09, France; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1282312 theo Thông báo số 2015/52 NTH15 ngày 30/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5496/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của COMPAGNIE GENERALE DES ETABLISSEMENTS MICHELIN với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "X GUARD" đăng ký theo đơn quốc tế số 1282312 (nhãn hiệu đăng ký) cho Nhóm 12 bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/52 NTH15 ngày 30/12/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "GUARD" theo đăng ký quốc tế số 714507 của Daimler AG (nhãn hiệu đối chứng), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, phần còn lại là chữ cái đơn giản, thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đã đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng về tổng thể có sự khác biệt về mặt cấu trúc, cách phát âm và ý nghĩa. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng vì có thêm thành phần "X" nằm ở đầu nhãn hiệu. Sự khác nhau trong thành phần đầu giữa các nhãn hiệu sẽ tạo ra một ấn tượng thị giác và phát âm khác biệt. Về ý nghĩa, nhãn hiệu đối chứng có nghĩa là sự đề phòng, cái chắn, người canh gác; trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký về tổng thể không có nghĩa cụ thể.

- Thực tế, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu chứa thành phần "GUARD" đăng ký cho các sản phẩm tương tự trong Nhóm 12 dưới tên các chủ sở hữu khác nhau tại Việt Nam, như DRIVEGUARD (GCNĐKNH số 264452) – "DRIVE" có nghĩa mô tả, TotGuard (GCNĐKNH số 543129) – "Tot" và "Guard" được hiểu là 2 thành phần tách biệt, VANGUARD (GCNĐKNH số 182942) – "VAN" có nghĩa mô tả, GUARDIAN (GCNĐKNH số 241579) - "GUARDIAN" là từ tiếng Anh liên quan đến từ "GUARD" (với việc thêm đuôi "IAN") và có nghĩa trùng với nghĩa của từ "GUARD" là người canh gác, SEALGUARD (GCNĐKNH số 353371), ViewGuard & hình (ĐKQT số 1624706), và HERCULES STRONG GUARD (GCNĐKNH số 399619). Với sự đồng tồn tại của các nhãn hiệu có chứa thành phần "GUARD" như trên, người tiêu dùng sẽ không thể bị nhầm lẫn nhãn hiệu đăng ký "X GUARD" với nhãn hiệu đối chứng "GUARD".

- Thêm vào đó, hai nhãn hiệu đã đồng tồn tại ở nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới như Trung Quốc, Đức (quốc gia gốc của chủ nhãn hiệu đối chứng), Nga, Pháp (quốc gia gốc của chủ đơn).

Từ những phân tích trên cho thấy nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt, không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và không thể bị từ chối theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu"*.

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký bao gồm hai thành phần "X" và "GUARD" trong đó "X" là một chữ cái đơn giản và không được bảo hộ riêng làm nhãn hiệu, thành phần còn lại "GUARD" trùng với nhãn hiệu đối chứng. Cả nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được sử dụng cho các hàng hóa, dịch vụ tương tự nhau. Do đó, nhãn hiệu đăng ký là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Các trường hợp người nộp đơn dẫn chứng không tương tự với tình huống đơn đang xử lý. Thông tin về việc nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được chấp nhận đồng tồn tại ở các nước khác chỉ có giá trị tham khảo, việc đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký sẽ căn cứ vào các quy định pháp luật của Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1282312 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/52 NTH15 ngày 30/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1282312.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, COMPAGNIE GENERALE DES ETABLISSEMENTS MICHELIN có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và COMPAGNIE GENERALE DES ETABLISSEMENTS MICHELIN (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159650/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SUD ALIMENTATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-00230 ngày 03/3/2017 của SUD ALIMENTATION; địa chỉ: Les Oliviers, Villa 11, 957 chemin de la Chèvre d'Or F-06410 Biot, France; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1277330 theo Thông báo số 2015/48 TDH09 ngày 30/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5227/BC-

TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SUD ALIMENTATION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FROMAGE & DAIRY" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1277330 bị từ chối bảo hộ theo quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do:

Trước hết, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu "FROMAGE & DAIRY" là một tổng thể dấu hiệu có tính độc đáo, tạo được ấn tượng thị giác và dễ ghi nhớ đối với người tiêu dùng. Theo người nộp đơn, nhãn hiệu này là kết quả của quá trình sáng tạo, tư duy riêng biệt và cần được bảo hộ dưới dạng tổng thể.

Người nộp đơn cũng cung cấp thông tin về chủ sở hữu nhãn hiệu – Tập đoàn SUD ALIMENTATION, thành lập năm 2013, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất phô mai và các sản phẩm từ bơ sữa giá trị cao. Thương hiệu SAVENCIA Fromage & Dairy hiện là một trong những nhà chế biến sữa hàng đầu thế giới, đứng thứ hai tại Pháp và thứ năm toàn cầu trong lĩnh vực phô mai. Theo thống kê được cung cấp, doanh nghiệp này đạt doanh thu thuần 4,4 tỷ euro với 18.911 nhân viên làm việc tại 29 quốc gia và sản phẩm được phân phối đến 120 quốc gia trên toàn thế giới.

Về tình trạng bảo hộ, người nộp đơn cho biết nhãn hiệu "FROMAGE & DAIRY" đã được nộp đơn đăng ký lần đầu tại Pháp vào ngày 31/3/2015 và đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Italia, Ba Lan, Cộng hòa Séc, Vương quốc Anh, Trung Quốc, Nhật Bản, v.v…

Người nộp đơn cũng đưa ra số liệu về mức độ sử dụng và uy tín của nhãn hiệu. Cụ thể, trong các năm 2015 và 2016, doanh thu từ các sản phẩm mang nhãn hiệu "FROMAGE & DAIRY" lần lượt đạt 4.442 triệu euro và 4.418 triệu euro trên thị trường toàn cầu. Riêng tại thị trường Việt Nam, nhãn hiệu đã được sử dụng từ ngày 01/01/2016 cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 29, 30, 43. Trong hai năm 2015 và 2016, doanh thu đạt được lần lượt là 2.372 nghìn euro và 3.299 nghìn euro.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu theo ĐKQT số 1277330 có chứa phần chữ "FROMAGE & DAIRY", là cụm từ tiếng Pháp có nghĩa tương ứng trong tiếng Việt là "Phô mai & Sữa". Đây là những từ ngữ mang tính mô tả trực tiếp về thành phần, tính chất hoặc công dụng của sản phẩm, dịch vụ đăng ký thuộc các nhóm 29, 30 và 43, vốn là các nhóm liên quan đến thực phẩm chế biến từ sữa, các sản phẩm từ sữa và dịch vụ phục vụ ăn uống.

Người nộp đơn đã cung cấp một số tài liệu nhằm chứng minh việc sử dụng rộng rãi và tình trạng được bảo hộ của nhãn hiệu tại một số quốc gia khác, đồng thời lập luận rằng nhãn hiệu đăng ký được hình thành từ quá trình tư duy sáng tạo và có tính phân biệt cao. Tuy nhiên, các tài liệu này không làm thay đổi bản chất mô tả của cụm từ "FROMAGE & DAIRY" trong mối liên hệ trực tiếp với các sản phẩm, dịch vụ đăng ký tại Việt Nam. Việc nhãn hiệu đã được sử dụng ở nước ngoài hoặc được bảo hộ tại một số quốc gia khác không phải là căn cứ để cấp văn bằng bảo hộ nếu dấu hiệu không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định pháp luật Việt Nam.

Do đó, lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1277330 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/48 TDH09 ngày 30/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1277330.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SUD ALIMENTATION có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SUD ALIMENTATION (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159651/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Starbucks (HK) Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2017-00012 ngày 09/01/2017 của Starbucks (HK) Limited; địa chỉ: 38th Floor, Citibank Tower, Citibank Plaza, 3 Garden Road, Central, Hong Kong; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-03162 theo Quyết định số 64658/QĐ-SHTT

ngày 11/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5220/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Starbucks (HK) Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "now, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-03162 bị từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "now, hình" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 116557, nhãn hiệu "NOW @, hình" được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 208443, nhãn hiệu "NOW ZONE, hình" được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 214711 và nhãn hiệu "NOW TV" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1171205 theo điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-03162 với lý do:

Chủ đơn đồng ý xóa bỏ các nhóm 16, 35 và 42 ra khỏi danh mục sản phẩm/dịch vụ đăng ký. Ngoài ra, chủ đơn vẫn giữ nguyên danh mục dịch vụ thuộc nhóm 38 và đã tiến hành sửa đổi một số sản phẩm thuộc nhóm 09.

Sau khi giới hạn, danh mục sản phẩm/dịch vụ đăng ký còn lại của đơn số 4-2012-03162 bao gồm:

Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ trắc địa, quang học, cân, đo, báo hiệu và kiểm tra (giám sát); thẻ nạp tiền và/hoặc tín dụng và/hoặc ghi nợ có thể đọc được bằng máy.

Nhóm 38: Giữ nguyên.

Đối với nhãn hiệu đối chứng theo Đăng ký quốc tế số 1171205, nhãn hiệu này đã bị từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2013/31/NĐT35 ngày 08/8/2014. Đồng thời, Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 64658/QĐ-SHTT, trong đó không nêu nhãn hiệu này làm căn cứ đối chứng.

Đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 116557, chủ đơn đã nộp đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu này theo đơn số ĐN1-2017-00020 ngày 23/01/2017, do nhãn hiệu không được chủ sở hữu sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục.

Đối với các nhãn hiệu đối chứng còn lại, do chủ đơn đã loại bỏ toàn bộ các sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 35 ra khỏi danh mục đăng ký, nên cho rằng

nhãn hiệu xin đăng ký không còn tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Chủ đơn đã đề nghị chấm dứt hiệu lực theo đơn số ĐN1-2017-00020 ngày 23/01/2017 đối nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 116557. Tuy nhiên, việc đề nghị chất dứt hiệu lực đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 116557 sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ được xem là tình tiết mới theo quy định và không thuộc phạm vi xử lý đơn đang xem xét.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc

từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-03162 ngày 27/02/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 64658/QĐ-SHTT ngày 11/10/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-03162 ngày 27/02/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Starbucks (HK) Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Starbucks (HK) Limited (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159652/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Borgward Trademark Holdings GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-00095 ngày 03/02/2017 của Borgward Trademark Holdings GmbH; địa chỉ: Industriestrasse 4, Colorado Turm, 9. Etage 70565 Stuttgart; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1270667 theo Thông báo số 2015/42 NTH24 ngày 21/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5222/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Borgward Trademark Holdings GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ điểm e, h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "BORGWARD, hình" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1270667 ngày 22/07/2015 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "BORGWARD, hình" được đăng ký theo đơn số 4-2013-28516 ngày 02/12/2013, đơn số 4-2013-28517 ngày 02/12/2013, đơn số 4-2013-28518 ngày 02/12/2013, đơn số 4-2013-28519 ngày 02/12/2013, nhãn hiệu "BORGWARNER" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 5869 và nhãn hiệu đối chứng "XD, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 117111. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do dưới đây:

Các nhãn hiệu đối chứng theo các đơn đăng ký số 4-2013-28516; 4-2013-28517; 4-2013-28518; 4-2013-28519 đang được chuyển nhượng sang cho chủ đơn là Borgward Trademark Holdings GmbH theo tờ khai CD4-2015-00080 ngày 02/4/2015.

Chủ nhãn hiệu đối chứng "BORGWARNER" và chủ nhãn hiệu đăng ký đã đạt được thỏa thuận đồng tồn tại.

Nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 117111 đã hết hạn và không được gia hạn kể từ ngày 08/5/2016. Hơn nữa, nhãn hiệu này đã không được sử dụng trong 5 năm liên tục trước thời điểm nộp đơn khiếu nại.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương

tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Các nhãn hiệu đối chứng theo các đơn đăng ký nhãn hiệu lần lượt số 4-2013-28516, 4-2013-28517, 4-2013-28518 và 4-2013-28519 đã được ghi nhận thông tin chủ đơn là Borgward Trademark Holdings GmbH, trùng khớp với thông tin chủ thể của nhãn hiệu xin đăng ký theo ĐKQT số 1270667. Do đó, các nhãn hiệu nêu trên không còn là căn cứ đối chứng để từ chối nhãn hiệu theo ĐKQT số 1270667.

Đối với nhãn hiệu "BORGWARNER" được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 5869, chủ sở hữu nhãn hiệu này đã có văn bản chấp thuận cho phép chủ đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐKQT số 1270667 mà không có bất kỳ khiếu kiện hay tranh chấp nào. Hơn nữa, xét về tổng thể thể hiện, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu "BORGWARNER" có sự khác biệt rõ ràng, không gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ.

Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 117111 đã hết hiệu lực kể từ ngày 08/05/2016 và không được chủ sở hữu thực hiện gia hạn. Do đó, nhãn hiệu này cũng không còn là căn cứ đối chứng hợp lệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1270667.

Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ xét thấy nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1270667 đáp ứng điều kiện bảo hộ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1270667, không áp dụng quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/42 NTH24 ngày 21/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1270667.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1270667.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Borgward Trademark Holdings GmbH (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159653/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SONNEBORN, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2016-00727 ngày 23/8/2016 của SONNEBORN, LLC; địa chỉ: 600 PARSIPPANY PARISIPPANY NJ 07054, U.S.A; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1249066 theo Thông báo số 2015/20 MDQ33 ngày 19/5/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5192/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SONNEBORN, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "KLEAROL" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1249066 bị tạm thời từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu và sản phẩm vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "CLEAZOL" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 112818, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1249066 với lý do sau:

Nhãn hiệu "KLEAROL" đăng ký theo ĐKQT số 1249066 có sự khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng, nhãn hiệu đăng ký có tiền tố là "K", trong khi đó nhãn hiệu đối chứng có tiền tố là "C". Ký tự thứ năm của nhãn hiệu đăng ký (ký tự "R") khác biệt với ký tự thứ năm của nhãn hiệu đối chứng (ký tự "Z").

Nhãn hiệu đăng ký chỉ đăng ký cho sản phẩm riêng biệt là "Dầu khoáng trắng dùng trong y tế". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho các sản phẩm dược nói chung như "Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế", mà không chỉ rõ một sản phẩm cụ thể nào. Khả năng gây nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu là rất thấp, vì trên thực tế, trong lĩnh vực kinh doanh và buôn bán sản phẩm tân dược, các sản phẩm thường được bán và tiêu dùng thông qua tên của sản phẩm cụ thể. Trong trường hợp này, hai nhãn hiệu không giống hoặc trùng lặp với nhau, do vậy người tiêu dùng có thể dễ dàng phân biệt giữa tên hai loại sản phẩm thuốc.

Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới như Úc, Trung Quốc, Hàn Quốc, New Zealand, Philippines,... Mặc dù không thể áp dụng tiêu chí thẩm định khả năng bảo hộ nhãn hiệu của quốc gia này cho quốc gia khác, tuy nhiên việc chấp thuận bảo hộ nhãn hiệu "KLEAROL" tại các quốc gia kể trên cho thấy: theo các tiêu chí bảo hộ đang được áp dụng, nhãn hiệu đăng ký có khả năng tự phân biệt và hoàn toàn thực hiện đầy đủ chức năng của một nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là

nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Xét về cấu trúc, cách phát âm và ấn tượng thị giác: Nhãn hiệu đăng ký "KLEAROL" theo ĐKQT số 1249066 và nhãn hiệu đối chứng "CLEARZOL" có nhiều điểm tương đồng. Cả hai nhãn hiệu đều gồm 8 ký tự, có phần âm tiết và hình thức trình bày gần giống nhau: cùng kết thúc bằng "-AROL/ZOL", phần đầu của nhãn hiệu chỉ khác biệt giữa "K" và "C" – là hai chữ cái có phát âm tương đương trong một số ngữ cảnh. Ngoài ra, ký tự thứ năm trong nhãn hiệu đăng ký là "R" và trong nhãn hiệu đối chứng là "Z", tuy có sự khác biệt nhưng không đủ để tạo ra một ấn tượng rõ rệt về thị giác hoặc âm thanh. Do đó, hai nhãn hiệu được đánh giá là tương tự nhau về mặt cấu trúc, phát âm và cảm nhận thị giác tổng thể.

Xét về phạm vi sản phẩm: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được đăng ký cho các sản phẩm dược phẩm dùng trong y tế thuộc nhóm 05. Do đó, việc sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại sẽ dễ gây nhầm lẫn hoặc liên tưởng sai lệch cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của các sản phẩm đó.

Từ các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1249066 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/20 MDQ33 ngày 19/5/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1249066.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SONNEBORN, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SONNEBORN, LLC (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159654/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Takeda Pharmaceutical Company Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2016-00973 ngày 25/11/2016 của Takeda Pharmaceutical Company Limited; địa chỉ: 1-1, Doshomachi 4-chome, Chuo-ku, Osaka 540-8645, Japan; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1270238 theo Thông báo số 2015/41 NDT02 ngày 13/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5218/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Takeda Pharmaceutical Company Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "Hình" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1270238 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Hình" theo ĐKQT số 1147798. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do dưới đây:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1270238 và nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1147798 có thể phân biệt được với nhau về cấu trúc và hình thức trình bày. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký có dạng hình mũi tên cách điệu hướng từ trái sang phải, trong đó cạnh bên trái có chiều dài bằng khoảng một nửa cạnh bên phải. Hiệu ứng ánh sáng tại các cạnh tạo thành các mảng màu với mức độ đậm nhạt khác nhau, giúp nhãn hiệu mang chiều sâu thị giác giống như hình ảnh ba chiều nhìn từ trên xuống.

Ngược lại, nhãn hiệu đối chứng có hình dạng không rõ ràng, thoáng nhìn dễ liên tưởng đến hình ảnh một chú cá heo đang cong mình nhảy trên mặt nước. Đối với nhãn hiệu là hình đơn thuần, người tiêu dùng thường dựa vào ấn tượng thị giác ban đầu để phân biệt, đây là yếu tố quan trọng giúp họ nhận biết và phân biệt sản phẩm mang các nhãn hiệu khác nhau. Do đó, người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đăng ký có thiết kế hình mũi tên ba chiều hoàn toàn có khả năng phân biệt và không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Ngoài ra, chủ đơn đã giới hạn danh mục sản phẩm đăng ký gắn với nhãn hiệu. Cụ thể, thay vì đăng ký bảo hộ cho toàn bộ "sản phẩm dược phẩm" thuộc nhóm 5, chủ đơn chỉ xin bảo hộ cho "chế phẩm dược phẩm dùng để điều trị và phòng ngừa các bệnh về đường tiêu hóa". Trong khi đó, sản phẩm gắn với nhãn hiệu đối chứng là các "chế phẩm dược phẩm dùng để điều trị các bệnh tim mạch và phổi, các bệnh viêm, ung thư, bệnh tự miễn và viêm loét da ở tay và chân".

Như vậy, sau khi giới hạn, sản phẩm gắn với nhãn hiệu đăng ký và sản phẩm gắn với nhãn hiệu đối chứng là các chế phẩm dược phẩm được dùng để điều trị những bệnh lý hoàn toàn khác nhau. Đây đều là các loại thuốc kê đơn, chỉ được sử dụng theo chỉ định của bác sĩ hoặc dược sĩ có chuyên môn. Do đó, người tiêu dùng trong trường hợp này là những người có hiểu biết chuyên sâu

trong lĩnh vực y tế, khó có khả năng nhầm lẫn giữa các loại thuốc chuyên biệt dùng để điều trị các bệnh không liên quan đến nhau.

Từ các phân tích nêu trên, người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đăng ký đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định hiện hành và đề nghị chấp nhận đơn đăng ký nhãn hiệu theo ĐKQT số 1270238.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Xét về mặt cấu trúc và ấn tượng thị giác: Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1270238 là hình mũi tên cách điệu, hướng từ trái sang phải, với cạnh trái ngắn bằng khoảng một nửa cạnh phải. Thiết kế sử dụng hiệu ứng ánh sáng tạo nên các mảng màu đậm nhạt khác nhau, tạo cảm giác chiều sâu và hiệu ứng 3 chiều khi nhìn từ trên xuống. Tuy nhiên, bố cục này không phải là hình thể đặc biệt, dễ gây liên tưởng đến nhiều hình ảnh quen thuộc, như biểu tượng chỉ hướng hoặc hình khối trừu tượng phổ biến.

Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1147798 cũng là một hình dạng trừu tượng, tuy không rõ ràng nhưng khi tiếp cận dễ khiến người tiêu dùng liên tưởng đến hình ảnh một chú cá heo đang cong mình nhảy lên khỏi mặt nước. Cả hai nhãn hiệu đều là nhãn hiệu hình đơn thuần, không kèm yếu tố chữ, được thể hiện dưới dạng trừu tượng, mang tính chất thị giác gần tương tự nhau.

Với đặc điểm nêu trên, các dấu hiệu dễ gây nhầm lẫn trong nhận thức thị giác ban đầu của người tiêu dùng, đặc biệt trong bối cảnh sản phẩm là dược phẩm, thường được nhận diện qua các biểu tượng đơn giản, dễ nhớ.

Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nội dung đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1270238 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/41 NDT02 ngày 13/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1270238.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Takeda Pharmaceutical Company Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Takeda Pharmaceutical Company Limited (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159655/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất chế biến thực phẩm Tân Phúc Hưng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2016-00745 ngày 26/8/2016 của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất chế biến thực phẩm Tân Phúc Hưng; địa chỉ: 62 đường 52, khu phố 9, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ

NMD368 *chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-22897 theo Quyết định số 31847/QĐ-SHTT ngày 31/5/2016;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5194/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất chế biến thực phẩm Tân Phúc Hưng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Tân Phúc Hưng Nước ép trái Nhàu Sài Gòn Nguyên Chất Sai Gon NONI Juice Pure…., hình" đăng ký theo đơn số 4-2014-22897 bị từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "PHUC HUNG, hình" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 194802 và nhãn hiệu "Nước cốt Nhàu Sài Gòn, hình" được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 114688 theo điểm b, c, d, e khoản 2 điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-22897 với lý do:

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 114688 đã cấp Thư đồng ý cho phép chủ đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-22897 mà không có bất kì một sự tranh chấp nào giữa các bên.

Đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 194802, chủ đơn đồng ý loại bỏ phần chữ "TÂN PHÚC HƯNG CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN PHÚC HƯNG" ra khỏi đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch

vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm d khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu mô tả hình thức pháp lý, lĩnh vực kinh doanh của chủ thể kinh doanh".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu "Tân Phúc Hưng Nước ép trái Nhàu Sài Gòn Nguyên Chất Sai Gon NONI Juice Pure..., hình" đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 32 theo đơn số 4-2014-22897 ngày 25/9/2014 của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Chế biến Thực phẩm Tân Phúc Hưng đã bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 194802 và số 114688 theo điểm b, điểm c, điểm d và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị loại bỏ phần chữ "TÂN PHÚC HƯNG CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN PHÚC HƯNG" ra khỏi mẫu nhãn hiệu trong đơn đăng ký số 4-2014-22897 ngày 25/9/2014. Tuy nhiên, việc sửa đổi mẫu nhãn hiệu sau khi đã có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ.

Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nội dung đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b, c, d, e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-22897 ngày 25/9/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 31847/QĐ-SHTT ngày 31/5/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-22897 ngày 25/09/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất chế biến thực phẩm Tân Phúc Hưng có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất chế biến thực phẩm Tân Phúc Hưng (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159656/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Rungcharoon & Sons Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2016-00740 ngày 25/8/2016 của Rungcharoon & Sons Co., Ltd.; địa chỉ: House No 15, Suksawat 20 Alley, Suksawat Road, Bang Pakok Subdistrict, Ratburana District, Bangkok Metropolis 10140, Thailand; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-13190 theo Quyết định số 44329/QĐ-SHTT ngày 21/7/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5193/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Rungcharoon & Sons Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "cherie" đăng ký theo đơn số 4-2014-13190 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 61541 và nhãn hiệu theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 623854, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-13190 với lý do sau:

Nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 61541 đã được ghi nhận thông tin về cùng một chủ sở hữu với chủ đơn đăng ký nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-13190. Do đó, nhãn hiệu đối chứng nêu trên không còn được xem là căn cứ để từ chối bảo hộ đối với nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-13190.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 623854 đã không được sử dụng trong thực tế tại Việt Nam trong thời hạn năm năm liên tục kể từ ngày được bảo hộ. Trên cơ sở đó, người nộp đơn đã nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng nêu trên theo đơn số ĐN1-2016-00216 ngày 22/8/2016 với lý do không sử dụng nhãn hiệu theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Chủ đơn đã nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 623854 theo đơn số ĐN1-2016-00216 ngày 22/8/2016. Tuy

nhiên, việc đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với nhãn hiệu đối chứng nêu trên được thực hiện sau thời điểm có quyết định từ chối với nhãn hiệu đăng ký. Theo quy định hiện hành, đây được xem là tình tiết mới và không thuộc phạm vi xem xét trong quá trình xử lý đơn khiếu nại đang được giải quyết.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-13190 ngày 12/6/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 44329/QĐ-SHTT ngày 21/7/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13190 ngày 12/06/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Rungcharoon & Sons Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Rungcharoon & Sons Co., Ltd. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159657/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Starbucks (HK) Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2021-00791 ngày 12/8/2021 của Starbucks (HK) Limited; địa chỉ: 41 st Floor, PCCW Tower, Taikoo Place, 979 King's Road, Quarry Bay, Hong Kong; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-02067 theo Quyết định số 47347/QĐ-SHTT ngày 11/6/2021;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5245/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Starbucks (HK) Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "now TV, hình" theo đơn đăng ký số 4-2014-02067 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 41 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 192973. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "now TV, hình" với các lý do sau:

Chủ đơn đã thực hiện các biện pháp sửa đổi, giới hạn danh mục sản phẩm/dịch vụ nhằm giảm thiểu khả năng gây nhầm lẫn, chủ đơn cũng đã thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng theo đăng bạ Quốc gia số 116557 do không sử dụng trong vòng 05 năm liên tục. Nhãn hiệu này đã chính thức hết hiệu lực kể từ ngày 08/07/2017 và không được gia hạn.

Hiện tại chủ đơn có kế hoạch kinh doanh tại Việt Nam và mong muốn được bảo hộ nhãn hiệu nói trên tại Việt Nam. Do đó, chủ đơn đồng ý loại bỏ các dịch vụ bị từ chối như được nêu trong quyết định của Cục sở hữu trí tuệ, cụ thể là:

- "Dịch vụ giải trí"

- "Dịch vụ cung cấp tiện nghi giải trí cho câu lạc bộ".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm

b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã đồng ý rằng nhãn hiệu xin đăng ký "now TV, hình" theo đơn đăng ký số 4-2014-02067 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo GCN ĐKNH số 192973 nên đã chủ động loại bỏ các sản phẩm trùng ra khỏi nhóm 41 và chỉ xin bảo hộ cho các sản phẩm còn lại.

Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu "now TV, hình" theo đơn đăng ký số 4-2014-02067 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-02067 ngày 24/01/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 47347/QĐ-SHTT ngày 11/6/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-02067 ngày 24/01/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở

hữu trí tuệ, Starbucks (HK) Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Starbucks (HK) Limited (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159658/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Rolling Stone LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2023-00234 ngày 12/7/2023 của Rolling Stone LLC; địa chỉ: 1290 Avenue of the Americas, New York, New York 10104, United States of America; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-16918 theo Quyết định số 19198w/QĐ-SHTT ngày 12/4/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5311/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Rolling Stone LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ROLLING STONE" theo đơn đăng ký số 4-2017-16918 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 09, 16, 18, 25, 41, 43 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "ROLLING STONES" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 332347. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "ROLLING STONE" với các lý do sau:

Nhãn hiệu xin đăng ký là sự kết hợp có sáng tạo các yếu tố về hình và phần chữ tạo thành tổng thể hoàn toàn có khả năng phân biệt. Nhãn hiệu xin đăng ký là nhãn hiệu chữ bao gồm được viết theo kiểu in hoa, trong đó chữ "ROLLING" có nghĩa là lăn, cán; chữ "STONE" có nghĩa là "đá". Đồng thời, đây cũng là tên thương mại của chủ sở hữu nhãn hiệu xin đăng ký đó là Rolling Stone LLC có địa chỉ tại: 1290 Avenue of the Americas, New York, New York 10104, United States of America. Theo đó, Rolling Stone là một tạp chí hàng tháng của Mỹ tập trung vào âm nhạc, chính trị và văn hóa đại chúng. Nó được thành lập tại San Francisco, California, vào năm 1967 bởi Jann Wenner và nhà phê bình âm nhạc Ralph J. Gleason. Nó lần đầu tiên được biết đến với việc đưa tin về nhạc rock và báo cáo chính trị của Hunter S. Thompson. Vào những năm 1990, tạp chí đã mở rộng và chuyển hướng tập trung sang độc giả trẻ tuổi quan tâm đến các chương trình truyền hình hướng đến giới trẻ, diễn viên điện ảnh và âm nhạc đại chúng. Kể từ đó, nó đã trở lại với sự kết hợp nội dung truyền thống, bao gồm âm nhạc, giải trí và chính trị.

Nhãn hiệu đối chứng bao gồm phần chữ "ROLLING STONES" trong đó mang ý nghĩa là tên một nhóm nhạc nổi tiếng tại Anh. Trên thực tế, tạp chí mang tên "ROLLING STONE" tại Mỹ và ban nhạc The Rolling Stones các nội dung liên quan vẫn hoạt động song song trong thời gian dài từ đầu thập niên những năm 1960 tới nay (hơn 63 năm) mà không hề gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm dịch vụ mang nhãn hiệu.

Về nhóm sản phẩm/dịch vụ, tuy cùng được đăng ký cho nhóm 25, 41 và 43, các sản phẩm cụ thể của hai nhãn hiệu có thể phân biệt được với nhau khi các sản phẩm của tạp chí "ROLLING STONE" được bán dưới dạng franchise

hay các ấn phẩm cho các sản phẩm vô cùng đa dạng từ âm nhạc, chính trị, chương trình truyền hình và phim truyện cho tới văn hóa và du lịch. Điều này đã được chứng minh trong gần 60 năm hình thành và phát triển của tạp chí. Đối với nhãn hiệu đối chứng, đây là những ấn phẩm được phát hành để phục vụ riêng ban nhạc The Rolling Stones tại thời điểm đó và đến nay nhóm đã không còn hoạt động nữa (Nhóm đã giải tán vào cuối thập niên 80) và hiện nay, các ấn phẩm chỉ còn được sử dụng là các bài hát của nhóm. Vì vậy, mặc dù cùng được đăng ký tại nhóm 25, 41 và 43 nhưng mục đích khi tung các sản phẩm ra thị trường, đối tượng khách hàng hướng tới là hoàn toàn khác nhau.

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã đồng ý cấp thư chấp thuận cho việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-16918 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Hai nhãn hiệu gần như trùng khớp hoàn toàn về cấu trúc ký tự và thứ tự sắp xếp, cụ thể có tới 12/13 ký tự giống nhau liên tiếp, chỉ khác duy nhất ở ký tự "S" ở cuối. Sự khác biệt nhỏ này không tạo ra dấu hiệu nhận biết rõ ràng về mặt thị giác, cũng như không làm thay đổi đáng kể về mặt âm thanh, bởi đây chỉ là một âm gió nhẹ ở cuối từ. Trong điều kiện ngôn ngữ tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ tại Việt Nam, người tiêu dùng trung bình rất khó nhận biết hoặc ghi nhớ được sự khác biệt nhỏ này khi tiếp xúc với nhãn hiệu trong thực tế qua việc nghe, nhìn.

Việc hai chủ thể sử dụng các nhãn hiệu này đã cùng tồn tại trong thời gian dài tại thị trường Hoa Kỳ mà không phát sinh tranh chấp không thể được xem là cơ sở khẳng định rằng người tiêu dùng tại Việt Nam cũng sẽ có khả năng phân biệt tương tự.

Ngoài ra, thư đồng ý sử dụng nhãn hiệu do chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cung cấp không được coi là căn cứ pháp lý để chấp nhận bảo hộ đối với nhãn hiệu xin đăng ký theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "ROLLING STONE" theo đơn đăng ký số 4-2017-16918 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-16918 ngày 09/6/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 19198w/QĐ-SHTT ngày 12/4/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-16918 ngày 09/06/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Rolling Stone LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Rolling Stone LLC (qua Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159659/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của B&C Speakers S.p.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-00266 ngày 10/3/2017 của B&C Speakers S.p.A.; địa chỉ: Via Poggiomoro, 1, Vallina, I-50012 Bagno a Ripoli (Firenze), Italia; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 827553 theo Thông báo số 2015/35 NNL24 ngày 31/8/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5235/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của B&C Speakers S.p.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "B&C SPEAKERS" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 827553 bị từ chối bảo hộ theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do:

Nhãn hiệu đăng ký bị coi là không có khả năng phân biệt vì chỉ là chữ cái và hình học đơn giản (Điểm a Khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ), tuy nhiên, chúng tôi cho rằng nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân như một nhãn hiệu. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố hình và chữ, trong đó yếu tố hình gồm một hình chữ nhật có dạng thanh dài, xuyên qua tâm hình tròn tại vị trí chính giữa của hình chữ nhật. Sự bố trí này không phải là sự kết hợp ngẫu nhiên mà thể hiện chủ ý rõ ràng của chủ đơn. Hơn nữa, nhãn hiệu đăng ký không chỉ là sự kết hợp về hình khối mà còn có sự hòa trộn của màu sắc: đỏ, trắng và đen. Đặc biệt, hình tròn đỏ tại vị trí trung tâm của nhãn hiệu giống như một điểm nhấn về thị giác, tạo nên ấn tượng cho nhãn hiệu đăng ký.

Liên quan tới yếu tố chữ "B&C SPEAKERS" trong nhãn hiệu đăng ký, mặc dù là sự kết hợp của chữ cái đơn giản và từ "SPEAKERS" mang tính mô tả cho sản phẩm đăng ký, nhưng trong một tổng thể gồm cả yếu tố hình và chữ, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt như một nhãn hiệu đối với các sản phẩm đăng ký kèm theo.

Nhãn hiệu đăng ký được hình thành từ năm 1993 theo tên gọi của chủ đơn – B&C Speakers S.p.A., sau nhiều lần thay đổi tên thương mại. Từ đó đến nay, nhãn hiệu đăng ký vẫn được sử dụng liên tục và đã được chấp thuận bảo hộ tại hơn 50 quốc gia trên thế giới như: 28 quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu, Úc, Bosnia & Herzegovina, Brazil, Canada, Cuba, Ai Cập, Hồng Kông, Ấn Độ, Indonesia, Iran, Macedonia, Malaysia, Mexico, Morocco, Na Uy, Romania, Liên bang Nga, Serbia, Singapore, Sri Lanka, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraine.

Không chỉ vậy, doanh số bán sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký còn không ngừng tăng qua các năm, thể hiện sự tăng trưởng bền vững của sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký. Khách hàng của chúng tôi đang tiến hành chuẩn bị các

tài liệu, bằng chứng để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua việc sử dụng trong thực tế từ trước ngày chỉ định đăng ký tại Việt Nam (17/6/2015).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các nội dung trình bày trong đơn khiếu nại, cùng các tài liệu, chứng cứ do đại diện người nộp đơn cung cấp, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 827553 có chứa phần chữ "B&C SPEAKERS" kết hợp với hình họa gồm các yếu tố hình học và màu sắc được bố trí theo chủ ý rõ ràng. Cụ thể, phần hình của nhãn hiệu là sự kết hợp giữa hình chữ nhật dạng thanh dài và hình tròn, có sự phối hợp màu sắc gồm đỏ, trắng và đen. Bố cục tổng thể này tạo điểm nhấn thị giác nhất định và góp phần tạo nên ấn tượng đối với người tiêu dùng, không mang tính đơn giản hoặc ngẫu nhiên. Trong tổng thể, phần chữ "B&C" có chức năng phân biệt tên thương mại, còn từ "SPEAKERS" tuy có ý nghĩa mô tả loại sản phẩm nhưng khi kết hợp với phần hình và bố cục trình bày như trên thì tổng thể nhãn hiệu vẫn có khả năng phân biệt nhất định đối với người tiêu dùng thông thường trong lĩnh vực liên quan.

Bên cạnh đó, người nộp đơn đã cung cấp thông tin chứng minh rằng nhãn hiệu đã được sử dụng liên tục trên phạm vi toàn cầu từ năm 1993, và đã được bảo hộ tại hơn 50 quốc gia, bao gồm các thị trường lớn như Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ, Canada, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, v.v... Tại thị trường Việt Nam, nhãn hiệu "B&C SPEAKERS" đã hiện diện từ nhiều năm và

được sử dụng thông qua hoạt động phân phối, quảng bá các sản phẩm loa và thiết bị âm thanh chuyên dụng.

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị khiếu nại của người nộp đơn về việc chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 827553, không áp dụng quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/35 NNL24 ngày 31/8/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 827553.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 827553, không bảo hộ riêng "B&C", "SPEAKERS".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và B&C Speakers S.p.A. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159660/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Raffles House Preschool Pte Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2009-00550 ngày 24/8/2009 của Raffles House Preschool Pte Ltd; địa chỉ: 1 Robin Drive, Singapore 258261, Singapore; đại diện bởi: Công ty TNHH Quốc tế D & N; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2007-12182 theo Quyết định số 33444/QĐ-SHTT ngày 17/6/2009;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5247/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Raffles House Preschool Pte Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RAFFLES HOUSE" theo đơn đăng ký số 4-2007-12182 đã bị từ chối bảo hộ đối với dịch vụ thuộc nhóm 41, 43 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "KRaffles knowledge" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 75234 cho nhóm 16, 41 (nhãn hiệu đối chứng số 1); nhãn hiệu "SPAcademy BY RAFLES INTERNATIONNAL" theo GCN ĐKNH số 0075236 cho nhóm 16, 41 (nhãn hiệu đối chứng số 2); nhãn hiệu "RAFLES" theo GCN ĐKNH số 96620 cho nhóm 36, 41 và 43 (nhãn hiệu đối chứng số 3). Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip (Công ty quốc tế D&N) đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "RAFFLES HOUSE" với các lý do sau:

Mặc dù nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng số 1 và 2 đều có chứa yếu tố chữ "RAFFLES", song yếu tố này, ở mỗi nhãn hiệu, còn được kết hợp với các yếu tố khác tạo nên sự phân biệt giữa các nhãn hiệu. Cụ thể là, ở nhãn hiệu đối chứng số 1, chữ "Raffles" được kết hợp với chữ "knowledge" (trong tiếng Anh có nghĩa là kiến thức, sự hiểu biết, am hiểu...) và chữ "K" được thiết kế cách điệu. Ở nhãn hiệu đối chứng số 2, chữ "Raffles" chỉ là yếu tố phụ của nhãn hiệu và được kết hợp với yếu tố chính của nhãn hiệu là từ "SPAcademy", là từ được ghép một cách sáng tạo từ hai từ "SPA" và "Academy" và có thể được hiểu là "Học viện đào tạo về dịch vụ spa". Còn ở nhãn hiệu xin đăng ký ,chữ "Raffles" được kết hợp với chữ "House", trong tiếng Anh có nghĩa là "ngôi nhà". Raffles House vừa là tên thương mại của người nộp đơn, vừa có thể hiểu là "Ngôi nhà Raffles" – ngôi nhà của trẻ.

Nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng số 1 và 2 đều đăng ký cho dịch vụ "giáo dục đào tạo", song dịch vụ mang nhãn hiệu xin đăng ký liên quan đến giáo dục mầm non, tiểu học, trong khi đó, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng số 1 và 2 liên quan đến đào tạo nghề, cụ thể là dịch vụ đào tạo các kỹ thuật viên, chuyên gia trong ngành du lịch, khách sạn, đặc biệt là liên quan đến dịch vụ spa. Do có sự khác biệt về bản chất của các dịch vụ mang các nhãn hiệu nên đối tượng khách hàng sử dụng các nhãn hiệu cũng hoàn toàn khác nhau. Vì vậy, khả năng gây nhầm lẫn cho công chúng về nguồn gốc cung cấp dịch vụ mang các nhãn hiệu là rất thấp.

Có thể thấy rằng, dịch vụ "nhà trẻ" (nhóm 43) và dịch vụ "giáo dục, đào tạo" (nhóm 41) của nhãn hiệu xin đăng ký và các dịch vụ "khách sạn, nhà hàng, cho thuê chỗ ở, cung cấp thực phẩm ..." (nhóm 43), dịch vụ "bất động sản" (nhóm 36) của nhãn hiệu đối chứng số 3 không liên quan đến nhau.

Với các lý do nêu trên, có thể khẳng định rằng, nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng số 1, 2, 3 do sản phẩm/dịch vụ mang các nhãn hiệu này khác nhau về bản chất.

"RAFFLES" là tên của người khai sáng ra đất nước Singapore (tên đầy đủ là Thomas Stamford Bingley Raffles). Ông được biết như là "Cha đẻ của đất nước Singapore". Chính vì thế, "RAFFLES" là cái tên riêng rất quen thuộc và phổ biến tại đất nước Singapore và không thuộc quyền sở hữu của bất kỳ cá

nhân hay tổ chức nào. Tại Singapore, cái tên "RAFFLES" thường được dùng để đặt tên đường, phố, khách sạn, bệnh viện, các trung tâm văn hóa - thương mại, trường học.

Do đó, tại Singapore, nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng số 1, 2 và 3, mặc dù cùng đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 41 & 43 nhưng do các dịch vụ xin đăng ký có bản chất khác nhau nên đều được chấp nhận bảo hộ. Trên thực tế, nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cùng được sử dụng song song trên thị trường mà không hề gây nhầm lẫn cho công chúng về nguồn gốc cung cấp dịch vụ.

Người nộp đơn là công ty giáo dục Singapore đã sử dụng nhãn hiệu "RAFFLES HOUSE" từ năm 2002 cho hệ thống trường mầm non, tiểu học chất lượng cao, có danh tiếng và doanh thu ổn định. Nhãn hiệu đã được quảng bá rộng rãi và không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng thuộc lĩnh vực du lịch, khách sạn. Do đó, nhãn hiệu hoàn toàn có khả năng phân biệt và đáp ứng điều kiện bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "RAFFLES HOUSE" là một cụm từ tiếng Anh, trong đó: "Raffles" là một tên riêng (theo như người nộp đơn cung cấp thì thường được hiểu là Sir Thomas Stamford Raffles, người được coi là người sáng lập ra đất nước Singapore. Dấu hiệu "House" có nghĩa là ngôi nhà, hoặc trong ngữ cảnh giáo dục, có thể mang nghĩa là một tòa nhà, tổ chức hoặc cơ sở giáo dục, do đó thành phần này mang tính chất mô tả dịch vụ mà người nộp đơn hướng tới. Mặc dù "RAFFLES" có thể được cho là tên phổ biến tại Singapore, nhưng tại Việt Nam, đây không phải là từ thông dụng, phổ biến, và người tiêu dùng có thể nhận thức "RAFFLES" là dấu hiệu phân biệt chính do dấu hiệu "House" chỉ mang tính mô tả.

Tất cả các nhãn hiệu đều được đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 41 giáo dục, đào tạo và đều phục vụ mục đích chung là giảng dạy, truyền đạt kiến thức, kỹ năng cho người học. Vậy nên, việc sử dụng dấu hiệu "RAFFLES HOUSE" cho các dịch vụ giáo dục, đào tạo không đủ tạo nên sự khác biệt rõ

ràng so với các nhãn hiệu đối chứng đã đăng ký trước đó có nguy cơ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc dịch vụ.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng "RAFFLES HOUSE" theo đơn đăng ký số 4-2007-12182 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2007-12182 ngày 29/6/2007 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 33444/QĐ-SHTT ngày 17/6/2009 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2007-12182 ngày 29/06/2007.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Raffles House Preschool Pte Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Raffles House Preschool Pte Ltd (qua Công ty TNHH Quốc tế D & N) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159661/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SUD ALIMENTATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-00232 ngày 03/3/2017 của SUD ALIMENTATION; địa chỉ: Les Oliviers, Villa 11, 957 chemin de la Chèvre d'Or F-06410 Biot, France; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1276850 theo Quyết định số 2015/47 NHTr19/QĐ-SHTT ngày 23/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5233/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SUD ALIMENTATION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".
Nội dung khiếu nại không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 2015/47 NHTr19 ngày 23/11/2016.

2. Nhận định, đánh giá:

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1276850 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 2015/47 NHTr19/QĐ-SHTT ngày 23/11/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1276850.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SUD ALIMENTATION có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SUD ALIMENTATION (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159662/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ONKYO KABUSHIKI KAISHA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2017-00145 ngày 15/02/2017 của ONKYO KABUSHIKI KAISHA; địa chỉ: 1-go, 2-ban, Nisshin-cho, Neyagawa-shi, Osaka-fu, Japan; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-22652 theo Quyết định số 74361/QĐ-SHTT ngày 17/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5225/BC-

TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ONKYO KABUSHIKI KAISHA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ONKYO" đăng ký theo đơn ĐKNH số 4-2013-22652 bị từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu và sản phẩm/dịch vụ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "ONKYO" theo đơn số 4-2011-00465 và nhãn hiệu "ONKYO" theo đơn số 4-2007-17165, theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2013-22652 với lý do sau:

Chủ đơn nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2011-00465 đã khiếu nại theo đơn số KN4-2011-0373 ngày 28/4/2011 liên quan đến nhãn hiệu nêu trên, tuy nhiên việc giải quyết khiếu nại vẫn chưa hoàn tất, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ giải quyết sau khi đơn KN4-2011-0373 hoàn tất.

Chủ đơn nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2007-17165 đã khiếu nại liên quan đến việc từ chối cấp GCN ĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên, tuy nhiên việc giải quyết khiếu nại vẫn chưa hoàn tất, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ giải quyết sau khi đơn khiếu nại nêu trên hoàn tất.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Các nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2007-17165 và 4-2011-00465 đã được giải quyết khiếu nại và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quy định. Do đó, đề nghị loại bỏ các nhãn hiệu này khỏi quá trình thẩm định là không có cơ sở.

Về cấu trúc, nhãn hiệu đăng ký "ONKYO" là dấu hiệu chữ, trùng với một phần nổi bật trong các nhãn hiệu đối chứng "ONCHYO ONKYO, hình". Thành phần "ONCHYO" và yếu tố hình tuy có bổ sung, nhưng không làm mất

đi ấn tượng chính của yếu tố "ONKYO" – vốn trùng hoàn toàn với nhãn hiệu đăng ký.

Về phát âm và thị giác, các dấu hiệu có độ tương đồng cao, dễ gây nhầm lẫn trong nhận biết. Xét thêm về danh mục sản phẩm, các nhãn hiệu đều đăng ký cho nhóm 09, 12 là các sản phẩm thiết bị điện tử, phụ tùng xe máy có chức năng và kênh tiêu thụ tương tự nhau.

Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nội dung đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-22652 ngày 01/10/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 74361/QĐ-SHTT ngày 17/11/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-22652 ngày 01/10/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ONKYO KABUSHIKI KAISHA có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ONKYO KABUSHIKI KAISHA (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159663/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Marshmello Creative, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2021-00807 ngày 25/8/2021 của Marshmello Creative, LLC; địa chỉ: c/o Joshua Binder, Rothenberg, Mohr & Binder LLP, 9595 Wilshire Blvd, Suite 201 Beverly Hills CA 90212; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1361467 theo Quyết định số 1594/QĐ-SHTT ngày 21/5/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5395/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Marshmello Creative, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MARSHMELLO" theo đơn quốc tế số 1361467 bị từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "MARSHMALLOW" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 324136 của Samsung Electronics Co., Ltd.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1361467 với lý do như sau:

- Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ đồng thời cho nhiều nhãn hiệu chứa thành phần chữ "MARSH" cho các hàng hóa thuộc Nhóm 09 như là nhãn hiệu "MARSHALL" (theo Đăng bạ quốc gia số 97903), "FORBES MARSHALL" (theo Đăng bạ quốc gia số 333093), "MARSHMALLOW" (theo Đăng bạ quốc gia số 324136). Như vậy, cần đánh giá "MARSH" là một tiền tố phổ biến và không có khả năng phân biệt cho các hàng hóa thuộc Nhóm 09 và dịch vụ liên quan khi xem xét khả năng phân biệt của một nhãn hiệu.

So sánh hậu tố "MELLO" và "MALLOW" của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, chúng tôi cho rằng chúng hoàn toàn có sự khác biệt về cấu trúc và cách phát âm. Cụ thể, với các ký tự khác biệt "E" ở nhãn hiệu đăng ký và "A", "W" ở nhãn hiệu đối chứng đã tạo ra hai từ hoàn toàn khác nhau và cách đọc /mæl.oʊ/ và /mel lo/ cũng khác nhau.

- Nhãn hiệu đối chứng "MARSHMALLOW" theo Đăng bạ quốc gia số 324136 là một từ tiếng Anh có nghĩa là "kẹo dẻo". Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký "MARSHMELLO" theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1361467 là một từ tự đặt và không có nghĩa nhưng lại đóng vai trò là thành phần phân biệt chính trong tên của chủ đơn - Marshmello Creative, LLC. Như vậy, yếu tố nhãn hiệu quốc tế là tên của chủ đơn sẽ góp phần làm tăng khả năng phân biệt cho nhãn hiệu, bởi ngoài chức năng để phân biệt sản phẩm/dịch vụ của chủ đơn này với sản phẩm/dịch vụ của chủ đơn khác thì đây còn là yếu tố chính cấu thành nên thương hiệu cũng như khả năng nhận diện trên thị trường của mỗi công ty.

- Hàng hóa thuộc Nhóm 09 theo Đăng bạ quốc gia số 324136 là phần mềm máy tính đặc thù trong lĩnh vực quản lý, theo dõi, giám sát. Trong khi đó, hàng hóa/dịch vụ thuộc Nhóm 09 và 41 theo đơn quốc tế số 1361467 lại là các thiết bị ghi âm, ghi hình, liên quan tới âm nhạc và các dịch vụ về biểu diễn âm nhạc.

Các hàng hóa thuộc Nhóm 09 mang nhãn hiệu đối chứng hướng đến đối tượng là các bậc phụ huynh – những người có nhu cầu quản lý con cái trong việc sử dụng các thiết bị điện tử. Trong khi đó, các hàng hóa/dịch vụ thuộc Nhóm 09 và 42 mang nhãn hiệu đăng ký lại hướng đến đối tượng là những người hoạt

động trong lĩnh vực nghệ thuật, cụ thể là âm nhạc cũng như những người có nhu cầu nghe nhạc giải trí.

- Nhãn hiệu đăng ký "MARSHMELLO" đã được chấp thuận bảo hộ tại Hàn Quốc – quốc gia mang quốc tịch của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng sau khi Cơ quan đăng ký nhãn hiệu Hàn Quốc đưa ra quan điểm nhãn hiệu đăng ký "MARSHMELLO" không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "SAMSUNG MARSHMALLOW" của SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. cho các hàng hóa thuộc Nhóm 09.

- Người nộp đơn đã nộp kèm theo Thư đồng ý có công chứng và bản dịch tiếng Việt của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "MARSHMALLOW" là Samsung Electronics Co., Ltd.. Theo thư đồng ý này, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng xác nhận chấp thuận việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "MARSHMELLO" tại Việt Nam cho các hàng hóa và dịch vụ thuộc Nhóm 09 và 41 dưới tên của Marshmello Creative, LLC.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Mặc dù hai nhãn hiệu đều bắt đầu bằng "MARSH", song có sự khác biệt đáng kể ở phần sau: "MELLO" trong nhãn hiệu đăng ký là yếu tố không có nghĩa trong tiếng Anh, được sáng tạo riêng, gắn với tên nghệ sĩ "Marshmello"; trong khi "MALLOW" là thành tố mô tả (kẹo dẻo). Đặc biệt, về phát âm, "MARSHMELLO" được phát âm /ˈmɑːʃ.mɛl.oʊ/ hoặc /ˈmɑːʃ.mə.loʊ/ – mang tính cách điệu, trong khi "MARSHMALLOW" phát âm /ˈmɑːʃ.mæ.loʊ/ – theo quy chuẩn từ điển, với nguyên âm /æ/ ở âm tiết thứ hai. Sự khác biệt này tạo nên ấn tượng thương mại tách biệt, giảm đáng kể khả năng gây nhầm lẫn trong nhận thức người tiêu dùng.

Ngoài ra, danh mục hàng hóa/dịch vụ đăng ký cũng khác biệt về bản chất và mục đích sử dụng. "MARSHMELLO" đăng ký cho các sản phẩm và dịch vụ giải trí âm nhạc (âm thanh, video, biểu diễn trực tiếp, cung cấp nội dung âm nhạc trực tuyến – Nhóm 09 và 41); trong khi "MARSHMALLOW" được bảo hộ cho phần mềm quản lý việc sử dụng thiết bị điện tử của trẻ em – Nhóm 09. Hai

nhóm này hướng đến đối tượng tiêu dùng khác nhau và không cạnh tranh trực tiếp.

Ngoài ra, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu cho các nhóm 09 và 41 tại Việt Nam.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1361467, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 1594/QĐ-SHTT ngày 21/5/2021 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1361467.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1361467.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Marshmello Creative, LLC (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159664/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Grimaldi Industri AB
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2016-00878 ngày 17/10/2016 của Grimaldi Industri AB; địa chỉ: Hovslagargatan 5B, SE-111 48 Stockholm, (SE); đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1210125 theo Thông báo số 2015/24 NDT12 ngày 16/6/2016;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5210/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Grimaldi Industri AB với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1210125 bị tạm thời từ chối bảo hộ từng phần đối với sản phẩm thuộc nhóm 10 vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "MONARCH" theo Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 52569 và nhãn hiệu "MONARCH" được bảo hộ theo ĐKQT số 690807, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1210125 và nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 52569 có sự khác biệt nhất định. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 52569 đã cấp thư chấp thuận cho phép chủ đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐKQT số 1210125 tại Việt Nam mà không có bất kỳ một sự phản đối nào.

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1210125 và nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 690807 có sự khác biệt nhất định. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 690807 đã cấp thư chấp thuận cho phép chủ đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐKQT số 1210125 tại Việt Nam mà không có bất kỳ một sự phản đối nào.

Để phù hợp với ý kiến thẩm định của Cục Sở hữu trí tuệ, chủ đơn cũng đã tiến hành giới hạn danh mục sản phẩm thuộc nhóm 10. Sau khi giới hạn, các sản phẩm thuộc nhóm 10 còn lại bao gồm: "Stationary exercise bicycles for medical purposes, and for medical diagnostic purposes; machines and apparatus for (medical) training, namely treadmills, rowing machines and indoor cycle trainers". Chủ đơn tin rằng, sau khi giới hạn các sản phẩm thuộc nhóm 10, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn đáp ứng điều kiện bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký

có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Xét về cấu trúc, cách phát âm và ấn tượng thị giác, nhãn hiệu đăng ký có đặc điểm thể hiện riêng biệt, đủ để tạo ra sự khác biệt trong cảm nhận thị giác của người tiêu dùng so với các nhãn hiệu đối chứng.

Xét về danh mục sản phẩm, chủ đơn đã chủ động tiến hành giới hạn phạm vi sản phẩm thuộc nhóm 10. Sau khi giới hạn, các sản phẩm còn lại bao gồm: "Stationary exercise bicycles for medical purposes, and for medical diagnostic purposes; machines and apparatus for (medical) training, namely treadmills, rowing machines and indoor cycle trainers." Đây là những sản phẩm chuyên biệt, phục vụ mục đích y tế hoặc luyện tập thể chất chuyên dụng, không trùng lặp trực tiếp với danh mục sản phẩm của các nhãn hiệu đối chứng và ít có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng thông thường.

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng ĐKQT số 690807 đã cấp thư chấp thuận cho phép chủ đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐKQT số 1210125 tại Việt Nam, và không có bất kỳ ý kiến phản đối nào.

Trên cơ sở các yếu tố phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của đại diện người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1210125, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/24 NDT12 ngày 16/6/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1210125.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1210125.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Grimaldi Industri AB (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159665/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Gilead Sciences Ireland UC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2016-00826 ngày 23/9/2016 của Gilead Sciences Ireland UC; địa chỉ: IDA Business and Technology Park, Carrigtohill Co. Cork Ireland; đại diện bởi: CN Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1244934 theo Thông báo số 2015/24 MDQ16 ngày 16/6/2016;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5207/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Gilead Sciences Ireland UC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ODEFSEY" đăng ký theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1244934 bị tạm thời từ chối bảo hộ toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "ODISEY" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 136729, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp Investip đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1244934 với lý do sau:

Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp Investip đã nộp hồ sơ yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu "ODISEY" theo GCN ĐKNH số 136729 theo số đơn ĐN1-2016-00018H ngày 22/9/2016 vì nhãn hiệu này đã không được sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục (kèm theo Công văn số 105/TCTTGC-CV ngày 15/9/2016 của Tạp chí Thị trường Giá cả - Bộ tài chính về kết quả điều tra nhãn hiệu nêu trên).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị có liên quan; đồng thời xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 136729 đã bị chấm dứt hiệu lực theo Quyết định số 72/QĐ-SHTT ngày 05/01/2018 của Cục Sở hữu trí tuệ. Chủ sở hữu nhãn hiệu không thực hiện quyền khiếu nại đối với quyết định nêu trên trong thời hạn quy định. Do đó, nhãn hiệu được bảo hộ theo

GCN DKDNH số 136729 không còn là căn cứ hợp lệ để làm nhãn hiệu đối chứng nhằm từ chối bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký.

Từ các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1244934 đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành. Do vậy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở xem xét, chấp thuận.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1244934, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/24 MDQ16 ngày 16/6/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1244934.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1244934.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Gilead Sciences Ireland UC (qua CN Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159666/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Elite Gold Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00908 ngày 21/8/2017 của Elite Gold Ltd.; địa chỉ: Portcullis TrustNet Chambers, P.O. Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands.; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-20208 theo Quyết định số 33398/QĐ-SHTT ngày 24/5/2017;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5172/BC-

TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Elite Gold Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu xin đăng ký "COFFEESHOT" theo Đơn đăng ký số 4-2014-20208 bị từ chối bảo hộ với lý do tương tự, gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SHOTS" theo Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 99102, theo điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên danh đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu xin đăng ký dựa trên các cơ sở sau:

Nhãn hiệu "COFFEESHOT" có khả năng tự phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "SHOTS" cho các sản phẩm thuộc nhóm 30; và

Nhiều nhãn hiệu có chứa từ "SHOT" cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét đơn khiếu nại của Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên danh cùng các lập luận kèm theo, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu "COFFEESHOT" là sự kết hợp giữa phần "COFFEE" mang tính mô tả và phần "SHOT" – là thành phần nổi bật trong tổng thể nhãn hiệu. Dấu hiệu "SHOT" tương tự với thành phần "SHOTS" trong nhãn hiệu đối chứng đã được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 99102 của PepsiCo., Inc. cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 như cà phê, kẹo, bánh kẹo – là các sản phẩm trùng hoặc tương tự với sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký.

Việc kết hợp dấu hiệu mô tả "COFFEE" với thành phần "SHOT" không tạo ra sự khác biệt đủ lớn để loại trừ khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Các dẫn chiếu về nhãn hiệu có chứa từ "SHOT" được người nộp

đơn viện dẫn không có giá trị tương đương, do không cùng cấu trúc và hoàn cảnh đánh giá.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy lập luận của đại diện người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-20208 ngày 26/8/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 33398/QĐ-SHTT ngày 24/5/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-20208 ngày 26/08/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Elite Gold Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Elite Gold Ltd. (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159667/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cotonificio Albini SpA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2016-00918 ngày 01/11/2016 của Cotonificio Albini SpA; địa chỉ: Via Dr Silvio Albini 1 I-24021 Albino, Italy; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1256532 theo Thông báo số 2015/28 VTB01 ngày 13/7/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5213/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cotonificio Albini SpA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "THOMAS MASON" theo đơn ĐKQT số 1256532 ngày 28/05/2015 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "THOMAS MASON" được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 27235 ngày 10/06/1998. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do dưới đây:

Cả nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều thuộc cùng một chủ sở hữu, là Công ty Cotonificio Albini S.p.A. Do đó, để tạo ra sự thống nhất về thông tin địa chỉ, khách hàng của chủ đơn đã nộp đơn yêu cầu ghi nhận địa chỉ mới cho nhãn hiệu theo GCN ĐKNH số 27235, theo số đơn SB4-2016-01961 nộp ngày 31/10/2016.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu xin đăng ký theo ĐKQT số 1256532 và nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 27235 đã được sửa đổi và ghi nhận cùng thuộc quyền sở hữu của Công ty Cotonificio Albini S.p.A. Do đó, nhãn hiệu theo GCN ĐKNH số 27235 không còn được xem là nhãn hiệu đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1256532.

Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ xét thấy nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1256532 đáp ứng điều kiện bảo hộ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1256532, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/28 VTB01 ngày 13/7/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1256532.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1256532.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cotonificio Albini SpA (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159668/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DC Comics
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

☒ HNT162 *Xét đơn số KN5-2015-01114 ngày 01/12/2015 của DC Comics; địa chỉ: 1700 Broadway, New York NY 10019, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1215924 theo Thông báo số 2014/36 LMT01 ngày 11/09/2015;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5487/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DC Comics với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "VERTIGO" theo đơn quốc tế số 1215924 cho các nhóm 09, 16 bị tạm thời từ chối theo Thông báo số 2014/36 LMT01 ngày 11/09/2015 do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu 

theo đăng ký quốc tế số 597963 của Universal International Music BV (nhãn hiệu đối chứng) căn cứ theo điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn khiếu nại việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý do và lập luận như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "VERTIGO" có danh tiếng mạnh mẽ và được nhận diện rõ ràng trong lĩnh vực truyện tranh trên toàn thế giới và tại Việt Nam.

"VERTIGO" là nhãn hiệu nổi tiếng toàn cầu của DC Comics, được giới thiệu từ năm 1993, chuyên về truyện tranh cho người trưởng thành. Nhãn hiệu này được quảng bá rộng rãi qua các kênh chính thức như website của DC Comics và các nền tảng bán hàng trực tuyến.

Nhãn hiệu VERTIGO đã được đăng ký tại gần 80 quốc gia và vùng lạnh thổ trên thế giới, bao gồm nhưng không giới hạn tại Argentina, Úc, các nước châu Âu (EU), Ấn Độ, Canada, Hồng Kông, Malaysia, New Zealand, Nga, Singapore, Thụy Sỹ, Thổ Nhĩ Kỳ, Đài Loan và Mỹ, v.v...

Với danh tiếng và uy tín của DC Comics cũng như việc sử dụng, quảng cáo và được biết đến rộng rãi của nhãn hiệu VERTIGO, độc giả Việt Nam liên quan hoàn toàn biết đến nhãn hiệu đăng ký của người nộp đơn.

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng do sản phẩm mang hai nhãn hiệu được phân phối theo các kênh thương mại khác nhau.

Nhãn hiệu đăng ký đã được nộp đơn cho các sản phẩm truyện tranh và truyện tiểu thuyết minh họa bằng hình ảnh thuộc các Nhóm 09 và 16. Trong khi đó, các sản phẩm đăng ký của nhãn hiệu đối chứng chủ yếu là các băng đĩa nhạc, thiết bị để ghi, truyền, tái tạo âm thanh; thiết bị và dụng cụ giảng dạy; trò chơi điện tử; giấy, bìa các tông, vật liệu bằng chất dẻo để bao gói. Mặc dù cùng được

phân loại trong Nhóm 09 và 16 nhưng các sản phẩm này hoàn toàn khác nhau về đối tượng người tiêu dùng, bản chất và kênh phân phối. Đối tượng người tiêu dùng của các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là các độc giả yêu thích truyện tranh và các sản phẩm này thường được phân phối trên các trang web của người nộp đơn và tại các hiệu sách. Ngược lại, đối tượng người tiêu dùng của các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng là những người đam mê âm nhạc và các sản phẩm này chủ yếu được bán và phân phối tại các cửa hàng băng đĩa nhạc.

Như vậy, dù cùng nhóm phân loại, sản phẩm và đối tượng tiêu dùng hoàn toàn khác nhau, dẫn đến không có khả năng gây nhầm lẫn.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ cũng như đồng tồn tại với nhãn hiệu đối chứng tại nhiều nước trên thế giới bao gồm nhưng không giới hạn tại Cộng đồng chung Châu Âu (OHIM), Canada, Singapore, Hồng Kông, Philippines ... Việc các nhãn hiệu được cùng bảo hộ cũng như đồng tồn tại tại các quốc gia này chứng minh rằng các nhãn hiệu được coi là không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau và người tiêu dùng sẽ không nhầm lẫn về nguồn gốc các sản phẩm mang các nhãn hiệu này.

Do đó, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký không thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và hoàn toàn đáp ứng điều kiện bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Về dấu hiệu, nhãn hiệu đăng ký có phần chữ trùng với phần chữ của nhãn hiệu đối chứng, cùng là chữ "vertigo".

Đánh giá sự tương tự giữa hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký:

Các hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chiếu có thể được khái quát thành hai nhóm: (i) Nhóm thiết bị và phương tiện ghi, lưu trữ, truyền tải và phát lại nội dung thông tin dưới dạng âm thanh, hình ảnh, văn bản, dữ liệu (bao gồm cả thiết bị giảng dạy và trò chơi điện tử); và (ii) Nhóm sản phẩm in ấn, giấy, hình ảnh, tài liệu giảng dạy và bao bì nhựa không thuộc lớp khác.

Đối với nhóm thứ nhất, truyện tranh tải về và truyện tranh in là nội dung có thể được ghi, lưu trữ và phân phối thông qua các phương tiện điện tử hoặc vật lý như đĩa, USB, phần mềm hoặc thiết bị phát lại. Chúng có liên quan về chức năng (cùng nhằm mục đích cung cấp nội dung giải trí, học liệu), thường được sử dụng cùng nhau hoặc là kết quả của việc sử dụng hàng hóa kia (ví dụ: truyện tranh dưới dạng số được phát qua thiết bị điện tử). Như vậy, giữa dịch vụ truyện tranh và nhóm sản phẩm này tồn tại mối liên quan chặt chẽ về chức năng và phương thức thực hiện.

Đối với nhóm thứ hai, truyện tranh in thuộc nhóm các sản phẩm in ấn hoặc tài liệu phục vụ giảng dạy. Các sản phẩm này có bản chất, chức năng và mục đích sử dụng tương tự nhau (truyền tải nội dung qua hình ảnh và chữ viết), và thường được phân phối qua cùng một kênh thương mại như nhà sách, nhà xuất bản, thư viện hoặc hệ thống giáo dục. Như vậy, chúng bị coi là tương tự nhau.

Từ những phân tích trên, có thể kết luận rằng dịch vụ "Downloadable publications, namely, comic books and graphic novels" và "Comic books" có tương tự hoặc liên quan gần gũi với cả hai nhóm hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng. Việc sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự cho các dịch vụ và hàng hóa này có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại trong nhận thức của người tiêu dùng.

Việc nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ cũng như đồng tồn tại với nhãn hiệu đối chứng ở nhiều nước trên thế giới chỉ mang tính chất tham khảo. Nhãn hiệu đăng ký được đánh giá khả năng bảo hộ trên cơ sở các quy định pháp luật của Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1215924 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/36 LMT01 ngày 11/09/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1215924.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, DC Comics có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và DC Comics (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159669/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Yeti Cycling, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN5-2017-00343 ngày 20/3/2017 của Yeti Cycling, LLC; địa chỉ: 621 Corporate Circle, Unit B Golden CO 80401, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 650381 theo Thông báo số 2015/47 NTH38 ngày 24/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5489/BC-TTKN

ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Yeti Cycling, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "YETI" đăng ký theo đơn quốc tế (ĐQT) số 650381 (nhãn hiệu đăng ký) đã bị tạm thời từ chối cho Nhóm 12 theo Thông báo số 2015/47 NTH38 ngày 24/11/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu sau theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ:

- "YETI" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 900078 cho Nhóm 12 của Škoda Auto a.s. (nhãn hiệu đối chứng 1); và

- "YETI" theo đơn ĐKQT số 1148915 của Yetigel International (nhãn hiệu đối chứng 2).

Người nộp đơn đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với những lý do như sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký không thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 1 vì các sản phẩm trong Nhóm 12 mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 1 hoàn toàn khác nhau về bản chất, chức năng, thị trường, giá thành sản phẩm, kênh phân phối, đối tượng tiêu dùng và thói quen tiêu dùng.

Sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng 1 là xe ô tô chở khách và các bộ phận của chúng. Đây là các sản phẩm có 4 bánh, kích thước lớn, có động cơ và để chuyên chở nhiều người với mục đích vận tải công cộng hoặc dịch vụ vận tải. Trong khi đó, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là xe đạp và các bộ phận của chúng, là sản phẩm có 2 bánh, kích thước nhỏ và phục vụ nhu cầu đi lại của một cá nhân hoặc để tập thể dục.

Tại Việt Nam, thị trường xe đạp và ô tô (đặc biệt là ô tô chở khách) hoàn toàn khác biệt về quy mô và đặc điểm. Mức giá thông thường của sản phẩm xe đạp phổ biến tại Việt Nam từ khoảng 3 triệu đến 7 triệu/chiếc. Trong khi đó, mức giá của xe ô tô từ vài trăm triệu cho đến vài tỷ đồng/xe tùy vào mẫu xe và thương hiệu.

Với mức giá thành chênh lệch khá cao, đối tượng người tiêu dùng xe đạp và ô tô (cụ thể là ô tô chở khách) có sự khác biệt rõ rệt. Các sản phẩm xe đạp mang nhãn hiệu đăng ký chủ yếu là các loại xe dùng để tập luyện, leo núi, xe đạp địa hình. Do đó, đối tượng khách hàng tiềm năng cho các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là các khách hàng có nhu cầu rèn luyện thể thao, đi du lịch và khám phá. Trong khi đó, đối tượng khách hàng cho các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng 1 chỉ giới hạn ở những người kinh doanh dịch vụ vận tải chở khách. Thêm vào đó, người tiêu dùng cho các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng 1 thường có thói quen tìm hiểu và xem xét cẩn

thận về thông tin nhà sản xuất và loại xe trước khi quyết định mua. Bởi vậy, khả năng người tiêu dùng liên quan bị nhầm lẫn hai nhãn hiệu với nhau khó có thể xảy ra.

Theo thực tiễn, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã đánh giá các sản phẩm liên quan đến ô tô và phụ tùng ô tô là khác biệt với các sản phẩm xe máy và phụ tùng xe máy trong nhiều vụ việc khác nhau. Tương tự như vậy, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký cũng phải được coi là khác biệt với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng 1.

Ngoài ra, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng 1 đã cho rằng không có rủi ro gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về sản phẩm mang hai nhãn hiệu và đã cấp Thư đồng ý với việc đăng ký và sử dụng của nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

Bởi vậy, nhãn hiệu đăng ký không thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 1.

Thứ hai, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng 2 do sản phẩm của hai nhãn hiệu này có sự khác biệt hoàn toàn với nhau (cụ thể: xe đạp, các bộ phận và phụ kiện của xe đạp, như giảm xóc, vật dụng giữ chai nước của nhãn hiệu đăng ký và xe đẩy hàng bằng tay, khí cầu để quảng cáo của nhãn hiệu đối chứng 2).

Hơn nữa, nhãn hiệu đối chứng 2 đã bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam từ ngày 19/02/2014 và chủ đơn của nhãn hiệu đối chứng 2 cũng không theo đuổi việc đăng ký của nhãn hiệu này tại Việt Nam (thông qua việc chủ đơn đã không tiến hành gia hạn đơn ĐKQT số 1148915 chỉ định Việt Nam). Do vậy, có thể thấy rằng chủ đơn nhãn hiệu đối chứng 2 đã từ bỏ đơn (rút đơn) đăng ký nhãn hiệu này tại Việt Nam và nhãn hiệu đối chứng 2 không còn khả năng ngăn chặn nhãn hiệu đăng ký.

Từ những lập luận nói trên, người nộp đơn khẳng định rằng nhãn hiệu đăng ký không thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng và không thể bị từ chối theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu*

đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: *"Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".*

2. Nhận định, đánh giá:

Xét thấy nhãn hiệu đăng ký được nộp đơn cho các sản phẩm hoàn toàn khác biệt với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng 1. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng 1.

Nhãn hiệu đối chứng 2 đã bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam và chủ đơn của nhãn hiệu đối chứng này cũng đã từ bỏ không theo đuổi đơn đăng ký này nữa. Do đó, nhãn hiệu đối chứng 2 không còn khả năng ngăn chặn việc bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký.

Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định pháp luật và khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 650381, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/47 NTH38 ngày 24/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 650381.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 650381.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Yeti Cycling, LLC (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159670/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Gillette Company LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00802 ngày 23/8/2024 của The Gillette Company LLC; địa chỉ: One Gillette Park, Boston, Massachusetts 02127, United States Of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-

HNT162

2021-31108 theo Quyết định số 62611/QĐ-SHTT.IP ngày 28/05/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5521/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The Gillette Company LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu LONDON BRIDGE theo đơn nhãn hiệu số 4-2021-31108 cho nhóm 08 (nhãn hiệu đăng ký) đã bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 62611/QĐ-SHTT.IP ngày 28/05/2024 với lý do nhãn hiệu đăng ký có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT).

Người nộp đơn đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không mang ý nghĩa chỉ nguồn gốc địa lý của các sản phẩm xin đăng ký và không thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký không phải là dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý của sản phẩm, bởi không có sự liên kết giữa thành phố London, nước Anh với các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký.

Theo quy định, một địa danh chỉ có ý nghĩa chỉ dẫn về nguồn gốc địa lý trong các trường hợp:

+ Dùng cho đặc sản của địa phương (sản phẩm đặc biệt, có danh tiếng nhờ những đặc trưng nhất định, được sản xuất tại địa phương);

+ Dùng cho cây trồng, vật nuôi đặc trưng của địa phương và các sản phẩm chế biến từ cây trồng, vật nuôi đó;

+ Dùng cho sản phẩm khai thác nguyên liệu thiên nhiên (than, sắt, thép, nhôm, xi măng, đá, muối, gỗ, v.v.) ở địa phương;

+ Dùng cho những sản phẩm thuộc các ngành công nghiệp phát triển ở địa phương;

+ Dùng cho các dịch vụ đặc thù (dịch vụ có danh tiếng gắn với đặc trưng nhất định tại địa phương);

+ Các trường hợp khác được xác định theo sản phẩm và thực tế sử dụng địa danh, dấu hiệu biểu trưng của địa phương cho sản phẩm.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký chỉ được xem là dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý nếu nó dùng cho các sản phẩm/dịch vụ đặc thù của thành phố London.

Tuy nhiên, London được biết đến là thành phố tài chính và công nghệ toàn cầu, với các ngành dịch vụ chủ yếu là tài chính, du lịch, truyền thông và công nghệ. Ngoài ra, nước Anh được biết đến với các sản phẩm đặc trưng gồm các sản phẩm trồng trọt và trà, xe hơi và thời trang, chứ không phải các sản phẩm trong ngành hàng chăm sóc cá nhân như dao cạo và vật dụng để cạo râu khác.

Thực chất, không có sự liên kết nào giữa thành phố London hay nước Anh với các sản phẩm dao cạo và lưỡi dao cạo mang nhãn hiệu đăng ký. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có chứa thành phần "London" không thể bị coi là mang ý nghĩa chỉ dẫn nguồn gốc địa lý của sản phẩm.

Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký không phải là biểu tượng của thành phố London. Nhãn hiệu đăng ký mang ý nghĩa "Cầu London" và trong trường hợp này, "London" còn được hiểu là tên riêng của cây cầu, chứ không phải chỉ thành phố London. Trên thực tế, Cầu Hà Nội, Cầu Nha Trang không đồng nghĩa với việc các địa điểm này được đặt tại chính thành phố Hà Nội hoặc Nha Trang. Hơn thế nữa, một cây cầu không thể coi là địa điểm sản xuất của bất cứ hàng hóa nào.

Cầu London chỉ là một cây cầu để phục vụ giao thông đi lại bình thường và Cầu Tháp (tiếng Anh: "Tower Bridge") mới là địa điểm nổi tiếng và là biểu tượng của thành phố London. Người tiêu dùng khi tiếp cận tên gọi và hình ảnh của Cầu Tháp mới dễ dàng liên tưởng tới thành phố London hoặc nước Anh.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới, v.v... trong đó bao gồm cả nước Anh. Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại Vương quốc Anh cho các sản phẩm dao cạo và lưỡi dao cạo trong thời gian 45 năm, từ năm 1968 đến 2013. Nhãn hiệu này chỉ bị hết hạn vào năm 2013 khi người nộp đơn không gia hạn vì lý do không có hoạt động kinh doanh liên quan tại quốc gia này.

Việc nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm Vương Quốc Anh chứng minh rằng nhãn hiệu này không gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ các sản phẩm cho người tiêu dùng nói chung và có thể thực hiện vai trò là chỉ dẫn thương mại cho các sản phẩm của người nộp đơn. Đồng thời, việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại các quốc gia này cũng không vấp phải sự phản đối của chính quyền Thành phố London hay Vương quốc Anh.

- Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng rộng rãi và gắn liền với danh tiếng của người nộp đơn trên toàn thế giới và Việt Nam.

- Nhãn hiệu đăng ký đã trở thành chỉ dẫn thương mại về nguồn gốc các sản phẩm của người nộp đơn tại Việt Nam

Theo kết quả tra cứu trên công cụ tìm kiếm Google và trên các trang thương mại điện tử phổ biến như Shopee, Lazada, Tiki, các kết quả về sản phẩm LONDON BRIDGE đều chỉ dẫn tới các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký. Điều này cho thấy rằng nhãn hiệu này đã trở thành một chỉ dẫn thương mại cho duy nhất sản phẩm dao cạo của Gillette.

- Kết quả khảo sát người tiêu dùng tại Việt Nam cho thấy nhãn hiệu đăng ký "LONDON BRIDGE" đã được sử dụng rộng rãi và gắn liền với thương hiệu Gillette của người nộp đơn và do đó, không có sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm.

- Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "Cambridge & hình" theo đơn số 4-2007-01944 dưới tên Kondoh Industries, Ltd. (một công ty của Nhật Bản) với lý do "Cambridge" là tên một thành phố ở miền Trung nước Anh không được biết đến là nơi có nguồn gốc xuất xứ hay chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm "thiết bị lọc/máy lọc không khí" và nhãn hiệu này đã được bảo hộ tại 44 quốc gia trên thế giới, trong đó bao gồm cả nước Anh, là nơi xuất xứ của địa danh.

- Từ những phân tích nói trên, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký không gây nhầm lẫn về nguồn gốc sản phẩm và đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ. Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: *"Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".*

2. Nhận định, đánh giá:

Dấu hiệu yêu cầu bảo hộ là "LONDON BRIDGE" được thể hiện dưới dạng chữ viết thông thường, trùng hoàn toàn với tên gọi của một địa danh nổi tiếng – cây cầu London (London Bridge) tại thủ đô London, Vương quốc Anh.

Đây là địa danh đã được biết đến rộng rãi trong công chúng, không chỉ tại nước ngoài mà còn ở Việt Nam thông qua các kênh truyền thông, du lịch và văn hóa. Việc sử dụng dấu hiệu này cho hàng hóa, dịch vụ trong khi người nộp đơn không có mối liên hệ thương mại hoặc địa lý cụ thể nào với địa danh "London", "London Bridge", cụ thể là người nộp đơn không có trụ sở hoặc nơi cư trú tại Vương quốc Anh sẽ khiến người tiêu dùng hiểu sai lệch hoặc nhầm tưởng hàng hóa, dịch vụ có nguồn gốc từ Vương quốc Anh. Do đó, dấu hiệu "LONDON BRIDGE" bị coi là dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ, thuộc đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa là nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

Thông tin về việc nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới chỉ có tính chất tham khảo, việc đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký căn cứ vào quy định pháp luật của Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-31108 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 62611/QĐ-SHTT.IP ngày 28/05/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-31108 ngày 29/07/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, The Gillette Company LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Gillette Company LLC (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159671/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của 3M Company
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2018-00708 ngày 09/11/2018 của 3M Company; địa chỉ: 3M Center, 2501 Hudson Road, St. Paul, Minnesota 55144, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-11139 theo Quyết định số 60884/QĐ-SHTT ngày 27/08/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5499/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của 3M Company với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký CRYSTALLINE theo đơn quốc gia số 4-2015-11139 cho nhóm 17 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 60884/QĐ-SHTT ngày 27/08/2018 do mang tính mô tả sản phẩm mang nhãn hiệu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đã đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu xin đăng ký không mô tả các sản phẩm xin đăng ký. Nhãn hiệu đăng ký trong tiếng Việt có nghĩa là "bằng pha lê, giống pha lê". Trong khi đó, các sản phẩm xin đăng ký là các màng bằng chất dẻo, vật liệu, tấm phủ bằng chất dẻo. Như vậy, nhãn hiệu này không mang tính mô tả cho các sản phẩm đăng ký có bản chất làm từ chất dẻo. Người tiêu dùng trên thị trường sẽ không thấy bất kỳ sự liên quan nào giữa nghĩa của nhãn hiệu đăng ký với các sản phẩm xin đăng ký, và sẽ không coi "CRYSTALLINE" là dấu hiệu mô tả các sản phẩm xin đăng ký.

- Nhãn hiệu "CRYSTAL SILK" của chính người nộp đơn đã được bảo hộ theo GCNĐKNH số 250625 cho các sản phẩm thuộc nhóm 17, trong đó "CRYSTAL" với nghĩa là "pha lê" không bị loại trừ bảo hộ. Nói cách khác, "CRYSTAL" hay từ có nghĩa tương đương "CRYSTALLINE" được coi là có khả năng tự phân biệt cho các sản phẩm xin đăng ký thuộc nhóm 17, không mang tính mô tả.

- "CRYSTAL" cũng được bảo hộ với tư cách là nhãn hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ không liên quan đến pha lê tại Việt Nam trong nhiều nhãn hiệu.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới như Canada, Trung Quốc, Hồng Kông, Indonesia, Ả-rập Xê-út, Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan, Các tiểu vương quốc Arập thống nhất và Hoa Kỳ.

- Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng và thừa nhận rộng rãi trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam. Nhãn hiệu đăng ký đã và đang được sử dụng cho các sản phẩm phim cách nhiệt cho cửa xe hơi của người nộp đơn. Các sản phẩm mang

nhãn hiệu đã được đưa ra thị trường từ những năm 2007, 2008. Sản phẩm mang nhãn hiệu đã được bán tại Hoa Kỳ, Canada, Ả Rập Saudi, vùng Vịnh, Thái Lan, Trung Quốc, Phi-lip-pin, Indonesia, Việt Nam, Argentina, Nga, Ukraine, Đức và phần lớn Tây Âu với doanh thu bán hàng toàn cầu trong giai đoạn từ 2012 đến 2017 là hơn 90 triệu Đô la Mỹ. Thông tin về các sản phẩm CRYSTALLINE được giới thiệu trên một số tạp chí danh tiếng và diễn đàn chuyên về phim cách nhiệt cho xe hơi và các sản phẩm liên quan. Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng lần đầu tiên tại Việt Nam ít nhất là vào ngày 11 tháng 2 năm 2010 cho các sản phẩm phim cách nhiệt cửa sổ xe hơi. Các sản phẩm CRYSTALLINE của 3M đã được phân phối và quảng bá rộng rãi tại Việt Nam bởi Công ty TNHH 3M Việt Nam và các nhà phân phối địa phương với doanh thu cao.

Từ những phân tích trên cho thấy nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân và không thể bị từ chối theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".*

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký "Crystalline" là từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "trong như thủy tinh" hoặc "trong suốt như pha lê". Với ý nghĩa như vậy có thể thấy nhãn hiệu này mô tả tính chất, đặc tính của các sản phẩm xin đăng ký là màng hoặc tấm phủ bằng chất dẻo, do đó, không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định pháp luật tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Những trường hợp người nộp đơn dẫn chiếu không tương tự với trường hợp đơn đang xem xét. Việc nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại một số nước trên thế giới chỉ mang tính tham khảo. Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá khả năng phân biệt của nhãn hiệu căn cứ vào quy định pháp luật của Việt Nam.

Chứng cứ nộp ngày 23/11/2027 trong giai đoạn thẩm định nội dung đơn số 4-2015-11139 không đủ cơ sở để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng với danh nghĩa là nhãn hiệu, được sử dụng, thừa nhận rộng rãi trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam và đạt được khả năng phân biệt qua quá trình sử dụng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-11139 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 60884/QĐ-SHTT ngày 27/08/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-11139 ngày 07/05/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, 3M Company có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và 3M Company (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159672/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của 4LIFE TRADEMARKS, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-01101 ngày 11/10/2017 của 4LIFE TRADEMARKS, LLC; địa chỉ: 9850 South 300 West Sandy, UT 84070 United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1039161 theo Thông báo số 2016/30 TDH08 ngày 13/6/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5533/BC-

TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của 4LIFE TRADEMARKS, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "TRANSFER FACTOR PLUS" bị từ chối vì mang tính mô tả cho sản phẩm thuộc nhóm 05 theo Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" với các lý do sau:

Người nộp đơn, Công ty 4LIFE cho rằng dấu hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" theo ĐKQT số 1039161 đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ trên cơ sở lý do dưới đây:

1. Nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" là dấu hiệu có khả năng phân biệt, không mô tả các sản phẩm thuộc nhóm 05 bởi "TRANSFER FACTOR PLUS" là cụm từ tự tạo, không thông dụng và là sự sáng tạo, được sử dụng duy nhất cho sản phẩm của Công ty 4LIFE

Nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" là một tập hợp từ không có nghĩa, được sử dụng cho một dòng sản phẩm hỗ trợ hệ thống miễn dịch và sức khoẻ tổng thể. "TRANSFER FACTOR PLUS" không phải là cụm từ thông dụng để mô tả cho các sản phẩm nhóm 05.

Theo tra cứu sơ bộ trên internet về cụm từ "TRANSFER FACTOR PLUS", kết quả tra cứu cụm từ "TRANSFER FACTOR PLUS" trên Internet chỉ dẫn chiếu đến kết quả của Công ty 4LIFE sử dụng cụm từ này như nhãn hiệu của mình cho sản phẩm hỗ trợ hệ thống miễn dịch và sức khoẻ tổng thể.

Do vậy, "TRANSFER FACTOR PLUS" không mô tả bất kỳ tính chất, chức năng, công dụng, giá trị và đặc tính đặc trưng của sản phẩm xin đăng ký "Chất bổ sung ăn kiêng, cụ thể, vitamin, khoáng chất bổ sung, và các chất thảo dược bổ sung có chứa các yếu tố miễn dịch có nguồn gốc từ sữa non, trứng và các sản phẩm có nguồn gốc động vật khác" nhóm 05.

2. Nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình đăng ký và sử dụng rộng rãi cho các sản phẩm nhóm 05 bởi Công ty 4LIFFE

Công ty VCCI-IP xin đệ trình tại Phụ lục IV: Bản gốc tiếng Anh có xác nhận của Công chứng viên và phần dịch tiếng Việt Bản Tuyên bố (Declaration), do Steven D. Tew – Chủ tịch của 4LIFE TRADEMARKS, LLC thực hiện, với các thông tin và bằng chứng chứng minh nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" đã được đăng ký và sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới, cụ thể như sau:

2.1.Thông tin về quy mô hoạt động và danh tiếng của 4LIFE TRADEMARKS, LLC

Từ đầu năm 1998, 4LIFE đã cung cấp các chất bổ sung hỗ trợ sức khỏe cho hệ thống miễn dịch, thay đổi hình thể và chăm sóc sức khoẻ tổng quát. 4LIFE bán sản phẩm của mình thông qua mạng lưới các nhà phân phối trên toàn thế giới. Chúng tôi cũng cung cấp các sản phẩm trực tuyến. Kể từ khi thành lập, 4LIFE đã mang lại cho khách hàng các sản phẩm chất lượng tốt nhất để hỗ trợ hệ thống miễn dịch và sức khoẻ tổng thể. 4LIFE cam kết tiếp tục cải tiến khoa học các sản phẩm để giúp khách hàng có cuộc sống lành mạnh.

4LIFE là một thành viên được công nhận của BBB (Better Business Bureau) và tự hào là một thành viên của Phòng Thương mại tại Sandy, Utah, Hoa Kỳ, trụ sở chính của 4LIFE, một thành viên lâu năm của IADSA, hiệp hội các chuyên gia quốc tế hàng đầu giải quyết các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa các chất bổ sung chế độ ăn uống và thuộc Liên minh sản phẩm tự nhiên Hoa Kỳ, một hiệp hội quốc tế chuyên cung cấp cho người tiêu dùng các sản phẩm sức khoẻ tự nhiên có chất lượng, lợi ích và độ tin cậy cao.

4LIFE đã nhận được sự đánh giá "A +" từ Better Business Bureau (BBB), được vinh danh từ Giải thưởng Doanh nghiệp Mỹ (chương trình giải thưởng kinh doanh hàng đầu của quốc gia) cho việc phát triển sản phẩm và tiếp thị, và nhiều lần xuất hiện trong Danh sách 100 về tin tức bán hàng trực tiếp. Ngoài ra, 4LIFE cũng đã nhận được nhiều giải thưởng như Giải thưởng sự lựa chọn của Khách hàng năm 2017 cho sản phẩm mới xuất sắc nhất trong năm; Giải thưởng Khoa học Đời sống Quốc tế năm 2017 của Global Health & Pharma; Utah Genius Award trong nhiều năm với tư cách là người nhận giải Genius Utah; Giải thưởng Doanh nhân Mỹ cho Sản phẩm mới tốt nhất cho sản phẩm tiêu dùng mới được yêu thích; Giải thưởng Phong cách sống Stevie tại Giải thưởng Doanh nhân Mỹ trong Thể loại Cuộc sống; Giải thưởng Từ thiện do Tạp chí Kinh doanh dinh dưỡng, vv.

Tính đến tháng 12 năm 2016, 4LIFE có tổng cộng 890 nhân viên và tổng doanh thu trong năm 2016 là 302.000.000.000 đô la.

2.2. Nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" đã được sử dụng rộng rãi

"TRANSFER FACTOR PLUS" là một nhãn hiệu được sử dụng cho các sản phẩm hỗ trợ hệ thống miễn dịch và sức khoẻ tổng thể của Công ty 4LIFE có chứa thành phần được nghiên cứu kỹ lưỡng để cân bằng và hỗ trợ phản ứng của hệ thống miễn dịch. Sản phẩm này sẽ tạo ra, tăng cường và cân bằng hệ thống miễn dịch với công thức độc quyền Tri-Factor Formula, tăng cường hoạt động của các tế bào giết tự nhiên tới 437%, chứa các chiết xuất của UltraFactor XF, OvoFactor, và NanoFactor, có chứa 4Life Transfer Factor để nâng cao miễn dịch. ("các sản phẩm TRANSFER FACTOR PLUS").

Sản phẩm "TRANSFER FACTOR PLUS" được ra mắt lần đầu tiên vào năm 1999 và từ đó đã được phân phối rộng rãi và bán tại hơn 100 quốc gia trên thế giới đến năm 2017.

2.3. Doanh số bán hàng và chi phí cho quảng cáo

Sự phổ biến và uy tín gắn liền với nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" trên khắp thế giới có thể được thể hiện bằng doanh thu ngày càng tăng từ các sản phẩm mang nhãn hiệu trên toàn thế giới. Dựa trên báo cáo và hồ sơ của Công ty 4LIFE, được duy trì trong quá trình kinh doanh thường xuyên, giá trị toàn cầu của các sản phẩm "TRANSFER FACTOR PLUS" trong những năm gần đây được thể hiện như sau:

- Năm 2013 doanh thu là 90,213,313 USD
- Năm 2014 doanh thu là 96,688,477 USD
- Năm 2015 doanh thu là 85,602,481 USD
- Năm 2016 doanh thu là 82,920,044 USD
- Tính đến tháng 6/2017 doanh thu là 39,021,130 USD

2.4 Nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" đã được đăng ký rộng rãi tại nhiều quốc gia

Với khả năng phân biệt tự thân, nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" đã được đăng ký lần đầu năm 2001 tại Singapore bởi Công ty 4LIFE. Hiện nay, nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" đã được đăng ký tại 42 quốc gia gồm New Zealand, Cộng hòa Dominican, 28 quốc gia Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Panama, Paraguay, Philippines, Puerto Rico , Singapore, Đài Loan, Ukraine và Hoa Kỳ.

Với việc bán hàng, xúc tiến bán hàng, tiếp thị và quảng cáo rộng rãi của công ty trên toàn thế giới và với số lượng các Đăng ký cho nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS", 4LIFE đã tạo dựng danh tiếng và uy tín lớn trên toàn cầu đối với nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "TRANSFER FACTOR PLUS" có nghĩa là "hệ số vận chuyển cộng", trong đó từ "TRANSFER" có nghĩa là "vận chuyển" ở đây được hiểu

là "vận chuyển hoạt chất đến vị trí tác dụng trong cơ thể" mang tính mô tả cho tính chất của sản phẩm thuộc nhóm 05 mà nhãn hiệu áp dụng: "Thực phẩm bổ sung, cụ thể là vitamin, khoáng chất bổ sung và thảo dược bổ sung các yếu tố miễn dịch có nguồn gốc từ sữa non, trứng và các sản phẩm động vật khác".

- Người nộp đơn chưa bổ sung được tài liệu chứng minh nhãn hiệu "TRANSFER FACTOR PLUS" đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1039161là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/30 TDH08 ngày 13/6/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1039161.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, 4LIFE TRADEMARKS, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và 4LIFE TRADEMARKS, LLC (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159673/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Apple Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN5-2015-00129 ngày 12/02/2015 của Apple Inc.; địa chỉ: One Apple Park Way, Cupertino, CA 95014, U.S.A.; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1183537 theo Thông báo số 2013/46 NDT06 ngày 18/11/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5529/BC-

TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Apple Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "OS X MAVERICKS" theo đơn quốc tế số 1183537 cho Nhóm 09 bị tạm thời từ chối bảo hộ đối với toàn bộ sản phẩm theo Thông báo số 2013/46 NDT06 ngày 18/11/2014 do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu  được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 40142 của NBA PROPERTIES, INC. (nhãn hiệu đối chứng), các thành phần còn lại là chữ cái đơn giản và mang tính mô tả cho sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký căn cứ theo các điểm a, c, và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT).

Người nộp đơn khiếu nại việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý do và lập luận như sau:

Nhãn hiệu đăng ký khác biệt, không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Về mặt dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là các từ "OS X MAVERICKS" viết bằng chữ in hoa tiêu chuẩn, trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là một nhãn hiệu kết hợp bao gồm hình đầu một con ngựa cách điệu nằm trong hình tròn trên nền hình một tam giác có các cạnh được uốn cong, bên dưới hình tròn là phần chữ được cách điệu, tiếp đến là hình một ngôi sao, phần chữ trong nhãn hiệu đối chứng được đọc là "DALLAS MAVERICKS". Do đó, nhãn hiệu đăng ký khác biệt đáng kể với nhãn hiệu đối chứng về cách phát âm, cách trình bày và ngữ nghĩa.

Về mặt sản phẩm: Sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng là các sản phẩm chuyên biệt liên quan đến bóng rổ, trong đó bao gồm chương trình máy tính đặc biệt là thông tin, mẩu tin vặt, và/hoặc thông tin được thống kê về bóng rổ; hệ thống điều hành máy tính trong lĩnh vực bóng rổ; phần mềm máy tính đặc biệt về bóng rổ. Trong khi đó, các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là "phần mềm máy tính, cụ thể là phần mềm hệ điều hành máy tính". Rõ ràng, sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng khác biệt với sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký. Do tính chuyên biệt của sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng (cụ thể là liên quan

đến lĩnh vực bóng rổ), người sử dụng các sản phẩm này có hiểu biết nhất định về nhãn hiệu và sản phẩm họ dự định mua/sử dụng. Vì vậy, những người này sẽ không nhầm lẫn giữa sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng và sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký.

Với sự khác biệt về dấu hiệu, sản phẩm và tính chuyên biệt của sản phẩm mang hai nhãn hiệu, có cơ sở để khẳng định rằng nhãn hiệu đăng ký khác biệt, không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Nhãn hiệu đăng ký là một tổng thể bao gồm nhiều thành phần nên phải được xem xét tổng thể và không thể tách rời từng thành phần và đánh giá nhãn hiệu không có tính phân biệt tự thân do là chữ cái đơn giản và mang tính mô tả là không hợp lý. Trên thực tế, nhãn hiệu đăng ký đã và đang thực hiện đầy đủ chức năng của một nhãn hiệu do đã được sử dụng và nhận biết rộng rãi trên thị trường và đạt được lợi thế thương mại nhất định.

- Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng gắn liền với hệ điều hành máy tính OS X Mavericks của riêng người nộp đơn Apple. Hệ điều hành máy tính này được cài đặt sẵn trong các máy tính Mac của Apple hoặc có thể được tải về các máy tính Mac tương thích của Apple từ khi sản phẩm được ra mắt. Vì vậy, sản phẩm này có liên quan chặt chẽ với doanh số máy tính Mac. Càng nhiều máy tính Mac được bán ra, càng có nhiều người tiêu dùng biết đến nhãn hiệu đăng ký. Doanh số của các máy tính Mac tại Việt Nam và toàn thế giới là rất cao, trung bình hơn 15.000 máy mỗi năm trong giai đoạn 2010-2014.

Việc sử dụng này cũng thể hiện và chứng minh cho việc không có xung đột hay nhầm lẫn nào với nhãn hiệu đối chứng trên thị trường thực tế.

Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ cũng như đồng tồn tại với nhãn hiệu đối chứng tại nhiều nước trên thế giới bao gồm nhưng không giới hạn tại Cộng đồng chung Châu Âu (OHIM), Mỹ, Úc, Trung Quốc, Mexico... Việc các nhãn hiệu được cùng bảo hộ cũng như đồng tồn tại tại các quốc gia này chứng minh rằng các nhãn hiệu được coi là không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau và người tiêu dùng sẽ không nhầm lẫn về nguồn gốc các sản phẩm mang các nhãn hiệu này, cũng như bản thân nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có tính phân biệt tự thân để có thể bảo hộ là nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu"*.

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu"*.

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Về dấu hiệu:

Hai nhãn hiệu đang được xem xét đều chứa thành phần chữ "MAVERICKS" - là yếu tố nổi bật, dễ nhận biết và gây chú ý khi phát âm, nhất là trong môi trường truyền thông bằng âm thanh. Trong cả hai nhãn hiệu, phần "MAVERICKS" đều đóng vai trò chính về mặt âm thanh, từ đó có thể dẫn đến một mức độ ấn tượng tương tự về phương diện thính giác khi người tiêu dùng tiếp xúc qua lời nói, nghe quảng cáo hoặc giới thiệu sản phẩm.

Phần chữ OS trong nhãn hiệu đăng ký là ký tự viết tắt của từ tiếng Anh "Operating System" có nghĩa tiếng Việt là "hệ điều hành" – thành phần cốt lõi giúp thiết bị điện tử hoạt động và điều phối phần mềm, phần cứng, do đó thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Phần chữ X là chữ cái thông thường, thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Về hàng hóa mang nhãn hiệu:

Các hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký "OS X MAVERICKS" có thể nhóm lại thành các nhóm cơ bản gồm: thiết bị điện tử cá nhân và di động; thiết bị máy tính, phần cứng và ngoại vi; thiết bị âm thanh, hình ảnh và đa phương tiện; phần mềm máy tính và nội dung số; thiết bị định vị, đo lường và giám sát; thiết bị viễn thông và truyền thông; thiết bị trò chơi điện tử và giải trí và thiết bị chuyên dụng khác...

Các hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng "DALLAS MAVERICKS, hình": cũng được sử dụng cho các hàng hóa tương tự, cụ thể là thiết bị âm thanh, hình ảnh và đa phương tiện; các phần mềm mang nội dung thông tin, số liệu thống kê, trò chơi và hình ảnh về bóng rổ; thiết bị trò chơi điện tử và giải trí và thiết bị chuyên dụng khác.

Về tính chất, tuy nội dung phần mềm khác nhau (một bên là phần mềm điều hành, một bên là phần mềm thể thao), nhưng cả hai vẫn là phần mềm máy tính có thể phân phối qua nền tảng kỹ thuật số, cùng xuất hiện trong kho ứng dụng, trên máy tính, thiết bị số, phục vụ nhu cầu sử dụng thông thường của người tiêu dùng hiện đại.

Về chức năng và mục đích sử dụng các hàng hóa mang hai nhãn hiệu đều tương tự nhau, kể cả đối với phần mềm thì cả hai đều giúp người tiêu dùng quản lý, truy cập hoặc tương tác với thông tin kỹ thuật số, nên vẫn có thể bị người tiêu dùng hiểu nhầm là có chung một nhà cung cấp hoặc có mối liên hệ về mặt thương mại.

Về kênh thương mại, các hàng hóa mang hai nhãn hiệu đang xem xét đều được phân phối thông qua nền tảng số, mạng internet, kho ứng dụng, cửa hàng phần mềm, các cửa hàng bán thiết bị điện tử, viễn thông... tức là cùng kênh lưu thông.

Do đó, dù có khác biệt về nội dung và mục tiêu người dùng cuối, sự trùng lặp phần chữ "MAVERICKS" – là yếu tố nổi bật tạo ra khả năng phân biệt khi phát âm – cùng với việc các hàng hóa mang hai nhãn hiệu là các sản phẩm thuộc cùng loại hàng hóa, có thể được phân phối qua cùng kênh và hướng đến đối tượng người dùng có sự giao thoa, có thể tạo ra ấn tượng ban đầu giống nhau và gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại.

Từ các phân tích nêu trên cho thấy nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1183537 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/46 NDT06 ngày 18/11/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1183537.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Apple Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Apple Inc. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159674/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Procter & Gamble Company
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

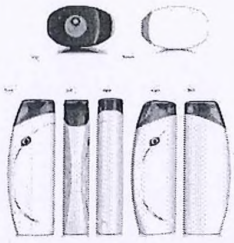
HNT162

Xét đơn số KN4-2025-00064 ngày 03/02/2025 của The Procter & Gamble Company; địa chỉ: One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati, Ohio 45202, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH)

đối với đơn số 4-2016-20613 theo Quyết định số 124517/QĐ-SHTT.IP ngày 28/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5523/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The Procter & Gamble Company với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu “  ” theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-20613 cho nhóm 3 (nhãn hiệu đăng ký) đã bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 124517/QĐ-SHTT.IP ngày 28/10/2024 với lý do nhãn hiệu là hình dáng thông thường của sản phẩm và không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT).

Người nộp đơn khiếu nại việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý do và lập luận như sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký về tổng thể có khả năng phân biệt tự thân do là một hình dáng độc đáo và cũng được cấu thành từ các dấu hiệu có khả năng phân biệt.

- Nhãn hiệu đăng ký gây ấn tượng riêng biệt cho người tiêu dùng và khác biệt với hình ảnh các chai thông thường của các sản phẩm cùng loại, cụ thể như sau:

+ Nhìn từ phía trước, hình cái chai xin đăng ký có hình cánh buồm với một cạnh thẳng đứng và cạnh đối diện có dạng vòng cung, hai cạnh trên và dưới bằng nhau và vuông góc với cạnh thẳng đứng. Hình cánh buồm là một hình dáng rất đặc biệt, không được sử dụng phổ biến cho hình ảnh cái chai của các sản phẩm cùng loại và có sự khác biệt so với các hình dáng bình thường của chai.

+ Qua tra cứu trên internet về hình ảnh các chai thông thường chứa đựng các sản phẩm trong Nhóm 3 cho thấy nhãn hiệu đăng ký là hình dạng độc đáo, không tương tự với bất kỳ hình dáng nào đang dùng cho các sản phẩm cùng loại.

- Ngoài thiết kế độc đáo, mặt trước của thân chai còn có một hình lốc xoáy mà đã được đăng ký bảo hộ theo đăng ký nhãn hiệu số 499454 dưới tên của người nộp đơn. Việc dấu hiệu này được đăng ký độc lập chứng tỏ rằng bản thân dấu hiệu đó có khả năng phân biệt tự thân và có thể giúp phân biệt nguồn gốc xuất xứ của các sản phẩm mang dấu hiệu này với các sản phẩm của các chủ thể khác.

Thứ hai, nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và biết đến rộng rãi, gắn liền với danh tiếng và uy tín của người nộp đơn.

- Nhãn hiệu đăng ký được dùng cho sản phẩm dầu gội thuộc thương hiệu Head & Shoulders. Đây là một thương hiệu nổi tiếng dành cho các sản phẩm dầu gội và chăm sóc tóc, được ra mắt vào năm 1961. Trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, Head & Shoulders đã trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong việc chăm sóc tóc và là dầu gội đầu sạch gàu được thử nghiệm nhiều nhất và đáng tin cậy nhất. Thương hiệu Head & Shoulders đã có mặt tại Việt Nam hơn 30 năm và nhãn hiệu đăng ký cũng được sử dụng liên tục và lâu dài trong hơn một thập kỷ.

- Sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký được phân phối rộng khắp Việt Nam tại các cửa hàng tạp hóa, siêu thị, trung tâm thương mại, v.v trên toàn quốc cũng như trên các kênh phân phối trực tuyến qua các trang thương mại điện tử tại Việt Nam như Tiki, Shopee, Lazada. Do đó, người tiêu dùng Việt Nam có thể dễ dàng tiếp cận và nhận biết các sản phẩm này thuộc sở hữu của người nộp đơn.

- Nhãn hiệu đăng ký còn được quảng bá rộng rãi trên các nền tảng mạng xã hội dành riêng cho thương hiệu cũng như trên các phương tiện truyền thông đại chúng như truyền hình, báo và tạp chí (dạng giấy và điện tử), trong các chương trình, sự kiện văn hóa thể thao với tần suất dày đặc.

- Thông qua quá trình sử dụng và quảng bá lâu dài và liên tục của người nộp đơn tại Việt Nam, nhãn hiệu đăng ký đã được người tiêu dùng biết đến rộng rãi như là một dấu hiệu để phân biệt các sản phẩm của P&G với các sản phẩm của các chủ thể khác. Nói cách khác, khi nhìn vào nhãn hiệu đăng ký, người tiêu dùng sẽ dễ dàng nhận biết đó là sản phẩm gắn kết độc quyền với P&G. Do đó, nhãn hiệu đăng ký đã thực hiện tốt chức năng của một nhãn hiệu, là dấu hiệu chỉ dẫn về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm và không thể bị từ chối theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 của Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Dấu hiệu yêu cầu bảo hộ là hình dạng ba chiều của chai chứa chất lỏng, được thể hiện từ nhiều góc nhìn khác nhau. Dấu hiệu này có cấu trúc tổng thể đơn giản, mang hình dáng thuôn dài, nắp dạng vát lệch màu xanh, thân màu trắng – là kiểu dáng phổ biến thường gặp trên thị trường đối với bao bì các sản phẩm mỹ phẩm, dầu gội hoặc chế phẩm vệ sinh dạng lỏng. Trên thân chai có một số chi tiết hình học trang trí, tuy nhiên các chi tiết này được thể hiện mờ, không rõ ràng về nội dung và không tạo ấn tượng đặc biệt về mặt thị giác. Do đó, các yếu tố này không đủ để tạo ra sự khác biệt về tổng thể so với hình dạng thông thường của hàng hóa cùng loại và không đóng góp vào khả năng phân biệt của nhãn hiệu. Hình dáng của bao bì nêu trên chủ yếu phục vụ cho mục đích chức năng (thuận tiện cho việc cầm nắm, đóng mở, bảo quản sản phẩm), không có đặc trưng riêng biệt giúp người tiêu dùng nhận biết nguồn gốc thương mại của hàng hóa.

Vì vậy, dấu hiệu bị coi là hình dạng thông thường của bao bì hàng hóa, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-20613 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 124517/QĐ-SHTT.IP ngày 28/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-20613 ngày 08/07/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, The Procter & Gamble Company có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Procter & Gamble Company (qua Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159675/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1270953 của Covance Limited (GB) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

TTN105

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2017-00428 ngày 07/4/2017 của Covance Limited; địa chỉ: Otley Road, Harrogate North Yorkshire HG3 1PY, United Kingdoms; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế hết hiệu lực từ ngày 11/12/2024 vì không được

chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Covance Limited (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159676/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HCP HEALTHCARE ASIA PTE. LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-00890 ngày 15/8/2017 của HCP HEALTHCARE ASIA PTE. LTD.; địa chỉ: 150 BEACH ROAD, #33-07/08 GATEWAY WEST SINGAPORE 189720, Singgapore; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1297057 theo Thông báo số 2016/17 NDT06 ngày 07/4/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5403/BC-TTKN

ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HCP HEALTHCARE ASIA PTE. LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu đăng ký "Hình" theo ĐQT số 1297057 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "Alvityl, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 79040. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "Hình" theo ĐQT số 1297057 với lý do:

1. Người nộp ĐQT nhãn hiệu nêu trên cũng đồng thời là chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và không còn quan tâm đến nhãn hiệu đối chứng nữa

Nhãn hiệu đối chứng đã được chuyển nhượng cho chủ ĐQT nêu trên. Lịch sử chuyển nhượng của nhãn hiệu đối chứng được thể hiện như sau:

- Đầu tiên, nhãn hiệu đối chứng được chuyển nhượng từ SOLVAY PHARMA SAS sang BELALDEBARAN với các thông tin như sau:

Bên chuyển nhượng: SOLVAY PHARMA Société par actions simplifiée

Địa chỉ: 42, rue Rouget de Lisle, 921150 SURESNES cedex, France

(Xin giải thích rõ hơn rằng: "Cedex" có nghĩa là Courrier d'Entreprise à Distribution Exceptionnelle ("kinh doanh mail đặc biệt") được thiết kế cho người nhận khối lượng thư lớn;

Société par actions simplifiée được viết tắt là S. A. S., có nghĩa là "Công ty cổ phần đơn giản")

Bên nhận chuyển nhượng: BELALDEBARAN

Địa chỉ: rue des trois arbres, 16a-Brussels, Belgium

(Tham khảo mục 4.1. Chứng thư và phụ lục 1 là tài liệu thể hiện việc chuyển nhượng nhãn hiệu đối chứng từ SOLVAY PHARMA SAS đến BELALDEBARAN)

- Sau đó, nhãn hiệu đối chứng được chuyển nhượng từ BELALDEBARAN sang người nộp ĐQT - HCP HEALTH ASIA PTE. LTD., với các thông tin như sau:

Bên chuyển nhượng: BELALDEBARAN

Địa chỉ: rue des trois arbres, 16a- B-1180 Brussels, Belgium

(Xin được giải thích rằng B-1180 là mã bưu điện, chữ "B" là một tham chiếu đến thành phố Brussels)

Bên nhận chuyển nhượng: HCP HEALTHCARE ASIA PTE. LTD.

Địa chỉ: 3 Biopolis Drive, #01-13/14 Synapse Building Singapore 138623 Singapore

(Tham khảo mục 4.2 Chứng và Phụ lục 2 là bản sao Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu đối chứng từ BELALDEBARAN sang HCP HEALTH ASIA PTE. LTD.)

Như vậy, người nộp ĐQT nhãn hiệu nêu trên cũng đồng thời là chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên, do người nộp ĐQT nêu trên không còn quan tâm đến nhãn hiệu đối chứng nên đã không tiến hành thủ tục gia hạn cũng

như ghi nhận việc chuyển nhượng nhãn hiệu đối chứng nêu trên tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Như vậy, nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 79040 không còn được coi là đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký nữa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Do nhãn hiệu đối chứng "Alvityl, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 79040 đã hết hiệu lực từ ngày 08/4/2015 nên không lấy nhãn hiệu này làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1297057, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/17 NDT06 ngày 07/4/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1297057.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1297057.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HCP HEALTHCARE ASIA PTE. LTD. (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159677/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SAMSUNG C&T CORPORATION (a Korean Corporation)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2017-00072 ngày 24/01/2017 của SAMSUNG C&T CORPORATION (a Korean Corporation); địa chỉ: 123, Olympic-ro, 35-gil, Songpa-gu, Seoul, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-28532 theo Quyết định số 68402/QĐ-SHTT ngày 26/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5457/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SAMSUNG C&T CORPORATION (a Korean Corporation) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu đăng ký "STEP, Samsung Team of Empowered Partners, hình" theo Đơn số 4-2013-28532 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "Samsung, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNKĐKNH) số 31311, nhãn hiệu "HASAICO.COM, INFORMATION FOR LIFE, hình" theo GCNĐKNH số 127505 và nhãn hiệu "D-STEP" bảo hộ theo GCNĐKNH số 138453. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "STEP Samsung Team of Empowered Partners, hình" theo ĐQT số 4-2013-28532 với lý do:

1. Samsung C&T Corporation (a Korean Corporation), người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-28532 "STEP, Samsung Team of Empowered Partners, hình" cũng đồng thời là chủ sở hữu của nhãn hiệu đối chứng "Samsung, hình" theo ĐKNH số 31311

Tên và trụ sở của người nộp đơn, Samsung C&T Corporation (a Korean Corporation) đã được thay đổi. Hiện tại, Công ty Samsung đang tiến hành thủ tục ghi nhận thay đổi địa chỉ của chủ sở hữu cho GCNĐKNH số 31311 "SAMSUNG, hình" cho phù hợp với địa chỉ của người nộp đơn ĐKNH số 4-2013-28532 "STEP, Samsung Team of Empowered Partners, hình".

Các tài liệu liên quan đến thủ tục thay đổi địa chỉ cho nhãn đối chứng 31311 "SAMSUNG, hình" xin được bổ sung sau.

2. Nhãn hiệu xin đăng ký "STEP, Samsung Team of Empowered Partners, hình" theo đơn nhãn hiệu số 4-2013-28532 khác biệt biệt và có khả năng phân biệt với nhãn đối chứng "S HASAICO.COM, INFORMATION FOR LIFE, hình" về dịch vụ xin đăng ký.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, đánh giá qua so sánh thực tế sau:

Sản phẩm xin đăng ký theo Đơn ĐKNH số 4-2013-28532	**Sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng số 127505**
Nhóm 35: Dịch vụ quản lý chương trình khách hàng trung thành được đưa tới các đại lý, tới người bán hàng và tới các nhà phân phối dưới hình thức	**Nhóm 35:** Dịch vụ quảng cáo trực tuyến qua mạng máy tính; dịch vụ xây dựng các chương trình quảng cáo, tiếp thị, giới thiệu sản phẩm trên in-tơ-nét,

khuyến mại, cho điểm thưởng và giảm giá cho khách hàng.	báo chí, truyền hình.

Theo bảng liệt kê nêu trên, các dịch mang nhãn hiệu xin đăng ký theo Đơn nhãn hiệu số 4-2013-28532 "STEP, Samsung Team of Empowered Partners, hình" hoàn toàn khác với các dịch vụ đối chứng theo Đăng ký số 127505 "S HASAICO.COM, INFORMATION FOR LIFE, hình". Các dịch vụ này phục vụ cho đối tượng người tiêu dùng khác nhau với mục đích hoàn toàn khác nhau.

Căn cứ Điểm 39.9 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, các dịch vụ xin đăng ký theo Đơn nhãn hiệu số 4-2013-28532 "STEP Samsung Team of Empowered Partners, hình" khác biệt và không tương tự với các dịch vụ được bảo hộ theo nhãn hiệu đối chứng số Đăng ký số 127505 "S HASAICO.COM" trên cơ sở sự khác biệt về bản chất, chức đối tượng khách hàng cũng như mục đích sử dụng của dịch vụ.

3. Nhãn hiệu xin đăng ký "STEP Samsung Team of Empowered Partners & Hình" theo đơn nhãn hiệu số 4-2013-28532 khác biệt biệt và có khả năng phân biệt với nhãn đối chứng "S HASAICO.COM" và "D-STEP" về tổng thể nhãn hiệu

Nhãn hiệu xin đăng ký là một tổng thể bao gồm: chữ "S" viết cách điệu nghiêng về phía bên phải, chữ "S" được tạo thành bởi hình 2 cánh cung ngược chiều nhau nét thanh mỏng dần; phía bên phải là chữ "STEP" viết in hoa và 2 dòng chữ "Samsung Team of và "Empowered Partners". Trong đó, "Samsung" là tên Công ty của người nộp đơn.

Nhãn hiệu đối chứng "S HASAICO.COM" là một tổng thể bao gồm chữ cái "S" viết cách điệu theo chiều thẳng đứng màu xanh với 2 chấm bi đỏ ở 2 đầu chữ. Bên dưới là 2 dòng chữ viết in hoa "HASAICO.COM" màu đỏ và "INFORMATION FOR LIFE" màu xanh nước biển.

Nhãn hiệu đối chứng "D-STEP" là cụm từ "D-STEP" viết in hoa được tạo bởi chữ cái "D" và từ "STEP" nối với nhau bởi một dấu gạch ngang.

Trong khi đó, "STEP" là từ có nghĩa trong tiếng Anh, ý nghĩa là "bước đi, bước nhảy". Vì vậy, "STEP" không phải là từ có tính phân biệt cao, không thuộc sở hữu của bất kỳ chủ thể nào.

Tất cả các dấu hiệu chữ của nhãn hiệu xin đăng ký kết hợp như nêu trên tạo nên một nhãn hiệu mang tính sáng tạo của người nộp đơn, nhờ đó mà nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt riêng về ấn tượng về thị giác và cảm

quan đối với người tiêu dùng và hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về ấn tượng thị giác đối với hình thức tổng thể nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "Samsung, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 31311

Theo ghi nhận trên cơ sở dữ liệu cho thấy người nộp đơn là chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng, do người nộp đơn đã sửa đổi địa chỉ của đơn đăng ký số 4-2013-28532 phù hợp với địa chỉ của chủ GCNĐKNH số 31311, theo đó tên và địa chỉ như sau: SAMSUNG C&T CORPORATION (a Korean Corporation); Địa chỉ: 123, Olympic-ro, 35-gil, Songpa-gu, Seoul, Republic of Korea. Do vậy, nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 31311 không còn là đối chứng đối với đơn đăng ký.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "HASAICO.COM, INFORMATION FOR LIFE, hình" theo GCNĐKNH số 127505

- Về nhãn hiệu: Phần hình của nhãn hiệu đăng ký và phần hình của nhãn hiệu đối chứng nêu trên đều được tạo bởi hai đường cong có hình dạng tương tự nhau, móc vào nhau và tạo thành hình chữ "S" cách điệu, do vậy phần hình của nhãn hiệu đăng ký có cách thể hiện và trình bày tương tự gây nhầm lẫn với nhau.

- Về dịch vụ áp dụng: Nhãn hiệu đăng ký áp dụng cho dịch vụ nhóm 35: "Dịch vụ quản lý chương trình khách hàng trung thành được đưa tới các đại lý, tới người bán hàng và tới các nhà phân phối dưới hình thức khuyến mại, cho điểm thưởng và giảm giá cho khách hàng" và nhãn hiệu đối chứng áp dụng: "Dịch vụ quảng cáo trực tuyến qua mạng máy tính; dịch vụ xây dựng các

chương trình quảng cáo, tiếp thị, giới thiệu sản phẩm trên in-tơ-nét, báo chí, truyền hình".

Tổng hợp các nhận định và đánh giá trên cho thấy, các nhãn hiệu tương tự nhau và cùng áp dụng cho dịch vụ liên quan đến lĩnh vực marketing, xúc tiến bán hàng, do vậy việc các chủ thể khác nhau sử dụng các đích vụ giống hoặc liên quan đến nhau sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn cung ứng dịch vụ.

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 127505 hết hiệu lực từ ngày 09/8/2017 nhưng tính từ khi ban hành Quyết định từ chối là ngày 26/10/2016 thì nhãn hiệu đối chứng hết hiệu lực chưa quá 5 năm.

c. Đối với nhãn hiệu đối chứng "D-STEP" bảo hộ theo GCNĐKNH số 138453

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều có chung phần chữ "STEP" là thành phần chính, phân biệt của các nhãn hiệu.

- Về dịch vụ áp dụng: Nhãn hiệu đăng ký áp dụng cho dịch vụ nhóm 35: "Dịch vụ quản lý chương trình khách hàng trung thành được đưa tới các đại lý, tới người bán hàng và tới các nhà phân phối dưới hình thức khuyến mại, cho điểm thưởng và giảm giá cho khách hàng" và nhãn hiệu đối chứng áp dụng: "Tổ chức và quản lý các chương trình khích lệ, động viên kinh doanh".

Tổng hợp các nhận định và đánh giá trên cho thấy, các nhãn hiệu tương tự nhau và cùng áp dụng cho dịch vụ liên quan đến lĩnh vực marketing, chăm sóc khách hàng, xúc tiến bán hàng, do vậy việc các chủ thể khác nhau sử dụng các đích vụ giống hoặc liên quan đến nhau sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn cung ứng dịch vụ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-28532 ngày 02/12/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 68402/QĐ-SHTT ngày 26/10/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-28532 ngày 02/12/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SAMSUNG C&T CORPORATION (a Korean Corporation) có

quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SAMSUNG C&T CORPORATION (a Korean Corporation) (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159678/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kabushiki Kaisha BANDAI NAMCO Entertainment (also trading as BANDAI NAMCO Entertainment Inc.)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2014-00063 ngày 25/01/2014 của Kabushiki Kaisha BANDAI NAMCO Entertainment (also trading as BANDAI NAMCO Entertainment Inc.); địa chỉ: 5-37-8 Shiba, Minato-ku, Tokyo, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-28172 theo Quyết định số 60006/QĐ-SHTT ngày 28/10/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5473/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kabushiki Kaisha BANDAI NAMCO Entertainment (also trading as BANDAI NAMCO Entertainment Inc.) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "PAC-MAN" theo đơn số 4-2011-28172 bị từ chối cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "PACMA" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 182976 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "PAC-MAN" theo đơn số 4-2011-28172 với các lý do sau:

1. Nhãn hiệu PAC-MAN của Công ty NAMCO đáp ứng tiêu chí bảo hộ của nhãn hiệu nổi tiếng, được bảo hộ trên cơ sở Điều 6bis Công ước Paris, Điều 6.1(e) Nghị định 63/CP và Điều 75 Luật Sở hữu Trí tuệ

PAC-MAN của Namco là hình ảnh nhân vật trong các trò chơi PACMAN và là một loại sản phẩm trò chơi trên máy giải trí sử dụng bằng đồng xu, loại máy này thường được lắp đặt ở những địa điểm kinh doanh công cộng (game arcase), được phát hành đầu tiên tại Nhật Bản vào 22 tháng 5 năm 1980.

PAC-MAN là một trong những trò chơi arcade nổi tiếng nhất mọi thời đại và được ưa thích ngay từ khi được phát hành cho đến ngày nay. PAC-MAN được xem là một trò chơi kinh điển và trở thành một biểu tượng văn hóa đại chúng những năm 80.

PAC-MAN đã được công nhận là nhãn hiệu nổi tiếng bởi Cơ quan Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc - thành viên Công ước Paris và các sản phẩm PAC-MAN đã có mặt tại hơn 173 quốc gia trên toàn thế giới thế giới.

Nhãn hiệu "PAC-MAN" đã được Namco Bandai Games Inc đăng ký bảo hộ tại 55 quốc gia trên thế giới.

2. Nhãn hiệu "PAC-MAN" theo đơn nhãn hiệu số 4-2011-28175 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "PACMA" dưới đăng ký số 182976 về cấu trúc, phát âm và ý nghĩa.

- Xét về cấu trúc: Nhãn hiệu xin đăng ký PAC-MAN bao gồm hai từ "PAC" và "MAN" và hai từ này được nối với nhau bằng một dấu gạch ngang. Trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ là một từ "PACMA".

- Xét về phát âm: do sự khác biệt về cấu trúc như trên, phát âm của PAC-MAN /pác-man/ cũng khác với phát âm của "PACMA" /pác-ma/

- Xét về ý nghĩa: "PAC-MAN" mang ý nghĩa về hình ảnh nhân vật trong các trò chơi nổi tiếng PAC-MAN như đã trình bày tại phần 1.2 nêu trên. Nhãn hiệu "PACMA" là từ tự đặt không có nghĩa.

Trên cơ sở phân tích trên đây, Công ty NAMCO cho rằng nhãn hiệu PAC-MAN đã trở nên nổi tiếng cho các sản phẩm "trò chơi", nên nhãn hiệu PAC-MAN có khả năng phân biệt tự thân cũng như có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "PACMA". Vì vậy, Công ty NAMCO cho rằng nhãn hiệu PAC-

MAN theo đơn nhãn hiệu số 4-2011-28172 đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và không thuộc trường hợp theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "PAC-MAN" bị từ chối vì tương tự với nhãn hiệu đối chứng "PACMA" vì các nhãn hiệu trùng nhau ở 5/6 ký tự, nhãn hiệu đối chứng nằm trọn trong nhãn hiệu đăng ký nên tương tự nhau về cấu tạo từ.

- Nhãn hiệu đối chứng "PACMA" theo GCNĐKNH số 182976 hết hiệu lực từ ngày 22/12/2020 và Quyết định từ chối số 60006/QĐ-SHTT ngày 28/10/2013, như vậy tại thời điểm ban hành Quyết định từ chối thì nhãn hiệu đối chứng vẫn còn hiệu lực. Do vậy, nhãn hiệu "PACMA" được lấy ra làm đối với đơn đăng ký là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về ý kiến yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu "PAC-MAN" là nhãn hiệu nổi tiếng và biết đến rộng rãi tại Việt Nam, đặc biệt đối với sản phẩm thuộc nhóm 25 là không có cơ sở. Nhãn hiệu "PAC-MAN" chỉ được một bộ phận người tiêu dùng biết đến với lĩnh vực trò chơi điện tử là chủ yếu và chưa được thừa nhận rộng rãi. Vì vậy, không thể xem xét nhãn hiệu "PAC-MAN" theo điều kiện bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng theo Điều 74.2.i và biết đến rộng rãi theo Điều 74.2.g Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-28172 ngày 30/12/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 60006/QĐ-SHTT ngày 28/10/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-28172 ngày 30/12/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Kabushiki Kaisha BANDAI NAMCO Entertainment (also trading as

BANDAI NAMCO Entertainment Inc.) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kabushiki Kaisha BANDAI NAMCO Entertainment (also trading as BANDAI NAMCO Entertainment Inc.) (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159679/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Culinary Arts Academy Switzerland SA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2014-01244 ngày 19/12/2014 của Culinary Arts Academy Switzerland SA; địa chỉ: Route Cantonale 51 CH-1897 Bouveret; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1171278 theo Thông báo số 2013/31 NDT39 ngày 08/8/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5498/BC-TTKN

ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Culinary Arts Academy Switzerland SA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Theo quy định tại các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 74 và khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "CULINARY ARTS ACADEMY, SWITZERLAND, hình" đăng ký theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1171278 bị tạm thời từ chối bảo hộ tại Việt Nam vì (i) nhãn hiệu có chứa dấu hiệu hình và hình học đơn giản; (ii) dấu hiệu mang tính mô tả cho dịch vụ; (iii) dấu hiệu chứa dấu hiệu "SWITZERLAND" là tên địa danh của Thụy Sĩ; (iv) dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng,chất lượng, giá trị hoặc đặc tính khác của dịch vụ do đó không đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

a. Liên quan đến việc từ chối trên cơ sở Điều 73.5, người nộp đơn đã giới hạn danh mục dịch vụ chỉ liên quan đến "culinary arts" ("nghệ thuật ẩm thực"), theo đó danh mục giới hạn gồm:

- Nhóm 35: "Quảng cáo; quản lý kinh doanh, quản trị kinh doanh; hoạt động văn phòng; giới thiệu việc làm cho sinh viên trong các trường học và trường đại học trong lĩnh vực trong nước và nước ngoài, tuyển dụng nhân sự và giới thiệu việc làm; tất cả trong lĩnh vực nghệ thuật ẩm thực".
- Nhóm 41: "Giáo dục; đào tạo; hoạt động trường dạy nghề và giáo dục trình độ cao hơn trong lĩnh vực nghệ thuật ẩm thực; giáo dục trong lĩnh vực nghệ thuật ẩm thực kết hợp với các trường học và đại học về khách sạn trong lãnh thổ trong nước và ngoài nước; giải trí; hoạt động thể thao và văn hóa; tất cả trong lĩnh vực nghệ thuật ẩm thực".
- Nhóm 43: "Dịch vụ cung cấp đồ ăn và đồ uống; tư vấn trong lĩnh vực nghệ thuật ẩm thực".

b. Liên quan đến từ chối trên cơ sở Điều 74.2.c

- Nhãn hiệu "CULINARY ARTS ACADEMY, SWITZERLAND, hình" được sử dụng ở Châu Á lần đầu tiên năm 2011 khi các chương trình đạo tạo do chủ đơn đưa ra bắt đầu được tiến hành tại Châu Á;
- Tại Việt Nam, số người tiêu dùng biết đến "CULINARY ARTS ACADEMY, SWITZERLAND, hình" lên đến hàng nghìn thông qua số liệu đội ngũ nhân viên bán hàng. Số lượng này còn nhiều hơn thực tế bởi có nhiều câu hỏi của người tiêu dùng được gửi đến chương trình thông qua email hoặc tại các buổi hội thảo, thăm quan trường,…
- Các dịch vụ của "CULINARY ARTS ACADEMY, SWITZERLAND, hình" được cung cấp tại mọi quốc gia châu Á trừ Bắc Triều Tiên.
- Chi phí người nộp đơn dành cho các hoạt động quảng cáo cho nhãn hiệu "CULINARY ARTS ACADEMY, SWITZERLAND, hình" trong 05 năm gần đây lên đến 400.000 franc Thụy Sĩ.
- Nhãn hiệu "CULINARY ARTS ACADEMY, SWITZERLAND, hình" hiện đã được bảo hộ tại 17 quốc gia Châu Âu và Hoa Kỳ.

c. Liên quan đến từ chối trên cơ sở Điều 74.2.a và 74.2.đ

- Phần hình bao gồm các đường gạch dọc cũng như phần chữ "SWITZERLAND" chỉ là thành phần yếu trong nhãn hiệu, không phải là thành phần chính trong tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu. Ngoài ra, người nộp đơn là một công ty có trụ sở tại Thụy Sĩ, do đó việc nhãn hiệu chứa tên địa lý Switzerland sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của dịch vụ mang nhãn hiệu. Do đó, người nộp đơn đề nghị bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "CULINARY ARTS ACADEMY, SWITZERLAND, hình", không bảo hộ riêng phần hình và "SWITZERLAND".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

- Người nộp đơn đã giới hạn lại danh mục dịch vụ thuộc nhóm 35, 41 và 44 theo đó sau khi giới hạn thì các dịch vụ chỉ liên quan đến "culinary art" (nghệ thuật ẩm thực"), cụ thể:

- Nhóm 35: "Quảng cáo; quản lý kinh doanh, quản trị kinh doanh; hoạt động văn phòng; giới thiệu việc làm cho sinh viên trong các trường học và trường đại học trong lĩnh vực trong nước và nước ngoài, tuyển dụng nhân sự và giới thiệu việc làm; tất cả trong lĩnh vực nghệ thuật ẩm thực".

- Nhóm 41: "Giáo dục; đào tạo; hoạt động trường dạy nghề và giáo dục trình độ cao hơn trong lĩnh vực nghệ thuật ẩm thực; giáo dục trong lĩnh vực nghệ thuật ẩm thực kết hợp với các trường học và đại học về khách sạn trong lãnh thổ trong nước và ngoài nước; giải trí; hoạt động thể thao và văn hóa; tất cả trong lĩnh vực nghệ thuật ẩm thực".

- Nhóm 43: "Dịch vụ cung cấp đồ ăn và đồ uống; tư vấn trong lĩnh vực nghệ thuật ẩm thực".

- Người nộp đơn có địa chỉ tại Thụy Sĩ nên với các thông tin và lập luận nêu trên nhãn hiệu không làm người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của các dịch vụ đó. Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

- Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "CULINARY ARTS ACADEMY, SWITZERLAND, hình", không bảo hộ riêng "SWITZERLAND", "CULINARY ARTS" và "ACADEMY" theo ĐQT số 1171278.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1171278, không áp dụng quy định tại điểm a, c, đ khoản 2 Điều 74 và khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/31 NDT39 ngày 08/8/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1171278.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "CULINARY ARTS ACADEMY, SWITZERLAND, hình", không bảo hộ riêng "SWITZERLAND", "CULINARY ARTS" và "ACADEMY" theo đơn quốc tế số 1171278.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Culinary Arts Academy Switzerland SA (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159680/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của OREX TRAVEL S.R.O
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2014-01207 ngày 09/12/2014 của OREX TRAVEL S.R.O; địa chỉ: Narodni 1010/9 CZ-110 00 Praha (CZ); đại diện bởi: Công ty TNHH Ban Ca; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1176006 theo Thông báo số 2013/38 DQT26 ngày 25/9/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5526/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của OREX TRAVEL S.R.O với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Orex Travel, hình" theo Đơn quốc tế (ĐQT) số 1176006 áp dụng cho các dịch vụ thuộc nhóm 39, 41, 43 bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "REX HOTEL, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 24210 theo Điều 74.2.e. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "Orex Travel, hình" theo ĐQT số 1176006 với các lý do sau:

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về thành phần cấu tạo, cách trình bày, ý nghĩa, cách phát âm. Cụ thể, về thành phần cấu tạo và cách trình bày, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký là chữ "Orex travel" đặt trên nền một hình vuông màu cam. Phần chữ "Orex" được trình bày cách điệu với chữ "O" màu xanh có bóng to màu cam nhạt, chữ "rex" màu trắng và chữ "Travel" màu đen. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng bao gồm chữ "REX HOTEL" viết hoa cách điệu đậm nét đặt giữa hình vương miện ở bên trên và hình bốn ngôi sao ở bên dưới. Tất cả các chữ và hình của nhãn hiệu đối chứng đều có màu đen. Cách trình bày của "Orex Travel, hình" đã tạo cho người tiêu dùng ấn tượng thị giác khác biệt với nhãn hiệu đối chứng. Về ý nghĩa, trong nhãn hiệu đối chứng, chữ "REX" có nghĩa là "nhà vua", "HOTEL" có nghĩa là khách sạn, và để minh họa cho ý nghĩa này là hình ảnh vương miện đặt phía trên chữ "REX HOTEL". Trong khi đó, ở nhãn hiệu yêu cầu đăng ký, chữ "Orex" là từ không có nghĩa và "Travel" có nghĩa là "đi lại, đi du lịch". Tuy "HOTEL" và "Travel" là các từ mô tả dịch vụ, nhưng đây là các dịch vụ khác nhau nên khi kết hợp với các từ "REX" và "Orex" vẫn tạo được sự phân biệt cho người tiêu dùng về ý nghĩa của nhãn hiệu. Về phát âm, từ "Orex" – yếu tố phân biệt chính trong nhãn hiệu yêu cầu đăng ký là từ có hai âm tiết (ə-reks), trong khi đó từ "REX" – yếu tố phân biệt chính trong nhãn hiệu đối chứng là từ có một âm tiết (reks). Các từ này lại được kết hợp với các từ "Travel" và "hotel" càng tạo nên sự khác nhau về âm thanh khi đọc lên của hai nhãn hiệu.

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về danh mục hàng hóa/dịch vụ. Cụ thể, các dịch vụ "giao thông vận tải, đóng gói và lưu giữ hàng hóa, sắp xếp các chuyến du lịch, đặt tua du lịch…" thuộc nhóm 39 và dịch vụ "giáo dục, đào tạo" thuộc nhóm 41 đăng ký trong ĐQT số 1176006 không tương tự với các dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng trong GCNĐKNH số 24210.

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký có sự phân biệt với nhãn hiệu đối chứng trong thực tế sử dụng. Cụ thể, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "Orex Travel, hình" được sử dụng giống hệt như đăng ký tại Đơn ĐKQT số 1176006. Còn nhãn hiệu đối chứng "REX HOTEL, hình", trên thực tế còn có tên gọi khác là khách sạn Bến Thành nên thường được sử dụng song song với cụm từ "KHÁCH SẠN

BẾN THÀNH". Đây là một khách sạn nổi tiếng sang trọng và có lịch sử lâu đời ở thành phố Hồ Chí Minh, do vậy người Việt Nam đã quen thuộc với nhãn hiệu "REX HOTEL, hình" và hình ảnh khách sạn REX (khách sạn Bến Thành) với hình vương miện ở bên trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Do nhãn hiệu đối chứng "REX HOTEL, hình" theo GCNĐKNH số 24210 đã hết hiệu lực từ ngày 01/11/2015 và không được chủ sở hữu gia hạn lại hiệu lực nên không lấy nhãn hiệu trên làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

- Chấp nhận bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "Orex Travel, hình", không bảo hộ riêng "Travel" theo ĐQT số 1176006.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1176006, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/38 DQT26 ngày 25/9/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1176006.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "Orex Travel, hình", không bảo hộ riêng "Travel" theo đơn quốc tế số 1176006.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và OREX TRAVEL S.R.O (qua Công ty TNHH Ban Ca) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159681/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của AstraZeneca AB
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2022-00703 ngày 31/5/2022 của AstraZeneca AB; địa chỉ: 151 85 Sodertalje, Sweden; đại diện bởi: Công ty TNHH Ban Ca; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-27064 ngày 06/11/2014 theo Quyết định số 25853/QĐ-SHTT ngày 31/3/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5411/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của AstraZeneca AB với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "QTERN" theo đơn số 4-2014-27064 bị từ chối vì tương tự với nhãn hiệu đối chứng "QTEN 25 emulcap, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký (GCNĐKNH) số 65602 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "QTERN" theo đơn số 4-2014-27064 với các lý do sau:

Người nộp đơn cho rằng Quyết định số 25853/QĐ-SHTT ngày 31/3/2022 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với nhãn hiệu "QTERN" có nhận định, kết luận không phù hợp với tình tiết, chứng cứ của vụ việc, cụ thể:

Trong công văn số 770/NH ngày 12/12/2016 trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung, người nộp đơn đã thông báo với Cục về yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo Đơn số ĐN1-2016-00249 ngày 30/11/2016 và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ dừng xem xét đơn nhãn hiệu số 4-2014-27064 cho đến khi thủ tục chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng hoàn thành. Tuy nhiên, Cục Sở hữu trí tuệ vẫn ban hành Quyết định số 25853/QĐ-SHTT ngày 31/3/2022 mà không đợi kết quả giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực liên quan.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nội dung trong đơn khiếu nại của người nộp đơn cũng thể hiện rằng người nộp đơn đã chủ động đề nghị nộp đơn chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo (đơn số ĐN1-2016-00249 ngày 30/11/2016) với lý do nhãn hiệu đối chứng không được sử dụng trong thời hạn 5 năm tính đến thời điểm yêu cầu. Việc này ảnh hưởng trực tiếp đến căn cứ từ chối đơn đăng ký.

Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại và khôi phục thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-27064.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-27064 ngày 06/11/2014.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 25853/QĐ-SHTT ngày 31/3/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-27064 ngày 06/11/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-27064 ngày 06/11/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và AstraZeneca AB (qua Công ty TNHH Ban Ca) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159682/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Société des Produits Nestlé S.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2014-00615 ngày 02/7/2014 của Société des Produits Nestlé S.A.; địa chỉ: 1800 Vevey, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Ban Ca; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1145224 theo Thông báo số 2013/11 HBN31 ngày 18/3/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5407/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Société des Produits Nestlé S.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "YES" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1145224 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "YES, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 46199, nhãn hiệu "O YES" theo GCNĐKNH số 113637, nhãn hiệu "Ô YES" theo GCNĐKNH số 95018, nhãn hiệu "Yesss" theo GCNĐKNH số 132822 và nhãn hiệu "MUNCHY YESSS, hình" theo GCNĐKNH số 21869. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "YES" theo ĐQT số 1145224 với các lý do sau:

Để tạo phân biệt giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 46199, nhãn hiệu "O YES" theo GCNĐKNH số 113637, nhãn hiệu "Ô YES" theo GCNĐKNH số 95018, người nộp đơn đã loại bỏ các nhóm 29 và 32 ra khỏi danh mục ĐQT số 1145224.

- Đối với các nhãn hiệu đối chứng nhãn hiệu "Yesss" theo GCNĐKNH số 132822 và nhãn hiệu "MUNCHY YESSS, hình" theo GCNĐKNH số 21869

Người nộp đơn đã tiến hành thủ tục chấm dứt hiệu lực các nhãn hiệu đối chứng theo ĐN1-2014-00133 ngày 24/6/2014 và ĐN1-2014-00205 ngày 11/9/2014

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "YES, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 46199

Do nhãn hiệu đối chứng "YES, hình" theo GCNĐKNH số 46199 đã hết hiệu lực từ 2021 và đến nay đã quá 3 năm hết hiệu lực nên không lấy nhãn hiệu trên làm đối chứng đối với ĐQT số 1145224.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "MUNCHY YESSS, hình" theo GCNĐKNH số 21869

Do nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã bị chấm dứt hiệu lực theo Quyết định số 1674/QĐ-SHTT ngày 22/4/2016 và quyết định này không bị khiếu nại nên không lấy nhãn hiệu trên làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

c. Đối với nhãn hiệu đối chứng "Yesss" theo GCNĐKNH số 132822

Do nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã bị chấm dứt hiệu lực theo Quyết định số 1875/QĐ-SHTT ngày 12/4/2019 và quyết định này không bị khiếu nại nên không lấy nhãn hiệu trên làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "Ô YES" theo GCNĐKNH số 95018 và nhãn hiệu "O YES" theo GCNĐKNH số 113637

Nhãn hiệu đăng ký "YES" và nhãn hiệu đối chứng "O YES" và "Ô YES" có phần chữ "YES" trùng nhau về cấu tạo từ, phát âm và ý nghĩa, đồng thời các nhãn hiệu đăng ký áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 30 và nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho sản phẩm nhóm 29, tuy nhiên các sản phẩm này có đối tượng khách hàng, kênh tiêu thụ giống nhau, do vậy việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1145224 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/11 HBN31 ngày 18/3/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1145224.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Société des Produits Nestlé S.A. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Société des Produits Nestlé S.A. (qua Công ty TNHH Ban Ca) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159683/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Vorwerk International AG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-00081 ngày 25/01/2017 của Vorwerk International AG; địa chỉ: Verenastrasse 39, CH-8832 Wollerau, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1269171 theo Thông báo số 2015/40 NDT14 ngày 06/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5412/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Vorwerk International AG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "VORWERK, hình" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1269171 bị coi là dấu hiệu, hình vẽ thông thường của sản phẩm theo Điều 74.2.b Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "VORWERK, hình" theo ĐQT số 1269171 với các lý do sau:

Vấn đề khiếu nại: Nhãn hiệu yêu cầu bảo hộ bị tạm thời từ chối đối với toàn bộ danh mục sản phẩm, dịch vụ đăng ký vì là dấu hiệu, hình vẽ thông thường của hàng hóa dịch vụ căn cứ theo Điều 74.2.b Luật Sở hữu trí tuệ.

- Nội dung chính trong đơn khiếu nại:

+ Nhãn hiệu xin đăng ký không phải là hình dáng thông thường được sử dụng cho các sản phẩm và dịch vụ xin đăng ký, không mang tính chức năng, có khả năng phân biệt cho các sản phẩm và dịch vụ xin đăng ký, hoàn toàn có thể thực hiện chức năng của nhãn hiệu là để phân biệt các sản phẩm và dịch vụ của người nộp đơn với các sản phẩm và dịch vụ cùng loại của các nhà cung cấp khác, do đó, hoàn toàn có thể được đăng ký như một nhãn hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ xin đăng ký.

+ Nhãn hiệu xin đăng ký là nhãn hình khối ba chiều như thể hiện trên mẫu nhãn được thể hiện với sự kết hợp của màu trắng, tím nhạt, xanh lá và xanh thẫm, góc dưới có từ VORWERK không có nghĩa trong từ điển và là tên người nộp đơn.

+ Nhãn hiệu xin đăng ký được chủ đơn sử dụng cho sản phẩm thẻ nhớ công thức nấu ăn. Đây là loại thẻ nhớ thông minh có lưu trữ sẵn các công thức nấu ăn và có thể tháo lắp trên thiết bị nấu ăn đa năng có lưu trữ công thức nấu ăn ngoài do chủ đơn sản xuất có tên gọi là Thermomix TM5. Có thể dễ dàng nhận thấy rằng nhãn hiệu xin đăng ký có hình dáng đặc biệt, khác hoàn toàn với hình dáng của các thẻ nhớ công thức nấu ăn hiện đang tồn tại trên thị trường.

+ Hình dáng và các đường nét của nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn không mang tính chức năng, nghĩa là không phải là hình dáng và các đường nét mà sản phẩm bắt buộc phải có để thực hiện các chức năng của sản phẩm.

+ Nhãn hiệu xin đăng ký đã được người nộp đơn đăng ký và sử dụng tại rất nhiều quốc gia và người tiêu dùng hoàn toàn có thể phân biệt các sản phẩm dịch vụ mang nhãn hiệu xin đăng ký với các sản phẩm dịch vụ cùng loại của các nhà cung cấp khác.

+ Nhãn hiệu xin đăng ký của "Vorwerk" đã được đăng ký bảo hộ tại 50 quốc gia tại Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á, Châu Úc, tiêu biểu là các quốc gia có công nghệ rất phát triển như các quốc gia Đức, Pháp, Áo, Bỉ, Đan Mạch, Phần Lan, Thụy Điển, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Na Uy, Ý, Úc, Niu Di Lân, Ailen, Nhật, Singapore, v.v. Các quốc gia này chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu xin

đăng ký và đều không coi nhãn hiệu xin đăng ký là hình dáng thông thường của sản phẩm và dịch vụ cùng loại. Trong số 50 quốc gia bảo hộ cho nhãn hiệu xin đăng ký có 9 quốc gia đã từng có dự định từ chối bảo hộ và sau đó đã thay đổi quyết định và cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu xin đăng ký.

2. Kiến nghị: Nhãn hiệu xin đăng ký theo ĐQT số 1269171 của Vorwerk hoàn toàn có khả năng phân biệt tự thân để thực hiện chức năng như một nhãn hiệu đối với các sản phẩm xin đăng ký trong nhóm 09, 41 và 43, do vậy người tiêu dùng hoàn toàn có thể nhận biết và phân biệt nhãn hiệu xin đăng ký như là một nhãn hiệu cho các sản phẩm dịch vụ của người nộp đơn. Trên cơ sở đó, chúng tôi trân trọng đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu xin đăng ký theo ĐKQT số 1269171 cho các sản phẩm xin đăng ký thuộc nhóm 09, 41 và 43 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "VORWERK, hình" bao gồm hình ba chiều và dấu hiệu chữ "VORWERK". Phần hình mô phỏng, gây liên tưởng tới hình dáng sử dụng cho sản phẩm thẻ nhớ, thiết bị lưu trữ dữ liệu kỹ thuật số; ổ đĩa flash usb;.... Do phần mô tả nhãn hiệu yêu cầu bảo hộ là nhãn hiệu 3 chiều là hình dáng của sản phẩm được sử dụng cho thẻ nhớ công thức nấu ăn, tuy nhiên, dấu hiệu hình nêu trên là hình ảnh thông thường của hàng hóa dùng để lưu trữ thẻ nhớ nên thuộc dấu hiệu loại trừ theo Điều 74.2.b Luật Sở hữu trí tuệ.

- Nhãn hiệu đăng ký "VORWERK, hình" được đăng ký tại nhiều quốc gia không phải là cơ sở để nhãn hiệu được bảo hộ tại Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1269171 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/40 NDT14 ngày 06/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1269171.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Vorwerk International AG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Vorwerk International AG (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159684/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CW Retail Holdings Pty Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2016-01002 ngày 07/12/2016 của CW Retail Holdings Pty Ltd; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1273955 theo Thông báo số 2015/45 TDH37 ngày 09/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5196/BC-

TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CW Retail Holdings Pty Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Stop Paying Too Much!! CHEMIST WAREHOUSE DISCOUNT CHEMIST, hình" theo đơn quốc tế số 1273955 bị tạm thời từ chối bảo hộ do mô tả sản phẩm đăng ký.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1273955 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký là một kết hợp phần hình và phần chữ trong đó: Phần hình là hình ảnh ngôi nhà được cách điệu hoá mầu đỏ, xanh có viền mầu vàng; phần chữ là cụm từ tiếng Anh "Stop Paying Too Much!! CHEMIST WAREHOUSE DISCOUNT CHEMIST" được viết thành năm dòng với các kích cỡ khác nhau, trong đó dòng trên cùng được trình bày theo cỡ chữ tiêu chuẩn, nét chữ mảnh, kích cỡ chữ nhỏ, hai dòng tiếp theo được trình bày cách điệu với cỡ chữ to, béo đậm, hai dòng dưới cùng có kiểu chữ béo, đậm.

Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia như Úc, Israel, Ấn Độ, Nhật Bản, New Zealand, Nga và Singapore.

Người nộp đơn cũng viện dẫn thực tiễn xét nghiệm tại Việt Nam đối với các nhãn hiệu có cấu trúc tương tự, bao gồm cả nhãn hiệu đã được cấp GCNĐKNH số 325979 cho chính chủ đơn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Stop Paying Too Much!! CHEMIST WAREHOUSE DISCOUNT CHEMIST, hình" được kết hợp giữa các từ ngữ mang tính mô tả rõ ràng về đặc điểm thương mại của dịch vụ (ví dụ: "Discount Chemist" – nhà thuốc giảm giá; "Warehouse" – mô hình kho hàng; "Stop Paying Too Much!!" – khẩu hiệu quảng cáo), cùng với phần hình ảnh đơn giản thể hiện mô hình nhà

kho với màu sắc thông thường. Các thành tố trong nhãn hiệu đều không có khả năng phân biệt nếu xét riêng, và khi kết hợp lại cũng không tạo ra dấu hiệu tổng thể đủ mạnh để tạo ấn tượng riêng biệt trong nhận thức của người tiêu dùng trung bình tại Việt Nam. Việc bố trí nhiều dòng chữ với phông chữ và màu sắc khác nhau tuy có hiệu ứng thị giác nhất định, nhưng không làm thay đổi bản chất mô tả trực tiếp về đặc điểm kinh doanh của chuỗi cửa hàng thuốc bán hàng giá rẻ.

Phần chữ "CHEMIST WAREHOUSE DISCOUNT CHEMIST" là cụm từ mô tả phổ biến cho mô hình phân phối dược phẩm dạng kho với giá chiết khấu, không tạo ra khả năng phân biệt hàng hóa/dịch vụ của một chủ thể cụ thể. Đồng thời, khẩu hiệu "Stop Paying Too Much!!" chỉ đóng vai trò như một thông điệp tiếp thị, không có chức năng xác định nguồn gốc thương mại.

Mặc dù nhãn hiệu trong GCNĐKNH số 325979 có phần hình ngôi nhà trùng với nhãn hiệu đăng ký, nhưng phần chữ thể hiện khác biệt rõ rệt về nội dung và cấu trúc. Nhãn hiệu bị từ chối chứa toàn bộ cụm từ mô tả mô hình kinh doanh dược phẩm ("Stop Paying Too Much!! CHEMIST WAREHOUSE DISCOUNT CHEMIST") nên mang tính mô tả cao.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ đơn quốc tế số 1273955 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/45 TDH37 ngày 09/11/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1273955.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CW Retail Holdings Pty Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và CW Retail Holdings Pty Ltd (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159687/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SanDisk LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00061 ngày 20/01/2017 của SanDisk LLC; địa chỉ: 951 SanDisk Drive, Milpitas, CA 95035, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-05638 theo Quyết định số 67534/QĐ-SHTT ngày 24/10/2016;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5554/BC-

TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SanDisk LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2015-05638 ngày 13/03/2015 bị từ chối bảo hộ vì là dấu hiệu hình/ hình học đơn giản, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp là Công ty TNHH SHCN Sao Bắc Đẩu (Sao Bắc Đẩu) đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký là thiết kế độc đáo và sáng tạo của SanDisk LLC, mang tính phân biệt tự thân và đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ như một nhãn hiệu:

Nhãn hiệu đăng ký là một hình ngũ giác với các cạnh viền màu đỏ, trong đó năm cạnh không đồng đều về kích thước. Hai cạnh trên dưới và hai cạnh hai bên vuông góc với nhau, tạo thành ba góc vuông – một góc vuông nằm ở phía trên bên trái và hai góc vuông còn lại ở phía dưới. Ngoài ra, có một cạnh xiên nhỏ nối giữa cạnh trên và cạnh bên phải, tạo thành hai góc tù ở phần tiếp giáp.

Tổng thể, nhãn hiệu đăng ký có thể được ghi nhớ như là một hình chữ nhật cách điệu đặc biệt với thiết kế độc đáo, nổi bật ở góc phía trên bên phải được vát chéo. Đặc biệt, toàn bộ nhãn hiệu được thể hiện bằng màu đỏ – một gam màu nổi bật, dễ gây ấn tượng và hỗ trợ khả năng ghi nhớ.

Theo Điểm 39.4 Thông tư 01/2017/TT-BKHCN, khi đánh giá khả năng phân biệt của dấu hiệu dưới dạng hình vẽ, hình ảnh theo điểm akhoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, có thể thấy nhãn hiệu đăng ký oàn toàn không thuộc nhóm các dấu hiệu hình học phổ thông bị coi là không có khả năng phân biệt như hình tròn, elip, tam giác, tứ giác. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký không phải là hình đa giác hay hình chữ nhật thông thường, mà là một hình chữ nhật được cách điệu với góc trên bên phải bị vát, tạo nên một thiết kế khác biệt. Bên cạnh đó, đây cũng không phải là hình vẽ đơn giản – phần góc vát kết hợp với màu sắc đỏ chủ đạo tạo nên một thiết kế độc đáo và sáng tạo, thể hiện dấu ấn riêng của người nộp đơn. Đồng thời, nhãn hiệu đăng ký rõ ràng không chỉ là hình ảnh dùng làm nền hoặc đường nét trang trí cho sản phẩm hay bao bì sản phẩm.

Với các yếu tố sáng tạo, dễ ghi nhớ như trên, nhãn hiệu đăng ký là một thiết kế độc đáo, mang dấu ấn riêng và thuộc quyền sở của SanDisk LLC. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân và và mang đầy đủ chức năng phân biệt như một nhãn hiệu.

- Cục sở hữu trí tuệ đã thừa nhận tính phân biệt tự thân của một số nhãn hiệu hình là sự kết hợp của các dấu hiệu hình hoặc hình học đơn giản cho các sản phẩm trong nhóm 09 theo đăng ký số 268681, 266449, 246641, 252802, 252803, 234301, 191003, 184104, các ĐKQT số 1147651, 1162860 và 1153918:

Việc chấp thuận bảo hộ các nhãn hiệu trên đã thể hiện rõ quan điểm của Cục SHTT là nếu nhãn hiệu là sự kết hợp các yếu tố hình/ hình học đơn giản tạo thành tổng thể cách điệu hoàn toàn có tính phân biệt tự thân để bảo hộ như một nhãn hiệu. Người khiếu nại kính đề nghị Cục SHTT áp dụng nhất quán quan điểm này và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký trên cơ sở nhãn hiệu này là yếu tố hình cách điệu độc đáo, hoàn toàn có khả năng phân biệt tự thân.

- Nhãn hiệu đăng ký có tính phân biệt cao do đạt được danh tiếng thông qua quá trình sử dụng rộng rãi và lâu dài trên toàn thế giới bao gồm cả Việt Nam trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu– với danh nghĩa nhãn hiệu như là một biểu tượng gắn liền với hoặc có nguồn gốc từ SanDisk LLC mà không phải của bất kỳ một tổ chức hay cá nhân nào khác:

SanDisk là nhà cung cấp giải pháp lưu trữ hàng đầu, giúp doanh nghiệp và người tiêu dùng tạo, quản lý và lưu trữ nội dung số hiệu quả. Từ tháng 2/2015, SanDisk là nhà sản xuất bộ nhớ flash lớn thứ ba toàn cầu và từ năm 2016, trở thành công ty con của Western Digital – một trong những nhà sản xuất ổ cứng hàng đầu thế giới.

Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng lần đầu vào tháng 6/2009 tại Hoa Kỳ và từ đó đến nay được dùng liên tục để chỉ nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ của SanDisk, trở thành một phần quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu của công ty.

Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng trên bao bì, tài liệu giới thiệu và quảng cáo các sản phẩm đa dạng của SanDisk như thẻ nhớ, ổ flash, MP3, SSD, phần mềm và thiết bị lưu trữ, giúp người tiêu dùng dễ dàng nhận diện đây là nhãn hiệu có tính phân biệt cao. Các sản phẩm mang nhãn hiệu được phân phối toàn cầu qua cả kênh bán lẻ và thương mại, có mặt tại hơn 105 quốc gia trên khắp Bắc Mỹ, Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Trung và Nam Mỹ, Châu Á.

Từ 2012 đến 2014, doanh số toàn cầu của các sản phẩm SanDisk, bao gồm sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký, vượt 28 tỷ USD. Trong cùng giai đoạn, SanDisk chi gần 900 triệu USD cho quảng bá và phát triển các sản phẩm này trên toàn thế giới. Hơn nữa, nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại 56 quốc gia trên toàn thế giới.

Tại Việt Nam, các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký đã được bày bán và có mặt trên khắp các tỉnh thành trong cả nước thông qua các nhà phân phối được ủy quyền chính thức bởi SanDisk. Các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký thường xuyên xuất hiện hoặc được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng. Việc xuất hiện nhiều bài báo như vậy, đặc biệt là các bài báo tại các trang web phổ biến có số lượng lớn người truy cập như vnexpress.net, zing.vn, hay các trang web chuyên ngành công nghệ thông tin như TechSign.in, www.mediaonline.com, đã cho thấy mức độ cập nhật thông tin đến người tiêu dùng Việt Nam liên quan đến các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký và sự quan tâm rất lớn của họ đối với các sản phẩm này. Điều này đã khẳng định các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký ngày càng trở nên quen thuộc với người tiêu dùng Việt Nam.

Từ những lý lẽ nêu trên, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét bảo hộ Nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký là đường kẻ đơn, mảnh, tạo thành khung chữ nhật đứng, vát phần góc nhỏ phía trên bên phải theo hướng nhìn trực diện. Về ấn tượng thị giác, đây là hình dạng hình học đơn giản, yếu tố màu sắc và phần góc vát nhỏ không đủ để tạo nên hình vẽ độc đáo, có khả năng phân biệt. Vì vậy, không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Việc nhãn hiệu đăng ký đã được bán ở 105 quốc gia, được bảo hộ ở 56 quốc gia, doanh số toàn cầu, chi phí quảng cáo hàng năm hay đã sử dụng rộng rãi tại nhiều nước, khu vực trên thế giới v.v… chỉ là hoạt động ở nước ngoài. Tài liệu do người khiếu nại đưa ra gồm các bài báo trên trang vnexpress.net, zing.vn, hay các trang web chuyên ngành công nghệ thông tin như TechSign.in, www.mediaonline.com, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký bày bán tại hệ thống bán lẻ ở Việt Nam… chưa đủ để chứng minh việc sử dụng một cách rộng rãi,

liên tục, theo đúng dạng nhãn hiệu đăng ký bao gồm hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại, quảng cáo, tiếp thị được thực hiện tại thị trường Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-05638 ngày 13/03/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 67534/QĐ-SHTT ngày 24/10/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-05638 ngày 13/03/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SanDisk LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SanDisk LLC (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159688/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Coca-Cola Company
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2014-01053 ngày 17/10/2014 của The Coca-Cola Company; địa chỉ: One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313 USA; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-05780 theo Quyết định số 41920/QĐ-SHTT ngày 18/07/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5543/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The Coca-Cola Company với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";
Nội dung khiếu nại không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 41920/QĐ-SHTT ngày 18/07/2014.

2. Nhận định, đánh giá:

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-05780 ngày 31/03/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 41920/QĐ-SHTT ngày 18/07/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-05780 ngày 31/03/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, The Coca-Cola Company có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Coca-Cola Company (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159689/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Continental Reifen Deutschland GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2016-00269 ngày 01/4/2016 của Continental Reifen Deutschland GmbH; địa chỉ: Vahrenwalder Str. 9 30165 Hannover, Germany (địa chỉ hiện tại: Continental-Plaza 1, 30175 Hannover DE); đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 937991 theo Thông báo số 2015/02 LMT10 ngày 08/01/2016;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5540/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Continental Reifen Deutschland GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CONTACT" theo ĐQT số 937991 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì mang tính mô tả không có khả năng phân biệt theo quy định tại ddiemr c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu Trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì các lý do sau đây:

Nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu tùy hứng, hoàn toàn không mang tính mô tả. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký "CONTACT", là một từ tiếng Anh có nhiều nghĩa, ví dụ "trạng thái đụng chạm, sự tiếp xúc", "gặp gỡ hoặc giao tiếp, chỗ liên hệ, sự giao thiệp", "cái công tắc (thiết bị nối điện)". Các nghĩa này hoàn toàn không mô tả hoặc có bất kỳ sự liên quan hoặc gợi ý nào đến các sản phẩm đăng ký "Xe cộ, phương tiện đi lại trên bộ, trên không hoặc dưới nước; vành bánh xe, đai (nẹp) bảo vệ cho vành bánh xe, lốp xe, ông dẫn khí, van cho lốp xe, lốp đặc bằng cao su, bánh xe hoàn chỉnh; dây đai truyền động, cu roa truyền động, dây đai hình răng cưa, dây đai hình chữ V" trong nhóm 12. Để mô tả cho sản phẩm đăng ký, thông thường các yếu tố được đề cập sẽ là các từ thể hiện hiệu năng, màu sắc, tính chất, vật liệu của sản phẩm, ví dụ: khả năng bán dính tối, chuyển động tốt, hoặc những từ chỉ phẩm chất, mẫu mã sản phẩm hoặc mang tính khuếch trương sản phẩm. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đăng ký "CONTACT" cần được xem là một nhãn hiệu tùy hứng, vì mặc dù có nghĩa, nhưng không mô tả bất kỳ đặc tính nào của sản phẩm. Nhãn hiệu đăng ký, do đó, hoàn toàn có khả năng phân biệt cho các sản phẩm đăng ký.

Thực tế, quan điểm thẩm định nhãn hiệu của cơ quan sở hữu trí tuệ Châu Âu EUIPO cũng cho rằng "CONTACT" không mang tính mô tả cho sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 12 và đã cấp bằng bảo hộ số 937991 cho nhãn hiệu đăng ký.

Bên cạnh đó, Cục SHTT đã chấp nhận bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu có chứa yếu tố chữ CONTACT cho nhiều nhóm sản phẩm khác, ví dụ, nhãn hiệu "CONTACT" theo VBBH số 88410 cho thiết bị lọc nước trong nhóm 11, nhãn hiệu "CONTACT, hình" theo VBBH số 52992 cho sản phẩm khóa trong nhóm 6, nhãn hiệu "CONTACT" theo VBBH số 12282 cho sản phẩm nước hoa, mỹ phẩm trong nhóm 3, mà không có bất kỳ từ chối nào về khả năng đăng ký tự thân của từ "CONTACT".

Nhãn hiệu đăng ký đã và đang thực hiện chức năng của một nhãn hiệu để phân biệt sản phẩm của người khiếu nại với các nhà sản xuất khác trong cùng lĩnh vực thông qua quá trình sử dụng rộng rãi và được nhiều người tiêu dùng Việt Nam biết đến từ trước thời điểm nộp đơn. Cụ thể, sản phẩm lốp xe mang nhãn hiệu đăng ký đã được biết đến tại Việt Nam từ năm 2013 thông qua diễn đàn OTOFUN.NET (diễn đàn lớn nhất dành cho người dùng xe ô tô tại Việt Nam), trong đó có đánh giá và khuyến nghị sử dụng sản phẩm lốp xe mang nhãn hiệu CONTACT của người khiếu nại. Năm 2014, sản phẩm lốp xe mang nhãn hiệu đăng ký chính thức gia nhập thị trường Việt Nam, thông qua nhà phân phối BAHN AUTO. Qua đó, các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký được phân phối rộng rãi đến người tiêu dùng trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký là từ tiếng Anh "CONTACT", chuyển ngữ sang tiếng Việt có nhiều nghĩa nhưng phổ biến nhất là "tiếp xúc/liên lạc/liên hệ". Với hàm ý này, từ "CONTACT" không mô tả trực tiếp hay chỉ dẫn về đặc tính, hàng hóa mang nhãn hiệu "xe cộ, phương tiện đi lại trên bộ, trên không hoặc dưới nước; vành bánh xe, đai (nẹp) bảo vệ cho vành bánh xe, lốp xe, ống dẫn khí, van cho lốp xe, lốp đặc bằng cao su, bánh xe hoàn chỉnh; dây đai truyền động, cu roa truyền động, dây đai hình răng cưa, dây đai hình chữ V". Do đó, đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 937991 và không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/02 LMT10 ngày 08/01/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 937991.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 937991.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Continental Reifen Deutschland GmbH (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159690/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Trần Tú Trân
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2022-00444 ngày 18/4/2022 của Ông/Bà Trần Tú Trân; địa chỉ: 90C Lò Siêu, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0939112208; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-44680 theo Quyết định số 4480/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5614/BC-

TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Trần Tú Trân với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2019-44680 ngày 07/11/2019 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 193052 và phần chữ "Korea" gây nhầm lẫn về nguồn gốc theo quy định tại khoản 5 Điều 73, điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu với lý do sau:

"KST Korea" là nhãn hiệu đã tồn tại và lưu hành sản phẩm tại Hàn Quốc nhiều năm. Trong đó "KST" là tên thương hiệu của sản phẩm van nước công nghiệp tại Hàn Quốc, đây là sản phẩm hàng chính hãng đã được bảo hộ của đối tác nước ngoài.

"Korea" là biểu hiện cho chất lượng theo tiêu chuẩn Hàn Quốc, chứ không phải bảo hộ về chỉ dẫn địa lý.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét lập luận của người khiếu nại và nguồn tài liệu hiện có trong hồ sơ, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "KST Korea, hình", trong đó, phần chữ "KST" tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "KST" theo nhãn hiệu đối chứng. Do sử dụng cho cùng loại sản phẩm bao gồm: máy phát điện, động cơ điện, máy nổ, các sản phẩm là bộ phận của máy móc, động cơ, nên sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu

dùng về nguồn gốc của chúng. Phần còn lại "Korea" là tên của nước Hàn Quốc, nhưng chủ đơn có địa chỉ tại Việt Nam sẽ làm người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của hàng hóa mang nhãn hiệu.

Người khiếu nại cho rằng, nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại Hàn Quốc. Thông tin này chỉ mang tính tham khảo, không thay thế các quy định pháp luật liên quan tại Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73, điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-44680 ngày 07/11/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 4480/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-44680 ngày 07/11/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Trần Tú Trân có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Trần Tú Trân có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159691/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ King Group
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2022-00424 ngày 13/4/2022 của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ King Group; địa chỉ: 210 Nguyễn Văn Luông, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0938227599; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-29542 theo Quyết định số 8217/QĐ-SHTT ngày 28/01/2022;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5610/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ King Group với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-29542 ngày 29/08/2018 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 352475 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật SHTT.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu với lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký là hình tròn tạo từ hai nửa có màu đỏ và vàng kết hợp mô phỏng hai mặt trăng khuyết tạo thành trăng tròn. Bên trái là cây tre và các búp măng màu xanh lá. Bên cạnh là chữ "King" viết kiểu thư pháp, màu đỏ, cỡ lớn. Bên dưới là khung màu xanh lá đậm, bên trong có chữ "Garden" màu trắng, cỡ chữ nhỏ.

- Nhãn hiệu đối chứng gồm phần hình là 6 cánh hoa bầu dục tạo thành bông hoa sen. Bên dưới là cụm từ "KING'S GARDEN" in hoa, cỡ chữ lớn, màu đen. Cùng với một số yếu tố khác.

Hai nhãn hiệu trên đây tuy có sự tương tự về phần chữ cái, nhưng về tổng thể ý nghĩa, màu sắc, đặc biệt là cấu trúc thể hiện của 2 nhãn hiệu là hoàn toàn khác nhau. Cách sắp xếp bố cục, phần chính phần phụ cũng khác nhau, làm nổi bật khả năng phân biệt giữa chúng mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về cảm nhận.

Mặt khác, qua tra cứu cũng thấy một số nhãn hiệu có chứa phần chữ "KING" cũng đã được bảo hộ cho dịch vụ thuộc nhóm 43, cụ thể, văn bằng bảo hộ số 403097 cho "KING TEA", số 378551 cho "KING BBQ".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc

tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét lập luận của người khiếu nại và nguồn tài liệu hiện có trong hồ sơ, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần hình kết hợp với phần chữ tiếng Anh "King Garden" có nghĩa tiếng Việt là "vườn vua". Nhãn hiệu đối chứng có chứa phần chữ tiếng Anh "KING'S GARDEN" dịch sang tiếng Việt là "vườn của vua". Hai nhãn hiệu so sánh tuy được thể hiện khác nhau về phần hình, màu sắc, bố cục, kiểu chữ nhưng phần chữ có nghĩa tương tự, khi sử dụng cho cùng loại dịch vụ "cung cấp thức ăn đồ uống (do nhà hàng thực hiện); khách sạn" sẽ làm cho người tiêu dùng lầm tưởng chúng do cùng một chủ thể cung cấp dịch vụ. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

Các trường hợp do người khiếu nại dẫn chiếu không tương tự trường hợp nhãn hiệu đang xem xét do chúng mang ý nghĩa khác nhau nên không tương tự gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-29542 ngày 29/08/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 8217/QĐ-SHTT ngày 28/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-29542 ngày 29/08/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ King Group có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ King Group có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159692/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ văn bản số A0654-00158/01 ngày 30/07/2025 của Công ty TNHH SHCN Sao Bắc Đẩu thông báo về việc Fonterra Brands (Tip Top Investments) Limited không tiếp tục theo đuổi đơn khiếu nại số KN4-2017-00704.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2017-00704 ngày 04/7/2017 của Fonterra Brands (Tip Top Investments) Limited; địa chỉ: 113 Carbine Road, Mt Wellington, Auckland, New Zealand; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu.

PHY365

Lý do đình chỉ: Người khiếu nại không tiếp tục theo đuổi việc khiếu nại tại đơn số KN4-2017-00704 ngày 04/7/2017 về phạm vi bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 279912.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Fonterra Brands (Tip Top Investments) Limited (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159693/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Fuji Filter Manufacturing Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2015-01256 ngày 30/12/2015 của Fuji Filter Manufacturing Co., Ltd.; địa chỉ: Nihonbashi Plaza Bldg., 2-3-4, Nihonbashi, Chuo-ku Tokyo 103-8308, Japan.; đại diện bởi: Công ty TNHH Ban Ca; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1216148 theo Thông báo số 2014/36 TDH05 ngày 14/9/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5477/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Fuji Filter Manufacturing Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FUJI FILTER" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1216148 bị từ chối bảo hộ tạm thời tại Việt Nam cho các sản phẩm thuộc nhóm 07, 10, 11, 12 theo điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "FUJI ELECTRIC" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 14335, nhãn hiệu "FUJI" trong GCNĐKNH số 17013, Nhãn hiệu "FUJI, hình" trong GCNĐKNH số 17014, nhãn hiệu "FUJI FILM" theo GCN ĐKNH số 16339, nhãn hiệu "FUJI" trong GCN ĐKNH số 85032. Người nộp đơn khiếu nại việc từ chối bảo hộ "FUJI FILTER" theo ĐQT số 1216148 với các lý do sau:

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "FUJI FILTER" có sự khác biệt nhất định với nhãn hiệu đối chứng "FUJI ELECTRIC" trong GCN ĐKNH số 14335 và chủ nhãn hiệu đối chứng đã có thư đồng ý cho Chủ đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "FUJI FILTER" tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "FUJI FILTER" phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUJI" trong GCN ĐKNH số 17013 về nhãn hiệu và danh mục hàng hóa mang nhãn hiệu. Cụ thể, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký bao gồm từ "FUJI" và từ mô tả "FILTER" – dấu hiệu giúp nhận biết sản phẩm, còn nhãn hiệu đối chứng chỉ có duy nhất một từ "FUJI". Về danh mục hàng hóa, nhãn hiệu đối chứng "FUJI" áp dụng cho thiết bị chụp chiếu, in, ghi hình và phân tích y tế, còn nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "FUJI FILTER" áp dụng cho thiết bị lọc y tế. Hai nhãn hiệu thuộc về hai chủ thể kinh doanh khác nhau trong các lĩnh vực khác biệt: chủ nhãn hiệu đối chứng Fujifilm Corporation chuyên xử lý hình ảnh, còn chủ đơn Fuji Filter Manufacturing Co., Ltd. chuyên thiết bị lọc công nghiệp.

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "FUJI FILTER" phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUJI, hình" trong GCN ĐKNH số 17014 về nhãn hiệu và danh mục hàng hóa mang nhãn hiệu. Cụ thể, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký bao gồm từ "FUJI" và từ mô tả "FILTER" – dấu hiệu giúp nhận biết sản phẩm, còn nhãn hiệu đối chứng chỉ có duy nhất một từ "FUJI" viết cách điệu. Về danh mục hàng hóa, tuy cùng thuộc Nhóm 10, nhãn hiệu đối chứng "FUJI FILM" được đăng ký cho thiết bị chụp chiếu, ghi hình và phân tích lý hóa y tế, trong khi nhãn hiệu "FUJI FILTER" áp dụng cho thiết bị lọc y tế – phản ánh rõ sự khác biệt về chức năng và lĩnh vực kinh doanh của hai chủ thể: chủ nhãn hiệu đối chứng Fujifilm Corporation chuyên xử lý hình ảnh, còn chủ đơn Fuji Filter Manufacturing Co., Ltd. chuyên thiết bị lọc công nghiệp. Tương tự, trong nhóm 07, nhãn hiệu đối chứng "FUJI FILM" dùng cho máy in điện tử trong quy trình nhân bản, còn "FUJI FILTER" là các máy móc khác, cũng khác biệt về bản chất sản phẩm.

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "FUJI FILTER" phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUJI FILM" trong GCN ĐKNH số 16339 về nhãn hiệu và danh mục hàng hóa mang nhãn hiệu. Cụ thể, về nhãn hiệu, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều chứa thành phần "FUJI" nhưng kết hợp với các yếu tố khác nhau: "FILTER" và "FILM", giúp phân biệt rõ ràng. Dù các yếu tố "FILTER" và "FILM" mang tính mô tả, chúng vẫn có vai trò giúp nhận biết sản phẩm, tránh gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Về danh mục hàng hóa, tuy cùng đăng ký cho nhóm 07 và 10, nhưng danh mục sản phẩm của hai nhãn hiệu hoàn toàn khác nhau. Đối với Nhóm 10, "FUJI FILM" dùng cho thiết bị chụp chiếu, ghi hình và phân tích lý hóa y tế; "FUJI FILTER" dùng cho thiết bị lọc y tế. Đối với Nhóm 07, "FUJI FILM" dùng cho máy in điện tử trong quy trình nhân bản; "FUJI FILTER" áp dụng cho máy móc khác biệt về bản chất. Sự khác biệt này phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của hai chủ thể: chủ nhãn hiệu đối chứng Fujifilm Corporation chuyên xử lý hình ảnh, còn chủ đơn Fuji Filter Manufacturing Co., Ltd. chuyên thiết bị lọc công nghiệp.

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "FUJI FILTER" phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUJI" trong GCN ĐKNH số 85032. Cụ thể, về nhãn hiệu, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký bao gồm từ "FUJI" và từ mô tả "FILTER" – dấu hiệu giúp nhận biết sản phẩm, còn nhãn hiệu đối chứng chỉ có duy nhất một từ "FUJI". Về danh mục hàng hóa mang nhãn hiệu, mặc dù cùng đăng ký cho nhóm 07, nhưng danh mục sản phẩm của hai nhãn hiệu hoàn toàn khác nhau. Nhãn hiệu đối chứng "FUJI" được đăng ký cho các linh kiện điện tử và máy lắp ráp linh kiện điện tử tự động, hoàn toàn khác về bản chất so với các sản phẩm máy móc mang nhãn hiệu "FUJI FILTER".

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "FUJI FILTER" đã được bảo hộ, sử dụng tại nhiều quốc gia và đạt được khả năng phân biệt đối với người tiêu dùng trong lĩnh vực liên quan. Cụ thể, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký đã được đăng ký bảo hộ cho các sản phẩm trong các nhóm 07, 10, 11 và 12 tại Nhật Bản, Campuchia, Malaysia, Saudi Arabia và 27 quốc gia của Cộng đồng Châu Âu. "FUJI FILTER" cũng là tên thương mại của người nộp đơn – Fuji Filter Manufacturing Co., Ltd. – công ty chuyên về máy móc và thiết bị lọc công nghiệp, hoạt động từ năm 1966 và sử dụng nhãn hiệu liên tục từ đó đến nay. Các sản phẩm mang nhãn hiệu "FUJI FILTER" được quảng bá rộng rãi và xuất khẩu sang nhiều khu vực, trong đó có Việt Nam, và đạt doanh thu lớn, thể hiện khả năng phân biệt cao với người tiêu dùng trong lĩnh vực liên quan.

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "FUJI FILTER" đã được đăng ký và sử dụng tại Nhật Bản – quốc gia xuất xứ có quy chế thẩm định nghiêm ngặt – và cùng tồn tại hợp pháp với các nhãn hiệu đối chứng cho sản phẩm thuộc nhóm 07 và 10. Thực tế sử dụng tại Nhật Bản cho thấy không xảy ra bất kỳ xung đột hay

nhầm lẫn nào giữa các nhãn hiệu, khẳng định khả năng phân biệt rõ ràng của nhãn hiệu "FUJI FILTER" theo quy định pháp luật.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "FUJI ELECTRIC" theo GCNĐKNH số 14335

Nhãn hiệu đăng ký "FUJI FILTER" và nhãn hiệu đối chứng "FUJI ELECTRIC" mặc dù đều có cùng từ "FUJI" là thành phần chính, phân biệt nhưng các nhãn hiệu còn đi kèm thành phần khác là "FILTER"/"ELECTRIC" nên về tổng thể các nhãn hiệu cũng tạo được khả năng phân biệt. Đồng thời, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã có Thư đồng ý cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "FUJI FILTER" theo ĐQT số 1216148 tại Việt Nam mà không có bất kỳ sự khiếu nại nào, do đó loại trừ được khả năng xung đột quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký. Do vậy, không lấy nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 14335 làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "FUJI" theo GCNĐKNH số 17013

Nhãn hiệu đăng ký "FUJI FILTER" và nhãn hiệu đối chứng "FUJI" đều có thành phần chính là "FUJI" mang tính phân biệt của các nhãn hiệu, phần chữ "FILTER" là thành phần mô tả có khả năng phân biệt không cao, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 10 là thiết bị và dụng cụ y tế, nên việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

c. Đối với nhãn hiệu đối chứng "FUJI FILM" theo GCNĐKNH số 16339

Nhãn hiệu đăng ký "FUJI FILTER" và nhãn hiệu đối chứng đều có chung phần chữ "FUJI" là thành phần chính, có khả năng phân biệt của các nhãn hiệu, phần chữ 'FILTER" và "FILM" đều là thành phần mô tả nên khả năng phân biệt không cao, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 10 là thiết bị và dụng cụ y tế, nên việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

d. Đối với nhãn hiệu đối chứng "FUJI" theo GCNĐKNH số 85032

Nhãn hiệu đăng ký "FUJI FILTER" và nhãn hiệu đối chứng "FUJI" đều có phần chữ "FUJI" là thành phần chính, tạo khả năng phân biệt của các nhãn hiệu, nên các nhãn hiệu tương tự nhau về cấu tạo từ, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 07, cụ thể nhãn hiệu đăng ký áp dụng: "…; máy móc và hệ thống sản xuất chất bán dẫn cùng các bộ phận và phụ tùng của chúng;…" và nhãn hiệu đối chứng: "Máy đặt linh kiện điện tử; máy lắp linh kiện được lắp trên bề mặt; máy in lưới để đặt chíp điện tử; máy chèn linh kiện; máy nạp linh kiện điện tử; thiết bị ngoại vi cho máy móc kể trên; và các linh kiện và phụ kiện cho các sản phẩm kể trên". Do vậy, việc các chủ thể khác

nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

e. Đối với nhãn hiệu đối chứng "FUJI, hình" theo GCNĐKNH số 17014

Do nhãn hiệu "FUJI, hình" theo GCNĐKNH số 17014 đã hết hiệu lực từ ngày 06/7/2014 và không được chủ sở hữu gia hạn lại hiệu lực nên không lấy nhãn hiệu trên làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

f. Việc nhãn hiệu đăng ký nộp đơn và được bảo hộ tại một số quốc gia như Nhật Bản, Campuchia, Malaysia, Saudi Arabia và 27 quốc gia của Cộng đồng Châu Âu không phải là cơ sở để nhãn hiệu được bảo hộ tại Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1216148 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/36 TDH05 ngày 14/9/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1216148.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Fuji Filter Manufacturing Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Fuji Filter Manufacturing Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Ban Ca) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159694/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Uni-Charm Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2017-00646 ngày 15/6/2017 của Uni-Charm Corporation; địa chỉ: 182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-29686 theo Quyết định số 16135/QĐ-SHTT ngày 17/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5577/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Uni-Charm Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Airy" đăng ký cho nhóm 05 theo đơn số 4-2013-29686 ngày 16/12/2013 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "AIRY" theo GCNĐKNH số 86518 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Người nộp đơn đã loại bỏ tất cả các sản phẩm khăn ướt ra khỏi nhóm 05, các sản phẩm còn lại chỉ thuần túy là sản phẩm thông thường dùng cho mục đích vệ sinh chứ hoàn toàn không sử dụng cho mục đích y tế, nên bất kỳ người tiêu dùng nào cũng có thể lựa chọn các sản phẩm này cho người bệnh của họ mà không cần đến sự chăm sóc của bác sỹ.

- Ngoài ra, các sản phẩm này không chỉ được bày bán tại các cửa hàng tại bệnh viện (để người nhà bệnh nhân thuận tiện trong việc mua các sản phẩm đó về dùng cho bệnh nhân của họ) mà còn được bày bán rộng rãi tại nhiều cửa hàng tiện ích và siêu thị. Do vậy, sản phẩm này không có liên quan gì đến sản phẩm "dược phẩm" mà chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã đăng ký trước đó. Bởi trên thực tế, sản phẩm "dược phẩm" của nhãn hiệu đối chứng là loại sản phẩm chuyên biệt, không phải ai cũng có thể tự ý đi mua về sử dụng được, người tiêu dùng chỉ có thể mua dược phẩm về sử dụng khi có đơn thuốc của bác sĩ chuyên khoa kê cho bệnh nhân và phải có sự kiểm soát chặt chẽ của bác sĩ khi cho bệnh nhân sử dụng sản phẩm dược. Nên người khiếu nại cho rằng sản phẩm còn lại của đơn xin đăng ký và sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn có khả năng phân biệt được với nhau về công dụng, mục đích sử dụng và đối tượng sử dụng các sản phẩm này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký

có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng trùng nhau về các ký tự và cách phát âm, sự khác nhau chỉ ở kiểu chữ (kiểu chữ in thường ở nhãn hiệu đăng ký và kiểu chữ in hoa ở nhãn hiệu đối chứng) nhưng không đủ để tạo nên khả năng phân biệt cho hai nhãn hiệu.

- Về sản phẩm: Mặc dù trong Công văn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung, người nộp đơn đã loại bỏ một số sản phẩm, tuy nhiên, các sản phẩm còn lại vẫn bị coi là tương tự về mục đích sử dụng và kênh thương mại với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng (thường được bày bán trong các cửa hàng tại bệnh viện, sử dụng cho các bệnh nhân cần điều trị, chăm sóc của bác sĩ).

Việc đồng tồn tại các nhãn hiệu trùng nhau, được sử dụng cho các sản phẩm tương tự nhau sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức nhầm lẫn và không có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-29686 ngày 16/12/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 16135/QĐ-SHTT ngày 17/3/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-29686 ngày 16/12/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Uni-Charm Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Uni-Charm Corporation (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159695/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Liên Hiệp Thành
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2017-00041 ngày 19/01/2017 của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Liên Hiệp Thành; địa chỉ: 62 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-02830 theo Quyết định số 77419/QĐ-SHTT ngày 29/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5623/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Liên Hiệp Thành với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "LHT AAA lienhiepthanh, hình" đăng ký theo đơn số 4-2012-02830 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 27526. Người khiếu nại đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký sau khi xử lý đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2017-00012 đối với nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì sau khi loại bỏ phần hình và phần chữ "AAA", đồng thời giới hạn danh mục sản phẩm/dịch vụ, phần nhãn hiệu "lienhiepthanh" còn lại vẫn tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 27526. GCNĐKNH số 27526 có đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2017-00012 nộp ngày 18/01/2017 - sau thời điểm ban hành Quyết định số 77419/QĐ-SHTT ngày 29/11/2016 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn số 4-2012-02830. Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có

Quyết định cuối cùng. Xét thấy, kể cả trong trường hợp GCNĐKNH số 27526 bị chấm dứt hiệu lực thì việc chấm dứt hiệu lực nêu trên bị coi là tình tiết mới và không được chấp nhận trong quá trình giải quyết khiếu nại. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-02830 ngày 23/02/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 77419/QĐ-SHTT ngày 29/11/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-02830 ngày 23/02/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Liên Hiệp Thành có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Liên Hiệp Thành có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159696/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trần Toàn Phát
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2019-00666 ngày 29/10/2019 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trần Toàn Phát; địa chỉ: 246/9 Bình Quới, phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH KEDA IP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-14752 ngày 20/01/2014 theo Quyết định số 62163/QĐ-SHTT ngày 29/7/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5619/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trần Toàn Phát với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ADIVA" đăng ký theo đơn số 4-2014-14752 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "EDIVA" theo GCNĐKNH số 84525. Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ sớm hoàn tất đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực và cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký trên cơ sở kết quả của đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 84525. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 84525 có đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2017-00231 nộp ngày 28/9/2017 (trước thời điểm ban hành Quyết định số 62163/QĐ-SHTT ngày 29/7/2019 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn số 4-2014-14752). Ngày 25/7/2023, đơn số ĐN1-2017-00231 đã có Quyết định số 56384/QĐ-SHTT.IP về việc giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực, theo đó, GCNĐKNH số 84525 bị chấm dứt hiệu lực đối với sản phẩm "dược phẩm" thuộc nhóm 05. Xét thấy đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên được nộp trước thời điểm ban hành Quyết định số 62163/QĐ-SHTT ngày 29/7/2019 về việc từ chối cấp GCNĐKNH và kết quả giải quyết của đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn số 4-2014-14752, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-14752.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-14752 ngày 20/01/2014.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 62163/QĐ-SHTT ngày 29/7/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-14752 ngày 20/01/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-14752 ngày 20/01/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trần Toàn Phát (qua Công ty TNHH KEDA IP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159697/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của UNIMECH GROUP BERHAD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2013-00203 ngày 06/02/2013 của UNIMECH GROUP BERHAD; địa chỉ: 4934, Jalan Chain Ferry, 12100 Butterworth, Penang, Malaysia; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2005-05349 ngày 10/05/2005 theo Quyết định số 65327/QĐ-SHTT ngày 16/11/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5621/BC-

TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của UNIMECH GROUP BERHAD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ARITA , hình" đăng ký theo đơn số 4-2005-05349 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 53047. Người nộp đơn đề nghị sớm giải quyết đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2007-00053 và xem xét bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký sau khi có Quyết định giải quyết yêu cầu hủy bỏ hiệu lực. Trong quá trình giải quyết yêu cầu hủy bỏ hiệu lực, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã đồng ý chuyển nhượng nhãn hiệu "ARITA, hình" cho chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là Công ty cùng thuộc một tập đoàn với người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã có Thư đồng ý đối với người nộp đơn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điều 6.1.b) Nghị định 63/CP: Nhãn hiệu đăng ký tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam.

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 53047. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 53047 có đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2007-00053 nộp ngày 18/6/2007 - trước thời điểm ban hành Quyết định số 65327/QĐ-SHTT ngày 16/11/2012 về việc từ chối cấp GCNĐKNH. Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn số 4-2005-05349, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2005-05349.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2005-05349 ngày 10/05/2005.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 65327/QĐ-SHTT ngày 16/11/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2005-05349 ngày 10/05/2005.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2005-05349 ngày 10/05/2005.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và UNIMECH GROUP BERHAD (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159698/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Uni-Charm Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2015-00382 ngày 24/4/2015 của Uni-Charm Corporation; địa chỉ: 182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-19557 theo Quyết định số 5150/QĐ-SHTT ngày 26/01/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5579/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Uni-Charm Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "fragrance" đăng ký theo đơn số 4-2012-19557 ngày 04/9/2012 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không mang tính mô tả sản phẩm đăng ký:

+ Mặc dù "fragrance" có nghĩa "mùi thơm, hương thơm" nhưng không mô tả trực tiếp chức năng chính như là thấm hút, bảo vệ, vệ sinh cá nhân của các sản phẩm "Khăn vệ sinh; quần lót (vệ sinh); băng vệ sinh, tã lót dùng cho trẻ sơ sinh, cao dán; bông thấm hút; gạc để băng bó; giấy dầu cho mục đích y tế; bánh xốp dùng trong y tế; chế phẩm vệ sinh, chế phẩm thú y" thuộc nhóm 05 trong danh mục đăng ký.

+ Trên thị trường, "fragrance" không phải là cách người tiêu dùng gọi tên hay nhận diện các sản phẩm của người nộp đơn. Người tiêu dùng thường chọn tiêu chí về chất liệu như thấm hút, có cánh, dày hay mỏng chứ không dựa vào tiêu chí hương thơm.

+ Từ "fragrance" có thể được hiểu như một yếu tố gợi ý phong cách thương hiệu, liên tưởng đến sự thơm tho, nhẹ nhàng, dễ chịu, phù hợp với thông điệp cảm xúc hơn. Do đó, nhãn hiệu đã được bảo hộ tại một số quốc gia như Ả Rập Xê út, Myanmar, Nhật Bản, Campuchia, Laos, Ai cập, Indonesia, Trung Quốc.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "fragrance" có nghĩa là "mùi thơm, hương thơm", được sử dụng phổ biến cho các sản phẩm chăm sóc cá nhân, bao gồm các sản phẩm trong đơn đăng ký. Đối với sản phẩm băng vệ sinh, tã lót nói chung, các

nhà sản xuất thường bổ sung hương thơm để tạo cảm giác dễ chịu, khử mùi hoặc tăng tính tiện nghi cho người sử dụng. Do vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là mang tính mô tả và không có khả năng phân biệt theo Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ.

Vì các lý do nêu trên, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại c điểm khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-19557 ngày 04/09/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 5150/QĐ-SHTT ngày 26/01/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-19557 ngày 04/09/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Uni-Charm Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Uni-Charm Corporation (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159699/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SCHAPER & BRuMMER GMBH & Co KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2018-00244 ngày 02/4/2018 của SCHAPER & BRuMMER GMBH & Co KG; địa chỉ: Bahnhofstrasse 35 38259 Salzgitter (DE); đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1328804 theo Thông báo số 2017/02 NKL02 ngày 02/01/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5585/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SCHAPER & BRuMMER GMBH & Co KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Esberitox Compact" theo ĐQT số 1328804 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "ESBERIVEL" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 131765 và nhãn hiệu "BERITOX" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 132458 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng 1:

+ Về cấu trúc từ ngữ và ý nghĩa liên tưởng: Nhãn hiệu đăng ký gồm hai phần với thành tố chính là "Esberitox" và "Compact". Nhãn hiệu đăng ký ngắn gọn hơn và không có thành tố thứ hai. Ngoài ra, mặc dù thành tố chính cùng chứa phần tiền tố "Esberi" nhưng đây là phần không có nghĩa rõ ràng, có thể là một cấu trúc đặt tên tùy ý. Sự khác biệt của hai nhãn hiệu đến từ phần hậu tố "tox" và "vel", khác biệt nhau hoàn toàn cả về âm vị và cấu trúc thị giác. "tox" mang âm cứng, có thể liên tưởng đến "detox" hay "toxin" tạo cảm giác y học, dược lý. Trong khi đó "vel" mang âm nhẹ, trung tính, không gợi đến công dụng dược phẩm cụ thể.

+ Về âm tiết và phát âm:

Nhãn hiệu đăng ký được phát âm là /ɛs:bə.ri.tɑks/ khác biệt với nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /ɛs:bə.ri.vɛl/. Hai nhãn hiệu giống nhau ở âm đầu, nhưng kết thúc /tɑks/ có âm gió, bật mạnh nên dễ nhận diện, kết thúc /vɛl/ có âm nhẹm không bật hơi tạo ra âm sắc khác. Khả năng phân biệt bằng âm thanh trong nghành dược là rất quan trọng vì người tiêu dùng và dược sĩ đều sử dụng tên thuốc trong giao tiếp hàng ngày. Việc phát âm khác biệt giúp tránh nhầm lẫn khi kê toa hoặc mua bán thuốc.

+ Về nội dung liên tưởng và ấn tượng thương mại: "Esberitox" dễ tạo ấn tượng là thuốc mang tác dụng thải độc phù hợp với dược phẩm dạng mạnh, chuyên sâu, "compact" gợi ý đến hình thức hoặc liều lượng nhỏ gọn, thuận tiện sử dụng. "Esberivel" lại mang cảm giác trung tính, không gợi đến công dụng cụ thể, dễ bị cảm nhận là thuốc thông thường hoặc bổ sung.

- Ngoài ra, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "ESBERIVEL" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 131765 cũng không sử dụng nhãn hiệu này cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 tại Việt Nam từ ngày 01/11/2012 đến ngày 08/6/2017 theo

kết quả tra cứu thông tin sử dụng nhãn hiệu tại công văn số 266/TT-TTKTQT ngày 08/6/2012 của Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại của Bộ Công Thương.

- Nhãn hiệu đối chứng 2: Người nộp đơn đã nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực do 5 năm không sử dụng, việc bổ sung chứng cứ sử dụng xác thực như hóa đơn, chứng từ mang nhãn hiệu (ảnh chụp hộp sản phẩm) của chủ sở hữu thuốc chưa đủ chứng minh việc sử dụng trên thị trường.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt về cấu trúc và cách phát âm. Do đó, mặc dù các nhãn hiệu nêu trên đều được sử dụng cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 05 nhưng không tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng. Hơn nữa, GCNĐKNH số 131765 và 132458 đã chấm dứt hiệu lực lần lượt vào các ngày 07/3/2018 và 29/5/2018. Do đó, nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 131765 và 132458 không còn khả năng làm đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1328804.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1328804, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2017/02 NKL02 ngày 02/01/2018 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1328804.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1328804, không bảo hộ riêng "Compact".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SCHAPER & BRuMMER GMBH & Co KG (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159700/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TOHO CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2016-00766 ngày 07/9/2016 của TOHO CO., LTD.; địa chỉ: 1-2-2, YURAKUCHO, CHIYODA-KU, TOKYO 100-8415, JAPAN; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1246328 theo Thông báo số 2015/18 TDH17 ngày 05/5/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5566/BC-

TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TOHO CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ゴジラ" đăng ký cho nhóm 09, 16, 25, 28, 41 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1246328 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu không có khả năng phân biệt do là chữ thuộc ngôn ngữ không thông dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không thuần túy là các ký tự tiếng Nhật mà phần chữ này đã được trình bày dưới dạng hình họa như tranh vẽ nên đối với những người nhìn thấy các dấu hiệu này, nếu không phải là người Nhật thì tất cả đều cho rằng đây là các dấu hiệu trông rất ngộ nghĩnh, thú vị và gây ấn tượng đối với người nhìn.

- Nhãn hiệu "ゴジラ" trong tiếng Nhật có nghĩa là GOJIRA và được phiên âm sang tiếng anh là GODZILLA. Nói đến GODZILLA là người ta nghĩ ngay đến hình ảnh con quái vật khổng lồ, hình ảnh này, tên gọi này xuất hiện rất nhiều trên phim ảnh, áp phích quảng cáo được trình chiếu rộng rãi trên khắp thế giới. GODZILLA là biểu tượng tiêu biểu cho nền văn hóa Nhật Bản, đến nay đã trở nên phổ biến trên toàn thế giới.

- Biểu tượng GOZILLA hiện nay còn được người nộp đơn sử dụng rộng rãi trên nhiều loại sản phẩm của mình như quần áo, túi xách, thắt lưng, giày dép, vỏ điện thoại.

- Nhãn hiệu đăng ký được cấp bằng tại Chi Lê, Hong Kong, Lebanon và các nước chỉ định theo ĐQT.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "ゴジラ" là chữ tiếng Nhật. Do chữ tiếng Nhật là chữ tượng hình thuộc ngôn ngữ không thông dụng tại Việt Nam nên nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt. Lập luận của người khiếu nại cho rằng do người tiêu dùng Việt Nam không biết tiếng Nhật nên khi nhìn thấy nhãn hiệu

đăng ký sẽ không thể nhận biết đây là từ tiếng Nhật mà sẽ chỉ nhìn nhận đây là một nhãn hiệu hình nên nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt, là không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1246328 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/18 TDH17 ngày 05/5/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1246328.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, TOHO CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TOHO CO., LTD. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159701/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Blue Diamond Growers
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00050 ngày 22/01/2025 của Blue Diamond Growers; địa chỉ: 1802 C Street, Sacramento, California 95811, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T Invenmark SHTT Quốc tế; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-03009 ngày 19/02/2014 theo Quyết định số 123979/QĐ-SHTT.IP ngày

25/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5559/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Blue Diamond Growers với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BLUE DIAMOND ALMONDS, hình" đăng ký theo đơn số 4-2014-03009 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 153604. Người nộp đơn đề nghị xem xét bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký sau khi có Quyết định giải quyết yêu cầu hủy bỏ hiệu lực.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153604. Tuy nhiên, GCNĐKNH số 153604 có đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN1-2015-00189 nộp ngày 14/8/2015 - trước thời điểm ban hành Quyết định số 123979/QĐ-SHTT.IP ngày 25/10/2024 về việc từ chối cấp GCNĐKNH. Cho đến thời điểm hiện tại, đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên đang trong quá trình giải quyết và chưa có Quyết định cuối cùng. Xét thấy kết quả giải quyết của đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của đơn khiếu nại số KN4-2025-00050, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-03009.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-03009 ngày 19/02/2014.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 123979/QĐ-SHTT.IP ngày 25/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-03009 ngày 19/02/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-03009 ngày 19/02/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Blue Diamond Growers (qua Công ty TNHH T&T Invenmark SHTT Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159702/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Grimaldi Industri AB
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2016-00398 ngày 05/5/2016 của Grimaldi Industri AB; địa chỉ: Hovslagargatan 5B, SE-111 48 Stockholm,; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1233871 theo Thông báo số 2015/04 TDH06 ngày 22/01/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5589/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Grimaldi Industri AB với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "GITANE" đăng ký theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1233871 bị tạm thời từ chối bảo hộ toàn bộ đối với nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "GITANES, hinh" được bảo hộ theo ĐKQT số 469807, nhãn hiệu "Gitane" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-04455 và nhãn hiệu "GITANO" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 27313 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp Investip đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "GITANE" đăng ký theo ĐKQT số 1233871 với lý do sau:

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 469807 đã đồng ý cấp Thư chấp thuận, cho phép chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam.

Đối với nhãn hiệu đối chứng theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-04455, chủ đơn đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu từ Công ty TNHH Mạnh Cầm sang cho chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký.

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "GITANO" theo GCN ĐKNH số 27313 cũng đã đồng ý cấp Thư chấp thuận, cho phép chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký

các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 469807 đã cấp Thư chấp thuận, cho phép chủ đơn đăng ký nhãn hiệu theo ĐKQT số 1233871 được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "GITANE" tại Việt Nam, đồng thời không có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu này. Mặt khác, nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 469807 có sự khác biệt nhất định về cấu trúc và cách thể hiện.

Đối với nhãn hiệu theo đơn ĐKNH số 4-2014-04455, hồ sơ cho thấy nhãn hiệu này đã được chuyển nhượng quyền sở hữu từ Công ty TNHH Mạnh Cầm sang cho Grimaldi Industri AB – là chủ đơn của nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1233871. Việc chuyển nhượng đã được ghi nhận trong hệ thống đăng ký và nhãn hiệu theo đơn nói trên đã được cấp GCN ĐKNH số 259345. Do đó, nhãn hiệu theo đơn ĐKNH số 4-2014-04455 không còn được coi là nhãn hiệu đối chứng dùng để từ chối bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1233871.

Bên cạnh đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "GITANO" theo GCN ĐKNH số 27313 cũng đã cấp Thư chấp thuận, cho phép chủ đơn đăng ký nhãn hiệu theo ĐKQT số 1233871 được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "GITANE" tại Việt Nam, và không có tranh chấp nào được ghi nhận. Đồng thời, nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu "GITANO" có sự khác biệt rõ ràng về yếu tố cấu thành, cách phát âm và ấn tượng thị giác.

Từ những phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nhãn hiệu "GITANE" theo ĐKQT số 1233871 đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ hiện hành. Do vậy, đề nghị trong đơn khiếu nại là có cơ sở để xem xét chấp thuận.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1233871, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/04 TDH06 ngày 22/01/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1233871.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1233871.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Grimaldi Industri AB (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159703/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2018-00151 ngày 22/02/2018 của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk); địa chỉ: số 10, đường Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-20092 theo Quyết định số 80441/QĐ-SHTT ngày 16/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5602/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

- Nhãn hiệu đăng ký "VN VNM M PEDIA GROW VINAMILK Grow Sure, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 theo đơn số 4-2015-20092 ngày 29/07/2015 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "PEDIAPLUS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 54258 và "PediaPlus, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 202837 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Phần chữ "PEDIA GROW" chứa trong các nhãn hiệu đối chứng đã được đăng ký và sử dụng phổ biến bởi các chủ thể khác.

Nguồn gốc của phần chữ "PEDIA GROW": "Pedia" vốn không phải là từ có chức năng nhãn hiệu mạnh bởi lẽ từ này có nguồn gốc là từ tiếng Anh "Pediatrics" hay "Pediatric", mà theo nhiều từ điển chính thống Oxford Dictionary, Cambridge Dictionary và các từ điển thông dụng khác đều có nghĩa là "nhi khoa" (danh từ) hay "có liên quan đến ngành biệt dược dành cho trẻ em" (tính từ).

Dấu hiệu này được các nhà sản xuất sử dụng phổ biến cho các dòng sản phẩm dược và sản phẩm dinh dưỡng dành riêng cho trẻ em. Mặc dù "Pedia" không mô tả trực tiếp sản phẩm "sữa" thuộc nhóm 29 nhưng sản phẩm sữa thường hướng đến đối tượng tiêu thụ là trẻ em nên từ này ít nhiều gợi nhớ người tiêu dùng liên tưởng tới sản phẩm. Về mặt học thuật có thể đánh giá "Pedia" là một nhãn hiệu có tính gợi nhớ (suggestive mark), là một dạng nhãn hiệu có khả năng phân biệt yếu, đặc biệt sẽ không có khả năng phân biệt nếu đứng độc lập.

- Thực tiễn bảo hộ: Cục Sở hữu trí tuệ đã bảo hộ cho các nhãn hiệu chứa phần chữ "PEDIA GROW" đăng ký bởi nhiều chủ thể khác nhau như "PEDIASURE", "GOATPEDIA", "PEDIAPLUS", "PEDIASMART", "PEDIAFLU", "PEDIADOCTORE", "DIELACPEDIA", "PEDIACARE"…

- Thực tiễn sử dụng: theo khảo sát thực tế, hàng chục hãng sữa khác nhau đều sử dụng nhãn hiệu chứa "Pedia" trên thị trường.

Dựa trên nguồn gốc của từ và thực tiễn đăng ký, sử dụng dấu hiệu, "Pedia" đã trở thành một từ thông dụng và cần phải bị loại trừ bảo hộ trong các nhãn hiệu có liên quan đến trẻ em. Phần chữ "PEDIA GROW" được sử dụng

giống với các trường hợp sử dụng và bảo hộ dấu hiệu "BIO" xuất phát từ tiền tố của "Biological" (thuộc về sinh học) và "Nano" viết tắt của từ Nanotechnology (công nghệ Nano) hay "NUTRI" viết tắt của "Nutrition" (dinh dưỡng) hoặc "Nutrient" (bổ dưỡng) và "PHARMA" viết tắt của "Pharmaceutical" (dược phẩm).

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng:

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi các dấu hiệu gồm "VINAMILK, hình", "Pedia", "Grow". Trong đó dấu hiệu "VINAMILK, hình" với vị trí và vai trò chủ đạo, là thành phần phân biệt chủ yếu của nhãn hiệu. Phần chữ "VINAMILK" là nhãn hiệu nổi tiếng đã được công nhận bởi Dự án của Bộ Khoa học và Công nghệ, được sử dụng rộng rãi và nhiều người tiêu dùng biết đến nên không thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại. Phần chữ "PEDIA GROW" là dấu hiệu đã trở nên thông dụng, mô tả sản phẩm dành cho trẻ em nên không thể được bảo hộ riêng. Vì vậy, xét về tổng thể nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các đối chứng.

- Về thói quen mua sắm của người tiêu dùng đối với sản phẩm sữa: Người tiêu dùng thường có thái độ tiêu dùng hết sức thận trọng với các sản phẩm sữa, có tác động trực tiếp tới sức khỏe, đặc biệt là sữa dành cho trẻ em, ngoài thái độ lựa chọn và mua sắm thận trọng, người tiêu dùng còn hết sức tỉ mỉ trong việc nhận biết và ghi nhớ nguồn gốc thương mại sản phẩm. Theo kết quả khảo sát nhận biết của người tiêu dùng đối với phần chữ "PEDIA GROW" cho sản phẩm sữa được thực hiện khách, trung thực quan bởi Công ty cổ phần GMO-Z.com Runsystem, một công ty IT được xếp hạng cao nhất Việt Nam năm 2016-2017 cho thấy 80.74% đáp viên trả lời rằng nhãn hiệu đăng ký và các đối chứng được đưa ra là hoàn toàn không nhầm lẫn, 65.98% cho rằng các nhãn hiệu khảo sát đều do một nhà sản xuất riêng, 94.92% cho rằng họ thường xuyên thấy các chữ "Pedia" xuất hiện trên các sản phẩm sữa và thuốc dành cho trẻ nhỏ, 46.89% cho rằng trước khi mua một sản phẩm chứa dấu hiệu "Pedia", đáp viên sẽ tiếp tục xem xét nhà sản xuất và các yếu tố khác. Như vậy, trong thực tiễn sử dụng, người tiêu dùng không bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại giữa các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký

có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "VN VNM M PEDIA GROW VINAMILK Grow Sure, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 theo đơn số 4-2015-20092 ngày 29/07/2015 có phần chữ "PEDIA GROW" được trình bày nổi bật ở giữa nhãn hiệu với kích thước lớn, bên trên phần chữ này là phần chữ "VINAMILK" và hình, bên dưới phần chữ này là phần chữ "Grow Sure" và hình đều có kích thước rất nhỏ so với phần chữ "PEDIA GROW". Trong phần chữ "PEDIA GROW" có phần chữ "PEDIA" là thành phần có khả năng phân biệt trùng, tương tự với phần chữ "PEDIA", "Pedia" là thành phần tạo khả năng phân biệt của các nhãn hiệu đối chứng "PEDIAPLUS" và "PediaPlus, hình" cùng cho các sản phẩm thuộc nhóm 29, các phần chữ khác biệt "GROW" có nghĩa là "tăng trưởng, phát triển", "PLUS" có nghĩa là "thêm vào, bổ sung", "Grow Sure" có nghĩa là "chắc chắn phát triển" mang tính mô tả. Mặc dù, nhãn hiệu đăng ký có thêm phần chữ "VINAMILK" và hình nhưng được trình bày với kích thước rất nhỏ và tách riêng với phần chữ "PEDIA GROW" nên không đủ tạo ra khả năng phân biệt giữa nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu đối chứng khi chúng tương tự nhau ở phần chữ tạo khả năng phân biệt được trình bày nổi bật ("PEDIA GROW" ở nhãn hiệu đăng ký và "PEDIAPLUS", "PediaPlus" ở các nhãn hiệu đối chứng). Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-20092 ngày 29/07/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 80441/QĐ-SHTT ngày 16/11/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-20092 ngày 29/07/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159704/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2018-00152 ngày 22/02/2018 của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk); địa chỉ: số 10, đường Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-20093 theo Quyết định số 80442/QĐ-SHTT ngày 16/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5604/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

- Nhãn hiệu đăng ký "VN VNM M PEDIA GROW VINAMILK Grow Sure, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 theo đơn số 4-2015-20093 ngày 29/07/2015 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "PEDIAPLUS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 54258 và "PediaPlus, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 202837 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Phần chữ "PEDIA GROW" chứa trong các nhãn hiệu đối chứng đã được đăng ký và sử dụng phổ biến bởi các chủ thể khác.

Nguồn gốc của phần chữ "PEDIA GROW": "Pedia" vốn không phải là từ có chức năng nhãn hiệu mạnh bởi lẽ từ này có nguồn gốc là từ tiếng Anh "Pediatrics" hay "Pediatric", mà theo nhiều từ điển chính thống Oxford Dictionary, Cambridge Dictionary và các từ điển thông dụng khác đều có nghĩa là "nhi khoa" (danh từ) hay "có liên quan đến ngành biệt dược dành cho trẻ em" (tính từ).

Dấu hiệu này được các nhà sản xuất sử dụng phổ biến cho các dòng sản phẩm dược và sản phẩm dinh dưỡng dành riêng cho trẻ em. Mặc dù "Pedia" không mô tả trực tiếp sản phẩm "sữa" thuộc nhóm 29 nhưng sản phẩm sữa thường hướng đến đối tượng tiêu thụ là trẻ em nên từ này ít nhiều gợi nhớ người tiêu dùng liên tưởng tới sản phẩm. Về mặt học thuật có thể đánh giá "Pedia" là một nhãn hiệu có tính gợi nhớ (suggestive mark), là một dạng nhãn hiệu có khả năng phân biệt yếu, đặc biệt sẽ không có khả năng phân biệt nếu đứng độc lập.

- Thực tiễn bảo hộ: Cục Sở hữu trí tuệ đã bảo hộ cho các nhãn hiệu chứa phần chữ "PEDIA GROW" đăng ký bởi nhiều chủ thể khác nhau như "PEDIASURE", "GOATPEDIA", "PEDIAPLUS", "PEDIASMART", "PEDIAFLU", "PEDIADOCTORE", "DIELACPEDIA", "PEDIACARE"…

- Thực tiễn sử dụng: theo khảo sát thực tế, hàng chục hãng sữa khác nhau đều sử dụng nhãn hiệu chứa "Pedia" trên thị trường.

Dựa trên nguồn gốc của từ và thực tiễn đăng ký, sử dụng dấu hiệu, "Pedia" đã trở thành một từ thông dụng và cần phải bị loại trừ bảo hộ trong các

nhãn hiệu có liên quan đến trẻ em. Phần chữ "PEDIA GROW" được sử dụng giống với các trường hợp sử dụng và bảo hộ dấu hiệu "BIO" xuất phát từ tiền tố của "Biological" (thuộc về sinh học) và "Nano" viết tắt của từ Nanotechnology (công nghệ Nano) hay "NUTRI" viết tắt của "Nutrition" (dinh dưỡng) hoặc "Nutrient" (bổ dưỡng) và "PHARMA" viết tắt của "Pharmaceutical" (dược phẩm).

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng:

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi các dấu hiệu gồm "VINAMILK, hình", "Pedia", "Grow". Trong đó dấu hiệu "VINAMILK, hình" với vị trí và vai trò chủ đạo, là thành phần phân biệt chủ yếu của nhãn hiệu. Phần chữ "VINAMILK" là nhãn hiệu nổi tiếng đã được công nhận bởi Dự án của Bộ Khoa học và Công nghệ, được sử dụng rộng rãi và nhiều người tiêu dùng biết đến nên không thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại. Phần chữ "PEDIA GROW" là dấu hiệu đã trở nên thông dụng, mô tả sản phẩm dành cho trẻ em nên không thể được bảo hộ riêng. Vì vậy, xét về tổng thể nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các đối chứng.

- Về thói quen mua sắm của người tiêu dùng đối với sản phẩm sữa: Người tiêu dùng thường có thái độ tiêu dùng hết sức thận trọng với các sản phẩm sữa, có tác động trực tiếp tới sức khỏe, đặc biệt là sữa dành cho trẻ em, ngoài thái độ lựa chọn và mua sắm thận trọng, người tiêu dùng còn hết sức tỉ mỉ trong việc nhận biết và ghi nhớ nguồn gốc thương mại sản phẩm. Theo kết quả khảo sát nhận biết của người tiêu dùng đối với phần chữ "PEDIA GROW" cho sản phẩm sữa được thực hiện khách, trung thực quan bởi Công ty cổ phần GMO-Z.com Runsystem, một công ty IT được xếp hạng cao nhất Việt Nam năm 2016-2017 cho thấy 80.74% đáp viên trả lời rằng nhãn hiệu đăng ký và các đối chứng được đưa ra là hoàn toàn không nhầm lẫn, 65.98% cho rằng các nhãn hiệu khảo sát đều do một nhà sản xuất riêng, 94.92% cho rằng họ thường xuyên thấy các chữ "Pedia" xuất hiện trên các sản phẩm sữa và thuốc dành cho trẻ nhỏ, 46.89% cho rằng trước khi mua một sản phẩm chứa dấu hiệu "Pedia", đáp viên sẽ tiếp tục xem xét nhà sản xuất và các yếu tố khác. Như vậy, trong thực tiễn sử dụng, người tiêu dùng không bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại giữa các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã

được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "VN VNM M PEDIA GROW VINAMILK Grow Sure, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 theo đơn số 4-2015-20093 ngày 29/07/2015 có phần chữ "PEDIA GROW" được trình bày nổi bật ở giữa nhãn hiệu với kích thước lớn, bên trên phần chữ này là phần chữ "VINAMILK" và hình, bên dưới phần chữ này là phần chữ "Grow Sure" và hình đều có kích thước rất nhỏ so với phần chữ "PEDIA GROW". Trong phần chữ "PEDIA GROW" có phần chữ "PEDIA" là thành phần có khả năng phân biệt trùng, tương tự với phần chữ "PEDIA", "Pedia" là thành phần tạo khả năng phân biệt của các nhãn hiệu đối chứng "PEDIAPLUS" và "PediaPlus, hình" cùng cho các sản phẩm thuộc nhóm 29, các phần chữ khác biệt "GROW" có nghĩa là "tăng trưởng, phát triển", "PLUS" có nghĩa là "thêm vào, bổ sung", "Grow Sure" có nghĩa là "chắc chắn phát triển" mang tính mô tả. Mặc dù, nhãn hiệu đăng ký có thêm phần chữ "VINAMILK" và hình nhưng được trình bày với kích thước rất nhỏ và tách riêng với phần chữ "PEDIA GROW" nên không đủ tạo ra khả năng phân biệt giữa nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu đối chứng khi chúng tương tự nhau ở phần chữ tạo khả năng phân biệt được trình bày nổi bật ("PEDIA GROW" ở nhãn hiệu đăng ký và "PEDIAPLUS", "PediaPlus" ở các nhãn hiệu đối chứng). Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-20093 ngày 29/07/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 80442/QĐ-SHTT ngày 16/11/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-20093 ngày 29/07/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159705/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2018-00149 ngày 22/02/2018 của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk); địa chỉ: Số 10, đường Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-20090 ngày 29/07/2015 theo Quyết định số

80439/QĐ-SHTT ngày 16/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5553/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

- Nhãn hiệu đăng ký "VN VNM M PEDIA GROW VINAMILK, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 theo đơn số 4-2015-20090 ngày 29/07/2015 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "PediaPlus, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 202837 và "Physo Pedia DINH DƯỠNG ĐẦY ĐỦ & CÂN ĐỐI Physocare, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 277551 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Phần chữ "PEDIA" chứa trong các nhãn hiệu đối chứng đã được đăng ký và sử dụng phổ biến bởi các chủ thể khác.

Nguồn gốc của phần chữ "PEDIA": "Pedia" vốn không phải là từ có chức năng nhãn hiệu mạnh bởi lẽ từ này có nguồn gốc là từ tiếng Anh "Pediatrics" hay "Pediatric", mà theo nhiều từ điển chính thống Oxford Dictionary, Cambridge Dictionary và các từ điển thông dụng khác đều có nghĩa là "nhi khoa" (danh từ) hay "có liên quan đến ngành biệt dược dành cho trẻ em" (tính từ).

Dấu hiệu này được các nhà sản xuất sử dụng phổ biến cho các dòng sản phẩm dược và sản phẩm dinh dưỡng dành riêng cho trẻ em. Mặc dù "Pedia" không mô tả trực tiếp sản phẩm "sữa" thuộc nhóm 29 nhưng sản phẩm sữa thường hướng đến đối tượng tiêu thụ là trẻ em nên từ này ít nhiều gợi nhớ người tiêu dùng liên tưởng tới sản phẩm. Về mặt học thuật có thể đánh giá "Pedia" là một nhãn hiệu có tính gợi nhớ (suggestive mark), là một dạng nhãn hiệu có khả năng phân biệt yếu, đặc biệt sẽ không có khả năng phân biệt nếu đứng độc lập.

- Thực tiễn bảo hộ: Cục Sở hữu trí tuệ đã bảo hộ cho các nhãn hiệu chứa phần chữ "Pedia" đăng ký bởi nhiều chủ thể khác nhau như "PEDIASURE", "GOATPEDIA", "PEDIAPLUS", "PEDIASMART", "PEDIAFLU", "PEDIADOCTORE", "DIELACPEDIA", "PEDIACARE"…

- Thực tiễn sử dụng: theo khảo sát thực tế, hàng chục hãng sữa khác nhau đều sử dụng nhãn hiệu chứa "Pedia" trên thị trường.

Dựa trên nguồn gốc của từ và thực tiễn đăng ký, sử dụng dấu hiệu, "Pedia" đã trở thành một từ thông dụng và cần phải bị loại trừ bảo hộ trong các nhãn hiệu có liên quan đến trẻ em. Phần chữ "PEDIA" được sử dụng giống với các trường hợp sử dụng và bảo hộ dấu hiệu "BIO" xuất phát từ tiền tố của "Biological" (thuộc về sinh học) và "Nano" viết tắt của từ Nanotechnology (công nghệ Nano) hay "NUTRI" viết tắt của "Nutrition" (dinh dưỡng) hoặc "Nutrient" (bổ dưỡng) và "PHARMA" viết tắt của "Pharmaceutical" (dược phẩm).

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng:

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi các dấu hiệu gồm "VINAMILK, hình", "Pedia", "Grow". Trong đó dấu hiệu "VINAMILK, hình" với vị trí và vai trò chủ đạo, là thành phần phân biệt chủ yếu của nhãn hiệu. Phần chữ "VINAMILK" là nhãn hiệu nổi tiếng đã được công nhận bởi Dự án của Bộ Khoa học và Công nghệ, được sử dụng rộng rãi và nhiều tiêu dùng biết đến nên không thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại. Phần chữ "PEDIA" là dấu hiệu đã trở nên thông dụng, mô tả sản phẩm dành cho trẻ em nên không thể được bảo hộ riêng. Vì vậy, xét về tổng thể nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các đối chứng.

- Về thói quen mua sắm của người tiêu dùng đối với sản phẩm sữa: Người tiêu dùng thường có thái độ tiêu dùng hết sức thận trọng với các sản phẩm sữa, có tác động trực tiếp tới sức khỏe, đặc biệt là sữa dành cho trẻ em, ngoài thái độ lựa chọn và mua sắm thận trọng, người tiêu dùng còn hết sức tỉ mỉ trong việc nhận biết và ghi nhớ nguồn gốc thương mại sản phẩm. Theo kết quả khảo sát nhận biết của người tiêu dùng đối với phần chữ "PEDIA" cho sản phẩm sữa được thực hiện khách quan, trung thực bởi Công ty cổ phần GMO-Z.com Runsystem, một công ty IT được xếp hạng cao nhất Việt Nam năm 2016-2017 cho thấy 80.74% đáp viên trả lời rằng nhãn hiệu đăng ký và các đối chứng được đưa ra là hoàn toàn không nhầm lẫn, 65.98% cho rằng các nhãn hiệu khảo sát đều do một nhà sản xuất riêng, 94.92% cho rằng họ thường xuyên thấy các chữ "Pedia" xuất hiện trên các sản phẩm sữa và thuốc dành cho trẻ nhỏ, 46.89% cho rằng trước khi mua một sản phẩm chứa dấu hiệu "Pedia", đáp viên sẽ tiếp tục xem xét nhà sản xuất và các yếu tố khác. Như vậy, trong thực tiễn sử dụng,

người tiêu dùng không bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại giữa các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "VN VNM M PEDIA GROW VINAMILK, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 chứa phần chữ "PEDIA" tương tự với phần chữ tương ứng của các nhãn hiệu đối chứng "PediaPlus, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 202837 và "Physo Pedia DINH DƯỠNG ĐẦY ĐỦ & CÂN ĐỐI Physocare, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 277551 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29. Tuy nhiên, ngoài phần chữ "PEDIA", nhãn hiệu đăng ký được kết hợp với phần chữ "VINAMILK" và phần hình là thành phần có khả năng phân biệt được thiết kế với kích thước tương đối lớn so với tương quan về tỷ lệ với phần chữ "PEDIA GROW" tạo ra sự khác biệt về cấu trúc từ và cách phát âm với các nhãn hiệu đối chứng "PediaPlus" và "Physo Pedia DINH DƯỠNG ĐẦY ĐỦ & CÂN ĐỐI Physocare". Bên cạnh đó, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có hình thức trình bày và màu sắc khác nhau, từ đó tạo nên ấn tượng riêng biệt với người tiêu dùng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-20090 ngày 29/07/2015, không bảo hộ riêng "GROW", không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 80439/QĐ-SHTT ngày 16/11/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-20090 ngày 29/07/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-20090 ngày 29/07/2015, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "GROW".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159706/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 7841 và 7842 cấp cho SOLVAY PHARMA (FR) đã bị chấm dứt hiệu vì không được chủ sở hữu gia hạn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

PTT366

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2014-00467 ngày 26/5/2014 của EG LABO-LABORATOIRES EUROGENERICS; địa chỉ: Le Quintet, Bâtiment A, 12 Rue D' Anjou, 92517 Boulogne Billancourt, France; đại

diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh.

Lý do đình chỉ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 7841 và 7842 đã bị chấm dứt hiệu lực từ ngày 28/8/2022 vì không được chủ sở hữu gia hạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và EG LABO-LABORATOIRES EUROGENERICS (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- SCVB (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159707/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công văn số GM.2012/AP/VN ngày 28/7/2025 của Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh, đại diện cho CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG đề nghị rút đơn số KN4-2012-00930 ngày 26/9/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2012-00930 ngày 26/9/2012 của Công ty cổ phần Hùng Vương; địa chỉ: C4-1 khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm

PTT366

và Liên danh.

Lý do đình chỉ: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh, đại diện cho CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG có Công văn số GM.2012/AP/VN ngày 28/7/2025 đề nghị rút đơn số KN4-2012-00930 ngày 26/9/2012.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Hùng Vương (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159708/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Otter Products, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00852 ngày 08/8/2017 của Otter Products, LLC; địa chỉ: 209 S. Meldrum Street Fort Collins CO 80521, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1258445 theo Thông báo số 2015/29 HBN32 ngày 21/7/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5442/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Otter Products, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "STRADA SERIES" cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1258445 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "STRADA" cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 149968 và chứa dấu hiệu mô tả, không có khả năng phân biệt, theo quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1258445 gồm hai từ "STRADA SERIES" có nghĩa là "dòng sản phẩm STRADA", trong đó "STRADA" là thành phần có khả năng phân biệt. Do phần chữ "SERIES" bị coi là mô tả gián tiếp các sản phẩm thuộc nhóm 09 nên người nộp đơn xin không bảo hộ riêng phần chữ "SERIES". Tuy nhiên, "STRADA" không phải là từ thuần tuý mô tả hay thông dụng trong lĩnh vực hàng hóa liên quan, nên việc sử dụng kết hợp thêm "SERIES" sẽ giúp hình thành một tổng thể nhãn hiệu mới, có sắc thái riêng biệt.

- Đồng thời, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là Tyco Electronics Corporation (US), địa chỉ: 1050 Westlakes Drive, Berwyn, PA 19312, U.S.A. đã có Thư chấp thuận đồng ý cho chủ ĐQT số 1258445 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐQT này tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "STRADA SERIES" theo ĐQT số 1258445 trùng phần chữ tạo khả năng phân biệt "STRADA" và chỉ khác biệt ở phần chữ "SERIES" là phần chữ đã được sử dụng phổ biến với nhãn hiệu đối chứng "STRADA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 149968. Tuy nhiên, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký khác biệt về bản chất, công dụng và mục đích sử dụng với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng. Sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là phụ kiện bảo vệ, hỗ trợ sử dụng thiết bị điện tử cá nhân, trong khi sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng là thiết bị kỹ thuật truyền tín hiệu. Do đó, không có sự tương tự về chức năng, mục đích hay nguồn gốc thương mại giữa các sản phẩm này. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng. Chủ đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cấp Thư chấp thuận đồng ý cho chủ đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐQT số 1258445 tại Việt Nam. Do đó đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo ĐQT số 1258445, không bảo hộ riêng "SERIES", không áp dụng quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/29 HBN32 ngày 21/7/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1258445.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1258445, không bảo hộ riêng phần chữ "SERIES".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Otter Products, LLC (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159709/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TENDAM RETAIL, S.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2018-00279 ngày 16/4/2018 của Cortenel, S.A.; địa chỉ: Avda. del Llano Castellano, 51, E-28034 Madrid (ES); nay là: TENDAM RETAIL, S.A.; địa chỉ: Avda. del Llano Castellano, 51 E-28034 Madrid , Spain; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1008709 theo Thông báo số 2017/02 NTL17 ngày 02/01/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5440/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TENDAM RETAIL, S.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "SPRINGFIELD" cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1008709 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu chứa phần chữ "SPRINGFIELD" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 26005, 26641, 171388, 171424, 40003, 277354 và đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-23285 theo quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74, khoản 2 điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Để loại bỏ nguy cơ gây nhầm lẫn về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ giữa các nhóm khách hàng liên quan, người nộp đơn đã giới hạn danh mục dịch vụ thuộc nhóm 35 của nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1008709 trên Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) còn lại như sau:

"Dịch vụ bán lẻ qua hệ thống cửa hàng hoặc mạng liên lạc toàn cầu các sản phẩm quần áo may sẵn cho phụ nữ, nam giới và trẻ em, đồ đi chân (trừ đồ dành cho phẫu thuật chỉnh hình) và đồ đội đầu (Retail sale services in shops or via global communication networks of ready-made clothing for women, men and children, footwear (except orthopedic) and headgrear)".

Sau khi giới hạn danh mục dịch vụ thuộc nhóm 35 thì nhãn hiệu theo ĐQT số 1008709 có thể phân biệt được với các sản phẩm, dịch vụ của các nhãn hiệu đối chứng về đối tượng người tiêu dùng và kênh phân phối trên thị trường.

- Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 26005, 26641 và 40003 đã lần lượt hết hạn hiệu lực tại Việt Nam kể từ ngày 23/08/2016, 15/11/2016 và ngày 04/10/2020.

- Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2014-23285 ngày 30/09/2014 đã bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu ngày 30/07/2018.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp hiệu lực bị chấm dứt vì lý do nhãn hiệu không được sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi giới hạn danh mục dịch vụ thuộc nhóm 35 còn lại "Dịch vụ bán lẻ qua hệ thống cửa hàng hoặc mạng liên lạc toàn cầu các sản phẩm quần áo may sẵn cho phụ nữ, nam giới và trẻ em, đồ đi chân (trừ đồ dành cho phẫu thuật chỉnh hình) và đồ đội đầu", nhãn hiệu đăng ký "SPRINGFIELD" theo ĐQT số 1008709 đã có khả năng phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng do dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các sản phẩm, dịch vụ của các nhãn hiệu đối chứng về chức năng, công dụng, đối tượng người tiêu dùng và kênh thương mại. Các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 26005, 26641 và 40003 đã hết hạn hiệu lực tại Việt Nam quá 03 năm, nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2014-23285 ngày 30/09/2014 đã bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 63974/QĐ-SHTT ngày 30/07/2018 nên các nhãn hiệu này không còn khả năng làm đối chứng của nhãn hiệu đăng ký.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký đã đáp ứng điều kiện bảo hộ nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1008709, không áp dụng quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2017/02 NTL17 ngày 02/01/2018 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1008709.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1008709.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TENDAM RETAIL, S.A. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159710/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Triumph Intertrade AG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-01099 ngày 11/10/2017 của Triumph Intertrade AG; địa chỉ: Triumphweg 6, CH-5330 Bad Zurzach, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1311410 theo Thông báo số 2016/41 MDQ55 ngày 31/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5437/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Triumph Intertrade AG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "triaction BY Triumph, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1311410 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo ĐQT số 197341 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Nhãn hiệu "triaction BY Triumph, hình" theo ĐQT số 1311410 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Tri-Action" theo ĐQT số 197341. Tuy nhiên, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã chuyển nhượng lại nhãn hiệu này cho người nộp đơn. Như vậy, sau khi chuyển nhượng, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều cùng thuộc về người nộp đơn, cụ thể là Triumph Intertrade AG; địa chỉ: Triumphweg 6, CH-5330 Bad Zurzach, Switzerland nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đối chứng theo ĐQT số 197341 đã được chuyển nhượng cho người nộp đơn. Do đó, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ sở hữu, cụ thể là Triumph Intertrade AG; địa chỉ: Richtiplatz 6, CH-8304 Wallisellen, Swizerland. Do đó, nhãn hiệu đăng ký đã đáp ứng điều kiện bảo hộ nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/41 MDQ55 ngày 31/8/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1311410.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1311410.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Triumph Intertrade AG (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159711/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Schaper & Brummer Gmbh & Co., KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00765 ngày 27/11/2019 của Schaper & Brummer Gmbh & Co., KG; địa chỉ: Bahnhofstrasse 35 38259 Salzgitter, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-07705 ngày 06/04/2015 theo Quyết định số 77074/QĐ-SHTT ngày

10/9/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5445/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Schaper & Brummer Gmbh & Co., KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Esberitox" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đơn số 4-2015-07705 ngày 06/04/2015 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "ESBERIVEL" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 131765 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng:

+ Về cấu trúc từ ngữ và ý nghĩa liên tưởng:

Mặc dù cùng chứa phần tiền tố "Esberi" nhưng đây là phần không có nghĩa rõ ràng, có thể là một cấu trúc đặt tên tùy ý. Sự khác biệt của hai nhãn hiệu đến từ phần hậu tố "tox" và "vel", khác biệt nhau hoàn toàn cả về âm vị và cấu trúc thị giác. "tox" mang âm cứng, có thể liên tưởng đến "detox" hay "toxin" tạo cảm giác y học, dược lý. Trong khi đó "vel" mang âm nhẹ, trung tính, không gợi đến công dụng dược phẩm cụ thể.

+ Về âm tiết và phát âm:

Nhãn hiệu đăng ký được phát âm là /ɛs:bə.ri.tɑks/ khác biệt với nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /ɛs:bə.ri.vɛl/. Hai nhãn hiệu giống nhau ở âm đầu, nhưng kết thúc /tɑks/ có âm gió, bật mạnh nên dễ nhận diện, kết thúc /vɛl/ có âm nhẹm không bật hơi tạo ra âm sắc khác. Khả năng phân biệt bằng âm thanh trong ngành dược là rất quan trọng vì người tiêu dùng và dược sĩ đều sử dụng tên thuốc trong giao tiếp hàng ngày. Việc phát âm khác biệt giúp tránh nhầm lẫn khi kê toa hoặc mua bán thuốc.

+ Về nội dung liên tưởng và ấn tượng thương mại:

Esberitox dễ tạo ấn tượng là thuốc mang tác dụng thải độc phù hợp với dược phẩm dạng mạnh, chuyên sâu. Esberivel lại mang cảm giác trung tính, không gợi đến công dụng cụ thể, dễ bị cảm nhận là thuốc thông thường hoặc bổ sung.

- Ngoài ra, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "ESBERIVEL" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 131765 cũng không sử dụng nhãn hiệu này cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 tại Việt Nam từ ngày 01/11/2012 đến ngày 08/6/2017 theo kết quả tra cứu thông tin sử dụng nhãn hiệu tại công văn số 266/TT-TTKTQT ngày 08/6/2012 của Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại, Bộ Công Thương.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Esberitox" cho sản phẩm "dược phẩm" thuộc nhóm 05 theo đơn số 4-2015-07705 trùng phần chữ "Esberi" nhưng có khác biệt ở phần hậu tố ("tox" và "vel") với nhãn hiệu đối chứng "Esberivel" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 131765. Phần hậu tố này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên ấn tượng thị giác và âm thanh khi phát âm nhãn hiệu đối với sản phẩm "dược phẩm", từ đó tạo ra khác biệt đáng kể trong cảm nhận của người tiêu dùng. Do đó, sự khác biệt này đủ tạo ra khả năng phân biệt về cấu trúc và phát âm giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng. Do đó, đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-07705 ngày 06/04/2015, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 77074/QĐ-SHTT ngày 10/9/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-07705 ngày 06/04/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-07705 ngày 06/04/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Schaper & Brummer Gmbh & Co., KG (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159712/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ENERGY BRANDS, INC.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2017-00253 ngày 08/3/2017 của ENERGY BRANDS, INC.; địa chỉ: One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A.; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về phạm vi bảo hộ đối với phần chữ "VITAMINWATER" cho sản phẩm thuộc nhóm 32 theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 276542 theo Quyết định số 11280/QĐ-SHTT ngày 23/02/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5557/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ENERGY BRANDS, INC. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "GLACEAU VITAMINWATER" theo GCNĐKNH số 276542 được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "VITAMINWATER" vì là yếu tố mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp là Công ty TNHH SHCN Sao Bắc Đẩu (Sao Bắc Đẩu) khiếu nại việc không bảo hộ riêng cho "VITAMINWATER" trong nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Yếu tố "VITAMINWATER" trong nhãn hiệu đăng ký là từ tự đặt, không mang ý nghĩa cụ thể trong tiếng Việt, không mô tả trực tiếp hay gợi tả đến sản phẩm đăng ký trong nhóm 32, vì vậy có đủ khả năng phân biệt để đăng ký như một nhãn hiệu độc lập:

Theo kết quả tra cứu trong Từ điển Lạc Việt và các từ điển tiếng Anh uy tín khác như Oxford English Living Dictionaries, không có bất kỳ mục từ nào liên quan đến "VITAMINWATER". Điều này cho thấy "VITAMINWATER" là một từ ngữ hoàn toàn do Energy Brands Inc. tự sáng tạo và không tồn tại trong ngôn ngữ chung.

Vì "VITAMINWATER" là từ tự đặt, không có nghĩa, không mang tính mô tả trực tiếp hay gợi tả cho các sản phẩm đăng ký trong nhóm 32 nên yếu tố này hoàn toàn có đủ khả năng phân biệt để được bảo hộ riêng trong nhãn hiệu đăng ký.

- Cục sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ riêng các nhãn hiệu khác có cấu trúc tương tự với yếu tố "VITAMINWATER" trong nhóm 32 như là "AQUAFINA FRUITWATER", "FRUITWATER BY AQUAFINA", "GLACEAU SMARTWATER" và "GLACEAU ESSENCEWATER":

Rõ ràng, các yếu tố FRUITWATER, SMARTWATER, ESSENCEWATER đều có cấu trúc giống "VITAMINWATER" - là sự kết hợp giữa "WATER" và một từ có nghĩa đứng trước như "FRUIT", "SMART" hay "ESSENCE". Các yếu tố này đã được Cục SHTT chấp nhận bảo hộ riêng trong nhãn hiệu, theo Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) năm 2005 với điều kiện bảo hộ không thay đổi so với Luật SHTT năm 2009. Do đó, việc bảo hộ riêng cho yếu

tố "VITAMINWATER" là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật và thống nhất với thực tiễn xét duyệt của Cục SHTT.

- Yếu tố "VITAMINWATER" trong nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi trước ngày nộp đơn, và được thừa nhận rộng rãi bởi người tiêu dùng trên khắp thế giới bao gồm cả Việt Nam với tư cách là một nhãn hiệu:

Yếu tố"VITAMINWATER" đã được sáng tạo bởi Energy Brands Inc. để sử dụng cho sản phẩm đồ uống bổ sung trong những năm cuối thập niên 90. Các sản phẩm đồ uống "VITAMINWATER" được Energy Brands Inc, ra mắt lần đầu tiên tại Hoa Kỳ vào năm 2000. Cho đến các năm tiếp theo, các sản phẩm đồ uống "VITAMINWATER" đã trở thành một trong các sản phẩm bán chạy nhất của Công ty và là sản phẩm dẫn đầu ngành hàng thức uống bổ sung. "VITAMINWATER" được sử dụng rộng rãi tại 26 quốc gia trên toàn thế giới.

Nhãn hiệu và đồ uống "VITAMINWATER" được thừa nhận bởi người tiêu dùng Việt Nam thông qua sự nổi tiếng trên toàn cầu cũng như sự hiện diện mạnh mẽ của nó trên các phương tiện thông tin đại chúng tại Việt Nam.

Yếu tố "VITAMINWATER" đã được chấp nhận bảo hộ tại 138 quốc gia trên thế giới với 238 đăng ký cho nhãn hiệu VITAMINWATER và các nhãn hiệu khác có chứa yếu tố "VITAMINWATER" mà không bị loại trừ thành phần này.Việc bảo hộ riêng yếu tố "VITAMINWATER" tại nhiều quốc gia cho thấy cơ quan sở hữu trí tuệ tại nhiều hệ thống pháp luật khác nhau đều công nhận khả năng phân biệt tự thân của yếu tố này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Xét phần chữ "VITAMINWATER" trong nhãn "GLACEAU VITAMINWATER" theo GCNĐKNH số 276542, thấy rằng: "VITAMINWATER" là một từ ghép bởi "VITAMIN" (tên gọi chung của hợp chất dinh dưỡng thiết yếu cho cơ thể, đóng vai trò quan trọng trong cơ thể sống) và "WATER" (nghĩa là "nước"). Khi phát âm, phần chữ này tách thành hai phần

hợp thành cụm từ có nghĩa "nước vitamin". Về nghĩa, cụm từ này mô tả trực tiếp về thành phần, công dụng khi sử dụng cho các sản phẩm là đồ uống thuộc nhóm 32 theo GCNĐKNH số 276542. Do đó, yếu tố "VITAMINWATER" mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt khi đối với toàn bộ sản phẩm trong nhóm 32, không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "VITAMINWATER" trong Quyết định số 11280/QĐ-SHTT ngày 23/02/2017 về việc cấp GCNĐKNH số 276542 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 11280/QĐ-SHTT ngày 23/02/2017 về việc bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "VITAMINWATER" đối với GCNĐKNH số 276542.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ENERGY BRANDS, INC. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ENERGY BRANDS, INC. (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159714/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Beats Electronics, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-01261 ngày 06/12/2017 của Beats Electronics, LLC; địa chỉ: 8600 Hayden Place Culver City, California 90232, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1280983 theo Thông báo số 2016/46 VTB25 ngày 16/10/2017;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5595/BC-

TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Beats Electronics, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BEATS 1" theo ĐQT số 1280983 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 712345 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp (Công ty TNHH SHCN Sao Bắc Đẩu) đề nghị bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1280983 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn khác biệt với nhau về mặt cấu trúc, cách phát âm, hình thức trình bày, ý nghĩa và ấn tượng tổng thể.

Nhãn hiệu đăng ký, cũng như các nhãn hiệu khác chứa thành phần "BEATS" của người khiếu nại, và nhãn hiệu đối chứng cùng đồng tồn tại tại nhiều quốc gia trên thế giới cho các dịch vụ thuộc nhóm 38, 41 và/hoặc nhóm 42.

Nhiều nhãn hiệu chứa thành phần "BEATS" của người khiếu nại cũng đã được bảo hộ tại Việt Nam cho các sản phẩm trong nhóm 9, ví dụ như "BEATS ACOUSTIC ENGINE" theo GCNĐKNH số 244793, các dịch vụ trong nhóm 38 và 41 như "BEATSMUSIC" theo ĐKQT số 1260385, "BEATS ONE" theo GCNĐKNH số 280751 v.v… Bởi vậy, các nhãn hiệu có chứa thành phần "BEATS" của người khiếu nại hoàn toàn có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng này.

Nhãn hiệu "BEATS" của người khiếu nại đã được sử dụng liên tục và rộng rãi bởi người khiếu nại và Apple Inc. và được người tiêu dùng trên khắp thế giới cũng như tại Việt Nam công nhận như là một dấu hiệu đặc trưng cho các sản phẩm âm thanh của người khiếu nại thông qua Bản Tuyên Thệ cùng với 16 Phụ lục. Nội dung chính bao gồm:

Nhãn hiệu "BEATS" đã được người khiếu nại sử dụng liên tục và rộng rãi từ ngày 01/07/2008 trên các sản phẩm tai nghe, loa, cáp âm thanh, bao đựng các sản phẩm này, cũng như trên các sản phẩm điện thoại di động (theo hợp đồng li-xăng với HTC), máy tính (theo hợp đồng li-xăng với HP) và công nghệ âm thanh sử dụng trên xe có động cơ (theo hợp đồng li-xăng với Chrysler), v.v…

Các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu "BEATS" đã được người khiếu nại và Apple Inc. tiếp thị, quảng cáo và được bán trực tuyến và tại các cửa

hàng trên toàn cầu, bao gồm tại Việt Nam. Việc quảng bá cho thương hiệu "BEATS" vẫn được duy trì bởi việc giới thiệu "BEATS 1" (nhãn hiệu đăng ký), một kênh phát sóng radio trực tuyến trực tiếp 24/7 tới hơn 100 quốc gia, trong đó có cả Việt Nam.

Các sản phẩm tai nghe choàng qua đầu mang nhãn hiệu "BEATS" của người khiếu nại đã nhận được nhiều giải thưởng từ các tổ chức thu thập ý kiến của người tiêu dùng khác nhau, ví dụ như CNET, Reviewed.com, v.v…

Qua sự hợp tác giữa người khiếu nại với những người nổi tiếng mang tầm quốc tế, các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" đã đạt được sự nhận biết rộng rãi bởi người tiêu dùng trên toàn thế giới, ví dụ như Neymar Jr., Cristiano Ronaldo, LeBron James, Wayne Rooney, Justin Bieber, Lady Gaga, David Beckham, Michael Phelps, Nicki Minaj, Katy Perry, v.v… Các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" còn xuất hiện nổi bật và thường xuyên trong các bộ phim và video âm nhạc nổi tiếng trên toàn thế giới.

Người khiếu nại đã quảng cáo các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" trên các bảng quảng cáo tại một số quảng trường và các địa điểm công cộng nổi tiếng nhất trên thế giới, chẳng hạn như Times Square ở thành phố New York. Bên cạnh đó, Người khiếu nại cũng hiện diện rất tích cực và thường xuyên trên các phương tiện truyền thông xã hội như Facebook, Instagram, Twitter và YouTube, để tạo ra việc quảng bá rộng hơn cho các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" đến với người tiêu dùng trên toàn thế giới (kể cả Việt Nam).

Người khiếu nại và các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" cũng đã nhận được sự quan tâm của đông đảo giới truyền thông báo chí hàng đầu trên thế giới và Việt Nam thông qua việc xuất hiện dày đặc trên truyền thông quốc tế và Việt Nam.

Người khiếu nại đã đăng ký bảo hộ và thực thi quyền của mình đối với nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu có chứa "BEATS" ở nhiều nước trên thế giới (bao gồm ở Việt Nam).

Từ những lý lẽ nêu trên, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1280983.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có

ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

So sánh nhãn hiệu đối chứng "Swatch .beat" theo ĐKQT số 712345 và nhãn hiệu đăng ký "BEATS 1": về nghĩa, "BEATS" tiếng Việt là "nhịp đập/tiết tấu"; tổ hợp "Swatch .beat" hàm ý "nhịp điệu mẫu". Về ý nghĩa và cấu trúc, ấn tượng thị giác không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Nhãn hiệu "BEATS 5" của chủ đơn hiện đang được bảo hộ tại Việt Nam theo GCNĐKNH số 397294 cho cùng loại dịch vụ thuộc nhóm 38. Nhãn hiệu "BEATS" của chủ đơn hiện đang được bảo hộ tại Việt Nam theo GCNĐKNH số 416435 cho cùng loại dịch vụ thuộc nhóm 42. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký "BEATS" cho sản phẩm thuộc nhóm 09 được người khiếu nại cung cấp tài liệu chứng minh nhãn hiệu đã được đông đảo người tiêu dùng nhận biết có nguồn gốc từ nhà sản xuất Beats Electronics, LLC. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu theo ĐKQT số 712345 làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1280983.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo ĐQT số 1280983, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/46 VTB25/TB-SHTT ngày 16/10/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1280983.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1280983, không bảo hộ riêng "1".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Beats Electronics, LLC (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159715/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Beats Electronics, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00593 ngày 26/5/2017 của Beats Electronics, LLC; địa chỉ: 8600 Hayden Place Culver City, California 90232, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1291270 theo Thông báo số 2016/09 NTH26 ngày 03/03/2017;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5591/BC-

TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Beats Electronics, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BEATS 1" theo ĐQT số 1291270 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì chữ số "1" không có khả năng phân biệt, phần chữ "BEATS" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 712345 theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp (Công ty TNHH SHCN Sao Bắc Đẩu) đề nghị bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1291270 với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn khác biệt với nhau về mặt cấu trúc, cách phát âm, hình thức trình bày, ý nghĩa và ấn tượng tổng thể.

Nhãn hiệu đăng ký, cũng như các nhãn hiệu khác chứa thành phần "BEATS" của người khiếu nại và nhãn hiệu đối chứng cùng đồng tồn tại tại nhiều quốc gia trên thế giới cho các dịch vụ thuộc nhóm 38 và/hoặc nhóm 41.

Nhãn hiệu "BEATS ONE" của người khiếu nại đã được chấp nhận bảo hộtheo GCNĐKNH số 280751 cho các dịch vụ tương tự trong nhóm 38. Điều này khẳng định rằng các nhãn hiệu có chứa thành phần "BEATS" của người khiếu nại hoàn toàn có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng tại Việt Nam;

Nhãn hiệu "BEATS" của người khiếu nại đã được sử dụng liên tục và rộng rãi bởi người khiếu nại và Apple Inc. và được người tiêu dùng trên khắp thế giới cũng như tại Việt Nam công nhận như là một dấu hiệu đặc trưng cho các sản phẩm âm thanh của Người khiếu nại.

- Ngày 15/09/2017, người khiếu nại đã nộp công văn bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh rằng nhãn hiệu "BEATS" của người khiếu nại đã được sử dụng liên tục và rộng rãi bởi người khiếu nại và Apple Inc. và được người tiêu dùng trên khắp thế giới cũng như tại Việt Nam công nhận như là một dấu hiệu đặc trưng cho các sản phẩm/dịch vụ của người khiếu nại thông qua Bản Tuyên Thệ cùng với 16 Phụ lục. Nội dung chính bao gồm:

Nhãn hiệu "BEATS" đã được người khiếu nại sử dụng liên tục và rộng rãi từ ngày 01/07/2008 trên các sản phẩm tai nghe, loa, cáp âm thanh, bao đựng các sản phẩm này, cũng như trên các sản phẩm điện thoại di động (theo hợp đồng li-xăng với HTC), máy tính (theo hợp đồng li-xăng với HP) và công nghệ âm thanh sử dụng trên xe có động cơ (theo hợp đồng li-xăng với Chrysler), v.v.

Các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu "BEATS" đã được người khiếu nại và Apple Inc. tiếp thị, quảng cáo và được bán trực tuyến và tại các cửa hàng

trên toàn cầu, bao gồm tại Việt Nam. Việc quảng bá cho thương hiệu "BEATS" vẫn được duy trì bởi việc giới thiệu "BEATS 1" (nhãn hiệu đăng ký), một kênh phát sóng radio trực tuyến trực tiếp 24/7 tới hơn 100 quốc gia, trong đó có cả Việt Nam.

Các sản phẩm tai nghe choàng qua đầu mang nhãn hiệu "BEATS" của người khiếu nại đã nhận được nhiều giải thưởng từ các tổ chức thu thập ý kiến của người tiêu dùng khác nhau, ví dụ như CNET, Reviewed.com, v.v…

Qua sự hợp tác giữa người khiếu nại với những người nổi tiếng mang tầm quốc tế, các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" đã đạt được sự nhận biết rộng rãi bởi người tiêu dùng trên toàn thế giới, ví dụ như Neymar Jr., Cristiano Ronaldo, LeBron James, Wayne Rooney, Justin Bieber, Lady Gaga, David Beckham, Michael Phelps, Nicki Minaj, Katy Perry, v.v… Các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" còn xuất hiện nổi bật và thường xuyên trong các bộ phim và video âm nhạc nổi tiếng trên toàn thế giới.

Người khiếu nại đã quảng cáo các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" trên các bảng quảng cáo tại một số quảng trường và các địa điểm công cộng nổi tiếng nhất trên thế giới, chẳng hạn như Times Square ở thành phố New York. Bên cạnh đó, người khiếu nại cũng hiện diện rất tích cực và thường xuyên trên các phương tiện truyền thông xã hội như Facebook, Instagram, Twitter và YouTube, để tạo ra việc quảng bá rộng hơn cho các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" đến với người tiêu dùng trên toàn thế giới (kể cả Việt Nam).

Người khiếu nại và các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" cũng đã nhận được sự quan tâm của đông đảo giới truyền thông báo chí hàng đầu trên thế giới và Việt Nam thông qua việc xuất hiện dày đặc trên truyền thông quốc tế và Việt Nam.

Người khiếu nại đã đăng ký bảo hộ và thực thi quyền của mình đối với Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu có chứa "BEATS" ở nhiều nước trên thế giới (bao gồm ở Việt Nam).

Từ những lý lẽ nêu trên, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291270.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

So sánh nhãn hiệu đối chứng "Swatch .beat" theo ĐKQT số 712345 và nhãn hiệu đăng ký "BEATS 1": về nghĩa, "BEATS" tiếng Việt là "nhịp đập/tiết tấu"; tổ hợp "Swatch .beat" hàm ý "nhịp điệu mẫu". Về ý nghĩa và cấu trúc, ấn tượng thị giác không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Nhãn hiệu "BEATS 5" của chủ đơn hiện đang được bảo hộ tại Việt Nam theo GCNĐKNH số 397294 cho cùng loại dịch vụ thuộc nhóm 38. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký "BEATS" cho sản phẩm thuộc nhóm 09 được người khiếu nại cung cấp tài liệu chứng minh nhãn hiệu đã được đông đảo người tiêu dùng nhận biết có nguồn gốc từ nhà sản xuất Beats Electronics, LLC. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu theo ĐKQT số 712345 làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1291270.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo ĐQT số 1291270, không áp dụng quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/09 NTH26 ngày 03/03/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291270.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291270, không bảo hộ riêng "1".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và

Beats Electronics, LLC (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159716/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hà Khánh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00071 ngày 22/01/2024 của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hà Khánh; địa chỉ: Số 1B - E8B, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Lê & Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-50345 ngày 11/12/2019 theo Quyết định số 86032/QĐ-SHTT.IP ngày 24/10/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5573/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hà Khánh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "H K Hakhanh Co., Ltd Kho Gạch Thu Cúc, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-50345 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 86032/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 24/10/2023, căn cứ khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do không đáp ứng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên so với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-50527 có cùng ngày nộp đơn.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu theo đơn 50345 với các lý do sau:

(i) Quyết định số 86032/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 24/10/2023 là chưa thỏa đáng. Cụ thể:

- Chỉ phản hồi về lý do thứ nhất, chưa xem xét lý do thứ hai.

+ Lý do thứ nhất: Đơn số 4-2019-50527 của Bà Nguyễn Thanh Huyền tuy có cùng ngày nộp đơn (11/12/2019) nhưng được tiếp nhận sau đơn số 4-2019-50345, nên không thể được ưu tiên theo Điều 90.3 Luật Sở hữu trí tuệ.

+ Lý do thứ hai: Nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-50527 không đáp ứng điều kiện được bảo hộ vì không có khả năng phân biệt, cụ thể tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "H K Hakhanh Co., Ltd Kho Gạch Thu Cúc, hình" của Công ty Hà Khánh đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi trước đó; và tương tự với tên thương mại "Thu Cúc" của bà Nguyễn Thị Kim Cúc, đại diện pháp luật của Công ty Hà Khánh, dễ gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa/dịch vụ.

- Người khiếu nại cho rằng nếu đơn số 4-2019-50345 bị cho là "không đáp ứng điều kiện bảo hộ", thì không thể áp dụng Điều 90.3 vì điều khoản này chỉ áp dụng cho các đơn "cùng đáp ứng điều kiện bảo hộ"; và nếu xác định nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-50527 không đủ điều kiện bảo hộ, thì đơn số 4-2019-50345 không bị ảnh hưởng bởi Điều 90.3 Luật Sở hữu trí tuệ và xứng đáng được cấp văn bằng.

(ii) Nhận định cho rằng chủ nhãn hiệu đăng ký theo đơn không có ý kiến phản đối" là không đúng với hồ sơ và diễn biến thực tế, vì người khiếu nại đã nhiều lần thể hiện rõ quan điểm phản đối bằng Công văn số 1011-CV/SHTT ngày 10/11/2021 và nộp đơn phản đối cấp văn bằng bảo hộ đối với đơn số 4-2019-50527.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "*Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ*".

Khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "*Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cùng đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ và cùng có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho đối tượng của một đơn duy nhất trong số các đơn đó theo thoả thuận của tất cả những người nộp đơn; nếu không thoả thuận được thì các đối tượng tương ứng của các đơn đó bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ*".

Điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.*

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Đơn số 4-2019-50345 của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hà Khánh (Công ty Hà Khánh) và đơn số 4-2019-50527 của Bà Nguyễn Thanh Huyền có cùng ngày nộp đơn 11/12/2019, đăng ký cho các nhãn hiệu tương tự đến mức gây nhầm lẫn, dùng cho sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau. Căn cứ khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trường hợp cả hai đơn cùng đáp ứng điều kiện bảo hộ, văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho một nhãn hiệu duy nhất theo thỏa thuận giữa những người nộp đơn, nếu không thỏa thuận được, cả hai nhãn hiệu sẽ bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ. Mặc dù, Công ty Hà Khánh không nộp bổ sung tài liệu để chứng minh đã đạt được thỏa thuận với người nộp đơn (Nguyễn Thanh Huyền) của đơn số 4-2019-50527, tuy nhiên Công ty Hà Khánh đã nộp đơn số PĐ4-2021-01300 ngày 11/11/2021 về việc phản đối cấp Văn bằng bảo hộ đối với đơn số 4-2019-50527. Kết quả xử lý của đơn này có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định đơn số 4-2019-50345. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-50345.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-50345 ngày 11/12/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 86032/QĐ-SHTT.IP ngày 24/10/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-50345 ngày 11/12/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-50345 ngày 11/12/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hà Khánh (qua Công ty Luật TNHH Lê & Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159719/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Hugo Games Development ApS
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2015-00610 ngày 07/7/2015 của Hugo Games Development ApS (nay là 5th Planet Games Development ApS); địa chỉ: Gammel Kongevej 120, 1. th. DK-1850 Frederiksberg C (địa chỉ hiện tại: Gothersgade 11, DK-1123, København K, Denmark); đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 760124 theo Thông báo số 2014/11 LMT28 ngày 13/03/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5516/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Hugo Games Development ApS (nay là 5th Planet Games Development ApS) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo ĐQT số 760124 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 197408, 150545, 210975, theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 637761, 720615, 636997, 720624, 604811 theo quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ

Người khiếu nại thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp (Công ty TNHH SHCN Sao Bắc Đẩu) đề nghị bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 760124 với lý do như sau:

Các hàng hóa và dịch vụ trong Nhóm 16, 24, 29, 30, 32 và 38 của nhãn hiệu đăng ký đã bị hủy bỏ hiệu lực vào ngày 04/08/2011. Do vậy, hiện tại nhãn hiệu đăng ký chỉ còn hiệu lực đối với các nhóm 9, 28 và 41. Ngoài ra, người khiếu nại đang tiến hành thủ tục sửa đổi tên từ HugoGames ApS sang Hugo Games Development ApS;

Trên thực tế, các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 197408 và 150545 đều thuộc quyền sở hữu của người khiếu nại. Tuy nhiên, người khiếu nại đã không còn quan tâm đến các nhãn hiệu này tại Việt Nam nên đã không tiến hành thủ tục gia hạn hiệu lực cho các nhãn hiệu này; và

Hugo Boss Trade Mark Management GmbH & Co. KG, Chủ sở hữu của các nhãn hiệu đối chứng còn lại đã cấp Thư Chấp Thuận đồng ý cho người khiếu nại đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam cho các hàng hóa và dịch vụ thuộc nhóm 9, 28 và 41.

Ngày 22/01/2022, người khiếu nại đã bổ sung thông tin về việc thông tin người khiếu nại được thay đổi từ "Hugo Games Development ApS" có địa chỉ tại "Gammel Kongevej 120, 1. th. K-1850 Frederiksberg C (DK)" sang "5th Planet Games Development ApS" có địa chỉ tại "Gothersgade 11, DK-1123, København K, Denmark"; và nhãn hiệu đăng ký chỉ còn hiệu lực đối với các nhóm 9 và 41.

Từ những lý lẽ nêu trên, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 760124.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 760124 đã hủy bỏ hàng hóa, dịch vụ thuộc các nhóm 16, 24, 29, 30, 32, 38 theo ghi nhận trên Công báo quốc tế số 2011/28 Gaz ngày 04/08/2011; hủy bỏ nhóm 28 ghi nhận trên Công báo quốc tế số 2021/22 Gaz ngày 17/06/2021. Như vậy, vào thời điểm hiện tại, nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 760124 yêu cầu bảo hộ cho sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 09, 41.

- Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 197408 đã hết hạn ngày 09/05/2015. Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 150545 đã hết hạn ngày 29/01/2014. Vì vậy, Cục Sở hữu không sử dụng các nhãn hiệu này làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 760124.

- Do nhãn hiệu đăng ký chỉ còn lại nhóm 09, 41, các sản phẩm/dịch vụ liệt kê trong đó không cùng bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và/hoặc kênh thương mại với sản phẩm mang các nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 210975 (bảo hộ cho sản phẩm thuộc nhóm 30, 32, 33); ĐKQT số 637761 (bảo hộ cho sản phẩm thuộc nhóm 29, 30, 31, 32, 33); ĐKQT số 636997 (bảo hộ cho sản phẩm thuộc nhóm 29, 30, 31, 32, 33). Như vậy, nhãn hiệu đăng ký không làm cho người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc với sản phẩm mang nhãn hiệu đối

chứng. Vì thế, các nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 760124 cho nhóm 09, 41.

- Các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 720615, 720624, 604811 cho sản phẩm thuộc nhóm 09 bao gồm "kính mắt và các bộ phận của chúng" (Eyewear and parts thereof/Lunettes et leurs parties). Nhãn hiệu đăng ký yêu cầu bảo hộ cho sản phẩm thuộc nhóm 09 bao gồm "Thiết bị và dụng cụ khoa học, hàng hải, trắc địa, điện, nhiếp ảnh, điện ảnh, quang học, cân, đo, báo hiệu, kiểm tra (giám sát), cứu hộ và giảng dạy; thiết bị ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ liệu từ tính; đĩa ghi; máy bán hàng tự động và cơ cấu cho thiết bị hoạt động bằng xu; máy tính tiền, máy tính, thiết bị xử lý dữ liệu và máy tính; thiết bị chữa cháy, phần mềm máy tính đã ghi; trò chơi máy tính, video và TV; trò chơi chỉ được thiết kế để sử dụng với máy thu hình; cơ cấu vận hành trò chơi được thiết kế cho việc sử dụng với máy ghi hình; đăng ký không bao gồm kính mắt và các bộ phận của chúng (the registration does not include eyewear and parts thereof)". Như vậy, các sản phẩm mang nhãn hiệu so sánh tuy cùng nhóm 09 nhưng không phải sản phẩm cùng loại. Ngoài ra, chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã có Thư Chấp Thuận đồng ý cho người khiếu nại đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐQT số 760124 tại Việt Nam cho hàng hóa thuộc nhóm 9. Vì thế, đề nghị bảo hộ cho sản phẩm thuộc nhóm 09 của người khiếu nại có cơ sở.

- Về dịch vụ thuộc nhóm 41 mang nhãn hiệu đăng ký bao gồm "giáo dục; cung cấp dịch vụ đào tạo; giải trí; hoạt động thể thao và văn hóa; sản xuất chương trình phát thanh và truyền hình; giải trí và tiêu khiển trên truyền hình", so sánh với sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 720615, 720624, 604811; thấy rằng, một phần dịch vụ này có liên quan về chức năng với sản phẩm thuộc nhóm 28 (bao gồm "trò chơi, đồ chơi; dụng cụ thể dục và thể thao, đặc biệt là ván trượt tuyết, gậy đánh gôn, vợt tennis; bóng; dụng cụ thể dục và thể thao") mang nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên, chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã có Thư Chấp Thuận đồng ý cho người khiếu nại đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐQT số 760124 tại Việt Nam cho các dịch vụ thuộc nhóm 41. Do cấu trúc, ấn tượng thị giác của các nhãn hiệu so sánh có sự khác biệt, không sử dụng cùng loại hàng hóa, hơn nữa, đã được sự chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng, nên Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng các nhãn hiệu theo ĐKQT số 720615, 720624, 604811 làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 760124 cho dịch vụ thuộc nhóm 41. Vì thế, đề nghị bảo hộ cho dịch vụ thuộc nhóm 41 của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn ĐKQT số 760124 và không áp dụng quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ Nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/11 LMT28 ngày 13/03/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 760124.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 760124.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Hugo Games Development ApS (nay là 5th Planet Games Development ApS) (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159720/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Beats Electronics, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2016-00164 ngày 26/02/2016 của Beats Electronics, LLC; địa chỉ: 8600 Hayden Place, Culver City CA 90232, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1225897 theo Thông báo số 2014/47 NDT23 ngày 27/11/2015;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5479/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Beats Electronics, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu BEATS theo ĐQT số 1225897 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 214529, 213981, 251054, nhãn hiệu được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 712345 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp (Công ty TNHH SHCN Sao Bắc Đẩu) đề nghị bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1225897 với lý do như sau:

- Các nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 214529, 213981, 251054 đã được người khiếu nại tiến hành thủ tục ghi nhận sửa đổi địa chỉ mới tại "8600 Hayden Place, Culver City CA 90232, United States of America". Do đó, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng nêu trên là cùng một chủ sở hữu.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 712345, việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký bởi nhãn hiệu đối chứng này là không hợp lý dựa trên các lập luận sau:

Nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng này về nghĩa, thành phần cấu trúc và hình thức trình bày. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đã cùng tồn tại tại một số nước trên thế giới bao gồm Thụy Sỹ và Trung Quốc. Bên cạnh đó, Cục SHTT đã cho phép các nhãn hiệu "BEATS" theo GCNĐKNH số 214529, 213981, nhãn hiệu "BEATS PILL" theo GCNĐKNH số 251054 (là các nhãn hiệu hoàn toàn giống với nhãn hiệu đăng ký) của người khiếu nại và nhãn hiệu đối chứng này đồng tồn tại tại Việt Nam.

- Ngày 31/05/2016, người khiếu nại đã nộp công văn bổ sung kết quả ghi nhận việc thay đổi địa chỉ mới của Người khiếu nại cho các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNHsố 214529, 213981, và 251054 nêu trên. Theo đó, Nhãn hiệu đăng ký và ba nhãn hiệu đối chứng này là cùng một chủ.

- Ngày 10/11/2017, người khiếu nại đã nộp công văn bổ sung căn cứ và lập luận cho đơn khiếu nại này đối với nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 712345 như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký, cũng như các nhãn hiệu khác chứa thành phần "BEATS" của Người khiếu nại, và nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 712345

đồng tồn tại tại nhiều quốc gia trên thế giới bao gồm Na Uy, Thổ Nhĩ Kỳ, Liên bang Nga...

- Nhiều nhãn hiệu chứa thành phần "BEATS" của người khiếu nại cũng đã được bảo hộ tại Việt Nam cho các sản phẩm trong nhóm 09, ví dụ như "BEATS ACOUSTIC ENGINE" theo GCNĐKNH số 244793, các nhãn hiệu "BEATS BY DR. DRE" theo ĐKQT số 1241551, GCNĐKNH số 208020, và GCNĐKNH số 205968, "BEATS PRO" theo GCNĐKNH số 251089 v.v… Bởi vậy, các nhãn hiệu có chứa thành phần "BEATS" của người khiếu nại hoàn toàn có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng này.

- Nhãn hiệu "BEATS" của người khiếu nại đã được sử dụng liên tục và rộng rãi bởi người khiếu nại và Apple. Inc và được người tiêu dùng trên khắp thế giới cũng như tại Việt Nam công nhận như là một dấu hiệu đặc trưng cho các sản phẩm/ dịch vụ liên quan tới âm thanh của người khiếu nại thông qua Bản Tuyên Thệ cùng với 16 phụ lục. Nội dung chính bao gồm:

Nhãn hiệu "BEATS" đã được người khiếu nại sử dụng liên tục và rộng rãi từ ngày 01/07/2008 trên các sản phẩm tai nghe, loa, cáp âm thanh, bao đựng các sản phẩm này, cũng như trên các sản phẩm điện thoại di động (theo hợp đồng li-xăng với HTC), máy tính (theo hợp đồng li-xăng với HP) và công nghệ âm thanh sử dụng trên xe có động cơ (theo hợp đồng li-xăng với Chrysler), v.v.

Các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu "BEATS" đã được người khiếu nại và Apple Inc. tiếp thị, quảng cáo và được bán trực tuyến và tại các cửa hàng trên toàn cầu, bao gồm tại Việt Nam. Việc quảng bá cho thương hiệu "BEATS" vẫn được duy trì bởi việc giới thiệu "BEATS 1", một kênh phát sóng radio trực tuyến trực tiếp 24/7 tới hơn 100 quốc gia, trong đó có cả Việt Nam.

Các sản phẩm tai nghe choàng qua đầu mang nhãn hiệu "BEATS" của người khiếu nại đã nhận được nhiều giải thưởng từ các tổ chức thu thập ý kiến của người tiêu dùng khác nhau, ví dụ như CNET, Reviewed.com, v.v…

Qua sự hợp tác giữa người khiếu nại với những người nổi tiếng mang tầm quốc tế, các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" đã đạt được sự nhận biết rộng rãi bởi người tiêu dùng trên toàn thế giới, ví dụ như Neymar Jr., Cristiano Ronaldo, LeBron James, Wayne Rooney, Justin Bieber, Lady Gaga, David Beckham, Michael Phelps, Nicki Minaj, Katy Perry, v.v. Các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" còn xuất hiện nổi bật và thường xuyên trong các bộ phim và video âm nhạc nổi tiếng trên toàn thế giới.

Người khiếu nại đã quảng cáo các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" trên các bảng quảng cáo tại một số quảng trường và các địa điểm công cộng nổi

tiếng nhất trên thế giới, chẳng hạn như Times Square ở thành phố New York. Bên cạnh đó, người khiếu nại cũng hiện diện rất tích cực và thường xuyên trên các phương tiện truyền thông xã hội như Facebook, Instagram, Twitter và YouTube, để tạo ra việc quảng bá rộng hơn cho các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" đến với người tiêu dùng trên toàn thế giới (kể cả Việt Nam).

Người khiếu nại và các sản phẩm mang nhãn hiệu "BEATS" cũng đã nhận được sự quan tâm của đông đảo giới truyền thông báo chí hàng đầu trên thế giới và Việt Nam thông qua việc xuất hiện dày đặc trên truyền thông quốc tế và Việt Nam.

Người khiếu nại đã đăng ký bảo hộ và thực thi quyền của mình đối với nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu có chứa "BEATS" ở nhiều nước trên thế giới (bao gồm ở Việt Nam).

Từ những lý lẽ nêu trên, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1225897.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1225897 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 214529, 213981, 251054. Tuy nhiên, chủ sở hữu đã thực hiện thủ tục sửa đổi địa chỉ trong các GCNĐKNH này về cùng địa chỉ với chủ đơn ĐQT số 1225897. Do tên và địa chỉ của các nhãn hiệu nêu trên đã thống nhất, như vậy nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký thuộc cùng chủ sở hữu. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không dùng nhãn hiệu theo các GCNĐKNH số 214529, 213981, 251054 làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1225897.

- So sánh nhãn hiệu đối chứng "Swatch .beat" theo ĐKQT số 712345 và nhãn hiệu đăng ký "BEATS": về nghĩa, "BEATS" tiếng Việt là "nhịp đập/tiết tấu"; tổ hợp "Swatch .beat" hàm ý "nhịp điệu mẫu". Về ý nghĩa và cấu trúc, ấn

tượng thị giác không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Nhãn hiệu "BEATS" của chủ đơn hiện đang được bảo hộ tại Việt Nam cho cùng loại sản phẩm thuộc nhóm 09. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký "BEATS" cho sản phẩm thuộc nhóm 09 theo ĐQT số 1225897 được người khiếu nại cung cấp tài liệu chứng minh nhãn hiệu đã được đông đảo người tiêu dùng nhận biết có nguồn gốc từ nhà sản xuất Beats Electronics, LLC. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu theo ĐKQT số 712345 làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1225897.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1225897, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/47 NDT23 ngày 27/11/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1225897.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1225897.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Beats Electronics, LLC (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159721/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng Trung Nguyên
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2022-00494 ngày 25/4/2022 của Công ty cổ phần khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng Trung Nguyên; địa chỉ: Khu phố Bắc Sơn, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, điện thoại 0908128467; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-11878 theo Quyết định số 25472/QĐ-SHTT ngày 30/03/2022;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5470/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng Trung Nguyên với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2019-11878 ngày 11/04/2019 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 191942, nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-18528, 4-2017-18530 ngày 21/06/2017 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 191942 đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế vào ngày 21/11/2014. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ thì GCNĐKNH số 191942 sẽ bị chấm dứt hiệu lực. Ngoài ra, vì đã ngừng hoạt động nên chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã không tiến hành thủ tục gia hạn hiệu lực và đã hết hạn vào ngày 06/08/2020.

- Nhãn hiệu đăng ký là hình ảnh viên kim cương cách điệu màu xanh dương, bên trong là chữ "T". Đây là thành phần mạnh, có khả năng phân biệt của nhãn hiệu, tạo nên ấn tượng và ghi nhớ nơi người tiếp cận. Phần chữ "DIAMOND TILES" màu xanh dương phía dưới phần hình nhằm chú thích cho phần hình và chữ "T" viết tắt trong phần hình. Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2017-18528 là hình viên kim cương cách điệu màu đen, phía dưới là chữ "DIAMOND" màu đen nhằm chú thích cho phần hình. Về màu sắc cũng có sự khác biệt. Do vậy, hai nhãn hiệu đều có cách thể hiện riêng biệt về cấu trúc, màu sắc, hình thức thể hiện nên khi tiếp cận về mặt thị giác, người tiêu dùng không thể nhầm lẫn chúng với nhau. Về nhóm sản phẩm, đều là nhóm 19, tuy nhiên đối tượng sản xuất của hai nhãn hiệu là hoàn toàn khác nhau, dễ dàng phân biệt.

- Nhãn hiệu đăng ký là hình ảnh viên kim cương cách điệu màu xanh dương, bên trong là chữ "T". Đây là thành phần mạnh, có khả năng phân biệt của nhãn hiệu, tạo nên ấn tượng và ghi nhớ nơi người tiếp cận. Phần chữ "DIAMOND TILES" màu xanh dương phía dưới phần hình nhằm chú thích cho phần hình và chữ "T" viết tắt trong phần hình. Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2017-18530 là chữ "DIAMOND" màu đen với chữ "D" cách điệu. Về màu sắc có sự khác biệt. Về màu sắc cũng có sự khác biệt. Do vậy, hai nhãn hiệu đều có

cách thể hiện riêng biệt về cấu trúc, màu sắc, hình thức thể hiện nên khi tiếp cận về mặt thị giác, người tiêu dùng không thể nhầm lẫn chúng với nhau. Về nhóm sản phẩm, đều là nhóm 19, tuy nhiên đối tượng sản xuất của hai nhãn hiệu là hoàn toàn khác nhau, dễ dàng phân biệt.

Ngoài ra, người khiếu nại yêu cầu bảo hộ tổng thể theo quy định của pháp luật.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2019-11878 không được bảo hộ vì phần chữ "DIAMOND TITLES" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "DIAMOND" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 191942. Do các nhãn hiệu nêu trên cùng được sử dụng cho vật liệu dùng để ốp, lát thuộc nhóm 19 sẽ làm cho người tiêu dùng lầm tưởng chúng có nguồn gốc từ một chủ thể sản xuất. Tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 25472/QĐ-SHTT ngày 30/03/2022, GCNĐKNH số 191942 hết hiệu lực chưa quá 03 năm. Tài liệu chứng minh chủ sở hữu GCNĐKNH số 191942 đã ngừng hoạt động chưa được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

Nhãn hiệu đăng ký chứa phần chữ "DIAMOND" có khả năng phân biệt, phần chữ này tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "DIAMOND" trong nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-18528, 4-2017-18530 ngày 21/06/2017 có ngày nộp đơn sớm hơn; các nhãn hiệu so sánh đều được sử dụng cho sản phẩm vật liệu xây dựng, cùng phân khúc khách hàng, cùng kênh thương mại sẽ làm cho người tiêu dùng lầm tưởng chúng có nguồn gốc từ một chủ thể sản xuất. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký không được bảo hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-11878 ngày 11/04/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 25472/QĐ-SHTT ngày 30/03/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-11878 ngày 11/04/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng Trung Nguyên có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng Trung Nguyên có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159722/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kmart Australia Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00458 ngày 13/4/2017 của Kmart Australia Limited; địa chỉ: 11th Floor Wesfarmers House, 40 The Esplanade, Perth WA 6000, Australia; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1282405 theo Thông báo số 2015/52 NTH18 ngày 30/12/2016;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 3459/BC-

TTKN ngày 20/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kmart Australia Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1282405 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì chứa "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ; và chứa: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ" theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký clothing &CO với lý do: nhãn hiệu đăng ký về tổng thể có khả năng phân biệt tự thân và hoàn toàn có thể thực hiện chức năng của một nhãn hiệu. Cụ thể: nhãn hiệu đăng ký là tổng thể không tách rời gồm phần chữ "clothing" màu ghi nhạt, viết thường theo phông chữ tiêu chuẩn với kích thước chữ nhỏ, bên dưới chữ "clothing" là ký hiệu "&" và chữ "CO" viết in hoa, màu ghi đậm với kích thước chữ lớn hơn nhiều. Tuy "clothing" có nghĩa là "quần áo" và có liên hệ với sản phẩm thuộc nhóm 25 nhưng xét về tổng thể nhãn hiệu phần chữ clothing được viết nhỏ và màu ghi nhạt kém nổi bật hơn hẳn yếu tố "&CO" được viết với kích thước lớn in đậm. Như vậy về ấn tượng thị giác, người nhìn khi nhìn vào nhãn hiệu xin đăng ký sẽ ấn tượng với phần chữ "&CO" hơn là "clothing" và "&CO" không mô tả/gợi dẫn về mục đích hoặc chức năng, thành phần, công dụng, hay các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ ở các nhóm 03, 07, 08, 09, 11, 18, 20, 24, 25, 27, 35 của nhãn hiệu xin đăng ký. Bên cạnh đó, nhãn hiệu đăng ký được đăng ký cho các sản phẩm "hóa mỹ phẩm,…" thuộc nhóm 3, "máy và công cụ,…" thuộc nhóm 7, "công cụ và dụng cụ cầm tay thao tác thủ công,…" thuộc nhóm 8, "các thiết bị khoa học, ghi âm ghi hình,..." thuộc nhóm 9, "các thiết bị chiếu sáng, nấu ăn,…" thuộc nhóm 11, "các sản phẩm đồ da, valy, hòm, túi…" thuộc nhóm 18, "đồ nội thất,…" thuộc nhóm 20, "vải, các sản phẩm bằng vải dệt,…" thuộc nhóm 24, "đồ đi chân, quần áo,…" nhóm 25, "các loại thảm,…" thuộc nhóm 27 và "các dịch vụ bán buôn bán lẻ nói chung, quảng cáo,…" thuộc nhóm 35. Có thể thấy rằng nhãn hiệu đăng ký không chứa dấu hiệu nào bị coi là: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ" theo khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

Trên thực tế, do có khả năng phân biệt tự thân, nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận bảo hộ tại nhiều nước trên thế giới như cộng đồng Châu Âu (28 quốc gia thành viên), Colombia, Singapore. Ngoài ra nhãn hiệu còn được đăng ký và chấp nhận bảo hộ dưới dạng đơn quốc gia ở những nước có ngôn ngữ chính là tiếng Anh và có thực tiễn xét nghiệm nhãn hiệu chặt chẽ như Newzealand, Australia…chứng tỏ rằng ở các nước này, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt tự thân và không chứa các dấu hiệu không được bảo hộ. Nhãn hiệu đăng ký cũng được sử dụng rộng rãi tại các cửa hàng, siêu thị lớn tại Úc và Newzealand, trong tương lai gần, Kmart Australia Limited sẽ xúc tiến mở rộng sang các thị trường khác.

Ngoài ra, thực tế nhiều nhãn hiệu cấu tạo bởi các thành phần mang tính chất gợi dẫn hoặc chỉ thành phần hoặc công dụng/đặc tính của sản phẩm đã được chấp nhận đăng ký. Nhãn hiệu đăng ký về tổng thể có khả năng phân biệt tự thân, được sử dụng thừa nhận rộng rãi, nên cũng đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu theo ĐQT số 1282405 bao gồm phần chữ "clothing" kết hợp với "&CO". Trong đó "clothing" viết cỡ nhỏ ở phần trên, nghĩa tiếng Việt là "quần áo" mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt đối với sản phẩm thuộc nhóm 25 và làm hiểu sai lệch cho người tiêu dùng đối với các loại hàng hóa/dịch vụ không phải "quần áo/trang phục" hoặc liên quan tới sản phẩm này. Phần dưới của nhãn hiệu đăng ký là tập hợp tạo bởi dấu "&" với "CO", trong đó "CO" là viết tắt của "Company" có nghĩa tiếng Việt là "công ty", là yếu tố mô tả

không có khả năng phân biệt. Toàn bộ tập hợp "&CO" là yếu tố không có khả năng phân biệt. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73, điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1282405 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/52 NTH18 ngày 30/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1282405.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Kmart Australia Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kmart Australia Limited (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159723/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cobra Golf Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2016-00287 ngày 08/4/2016 của Cobra Golf Inc.; địa chỉ: 1818 Aston Avenue, Carlsbad, CA 92008, USA; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-21414 ngày 17/09/2013 theo Quyết định số 9926/QĐ-SHTT ngày 24/02/2016;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 3288/BC-

TTKN ngày 18/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cobra Golf Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2013-21414 ngày 17/09/2013 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 95822, 13199 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại qua Công ty luật TNHH T&G đã cung cấp những lập luận và bằng chứng sau:

- Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 13199 cũng đồng thời là chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-21414. Cobra Golf Inc. (cũng là Cobra Golf Incorporated) đã hoàn thành việc sửa đổi địa chỉ của chủ sở hữu trong GCNĐKNH số 13199 từ "1812 Aston Avenue, Carlsbad, California 92008, U.S.A" sang "1818 Aston Avenue, CA 92008, U.S.A". Yêu cầu sửa địa chỉ đã được ghi nhận theo Quyết định số 42736/QĐ-SHTT ngày 17/07/2015.

- Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 95822 của Công ty Đàm Phúc đã không được sử dụng cho các sản phẩm nhóm 25 tại Việt Nam từ 01/01/2007 đến nay. Nhãn hiệu này cũng đang được xem xét chấm dứt hiệu lực do không sử dụng theo đề nghị tại đơn số ĐN1-2016-00097 ngày 03/03/2016. Người khiếu nại đã cung cấp bằng chứng là kết quả tra cứu từ các nguồn thông tin, dữ liệu cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "JACK COBRA" tại Việt Nam theo công văn số 664/TT-TTKTQT ngày 06/10/2015 của Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại thuộc Bộ Công thương.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Nội dung khiếu nại có cơ sở, đề nghị hủy bỏ Quyết định số 9926/QĐ-SHTT ngày 24/02/2016.

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét lập luận của người khiếu nại và trên cơ sở hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Do người khiếu nại đã chứng minh chủ đơn số 4-2013-21414 cũng đồng thời là chủ sở hữu nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 13199 nên Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu này làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

Tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 9926/QĐ-SHTT ngày 24/02/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-21414, nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 95822 đang có hiệu lực. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-21414 ngày 17/09/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 9926/QĐ-SHTT ngày 24/02/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-21414 ngày 17/09/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cobra Golf Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cobra Golf Inc. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159724/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2023-00038 ngày 10/02/2023 của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông; địa chỉ: 43/9 Bến Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 02839808808; khiếu nại về việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 127572 tại đơn số SB4-2021-01122 ngày 18/05/2021 theo Quyết định số 5774/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5450/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Yêu cầu sửa đổi nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 127572 bị từ chối vì việc sửa đổi đã làm thay đổi bản chất của mẫu nhãn hiệu ghi trong GCNĐKNH theo quy định tại điểm 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Người khiếu nại không đồng ý với Quyết định số 5774/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 127572 vì các lý do sau:

Việc chủ đơn thực hiện thủ tục sửa đổi văn bằng xuất phát từ chính yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) nêu trong Thông báo số 2254/SHTT-SCVB ngày 26/3/2021. Cụ thể là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong mẫu nhãn hiệu để được ghi nhận việc chuyển giao văn bằng bảo hộ số 127572. Và nội dung trong Quyết định số 5774/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 cho thấy sự mâu thuẫn trong cách xử lý công việc của Cục SHTT, gây khó dễ cho doanh nghiệp.

Việc áp dụng căn cứ pháp lý là điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN để từ chối sửa đổi trong trường hợp này thể hiện sự áp dụng không nhất quán. Đã có nhiều trường hợp tương tự, yêu cầu sửa đổi đã được Cục SHTT chấp nhận. Dẫn chứng là GCNĐKNH số 165368 đã sửa đổi với nội dung loại bỏ phần chữ "Cơ sở", GCNĐKNH số 178949 thay đổi từ "Công ty TNHH" thành "Công ty cổ phần", Các GCNĐKNH số 200727, 90483 đã thay đổi tên chủ sở hữu là "Công ty…" nhưng trên mẫu nhãn hiệu vẫn được giữ tên "Cơ sở…".

Trên cơ sở đó, đề nghị Cục SHTT xem xét lại Quyết định số 5774/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022, ghi nhận nội dung sửa đổi văn bằng theo đơn số SB4-2021-1122 ngày 18/05/2021 cũng như ghi nhận Hợp đồng chuyển giao các văn bằng theo đơn số CB-2020-00962 để doanh nghiệp sớm ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chúng tôi.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định về việc xử lý yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Điểm 20.1.b.(i) Yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ: Yêu cầu sửa đổi một số chi tiết nhưng không làm thay đổi đáng kể mẫu nhãn hiệu ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Điểm 20.1.d: Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đơn, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ, đăng bạ và công bố quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ trên Công báo sở hữu công nghiệp. Trong trường hợp ngược lại, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người yêu cầu thông báo dự định từ chối chấp nhận việc sửa đổi, có nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu trong thời hạn đã ấn định người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ và ý kiến từ các bên liên quan, thấy rằng:

Nội dung yêu cầu sửa đổi mẫu nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 127572 là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong cụm từ "CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG". Do phần chữ "CƠ SỞ" không phải dấu hiệu đứng độc lập mà là yếu tố gắn liền với thành phần "BÌNH ĐÔNG" có khả năng phân biệt nên mặc dù yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ nhưng yếu tố bị loại bỏ làm thay đổi đáng kể đến mẫu nhãn hiệu. Do đó, không đáp ứng điều kiện để việc sửa đổi được ghi nhận theo quy định tại điểm 20.1.b (i) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 168356 theo đơn số SB4-2021-1121 ngày 18/5/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 5774/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 127572 đối với đơn sửa đổi văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp số SB4-2021-01122 ngày 18/05/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159725/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2023-00037 ngày 10/02/2023 của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông; địa chỉ: 43/9 Bến Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 02839808808; khiếu nại về việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 168356 tại đơn số SB4-2021-01121 ngày 18/05/2021 theo Quyết định số 5775/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5446/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Yêu cầu sửa đổi nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 168356 bị từ chối vì việc sửa đổi đã làm thay đổi bản chất của mẫu nhãn hiệu ghi trong GCNĐKNH theo quy định tại điểm 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Người khiếu nại không đồng ý với Quyết định số 5775/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 168356 vì các lý do sau:

Việc chủ đơn thực hiện thủ tục sửa đổi văn bằng xuất phát từ chính yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) nêu trong Thông báo số 2254/SHTT-SCVB ngày 26/3/2021. Cụ thể là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong mẫu nhãn hiệu để được ghi nhận việc chuyển giao văn bằng bảo hộ số 168356. Và nội dung trong Quyết định số 5775/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 cho thấy sự mâu thuẫn trong cách xử lý công việc của Cục SHTT, gây khó dễ cho doanh nghiệp.

Việc áp dụng căn cứ pháp lý là điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN để từ chối sửa đổi trong trường hợp này thể hiện sự áp dụng không nhất quán. Đã có nhiều trường hợp tương tự, yêu cầu sửa đổi đã được Cục SHTT chấp nhận. Dẫn chứng là GCNĐKNH số 165368 đã sửa đổi với nội dung loại bỏ phần chữ "Cơ sở", GCNĐKNH số 178949 thay đổi từ "Công ty TNHH" thành "Công ty cổ phần", Các GCNĐKNH số 200727, 90483 đã thay đổi tên chủ sở hữu là "Công ty…" nhưng trên mẫu nhãn hiệu vẫn được giữ tên "Cơ sở…".

Trên cơ sở đó, đề nghị Cục SHTT xem xét lại Quyết định số 5775/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022, ghi nhận nội dung sửa đổi văn bằng theo đơn số SB4-2021-1121 ngày 18/05/2021 cũng như ghi nhận Hợp đồng chuyển giao các văn bằng theo đơn số CB-2020-00962 để doanh nghiệp sớm ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chúng tôi.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định về việc xử lý yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Điểm 20.1.b.(i) Yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ: Yêu cầu sửa đổi một số chi tiết nhưng không làm thay đổi đáng kể mẫu nhãn hiệu ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Điểm 20.1.d: Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đơn, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ, đăng bạ và công bố quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ trên Công báo sở hữu công nghiệp. Trong trường hợp ngược lại, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người yêu cầu thông báo dự định từ chối chấp nhận việc sửa đổi, có nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu trong thời hạn đã ấn định người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ và ý kiến từ các bên liên quan, thấy rằng:

Nội dung yêu cầu sửa đổi mẫu nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 168356 là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong cụm từ "CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG". Do phần chữ "CƠ SỞ" không phải dấu hiệu đứng độc lập mà là yếu tố gắn liền với thành phần "BÌNH ĐÔNG" có khả năng phân biệt nên mặc dù yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ nhưng yếu tố bị loại bỏ làm thay đổi đáng kể đến mẫu nhãn hiệu. Do đó, không đáp ứng điều kiện để việc sửa đổi được ghi nhận theo quy định tại điểm 20.1.b (i) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 168356 theo đơn số SB4-2021-1121 ngày 18/5/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 5775/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 168356 đối với đơn sửa đổi văn

bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp số SB4-2021-01121 ngày 18/05/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159726/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2023-00039 ngày 10/02/2023 của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông; địa chỉ: 43/9 Bến Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 02839808808; khiếu nại về việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 155210 tại đơn số SB4-2021-01123 ngày 18/05/2021 theo Quyết định số 5773/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5443/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Yêu cầu sửa đổi nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 155210 bị từ chối vì việc sửa đổi đã làm thay đổi bản chất của mẫu nhãn hiệu ghi trong GCNĐKNH theo quy định tại điểm 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Người khiếu nại không đồng ý với Quyết định số 5773/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 155210 vì các lý do sau:

Việc chủ đơn thực hiện thủ tục sửa đổi văn bằng xuất phát từ chính yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) nêu trong Thông báo số 2254/SHTT-SCVB ngày 26/3/2021. Cụ thể là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong mẫu nhãn hiệu để được ghi nhận việc chuyển giao văn bằng bảo hộ số 155210. Và nội dung trong Quyết định số 5773/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 cho thấy sự mâu thuẫn trong cách xử lý công việc của Cục SHTT, gây khó dễ cho doanh nghiệp.

Việc áp dụng căn cứ pháp lý là điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN để từ chối sửa đổi trong trường hợp này thể hiện sự áp dụng không nhất quán. Đã có nhiều trường hợp tương tự, yêu cầu sửa đổi đã được Cục SHTT chấp nhận. Dẫn chứng là GCNĐKNH số 165368 đã sửa đổi với nội dung loại bỏ phần chữ "Cơ sở", GCNĐKNH số 178949 thay đổi từ "Công ty TNHH" thành "Công ty cổ phần", Các GCNĐKNH số 200727, 90483 đã thay đổi tên chủ sở hữu là "Công ty…" nhưng trên mẫu nhãn hiệu vẫn được giữ tên "Cơ sở…".

Trên cơ sở đó, đề nghị Cục SHTT xem xét lại Quyết định số 5773/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022, ghi nhận nội dung sửa đổi văn bằng theo đơn số SB4-2021-1123 ngày 18/05/2021 cũng như ghi nhận Hợp đồng chuyển giao các văn bằng theo đơn số CB-2020-00962 để doanh nghiệp sớm ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chúng tôi.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định về việc xử lý yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Điểm 20.1.b.(i) Yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ: Yêu cầu sửa đổi một số chi tiết nhưng không làm thay đổi đáng kể mẫu nhãn hiệu ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Điểm 20.1.d: Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đơn, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ, đăng bạ và công bố quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ trên Công báo sở hữu công nghiệp. Trong trường hợp ngược lại, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người yêu cầu thông báo dự định từ chối chấp nhận việc sửa đổi, có nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu trong thời hạn đã ấn định người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ và ý kiến từ các bên liên quan, thấy rằng:

Nội dung yêu cầu sửa đổi mẫu nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 155210 là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong cụm từ "CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG". Do phần chữ "CƠ SỞ" không phải dấu hiệu đứng độc lập mà là yếu tố gắn liền với thành phần "BÌNH ĐÔNG" có khả năng phân biệt nên mặc dù yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ nhưng yếu tố bị loại bỏ làm thay đổi đáng kể đến mẫu nhãn hiệu. Do đó, không đáp ứng điều kiện để việc sửa đổi được ghi nhận theo quy định tại điểm 20.1.b (i) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 155210 theo đơn số SB4-2021-1123 ngày 18/5/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 5773/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 155210 đối với đơn sửa đổi văn

bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp số SB4-2021-01123 ngày 18/05/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159727/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2023-00036 ngày 10/02/2023 của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông; địa chỉ: 43/9 Bến Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 02839808808; khiếu nại về việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 195903 tại đơn số SB4-2021-01120 ngày 18/05/2021 theo Quyết định số 5776/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5439/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Yêu cầu sửa đổi nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 195903 bị từ chối vì việc sửa đổi đã làm thay đổi bản chất của mẫu nhãn hiệu ghi trong GCNĐKNH theo quy định tại điểm 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Người khiếu nại không đồng ý với Quyết định số 5776/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 195903 vì các lý do sau:

Việc chủ đơn thực hiện thủ tục sửa đổi văn bằng xuất phát từ chính yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) nêu trong Thông báo số 2254/SHTT-SCVB ngày 26/3/2021. Cụ thể là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong mẫu nhãn hiệu để được ghi nhận việc chuyển giao văn bằng bảo hộ số 195903. Và nội dung trong Quyết định số 5776/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 cho thấy sự mâu thuẫn trong cách xử lý công việc của Cục SHTT, gây khó dễ cho doanh nghiệp.

Việc áp dụng căn cứ pháp lý là điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN để từ chối sửa đổi trong trường hợp này thể hiện sự áp dụng không nhất quán. Đã có nhiều trường hợp tương tự, yêu cầu sửa đổi đã được Cục SHTT chấp nhận. Dẫn chứng là GCNĐKNH số 165368 đã sửa đổi với nội dung loại bỏ phần chữ "Cơ sở", GCNĐKNH số 178949 thay đổi từ "Công ty TNHH" thành "Công ty cổ phần", Các GCNĐKNH số 200727, 90483 đã thay đổi tên chủ sở hữu là "Công ty…" nhưng trên mẫu nhãn hiệu vẫn được giữ tên "Cơ sở…".

Trên cơ sở đó, đề nghị Cục SHTT xem xét lại Quyết định số 5776/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022, ghi nhận nội dung sửa đổi văn bằng theo đơn số SB4-2021-1120 ngày 18/05/2021 cũng như ghi nhận Hợp đồng chuyển giao các văn bằng theo đơn số CB-2020-00962 để doanh nghiệp sớm ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chúng tôi.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định về việc xử lý yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Điểm 20.1.b.(i) Yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ: Yêu cầu sửa đổi một số chi tiết nhưng không làm thay đổi đáng kể mẫu nhãn hiệu ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Điểm 20.1.d: Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đơn, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ, đăng bạ và công bố quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ trên Công báo sở hữu công nghiệp. Trong trường hợp ngược lại, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người yêu cầu thông báo dự định từ chối chấp nhận việc sửa đổi, có nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu trong thời hạn đã ấn định người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ và ý kiến từ các bên liên quan, thấy rằng:

Nội dung yêu cầu sửa đổi mẫu nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 195903 là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong cụm từ "CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG". Do phần chữ "CƠ SỞ" không phải dấu hiệu đứng độc lập mà là yếu tố gắn liền với thành phần "BÌNH ĐÔNG" có khả năng phân biệt nên mặc dù yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ nhưng yếu tố bị loại bỏ làm thay đổi đáng kể đến mẫu nhãn hiệu. Do đó, không đáp ứng điều kiện để việc sửa đổi được ghi nhận theo quy định tại điểm 20.1.b (i) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 195903 theo đơn số SB4-2021-1120 ngày 18/5/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 5776/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 195903 đối với đơn sửa đổi văn

bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp số SB4-2021-01120 ngày 18/05/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159729/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2023-00040 ngày 10/02/2023 của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông; địa chỉ: 43/9 Bến Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 02839808808; khiếu nại về việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 127573 tại đơn số SB4-2021-01124 ngày 18/05/2021 theo Quyết định số 5772/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5435/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Yêu cầu sửa đổi nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 127573 bị từ chối vì việc sửa đổi đã làm thay đổi bản chất của mẫu nhãn hiệu ghi trong GCNĐKNH theo quy định tại điểm 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Người khiếu nại không đồng ý với Quyết định số 5772/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 127573 vì các lý do sau:

Việc chủ đơn thực hiện thủ tục sửa đổi văn bằng xuất phát từ chính yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) nêu trong Thông báo số 2254/SHTT-SCVB ngày 26/3/2021. Cụ thể là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong mẫu nhãn hiệu để được ghi nhận việc chuyển giao văn bằng bảo hộ số 127573. Và nội dung trong Quyết định số 5772/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 cho thấy sự mâu thuẫn trong cách xử lý công việc của Cục SHTT, gây khó dễ cho doanh nghiệp.

Việc áp dụng căn cứ pháp lý là điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN để từ chối sửa đổi trong trường hợp này thể hiện sự áp dụng không nhất quán. Đã có nhiều trường hợp tương tự, yêu cầu sửa đổi đã được Cục SHTT chấp nhận. Dẫn chứng là GCNĐKNH số 165368 đã sửa đổi với nội dung loại bỏ phần chữ "Cơ sở", GCNĐKNH số 178949 thay đổi từ "Công ty TNHH" thành "Công ty cổ phần", Các GCNĐKNH số 200727, 90483 đã thay đổi tên chủ sở hữu là "Công ty…" nhưng trên mẫu nhãn hiệu vẫn được giữ tên "Cơ sở…".

Trên cơ sở đó, đề nghị Cục SHTT xem xét lại Quyết định số 5772/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022, ghi nhận nội dung sửa đổi văn bằng theo đơn số SB4-2021-1124 ngày 18/05/2021 cũng như ghi nhận Hợp đồng chuyển giao các văn bằng theo đơn số CB-2020-00962 để doanh nghiệp sớm ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chúng tôi.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định về việc xử lý yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Điểm 20.1.b.(i) Yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ: Yêu cầu sửa đổi một số chi tiết nhưng không làm thay đổi đáng kể mẫu nhãn hiệu ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Điểm 20.1.d: Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đơn, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ, đăng bạ và công bố quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ trên Công báo sở hữu công nghiệp. Trong trường hợp ngược lại, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người yêu cầu thông báo dự định từ chối chấp nhận việc sửa đổi, có nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu trong thời hạn đã ấn định người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ và ý kiến từ các bên liên quan, thấy rằng:

Nội dung yêu cầu sửa đổi mẫu nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 127573 là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong cụm từ "CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG". Do phần chữ "CƠ SỞ" không phải dấu hiệu đứng độc lập mà là yếu tố gắn liền với thành phần "BÌNH ĐÔNG" có khả năng phân biệt nên mặc dù yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ nhưng yếu tố bị loại bỏ làm thay đổi đáng kể đến mẫu nhãn hiệu. Do đó, không đáp ứng điều kiện để việc sửa đổi được ghi nhận theo quy định tại điểm 20.1.b (i) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 127573 theo đơn số SB4-2021-1124 ngày 18/5/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 5772/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 127573 đối với đơn sửa đổi văn

bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp số SB4-2021-01124 ngày 18/05/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159729/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2023-00040 ngày 10/02/2023 của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông; địa chỉ: 43/9 Bến Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 02839808808; khiếu nại về việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 127573 tại đơn số SB4-2021-01124 ngày 18/05/2021 theo Quyết định số 5772/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5435/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Yêu cầu sửa đổi nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 127573 bị từ chối vì việc sửa đổi đã làm thay đổi bản chất của mẫu nhãn hiệu ghi trong GCNĐKNH theo quy định tại điểm 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Người khiếu nại không đồng ý với Quyết định số 5772/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 127573 vì các lý do sau:

Việc chủ đơn thực hiện thủ tục sửa đổi văn bằng xuất phát từ chính yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) nêu trong Thông báo số 2254/SHTT-SCVB ngày 26/3/2021. Cụ thể là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong mẫu nhãn hiệu để được ghi nhận việc chuyển giao văn bằng bảo hộ số 127573. Và nội dung trong Quyết định số 5772/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 cho thấy sự mâu thuẫn trong cách xử lý công việc của Cục SHTT, gây khó dễ cho doanh nghiệp.

Việc áp dụng căn cứ pháp lý là điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN để từ chối sửa đổi trong trường hợp này thể hiện sự áp dụng không nhất quán. Đã có nhiều trường hợp tương tự, yêu cầu sửa đổi đã được Cục SHTT chấp nhận. Dẫn chứng là GCNĐKNH số 165368 đã sửa đổi với nội dung loại bỏ phần chữ "Cơ sở", GCNĐKNH số 178949 thay đổi từ "Công ty TNHH" thành "Công ty cổ phần", Các GCNĐKNH số 200727, 90483 đã thay đổi tên chủ sở hữu là "Công ty…" nhưng trên mẫu nhãn hiệu vẫn được giữ tên "Cơ sở…".

Trên cơ sở đó, đề nghị Cục SHTT xem xét lại Quyết định số 5772/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022, ghi nhận nội dung sửa đổi văn bằng theo đơn số SB4-2021-1124 ngày 18/05/2021 cũng như ghi nhận Hợp đồng chuyển giao các văn bằng theo đơn số CB-2020-00962 để doanh nghiệp sớm ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chúng tôi.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định về việc xử lý yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Điểm 20.1.b.(i) Yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ: Yêu cầu sửa đổi một số chi tiết nhưng không làm thay đổi đáng kể mẫu nhãn hiệu ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Điểm 20.1.d: Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đơn, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ, đăng bạ và công bố quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ trên Công báo sở hữu công nghiệp. Trong trường hợp ngược lại, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người yêu cầu thông báo dự định từ chối chấp nhận việc sửa đổi, có nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu trong thời hạn đã ấn định người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ và ý kiến từ các bên liên quan, thấy rằng:

Nội dung yêu cầu sửa đổi mẫu nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 127573 là loại bỏ phần chữ "Cơ sở" trong cụm từ "CƠ SỞ BÌNH ĐÔNG". Do phần chữ "CƠ SỞ" không phải dấu hiệu đứng độc lập mà là yếu tố gắn liền với thành phần "BÌNH ĐÔNG" có khả năng phân biệt nên mặc dù yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ nhưng yếu tố bị loại bỏ làm thay đổi đáng kể đến mẫu nhãn hiệu. Do đó, không đáp ứng điều kiện để việc sửa đổi được ghi nhận theo quy định tại điểm 20.1.b (i) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 20.1.b (i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 127573 theo đơn số SB4-2021-1124 ngày 18/5/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 5772/QĐ-SHTT ngày 25/11/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi GCNĐKNH số 127573 đối với đơn sửa đổi văn

bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp số SB4-2021-01124 ngày 18/05/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cơ sở sản xuất thuốc y học dân tộc Bình Đông có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159730/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Philip Morris Products S.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2017-00520 ngày 28/4/2017 của Philip Morris Products S.A.; địa chỉ: Quai Jeanrenaud 3 CH-2000 Neuchâtel Switzerland; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1285487 theo Thông báo số 2016/04 NTH42 ngày 19/01/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5421/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Philip Morris Products S.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn ĐQT số 1285487 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu được tạo thành từ hai chữ cái thông thường, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì những lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ bởi nhãn hiệu đăng ký "L & M" không chỉ bao gồm hai chữ "L", "M", mà còn cả dấu "&" trong đó "&" là ký tự viết tắt của chữ "và" có khả năng phát âm. Nhãn hiệu đăng ký có thể được người tiêu dùng phát âm là [el ænd em]. Trên thực tế, rất nhiều dấu hiệu được kết hợp từ hai chữ cái và dấu (dấu "&", dấu gạch ngang "-", dấu hoa thị "*", dấu gạch chéo "/", dấu chấm than "!", v.v.) đã được chấp thuận bảo hộ tại Việt Nam cho các sản phẩm/dịch vụ tại các nhóm khác nhau. Điều này hoàn toàn phù hợp vì một dấu hiệu được kết hợp từ hai chữ cái và dấu hoàn toàn có khả năng phân biệt tự thân.

Do có khả năng phân biệt đối với các sản phẩm nhóm 34, nên nhãn hiệu đăng ký đã được chấp thuận bảo hộ tại 91 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Thông tin về các đăng ký nhãn hiệu tại các quốc gia và vùng lãnh thổ này đã được nộp kèm theo đơn khiếu nại.

Nhãn hiệu đăng ký "L & M" đã được sử dụng rộng rãi trên thế giới trong nhiều năm nay. Nhãn hiệu được sử dụng lần đầu tại Hoa Kỳ từ năm 1953 cho sản phẩm thuốc lá đầu lọc chất lượng nhất Hoa Kỳ. Hiện nay, thuốc lá mang nhãn hiệu "L & M" đã có mặt tại hơn 70 quốc gia và là nhãn hiệu thuốc lá lớn thứ 3 trên thế giới, và lớn thứ hai của Philip Morris International. Năm 2013 là năm thứ 60 sản phẩm thuốc "L & M" được đưa ra thị trường.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1285487 là tập hợp các yếu tố sắp xếp theo thứ tự "L", dấu "&" và ký tự "M" trình bày bằng phông chữ tiêu chuẩn, không dưới dạng đồ họa hay một dạng đặc biệt. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký không được bảo hộ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Tài liệu chứng minh về việc sử dụng rộng rãi trên thế giới chỉ phù hợp đối với nhãn hiệu "L & M" trình bày theo phương thức đặc biệt, không dưới dạng phông chữ tiêu chuẩn. Vì vậy, tài liệu này không đủ để chứng minh nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1285487 đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1285487 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/04 NTH42 ngày 19/01/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1285487.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Philip Morris Products S.A. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Philip Morris Products S.A. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159731/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sun Hing Foods, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2022-01111 ngày 16/9/2022 của Sun Hing Foods, Inc.; địa chỉ: 271 Harbor Way, South San Francisco, California 94080, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-10554 theo Quyết định số 51885/QĐ-SHTT ngày 20/06/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5417/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sun Hing Foods, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-10554 ngày 03/04/2019 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 391162, theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 1200402 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

- Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn và có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký 

là nhãn hiệu phức hợp, là tổng thể không tách rời gồm phần chữ FALCON và hình. Phần chữ FALCON ở phía trên và phía dưới có hình vẽ một chú chim lớn đang sải cánh bay. Hình chú chim này được vẽ rất tỉ mỉ với đôi cánh lớn đang dang rộng trông rất oai phong và dũng mãnh. Hình chú chim được trình bày với kích thước lớn hơn phần chữ và nổi bật như thành phần chủ đạo của nhãn hiệu. Về ấn tượng thị giác, người tiêu dùng hoàn toàn có thể ghi nhớ nhãn hiệu xin đăng ký nhờ vào yếu tố đồ họa/hình vẽ đẹp mắt và ấn tượng này. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "FALCON" theo GCNĐKNH số 391162 chỉ là nhãn hiệu chữ đơn thuần, không có bất kỳ yếu tố hình họa đi kèm hay màu sắc. Nhãn hiệu đối chứng "Falconman" theo ĐKQT số 1200402 chỉ là nhãn hiệu chữ đơn thuần, gồm 1 từ duy nhất tạo thành từ 9 chữ cái: F, a, l, c, o, n, m, a, n với chữ F viết hoa, các chữ còn lại được viết thường. Việc có thêm chữ "man" làm tăng số lượng chữ cái, tạo ra sự khác biệt rõ ràng về cấu trúc và phát âm với thành phần chữ Falcon ở nhãn hiệu xin đăng ký. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt rõ ràng với các nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách trình bày và phát âm.

- Thứ hai, có sự khác biệt về sản phẩm mang nhãn hiệu. Cụ thể, sản phẩm thuộc nhóm 29 mang nhãn hiệu xin đăng ký "sữa dừa; đồ uống trên cơ sở sữa dừa" là sản phẩm có nguồn gốc thực vật, được chế biến từ quả dừa với cùi dừa (hay còn gọi là cơm dừa, thịt trắng của dừa) và nước dừa là thành phần chính. Sản phẩm này giàu calo và là nguồn cung cấp vitamin dồi dào cho người dùng, có thể sử dụng trực tiếp. Sản phẩm nhóm 29 mang nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 391162 là "Sữa đặc; sữa; sản phẩm sữa; sữa bột; sản phẩm thay thế sữa; sữa đông" là các sản phẩm có nguồn gốc động vật, có thành phần, mùi vị, cách sản xuất, cách sử dụng…. hoàn toàn khác với sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký. Như vậy, các sản phẩm đăng ký và các sản phẩm mang nhãn

hiệu đối chứng rõ ràng khác nhau về bản chất, thành phần và cách sử dụng. Người tiêu dùng khi mua, lựa chọn sản phẩm hoàn toàn có thể phân biệt được sản phẩm có nguồn gốc thực vật mang nhãn hiệu đăng ký, với sản phẩm có nguồn gốc động vật mang nhãn hiệu đối chứng. Việc sử dụng nhãn hiệu khác nhau cho các sản phẩm không tương tự sẽ không thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".
Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 51885/QĐ-SHTT ngày 20/06/2022.

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

- So sánh nhãn hiệu đối chứng "FALCON" cho "sữa đặc; sữa; sản phẩm sữa; sữa bột; sản phẩm thay thế sữa; sữa đông" với nhãn hiệu đăng ký "FALCON, hình" cho "sữa dừa; đồ uống trên cơ sở sữa dừa". Về sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký, "sữa dừa" hay còn gọi là "cốt dừa" chế biến từ cùi của trái dừa, khác với sản phẩm "sữa; sản phẩm sữa" có nguồn gốc từ động vật. Tuy nhiên, "sữa dừa" là sản phẩm cùng loại do có cùng mục đích sử dụng với "sản phẩm thay thế sữa" mang nhãn hiệu đối chứng. Như vậy, hai nhãn hiệu trùng phần chữ "FALCON" sử dụng cho cùng loại sản phẩm sẽ làm cho người tiêu dùng lầm tưởng chúng có cùng nguồn gốc từ một chủ thể sản xuất.

- So sánh nhãn hiệu đối chứng "FALCONMAN" với nhãn hiệu đăng ký "FALCON", hai nhãn hiệu này có cấu trúc khác biệt, không cùng ý nghĩa, phát âm khác nên không tương tự tới mức gây nhầm lẫn. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐKQT số 1200402 làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-10554.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1200402 không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đăng ký là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc không sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 391162 làm đối chứng từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký là không có cơ sở. Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-10554 ngày 03/04/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 51885/QĐ-SHTT ngày 20/06/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-10554 ngày 03/04/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Sun Hing Foods, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sun Hing Foods, Inc. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159732/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Bayer Intellectual Property GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00839 ngày 07/8/2017 của Bayer Intellectual Property GmbH; địa chỉ: Alfred-Nobel-StraBe 10, 40789 Monheim am Rhein, Germany; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-13503 theo Quyết định số 29472/QĐ-SHTT ngày 10/05/2017;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5409/BC-

TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Bayer Intellectual Property GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13503 ngày 16/06/2014 bị từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm "chế phẩm thú y, thực phẩm ăn kiêng và chất ăn kiêng thích hợp cho mục đích thú y; chất bổ sung ăn kiêng dùng cho động vật; chất tẩy uế" trong nhóm 05 và nhóm 31 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 229011 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

- Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Nhãn hiệu đăng ký tạo thành từ hai chữ cái A và T nối với nhau bởi dấu gạch ngang. Đây là cấu trúc độc đáo và khác biệt với cấu trúc của nhãn hiệu đối chứng, vốn tạo thành từ hai chữ AT viết liền, không có dấu gạch ngang ở giữa. Nhãn hiệu đăng ký "A-T" được đọc tách riêng từng chữ là /ei/ - /ti:/ trong khi nhãn hiệu đăng ký được đọc là /æt, ət/. Về mặt ý nghĩa, "A-T" là từ tự đặt, không có nghĩa trong khi nhãn hiệu đối chứng "AT" có thể có nghĩa là ở, vào lúc. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt rõ ràng về cấu trúc, phát âm và ý nghĩa.

- Thứ hai, thực tiễn bảo hộ các nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm nhóm 05 hoặc 31 ở Việt Nam cho thấy một số trường hợp nhãn hiệu có mức độ tương tự kiểu như trường hợp của nhãn hiệu đăng ký, chỉ khác nhau một ký tự và cùng được bảo hộ, ví dụ như nhãn hiệu ATH (Đăng ký số 86298), ATB (Đăng ký số 193335) và nhãn hiệu ATK (Đăng ký số 240549) cùng được bảo hộ cho các sản phẩm nhóm 05, nhãn hiệu SONCEF (Đăng ký số 201006) và DONCEF (Đăng ký số 64797) cùng được bảo hộ cho các sản phẩm nhóm 05… Do vậy, nhãn hiệu đăng ký "A-T" có sự khác biệt về cấu trúc, phát âm và ý nghĩa với nhãn hiệu đối chứng "AT", cũng có thể đồng tồn tại và bảo hộ cùng với nhãn hiệu đối chứng như các trường hợp trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có

ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "A-T" tạo bởi ký tự "A" và "T". Nhãn hiệu đối chứng "AT" tạo bởi ký tự "A" và "T". Như vậy, hai nhãn hiệu so sánh trên đây đều có cùng ký tự sắp xếp cùng trật tự. Mặc dù nhãn hiệu đăng ký có dấu "-" xen giữa 2 ký tự nhưng về mặt nội dung của nhãn hiệu vẫn là sự kết hợp theo thứ tự "A" và "T" tương tự với nhãn hiệu đối chứng. Khi hai nhãn hiệu này sử dụng cho sản phẩm cùng loại "chế phẩm thú y", "thực phẩm ăn kiêng và chất ăn kiêng thích hợp cho mục đích thú y", "chất bổ sung ăn kiêng dùng cho động vật; chất tẩy uế" và "thuốc thú y" thuộc nhóm 05, sản phẩm thuộc nhóm 31, sẽ làm cho người tiêu dùng lầm tưởng chúng có chung nguồn gốc từ một chủ thể sản xuất. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

Các trường hợp nhãn hiệu đã được bảo hộ do người khiếu nại viện dẫn là sự kết hợp bởi 3 ký tự, trùng 2 ký tự đầu, khác biệt ký tự cuối. Vì vậy, không tương đồng với vụ việc đang xem xét.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-13503 ngày 16/06/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 29472/QĐ-SHTT ngày 10/05/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13503 ngày 16/06/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Bayer Intellectual Property GmbH có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Bayer Intellectual Property GmbH (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159733/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Xiaomi Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2018-00216 ngày 19/3/2018 của Xiaomi Inc.; địa chỉ: Floor 13, Rainbow City Shopping Mall II of China Resources, No. 68, Qinghe Middle Street, Haidian District, Beijing 100085, P.R. China; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-08374 theo Quyết định số 89742/QĐ-SHTT ngày 21/12/2017;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5383/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Xiaomi Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2014-08374 ngày 18/04/2014 bị từ chối bảo hộ vì phần chữ "MI" trong nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 999209, nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 235187, 182613, 153454; và phần còn lại "BOX" là thành phần loại trừ không có khả năng phân biệt, theo quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

- Thứ nhất, Người khiếu nại đề nghị bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng thành phần "BOX". Với sự đồng ý bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng thành phần "BOX", căn cứ từ chối theo điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ đối với thành phần "BOX" là không còn nữa.

- Thứ hai, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể như sau:

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 235187 đã bị chấm dứt hiệu lực. Tại công văn khiếu nại KN4-2018-00216, người khiếu nại có trình bày về việc đã nộp yêu cầu hủy bỏ hiệu lực số ĐN-2017-00297 đối với đăng ký số 235187. Sau đó, ngày 6/8/2020 người khiếu nại đã nộp tiếp đơn số ĐN1-2020-00217 yêu cầu chấm dứt hiệu lực đăng ký nhãn hiệu này vì lý do không sử dụng. Đăng ký Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 235187 đã bị chấm dứt hiệu lực vì không sử dụng theo Quyết định số 45056/QĐ-SHTT.IP ngày 22/06/2023 của Cục SHTT. Như vậy nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 235187 đã bị chấm dứt hiệu lực và không còn là cơ sở để từ chối nhãn hiệu xin đăng ký theo đơn 4-2014-08374 nữa.

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 182613 đã hết hạn hiệu lực từ 31/12/2020. Tính đến nay đã hết hiệu lực gần năm năm, chủ sở hữu không quan tâm gia hạn và sử dụng, như vậy, không thể có sự tương tự gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng giữa nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng này.

Đối với nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 999209 và GCNĐKNH số 153154. người khiếu nại đã xin giới hạn danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 09 và 38 để khác biệt với sản phẩm/dịch vụ của các nhãn hiệu này. Nhãn

hiệu đăng ký cũng có sự khác biệt, không tương tự gây nhầm lẫn về cấu trúc và cách trình bày với các nhãn hiệu đối chứng này. Nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "MI BOX" viết in hoa đơn giản, trong khi đó, thành phần "  " của nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 999209 được cách điệu đặc biệt, gồm các đường sọc dọc màu trắng trên nền một hình tròn màu tím. Bên dưới thành phần dòng chữ "markem-imaje". Bên dưới thành phần còn có dòng chữ "markem-image". Thành phần "my" của nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 153454 được viết thường, có màu trắng, bên trên có các hình ảnh đa giác nhỏ màu trắng cách điệu, bên cạnh là thành phần "tv" màu xanh. Toàn bộ các thành phần này được đặt trong một hình đa giác màu da cam, bên dưới là dòng chữ "Những gì bạn muốn". Xét về ý nghĩa, tuy thành phần "BOX" có nghĩa trong tiếng Anh là "hộp, thùng, phòng nhỏ", khi kết hợp thành phần này với thành phần "MI", một từ mô tả âm thanh không mang ý nghĩa cụ thể trong tiếng Anh và tiếng Việt, người tiêu dùng sẽ không có ấn tượng cụ thể về ý nghĩa của nhãn hiệu này, nhất là khi nhãn hiệu này được sử dụng cho các sản phẩm/dịch vụ không có nhiều liên quan tới ý nghĩa "hộp, thùng, ..." thuộc Nhóm 09 và 38. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "mytv" là một cụm từ quen thuộc, có nghĩa trong tiếng Anh là "tv của tôi", gắn liền với "dịch vụ truyền hình" thuộc Nhóm 38 mà nhãn hiệu này đăng ký. Xét về cách phát âm, thành phần "mi" trong nhãn hiệu "MI BOX" được phát âm là /mi/, trong khi đó, thành phần "my" trong nhãn hiệu "mytv" thường được phát âm là /mai/. Do đó, xét về tổng thể, về hình ảnh, màu sắc,… người tiêu dùng sẽ có những ấn tượng khác nhau giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được

hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ, thấy rằng:

- Tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 89742/QĐ-SHTT ngày 21/12/2017 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với nhãn hiệu đăng ký, các nhãn hiệu đối chứng đang có hiệu lực. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại về việc không sử dụng các nhãn hiệu này làm đối chứng là không phù hợp.

- Người khiếu nại đã giới hạn danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 09 và 38 của đơn số 4-2014-08374. Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của chủ đơn số 4-2014-08374 là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-08374 ngày 18/04/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 89742/QĐ-SHTT ngày 21/12/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-08374 ngày 18/04/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Xiaomi Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Xiaomi Inc. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159734/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của I.C.O.N. EUROPE, S.L.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2015-01037 ngày 11/11/2015 của I.C.O.N. EUROPE, S.L.; địa chỉ: Rúa AMOR RUIBAL, No 11 ENTLO. E-36203 VIGO (PONTEVEDRA), SPAIN; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1095596 theo Thông báo số 2014/29 NNL13 ngày 24/07/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5381/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của I.C.O.N. EUROPE, S.L. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn quốc tế nhãn hiệu (ĐQT) số 1095596 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐKQT số 444708 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách trình bày, ấn tượng thị giác và phát âm, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cam kết không phản đối việc đăng ký nhãn hiệu, cụ thể:

- Thứ nhất, về cấu trúc, cách trình bày, ấn tượng thị giác: nhãn hiệu đăng ký gồm cả chữ và hình. Phần hình nhỏ phía dưới gồm các họa tiết ngang dọc, đường xiên kéo dài sang phải phối hợp với nhau tạo thành một hình kiểu như chữ K độc đáo khác lạ. Phía trên phần hình, từ dưới lên lần lượt là bốn chữ cái I, C, O, N viết hoa cách điệu cách nhau nằm quay ngang ra và cách nhau bởi các dấu chấm. Nhãn hiệu đăng ký kết thúc bởi chữ "N". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "ICONE" chỉ là nhãn hiệu chữ thông thường, tạo thành từ năm chữ cái viết hoa theo phông chữ tiêu chuẩn, đặt theo phương nằm ngang bình thường, không cách điệu, không có yếu tố hình, không có bất kỳ sự trình bày đặc biệt nào. Nhãn hiệu đối chứng kết thúc bằng chữ "E". Do sự khác biệt về cấu trúc và cách trình bày, hai nhãn hiệu tạo ra ấn tượng thị giác khác biệt cho người tiêu dùng. Người tiêu dùng có thể ấn tượng và ghi nhớ nhãn hiệu đăng ký bởi cách trình bày độc đáo với các chữ cái nằm ngang và theo chiều dọc từ trên xuống với hình phía dưới như chữ K cách điệu. Trong khi đó người tiêu dùng có thể ghi nhớ nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu chữ thông thường tạo thành từ 5 chữ cái và kết thúc bởi chữ E, do vậy dễ dàng phân biệt với nhãn hiệu xin đăng ký.

- Thứ hai, hai nhãn hiệu có sự khác biệt về mặt phát âm. Nhãn hiệu đăng ký đọc là [ai-kɔn], tức là có hai âm tiết, trong khi đó Nhãn hiệu đối chứng được đọc là [ai-kɔ-ni], tức là có tới ba âm tiết.

- Hơn nữa, do hai nhãn hiệu có sự khác biệt về cấu trúc, hình thức và phát âm, chủ nhãn hiệu đối chứng PARFUMS CHRISTIAN DIOR và chủ nhãn hiệu xin đăng ký I.C.O.N. EUROPE, S.L. đã ký Thỏa thuận đồng tồn tại năm 2006, theo đó PARFUMS CHRISTIAN DIOR cam kết không phản đối và yêu cầu chấm dứt hiệu lực đối với việc nộp đơn đăng ký, đăng ký, gia hạn và sử

dụng nhãn hiệu I.C.O.N. của I.C.O.N. EUROPE, S.L. (với điều kiện là không bảo hộ cho các sản phẩm "xà phòng, nước hoa, tinh dầu và mỹ phẩm mà không dành riêng cho chăm sóc tóc"). Thực tế các sản phẩm xin đăng ký ở nhóm 3 theo ĐQT số 1095596 chỉ dùng để chăm sóc tóc đúng như các bên đã thỏa thuận.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "I.C.O.N., hình" có phần chữ "ICON" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "ICONE" được bảo hộ theo ĐKQT số 444708. Sự khác biệt giữa cặp nhãn hiệu so sánh chỉ là ký tự "E" ở vị trí cuối cùng của nhãn hiệu đối chứng hay phương thức thể hiện theo chiều dọc của nhãn hiệu đăng ký cũng không làm tăng khả năng phân biệt về ấn tượng thị giác và/hoặc phát âm của chúng. Hơn nữa, hai nhãn hiệu này cùng được sử dụng cho sản phẩm liên quan đến tóc, sẽ làm cho người tiêu dùng lầm tưởng chúng có cùng chủ thể sản xuất. Việc thỏa thuận đồng tồn tại giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng với chủ đơn đăng ký nhãn hiệu không làm thay đổi nhận thức của người tiêu dùng, ảnh hưởng tới quyền lợi của họ khi lựa chọn sử dụng hàng hóa tương ứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1095596 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/29 NNL13 ngày 24/07/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1095596.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, I.C.O.N. EUROPE, S.L. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và I.C.O.N. EUROPE, S.L. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159735/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Beiersdorf AG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2016-00086 ngày 29/01/2016 của Beiersdorf AG; địa chỉ: Unnastr. 48 20253 Hamburg Germany (địa chỉ hiện tại: Beiersdorfstrasse 1-9 22529 Hamburg DE) ; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1229009 theo Thông báo số 2014/50 TDH08 ngày 19/12/2015;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5366/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Beiersdorf AG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo ĐQT số 1229009 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì là hình dạng thông thường của bao bì sản phẩm, không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu xin đăng ký trên cơ sở các lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký không chỉ là hình dạng chai thông thường của sản phẩm mà còn có chứa nhiều yếu tố có khả năng phân biệt cao khác, gồm phần chữ "NIVEA" màu trắng, nét đậm, đặt phía trung tâm của một hình tròn màu xanh da trời đậm. Góc phải phía dưới của hình tròn là hình các tia nắng màu trắng cách điệu, chiều dài các tia nắng tăng dần từ trên xuống dưới. Hình các tia nắng này được đặt trên một nền màu vàng cam nhạt dần về phía viền ngoài. Phía dưới là chữ "SUN" nét mảnh hơn, màu da cam, có nghĩa là "mặt trời, phơi nắng, thời thế, vv…". Do đó, nhãn hiệu có khả năng chỉ ra nguồn gốc của sản phẩm và người tiêu dùng có thể dễ dàng nhận biết được nguồn gốc sản phẩm mang nhãn hiệu và phân biệt được nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu của người khác cho các sản phẩm cùng loại.

Thành phần "NIVEA" và lô-gô NIVEA chữ trắng trên nền hình tròn màu xanh dương là yếu tố có khả năng phân biệt cao và khi xuất hiện trên nhãn hiệu "NIVEA SUN, hình" theo ĐQT số 1229009 đã tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu này. Người tiêu dùng có thể dễ dàng nhận biết được nguồn gốc sản phẩm mang nhãn hiệu và phân biệt được nhãn hiệu hiệu với các nhãn hiệu của người khác cho các sản phẩm cùng loại.

Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại gần 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới mà không bị từ chối với lí do không có khả năng phân biệt.

Rất nhiều nhãn hiệu tương tự như nhãn hiệu đăng ký bao gồm hình chai đi kèm các yếu tố có khả năng phân biệt khác (hình/chữ) của các chủ sở hữu khác nhau cho sản phẩm tương tự ở nhóm 03 đã được chấp nhận bảo hộ ở Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1229009 là hình chai, mặt trước của thân chai chứa phần chữ "NIVEA" nằm trong nền là hình tròn kết hợp với các tia sáng. Nhãn hiệu đăng ký này là hình dáng bên ngoài của đồ chứa đựng sản phẩm "mỹ phẩm" thuộc nhóm 03, mặc dù có chứa các thành phần có khả năng phân biệt nhưng do chủ đơn yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu dưới dạng nhãn hiệu 3 chiều nên không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1229009 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/50 TDH08 ngày 19/12/2015 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1229009.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Beiersdorf AG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Beiersdorf AG (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159736/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Philip Morris Brands Sàrl
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2018-00329 ngày 15/5/2018 của Philip Morris Brands Sàrl; địa chỉ: Quai Jeanrenaud 3, Neuchâtel, 2000 Switzerland; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-34716 theo Quyết định số 23551/QĐ-SHTT ngày 13/04/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5361/BC-

TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Philip Morris Brands Sàrl với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2015-34716 ngày 09/12/2015 bị từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì những lý do sau:

Nhãn hiệu xin đăng ký CLEANTIP có khả năng phân biệt và không mô tả các sản phẩm thuộc nhóm 34. Nhãn hiệu xin đăng ký CLEANTIP là từ tự đặt, được viết liền mạch không ngắt rời, không có nghĩa trong bất kỳ từ điển nào, do đó không mô tả sản phẩm trong nhóm 34. Người nộp đơn không đồng ý với ý kiến "nhìn vào phần chữ này, người tiêu dùng có thể nhìn ra thành "CELAN" và "TIP"" của Cục SHTT bởi nhãn hiệu đăng ký được trình bày, thể hiện như một từ duy nhất với với các chữ cái đều được viết in hoa cùng một kiểu chữ và màu sắc, được viết liền mạch và đặt liền kề nhau. Ngay cả trong trường hợp nhãn hiệu đăng ký bị tách rời thành "CLEAN" và "TIP", thì nhãn hiệu đăng ký vẫn có khả năng phân biệt và không mô tả sản phẩm xin đăng ký do bản thân các từ "CLEAN" và "TIP" có rất nhiều nghĩa như "sạch sẽ", "gọn gàng" và "tiền boa", "mẹo, mánh lới", "đầu", "đỉnh", "chóp", khi kết hợp mang một ý nghĩa chung chung, không xác định cụ thể đối với bất kỳ sản phẩm nào. Người tiêu dùng đã phải trải qua các bước liên tưởng mới có thể liên hệ cụm từ "CLEAN TIP" với sản phẩm thuốc lá. Hơn nữa, "CLEANTIP" là từ không được sử dụng phổ biến trong đời sống hàng ngày cũng như không được các công ty thuốc lá sử dụng cho các sản phẩm cùng loại.

Vì có khả năng phân biệt tự thân cũng như không mô tả các đặc tính, chức năng, công dụng của các sản phẩm nhóm 34, nên nhãn hiệu xin đăng ký CLEANTIP của người nộp đơn đã được bảo hộ cho các sản phẩm nhóm 34 tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Các nhãn hiệu MASTERCIGAR, SUPERMATCH, WILDCUT, FamilyMart đã được chấp nhận bảo hộ cho nhóm 34. Các nhãn hiệu này được cấu tạo từ hai từ tiếng Anh có nghĩa, mỗi từ trong các nhãn hiệu này cũng có mối liên hệ nhất định với sản phẩm nhóm 34. Tuy nhiên, khi được trình bày dưới dạng viết liền như một từ, nhãn hiệu này được coi là có khả năng phân biệt và đã được bảo hộ. Tương tự như vậy, nhãn hiệu đăng ký được trình bày như một từ tự đặt cũng có khả năng tự phân biệt, không mô tả các sản phẩm trong nhóm 34.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "CLEANTIP" là từ viết liền, ghép bởi "CLEAN" và "TIP" trong tiếng Anh có nghĩa lần lượt là "làm sạch", "đầu/đỉnh/chóp". Mặc dù viết liền nhưng phát âm vẫn là /clean-tip/. Trong đó, từ "TIP" được sử dụng thường xuyên đối với các loại thuốc hút, dùng để chỉ đầu ngậm của điếu thuốc, tẩu thuốc hay đầu ngậm của đồ dùng để hút thuốc. Như vậy, khi "TIP" đi cùng với từ "CLEAN" sẽ làm cho người tiêu dùng trong phân khúc sử dụng những sản phẩm thuộc nhóm 34 dễ dàng liên tưởng tới công dụng và/hoặc các đặc tính của sản phẩm. Do vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

Các trường hợp nhãn hiệu viện dẫn của người khiếu nại mặc dù đều là từ ghép, viết liền nhưng các cặp từ đó không tạo thành cụm từ có ý nghĩa mô tả khi phát âm. Vì vậy, không tương tự với vụ việc đang xem xét.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-34716 ngày 09/12/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 23551/QĐ-SHTT ngày 13/04/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-34716 ngày 09/12/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Philip Morris Brands Sàrl có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ

Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Philip Morris Brands Sàrl (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159737/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kronoplus Designs Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2016-00685 ngày 02/8/2016 của Kronoplus Designs Limited (nay là Kronoplus Limited); địa chỉ: Grayoak House, 9 Tagmatarchou Pouliou Street, 1101 Ayios Andreas, Nicosia, Cyprus (địa chỉ hiện tại: 183 Argali House, Triq il-Fortizza MST 1858 Il-Mosta MT); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 761135 theo Thông báo số 2015/13 NNL20 ngày 25/03/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5334/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kronoplus Designs Limited (nay là Kronoplus Limited) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo ĐQT số 761135 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 492212, 715288, 627471, 627472, 595292, 628785 theo quy định tại điểm e và điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng do khác biệt về cấu trúc, cách trình bày, phát âm, ý nghĩa, cụ thể như sau:

- Về cấu trúc, cách trình bày: nhãn hiệu đăng ký "Krono-Original" là nhãn hiệu chữ thông thường, gồm thành phần Krono và Original nối với nhau bởi dấu gạch ngang. Trong khi đó: nhãn hiệu đối chứng kronospan theo ĐKQT số 492212 gồm từ "Kronospan" viết liền được trình bày dạng cách điệu với hai màu trắng đen; Nhãn hiệu đối chứng kronoswiss theo ĐKQT số 715288 gồm từ "Kronoswiss" viết liền được trình bày dạng cách điệu với hai màu trắng đen, chữ *swiss* được viết nghiêng và có một gạch đen ở sau chữ *swiss*; Nhãn hiệu đối chứng  theo ĐKQT số 627471 là nhãn hiệu phức hợp gồm chữ và hình, cụ thể gồm chữ "KronoFloor" được trình bày cách điệu màu đen đậm, phía sau có hình tạo thành từ các hình chữ nhật dài ngắn không đều ghép vào nhau, một số hình bóng mờ màu xám; Nhãn hiệu đối chứng  theo ĐKQT số 627472 là nhãn hiệu phức hợp gồm chữ và hình, cụ thể gồm từ "KronoStar" được trình bày cách điệu màu đen đậm, phía sau có hình ngôi sao năm cánh to và một số nét uốn lượn màu xám; Nhãn hiệu đối chứng kronotex theo ĐKQT số 595295 gồm chữ "kronotex" viết liền, được trình bày cách điệu với hai màu đen, trắng; Nhãn hiệu đối chứng kronopol theo ĐKQT số 628785 gồm chữ "kronopol" viết liền, được trình bày cách điệu với hai màu đen, trắng. Như vậy, về về cấu trúc và cách trình bày, nhãn hiệu xin đăng ký khác với các nhãn hiệu đối chứng.

- Về phát âm: Vì cấu trúc khác nhau nên các nhãn hiệu có phát âm khác nhau. Nhãn hiệu xin đăng ký được phát âm là /krəʊnəu-ə'riddʒənl/, còn các nhãn hiệu đối chứng lần lượt được đọc là /krəʊnəu-spæn/; /krəʊnəu-swis/; /krəʊnəu-flɔ:/; /krəʊnəu-sta/; /krəʊnəu-tɛks/; và /krəʊnəu-pɒl/.

- Về ý nghĩa: nhãn hiệu đăng ký "Krono-Original" gồm "Krono" là từ tự đặt và "Original" có nhiều nghĩa khác nhau như "căn bản/nguồn gốc…" trong khi đó các nhãn hiệu đối chứng theo các ĐKQT số 492212 và 715288 là các từ tự đặt không có ý nghĩa; các nhãn hiệu đối chứng theo các ĐKQT số 627471 và 627472 có thể hiểu là các từ tự đặt/không có nghĩa, thậm chí nếu đọc tách ra thì có thể hiểu là Krono Sàn nhà, Krono Ngôi sao; nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 595292 và ĐKQT số 628785 viết liền có thể hiểu là từ tự đặt/không có nghĩa. Như vậy rõ ràng về ý nghĩa nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt so với các nhãn hiệu đối chứng.

Do các nhãn hiệu có sự khác biệt, chủ sở hữu của các nhãn hiệu đối chứng đã hoàn toàn đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo đơn ĐKQT số 761135 tại Việt Nam. Chủ sở hữu của các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý (Letter of Consent) cho phép chủ đơn ĐQT số 761135 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam.

Hơn nữa, nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 715288 đã hết hạn hiệu lực từ ngày 11/6/2019, ĐKQT số 627471 và 627472 đã hết hiệu lực từ ngày 17/10/2014, và không được gia hạn để sử dụng tại Việt Nam, do vậy càng không có sự tương tự gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng giữa nhãn hiệu xin đăng ký và các nhãn hiệu này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt

hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 761135 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số số 492212, 715288 627471, 627472, 595292, 628785. Trong đó:

- Nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn hiệu lực nhiều hơn 05 năm bao gồm: theo ĐKQT số 627471 hết hạn ngày 17/10/2014, ĐKQT số 627472 hết hạn ngày 17/10/2014, ĐKQT số 715288 hết hạn ngày 11/06/2019. Như vậy các nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 761135.

- Các nhãn hiệu đối chứng "kronospam" theo ĐKQT số 492212, "kronopol" theo ĐKQT số 628785, "kronotex" theo ĐKQT số 595292 đều được thể hiện theo cách có thành phần "krono" màu sắc khác biệt, khác phông chữ, là yếu tố nổi bật so với phần chữ còn lại. Thành phần "krono" trong các nhãn hiệu này trùng về nội dung với phần chữ "Krono" trong nhãn hiệu đăng ký "Krono-Original". Mặt khác, "Krono-Original" nghĩa tiếng Việt là "Krono nguyên bản" hay "Krono nguyên gốc", nhấn mạnh thêm đối với thành phần "Krono" là yếu tố có khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối chứng. Vì vậy, mặc dù đã được chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đồng ý, cho phép chủ đơn ĐQT số 761135 đăng ký, sử dụng nhãn hiệu "Krono-Original" cho hàng hóa thuộc nhóm 19 theo đơn này, nhưng do các nhãn hiệu so sánh đều chứa thành phần phân biệt "krono" sử dụng cho cùng loại sản phẩm thuộc nhóm 19 sẽ làm cho người tiêu dùng lầm tưởng chúng có cùng chủ thể sản xuất. Do đó, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc các nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐKQT số 627471, 627472, 715288 không đáp ứng điều kiện làm đối chứng là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc nhãn hiệu đăng ký phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 492212, 628785, 595292 là không phù hợp. Căn cứ quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việctừ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 761135 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/13 NNL20 ngày 25/03/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 761135.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Kronoplus Designs Limited (nay là Kronoplus Limited) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kronoplus Designs Limited (nay là Kronoplus Limited) (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159738/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Quayeyeware Pty Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2018-00028 ngày 10/01/2018 của Quayeyeware Pty Ltd; địa chỉ: 25-27 Lothian St North Melbourne VIC 3051 Australia (địa chỉ hiện tại: c/ HWL Ebsworth Lawyers, Level 14, 264-278 George Street Sydney NSW 2000 AU); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1316827 theo Thông báo số 2016/43 TDH01 ngày 18/9/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5320/BC-TTKN ngày 25/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Quayeyeware Pty Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Q/A" theo ĐQT số 1316827 bị từ chối bảo hộ vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký trên cơ sở những lý do dưới đây:

- Dấu hiệu đăng ký "Q/A" theo ĐQT số 1316827 không phải dấu hiệu loại trừ theo điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ:

Dấu hiệu đăng ký không phải tập hợp của hai chữ cái, mà là của ba thành phần: hai chữ cái "Q", "A" và dấu "/" và được đọc là /kju: ''slæʃ ei/. Như vậy, dấu hiệu đăng ký không phải là dấu hiệu loại trừ theo điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Vì có khả năng phần biệt, dấu hiệu đăng ký "Q/A" đã được chấp thuận bảo hộ tại nhiều nước trên thế giới như Argentina (theo đăng ký quốc gia số 2892587), Na Uy (theo ĐKQT số 1316827), úc (theo đăng ký quốc gia số 1775700), Brunei (theo đăng ký quốc gia số 047967), Canada (theo đăng ký quốc gia số 1792129), Chile (theo đăng ký quốc gia số 1243296), Hong Kong (theo đăng ký số 303828600), Ấn Độ (theo đăng ký quốc gia số 1316827), Israel (theo ĐKQT số 1316827), Kuwait (theo đăng ký quốc gia 181983), Hàn Quốc (theo đăng ký quốc gia số 1316827), Nhật Bản (theo ĐKQT số 1316827), New Zealand (theo ĐKQT số 1316827), Qatar (theo đăng ký quốc gia số 107936), Philippines (theo ĐKQT số 1316827), Singapore (theo ĐKQT số 1316827), Thụy Sĩ (theo ĐKQT số 1316827), Ả Rập Xê Út (theo đăng ký quốc gia số 1437023681), Đài Loan (theo đăng ký số 1823753), Thổ Nhĩ Kỳ (theo ĐKQT số 1316827), Các tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất (theo đăng ký quốc gia số 287079), Hoa Kỳ (theo đăng ký quốc gia số 5268452)...

- Các sản phẩm mang dấu hiệu dăng ký "Q/A" theo ĐKQT số 1316827 đã được sử dụng tại nhiều nước trên thế giới và Việt Nam từ lâu:

Chủ đơn, Quayeyeware Pty Ltd, là một công ty thời trang của Úc được thành lập từ năm 1999 bởi hai nhà sáng lập Linda và Allen Hammond. Dấu hiệu đăng ký "Q/A" được tạo thành từ ý tưởng kết hợp hai chữ cái đầu tiên của từ "Quay Australia". các sản phẩm kính mắt thời trang mang dấu hiệu Q/A đã có

mặt tại nhiều nước trên thế giới như úc, Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Việt Nam... thông qua việc sử dụng trên nhiều kênh khác nhau như trên website https://www.quayaustralia.com.au/, trên các mạng xã hội như Twitter, Facebook, Instagram và qua việc bán hàng trực tiếp tại các nước.

Tại Việt Nam, các sản phẩm kính thời trang mang dấu hiệu Q/A đã có mặt trên thị trường từ năm 2015, và bằng cách truy cập vào các website https://www.quayaustralia.com.au/ hoặc http://www.asos.com/search/quay?q=quay, người tiêu dùng tại Việt Nam hoàn toàn có thể đặt mua các sản phẩm mang dấu hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Q/A" tạo bởi ký tự "Q", dấu "/", ký tự "A" là các ký tự đơn lẻ phân tách bởi dấu "/" trình bày dưới dạng phông chữ tiêu chuẩn, không có khả năng phân biệt. Nhãn hiệu đăng ký này không được trình bày dưới dạng đồ họa hoặc dạng đặc biệt khác, vì vậy không thuộc trường hợp ngoại lệ theo quy định tại điểm 39.3 b Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

Bằng chứng về việc nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại các nước khác chỉ mang tính tham khảo, không thay thế cho các quy định pháp luật ở Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1316827 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/43 TDH01 ngày 18/9/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1316827.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Quayeyeware Pty Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Quayeyeware Pty Ltd (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159740/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ABSOLUTE HOTEL SERVICES COMPANY LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00727 ngày 18/11/2019 của ABSOLUTE HOTEL SERVICES COMPANY LIMITED; địa chỉ: 1091/343, 4th Floor, New Petchburi Road, Makkasan Sub District, Rajthevee District, Bangkok10400, Thailand; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-25642

ngày 18/09/2015 theo Quyết định số 77046/QĐ-SHTT ngày 10/09/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5140/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ABSOLUTE HOTEL SERVICES COMPANY LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "EASTIN, hình" theo đơn số 4-2015-25642 ngày 18/09/2015 cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 16, 25, 35 và 43 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "EASTIN HOTEL, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 194756 cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 16 và 43 và "E EASTON, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 31534 cho các sản phẩm thuộc nhóm 18, 25 và 28 theo quy định tại điểm e khoản 2 điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "EASTIN, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-25642 ngày 18/09/2015 với lý do:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "EASTIN HOTEL, hình" theo GCNĐKNH số 194756, người nộp đơn đã bổ sung Quyết định số 2996/QĐ-SHTT ngày 28/08/2018 về việc chấm dứt hiệu lực GCN ĐKNH số 194756 vì lý do không sử dụng. Do vậy, nhãn hiệu "EASTIN HOTEL, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 194756 không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "E EASTON, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 31534, nhãn hiệu đối chứng "E EASTON, hình" theo GCNĐKNH số 31534 đã cùng tồn tại với nhãn hiệu đối chứng "EASTIN HOTEL" theo GCNĐKNH số 194756 mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, nên chủ nhãn hiệu đối chứng "E EASTON, hình" đã cung cấp thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "EASTIN, hình" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 16, 25, 35 và 43 tại Việt Nam.

Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về cách đọc, thị giác và ấn tượng tổng thể, cụ thể nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần hình và chữ; phần hình là một họa tiết cách điệu hình cái lá đứng được tạo thành từ hai đường viền lồng vào nhau có màu vàng nâu và nâu, bên trong họa tiết là hai chữ "E" úp ngược vào nhau có màu vàng nâu và nâu đỏ pha trắng được thiết kế như một biểu tượng trừu tượng, tạo điểm nhấn thị giác; bên dưới phần hình là phần chữ "EASTIN" được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đơn giản màu đen, tạo cảm

giác trang nhã và chuyên nghiệp; phần chữ của nhãn hiệu đăng ký được đọc là /i:s-tin/. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng gồm biểu tượng hình thoi cách điệu nền đen bên trong có chữ E màu trắng và chữ "EASTON" màu đen được trình bày thành một dòng; phần chữ của nhãn hiệu đối chứng sẽ đọc là /e-i:s- tən/.

Do vậy nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "EASTIN, hình" bao gồm phần chữ "EASTIN" và phần hình được trình bày nổi bật. Nhãn hiệu đăng ký khác biệt về cấu trúc, cách phát âm, hình thức thể hiện do có thêm phần hình so với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 194756 chỉ gồm phần chữ "EASTIN HOTEL" viết cách điệu. Đồng thời, nhãn hiệu đăng ký "EASTIN, hình" bao gồm phần chữ "EASTIN" và phần hình được trình bày nổi bật cũng khác biệt về cấu trúc, cách phát âm, hình thức thể hiện với nhãn hiệu đối chứng "E EASTON, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 31534 gồm chữ "E EASTON" và phần hình. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng dù sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng tương tự. Vì vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "EASTIN, hình" theo đơn số 4-2015-25642 ngày 18/09/2015, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 77046/QĐ-SHTT ngày 10/09/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-25642 ngày 18/09/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-25642 ngày 18/09/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ABSOLUTE HOTEL SERVICES COMPANY LIMITED (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159743/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Tập đoàn PAN
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2021-00669 ngày 05/7/2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn PAN; địa chỉ: Lô A1-9, đường VL3, khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH SIPCO; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-23121 ngày 13/08/2015 theo Quyết định số 27565/QĐ-SHTT ngày 07/4/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5681/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Tập đoàn PAN với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "THE PAN GROUP, hình" theo đơn số 4-2018-23121 ngày 12/7/2018 đã bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "PAN PIZZA, hình" theo đăng bạ quốc gia số 80794. Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Về khả năng phân biệt giữa hai nhãn hiệu

- Về mặt cấu tạo: Nhãn hiệu "THE PAN GROUP, hình" gồm phần hình lớn và phần chữ, với chữ "PAN GROUP" viết ngang hàng, đậm, màu xanh lá cây. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng có chữ "PAN" viết nghiêng, in hoa màu đỏ và chữ "PIZZA" màu đen, hoàn toàn khác biệt về phông chữ, vị trí. Do đó, hai nhãn hiệu có cấu tạo khác biệt rõ ràng, không gây nhầm lẫn.

- Về mặt ngữ nghĩa: Nhãn hiệu "THE PAN GROUP, hình" có "GROUP" nghĩa là nhóm, còn "PAN" là tên thương mại của người khiếu nại. Nhãn hiệu đối chứng" có "PAN" nghĩa là cái chảo và "PIZZA" là tên một loại bánh phổ thông. Do tiếng Anh phổ biến tại Việt Nam, người khiếu nại cho rằng không có sự nhầm lẫn về ngữ nghĩa giữa hai nhãn hiệu.

- Về mặt phát âm: Mặc dù đều có 3 âm tiết, nhưng cách phát âm của nhãn hiệu đăng ký là "the-pan-g-roup" (4 âm tiết trong tiếng Anh) khác với "pan-pi-za".

b) Về khả năng nhãn hiệu đăng ký đã trở nên nổi tiếng và được sử dụng rộng rãi:

- Doanh số và quy mô: Nhãn hiệu đăng ký có doanh số bán hàng, cung cấp dịch vụ và phạm vi lưu hành rộng lớn. Doanh thu từ hàng hóa, dịch vụ đạt hơn 8.000 tỷ đồng trong năm 2020.

- Lịch sử hình thành và hoạt động: Người khiếu nại là một công ty được thành lập và hoạt động từ năm 1998, là tập đoàn lớn trong lĩnh vực nông sản và thực phẩm tại Việt Nam, có vốn hóa thị trường khoảng 6.250 tỷ đồng. Hệ thống phân phối hàng hóa bao phủ 63 tỉnh thành và xuất khẩu tới 30 nước trên thế giới.

- Hoạt động quảng bá và truyền thông: Người khiếu nại thường xuyên tổ chức các hoạt động marketing, quảng bá tại các hội chợ, triển lãm qua quảng cáo truyền thông và tương tác cộng đồng. Năm 2020, người khiếu nại được vinh dự là một trong số ít các thương hiệu nổi tiếng được làm nhà tài trợ đặc biệt cho Hội nghị ASEAN Việt Nam.

- Sử dụng thực tế: Nhãn hiệu được phân phối thông qua 40 đại lý và nhà phân phối, kết quả khảo sát cho thấy 100% đại lý/nhà phân phối biết đến/kinh doanh sản phẩm của người khiếu nại (chỉ có 3/40 đại lý biết tới sản phẩm mang nhãn đối chứng).

- Được bảo hộ quốc tế và trong nước: Nhãn hiệu đăng ký đã tiến hành đăng ký và bảo hộ khả năng nhận diện tại nhiều quốc gia như Malaysia, Indonesia, Nhật Bản, Mỹ, Thụy Điển, Singapore, Liên minh châu Âu, v.v., và đang được xuất khẩu đi nhiều nước khác.

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại quyết định từ chối và chấp thuận cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký dựa trên các lập luận và bằng chứng đã trình bày.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại và các tài liệu trong hồ sơ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần hình và phần chữ được trình bày tách biệt, trong đó phần chữ "THE PAN GROUP" được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa, là thành phần chủ yếu tạo khả năng phân biệt của nhãn hiệu. Trong phần chữ này, từ "PAN" tương tự về cấu trúc từ ngữ và cách đọc với từ "PAN" - yếu tố chính tạo khả năng phân biệt trong nhãn hiệu đối chứng.

- Về sản phẩm: Các sản phẩm thuộc nhóm 29 mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn đối chứng tương tự nhau.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc từ ngữ và cách đọc, đồng thời được sử dụng cho các sản phẩm tương tự, do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng.

Các tài liệu, chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp chưa đủ cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-23121 ngày 13/08/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 27565/QĐ-SHTT ngày 07/4/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-23121 ngày 13/08/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (qua Công ty Luật TNHH SIPCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159744/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2010-00898 ngày 31/12/2010 của Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam; địa chỉ: Số 14, đường số 5, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Trung tâm Tư vấn phát triển thương hiệu và chất lượng; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2008-00561 ngày 09/01/2008 theo Quyết định số 66494/QĐ-SHTT ngày 09/12/2010;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5678/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Oishi, shang hảo jai, hình" đăng ký theo đơn số 4-2008-00561 cho nhóm 29, 30, 32 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 23952 và nhãn hiệu theo đơn số 4-2004-13223, 4-2004-13364 theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điều 90.1 Luật sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Thứ nhất: Công ty Cổ phần Liwayway Việt Nam (trước khi thay đổi có tên cũ là Công ty TNHH công nghiệp thực phẩm Liwayway Việt Nam) sau đây gọi tắt là Công ty Liwayway VN có công ty mẹ là Liwayway maketrting Corporation địa chỉ tại: 572 Tolentino St., Pasay City, Metro Manila Philippin 1300, đã đăng ký nhãn hiệu và được cấp GCNĐKNH số 23952 ngày 28/03/1997. Khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư vào Việt Nam và có giấy phép, công ty Liwayway Việt Nam đã được công ty mẹ cho phép và đã đăng ký các nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp bao gói sản phẩm mang các nhãn hiệu với phần thể hiện chính là nhãn hiệu "OISHI".

Như vậy với sự cho phép bằng văn bản, Công ty Liwayway Việt Nam mới được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận và cấp các GCNĐKNH tương tự và trùng lặp các phần hình và chữ như trong văn bằng số 23952, đó là phần thể hiện các chữ "Oishi, Rin bee, shang hảo jai, nhân mỹ, hình", GCNĐKNH này hết hạn ngày 03/05/2006 và không được gia hạn tại Việt Nam. Lý do công ty mẹ Liwayway tại Philippin đưa ra là do công ty Liwayway VN đã đăng ký và sữ dụng rộng rãi tại Việt Nam và có ngày nộp đơn đầu tiên là ngày 02/01/1999 và được cấp các văn bằng như nêu trên, trong khi GCNĐKNH số 23952 đang trong thời hạn hiệu lực, điều này đồng nghĩa với việc các sản phẩm mang nhãn hiệu "Oishi, Rin bee, shang hảo jai, nhân mỹ, hình" không còn được nhập khẩu trực tiếp từ công ty mẹ vào Việt Nam và không được sử dụng với danh nghĩa nhãn hiệu của nhà sản xuất/chủ sở hữu từ công ty Liwayway Philippin từ tháng 11/2001. Vì vậy, nhãn hiệu số 23952 ngày 28/03/1997 đã mặc nhiên bị chấm dứt hiệu lực từ năm tháng 11/2001. Việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2008-00561 ngày 09/01/2008 ngoài yếu tố được chứng minh nguồn gốc nhãn hiệu là cùng chủ sở hữu và được cho phép đăng ký tại Việt Nam đã được đưa

vào khai thác thương mại còn căn cứ vào việc không sử dụng nhãn hiệu có nguồn gốc xuất xứ trên tại thị trường Việt Nam từ tháng 11/2001.

- Thứ hai: Các đối chứng kèm theo quyết định số 66494/QĐ-SHTT ngày 09/12/2010 là các đơn số 4-2004 -13223 ngày 26/11/2004 (đăng ký nhóm 32) và số 4-2004-13364 ngày 30/11/2004 (đăng ký nhóm 30, 32) với mẫu nhãn chủ yếu là có phần chữ "OISHI" đều có ngày nộp đơn sau các đơn của công ty Liwayway VN (có đơn đầu tiên ngày 02/01/1999) và chính các đơn đối chứng này cũng chưa được (hoặc) không được văn cấp bằng bảo hộ và không rõ đối chứng, lý do từ chối.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 1 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký các sáng chế trùng hoặc tương đương với nhau, các kiểu dáng công nghiệp trùng hoặc không khác biệt đáng kể với nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng là đơn số 4-2004-13223: Đơn nêu trên được nộp ngày 26/11/2004, trước ngày nộp đơn của đơn số 4-2008-00561 (ngày 09/01/2008). Ngày 25/10/2005, đơn số 4-2004-13223 đã có Quyết định số 28621/QĐ-SHTT về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ - trước thời điểm ban hành Quyết định số 66494/QĐ-SHTT ngày 09/12/2010 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn số 4-2008-00561. Do đó, nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2004-13223 không phải là nhãn hiệu đối chứng để từ chối đơn số 4-2008-00561.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng là đơn số 4-2004-13364: Đơn nêu trên được nộp ngày 30/11/2004, trước ngày nộp đơn của đơn số 4-2008-00561 (ngày

09/01/2008). Ngày 27/4/2009, đơn số 4-2004-13364 có Quyết định số 21689/QĐ-SHTT về việc từ chối cấp GCNĐKNH - trước thời điểm ban hành Quyết định số 66494/QĐ-SHTT ngày 09/12/2010 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn số 4-2008-00561. Do đó, nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2004-13364 không phải là nhãn hiệu đối chứng để từ chối đơn số 4-2008-00561.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 23952: Trong nhãn hiệu đăng ký, phần chữ Hán không có khả năng phân biệt vì là ngôn ngữ không thông dụng, phần chữ còn lại "Oishi" trùng với phần chữ "Oishi" trong nhãn hiệu đối chứng nêu trên. Mặt khác, hai nhãn hiệu nêu trên đều đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 30 nên nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng số 23952. Mặc dù chủ nhãn hiệu đối chứng đã có văn bản cho phép chủ nhãn hiệu "Oishi [shang hảo jai], hình" đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam, tuy nhiên, vì hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn nên Thư đồng ý của chủ nhãn hiệu đối chứng chưa đủ điều kiện để vượt qua lý do từ chối đối với đơn số 4-2008-00561.

Tổng hợp các đánh giá trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng, mặc dù nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2004-13223 và đơn số 4-2004-13364 không phải là nhãn hiệu đối chứng để từ chối đối với đơn số 4-2008-00561. Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký vẫn bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng số 23952. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là không có khả năng phân biệt và không đáp ứng điều kiện bảo hộ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 và khoản 1 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2008-00561 ngày 09/01/2008 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 66494/QĐ-SHTT ngày 09/12/2010 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2008-00561 ngày 09/01/2008.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam (qua Trung tâm Tư vấn phát triển thương hiệu và chất lượng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159745/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CHINA BEIJING TONG REN TANG GROUP CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-01024 ngày 19/9/2017 của CHINA BEIJING TONG REN TANG GROUP CO., LTD.; địa chỉ: No. 52 Dongxinglong Street, Chongwen District BEIJING 100062 China; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1299303 theo Thông báo số 2016/23 VTB15 ngày 28/4/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5679/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CHINA BEIJING TONG REN TANG GROUP CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TRT INTERNATIONAL, hình" theo ĐQT số 1299303 đăng ký cho các sản phẩm/dịch vụ thuộc các nhóm 05, 35, 36, 44. Trong đó, các dịch vụ thuộc nhóm 35 là "dịch vụ đại lý xuất - nhập khẩu; bán đấu giá; dịch vụ khuyến mại (cho người khác); dịch vụ mua sắm cho người khác, cụ thể là mua hàng hóa và dịch vụ cho doanh nghiệp; tiếp thị; tiếp thị qua điện thoại; dịch vụ cung cấp thị trường trực tuyến cho người mua và người bán hàng hóa và dịch vụ; quảng cáo; dịch vụ cung cấp thông tin kinh doanh thông qua trang web; dịch vụ bán buôn và bán lẻ các thiết bị y tế, chế phẩm vệ sinh và dụng cụ y tế".

Theo Thông báo số 2016/23 VTB15 ngày 28/4/2017, nhãn hiệu đăng ký bị tạm thời từ chối một phần đối với các dịch vụ thuộc nhóm 35 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu "TRT TRAN THE INTERNATIONAL, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 135240, áp dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 07, 11 và các dịch vụ "mua bán hàng điện dân dụng, hàng kim khí điện máy, thiết bị điện tử, thiết bị truyền hình, thiết bị điện lạnh, phụ tùng thay thế các loại máy nổ, nông ngư cơ, nguyên liệu vật tư ngành kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa" thuộc nhóm 35. CHINA BELING TONG REN TANG GROUP CO., LTD.; đại diện bởi Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "TRT INTERNATIONAL, hình" theo ĐQT số 1299303 với lý do như sau:

CHINA BEIING TONG REN TANG GROUP CO., LTD. đã tiến hành giới hạn lại danh mục dịch vụ nhóm 35 theo ĐKQT số 1299303 cho nhãn hiệu "TRT INTERNATIONAL, hình" thành "dịch vụ đại lý xuất nhập khẩu; bán đấu giá; dịch vụ khuyến mại (cho người khác); dịch vụ mua sắm cho người khác (mua hàng hóa và dịch vụ cho người khác); tiếp thị; dịch vụ tiếp thị qua điện thoại; dịch vụ cung cấp cho thị trường trực tuyến cho người mua và người bán hàng hóa và dịch vụ; quảng cáo; dịch vụ cung cấp thông tin kinh doanh thông qua trang web; dịch vụ bán buôn và bán lẻ các thiết bị y tế, chế phẩm vệ sinh và dụng cụ y tế, cụ thể, tất cả là liên quan đến thuốc, chế phẩm y tế, chế phẩm vệ sinh, dụng cụ y tế, dược phẩm dùng cho người và thú y, chế phẩm thú y, các sản phẩm dinh dưỡng, cụ thể là thuốc Đông Y truyền thống, các chất ăn kiêng, thuốc

bổ và thảo dược để tăng cường sức khoẻ và các sản phẩm hỗ trợ sức khỏe, cụ thể là vitamin, khoáng chất bổ sung, thực phẩm và mỹ phẩm."

Theo đó, danh mục dịch vụ theo ĐQT số 1299303 đăng ký cho nhóm 35 là các dịch vụ liên quan đến ngành y, thuốc, dược phẩm, dụng cụ y tế, vệ sinh, thực phẩm dinh dưỡng và mỹ phẩm nên các dịch vụ này không tương tự với các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến hàng điện dân dụng, hàng kim khí điện máy, thiết bị điện tử, thiết bị truyền hình, thiết bị điện lạnh mang nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về dịch vụ đăng ký: Mặc dù cùng đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 35, nhưng sau khi CHINA BEIJING TONG REN TANG GROUP CO., LTD. giới hạn danh mục dịch vụ, danh mục dịch vụ thuộc nhóm 35 là: "dịch vụ đại lý xuất - nhập khẩu; bán đấu giá; dịch vụ khuyến mại (cho người khác); dịch vụ mua sắm cho người khác, cụ thể là mua hàng hóa và dịch vụ cho doanh nghiệp; tiếp thị; tiếp thị qua điện thoại; dịch vụ cung cấp thị trường trực tuyến cho người mua và người bán hàng hóa và dịch vụ; quảng cáo; dịch vụ cung cấp thông tin kinh doanh thông qua trang web; dịch vụ bán buôn và bán lẻ các thiết bị y tế, chế phẩm vệ sinh và dụng cụ y tế, cụ thể, tất cả là liên quan đến thuốc, chế phẩm y tế, chế phẩm vệ sinh, dụng cụ y tế, dược phẩm dùng cho người và thú y, chế phẩm thú y, các sản phẩm dinh dưỡng, cụ thể là thuốc Đông Y truyền thống, các chất ăn kiêng, thuốc bổ và thảo dược để tăng cường sức khỏe và các sản phẩm hỗ trợ sức khỏe, cụ thể là vitamin, khoáng chất bổ sung, thực phẩm và mỹ phẩm"; nhãn hiệu đăng ký sử dụng cho các dịch vụ đặc thù cho "ngành y, thuốc, dược phẩm, dụng cụ y tế, vệ sinh, thực phẩm dinh dưỡng và mỹ phẩm", khác

biệt với các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng, chủ yếu liên quan đến "thiết bị điện tử, thiết bị truyền hình, thiết bị điện lạnh".

- Về nhãn hiệu: Trong nhãn hiệu đăng ký, phần chữ "INTERNATIONAL" và phần chữ Hán không có khả năng phân biệt, thành phần chính "TRT" trùng với các ký tự "TRT" là thành phần chính trong nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và các ký tự của thành phần chính trong hai nhãn hiệu.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1299303 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/23 VTB15 ngày 28/4/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1299303.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CHINA BEIJING TONG REN TANG GROUP CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CHINA BEIJING TONG REN TANG GROUP CO., LTD. (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159746/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Trần Trung Tuyển
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00594 ngày 16/10/2019 của Ông/Bà Trần Trung Tuyển; địa chỉ: 61/29 trước Hùng Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-34070 ngày 28/10/2016 theo Quyết định số 81911/QĐ-SHTT ngày 23/09/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5102/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Trần Trung Tuyển với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "bachlongmobile.com" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-34070 ngày 28/10/2016 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "www.bachlongmobile.com.vn" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 202079 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35, "BL Bạch Long, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 146366 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 và "bach long mobile, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 232365 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 theo quy định tại điểm e và h khoản 2 điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "bachlongmobile.com" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-34070 ngày 28/10/2016 với lý do:

- Người nộp đơn là chủ các nhãn hiệu đối chứng "www.bachlongmobile.com.vn" được bảo hộ theo GCNĐNKNH số 202079 và "BL Bạch Long, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 146366. Người nộp đơn đã tiến hành sửa đổi tên và địa chỉ chủ sở hữu GCNĐKNH số 202079 và 146366 từ Hộ kinh doanh cá thể Trần Trung Tuyển có địa chỉ tại 136 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thành Ông/Bà Trần Trung Tuyển có địa chỉ tại 61/29 trước Hùng Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để khớp với tên và địa chỉ hiện tại của người nộp đơn khi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "bachlongmobile.com" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-34070.

Người nộp đơn đã bổ sung bản sao GCNĐKNH số 146366 và số 202079, trong đó tên và địa chỉ của chủ sở hữu đã được ghi nhận là Trần Trung Tuyển có địa chỉ tại 61/29 trước Hùng Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "bach long mobile, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 232365, người nộp đơn khẳng định rằng nhãn hiệu đối chứng này khi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đã bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "BL Bạch Long, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 146366 của người nộp đơn. Người nộp đơn đã cung cấp thư đồng ý để chủ sở

hữu nhãn hiệu "bach long mobile, hình" - Công ty TNHH thương mại công nghệ Bạch Long được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Người nộp đơn là chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng "www.bachlongmobile.com.vn" được bảo hộ theo GCNĐNKNH số 202079 và "BL Bạch Long, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 146366 nên Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không lấy các nhãn hiệu này làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "bach long mobile, hình" cho dịch vụ cùng loại thuộc nhóm 35 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 232365 là dấu hiệu được kết hợp độc đáo bởi phần chữ và phần hình tạo thành ấn tượng riêng. Phần chữ gồm hai từ "bach long", ở giữa hai từ này là phần hình gồm một khối màu vàng bên trong có một hình vuông màu trắng, bên dưới là từ "mobile", trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký chỉ là phần chữ gồm các từ viết liền "bachlongmobile.com". Do hình thức thể hiện khác biệt giữa nhãn hiệu đăng ký

và nhãn hiệu đối chứng, nên nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng. Vì vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để cấp GCNĐKNH bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "bachlongmobile.com" theo đơn số 4-2016-34070 ngày 28/10/2016, không bảo hộ riêng phần chữ ".com", không áp dụng quy định tại điểm e và h khoản 2 điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 81911/QĐ-SHTT ngày 23/09/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-34070 ngày 28/10/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2016-34070 ngày 28/10/2016, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ ".com".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Trần Trung Tuyển (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159747/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/bà Đoàn Minh Hiếu
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2016-00744 ngày 26/8/2016 của Ông/bà Đoàn Minh Hiếu; địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Housing 2, số 18/198 Trần Vỹ, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2015-26451 ngày 25/09/2015 theo Quyết định số 39062/QĐ-SHTT ngày 29/06/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 2248/BC-

TTKN ngày 29/5/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/bà Đoàn Minh Hiếu với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-26451 ngày 25/09/2015 bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ theo Quyết định số 39062/QĐ-SHTT ngày 29/06/2016 vì có thiếu sót nêu tại điểm 13.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ảnh hưởng đến tính hợp lệ của đơn và chủ đơn không kịp thời sửa chữa trong thời hạn quy định theo Thông báo số 10972/SHTT-NH1 ngày 04/04/2016 về kết quả thẩm định hình thức.

Người khiếu nại cho biết do sơ suất nên không kịp thời phản hồi Thông báo số 10972/SHTT-NH1 ngày 04/04/2016 trong thời hạn quy định. Nay, người khiếu nại đồng ý hủy bỏ "bao đựng điện thoại di động bằng da" trong nhóm 18 và nộp các khoản lệ phí còn thiếu, phí phát sinh cần thiết theo yêu cầu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Do sơ xuất trong quản lý hồ sơ giấy tờ, người khiếu nại đã không thể sữa chữa thiếu sót của đơn được nêu tại Thông báo số 10972/SHTT-NH1 ngày 04/04/2016 về kết quả thẩm định hình thức. Xét thấy, đây là lỗi chủ quan từ phía người khiếu nại. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do nêu trong đơn khiếu nại của chủ đơn số 4-2015-26451.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối chấp nhận hợp lệ đối với đơn số 4-2015-26451 ngày 25/09/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 39062/QĐ-SHTT ngày 29/06/2016 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2015-26451 ngày 25/09/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Đoàn Minh Hiếu có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Đoàn Minh Hiếu có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159809/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 216590

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2021-00038 ngày 26/02/2021 của KATAOKA & CO., LTD., địa chỉ: 21-6, Shimbashi 6-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan; yêu cầu chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 216590, cấp ngày 16/12/2013 cho Kim Byung Su;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 26/02/2021, KATAOKA & CO., LTD. nộp đơn ĐN1-2021-00038 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 216590 với lý do nhãn hiệu "mon, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực (Căn cứ theo Công văn số 11/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 09/02/2021 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 29/03/2021 và ngày 04/05/2022 Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 2383/SHTT-TTKN, số 3242/SHTT-TTKN thông báo cho Kim Byung Su về đề nghị chấm dứt hiệu lực của KATAOKA & CO., LTD. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Kim Byung Su.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "mon, hình" theo GCNĐKNH số 216590 tại Việt Nam từ ngày 01/02/2016 đến ngày 09/02/2021 và chủ GCNĐKNH số 216590 không có ý kiến trả lời Công văn số 2383/SHTT-TTKN, số 3242/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 216590.

Từ các nhận định và đánh giá trên đây, yêu cầu của KATAOKA & CO., LTD. về việc hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 216590, cấp ngày 16/12/2013 cho Kim Byung Su là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 216590, cấp ngày 16/12/2013 của Kim Byung Su theo yêu cầu của KATAOKA & CO., LTD.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 216590, cấp ngày 16/12/2013 cho Kim Byung Su (KR) theo yêu cầu của KATAOKA & CO., LTD.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Kim Byung Su (KR) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kim Byung Su (qua Công ty Luật TNHH Tư vấn Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- KATAOKA & CO., LTD.; địa chỉ: 21-6, Shimbashi 6-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan; (qua Công ty TNHH Invespro và Cộng sự) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159810/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SANTEN PHARMACEUTICAL CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2015-00270 ngày 25/3/2015 của SANTEN PHARMACEUTICAL CO., LTD.; địa chỉ: 4-20, Ofuka-cho Kita-ku, Osaka-shi Osaka-fu 530-8552, Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1188318 theo Thông báo số 2013/51 HBN21 ngày 26/12/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4175/BC-TTKN

ngày 01/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SANTEN PHARMACEUTICAL CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TAPCOM" theo ĐKQT số 1188318 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "TOPCOM" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 143490 và nhãn hiệu "TOPCOM" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 185802 (nhãn hiệu đối chứng).

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Giới hạn danh mục sản phẩm

Thay mặt chủ nhãn hiệu ĐKQT xin giới hạn danh mục sản phẩm của nhãn hiệu xin đăng ký chỉ còn lại "các chế phẩm chữa bệnh về mắt". Chủ nhãn hiệu đối chứng sẽ tiến hành giới hạn danh mục hàng hóa với Văn phòng quốc tế WIPO ngay khi nhận được Thông báo chấp thuận khiếu nại, chấp nhận bảo hộ cho các sản phẩm "các chế phẩm chữa bệnh về mắt".

b) Nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt về cách phát âm, tổng thể nhãn hiệu với hai nhãn hiệu đối chứng

- Về cách phát âm:

Nhãn hiệu đăng ký là "TAPCOM" trong khi đó nhãn hiệu đối chứng là "TOPCOM" mặc dù chỉ khác nhau ở nguyên âm "a" ở âm tiết đầu tiên, tuy nhiên, nguyên âm "a" này được đọc và phát âm khác hẳn nguyên âm "o" của nhãn hiệu đối chứng, nên âm tiết của nhãn hiệu đăng ký "TAP" hoàn toàn khác với âm tiết đầu của nhãn hiệu đối chứng "TOP"

Âm tiết thứ hai "COM" của nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn giống nhau, tuy nhiên âm tiết này là khá phổ biến cho các nhãn hiệu thuộc nhóm 05. Theo cơ sở trực tuyến của Cục SHTT, có 57 nhãn hiệu thuộc nhóm 05 có đuôi "COM". Chính vì vậy mà khả năng phân biệt của âm tiết "COM" không đóng vai trò chủ đạo trong tổng thể nhãn hiệu, âm tiết đầu tiên là quan trọng để xác định khả năng của nhãn hiệu xin đăng ký so với các nhãn hiệu đối chứng.

- Về ấn tượng thị giác:

Khi lựa chọn sản phẩm mang nhãn hiệu, người tiêu dùng tiếp cận một nhãn hiệu thông qua ấn tượng thị gác bên cạnh việc phát âm nhãn hiệu.

Đối với trường hợp nhãn hiệu xin đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, hai nhãn hiệu đều ngắn chỉ bao gồm 06 chữ cái, trong đó 03 chữ cái ở cuối "COM" là rất phổ biến, vì thường được hiểu là cách viết tắt của từ "COMPANY", chính vì lẽ đó sự khác biệt của một chữ cái cũng làm nên sự khác biệt về tổng thể, cụ thể là chữ "A" trong nhãn hiệu "TAPCOM" là hoàn toàn khác với chữ "O" trong "TOPCOM".

c) Nhãn hiệu theo ĐKQT số 185802 hoàn toàn khác biệt nhãn hiệu đối chứng về danh mục hàng hóa sau khi đã giới hạn

- Với đối chứng Đăng ký số 143490:

Sau khi giới hạn, danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký chỉ còn bao gồm là chế phẩm chữa bệnh về mắt, trong khi đó các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 05 bao gồm các sản phẩm "thực phẩm ăn kiêng dùng cho y học, thực phẩm cho trẻ em, chất diệt trùng, chất sát trùng, chế phẩm xúc miệng dùng cho y tế, chất bổ sung dinh dưỡng dùng cho ngành y, dược phẩm, thảo dược y tế".

Các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng chủ yếu là các sản phẩm thực phẩm chức năng bổ sung dinh dưỡng cho người tiêu dùng, và dược phẩm rất chung chung trong khi đó sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm chữa bệnh về mặt, rất cụ thể. Đồng thời, thuốc và dược phẩm là các sản phẩm đặc biệt, thường được mua bán và sử dụng theo đơn hoặc chỉ định của bác sỹ là những người có trình độ chuyên môn, có kiến thức chuyên môn về y khoa, do đó hạn chế rất nhiều khả năng bị nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

- Với đối chứng Đăng ký số 185802:

Sau khi giới hạn danh mục sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký chỉ còn bao gồm là chế phẩm chữa bệnh về mắt, trong khi đối chứng là dịch vụ mua bán trong nhóm 35 rất rộng và chung chung. Đây là các sản phẩm bán theo chỉ định, kê đơn của bác sĩ là người có trình độ chuyên môn. Hơn nữa, nhãn hiệu đối chứng này đăng ký cho dịch vụ mua bán nhóm 35 nên thường được sử dụng cho biểu hiệu của cửa hàng, mà không phải cho sản phẩm cụ thể, do đó nhãn hiệu này không được gắn lên các sản phẩm mà chỉ được gắn lên biển hiệu của cửa hàng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được

đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Về nhãn hiệu:

+ Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký "TAPCOM" và các nhãn hiệu đối chứng "TOPCOM" đều là nhãn hiệu chữ viết dưới dạng phổ thông in hoa được trình bày trên 01 dòng gồm 06 ký tự.

Nhãn hiệu đăng ký gồm tiền tố chữ "TAP" và hậu tố chữ "COM"; còn các nhãn hiệu đối chứng gồm tiền tố chữ "TOP" và hậu tố chữ "COM".

Vì vậy, với phần tiền tố chữ "TAP" của nhãn hiệu đăng ký và "TOP" của các nhãn hiệu đối chứng khác nhau nên ấn tượng thị giác cũng có sự khác biệt.

+ Về âm tiết: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều bao gồm 02 âm tiết, nhãn hiệu đăng ký gồm âm tiết /tap-com/ và các nhãn hiệu đối chứng /top-com/. Khi đọc âm tiết đầu /tap/ - /top/ có sự khác biệt.

Âm tiết thứ hai /com/ của nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn giống nhau nhưng không đóng vai trò chủ đạo trong tổng thể nhãn hiệu.

- Về danh mục hàng hóa:

Đến thời điểm hiện tại, tra cứu hiện trạng ĐKQT số 1188318 của Văn phòng quốc tế WIPO trên trang web trực tuyến romarin cũng không có việc ghi nhận giới hạn danh mục hàng hóa tại Việt Nam theo như công văn trình bày trong đơn khiếu nại.

Vì vậy, mặc dù chưa có ghi nhận giới hạn danh mục hàng hóa đăng ký tại Việt Nam, nhưng do nhãn hiệu đăng ký có ấn tượng thị giác và phát âm khác với nhãn hiệu đối chứng nên không tương tự và có khả năng phân biệt.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1188318, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/51 HBN21 ngày 26/12/2014 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1188318.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1188318.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SANTEN PHARMACEUTICAL CO., LTD. (qua Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159811/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 30201

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00268 ngày 30/8/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa, địa chỉ: Số 118 đường Lò Siêu, Phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 30201, cấp ngày 18/03/1999 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuốc lá Long An (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 30/8/2024, Công ty TNHH thương mại Mã Hoa (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới) nộp đơn ĐN1-2024-00268 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 30201 với lý do nhãn hiệu "THREE STAR, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/8/2019 đến ngày 20/8/2024 (Căn cứ theo Công văn số 437/TT-TTKTQT ngày 26/8/2024 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 11/4/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 35524/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Long An (qua Công ty Cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH thương mại Mã Hoa. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Long An.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "THREE STAR, hình" theo GCNĐKNH số 30201 tại Việt Nam từ ngày 01/8/2019 đến ngày 20/8/2024 và chủ GCNĐKNH số 30201 không có ý kiến trả lời Công văn số 35524/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 30201.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 30201 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 30201, cấp ngày 18/03/1999 theo yêu cầu của Công ty TNHH thương mại Mã Hoa.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 30201, cấp ngày 18/03/1999 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuốc lá Long An (VN) theo yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuốc lá Long An (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuốc lá Long An (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa; địa chỉ: Số 118 đường Lò Siêu, Phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159812/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 270849

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00248 ngày 15/8/2024 của Rudolf GmbH, địa chỉ: Altvaterstr. 58-64 82538 Geretsried; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 270849, cấp ngày 02/11/2016 cho RUDOLF LIETZ, INC. (PH);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 15/8/2024, Rudolf GmbH (qua Công ty Luật TNHH T&G) nộp đơn ĐN1-2024-00248 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 270849 với lý do nhãn hiệu "RL FUDOLF LIETZ, INC. SOURCING EXCELLENCE, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/8/2019 đến ngày 06/8/2024 (Căn cứ theo Công văn số 64/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 06/8/2024 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 11/4/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 35535/SHTT-TTKN.ip thông báo cho RUDOLF LIETZ, INC. (qua Văn phòng đại diện Rudolf Lietz, Inc., địa chỉ: 162 Pasteur Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Kemin Industries, Inc. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của RUDOLF LIETZ, INC.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "RL FUDOLF LIETZ, INC. SOURCING EXCELLENCE, hình" theo GCNĐKNH số 270849 tại Việt Nam từ ngày 01/8/2019 đến ngày 06/8/2024 và chủ GCNĐKNH số 270849 không có ý kiến trả lời Công văn số 35535/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 270849.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 270849 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 270849, cấp ngày 02/11/2016 theo yêu cầu của Rudolf GmbH.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 270849, cấp ngày 02/11/2016 cho RUDOLF LIETZ, INC. (PH) theo yêu cầu của Rudolf GmbH.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. RUDOLF LIETZ, INC. (PH) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và RUDOLF LIETZ, INC. (qua Văn phòng đại diện Rudolf Lietz, Inc., địa chỉ: 162 Pasteur Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Rudolf GmbH; địa chỉ: Altvaterstr. 58-64 82538 Geretsried (qua Công ty Luật TNHH T&G) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159813/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 86868

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00242 ngày 09/8/2024 của KEMIN INDUSTRIES, INC., địa chỉ: 1900 Scott Avenue, Des Moines, Iowa 50317, United States of America; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 86868, cấp ngày 21/08/2007 cho Công ty cổ phần y tế Đức Minh (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 09/8/2024, Kemin Industries, Inc. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) nộp đơn ĐN1-2024-00242 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 86868 với lý do nhãn hiệu "FLUMEVAC" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/7/2024 (Căn cứ theo Công văn số 52/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 10/7/2024 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 21/4/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 41821/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty cổ phần y tế Đức Minh (qua Công ty TNHH Vĩnh Đạt) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Kemin Industries, Inc. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần y tế Đức Minh.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "FLUMEVAC" theo GCNĐKNH số 86868 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/7/2024 và chủ GCNĐKNH số 86868 không có ý kiến trả lời Công văn số 41821/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 86868.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 86868 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để hủy bỏ (chấm dứt) hiệu lực GCNĐKNH số 86868, cấp ngày 21/08/2007 theo yêu cầu của Kemin Industries, Inc.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 86868, cấp ngày 21/08/2007 cho Công ty cổ phần y tế Đức Minh (VN) theo yêu cầu của Kemin Industries, Inc.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần y tế Đức Minh (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần y tế Đức Minh (qua Công ty TNHH Vĩnh Đạt) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Kemin Industries, Inc.; địa chỉ: 1900 Scott Avenue, Des Moines, Iowa 50317, United States of America (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159814/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 25902

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00238 ngày 07/8/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa, địa chỉ: Số 118 đường Lò Siêu, phường 12, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 25902, cấp ngày 10/12/1997 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuốc lá Long An (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 07/8/2024, Công ty TNHH thương mại Mã Hoa (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới) nộp đơn ĐN1-2024-00238 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 25902 với lý do nhãn hiệu "COMBAT" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/7/2024 (Căn cứ theo Công văn số 389/TT-TTKTQT ngày 01/8/2024 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 21/4/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 41822/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Long An (qua Công ty Cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH thương mại Mã Hoa. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Long An.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "COMBAT" theo GCNĐKNH số 25902 tại Việt Nam từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/7/2024 và chủ GCNĐKNH số 25902 không có ý kiến trả lời Công văn số 41822/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 25902.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 25902 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 25902, cấp ngày 10/12/1997 theo yêu cầu của Công ty TNHH thương mại Mã Hoa.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 25902, cấp ngày 10/12/1997 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuốc lá Long An (VN) theo yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuốc lá Long An (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuốc lá Long An (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa; địa chỉ: Số 118 đường Lò Siêu, phường 12, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159815/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 123973

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

CVH140

Xét đơn số ĐN1-2024-00199 ngày 03/7/2024 của Huzefa J. Khorakiwala, địa chỉ: Bunglow No.2, Samunder Point, Dr. Annie Besant Road, Worli, Mumbai 400 018, India; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 123973, cấp ngày 28/04/2009 cho Imaspro Resources Sdn. Bhd. (MY);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 03/7/2024, Huzefa J. Khorakiwala (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) nộp đơn ĐN1-2024-00199 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 123937 với lý do nhãn hiệu "ENVIRON" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 20/6/2019 đến ngày 26/6/2024 (Căn cứ theo Công văn số 323/TT-TTKTQT ngày 26/6/2024 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 03/3/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 18536/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Imaspro Resources Sdn. Bhd (qua Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Huzefa J. Khorakiwala. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Imaspro Resources Sdn. Bhd.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "ENVIRON" theo GCNĐKNH số 123973 tại Việt Nam từ ngày 20/6/2019 đến ngày 26/6/2024 và chủ GCNĐKNH số 123973 không có ý kiến trả lời Công văn số 18536/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 123973.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 123973 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 123973, cấp ngày 28/04/2009 theo yêu cầu của Huzefa J. Khorakiwala.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 123973, cấp ngày 28/04/2009 cho Imaspro Resources Sdn. Bhd. (MY) theo yêu cầu của Huzefa J. Khorakiwala.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Imaspro Resources Sdn. Bhd. (MY) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Imaspro Resources Sdn. Bhd. (qua Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Huzefa J. Khorakiwala; địa chỉ: Bunglow No.2, Samunder Point, Dr. Annie Besant Road, Worli, Mumbai 400 018, India (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159816/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 127233

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

CVH140

Xét đơn số ĐN1-2024-00198 ngày 03/7/2024 của Huzefa J. Khorakiwala, địa chỉ: Bunglow No.2, Samunder Point, Dr. Annie Besant Road, Worli, Mumbai 400 018, India; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 127233, cấp ngày 15/06/2009 cho Imaspro Resources Sdn. Bhd. (MY);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 03/7/2024, Huzefa J. Khorakiwala (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) nộp đơn ĐN1-2024-00198 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 127233 với lý do nhãn hiệu "ENVIRON" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 20/6/2019 đến ngày 26/6/2024 (Căn cứ theo Công văn số 323/TT-TTKTQT ngày 26/6/2024 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 03/3/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 18535/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Imaspro Resources Sdn. Bhd (qua Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Huzefa J. Khorakiwala. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Imaspro Resources Sdn. Bhd.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "ENVIRON" theo GCNĐKNH số 127233 tại Việt Nam từ ngày 20/6/2019 đến ngày 26/6/2024 và chủ GCNĐKNH số 127233 không có ý kiến trả lời Công văn số 18535/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 127233.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 127233 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 127233, cấp ngày 15/06/2009 theo yêu cầu của Huzefa J. Khorakiwala.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 127233, cấp ngày 15/06/2009 cho Imaspro Resources Sdn. Bhd. (MY) theo yêu cầu của Huzefa J. Khorakiwala.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Imaspro Resources Sdn. Bhd. (MY) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Imaspro Resources Sdn. Bhd. (qua Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Huzefa J. Khorakiwala; địa chỉ: Bunglow No.2, Samunder Point, Dr. Annie Besant Road, Worli, Mumbai 400 018, India (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159817/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 24881

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số ĐN1-2024-00194 ngày 28/6/2024 của Evonik Operations GmbH, địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 24881, cấp ngày 20/08/1997 cho RHODIA OPERATIONS (FR);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 28/6/2024, Evonik Operations GmbH (qua Công ty TNHH Nghiên cứu và tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư) nộp đơn ĐN1-2024-00194 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 24881 với lý do nhãn hiệu "ALKAMIDE" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 01/4/2024 (Căn cứ theo Công văn số 193/TT-TTKTQT ngày 05/4/2024 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 03/3/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 18532/SHTT-TTKN.ip thông báo cho RHODIA OPERATIONS (qua Công ty cổ phần Đỉnh cao và cộng sự Quốc tế) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Evonik Operations GmbH. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của RHODIA OPERATIONS.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "ALKAMIDE" theo GCNĐKNH số 24881 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2018 đến ngày 01/4/2024 và chủ GCNĐKNH số 24881 không có ý kiến trả lời Công văn số 18532/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 24881.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 24881 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 24881, cấp ngày 20/08/1997 theo yêu cầu của Evonik Operations GmbH.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 24881, cấp ngày 20/08/1997 cho RHODIA OPERATIONS (FR) theo yêu cầu của Evonik Operations GmbH.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. RHODIA OPERATIONS (FR) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và RHODIA OPERATIONS (qua Công ty cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Evonik Operations GmbH; địa chỉ: Rellinghauser Str. 1-11, 45128 Essen, Germany (qua Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159818/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 145004

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

CVH140

Xét đơn số ĐN1-2024-00190 ngày 27/6/2024 của Yu, Hee Suk, địa chỉ: 502, 16, Wiryeseong-daero 8-gil, Songpa-gu, Seoul, 05628 Republic of Korea và Lindsay & Cos Inc., địa chỉ: 392, Hwangdong-ro, Hwahyeon-myeon, Rocheon-si, Gyeonggo-do, 11123, Republic of Korea; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 145004, cấp ngày 15/04/2010 cho Cơ sở hoá mỹ phẩm Việt Hương (VN);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 27/6/2024, YU, Hee Suk và Lindsay & Cos Inc. (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) nộp đơn ĐN1-2024-00190 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 145004 với lý do nhãn hiệu "Lindsay" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/5/2024 (Căn cứ theo Công văn số 48/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 24/5/2024 của Viện Kinh tế tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 03/3/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 18529/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Cơ sở hóa mỹ phẩm Việt Hương (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của YU, Hee Suk và Lindsay & Cos Inc. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Cơ sở hóa mỹ phẩm Việt Hương.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "Lindsay" theo GCNĐKNH số 145004 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/5/2024 và chủ GCNĐKNH số 145004 không có ý kiến trả lời Công văn số 18529/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 145004.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 145004 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 145004, cấp ngày 15/04/2010 theo yêu cầu của YU, Hee Suk và Lindsay & Cos Inc.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 145004, cấp ngày 15/04/2010 cho Cơ sở hoá mỹ phẩm Việt Hương (VN) theo yêu cầu của YU, Hee Suk và Lindsay & Cos Inc.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Cơ sở hoá mỹ phẩm Việt Hương (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cơ sở hoá mỹ phẩm Việt Hương (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Yu, Hee Suk; địa chỉ: 502, 16, Wiryeseong-daero 8-gil, Songpa-gu, Seoul, 05628 Republic of Korea và Lindsay & Cos Inc., địa chỉ: 392, Hwangdong-ro, Hwahyeon-myeon, Rocheon-si, Gyeonggo-do, 11123, Republic of Korea (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159819/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 50517

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

CVH140

Xét đơn số ĐN1-2024-00187 ngày 24/6/2024 của Manchister General Trading L.L.C, địa chỉ: OFFICE 603, OWNED BY SHEIKHA MARYAM BINT RASHID BIN SAEED AL MAKTOUM - AL BATEEN, DUBAI, UNITED ARAB EMIRATES; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 50517, cấp ngày 14/11/2003 cho Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Sài Gòn (VN);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 24/6/2021, Manchister General Trading L.L.C (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) nộp đơn ĐN1-2024-00187 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 50517 với lý do nhãn hiệu "Da Vi, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/5/2019 đến ngày 21/6/2024 (Căn cứ theo Công văn số 315/TT-TTKTQT ngày 21/6/2024 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 03/3/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 18528/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Sài Gòn (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Manchister General Trading L.L.C. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Sài Gòn.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "Da Vi, hình" theo GCNĐKNH số 50517 tại Việt Nam từ ngày 01/5/2019 đến ngày 21/6/2024 và chủ GCNĐKNH số 50517 không có ý kiến trả lời Công văn số 18528/SHTT-TTKN.ip nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 50517.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 50517 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 50517, cấp ngày 14/11/2003 theo yêu cầu của Manchister General Trading L.L.C.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 50517, cấp ngày 14/11/2003 cho Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Sài Gòn (VN) theo yêu cầu của Manchister General Trading L.L.C.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Sài Gòn (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Sài Gòn (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Manchister General Trading L.L.C; địa chỉ: OFFICE 603, OWNED BY SHEIKHA MARYAM BINT RASHID BIN SAEED AL MAKTOUM - AL BATEEN, DUBAI, UNITED ARAB EMIRATES (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159820/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 287025

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2023-00259 ngày 06/11/2023 của Blch Pneumatic Science & Technology Co., Ltd., địa chỉ: NO. 387, JINGBA ROAD, YUEQING ECONOMIC DEVELOPMENT ZONE, YUEQING, ZHEJIANG, CHINA; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 287025, cấp ngày 28/08/2017 cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Triển Hưng;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 06/11/2023, Blch Pneumatic Science & Technology Co., Ltd. nộp đơn ĐN1-2023-00259 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 287025 với lý do nhãn hiệu "BLCH" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt

hiệu lực (Căn cứ theo Công văn số 65/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 24/10/2023 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 21/04/2025 Cục Sở hữu trí tuệ đã có Công văn số 41764/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Triển Hưng về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Blch Pneumatic Science & Technology Co., Ltd.. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Triển Hưng.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "BLCH" theo GCNĐKNH số 287025 tại Việt Nam từ ngày 01/10/2018 đến ngày 24/10/2023 và chủ GCNĐKNH số 287025 không có ý kiến trả lời Công văn số 41764/SHTT-TTKN.ip về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 287025.

Từ các nhận định và đánh giá trên đây, yêu cầu của Blch Pneumatic Science & Technology Co., Ltd. về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 287025, cấp ngày 28/08/2017 cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Triển Hưng là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 287025, cấp ngày 28/08/2017 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Triển Hưng theo yêu cầu của Blch Pneumatic Science & Technology Co., Ltd.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 287025, cấp ngày 28/08/2017 cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Triển Hưng theo yêu cầu của Blch Pneumatic Science & Technology Co., Ltd.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH thương mại dịch vụ Triển Hưng có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại dịch vụ Triển Hưng (địa chỉ: 47 đường số 14, khu dân cư Bình Phú, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Rich Pneumatic Science & Technology Co., Ltd.; địa chỉ: NO. 387, JINGBA ROAD, YUEQING ECONOMIC DEVELOPMENT ZONE, YUEQING, ZHEJIANG, CHINA (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159821/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần DOWELL
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00645 ngày 05/7/2024 của Công ty cổ phần DOWELL; địa chỉ: Số 20, Ngõ 44, đường Phạm Thận Duật, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-55302 ngày 31/12/2020 theo Quyết định số 107773/QĐ-SHTT.IP ngày 28/11/2023;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 3625/BC-TTKN ngày 23/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần DOWELL với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-55302 ngày 31/12/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì mang tính mô tả, không có khả năng phân biệtvà hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo số 33772w/SHTT-NH ngày 03/07/2023về kết quả thẩm định nội dungtheo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đã nêu lý do vì không nhận được thông báo từ Cục Sở hữu trí tuệ nên không có thông tin để có ý kiến phản hồi trong thời hạn quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định"

2. Nhận định, đánh giá:

Việc rà soát cơ sở dữ liệu quản trị đơn cho thấy Thông báo số 33772w/SHTT-NH ngày 03/07/2023 về kết quả thẩm định nội dung chuyển phát không thành công và đã chuyển hoàn lại Cục Sở hữu trí tuệ. Đây là trở ngại khách quan dẫn tới việc người nộp đơn không có thông tin để có ý kiến trả lời

trong thời gian quy định. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-55302.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2020-55302 ngày 31/12/2020.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 107773/QĐ-SHTT.IP ngày 28/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-55302 ngày 31/12/2020.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-55302 ngày 31/12/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Cổ phần DOWELL có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 33772w/SHTT-NH ngày 03/07/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 33772w/SHTT-NH ngày 03/07/2023.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159822/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Facton Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2011-00880 ngày 27/10/2011 của Facton Ltd; địa chỉ: Strawinskylaan 3105 NL-1077 ZX Amsterdam, Netherlands; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 898358 theo Thông báo số 2010/36 NDT15 ngày 14/09/2011;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5677/BC-

TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Facton Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 898358 bị tạm thời từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 69300, nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-11128 ngày 24/05/2010 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 898358 vì:

- "G-Star" là nhãn hiệu nổi tiếng của Facton Ltd. "G-Star" là nhãn hiệu đồng thời là tên thương mại của Công ty G-Star Raw, một công ty được thành lập vào năm 1989 chuyên cung cấp sản phẩm quần áo theo phong cách quân đội tại Netherlands. Công ty này sản xuất và bán các sản phẩm jeans, áo sơ mi và các sản phẩm quần áo khác được sản xuất bởi công ty này. Vào năm 1996, "G-Star" là nhãn hiệu đầu tiên mở ra phong trào quần áo jean kiểu "Raw Denim" (quần jean may bằng vải bông chéo thô). Hiện nay, "G-Star" có mặt tại hầu hết các quốc gia trên thế giới và có cửa hàng chính thức tại thành phố New York, San Francisco, Los Angeles, Edinburgh của Mỹ và nhiều cửa hàng khác tại Úc và Netherlands. "G-Star" có tổng cộng hơn 6000 đại lý bán hàng trên toàn thế giới. Ngoài ra, các sản phẩm mang nhãn hiệu "G-Star" được bán online qua website www.g-star.com. Facton Ltd. đã đăng ký nhãn hiệu "G-Star" cho nhiều sản phẩm và dịch vụ tại nhiều nước trên thế giới. Tại Việt Nam, dù chưa chính thức nhập khẩu vào thị trường Việt Nam nhưng người tiêu dùng có thể tiếp cận sản phẩm mang nhãn hiệu "G-Star" qua trang web bán hàng online. Hơn nữa, những sản phẩm này được bán phổ biến tại các sân bay quốc tế và các trung tâm thương mại thu hút đông đảo người Việt Nam tham quan, du lịch như Singapore, Hongkong, Bangkok, v.v… giúp cho "G-Star" tiếp cận được với người tiêu dùng Việt Nam. Một cách khác, đây là cách giúp cho sản phẩm mang nhãn hiệu "G-Star" đến với người tiêu dùng Việt Nam, đặc biệt là người tiêu dùng trẻ tuổi, năng động.

- Chủ đơn đang tiến hành thủ tục thỏa thuận với chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "G*Star, hình" về việc đồng tồn tại nhãn hiệu này với nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 898358.

- Chủ đơn đang tiến hành thủ tục phản đối cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2010-11128 ngày 24/05/2010.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 1 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký các sáng chế trùng hoặc tương đương với nhau, các kiểu dáng công nghiệp trùng hoặc không khác biệt đáng kể với nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ, thấy rằng:

- Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 69300 đã chấm dứt hiệu lực đối với "dịch vụ xuất nhập khẩu và mua bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ, các loại vải và quần áo may sẵn" theo Quyết định số 1218/QĐ-SHTT ngày 25/04/2014. Quyết định này không bị khiếu nại theo quy định. Do các dịch vụ còn lại trong danh mục theo GCNĐKNH số 69300 gồm "xuất nhập khẩu và mua bán nông sản, thực phẩm, thủy hải sản, thực phẩm chế biến, các sản phẩm ngành cơ khí và công nghiệp nhẹ, hàng gia dụng, văn phòng phẩm và linh kiện văn phòng phẩm; dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; mua bán đại lý ký gửi hàng hóa" thuộc nhóm 35, không liên quan về bản chất, chức năng hay phương thức thực hiện đối với hàng hóa thuộc nhóm 18 (sản phẩm làm từ da, giả da và hàng hóa làm từ vật liệu này không thuộc các nhóm khác, bao gồm túi xách; rương du lịch; ô dù), nhóm 25 [quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu; thắt lưng da (quần áo)]; không cùng loại với dịch vụ thuộc nhóm 35 (quảng cáo; quản lý doanh nghiệp, bao gồm dịch vụ bán lẻ và nhượng quyền kinh doanh; quản trị kinh doanh; dịch vụ quản lý hành chính). Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 69300 làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

- Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2010-11128 ngày 24/05/2010 đã bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 28065/QĐ-SHTT ngày 31/05/2012. Quyết định này không bị khiếu nại theo quy định. Vì vậy, nhãn hiệu theo đơn số 4-

2010-11128 không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 898358.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 898358, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74, khoản 1 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2010/36 NDT15 ngày 14/09/2011 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 898358.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 898358.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Facton Ltd (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159823/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Frontier Economics Pty Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2017-01195 ngày 07/11/2017 của Frontier Economics Pty Limited; địa chỉ: c/o DLA Phillips Fox Tower, Level 22, 209 Queen Street, Auckland 1010, New Zealand (địa chỉ hiện tại: 395 Collins Street Melbourne VIC 3000 AU); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1309043 theo Thông báo số 2016/36 HBN12 ngày 18/07/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4395/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Frontier Economics Pty Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FRONTIER ECONOMICS" theo đơn quốc tế nhãn hiệu số 1309043 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Frontiers Capital" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1133922 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì các lý do sau đây:

- Thứ nhất, nhãn hiệu xin đăng ký về tổng thể có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng:

Về cấu trúc và hình thức, nhãn theo ĐQT số 1309043 "FRONTIER ECONOMICS" được viết in hoa, theo phông chữ tiêu chuẩn. Trong khi đó nhãn hiệu đối chứng là "Frontiers Capital", là tập hợp các chữ cái viết theo phông chữ thường; chữ cái "F" và "C" có kích thước lớn hơn các chữ cái còn lại. Nhãn hiệu đăng ký chỉ có 8/17 ký tự giống với nhãn hiệu đối chứng.

Về phát âm, nhãn hiệu đăng ký được đọc là /'frʌntjə ˌi:kə'nɔmiks/ trong khi nhãn hiệu đối chứng Frontiers Capital được phát âm là: /'frʌntjəs ˈkæpɪtl/.

Về ý nghĩa, *n*hãn hiệu đăng ký là "FRONTIER ECONOMIC", trong đó "FRONTIER" có nghĩa là "biên giới, lĩnh vực,.." "ECONOMIC" có nghĩa là "kinh tế, sinh lợi". Toàn bộ nhãn hiệu có thể có nghĩa là "biên giới kinh tế". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là "Frontiers Capital", trong đó "capital" có nghĩa là "thủ đô, thủ lĩnh, chữ viết hoa, vốn, đầu cột". Nhãn hiệu đối chứng có thể được dịch nghĩa là "các biên giới thủ đô", "các biên giới thủ lĩnh",… Rõ ràng về ý nghĩa, các nhãn hiệu này khác biệt với nhau.

- Thứ hai, dịch vụ mang hai nhãn hiệu là khác nhau:

Dịch vụ ở nhóm 35 mang nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1309043 là dịch vụ rất cụ thể, đơn lẻ với bản chất là dịch vụ tư vấn kinh tế nói chung. Trong khi đó, dịch vụ thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đối chứng là các dịch vụ quảng cáo và văn phòng nói chung, cụ thể là quảng cáo; chức năng văn phòng; cho thuê không gian quảng cáo; kế toán; sao chép tài liệu; tư vấn quảng cáo; tư vấn chiến lược quảng cáo;…

Trong khi đó, dịch vụ ở nhóm 36 mang nhãn hiệu xin đăng ký cũng là dịch vụ cụ thể với đặc thù là dịch vụ tư vấn kinh tế cho mục đích tài chính. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ cho các dịch vụ bảo hiểm, bảo lãnh, ngân hàng, huy động vốn,…Các dịch vụ này khác nhau về bản chất, chức năng và đối tượng khách hàng.

Như vậy, về tổng thể, nhãn hiệu xin đăng ký có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng và khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu là điều khó có thể xảy ra.

- Thứ ba, thực tiễn bảo hộ đối với các nhãn hiệu tại Việt Nam cho thấy một số nhãn hiệu chứa thành phần chữ FRONTIER đăng ký cho các sản phẩm tương tự và trùng nhau được cấp cho các chủ sở hữu khác nhau nếu có khả năng phân biệt tổng thể với nhau.

Hơn nữa, tại thời điểm hiện tại, nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1133922 đã hết hạn hiệu lực (từ 31.08.2022) và không được gia hạn. Do đó, đến thời điểm hiện tại nhãn hiệu đối chứng không còn là cơ sở để từ chối Nhãn hiệu xin đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng "Frontiers Capital" là từ tiếng Anh, được kết hợp "Frontiers" và "Capital" được hiểu là quỹ đầu tư tài chính tập trung vào lĩnh vực/lãnh thổ mới chưa được khai thác, trong khi đó nhãn hiệu đăng ký "FRONTIER ECONOMICS" là khái niệm kinh tế học trong tiếng Anh, được hiểu là các kiến thức, lý thuyết, phương pháp luận kinh tế tiên tiến. Vì vậy, chúng khác biệt về ngữ nghĩa, khác biệt về cấu trúc tổng thể. Do vậy, đề nghị trong đơn khiếu nại của chủ đơn ĐQT số 1309043 có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1309043, không bảo hộ riêng "ECONOMICS", không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/36 HBN12 ngày 18/07/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1309043.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1309043, không bảo hộ riêng "ECONOMICS".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Frontier Economics Pty Limited (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159824/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH KAI COFFEE Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2020-00037 ngày 14/01/2020 của Công ty TNHH KAI COFFEE Việt Nam; địa chỉ: 139 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0903180891; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-05926 ngày 16/03/2017 theo Quyết định số 93566/QĐ-SHTT ngày 24/10/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 2512/BC-TTKN ngày 03/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH KAI COFFEE Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 2512/BC-TTKN ngày 03/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH KAI COFFEE Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-05926 ngày 16/03/20170 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 208067 và hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo số 35040/SHTT-NH ngày 27/06/2019 về kết quả thẩm định nội dung theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại cho biết do nhân sự Công ty thay đổi đã không bàn giao lại Thông báo số 35040/SHTT-NH ngày 27/06/2019 về kết quả thẩm định nội dung nên không có thông tin để có ý kiến phản hồi trong thời hạn quy định. Ngoài ra, khi biết thông tin trong Thông báo này, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cho phép chủ đơn tiếp tục phản hồi và bổ sung Thư đồng ý cho phép sử dụng nhãn hiệu đối chứng được chủ sở hữu GCNĐKNH số 208067 cung cấp.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Do sơ suất trong việc bàn giao khi thay đổi nhân sự nên người khiếu nại không có thông tin về Thông báo kết quả thẩm định số 35040/SHTT-NH ngày 27/06/2019 để có ý kiến trả lời trong thời gian quy định. Xét thấy, đây là lỗi chủ

quan từ phía người khiếu nại. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do nêu trong đơn khiếu nại của chủ đơn số 4-2017-05926.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-05926 ngày 16/03/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 93566/QĐ-SHTT ngày 24/10/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-05926 ngày 16/03/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH KAI COFFEE Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH KAI COFFEE Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159825/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Duraflex Hong Kong Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00438 ngày 11/4/2017 của Duraflex Hong Kong Limited; địa chỉ: Block 1, 15/F Tern Centre, 237 Queen's Road Central, Hong Kong; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-10006 ngày 25/05/2011 theo Quyết định số 1917/QĐ-SHTT ngày 12/01/2017;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4077/BC-

TTKN ngày 30/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Duraflex Hong Kong Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2011-10006 ngày 25/05/2011 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với phần hình của nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 48957, 48958 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đã tiến hành yêu cầu hủy bỏ hiệu lực vì lý do văn bằng bảo hộ được cấp do sự không trung thực của người nộp đơn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Do đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực các nhãn hiệu đối chứng được nộp trước ngày ban hành Quyết định số 1917/QĐ-SHTT ngày 12/01/2017 về việc từ chối cấp GCNĐKNH và tại thời điểm giải quyết khiếu nại, các đơn này chưa có kết luận cuối cùng. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý khôi phục quá trình thẩm định đơn đối với đơn số 4-2011-10006.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2011-10006 ngày 25/05/2011.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 1917/QĐ-SHTT ngày 12/01/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-10006 ngày 25/05/2011.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-10006 ngày 25/05/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Duraflex Hong Kong Limited (qua Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159855/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH TMDV Alisha Floor
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;


HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00064 ngày 19/01/2024 của Công ty TNHH TMDV Alisha Floor; địa chỉ: 557 Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh , điện thoại 0976665622; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-39449 ngày 18/10/2021 theo Quyết định số 127538/QĐ-SHTT.IP ngày 29/12/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5471/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH TMDV Alisha Floor với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-39449 ngày 18/10/2021 của Công ty TNHH TMDV Alisha Floor bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên do không nhận được Thông báo số 58180/SHTT-NH.IP ngày 06/9/2023 về kết quả thẩm định nội dung nên không có cơ sở để có ý kiến trả lời về kết quả thẩm định nội dung đơn trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định"

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 58180/SHTT-NH.IP ngày 06/9/2023 về kết quả thẩm định nội dung đã không được chuyển phát thành công và được chuyển hoàn lại Cục Sở hữu trí tuệ. Do đó, người nộp đơn không có cơ sở để phản hồi Thông báo trên trong thời gian

quy định. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn tiếp tục trả lời thông báo Thông báo số 58180/SHTT-NH.IP ngày 06/9/2023.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2021-39449 ngày 18/10/2021.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 127538/QĐ-SHTT.IP ngày 29/12/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-39449 ngày 18/10/2021.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-39449 ngày 18/10/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH TMDV Alisha Floor có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần có ý kiến trả lời Thông báo số 58180/SHTT-NH.IP ngày 06/9/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
-Bản sao Thông báo số 58180/SHTT-NH.IP ngày 06/9/2023

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159856/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của
Công ty cổ phần giải pháp công nghệ xây dựng quốc tế Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2015-00914 ngày 12/10/2015 của Công ty cổ phần giải pháp công nghệ xây dựng quốc tế Việt Nam; địa chỉ: Số 45 ngõ 4/21 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-20716 theo Quyết định số 51498/QĐ-SHTT ngày 25/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5287/BC-TTKN ngày 24/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần giải pháp công nghệ xây dựng quốc tế Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-20716 ngày 10/9/2013 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 51498/QĐ-SHTT ngày 25/8/2015 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.a và c Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "C-deck" là tên tự tạo của người nộp đơn và được sử dụng duy nhất bởi người nộp đơn tại Việt Nam;

- Nhãn hiệu đăng ký "C-deck" không mô tả tính chất, chức năng, đặc tính của sản phẩm/dịch vụ đăng ký. Cho đến thời điểm khiếu nại, không có tài liệu khoa học kỹ thuật sử dụng "C-deck" để mô tả tính chất, chức năng, đặc tính của thiết bị, vật liệu nào tại Việt Nam;

- Nhãn hiệu đăng ký "C-deck" đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn tại Việt Nam, từ 2010;

- Nhãn hiệu đăng ký "C-deck" đã được biết đến một cách rộng rãi bởi người tiêu dùng Việt Nam thông qua báo chí, website, video truyền hình tại Việt Nam, đồng thời "C-deck" cho công nghệ sàn rỗng không dầm của người nộp đơn đã giành được nhiều giải thưởng lớn tại Việt Nam;

- Trên thực tế, có nhiều nhãn hiệu có cấu trúc giống nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi phần chữ "C" và phần chữ "deck" được liên kết với nhau bởi dấu "-". Trong đó, chữ "C" là một từ đơn giản không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.a Luật Sở hữu trí tuệ. Phần chữ "deck" trong lĩnh vực xây dựng có nghĩa là "mặt lát ván, tấm lát ván, ván khuôn, tấm lợp, thường được dùng để hỗ trợ bê tông khi thi công sàn mô tả trực tiếp cho sản phẩm, dịch vụ đăng ký.

Bên cạnh đó, tổ hợp "C-deck" còn là tên gọi kỹ thuật thường được sử dụng trong ngành xây dựng để chỉ một loại tôn sàn thép định hình có tiết diện dạng chữ C, được sử dụng phổ biến trong kết cấu sàn liên hợp thép – bê tông. Trên thị trường Việt Nam, loại sản phẩm này tồn tại song song với các dạng tiết diện khác như hình chữ V, chữ U,… Việc kết hợp các thành phần nêu trên tạo thành một cụm từ mô tả trực tiếp bản chất, chức năng hoặc đặc điểm của sản phẩm, dịch vụ đăng ký, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Các tài liệu chứng cứ, người nộp đơn cung cấp chưa đủ cơ sở khẳng định nhãn hiệu đăng ký "C-deck" được sử dụng duy nhất bởi người nộp đơn, đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng tại Việt Nam trước ngày nộp đơn hoặc nhãn hiệu đăng ký "C-deck" đã được biết đến một cách rộng rãi bởi người tiêu dùng Việt Nam.

Tổng hợp các nhận định nêu trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký Nhãn hiệu đăng ký "C-deck" không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.a và c Luật Sở hữu trí tuệ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-20716 ngày 10/9/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 51498/QĐ-SHTT ngày 25/8/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-20716 ngày 10/09/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở

hữu trí tuệ, Công ty cổ phần giải pháp công nghệ xây dựng quốc tế Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần giải pháp công nghệ xây dựng quốc tế Việt Nam (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159857/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Institute of chartered accountants in England and Wales
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2014-00527 ngày 11/6/2014 của The Institute of chartered accountants in England and Wales; địa chỉ: Chartered Accountant's Hall, P.O. Box 433, Moorgate Place, London EC2P 2 BJ, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 910061 theo Thông báo số 2013/06 HBN31 ngày 10/02/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5507/BC-TTKN ngày 28/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The Institute of chartered accountants in England and Wales với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ACA" theo ĐQT số 910061 bị tạm thời từ chối bảo hộ một phần cho các nhóm 09, 35, 36 vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 46248, 46249 và 141062 theo quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Người nộp đơn đang tiến hành đàm phán với chủ các nhãn hiệu đối chứng xin Thư chấp thuận để cho Người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký;

- Nhãn hiệu đối chứng số 46248, 46249 đã không được sử dụng tại Việt Nam hơn 05 năm liên tục do đó không được coi là đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng số 141062 về cấu trúc, hình thức thể hiện và cách phát âm, trong khi hàng hóa/ dịch vụ mang hai nhãn hiệu không tương tự.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "ACA" theo ĐQT số 910061 bị tạm thời từ chối bảo hộ một phần cho các nhóm 09, 35, 36 vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 46248, 46249 và 141062 theo quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Hiện tại, các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 46248 đã hết hiệu lực từ ngày 27/02/2012; GCNĐKNH số 46249 đã hết hiệu lực từ ngày 27/02/2012; GCNĐKNH số 141062 đã hết hiệu lực từ ngày 26/05/2018.

Vì lý do này, các nhãn hiệu đối bảo hộ theo GCNĐKNH số 46248, 46249 và 141062 không còn là đối chứng theo quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 910061. Do đó, đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 910061, không áp dụng quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/06 HBN31 ngày 10/02/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 910061.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 910061.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Institute of chartered accountants in England and Wales (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159858/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Uddeholms Aktiebolag
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2015-00316 ngày 13/4/2015 của Uddeholms Aktiebolag; địa chỉ: SE-683 85 Hagfors, Sweden; đại diện bởi: Công ty TNHH Luật ALIAT; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 998724 theo Thông báo số 2013/49 NTK12 ngày 12/12/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5572/BC-TTKN

ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Uddeholms Aktiebolag với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "UNIMAX" theo ĐQT số 998724 bị tạm thời từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc nhóm 06 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "UNIMAX" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 105463 cho các sản phẩm thuộc nhóm 2 và 09.Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Thứ nhất, Người nộp đơn quốc tế số 998724 đã chủ động giới hạn danh mục sản phẩm đăng ký và đã được Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) xác nhận giới hạn danh mục sản phẩm nhóm 06 thành "Common metals and their alloys, namely alloyed and unalloyed tool steel and stainless steel for moulds and dies for plastic, cold work and hot work applications, excluding furniture fittings, none of the before mentioned being building materials or related to any kind of building materials", vào ngày 23/03/2015.

Thứ hai, dựa trên danh mục sản phẩm đã giới hạn, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu "UNIMAX" theo ĐQT số 998724 hoàn toàn khác biệt với nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 105463 vì các lý do sau:

- Sản phẩm theo ĐQT số 998724 là các sản phẩm kim loại được dùng cho ngành công nghiệp, không trùng/tương tự gây nhầm lẫn/liên quan đến sản phẩm "sơn" thuộc nhóm 02 và "bột trét tường" thuộc nhóm 19 của nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 105463.

- Sản phẩm theo ĐQT số 998724 không thuộc và không liên quan đến vật liệu xây dựng, do đó không cùng kênh phân phối, tiếp thị với "sơn" và "bột trét tường".

- Các sản phẩm của Uddeholms Aktiebolag được cung cấp cho các nhà sản xuất công nghiệp.

- Sản phẩm mang nhãn hiệu "UNIMAX" theo ĐQT số 998724 đã được phân phối đến thị trường Việt Nam từ năm 2009 liên tục đến nay.

- Người tiêu dùng và các bên sản xuất liên quan không bị nhầm lẫn giữa nhãn hiệu "UNIMAX" của Uddeholms Aktiebolag và "UNIMAX" của Công ty TNHH kỹ nghệ vật liệu Việt Nhật. Do đó, việc sử dụng và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu "UNIMAX" theo ĐQT số 998724 sẽ không gây phương hại đến quyền lợi của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng hoặc bên thứ ba nào khác.

Thứ ba, nhãn hiệu "UNIMAX" đã được Uddeholms Aktiebolag đăng ký bảo hộ tại nhiều quốc gia trên toàn thế giới.

Thứ tư, nhãn hiệu "UNIMAX" được Uddeholms Aktiebolag sử dụng rộng rãi, liên tục trên thị trường Việt Nam và quốc tế.

Thứ năm, các trường hợp tương tự đã được chấp thuận bảo hộ:

- Nhãn hiệu "HOA SEN LOTUS" theo GCNĐKNH số 98937 đăng ký cho sản phẩm "bột trét tường" thuộc nhóm 19 và nhãn hiệu "HOA SEN và hình" theo GCNĐKNH số 110585 đăng ký cho sản phẩm "Tấm lợp bằng thép mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; xà gồ thép và xà gỗ mạ thép; ung thép đen, ống thép mạ kẽm và mạ các loại hợp kim khác; lưới thép mạ; dây thép mạ kẽm và dây thép các loại; thép cán nguội dạng cuộn" thuộc nhóm 06.

- Nhãn hiệu "PHUMY" theo GCNĐKNH số 123778 đăng ký cho sản phẩm "Vật liệu xây dựng" thuộc nhóm 19 và nhãn hiệu "CNC PHUMY Co., Ltd & hình" theo GCNĐKNH số 155370 đăng ký cho sản phẩm "kim loại" thuộc nhóm 06.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Sau khi thực hiện thủ tục giới hạn danh mục sản phẩm đăng ký và đã được Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) xác nhận giới hạn danh mục sản phẩm nhóm 06 thành "Common metals and their alloys, namely alloyed and unalloyed tool steel and stainless steel for moulds and dies for plastic, cold work and hot work applications, excluding furniture fittings, none of the before mentioned being building materials or related to any kind of building materials", vào ngày 23/03/2015. Các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng không bị coi là tương tự với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 02 và 09.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký không bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và đáp ứng điều kiện bảo hộ. Do đó, không còn cơ sở để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo ĐTQ số 998724 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn

hiệu theo ĐQT số 998724 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/49 NTK12 ngày 12/12/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 998724.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 998724.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Uddeholms Aktiebolag (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159859/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đơn số RĐ4-2025-00544 ngày 25/7/2025 về việc xin rút đơn khiếu nại số KN4-2016-00654 ngày 26/7/2016.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2016-00654 ngày 26/7/2016 của STUART PALMER; địa chỉ: 7B Queens Square, Poulton-Le-Fylde FY6 7BW, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty TNHH Luật ALIAT.

Lý do đình chỉ: Người khiếu nại có đơn số RĐ4-2025-00544 ngày 25/7/2025 về việc xin rút đơn khiếu nại số KN4-2016-00654 ngày 26/7/2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và STUART PALMER (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159860/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CIPLA LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-00822 ngày 30/6/2022 của CIPLA LIMITED; địa chỉ: Mumbai Central, Mumbai -400 008, Maharashtra, India; đại diện bởi: Công ty TNHH Luật ALIAT; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-08640 ngày 22/04/2014 theo Quyết định số 25871/QĐ-SHTT ngày 31/3/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5535/BC-TTKN

ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CIPLA LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "LOPIMUNE" theo đơn số 4-2014-08640 ngày 22/4/2014 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 25871/QĐ-SHTT ngày 31/3/2022 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do: Người nộp đơn đã nộp đơn số ĐN1-2016-00152 ngày 24/5/2016 yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 44649.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định"

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2016-00152 ngày 24/5/2016 yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng GCNĐKNH số 44649 trước ngày ban hành Quyết định số 25871/QĐ-SHTT ngày 31/3/2022 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-08640 ngày 22/4/2014. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2014-08640 ngày 22/4/2014.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-08640 ngày 22/4/2014.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 25871/QĐ-SHTT ngày 31/3/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-08640 ngày 22/4/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-08640 ngày 22/4/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CIPLA LIMITED (qua Công ty TNHH Luật ALIAT) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159861/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Med-El Elektromedizinische Gerate Ges.m.b.H
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2014-00159 ngày 26/02/2014 của Med-El Elektromedizinische Gerate Ges.m.b.H; địa chỉ: Fustenweg 77a, A-6020 Innsbruck, Austria; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1135064 theo Thông báo số 2012/44 NDT22 ngày 30/10/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5537/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Med-El Elektromedizinische Gerate Ges.m.b.H với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MED-EL" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1135064 bị tạm thời từ chối bảo hộ một phần cho nhóm 09 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 595533. MED-EL Elektromedizinische Geräte Ges.m.b.H. khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "MED-EL" theo ĐQT số 1135064 với các lập luận như sau:

- Về hình thức thể hiện và cấu trúc nhãn hiệu, cách phát âm:

Nhãn hiệu xin bảo hộ là chữ MED-EI được ngăn cách nhau bởi dấu gạch ngang, được phát âm thành hai âm tiết là [met –en]. Trong khi nhãn hiệu đối chứng là chữ med được phát âm một âm tiết là [met]. Như vậy, về thị giác và thính giác, hai nhãn hiệu nêu trên là hoàn toàn khác nhau.

- Về sản phẩm xin đăng ký thuộc nhóm 9:

Nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đăng ký cho các sản phẩm hoàn toàn khác nhau về công dụng, chức năng và kênh tiêu thụ. Cụ thể:

Sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng rất cụ thể, gồm "cột chỉ báo mức xăng; van điện dùng cho xe cộ và dùng trong côn nghiệp; máy điện toán" Sản phẩm của nhãn hiệu xin bảo hộ thì rộng, bao gồm nhiều loại máy móc thiết bị khác nhau nhưng không bao gồm 3 loại sản phẩm nêu trên của nhãn hiệu đối chứng. Hơn nữa, đối với các sản phẩm tương đối chung chung như "Thiết bị và dụng cụ khoa học, hàng hải, trắc địa, điện, nhiếp ảnh, điện ảnh, quang học, cân, đo, báo hiệu, kiểm tra, cấp cứu", để tăng khả năng phân biệt cho nhãn hiệu, Người nộp đơn đã tự xin loại bỏ các sản phẩm nói trên ra khỏi danh mục xin đăng ký. Còn đối với các loại thiết bị máy móc còn lại, Người nộp đơn cũng đã in hạn chế lĩnh vực bằng cách chỉ rõ: "Tất cả các sản phẩm nêu trên được sử dụng trong lĩnh vực tăng cường thần kinh, cấy ghép tai nghe và trợ thính".

Như vậy, sau khi hạn chế danh mục sản phẩm, các sản phẩm còn lại thuộc nhóm 9 của nhãn hiệu xin bảo hộ là các loại máy móc thiết bị chuyên dụng, đặc trưng và riêng biệt dùng trong lĩnh vực y tế nên hoàn toàn khác biệt về bản chất với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký

có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người nộp đơn đã giới hạn danh mục sản phẩm nhóm 9 tại WIPO, tuy nhiên, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký sau khi giới hạn vẫn tương tự với sản phẩm máy tính mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 9.

Do đó, đề nghị của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1135064 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2012/44 NDT22 ngày 30/10/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1135064.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Med-El Elektromedizinische Gerate Ges.m.b.H có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Med-El Elektromedizinische Gerate Ges.m.b.H (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159862/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Harrods Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2014-00158 ngày 26/02/2014 của Harrods Limited; địa chỉ: 87-135 Brompton Road, London SW1X 7XL; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1093222 theo Thông báo số 2012/43 TDH09 ngày 29/10/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5538/BC-TTKN

ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Harrods Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Harrods" theo ĐQT số 1093222 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo ĐQT số 1136918. Harrods Corporate Management Limited khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "Harrods" theo ĐQT số 1093222 với các lập luận như sau:

- Chủ nhãn hiệu đối chứng theo ĐQT số 1093222 đồng ý chuyển nhượng nhãn hiệu về cùng tên và địa chỉ với nhãn hiệu xin bảo hộ theo ĐQT số 1093222.

- Người nộp đơn đã chỉ ra nhãn hiệu xin bảo hộ và nhãn hiệu đối chứng đã cùng tên và địa chỉ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cùng đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ và cùng có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho đối tượng của một đơn duy nhất trong số các đơn đó theo thoả thuận của tất cả những người nộp đơn; nếu không thoả thuận được thì các đối tượng tương ứng của các đơn đó bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đối chứng theo ĐQT số 1136918 đã được ghi nhận cùng tên và địa chỉ với nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1093222. Do vậy, nhãn hiệu theo ĐQT số 1136918 không còn là đối chứng đối với ĐQT số 1093222, đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1093222, không áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2012/43 TDH09 ngày 29/10/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1093222.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1093222.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Harrods Limited (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159863/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Marvelous Entertainment Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2013-00649 ngày 27/5/2013 của Marvelous Entertainment Inc.; địa chỉ: 5F Shinagawa Seaside East Tower, 4-12-8, Higashi-Shinagawa, Shinagawa-ku Tokyo 140-0002, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1105407 theo Thông báo số 2012/05 NTH09 ngày 05/02/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5544/BC-TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Marvelous Entertainment Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "MARVELOUSAQL" cho các sản phẩm thuộc nhóm 09, 16, 28, 41 theo ĐQT số 1105407 bị tạm thời từ chối bảo hộ một phần nhóm 41 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 87932 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Người nộp đơn đã loại bỏ các dịch vụ có khả năng tương tự thuộc nhóm 41 ra khỏi danh mục xin đăng ký. Các dịch vụ còn lại xin bảo hộ là "Cung cấp ấn phẩm điện tử; dịch vụ tra cứu các tài liệu và văn học ở thư viện; xuất bản sách; giới thiệu phim, các buổi biểu diễn, trình diễn âm nhạc và kịch; chiếu phim, sản xuất phim; phân phối phim; giới thiệu các live show; định hướng và giới thiệu các vở kịch; giới thiệu các buổi biểu diễn âm nhạc; sản xuất các chương trình phát thanh và truyền hình; sản xuất các đoạn phim ngắn trên video trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa, giải trí và thể thao (không dành cho các chương trình phát thanh hoặc truyền hình và cũng không dành cho mục đích quảng cáo và công bố); tổ chức, quản lý và sắp xếp các sự kiện giải trí (không bao gồm phim, các buổi trưng bày, biểu diễn kịch hay âm nhạc, thể thao, đua ngựa, đua xe đạp, đua thuyền và đua ô tô); cung cấp dịch vụ phòng thu hình, thu thanh; cung cấp các hạ tầng cho các trò giải trí; cung cấp dịch vụ trò chơi dùng qua Internet và cung cấp thông tin liên quan tới vấn đề này; cho thuê các bằng từ để ghi âm; cho thuê các băng từ để ghi hình ảnh; cho thuê đồ chơi; cho thuê máy móc và thiết bị giải trí; cho thuê máy móc và thiết bị trò chơi".

Các dịch vụ như trên liên quan tới lĩnh vực cung cấp các phương tiện, máy móc thiết bị cho việc giải trí nên không có sự liên quan hay tương tự với loại hình dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng "Dịch vụ: đào tạo dạy nghề; tổ chức hội nghị; tổ chức hội thảo" nhóm 41.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Các dịch vụ sau khi giới hạn thuộc nhóm 41 của nhãn hiệu đăng ký được Văn phòng Quốc tế WIPO ghi nhận đã khác về bản chất, chức năng và kênh tiêu thụ với các dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 87932. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng và đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1105407, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2012/05 NTH09 ngày 05/02/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1105407.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1105407.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Marvelous Entertainment Inc. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159864/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kikusui Sake USA. INc
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2013-00611 ngày 13/5/2013 của Kikusui Sake USA. INc; địa chỉ: 843E, 4th Street Los Angeles CA 90013, United State of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1104632 theo Thông báo số 2012/04 VTB25 ngày 29/01/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5547/BC-

TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kikusui Sake USA. lNc với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "KIKUSUI" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1104632 bị tạm thời từ chối Nhãn hiệu "KIKUSUI" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1104632 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 25761 và Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 786528. Kikusui Sake USA, Inc. khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "KIKUSUI" theo ĐQT số 1104632 với các lập luận như sau:

- Về hình thức thể hiện và cấu trúc nhãn hiệu:

Nhãn hiệu xin bảo hộ KIKUSUI là từ tự đặt, không có nghĩa. Nhãn hiệu đối chứng thứ nhất được cấu trúc gồm một từ ghép nối với nhau bởi dấu gạch ngang KIKU-MASAMUNE và đối chứng thứ hai là nhãn hiệu hình tròn trong đó có chữ KIKU viết cách điệu trên hình một quả táo được trình bày cách điệu. Về mặt thị giác, nhãn hiệu xin bảo hộ và các nhãn hiệu đối chứng có thể phân biệt được.

- Về cách phát âm: Nhãn hiệu xin bảo hộ được phát âm gồm 3 âm tiết: ki-ku-sui, trong khi nhãn hiệu đối chứng thứ nhất phát âm thành 2 từ với 6 âm tiết: ki-ku ma-sa-mu-ne. Nhãn hiệu đối chứng thứ hai chỉ có hai từ KIKU, được phát âm thành 2 âm tiết là "ki-ku".

- Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận cho hai nhãn hiệu đối chứng song song tồn tại được đăng ký tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu xin bảo hộ theo ĐQT số 1104632 tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 25761 và ĐKQT số 786528. "KIKU" trong tiếng Nhật có nghĩa là "hoa cúc", "SUI" có nghĩa là "nước/ say", nhãn hiệu hiệu xin bảo hộ "KIKUSUI" không tạo ra khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

Các trường hợp khác nêu trong đơn khiếu nại không nằm trong phạm vi xem xét khiếu nại này.

Do đó, đề nghị của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1104632 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2012/04 VTB25 ngày 29/01/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1104632.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Kikusui Sake USA. lNc có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kikusui Sake USA. lNc (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159865/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Unilin BVBA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2013-00986 ngày 18/9/2013 của Unilin BVBA; địa chỉ: Ooigemstraat 3 B-8710 WIELSBEKE, Belgium; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1116705 theo Thông báo số 2012/22 NHT10 ngày 23/5/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5551/BC-

TTKN ngày 29/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Unilin BVBA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "QUICK-STEP" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1116705 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu xin bảo hộ gồm 2 từ QUICK và STEP, được nối với nhau bởi một dấu gạch ngang, đây là 2 từ có nghĩa trong tiếng Anh, được biết đến với nghĩa thông dụng là bước nhanh. Như vậy, QUICK-STEP (bước nhanh) không có chứa dấu hiệu nào có thể gọi là mô tả các hàng hóa, dịch vụ xin đăng ký thuộc các nhóm 3; 17; 19; 20; 27 và 37 của ĐQT nói trên. Với nghĩa "Bước nhanh", nhãn hiệu cũng không gợi lên cho người tiêu dùng nào về mối liên hệ có thể có với các sản phẩm và dịch vụ thuộc các nhóm nêu trên. Người nộp đơn là chủ sở hữu của 2 ĐKQT số 679190 (nhãn hiệu QUICK STEP); và 830585 (nhãn hiệu QUICK.STEP Elegance) đã được chấp nhận bảo hộ tại Việt nam mà không hề nhận được bất cứ ý kiến nào cho rằng các nhãn hiệu này không có khả năng phân biệt là nhãn hiệu . Như vậy, việc Người nộp đơn tiếp tục đăng ký thêm nhãn hiệu QUICK-STEP.

- Do nhãn hiệu QUICK STEP (với 2 thành phần từ chính là Quick và Step) là nhãn hiệu chủ đạo của người nộp đơn nên người nộp đơn đã lưu ý phát triển thương hiệu này với nhiều dạng thể hiện như QUICK.STEP và 3 vạch chéo phía trên; QUICK.STEP Elegance và QUICK-STEP. Tất cả các dạng thể hiện này đều được người nộp đơn đăng ký và đã được thừa nhận là nhãn hiệu tại hơn 70 nước trên thế giới như 27 nước Liên minh Châu âu (bằng CTM); Canada; Mỹ; Brazil; Mexico; Chile; Trung quốc; Hồng Kông; ấn độ; Hàn quốc; Singapore; Nam Phi; New Zealand; Đài Loan; các nước Tiểu vương quốc Ar rập thống nhất UAE...

Như vậy, với chứng cứ và tài liệu gửi kèm cho thấy tất cả các nhãn hiệu này đều được Người nộp đơn sử dụng rộng rãi và thừa nhận là nhãn hiệu trên phạm vi thế giới. Người nộp đơn hoàn toàn có thể đăng ký thêm nhãn hiệu QUICK -STEP tại Việt nam sau khi người nộp đơn đã thực sự là chủ sở hữu của nhãn hiệu QUICK.STEP (IR.670190) và QUICK.STEP Elegance (IR.830585).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký gồm hai từ QUICK và STEP, được nối với nhau bởi một dấu gạch ngang, là hai từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là tán dương "bước tiến/ phát triển nhanh", mô tả các hàng hóa, dịch vụ xin đăng ký.

Các trường hợp khác của người nộp đơn được chấp nhận bảo hộ không tương đương với nhãn hiệu đăng ký. Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận bảo hộ tại các quốc gia chỉ mang tính chất tham khảo.

Từ những nhận định trên cho thấy, đề nghị của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1116705 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2012/22 NHT10 ngày 23/5/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1116705.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Unilin BVBA có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Unilin BVBA (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159866/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Lysi h.f.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2014-00561 ngày 17/6/2014 của Lysi h.f.; địa chỉ: Fiskislod 5-9. IS-101 Reykjavik, Iceland; đại diện bởi: Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 769925 theo Thông báo số 2013/07 HBN27 ngày 19/02/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5582/BC-

TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Lysi h.f. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "LYSI, hình" theo ĐQT số 769925 bị tạm thời từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc nhóm 05 và 29 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "LYSIVIT" và "Lysivit" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 73861 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 và số 133729 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần hình và phần chữ, có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng;
- Nhãn hiệu đăng ký được đăng ký và sử dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới;
- Người nộp đơn thực hiện thủ tục giới hạn danh mục sản phẩm đăng ký tại Văn phòng Quốc tế WIPO.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 769925được cấu tạo bởi phần hình và phần chữ, trong đó thành phần phân biệt chính là phần chữ "LYSI" tương tự với các nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo và cách phát âm. Trong khi, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký sau khi giới hạn danh mục vẫn bị coi là tương tự với các sản phẩm thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng số số 73861 và sản phẩm thuộc nhóm 29 mang nhãn hiệu đối chứng số 133729.

Ngoài ra, việc nhãn hiệu đăng ký được đăng ký và sử dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới chỉ mang tính chất tham khảo.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng và không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 769925 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/07 HBN27 ngày 19/02/2014 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 769925.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Lysi h.f. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Lysi h.f. (qua Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159867/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đơn quốc tế số 256740 của MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG (DE) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực tại Việt Nam theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2013-00608 ngày 10/5/2013 của MlP METRO Group lntellectual Property GmbH & Co. KG; địa chỉ: Metro-Strasse 1, D-40235 Dusseldorf, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế hết hiệu lực từ ngày 16/6/2022 vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực tại Việt Nam theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MlP METRO Group lntellectual Property GmbH & Co. KG (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159868/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đơn quốc tế số 1243600 của Infineon Technologies AG (DE) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực tại Việt Nam theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2016-00672 ngày 29/7/2016 của Infineon Technologies AG; địa chỉ: Am Campeon 1-12, 85579 Neubiberg, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế hết hiệu lực từ ngày 17/02/2025 vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực tại Việt Nam theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Infineon Technologies AG (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159869/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Uni-Charm Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-01324 ngày 25/12/2020 của Uni-Charm Corporation; địa chỉ: 182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-09716 theo Quyết định số 80351/QĐ-SHTT ngày 30/9/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5594/BC-TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Uni-Charm Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ORGANIC" đơn số 4-2017-09716 ngày 14/4/2017 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nói trên với các lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không mang tính mô tả sản phẩm xin đăng ký:

+ Mặc dù "ORGANIC"có nghĩa "hữu cơ" nhưng không mô tả trực tiếp đến sản phẩm xin đăng ký. Tại Việt Nam, nghĩa "hữu cơ" được hiểu là để mô tả sản phẩm thực phẩm được nuôi trồng/canh tác theo phương thức hữu cơ (không sử dụng cho các loại sản phẩm, dịch vụ khác). Cụ thể, Organic là sản phẩm được trồng mà không sử dụng bất kỳ loại thuốc trừ sâu, phân bón tổng hợp, bùn thải, sinh vật biến đổi gen hoặc bức xạ ion; động vaarh cho thịt, gia cầm, trứng và các sản phẩm sữa không dùng thuốc kháng sinh hoặc hormone tăng trưởng.

Trong khi đó sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký không liên quan, không sử dụng cho bất kỳ sản phẩm nào theo ý nghĩa nêu trên, không gắn với nông lâm ngư nghiệp chứa ý nghĩa "hữu cơ".

+ Nhãn hiệu "ORGANIC" được bảo hộ tại một số quốc gia trên thế giới như Nhật Bản, Myanmar, Phillipines, Hàn Quốc, Brunei, Indonesia.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Phần chữ "ORANIC" trong nhãn hiệu yêu cầu đăng ký có nghĩa tiếng Việt là "hữu cơ", công nghệ hữu cơ được áp dụng không chỉ cho các sản phẩm thực phẩm mà còn áp dụng cho rất nhiều khác nhau trong cuộc sống, bao gồm các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký, vì lý do đối với sản phẩm băng vệ sinh, tã lót nói chung, đây là sản phẩm với mục đích vệ sinh và sử dụng 1 lần nên để bảo vệ môi trường cũng như sức khỏe con người dùng sản phẩm "tã lót, miếng lót, băng vệ sinh" được sản xuất bằng các vật liệu hữu cơ hoặc áp dụng quy trình chuẩn hữu cơ. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký mô tả đặc điểm hoặc thành phần của

sản phẩm, không phải là yếu tố tạo nên ấn tượng thương mại riêng, không đảm bảo chức năng phân biệt nguồn gốc thương mại của hàng hóa.

Việc nhãn hiệu "ORGANIC" được bảo hộ tại một số quốc gia trên thế giới như Nhật Bản, Myanmar, Phillipines, Hàn Quốc, Brunei, Indonesia chỉ mang tính chất tham khảo.

Vì các lý do nêu trên, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-09716 ngày 14/4/2017 , đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 80351/QĐ-SHTT ngày 30/9/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-09716 ngày 14/04/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Uni-Charm Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Uni-Charm Corporation (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159870/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Ngô Thị Minh Thủy
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-00184 ngày 24/02/2022 của Ông/Bà Ngô Thị Minh Thủy; địa chỉ: C5, tổ 26, cụm 5, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Phượng Hoàng, khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-27817 theo Quyết định số 2730/QĐ-SHTT ngày 13/01/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5578/BC-

TTKN ngày 30/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Ngô Thị Minh Thủy với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-27817 ngày 17/8/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 2730/QĐ-SHTT ngày 13/01/2022 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2018-23196 ngày 13/7/2018 đã có Quyết định từ chối và hết thời hạn khiếu nại, chủ nhãn hiệu đối chứng không thực hiện quyền khiếu nại, do đó, nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-23196 ngày 13/7/2018 không được coi là đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký theo quy định tại Điều Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Nhãn hiệu đăng ký "EGGSCOFFEE" là từ tự đặt không có ý nghĩa và không được suy diễn là "Cà phê trứng";

- Trên thực tế có nhiều nhãn hiệu chứa tập hợp các chữ "-COFFEE-" kết hợp với các chữ cái khác được cấp cho các sản phẩm cà phê hoặc sản phẩm liên quan đến cà phê thuộc nhóm 30.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "EGGSCOFFEE" theo đơn số 4-2018-27817 ngày 17/8/2018 được cấu tạo bởi 10 ký tự viết liền, được thể hiện bằng kiểu chữ in

hoa, tuy nhiên vẫn có ấn tượng thị giác và được phát âm thành 2 từ tách biệt trong tiếng Việt /éc/cóp/phi và được hiểu là "cà phê trứng" mô tả trực tiếp cho sản phẩm/ dịch vụ đăng ký. Do đó, nhãn hiệu đăng ký mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt và không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2018-23196 ngày 13/7/2018 đã bị từ chối theo Quyết định số 102058/QĐ-SHTT ngày 23/12/2021 trước ngày ban hành Quyết định số 2730/QĐ-SHTT ngày 13/01/2022 về việc từ chối nhãn hiệu đăng ký. Do đó, không có cơ sở từ chối nhãn hiệu đăng ký theo quy định tại Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ, khiếu nại của người nộp đơn có cơ sở.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn liên quan đến nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2018-23196 ngày 13/7/2018 là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại nhãn hiệu đăng ký không mang tính mô tả, căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-27817 ngày 17/8/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 2730/QĐ-SHTT ngày 13/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-27817 ngày 17/8/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Ngô Thị Minh Thủy có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Ngô Thị Minh Thủy (Công ty Luật TNHH Phượng Hoàng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159871/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Dainichiseika Color & Chemicals Mfg. Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00971 ngày 12/9/2017 của Dainichiseika Color & Chemicals Mfg. Co., Ltd.; địa chỉ: 7-6, Nihonbashi Bakuro-cho, 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 103-8383 Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1300606 theo Thông báo số 2016/25 NDT01 ngày 11/5/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5625/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Dainichiseika Color & Chemicals Mfg. Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SEIKABOND" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1300606 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SIKABOND" được bảo hộ theo ĐQT số 599323 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐQT số 599323 do có sự khác nhau về cấu trúc, cách phát âm và ý nghĩa.

+ Về cấu trúc: Nhãn hiệu nộp đơn gồm 9 ký tự bắt đầu bằng "SEI" trong khi nhãn hiệu đối chứng bắt đầu bằng "SI". Thành tố "SEI" không đồn nhất với "SI" vì "SEI" có thể được hiểu là từ mượn của tiếng Nhật mang ý nghĩa "chính thống" hay "chính xác". Do đó nhãn hiệu nộp đơn: "SEIKABOND" có cấu trúc dài hơn và phức tạp hơn, tạo ấn tượng khác biệt về mặt thị giác.

+ Về phát âm: nhãn hiệu đăng ký "SEIKABOND" được phát âm là /sei.kə.bɑnd/, trong khi các nhãn hiệu đối chứng "SIKABOND" được phát âm là /si.kə.bɑnd/. Âm đầu "SEI" phát âm giống "say", dài và rõ ràng, "SI" phát âm là /si:/ ngắn và nhẹ hơn.

+ Về ý nghĩa: "SEKABOND" không mang nghĩa rõ ràng trong tiếng Anh hoặc tiếng Việt trong khi "SIKABOND" là nhãn hiệu gắn liền với tập đoàn Sika.

Ngoài ra, người nộp đơn đã nộp Thư chấp thuận từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "SEIKABOND" tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều có chung phần chữ "BOND", một thành tố mô tả liên kết, kết dính. Phần chữ "Seika" và "Sika" ở vị trí đầu, có cấu tạo và cách phát âm tương tự nhau, nhất là trong điều kiện người tiêu dùng thông thường không phân biệt kỹ. Do vậy, nhãn hiệu đăng ký tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo và cách phát âm. Trong khi, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu mang nhãn hiệu đối chứng.

Ngoài ra, mặc dù có Thư chấp thuận của Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng nhưng việc bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vẫn có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có cùng một nguồn gốc.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1300606 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/25 NDT01 ngày 11/5/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1300606.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Dainichiseika Color & Chemicals Mfg. Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Dainichiseika Color & Chemicals Mfg. Co., Ltd. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159872/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của NAGAKI SEIKI CO.. LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2016-00846 ngày 29/9/2016 của NAGAKI SEIKI CO.. LTD.; địa chỉ: 4-31, Tashiden 3-chome, Daito-shi, Osaka 574-0045, JAPAN; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1251585 theo Thông báo số 2015/23 NTH14 ngày 09/6/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5630/BC-

TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của NAGAKI SEIKI CO.. LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NAGAKI, hình" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1251585 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "Nagaki, hình" được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 189633 và "NAGAKI" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 56989 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 189633 và 56989 do có sự khác nhau về cấu trúc, hình thức thể hiện và danh mục sản phẩm.

+ Về cấu trúc và hình thức thể hiện: Nhãn hiệu nộp đơn gồm phần chữ NAGAKI và một hình vuông màu xanh lá mạ nối liền với chữ I ở cuối. Trong khi nhãn hiệu đối chứng thứ nhất là hình nửa bánh răng nằm bên trái chữ Nagaki và nhãn hiệu đối chứng thứ hai chỉ có phần chữ NAGAKI. Mặc dù các nhãn hiệu đều có chung phần chữ NAGAKI nhưng từng chữ lại được trình bày theo cách khác nhau, phông chữ khác nhau và ở vị trí khác nhau, được gắn với các phần hình khác nhau nên về mặt thị giác, các nhãn hiệu này hoàn toàn có thể phân biệt được với nhau về mặt tổng thể, hình thức thể hiện và cấu trúc nhãn hiệu.

+ Về sản phẩm: điều quan trọng hơn các nhãn hiệu này được gắn với các dòng sản phẩm hoàn toàn khác nhau về tính năng, tác dụng cũng như kênh phân phối.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Đối với đối chứng theo GCNĐKNH số 56989 hết hạn hiệu lực từ ngày 03/7/2013 và không được gia hạn hiệu lực tại Việt Nam nên không được coi là

đối chứng từ chối theo nhãn hiệu đăng ký theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Đối với đối chứng theo GCNĐKNH số 189633, nhãn hiệu đăng ký có cùng số lượng ký tự và cách phát âm, sự khác biệt chỉ là hình thức thể hiện bởi kiểu chữ khác nhau. Trong khi, các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức nhầm lẫn và không có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1251585 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/23 NTH14 ngày 09/6/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1251585.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, NAGAKI SEIKI CO.. LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và NAGAKI SEIKI CO.. LTD. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159873/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Wieland Dental + Technik Gmbh & Co.KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2015-00166 ngày 25/02/2015 của Wieland Dental + Technik Gmbh & Co.KG; địa chỉ: LindenstraBe 2 75175 Pforzheim, Germany; (hiện nay là: Ivoclar Vivadent AG, địa chỉ: Bendererstrasse 2 FL-9494 Schaan) đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 955071 theo Thông báo số 2013/44 NDT15 ngày 06/11/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5632/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Wieland Dental + Technik Gmbh & Co.KG (hiện nay là: Ivoclar Vivadent AG) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "WIELAND" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 955071 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Wieland" được bảo hộ theo ĐQT số 271422 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với lý do sau:

- Đối với các sản phẩm nhóm 06: nhãn hiệu theo đơn đăng ký đã chuyển nhượng sang Wieland Edelmetalle GmbH có địa chỉ tại Schwenninger Straße 13, 75179 Pforzheim, Germany.

- Đối với các sản phẩm nhóm 09: chủ nhãn hiệu đối chứng là WIELAND Electric GmbH, địa chỉ: 14, Brennerstrasse, 96052 Bamberg, Germany đã có Thư chấp thuận đồng ý cho chủ ĐQT số 955071 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo ĐQT này cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "WIELAND" theo ĐQT số 955071 có phần chữ trùng về cấu tạo và cách phát âm với nhãn hiệu đối chứng, chỉ khác biệt về kiểu chữ in hoa và in thường không tạo khả năng phân biệt cho hai nhãn hiệu. Trong khi, sản phẩm/dịch vụ mang hai nhãn hiệu bị coi là tương tự.

Việc đồng tồn tại các nhãn hiệu trùng nhau, đăng ký bảo hộ cho các sản phẩm có liên quan đến nhau sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm. Mặc dù có Thư chấp thuận của Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng nhưng việc bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vẫn có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có cùng một nguồn gốc.

Do vậy, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức nhầm lẫn và không có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 955071 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/44 NDT15 ngày 06/11/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 955071.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Wieland Dental + Technik Gmbh & Co.KG (hiện nay là: Ivoclar Vivadent AG) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Wieland Dental + Technik Gmbh & Co.KG (hiện nay là: Ivoclar Vivadent AG) (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159874/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Uni-Charm Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2018-00538 ngày 17/8/2018 của Uni-Charm Corporation; địa chỉ: 182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-02388 theo Quyết định số 40120/QĐ-SHTT ngày 11/6/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5652/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Uni-Charm Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Airy Soft" cho nhóm 05 theo đơn số 4-2014-02388 ngày 10/02/2014 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì vừa không có khả năng phân biệt, vừa tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "AIRY" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 86518 theo quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Dấu hiệu nộp đơn hoàn toàn phân biệt được như một nhãn hiệu, mặc dù có nghĩa "mềm mại không khí" trong tiếng Việt nhưng không mang tính mô tả trực tiếp cũng như gián tiếp đến các sản phẩm xin đăng ký.

- Người nộp đơn đã loại bỏ tất cả các sản phẩm khăn ướt ra khỏi nhóm 05, các sản phẩm còn lại chỉ thuần túy là sản phẩm thông thường dùng cho mục đích vệ sinh chứ hoàn toàn không sử dụng cho mục đích y tế, nên bất kỳ người tiêu dùng nào cũng có thể lựa chọn các sản phẩm này cho người bệnh của họ mà không cần đến sự chăm sóc của bác sỹ.

- Ngoài ra các sản phẩm này không chỉ được bày bán tại các cửa hàng tại bệnh viện (để người nhà bệnh nhân thuận tiện trong việc mua các sản phẩm đó về dùng cho bệnh nhân của họ) mà còn được bày bán rộng rãi tại nhiều cửa hàng tiện ích và siêu thị. Do vậy, chúng tôi cho rằng sản phẩm này không có liên quan gì đến sản phẩm "dược phẩm" mà chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã đăng ký trước đó. Bởi trên thực tế, sản phẩm "dược phẩm" của nhãn hiệu đối chứng là loại sản phẩm chuyên biệt, không phải ai cũng có thể tự ý đi mua về sử dụng được, người tiêu dùng chỉ có thể mua dược phẩm về sử dụng khi có đơn thuốc của bác sĩ chuyên khoa kê cho bệnh nhân và phải có sự kiểm soát chặt chẽ của bác sĩ khi cho bệnh nhân sử dụng sản phẩm dược. Nên người khiếu nại cho rằng sản phẩm còn lại của đơn xin đăng ký và sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn có khả năng phân biệt được với nhau về công dụng, mục đích sử dụng và đối tượng sử dụng các sản phẩm này.

Một số quốc gia vẫn chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu của người nôp đơn có cấu tạo bởi "Air" hoặc "Airy" kết hợp với thành phần mô tả khác.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký có nghĩa tiếng Việt là "mềm mại không khí", mang tính mô tả đặc tính của sản phẩm, không có khả năng phân biệt không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Airy" trùng với phần chữ "Airy" của nhãn hiệu đối chứng số 86518 ngày 17/8/2007, trong khi sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Việc người nộp đơn đề nghị giới hạn danh mục sau khi Quyết định số 40120/QĐ-SHTT ngày 11/06/2018 được ban hành trái với quy định tại khoản a điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị này không được chấp nhận trong giai đoạn giải quyết khiếu nại.

Các trường hợp được chấp nhận bảo hộ tại một số quốc gia do người nộp đơn trình bày chỉ mang tính chất tham khảo.

Tổng hợp các nhận định đánh giá trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ theo quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-02388 ngày 10/02/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 40120/QĐ-SHTT ngày 11/6/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-02388 ngày 10/02/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Uni-Charm Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Uni-Charm Corporation (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159875/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại Hà Trung Hậu
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-01010 ngày 16/10/2020 của Công ty TNHH sản xuất thương mại Hà Trung Hậu; địa chỉ: VP02, tầng 10, khu văn phòng 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0777932699; khiếu nại về việc giải quyết đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH sản xuất thương mại Hà Trung Hậu đối với GCNĐNK số 169 tại đơn ĐN1-2015-00037H ngày 16/11/2015 theo Quyết định số 2719/QĐ-SHTT

ngày 16/7/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5649/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại Hà Trung Hậu với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Ngày 16/7/2020, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 2719/QĐ-SHTT về việc giải quyết đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH sản xuất thương mại Hà Trung Hậu đối với GCNĐKNH số 169 tại đơn ĐN1-2015-00037H ngày 16/11/2015. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Hà Trung Hậu không đồng ý với Quyết định nêu trên với lý do:

Dấu hiệu "Ba chữ Nhật" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 169 của Công ty Ajinomoto không được sử dụng độc lập, mà chỉ sử dụng kèm với hình chiếc bát để lưu thông trên thị trường, và hai nhãn hiệu này được bảo hộ theo hai GCNĐKNH khác nhau.

Nhãn hiệu "Ba chữ Nhật" không đáp ứng điều kiện bảo hộ ở thời điểm hiện tại, không đáp ứng điều kiện bảo hộ tại điểm 37.4 tiểu mục 37 mục 5 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN,ngày 14/2/2007 Hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành 1 số điều của Luật SHTT thì đối với nhãn hiệu trên cần phải đáp ứng điều kiện: nhãn hiệu chứa yếu tố hình phải nêu rõ nội dung và ý nghĩa của yếu tố hình; Nhãn hiệu có chứa các chữ, từ ngữ không phải là Tiếng Việt thì phải ghi rõ cách phát âm (phiên âm ra Tiếng Việt) và nếu các chữ, từ ngữ đó có nghĩa thì phải dịch ra Tiêng Việt. Như vậy, việc Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý gia hạn hiệu lực của Văn bằng 169 khi văn băng bảo hộ này đã không còn đáp ứng các điêu kiện được bảo hộ theo quy định của pháp luật hiện hành là không phù hợp theo quy định của pháp luật.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực."

Khoản 5 Điều 124 Luật Sở hữu trí tuệ quy định sử dụng nhãn hiệu là việc thực hiện các hành vi sau đây:

"a) Gắn nhãn hiệu được bảo hộ lên hàng hóá, bao bì hàng hóá, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh;

b) Lưu thông, chào bán, quảng cáo đề bán, tàng trữ để bán hàng hóa mang nhãn hiệu được bảo hộ;

c) Nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu được bảo hộ"

- Khoản 3 Điều 220 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Mọi quyền và nghĩa vụ theo văn bằng bảo hộ được cấp theo quy định của pháp luật có hiệu lực trước ngày Luật này có hiệu lực và các thủ tục duy trì, gia hạn, sửa đổi, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu, giải quyết tranh chấp liên quan đến văn bằng bảo hộ đó được áp dụng theo quy định của Luật này, trừ quy định về căn cứ hủy bỏ hiệu lực các văn bằng bảo hộ thì chỉ áp dụng quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nội dung nhãn hiệu "Ba chữ Nhật" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 169 của Công ty Ajinomoto không có khả năng phân biệt và không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định pháp luật hiện hành về sở hữu trí tuệ, không phải là căn cứ để chấm dứt hiệu lực của GCNĐKNH theo quy định tại Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, không được xem xét trong quá trình giải quyết đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Hà Trung Hậu đối với GCNĐKNH số 169 tại đơn ĐN1-2015-00037H ngày 16/11/2015 và trong giai đoạn giải quyết khiếu nại Quyết định số 2719/QĐ-SHTT ngày 16/7/2020.

- Về nội dung công ty Ajinomoto không sử dụng nhãn hiệu "Ba chữ Nhật" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 169 trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng theo quy định tại điêm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ; cụ thể, nhãn hiệu này không được sử dụng một cách độc lập tại thị trường Việt Nam từ khi được cấp GCNĐKNH cho đến nay mà luôn được sử dụng kèm theo hình chiếc bát thuộc phạm vi nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 170 cấp ngày 30/9/1985.

Căn cứ khoản 5 Điều 124 Luật Sở hữu trí tuệ, sử dụng nhãn hiệu là việc thực hiện các hành vi gắn nhãn hiệu được bảo hộ lên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh; lưu thông, chào bán, quảng cáo đề bán, tàng trữ để bán hàng hóa mang nhãn hiệu được bảo hộ; nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu được bảo hộ. Đối với trường hợp nhãn hiệu "Ba chữ Nhật" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 169: Công ty Ajinomoto gắn nhãn hiệu này lên hình chiếc bát trên bao bì sản phẩm được sử dụng trên thực tế vẫn được coi đáp ứng quy định về sử dụng nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 124 Luật Sở hữu trí tuệ là "gắn nhãn hiệu được bảo hộ lên hàng hóa, bao bì hàng hóa".

Do đó, cùng với việc sản phẩm mì chính (bột ngọt) có gắn nhãn hiệu "Ba chữ Nhật" của Công ty Ajinomoto đã được bán rộng rãi, liên tục trên thị

trường Việt Nam từ năm 1991 đến nay, không có căn cứ để cho rằng Công ty Ajinomoto không sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ.

Từ những nhận định nêu trên cho thấy, khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 và Khoản 5 Điều 124 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc không chấp nhận đề nghị của tại đơn số ĐN1-2015-00037H ngày 16/11/2015 của Công ty TNHH sản xuất thương mại Hà Trung Hậu về việc chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với GCNĐKNH số 169 của Công ty Ajinomoto theo Quyết định số 2719/QĐ-SHTT ngày 16/7/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 2719/QĐ-SHTT ngày 16/7/2020 về việc giải quyết đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH sản xuất thương mại Hà Trung Hậu đối với GCNĐNK số 169 tại đơn ĐN1-2015-00037H ngày 16/11/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH sản xuất thương mại Hà Trung Hậu có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại Hà Trung Hậu có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159876/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Shandong Hongjitang Pharmaceutical Group Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2022-00749 ngày 13/6/2022 của Shandong Hongjitang Pharmaceutical Group Co., Ltd.; địa chỉ: No. 30766 East Jingshi Road, Licheng District, Jinan City, Shandong Province, China; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối số 1383235 theo Quyết định số 1247/QĐ-SHTT ngày 14/03/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5655/BC-TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Shandong Hongjitang Pharmaceutical Group Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu 

đăng ký theo ĐQT số 1383235 bị từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng 

được bảo hộ theo GCNĐKNH số 321898, 

được bảo hộ theo GCNĐKNH số 128442 và 

theo ĐKQT số 546060, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74, và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 321898:

+ Nhãn hiệu đăng ký phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cách đọc, ý nghĩa, cấu trúc và hình thức thể hiện.

+ Sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 30 mang nhãn hiệu đăng ký phân biệt với các sản phẩm thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng. Các sản phẩm thuộc nhóm 05 mang các nhãn hiệu có những đặc điểm đặc thù giúp hạn chế khả năng gây nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu trong thực tế sử dụng.

+ Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới mà không gặp phải bất kỳ sự phản đối nào từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 128442 và ĐKQT số 546060:

+ Phần hình trong nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với phần hình các nhãn hiệu đối chứng.

+ Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ đồng thời cho nhiều nhãn hiệu có phần hình thức thể hiện tương tự như phần hình của nhãn hiệu đăng ký.

+ Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 546060 đã được chấp thuận bảo hộ đồng thời tại nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 321898,128442 và ĐKQT số 546060.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Phần chữ trong nhãn hiệu đăng ký có cách phát âm tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu trong Đơn đăng ký số 4-2016-17127 (đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 321898). Do trong tiếng Việt "yi" và "ji" có cách phát âm giống nhau nên nhãn hiệu đăng ký được đọc là "hong-di-tang" và nhãn hiệu đối chứng được đọc là "tong-di-tang". Với cách phát âm gần giống nhau như vậy có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi tiếp cận các hàng hóa mang các nhãn hiệu.

- Phần hình trong nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với phần hình trong các nhãn hiệu đối chứng theo GNCĐKNH số 128442 và ĐKQT số 546060 về hình thức thể hiện: đều là hình 2 con rồng cách điệu có các chân xung quanh, nằm đối xứng nhau trong vòng tròn và giữa 2 con rồng là phần chữ Hán viết từ trên xuống.

Đồng thời, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều đăng ký cho danh mục hàng hóa thuộc nhóm 05 và 30. Các hàng hóa này tương tự gây nhầm lẫn với nhau về bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và kênh phân phối.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1383235 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 1247/QĐ-SHTT ngày 14/03/2022 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1383235.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Shandong Hongjitang Pharmaceutical Group Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Shandong Hongjitang Pharmaceutical Group Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159877/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Unilever N.V.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2011-00224 ngày 09/3/2011 của Unilever N.V.; địa chỉ: Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2008-05980 theo Quyết định số 66491/QĐ-SHTT ngày 09/12/2010;

HTM620

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5666/BC-

TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Unilever N.V. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BRUT ALASKA" cho nhóm 03 theo đơn số 4-2008-05980 ngày 24/03/2008 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) theo Quyết định số 66491/QĐ-SHTT ngày 09/12/2010 của Cục Sở hữu trí tuệ do không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu bị từ chối không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về xuất xứ sản phẩm xin đăng ký trong nhóm 3;

- Nhãn hiệu bị từ chối được chấp nhận bảo hộ tại nhiều nước trên thế giới;

- Nhãn hiệu bị từ chối đã được sử dụng và biết đến rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới và hoàn toàn thực hiện chức năng như một nhãn hiệu;

- Các nhãn hiệu có thành phần ALASKA đã được Quý Cục bảo hộ mà chúng tôi viện dẫn trước đây hoàn toàn tương tự với Nhãn hiệu bị từ chối; và Cục SHTT đã chấp nhận bảo hộ nhiều nhãn hiệu có chứa tên địa lý tương tự như trường hợp Nhãn hiệu bị từ chối.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dấu hiệu "ALASKA" là tên địa danh thuộc nước Mỹ. Việc sử dụng dấu hiệu này trong nhãn hiệu dễ làm người tiêu dùng hiểu nhầm rằng sản phẩm có nguồn gốc từ Alaska, Mỹ trong khi trên thực tế sản phẩm không có xuất xứ từ địa danh này và địa chỉ của chủ đơn tại "Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands". Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng gây nhầm lẫn hoặc lừa dối người tiêu dùng về xuất xứ hàng hóa, vi phạm khoản 5 Điều 73 Luật SHTT. Như vậy, nhãn hiệu "BRUT ALASKA" không đáp ứng điều kiện bảo hộ.

Các trường người nộp đơn trình bày trong đơn khiếu nại không tương tự, tài liệu chứng cứ người nộp đơn cung cấp chưa đủ cơ sở chứng minh nhãn

hiệu đăng ký được sử dụng và biết đến rộng rãi tại Việt Nam trước ngày nộp đơn đăng ký.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2008-05980 ngày 24/03/2008 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 66491/QĐ-SHTT ngày 09/12/2010 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2008-05980 ngày 24/3/2008.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Unilever N.V. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Unilever N.V. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159878/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của OUTFT7 LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2014-01122 ngày 05/11/2014 của OUTFT7 LIMITED; địa chỉ: 5th Floor, 52-54 Gracechurch Street, London, EC3V 0EH, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1150228 theo Thông báo số 2013/29 NNL44 ngày 24/7/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5670/BC-

TTKN ngày 31/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của OUTFT7 LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Talking Ginger" theo ĐQT số 1150228 bị tạm thời từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc nhóm 03 vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không phải dấu hiệu mô tả sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 03

- Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng rộng rãi trên thực tế từ trước thời điểm nộp đơn

- Nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới như Thụy sỹ, Nhật Bản, Mỹ,….

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi phần chữ "Talking" trong tiếng Việt có nghĩa là "nói chuyện, nói" và "Ginger" có nghĩa là "gừng" là một nguyên liệu phổ biến, thường được sử dụng trong các sản phẩm chăm sóc da, tóc, khử mùi, dưỡng ẩm, tinh dầu, xà phòng và các chế phẩm có hương liệu. Do đó, tổng thể nhãn hiệu đăng ký "Talking Ginger" có khả năng được người tiêu dùng Việt Nam hiểu như một yếu tố mô tả thành phần, nguyên liệu hoặc đặc tính của sản phẩm thuộc nhóm 03 mang nhãn hiệu đăng ký.

Việc nhãn hiệu đăng ký được chấp nhận bảo hộ trên nhiều quốc gia chỉ mang tính chất tham khảo không đồng thời là điều kiện được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam. Tài liệu người nộp đơn cung cấp chưa đủ cơ sở để chứng minh nhãn hiệu đăng ký được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam trước ngày nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1150228 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/29 NNL44 ngày 24/7/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1150228.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, OUTFT7 LIMITED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và OUTFT7 LIMITED (qua Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

PHẦN IV

CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

1. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Quyết định số: 127393/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 04/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00849
Ngày nộp: 18/07/2023
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU DUY ANH (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 14/7/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU ÁNH SÁNG BÌNH MINH (VN)**
Khu đô thị mới Đình Bảng, khu phố Chùa Dận, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU DUY ANH (VN)**
Số 2 ngõ 379 phố Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	TOPLIGHT	250777	08/09/2015
2	TOPLIGHT, hình	274960	13/01/2017

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 128564/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 04/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2022-00279
Ngày nộp: 22/03/2022
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÓNG GÓI XUÂN BẢO NHUNG (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 11/3/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẦU TƯ HỮU SÁNG (VN)**
24 đường Dân Chủ, phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÓNG GÓI XUÂN BẢO NHUNG (VN)**

155 đường Miếu Bình Đông, khu phố 13, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	hình	68389	30/11/2005

Giá chuyển nhượng: 1.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 128565/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 04/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00703
Ngày nộp: 16/06/2023
Chủ đơn: TRẦN NGỌC ĐIỂN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH NACILAW
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/6/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **HUỲNH THỊ HỒNG PHẤN (VN)**

Số 306B đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bên được chuyển nhượng: **TRẦN NGỌC ĐIỂN (VN)**

23/4 ấp Quới Hòa Đồng, xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	NĐ BAKERY Ngọc Điển, hình	252151	01/10/2015

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 128566/QĐ-SHTT.IP, ngày 04/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00899
Ngày nộp: 28/07/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN THẨM MỸ Á ÂU (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu Giấy chứng nhận nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/11/2020;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN Á ÂU (VN)**

32D Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN THẨM MỸ Á ÂU (VN)**

32D Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	bệnh viện thẩm mỹ, hình	259654	15/03/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí .

Quyết định số: 128567/QĐ-SHTT.IP, ngày 04/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01007
Ngày nộp: 21/08/2023
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH QUANG (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 14/8/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH QUANG (VN)**

Số 8 đường số 8, khu dân cư Bình Phú, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÀO HOA (VN)**

156 Lý Chiêu Hoàng, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	DAI HY GARDEN WEDDING & CONVENTION [Da xi yuan hun li hui zhong xin: Đại hỷ các tiệc cưới hội nghị trung tâm], hình	254468	17/11/2015
2	DAI HY PALACE WEDDING & CONVENTION [da xi hun li hui yi zhong xin: đại hỷ tiệc cưới hội nghị trung tâm] D [V], hình	273953	21/12/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 128568/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 04/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00040
Ngày nộp: 10/01/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ QUẢNG HIỀN (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/01/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN VĂN QUẢNG (VN)**

Tổ 1, khu Cao Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ QUẢNG HIỀN (VN)**
Tổ 1, khu Cao Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Quảng Hiền	267025	17/08/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 128569/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 04/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00089
Ngày nộp: 22/01/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ELITE PR SCHOOL (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 27/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN ĐÌNH THÀNH (VN)**

415 F8 tập thể Trung Cao, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

2. LÊ QUỐC VINH (VN)
Số 70 ngõ 41 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

3. PHAN TẤT THỨ (VN)

Tổ 70, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ELITE PR SCHOOL (VN)**

Số 152 phố Vũ Phạm Hàm, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	E Eliteprschool, hình	249870	26/08/2015

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 128570/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 04/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00883 Ngày nộp: 22/07/2024

Chủ đơn: DSQUARED2 TRADEMARKS LIMITED (IE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Chứng thư xác nhận chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 02/12/2020;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **DSQUARED2 TM S.A. (LU)**

18, Rue de I'Eau, L-1449 Luxembourg, Luxembourg

Bên được chuyển nhượng: **DSQUARED2 TRADEMARKS LIMITED (IE)**

5th Floor, Block A, The Atrium, Blackthorn Road, Sandyford, Dublin 18, D18F5X2, Ireland

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	D2 DSQUARED2	78366	10/01/2007
2	D2 DSQUARED2	78367	10/01/2007

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 128571/QĐ-SHTT.IP, ngày 04/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00930
Ngày nộp: 30/07/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN BÀN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 15/7/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT MỚI SINH HỌC ĐÔNG DƯƠNG (VN)**

Thôn 7, xã Điện Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN BÀN (VN)**

Đường số 3, khu công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	GENOTIS S , hình	63524	09/06/2005
2	hình	63577	10/06/2005
3	GENOTIS CHEM , hình	73093	19/06/2006

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 128572/QĐ-SHTT.IP, ngày 04/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01525
Ngày nộp: 21/11/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ QUẢNG HIỀN
(VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sethaco
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Ngày ký: 21/11/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN VĂN QUẢNG (VN)**

Số nhà 225, tổ 1, khu Cao Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ QUẢNG HIỀN (VN)**

Tổ 1 , khu Cao Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Quảng Hiền Nhà hàng hải sản, hình	381128	09/03/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 129273/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00127
Ngày nộp: 01/02/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MẮT KÍNH AR (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng.

Ngày ký: 02/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MẮT KÍNH AN THÁI BÌNH (VN)**

84A Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MẮT KÍNH AR (VN)**
9 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	VENTURA EYEWEAR	159517	10/03/2011

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 129274/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00128
Ngày nộp: 01/02/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MẮT KÍNH AR (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng.

Ngày ký: 02/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MẮT KÍNH ÁNH RẠNG (VN)**
9 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MẮT KÍNH AR (VN)**
9 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	jubilant	38873	13/11/2001
2	ESSENTIALS	38874	13/11/2001
3	R READERS, hình	40592	05/04/2002

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 129275/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00157
Ngày nộp: 06/02/2024
Chủ đơn: MEIJI HOLDINGS CO., LTD. (JP)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 04/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **MEIJI CO., LTD. (JP)**
2-2-1 Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Japan

Bên được chuyển nhượng: **MEIJI HOLDINGS CO., LTD. (JP)**

4-16, Kyobashi 2-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Meibalance	151145	17/08/2010

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 129276/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00160
Ngày nộp: 06/02/2024
Chủ đơn: DONGGUAN GOLD LYCRA TECHNOLOGY CO.,LTD (CN)
Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 29/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **SHENZHEN HONGHAO TIANCHENG TECHNOLOGY CO., LTD. (CN)**

West, 4F, Bldg A9, Longwangmiao Industrial Bldg, East Baishixia Community, Fuyong St, Baoan Dist, Shenzhen, China

Bên được chuyển nhượng: **DONGGUAN GOLD LYCRA TECHNOLOGY CO.,LTD (CN)**

No. 1 Anxun 1st Street, Qiaotou Town, Dongguan City, Guangdong Province, China

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	BKK, hình	374529	25/12/2020

Giá chuyển nhượng: 156 USD.

Quyết định số: 129277/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00170
Ngày nộp: 16/02/2024
Chủ đơn: WL CENTRALIN DAVID APAC PTE. LTD. (SG)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 01/7/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)**

One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati, Ohio 45202, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **WL CENTRALIN DAVID APAC PTE. LTD. (SG)**

6 Harper Road, #01-09, Leong Huat Building, Singapore 369674

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	DYNAMO	33467	13/03/2000

Giá chuyển nhượng: 1 USD (Một đô la Mỹ).

Quyết định số: 129278/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00207
Ngày nộp: 27/02/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN SUBE VIỆT NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Hùng Sơn và cộng sự
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 19/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Việt.

Bên chuyển nhượng: **TRẦN NGỌC CƯỜNG (VN)**

P3 dãy B, Ao Sen, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SUBE VIỆT NAM (VN)**

Tầng 7, toà B Fafim, số 19 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	WK DESIGN, hình	375139	04/01/2021

Giá chuyển nhượng: 1.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 129279/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00208
Ngày nộp: 28/02/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM NHẬT HÀN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ A&Z
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 02/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt; Phụ lục gồm trang bằng Tiếng Việt.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM NHẬT VIỆT (VN)**

366/37 Lê Văn Quới, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM NHẬT HÀN (VN)**

366/11 Lê Văn Quới, khu phố 11, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Sapi - White	157223	25/01/2011

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 129280/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00209
Ngày nộp: 28/02/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH VĂN TÚ (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần ICHECK
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 20/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH VĂN TÚ (VN)**

536/32/1 tổ 6 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH VĂN TÚ VT (VN)**

536/32/1 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	VT, hình	176442	29/11/2011
2	OSAKAK	176443	29/11/2011

Giá chuyển nhượng: 100.000 VNĐ.

Quyết định số: 129281/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00220
Ngày nộp: 01/03/2024
Chủ đơn: DONG-A PHARMACEUTICAL CO., LTD. (KR)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Quốc tế D &N
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 30/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **DONG-A ST CO., LTD. (KR)**

64 Cheonho-daero, Dongdaemun-gu, Seoul 02587, South Korea

Bên được chuyển nhượng: **DONG-A PHARMACEUTICAL CO., LTD. (KR)**

64, Cheonho-daero, Dongdaemun-gu, Seoul, Republic of Korea

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Morning Care	333863	21/10/2019

Giá chuyển nhượng: 231 USD.

Quyết định số: 129282/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00238
Ngày nộp: 06/03/2024
Chủ đơn: SUSTAINABLE COMMUNITY DEVELOPMENT, L.L.C. (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Trần
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 29/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SINH HÓA THÁI NAM VIỆT (VN)**

126 KP3 Lã Xuân Oai, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **SUSTAINABLE COMMUNITY DEVELOPMENT, L.L.C. (US)**

1710 Walnut Street, Kansas City, Missouri 64108, U.S.A

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	SCD PROBIO BALANCE PLUS	445260	22/02/2023

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 129283/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00306
Ngày nộp: 22/03/2024
Chủ đơn: NGUYỄN THỊ LƯƠNG KHUYÊN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN FIT HOUSE (VN)**
254/57/5 Bến Vân Đồn, phường 05, quận 04, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN THỊ LƯƠNG KHUYÊN (VN)**
254/57/5 Bến Vân Đồn, Phường 05, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	FIT HOUSE P, hình	318611	19/04/2019

Giá chuyển nhượng: Miễn phí .

Quyết định số: 129284/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00354
Ngày nộp: 01/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN THỜI TRANG DMC VIỆT NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH SOLIS
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THIẾT KẾ DMC (VN)**
213 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỜI TRANG DMC VIỆT NAM (VN)**
Tầng 9, tòa nhà Gelex Tower, số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	DO MANH CUONG	284263	10/07/2017

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 129285/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00294
Ngày nộp: 20/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN SUBE VIỆT NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Hùng Sơn và cộng sự
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/8/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Việt.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HI-PLUS (VN)**
Phòng 1 tầng 2 số 22 Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SUBE VIỆT NAM (VN)**
Tầng 7, toà B Fafim, số 19 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MIMAX	426431	16/06/2022

Giá chuyển nhượng: 1.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 129286/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00326
Ngày nộp: 26/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH LE SQUARE EPICIER FIN (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ.

Ngày ký: 21/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ HẢI ÂU (VN)**

145 Tôn Thất Đạm, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH LE SQUARE EPICIER FIN (VN)**

186 Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	LeSQUARE EPICIER FIN, hình	349186	29/04/2020

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 129287/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00346
Ngày nộp: 29/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HEALTHCARE VIỆT NAM (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 20/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HEALTHCARE SCIENCE VIỆT NAM (VN)**

Số 288 ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HEALTHCARE VIỆT NAM (VN)**

Ấp Đông Thuận, xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	O 2 skinical PROFESSIONAL SKINCARE	462276	17/10/2023

Giá chuyển nhượng: 100.000 đ.

Quyết định số: 129288/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00355
Ngày nộp: 01/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G8 (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.
Ngày ký:	25/3/2024;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 2 trang bằng Tiếng Việt
Bên chuyển nhượng:	**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƯỜNG SÁNG (VN)** 5/6 đường TA 22, khu phố 2, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Bên được chuyển nhượng:	**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G8 (VN)** 45/11 đường Nhị Bình 4, ấp 1, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	G8 Coffee, hình	173908	19/10/2011

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 129289/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00384
Ngày nộp: 09/04/2024
Chủ đơn: GUANGZHOU AOGU BIOTECHNOLOGY CO., LTD. (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 15/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU MỸ PHẨM NAM MÊKÔNG (VN)**
53 đường số 24A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **GUANGZHOU AOGU BIOTECHNOLOGY CO., LTD. (CN)**
Room 103, Building B, M3 Creative Park, No. 2 Jiahe Jianpeng Road, Baiyun District, Guangzhou, Guangdong, China

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	adolph	287055	28/08/2017

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 129290/QĐ-SHTT.IP, ngày 07/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2025-00274
Ngày nộp: 03/03/2025
Chủ đơn: ĐÀO MẠNH TÀI (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 28/02/2025;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PHÚ HẢI (VN)**
Tầng 5, tòa nhà Eurowindow Multicomplex, 27 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **ĐÀO MẠNH TÀI (VN)**

Căn hộ 1428, Hh03a, tổ dân phố 5, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	HARUKO, hình	500336	22/07/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 132816/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 09/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00381
Ngày nộp: 05/04/2023
Chủ đơn: PHẠM DUY KHƯƠNG (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 24/3/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HẢI KHƯƠNG (VN)**

Số 60 Hàng Bạc, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **PHẠM DUY KHƯƠNG (VN)**

Số 32 phố Hàng Bạc, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Ngọc Charm, hình	382489	22/03/2021

Giá chuyển nhượng: 1.000.000 VND.

Quyết định số: 132817/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 09/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00781
Ngày nộp: 03/07/2023
Chủ đơn: LOFT IPCO LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 31/5/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **ANNCO , INC. (US)**

7 Times Square, New York, New York 10036, United States of America

Bên được chuyển nhượng: **LOFT IPCO LLC (US)**

933 MacArthur Boulevard, Mahwah, New Jersey 07430, United States of America

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MARISA	110469	06/10/2008
2	JULIE	116302	17/12/2008

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 132818/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 09/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01093
Ngày nộp: 12/09/2023
Chủ đơn: BROOKS SPORTS, INC. (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 05/6/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **NATIVE CANADA FOOTWEAR, LTD. (CA)**

5 West 6th Avenue, Vancouver, British Columbia V5Y 1K2 Canada

Bên được chuyển nhượng: **BROOKS SPORTS, INC. (US)**

3400 Stone Way North, 5th Floor, Seattle WA 98103, USA

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	BEAST FREE	329785	11/09/2019

Giá chuyển nhượng: 5000 USD.

Quyết định số: 132819/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 09/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01219
Ngày nộp: 02/10/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHẠM NGUYỄN HOÀNG (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu Giấy chứng nhận nhãn hiệu.

Ngày ký: 27/6/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH PHẠM NGUYỄN HOÀNG (VN)**

760A/13 Ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHẠM NGUYỄN HOÀNG (VN)**

36 An Phú Tây - Hưng Long Ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	P N H , hình	69785	24/01/2006

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 132821/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 09/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01442
Ngày nộp: 16/11/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MẮT VÀNG (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Ngày ký: 16/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ BÌNH MINH (VN)**

55 Nguyễn Ngọc Nhựt, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MẮT VÀNG (VN)**

118/48/6 Liên khu 5-6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	maxi home	265753	14/07/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 132822/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 09/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01618
Ngày nộp: 26/12/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH CYBERCORE VIỆT NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Sở hữu trí tuệ Hoàng Phi
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 01/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH TM DV CYBERCORE VIỆT NAM (VN)**

7/6/10F đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CYBERCORE VIỆT NAM (VN)**

21 Phan Kế Bính, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	CYBER CORE TECHNOLOGY, hình	262138	10/05/2016
2	CYBERCORE, hình	316783	28/03/2019
3	CYBER CORE GAMING, hình	316784	28/03/2019

Giá chuyển nhượng: 1.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 132823/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 09/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01623 Ngày nộp: 27/12/2023

Chủ đơn: DISCOVERY PURCHASER CORPORATION (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng xác nhận chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 04/10/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **BAYER S.A.S. (FR)**

16 Rue Jean-Marie Leclair, 69009 Lyon, France

Bên được chuyển nhượng: **DISCOVERY PURCHASER CORPORATION (US)**

Tower 49, 12 East 49th Street, New York, NY 10017, United States of America

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MAXFORCE	12833	04/08/1994
2	K-OTHRINE POLYZONE	345094	18/02/2020

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 132824/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 09/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00199
Ngày nộp: 26/02/2024
Chủ đơn: TTT HOLDING LIMITED (TH)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED (TH)**

No. 1011 Supalai Grand Tower, Floor 27, Rama 3 Road, Chongnonsi, Yannawa, Bangkok 10120, Thailand

Bên được chuyển nhượng: **TTT HOLDING LIMITED (TH)**

1011 Supalai Grand Tower, Floor 27, Rama 3 Road, Chongnonsi, Yannawa, Bangkok 10120, Thailand

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	[MONGKUT TALAY: vương miện biển], hình	282264	30/05/2017
2	MONGKUT TALAY, hình	282285	30/05/2017
3	[Mongkut talay, Mông cụt ta lê: vương miện biển; Gold: vàng, màu vàng], hình	285834	07/08/2017
4	MONGKUT TALAY GOLD, hình	398759	04/10/2021

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 133918/QĐ-SHTT.IP, ngày 10/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00835
Ngày nộp: 14/07/2023
Chủ đơn: NAMED S.R.L. (IT)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 06/4/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **OLIMED LIMITED (GB)**

Second Floor, 4-5 Gough Square, London, EC4A 3DE, United Kingdom

Bên được chuyển nhượng: **NAMED S.R.L. (IT)**

Via Lega Lombarda 33, 20855 Lesmo (MB), Italy

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	GLUTAREDOX	376673	19/01/2021

Giá chuyển nhượng: 10 EUR.

Quyết định số: 133919/QĐ-SHTT.IP, ngày 10/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00975
Ngày nộp: 16/08/2023
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN POONGCHIN VIỆT NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu giấy chứng nhận nhãn hiệu.

Ngày ký: 06/3/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH POONGCHIN VINA (VN)**

Thôn Trung Dương, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN POONGCHIN VIỆT NAM (VN)** Số 56, tổ dân cư số 3, phố Như Quỳnh, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	REMA -SOLID	245106	18/05/2015
2	REMA -AIR	245107	18/05/2015
3	REMA -MICRO	245108	18/05/2015
4	REMA -LITE	245183	18/05/2015
5	REMA -DUCK	245254	19/05/2015

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 133920/QĐ-SHTT.IP, ngày 10/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01492 Ngày nộp: 28/11/2023

Chủ đơn: D&A GROUP LIMITED (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng.
Ngày ký:	10/11/2023;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 1 trang bằng Tiếng Anh
Bên chuyển nhượng:	**D & A INDUSTRIES COMPANY LIMITED (CN)** Unit 1-2, Floor 5, China Shipbuilding Tower, 650 Cheung Sha Wan Road, Cheung Sha Wan, Kowloon, Hong Kong, China
Bên được chuyển nhượng:	**D&A GROUP LIMITED (CN)** RM 501-502, 5/F, China Shipbuilding Tower, 650 Cheung Sha Wan Road, Kowloon, Hong Kong, China

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	D&A, hình	246777	10/06/2015
2	D & A, hình	316840	28/03/2019
3	Edge Polymer	362804	11/09/2020
4	D&A, hình	435766	25/08/2022
5	BIO-Circul	440397	04/10/2022

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 133927/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 10/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2022-01191
Ngày nộp: 06/10/2022
Chủ đơn: SRS LIFE SCIENCES PTE. LIMITED (SG)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/5/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)**
601-605, 6th Floor, Marathon Max BLDG, No. 2, Mulund Goregaon Link Road, L.B.S Marg, Mulund (W), Mumbai - 400 080, India

Bên được chuyển nhượng: **SRS LIFE SCIENCES PTE. LIMITED (SG)**
71 Robinson Road, #14-01, Singapore (068895)

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	chewbiotics	215264	19/11/2013

Giá chuyển nhượng: Miễn phí .

Quyết định số: 133929/QĐ-SHTT.IP, ngày 10/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00102
Ngày nộp: 13/02/2023
Chủ đơn: SRS LIFE SCIENCES PTE. LIMITED (SG)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/12/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)**

601-605, 6th Floor, Marathon Max BLDC, No. 2, Mulund Goregaon Link Road, L.B.S Marg, Mulund (W), Mumbai - 400 080, India

Bên được chuyển nhượng: **SRS LIFE SCIENCES PTE. LIMITED (SG)**

71 Robinson Road, #14-01, Singapore (068895)

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Chewbi o tics, hình	277479	10/03/2017

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135194/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01434
Ngày nộp: 01/11/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN LUNE PRODUCTION (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 15/10/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ LÀNG PHỐ (VN)**

54-56 Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN LUNE PRODUCTION (VN)**
54-56 Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	A O à ố SHOW, hình	235988	25/11/2014

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135195/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01435
Ngày nộp: 01/11/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN LUNE PRODUCTION (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 15/10/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ LÀNG PHỐ (VN)**

54-56 Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN LUNE PRODUCTION (VN)**

54-56 Hoa Đào, phường 02, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	A O à ố SHOW, hình	235987	25/11/2014

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135196/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01444
Ngày nộp: 05/11/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH TMDV NGHỆ THUẬT TRẦN GIA (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Bản quyền quốc tế
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/9/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH TMDV NGHỆ THUẬT TRẦN GIA (VN)**
SAV.5 - 01.06, tầng 1, tháp 5, The Sun Avenue, 28 Mai Chí Thọ, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **TRẦN BÍCH THUYỀN (VN)**

101/35A19 Phạm Đình Hổ, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	THE BICYCLE Art Center, hình	497728	28/06/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135197/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01445
Ngày nộp: 05/11/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU MỚI HST (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH NACILAW
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/10/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THANH LỌC JKA (VN)**
Tầng 4, số 207 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU MỚI HST (VN)**

Thôn Lịm Xuyên, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	JK hg, hình	500171	18/07/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135198/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01505
Ngày nộp: 19/11/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XTHOMES VIỆT NAM (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 26/6/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÙNG LAN (VN)**
Khu 6, thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XTHOMES VIỆT NAM (VN)**
Quốc lộ 32-cụm 2, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	SHINKO, hình	457227	24/07/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135199/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00964
Ngày nộp: 02/08/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT ENIC (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 02/8/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **THÙNG THỊ PHƯƠNG NHI (VN)**

Thôn Tân Đức, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT ENIC (VN)**

Tầng 5, tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Enic	490713	08/05/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135200/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2025-00226 Ngày nộp: 24/02/2025

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT ENIC (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 21/02/2025;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **THÙNG THỊ PHƯƠNG NHI (VN)**

Thôn Tân Đức, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT ENIC (VN)**

Tầng 5, tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Enic	512122	07/11/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135201/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01306
Ngày nộp: 04/10/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GHI (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.
Ngày ký:	28/9/2024;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 2 trang bằng Tiếng Việt
Bên chuyển nhượng:	**NGUYỄN CÔNG VŨ (VN)** 44/80H KP3, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
Bên được chuyển nhượng:	**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GHI (VN)** 124 Phan Xích Long, phường 02, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Galbi house Nhà Hàng Thịt Nước Than Hoa, hình	400436	25/10/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135203/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01316
Ngày nộp: 07/10/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GHI (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và SHCN Song Ngọc
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 01/10/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH GOLDEN HOUSE F & B (VN)**

124-126 Phan Xích Long, phường 02, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GHI (VN)**

124 Phan Xích Long, phường 02, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	XINWAH BUFFET Hấp & Lẩu [zhenglong yan], hình	491065	13/05/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135204/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01334
Ngày nộp: 14/10/2024
Chủ đơn: NGUYỄN MINH HOÀNG (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/10/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI QUỐC HOÀNG (VN)**

Số 1246 A Lê Văn Lương - ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN MINH HOÀNG (VN)**

Số 1246A, ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	CEMHARD, hình	358645	05/08/2020

Giá chuyển nhượng: 100.000đ (một trăm ngàn đồng).

Quyết định số: 135205/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01344
Ngày nộp: 15/10/2024
Chủ đơn: PHẠM QUỐC VIỆT (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và SHCN Song Ngọc
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 09/10/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ VỆ SINH BẢO KHANG (VN)**

270 Lý Thường Kiệt (ki-ốt 6-7), Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **PHẠM QUỐC VIỆT (VN)**

276 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	DICAPRIO	245643	25/05/2015

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135206/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00719
Ngày nộp: 13/06/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH FRANOMA (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH ASL LAW
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 15/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 7 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NGÔ THỊ MAI (VN)**

Căn hộ 1801, đơn nguyên 2, tòa T1, chung cư Thăng Long Victory, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH FRANOMA (VN)**

224 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	FRANOMA	455401	22/06/2023

Giá chuyển nhượng: 50.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 135207/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2025-00078
Ngày nộp: 16/01/2025
Chủ đơn: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty cổ phần Tư vấn Enco
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 02/01/2025;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH AURAMARK (VN)**

Số 36 Nguyễn Khang, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI (VN)**

Số 77, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	SHB	455875	28/06/2023

Giá chuyển nhượng: 230.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 135210/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00924
Ngày nộp: 04/08/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH MAY EVERICH FASHION (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu trí tuệ Việt Mỹ
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đông thỏa thuận chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 17/7/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THỜI TRANG HOÀNH PHÁT (VN)**

47/7B Khu phố 2, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MAY EVERICH FASHION (VN)**

47/7B Đường Trung Mỹ Tây, Khu phố 2, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	EVERICH FASHION	104158	01/07/2008

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135211/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01151
Ngày nộp: 20/09/2023
Chủ đơn: RUNDING INTERNATIONAL CO., LTD. (TW)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 01/7/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **SHIH-MING CHEN (TW)**

13F., No. 130-1, Wuquan W. 4th St., West Dist., Taichung City, Taiwan

Bên được chuyển nhượng: **RUNDING INTERNATIONAL CO., LTD. (TW)**

No. 113, Xinxing St., Yuanlin City, Changhua County 510001, Taiwan

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Ding Wang [Ding: ấm, bình, lọ; Wang: vua, quốc vương, họ]	204072	17/04/2013

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 135213/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01530
Ngày nộp: 07/12/2023
Chủ đơn: HỘ KINH DOANH TRỊNH THANH HÒA (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 23/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH TRỊNH THANH HÒA (VN)**

50/1 đường Bình Tây, Phường 1, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH IKOTO (VN)**

27/27 Văn Thân, Phường 08, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	IKOTO, hình	334842	28/10/2019

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135214/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01550
Ngày nộp: 12/12/2023
Chủ đơn: CHANG, CHENG -TSUNG (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH NACILAW
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/7/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN THƯƠNG MẠI FUCHEN (VN)**

Số 129, đường số 23, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CHANG, CHENG -TSUNG (CN)**

No.260, See. 2 Du'ao Rd., Yongjing Township, Changhua County 512, Taiwan

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	[yue nan shang wu tong: Việt Nam thương vụ thông], hình	367302	20/10/2020

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 135215/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01639
Ngày nộp: 29/12/2023
Chủ đơn: NGUYỄN CHÍ TRỌNG NGHĨA (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 25/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN CHÍ TRỌNG NGHĨA (VN)**

Số 284 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI CHÚNG VIỆT (VN)**

Số 16 ngõ 50 Đặng Thai Mai, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	VD Đức Việt Sản phẩm dành cho cuộc sống www.DucVietPro.vn, hình	253666	28/10/2015

Giá chuyển nhượng: 7.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 135216/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00175
Ngày nộp: 19/02/2024
Chủ đơn: ABBVIE MANUFACTURING MANAGEMENT UNLIMITED COMPANY (IE)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 01/12/2020;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **ABBVIE IRELAND UNLIMITED COMPANY (BM)** 2 Church Street, Hamilton HM 11 Bermuda

Bên được chuyển nhượng: **ABBVIE MANUFACTURING MANAGEMENT UNLIMITED COMPANY (IE)**

70 Sir John Rogerson's Quay, Dublin 2, Ireland

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	VENCLEXTA	309102	26/11/2018

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 135271/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01356
Ngày nộp: 16/10/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN LAVICHEM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH SHTT Hải Hân
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Ngày ký: 09/10/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ LAVITEC (VN)**

Lô 8-CN18, khu công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN LAVICHEM (VN)**

Lô CN9.2, đường R01, khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, xã Hướng Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MELAB DIAGNOSTICS bring solution for labs, hình	333770	18/10/2019

Giá chuyển nhượng: 5.500.000 VNĐ.

Quyết định số: 136214/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01481
Ngày nộp: 27/11/2023
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN GOLF TOÀN CẦU (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ ANLIS VIỆT NAM
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 13/10/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SUNVIET (VN)**

Số 236, đường Nguyễn Văn Năng, tổ dân phố số 22, Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GOLF TOÀN CẦU (VN)**

Số 31-BT5, khu đô thị Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	NORESSY, hình	347478	16/03/2020

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 136216/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00232
Ngày nộp: 05/03/2024
Chủ đơn: NGUYỄN NGỌC THAO (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU.

Ngày ký: 05/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH CÂY ĐÈN DẦU (VN)**

21 Vạn Kiếp, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN NGỌC THAO (VN)**

148/15 Vũ Tùng, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	OLEOLAMPO	463099	23/10/2023

Giá chuyển nhượng: 2.000.000 đồng.

Quyết định số: 136217/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00241
Ngày nộp: 06/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SAKURA (VN)**

Số 90B Bùi Thị Xuân, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE (VN)**

Số 60 phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	YAKINIKU	153087	19/10/2010

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 136218/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00242
Ngày nộp: 06/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ HOA ANH ĐÀO (VN)**
Số 46, Miếu Thờ, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE (VN)**
Số 60 phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	IZAKAYA CHANTO Nhà hàng Nhật Bản [chanto jiu izakaya], hình	409947	21/01/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 136220/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00243
Ngày nộp: 06/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK STAR HOME VINA (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 26/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN EURO HOME (VN)**
Số 3 Hoàng Hoa Thám, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK STAR HOME VINA (VN)**

Số nhà 70, tổ 20, khu 8, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	V VASARY CERAMIC & PORCELAIN TILES, hình	450303	10/04/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 136221/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00261
Ngày nộp: 11/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THỢ SĂN CÀ PHÊ (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đòng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 07/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THỢ SĂN CÀ PHÊ (VN)**

786 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH COFFEE WAY (VN)**

73A Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	C W X, hình	304838	17/08/2018

Giá chuyển nhượng: Không đồng.

Quyết định số: 136223/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00273
Ngày nộp: 14/03/2024
Chủ đơn: NGUYỄN MẠNH CƯỜNG (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 10/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CỬA HÀNG BÁNH MỨT KẸO DÂN TỘC NINH HƯƠNG (VN)**

Số 22 phố Hàng Điếu, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN MẠNH CƯỜNG (VN)**

Số 22 phố Hàng Điếu, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Ninh Hương Bánh Mứt Kẹo Dân Tộc 22 Hàng Điếu Hà Nội - Việt Nam, hình	159020	03/03/2011
2	Ninh Hương Đượm mãi Hà Nội xưa, hình	193683	15/10/2012

Giá chuyển nhượng: 1.000 VNĐ.

Quyết định số: 136225/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00313
Ngày nộp: 22/03/2024
Chủ đơn: NGUYỄN HỒNG TUYẾT LINH (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ A&Z
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 12/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ HỒNG THÀNH (VN)**

170/21 Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN HỒNG TUYẾT LINH (VN)**

654/17 Lê Đức Thọ, Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Phúc lộc sơn hà Quà tặng sức khỏe, hình	449777	05/04/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 136261/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00554 Ngày nộp: 16/05/2023

Chủ đơn: HỘ KINH DOANH THƯ TOÀN (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 15/5/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH TRẦN CHÍ PHONG (VN)**

27/23/47 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây ở: 27/23/28 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bên được chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH THƯ TOÀN (VN)**

42/5 Trần Đại Nghĩa, khu phố 6, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	KHUNG LONG BAY, hình	360629	20/08/2020

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 136263/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00606
Ngày nộp: 25/05/2023
Chủ đơn: HỘ KINH DOANH VŨ TIẾN HOÀNG (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 04/3/2025;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH VŨ TIẾN HOÀNG (VN)**

Số 1462, quốc lộ 14, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

(Trước đây ở: Số 1462, quốc lộ 14, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước)

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MẬT ONG SÔNG BÉ (VN)**

Số 1462, quốc lộ 14, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Mật Ong Sông Bé SONGBE HONEY Chắt Lọc Từ Thiên Nhiên, hình	412706	28/02/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 136264/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01014
Ngày nộp: 22/08/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DAKI (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP.

Ngày ký: 15/8/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIẾN THÀNH ĐẠT (VN)**

105/3a Quang Trung, ấp Trung Chánh 1, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DAKI (VN)**

48/4G Trần Thị Bốc, ấp Thới Tứ 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	DAKI, hình	349849	08/05/2020
2	Sanjiplus, hình	433904	11/08/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 136267/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01619
Ngày nộp: 26/12/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẮC HƯƠNG (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SẮC NGỌC KHANG (VN)**

Q20 đường 2B, khu phố 7, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẮC HƯƠNG (VN)**

41 đường số 6, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	S-TYLE	252021	29/09/2015

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 136269/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01627
Ngày nộp: 27/12/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH BLUEPEACH (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 02/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **ĐÀO HẢI THANH (VN)**

Nhà số 30 phố Tây Sơn, phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH BLUEPEACH (VN)**

Số 20 Tây Sơn, phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	BLUE PEACH Accessories /Jewellery	350084	11/05/2020

Giá chuyển nhượng: 1.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 136271/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00290
Ngày nộp: 19/03/2024
Chủ đơn: DDP SPECIALTY ELECTRONIC MATERIALS US 8, LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 03/01/2021;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **ROHM AND HAAS COMPANY (US)**

100 Independence Mall West, Philadelphia, Pennsylvania 19106-2399, United States of America

Bên được chuyển nhượng: **DDP SPECIALTY ELECTRONIC MATERIALS US 8, LLC (US)**

974 Centre Rd, Wilmington, DE, 19805, USA

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	ROZONE	27944	13/08/1998
2	SILVADUR	228943	29/07/2014

Giá chuyển nhượng: 1 USD (Một Đô la Mỹ).

Quyết định số: 136272/QĐ-SHTT.IP, ngày 11/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00291
Ngày nộp: 19/03/2024
Chủ đơn: DDP SPECIALTY ELECTRONIC MATERIALS US 8, LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/11/2018;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **ROHM AND HAAS COMPANY (US)**

100 Independence Mall West, Philadelphia, PA 19106-2399, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **DDP SPECIALTY ELECTRONIC MATERIALS US 8, LLC (US)**

974 Centre Rd, Wilmington, DE, 19805, USA

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	ROCIMA	39345	20/12/2001

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 140357/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00807
Ngày nộp: 07/07/2023
Chủ đơn: OPTOMA TECHNOLOGY CORPORATION (TW)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trà và cộng sự
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 01/01/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **OPTOMA TECHNOLOGY CORPORATION (TW)**

12F., No. 213, Sec. 3, Beixin Rd., Xindian Dist., New Taipei City 23143, Taiwan

Bên được chuyển nhượng: **OPTOMA CORPORATION (TW)**

12F., No. 213, Sec. 3, Beixin Rd., Xindian Dist., New Taipei City 23143, Taiwan

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Optoma, hình	120445	26/02/2009

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 140358/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01507
Ngày nộp: 04/12/2023
Chủ đơn: EMPOWER BRANDS, LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 15/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **SPECTRUM BRANDS, INC. (US)**

3001 Deming Way, Middleton, Wisconsin 53562, United States of America

Bên được chuyển nhượng: **EMPOWER BRANDS, LLC (US)**

3001 Deming Way, Middleton, Wisconsin 53562, United States of America

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	REMINGTON	11875	20/05/1994

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 140359/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01629
Ngày nộp: 27/12/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH VÀNG CỬU LONG (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 26/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH KINH DOANH VÀNG TÂN CỬU LONG (VN)**

L1-27 Vincom Center, 70-72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH VÀNG CỬU LONG (VN)** Tầng hầm 1 (B1), Vincom Center, 70-72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	CUU LONG JEWELRY LOVE & LUCK	275710	09/02/2017

Giá chuyển nhượng: 3.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 140360/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00030
Ngày nộp: 09/01/2024
Chủ đơn: DƯ XUÂN TRƯỜNG (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 09/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THỊNH PHÁT (VN)**

410/4 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **DƯ XUÂN TRƯỜNG (VN)**

Tiền chế 15, cư xá Phú Lâm A, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	UNITECH R, hình	30639	03/04/1999

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140361/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00599
Ngày nộp: 22/05/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH RAU QUẢ VIỆT NHẬT (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 19/5/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH RAU QUẢ VIỆT NHẬT (VN)**

Bản Búa, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

Bên được chuyển nhượng: **NAHANA SHOJIRO (JP)**

4118-59 Kakioka, Ishioka, Ibaraki, Japan

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hình	453306	11/05/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140365/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01114 Ngày nộp: 15/09/2023

Chủ đơn: LÊ THU HIỀN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH MASTERBRAND

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 14/9/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Việt.

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN HỒNG QUÂN (VN)**

Thôn Phú Thành, xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

Bên được chuyển nhượng: **LÊ THU HIỀN (VN)**

Toà V1, The Terra An Hưng, KĐTM An Hưng, phường La Khê, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Armostflex	404157	22/11/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140367/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01115 Ngày nộp: 15/09/2023

Chủ đơn: TANGSHAN IMEX INDUSTRIAL CO., LTD. (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ GREENIP

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 20/7/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh/Việt

Bên chuyển nhượng: **QIN MING (CN)**

The Culture Creation Industrial Park, South Of Yuegezhuang Road, West Of Tangbai Road, Lunan District, Tangshan City, Hebei, China

Bên được chuyển nhượng: **TANGSHAN IMEX INDUSTRIAL CO., LTD. (CN)**

One Building, West to Rd. Haiqiang & North to Rd. Gangmin, Haigang Development Zone, Tangshan 063000, China

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Elimen,	410457	27/01/2022

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 140368/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01135
Ngày nộp: 19/09/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH BIA HÀ NỘI XỨ NGHỆ (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phượng Hoàng
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 23/8/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG (VN)**

Phòng 106, khu D, ngõ 57 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH BIA HÀ NỘI XỨ NGHỆ (VN)**

Số 14, ngõ 205, phố Định Công Thượng, tổ 9, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	BONECO	431085	21/07/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140378/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01424
Ngày nộp: 15/11/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AN VƯƠNG-THE SNAP (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH MINH KHUÊ
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 06/10/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AN VƯƠNG-THE SNAP (VN)**

32 Trần Ngọc Diện, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BANYAN TREE CAFE (VN)**

32 Trần Ngọc Diện, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hẻm Thái [Sxy thiy rim thàng: Hẻm Thái], hình	461321	06/10/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140382/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00176 Ngày nộp: 19/02/2024

Chủ đơn: SHENZHEN TETE BRAND MANAGEMENT CO., LTD. (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 18/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Anh/Việt

Bên chuyển nhượng: **SHENZHEN ADORE PRECISION PLASTIC MOLD CO., LTD. (CN)**

3/F, Building No. 4, KSMEI T-Park, No. 194 Chongqing Road, Heping Village, Fuyong Town, Bao'an District, Shenzhen City, Guangdong Province, China

Bên được chuyển nhượng: **SHENZHEN TETE BRAND MANAGEMENT CO., LTD. (CN)**

Rm 9C, 9/F, Beiyou Tech Bldg, No. 42, High-tech South Ring Rd, Yuehai St, Nanshan, Shenzhen, China

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	X-it, hình	354867	29/06/2020

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 140385/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00314 Ngày nộp: 22/03/2024

Chủ đơn: NGUYỄN HỒNG TUYẾT LINH (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ A&Z

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 12/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ HỒNG THÀNH (VN)**

170/21 Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN HỒNG TUYẾT LINH (VN)**

654/17 Lê Đức Thọ, Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hồng Tuyết Linh BIRD'S NEST PREMIUM, hình	443961	03/11/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140389/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00344
Ngày nộp: 29/03/2024
Chủ đơn: NGUYỄN ĐƯỜNG TÀI (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.
Ngày ký:	28/3/2024;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 3 trang bằng Tiếng Việt
Bên chuyển nhượng:	**HOÀNG VIỆT HÀ (VN)** Số 29T7, tập thể Sư đoàn 361, tổ 31, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bên được chuyển nhượng:	**NGUYỄN ĐƯỜNG TÀI (VN)** Thôn Tư Can, xã Châu Can, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hoàng Dương Trà, hình	376032	13/01/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140392/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00785
Ngày nộp: 28/06/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MINH ĐỨC THỊNH PHÁT (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH tư vấn THB
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.
Ngày ký:	15/4/2024;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 3 trang bằng Tiếng Việt
Bên được chuyển nhượng:	**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MINH ĐỨC THỊNH PHÁT (VN)** Thôn Phạm Xá, xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	DIAMOND WALL	466463	15/11/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140393/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00266
Ngày nộp: 12/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU DU LỊCH BẮC MỸ AN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH VIETTHINK
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 26/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ LONG (VN)**
Lầu 8, PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU DU LỊCH BẮC MỸ AN (VN)**
103-105 Võ Nguyên Giáp, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	VSENSES	462697	19/10/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140395/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00486
Ngày nộp: 26/04/2024

Chủ đơn: VŨ VĂN KIẾM (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 18/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 6 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **VŨ VĂN KIẾM (VN)**

Xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAIBIFOOD VIỆT NAM (VN)**
Số nhà 1A/1, ngõ 305, đường Nguyễn Trãi, tổ 6, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	KOVAMARA, hình	473103	13/12/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140396/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01466
Ngày nộp: 08/11/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH KA & SAN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 04/11/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SK & SON (VN)**
43/14/54 Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH KA & SAN (VN)**

Tầng 12, tòa nhà Golden King số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	DOG X-66, hình	14310	19/11/1994

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140397/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01554
Ngày nộp: 27/11/2024
Chủ đơn: ASICS CORPORATION (JP)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm Và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 19/6/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **METASUPER LIMITED (CN)**

FLAT/RM B 5/F GAYLORD COMMERCIAL BUILDING 114-118 LOCKHART ROAD HK, Hong Kong (Post code: 999077)

Bên được chuyển nhượng: **ASICS CORPORATION (JP)**

7-1-1, Minatojima-Nakamachi, Chuo-ku, Kobe-shi, Hyogo 650-8555, Japan

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	METASPEED	494635	05/06/2024

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 140398/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01595
Ngày nộp: 04/12/2024
Chủ đơn: PHẠM ĐÌNH NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ WEFLY

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 26/11/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **TẠ VĂN TRUNG (VN)**

Thôn Trung Hưng, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Bên được chuyển nhượng: **PHẠM ĐÌNH NAM (VN)**

602 - CT7J khu đô thị Dương Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	M ELIMAZ, hình	312788	07/01/2019

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140399/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01604
Ngày nộp: 06/12/2024
Chủ đơn: HỘ KINH DOANH PET LOVE (VN)
Đại diện của chủ đơn: VĂN PHÒNG LUẬT SƯ D VÀ T
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng thỏa thuận chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 06/12/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH CỬA HÀNG THUỐC THÚ Y MAI (VN)**
85/3B, khu phố 1, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH PET LOVE (VN)**

85/3B Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 21, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Pet Love, hình	363233	14/09/2020

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140400/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01616
Ngày nộp: 10/12/2024
Chủ đơn: HUỲNH TRÍ NHƠN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Khang Luật
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 02/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NHƠN HUỲNH (VN)**

số 710, Tổ 21, KP Hương Phước, phường Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Bên được chuyển nhượng: **HUỲNH TRÍ NHƠN (VN)**

KP Hương Phước, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tinh Đồng Nai

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	ANER	425242	09/06/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 140401/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01655
Ngày nộp: 13/12/2024
Chủ đơn: NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH ASL LAW

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 05/12/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH TPT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ (VN)**
Số 7, phố Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG (VN)**

Phòng 411 - nhà A4 tập thể Đại học Luật, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hươngchubby Event & Catering, hình	461767	11/10/2023

Giá chuyển nhượng: 1.000 VNĐ.

Quyết định số: 140402/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01695
Ngày nộp: 20/12/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN TALAD THAI HOLDING (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU NHÃN HIỆU.

Ngày ký: 19/12/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THAI MARKET (VN)**

Số 17, Lê Hồng Phong, Phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TALAD THAI HOLDING (VN)**
K4/3 Trần Quốc Toản, phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	SOITG, hình	369964	12/11/2020

Giá chuyển nhượng: 71.000.000 VND.

Quyết định số: 140404/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01725
Ngày nộp: 25/12/2024
Chủ đơn: UNIQUE SHIELD SDN BHD (MY)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Quốc tế D&N
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 09/12/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **DIAMOND QUEST LIMITED (VG)**

OMC Chambers, P.O.Box 3152, Road Town, Tortola, British Virgin Islands

Bên được chuyển nhượng: **UNIQUE SHIELD SDN BHD (MY)**

No. 68-3A, Jalan Pasar, 41400 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Lava	177381	21/12/2011

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 140405/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01755
Ngày nộp: 30/12/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN NATURE HOSPITALITY (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ GREENIP

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 14/10/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **MAI QUANG HƯNG (VN)**

Số 2B, ngõ 219/43, phố Định Công Thượng, tổ 5, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN NATURE HOSPITALITY (VN)**
Số 62, phố Khúc Thừa Dụ, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hình	504112	23/08/2024

Giá chuyển nhượng: 10.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 141089/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00801 Ngày nộp: 06/07/2023

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BRASLER VIỆT NAM (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền liên quan.

Ngày ký: 01/7/2020;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VỆ SINH LEHMANN VIỆT NAM (VN)**

66/455/53, đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BRASLER VIỆT NAM (VN)**

Lô 06-7, khu công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	LEHMANN	221218	11/03/2014

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 141090/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01013
Ngày nộp: 21/08/2023

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PCCC PHÚC YÊN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH NACILAW

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 18/7/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY THÀNH SƠN (VN)**

Khu phố 1, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PCCC PHÚC YÊN (VN)**

Số nhà 195, đường Hai Bà Trưng, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	SRI [Chengshan: Thành Sơn], hình	247226	22/06/2015

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 141091/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01449
Ngày nộp: 17/11/2023
Chủ đơn: NGUYỄN TRUNG KIÊN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INNETCO-Hoàng Phúc
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 13/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN VĂN ĐỨC (VN)**

106 đường Yên Phụ, phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN TRUNG KIÊN (VN)**

7 Hàng Gai, phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	G Giảng Café SINCE 1946 Tam vị, nhị mùi, hình	256827	18/01/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 141092/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00264
Ngày nộp: 11/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH BẢO TÍN MINH CHÂU (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH NACILAW
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/01/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 6 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỠNG DƯỢC BẢO SINH (VN)**
Số 32, ngõ 12, đường Đặng Thai Mai, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH BẢO TÍN MINH CHÂU (VN)**

Số 29 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Xoài, hình	405141	30/11/2021
2	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Dưa Hấu, hình	405956	09/12/2021
3	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Sữa Siêu Dưỡng, hình	414130	14/03/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 141093/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00251
Ngày nộp: 08/03/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH BẢO TÍN MINH CHÂU (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH NACILAW

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/01/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 6 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỠNG DƯỢC BẢO SINH (VN)**
Số 32, ngõ 12, đường Đặng Thai Mai, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH BẢO TÍN MINH CHÂU (VN)**

Số 29 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Táo, hình	405371	02/12/2021
2	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Lê, hình	405372	02/12/2021
3	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Quýt, hình	405373	02/12/2021
4	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Cam, hình	405374	02/12/2021
5	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Đào, hình	405375	02/12/2021
6	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Kiwi, hình	405376	02/12/2021
7	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Chanh Dây, hình	405377	02/12/2021
8	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Dâu, hình	405378	02/12/2021
9	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Sầu Riêng, hình	405379	02/12/2021
10	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu ổi, hình	405384	03/12/2021
11	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Vải, hình	405385	03/12/2021
12	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Việt Quất, hình	405386	03/12/2021
13	Rong biển sấy ăn liền Bảo Sinh Giòn sật Bổ dưỡng, hình	405388	03/12/2021
14	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Dưa Lưới, hình	405506	06/12/2021
15	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Dừa, hình	405507	06/12/2021
16	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Nho, hình	405508	06/12/2021
17	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Mãng Cầu, hình	405509	06/12/2021

18	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Bưởi, hình	405510	06/12/2021
19	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng Nước Siêu Bơ, hình	405520	06/12/2021
20	Thực Phẩm Dưỡng Sinh Sức Khỏe Quý Hơn Vàng, hình	428674	05/07/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 141094/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01025
Ngày nộp: 16/08/2024
Chủ đơn: NGÔ QUỐC TUẤN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/7/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM FARMSEA (VN)**

Số 11, đường số 52, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **NGÔ QUỐC TUẤN (VN)**

2A2 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	V-SHRIMP, hình	382496	22/03/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 141095/QĐ-SHTT.IP, ngày 17/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01644
Ngày nộp: 12/12/2024
Chủ đơn: JD CORP CO., LTD. (KR)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 22/11/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **DONGWON METAL CO., LTD. (KR)**

693-8, Kojan-dong, Namdong-gu, Incheon-city, 425-020, Republic of Korea

Bên được chuyển nhượng: **JD CORP CO., LTD. (KR)**

30-41 Jangjincheon-gil, Ilsandong-gu, Goyang-si, Gyeonggi-do 10257, Republic of Korea

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Chef Win	277522	14/03/2017

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 141373/QĐ-SHTT.IP, ngày 18/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00118
Ngày nộp: 31/01/2024
Chủ đơn: YAHOO ASSETS LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/10/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **YAHOO ASSETS LLC (US)**

11955 Democracy Drive, 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Bên được chuyển nhượng: **VMI AGGREGATION LLC (US)**

11955 Democracy Dr., 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hình	132008	19/08/2009

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 141374/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 18/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00119
Ngày nộp: 31/01/2024
Chủ đơn: YAHOO INC. (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/10/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **VMI AGGREGATION LLC (US)**

11955 Democracy Dr., 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Bên được chuyển nhượng: **YAHOO INC. (US)**

11955 Democracy Drive, 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hình	132008	19/08/2009

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 141375/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 18/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00120
Ngày nộp: 31/01/2024
Chủ đơn: YAHOO IP HOLDINGS LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/10/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **YAHOO IP HOLDINGS LLC (US)**

11955 Democracy Drive, 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Bên được chuyển nhượng: **YAHOO AGGREGATION HOLDINGS LLC (US)**

11955 Democracy Dr., 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	AIM	222422	07/04/2014

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 141376/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 18/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00121
Ngày nộp: 31/01/2024
Chủ đơn: YAHOO AGGREGATION HOLDINGS LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/10/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **YAHOO AGGREGATION HOLDINGS LLC (US)**

11955 Democracy Drive, 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Bên được chuyển nhượng: **COLLEGE III HOLDINGS, LLC (US)**

11955 Democracy Dr., 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	AIM	222422	07/04/2014

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 141377/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 18/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00122
Ngày nộp: 31/01/2024
Chủ đơn: COLLEGE III HOLDINGS, LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/10/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **COLLEGE III HOLDINGS, LLC (US)**

11955 Democracy Drive, 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Bên được chuyển nhượng: **AP CORE HOLDINGS I, LLC (US)**

11955 Democracy Dr., 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	AIM	222422	07/04/2014

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 141378/QĐ-SHTT.IP, ngày 18/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00123
Ngày nộp: 31/01/2024
Chủ đơn: AP CORE HOLDINGS I, LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/10/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **AP CORE HOLDINGS I, LLC (US)**

11955 Democracy Drive, 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Bên được chuyển nhượng: **AP CORE HOLDINGS II, LLC (US)**

11955 Democracy Dr., 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	AIM	222422	07/04/2014

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 141379/QĐ-SHTT.IP, ngày 18/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00124
Ngày nộp: 31/01/2024
Chủ đơn: AP CORE HOLDINGS II, LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/10/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **AP CORE HOLDINGS II, LLC (US)**

11955 Democracy Drive, 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Bên được chuyển nhượng: **YAHOO INC. (US)**

11955 Democracy Dr., 14th Floor, Reston, VA 20190, United States

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	AIM	222422	07/04/2014

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 142637/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00079
Ngày nộp: 18/01/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BVN (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 18/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BVN (VN)**

87-89 Hồ Bá Kiện, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BUSINESS CONNECTIONS (VN)**
Tầng 7 khu B [7-1-2], toà nhà Kocham, lô A17B, đường NT8, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hội Ngộ Đỉnh Cao	412455	24/02/2022

Giá chuyển nhượng: 100.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 142638/QĐ-SHTT.IP, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00240
Ngày nộp: 06/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH VINA SACHI (VN)**

Số 5, ngõ 535 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE (VN)**
Số 60 phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	BAKERY PAN - YA, hình	387572	26/05/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 142639/QĐ-SHTT.IP, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00268
Ngày nộp: 13/03/2024
Chủ đơn: HỘ KINH DOANH GIA PHI (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHI KIỆT (VN)**

180/7 Lý Thánh Tông, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH GIA PHI (VN)**

E20/19B2 ấp 5, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	PUWAIP Siêu Nhẹ Siêu Bền, hình	461871	12/10/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 142640/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00269
Ngày nộp: 13/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DƯỢC QUỐC TẾ (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 12/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DƯỢC QUỐC TẾ (VN)**

Tầng 2, BT12, số nhà 8, khu đô thị An Hưng, phường La Khê, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC QUỐC TẾ LONG KHANG GROUP (VN)**

Tầng 2, B-TT11-3 khu nhà ở Him Lam Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	BOSSMIL	471880	06/12/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 142641/QĐ-SHTT.IP, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00277
Ngày nộp: 15/03/2024
Chủ đơn: VŨ THỊ PHƯƠNG LIÊN (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 12/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **VŨ THỊ PHƯƠNG LIÊN (VN)**

Số 05 Thi Sách, phường 06, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Bên được chuyển nhượng: **HỒ NGUYỄN MINH THƯ (VN)**

Thôn 4, xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Trà - Cà Phê Liên Hiệp LH, hình	134124	02/10/2009

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 142642/QĐ-SHTT.IP, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00278
Ngày nộp: 15/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN FUHACO VIỆT NAM (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN FUHACO VIỆT NAM (VN)**

Số 111 dãy 4, ngõ 98 Thái Hà, phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ HỢP SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FUHACO (VN)**

Lô N05 khu đô thị Mễ Trì, số 10 ngõ 8 Đại Lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	SUNLIFE OUR PRODUCTS YOUR WAYS, hình	467822	21/11/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 142643/QĐ-SHTT.IP, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00297
Ngày nộp: 20/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH MÊ LAN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Quản trị tài sản trí tuệ VIHABRAND
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **TRẦN VĂN THÔNG (VN)**

42/13/2 đường số 5, phường Bình Hưng Hòa A, quận Binh Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MÊ LAN (VN)**

99/3C ấp Tân Thới 2, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MELAN	430159	13/07/2022
2	melan.vn Phong lan - Cây cảnh - Vật tư, hình	430160	13/07/2022
3	e mêgarden, hình	455626	26/06/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 142644/QĐ-SHTT.IP, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00298
Ngày nộp: 20/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SX-TM NHỰA THỊNH PHÁT (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 06/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHỰA THỊNH PHÁT (VN)**

A8/21N ấp 1, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SX-TM NHỰA THỊNH PHÁT (VN)**

Lô 2A, đường 18, khu công nghiệp Tân Đức, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Sinh Phúc uPVC S, hình	260371	25/03/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 142645/QĐ-SHTT.IP, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00307
Ngày nộp: 22/03/2024
Chủ đơn: EXETER INVESTMENTS LIMITED (GI)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 07/02/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **SPIRITUAL & PERSONAL GROWTH TRUST (GI)**

Suite 1, 2nd Floor, International House, 16 Bell Lane, PO Box 872, Gibraltar

Bên được chuyển nhượng: **EXETER INVESTMENTS LIMITED (GI)**

3.02 World Trade Centre Gibraltar, Bayside Road, Gibraltar, GX11 1AA

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	7TH HEAVEN	226602	19/06/2014

Giá chuyển nhượng: 1 bảng Anh.

Quyết định số: 142647/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00419
Ngày nộp: 15/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TOÀN CẦU HASU (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH ASL LAW
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 04/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH GIANG (VN)**

Lô J3-1, khu công nghiệp Quế Võ mở rộng, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TOÀN CẦU HASU (VN)**
Lô J3-1, khu công nghiệp Quế Võ mở rộng, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hasumart Một niềm tin, ngàn giá trị, hình	409029	13/01/2022

Giá chuyển nhượng: 1.000 VNĐ (Một nghìn đồng).

Quyết định số: 142648/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 21/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01319
Ngày nộp: 08/10/2024
Chủ đơn: PHẠM HỒNG SƠN (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.
Ngày ký:	03/10/2024;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 5 trang bằng Tiếng Việt
Bên chuyển nhượng:	**PHẠM HỒNG SƠN (VN)** Số 107 ngõ 87 Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
Bên được chuyển nhượng:	**NGUYỄN MINH SANG (VN)** S5/30 Cư xá Phú Lâm A, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Sea star XD, hình	380697	04/03/2021

Giá chuyển nhượng: 5.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 145428/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 23/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00843
Ngày nộp: 17/07/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SX TM DV BHLĐ BÍCH ÁNH (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu trí tuệ Việt Mỹ
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng thỏa thuận chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu.
Ngày ký:	08/7/2023;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 2 trang bằng Tiếng Việt
Bên chuyển nhượng:	**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BÍCH ÁNH (VN)** 15 Phú Hòa, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SX TM DV BHLĐ BÍCH ÁNH (VN)**
15 Phú Hòa, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	BICHANH MTS Co., Ltd BA, hình	260819	05/04/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 145429/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 23/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00335
Ngày nộp: 27/03/2024
Chủ đơn: ALIBABA SINGAPORE HOLDING PRIVATE LIMITED (SG)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trà và cộng sự
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 25/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **ALIBABA.COM LIMITED (KY)**

Fourth Floor, One Capital Place, P.O. Box 847, Grand Cayman, Cayman Islands

Bên được chuyển nhượng: **ALIBABA SINGAPORE HOLDING PRIVATE LIMITED (SG)**

51 Bras Basah Road, #01-21 Lazada One, Singapore 189554

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Gold Supplier, hình	162424	22/04/2011
2	Gold Supplier, hình	177065	14/12/2011

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 146393/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00073
Ngày nộp: 17/01/2024
Chủ đơn: BEIJING YING TIAN KE DI INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS AGENCY CO., LTD. (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trà và cộng sự
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 04/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **YINGKE (BEIJING) GLOBAL HOLDING CO., LTD (CN)**
Room 5A05, 4th floor, Building 76, Middle East Fourth Ring road, Chaoyang District, Beijing, China

Bên được chuyển nhượng: **BEIJING YING TIAN KE DI INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS AGENCY CO., LTD. (CN)**
Room C502, Tower C, No. 76, East 4th Ring Middle Road, Chaoyang District, Beijing, China

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Hình	396594	26/08/2021

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 146420/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2022-00213
Ngày nộp: 07/03/2022
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH GOLDEN LINK VIỆT NAM (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 05/3/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH GOLDEN LINK VIỆT NAM (VN)**
Lầu 4-5 tòa nhà Golden Link, 132A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN NEWMAX (VN)**

Tầng 5 tòa nhà Golden Link, 132A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	DHD-LINK High Quality Cable, hình	247332	26/06/2015
2	MASTER CABLE, hình	265884	18/07/2016
3	Golden Link, hình	399251	11/10/2021
4	Fibermax	400852	28/10/2021
5	GOLDEN VISION, hình	402711	10/11/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146422/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01045 Ngày nộp: 30/08/2023

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH GOLDEN LINK VIỆT NAM (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 20/3/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH GOLDEN LINK VIỆT NAM (VN)**

Lầu 4-5 tòa nhà Golden Link, 132A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 08, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN NEWMAX (VN)**

Tầng 5 tòa nhà Golden Link, 132A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 08, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Golden Link, hình	186160	12/06/2012

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146424/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2022-01123
Ngày nộp: 26/09/2022
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH NHÀ HÀNG VIỆT PHỐ (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn A & S
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 27/4/2021;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NHÀ HÀNG VIỆT PHỐ (VN)**

49 Lê Quý Đôn, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NHÀ HÀNG VIỆT PHỐ (VN)**

506-508 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Việt Phố RESTAURANT, hình	294780	10/01/2018

Giá chuyển nhượng: 1.000 VNĐ.

Quyết định số: 146426/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00541
Ngày nộp: 11/05/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SUNSHINE COS (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 05/5/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SUNSHINE COS (VN)**

123/3 Lê Đình Thám, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **LƯU THỊ QUỲNH (VN)**

289/18 Nguyễn Thị Tú, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	giọt lành vẻ đẹp thuần chay, hình	447959	17/03/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146428/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00923
Ngày nộp: 04/08/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ANH NGỮ AMIGOS (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 04/8/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ANH NGỮ AMIGOS (VN)**

Số nhà 9, ngách 32, ngõ 245, tổ 18, phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ZELDA (VN)**

NV61, khu đô thị mới Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	ZELDA ENGLISH CENTER English - A visa to the world, hình	443310	27/10/2022

Giá chuyển nhượng: 10.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 146432/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01493
Ngày nộp: 28/11/2023
Chủ đơn: D&A GROUP LIMITED (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 10/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **ASIA STAR CHINA LIMITED (CN)**

FLAT/RM A2, BLK. A, 6/F TEXACO ROAD INDUSTRIAL CENTRE, 256 TEXACO ROAD, TSUEN WAN, NT., HONG KONG, CHINA

Bên được chuyển nhượng: **D&A GROUP LIMITED (CN)**

RM 501-502, 5/F, China Shipbuilding Tower, 650 Cheung Sha Wan Road, Kowloon, Hong Kong, China

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	LORENCE PRIMA, hình	356192	09/07/2020

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 146434/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01581
Ngày nộp: 18/12/2023
Chủ đơn: TRẦN XUÂN PHONG (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 05/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN WATCHSTORE VIỆT NAM (VN)**
Tầng 2-97 Trần Đại Nghĩa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **TRẦN XUÂN PHONG (VN)**

218 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	WS WATCHSTORE.VN, hình	446953	10/03/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146436/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01631
Ngày nộp: 27/12/2023
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI GIẤY (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 14/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH AQUANEX VIỆT NAM (VN)**

61/18/17 đường Trung Mỹ Tây 17, khu phố 17, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI GIẤY (VN)**

Số 76 Đường 13, khu nhà ở Vạn Phúc 1, phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	roto, hình	275481	07/02/2017

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146438/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00733
Ngày nộp: 17/06/2024
Chủ đơn: NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Toàn Cầu
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 24/5/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI FULL HOUSE (VN)**

Số 254 đường 1A, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH (VN)**

Số 210/7 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	FAIRY	326974	12/08/2019

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146440/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00993
Ngày nộp: 12/08/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ FUFF.3T (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp về nhãn hiệu.

Ngày ký: 29/7/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **BÙI THỊ XUÂN LÝ (VN)**

32 Thái Phiên, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ FUFF.3T (VN)**

202 Hoàng Diệu, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Ngọc Chi	288501	26/09/2017

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146584/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00805
Ngày nộp: 07/07/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH FORTIS (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Quản trị tài sản trí tuệ VIHABRAND
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 05/7/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH REDWOOD (VN)**

Số 288, đường Chu Văn An, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH FORTIS (VN)**

363/31 Bình Lợi, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	N7, hình	256982	18/01/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146585/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01476
Ngày nộp: 24/11/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI BEBU (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH ELITE
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 21/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt; Phụ lục gồm 2 trang bằng Tiếng Việt.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ TAD (VN)**

Số 54 Hàm Tử Quan, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI BEBU (VN)**

Số 255 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	BiBu, hình	301981	18/06/2018
2	BeBu, hình	313141	16/01/2019

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146586/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01604
Ngày nộp: 22/12/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ ĐỨC ANH (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.
Ngày ký:	22/12/2023;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 2 trang bằng Tiếng Việt
Bên chuyển nhượng:	**CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ ĐỨC ANH (VN)** 95/3 ấp 6, đường Nguyễn Văn Bứa, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
Bên được chuyển nhượng:	**VÕ THỊ THANH QUYÊN (VN)** 95/3 ấp 6, đường Nguyễn Văn Bứa, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Mật Ong Họ Hồ mật ong thật - giá trị thật, hình	377895	29/01/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146588/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01155
Ngày nộp: 20/09/2023
Chủ đơn: MAMEE-DOUBLE DECKER DISTRIBUTION (M) SDN BHD (MY)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH ADASTRA IP (VIỆT NAM)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.
Ngày ký:	31/10/2023;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 6 trang bằng Tiếng Anh
Bên chuyển nhượng:	**PACIFIC FOOD PRODUCTS SDN BHD (MY)** Lot 1, Ayer Keroh Industrial Area, 75450 Melaka, Malaysia

Bên được chuyển nhượng: **MAMEE-DOUBLE DECKER DISTRIBUTION (M) SDN BHD (MY)**

Lot 1, Air Keroh Industrial Estate, Ayer Keroh, Melaka 75450, Malaysia

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MAMEE MONSTER, hình	379732	23/02/2021

Giá chuyển nhượng: RM1.00.

Quyết định số: 146589/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01156
Ngày nộp: 20/09/2023
Chủ đơn: MAMEE-DOUBLE DECKER DISTRIBUTION (M) SDN BHD (MY)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH ADASTRA IP (VIỆT NAM)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 13/6/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 6 trang bằng Tiếng Anh/Việt

Bên chuyển nhượng: **KILANG MAKANAN MAMEE SDN. BHD. (MY)**

Lot 1, Air Keroh Industrial Estate, 75450 Melaka, Malaysia

Bên được chuyển nhượng: **MAMEE-DOUBLE DECKER DISTRIBUTION (M) SDN BHD (MY)**

Lot 1, Air Keroh Industrial Estate, Ayer Keroh, Melaka 75450, Malaysia

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MISTER POTATO , hình	52692	11/02/2004

Giá chuyển nhượng: RM 1.00.

Quyết định số: 146590/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00416
Ngày nộp: 15/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA QUỐC TẾ SÀI GÒN HÀ NỘI (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 08/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **VŨ TRƯỜNG GIANG (VN)**

Thôn 5, xã Phú Cát, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA QUỐC TẾ SÀI GÒN HÀ NỘI (VN)**
Cụm công nghiệp Quốc Oai, km 18 đường Láng - Hòa Lạc, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	VIETGOLD	428464	01/07/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146591/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00508
Ngày nộp: 03/05/2024
Chủ đơn: HỒNG THÚY DOANH (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH MASTERBRAND
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 20/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Việt.

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN KHẮC KHANG (VN)**

57/12 Lê Đức Thọ, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **HỒNG THÚY DOANH (VN)**

Số 267/3 Trần Phú, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	SUNSHINE S, hình	299016	03/05/2018

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 146592/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00509
Ngày nộp: 03/05/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH LÊ GIA LINH (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH ASL LAW
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 23/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẠI HOÀNG CÁT (VN)**

21 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH LÊ GIA LINH (VN)**

B15/324C ấp 2, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	HERA FINE JEWELRY AND DIAMONDS Be inspired by Diamonds, hình	333950	21/10/2019

Giá chuyển nhượng: 1.000 VNĐ.

Quyết định số: 146594/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00587 Ngày nộp: 21/05/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH MT TÍN NGHĨA (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu "S".
Ngày ký:	31/3/2024;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 5 trang bằng Tiếng Việt
Bên chuyển nhượng:	**NGUYỄN SƠN THÀNH (VN)** 21 C Nguyễn Trường Tộ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Bên được chuyển nhượng:	**CÔNG TY TNHH MT TÍN NGHĨA (VN)** Số 1 ngách 87/28 phố Yên Duyên, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	S, hình	148780	05/07/2010

Giá chuyển nhượng: 1.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 146603/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2025-00121 Ngày nộp: 23/01/2025

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH MBC24 (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/01/2025;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN CHT (VN)**

C1 Hoàng Quốc Việt, phường Phú Nhuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MBC24 (VN)**

199 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MOM CARE 24h, hình	288949	04/10/2017
2	MOM CARE, hình	289141	09/10/2017

Giá chuyển nhượng: 100.000 VNĐ.

Quyết định số: 150095/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00622
Ngày nộp: 24/05/2024
Chủ đơn: DFI INTERNATIONAL BRANDS LIMITED (BM)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 27/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 7 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **DAIRYFARM ESTABLISHMENT (LI)**

Wuhrstrasse 6, Postfach 461, LI-9490 Vaduz, Liechtenstein

Bên được chuyển nhượng: **DFI INTERNATIONAL BRANDS LIMITED (BM)** Jardine House, 33-35 Reid Street, Hamilton, Bermuda

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Wellcome Supermarket	14389	30/11/1994
2	WELLCOME, hình	19615	02/01/1996
3	GUARDIAN, hình	27077	29/05/1998
4	GUARDIAN, hình	27104	30/05/1998
5	GUARDIAN, hình	27624	15/07/1998
6	GUARDIAN, hình	31566	24/07/1999
7	GUARDIAN, hình	31567	24/07/1999
8	GUARDIAN , hình	57301	22/09/2004
9	COLD STORAGE THE FRESH FOOD PEOPLE, hình	79006	30/01/2007
10	COLD STORAGE THE FRESH FOOD PEOPLE, hình	79007	30/01/2007
11	COLD STORAGE THE FRESH FOOD PEOPLE , hình	79008	30/01/2007
12	COLD STORAGE THE FRESH FOOD PEOPLE , hình	79009	30/01/2007
13	COLD STORAGE THE FRESH FOOD PEOPLE , hình	79010	30/01/2007
14	COLD STORAGE THE FRESH FOOD PEOPLE, hình	79586	01/03/2007
15	COLD STORAGE THE FRESH FOOD PEOPLE, hình	79587	01/03/2007
16	MANNINGS, hình	79589	01/03/2007
17	MANNINGS, hình	79590	01/03/2007
18	MANNINGS, hình	79592	01/03/2007
19	MANNINGS, hình	80108	16/03/2007
20	MANNINGS, hình	80109	16/03/2007
21	WELLCOME, hình	80381	26/03/2007

22	COLD STORAGE THE FRESH FOOD PEOPLE, hình	80813	09/04/2007
23	GIANT , hình	87361	27/08/2007
24	WELLCOME, hình	91745	15/11/2007
25	WELLCOME, hình	91746	15/11/2007
26	WELLCOME , hình	91868	16/11/2007
27	WELLCOME, hình	92021	22/11/2007
28	WELLCOME, hình	92804	10/12/2007
29	guardian, hình	113582	12/11/2008
30	giant, hình	127224	15/06/2009
31	Vitapet [Wei: duy trì, duo: nhiều, bao: đồ quý giá] Vitapet [Wei: duy trì, duo: nhiều, bao: đồ quý giá], hình	243564	15/04/2015
32	guardian, hình	281885	23/05/2017
33	Botaneco Garden Botaneco Garden, hình	310000	04/12/2018
34	HappyMask HappyMask, hình	333657	18/10/2019
35	Nature's Heart	338301	28/11/2019
36	Nature's Heart	344545	12/02/2020
37	KUSABANA	354873	29/06/2020
38	derma365, hình	356673	15/07/2020
39	Nature's Heart	364371	24/09/2020
40	MAX SONIC MAX SONIC, hình	372782	08/12/2020
41	Nature's Heart	393571	21/07/2021
42	OLIVER'S	400706	26/10/2021
43	guardian	420898	05/05/2022
44	guardian, hình	422271	17/05/2022
45	Mi&co, hình	436183	29/08/2022
46	Beauty Days ONLY AT GUARDIAN, hình	464346	31/10/2023

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 150096/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2025-00260
Ngày nộp: 27/02/2025
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ F.A.B (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu "F.CLUP, HÌNH".

Ngày ký: 22/9/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI QUANG HƯNG (VN)**

Số 96C Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ F.A.B (VN)**
Số 3 ngõ 43 đường Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	F.CLUB, hình	349048	27/04/2020

Giá chuyển nhượng: 1.000.000 vnđ.

Quyết định số: 150097/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01485
Ngày nộp: 27/11/2023
Chủ đơn: OVERSTOCK.COM, INC. (US)
Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 12/9/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **BWAO LLC (US)**

650, Liberty Avenue, Union, New Jersey 07083, United States of America

Bên được chuyển nhượng: **OVERSTOCK.COM, INC. (US**

799 Coliseum Way Midvale Utah 84047, United States of America

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	WAMSUTTA	29093	19/12/1998

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 150104/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01192
Ngày nộp: 26/09/2023
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LEVITRUE VIỆT NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 25/9/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **LÊ VIỆT TƯ (VN)**

Thôn Anh Trỗi, xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LEVITRUE VIỆT NAM (VN)**
Số nhà 27, ngách 17/25 ngõ 322 đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	levitrue, hình	445074	21/02/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 150105/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01540
Ngày nộp: 11/12/2023
Chủ đơn: TỐNG THỊ THU HỒNG (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KINGROSE (VN)**
Đội 3, thôn Đồng Nanh, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **TỐNG THỊ THU HỒNG (VN)**
Xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	TH, hình	358267	04/08/2020

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 150106/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01575
Ngày nộp: 15/12/2023
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BẾN TRE (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 23/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BẾN TRE (VN)**
Lô K, CCN-TTCN Phong Nẫm, xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

Bên được chuyển nhượng: **GLOBAL MIND AGRICULTURE PTE. LTD. (SG)**
60 Paya Lebar Road, #10-52, Paya Lebar Square, SINGAPORE (409051)

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	GLOBAL MIND, hình	340684	24/12/2019

Giá chuyển nhượng: 1 USD (Một đô la Mỹ).

Quyết định số: 150108/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-00636
Ngày nộp: 30/05/2023
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI NHẬT QUANG (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH NACILAW
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 05/11/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH BÙI GIA DL (VN)**

702A, tầng 7, toà nhà Centre Point, 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 08, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI NHẬT QUANG (VN)**

54/11 Trương Đăng Quế, phường 1, quận Gò vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Dyna-Bond CTY Đại Hưng Thuận, hình	330491	18/09/2019

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 150109/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01035
Ngày nộp: 19/08/2024

Chủ đơn: NGUYỄN THỊ THUÝ (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 16/8/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN NEDEVI (VN)**

Thôn Vực, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN THỊ THUÝ (VN)**

Thôn Vực, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	LENIS Chạm Mịn Vuốt Êm, hình	395909	17/08/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 150110/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00492 Ngày nộp: 02/05/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÀ TÂM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH AGL

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 23/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH THU HÀ (VN)**

232 Lê Lợi, khóm 2, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÀ TÂM (VN)** Số 232, Lê Lợi, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Yến Việt Trà Vinh Sản Phẩm Quý Giá Từ Thiên Nhiên ĐC 232 Lê Lợi, Phường 1, TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh - ĐT 0968 48 58 58, hình	471657	05/12/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 150111/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00512
Ngày nộp: 04/05/2024
Chủ đơn: ALBAUGH ASIA PACIFIC LIMITED (CN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AMBYS HÀ NỘI
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 02/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **ROTAM AGROCHEM INTERNATIONAL COMPANY LIMITED (CN)**

7/F., Cheung Tat Centre, 18 Cheung Lee Street, Chai Wan, Hong Kong

Bên được chuyển nhượng: **ALBAUGH ASIA PACIFIC LIMITED (CN)** Unit 6, 26/F, Trend Centre, 29 Cheung Lee Street, Chai Wan, Hong Kong

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MAIBENZ	236132	26/11/2014

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 150112/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00652
Ngày nộp: 30/05/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH DEMAN (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu V2JOY.

Ngày ký: 20/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH STD QUỐC TẾ (VN)**

Tầng 6, tòa nhà CIC Tower, số 2 ngõ 219 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DEMAN (VN)**

B-TT07-09, khu nhà ở Ngân Hà Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	V2joy	477239	16/01/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 150113/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00661
Ngày nộp: 31/05/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU COFFEE & TEA VIỆT NAM (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 28/5/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN NGỌC AN (VN)**

B3702, chung cư Intracom Riverside, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU COFFEE & TEA VIỆT NAM (VN)**

Số 145 đường Võ Chí Công, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Coffee Tea VIETNAM, hình	480412	22/02/2024

Giá chuyển nhượng: 500.000 VNĐ.

Quyết định số: 150114/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01016
Ngày nộp: 16/08/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XANH TÂN ĐẠI PHÁT (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 05/8/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XANH TÂN ĐẠI PHÁT (VN)**

Số 82 C14 khu tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CHU THỊ HỒNG ĐIỆP (VN)**

Số 69 ngõ 310 đường Nghi Tàm, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	JUKIO	389449	15/06/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 150116/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2025-00037
Ngày nộp: 09/01/2025
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH HEALTHCARE MINH ĐẠT (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 23/11/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TUSCANY (VN)**

767 Lũy Bán Bích, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH HEALTHCARE MINH ĐẠT (VN)**
157 đường số 16, khu phố 2, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Effemed	474793	25/12/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 150117/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2025-00058
Ngày nộp: 13/01/2025
Chủ đơn: BEIJING ZHONGAO DUYA BILLIARDS SPORTS CO., LTD (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Investpro và Cộng sự
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 20/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **QINHUANGDAO QIAOSHI BILLIARDS SPORTS PROMOTION CO., LTD (CN)**

South Heiting Village (West of Yansai Lake Road), Shihe Town, Shanhaiguan District, Qinhuangdao, Hebei Province, China

Bên được chuyển nhượng: **BEIJING ZHONGAO DUYA BILLIARDS SPORTS CO., LTD (CN)**

No. 2217,1st Floor, Building 1, Yard 2, Yongcheng North Road, Haidian District, Beijing, China

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	BING, hình	463472	24/10/2023

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 150119/QĐ-SHTT.IP, ngày 25/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00796
Ngày nộp: 01/07/2024
Chủ đơn: VÕ TẤN PHONG (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 18/6/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KINH DOANH VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ VÕ THÀNH PHỤC (VN)**

198 tỉnh lộ 15, ấp Chợ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **VÕ TẤN PHONG (VN)**

198 tỉnh lộ 15, ấp Chợ, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	VTP, hình	264285	16/06/2016
2	VTPHUC	264296	16/06/2016
3	VTP	265001	01/07/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 151896/QĐ-SHTT.IP, ngày 29/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2022-00696
Ngày nộp: 20/06/2022
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG BÓNG ĐÁ VIỆT NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH SOLIS
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 06/6/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG BÓNG ĐÁ VIỆT NAM (VN)**

191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG BÓNG ĐÁ VIỆT NAM (VN)**

Thôn Sở Đông, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	PVF, hình	216494	13/12/2013
2	PVF	216495	13/12/2013

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 157719/QĐ-SHTT.IP, ngày 30/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2022-01424
Ngày nộp: 24/11/2022
Chủ đơn: ĐẶNG MINH TRÍ (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu giấy chứng nhận nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/11/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BAN MAI (VN)**

5/19 Tô Hiệu, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **ĐẶNG MINH TRÍ (VN)**

5/19 Tô Hiệu, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	COMP A, hình	236689	04/12/2014

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 158838/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01596
Ngày nộp: 22/12/2023
Chủ đơn: PWC PRODUCT SALES LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Quốc tế D &N
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 21/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **PRICEWATERHOUSE COOPERS LLP (US)**

300 Madison Avenue, New York, New York 10017, United States of America

Bên được chuyển nhượng: **PWC PRODUCT SALES LLC (US)**

300 Madison Avenue, New York, New York 10017, United States of America

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	EMERGING TRENDS IN REAL ESTATE	114620	25/11/2008

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 158839/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00422
Ngày nộp: 15/04/2024
Chủ đơn: LÊ ĐẠI DƯƠNG (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Mặt trời mới
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng thỏa thuận chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CHUNG THÀNH NGHĨA (VN)**

22 đường Mậu Thân, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bên được chuyển nhượng: **LÊ ĐẠI DƯƠNG (VN)**

9/120 đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Nước mắm Cá cơm Phú Hoà	88989	19/09/2007

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 158842/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01232
Ngày nộp: 23/09/2024
Chủ đơn: RICH INTERNATIONAL HOLDING L.L.C. (BZ)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 23/9/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh/Việt

Bên chuyển nhượng: **BLOOMY INTERNATIONAL L.L.C. (US)**

15 East North Street, Dover, Delaware 19901, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **RICH INTERNATIONAL HOLDING L.L.C. (BZ)**
60 Market Square, Belize City, Belize

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	TK, hình	17036	15/06/1995
2	TK-TUNG KUANG, hình	20445	18/04/1996
3	TK-TUNG KUANG, hình	20446	18/04/1996
4	TK-TUNG KUANG, hình	20447	18/04/1996

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 158843/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01475
Ngày nộp: 11/11/2024
Chủ đơn: MEDERIS SDN BHD (457962-X) (MY)
Đại diện của chủ đơn: Công ty cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 30/10/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **MEDERIS (CN)**

Suites 1601-1603, Kinwick Centre, 32 Hollywood Road, Central, HongKong, Hong Kong SAR, China

Bên được chuyển nhượng: **MEDERIS SDN BHD (457962-X) (MY)**

29-15, Q Sentral, 2A, Jalan Stesen Sentral 2, Kuala Lumpur Sentral, 50470 Kuala Lumpur

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	NEUROGAIN	71460	19/04/2006

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 158987/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00063
Ngày nộp: 15/01/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MYHAA TOÀN CẦU (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Thỏa thuận chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 29/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN FULINK VIỆT NAM (VN)**
Số 96, ngõ 192, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MYHAA TOÀN CẦU (VN)**
Số 12, ngõ 477/28 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	LOZID	258835	01/03/2016
2	ANTUNES	268296	13/09/2016
3	VALIDROC	270645	28/10/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 158988/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00212
Ngày nộp: 29/02/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI PHAN GIANG (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/01/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI PHAN GIANG (VN)**
Đội 1, thôn Đào Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂN HỮU PHÁT (VN)**

Thôn Chí Trung, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	SJC	442340	20/10/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 158989/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00263 Ngày nộp: 11/03/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH DE HEUS (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH AGL

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 21/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ (VN)**

Lô A4, đường số 4, KCN Sông Mây, xã Bac Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DE HEUS (VN)**

Lô A4 khu công nghiệp Hòa Phú, ấp Phước Hòa, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	BIOSELEN 34567	332606	10/10/2019

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 158990/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00302 Ngày nộp: 21/03/2024

Chủ đơn: ALIBABA SINGAPORE HOLDING PRIVATE LIMITED (SG)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trà và cộng sự

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 25/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **ALIBABA GROUP HOLDING LIMITED (KY)**

Fourth Floor, One Capital Place, P. O. Box 847, George Town, Grand Cayman, Cayman Islands

Bên được chuyển nhượng: **ALIBABA SINGAPORE HOLDING PRIVATE LIMITED (SG)**

51 Bras Basah Road, #01-21 Lazada One, Singapore 189554

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Onsite Check, hình	239363	26/01/2015
2	EWTP	423920	30/05/2022
3	Hình	436276	29/08/2022

Giá chuyển nhượng: 10 USD.

Quyết định số: 158991/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00322
Ngày nộp: 26/03/2024
Chủ đơn: TRẦN VĨNH NHƠN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần PHANLAW VIETNAM
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 12/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **TRẦN VĨNH NHƠN (VN)**

49/11D Hoài Thanh, phường 14, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **TRÌNH THANH ĐA (VN)**

33 Trần Phú, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	e eleven, hình	396092	18/08/2021

Giá chuyển nhượng: 25,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi năm triệu đồng).

Quyết định số: 158992/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00351
Ngày nộp: 29/03/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TRỌNG ĐIỂM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Ngày ký: 26/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ANA MARINA NHA TRANG (VN)**
Đường Nguyễn Cơ Thạch, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TRỌNG ĐIỂM (VN)**

Số 15, ngách 4, ngõ 47, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	AMYC, hình	472534	11/12/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 158993/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00442
Ngày nộp: 19/04/2024
Chủ đơn: UCS CABLING SYSTEMS (SHANGHAI) CO., LTD. (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ BIG5
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 19/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **UCS BUSINESS TECHNOLOGY GROUP CO., LIMITED (CN)**

RM 19C, LOCKHART CTR 301-307, LOCKHART RD., WANCHAI, HONG KONG

Bên được chuyển nhượng: **UCS CABLING SYSTEMS (SHANGHAI) CO., LTD. (CN)**

1F, No. 29, Lane 5, Caolong Road, Songjiang District, Shanghai, China

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	U,Hình	417993	12/04/2022

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 158994/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-01261
Ngày nộp: 26/09/2024
Chủ đơn: NGUYỄN QUỐC THOẠI (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY LUẬT TNHH PASA PARTNERS
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 12/9/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU PHẠM KHANG (VN)**

269/20/2 Vĩnh Viễn, Phường 05, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN QUỐC THOẠI (VN)**

184/30/23 Lý Chính Thắng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	KINGSTONE, hình	404096	22/11/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159004/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00317
Ngày nộp: 25/03/2024
Chủ đơn: UPJOHN US 2 LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 18/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **PHARMACIA & UPJOHN COMPANY LLC (US)**

7000 Portage Road, Kalamazoo, Michigan 49001, USA

Bên được chuyển nhượng: **UPJOHN US 2 LLC (US)**

235 East 42nd Street, New York, N.Y. 10017 USA

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	XAL-EASE	49583	20/06/2003

Giá chuyển nhượng: 10 USD (Mười Đô la Mỹ).

Quyết định số: 159005/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00320 Ngày nộp: 25/03/2024

Chủ đơn: DER ABAKUS SDN. BHD. (MY)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 10/10/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH WISE CORRIDOR VIỆT NAM (VN)**

Tầng 11 tòa nhà Agrex Tower, 58 Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **DER ABAKUS SDN. BHD. (MY)**

A-1-12, Blok A, 162 Residency Km12, Jalan Ipoh-Rawang, 68100 Batu Caves, Selangor, Malaysia

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	V V LIVE INTERNATIONAL, hình	420144	27/04/2022
2	V V LIVE INTERNATIONAL, hình	420145	27/04/2022
3	V V LIVE INTERNATIONAL Tinh hoa thiên nhiên, sức khỏe vững bền, hình	466839	16/11/2023
4	V V LIVE INTERNATIONAL Tinh hoa thiên nhiên, sức khỏe vững bền, hình	466840	16/11/2023

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 159006/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00327
Ngày nộp: 27/03/2024
Chủ đơn: PHẠM PHƯƠNG ANH (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 27/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SEAM (VN)**

Phòng 102, nhà A2, TT Công ty Xây lắp Điện 1, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **PHẠM PHƯƠNG ANH (VN)**

145 Lý Thái Tổ, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	YOUONE	480628	23/02/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159007/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00337
Ngày nộp: 28/03/2024
Chủ đơn: NGÔ THỊ LIÊN (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 26/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT BTV (VN)**

Tầng 4 - tòa nhà Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **NGÔ THỊ LIÊN (VN)**

Thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	SQ-GNSS	389469	15/06/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159008/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00338
Ngày nộp: 28/03/2024
Chủ đơn: NGUYỄN HƯƠNG HÀ (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Luật AMS
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 27/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **ĐOÀN THỊ HẠNH (VN)**

Thôn Mai Thượng 2, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN HƯƠNG HÀ (VN)**

Tổ 2, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	DELIA BEAUTY CENTER, hình	466417	15/11/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159009/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00339
Ngày nộp: 28/03/2024
Chủ đơn: LÊ VĂN DŨNG (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Luật AMS
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 27/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **TRƯƠNG VĂN TIỆP (VN)**

Nhà số 1 ngách 298/77/30/21 đường Ngọc Hồi, thôn Yên Ngưu, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **LÊ VĂN DŨNG (VN)**

Thôn Quang Trung, xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	GOLDMAX Timeless Quality	430950	19/07/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159010/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00387
Ngày nộp: 10/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH TRƯƠNG GIA THỊNH (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 22/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH TRƯƠNG GIA THỊNH (VN)**

672/4 Lê Văn Khương, phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GOLD STAR 90 (VN)**

Khu đô thị Quang Giáp, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	VLOG	427080	21/06/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159011/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00388 Ngày nộp: 10/04/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH TRƯƠNG GIA THỊNH (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 22/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH TRƯƠNG GIA THỊNH (VN)**

672/4 Lê Văn Khương, phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH LAM NGUYỄN COSMETICS (VN)** 49/6A đường TA35, phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	KIKOMI	471403	05/12/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159023/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00363
Ngày nộp: 02/04/2024
Chủ đơn: PHÙNG THỊ TUỆ MINH (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH VIETTHINK
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 20/4/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **PHÙNG THỊ TUỆ MINH (VN)**

7-Q2B TT Trương Định, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **NGÔ THỊ THU THỦY (VN)**

Chung cư Belleza - D23 Phạm Hữu Lầu, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Chùa Đông Định DONG DINH Temple DONG DINH TEMPLE [Vạn], hình	383683	06/04/2021

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159024/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00373
Ngày nộp: 05/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH DƯƠNG PT (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH LEADCONSULT
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 30/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CỬA HOÀNG PHƯƠNG (VN)**

Khu Liên Phương, phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH DƯƠNG PT (VN)**

Tổ 64, khu đô thị Minh Phương, phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	PALUWIN	453958	05/06/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159025/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00392
Ngày nộp: 10/04/2024
Chủ đơn: PT. ISMAYA DJAJA (ID)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 10/8/2022;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **BLOOM INC (KY)**

Walkers Corporate Limited, Cayman Corporate Centre, 27 Hospital Road, George Town, Grand Cayman KY1-9008, Cayman Islands

Bên được chuyển nhượng: **PT. ISMAYA DJAJA (ID)**

Gandaria 8 Office Tower Level 29 Unit A & D, Jl. Sultan Iskandar Muda, Kebayoran Lama Utara, Kebayoran Lama, Jakarta Selatan, Indonesia

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	social house, hình	174967	07/11/2011

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159026/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00451
Ngày nộp: 22/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN MINIPUM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Mặt trời mới
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 26/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN MART24H (VN)**

Số 17 ngõ 26 đường 19/5, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN MINIPUM (VN)**

Tầng 2, tòa nhà Sapphire Palace, số 4 phố Chính Kinh, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	mini pum, hình	475981	05/01/2024

Giá chuyển nhượng: 1 VNĐ.

Quyết định số: 159027/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00453
Ngày nộp: 22/04/2024
Chủ đơn: SAFCOL HOLDINGS (HONG KONG) LIMITED (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 20/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **TROPICAL CONSOLIDATED CORPORATION SDN. BHD. (MY)**

3RD Floor, Kompleks Seri Mertajam, 1765 Jalan Ciku, 14000 Bukit Mertajam, Penang, Malaysia

Bên được chuyển nhượng: **SAFCOL HOLDINGS (HONG KONG) LIMITED (CN)**

Room 2206, 22ND Floor, Billion Plaza, 8 Cheung Yue Street, Cheung Sha Wan, Kowloon, Hong Kong

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	KUCINTA, hình	299605	15/05/2018

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 159028/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00462
Ngày nộp: 24/04/2024
Chủ đơn: NGUYỄN THU TRANG (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN THẾ THÀNH (VN)**

Số 35 phố Hàng Dầu, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **NGUYỄN THU TRANG (VN)**

100 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MunCi	257977	17/02/2016

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159030/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00483
Ngày nộp: 26/04/2024
Chủ đơn: KIM, YOUNG WOO (KR)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **CHOE, HAN KEUN (KR)**

103-1101, 201, Seoun-ro, Seocho-gu, Seoul, 06608, Republic of Korea

Bên được chuyển nhượng: **KIM, YOUNG WOO (KR)**

602-1002, 290-13 Gimpohangang 3-ro, Gimpo-si, Gyeonggi-do, 10084, Republilc of Korea

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	OH! OH!, hình	479895	19/02/2024

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 159031/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00485
Ngày nộp: 26/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA CHUYÊN NGHIỆP VIỆT NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu.

Ngày ký: 04/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM DƯƠNG (VN)**

R4-93 Hưng Gia 2, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA CHUYÊN NGHIỆP VIỆT NAM (VN)**

17/5 Tân Thuận Tây, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	VPMILK Khớp sụn lifecare, hình	348901	27/04/2020
2	VPMILK Tiểu đường lifecare, hình	349907	11/05/2020

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159051/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01376
Ngày nộp: 08/11/2023
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC MIGHTY VIỆT NAM (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 08/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **NGUYỄN HỒNG LĨNH (VN)**

Căn hộ 109 nhà B4, tập thể Đồng Xa, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC MIGHTY VIỆT NAM (VN)**
BT15, số 52 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	MIGHTY MATH, hình	457793	02/08/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159052/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2023-01506
Ngày nộp: 04/12/2023
Chủ đơn: HỘI NÔNG DÂN XÃ BÌNH THẮNG (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Việt Nam IP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 03/02/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **HỘI THUỶ SẢN TỈNH BẾN TRE (VN)**
87 đường 30/4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bên được chuyển nhượng: **HỘI NÔNG DÂN XÃ BÌNH THẮNG (VN)**
Ấp 2, xã Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Bình Thắng Cá Khô, hình	210948	26/08/2013

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159053/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00535
Ngày nộp: 10/05/2024
Chủ đơn: VŨ VĂN TUẤN (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 05/5/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LỢI AN (VN)**

Số 704/46C đường Hương lộ 2, khu phố 4, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **VŨ VĂN TUẤN (VN)**

251 đường số 5, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	NATAS , hình	55534	08/07/2004
2	NOVIP , hình	78350	10/01/2007
3	TYEJUN	239626	30/01/2015

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159054/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00630
Ngày nộp: 28/05/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN THÂN THIỆT VIỆT NAM (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 1 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÂN THIỆT VIỆT NAM (VN)**

Số 16, ngõ 102, tổ 15, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU KLK VIỆT NAM (VN)**

Thôn Hạ, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Oneway	304850	20/08/2018

Giá chuyển nhượng: 3.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 159055/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00746
Ngày nộp: 18/06/2024
Chủ đơn: HỘ KINH DOANH MINH HƯNG (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 06/6/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **TRẦN THANH SỬ (VN)**

Số 49/5, tổ 14, khóm Vĩnh Phú, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

Bên được chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH MINH HƯNG (VN)**

Số 375, đường Trần Hưng Đạo, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Minh Hưng MHP [ming xing dai] Cơ Sở Kinh Doanh Bao Bì PP Sản Phẩm Chất Lượng Cao [bao bì Minh Hưng], hình	225744	06/06/2014

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159056/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00766
Ngày nộp: 25/06/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH HAPPY COOK (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 20/6/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH HAPPY WORLD (VN)**

Số D13-2, đường D5, KCN Long Bình, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH HAPPY COOK (VN)**

Số 10, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Chessi CLEAN WATER PURIFIER, hình	97362	11/03/2008

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159752/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00169
Ngày nộp: 16/02/2024
Chủ đơn: SHENZHEN SKE TECHNOLOGY CO., LTD. (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 28/12/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh

Bên chuyển nhượng: **SHENZHEN HEER TECHNOLOGY CO., LTD (CN)**

Rm107, Unit A, No.1 Chuangye Bldg., 43 Yanshan Rd., Zhaoshang St., Nanshan, Shenzhen, China 518000

Bên được chuyển nhượng: **SHENZHEN SKE TECHNOLOGY CO., LTD. (CN)**

Building 3, Antuoshan High-tech Industrial Park, Shaer Community, Shajing Street, Baoan District, Shenzhen City, Guangdong Province, China 518000

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	INVC	461702	11/10/2023

Giá chuyển nhượng: 1 USD (Một đô la Mỹ).

Quyết định số: 159753/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00360
Ngày nộp: 02/04/2024
Chủ đơn: DƯƠNG THỊ THANH DUNG (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH bản quyền Quốc tế
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 26/02/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **DƯƠNG THỊ THANH DUNG (VN)**

30/11D đường Phước Tường, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA HOÀNG VIỆT (VN)**

114 Dã Tượng, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	HVNEST, hình	462366	17/10/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159754/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00377
Ngày nộp: 09/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH AORI VIỆT NAM (VN)

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 30/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **TRẦN HOÀI TRUNG (VN)**

Thôn Bố Liêu, xã Triệu Hòa, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH AORI VIỆT NAM (VN)**

364/1A Phan Văn Trị, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	AORI SKIN SECRET OF NATURE, hình	468044	22/11/2023

Giá chuyển nhượng: 100.000 VNĐ.

Quyết định số: 159755/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00410
Ngày nộp: 12/04/2024
Chủ đơn: CSA COSMIC CO., LTD. (KR)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Hải Hân
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 25/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh; Phụ lục gồm 1 trang bằng Tiếng Anh.

Bên chuyển nhượng: **CHO SUNG AH (KR)**

#101, 155 UN village 3-gil, Yongsan-gu, Seoul, Korea

Bên được chuyển nhượng: **CSA COSMIC CO., LTD. (KR)**

20, Hakdong-ro 30-gil, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	SUPER VEGITOKS	401602	02/11/2021

Giá chuyển nhượng: 1.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 159756/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00427
Ngày nộp: 16/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH KACHIVI (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH KACHIVI (VN)**
Số 13 LK551 Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HUY DƯƠNG (VN)**
Tổ dân phố Quang Minh, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	H D HUY DUONG GROUP Giá Trị Tích Lũy Niềm Tin, hình	447112	13/03/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159757/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00428
Ngày nộp: 16/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH H'MONG VILLAGE (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Nghiên cứu và Đầu tư S&D

Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 28/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CƠ GIỚI 1 (VN)**

Số nhà 86 đường Nguyễn Du, tổ 16 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH H'MONG VILLAGE (VN)**

Khu Tráng Kìm, xã Đông Hà, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	H'Mong VILLAGE, hình	442718	24/10/2022

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159758/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00429
Ngày nộp: 16/04/2024
Chủ đơn: HỘ KINH DOANH THỜI TRANG PHƯƠNG NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY MẶC PHƯƠNG NAM (VN)**

29K, đường 32C, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH THỜI TRANG PHƯƠNG NAM (VN)**

29K, đường 32C, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	P N, hình	99857	18/04/2008

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159759/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00447
Ngày nộp: 19/04/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÁI THÀNH FOODS (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH KHANG LUẬT
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 29/3/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **HỒ VĂN THẮNG (VN)**
Thôn Thanh Đoài, xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÁI THÀNH FOODS (VN)**
Số 22D/22 đường Bình Chuẩn 34, khu phố Bình Phước A, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Thái Thành Food Đậu Phộng Tỏi ớt, hình	456538	10/07/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159760/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00448
Ngày nộp: 22/04/2024
Chủ đơn: VŨ MỸ TÂM TRANG (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần PHANLAW VIETNAM
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/4/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **TRẦN VĨNH NHƠN (VN)**

49/11D đường Hoài Thanh, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **VŨ MỸ TÂM TRANG (VN)**

215B1, tổ 26 Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	HAYARI Khẳng định đẳng cấp mở lối thành công H, hình	346584	05/03/2020

Giá chuyển nhượng: 100.000 VNĐ.

Quyết định số: 159844/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00802
Ngày nộp: 02/07/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SWEETIE BAKERY VIỆT NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH NACILAW
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 03/6/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐIỆN TỬ TMT (VN)**

NR: Đỗ Đức Quân, thôn Xuân Đồng, phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SWEETIE BAKERY VIỆT NAM (VN)**
SH19 toà Lotus Central, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Breathing bread, hình	480658	23/02/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159845/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00831
Ngày nộp: 09/07/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH ECO STAY CÁT BÀ (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 15/11/2023;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH GHẸ XANH (VN)**
Tổ 11, khu 2 (tại nhà ông Vũ Văn Hùng), thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ECO STAY CÁT BÀ (VN)**
Số 06 đường Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Blue Swimmer Sailing Adventures, hình	117263	05/01/2009

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159846/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00833
Ngày nộp: 09/07/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM LUMAL (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH SMARTLAW
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 08/7/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 2 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VINAWINDOW (VN)**

Số 2, tổ 5, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM LUMAL (VN)**

Số 46, đường Trần Đăng Ninh, tổ 3, phường Phú La, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	L LUMAL, hình	494069	31/05/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159847/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00843
Ngày nộp: 11/07/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VIKOBIG (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ TAGA
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 01/7/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GAIA (VN)**

B13 đường Tân Thuận Nam 1, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VIKOBIG (VN)**

Số 6 ngõ 18 phố Phan Đình Giót, phường La Khê, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	useemi	406541	16/12/2021

Giá chuyển nhượng: 100.000 VNĐ.

Quyết định số: 159848/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00853
Ngày nộp: 12/07/2024
Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DFG HOLDINGS (VN)
Đại diện của chủ đơn: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ ANLIS VIỆT NAM
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/7/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **VŨ TIẾN DŨNG (VN)**

Số 30, ngõ 137, đường Hồ Đắc Di, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DFG HOLDINGS (VN)**
Tầng 1 tòa nhà CT1 -102 dự án USilk City khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	KALE FARM, hình	491526	15/05/2024

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159849/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00862
Ngày nộp: 16/07/2024
Chủ đơn: GUANG DONG SAN YUAN ZHI NENG KE JI YOU XIAN GONG SI (CN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng.
Ngày ký:	08/7/2024;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 2 trang bằng Tiếng Anh
Bên chuyển nhượng:	**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VIET NAM SAN YUAN MOTOLED (VN)** 157 đường 26, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
Bên được chuyển nhượng:	**GUANG DONG SAN YUAN ZHI NENG KE JI YOU XIAN GONG SI (CN)** FO SHAN SHI, NAN HAI QU, LI SHUI ZHEN, CHI SHAN FU XI LU, 77 HAO, CHINA

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	TD, hình	405677	07/12/2021

Giá chuyển nhượng: 1 USD.

Quyết định số: 159850/QĐ-SHTT.IP, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00923
Ngày nộp: 29/07/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH NP REPERTOIRE (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.
Ngày ký:	24/7/2024;
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 2 trang bằng Tiếng Việt
Bên chuyển nhượng:	**PHAN THỊ MAI NHUNG (VN)** 291B Hoàng Văn Thụ, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NP REPERTOIRE (VN)**

165 - 167 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Nhung Phan BROWS & LASHES, hình	373956	21/12/2020

Giá chuyển nhượng: Miễn phí..

Quyết định số: 159851/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00932
Ngày nộp: 30/07/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THIÊN GIA PHÚ KHANG (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 30/7/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THIÊN PHÚ KHANG (VN)**

312 Nguyễn Thị Lắng, ấp Cây Da, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THIÊN GIA PHÚ KHANG (VN)**
38 Đường Lê Thị Ngà, ấp 3, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Quê Hương	445232	22/02/2023

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Quyết định số: 159852/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 31/07/2025 về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp
Số Đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: CB4-2024-00933
Ngày nộp: 30/07/2024
Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THIÊN GIA PHÚ KHANG (VN)
Nội dung ghi nhận:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 30/7/2024;

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THIÊN PHÚ KHANG (VN)**
312 Nguyễn Thị Lắng, ấp Cây Da, Xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THIÊN GIA PHÚ KHANG (VN)**
38 Đường Lê Thị Ngà, Ấp 3, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Thanh Bình Màng Phủ Nông Nghiệp, hình	165431	10/06/2011

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

2. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

a - Ghi nhận chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Quyết định số: 126972/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00150

Ngày nộp đơn: 13/12/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NỘI THẤT BẢO LÂM (VN)

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4388/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/12/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt

Dạng hợp đồng: Độc quyền.

Bên chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH BẢO LÂM (VN)**

13 phố Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NỘI THẤT BẢO LÂM (VN)**

Số 265 đường Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 77123, cấp ngày 20/11/2006.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Bảo Lâm, hình	77123	20/11/2006	17/11/2034

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 17/11/2034.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126993/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2025-00043

Ngày nộp đơn: 02/4/2025

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH MANFIELD COATINGS VIỆT NAM (VN)

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4389/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 18/3/2025.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Anh/Việt

Dạng hợp đồng: Độc quyền.

Bên chuyển quyền: **MANFIELD COATINGS COMPANY LIMITED (CN)**
Block L, 9/F, On Wall Industrial Building, 41-43 Au Pui Wan Street, Fo Tan Shatin, Hong Kong

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH MANFIELD COATINGS VIỆT NAM (VN)**
Lô CN10, cụm Công nghiệp Gia Phú, xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 416756, cấp ngày 01/04/2022.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MANFIELD, hình	416756	01/04/2022	23/04/2030

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 23/4/2030.

Giá chuyển quyền: 5% doanh thu.

Quyết định số: 126980/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00119

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4395/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.
Ngày ký: 16/7/2024.
Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.
Dạng hợp đồng: Không độc quyền.
Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**
226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Bên nhận chuyển quyền: **VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ- VINACOMIN (VN)**
Số 03 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 151763, cấp ngày 09/09/2010.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VINACOMIN	151763	09/09/2010	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.
Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.
Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126983/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00120
Ngày nộp đơn: 01/10/2024
Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự
Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.
Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4396/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.
Ngày ký: 10/6/2024.
Số trang và ngôn ngữ: gồm 11 trang bằng tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.
Dạng hợp đồng: Không độc quyền.
Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**

226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN (VN)**

Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 151763, cấp ngày 09/09/2010.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VINACOMIN	151763	09/09/2010	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: 0,3% trên tổng doanh thu của bên nhận chuyển giao quyết toán cho năm liền kề trước đó.

Quyết định số: 126979/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00118

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4394/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/6/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**

226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN (VN)**

Số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 151763, cấp ngày 09/09/2010.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VINACOMIN	151763	09/09/2010	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126978/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00117

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4393/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 16/7/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**

226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP (VN)**

Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng 3 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng trong danh sách dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn

1	VINACOMIN	151763	09/09/2010	11/03/2029
2	V VINACOMIN, hình	183600	23/04/2012	16/06/2031
3	VINACOMIN	214958	11/11/2013	17/10/2032

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng .

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126977/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00116

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4392/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 16/7/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**

226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP (VN)**

Số 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 185247, cấp ngày 21/05/2012.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TKV	185247	21/05/2012	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Điều 5 hợp đồng.

Quyết định số: 126976/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00115

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4391/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/6/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**

226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN (VN)**

Phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 151763, cấp ngày 09/09/2010.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VINACOMIN	151763	09/09/2010	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126975/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00114

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4390/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.
Ngày ký:	10/6/2024.
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 10 trang bằng tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.
Dạng hợp đồng:	Không độc quyền.
Bên chuyển quyền:	**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)** 226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Bên nhận chuyển quyền:	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÔM LÂM ĐỒNG - TKV (VN)** Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 151763, cấp ngày 09/09/2010.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VINACOMIN	151763	09/09/2010	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126973/QĐ-SHTT.IP, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00113

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4389/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/6/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**

226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÔM LÂM ĐỒNG - TKV (VN)**

Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 185247, cấp ngày 21/05/2012.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TKV	185247	21/05/2012	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126986/QĐ-SHTT.IP, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00123

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4399/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/6/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**

226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **BỆNH VIỆN THAN - KHOÁNG SẢN (VN)**

Ngõ 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 151763, cấp ngày 09/09/2010.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VINACOMIN	151763	09/09/2010	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126984/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00121

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4397/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 16/7/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**
226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP (VN)**
Số 193, đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 185247, cấp ngày 21/05/2012.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TKV	185247	21/05/2012	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Điều 5 hợp đồng.

Quyết định số: 126987/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00126

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4402/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/6/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**
226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV (VN)**
Tổ 1, khu 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 185247, cấp ngày 21/05/2012.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TKV	185247	21/05/2012	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Điều 5 hợp đồng.

Quyết định số: 126985/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00122

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4398/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 16/7/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**
226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP (VN)**
Số 193, đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng 3 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng trong danh sách dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VINACOMIN	151763	09/09/2010	11/03/2029
2	V VINACOMIN, hình	183600	23/04/2012	16/06/2031
3	VINACOMIN	214958	11/11/2013	17/10/2032

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126988/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00127

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4403/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 10/6/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 9 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**
226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**
Số 8, Chu Văn An, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đã đăng ký nhãn hiệu số 185247, cấp ngày 21/05/2012.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TKV	185247	21/05/2012	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126989/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00128

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4402/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 12/5/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 8 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 2 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**
226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, KHOÁNG SẢN VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN (VN)**
Tầng 10, tòa nhà MICCO TOWER ngõ 1 số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng 2 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng trong danh sách dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VINACOMIN	151763	09/09/2010	11/03/2029
2	VINACOMIN	214958	11/11/2013	17/10/2032

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 12/5/2026.

Giá chuyển quyền: Điều 5 hợp đồng.

Quyết định số: 126992/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00132

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4405/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 16/7/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**

226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV - CTCP (VN)**

Số 78 tầng 2 tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng 3 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng trong danh sách dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VINACOMIN	151763	09/09/2010	11/03/2029
2	V VINACOMIN, hình	183600	23/04/2012	16/06/2031
3	VINACOMIN	214958	11/11/2013	17/10/2032

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng .

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 126991/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00131

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4404/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 16/7/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)**

226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV - CTCP (VN)**

Số 78 tầng 2 tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 185247, cấp ngày 21/05/2012.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TKV	185247	21/05/2012	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Điều 5 hợp đồng.

Quyết định số: 126990/QĐ-SHTT.IP, ngày 03/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00129

Ngày nộp đơn: 01/10/2024

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4403/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.
Ngày ký:	16/7/2024.
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 10 trang bằng Tiếng Việt, trong đó có 4 trang Phụ lục.
Dạng hợp đồng:	Không độc quyền.
Bên chuyển quyền:	**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (VN)** 226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Bên nhận chuyển quyền:	**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV (VN)** Số nhà 30B, phố Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 185247, cấp ngày 21/05/2012.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TKV	185247	21/05/2012	11/03/2029

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng 11/3/2029.

Giá chuyển quyền: Điều 5 hợp đồng.

Quyết định số: 144508/QĐ-SHTT.IP, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00001

Ngày nộp đơn: 02/01/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: 13/01/2025

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU BẢO AN (VN)

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4410/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/01/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Việt

Dạng hợp đồng: Độc quyền.

Bên chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH HOPO QUỐC TẾ (VN)**

Số nhà 177, tổ 5, đường Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU BẢO AN (VN)**

Số nhà 177, tổ 5, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 308181, cấp ngày 15/11/2018.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HOPO	308181	15/11/2018	06/04/2026

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng .

Giá chuyển quyền: 5.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 144505/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2023-00045

Ngày nộp đơn: 26/7/2023, ngày sửa đổi, bổ sung: 25/4/2025

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PT MEKONG (VN)

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4408/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng li xăng.

Ngày ký: 20/7/2023.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 8 trang bằng Tiếng Việt

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN PHƯỚC THẠNH (VN)**
Lô D05, khu công nghiệp Đức Hòa 1- Hạnh Phúc, ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PT MEKONG (VN)**
Lô L3, đường số 02, KCN Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 452262, cấp ngày 27/04/2023.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	nanoco, hình	452262	27/04/2023	14/09/2030

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng .

Giá chuyển quyền: 50.000.000 VNĐ.

Quyết định số: 144504/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2023-00075

Ngày nộp đơn: 11/9/2023, ngày sửa đổi, bổ sung: lần cuối cùng 31/3/2025

Chủ đơn: TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH SIPCO

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4407/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 20/3/2023.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG (VN)**
Số 63, đường Lê Văn Lương, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM (VN)**
Số 20 Cộng Hoà, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 174940, cấp ngày 07/11/2011.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	319 C, hình	174940	07/11/2011	05/03/2030

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng .

Giá chuyển quyền: Điều 4 hợp đồng.

Quyết định số: 144507/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2023-00051

Ngày nộp đơn: 10/8/2023, ngày sửa đổi, bổ sung: 25/04/2025

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NANOCO VINH (VN)

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4408/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng li- xăng.

Ngày ký: 08/8/2023.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 8 trang bằng Tiếng Việt

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN PHƯỚC THẠNH (VN)**

Lô D05, Khu công nghiệp Đức Hòa 1 - Hạnh Phúc, ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NANOCO VINH (VN)**

Số 8, đường số 03, KCN Vsip, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 452262, cấp ngày 27/04/2023.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	nanoco, hình	452262	27/04/2023	14/09/2030

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng .

Giá chuyển quyền: 50.000.000 đồng/năm.

Quyết định số: 144513/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00077

Ngày nộp đơn: 01/7/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: lần cuối cùng 06/6/2025

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH CKL (VIỆT NAM) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4414/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 25/6/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng Tiếng Anh

Dạng hợp đồng: Độc quyền.

Bên chuyển quyền: **CHIA KHIM LEE FOOD INDUSTRIES PTE. LTD. (SG)**
119 Defu Lane 10, Singapore 539230

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH CKL (VIỆT NAM) (VN)**
Lô CN5, đường số 1, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng 4 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng trong danh sách dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ICEBERG	7868	23/03/1993	29/12/2032
2	SAGIKO	7869	23/03/1993	29/12/2032
3	KINGS' CHOICE	7870	23/03/1993	29/12/2032
4	GOLD COW, hình	33600	23/03/2000	17/01/2027

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 144509/QĐ-SHTT.IP, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00069

Ngày nộp đơn: 30/5/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: 26/05/2025

Chủ đơn: TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM (VN)

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4411/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu thuốc lá VINATABA DEMI SLIMS và hình.

Ngày ký: 22/4/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM (VN)**
Số 30, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ SÀI GÒN (VN)**
Đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 337253, cấp ngày 19/11/2019.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	vinataba DEMI SLIMS VIRGINIA BLEND V, hình	337253	19/11/2019	20/06/2027

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 144512/QĐ-SHTT.IP, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00074

Ngày nộp đơn: 13/6/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: lần cuối cùng 112/5/2025

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NGUYÊN XƯƠNG THỊNH (VN)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư D và T

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4413/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng li xăng.

Ngày ký: 11/6/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 3 trang bằng tiếng Việt

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGUYÊN XƯƠNG THỊNH (VN)**

21A-21 A1 Luỹ Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NGUYÊN XƯƠNG THỊNH (VN)**

Lô MD 1+2 khu công nghiệp Đức Hòa 1, ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 254604, cấp ngày 18/11/2015.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Nguyên Xương Thịnh	254604	18/11/2015	04/07/2034

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 144511/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00072

Ngày nộp đơn: 03/6/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: 27/05/2025

Chủ đơn: SHIMANO INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4412/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng.

Ngày ký: 01/5/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Anh, trong đó có 1 trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển quyền: **SHIMANO INC. (JP)**
3-77 Oimatsu-cho, Sakai-ku, Sakai City, Osaka, Japan
Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH GREAT LONGVIEW VIỆT NAM (VN)**
Số 09, đường 02, khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng 2 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng trong danh sách dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SHIMANO	43283	19/09/2002	03/08/2031
2	SHIMANO	228499	21/07/2014	08/02/2033

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng .

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 144514/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00078

Ngày nộp đơn: 02/7/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: lần cuối cùng 03/7/2025

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SƠN U.R. URAI (VIỆT NAM) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4415/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.
Ngày ký: 18/5/2024.
Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt
Dạng hợp đồng: Không độc quyền.
Bên chuyển quyền: **URAI PHANICH CO., LTD. (TH)**
54/1 Soi Sathorn 11, Yak 3, South Sathorn Road, Yannawa, Sathorn, Bangkok 10120, Thailand
Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH SƠN U.R. URAI (VIỆT NAM) (VN)**
Lô CN - 6, cụm công nghiệp Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng 2 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng trong danh sách dưới đây:

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TRACTOR, hình	17801	24/08/1995	27/12/2034
2	ATM CLASSIC	22506	02/10/1996	11/11/2034

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng .

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 144517/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00136

Ngày nộp đơn: 04/10/2024

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN FUJISAN VIỆT NAM (VN)

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4417/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 02/01/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 5 trang bằng Tiếng Việt

Dạng hợp đồng: Độc quyền.

Bên chuyển quyền: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77 (VN)**
Thôn Đồng Mười, xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY CỔ PHẦN FUJISAN VIỆT NAM (VN)**
Tầng 2, toà Detech, số 8 Tôn Thất Thuyết, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 348331, cấp ngày 25/03/2020.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Công Ty CP Thành An 77 Xi Măng Quốc Phòng 77, hình	348331	25/03/2020	17/07/2027

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng.

Giá chuyển quyền: Miễn phí.

Quyết định số: 144516/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 22/07/2025 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Số đơn: LX4-2024-00111

Ngày nộp đơn: 30/9/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ ĐẦU TƯ TV (VN)

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4416/ĐKHĐSD đối với hợp đồng sau đây:

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 26/3/2024.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 4 trang bằng Tiếng Việt

Dạng hợp đồng: Độc quyền.

Bên chuyển quyền: **MEDEXPORT ITALIA (IT)**

Via Alcide De Gasperi 35, 00165 Rome, Italy

Bên nhận chuyển quyền: **CÔNG TY TNHH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ ĐẦU TƯ TV (VN)**

Số 72 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng Nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận dã đăng ký nhãn hiệu số 447189, cấp ngày 14/03/2023.

TT	Tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	IALUXID GEL	447189	14/03/2023	23/10/2030

Phạm vi chuyển quyền: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày ký Quyết định này đến ngày tương ứng.

Giá chuyển quyền: 2.500 EUR (hai nghìn năm trăm Euro).

---

b - Sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Quyết định số: 137901/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: SĐLX-2024-00010

Ngày nộp đơn: 11/07/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: lần cuối cùng 29/5/2025

Chủ đơn: GR VIETNAM INTERNATIONAL LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 1703 */ĐKHĐSD*

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1703/ĐKHĐSD, cấp ngày 15/9/2008 như sau:

Nội dung sửa đổi:

Địa chỉ của bên nhận chuyển quyền được sửa thành:

11/F Golden Resources Centre, 2-12 Cheung Tat Road, Tsing Yi Island, New Territories, Hong Kong.

Quyết định số: 137904/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: SĐLX4-2024-00018

Ngày nộp đơn: 08/10/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: 28/4/2025

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BC CONCEPT (VN)

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 3595/ĐKHĐSD

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 3595/ĐKHĐSD, cấp ngày 30/01/2019:

Nội dung sửa đổi:

Địa chỉ của bên nhận chuyển quyền được sửa thành:

Tầng 2 tòa nhà EBM, số 683-685 Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số: 137905/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: SĐLX-2024-00011

Ngày nộp đơn: 11/07/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: lần cuối cùng 29/5/2025

Chủ đơn: GR VIETNAM INTERNATIONAL LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 1819 */ĐKHĐSD*

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1819/ĐKHĐSD, cấp ngày 06/02/2009 như sau:

Nội dung sửa đổi:

Địa chỉ của bên chuyển quyền được sửa thành:

11/F Golden Resources Centre, 2-12 Cheung Tat Road, Tsing Yi Island, New Territories, Hong Kong

---

Quyết định số: 137907/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: SĐLX-2024-00007

Ngày nộp đơn: 07/05/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TIẾN PHÁT (VN)

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 2306/ĐKHĐSD

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2306/ĐKHĐSD, cấp ngày 15/6/2012:

Nội dung sửa đổi:

Địa chỉ của bên chuyển quyền được sửa thành:

Số 603 đường Phúc Diễn, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ của bên nhận chuyển quyền được sửa thành:

Số nhà 165F, phố Phùng Hưng, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Quyết định số: 137908/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: SĐLX4-2024-00019

Ngày nộp đơn: 22/10/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH MTV SO BELGIUM VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 4293/ĐKHĐSD

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 4293/ĐKHĐSD, cấp ngày 30/8/2024.

Nội dung sửa đổi:

Địa chỉ của bên nhận chuyển quyền được sửa thành:

Đường 11, khu phố 11, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều khoản về giá chuyển quyền nêu tại Điều 6 cuả Hợp đồng sẽ được sửa đổi, bổ sung như nêu tại Hợp đồng li-xăng thứ cấp nhãn hiệu - điều chỉnh lần 1 ký ngày 25/5/2024.

(Nội dung sửa đổi trên đây có hiệu lực kể từ ngày 25/5/2024 (ngày ký bản điều chỉnh lần 1).

c - ***Gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp***

Quyết định số: 136631/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 14/07/2025 về việc gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: GHLX-2024-00027

Ngày nộp đơn: 26/06/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: lần cuối cùng 29/5/2025

Chủ đơn: CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ VIPATCO

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 3284*/ĐKHĐSD*

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận gia hạn hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 3284/ĐKHĐSD, cấp ngày 31/05/2017 đối với nhãn hiệu "MAGIC" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 15927 đến ngày 26/7/2034.

Quyết định số: 137902/QĐ-SHTT.$_{IP}$, ngày 15/07/2025 về việc gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: GHLX-2024-00036

Ngày nộp đơn: 11/07/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: 29/5/2025

Chủ đơn: GR VIETNAM INTERNATIONAL LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 1703*/ĐKHĐSD*

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận gia hạn hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1703/ĐKHĐSD, cấp ngày 15/9/2008 đối với nhãn hiệu "CIRCLE K, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 16109 đến ngày 02/05/2033.

Quyết định số: 137903/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: GHLX-2023-00038

Ngày nộp đơn: 22/08/2023, ngày sửa đổi, bổ sung: 20/8/2024

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BC CONCEPT (VN)

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 3595/ĐKHĐSD

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận gia hạn hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 3595/ĐKHĐSD, cấp ngày 30/01/2019 đến ngày 24/9/2033.

Quyết định số: 137906/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: GHLX-2024-00037

Ngày nộp đơn: 11/07/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: 29/5/2025

Chủ đơn: GR VIETNAM INTERNATIONAL LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 1819*/ĐKHĐSD*

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận gia hạn hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1819/ĐKHĐSD, cấp ngày 06/02/2009 đối với nhãn hiệu "CIRCLE K, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 16109 đến ngày 29/04/2033.

Quyết định số: 137909/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: GHLX-2024-00039

Ngày nộp đơn: 12/08/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: lần cuối cùng 02/6/2025

Chủ đơn: HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công

nghiệp số: 473*/ĐKHĐSD*

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận gia hạn hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 473/ĐKHĐLX, cấp ngày 29/3/2006 đối với nhãn hiệu "SALONPAS" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 70986 đến ngày 06/10/2034.

Quyết định số: 137910/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: GHLX4-2024-00040

Ngày nộp đơn: 09/09/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: 22/05/2025

Chủ đơn: FEDERAL EXPRESS CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 2544 */ĐKHĐSD*

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận gia hạn hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2544/ĐKHĐSD, cấp ngày 23/12/2013 đối với các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) Danh sách kèm theo.

TT (1)	Tên đối tượng (2)	Số VBBH (3)	Ngày cấp (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	FEDEX FEDERAL EXPRESS	16605	29/04/1995	01/10/2034
2	THE WORLD ON TIME	16714	17/05/1995	11/10/2034

Quyết định số: 137911/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: GHLX4-2024-00043

Ngày nộp đơn: 17/09/2024

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH CHRISTIAN DIOR VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 2498*/ĐKHĐSD*

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận gia hạn hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2498/ĐKHĐSD, cấp ngày 15/8/2013 đối với các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Đăng ký quốc tế nhãn hiệu được liệt kê tại Danh sách kèm theo đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5).

TT (1)	Tên đối tượng (2)	Số VBBH (3)	Ngày cấp (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	CHRISTIAN DIOR	134476	26/01/1948	25/09/2027
2	Christian Dior	313175	13/05/1966	13/05/2026
3	DIOR	313176	13/05/1966	13/05/2026
4	Christian Dior	317876	28/07/1966	28/07/2026
5	Dior	317877	28/07/1966	28/07/2026
6	BABY DIOR	341126	15/12/1967	25/09/2027
7	Christian Dior	357347	20/06/1969	25/09/2027
8	Christian Dior BOUTIQUE	376359	25/03/1971	25/09/2027
9	Christian Dior, hình	386190	27/01/1972	25/09/2027
10	Christian Dior	491916	18/03/1985	25/09/2027
11	Hình	542843	21/08/1989	25/09/2027
12	Christian Dior	635701	14/04/1995	25/09/2027
13	Dior	682127	29/10/1997	25/09/2027
14	Dior	811074	24/06/2003	25/09/2027
15	Dior	951058	24/08/2007	24/08/2027
16	Dior	991522	13/06/2008	25/09/2027

Quyết định số: 146383/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: GHLX4-2024-00041

Ngày nộp đơn: 09/09/2024

Chủ đơn: HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 1077*/ĐKHĐSD*

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận gia hạn hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1077/ĐKHĐLX, cấp ngày 30/11/2004 đối với nhãn hiệu "SALONSIP GEL-PATCH" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 71438 đến ngày 01/11/2034.

Quyết định số: 146384/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: GHLX4-2024-00045

Ngày nộp đơn: 08/10/2024

Chủ đơn: HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 1077*/ĐKHĐSD*

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận gia hạn hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số số 1077/ĐKHĐLX, cấp ngày 29/7/1995 đối với nhãn hiệu "SALONSIP" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 17461 đến ngày 09/12/2034.

---

d ***- Cấp lại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp***

Quyết định số: 101507/QĐ-SHTT.IP, ngày 09/06/2025 về việc cấp lại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: RBLX-2024-00002

Ngày nộp đơn: 09/04/2024

Chủ đơn: ALTICOR INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2830/ĐKHĐSD, cấp ngày 15/5/2015.

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 2830/ĐKHĐSD, cấp ngày 15/5/2015.

(Cấp lại lần thứ: 01).

Quyết định số: 137912/QĐ-SHTT.IP, ngày 15/07/2025 về việc cấp lại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: RBLX-2024-00003

Ngày nộp đơn: 11/07/2024

Chủ đơn: GR VIETNAM INTERNATIONAL LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1703/ĐKHĐSD, cấp ngày 15/9/2008.

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1703/ĐKHĐSD, cấp ngày 15/9/2008.

(Cấp lại lần thứ: 02).

---

e - Chấm dứt hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Quyết định số: 146382/QĐ-SHTT.IP, ngày 24/07/2025 về việc chấm dứt hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn: ĐCLX-2024-00003

Ngày nộp đơn: 04/07/2024, ngày sửa đổi, bổ sung: 28/4/2025

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số: 3524/ĐKHĐSD

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.

Ghi nhận chấm dứt hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 3524/ĐKHĐSD, cấp ngày 29/01/2018 đối với nhãn hiệu "STRONGBOW" đang được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 722450 kể từ ngày 01/05/2024.

PHẦN V

ĐÍNH CHÍNH

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ YÊU CẦU	SỐ ĐƠN/BẰNG LIÊN QUAN
1	2878/SHTT-SCVB	29/07/2025	CN.7011.23.NH.CV.503	4-247681

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Số: 2878 /SHTT-SCVB

V/v sửa chữa thiếu sót trong VBBH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP
Tầng 5, tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Phúc đáp Công văn số CN.7011.23.NH.CV.503 nộp ngày 30/06/2023 của người nộp đơn yêu cầu sửa chữa thiếu sót thông tin về địa chỉ của chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 247681 cấp ngày 07/07/2015, Cục Sở hữu trí tuệ đã xem xét và chấp nhận yêu cầu sửa chữa thiếu sót.

Cụ thể, thông tin về địa chỉ của chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 247681 được cấp theo Quyết định số 39966/QĐ-SHTT ngày 07/07/2015 của Cục Sở hữu trí tuệ được sửa đổi như sau:

Thông tin cũ: 125/11 Âu Dương Lân, *phường 12*, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin sửa đổi: 125/11 Âu Dương Lân, *phường 2*, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

Ghi nhận nội dung sửa đổi này vào bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Sổ Đăng ký quốc gia về nhãn hiệu và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HS.

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Trần Lê Hồng

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Do Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ ấn hành theo Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và được sửa đổi bằng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009.

Địa chỉ liên hệ:

384-386 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024. 38583069
Fax: 024. 38588449